**MỤC LỤC BỘ TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI VĂN 8**

**(Dùng chung cả ba bộ sách 608 trang)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **1** | **PHẦN 1:**  **CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC.** | **1- 26** |
| **2** | **CHUYÊN ĐỀ 2: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  **- Dạng 1: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí.**  **- Dạng 2: Nghị luận về một hiện tượng đời sống.**  **- Dạng 3: Nghị luận về một vấn đề đặt ra trong một câu chuyện hoặc một tác phẩm.**  **- Dạng 4: Dạng đề kết hợp hai mặt tốt xấu của một vấn đề.**  **- Dạng 5: Dạng đề mang tính đối thoại, bộc lộ suy nghĩ riêng về vấn đề được đặt ra.**  **(28 đề nghị luận về một vấn đề, tư tưởng đạo lí)**  **(16 đề nghị luận về câu chuyện)**  **10 đề nghị luận về bức tranh** | **26-46**  **47-99**  **100 – 127**  **128 – 158** |
| **3** | **PHẦN 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**  **CHUYÊN ĐỀ 3: PHÂN TÍCH CÁC TÁC PHẨM THƠ THẤT NGÔN**  **(Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường Luật (9 đề dạng lí luận văn học)**  **- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt (6 đề)** | **159 - 194**  **193- 205** |
| **4** | **CHUYÊN ĐỀ 4: THƠ TRÀO PHÚNG (5 đề)** | **206 - 225** |
| **5** | **CHUYÊN ĐỀ 5: THƠ TỰ DO (6 đề đậm chất lí luận văn học)** | **226 - 243** |
| **6** | **CHUYÊN ĐỀ 6: THƠ 6 CHỮ, BẢY CHỮ (6 đề dạng Lí luận văn học)** | **244- 263** |
| **7** | **CHUYÊN ĐỀ 7: TRUYỆN NGẮN ( 21 đề dạng lí luận văn học)** | **264 - 313** |
| **8** | **CHUYÊN ĐỀ 8: NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI (10 đề)**  **(10 ĐỀ)** | **314 - 331** |
| **9** | **PHẦN 3: GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ THI**  **- 31 đề thi hai câu hỏi kết hợp (Nghị luận xã hôi + NLVH dạng LLVH)**  **- 23 đề thi hsg văn 8 theo cấu trúc mới ( 8 câu trắc nghiệm, kết hợp 2 câu tự luận và phần viết)** | **332 – 481**  **482 - 608** |

|  |
| --- |
| **BỘ TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HSG VĂN 8**      (Dùng chung cả ba bộ sách phù hợp với chương trình giáo dục 2018) |

**CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC**

**I. KHÁI NIỆM VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC**

Lý luận văn học là bộ môn nghiên cứu văn học ở bình diện lí thuyết khái quát nhằm tìm ra những quy luật chung nhất về văn học. Trong đó bao gồm sự nghiên cứu bản chất của sáng tác văn học, chức năng xã hội-thẩm mỹ của văn học, đồng thời xác định phương pháp lý luận và phân tích văn học.

**II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA LÍ LUẬN VĂN HỌC**

**Lý luận văn học có vai trò quan trọng bởi lý luận văn học giúp:**

**Thứ nhất: Xác định bản chất, các loại và thể của văn chương**

Lý luận văn học trả lời cho những câu hỏi liên quan đến văn chương: Chỉ ra nguyên tắc hình thành và phát triển của văn chương, mục đích, tác dụng của văn chương…

Văn chương rất phong phú. Không phải tùy tiện, tùy hứng mà các tác phẩm được sáng tác đều có những nguyên tắc, có căn cứ rõ ràng, cụ thể. Sẽ được gom thành những nhóm có cùng loại, cùng phương pháp nhất định.

**1. Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống.**

Grandi từng khẳng định: *“Không có nghệ thuật nào là không hiện thực”.* Cuộc sống la nơi bắt đầu và là nơi đi tới của văn chương. Hơn bất cứ một loại hình nghệ thuật nào, văn học gắn chặt với hiện thực đời sống và hút mật ngọt từ nguồn sống dồi dào đó. Ai đó đã từng ví văn học như thần Ăng Tê và đất mẹ. Cũng nhơ văn học chỉ cường tráng và dung mãnh khi gắn liền với hiện thực đời sống. Đầu tiên và trên hết văn học đòi hỏi văn học đòi hỏi tác phẩm nghệ thuật chân chính.

Hiện thực xã hội là mảnh đất sống của văn chương, là chất mật làm nên tính chân thực, tính tự nhiên, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. Một tác phẩm có giá trị hiện thực baọ giờ cũng giúp người ta nhận thức được tính quy luật của hiện thực và chân lý đời sống.

Những tác phẩm kinh điển bao giờ chở đi được những tư tưởng lớn của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống. Cánh diều văn học dù bay cao bay xa đến đâu vẫn gắn với mảnh đất cuộc sống bằng sợi dây hiện thực mỏng manh mà vồ cùng bền chắc.

Lê Quý Đôn từng nói: *“Trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có cảnh núi sông kì lạ của thiên hạ thì không thể làm thơ được”* chính là khẳng định vai trò của cuộc sống đối với thơ ca nói riêng và văn học nói chung. Nếu văn chương tách khỏi dòng chảy cuộc đời sẽ không thể vươn tới giá trị đích thực của nó, không còn nghệ thuật vị nhân sinh nữa. Nhà thư Chế Lan viên từng thấm thía vẫn đề này:

*“Tôi đóng cửa phòng văn hì hục viết*

*Nắng trôi đi oan uổng biết bao ngày”*

*(Chế Lan Viên)*

Văn chương của người nghệ sĩ sẽ có gì nếu nó không mang dáng dấp cuộc đời? Có chăng chỉ là những dòng chữ rời rạc bị bẻ vụn mà thôi. Song có phải người nghệ sĩ phản ánh toàn bộ những biến đổi, những sự việc của nhân tình thế thái vào tác phẩm thì tác phẩm sẽ trở thành kiệt tác? Thành tác phẩm chân chính giữa cuộc đời? [*“Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó” (Belinxky).*](https://theki.vn/nghi-luan-tac-pham-nghe-thuat-se-chet-neu-no-mieu-ta-cuo%cc%a3c-song-chi-de-mieu-ta-neu-no-khong-phai-la-tieng-thet-kho-dau-hay-loi-ca-tu/)

**2. Văn chương cần phải có sự sáng tạo.**

Tác phẩm văn học là tấm gương soi chiếu hiện thực cuộc sống nhưng phải qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Chính vì vậy, hiện thực trong tác phẩm còn thực hơn hiện thực ngoài đời sống vì nó đã được nhào nặn qua bàn tay nghệ thuật của người nghệ sĩ, được thổi vào đó không chỉ hơi thở của thời đại mà cả sức sống tư tưởng và tâm hồn người viết. Hiện thực đời sống không phải chỉ là những hiện tượng, những sự kiện nằm thẳng đơ trên trang giấy mà phải hòa tan vào trong câu chữ, trở thành máu thịt của tác phẩm. Chất hiện thực làm nên sức sống cho tác phẩm và chính tài năng người nghệ sĩ đã bất tử hóa sức sống ấy.

Ví dụ: Cùng viết về số phận, cảnh người nông dân trước cách mạng tháng Tám nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Kim Lân, Nam Cao… đều có những cách nhìn, cách khám phá khác nhau:

- Ngô Tất Tố đi sâu vào phản ánh nỗi thống khổ của những người nông dân nghèo trước nạn sưu thuế.

- Nguyễn Công Hoan khai thác nạn cướp ruộng đất.

- Vũ Trọng Phụng nhìn thấy nỗi khổ của người dân bởi nạn vỡ đê.

- Kim Lân đau đớn trước thảm cảnh nạn đói 1945 - hậu quả của chế độ thực dân phát xít.

- Nam Cao - sâu sắc và lạnh lùng khi khám phá ra con đường tha hóa về nhân hình nhân tính của người nông dân. Tác phẩm của Nam Cao là tiếng chuông: hãy cứu lấv con người. Nam Cao là nhà văn có cái nhìn sắc bén về hiện thực xã hội.

Trong sáng tạo văn học, nhà văn luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi văn học không chỉ phản ánh đời sống mà còn biểu hiện thế giới quan của nhà văn: “*Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tất cả những gì hiện diện trong sáng tác của nhà văn dường như đều được lọc qua lăng kính chủ quan của họ”.*

**Thứ hai: Làm rõ chức năng thẩm mỹ của văn chương**

Bất kỳ một hoạt động sáng tạo nào của con người cũng có thước đo thẩm mĩ. Chính vì vậy, Lý luận văn học được sinh ra chiếm lĩnh các giá trị thẩm mĩ của thế giới và tạo ra cho thế giới các giá trị thẩm mĩ mới.

Văn học đem đến cho con người những cảm nhận chân thực, sâu sắc và tinh tế nhất. Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp.  Cụ thể:

- Văn học mang đến cho con người vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời (vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người...)

- Miêu tả, thể hiện cái đẹp của con người từ ngoại hình đến thế giới nội tâm phong phú tinh tế bên trong.

- Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật tác phẩm: Kết cấu, ngôn từ chặt chẽ, mới mẻ, độc đáo.

**Thứ ba: Nhận diện quy luật phản ánh hiện thực và đặc trưng của quy luật ấy**

Chức năng này của lý luận văn học trả lời cho các câu hỏi như: Văn học và đời sống có quan hệ như thế nào? Những đặc trưng đó được thể hiện ra sao? Văn học phản ánh hiện thực như thế nào?…

**Thứ tư: Nguyên tắc xây dựng hình tượng và điển hình**

Yếu tố hình tượng khẳng định thành công của một tác phẩm văn chương. Biểu hiện tính nghệ thuật, phản ánh đời sống hiện thực, tạo nên những nét đặc trưng riêng của tác phẩm

**Thứ năm: Xác định phương pháp sáng tác, phân tích tác phẩm**

Với vai trò này giúp định hướng được phân tích tác phẩm là làm gì? Căn cứ vào điều gì để phân tích tác phẩm?

Lý luận văn học chỉ ra những nguyên tắc tư tưởng - nghệ thuật bao quát của mối quan hệ giữa nghệ sĩ và thực tại đời sống trong quá trình xây dựng hình tượng, nội dung và nghệ thuật.

## III. ****MỐI QUAN HỆ GIỮA LÍ LUẬN VĂN HỌC VỚI CÁC NGÀNH NGHIÊN CỨU VĂN HỌC KHÁC****cứu vhác

**Thứ nhất: Lý luận văn học với Lịch sử văn học**

Giữa lý luận văn học và lịch sử văn học có mối quan hệ mật thiết. Cả hai đều có cùng đối tượng là văn chương. Một bên sẽ nghiên cứu phương diện cấu trúc của văn chương, một bên khác nghiên cứu phương diện sinh thành của văn chương. Nhưng chúng quan hệ qua lại. Không có cái này thì sẽ không có cái kia và ngược lại. Cái này sẽ làm tiền đề cho cái kia và ngược lại. Nghĩa là nếu không có quá trình phát triển của văn chương thì cũng không thể có quy luật và đặc trưng chung của văn chương. Mặt khác, nếu không thấy được đặc trưng, quy luật chung thì cũng không chỉ ra được quá trình phát triển của  văn chương.

**Thứ hai: Lý luận văn học với Phê bình văn học**

Phê bình văn học, lịch sử văn học đề cập tới những hiện tượng cụ thể, lý luận văn học nghiên cứu những quy luật chung nhất. Cho nên, phê bình văn học và lịch sử văn học sẽ cung cấp những nhận định khái quát cho lý luận văn học. Ngược lại lý luận văn học được xem như là bộ môn triết học cụ thể của văn chương. Nghĩa là nó cung cấp quan điểm, kiến thức cho phê bình văn học. Cũng trên ý nghĩa ấy, về cơ bản, lý luận văn học được xem như là môn phương pháp của phê bình văn học và lịch sử văn học.

**Thứ ba:  Lý luận văn học và Phương pháp luận nghiên cứu văn học**

Nghiên cứu văn học là một khoa học. Ðã là khoa học thì không thể có phương pháp. Nếu không có phương pháp thì không thể có khoa học. Vì, phương pháp là con đường dẫn đến kiến thức. Nhưng giữa nhà khoa học xã hội và nhà khoa học tự nhiên, con đường dẫn đến kiến thức ấy là không giống nhau, mà là, có tính đặc thù. Hệ thống lý luận những phương pháp nghiên cứu văn chương sẽ mở đường cho các nhà nghiên cứu văn học nhanh chóng tiếp cận với chân trời khoa học.

So với lý luận văn học, phê bình văn học, lịch sử văn học… thì phương pháp luận là khoa học của khoa học. Hay nói cách khác nó là loại siêu khoa học.

Các khoa học: lý luận văn học, lịch sử văn học, phê bình văn học… có phương pháp luận của mình. Ðó là, phương pháp luận lí văn học, phương pháp luận lịch sử văn học, phương pháp luận phê bình văn học…Ðó cũng là tất cả lí do vì sao lý luận văn học là một bộ môn khó, trừu tượng, rất mới đối với học sinh phổ thông nhưng lại được bố trí vào học ngay đầu năm thứ nhất.

**Thứ tư: Lý luận văn học với Mĩ học**

So với mĩ học, lý luận văn học chỉ là một ngành của khoa nghiên cứu một loại nghệ thuật. Mĩ học là khoa học phương pháp luận của lí luân văn học. Mĩ học sẽ trang bị cho người nghiên cứu văn chương nói chung và lý luận văn học nói riêng những cơ sở lý luận, những tiêu chí thẩm mĩ, sự định hướng cho lý luận văn học.

Một trong những vấn đề của lý luận văn học là lí giải về hình tượng văn chương. Muốn lí giải được điều này, lí luân văn học phải xem mĩ học đã giải quyết vấn đề hình tượng nghệ thuật như thế nào, rồi dựa vào đó mà lí giải hình tượng văn chương.

**Thứ năm: Lý luận văn học với Ngôn ngữ học**

Ngôn ngữ học nghiên cứu mọi hoạt động ngôn từ của con người để xác định đặc điểm và quy luật của các ngôn ngữ dân tộc. Đối tượng của ngôn ngữ học là ngôn ngữ của dân tộc nói chung. Trong lúc đó đối tượng của lí luân văn học là văn chương nghệ thuật. Lý luận văn học có đề cập đến vấn đề ngôn ngữ, nhưng là ngôn ngữ văn chương nghệ thuật, với tư cách là chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật. Hơn nữa, ngôn ngữ đối với lý luận văn học chỉ là một trong các phương diện của hình thức nghệ thuật.

Trên đây là một vài nội dung liên quan đến ***lý luận văn học là gì?***chúng tôi muốn gửi tới Quý độc giả. Bài viết không tránh khỏi những hạn chế, do đó, rất mong nhận được những thông tin chia sẻ, đóng góp từ Quý độc giả.

**IV. CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC**

Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người. Gorki nói: *“Văn học là nhân học”.* Nguyễn Minh Châu thì cho rằng: “*Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm và tâm điểm là con người”.*

Tuy vậy, cái mà văn học quan tâm, không phải chỉ đơn thuần là con người xét về phương cái văn học quan tâm chính là tư cách xã hội của con người. Marx từng nói: *“Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”.* Nếu ngành sinh học nghiên cứu về giải phẫu con người, nghiên cứu về tế bào con người, nói chung là nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, thì văn học nghiên cứu con người trên phương diện xã hội, qua việc đặt con người trong một bối cảnh xã hội, thông qua những mối quan hệ để khám phá bản chất tâm hồn con người cũng như phát hiện ra những vấn đề mang tính khái quát, cấp thiết về con người, về cuộc đời.

Vậy đâu là điểm khác biệt giữa văn học với lịch sử, triết học, xã hội học, những ngành khoa học khác cũng nghiên cứu con người trên phương diện xã hội? Thời xưa từng có quan điểm “văn, sử, triết” bất phân, đúng như vậy, trong một vài thời kì, sự phân biệt giữa văn học, lịch sử, và triết học rất khó phân định. Văn học phải thể hiện đời sống, tức văn học phải gắn với lịch sử. Đỉnh của một tác phẩm văn học chính là tính tư tưởng, là bức thông điệp của nhà văn với các vấn đề về con người, cuộc đời, vậy văn học gắn với triết học.

Nhưng văn học vẫn có một đặc điểm riêng biệt: Văn học phản ánh con người trên phương diện thẩm mỹ. Một nhà phê bình từng nhận định: “*Tác phẩm nghệ thuật chân chính là tác phẩm tôn vinh con người”.* Dovtoepxki từng nói: “*Cái đẹp cứu chuộc thế giới”.* Sự khu biệt rõ ràng nhất giữa văn học và lịch sử, triết học chính là cái nhìn con người trên phương diện của cái đẹp.

Lịch sử loại trừ cái nhìn chủ quan, triết học chỉ quan tâm đến những vấn đề cốt lõi, còn văn học, sự phản ánh nhất thiết phải gắn với cái đẹp. Ngay cả khi miêu tả một tên trộm, một cái gì đó xấu xa, giả dối, thì văn học vẫn đi theo cây kim của la bàn mang tên cái đẹp, mục đích cuối cùng, mục đích cốt lõi của văn học vẫn là hướng con người đến cái đẹp, đến những giá trị chân thiện, mỹ. Văn học không thể không phản ánh cái xấu xa, cái giá dối, cái bất nhân, nhưng mục đích vẫn phải là để tôn vinh cái đẹp, ca ngợi cái đẹp; phê phán, tố cáo, lên án cái xấu, cái ác để người đọc thêm trân trọng cái tốt, cái đẹp.

**1. Con người- đối tượng phản ánh của văn học**

**Thứ nhất,** văn học nhận thức toàn bộ quan hệ của thế giới con người, đã đặt con người vào vị trí trung tâm của các mối quan hệ.  *“Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người”* (Nguyễn Minh Châu) - tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học, chính vì vậy vòng tròn văn học và vòng tròn hiện thực phải chồng lên nhau, phải có những vùng giao nhau, và cái trục vận động của hai vòng tròn ấy, cái tâm, không gì khác chính là con người. Lấy con người làm điểm tựa miêu tả thế giới, văn nghệ có một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới. Văn nghệ bao giờ cũng nhìn hiện thực qua cái nhìn của con người. Con người trong đời sống văn nghệ là trung tâm của các giá trị, trung tâm đánh giá, trung tâm kinh nghiệm của các mối quan hệ. Như vậy, miêu tả con người là phương thức miêu tả toàn thế giới. Việc biểu hiện hiện thực sâu sắc hay hời hợt, phụ thuộc vào việc nhận thức con người, am hiểu cái nhìn về con người.

**Thứ hai,** văn học nhận thức con người như những hiện thực tiêu biểu cho các quan hệ xã hội nhất định. Về mặt này, văn học nhận thức con người như những tính cách. Đó là những con người sống, cá thể, cảm tính, nhưng lại thể hiện rõ nét những phẩm chất có ý nghĩa xã hội, những “kiểu quan hệ xã hội”.

**Thứ ba**, con người mà văn học nhận thức bao giờ cũng mang một nội dung đạo đức nhất định. Cái nhìn con người ở đây của văn học, cũng khác cái nhìn của đạo đức học. Đạo đức nhận thức con người trên các quy tắc, các chuẩn mực. Văn học nhận thức con người trọn vẹn hơn. Tính cách mà văn học nắm bắt không trừu tượng như các khái niệm đạo đức, mà các phẩm chất đạo đức ấy được thể hiện cụ thể trong ý nghĩ, trong việc làm, trong lời nói, trong hành động. Các kiểu quan hệ cũng không đồng nhất với chuẩn mực, nguyên tắc xử thế của đạo đức mà hình thành từ các tình huống cụ thể trong đời sống. Văn học khám phá ý nghĩa đạo đức của các tính cách trong các tình huống éo le, phức tạp nhất trong các trường hợp không thể nhìn tính cách một cách giản đơn, bề ngoài.

**Thứ tư,** văn học cũng miêu tả con người trong đời sống chính trị, nhưng đó không phải là con người mang bản chất giai cấp trừu tượng. Văn học tái hiện những bản chất chính trị như là những cá tính, những tính cách. Chính ở đây, văn nghệ có thể làm sống lại cuộc sống chính trị của con người cũng như số phận con người trong cơn bão táp chính trị.

**Thứ năm**, cái đặc sắc nhất của văn học là sự quan tâm tới cá thể, tính cá nhân, quan tâm tới tính cách và số phận con người. Gắn liền với sự miêu tả thế giới bên trong con người; miêu tả thế giới văn hóa: văn hóa cộng đồng, văn hóa ứng xử, văn hóa sáng tạo. Trong các hình thái ý thức xã hội duy nhất có văn học là quan tâm đến sinh mệnh cá thể giữa biển đời mênh mông. Chỉ có văn học là quan tìm các lí giải các giá trị cá thể về sắc đẹp, tư chất, cá tính số phận. Con người tìm thấy ở văn học những tiền lệ về ý thức cá tính, về ý nghĩa cuộc đời, về khả năng chiến thắng số phận, về khả năng được cảm thông trong từng trường hợp.

**Thứ sáu,** bản chất nhân học của con người được thể hiện ở việc biểu hiện con người tự nhiên: các quy luật sinh lão bệnh tử, những vấn đề có tính chất bản năng, bản chất của con người…

Nội dung phản ánh của văn học là toàn bộ hiện thực cuộc sống đặt trong mối quan hệ với con người. Cái nghệ thuật quan tâm là mối quan hệ người kết tinh trong sự vật. Miêu tả thiên nhiên, đồ vật… đều đặt trong mối quan hệ với con người, để bộc lộ bản chất của con người. Sự phản ánh của văn học bao giờ cũng bày tỏ một quan niệm nhân sinh.

Đối tượng phản ánh không đồng nhất với nội dung phản ánh. Nội dung phản ánh là đối tượng phản ánh được gạn lọc, soi chiếu dưới lý tưởng thẩm mỹ.

**2. Vấn đề về hình tượng nhân vật trong văn học**

Nhà văn người Đức W. Goethe có nói: *“Con người là điều thú vị nhất đối với con người, và con người cũng chủ hứng thú với con người”.* Con người là nội dung quan trọng nhất của văn học. Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học - cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

**a. Khái niệm Nhân vật văn học.**

Ðối tượng chung của văn học là cuộc đời nhưng trong đó con người luôn giữ vị trí trung tâm. Những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, những bức tranh thiên nhiên, những lời bình luận…đều góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm nhưng cái quyết định chất lượng tác phẩm văn học chính là việc xây dựng nhân vật. Ðọc một tác phẩm, cái đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn người đọc thường là số phận, tình cảm, cảm xúc, suy tư của những con người được nhà văn thể hiện. Vì vậy, Tô Hoài đã có lí khi cho rằng “Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác”

*“Văn học là nhân học”* (M. Gorki). Văn học bao giờ cũng thể hiện cuộc sống của con người. Nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được nhà văn miêu tả thể hiện trong tác phẩm, bằng phương tiện văn học. Nhân vật văn học có khi là những con người có họ tên như: Từ Hải, Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Chị Dậu, anh Pha, … Khi là những người không họ không tên như: tên lính lệ, người hầu gái, một số nhân vật xưng “tôi” trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình - ta trong ca dao. Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên hai phương diện: số lượng và chất lượng. Về số lượng, hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng, dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỉ, đồ vật, … nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người. Nhân vật trong văn học có khi là một loài vật, một đồ vật hoặc một hiện tượng nào đó của thế giới tự nhiên, mang ý nghĩa biểu trưng cho số phận, cho tư tưởng, tình cảm của con người. Có thể nói nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực.

Miêu tả con người, chính là việc xây dựng nhân vật của nhà văn. Ở đây, cần chú ý rằng nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không là sự sao chép đầy mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách. Nói đến văn học thì không thể thiếu nhân vật, vì đó chính là phương tiện cơ bản để nhà văn khái quát hiện thực một cách hình tượng.

Nhà văn sáng tạo nhân vật để thể hiện nhận thức của mình về một cá nhân nào đó, về một loại người nào đó, về một vấn đề nào đó của hiện thực. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Có thể nói, *“Nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực. Chức năng của nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống và của con người, thể hiện những hiểu biết, những ước mơ, kì vọng về đời sống”.* Các vị thần như thần Trụ trời, thần Gió, thần Mưa thể hiện nhận thức của người nguyên thuỷ về sức mạnh của tự nhiên mà con người chưa giải thích được. Truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ thể hiện niềm tự hào về nòi giống dân tộc Việt. Nhân vật lí tưởng của văn học cổ Hi - La là những anh hùng chưa có ý thức về đời sống cá nhân, tìm lẽ sống trong việc phục vụ quyền lợi bộ tộc, thành bang, quốc gia, đó là những Asin, Hécto trong Iliát, Uylítxơ trong Ôđixê, Prômêtê trong Prômêtê bị xiềng. Nhà văn sáng tạo nên nhân vật là để thể hiện những cá nhân xã hội nhất định và quan niệm về các cá nhân đó.

Nhân vật văn học được tạo nên bởi nhiều thành tố gồm hạt nhân tinh thần của cá nhân như: ý chí, khát vọng, lí tưởng, các biểu hiện của thế giới cảm xúc, các lợi ích đời sống, các hình thái ý thức, các hành động trong quá trình sống. Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có những dấu hiệu để nhận biết như tên gọi, tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng, … Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật. Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

**b. Vai trò - Chức năng:**

**- Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời.** Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí…Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong  xã hội thực dân nửa phong kiến. Ðằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người…

- Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Ðất nước đứng lên,ị Sứ trong Hòn Ðất…) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: “Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả”

- **Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật, nó mang tính ước lệ**, không thể bị đồng nhất với con người có thật, ngay khi tác giả xây dựng nhân vật với những nét rất gần với nguyên mẫu có thật. Nhân vật văn học là sự thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người, nó có thể được xây dựng chỉ dựa trên cơ sở quan niệm ấy. Ý nghĩa của nhân vật văn học chỉ có được trong hệ thống một tác phẩm cụ thể. Vai trò và đặc trưng của nhân vật văn học bộc lộ rõ nhất trong phạm vi vấn đề "nhân vật và tác giả". Theo Bakhtin, tương quan "nhân vật - tác giả" tuỳ thuộc hai nhân tố: 1. lập trường (công nhiên hoặc che giấu) của tác giả trong quan hệ với nhân vật (lập trường đó có thể là: anh hùng hoá, mỉa mai, chế nhạo, đồng cảm, v.v...)

\* Bản chất thể loại của tác phẩm (ví dụ trong văn trào phúng sẽ có kiểu quan hệ của tác giả đối với nhân vật khác với trong văn xuôi tâm lí). Tuỳ thuộc hệ thống nghệ thuật của nhà văn, có những mức độ tự do khác nhau của nhân vật với tác giả: mức tối đa - nhân vật đối lập và đối thoại với tác giả, tính "tự trị" của nó là đáng kể (đây là cơ sở để nói đến "lôgic nội tại" của nhân vật), mức tối thiểu - nhân vật và tác giả mang các nét chung về tư tưởng, tác phẩm trở thành tấm gương soi những tìm tòi về tinh thần của nhân vật, cũng là những bước đường tư tưởng của nhà văn.

**VI. THƠ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ THƠ**

**1. Khái niệm**

Thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Chính vì vậy mà có một thời gian rất, dài thuật ngữ thơ được dùng chỉ chung cho văn học. Theo nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn Từ điển thuật ngữ văn học có thể xem là chung nhất: *"Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu".* Định nghĩa này đã định danh một cách đầy đủ về thơ ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Đặc biệt, đã khu biệt được đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

**2. Đặc trưng của thơ ca**

- Thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú; thơ được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, nhưng dù thuộc loại hình nào thì yếu tố trữ tình vẫn giữ vai trò cốt lõi trong tác phẩm.

Nhân vật trữ tình (cũng gọi là chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp cảm nhận và bày tỏ niềm rung động trong thơ trước sự kiện. Nhân vật trữ tình là cái tôi thứ hai của nhà thơ, gắn bó máu thịt với tư tưởng, tình cảm của nhà thơ. Tuy vậy, không thể đồng nhất nhân vật trữ tình với tác giả.

- Thơ là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời. Lê Quý Đôn từng khẳng định: “Thơ phát khởi từ lòng người ta”, hay như nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy”. Nhà thơ Pháp Alfret de Mussé chia sẻ: “Hãy biết rằng chính quả tim ta đang nói và thở than lúc bàn tay đang viết”, “nhà thơ không viết một chữ nào nếu cả toàn thân không rung động” (dẫn theo PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hương, Tạp chí Nghiên cứu văn học số 01/2009).

- Nhưng tình cảm trong thơ không tự nhiên mà có. Nói về điều này, nhà văn M. Gorki cũng cho rằng: “Thơ trước hết phải mang tính chất tình cảm”. Tình cảm trong thơ gắn trực tiếp với chủ thể sáng tạo nhưng không phải là một yếu tố đơn độc, tự nó nảy sinh và phát triển.

- Thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm thơ chân chính bao giờ cũng mang ý nghĩa khái quát về con người, về cuộc đời, về nhân loại, đó là cầu nối dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này.

- Thơ thường không trực tiếp kể về sự kiện, nhưng bao giờ cũng có ít nhất một sự kiện làm nảy sinh rung động thẩm mĩ mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ mà văn bản thơ là sự thể hiện của niềm rung động ấy. Một miếng trầu đem mời, một cái bánh trôi nước, một tiếng gà gáy canh khuya có thể là những sự kiện gây cảm xúc cho Hồ Xuân Hương; sự kiện Dương Khuê qua đời trong “Khóc Dương Khuê” (Nguyễn Khuyến); cuộc đời tài hoa mệnh bạc của nàng Tiểu Thanh trong “Độc Tiểu Thanh kí” (Nguyễn Du)…

- Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan. Vẻ đẹp và tính chất gợi cảm, truyền cảm của thơ có được còn do ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu…làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: *“Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường”.*

- Về cấu trúc, mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt. Sự sắp xếp các dòng (câu) thơ, khổ thơ, đoạn thơ làm nên một hình thức có tính tạo hình. Đồng thời, sự hiệp vần, xen phối bằng trắc, cách ngắt nhịp vừa thống nhất vừa biến hóa tạo nên tính nhạc điệu. Hình thức ấy làm nên vẻ đẹp nhịp nhàng, trầm bổng, luyến láy của văn bản thơ. Ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình, là ngôn ngữ hình ảnh, biểu tượng. Ý nghĩa mà văn bản thơ muốn biểu đạt thường không được thông báo trực tiếp, đầy đủ qua lời thơ, mà do tứ thơ, giọng điệu, hình ảnh, biểu tượng thơ gợi lên. Do đó ngôn ngữ thơ thiên về khơi gợi, giữa các câu thơ có nhiều khoảng trống, những chỗ không liên tục gợi ra nhiều nghĩa, đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng, thể nghiệm thì mới hiểu hết sự phong phú của ý thơ bên trong.

Thơ thường có dung lượng câu chữ ngắn hơn các thể loại khác (tự sự, kịch). Hệ quả là nhà thơ biểu hiện cảm xúc của mình một cách tập trung hơn thông qua hình tượng thơ, đặc biệt thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, qua dòng thơ, qua vần điệu, tiết tấu… Nhiều khi, cảm xúc vượt ra ngoài cái vỏ chật hẹp của ngôn từ, cho nên mới có chuyện *“ý tại ngôn ngoại”.*

- Ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu… làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: “*Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường”.*

**3. Đặc điểm ngôn ngữ của thơ**

**a. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính**

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

Theo các nhà nghiên cứu, nhạc tính trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự cân đối, sự trầm bổng và sự trùng điệp:

**- Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ**. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

*"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử*

*Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi"*

*(Nguyễn Bỉnh Khiêm).*

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

**- Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở** sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu. Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

*"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời*

*Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"*

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ "xôn xao" trong câu thơ "Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa" (Mẹ Tơm). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ "xôn xao" đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

*"Sen tàn/ cúc lại nở hoa*

*Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đà sang xuân".*

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

**- Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ**, ngữ và điệp cú...Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

"*Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống*

*Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan*

*Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn*

*Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân"*

*(Tiếng đàn mưa - Bích Khê).*

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người.

Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác. một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

**b. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc**

Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển".

- Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới. Nói như Ôgiêrốp: "Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất". Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải "thôi xao", nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm.

=>Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngồi tót sỗ sàng; cái gian manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

-Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sỹ. Chẳng hạn, từ "khô" trong câu thơ của Tản Đà: "Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày" là một từ có tính hàm súc cao mà những yếu tố tương đương với nó (như "tuôn") không thể thay thế. Nó không chỉ diễn tả được chiều sâu của tình cảm mà còn gợi lên cả chiều dài của những tháng năm chờ đợi. Nó vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm.

**c. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm**

Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sĩ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thẩm mĩ. Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhắn nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ. Chẳng hạn:

*"Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan*

*Đường bạch dương sương trắng nắng tràn"*

*(Tố Hữu).*

Sự tập trung dày đặc các nguyên âm có độ mở rộng và phụ âm mũi vang khiến câu thơ nghe giàu tính nhạc, kéo dài như âm vang của sóng biển vỗ bờ. Nhạc tính đó không đơn thuần là sự ngân nga của ngôn ngữ mà còn là khúc nhạc hát lên trong lòng người.

Tóm lại, thơ là một hình thái nghệ thuật cao quí, tinh vi của sáng tạo văn học nghệ thuật. Vì vậy, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật; ngôn ngữ thơ trước hết mang đầy đủ những thuộc tính của ngôn ngữ văn học, đó là: tính chính xác, tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm... Tuy nhiên, ở mỗi loại tác phẩm khác nhau, những đặc điểm ấy lại biểu hiện dưới những sắc thái và mức độ khác nhau. Đồng thời, mỗi loại tác phẩm lại có những đặc trưng ngôn ngữ riêng.

**4. Tính nhạc, hội họa, điện ảnh và nghệ thuật điêu khắc trong thơ ca**

**a. Tính nhạc trong thơ (Thi trung hữu nhạc).**

Văn là họa, bởi vậy đi vào thế giới văn chương cũng là đặt chân vào một thế giới tràn đầy đường nét, rực rỡ sắc màu, đẹp và sinh động như chính cuộc đời thực tại. Nhưng làm nên thơ văn không chỉ có họa mà còn là nhạc. Âm nhạc với những thanh âm, giai điệu, tiết tấu,… luôn có khả năng cuốn hút, gọi dậy những cảm xúc trong lòng người. Nhưng nhạc tính không chỉ thuộc quyền sở hữu của âm thanh mà còn ở trong thơ văn như một phần đặc biệt. Đọc thơ, ta luôn cảm nhận được một sự réo rắt gọi lên từ câu chữ âm vần.

Từ xưa đến nay, các nghệ sĩ đã khai thác các đặc tính này góp phần không nhỏ vào việc chuyển tải nhịp điệu của cảm xúc và ảnh hưởng trực tiếp đến thính giác độc giả. Thế giới âm thanh vì thế mà thả sức ùa vào khuôn khổ của câu từ chật hẹp. Thế giới âm thanh cũng là sự biểu đạt khá rõ nét thế giới tâm hồn và nhịp cảm xúc của chính ngưòi nghệ sĩ. “Thơ ca là nhạc của tâm hồn” (Vôn-te). Vậy thì tiếp cận thế giới tràn đầy âm thanh, khuôn nhạc trong mỗi tác phẩm văn chương cũng là một cách tiếp cận, nắm bắt những cảm xúc mà nhà thơ, nhà văn mang lại. Bên canh hội họa, âm nhạc vì thế mà đem một sức gợi, một linh hồn cho các tác phẩm văn chương. Văn có họa nhưng trong văn cũng đầy nét nhạc. “Thi trung hữu nhạc”.

**b. Tính họa trong thơ (Thi trung hữu họa).**

Người xưa thường nói “thi trung hữu họa”. Đó chính là khẳng định mối quan hệ giữa văn chương và hội họa. Hội họa lấy những đường nét thô sơ hay uyển chuyển, những gam màu đậm nhạt, sáng tối khác nhau để mô tả hiện thực đời sống. Bởi thế, nó có khả năng tác động mạnh mẽ đến thị giác người xem, mở được cửa sổ tâm hồn con người. Hội họa có ưu thế trong việc đem lại những cảm xúc thẩm mỹ mới mẻ, tinh tế.

Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, nó đòi hỏi phải tái hiện được bức tranh đời sống giàu có và sinh động. Nhưng ngôn ngữ văn chương lại mang tính phi vật thể. Vì vậy, muốn tác động trực quan đến người đọc, ngôn ngữ ấy phải giàu có về hình ảnh, phong phú về màu sắc, đường nét. Và những yếu tố trên đã tạo ra chất hội họa trong văn, làm hiển hiện trước mắt người đọc bức tranh tươi đẹp về cuộc sống. Những lúc ấy, nhà văn giống như người nghệ sĩ tài ba đem ngôn ngữ, những đường nét và gam màu tinh tế để vẽ nên những tuyệt tác bằng ngôn từ.

Sự kết hợp giữa họa và văn đã làm thỏa mãn cả con mắt và cái tâm của người thưởng thức. Mới hay sự kết hợp ấy đôi khi nâng cả họa cả văn lên đến đỉnh cao. Chất họa đi vào văn chương qua bàn tay sáng tạo của người nghệ sĩ được thể hiện bằng những bút pháp riêng như chấm phá, phát họa, điểm nhãn, tả cảnh ngụ tình… tạo nên sự sống động cho tác phẩm.

**c. Điện ảnh.**

Người ta hay ví những nhà thơ, nhà văn như những nhà quay phim tài ba. Khéo léo nhất đó là khi họ chớp được những pha thần tình trong cảm xúc, hành động của nhân vật, ghi lại những sự kiện, cảnh huống nóng bỏng nhất của thời đại xã hội, những vấn đề đáng được đưa lên phim ảnh.

Khi Nguyễn Đình Thi viết những câu kết lại bài “Đất nước”:

*“Súng nổ rung trời giận dữ*

*Người lên như nước vỡ*

*Nước Việt từ máu lửa*

*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”*

Có thể thấy ông đã ghi lại những thước phim tư liệu chân thực về một thời oanh liệt đã qua. Bốn câu thơ có thể được coi là những cảnh quay hoành tráng, mang tầm vóc, quy mô lớn. Nó dựng lại được không khí ác liệt, hào hùng của cả một thời đại. Những cảnh quay lúc ra xa, lúc đưa về gần đã tái hiện lại bức tranh chiến trận khá toàn diện và sinh động. Giữa khung cảnh rộng lớn, có âm thanh tiếng súng, có hình ảnh người lên, có ánh sáng rực rỡ của lửa cháy… Tất cả đều ở trong thế vận động đi lên từ bóng tối ra ánh sáng, từ nỗi buồn tới niềm vui, từ nô lệ đến tự do, hạnh phúc. Có thể xem đó như cuộn phim ghi lại cả một quá trình chiến đấu và chiến thắng của dân tộc.

**d. Điêu khắc.**

Văn học tái hiện đời sống bằng hình tượng nhưng đó không phải là những hình tượng thực có khả năng tác động trực tiếp đến giác quan của người đọc. Do vậy, ngôn ngữ văn học phải có khả năng khắc tạc những hình tượng đậm nét, cụ thể để người đọc có thể hình dung, tưởng tượng ra nó một cách rõ nét. Nghệ thuật điêu khắc với những đặc trưng về mảng, hình khối dễ dàng kích thích trí tưởng tượng, óc sáng tạo của độc giả.

**5. Mối quan hệ giữa thơ ca và hiện thực đời sống**

**a. Thơ sinh ra từ tình cảm**

Cũng như văn học, thơ ca nhản ánh cuộc sống bằng hình tượng. Nhưng hình tượng trong thơ không phải được xây nên từ óc quan sát, chiều sâu nhận thức, tư duy logic của lý trí, mà nó gắn với cảm xúc, với tâm hồn.

“Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim” (Đuybrlay). Đến với thơ, tâm hồn ta phải được chan hòa trong thế giới cảm xúc. Thơ là cơn gió. Tâm hồn ta là mặt nước phẳng lặng và bình yên. Cơn gió thơ có đủ mạnh để làm mặt nước tâm hồn ta xao động, đó mới thực sự là thơ.

Nhưng thơ đâu phải chỉ có thế. Hơn 2000 năm trước, Trang Tử đã có một triết lý rất hay về biển cả: “Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó nhưng nó không vơi, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước nhưng nó không đầy”. Văn học cũng như những nguồn nước, đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở sóng biển đời thường đến với trang thơ. Những sự chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vơi đi, khi người nghệ sĩ đến đó để chở nắng gió cuộc đời tưới mát muôn cây. Thơ ca phải gắn mình vào nguồn mạch cuộc sống và nhịp nối giữa thơ với cuộc đời chính là tâm hồn, trí tuệ nhà thơ.

Người, làm thơ, bình thơ xưa và nay dã bộc lộ rất nhiều quan niệm về thơ. Có người cho thơ là “thần hứng” (Platông), là “ngọn lửa thần”, là “cơn điên loạn thần thánh”, “thơ là sự tuôn trào bộc phá những tình cảm mãnh liệt”. Thơ ca không phải thuộc về một cõi huyền nhiệm, mông lung, diệu vợi; thơ ca lại càng không phải là “một thứ nghề chơi”, là trò đùa cảm hứng. Thơ gần gũi và thân thiết biết bao, thơ gắn với cuộc đời ta đang sống, thơ phản ánh cuộc đời theo quy luật văn chương.

**b. Cuộc sống bao giờ cũng là nguồn cảm hứng mênh mông bất tận của tâm hồn người nghệ sĩ:**

Thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung bao giờ cũng đi ra từ cuộc đời, cũng lớn lên từ hiện thực và rồi từ đó cánh diều nghệ thuật sẽ nhờ gió đời mà cất cánh bay cao. Sẽ “chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép” (Chế Lan Viên); “sẽ chẳng có thơ khi người làm thơ không tìm được sợi dây giao cảm đối với cuộc đời, không tìm đến những cánh đồng phì nhiêu để từ đấy hạt giống thơ ca được ươm trồng, nảy nở.” Lục Du đời Tống người đã viết hàng trăm câu thơ, lúc sắp mất đã tâm sự với con, lời tâm sự của một hồn thơ đi trọn cuộc đời mới hiểu cái lẽ “công phu của thơ là ở ngoài thơ”.

Sức nặng của những trang thơ chính từ cuộc đời đầy nắng gió ngoài kia. Nhà thơ phải đến đó để viết lên từ thứ mực được chưng cất từ chính cuộc sống. Gắn với cuộc sống, đấy là đặc trưng thẩm mĩ của văn học, của tác phẩm văn chương mà nhịp nối là nhà văn.

Cuộc sống với những hiện tượng phong phú, phức tạp vừa là đối tượng hướng tới, vừa là nguồn mạch nuôi dưỡng văn học. Quay lưng lại với cuộc sống, mải mê với chuyện đúc chữ, luyện câu, mọi giá trị văn chương chỉ còn là kỹ xảo.

**c. Cuộc sống mênh mông vô tận sẽ là nơi cung cấp chất liệu cho Thơ:**

[“Thơ trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật” (HYPERLINK "https://theki.vn/nghi-luan-tho-truoc-het-la-cuoc-doi-sau-do-moi-la-nghe-thuat-belinxki/"Belinxki)](https://theki.vn/nghi-luan-tho-truoc-het-la-cuoc-doi-sau-do-moi-la-nghe-thuat-belinxki/). Cuộc sống với hơi thở ấm nóng sẽ tô điểm cho những câu thơ, cho nghệ thuật: *“Hãy nhặt lấy chữ đời mà góp nên trang”* (Chế Lan Viên). Thơ ca khơi nguồn từ cuộc sống nên thơ bao giờ cũng chứa đựng bóng hình cuộc đời, bóng dáng con người. Thơ mang trong mình những buồn vui đau khổ, rạo rực đắm say. Thơ nói riêng và văn chương nói chung sẽ làm nên nhịp cầu nôi trái tim trở về với trái tim, đưa tâm hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Thơ ca là cuộc đời nhưng thơ ca không phải là những trang giấy in nguyên vẹn bóng hình cuộc sống. Hay nói như Tố Hữu: [“Cuộc đời là nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học”](https://theki.vn/nghi-luan-cuoc-doi-la-noi-xuat-phat-cung-la-noi-toi-cua-van-hoc-to-huu/)

**6. Những yếu tố làm nên tác phẩm thơ hay**

**a. Thơ hay là khi có nội dung trữ tình giàu tính nhân bản và mới lạ**

Những gì xuất phát từ trái tim mới đến được với trái tim. Các thời đại đi qua nhưng trái tim con người có những hằng số, trong đó có sự xúc động trước tình người.

Đức lớn của trời đất là lòng hiếu sinh. Niềm hạnh phúc, tình yêu của con người với con người, của con người với thiên nhiên tất yếu là nội dung trữ tình của thơ ca. Nhưng đó mới là một nửa sự thật đời sống. Nhìn một phía khác thì chiến tranh, nghèo khổ, bệnh tật, tai ương, tử biệt sinh ly…luôn rình rập, vây bủa kiếp người. Không phải ngẫu nhiên mà người ta nói đời là bể khổ. Con người xứng đáng là đối tượng ngợi ca đồng thời cũng là đối tượng để cảm thông, thương xót, nâng đỡ. Thi hào Pháp Alfred De Musset đã viết:

*Không gì làm ta lớn lên bằng những nỗi đau*

*Vần thơ đau thương là vần thơ đẹp nhất*

Những tác phẩm như Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du là những tiếng kêu đứt ruột thương xót cho những kiếp người “trong trường dạ tối tăm trời đất”. Có những hiện tượng thơ nhất thời được đề cao, tán tụng nhưng về lâu dài không tác phẩm nào được gọi là lớn, là hay mà lại xa rời tính nhân bản.

**Thơ hay được sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, nhưng đó là cái đẹp mới.** Chế Lan Viên đã viết: “Phân chia bờ cõi thơ bằng hai chữ mới, cũ chẳng có ý nghĩa gì”. Nhà thơ Nga A.Voznesensky cũng cho rằng: “Không có mới và cũ, chỉ có tài và bất tài mà thôi. Ai có tài thì người đó mới”. Nhà thơ là người không chịu nhìn cuộc sống theo “lẽ phải thông thường” đã trở nên quen thuộc, sáo mòn. Đối tượng công phá thường trực của thơ là sự rập khuôn, máy móc của tư duy, của cách cảm, cách nghĩ, cách viết mà người ta sa vào một cách tự động, nhiều khi không tự biết. Thơ phải gây được hiệu ứng tâm lý ngạc nhiên, thú vị và khâm phục ở người tiếp nhận: Ngạc nhiên ở khả năng nhìn ra cái mới nơi thế giới quen thuộc, ngạc nhiên ở khả năng nới rộng tính nhân bản của con người. Bài thơ Tôi yêu em của A. Pushkine là một ví dụ. Vượt lên sự thường tình, câu thơ “Cầu cho em được người tình như anh đã yêu em” của Thi hào sẽ mãi mãi được ghi nhớ. Ấn tượng mới lạ cũng thật đậm nét với bài thơ Ngập ngừng của Hồ Dzếnh: “Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé”. Mùa Xuân là mùa mở đầu một năm nhưng với Xuân Diệu thì “Xuân không mùa”…Chế Lan Viên đã bàn về thơ đầy ý vị tuyên ngôn: “Làm thơ là làm sự phi thường”.

**Làm thơ là vừa tự nói với mình, vừa gửi đến người nghe, người đọc một thông điệp.** Thông điệp ấy có thể là một cảm xúc, một tâm trạng, một suy nghĩ có tính minh triết, một kinh nghiệm thẩm mỹ về cuộc sống, con người và về bản thân ngôn ngữ. Vấn đề là những thông điệp ấy phải thực sự mới mẻ.

**b. Bài thơ hay là khi có cấu trúc tứ thơ độc đáo**

          Về tầm quan trọng của tứ thơ, Xuân Diệu đã viết: “Ngôn từ, lời chữ, vần rất quan trọng, bởi thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ. Tuy nhiên, đó là cái quan trọng thứ hai. Mà cái quan trọng thứ nhất làm rường cột cho tất cả là cái tứ thơ, nó chủ đạo cả bài. Làm thơ khó nhất là tìm tứ”.

**Cấu trúc tứ thơ là kết quả của tư duy sáng tạo, là mô hình nghệ thuật tổng quát làm cho mọi thành phần, yếu tố đều tập trung cho ý đồ nghệ thuật, cho chủ đề của bài thơ. Nhà thơ Anh S.Koleridgơ cho rằng:** *“Một bài thơ hay là những ngôn từ sáng giá trong một cấu trúc hoàn hảo”*. Tứ thơ cho thấy rất rõ tài năng sáng tạo của nhà thơ. Yêu cầu lý tưởng là mỗi bài thơ phải có một cấu trúc tứ thơ độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên trong thực tiễn sáng tạo thơ ta thường gặp một số kiểu cấu trúc tứ thơ như:

**- Cấu trúc tứ thơ quy nạp**

          Ở những bài thơ có mục đích thuyết phục người đọc một ý tưởng nào đó, cấu trúc tứ thơ thường có dạng vận động từ cụ thể đến khái quát. Bài thơ “Tiếng bom ở Seng Phan” (Phạm Tiến Duật) là một thí dụ tiêu biểu.

**- Cấu trúc tứ thơ diễn dịch**

          Nhà thơ đưa ra một nhận định khái quát về cuộc sống, con người rồi diễn dịch bằng nhiều ý thơ như những luận điểm nhằm thuyết phục người đọc. Tiêu biểu là bài thơ “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?” của Chế Lan Viên.

**- Cấu trúc tứ thơ đối lập**

          Tứ thơ dạng đối lập có tác dụng làm nổi bật tư tưởng chủ đề của bài thơ. Theo quan sát của chúng tôi, tứ thơ dạng đối lập được rất nhiều nhà thơ sử dụng làm nên những bài thơ hay. Ví dụ bài “Hai câu hỏi” (Chế Lan Viên):

*Ta là ai? Như ngọn gió siêu hình*

*Câu hỏi hư vô thổi nghìn nến tắt.*

*Ta vì ai? Sẽ xoay chiều ngọn bấc*

*Bàn tay người thắp lại triệu chồi xanh.*

**- Cấu trúc tứ thơ tương đồng**

          So sánh tương đồng là một thao tác tư duy thường xuyên của con người nhằm làm nổi rõ đối tượng nhận thức. Cấu trúc tứ thơ tương đồng đưa đến hiệu quả là làm nổi bật chủ đề trữ tình. Bài thơ “Không đề” (Khuyết danh-Triều Tiên) là một ví dụ:

*Khi trên khung cửi chỉ đứt*

*Cần mẫn em ngồi*

*Dùng răng dùng môi*

*Hai đầu nối lại.*

*Khi đứt chỉ tình yêu, ơi cô gái*

*Em cũng nên làm như thế đừng quên.*

**- Cấu trúc tứ thơ ý tại ngôn ngoại**

          Đây là loại cấu trúc tứ thơ đặc biệt tinh tế khiến ta đọc ra cái “vắng mặt” trong văn bản. Các nhà thơ Việt Nam và Trung Quốc xưa thường sử dụng loại tứ thơ này làm nên nét đặc trưng thơ Á Đông. Bài “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương có cấu trúc tứ thơ dạng này.

**- Cấu trúc tứ thơ song song**

          Ở cấu trúc tứ thơ song song, các khổ thơ trong bài đều có một thành phần điệp cú hoặc điệp ngữ. Tính lặp lại như vậy làm nên cấu trúc độc đáo của bài thơ. Ví dụ bài “Tự nhủ” của Bế Kiến Quốc:

*Bàn chân ơi, ta đưa ngươi đi*

*Mọi nẻo đường dù có khi ngươi vấp*

*Có khi dẫm vào gai và biết đâu có khi…*

*Ta phải đi vì ta yêu mục đích.*

*Vành tai ơi, ta đưa ngươi đi*

*Đến miệng đời dù nghe lời đắng chát*

*Lời thô bỉ và biết đâu có khi…*

*Ta phải nghe vì ta yêu tiếng hát.*

          Tất nhiên, trong thực tiễn sáng tạo, còn rất nhiều kiểu tứ thơ độc đáo, giàu tính sáng tạo khác cần phải được tiếp tục tìm hiểu.

**c. Bài thơ hay là khi có nhạc tính độc đáo**

          Quan niệm thơ đã thay đổi rất nhiều theo thời gian, trường phái, cá tính sáng tạo của nhà thơ… nhưng có một nguyên lý bất di bất dịch: Thơ phải có tính nhạc. Tính nhạc không chỉ phân biệt thơ với các loại hình nghệ thuật ngôn từ khác mà còn làm cho mỗi bài thơ là một sinh thể nghệ thuật. Có thể thấy mỗi bài thơ hay thật sự có một cấu trúc nhạc tính riêng.

          Bàn về thơ, Mallarmé cho rằng: “Nhạc phải đi trước mọi sự”. Có thể dẫn ra rất nhiều bài thơ hay có nhạc tính độc đáo như: Say (Vũ Hoàng Chương), Màu thời gian (Đoàn Phú Tứ), Nguyệt cầm (Xuân Diệu)… Các bài thơ của Bích Khê như Hoàng hoa, Tỳ bà có một chất nhạc rất lạ và rất hấp dẫn.

          Trong thơ cổ, tính nhạc có tính chất khuôn mẫu và đã được đúc kết trong các thể thơ. Lao động sáng tác của nhà thơ gợi người ta nghĩ đến công việc soạn lời cho các làn điệu dân ca. Trong thơ hiện đại, mỗi bài thơ phải có tính nhạc độc đáo. Ở mỗi bài thơ hay ta thấy lời thơ được linh cảm về nhạc của thi sĩ dẫn dắt, nhịp điệu vừa tự do, vừa liên hệ với kết cấu nhạc tính toàn bài, cuốn hút người đọc. Thậm chí nhạc có thể đi trước ngữ nghĩa, ta chưa kịp hiểu đã cảm thấy hay, như trong thơ tượng trưng.

**d. Bài thơ hay là khi có ngôn ngữ thơ mới lạ**

          Thơ là nghệ thuật ngôn từ. Nhà thơ là nghệ sĩ ngôn từ. Một nguyên lí của thơ là ngôn ngữ phải mới lạ. Thơ không chấp nhận thứ ngôn ngữ quen thuộc đến sờn mòn. Tuổi trẻ hôm nay không ai tỏ tình bằng ca dao: “Đến đây mận mới hỏi đào/ Vườn hồng có lối ai vào hay chưa”. Để diễn tả cảm xúc yêu đương thơ hôm nay sẽ có cách nói khác, phù hợp với tâm lý cảm nhận của người đọc hiện đại.

**Mới lạ là yếu tính của ngôn ngữ thơ. Đã có hàng triệu câu thơ về tình yêu, Maiacovsky vẫn tìm được cách nói mới:**

Anh yêu em

*Như người thương binh yêu cái chân còn lại của mình.*

*Nhiều câu thơ găm vào trí nhớ của ta do sự sáng tạo, mới lạ:*

*Từ trời xanh rơi vài giọt tháp Chàm*

*(Văn Cao)*

          Ngôn ngữ thơ đối lập với ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ hàng ngày và ít khi là lời nói thẳng. Có vô vàn thủ pháp nghệ thuật để lạ hóa ngôn ngữ như nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, cường điệu, nói giảm, nói vòng, động từ hóa tính từ…Lạ hoá trong thơ hiện đại được đẩy lên một nấc mới khi tự do, táo bạo trong việc kết hợp từ. Nhiều trường hợp dẫn đến phi giao tiếp nhưng cũng không ít khi có những sáng tạo mới lạ như: “Biển pha lê”, “đêm thuỷ tinh”, “lệ ngân”…(Xuân Diệu). “Nắng thuỷ tinh” trong thơ Thanh Tâm Tuyền, trong ca từ Trịnh Công Sơn ánh lên một vẻ đẹp mới lạ.

**e. Bài thơ hay là khi có sáng tạo về nghệ thuật**

          Bài thơ là một giá trị tổng hợp, nhưng trước hết là nghệ thuật ngôn từ. Vì vậy các thủ pháp nghệ thuật có một vai trò quan trọng. Chất thơ thể hiện không chỉ ở nội dung trữ tình (nói điều gì?) mà còn ở chỗ nhà nghệ sĩ ngôn từ đã sáng tạo bằng các thủ pháp nào.

          Trên hành trình phát triển thơ vừa tích luỹ các thủ pháp nghệ thuật truyền thống, vừa không ngừng sáng tạo các thủ pháp mới. Nhận diện những bài thơ hay trong thơ hiện đại là không đơn giản do sự sáng tạo đã nới rộng đường biên lãnh địa thơ. Sáng tạo của nhà thơ thường vượt lên trước tầm đón nhận của công chúng bạn đọc. Nghĩ về Bích Khê, Chế Lan Viên đã viết: “Có những người làm thơ. Lại có những người vừa làm thơ vừa đẩy thơ về phía trước. Khê thuộc loại thứ hai”. Với phong trào Thơ mới, ngoài những thủ pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh, ẩn dụ…, thơ Việt Nam đã giàu có thêm các thủ pháp mới như: miêu tả khách thể thẩm mỹ một cách cụ thể, cảm tính (thơ “tả chân”), tương hợp cảm giác, đặt cạnh nhau những từ xa nhau về ngữ nghĩa, kết cấu bài thơ bằng nhạc tính…

          Tất cả kinh nghiệm sáng tạo thi ca cổ, kim, đông, tây… đều có ích, nhưng điều quan trọng là nhà thơ phải sáng tạo nên những thủ pháp nghệ thuật mới mẻ, mang dấu ấn phong cách riêng. Tư duy thơ tương hợp gắn với tên tuổi của nhà thơ tượng trưng Pháp Ch. Baudelaire. Hình thức thơ bậc thang gắn với Nhà thơ Nga V. Mayacovsky…

          Như vậy, mỗi tác phẩm thơ hay “là một phát minh về nội dung đồng thời là một phát minh về hình thức” (Leonid Leonov).

**VII. TRUYỆN**

- Truyện là thể loại văn học xuất hiện từ lâu, sau thơ ca trữ tình. Truyện là loại văn tự sự, kể chuyện, trình bày sự việc. Tryện có cốt truyện, có nhân vật. Qui mô truyện thường lớn hơn thơ. Truyện phần lớn được viết bằng văn xuôi, bên cạnh đó cũng có loại văn vần. Khác với thơ thiên về cái đẹp, xúc cảm và sự cô đọng, truyện có khả năng đi sâu vào từng khía ngóc ngách phức tạp của cuộc sống và của tâm hồn.

**1. Đặc trưng của truyện**

- Khác với thơ ca in đậm dấu ấn chủ quan, truyện phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó, qua con người, hành vi, sự kiện được miêu tả và được kể lại bởi người kể chuyện (trần thuật) nào đó.

- Ở đây, cốt truyện với một chuỗi các tình tiết, sự kiện, biến cố xảy ra liên tiếp tạo nên sự vận động của hiện thực được phản ánh, góp phần khắc họa tính cách nhân vật, số phận từng cá nhân.

- Nhân vật được miêu tả chi tiết và sinh động trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với môi trường xung quanh. Truyện không bị gò bó về không gian, thời gian, có thể đi sâu vào tâm trạng con người, những cảnh đời cụ thể.

- Truyện sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ngôn ngữ người kể chuyện còn có ngôn ngữ nhân vật. Bên cạnh lời đối đáp còn có lời độc thoiaj nội tâm. Lời kể khi thì ở bên ngoài khi thì nhập tâm vào nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện gần với ngôn ngữ đời sống.

**2. Các kiểu loại truyện**

- Trong văn học dân gian truyện có nhiều thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn.

- Văn học trung đại có truyện bằng chữ Hán và truyện thơ Nôm.

Trong văn học hiện đại, theo quy mô văn bản và dung lượng hiện thực người ta phân ra thành truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa.

+ Truyện ngắn thường ít nhân vật, sự kiện, nó hướng tới mảnh nhỏ cuộc sống, có thể kể cả cuộc đời hay một đoạn đời, một chốc lát của nhân vật nhưng vẫn đặt ra được những vấm đề lớn lao, thể hiện những tư tưởng nhân sinh sâu sắc.

+ Truyện vừa là thể loại văn xuôi cỡ trung bình. Không có sự phân biệt rạch ròi giữa truyện dài và truyện vừa.

Truyện ngắn là thể loại gần gũi với đời sống hằng ngày, súc tích, dễ đọc, lại thường gắn liền với hoạt động báo chí, do đó có tác dụng, ảnh hưởng kịp thời trong đời sống. Nhiều nhà văn lớn trên thế giới và nước ta đã đạt tới đỉnh cao của sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật chủ yếu bằng những truyện ngắn xuất sắc của mình. Truyện ngắn xuất hiện trên một tạp chí xuất bản đầu thế kỉ XIX, pháttriển lên đến đỉnh cao nhờ những sáng tác xuất sắc của văn hào Nga Chekhov và trở thành một hình thức nghệ thuật lớn của văn học thế kỉ XX.

Theo các sách giáo khoa chính thống hiện nay, Truyện ngắn được định nghĩa là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Nội dung thể loại của Truyện ngắn bao trùm hầu hết các phương diện của đời sống: đời tư, thế sự hay sử thi, nhưng cái độc đáo của nó là ngắn gọn. Bởi Truyện ngắn được viết ra để đọc liền một mạch. Tuy nhiên, mức độ dài ngắn chưa phải là đặc điểm chủ yếu phân biệt truyện ngắn với các tác phẩm tự sự loại khác (các loại truyện kể dân gian cũng có độ dài tương đương với truyện ngắn). Hình hài của truyện ngắn hiện đại như ta thấy hiện nay là một kiểu tư duy mới, một cách nhìn cuộc đời, một cách nắm bắt cuộc sống rất riêng, mang tính chất thể loại. Trong truyện ngắn thường có ít nhân vật, ít sự kiện phức tạp.

**3. Tình huống truyện:**

- Tình huống truyện là hạt nhân của truyện ngắn, yếu tố cốt lõi, là cái khung xương sống của thể loại này.

- Đó chính là tình thế để xảy ra câu chuyện, là sự kiện có vấn đề của đời sống được mô tả trong tác phẩm.

- Tình huống truyện đã giúp nhà văn bộc lộ tính cách của nhân vật một cách sắc nét, đồng thời qua đó gửi đến người đọc những vấn đề sâu sắc về nhân sinh.

**4. Kết cấu cốt truyện:**

- Là nghệ thuật sắp xếp các chi tiết, tình tiết trong câu chuyện theo một trình tự nhất định để thực hiện một dụng ý nghệ thuật của tác giả.

- Một số kết cấu cốt truyện thường gặp:

+ Theo trình tự thời gian

+ Theo trình tự không gian

+ Đồng hiện (đan xen giữa hiện tại và quá khứ)

+ Đầu cuối tương ứng.

+ Hồi cố

+ Theo diễn biến tâm trạng của nhân vật.

**5. Nhân vật:**

- Nhân vật trong tác phẩm tự sự thường được khắc họa một cách đầy đặn nhất trên mọi phương diện

+ Các phương diện: ngoại hình, xuất thân, nghề nghiệp, tuổi tác, số phận, tính cách, hành động, ngôn ngữ…

+ Môi trường, hoàn cảnh mà nhân vật tồn tại

- Một số loại nhân vật:

+ Nhân vật trong tác phẩm tự sự

+ Nhân vật người kể chuyện (người trần thuật)

**6. Chi tiết:**

- Là đơn vị nhỏ nhất trong tác phẩm tự sự

- Chi tiết là phương tiện để xây dựng nhân vật, tình huống và bộc lộ tư tưởng, chủ đề tác phẩm.

**7. Ngôn ngữ:**

- Lời trần thuật: (điểm nhìn trần thuật, phương thức, giọng điệu trần thuật)

+ Lời kể, lời tả, lời thuyết minh

+ Lời nửa trực tiếp: lời của nhà văn nhưng được kể bẳng điểm nhìn và giọng điệu của nhân vật

- Lời phát biểu trữ tình

- Lời của nhân vật:

+ Đối thoại

+ Độc thoại

+ Độc thoại nội tâm

**XIII. CHI TIẾT NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG**

**1. Khái niệm**

Không phải ngẫu nhiên mà văn hào vĩ đại người Nga Macxim Gorki từng phát biểu: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Hơn ai hết, tác giả những thiên truyện viết ra từ trường đại học cuộc sống, người được coi là “cánh chim báo bão của cách mạng Nga”, “nhà văn của những người chân đất” là người hiểu rõ tầm quan trọng của những chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương. Tương quan đối lập trong câu nói trên đã khẳng định: Cái làm nên tầm vóc của nhà văn không hẳn là quy mô tác phẩm mà chính là “chi tiết” – yếu tố đôi khi được coi là nhỏ, là vặt vãnh... Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời...của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư, trăn trở của nhà văn trước cuộc đời. Nhà văn chỉ thực sự là “người thư kí trung thành của thời đại” (H. Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ. Lựa chọn chi tiết để xây dựng nên tác phẩm nghệ thuật không chỉ thể hiện bản chất sáng tạo của người nghệ sĩ mà còn bộc lộ tài năng, tầm vóc tư tưởng của người cầm bút.

Chi tiết không phải là một khái niệm xa lạ với đời sống.

Theo Từ điển Tiếng Việt (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1988) thì chi tiết là: “Phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung sự việc hoặc hiện tượng” (Ví dụ: Kể rành rọt từng chi tiết). “Là thành phần riêng rẽ hoặc tổ hợp đơn giản nhất của chúng có thể tháo lắp được” (Ví dụ: Chi tiết máy). Như vậy, trong đời sống hàng ngày, từ “chi tiết” được hiểu và dùng như là một thành tố, một bộ phận nhỏ của một sự việc, tổng thể. Chi tiết được hiểu như là một thành phần thuộc về cấu tạo.

Trong văn học, “chi tiết” theo định nghĩa của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Từ điển thuật ngữ văn học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997) là: “**Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật.** Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”

**Như vậy, chi tiết nghệ thuật được xem như linh hồn của một văn bản nghệ thuật**. Muốn hiểu, nắm chắc văn bản, phải hiểu rõ chi tiết nghệ thuật. Khái niệm chi tiết được đặt ra nhằm phân biệt với tổng thể nhưng nó không tách rời tổng thể. Sự hòa hợp giữa chi tiết và tổng thể sẽ tạo thành chỉnh thể. Chi tiết nghệ thuật được xem là thành tố nhỏ nhất trong một chỉnh thể nghệ thuật.

**2. Tầm quan trọng của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương**

**- Trong truyện, nhờ chi tiết mà cốt truyện được triển khai và phát triển**, thông qua chi tiết mà cảnh trí, tình huống, tính cách, tâm trạng, hình dáng, số phận của nhân vật được khắc họa và bộc lộ đầy đủ. Nhiều chi tiết trở thành những điểm sáng thẩm mĩ của tác phẩm, có vị trí không thể thiếu trong sự phát triển của cốt truyện, gắn liền với những bước ngoặt trong cuộc đời, số phận nhân vật. Thiếu chi tiết là thiếu sự đặc tả, thiếu tính cụ thể, truyện sẽ trở nên nhạt nhẽo, hời hợt, thiếu sức hấp dẫn. Tuy nhiên, nếu ôm đồm nhiều chi tiết thì rối rắm, rườm rà, giảm giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

**- Trong thơ, nhờ chi tiết mà cảm xúc của nhà thơ có nơi nương náu.** Đặc thù của thơ là cảm xúc và hình ảnh. Hình ảnh chính là chi tiết trong thơ. Một cánh chim, một làn mây, một chiếc lá, một nhành hoa hay tia nắng...đi vào thơ không còn là sự vật vô tri nữa. Nó là hình ảnh phản chiếu tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ. Từ một cảnh huống, một tâm trạng mà thấy được nỗi niềm không chỉ của cá nhân thi sĩ mà của cả một lớp người, một thời đại. Cao hơn là phản ánh số phận con người của một quốc gia, dân tộc ở những chặng đường lịch sử nhất định. Đỗ Phủ, Puskin, Nguyễn Du... đều là những thi hào mà tên tuổi đã gắn liền với dân tộc và thời đại.

=>Như vậy, chi tiết nghệ thuật dù chỉ là yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Thiếu chi tiết, nhà văn không thể đúc nên tác phẩm. Chi tiết càng có sức biểu hiện, sức khơi gợi và ám ảnh càng lớn, càng góp phần nâng cao giá trị tác phẩm. Và không có một tác phẩm lớn nào mà chi tiết lại nhạt nhẽo, nông cạn, thiếu sức sống. Trong tiếp nhận văn học, càng không được xem nhẹ chi tiết. Đọc hiểu và cảm nhận tác phẩm văn chương từ cấp độ chi tiết là yêu cầu quan trọng và cần thiết, đặc biệt đối với việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

**3. Cảm nhận chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương**

Căn cứ vào văn bản, người ta chia làm hai loại: Chi tiết trong văn xuôi và chi tiết trong thơ.

**a. Chi tiết trong văn xuôi**

**Chi tiết trong văn xuôi thường là chi tiết sự vật và chi tiết sự việc.** Chi tiết sự vật thường gắn với 3 đối tượng: cảnh vật, đồ vật, nhân vật.

Cảm nhận chi tiết trong văn xuôi khi học Ngữ văn ở trường phổ thông có thể không phân loại nhưng nhất thiết phải hiểu rõ chi tiết đó đóng vai trò gì trong mạch truyện, trong diễn biến tính cách, số phận nhân vật. Nói cách khác là luôn gắn chi tiết với tổng thể để thấy được tính thống nhất của một chỉnh thể nghệ thuật. Quan trọng hơn là qua đó, hiểu được ý đồ nghệ thuật, đọc được tư tưởng, tình cảm nhà văn muốn gửi gắm. Đồng thời, thấy được tài năng sáng tạo của người cầm bút.

**b. Chi tiết trong thơ**

Khác với văn xuôi, thơ được xem là vương miện của nền văn học, là tinh chất của ngôn ngữ văn học. Một ngôn ngữ chưa có thơ là một ngôn ngữ chưa phát triển. Một sự đổi mới văn học mà chưa có sự đổi mới về thơ là sự đổi mới chưa hoàn thiện. Chi tiết vốn là lẽ sống của nghệ thuật, với thơ, chi tiết là hồn cốt. Bài thơ sống được hay không là nhờ chi tiết. Chi tiết trong thơ thu hẹp lại trong một giới hạn nhỏ trong thi ảnh và ngôn từ.Đối với một bài thơ, nếu nắm được thi ảnh và ngôn từ đặc sắc xem như đã nắm được linh hồn bài thơ, gọi là nắm được nhãn tự, kết tinh được thần thái linh hồn tác phẩm. Quy mô chi tiết trong thơ thường nhỏ hơn rất nhiều trong tác phẩm văn xuôi.

Trong bài thơ “ Đò Lèn” (Nguyễn Duy) gồm 6 khổ, tác giả viết về một tuổi thơ nghèo khó bên cạnh người bà tần tảo. Hệ thống chi tiết cảnh vật được nhà thơ liệt kê gồm: cống Na, đồng Quan, ga Lèn, chợ Bình Lâm, chùa Trần, đền cây Thị, đền Sòng..., giúp người đọc hình dung về diện mạo một miền quê với những cảnh trí rất dân dã, gần gũi, quen thuộc. Quan trọng hơn, nó giúp Nguyễn Duy thể hiện sâu sắc thân phận người bà: Đó là thân phận con sâu cái kiến, thân phận thảo dân, mang sắc thái dân đen, đối lập với Tiên Phật, Thánh thần... Bài thơ nói về sự ân hận, sự trưởng thành muộn màng của người cháu. Sống bên bà nhưng vô tâm với nỗi khổ của bà, sống bằng sự chăm sóc, yêu thương vất vả của bà mà cháu không hề biết.

*Tôi trong suốt giữa hai bờ hư thực*

*Giữa bà tôi và Tiên Phật thánh thần*

Người cháu đã sống rất thực với cái hư và sống rất hư với cái thực. Chữ hư mang hai nghĩa: hư ảo và hư đốn. Nó chi phối quyết định đến mạch tâm sự mang màu sắc triết luận, thể hiện quá trình giải thiêng, giải ảo. Nhìn ở góc độ tình cảm, đó là quá trình rời khỏi niềm tin ngây thơ dành cho thánh thần để đến với tình thương dành cho người bà, từ đối tượng mơ hồ đến đối tượng thực. Đôi khi người ta phải trả giá cho những bài học vô cùng đắt. Khi biết yêu thương thì bà đã mất rồi. Nhìn từ góc độ đời sống, đó là cuộc rời bỏ những đối tượng không xứng đáng để đến với đối tượng xứng đáng hơn. Chính người dân kia mới làm nên hiện thực đời sống. Chỉ hai chi tiết “hư” - “thực” đã nói lên sự sụp đổ niềm tin của tác giả, rời bỏ thế giới của đức tin đơn thuần để đến với hiện thực cuộc đời gần gũi, đáng tin hơn.

**Chi tiết trong thơ nhiều khi là một mật mã**. Giải mã chi tiết tức nắm được ý đồ nghệ thuật, ý đồ tư tưởng của nhà thơ. Chỉ qua một vài con chữ trong Truyện Kiều, như chữ “tót” (Ghế trên ngồi tót sỗ sàng), chữ “cò kè” (Cò kè bớt một thêm hai) mà thi hào Nguyễn Du đã lật tẩy cả một chân dung kẻ con buôn, vô học, thô lỗ của nhân vật Mã Giám Sinh, hay một chữ “lẻn” làm lộ ra một tính cách mờ ám, lén lút, tráo trở… của Sở Khanh, hay hai chữ “mặt sắt” đã gọi ra một chân dung tính cách lạnh lùng, hiểm độc, tàn nhẫn và bỉ ổi của Hồ Tôn Hiến… Các chữ “tót”, “cò kè”, “mặt sắt” được gọi là những chi tiết đắt giá làm nổi lên hồn cốt nhân vật.

Cảm nhận chi tiết trong thơ không chỉ là đi tìm nhãn tự, giải mã từ ngữ, cắt nghĩa hình ảnh mà cần đặt nó trong tương quan với các biện pháp tu từ, cách sử dụng ngôn ngữ, âm, vần, nhịp điệu...để khám phá cái hay, cái đẹp của câu thơ. Đặc biệt, cần chú ý đến tứ thơ, vì mọi chi tiết trong thơ thường xoay quanh tứ thơ. Tách rời chi tiết khỏi tứ thơ là tách rời nó khỏi chỉnh thể nghệ thuật, mọi sự khám phá sẽ thiếu tính toàn vẹn. Chi tiết có thể giống nhau nhưng tứ thơ là sáng tạo đơn nhất, không lặp lại. Gắn chi tiết với tứ thơ mới thấy được tài năng sáng tạo của thi sĩ.

Ngoài những yếu tố nêu trên, cảm nhận chi tiết trong thơ còn đòi hỏi người đọc có một năng lực thẩm thấu nhất định. Cảm thụ thơ xưa nay chưa bao giờ là điều dễ dàng, bởi đó là sự cảm thụ cái hay, cái đẹp. Để hiểu về cái hay, cái đẹp cần có sự kết hợp giữa một tâm hồn nhạy cảm biết rung động với một con mắt tinh tế biết phát hiện và một khả năng sử dụng ngôn từ chọn lọc. Cần một sự bồi đắp, trau dồi, rèn giũa lâu dài mới đạt được.

Tóm lại, khó thể phủ nhận vai trò và tầm quan trọng của chi tiết trong tác phẩm nghệ thuật. Với nhà văn, quá trình sáng tạo gắn liền với ý thức làm nên những chi tiết đặc sắc, góp phần thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm. Chi tiết gánh trọng trách chuyển tải đến người đọc những thông điệp mà nhà văn gửi gắm, những cách nhìn và quan niệm sâu xa về con người và cuộc đời của người nghệ sĩ. Với người đọc, cảm nhận chi tiết nghệ thuật là mở những cánh cửa đầu tiên để đi vào thế giới nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Nhà văn sẽ không thể làm nên tên tuổi nếu tác phẩm của anh ta không bắt đầu từ những chi tiết. Người đọc sẽ không nối được nhịp cầu tri âm với tác giả nếu không thông qua tác phẩm từ những chi tiết nghệ thuật nhỏ nhất bởi chân lí trong sáng tạo nghệ thuật luôn là: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”.

**XIX. VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

**Văn học là một thành phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người**. Từ xa xưa văn học đã mang dấu ấn đậm nét từ những câu ca dao, tục ngữ và dần dần nó phát triển mạnh mẽ hơn không chỉ còn là truyền miệng mà nó còn là trên sách vở, có nghiên cứu khoa học và trở thành một lĩnh vực riêng biệt. Sức ảnh hưởng của văn học đối với đời sống con người vô cùng to lớn.

**1. Văn học làm cho cuộc sống của con người thi vị hơn**

Cuốc ống chúng ta sẽ thật nhàm chán, tẻ nhạt khi mà mọi người nói chuyện với nhau khô khan, cộc cằn. Văn học cũng thể hiện rõ nét ngay trong cách bạn ứng xử, đối đáp với người khác. Khi có màu sắc của văn học vào sinh hoạt cách con người ta nói chuyện, giao tiếp với nhau cũng trở nên thật dễ chịu, tình cảm, thân thiết.

Chắc chắn rằng văn học là thứ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên thi vị hơn. [Các tác phẩm văn học kinh điển](http://thewritersplace.org/) nuôi dưỡng tâm hồn con người, nuôi dưỡng tình cảm và biến thế giới này trở nên màu sắc, hấp dẫn, đa dạng biết bao.

**2. Văn học cung cấp những tri thức cần thiết**

Từ văn học bạn dường như được khám phá tất cả các phong tục tập quán, văn hóa của từng địa phương, dân tộc. Đây là phương tiện tuyệt vời để chúng ta sống lại với từng giai đoạn lịch sử, các tác phẩm như tam quốc diễn nghĩa, Hoàng Lê nhất thống chí tái hiện lại một thời kỳ lịch sử hoành tráng của dân tộc, Lão Hạc cho bạn thấy được cuộc sống cùng cực của con người Việt Nam trong thời chiến, những bài thợ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh cho ta thấy được sức mạnh cũng như ý chí hào hùng của dân tộc.

Văn học cũng miêu tả các hiện tượng đời sống tự nhiên một cách chân thực, khách quan và sinh động nhất. Từ đó con người có thể hình dung ra một thế giới đầy đủ, khách quan và đa chiều. Có thể thấy rằng, văn học có vai trò rất to lớn trong việc mang đến kiến thức cho con người.

**3. Tâm tư, tình cảm con người được khơi dậy từ văn học**

Người ta vẫn nói văn học là một cái gì đó rất trừu tượng, nó không phải một bàn tay nhưng lại có sức mạnh vô hình kéo con người ta lại gần nhau hơn. Đó chính là tâm tư, tình cảm của con người, là ý thức xã hội hình thành trong não chúng ta. Văn học mang đến cảm xúc khác biệt cho từng người, làm cho tình cảm yêu thương, kiêu hãnh, bao dung đến với chúng ta.

Từ những bài thơ, câu ca dao, tục ngữ cho đến các tác phẩm văn học trong và ngoài nước đều chứa đựng rất nhiều thông điệp, tấm lòng và cả bài học nhân văn sâu sắc cho người đọc. Tiếp cận với văn học là bạn đang tự làm cho cảm xúc của mình giàu hơn, mãnh liệt hơn. Theo như nhiều nghiên cứu khoa học cũng như là khảo sat thực tê thì người đọc văn nhiều, quan tâm tới những giá trị văn học thường có lối sống nội tâm, thiên về tình cảm và sâu sắc hơn rất nhiều.

**4. Văn học tô màu cho các lĩnh vực khác**

Phải thừa nhận với nhau rằng văn học góp mặt trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Ngay như trong giải trí, văn học mang lại tiếng cười, niềm vui. Ứng dụng văn học vào trong miêu tả, tường thuật các trận đấu trên link sopcast xem bóng đá khiến cho chương trình trở nên cuốn hút hơn, chân thực hơn.

Tương tư như vậy với việc bạn học toán chẳng hạn, sẽ thực sự hiệu quả nếu như biến các công thức toán học thành bài thơ sinh động. Chắc chắn bạn sẽ thấy công thức toán học chẳng còn khô khan, nhạt nghẽo như mình vẫn tưởng nữa.

**5. Văn học là nơi lưu giữ giá trị văn hóa dân tộc**

Không sai khi khẳng định rằng văn học chính là nơi lưu trữ giá trị văn hóa dân tộc. Bằng những tác phẩm văn học mà lịch sử dân tộc, nét đẹp trong văn hóa, ẩm thực, truyền thống được tái hiện, truyền tải từ đời này qua đời khác. Chính vì thế mà giá trị văn hóa của đất nước chúng ta không bị mai một, quên lãng.

**------------------------------------------------------------**

**CHUYÊN ĐỀ 2: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**I. KHÁI NIỆM**

- “Nghị luận là một thể loại văn học đặc biệt, dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn luận về một vấn đề nào đó (chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật, triết học, đạo đức). Vấn đề được nêu ra như một câu hỏi cần giải đáp, làm sáng tỏ. Luận là bàn về đúng, sai, phải, trái, khẳng định điều này, bác bỏ điều kia, để người ta nhận ra chân lí, đồng tình với mình, chia sẻ quan điểm và niềm tin của mình. Sức mạnh của văn nghị luận là ở sự sâu sắc của tư tưởng, tình cảm, tính mạch lạc, chặt chẽ của suy nghĩ và trình bày, sự thuyết phục của lập luận. Vận dụng các thao tác như giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, so sánh…”

- Nghị luận xã hội là những bài văn bàn về những vấn đề diễn ra xung quanh đời sống, xã hội. Đề tài của dạng bài nghị luận xã hội cũng hết sức rộng mở. Nó gồm tất cả những vấn đề về tư tưởng, đạo lí, một lối sống đẹp, một hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực trong cuộc sống hàng ngày, vấn đề thiên nhiên môi trường, vấn đề hội nhập, toàn cầu hoá…Nghĩa là, ngoài những tác phẩm nghị luận văn học (lấy tác phẩm văn học, nhà văn làm đối tượng), tất cả các dạng văn bản viết khác đều có khả năng được xếp vào dạng nghị luận xã hội, chính trị.

**II. CÁC DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

Nghị luận xã hội trong nhà trường phổ thông thường có hai dạng đề chính. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí, Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

Ngoài ra dựa vào đề thi để cụ thể hơn trong việc nhận diện, nghị luận xã hội được phân hóa thành các dạng sau:

1. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

3. Nghị luận về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học hoặc trong một câu chuyện.

4. Dạng đề nghị luận kết hợp hai mặt tốt - xấu trong một vấn đề

5. Dạng đề nghị luận mang tính chất đối thoại - bộc lộ suy nghĩ, quan điểm bản thân (mang tính đối thoại) về vấn đề được đặt ra.

6. Nghị luận về một vấn đề được gợi ra từ một hình ảnh/bức tranh.

**1. Kiểu bài văn nghị luận xã hội** chia làm ba loại nhỏ:

+ Nghị luận về một hiện tượng xã hội,

-Hiện tượng có tác động tích cực đến suy nghĩ.

- Hiện tượng có tác động tiêu cực.

- Nghị luận về một mẩu tin tức báo chí.

- Nghị luận về một bức tranh.

VD: Suy nghĩ của em về nạn bạo lực học đường?

+ Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí,

**-** Tư tưởng mang tính nhân văn, đạo đức (lòng dũng cảm, khoan dung, ý chí nghị lực…).

- Tư tưởng phản nhân văn (ích kỷ, vô cảm, thù hận, dối trá…).

- Nghị luận về hai mặt tốt xấu trong một vấn đề.

- Vấn đề có tính chất đối thoại, bàn luận, trao đổi.

VD: Suy nghĩa của em về lòng bao dung.

+ Nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.

- Nghị luận xã hội dưới dạng một câu chuyện.

- Nghị luận xã hội về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

**III. YÊU CẦU LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

\* Các yêu cầu cơ bản

- Thứ nhất: Đây là yêu cầu cơ bản cần tập trung bám sát vấn đề nghị luận.

- Thứ hai: Vì là đề nghị luận xã hội vì vậy đòi hỏi người viết phải nêu được quan điểm cá nhân rõ ràng, chân thành và nghiêm túc và nhất quán.

- Thứ ba: Phải phân tích được mặt tôt, mặt xấu của vấn đề đang bàn luận.

- Thứ 4: Đoạn văn cần có dẫn chứng thuyết phục bằng các ví dụ cụ thể trong thực tế đời sống, trong văn chương, nghệ thuật.

- Thứ 5: Cần phải đánh giá và nêu thái độ với vấn đề đời sống xã hội phải thiết thực và khả thi làm cho cuộc sống và xã hội trở lên tốt đẹp hơn.

**1. Về hình thức**

Đối với đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ thì thí sinh phải trình bày theo đúng hình thức của một đoạn văn ( tức là không được xuống dòng) dụng lượng hợp ly nhất là khoảng 2/3 tờ giấy thi. Tuy nhiên các em có thể viết thêm vài dòng cũng không ảnh hưởng đến kết quả. Giám khảo sẽ không ai ngồi đếm số câu, số chữ nên các bạn có thể hoàn toàn yên tâm miễn sao là bài viết đủ ý, diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả. Nếu như đề thi yêu cầu viết bài văn thì các em trình bày đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

**2. Về nội dung**

Dù đoạn văn dài hay ngắn cũng phải đầy đủ các ý chính sau:

Câu mở đoạn: Có tác dụng dẫn dắt vấn đề. Các em có thể viết theo cách diễn dịch, câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn. Các câu sau có nhiệm vụ làm rõ nội dung của câu chủ đề. Khi kết đoạn nên có một câu gắn gọn nêu ý nghĩa, nội dung, ý nghĩa hoặc quan điểm cá nhân của người viết để bài văn được sâu sắc hơn.

- Đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng đạo lý cần có các ý cơ bản sau: Giải thích tư tưởng, đạo lý, biểu hiện cụ thể. Tiếp theo là phân tích và chúng minh rồi mở rộng vấn đề, nêu ý nghĩa và bài học nhận thức…

- Đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về đời sống cần nêu được: Nêu hiện tượng đó (biểu hiện, mức độ…). Phân tích tác động tích cực/tiêu cực của hiện tượng đó. Tuy nhiên các bạn có thể viết linh hoạt theo ý của mình, cần có yếu tố sáng tạo, tránh máy móc, sáo rỗng.

**3. Những vấn đề cần lưu ý khi làm văn nghị luận xã hội**

**a. Đọc kỹ đề**

**-**Mục đích: Hiểu rõ yêu cầu của đề, phân biệt được tư tưởng đạo lý hay hiện tượng đời sống.

- Phương pháp xác định: Đọc kỹ đề, gạch chân dưới từ, cụm từ quan trọng để giải thích và xác lập luận điểm cho toàn bài. Từ đó có định hướng đúng mà viết bài cho tốt.

**b. Lập dàn ý**

**-**Giúp ta trình bày văn bản khoa học, có cấu trúc chặt chẽ, hợp logic.

- Kiểm soát được hệ thống ý, lập luận chặt chẽ, mạch lạc.

- Chủ động dung lượng các luận điểm phù hợp, tránh lan man, dài dòng.

**c. Dẫn chứng phù hợp**

**-**Không lấy những dẫn chứng chung chung (không có người, nội dung, sự việc cụ thể) sẽ không tốt cho bài làm.

- Dẫn chứng phải có tính thực tế và thuyết phục (người thật, việc thật).

- Đưa dẫn chứng phải thật khéo léo và phù hợp (tuyệt đối không kể lể dài dòng).

**d. Lập luận chặt chẽ, lời văn cô động, giàu sức thuyết phục**

**-**Lời văn, câu văn, đoạn văn viết phải cô đúc, ngắn gọn.

- Lập luận phải chặt chẽ.

- Cảm xúc trong sáng, lành mạnh.

- Để bài văn thấu tình đạt lý thì phải thường xuyên tạo lối viết song song (đồng tình, không đồng tình; ngợi ca, phản bác…).

**e. Bài học nhận thức và hành động**

**-** Sau khi phân tích, chứng minh, bàn luận… thì phải rút ra cho mình bài học.

- Thường bài học cho bản thân bao giờ cũng gắn liền với rèn luyện nhân cách cao đẹp, đấu tranh loại bỏ những thói xấu ra khỏi bản thân, học tập lối sống…

**g. Độ dài cần phù hợp với yêu cầu đề bài**

Khi đọc đề cần chú ý yêu cầu đề (hình thức bài làm là đoạn văn hay bài văn, bao nhiêu câu, bao nhiêu chữ…) từ đó sắp xếp ý tạo thành bài văn hoàn chỉnh.

**DẠNG 1: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ**

**1. Khái niệm:**

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, quan điểm nhân sinh (như các vấn đề về nhận thức, về tâm hồn nhân cách, về các quan hệ gia đình, xã hội, cách ứng xử, lối sống của con người trong xã hội…).

 Đối với học sinh trong nhà trường phổ thông, do đặc điểm tâm lý, lứa tuổi, tầm nhận thức nên những vấn đề đặt ra để bàn luận không phải là những vấn đề quá phức tạp, lớn lao mà chỉ là những vấn đề đạo đức, tư tưởng, tình cảm gắn liền với cuộc sống hàng ngày như tình cảm quê hương, bạn bè, ý thức trách nhiệm, tinh thần học tập… Những vấn đề này có thể được đặt ra một cách trực tiếp, nhưng thông thường là được gợi mở qua một câu danh ngôn, châm ngôn, ngạn ngữ, ca dao hay câu nói của một nhà văn hóa, nhà khoa học, người nổi tiếng…

**2. Phân loại:**

Nghị luận về 1 tư tưởng, đạo lý có 2 dạng đề:

**- Đề nổi**, học sinh dễ dàng nhận ra và gạch dưới luận đề trong đề bài.

**- Đề chìm,** học sinh cần đọc kĩ đề bài, dựa và ý nghĩa câu nói, câu chuyện, văn bản **được trích dẫn mà xác định luận đề.**

**1. Dạng đề trong đó tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách trực tiếp.**

**Đề bài:** “Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết” (B.Babbles)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN**

- Hướng dẫn phân tích đề: Ý kiến trên có các từ khoá trọng tâm cần giải thích:

+ “Sứ mạng”: Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.

+ “Người mẹ”: Người sinh ra con cái, rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.

+ “Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở, yêu thương, là nơi con cái có thể nương tựa.

Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cai hết sức thuyêt phục: Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động, tích cực, không dựa dẫm. Đây chính là vấn đề nghị luận.

**Cách làm bài Nghị luận về mộ**t **tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách trực tiếp.**

**a. Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.

- Mở ra hướng giải quyết vấn đề.

**b. Thân bài**

**\* Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận: (khoảng 10 dòng)**

- Khi giải thích cần lưu ý:

+ Bám sát tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu, tránh suy diễn chủ quan, tuỳ tiện.

+ Chỉ giải thích những từ ngữ, hình ảnh còn ẩn ý hoặc chưa rõ nghĩa.

+ Phải đi từ yếu tố nhỏ đến yếu tố lớn: giải thích từ ngữ, hình ảnh trước, rồi mới khái quát ý nghĩa của toàn bộ tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu.

**\* Bàn luận tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu: (khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)**

- Bàn luận về mức độ đúng đắn, chính xác, sâu sắc của tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu. Khi bàn luận nội dung này, cần lưu ý:

+ Phân tích, chia tách tư tưởng đạo lí thành các khía cạnh để xem xét, đánh giá.

+ Dùng lí lẽ, lập luận và dẫn chứng để chứng minh tính đúng đắn, đồng thời bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề tư tưởng, đạo lí được bàn luận.

+ Khi bàn luận, đánh giá cần thận trọng, khách quan, có căn cứ vững chắc.

Bàn luận về mức độ đầy đủ, toàn diện của tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu. Khi bàn luận nội dung này, cần lưu ý:

+ Mở rộng bằng cách giải thích và chứng minh.

- Mở rộng bằng cách đào sâu thêm vấn đề. Người viết nên tự đặt ra và trả lời các câu hỏi: Tư tưởng đạo lí ấy đã đầy đủ, toàn diện chưa? Có thể bổ sung thêm điều gì?

+ Người viết cần lật đi lật lại vấn đề, xem xét từ nhiều góc độ, nhiều quan hệ để đánh giá và bổ sung cho hợp lí, chính xác. Người tham gia nghị luận đưa ra mặt trái của vấn đề, phủ nhận nó là công nhận cái đúng, ngược lại ,nếu vấn đề bình luận là sai hãy lật ngược bằng cách dưa ra vấn đề đúng, bảo vệ cái đúng cũng có nghĩa là phủ định cái sai.

+ Người viết cần có bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng, cần có suy nghĩ riêng, dám đưa ra chính kiến riêng, miễn là có lí, có tinh thần xây dựng và phù hợp đạo lí.

**\* Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống: (khoảng 10 dòng)**

- Khi đưa ra bài học nhận thức và hành động, cần lưu ý:

+ Bài học phải được rút ra từ chính tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu, phải hướng tới tuổi trẻ, phù hợp và thiết thực với tuổi trẻ, tránh chung chung, trừu tượng.

+ Nên rút ra hai bài học, một về nhận thức, một về hành động.

+ Bài học cần được nêu chân thành, giản dị, tránh hô khẩu hiệu, tránh hứa suông hứa hão.

**c. Kết bài**

- Đánh giá ngắn gọn, khái quát về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận.

- Liên hệ mở rộng, nâng cao vấn đề (trích dẫn câu thơ, câu hát, câu nói... hay, phù hợp)

**2. Dạng đề trong đó tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách gián tiếp (thường gặp trong đề thi)**

Cách làm bài

**a. Mở bài**

- Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu chuyện trong đề bài

- Nêu vấn đề cần nghị luận

**b. Thân bài**

**\* Bước 1**: Phân tích, hoặc nêu vắn tắt nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề

- Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ văn bản văn học đó.

- Từ đó, khái quát chính xác vấn đề xã hội cần nghị luận.

**\* Bước 2: Bàn về nội dung của thông điệp rút ra từ câu chuyện đó**

- Giải thích vấn đề (nếu cần thiết)

- Phân tích – chứng minh:

+ Đối với vấn đề xã hội là vấn đề tư tưởng, đạo lí: Làm rõ các biểu hiện của tư tưởng, đạo lí ở những phương diện khác nhau trong đời sống…; dùng thực tế xã hội để chứng minh. Đặt câu hỏi để xác định ý: Như thế nào? Ở đâu? Bao giờ? Người thật việc thật nào?…

+ Đối với vấn đề xã hội là một hiện tượng đời sống: Xác định đó là hiện tượng tích cực hay tiêu cực, mô tả những biểu hiện của hiện tượng đó….

- Bình luận: Bình luận, chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề xã hội hiện nay

+ Đánh giá: Quan niệm, tư tưởng ấy đúng đắn, sâu sắc như thế nào? Ý nghĩa đối với tâm hồn, nhân cách con người? (tư tưởng, đạo lí) Hiện tượng ấy có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống con người ?

(Cần thể hiện thái độ đồng tình, biểu dương, trân trọng trước vấn đề xã hội có ý nghĩa tích cực, phê phán những biểu hiện sai trái, suy nghĩ, quan niệm lệch lạc so với quan niệm, tư tưởng, hiện tượng được nghị luận)

+ Mở rộng: Xem xét vấn đề ở những phương diện, góc độ khác nhau (phương pháp, góc nhìn, tính hai mặt của vấn đề nghị luận…)

**\* Bước 3: Rút ra bài học cho bản thân**

- Về nhận thức: Vấn đề xã hội đó giúp ta hiểu sâu sắc về điều gì? Rút ra được điều gì có ý nghĩa?

- Về hành động: Xác định hành động bản thân phải làm gì? Việc làm cụ thể, thiết thực.

**c. Kết bài**

- Khẳng định ý nghĩa của thông điệp từ câu chuyện.

- Liên hệ mở rộng.

- Liên hệ mở rộng.

**3. Cách làm cụ thể:**

- Trước hết, phần **mở bài**phải **giới thiệu khái quát**tư tưởng, đạo lý cần nghị luận. Nêu ý chính (vấn đề) hoặc câu nói về tư tưởng, đạo lý mà đề bài đưa ra.

- Phần **thân bài**, có nhiều luận điểm. Tuy nhiên cần đảm bảo:

+ a. Giải thích rõ nội dung tư tưởng đạo lý. Bao gồm:

- Giải thích các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm, nghĩa đen/nghĩa bóng (nếu có)

- Rút ra ý nghĩa chung của tư tưởng, đạo lý

Thực chất là đi trả lời cho câu hỏi **LÀ GÌ?**

**b.** Phân tích, chứng minh các mặt đúng của tư tưởng, đạo lý. Dùng dẫn chứng để chứng minh. Từ đó, chỉ ra tầm quan trọng, tác dụng của tư tưởng, đạo lý đối với đời sống xã hội.

Thực chất là đi trả lời cho câu hỏi **TẠI SAO? NHƯ THẾ NÀO?**

c. Bình luận, mở rộng vấn đề, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng, đạo lý vì có những tư tưởng, đạo lý đúng trong thời đại này nhưng hạn chế trong thời đại khác, đúng trong hoàn cảnh này nhưng chưa đúng trong hoàn cảnh khác. Dùng dẫn chứng minh họa.

Thực chất của luận điểm này là trả lời một số câu hỏi nhằm lật ngược vấn đề, nhìn nhận vấn đề trong nhiều chiều, nhiều góc độ, thấu đáo hơn, tránh áp đặt khiên cưỡng (VD, các câu hỏi như: có ngoại lệ hay không? Vấn đề có thể đúng/sai trong những hoàn cảnh khác nhau như thế nào?...)

d: Rút ra bài học nhận thức (đúng hay sai?) và hành động (cần làm gì?). Đây là một luận điểm nhỏ nhưng là vấn đề cơ bản của nghị luận xã hội bởi mục đích của việc nghị luận là rút ra những kết luận đúng để thuyết phục người đọc.

- Phần **kết bài,**liên hệ bản thân, đánh giá chung về vấn đề.

**4. Dàn ý gợi ý:**

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận/trích dẫn nhận định (nếu có)

**b.Thân bài:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Luận điểm** | **Cách làm** |
| **1. Giải thích**: Nghĩa của từ/cụm từ/cả câu (nghĩa đen, nghĩa hàm ẩn) **LÀ GÌ?** | - Dùng các từ gần nghĩa, cùng trường nghĩa để giải thích  - Dùng các từ trái nghĩa đề giải thích  - Giải thích bằng cách nêu VD |
| **2. Lý giải vấn đề** (**TẠI SAO?**) | - Để ý vào các từ ngữ trong đề bài, đặt câu hỏi (tại sao?) sẽ tìm được ý bình luận cho riêng mình.  - Lí giải kết hợp với chứng minh. Lưu ý, nên lấy những dẫn chứng xã hội, người thật việc thật, không nên lấy dẫn chứng xã hội vì dễ rơi vào xa hoặc lạc đề. |
| **3. Biểu hiện/hiện trạng**: Vấn đề được biểu hiện hoặc đang diễn ra như thế nào trong đời sống xã hội? | Đề cập hai phương diện:  - Tích cực: như thế nào?  - Tiêu cực: Tuy nhiên, bên cạnh đó có những biểu hiện, tư tưởng trái ngược ntn? Phê phán. |
| **4. Đánh giá, luận bàn vấn đề**. | Trả lời một số câu hỏi nhằm lật ngược vấn đề, nhìn nhận vấn đề trong nhiều chiều, nhiều góc độ, thấu đáo hơn, tránh áp đặt khiên cưỡng (VD, các câu hỏi như: có ngoại lệ hay không? Vấn đề có thể đúng/sai trong những hoàn cảnh khác nhau như thế nào?...)  Đây là phần thể hiện bản lĩnh, độ sắc, nhạy của người viết. |
| **5. Rút ra bài học:**  - BH nhận thức  - BH hành động | Phần này gần với việc đề xuất các giải pháp:  + Cá nhân (mỗi người tự ý thức ra sao? Tu dưỡng phẩm chất, đạo đức?...)  + Gia đình?  + Nhà trường?  + Xã hội (tuyên truyền, tham gia các hoạt động xã hội…) |
| **Lưu ý**: - Dẫn chứng phải thuyết phục, thường là NHÂN VẬT – SỰ KIỆN, không dùng dẫn chứng chung chung. | |

**c. Kết bài**: Khẳng định lại vấn đề

**5. Đề và gợi ý giải đề:**

          Đối với đối tượng là học sinh giỏi, xu hướng đề thường ra là lựa chọn một vấn đề được gửi gắm qua **hai nhận định** (hai nhận định này được phát biểu dưới dạng một ý kiến, một câu nói, một câu danh ngôn…). Do đó, lưu ý, nếu đề bàn đến hai câu nói (nhận định, ý kiến) hoặc hai vế khác nhau trong một câu nói (dạng này chuyên đề tách thành dạng nghị luận về một vấn đề chứa đựng hai mặt tốt – xấu, sẽ trình bày cấu trúc cụ thể ở phần sau) thì cách làm, phần lớn là: Giải thích, phân tích, bình luận từng ý kiến cho rõ ràng. Đọc qua nghe chừng hai ý kiến rất mâu thuẫn nhau nhưng thực chất lại có mối quan hệ nhất định với nhau. Mối quan hệ đó, có thể là bổ sung ý kiến cho nhau, cũng có thể hoàn toàn đối lập nhau. Nhưng phần lớn là bổ sung, làm rõ thêm cho cùng một vấn đề. Do đó, tùy vào đề bài, người viết cần linh hoạt và lựa chọn lối đi cho mình sao cho phù hợp. Hoặc đồng tình với cả hai ý kiến, hoặc đứng hẳn về một ý kiến hoặc lấy phần đúng trong mỗi ý kiến đề đề xuất cách hiểu đúng đắn.

**Đề 1: Ngạn ngữ có câu:**

“Cuộc đời ngắn ngủi không cho phép ta ước vọng quá nhiều”.

Thế nhưng nhà văn Nga M.Prisvin lại cho rằng:

“Phải ước mơ nhiều hơn nữa, phải ước mơ tha thiết hơn nữa để biến tương lai thành hiện tại”. Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về hai câu nói trên.

**Gợi ý trả lời**

**- Giải thích:**

+ Ý kiến 1: “Cuộc đời ngắn ngủi” được hiểu là thời gian dành cho mỗi con người luôn có hạn, không ai sống mãi được cùng với thời gian.

=> Câu ngạn ngữ đưa ra lời khuyên: Cuộc sống luôn có những giới hạn, con người sẽ không đủ thời gian để thực hiện ước mơ, vì vậy không nên quá tham vọng, mơ ước những điều viển vông.

+ Ý kiến 2: “Biến tương lai thành hiện thức”, biến những điều con người mơ ước, những điều chưa có trong hiện thực thành những thứ có thực.

=> Câu nói khuyên con người, phải có những ước mơ lớn lao, như vậy mới biến tương lai thành sự thật.

=> Hai ý kiến đưa ra hai quan điểm tưởng như đối lập nhưng thực chất là bổ sung cho nhau, thể hiện tọn vẹn hai mặt của một vấn đề. Con người phải viết vươn cao, vươn xa nhưng đồng thời cũng phải tỉnh táo lựa chọn cho mình những điều phù hợp, không chạy theo những giá trị phù du, viển vông, vô nghĩa.

- Phân tích, chứng minh (tính đúng đắn hoặc sai lầm hoặc vừa đúng vưà sai) của ý kiến bằng việc bày tỏ sự đồng tình (hoặc phản đối hoặc vừa đồng tình vừa phản đối) đối với ý kiến:

+ Ước mơ và khát vọng sống làm nên vẻ đẹp cuộc sống: ước mơ là một trong những thước đo tầm vóc của con người, những người có ước mơ càng đẹp thì càng có khả năng tiến xa trong cuộc sống; người có ước mơ, hoài bão mới có động cơ, phương hướng tìm tòi, tự học và sáng tạo; khi sống và làm việc đề thực hiện ước mơ con người sẽ có niềm vui, niềm hạnh phúc, sẽ tìm thấy ý nghĩa, giá trị của sự sống, con người sẽ cảm thấy cuộc sống không trôi đi một cách vô nghĩa, lãng phí…

+ Ước mơ không đồng nghĩa với việc chạy theo những điều viển vông, phi thực tế: không nên ước mơ xa vời mà phải thiết thực vì cuộc sống là hữu hạn, con người không bao giờ đủ khả năng và thời gian để làm tất cả mọi việc; Cuộc đời được tạo nên từ những điều bình dị, do đó không nên chạy theo những ước mơ viễn vông mà đánh mất đi chân giá trị của cuộc ống; Đôi khi cần phải biết bằng lòng với những gì mình đang có, bằng lòng với cuộc sống con người sẽ cảm thấy thanh thản hơn, bình yên hơn.

=> Phải biết cân bằng giữa ước mơ và thực tại, ước mơ bắt nguồn từ cuốc sống. Phải theo đuổi ước mơ nhưng đừng mơ một cách hão huyền.

- Bàn luận, mở rộng:

+ Phê phán hai hiện tượng”

- Những người sống không có hoài bão, không biết vươn lên để tạo ra một tương lai tốt đẹp. Cuộc sống của những con người này sẽ mãi trì trệ, dậm chân tại chỗ.

- Ngược lại, có những kẻ quá tham vọng, ước mơ viễn vông mà chạy theo các giá trị phù du để rồi đánh mất mình

(Có thể dùng các dẫn chứng sau để chứng minh:

- Đặng Lê Nguyên Vũ - ông chủ hãng cà phê Trung Nguyên, chứng kiến cảnh cha bị bệnh nặng, chỉ cần 2 triệu để có thể chạy chữa bệnh cho cha, vậy mà vay mượn cả đại gia đình cuãng không đủ, cậu con trai 16 tuổi đã thề với lòng: “Một ngày nào đó mình sẽ thay đổi cuộc sống của cả đại gia đình này”. Sau này, cậu bé ngày nào đã khời nghiệp bằng căn nhà thuê chỉ vài mét vuông để xay cà phê, đạp xe hàng cây số để giao hàng… lại trở thành ông chủ tập đoàn sản xuất cà phê lớn nhất Việt Nam

- Walt Disney - giám đốc hãng phim truyền hình lớn nhất thế giới. Sinh ra trong một gia đình nghèo khó, mê vẽ. Vì không có tiền nên đã dùng than để vẽ lên giấy vệ sinh. Sau này đã trở thành cái tên đình đám trong giới phim và các hãng truyền thông).

- Rút ra bài học

**Đề 2:**Có ý kiến cho rằng: “Sống là không chờ đợi, bởi vậy, để không lãng phí thời gian, con người cần phải làm việc và nỗ lực hết mình”.

Lại cũng có ý kiến cho rằng: “Để cuộc đời trở nên có ý nghĩa, con người cần phải sống chậm lại, tận hưởng những vẻ đẹp cuộc sống”.

Anh/chị đồng tình với quan điểm nào? Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh chị về hai ý kiến trên.

**DẠNG 2: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm:**

- Là bàn về một hiện tượng đang diễn ra trong thực tế đời sống xã hội, mang tính chất thời sự, thu hút sự quan tâm của nhiều người (như ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông, bạo hành gia đình, bệnh vô cảm…). Đó có thể là hiện tượng tốt hoặc xấu, đáng khen hoặc đáng chê.

**2. Cách làm:**

Để làm được kiểu bài này HS cần phải hiểu hiện tượng đời sống được đưa ra nghị luận, có thể có ý nghĩa tích cực cũng có thể là tiêu cực, có hiện tượng vừa tích cực vừa tiêu cực… Do vậy, cần căn cứ vào yêu cầu cụ thể của đề để gia giảm liều lượng cho hợp lí, tránh làm bài chung chung, không phân biệt được mặt tích cực hay tiêu cực.

Các nội dung chính:

*a. Mở bài:*

- Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận.

*b. Thân bài:*

+ Luận điểm 1: Giải thích sơ lược hiện tượng đời sống, làm rõ những từ ngữ, hình ảnh, khái niệm có trong đề bài (nếu có).

+ Luận điểm 2: Nêu rõ thực trạng, biểu hiện và ảnh hưởng của hiện tượng đời sống (thực tế vấn đề đang diễn ra như thế nào? Có ảnh hưởng ra sao đối với đời sống? thái độ của xã hội đối với vấn đề như thế nào?). Chú ý liên hẹ thực tế địa phương để đưa ra những dẫn chứng sắc bén, thuyết phục. Từ đó, làm nổi bật tính cấp thiết phải giải quyết vấn đề.

+ Luận điểm 3: Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến hiện tượng (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan, nguyên nhân do thiên nhiên, do con người…).

+ Luận điểm 4: Đề xuất giải pháp để giải quyết hiện tượng (chú ý, nguyên nhân nào thì giải pháp đó). Cần chỉ rõ những việc cần làm, cách thức thực hiện, đòi hỏi phải phối hợp với những lực lượng nào?

+ Luận điểm 5: Rút ra 2 bài học: nhận thức và hành động (Nhận thức về vấn đề như thế nào? Đúng hay sai? Cần phải làm gì?).

*c. Kết bài:*

- Cần khái quát lại vấn đề đang nghị luận, bày tỏ thái độ của bản thân về hiên tượng đời sống.

**3. Cấu trúc bài làm:**

**\* Lưu ý**: - Vấn đề đề bài yêu cầu nghị luận là gì? (? Là gì?)

- Khái niệm và biểu hiện của vấn đề được đề cập trong đề bài thế nào? (? Thế nào? Như thế nào?)

- Nguyên nhân của vấn đề (Nguyên nhân chủ quan? Khách quan?) (Vì sao?)

- Vấn đề đúng hay sai - ích lợi hoặc tác hại của vấn đề?

- Ý kiến thái độ của bản thân và đề xuất những giải pháp phát huy hoặc ngăn chặn về vấn đề nghị luận

|  |  |
| --- | --- |
| **NLXH về một SV, HT đời sống có tính tiêu cực** | **NLXH về một SV, HT đời sống có ý nghĩa tích cực** |
| **1. Mở đoạn:** giới thiệu chung về hiện tượng đời sống, quan điểm của người viết | |
| **2. Thân đoạn:**  \* Giải thích |  |
| - Nêu thực trạng | - Nêu biểu hiện |
| - Nêu nguyên nhân (chủ quan, khách quan) |  |
| - Đánh giá hậu quả (đối với cá nhân, cộng đồng) | - Đánh giá ý nghĩa kết quả (đối với cá nhân, cộng đồng) |
| - Giải pháp khắc phục | - Biện pháp phát huy mặt ưu điểm |
| - Mở rộng vấn đề, bàn luận về vấn đề trái ngược |  |
| **3. Kết đoạn**: Bài học nhận thức và hành động của bản thân | |

**c. Cách nêu vấn đề**

**+ Trực tiếp:** Nêu thẳng vấn đề đó ra bằng một luận điểm rõ ràng.

=> Dễ làm, dễ tiếp nhận, tuy nhiên thường khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn cho bài viết.

**+ Gián tiếp**: Dẫn dắt vào đề bằng cách nêu lên những ý có liên quan đến luận đề (vấn đề cần nghị luận)

=>Tạo được sự uyển chuyển, hấp dẫn người đọc, tuy nhiên dễ dẫn đến sự lan man, lạc đề cho bài viết…

**d. Cách chọn và đưa dẫn chứng**

- Lấy dẫn chứng càng mới, càng gần thời điểm thi càng tốt

- Số lượng dẫn chứng phù hợp (2-3 dẫn chứng)

- Dẫn chứng ngoài đời thực (trong văn chương

- Dẫn chứng trong nước rồi đến nước ngoài

- Không lấy dẫn chứng chung chung, sáo rỗng

**e. Sửa lỗi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lỗi thường gặp** | **Hướng khắc phục** |
| **Hình thức** | |
| - Chưa đúng hình thức đoạn văn. | - Lùi đầu dòng; viết hoa chữ cái đầu tiên... |
| - Chưa đảm bảo dung lượng. | - Đúng độ dài quy định (1/2 hoặc 2/3 trang giấy thi). |
| - Diễn đạt lủng củng, sai ngữ pháp, sai chính tả… | - Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng, đúng ngữ pháp, chính tả. |
| Thiếu liên kết hoặc liên kết chưa chặt chẽ. | - Sử dụng các phương tiện liên kết (từ, câu) |
| Nội dung | |
| - Thiếu ý hoặc viết lan man.  - Trình tự lập luận: sắp xếp các ý lộn xộn | - Bám sát cấu trúc đoạn, các câu cùng hướng về chủ đề  - Trình tự lập luận: bám sát vào dàn ý |
| - Dẫn chứng chưa chọn lọc hoặc không có dẫn chứng. | - Dẫn chứng phù hợp, cập nhật, thuyết phục… |
| - Liên hệ chung chung, chưa cập nhật thực tế đời sống, còn mang tính khẩu hiệu. | - Liên hệ phải gắn với những hành động cụ thể, thiết thực của bản thân. |

**5. Áp dụng đề:**

**Đề bài:**Trong một bài viết trên báo, có một bạn trẻ tâm sự:

*"Tôi ưa nói, ưa tranh luận, nhưng khi tôi 17 tuổi nếu tôi giơ tay phát biểu trước lớp về một vấn đề không đồng ý với quan điểm của thầy cô, tôi bị dòm ngó, tẩy chay, cười mỉa... Hình như ở Việt Nam, người ta rất khó chấp nhận chuyện người nhỏ hơn mình "sửa sai" hay tranh luận thẳng thắn với người lớn"*.

*(Đặng Anh, Sống đúng là chính mình, tuoitre.vn, ngày 9/9/2013).*

Từ góc độ của một người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn ngắn khoảng 600 từ cho biết suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

**Gợi ý làm bài**:

**I. Mở bài:**

**-**Dẫn dắt

- Giới thiệu hiện tượng cần bàn.

**II. Thân bài:**

**1. Nêu bản chất của hiện tượng- giải thích hiện tượng**

- Ý kiến trên nêu lên một thực tế khá phổ biến trong xã hội Việt Nam: những người trẻ tuổi có tư duy độc lập, khi vượt qua rào cản tuổi tác có chủ kiến cá nhân thường phải đối mặt với cái nhìn và đánh giá mang tính định kiến của cộng đồng xã hội.

- Từ đấy, chính bản thân người trẻ cũng dễ mang tâm lí kém tự tin, luôn có thái độ rụt rè, thụ động khi bộc lộ chủ kiến, thậm chí không bao giờ nói ra suy nghĩ của mình trước đám đông

**2. Thực trạng.**

- Hiện tượng được đề cập là hiện tượng khá phổ biến trong trường học của Việt Nam. Với lối giảng dạy truyền thống và nếp sống của cộng đồng, học sinh của nước ta khá thụ động trong học tập, gần như chỉ tiếp thu kiến thức một chiều và ít khi đặt ra câu hỏi hay đưa ra những suy nghĩ đi ngược lại với điều được dạy. Tuy nhiên, cũng có một số học sinh dám bộc lộ chủ kiến của mình thì lại ít được gv khuyến khích, thậm chí còn bị bác bỏ, bị phủ nhận.

- Ở cấp độ xã hội, hiện tượng này cũng xuất hiện rất nhiều. Người trẻ tuổi thường bị nhìn nhận là "trẻ người non dạ", "ngựa non háu đá", "trứng khôn hơn vịt". Vì vậy, đa phần người trẻ, những người giàu sức sống, sự năng động, sáng tạo trong tư duy và hành động nhất lại trở thành những cỗ máy câm lặng, ít dám bộc lộ bản thân.

**3. Nguyên nhân:**

- Xã hội Việt Nam vốn có truyền thống "kính lão đắc thọ", người trẻ tuổi phải luôn lắng nghe và tôn trọng người lớn tuổi hơn để học tập kinh nghiệm sống.

- Do sự ích kỉ, bảo thủ của người lớn.

- Trong xã hội Á Đông nói chung và xã hội Việt Nam nói riêng, con người có khuynh hướng sống khép mình, giấu cái tôi cá nhân đi chứ không chủ động bộc phát cái tôi mạnh mẽ như người phương Tây. Vì vậy, người Việt Nam có tâm lí ngại nói lên suy nghĩ riêng trước đám đông, đặc biệt là người trẻ tuổi….

**4. Hậu quả**:

- Những người trẻ có tâm huyết trở nên bất mãn, thờ ơ, thiếu tự tin…

- Người trẻ không có điều kiện thể hiện tài năng và sự cống hiến cho xã hội.

- Thiếu công bằng khi bình xét, đánh giá khen thưởng …

**5. Giải pháp:**

- Bộc lộ chủ kiến là một hành động tích cực, cần được khuyến khích và người trẻ cũng cần có ý thức về cách thức và thái độ khi thể hiện chủ kiến của mình: thẳng thắn và khiêm tốn, bộc trực, mạnh mẽ, biết bảo vệ ý kiến riêng nhưng không được kiêu căng, thất lễ với người khác.

- Về phía những người lớn tuổi, những bậc tiền nhân và cả cộng đồng cần có cái nhìn rộng mở hơn với người trẻ, biết lắng nghe, chia sẻ và trao đổi ý kiến với họ; đồng thời đánh giá và nhìn nhận đúng mức sự đóng góp của người trẻ chứ không nên có thái độ "dòm ngó, tẩy chay, cười mỉa" làm ảnh hưởng đến tinh thần và tâm lí của thế hệ trẻ.

- Cần động viên và khuyến khích thế hệ trẻ biết sống chủ động, sống sáng tạo và bộc lộ mình hơn để góp phần thay đổi cuộc sống theo hướng tích cực.

**6. Bình luận, mở rộng vấn đề:**

- Không đồng tình trước thói quen kì thị của một số người lớn tuổi truớc chính kiến của những người trẻ tuổi hơn

- Nâng cao trình độ, suy nghĩ thấu đáo... => dám bộc lộ chủ kiến của mình đồng thời tôn trọng ý kiến của người trẻ như mình.

- Cần phải phân biệt giữa thái độ bộc lộ suy nghĩ của cá nhân để trao đổi, tranh luận với người khác với thái độ chống đối, tiếu tôn trọng, thậm chí xấc xược, hỗn láo với người lớn tuổi ở những người trẻ.

**III. Kết bài:**

- Khẳng định: Vấn đề tác giả Đặng Anh đặt ra là một vấn đề đáng suy nghĩ và có giá trị không chỉ đối với người trẻ mà đối với cả cộng đồng.

- Bài học nhận thức và hành động của bản thân.

**Lưu ý:** Có những đề nhìn bề ngoài thì là một phát biểu, một ý kiến, nhận định (có thể ở dạng danh ngôn, châm ngôn…) nhưng bản chất lại bàn về một hiện tượng đời sống (VD: *"Trong thế gian này chúng ta xót xa không chỉ vì lời nói và hành động của những kẻ xấu mà còn là sự im lặng đáng sợ của những người tốt"*). Khi đó, cần nhận diện đúng đề, sau đó đưa về cấu trúc dạng Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM HOẶC CÂU CHUYỆN**

**\* Lưu ý:**

- Dạng bài nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học là một dạng đề tích hợp giữa làm văn và đọc văn.

- Cần thấy rõ đây là kiểu bài nghị luận xã hội chứ không phải là nghị luận văn học. Tác phẩm văn học chỉ là “ cái cớ” khởi đầu.Mục đích chính của kiểu bài này là yêu cầu người viết bàn bạc nghị luận về một vấn đề xã hội ,tư tưởng,nhân sinh đặt ra trong tác phẩm đó mà bàn luận, kiến giải.

  Đây là dạng đề tổng hợp thường dành cho học sinh giỏi, dạng đề này đòi hỏi người viết phải có kiến thức cả về văn học và đời sống xã hội cũng như kĩ năng phân tích tác phẩm văn học và kĩ năng phân tích, bình luận các vấn đề xã hội. Đề thường xuất phát từ một vấn đề xã hội có ý nghĩa trong một tác phẩm văn học hoặc câu chuyện, yêu cầu học sinh bàn bạc,mở rộng vấn đề, bày tỏ quan điểm và suy nghĩ của bản thân. Vấn đề xã hội được bàn bạc có thể rút ra từ một tác phẩm văn học trong chương trình, cũng có thể người viết phải tự rút ra từ câu chuyện.

**Ví dụ 1:** Từ nghịch cảnh của nhân vật Trương Ba trong trích đoạn “*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*” (Lưu Quang Vũ), hãy bàn về nỗi khổ của những con người không được sống đúng là mình.

**Ví dụ 2:**

*Thượng đế lấy đất sét nắn ra con người. Khi Ngài nắn xong vẫn còn thừa ra một mẩu đất:  
- Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người? - Ngài hỏi.*

*Con người suy nghĩ một lúc thấy mình đã đầy đủ tay, chân, đầu, rồi nói:*

*- Xin Ngài nắn cho con hạnh phúc.*

*Thượng đế đủ biết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:*

*- Này, tự đi và nắn lấy cho mình hạnh phúc.”*

Suy nghĩ của anh/chị về câu chuyện trên.

Để làm được kiểu dạng này, chúng ta cần tiến hành theo hai bước sau:

- Trước hết, cần phân tích tác phẩm để làm rõ vấn đề xã hội cần bàn luận cùng với các khía cạnh, các phương diện biểu hiện của nó.

- Sau đó, đi sâu bàn về vấn đề xã hội đã rút ra trong tác phẩm.

          Cần lưu ý, dạng bài này rất dễ lẫn với dạng bài nghị luận văn học vì buộc phải có khâu phân tích tác phẩm để xác định vấn đề cần nghị luận. Để tránh nhầm lẫn, cần xác định và phân biệt rõ sự khác biệt về mục đích và cách thức tiến hành. Mục đích của nghị luận văn học là bàn bạc, phân tích, để đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học, còn mục đích của nghị luận xã hội là phân tích, đánh giá để đưa ra ý kiến, quan điểm về vấn đề xã hội được đặt ra ở văn bản tác phẩm đó. Vì thế, khi làm bài nghị luận văn học, cần cắt nghĩa, bình giá cái hay, vẻ đẹp của các yếu tố của văn bản như ngôn ngữ, hình tượng về hai phương diện nội dung và nghệ thuật, còn khi làm bài nghị luận xã hội lại chỉ cần chú ý tới mặt nội dung. Hơn nữa, với nghị luận văn học, việc phân tích tác phẩm văn học là mục đích, còn trong nghị luận xã hội nó chỉ là phương tiện, là thao tác đầu tiên khởi đầu cho cả một quá trình sau đó.

**DÀN BÀI THAM KHẢO**

**a. Mở bài:**

- Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu chuyện trong đề bài

- Nêu vấn đề cần nghị luận

**b. Thân bài:**

\* Bước 1: Phân tích,hoặc nêu vắn tắt nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề

- Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ văn bản văn học đó.

- Từ đó, khái quát chính xác vấn đề xã hội cần nghị luận

\* Bước 2: Thực hiện các thao tác nghị luận (tùy thuộc vào vấn đề nghị luận là một tư tưởng, đạo lí hay một hiện tượng đời sống HS áp dụng phương pháp làm bài cụ thể).

- Giải thích vấn đề (nếu cần thiết)

- Phân tích - chứng minh:

+ Đối với vấn đề xã hội là vấn đề tư tưởng, đạo lí: Làm rõ các biểu hiện của tư tưởng, đạo lí ở những phương diện khác nhau trong đời sống… dùng thực tế xã hội để chứng minh. Đặt câu hỏi để xác định ý: Như thế nào? Ở đâu? Bao giờ? Người thật việc thật nào?….

+ Đối với vấn đề xã hội là một hiện tượng đời sống: Xác định đó là hiện tượng tích cực hay tiêu cực, mô tả những biểu hiện của hiện tượng đó….

- Bình luận: Bình luận, chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề xã hội hiện nay

+ Đánh giá:

Quan niệm, tư tưởng ấy đúng đắn, sâu sắc như thế nào? Ý nghĩa đối với tâm hồn, nhân cách con người? (tư tưởng, đạo lí)

Hiện tượng ấy có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống con người ?

(Cần thể hiện thái độ đồng tình, biểu dương, trân trọng trước vấn đề xã hội có ý nghĩa tích cực; phê phán những biểu hiện sai trái, suy nghĩ, quan niệm lệch lạc so với quan niệm, tư tưởng, hiện tượng được nghị luận)

+ Mở rộng: Xem xét vấn đề ở những phương diện, góc độ khác nhau (phương pháp, góc nhìn, tính hai mặt của vấn đề nghị luận…)

\* Bước 3: Rút ra bài học cho bản thân

- Nhận thức: Vấn đề xã hội đó giúp ta hiểu sâu sắc về điều gì? Rút ra được điều gì có ý nghĩa?

- Hành động: Xác định hành động bản thân phải làm gì? Việc làm cụ thể, thiết thực.

**c. Kết bài:**

**2. Đề:**

“*Những giọt sương lặn vào lá cỏ*

*Qua nắng gắt, qua bão tố*

*Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh*

*Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương…*”

*(Thanh Thảo, Sự bùng nổ của mùa xuân)*

Hãy phát biểu những suy nghĩ của anh/chị được gợi ra từ hiện tượng trên.

**Gợi ý trả lời**

Đây là kiểu đề mở, từ một hiện tượng thiên nhiên, thí sinh cần mở rộng liên tưởng đến những vấn đề về cuộc sống, con người… Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:

- Cảm nhận về hiện tượng thiên nhiên được gợi mở từ đoạn thơ: Giọt sương nhỏ bé, rất đỗi mỏng manh, khiêm nhường nhưng lại tiềm ẩn sức sống bền bỉ, kiên cường, mãnh liệt.

- Những gợi mở,liên tưởng từ hiện tượng thiên nhiên: Giữa cuộc đời đầy chông gai, sóng gió, con người vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt, vẫn tha thiết yêu đời, vẫn cháy bỏng niềm tin yêu và hy vọng. Giữa vô vàn khó khăn, khốc liệt của cuộc sống, của hoàn cảnh, cái đẹp vẫn đơm hoa, sự sống vẫn nảy mầm.

- Bày tỏ suy nghĩ của bản thân:

+ Những gợi mở từ hiện tượng thiên nhiên đưa đến cho chúng ta suy ngẫm sâu sắc về cuộc sống, về con người, về cái đẹp… Cuộc sống luôn chứa đựng những điều bất ngờ,lý thú, luôn ẩn chứa vẻ đẹp bình dị mà thanh cao. Tâm hồn con người, cái đẹp lên hương từ cuộc sống chính là hạt ngọc lung linh, ngần sáng biết bao thánh thiện mà mỗi một chúng ta cẩn biết nâng niu.

+ Trong mọi hoàn cảnh dù vất vả, khó khăn, dù gian nan thử thách cũng không nên buông xuôi, chán nản. Hãy nuôi dưỡng niềm tin, hy vọng và cuộc sống, con người.

**2. Đề bài tham khảo: Bài thơ Dặn con của tác giả Trần Nhuận Minh dưới đây gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về cách ứng xử với những người bất hạnh?**

*...Lòng tốt gửi vào thiên hạ*

*Biết đâu nuôi bố sau này...*

**Dàn bài tham khảo**

**a. Mở bài**

- Con người trong cuộc đời sống phải có nhau, quý là ở cái tình. Nó có thể khiến người ta cảm thông được cho nhau, có thể giúp người ta cùng nhau chia sẻ để vơi bớt buồn đau, nhân đôi niềm hạnh phúc.

- Tuy nhiên, không phải cứ có tình cảm chân thành là đã đủ. Đôi khi, cách cư xử cụ thể cũng quan trọng không kém so với động cơ tình cảm ở bên trong. Bài thơ Dặn con của nhà thơ Trần Nhuận Minh là một bài thơ thấm thía bởi đề cập đến một cách ứng xử rất mực nhân tình với những người bất hạnh quanh ta.

**b. Thân bài**

**\* Khái quát về lời dặn con của người cha**

- Cách đối xử với người bất hạnh (người ăn mày)

+ Đồng cảm và sẻ chia: Hiểu được nguyên nhân của tình cảnh hiện tại mà người khác phải chịu đựng “tội trời đày” là bất hạnh do số phận, do không may, không phải do không nỗ lực, cũng không phải ai muốn lâm vào tình cảnh ấy). Đặt mình vào tình cảnh của họ để cảm thông vói họ (cần quan tâm song sự quan tâm ấy phải tế nhị, đúng lúc. Với người hành khất, hỏi gốc gác, quê hương là điều cần tránh vì sẽ tạo cảm giác chạnh lòng, xót xa). Chia sẻ với họ một phần trong những gì mình có - và sự sẻ chia ấy nên là hành động tự nguyện, tự nhiên cũng như tự nhiên họ đến với mình (Nhà mình sát đường họ đến/Có cho thì có là bao). Tuyệt đối tránh thái độ kỳ thị, khinh miệt, thậm chí tránh cả biểu hiện của thái độ thương hại vì trong trường hợp này lòng thương hại cũng sẽ gây tổn thương không kém gì sự coi thường, khinh miệt.

+ Bảo vệ và tránh những rào cản, ngăn cách: Tình thế của người hành khất là tình thế của con người yếu đuối, cô độc, dễ mất tự tin, sự cản trở dù nhỏ nhất cũng sẽ gây tổn thương, đau đớn. Phá bỏ rào cản mới là trọn vẹn cái tình, trọn vẹn tấm lòng mà con người có thể dành cho nhau (Con chó nhà mình rất hư/Hễ thấy ăn mày là cắn /Con phải răn dạy nó đi/Nếu không thì con đem bán).

- Ý nghĩa của cách đối xử ấy:

+ Giảm bớt khó khăn về vật chất, cũng giảm bớt cả những thương tổn tinh thần cho những người vốn đã bất hạnh, đau khổ. Đó là biểu hiện của tình thương, tình người - điều rất cần thiết để là người.

+ Thương người cũng chính là cách để thương mình. Cái sâu sắc của người cha khi dạy con là tạo cho con một cách sống nhân ái, góp phần tạo nên một môi trường xã hội đầy nhân ái để những bất trắc, đảo lộn, đổi thay của thời thế cũng không đẩy con người đến chỗ cùng đường tuyệt lộ (Mình tạm gọi là no ấm/Biết đâu cơ trời vần xoay/Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bố sau này...).

**\* Bàn luận về thông điệp gợi ra từ bài thơ: Đánh giá quan điểm dạy con và cách sống của người cha trong bài thơ:**

- Người cha hiểu thấu lẽ đời và rất giàu tình người. Hiểu thấu được những bất trắc trong cuộc xoay vần của “cơ trời” và giàu tình người để có thể “thương người như thể thương thân”.

- Người cha yêu thương con theo một cách thức đặc biệt - một tình yêu thương rất sâu và rất lớn lao khi rất chú ý đến việc hoàn thiện nhân cách và vun đắp tình người cho tâm hồn người con từ một câu chuyện rất thông thường của đời sống.

- Trong bài thơ tuy không có sự hiện diện của người con song có thể hình dung tới cái dáng người con cúi đầu đón nhận lời răn dạy của người cha nhân từ.

- Nếu những bậc làm cha, làm mẹ bên cạnh việc chăm sóc nuôi dưỡng phần xác còn biết nuôi dưỡng, hoàn thiện phần hồn như người cha trong bài thơ, xã hội sẽ có những thế hệ con trẻ biết nghĩ và sống một cách khoan dung nhân ái

**\* Liên hệ - rút ra bài học**

- Tự nhìn nhận, đánh giá lại bản thân mình qua hành vi ứng xử với người bất hạnh xung quanh.

- Bài học: cần biết điều chỉnh cách sống, cách ứng xử để không chỉ thể hiện được lòng thương mà còn thể hiện được sự tế nhị - đó mới là cách sống, cách ứng xử của người có văn hoá.

**c. Kết bài**

- Trong xã hội hiện đại, cuộc sống vói quá nhiều áp lực và với nhịp độ gấp gáp có thể cuốn ta đi, khiến ta sống theo tốc độ mà khó sống vói các mối liên hệ rộng lớn, phong phú và thâm sâu của đời sống. Cách sống tốc độ có thể làm ta sống có hiệu quả hơn về mặt công việc và sự phát triển bản thân song cũng khiến khoảng cách giữa con người bị nới rộng.

- Sống chậm lại, dành ra những phút để nhìn lại mình là điều cần thiết. Bài thơ Dặn con của Trần Nhuận Minh trở nên thấm thía bởi nó giúp mỗi người làm được điều đó.

**DẠNG 4: DẠNG ĐỀ KẾT HỢP HAI MẶT TỐT - XẤU TRONG MỘT VẤN ĐỀ**

**1. Dàn ý gợi ý:**

Phần lớn những đề thuộc dạng này là đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lý cũng có thể bàn về hiện tượng đời sống, cũng có khi là từ một câu chuyện.

Ví dụ:

- “*Ngưỡng một thần tượng là một nét đẹp văn hóa, mê muội thần tượng là một thảm họa*” (bàn về một hiện tượng đời sống)

- “*Kẻ cơ hội thì nôn nóng tạo ra thành tích, người chân chính lại kiên nhẫn lập nên thành tựu*” (bàn về một tư tưởng đạo lí).

Tuy nhiên, vấn đề được cho trong đề thường có một mặt phải và một mặt trái (tốt - xấu). Khi làm bài ta nên bám theo cấu trúc sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu vấn đề |
| **Thân bài** | **1. Giải thích**: Giải thích 2 vế, giải thích cả câu |
| **2. Chứng minh, bình luận**:  a. Trình bày ý nghĩa, tác dụng của mặt tốt (thường là vế 1).  b. Trình bày tác hại của mặt xấu (thường là vế 2)  c. Đánh giá, luận bàn vấn đề, đề xuất quan điểm, cách nhìn đúng đắn |
| **3. Rút ra bài học**:  - Nhận thức  - Hành động |
| **Kết bài** | Khẳng định vấn đề |

**2. Áp dụng đề:**

**Đề:**

*"Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa".*

 Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

**Gợi ý làm bài**:

**I. Mở bài**: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

**II. Thân bài:**

**1. Giải thích ý kiến:**

- “Ngưỡng mộ thần tượng” là sự tôn kính, mến phục nồng nhiệt dành cho những đối tượng được xem là hình mẫu lí tưởng hoặc có quyền năng đặc biệt, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với cá nhân hay cộng đồng.

- “Mê muội thần tượng” là sự say mê, tôn sùng một cách mù quáng, thiếu tỉnh táo trước thần tượng.

- Về nội dung, ý kiến này đề cập đến tính hai mặt của việc say mê thần tượng: nếu ngưỡng mộ đúng mức là tích cực, thì ngưỡng mộ quá mức là tiêu cực và có thể còn gây ra hậu quả khôn lường.

**2. Bàn luận ý kiến**:

- Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa:

+ Ngưỡng mộ thần tượng thể hiện nhu cầu văn hóa cao của con người: nhu cầu được sống trong những tình cảm cao cả, nồng nhiệt; nhu cầu được hướng tới, vươn tới những tầm cao, những đỉnh cao sáng giá của đời sống.

+ Ngưỡng mộ thần tượng là một ứng xử văn hóa, biểu hiện ở các phương diện: thái độ trân trọng mến phục; hành động tôn vinh cổ vũ; ngôn ngữ ca ngợi tán dương.

- Mê muội thần tượng là một thảm họa:

+ Mê muội thần tượng là trạng thái mù quáng trong nhận thức, thái quá trong tình cảm, không còn khả năng suy xét, phân biệt đúng sai, lẫn lộn về giá trị; mê muội thần tượng còn dẫn đến hành động sai lầm quá khích, gây ra những hậu quả tệ hại cho bản thân và xã hội.

+ Việc mù quáng chạy theo thần tượng hay khuyếch trương thần tượng quá mức đều là biểu hiện của sự mê muội thần tượng, đều là những thái độ và ứng xử thiếu lành mạnh, thậm chí thiếu văn hóa, có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

**3. Bình luận, mở rộng vấn đề:**

- Ý kiến trên hoàn toàn đúng.

- Cần nhận thức đúng đắn về việc ngưỡng mộ thần tượng và lường được những hậu quả của sự mê muội để có thái độ và cách ứng xử phù hợp, làm cho tâm hồn phong phú hơn, nâng tầm văn hóa cho bản thân, từ đó phấn đấu vươn tới những tầm cao của đời sống.

- Biết chế ngự những cảm xúc say mê thái quá trước thần tượng, không chạy theo thần tượng một cách mù quáng; phê phán mọi biểu hiện mê muội thần tượng trong cuộc sống hàng ngày, trước hết là trong học đường.

**III. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề.

- Bài học nhận thức và hành động của bản thân.

**DẠNG 5. DẠNG ĐỀ MANG TÍNH CHẤT ĐỐI THOẠI, BỘC LỘ SUY NGHĨ RIÊNG VỀ VẤN ĐỀ ĐƯỢC ĐẶT RA**

**1. Dàn bài gợi ý:**

          Đây là dạng đề mới nhất thường được lựa chọn trong một vài năm gần đây. Dạng đề này lại thường thiên về bộc lộ suy nghĩ, quan điểm về một vấn đề thiên về hiện tượng đời sống. Cấu trúc làm bài có thể cụ thể hóa như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu vấn đề |
| **Thân bài** | **1. Giải thích** vấn đề |
|  | **2. Trao đổi, bàn luận, đối thoại** (phần này phụ thuộc vào nhận thức và sự hiểu biết của bản thân, nhận thức và đánh giá vấn đề đó đúng/sai,phải/trái, đồng tình/không đồng tình…) |
|  | **3. Trình bày quan điểm sống của bản thân** (gần với bài học nhận thức và hành động). |
| **Kết bài** | Đánh giá chung về vấn đề |

**2. Áp dụng đề:**

**Đề:**

          Đi dọc đất nước với tâm nguyện tìm hiểu nguồn cội bằng trải nghiệm của chính mình, chàng trai Việt kiều Tran Hung John, có một nhận xét:

“*Phần nhiều người Việt Nam có tính cách thụ động, là những người đi theo chứ không phải là người tiên phong. Nếu có ai đó đi trước và thử trước, tôi sẽ theo sau chứ không bao giờ là người dẫn đường. Áp lực xã hội khiến bạn phải đi theo con đường đã được vẽ sẵn*”

*(Jonh đi tìm Hùng, NXB Kim Đồng, 2013, tr113)*

Anh/chị có đồng tính với ý kiến trên không? Hãy trao đổi với Tran Hung Jonh và bày tỏ quan điểm sống của chính mình?

**Gợi ý trả lời:**

Phần Thân bài cần:

- Giải thích ý kiến:

+ Thụ động là chịu sự chi phối, chỉ biết làm theo, nghe theo người khác mà thiếu chủ động, sáng tạo.

+ Ý kiến muốn đề cập đến tính cách thụ động, được xem là tính cách của phần nhiều người Việt Nam, trước hết là thụ động trong việc lựa chọn, dấn thân, mở lối cho cuộc sống của mình; nêu một vài biểu hiện, nguyên nhân của tính cách này.

- Trao đổi:

Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình hoặc chỉ đồng tình phần nào với ý kiến của Tran Hung Jonh. Dù lựa chọn cách nào thì khi trao đổi cũng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng và thái độ luận bàn một cách nghiêm túc, thiện chí.

**Đề:**

Nhìn lại vốn văn hóa dân tộc, nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu có nêu một nhận xét về lối sống của người Việt Nam truyền thống là:

“*Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lội nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn*”

*(Theo Ngữ văn 12, Tập 2, NXBGDVN, 2013, tr160-161).*

Từ nhận thức về mặt tích cực và tiêu cực của lối sống trên, anh/chị hãy bày tỏ quan điểm sống của chính mình.

**Gợi ý trả lời**

Phần Thân bài, cần đảm bảo:

- Giải thích ý kiến:

+ “Trí tuệ” là khả năng nhận thức, suy xét bằng bộ óc, “khôn khéo” là khôn ngoan, khéo léo trong ứng xử.

+ Ý kiến đã nêu được một nét đáng lưu ý về lối sống của người Việt Nam truyền thống là ít đề cao trí tuệ mà đề cao sự khôn khéo, một dạng trí khôn của đời sống, đồng thời chỉ ra một số biểu hiện của lối sống khôn khéo đó.

- Phân tích, chứng minh, binh luận:

+ Tích cực:

 Tạo ra lối ứng xử linh hoạt trong đời sống hàng ngày giúp con người có thể an thân hưởng lợi, giữ mình thoát hiểm, tránh cách mối quan hệ phức tạp.

·Khiến cho mỗi cá nhân có lối sống thiết thực, tùy cơ ứng biến để tồn tại trong cộng đồng.

+ Tiêu cực:

Mặt tiêu cực của việc không đề cao trí tuệ là ít coi trọng những nỗ lực khám phá, chinh phục, sáng chế nhằm hướng tới những đỉnh cao trong sản xuất, khoa học, nghệ thuật; chưa tôn trọng thành quả của trí tuệ, tri thức và sáng tạo, dẫn đến sự trì trệ, kém phát triển mọi mặt của đời sống xã hội.

**2. Kĩ năng diễn đạt:**

a. Sử dụng câu:   
- Xác định ý sẽ viết trong 1 câu

- Nên xem xét mối quan hệ giữa các ý để viết câu

- Nếu các ý quá dài hoặc quá rối nên tách ý riêng để viết cho rõ ràng

- Nên sử dụng đa dạng các kiểu câu: câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu phức, câu nghi vấn hoặc câu hỏi tu từ ( tạo tính đối thoại)..

b. Sử dụng từ ngữ:

- Chú ý sử dụng các từ nối để trật tự ý được rõ ràng, logic: trước hết, một là, hai là, bên cạnh đó, ...

- Nên có sự kết hợp giữa những từ ngữ mang màu sắc chính luận và những từ ngữ giàu hình ảnh

**4. Tích lũy kiến thức và dẫn chứng:**

- Quan sát mọi vấn đề trong thực tế cuộc sống

- Ghi chép: ghi lại vào cuốn sổ ghi chép, ghi nhật kí, viết blog, viết status trên facebook

- Phân tích: đưa ra quan điểm của mình về vấn đề

- Hệ thống lại những điều đã quan sát, ghi chép, phân tích theo chủ đề cơ bản:

+ Những vấn đề về phẩm chất, tính cách ( những phẩm chất tốt đẹp, những thói quen/ tính cách xấu)

+ Truyền thống, đạo lí tốt đẹp của dân tộc: yêu nước, nhân ái, tôn sư trọng đạo, hiếu học, biết ơn...

+ Những lối sống tích cực, trong sáng

+ Ước mơ, khát vọng, lí tưởng

+ Những mối quan hệ: gia đình, quê hương, tình mẫu tử, tình phụ tử, tình bạn, tình thầy trò, ...

- Kĩ năng sống: ứng xử, giao tiếp, tự nhận thức, quản lí thời gian, kiểm soát cảm xúc và hành vi,...

- Phương pháp học tập.

**MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO**

**ĐỀ 1:** **Nhà thơ Xuân Diệu từng bày tỏ quan niệm của mình như sau:**

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt*

*Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm*

**Suy nghĩ của em về quan niệm sống này.**

**Dàn ý tham khảo**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần nghị luận

- Trích dẫn được quan niệm của Xuân Diệu

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích:**

- Hai câu thơ trên đã thể hiện quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu đó là sống cần khẳng định bản thân mình, khẳng định vai trò và vị trí của mình trước cuộc đời.

- Sẵn sàng chấp nhận đổi lấy giây phút rực rỡ huy hoàng cho dù đó chỉ là giây phút ngắn ngủi. Nhà thơ không chấp nhận cuộc sống mờ nhạt, âm thầm như những chiếc bóng.

**b. Bàn luận:**

- Đây là một quan niệm sống tích cực, thể hiện ý thức về cái tôi cá nhân trước cộng đồng, vì:

+ Sống khẳng định mình thể hiện ý chí, nghị lực và khát vọng vươn lên của mỗi người.

+ Sống khẳng định mình sẽ đem lại ý nghĩa cho đời sống cá nhân mỗi người.

+ Sống khẳng định mình là hành vi góp phần thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển xã hội.

+ Nếu cuộc sống này không có ước mơ, không có hoài bão và lí tưởng, con người chỉ tồn tại qua ngày thì cuộc sống ấy không còn ý nghĩa. Họ đang sống mòn, một cuộc đời thừa.

**c. Chứng minh:**

- Hs có thể lấy dẫn chứng tiêu biểu trong đời sống, trong văn học để làm sáng tỏ quan điểm sống nêu trên.

**d. Mở rộng vấn đề:**

- Tuy nhiên chúng ta cũng nên hiểu rằng sống khẳng định mình không có nghĩa là sống tự đề cao mình quá mức sẽ trở thành kiêu căng, ngạo mạn. Cũng không có nghĩa là làm những hành động kì quặc, điên rồ để được nổi tiếng....

**e. Nhận thức hành động:**

- Là hs em xác định quan điểm sống đúng đắn, cao đẹp: tích cực học tập và rèn luyện để mang lại vẻ vang cho gia đình, nhà trường, mai sau xây dựng quê hương đất nước...

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của quan niệm sống.

- Đưa ra định hướng nhận thức và lời khuyên cho mọi người.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Giống như một ngôi sao lấp lánh trên bầu trời, mỗi con người là một vì tinh tú xuất hiện giữa cuộc đời. Bản thân mỗi người quyết định ngôi sao là hiện thân cho mình có tỏa sáng lấp lánh giữa bầu trời tạo hóa hay không. Cũng từ đó con người khi bước vào đời luôn cho mình một con đường, một cách sống để chắc chắn rằng ta không hoài phí dời mình. Vì thê trong bài thơ “Giục Giã” nhà thơ Xuân Diệu viết:  
 *“Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt*

*Còn hơn le lói suốt trăm năm”* Câu thơ được xem như là một thông điệp về cách sống dâng hiến, sống hữu ích cho đời. Con người ta là một vật thể sống hữu hạn, Thà sống có ý nghĩa, tỏa sáng bừng sáng trong một thời gian ngắn còn hơn là cuộc đời chỉ sống cuộc sống hời hợt, nhạt nhẽo, vô vị, mờ nhạt.

Quan niệm sống của Xuân Diệu rất đúng đắn và sâu sắc. Bởi lẽ cuộc sống rất đáng quý, mỗi con người chỉ được sống một lần trong cuộc đời này. Vì thế, con người phải sống sao cho có ý nghĩa nhất, sao cho có ích nhất để sau này khi nhìn lại quãng đời ấy, mình có quyền tự hào vì mình sống không bỏ lỡ một phút giây nào. Không ai có thể quay ngược thời gian, có thể cho bạn sống lại cuộc sống của ngày hôm qua. Mỗi ngày mới đều là ngày đầu tiên trong phần đời còn lại của bạn. Do vậy, phải biết sống sao cho có ý nghĩa nhất. Một câu danh ngôn đã nói: “Khi bạn sinh ra, cả thế giới đều cười chỉ mình bạn khóc.”

Hãy sống làm sao để khi bạn chết đi, cả thế giới khóc, còn mình bạn cười”. cười mãn nguyện đỏ chính là vì mình đã không sống hoài, sống phí.

Quan niệm sống trên còn xuất phát từ bản thân nhà thơ Xuân Diệu. Nó đưa nhà thơ đến quan niệm sống vội vàng, cuống quýt, sống để chạy đua với thời gian nhưng cũng phải sống ý nghĩa nhất, sống đẹp nhất, sống có ý nghĩa có giá trị thì dù chỉ sống trong một thời gian ngắn còn đáng quý hơn ngàn lần cuộc sống “buồn le lói suốt trăm năm”.

Thực tế đã chứng minh rằng điều đó rất đúng, Đó là, Mat King Cole - nghệ sĩ da đen nổi tiếng, người bán được hơn năm mươi triệu đĩa trên thế giới và từng được Tổng thống Mĩ mời đến chơi nhạc ở Nhà Trắng. Lúc đầu, anh chỉ là một người đánh đàn trong quán cà phê nhỏ ở New York, không ai phát hiện ra tài năng của anh và chính anh cũng không phát huy tài năng của mình cho đến khi mọi người đã quá quen với tiếng đàn của anh và yêu cầu anh hát. Lần nữa từ chối mãi không được, Mat king Cole buộc phải hát. Và khi những giai điệu quen thuộc của bài Mona Mona Lisa vang lên, tất thảy mọi người đều ngỡ ngàng. Sống đẹp, sống có ý nghĩa, phát huy tận độ mọi khả năng mình có quả thực ý nghĩa hơn nhiều lần so với cuộc sống nhàn nhạt, buồn tẻ “ngồi trên tài năng” như Mat King Cole khi sống trong quán trà với tư cách là một người đánh đàn. Câu hỏi quan trọng được đặt ra không phải là: Làm sao phát huy được tất cả khả năng tôi có sống có ý nghĩa, có mục đích mới là những phút huy hoàng còn in dấu đến ngàn đời.

Cuộc sống xung quanh chúng ta cũng có biết bao con người sống đẹp, sống có ý nghĩa như thế. Họ là những ngọn nến mãi lung linh tỏa sáng. M.Grandi - người được coi là vị thánh của nhân dân Ấn Độ, người chủ trương đòi độc lập bằng phương pháp hòa bình đã sống cuộc đời có ý nghĩa nhất với những con người cùng khổ dưới đáy xã hội. Đám tang của ông có tới 3 triệu người đưa tiễn trong nước mắt. Một cuộc sống như thế quả đáng để ta trân trọng, nâng niu nhiều lắm! Hay như Wiston Chirchull - vị Tổng thống nước Anh, người từng bị đúp lớp sáu đã dành cho nước Anh những cống hiến vĩ đại nhất khi ông về hưu.

Và còn rất nhiều, rất nhiều ngọn nến khác trong cuộc sống đời thường đang lung linh tỏa sáng. Đó có thể là những người bạn trẻ đang sống với những hoài Bão mục đích cụ thể. Nếu tôi đưa bạn một quả bóng rổ và bảo bạn hãy ném nó vào rổ trong khi quanh căn phòng không có một cái rổ nào, liệu bạn có ném không? Bởi vậy mục đích sống của mỗi chúng ta cũng như cái rổ đó. Phải sống có mục đích, có lí tưởng, chúng ta mới có được cuộc đời có ý nghĩa nhất.

Nhưng trong thực tế, cũng có rất nhiều người hoặc vô tình, hoặc cố tình đã không biết quý trọng sự sống, sống một cuộc sống có ý nghĩa. Đó là cuộc sống của những con người lặng lẽ, tự thu mình vào vỏ bọc bé nhỏ, tách mình khỏi bao âm thanh náo nức của cuộc đời. Sống hời hợt, nhạt nhẽo, vô vị kéo dài từ ngày này sang ngày khác như vậy có khác gì một sự tồn tại.

Quan niệm sống của Xuân Diệu giúp chúng rút ra nhiều bài học sống sâu sắc. Sống ở trên đời không phải để tồn tại mà để yêu thương, để sống có ý nghĩa nhất. Cuộc sống của bạn không phải được đo bằng thời gian sống dài hay ngắn mà được đo bằng quãng đời đó bạn sống có ý nghĩa hay không. Bởi vậy, mỗi người đều phải biết quý trọng sự sống của mình được ban tặng và quan trọng hơn phải biết sống có ý nghĩa với từng phút giây, có ai đó đã từng nói: “Chết là điều dễ dàng nhưng sống mới là điều khó”. Điều đó quả không sai. Sống làm sao để cuộc đời mình mãi tỏa sáng như những ngọn nến lung linh, những bông hoa rực rỡ góp vào vườn hoa muôn ngàn sắc thắm của cuộc đời. Đó mới là điều quan trọng.

Cuộc sống không phải được tính bằng số lần bạn thở trong một phút, một giây mà được tính bằng số lần bạn nín lặng để yêu thương và trao yêu thương. Bởi vậy, hãy tỏa sáng cùng muôn vàn ngôi sao trên bầu trời với một ánh sáng lấp lánh riêng. Đừng hóa thân vào màn đêm đen kịt mà hãy là một ngôi sao, dù chỉ là một lần vụt sáng như những ánh sao băng thì vẫn cứ hãy tỏa sáng!

Không quá vội vàng trong cuộc sống, đừng làm những điều mà sau này phải hối hận và tiếc nuối, vì thực sự đường đời còn rất dài. Và hãy sống là chính ta, hãy làm những gì ta thích và thật sự có ích cho mọi người. Như thế cuộc sống này mới có ý nghĩa. Và ta sẽ đón nhận được những niềm vui mới từ những người xung quanh. Đó là quà tặng về tinh thần dành cho ta mà dù có thật nhiều tiền cũng chưa chắc đã mua được tình cảm của người khác dành cho mình. Ý thơ trên là một thông điệp về cách sống hữu ích mà chúng ta cần trân trọng.

(Bài làm học sinh)

**ĐỀ 2: Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: "Tự học là chìa khóa của thành công"**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu và trích dẫn vấn đề: Vai trò, giá trị tầm quan trọng, sự cần thiết của việc tự học để mang đến sự thành công trong cuộc sồng

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích vấn đề:**

- Tự học là việc con người phát huy những kiến thức, kĩ năng đã được truyền lại bằng chính sức lực, khả năng của riêng mình, những kiến thức do mình tự nghiên cứu, lĩnh hội.

- Thành công là những thành quả mà con người đạt được sau những nỗ lực phấn đấu của mình.

=> Câu nói khẳng định vai trò của việc tự học trên bước đường thành công của mỗi người.

**b. Ý nghĩa của việc tự học**

- Tự học giúp con người chủ động suy nghĩ, tìm tòi, khám phá...giúp ta tiếp thu được kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau.

- Tự học giúp chúng ta tiếp thu một lượng kiến thức lớn mà vẫn hiểu và nắm chắc bài, giúp ta nhanh chóng hình thành các kĩ năng.

- Lấy dẫn chứng chứng minh (dẫn chứng linh hoạt): Lương Thế Vinh nhờ tự học...sau này sáng tạo ra bảng cửu chương. Mạc Đĩnh Chi- tấm gương tự học sáng ngời được vinh danh”Lưỡng Quốc Trạng Nguyên". Bác Hồ- Vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta....

**c. Bàn luận- Mở rộng**

- Thực tế ngày nay đa số các bạn học sinh còn quá phụ thuộc vào những kiến thức mà thầy cô cung cấp, việc học thêm tràn lan lại thêm quá nhiều sách tham khảo nên dẫn đến tiếp thu tri thức một cách thụ động, thiếu sáng tạo, hiệu quả công việc thấp.

- Tuy nhiên, ngoài việc tự học thì chúng ta không phủ nhận vai trò của việc tiếp thu kiền thức được truyền thụ trên lớp, hoặc những tri thức sẵn có trong sách vở. Phê phán thái độ ỷ nại đựa dẫm…..

**3. Kết bài:**

- Mỗi cá nhân phải biết kết hợp hài hòa giữa việc học có hướng dẫn với việc tự học để mở rộng tầm hiểu biết của mình.  
- Bản thân phải có phương pháp tự học phù hợp đổ có kết quả tốt nhất.  
Tự học chính là “chiếc chìa khóa vàng” giúp ta mở rộng kho tàng tri thức của nhân loại.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Trong thời đại khoa học công nghệ đang phát triển không ngừng, thì tinh thần tự học là điều mà mỗi người nên rèn luyện và phát huy hằng ngày. Tinh thần tự học sẽ giúp cho chúng ta ngày càng hoàn thiện bản thân hơn.  
 Tự học có ý nghĩa to lớn đối với mỗi học sinh và là chìa khóa dẫn đến thành công. Trong cuộc sống, học vấn là việc quan trọng mà mỗi người đều hướng tới. Sở dĩ nước Nhật và các nước Châu Âu phát triển vì người dân vô cùng coi trọng việc học. Trên thực tế, việc tự học là một phương pháp học mà mỗi bạn học sinh cần rèn luyện và trang bị mỗi ngày. Dù mỗi người có những phương thức học khác nhau nhưng việc tự học chính là cách học hữu hiệu và đem đến nhiều lợi ích nếu như con người muốn tạo được những bứt phá cho chính cuộc sống mình.

Thứ nhất, tự học giúp người học chủ động trong việc thu nhận kiến thức. Kết hợp với kiến thức được dạy trên trường lớp, tự học sẽ giúp người học tự tìm tòi, tự thu nạp những kiến thức bổ ích. Tự học trở thành một thói quen tốt vì nó giúp cho quá trình làm chủ kiến thức nhanh hơn và lí thú hơn. Hơn nữa, với khối lượng kiến thức khổng lồ của nhân loại thì việc tự học sẽ giúp chúng ta học được nhanh hơn và nhiều hơn.

Thứ hai, tự học là phương pháp giúp rèn luyện, sáng tạo bộ não bản thân, không phụ thuộc vào người khác. Thay vì học theo những gì được dạy và đi theo con đường được vạch sẵn, tự học là phương pháp được nhiều người áp dụng để tạo ra những đột phá trong con đường học tập của họ. Tự học sẽ giúp bộ não chủ động, suy nghĩ vấn đề qua nhiều góc nhìn, sáng tạo ra những cái của mình thay vì hưởng sẵn những tiến bộ của người khác. Thứ ba, việc tự học cũng giống như việc tự lập, rèn luyện cho con người những đức tính quý báu để tự chủ, tự lập nghiệp và xây dựng sự nghiệp bằng chính bàn tay của mình. Chính vì vậy, tinh thần tự học, tự tìm hiểu là tinh thần quý báu mà học sinh đều cần có để có thể bước đầu sống cuộc đời do chính mình tạo nên. Trên thực tế, những người thành công và giàu có trên thế giới đều có tinh thần tự học, tự giáo dục rất cao. Họ dành cho bản thân sự rèn luyện và nghiêm khắc, kỷ luật tuyệt đối suốt một thời gian dài lập nghiệp. Những tấm gương như Bill Gates, Steve Jobs ngừng học đại học giữa chừng nhưng là để tự giáo dục, tự lập nghiệp chứ chẳng phải là đi chơi bời. Họ chính là những tấm gương lập nghiệp bằng tự học hỏi từ những thất bại, tự xây dựng đường đi cho mình bằng sự tự học, tự giáo dục nghiêm khắc. Còn học sinh hiện nay, nếu như chúng ta chưa có ý thức tự học nghiêm khắc thì bên cạnh việc học trên trường, mỗi học sinh cần dành thời gian để tự học thêm, đọc sách và nghiên cứu thêm để tăng cường vốn hiểu biết cho mình

Tự học chính là con đường nhanh nhất để tiếp cận tinh hoa tri thức của nhân loại, biến kiến thức của thế giới thành kiến thức của mình.Và để đạt được thành công, tự học chính là phương pháp học tập hữu ích nhất của mỗi người.

(Bài làm của học sinh)

**ĐỀ 3: Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống.**

**(Hay đề: Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống)**

**1. Mở bài**

Đại văn hào Nga Lép tôn-xtôi từng nói: “Đọc sách hay cũng giống như trò chuyện với người bạn thông minh”. Điều này hoàn toàn đúng đắn bởi sách là sản phẩm duy nhất và vĩ đại nhất kết tinh đầy đủ trí tuệ của nhân loại qua các thời đại. Bởi thế, khuyến khích con người yêu sách và đọc sách, M. Gorki khuyên: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức là con đường sống”.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

Trước hết ta cần phải hiểu rõ sách là gì? Sách là kho tàng kiến thức khổng lồ của cả nhân loại, là nơi con người ghi lại tất cả tri thức về cuộc sống, về tự nhiên và về con người và được tích lũy, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đọc sách chính là một cách tiếp thu tri thức hiệu quả nhất bởi sách là nguồn kiến thức bao la của cả nhân loại. Những kiến thức về đời sống, về khoa học, xã hội, giáo dục... đều có ở trong sách. Chính nhờ sách mà giúp ta có hiểu biết thêm về đời sống. Nếu một đứa trẻ chưa biết chữ, sách sẽ giúp cho nó học chữ. Nếu một giáo sư cần tài liệu nghiên cứu công trình, sách sẽ đem đến cho ông ta tất tần tật các tác phẩm liên quan đến công trình đó. Và nếu một người đang chán nản với cuộc sống, sách sẽ đem đến cho họ những giá trị thực sự về cuộc đời, giúp họ trân trọng hơn cuộc sống của chính họ. Sách còn là sợi dây kết nối con người với quá khứ, với tương lai, xóa bỏ mọi khoảng cách về thời gian, không gian, đưa con người đến mọi vùng miền trên trái đất và cả vũ trụ.

**b. Bàn luận**

M.Gorki nói: "chỉ có kiến thức mới là con đường sống" bởi lẽ, nếu không có sách, không có tri thức thì thế giới cứ mãi giậm chân tại chỗ. Con người không có kiến thức thì sẽ bị tụt hậu, rời xa thực tế xã hội, chẳng thể nào phát triển được. Hồ Chủ Tịch đã từng nói: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp được hay không, dân tộc Việt Nam có sánh vai cùng với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ phần lớn vào công học tập của các em". Mà học tập chính là việc tích lũy kiến thức để theo kịp thời đại. Không có gì chứng minh rằng nếu không học tập thì sẽ thất bại, nhưng chắc chắn việc học, việc tích lũy kiến thức là con đường ngắn nhất để đi đến thành công. Nếu con người mà từ chối đọc sách, từ chối kiến thức thì sẽ không thể nào phát triển tư duy, trí tuệ của bản thân được. Họ sẽ chẳng có được thành công, bởi thành công sẽ không đến với những người lười biếng, chây ì và không chịu tiếp thu những kiến thức mới.

**c. Mở rộng**

Từ lời khuyên của M. Gorki, chúng ta cần phải có nhận thức cụ thể, rõ ràng về việc đọc sách. Đọc sách là để lấy kiến thức, lấp đầy những chỗ trống của bản thân, hoàn thiện chính mình. Vì vậy, chúng ta phải yêu quý, trân trọng những cuốn sách, nuôi dưỡng cho mình niềm đam mê đọc sách. Bên cạnh đó, giống như chọn bạn mà chơi, ta phải biết chọn sách mà đọc. Không phải cuốn sách nào cũng đáng để ta học hỏi và quý trọng. Đó là những cuốn sách chứa nội dung không lành mạnh, làm suy thoái đạo đức, héo mòn tâm hồn, khiến ta có nhận thức lệch lạc, bị tiêm nhiễm những thói xấu xa và lòng đố kỵ. Ta cũng nên phê phán những người không biết coi trọng sách vở hay đọc sách chỉ như một vật trưng bày, để tỏ ra là mình hay chữ.

**3. Kết bài**

Sách có tác dụng vô cùng to lớn trong việc bồi đắp trí tuệ, tâm hồn của mọi người. Vì vậy, chúng ta cần tích cực đọc sách để nâng cao kiến thức, hiểu biết và bồi dưỡng tâm hồn cho bản thân. Câu nói của M. Go-rơ-ki quả là một lời khuyên bổ ích đối với mỗi chúng ta “Hãy biết yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống!”

**ĐỀ 4: Trình bày suy nghĩ của em về sự bổ ích của những chuyến tham quan du lịch đối với học sinh?**

**1. Mở bài**

Đối với học sinh, kiến thức không chỉ là học qua sách vở, bài giảng của thầy cô mà còn là sự quan sát, tìm hiểu thực tế. Tham quan, du lịch cũng là một cách tiếp xúc với thực tế, góp phần làm hiểu sâu hơn kiến thức đã học cũng như giải toả căng thẳng, đem lại nhiều niềm vui và sức khoẻ cho cuộc sống. Qua đó, ta thấy được tham quan, du lịch thực sự bổ ích đối với mọi người cũng như học sinh chúng ta.

**2. Thân bài**

**a. Ý nghĩa của chuyến tham quan du lịch**

Những chuyến tham quan, du lịch đem lại cho ta thật nhiều lợi ích. Đầu tiên phải kể đến là niềm vui sướng, hân hoan khi được tận mắt tham quan, tận mắt nhìn thấy những danh lam thắng cảnh nổi tiếng mà trước kia chỉ có thể nhìn qua sách báo. Có tận mắt trông thấy mới hiểu được cái đẹp, cái kì vĩ mà báo chí mọi người vẫn ca ngợi. Thêm vào đó, được chìm trong cái đẹp của thắng cảnh, được chú tâm tìm hiểu văn hoá lịch sử của các khu di tích cũng khiến tâm hồn ta thoải mái, giải toả căng thẳng, tạm thời quên đi nỗi lo lắng trong học tập, trong công việc và cuộc sống. Tâm hồn thoải mái thì sức khoẻ cũng cải thiện, tinh thần cũng trở nên khoẻ khoắn, năng động lạ thường. Đi tham quan, du lịch, không ai lại ngồi im mà phải đi đây đi đó tìm hiểu, cho thoả trí tò mò cũng như được nhìn ngắm cảnh thiên nhiên thoáng đãng, tươi đẹp. Đây chính là một cách rèn luyện sức khoẻ, giúp tinh thần được minh mẫn cũng như đem lại nhiều niềm vui cho cuộc sống.

Tham quan du lịch không chỉ mang lại cho ta sức khoẻ, niềm vui mà còn đem đến những bài học bổ ích không có trong sách vở, giúp ta hiểu sâu hơn những bài học trong nhà trường. Đặc biệt, với các môn học như Địa lý, Lịch sử thì đây là một phương pháp học tuyệt vời. Với môn địa lý, những kiến thức sách vở khô khan sẽ trở thành hình ảnh sinh động. Với lịch sử, những chuyến đi đến các địa danh, di tích lịch sử mang lại cảm nhận xác thực.Nếu như trong một bài địa lý, sách vở thể hiện cho ta thấy sự thay đổi của địa hình, sinh thái, khí hậu khi đi từ chân núi lên đỉnh núi. Thì khi đi tham quan du lịch thực tế, ta sẽ trải nghiệm được cụ thể và rõ ràng sự thay đổi ấy. Đi từ thấp lên cao, ta sẽ thấy được cảnh quan, cây cối thay đổi như thế nào? Sự diễn biến thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm khi càng lên cao sẽ ra sao? Tất cả mọi điều này sẽ được ta cảm nhận và ghi nhớ trong đầu. Chúng sẽ không còn là những kiến thức khô khan mà ta phải học mỗi ngày để nhớ nữa.Hay bạn có thể học lịch sử Việt Nam ta thời kháng chiến khi đến thăm nhà tù Côn Đảo. Đây là một khu di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đến đây, là sẽ được dẫn đi tham quan và nghe hướng dẫn viên kể lại lịch sử đất nước ta lúc bấy giờ. Những hình ảnh trực quan, những hình tượng cụ thể về sự tàn nhẫn của thực dân lúc bấy giờ sẽ được tái hiện lại. Những biện pháp tra tấn dã man như chuồng cọp, điều kiện sống khắc nghiệt và mất nhân tính… Như vậy, tất cả các kiến thức bạn đã học về lịch sử nhà tù Côn Đảo sẽ được tái hiện và khắc sâu hơn.

Những chuyến tham quan du lịch giúp ta thêm yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương, đất nước. Sở hữu vẻ đẹp tươi mát, hùng vĩ, ấn tượng, vịnh Hạ Long được mệnh danh là một trong 7 kì quan thiên nhiên mới của thế giới. Nơi có làn nước trong xanh, mặt nước phẳng phẳng lặng, điểm thêm hàng ngàn đảo lớn nhỏ bao quanh. Được nhìn ngắm, chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên, hòa cùng làn nước xanh trong, hít thở bầu không khí trong lành, tâm trạng ta bỗng thoải mái, thư giãn, trong lòng dâng lên một niềm vui, niềm sung sướng khó tả. Thêm vào đó, ta cũng càng cảm thấy yêu thiên nhiên hơn, mến thương vẻ đẹp của quê hương đất nước, một vẻ đẹp kì vĩ rất đáng tự hào.

Tham gia một chuyến du lịch cũng giúp kết nối con người với con người với con người. Đứng trước cảnh thiên nhiên tươi đẹp, chiêm ngưỡng nền văn hoá lịch sử hào hùng, những con người không quen biết xích lại gần nhau hơn, những người là bạn bè càng yêu mến nhau hơn, tất cả đều chung một tình yêu quê hương đất nước, một niềm tự hào dân tộc đến vô cùng. Để qua đó ta thấy được những chuyến tham quan du lịch cũng góp phần gắn kết tình bạn thêm thân thiết, sâu sắc hơn.

**3. Kết bài**

Tham quan, du lịch rất bổ ích, nhất là với học sinh. Nó đem lại sức khoẻ, niềm vui, kiến thức, giúp ta thêm yêu quê hương đất nước cũng như gắn bó tình bạn bè thêm thân thiết. Bởi những lợi ích mà tham quan, du lịch đem lại, nên nếu có điều kiện, bạn nhớ đừng bỏ qua một chuyến du lịch nào nhé! Tôi cũng vậy, nếu có cơ hội được đi tham quan du lịch, tôi sẽ luôn tích cực tham gia, để tận hưởng những giây phút nhẹ nhõm, thoải mái sau nhiều ngày học tập căng thẳng.

**ĐỀ 5:"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố***"****(Trích*Nhật ký Đặng Thuỳ Trâm*).* Viết bài văn ngắn khoảng 2 trang giấy trình bày suy nghĩ của em về câu nói trên**

**a. Về kĩ năng**

- Biết cách làm kiểu bài nghị luận xã hội, kết hợp các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh.

- Viết đủ và rõ bố cục; luận điểm đúng đắn, rõ ràng, sáng tỏ.

- Diễn đạt lưu loát.

**b. Về kiến thức**

Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần có các ý cơ bản sau:

\* Nêu nhận định chung và trích dẫn câu nói: Cuộc sống đầy những chông gai thử thách, đừng bao giờ đầu hàng trước số phận mà hãy tự vươn lên đối đầu với mọi chông gai và khẳng định ý nghĩa của câu nói.

*a. Giải thích khái niệm của đề bài (câu nói)*

+ Giông tố ở đây dùng để chỉ cảnh gian nan đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội . Đó có thể là một căn bệnh hiểm nghèo, một đổ vỡ trong kế hoạch làm ăn, một thất bại trong học tập, một phá sản trong kinh doanh...

+ Câu nói khẳng định: *Cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn, chớ đầu hàng thử thách, gian nan*. (Đây là vấn đề nghị luận)

*b. Chứng minh vấn đề: Có thể triển khai các ý:*

+ Cuộc đời của con người thường có nhiều khó khăn, thử thách, nhiều thăng trầm trong cuộc sống, chúng ta phải biết vươn lên, vượt qua mọi thử thách của cuộc đời, đừng vì khó khăn, trắc trở ngay trước mắt mà vội vàng từ bỏ. Đừng bao giờ *“ngại núi, e sông”* hoặc *“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.* Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, thuận lợi mà đôi khi con người phải đối mặt với nhiều chông gai, thử thách, thậm chí là cả thất bại.

+ Giông tố, gian nan thử thách trong đời chính là môi trường tôi luyện cho ý chí ta thêm vững bền. Gian nan, thử thách chính là môi trường tôi luyện con người. Nhiều khi thử thách, chông gai lại làm con người trưởng thành hơn. Những khó khăn, gian khổ mà con người cần vượt qua có thành công hay không là do chính bản thân họ, cho dù có khó đến đâu nhưng lòng người có ý chí vững vàng, niềm tin vào bản thân và cố gắng hết sức vượt qua thì cũng sẽ thành công, còn ngược lại, không có lòng quyết tâm, ý chí tin vào chính mình, không cố gắng hết sức thì cũng sẽ không làm được gì.

+ Lấy một vài dẫn chứng để làm rõ nhận định trên.

*c. Khẳng đinh, bàn bạc mở rộng vấn đề*

+ Câu nói trên là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp, sống thật đẹp và hào hùng.

+ Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh.

+ Nhận định về một số hành động tiêu cực, sống vội của giới trẻ, của những con người tự ti để làm rõ hơn trong xã hội vẫn còn nhiều hiện tượng đáng lên án.

+ Câu nói gợi cho bản thân nhiều suy nghĩ: trong học tập, cuộc sống bản thân phải luôn có ý thức phấn đấu vươn lên. Bởi cuộc đời không phải con đường bằng phẳng mà đầy chông gai, mỗi lần vấp ngã không được chán nản bi quan. Để có được điều này thì cần phải làm gì?

+ Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân

Khẳng định ý nghĩa của câu nói và lời nhắn nhủ của mình với mọi người và nhất là với các bạn trẻ trong XH ngày nay.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Cuộc sống là một cuộc hành trình dài vô tận, gian khó con người sinh ra như để thử thách với cuộc đời. Đứng trước những khó khăn thử thách đó ta hãy dũng cảm có bản lĩnh để vượt qua. Với ý nghĩa đó trong cuốn “nhật ký Đặng Thùy Trâm” từng khằng định: *“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.*

Giông tố trong câu nói trên được hiểu là những gian nan, thử thách, những khó khăn xảy ra với con người trong cuộc sống mà chúng ta ai cũng gặp phải. Còn cúi đầu mang nghĩa đầu hàng, lùi bước, chấp nhận thất bại. Câu nói khuyên con người không đầu hàng, lùi bước trước những khó khăn, thất bại trong cuộc đời, dám chấp nhận giông tố và lạc quan, mạnh mẽ bước qua những thử thách đó để đến với thành công, đến với quả ngọt, mọi sự cố gắng đều sẽ được đền đáp xứng đáng. Cuộc sống luôn ẩn chứa những điều bí ẩn con người luôn phải đối diện với những khó khăn, thử thách, sóng gió của cuộc đời. Muốn tồn tại con người cần phải có đủ bản lĩnh để vượt qua bởi “đời phải trải qua giông tố, nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. Những giông tố của cuộc đời như để đánh thức con người. Bởi chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên những thanh thép cứng rắn. Khó khăn thử thách chính là cơ hội để con người thể hiện bản thân. Hãy biến khó khăn thành cơ hội để chiến thắng. Nhờ vào khó khăn mà con người trở thành những tượng đài vĩnh cửu là cột hướng dẫn cho kẻ khác. Trái với những con người tự tin đầy bản lĩnh, là những người “cúi đầu trước giông tố”. Tức là luôn lo sợ, hèn nhát, chấp nhận thất bại. Đó là những con người thiếu tự tin, bản lĩnh. Như vậy Đứng trước khó khăn chúng ta hãy luôn kiên cường mạnh mẽ để vượt qua chứ đừng nên lo lắng, cúi đầu chấp nhận nó.

Cuộc sống là một khái niệm nào đó phức tạp, thậm chí rối rắm, nhiều thách thức. Vậy nên ta cần phải có sự lựa chọn đúng đắn. Vì sao ta lại phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố? bởi cuộc sống không bao giờ tránh được những khó khăn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, ngay cả trong tích tắc. Vì vậy! Con người cần phải có một tâm thế chủ động, nghị lực, sự tự tin, mạnh mẽ để chiến đấu. Nếu không đối đầu với những thử thách con người sẽ không thể tồn tại được. Nhờ vào khó khăn giông tố mà con người lớn lên trưởng thành và mạnh mẽ hơn, cứng rắn trước những sóng gió của cuộc đời. Khó khăn là cơ hội để rèn luyện, tạo nên sức mạnh cho con người. Không có đường nào trải đầy hoa hồng cho chúng ta đi, vì vậy phải tự mình nỗ lực cố gắng để chạm đến thành công.

Không chiến thắng nào đến với ta một cách dễ dàng mà tự mình phải nắm bắt lấy. Gặp khó khăn không hề chùn bước đó là biểu hiện của một con người bản lĩnh, nghị lực. Tại sao lại không được cúi đầu trước giông tố? bởi từ khi sinh ra con người như để thử thách với cuộc đời, với số phận. Cúi đầu trước giông tố là biểu hiện của sự hèn nhát, nhu nhược. Con người phải hiên ngang đánh đổ khó khăn, đạp đổ thách thức mới có thể tồn tại trong cái xã hội này được. Hèn nhát, chấp nhận thất bại là thái độ sống tiêu cực, không bao giờ được dư luận, xã hội đồng tình. Đường đi khó khăn không phải vì ngăn sông cách núi mà vì lòng người ngại núi e sông. Đôi khi chúng ta cần chí mạo hiểm để vượt qua khó khăn. Nhiều người chọn cách bỏ cuộc, chịu thất bại, đó thật sự là những hành động ngu ngốc, như thế khó khăn chỉ càng thêm khó khăn. Mọi thứ rồi sẽ được giải quyết Nếu chúng ta mạnh mẽ, đủ bản lĩnh để vượt qua.

Khó khăn là cơ hội cho những con người thực sự. Nhờ vào nó mà ta trở nên cứng rắn hơn, trưởng thành hơn, không vinh quang nào đến một cách dễ dàng. Những con người biết biến khó khăn thành cơ hội là những tượng đài bất diệt. Con người khi chết đi để lại những dấu chân trên mặt cát, thời gian để lại cho đời tiếng ca, những âm thanh trong trẻo. Con người phải vượt qua khó khăn để cảm nhận những dư vị ngọt ngào của cuộc sống. Thử hỏi không có thách thức thì cuộc sống sẽ ra sao? Nó sẽ trở nên vô vị, nhạt nhẽo, con đường ta đi sẽ quá dễ dàng. Và như thế ta sẽ không quý trọng. Thành công phải do chính con người tạo ra mới có vinh quang và bền vững. Hãy sống và làm việc để vươn tới những tầm cao, những đỉnh cao của nhân loại.

Câu nói trên là một quan niệm đúng đắn, một thái độ sống tích cực mà con người nhất là lứa tuổi thanh niên chúng ta cần phải làm theo. Để vượt qua giông tố, con người cần phải đủ tự tin, bản lĩnh. Ngoài ra còn phải trang bị thêm đức tính kiên trì, nhẫn nại, thật bình tĩnh để giải quyết khó khăn. Hèn nhát, lo sợ thì sẽ không bao giờ chiến thắng được bản thân, yếu tố quan trọng để quyết định lòng dũng cảm không phải là dám chết, mà là dám sống. Sống để tồn tại, sống để vươn tới những tầm cao của nhân loại.

Câu nói trên nhắn nhủ với các bạn rằng, hãy mạnh mẽ đứng đầu trước khó khăn, đừng nên hèn nhát, nhu nhược với những lo lắng, tủn mủn. Đó là thái độ sống mà giới trẻ chúng ta cần phải có, hãy tự tin bản thân lên nhé, khi đó bạn sẽ đẹp hơn trong mắt mọi người đấy.

**ĐỀ 6: Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.**

**1. Mở bài:**

\* Dẫn dắt, giới thiệu câu nói

- Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.

- Chính vì vậy có ý kiến cho rằng“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích:**

- Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được.

- Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.

=> Ý nghĩa của câu nói: Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua.

**b. Phân tích, chứng minh, bình luận:**

- Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có những ước mơ rất nhỏ bé, bình dị. Nhưng cũng có những ước mơ lớn lao, cao cả. (Dẫn chứng) Có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người. Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được. Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực. (d/c: Hồ Chí Minh, các nhà khoa học lớn….)

- Nhưng cũng có ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được: những người kém may mắn, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo… Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hay mất đi . Vì thế cuộc sống của họ trở lên thật ý nghĩa, và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn.

- Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công…(d/c)

**c. Bài học liên hệ bản thân:**

- Mỗi con người cần phải có những ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.

- Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để biến ước mơ thành hiện thực

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.

- Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trong cuộc sống ai cũng có những ước mơ của riêng mình. Nhưng để đạt được đến ước mơ đó thì bạn phải trải qua rất nhiều những chông gai và thử thách. Đôi khi bạn còn muốn bỏ cuộc. Vậy điều gì sẽ giúp bạn vượt qua tất cả để hoàn thành giấc mơ của mình? Đó chính là một ước mơ đủ lớn. Vì thế đã có một câu nói: “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.

Ước mơ là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. Là khao khát có được một điều gì đó vượt quá khả năng, vượt ngoài tầm với của bản thân mình. Ước mơ sẽ làm cho con người sống có mục địch, nghị lực. Ước mơ đủ lớn: là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực. Người sống có ước mơ luôn nghĩ đến những điều tốt đẹp và lớn lao sẽ đạt được ở phía trước. Họ hăng say học tập, làm việc và truyền cảm hứng đến người khác. Họ sống mạnh mẽ, lạc quan, yêu đời, luôn suy nghĩ tích cực. Họ luôn hành động để hướng đến thành công.

Cuộc sống sẽ thật vô nghĩa nếu mỗi người không có được những ước mơ của riêng mình. Ước mơ chẳng cần phải cao xa, đó có khi chỉ là những ước mơ bình dị nhất như có được một công việc tốt, có được một cuộc sống bình yên. Nhưng nó khiến cho cuộc sống của bạn có hy vọng. Nếu có ước mơ bạn sẽ có them ý chí và nghị lực để vươn lên, nó như một cái đích khiến bạn phải cố hết sức để đạt được. Ước mơ được gieo mầm, ấp ủ trong bản thân mình. Để rồi một ngày nào đó, nó bỗng trở thành hiện thực. Thật vậy, cuộc sống không thể thiếu ước mơ. Nó chắp cánh cho chúng ta để bay cao, bay xa, vươn tới những dự dịnh hoài bão của mình. Cuộc sống sẽ kém vui nếu ta không nghĩ đến những điều tươi đẹp đang chờ ta ở phía trước.

Ước mơ cũng như một cái cây - phải được ươm mầm rồi sẽ có ngày nó trưởng thành và cho trái ngọt. Tất cả những gì lớn lao trong cuộc sống đều bắt nguồn từ những điều nhỏ bé nhất. Ví như một cây sồi cổ thụ, ngay từ đầu nó đâu phải đã to lớn và đồ sộ như vậy, ban đầu nó chỉ là một hạt mầm được gieo xuống đất. Dần dần theo thời gian, nó mới lớn mới cổ thụ được như vậy. Ước mơ của mỗi người cũng vậy, ta cần phải có một hạt giống ước mơ, từng ngày từng ngày vun đắp cho nó để nó dần trưởng thành. Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn. Thật vậy, ta có thể thấy rõ điều đó ở những con người vĩ đại trong đời sống thường ngày của chúng ta. Họ đều là những người có ước mơ và kiên trì theo đuổi ước mơ đó. Ví như nếu không có ước mơ tạo ra bóng đèn điện chiếu sáng cho nhân loại, nhà bác học Edison đã sớm bỏ cuộc, chấp nhận thất bại sau bao nhiêu thí nghiệm không thành công. Nếu không có ước mơ đủ lớn thì nhà phát kiến địa lí Cristoforo Colombo, đâu dám bất chấp hiểm nguy sống chết lênh đênh trên đại dương để tìm ra châu Mỹ. Dân tộc ta sẽ tiếp tục cuộc sống nô lệ lầm than thêm vài thập kỉ nữa nếu Bác Hồ không có ước mơ tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc. Và nếu con người không có ước mơ thì mọi điều kì diệu đã không xảy đến trong khoa học.

Sống có ước mơ thì ai cũng có. Nhưng có một ước mơ đủ lớn, đủ sức để tạo ra điều lớn lao thì không phải ai cũng có. Bởi thế, để xây dựng một ước mơ đủ lớn là cả một kì công cố gắng. Đối với mỗi người học sinh chúng ta, để có thể đạt được ước mơ của mình thì trước hết ta phải biết chăm chỉ học tập, rèn luyện bản thân và không ngừng cố gắng. Bởi mỗi học sinh là một hạt mầm, tri thức là nguồn đinh dưỡng cho hạt mầm đó phát triển, nến không có tri thức thì hạt mầm sẽ mãi chỉ là hạt mầm mà không thể mơ ước được một cái gì đó lớn lao. Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào! Vậy mà trong cuộc sống vẫn có những người không có ước mơ cho bản thân mình. Ho dễ dàng chấp nhận với một cuộc sống vô vị, nhàm chán. Họ không dám đương đầu với khó khăn và thử thách để đạt được mục đích của mình. Họ luôn trốn tránh và thỏa hiệp với cuộc sống. Điều đó khiến cho cuộc sống trở nên thật vô nghĩa.

Ước mơ có thể thành, có thể không như ta phải biết giữ lòng tin với những ước mơ của mình. Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt được điều gì mình mong muốn và sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa.

Người ta nói rằng, hạnh phúc nhất là khi chúng ta sống có niềm ước mơ, thực hiện được những gì mình mong muốn và sống mỗi ngày trọn vẹn với những niềm vui, nỗi buồn. Hãy luôn sống là chính mình, sống bằng sức mạnh của lí trí và tình cảm. Một ước mơ đủ lớn sẽ dẫn đường bạn đến với thành công của chính mình.

(Bài làm học sinh)

**ĐỀ 7:** “**Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận ” (Euripides)**. **Từ câu nói trên của Euripides, em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình với cuộc đời mỗi con người**

**1. Mở bài**

- Cuộc sống bôn ba vất vả để mưu sinh, nhiều lúc con người ta cảm thấy mệt mỏi và kiệt sức. Khi đó, điểm tựa và nguồn động lực lớn lao có thể đưa con người vượt qua khó khăn đó chính là gia đình.

- Bàn về ý nghĩa và vai trò to lớn của gia đình đối với mỗi cá nhân, Euripides nói: “*Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận*”.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Gia đình: chỉ mối quan hệ hôn nhân và huyết thống giữa các thành viên của gia đình, thể hiện tình cảm gắn bó bền chặt, không thể chia cắt.

- Tai ương của số phận: chỉ những khó khăn, trắc trở gặp phải khi bước trên đường đời.

- Nội dung câu nói: Khẳng định vai trò to lớn của gia đình đối với mỗi con người – gia đình là sức mạnh giúp con người vượt lên khó khăn, đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã và vững vàng hơn trong cuộc sống.

**b. Bàn luận**

*\* Vai trò của gia đình*

- Gia đình là nơi nuôi dưỡng tâm hồn con người và là gốc rễ của mọi điều tốt đẹp nhất cuộc sống. Gia đình không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và hình thành nhân cách của một con người mà còn góp phần lớn tạo ra những thành công khi trưởng thành.

+ Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng tài năng và nhân cách con người. Bởi vậy, mỗi con người sinh ra và lớn lên, trưởng thành đều có sự ảnh hưởng, giáo dục to lớn từ truyền thống gia đình. Chính điều đó sẽ là hành trang cho mỗi chúng ta bước vào đời, giúp ta khẳng định năng lực và phẩm giá của mình để thành công trong cuộc sống.

+ Gia đình là cái nôi hạnh phúc của con người từ bao thế hệ: không chỉ đùm bọc, chở che, gia đình còn giúp con người vượt qua được những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Trong cuộc đời, không ai có thể tránh khỏi những va vấp, những tổn thương, những khó khăn thử thách, những thất bại. Khi đó, gia đình sẽ là nơi bao bọc, chở che, động viên, vỗ về chúng ta đứng lên sau thất bại, là chỗ dựa vững chắc và vô điều kiện những khi ta đã “lưng chùng gối mỏi” sau những lúc tất tả trên đường đời.

*\* Trách nhiệm của mỗi người đối với gia đình*

- Câu nói trên đặt ra vấn đề cho mỗi con người, xã hội: Bảo vệ, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc. Muốn làm được điều đó cần: trong gia đình mọi người phải biết thương yêu, đùm bọc chở che nhau; phê phán những hành vi bạo lực gia đình, thói gia trưởng…

*\* Mở rộng, phản đề*

- Gia đình có vai trò to lớn đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của con người, là chỗ dựa tinh thần vững chắc để con người vươn lên trong cuộc sống. Tuy nhiên, trong thực tế, có rất nhiều người ngay từ khi sinh ra đã không được sự chở che, đùm bọc, giáo dục, nâng đỡ của gia đình nhưng vẫn thành đạt, trở thành con người hữu ích cho xã hội.

- Gia đình là quan trọng như thể sinh mệnh con người vậy mà có những đứa con bất hiếu đối với ông bà, cha mẹ lãng quên cội nguồn, cự tuyệt tình thân; sống thiếu trách nhiệm đối với những người thân trong gia đình.

**c. Bài học nhận thức và hành động**

- Câu nói trên thật đúng khi khẳng định vai trò của gia đình đối với cuộc sống mỗi người. Vì gia đình có giá trị bền vững và vô cùng to lớn không bất cứ thứ gì trên cõi đời này sánh được, cũng như không có bất cứ vật chất cũng như tinh thần nào thay thế nổi.

- Mỗi chúng ta cần góp phần bảo vệ, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Hãy biết thương yêu, đùm bọc, chia sẻ cho nhau. Hãy biết nhẫn nhịn, chịu đựng, hi sinh để gia đình luôn là tổ ấm hạnh phúc nhất.

**3. Kết bài**

- Ai đó đã định nghĩa: Gia đình, đó là nơi ngay cả khi nước sôi cũng reo lên niềm hạnh phúc. Vậy chúng ta hãy bằng tình yêu và hành động của mình để cho niềm hạnh phúc ấy luôn được reo lên trong hai tiếng thiêng liêng “gia đình”.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Gia đình luôn là điểm tựa tinh thần cho từng cá nhân. Trong cả cuộc đời này cũng sẽ không có bất kỳ ai có thể quan tâm tới bạn hơn những người thân trong gia đình. Bạn sẽ không tìm được nơi nào khác mà có những người sẵn sàng hi sinh, lo lắng và bảo bọc bạn hơn gia đình. Đó là chốn bình yên nhất trong cuộc sống này, gia đình là nơi che chở nuôi chúng ta khôn lớn là nơi chứa đựng rất nhiều cảm xúc tình cảm khác nhau mà ai trong số chúng ta cũng từng trải qua. Nói như Euripides: "*Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận"*. Thật vậy, cuộc sống là một hành trình bộn bề những thử thách và những vấp ngã đang sẵn sàng chờ đợi ta phía trước. Tuy nhiên, mỗi người đều được sinh ra và lớn lên trong một gia đình. Vì thế, từ nhỏ, luôn được bao bọc trong vòng tay của ba mẹ. Vì vậy, gia đình từ lúc ta còn bé, đã là một nơi nương tựa về tinh thần.

“Gia đình” hai từ bình dị mà ấm áp. Đó là nơi mỗi người được sinh ra và lớn lên, nơi đó có thể có cả bố, có cả mẹ, nơi mỗi con người được sinh ra, được nuôi dưỡng bằng chính tình yêu thương chân thành nhất. Những hi sinh nhất dành cho ta. Vì thế, gia đình mãi mãi là nơi ấm cúng và tràn đầy tình yêu… Mà những sóng gió ngoài kia không thể tìm cách nào dập tắt được.

Còn “tai ương của số phận” thì là những bất trắc, những rủi ro ta không may gặp phải trong đời. “duy chỉ có” nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng vượt bậc, tính duy nhất của gia đình, và tầm quan trọng cố hữu trong lòng mỗi người khi nghĩ về gia đình.

Vì thế, ta càng thấy câu nói thật sự đúng và chính xác. Đã đề cao vai trò cực kì quan trọng của gia đình đối với mỗi người. Gia đình là nơi ta được yêu thương, được nhận yêu thương vô bờ bến. Nơi ta không còn những lừa dối mà chỉ còn những chân thành và ấm áp. Không phải ai trên đời cũng may mắn có điều đó, nhưng nếu có, chắc chắn phải biết trân trọng và giữ gìn bằng bất kí giá nào. Là chỗ dựa để ta vượt qua những khó khăn, bất trắc trong đời.

Gia đình là nơi từ nhỏ ta được nuôi dưỡng và lớn lên, chính truyền thống giáo dục trong gia đình là cái nôi của ta. Không chỉ bồi đắp cho ta những giá trị về tri thức, còn mang cho ta giá trị về tinh thần sâu sắc. Nơi ta được nuôi dưỡng, che chở bao bọc. Gia đình chính là nơi cung cấp cho ta những hành trang cần thiết trên bước đường đời. Gia đình là hậu phương cho ta, chỗ dựa tinh thần vững chắc và nâng đỡ chúng ta khi mình gặp vấp ngã. Tiếp thêm sức mạnh cho ta vượt qua những khó khăn trở ngại, và chia sẻ cho ta những đau buồn.

Gia đình không chỉ có ý nghĩa to lớn trong cuộc đời mỗi người, mà còn góp phần tạo nên sự phát triển cho một xã hội. Từ đó phê phán những ai có thái độ vô cảm, không quan tâm đến người thân, chà đạp giá trị truyền thống gia đình…

Câu nói đã lần nữa khẳng định trong chính chúng ta giá trị của gia đình. Không phải ai không có gia đình cũng sẽ sa ngã, mà mỗi chúng ta hãy tự ý thức cho mình và trân trọng nó. Cố gắng hoàn thiện mình và gây dựng một hậu phương vững chắc cho chính mình.

**Đề 8: Triết gia La Mã Cicero từng nói: “Tình bạn gần gũi hơn tình thân” và “Cuộc sống không có tình bạn cũng giống như thế giới không có ánh mặt trời” Từ câu nói của Cicero, em hãy viết một bài văn ngắn bàn về ý nghĩa của tình bạn với mỗi người trong cuộc sống**

**1. Mở bài**

Tình bạn là mối quan hệ không thể thiếu trong đời sống của tất cả chúng ta.

**2. Thân bài**

*a. Giải thích*

Vậy tình bạn là gì? Thiếu nó, cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao? Trong cuộc đời mỗi chúng ta ai cũng có những tình bạn, đó là sự gắn bó giữa hai hoặc nhiều người trên cơ sở tương đồng về sở thích, tính cách hay lí tưởng.

*b. Ý nghĩa*

- Mỗi con người ai cũng có nhu cầu chia sẻ, nhu cầu kết bạn và gắn bó với người khác, chính vì vậy lựa chọn được một người bạn “tâm đồng ý hợp” để trải qua những cung bậc khác nhau trong cuộc sống là điều tất yếu.

- Tùy theo nhu cầu mà mỗi người có lượng bạn bè khác nhau, mỗi người một ưu điểm, một tính cách khác nhau và từ đó chúng ta cũng học hỏi được nhiều điều hay ho khác nhau và rút ra được những bài học cho bản thân mình.

- Một tình bạn trở nên đẹp đẽ và cao quý khi ta dành cho đối phương sự tôn trọng, đồng cảm và sẻ chia; không quản ngại hi sinh, vất vả để giúp đỡ lẫn nhau. Giữa dòng đối với biết bao bon chen, xô đẩy, có được một tình bạn chân thành là điều vô cùng may mắn. Bởi đó là niềm vui, là chỗ dựa lớn lao đem đến cho ta sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. Đồng thời, “học thầy không tày học bạn”, từ họ ta có thể nhìn ra thiếu sót của bản thân, từ đó mà phấn đấu, nỗ lực để hoàn thiện hơn.

*c. Chứng minh*

Không phải ai cũng tìm được cho riêng mình những người tri ân tri kỉ như Lưu Bình & Dương Lễ, Bá Nha & Tử Kì, Nguyễn Khuyến &Dương Khuê… Một chút tham lam ích kỉ hay ghen ghét đố kị cũng có thể khiến người gọi là “bạn” kia lợi dụng hay phản bội hòng trục lợi từ ta. Thêm nữa, là bạn tốt không đồng nghĩa với việc bao che, đồng tình với những hành động sai trái của đối phương mà phải mạnh dạn thẳng thắn giúp bạn nhận ra sai lầm và quay lại với con đường đúng đắn.

*d. Phản biện*

Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn còn có những con người chỉ biết đến cái lợi của bản thân mình, độc đoán, ích kỉ hoặc lạnh lùng, vô cảm mà không có lấy những người bạn thân thiết, lại có những người lợi dụng lòng tốt của bạn bè để trục lợi,… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án và chỉ trích.

**3. Kết bài**

Tình bạn đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống và thể hiện nhân cách con người rõ nét. Mỗi người con chúng ta hãy đối xử thật tốt, yêu thương chân thành với những người bạn của mình để có một cuộc sống hạnh phúc hơn và làm cho đất nước, xã hội phát triển giàu đẹp văn minh hơn về nhân cách con người.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Tình bạn là mối quan hệ không thể thiếu trong đời sống của tất cả chúng ta. Trong cuộc đời mỗi chúng ta ai cũng có những tình bạn, đó là sự gắn bó giữa hai hoặc nhiều người trên cơ sở tương đồng về sở thích, tính cách hay lí tưởng.

Mỗi con người ai cũng có nhu cầu chia sẻ, nhu cầu kết bạn và gắn bó với người khác, chính vì vậy lựa chọn được một người bạn “tâm đồng ý hợp” để trải qua những cung bậc khác nhau trong cuộc sống là điều tất yếu. Tùy theo nhu cầu mà mỗi người có lượng bạn bè khác nhau, mỗi người một ưu điểm, một tính cách khác nhau và từ đó chúng ta cũng học hỏi được nhiều điều hay ho khác nhau và rút ra được những bài học cho bản thân mình. Một tình bạn trở nên đẹp đẽ và cao quý khi ta dành cho đối phương sự tôn trọng, đồng cảm và sẻ chia; không quản ngại hi sinh, vất vả để giúp đỡ lẫn nhau. Giữa dòng đối với biết bao bon chen, xô đẩy, có được một tình bạn chân thành là điều vô cùng may mắn. Bởi đó là niềm vui, là chỗ dựa lớn lao đem đến cho ta sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. Đồng thời, “học thầy không tày học bạn”, từ họ ta có thể nhìn ra thiếu sót của bản thân, từ đó mà phấn đấu, nỗ lực để hoàn thiện hơn.Không phải ai cũng tìm được cho riêng mình những người tri ân tri kỉ như Lưu Bình & Dương Lễ, Bá Nha & Tử Kì, Nguyễn Khuyến &Dương Khuê… Một chút tham lam ích kỉ hay ghen ghét đố kị cũng có thể khiến người gọi là “bạn” kia lợi dụng hay phản bội hòng trục lợi từ ta. Thêm nữa, là bạn tốt không đồng nghĩa với việc bao che, đồng tình với những hành động sai trái của đối phương mà phải mạnh dạn thẳng thắn giúp bạn nhận ra sai lầm và quay lại với con đường đúng đắn. Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn còn có những con người chỉ biết đến cái lợi của bản thân mình, độc đoán, ích kỉ hoặc lạnh lùng, vô cảm mà không có lấy những người bạn thân thiết, lại có những người lợi dụng lòng tốt của bạn bè để trục lợi,… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án và chỉ trích. Tình bạn đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống và thể hiện nhân cách con người rõ nét.

Mỗi người con chúng ta hãy đối xử thật tốt, yêu thương chân thành với những người bạn của mình để có một cuộc sống hạnh phúc hơn và làm cho đất nước, xã hội phát triển giàu đẹp văn minh hơn về nhân cách con người.

**Đề 9: Có người đã từng nói: “Người thầy cầm tay, mở ra trí óc và chạm đến trái tim”. Từ câu nói trên, em hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của những thầy cô giáo đối với cuộc đời của mỗi con người.**

**Gợi ý trả lời:**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu câu nói từ đó giới thiệu vấn đề nghị luận,

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích**

- Trình bày cụ thể những vai trò của người thầy

- Thầy cô là người truyền dạy cho ta kiến thức, mở mang tầm hiểu biết của ta, dạy ta biết đọc, biết viết, biết tính toán, thậm chí là biết làm cả những bài toán của cuộc đời.

- Thầy cô còn dạy ta cách làm người, cách sống đẹp. Họ dạy ta biết sống trung thực, tín nghĩa, biết yêu thương mọi người, biết sẻ chia đồng cảm… Tất cả những phẩm chất tốt đẹp ấy ta có được là nhờ những bài giảng của thầy cô hay chính tấm gương từ những thầy cô giáo

- Thầy cô còn vun đắp cho ta những ước mơ khát vọng, đưa ta tới những nơi mà thầy cô đã từng đi qua cũng có khi là chưa một lần đặt chân đến.

- Có những thầy cô còn như một người bạn để ta sẻ chia, tâm sự, giãi bày là người cha, người mẹ thứ hai để ta nương tựa.

- Đằng sau mỗi người học trò thành công, luôn có bóng dáng của người thầy vĩ đại.Quả không sai khi nói rằng “Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý”.

**b. Dẫn chứng:**

**+** Trong lịch sử nước nhà, đã có không ít những người thầy tuyệt vời như thế. Trong quá khứ ta không thể không nhắc đến thầy giáo Chu Văn An, thầy giáo Nguyễn Bỉnh Khiêm những người thầy đã có nhiều đóng góp cho nền chính học của đất nước. Đặc biệt là thầy Chu Văn An một người thầy đạo cao đức trọng, cảm hóa được học trò của mình là con trai của Thủy Thần. Người học trò ấy, nghe lời thầy mà dám trái lệnh trời làm mưa cứu dân độ thế, chấp nhận mình bị chừng phạt. Thầy Chu Văn An là tấm gương sáng muôn đời về người thầy có nhân cách cao đẹp.

+ Tục ngữ: *Không thầy đó mày làm nên*

**c. Bài học nhận thức**

- Bài học: Phải tôn trọng và biết ơn thầy cô Hãy bài tỏ lòng biết ơn bằng những lời nói lễ phép, bằng sự học tập siêng năng, bằng lối sống nghiêm túc, đúng mực, bằng những việc làm có ích cho xã hội ở cả hiện tại và tương lai bởi một người học trò thành công chính là món quà lớn nhất cho những người làm nghề dạy học.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định vai trò của người thầy

- Liên hệ bản thân

**Bài viết tham khảo:**

Có người đã từng nói*: “Người thầy cầm tay, mở ra trí óc và chạm đến trái tim”*. Câu nói trên đã gợi lên trong ta không ít những suy nghĩ về vai trò của những thầy cô giáo đối với cuộc đời của mỗi con người.

Đúng như vậy, thầy cô giáo có vai trò rất quan trọng. Thầy cô chính là người truyền dạy cho ta kiến thức, mở mang tầm hiểu biết của ta, dạy ta biết đọc, biết viết, biết tính toán, thậm chí là biết làm cả những bài toán của cuộc đời.Thầy cô còn dạy ta cách làm người, cách sống đẹp. Họ dạy ta biết sống trung thực, tín nghĩa, biết yêu thương mọi người, biết sẻ chia đồng cảm… Tất cả những phẩm chất tốt đẹp ấy ta có được là nhờ những bài giảng của thầy cô hay chính tấm gương từ những thầy cô giáo. Và cũng không ai khác, chính các thầy cô giáo đã vun đắp cho ta những ước mơ khát vọng, đưa ta tới những nơi mà thầy cô đã từng đi qua cũng có khi là chưa một lần đặt chân đến. Có những thầy cô còn như một người bạn để ta sẻ chia, tâm sự, giãi bày là người cha, người mẹ thứ hai để ta nương tựa. Đằng sau mỗi người học trò thành công, luôn có bóng dáng của người thầy vĩ đại.Quả không sai khi nói rằng “Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý”.Trong lịch sử nước nhà, đã có không ít những người thầy tuyệt vời như thế. Trong quá khứ ta không thể không nhắc đến thầy giáo Chu Văn An, thầy giáo Nguyễn Bỉnh Khiêm những người thầy đã có nhiều đóng góp cho nền chính học của đất nước. Đặc biệt là thầyChu Văn An một người thầy đạo cao đức trọng, cảm hóa được học trò của mình là con trai của Thủy Thần,. Người học trò ấy, nghe lời thầy mà dám trái lệnh trời làm mưa cứu dân độ thế, chấp nhận mình bị chừng phạt. Thầy Chu Văn An là tấm gương sáng muôn đời về người thầy có nhân cách cao đẹp. Cha ông ta đã từng nói “Không thầy đố mày làm nên”. Hiểu được điều đó, chúng ta hãy tôn trọng và biết ơn thầy cô.

Hãy bày tỏ lòng biết ơn bằng những lời nói lễ phép, bằng sự học tập siêng năng, bằng lối sống nghiêm túc, đúng mực, bằng những việc làm có ích cho xã hội ở cả hiện tại và tương lai bởi một người học trò thành công chính là món quà lớn nhất cho những người làm nghề dạy học.

**Đề 10: Trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa” (Sách Dám thành công)**

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**1. Mở bài:**

- Một câu danh ngôn nổi tiếng đã nói Mất tiền còn có thể tìm lại được nhưng mất niềm tin là mất tất cả.

- Đúng vậy! Nói về niềm tin của mỗi người trong cuộc sống đã có rất nhiều ý kiến nói về điều đó: “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa” (Sách Dám thành công). Vậy niềm tin có ý nghĩa như thế nào với mỗi con người trong cuộc sống?

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích câu nói:**

- Niềm tin vào bản thân: Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống.

- Câu nói là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy có niềm tin vào bản thân. Đó cũng là bản lĩnh, là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công. Khi đánh mất niềm tin là ta đánh mất tất cả.

**b. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:** Vì sao đánh mất niềm tin vào bản thân là sẽ đánh mất nhiều thứ quý giá khác?

- Bởi niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin. Nó không chỉ đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp mà còn là nền tảng của mọi thành công. Để đạt được điều đó, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.

- Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực để vươn lên và tất nhiên: “Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại” (Bovee).

- Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, và có những lúc sa ngã, yếu mềm… Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dẫn đến đánh mất chính mình. Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội… thậm chí cả sự sống của mình. Vì vậy, con người biết tin yêu vào cuộc sống, tin vào sức mạnh, khả năng của chính mình, biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.

- Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả. c. Đánh giá, bàn bạc:

**c. Phản đề**

- Phê phán: Trong thực tế cuộc sống, có những người mới va vấp, thất bại lần đầu nhưng không làm chủ được mình, không tin vào mình có thể gượng dậy mà từ đó dẫn đến thất bại:

+ Một học sinh nhút nhát, e sợ, không tin vào năng lực bản thân mình khi đi thi sẽ dẫn đến làm bài không tốt. Cũng có những học sinh thi trượt, tỏ ra chán nản, không còn niềm tin vào bản thân nên sẽ dễ bỏ cuộc.

+ Một người khi làm việc, không tự tin vào mình, không có chính kiến của mình mà phải thực hiện theo ý kiến tham khảo của nhiều người khác thì dẫn đến tình trạng “đẽo cày giữa đường”, “lắm thầy thối ma”.

+ Có những người từ nhỏ được sống trong nhung lụa, mọi việc đều có người giúp việc hoặc bố mẹ lo , khi gặp khó khăn họ có thể làm chủ được bản thân, tự mình độc lập để vượt qua?

- Khẳng định: Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại. Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng.

**d. Bài học nhận thức, hành động:**

Học sinh những người trẻ tuổi phải làm gì để xây dựng niềm tin trong cuộc sống? Phải cố gắng học tập và rèn luyện tư cách đạo đức tốt.

- Việc học phải đi đôi với hành, dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống. Phải biết tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận

- Liên hệ bản thân

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Sống là phải có niềm tin vào chính bản thân mình. Một khi bạn không tin vào chính mình thì bạn đã đánh mất đi một phần quan trọng của cuộc sống. Chẳng thế mà đã có một câu nói đã khẳng định:“Một ngườiđã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa”. Niềm tin là một cảm xúc trong ý chí của con người. Nó đi liền với sự hy vọng, khát khao và nghị lực.

Niềm tin là động lực giúp con người vượt qua những khó khăn và thử thách trong cuộc sống. Niềm tinvào bản thân: Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trongcuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống. Câu nói là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy có niềm tin vào bản thân. Đó cũng là bản lĩnh,là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công. Khi đánhmất niềm tin là ta đánh mất tất cả.Nhờ có lòng tự tin mà ta sống có ước mơ và hi vọng, lạc quan và yêu đời. Ta tin vào nghị lực, ý chí,tinh thần của bản thân mình sẽ làm nên bao điều tốt đẹp; tin bản thân mình sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức; tin vào tình thương và lẽ phải là sức mạnh cứu cánh đời ta. Nhờ có lòng tin vào bản thân mà ta cảm thấy được sức mạnh giúp ta có thể làm được tất cả mọi việc, niềm tin là nền tảng của mọi thành công. Nếu mất đi niềm tin ta sẽ không ý chí và nghị lực để bước tiếp trên con đường của mình đã chọn.Ta không còn sức mạnh để vượt qua những khó khăn và thử thách. Từ đó mà ta buông thả, thỏa hiệp với tất cả, bất cứ lúc nào ta cũng có thể xa ngã rồi đánh mất bản thân mình. Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thànhcông và thất bại, và có những lúc sa ngã, yếu mềm… Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tinvào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình. Trong cuộc sống, cóbiết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưngcàng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân vàhọ đã vượt lên, chiến thắng tất cả. Như thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký bị liệt cả hai tay nhưng vẫn vươn lênchiến thắng số phận mà tập viết bằng chân để rồi sau những khó khăn ấy thầy đã trở thành một ngườithầy giáo Việt Nam truyền cảm hứng vươn lên cho rất nhiều thế hệ học sinh. Hay như những bạn họcsinh giỏi vượt khó, dù hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng các bạn vẫn cố gắng học tâp để vươnlên làm chủ cuộc sống của chính mình. Chính vì thế mà con người nếu biết tin yêu vào cuộc sống, tinvào sức mạnh, khả năng của chính mình. biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.Tuy nhiên, trong cuộc sống không phải ai cũng hiểu được tầm quan trọng của niềm tin vào chínhbản thân mình. Khi phải đối diện với những khó khăn song gió, những thử thách của cuộc đời họ dễdàng bị đánh bại và từ đó mất niềm tin vào chính bản thân mình. Họ dễ dàng nản lòng khi gặp thất bại,họ trở nên tự ti và thu mình lại không dám đương đầu với những thử thách. Họ chọn một cuộc sống an toàn toàn tới nhàm chán vì không có niềm tin vào bản thân mình. Họ nghi ngờ khả năng của chính mình.Chính những điều đó khiến họ mất đi rất nhiều cơ hội, khiến họ không thể phát triển lên để vươn tới thành công được. Chính vì lẽ đó mà mỗi người học sinh chúng ta cần phải trau dồi kỹ năng sống,kiến thức cũng như phẩm chất đạo đức để có thể phát huy và nuôi dưỡng niềm tin, thực hiện nhữngước mơ của chính mình. uy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quátự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại. Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đứctính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng.

Là thế hệ trẻ mỗi người trong chúng ta cần phải có lòng tự tin, ý chí tự cường; không ngừng học tập và tu dưỡng, nêu cao tinh thần tự lập và làm chủ bản thân. Ta phải biết thắp sáng ngọn lửa niềm tin và hi vọng trên con đường đi tới ngày mai tươi sáng

**Đề 11: Có người đã từng nói “Dù khó khăn mấy cũng phải**[**kiên trì**](https://nhungcaunoihay.vn/tag/kien-tri)**, dù**[**tốt đẹp**](https://nhungcaunoihay.vn/tag/tot-dep)**mấy cũng hãy bình thản, dù kém cỏi mấy cũng phải tự tin, dù nhiều tiền mấy cũng phải tiết kiệm.” Câu nói trên có nhắc đến nhiều phẩm chất tốt đẹp của con người. Em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của một trong các nét phẩm chất ấy.**

**Gợi ý trả lời:**

**1. Mở bài:**

**-** Giới thiệu câu nói, các phẩm chất + giới thiệu vấn đề nghị luận ( chọn ý nghĩa của sự tự tin)

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích**

- Giải thích câu nói trên.

**b. Nêu những vai trò của sự tự tin.**

**-** Tự tin là một trong những thước đo để đánh giá phẩm chất, lối sống của mỗi người. Nó giúp ta hoàn thiện bản thân mình hơn.

- Sự tự tin mang đến cho chúng ta khả năng quyết đoán trong việc lựa chọn những quyết định còn có sự phân vân, chưa chắc chắn.

- Tự tin giúp ta có thêm sức mạnh và nghị lực đương đầu với khó khăn, thử thách cho dù có thể bị thất bại. Có thể nói, tự tin chính là chiếc chìa khóa của sự thành công, là con đường biến ước mơ thành hiện thực.

- Một người tự tin chắc chắn sẽ được mọi người xung quanh yêu mến, ngưỡng mộ còn một người luôn tự ti, mặc cảm thì hẳn là sẽ bị người khác xem thường. Những người như thế thật khó có được sự thành công

**c. Dẫn chứng:**  Thực tế có nhiều tấm gương sáng nhờ tự tin mà thành cộng. Để tìm ra dây tóc bóng điện **Ê-đi-sơn** đã thất bại hàng ngàn lần trong thí nghiệm. **Walt Disney** từng bị tòa báo sa thải vì thiếu ý tưởng, ông cũng từng nếm mùi phá sản trước khi sáng tạo ra hãng phim hoạt hình nổi tiếng Disney Land. Thử hỏi nếu không có sự tự tin, liệu Ê-đi-sơn có thể có phát minh vĩ đại cho nhân loại, Walt Disney có thành công như vậy hay không?

**d. Nhận thức hành động:** Vì vậy, mỗi chúng ta cần **ý thức** được vai trò của sự tự tin trong cuộc sống hằng ngày để **rèn luyện** tính tự tin. Đồng thời chúng ta cũng phải biết rằng tự tin thôi chưa đủ để dẫn đến thành công mà còn cần phải siêng năng, kiên trì, chịu khó, khéo léo trong công việc, có tri thức, sức khỏe… Có như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ thành công.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại về ý nghĩa quan trọng của sự tự tin

**- Liên hệ:** Là học sinh, chúng ta phải học tập tốt tạo cho mình nền móng kiến thức vững chắc sau đó rèn luyện tính tự tin từ những việc làm nhỏ nhất như tự tin phát biểu, tự tin diễn thuyết, báo cáo một vấn đề trước tập thể để dần hình thành sự tự tin, mạnh dạn bước vào cuộc đời đầy khó khăn, cạm bẫy.

**Bài văn tham khảo**

Có người đã từng nói *“Dù khó khăn mấy cũng phải*[*kiên trì*](https://nhungcaunoihay.vn/tag/kien-tri)*, dù*[*tốt đẹp*](https://nhungcaunoihay.vn/tag/tot-dep)*mấy cũng hãy bình thản, dù kém cỏi mấy cũng phải tự tin, dù nhiều tiền mấy cũng phải tiết kiệm.”* Câu nói trên có nhắc đến nhiều phẩm chất tốt đẹp của con người. Đó là sự kiên trì, là bản lĩnh, là sự tự tin và đức tính tiết kiệm.

Trong tất cả bốn nét phẩm chất ấy thì có lẽ tự tin là cần thiết nhất. Vậy tự tin có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc đời của mỗi con người?Tự tin là một trong những thước đo để đánh giá phẩm chất, lối sống của mỗi người. Nó giúp ta hoàn thiện bản thân mình hơn. Tự tin mang đến cho chúng ta khả năng quyết đoán trong việc lựa chọn những quyết định còn có sự phân vân, chưa chắc chắn. Nó giúp ta có thêm sức mạnh và nghị lực đương đầu với khó khăn, thử thách cho dù có thể bị thất bại .Có thể nói, tự tin chính là chiếc chìa khóa của sự thành công, là con đường biến ước mơ thành hiện thực. Thử nghĩ mà xem, nếu bạn là một người tự tin chắc chắn bạn sẽ được mọi người xung quanh yêu mến, ngưỡng mộ và vẫn là bạn nhưng luôn tự ti, mặc cảm thì chắc chắn là bạn sẽ bị người khác ném cho cái nhìn của sự xem thường. Thực tế có nhiều tấm gương sáng nhờ tự tin mà thành cộng. Để tìm ra dây tóc bóng điện Ê-đi-sơn đã thất bại hàng ngàn lần trong thí nghiệm. Walt Disney từng bị tòa báo sa thải vì thiếu ý tưởng, ông cũng từng nếm mùi phá sản trước khi sáng tạo ra hãng phim hoạt hình nổi tiếng Disney Land. Thử hỏi nếu không có sự tự tin, liệu Ê-đi-sơn có thể có phát minh vĩ đại cho nhân loại, Walt Disney có thành công như vậy hay không? Có thể nói rằng, đối với cuộc sống của mỗi ngừi, tự tin có vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy, mỗi chúng ta cần rèn luyện cho mình sự tự tin. Muốn thế chúng ta cần trang bị cho mình vốn hiểu biết sâu rộng bởi sự tự tin phần lớn được tạo nên từ sự hiểu biết. Đồng thời chúng ta cũng phải biết rằng tự tin thôi chưa đủ, để dẫn đến thành công chúng ta còn cần phải siêng năng, kiên trì, chịu khó, khéo léo trong công việc, có tri thức, có sức khỏe… Có như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ thành công .

Là học sinh, chúng ta phải học tập tốt tạo cho mình nền móng kiến thức vững chắc sau đó rèn luyện tính tự tin từ những việc làm nhỏ nhất như tự tin phát biểu, tự tin diễn thuyết, báo cáo một vấn đề trước tập thể để dần hình thành sự tự tin, mạnh dạn bước vào cuộc đời đầy khó khăn, cạm bẫy.

**Đề 12: “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” Tố Hữu Suy nghĩ của anh (chị) về câu nói trên? (Cho và Nhận)**

**Bài làm**

**Bài tham khảo số 1**

Trong cuộc sống mỗi người đều có những quan niệm sống riêng của mình, thậm chí là đối lập nhau. Nhà thơ Tổ Hữu lại cho rằng: “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” đó vừa là mục tiêu sống vừa là quan niệm sống riêng của ông. Đồng quan điểm sống của ông cũng có một nhà thơ nước ngoài cho rằng” Cho đi mà không nhận lại mới là hạnh phúc lâu dài”.

“Cho‟ là biết trao đi,dưng tặng những gì quý giá của bán thân cho người khác, biết hy sinh cống hiến những gí tốt đẹp nhất của mình dành cho gia đình, bạn bè, xã hội. “Nhận” là cách sống chỉ biết mình mà quên người một cách sống ích kỉ biệt nhận về mình những điều tốt đẹp, đó là một cách sống chỉ vì mình. Sống không phải chỉ biết hướng thụ không thôi mà cần phải biết cống hiển, biết sống vì mọi người xung quanh đó là quan hệ giữa “cho” và “nhận”. Thành quả của mỗi người trong cuộc sống không phải tự nhiên mà có mà nó phải trái qua một quá trình. Ngoài sự cố gắng nỗ lực của bản thân còn là sự hy sinh cống hiến của bao người.Vậy nên chúng ta phải “cho” đâu chỉ “nhận” không thôi: Cho đi là một biếu hiện của cách sống đẹp sống có lí tưởng mục tiêu đúng đắn và tốt đẹp. Biết quan tâm giúp đỡ người khác để cuộc sống thêm xanh, thên vui và có ý nghĩa hơn,Chúng ta có thế “cho‟ đi bằng nhiều hình thức như vật chất hoặc tinh thần hoặc những cách khác. Sống cần phải biết xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mình để thức hiện đúng đắn nhiệm vụ của mình và đặt quyền lợi tập thể lên trên quyền lợi cá nhân “một nhười vì mọi người”. biết quên đi nỗi buồn của bản thân để vui cùng niềm vui của mọi người đó cũng là một trong những cách “cho” riêng của nhiều người Chúng ta ai cũng biết đến một người luôn yêu thương, luôn hy sinh hạnh phúc của mình vì những đứa con trong đất nước Việt Nam. Đó là vị cha già của dân tộc Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu người là vừng dương tỏa sáng khắp muôn nơi,người luôn cho đi tất cả những gì bản thân có đế đem lại cuộc sống yên bình ấm no cho nhân dân.Cuộc đời bảy mươi chín mùa xuân của Bác là bài ca bất tử về sự hy sinh cống hiến cao cả cho nhân dân cho nước bác đã phải xa quê hương,gia đình người thân bạn bè đẻ ra đi tìm đường cuus nước với biết bao gian lao vất vả, luôn kề cận bên sự nguy hiểm rình rập ngưng với một khát khao cháy bỏng Bác đã cam chịu và vượt qua tất cả để rồi giải phóng dân tộc khói xiềng xích nô lệ của thực dân dành chủ quyền độc lập tự do,thành lập nên nước Việt Nam dân chũ cộng hòa.Sau ngày độc lập Bác kêu gọi đồng bào cả nước mỗi tuần nhịn ăn một bữa để góp phần cứu đói và bác là người gương mẫu thực hiện đầu tiên. Cũng sau khi miền bắc hoàn toàn giải phóng trong cuộc sống thời bình, bác vẫn sống trong căn nhà sàn đơn sơ, ăn uống thanh đạm như bao người khác. Bác vẫn đau đáu trong mình một tâm huyết mà suốt đời bác phấn đấu để biến thành hiện thực là làm sao giữ vững được chũ quyền độc lập, tự do thiêng liêng của đất nước, dân tộc. chiến đấu quét sạch giặc ngoại xâm, giải phóng miền nam thống nhất đất nước.Tư tưởng phẩm chất đạo đức tuyệt vời cao,tuyệt vời trong sáng của chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là bài học nhân sinh sâu sắc là bài học về cách “cho” cao cả và lớn lao mà chúng ta vẫn phải cố gắng noi theo. Tiếp theo đó Nguyễn Đình Chiếu cả cuộc đời của ông cũng gặp vô vàn khó khăn lận đận, tuy học rộng tài cao nhưng con đường thi cứ của ông cũng không mấy thuận lợi khi vào năm 1849 ông sắp thi thì nhận được tin mẹ mất.Ông bỏ thi về Nam để chịu tang mẹ. Dọc đường vất vả, lại thương mẹ khóc nhiều nên ông bị đau mắt nặng và sau đó thì bị mù cả hai đôi mắt.Nhưng ông không hề đầu hàng trước số phận mà vẫn khao khát cống hiển,khát khao làm được những diều tốt đẹp cho đời.Mù nhưng vừa ông lại vừa dạy học vừa bóc thuốc chữa bệnh cho dân, vừa làm thơ khuyễn khích tinh thần đánh giặc ngoại xâm của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân pháp ở Gia Định vào năm 1859 Nguyễn Đình Chiếu trong cuộc sống gặp nhiều khó khăn bất hạnh nhưng cũng luôn vì gia đình người dân và dân tộc, ông đã quên đi hạnh phúc của cá nhân, ông đã hy sinh tất cả để đem lại cuocj sống yên bình, hạnh phúc cho nhân dân.Cả cuộc đời ông luôn “cho” và chỉ biết cho không chỉ ở ngày xưa mà hiện nay có rất nhiều bạn trẻ sãn sàng hy sinh bản thân đẻ cống hiến hết sức mình cho tổ quốc.Những hoạt động tổ chức nhân đạo luôn giúp đỡ những người dân khó khăn.Các cả nhân tổ chức đã và đang cùng nhau chung tay góp sức tổ chức những chương trình nhân đạo “trái tim cho em” những hoạt động cứu trợ đồng bào thiên tai bão lũ, hỗ trợ, giúp đỡ những nạn nhân chất độc màu da cam.Ngoài ra còn có những hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương xóa bỏ nhà tranh tre dột nát.Tất cả những hành động cao cả đó của biết bao con người đều là những cách sống đẹp, những cách sống luôn vì mọi người, cống hiến mình cho xã hội. Nhưng cũng thật đáng buồn chê trách những con người sống vô cảm, sống chỉ biết “nhận” chứ không hề “cho”. Sống mà chỉ biết hướng thụ, luôn tính toán cạnh tranh để nhận về mình những điều tốt nhất mà bỏ qua nỗi buồn, sự bất hạnh của người khác.Những con người chỉ biết vì mình, chỉ biết hưởng thụ thì đó là những con người ích kỉ vô hồn.Xét về đạo lí thì đó là những con người sống vô ơn bội nghĩa, xét về quy luật xã hội thì đó là những con người sống lạc hậu cố kìm hãm sự phát triển của đất nước. “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” đây là một quan niệm sống phù hợp với đạo đức con người nói riêng.Đay là một quan niệm đúng đắn và phù hợp với mọi thơi đại. Chúng ta cần phải sống vì người khác, phải biết “cho” đi để cống hiển cho xã hội phát triển khi đã cho đi thì đừng toan tính sẽ nhận lại được cái gì mà hãy “cho” đi một cách tự nguyện và thật tâm.

Chúng ta cũng phải kết hợp hài hòa giữa quyền lợi và trách nhiệm giữa “cho” và “nhận”, phải nhận thức rõ được sự đem lại hạnh phúc cho người khác là như thế nào. “Bạn sẽ thấy niềm vui khi đỡ người khác bằng cả tấm lòng” (Poul newman). Chúng ta sống và có quyền “nhận” nhưng đừng bao giờ quên trước khi “nhận” bạn phải xem bạn đã “cho” được những gì để xứng đáng “nhận” hay chưa ?

**Bài tham khảo số 2**

Con người muốn trở nên tốt đẹp cần phải rèn luyện rất nhiều phẩm chất, một trong số đó chính là học cách cho đi, yêu thương đồng loại để nhận về những điều tốt đẹp. Vậy thế nào là cho và nhận?

Cho: mang nghĩa bao quát là yêu thương mọi người, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình, cho đi tình cảm, tấm lòng, sẵn sàng vì người khác để xã hội này tốt hơn. Còn nhận: ở đây là sự thoải mái, thanh thản trong tâm hồn khi giúp đỡ, yêu thương người khác và được họ cảm kích, biết ơn, yêu thương. Cho và nhận là hai khái niệm tưởng chừng đối lập nhau nhưng lại song hành với nhau trở thành những bài học đắt giá cho con người, khuyên con người ta biết yêu thương, san sẻ với người khác. Sẵn sàng giúp đỡ người khác, không từ chối người có hoàn cảnh khó khăn, tuyên truyền, kêu gọi mọi người cùng giúp đỡ người khó khăn hơn mình. Hết lòng vì người khác với mong muốn xã hội tốt hơn, mong cuộc sống của người bất hạnh tốt đẹp hơn. Còn thứ ta nhận lại là sự thoải mái, thanh thản trong tâm hồn khi giúp đỡ, yêu thương người khác và được họ cảm kích, biết ơn, yêu thương. Cho và nhận là hai khái niệm tưởng chừng đối lập nhau nhưng lại song hành với nhau trở thành những bài học đắt giá cho con người, khuyên con người ta biết yêu thương, san sẻ với người khác. Cuộc sống của con người sẽ trở nên lạnh nhạt, vô cảm nếu mỗi người chỉ biết sống cho mình, không biết thương yêu, san sẻ, giúp đỡ đồng loại. Nếu mỗi cá nhân chỉ biết đến bản thân mình, tự tách mình khỏi xã hội. Tuy nhiên, trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người ích kỉ, nhỏ nhen, lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau, nỗi bất hạnh của người khác, chỉ biết nghĩ đến bản thân mình, những người này nếu không sửa đổi sẽ tự tách mình khỏi xã hội và trở nên thất bại hơn. Mỗi chúng ta được lựa chọn cho mình cách sống, hãy sống với tấm lòng chân thành, tình yêu thương, cho đi yêu thương để nhận về những điều tốt đẹp nhất.

Mỗi người chỉ được sống một lần, chúng ta hãy sống, cho đi và yêu thương để làm cho xã hội này ngày càng tốt hơn, con người được sống tình cảm hơn vì vốn dĩ: “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.

**Đề 13: W. Whitman từng tâm niệm: “Hãy nhìn về phía mặt trời, bóng tối sẽ khuất sau lưng bạn”. Suy nghĩ của anh (chị) về nhận định trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý nghĩa của lời nhận định.**

- Mặt trời là nguồn sáng đem lại hơi ấm và sự sống cho muôn loài. Mặt trời còn là biểu tượng cho những điều tươi sáng, đẹp đẽ, là niềm tin và hi vọng tốt đẹp ở tương lai trong cuộc đời con người.

- Bóng tối là màn đêm âm u, tăm tối. Bóng tối cũng là biểu tượng cho sự đen đủi, bi đát, bất hạnh, thiếu may mắn, những thất bại trong đường đời của con người. Ý nghĩa nhận định: Lời nhận định là một phương châm sống tích cực, một lời◊ khuyên sâu sắc nhắc nhở ta phải biết vượt lên những bất hạnh, rủi ro, đau buồn, thất bại trong cuộc đời. Phải biết quên đi quá khứ đen tối mà hướng về tương lai tươi sáng, tốt đẹp ở cuộc sống phía trước.

**b. Bàn luận, mở rộng vấn đề.**

- Cuộc sống không phải lúc nào cũng là thảm đỏ trải đầy hoa hồng, cuộc sống là một trường tranh đấu. Bởi thế, cuộc đời mỗi con người cũng không thể tránh khỏi những gian nan, trắc trở, những khó khăn, thất bại.

- Mỗi người cần phải có ý chí, nghị lực, dũng khí để vượt lên những thất bại. Phải xem những gian nan, trắc trở như một thử thách để ta được rèn luyện, trưởng thành.

- Cần biết hướng về phía trước, lạc quan, tin tưởng vào tương lai, có bản lĩnh vững vàng để vượt lên những vấp ngã của bản thân. Đây là xu hướng phát triển, là yêu cầu tất yếu phù hợp với quy luật khách quan của cuộc sống. Nếu cứ đắm chìm trong những thất bại, đau buồn là tự hại mình. - Phê phán những người không có niềm tin, không có ý chí phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.

**c. Bài học nhận thức và hành động**.

- Cần phải có ý chí, nghị lực, niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai để vững bước trong cuộc đời.

- Trong cuộc sống cũng như trong học tập phải biết vượt lên chính mình, không nên chùn bước trước những khó khăn thử thách. Sống cần có lý tưởng, khát vọng và ước mơ.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Bài học cho bản thân

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

**Bài 1**

Bạn sẽ làm gì khi mà khó khăn dường như lấp kín hết đời bạn, khi mà thần may mắn không còn mỉm cười, những gì xung quanh bạn toàn những tai tiếng và nỗi nhục nhã, ê chề, những hoài nghi và cả sự thất bại bủa vây,…? Dũng cảm đối mặt với thử thách đó hay đầu hàng, phó mặc cho số phận đã an bài? Nếu là tôi, chắc chắn tôi sẽ tiếp tục đương đầu với những khó khăn đó, vì tôi luôn tin vào câu danh ngôn nổi tiếng của nhà văn Nam Phi Whitman: “Đi về phía mặt trời, bóng tối sẽ khuất sau bạn”. Câu nói ấy là một triết lí sống đẹp giúp tôi vượt qua những thử thách, khó khăn của cuộc đời, nhắc nhở tôi phải biết sống lạc quan, vững tin vào cuộc sống.

Triết lí sống là những điều được rút tỉa bởi trải nghiệm, như một quan niệm nền tảng, cốt lõi trên cơ sở nhìn nhận cuộc sống. Triết lý sống là chính cuộc sống, là những suy tư về cuộc sống, để sống cho khôn ngoan, sáng suốt và hạnh phúc. Nó là kim chỉ nam cho cách xử thế, hành động hay lối sống của một cá nhân hay một cộng đồng. Triết lí sống là kết tinh của những nỗ lực tìm ra chân lí cuộc sống, nó rất đa dạng và không bao giờ chấm hết được, vì không bao giờ người ta khám phá được chân lý toàn diện về cuộc đời cả. Mỗi người muốn thành công cần phải có một triết lí sống cho riêng mình, với tôi đó là câu nói của Whitman: “Đi về phía mặt trời, bóng tối sẽ khuất sau bạn”.

Khi ta nhìn về phía mặt trời, bóng tối sẽ khuất dần sau lưng ta. Mượn hiện tượng đó, Whitman muốn thể hiện một ý tưởng mang tính triết lí giúp chúng ta biết tin yêu cuộc sống này hơn. Mặt trời tượng trưng cho sức sống, vẻ đẹp rực rỡ. Còn bóng tối là những gì u ám, ảm đạm, khó khăn. Nhìn về ánh mặt trời là nhìn về ánh sáng của sự sống, cái đẹp rạng ngời nhìn và hướng đến những điều tốt đẹp, rạng rỡ, tích cực. Khi ta nhìn và hướng đến chúng chắc chắn bóng tối, khó khăn, điều không vui, sẽ mất dần sau lưng. Câu nói đem đến cho chúng ta bức thông điệp về chân lí cuộc đời: con người phải có niềm tin, thái độ sống lạc quan, biết hướng về phía trước thì mọi khó khăn, u ám cũng sẽ bị bỏ lại sau lưng.

Câu nói của Whitman là một triết lí, một chân lí hiển nhiên, cho chúng ta một lời khuyên quý giá về thái độ sống tích cực, lạc quan. Khi hướng đến những điều tốt đẹp và tích cực, bản thân mỗi người có thêm động lực, niềm vui, niềm tin, sức mạnh để hoàn thành công việc, ý nguyện. Những suy nghĩ ảm đạm, tiêu cực thậm chí cả sự thất bại sẽ bị đẩy lùi, không còn trở thành một thế lực cản trở ta trên con đường tiến lên phía trước. “ Phía cuối đường hầm là ánh sáng”, sau cơn giông bão là trời quang mây tạnh, khi băng tuyết tan mùa xuân sẽ đến, ánh sáng sẽ xua tan đêm tối, khổ đau bất hạnh rồi sẽ đi qua và một tương lai tươi sáng đang chào đón bạn nếu bạn biết hướng đến nó. Tôi đã tin vào điều đó, không ai sinh ra chỉ toàn là bất hạnh, không cuộc đời nào chỉ toàn là hạnh phúc. “Cuộc đời là một phương trình cân bằng” nên ta phải biết tin váo cuộc sống, tin vào chính bản thân mình. Đôi khi trong cuộc sống có những thời điểm mà mọi thứ dường như chống lại bạn, mọi cố gắng đều phí hoài, những hoài nghi, những khó khăn, thất bại cứ bủa vây, bóp nghẹt đến nỗi cảm tưởng mình không thể chịu đựng thêm giây phút nào nữa, chỉ muốn buông xuôi, trốn chạy tất cả. Áp lực cuộc sống là điều không tránh khỏi, rồi lại áp lực học tập, áp lực gia đình,… khiến tôi thực sự mệt mỏi, không còn chút sức lực để hít thở, để tồn tại, nhưng thiết nghĩ ai chẳng phải trải qua, có người vượt qua được, có người thành công tại sao lại không. Mỗi lần nghĩ đến câu nói ấy như có một niềm tin vùng dậy khiến tôi phải nỗ lực nhiều hơn nữa. Chúng ta luôn phải sống cùng chúng, thích nghi với chúng để không phải hoang mang, để tìm cách giải quyết, suy nghĩ theo chiếu hướng tích cực hơn: chúng làm cuộc sống bạn bận rộn và đầy sắc màu chứ không phải là một con đường bằng phẳng, nhàm chán, vô vị. “Để trở thành một kẻ bi quan thì rất dễ, nhưng để làm một người lạc quan, hiểu rõ giá trị và ý nghĩa cuộc sống thì lại là điều không dễ dàng. Bởi lẽ, kẻ bi quan thường không có hy vọng, không tin mọi thứ có thể thay đổi được, và nhất là không bao giờ dám làm điều gì để thay đổi.” M. J. Ryan. Có những nỗi đau tưởng không bao giờ có thể nguôi ngoai…Có những vết thương lòng chỉ tạm lắng xuống mà không thể nào thôi xót xa…Có những giây phút chìm đắm trong bế tắc, tuyệt vọng mà nào biết ánh sáng đang le lói phía cuối con đường…Cuộc sống vốn là như thế! là những mắc xích niềm vui nỗi buồn, hạnh phúc, khổ đau, may mắn, bất hạnh đan xen trên tấm lưới cuộc đời.

Thái độ sống lạc quan, kiên trì là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công. Cuộc sống ai chẳng thất bại đôi ba lần, quan trọng là cách ứng xử của ta trước thất bại: bỏ cuộc hay chấp nhận thất bại mà đứng lên, như Tom Cruise đã từng nói: “ Khi cuộc sống nhấn chìm bạn nơi dòng xoáy hung dữ, bạn chỉ có hai con đường: Buông xuôi để rồi chìm dần xuống đáy, hoặc sẽ hít một hơi dài và dũng cảm bơi tiếp”. Có lẽ, bất kỳ ai trong chúng ta đều đã từng một lần trải qua thất bại hoặc đổ vỡ. Đứng trước chọn lựa khó khăn của cuộc sống, một số người sẽ đầu hàng hoàn toàn trước số phận nhưng một số khác biết đứng lên, và bằng cách này hay cách khác, đã thoát ra khỏi bóng tối của nghịch cảnh. Vấn đề nằm ở thái độ, cách nhìn nhận của chúng ta về cuộc sống. Con đường đến với thành công, với hạnh phúc thì rất chông gai, trắc trở thậm chí có cả khổ đau, nhưng có niềm tin, sự lạc quan, biết đứng lên sau vấp ngã thì mới đến đích. Marilyn V.Savant đã từng nói: “Bị đánh bại chỉ là tình trạng nhất thời, bỏ cuộc mới là sự thất bại vĩnh viễn”. Bỏ cuộc là từ bỏ mục đích, buông xuôi, không chiến đấu nữa mới là sự thất bại vĩnh viễn. “ Thất bại là mẹ thành công”, có cay đắng, khổ đau thì mới có hạnh phúc, ngọt ngào ; hạnh phúc sẽ càng ý nghĩa hơn khi nó được đánh đổi băng chính nước mắt, khổ đau của mình. Hơn ba nghìn lần làm thí nghiệm thất bại cuối cũng Êđitxơn cũng tìm ra vật liệu làm sợi tóc bóng đèn, liệu sẽ có ai nữa chịu đựng được sự thất vọng, buồn đau trong ba nghìn lần thất bại mà vẫn không từ bỏ mục đích. Êđixơn là một tấm gương cho chúng ta học hỏi về niềm tin và sự lạc quan trong cuộc sống: mỗi lần thất bại là một lần bạn bước gần hơn đến thành công. Con đường đến với thành công, với hạnh phúc rất trắc trở thậm chí có cả khổ đau. Nhưng ai có niềm tin, lạc quan để biết đứng lên sau vấp ngã, thất bại thì người đó mới có thể chạm đến cái đích thật sự của sự thành công.

Hướng về điều tốt đẹp, tích cực không đồng nghĩa với nhìn mọi vấn đề một cách hời hợt, dễ dãi, chỉ thấy sự thuận lợi mà không thấy hết khó khăn. Chúng ta cần có cách nhìn toàn diện về cuộc sống, thấy được những sai trái, mặt tiêu cực để tránh, nhìn ra những mặt tích cực để có con đường đi đúng.

Cách suy nghĩ, cách sống chỉ nhìn về phía bóng tối, phía u ám, phía bi quan của sự việc và cuộc đời chỉ dễ làm con người nản lòng, hoài nghi, ủ dột, không dám tiến bước về phía “mặt trời”. Họ là những con người dễ bị nhấn chìm trong bóng đêm của sự thất vọng, sợ hãi, trì trệ. Họ là những người dễ nản lòng trước khó khăn, thử thách. Ở những con người như thế, bóng tối sẽ luôn bủa vây. Họ không biết cách hướng về ánh sáng diệu kì của mặt trời cũng như bình tĩnh tìm cho mình những giải pháp hợp lí để giải quyết vấn đề. Thật đáng thất vọng thay, số đông người như thế lại thuộc về giới trẻ chúng ta. Có những cô, những cậu quý tử được sinh ra trong một gia đình khá giả, quen được chiều chuộng, suốt ngày chơi bời, phá phách. Hễ bị bố mẹ mắng mỏ, nạt nộ là lại đùng đùng khăn gói bỏ nhà ra đi. Hay nhiều học sinh sau khi biết mình thi trượt đại học lại có cảm giác như bị mất đi tất cả, bị thất bại thảm hại, vội tìm đến cái chết để kết thúc cuộc đời một cách ngu xuẩn. Có nhiều người vì bị đuổi việc, thất nghiệp, nợ nần, phá sản … dẫn đến hoang mang, mất lí trí không làm chủ được bản thân, xa đọa, vướng vào tệ nạn xã hội, tự hủy họa bản than lúc nào không hay,…Đó đều là những con người không có niềm tin, ý chí vào cuộc sống.

Lời khuyên của Whitman mang tính đúng đắn, hàm chứa một triết lí sống, một quan niệm sống tích cực và yêu đời. Biết hi vọng và tin tưởng vào những điều tốt đẹp là phương thuốc nhiệm màu giúp chúng ta mạnh mẽ, tự tin hơn trong cuộc sống. Có niềm tin chúng ta sẽ tìm thấy sự chia sẻ, nâng đỡ và tình yêu thương giữa cuộc sống đời thường khó khăn, thử thách này. Tôi sẽ sống như loài hoa hướng dương, chúng là hình ảnh rõ ràng nhất cách hướng về phía mặt trời. Dù cho rễ cây bám sâu vào lòng đất, dù cho con người trồng chúng ở vị trí tối tăm nào thì chúng vẫn luôn sống thẳng, vươn tới nơi có ánh sáng mặt trời để hấp thụ tinh hoa của sự sống. Quan trọng hơn chúng ta cần phải biết nhìn mọi việc đang diễn ra dưới góc độ lạc quan, tích cực nhất , và nó sẽ đưa ta vượt qua tất cả trở ngại, khó khăn.

**Bài 2**

Sống là phải xác định được đâu là hướng đi của mình để xây dựng nên một cuộc sống tốt đẹp hơn ý nghĩa hơn. Giá trị của cuộc sống là ở chỗ bạn biết xác định được mục tiêu, lỗi đi của mình để đến được với thành công. Cây luôn vươn lên về hướng mặt trời để đón nhận ánh sáng hấp thụ nó và tổng hợp tinh bột nuôi sống cơ thế và giúp cây phát triển xanh tươi tốt và chống đỡ sâu bệnh.

Con người cũng vậy, có câu nói rất hay và ý vị “hãy hướng về mặt trời bóng tối sẽ ở sau bạn”. “Mặt trời” là nơi tỏa sáng soi chiếu, sưới ấm con người ta. “Mặt trời hay là ngọn đèn đều chỉ những điều tốt đẹp trong cuộc sống của mỗi người hướng về mặt trời là hướng về những điều tốt đẹp trong cuộc sống. “Bóng tối” là những điều xấu xa, u ám,những khó khăn trỡ ngại…mà mỗi người đều phải đổi mặt. Đưng sống trong bóng tối đó mà hướng về mặt trời để mặt trời soi rọi,sới ấm và đẩy lùi bóng tối cho bạn. Khi bạn sống luôn hướng về những điều tốt đẹp những điều cao quý thì những xấu xa u ám, khó khăn quanh bạn sẽ bị đấy lùi về phía sau.Chính vì vậy mà chúng ta cần phải có một thái độ sống, một cách sống tích cực, lạc quan biết vươn lên biết cầu tiến để khắng định chính bản thân mình. Những điều tốt đẹp là gì? Là những lí tưởng ước mơ những lí tưởng, mục đích sống đẹp, những việc làm hướng thiện giúp đỡ mọi người.Khi giúp đỡ mọi người, hki hướng đến điều tốt đẹp con người sẽ có niềm tin, súc mạnh để giúp họ đẩy lùi những trở ngại, khó khăn đi đến cái đích của sự thành công. Hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống là một lỗi sống đẹp.Hướng tới “mặt trời” chúng ta sẽ không bị làmđường lạc lối bới đã có ánh sáng ấm áp của lí tướng sống mục đích sống cao đẹp. Cũng như nhà thơ Tổ Hữu đã tìm ra cho mình một mặt trời đó là “mặt trời chân lí‟ đã tỏa sáng và soi rọi dẫn dắt ông đi đến con đường cách mạng. Ông vô cùng sung sướng và tự hào khi gặp lí tưởng cạh mạng, một lí tưởng đúng đắn và cao cả giúp ông luôn hướng về cái đẹp luôn biết yêu thương biết hy sinh và cống hiển tất cả cho dân cho nước. Từ khi ông tìm thấy được “mặt trời” đó thì nó đã soi rọi, thanh lọc tâm hồn ông, trái tim và con người của ông khiến ông vui sướng hân hoan: “Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ Mặt trời chân lí chói qua tim” Trong cuộc sống chúng ta phải biết xác định một hướng đi đúng đắn, một mục tiêu rõ ràng để phấn đấu vương lên để trở thành “cây hoa” tươi thắm tỏa ngát hương thơm cho đời thật đáng khen đáng khâm phục cho những người sống “gần bùn mà chắng hôi tanh mùi bùn” họ sống trông môi trường tối tăm đầy ắp những điều xấu xa, ghê tớm nhưng họ vẫn hướng đến những điều tốt đẹp, vẫn luôn giữ cho mình một lí tưởng sống, một mục đích sống đẹp. Đừng sống như những người luôn dè dặt, phụ thuộc, luôn sống một cách thụ động không có ý chí nghị lục kiên định để vươn lên thoát khói những điều tối tăm những quan niệm, suy nghĩ tầm thường. Mà chúng ta phải sống sao cho ra sống. Đã sống là phải biết khắng định cái “tôi” của mình một cách mạnh mẽ phải biết thế hiện được một niềm tin một khát khao vươn lên trong cuộc sống. Chúng ta thế hệ tương lai cuar đất nước thì phải luôn rèn luyện cho mình một ý chí nghị lực, một niềm tin để luôn hướng về những điều tốt đẹp thì cuộc sống mới có ý nghĩa. Chúng ta phải luôn phấn đấu để trở thành một người công dân tốt của đất nước Việt Nam thân yêu, để xứng đáng với câu nói của Bác Hồ “mỗi người là một bông hoa đẹp, đất nước Việt Nam là một vườn hoa đẹp” Đừng bao giờ từ bỏ hãy luôn phấn đấu hết mình bởi vì bạn có thể thất vọng khi thất bại nhưng bạn sẽ sụp đổ để tận cùng nếu bạn bỏ cuộc thôi không cố gắng nữa lúc đó trước bạn chỉ là “bóng tối” mà thôi “Hãy hướng về mặt trời bóng tối sẽ ở sau bạn” đây là câu nói rất hay hàm chuâws một tư tưởng triết lí, một quan niệm nhân sinh tích cực.Và đây cũng là một lời khuyên, lời nhắc nhớ đúng đắn đó là phải lạc quan phải tin tưởng vào tương lai và luôn luôn tin tưởng vào mục đích sống tốt đẹp của mình.

Dù bạn đang ở hoàn cảnh nào dù khó khăn gian khố đến đâu thì bạn hãy cố gắng vươn lên đừng bao giờ từ bỏ và đầu hàng nó mà hãy lôn tin và nhớ rằng “còn da long mọc, còn chồi nảy cây.

**Đề 14: Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là điều phải nhỏ. Điều gì trái thì hết sức tránh, dù là điều trái nhỏ. Viết bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Điều phải là những điều đúng, điều tốt, hợp với lẽ phải, hợp với qui luật, chuẩn mực xã hội, có ích lợi cho bản thân, gia đình, xã hội, Tổ quốc và nhân loại. Điều phải nhỏ là những điều đúng, điều tốt,... đem lại lợi ích không đáng kể mà nhiều khi con người thường không để ý, quan tâm.

- Điều trái là những điều sai trái, đi ngược lại với quy luật, chuẩn mực xã hội và gây ra hậu quả xấu cho bản thân, gia đình, xã hội, Tổ quốc, nhân loại. Điều trái nhỏ là những điều sai trái tưởng như không đáng kể, không đáng quan tâm trong đời sống xã hội và con người nhưng lại có tác hại khôn lường. Ý chung: Câu nói đề cập đến thái độ của con người trước những điều đúng, sai, phải, trái, tốt, xấu trong cuộc sống. Đối với điều phải, dù nhỏ, ta cũng phải cố làm cho kì được, tuyệt đối không được coi thường những điều nhỏ. Đối với điều trái, dù nhỏ, cũng phải hết sức tránh và tuyệt đối không được làm.

**b. Bình luận**

- Đối với điều phải, ta phải cố làm cho được, vì việc làm phản ánh đạo đức con người. Khi ta làm những việc phải, dù nhỏ nhất cũng thể hiện lương tâm, ý thức trách nhiệm, sự cố gắng, nỗ lực bền bỉ không ngừng của bản thân vì cuộc sống tốt đẹp của mình và mọi người. Hơn nữa, nhiều việc nhỏ hợp lại sẽ thành việc lớn. Sự cố gắng hết sức để thực hiện những điều phải nhỏ sẽ góp phần hình thành nhân cách, phẩm giá cao đẹp của con người. - Đối với điều trái, ta phải hết sức tránh, vì những điều trái, dù nhỏ nhất đều có hại cho bản thân và mọi người, làm nhiều việc trái là vô lương tâm, vô trách nhiệm. Hơn nữa, làm nhiều điều trái, điều xấu sẽ trở thành thói quen, dần dần sẽ bị tha hóa về đạo đức và nhân phẩm.

**c. Mở rộng, nâng cao vấn đề**

- Lời căn dặn được đúc rút từ chính cuộc đời và sự trải nghiệm của Bác. Cách nói giản dị mà mang ý nghĩa triết lí sâu sắc, có tính định hướng trong nhận thức và hành động của mỗi người.

- Trong cuộc sống, có những người không đủ kiên nhẫn để làm những việc phải nhỏ vì cho rằng đó là việc tầm thường, không có ý nghĩa. Lại có những người cho rằng việc trái nhỏ là không đáng kể nên vẫn làm. Đó đều là những biểu hiện đáng chê trách, phê phán.

**d. Bài học nhận thức và hành động**

- Mỗi người cần nhận thức đúng đắn về ý nghĩa cao đẹp của những việc làm đúng, dù đó là việc nhỏ, cũng như tác hại khôn lường của những việc làm sai trái, dù nhỏ nhặt, bình thường.

- Cần có những hành động thiết thực trong cuộc sống để thực hiện những việc làm đúng, ngăn chặn những việc làm sai trái, có hại cho bản thân và xã hội.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Rút ra bài học cho bản thân.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, có trăm ngàn lối đi cho chúng ta lựa chọn. Và trong vô vàn con đường đó, mỗi người lại chon cho mình một con đường, một cách sống khác nhau. Vì vậy, có người thành đạt, có người thất bại, có người lương thiện, người độc ác, người xấu, người tốt,… Thế giới như thế mới trở nên đa dạng, sắc màu. Vậy nhưng, mỗi người chúng ta hãy tự nhìn nhận lại chính bản thân mình. Xem xét cách chúng ta lựa chọn lối đi cho bản thân đã đúng hay chưa. Và có bao giờ trong cuộc sống xô bồ này, bạn tự dừng lại và tự vấn bản thân, rằng bạn đã cố làm những điều đúng đắn và tránh xa những gì sai trái hay chưa. Hay rằng, cũng có những lúc, bạn tự nhắm mắt để bước vào con đường tội lỗi. Đừng nên thế bạn nhé, mà hãy sống đúng với lời răn dạy của Bác Hồ kính yêu: “*Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là điều phải nhỏ. Điều gì trái thì hết sức tránh, dù là điều trái nhỏ”.*

       Vậy, trong câu nói của Bác, thế nào là điều phải, thế nào là điều trái?

*Điều phải* là những điều đúng, điều tốt, hợp với lẽ phải, hợp với qui luật, chuẩn mực xã hội, có ích lợi cho bản thân, gia đình, xã hội, Tổ quốc và nhân loại. *Điều phải nhỏ* là những điều đúng, điều tốt,… đem lại lợi ích không đáng kể mà nhiều khi con người thường không để ý, quan tâm. Đó là những gì đúng đắn, tốt đẹp, là những điều đáng được tuyên dương, tán thưởng.

Còn *điều trái* là những điều sai trái, đi ngược lại với quy luật, chuẩn mực xã hội và gây ra hậu quả xấu cho bản thân, gia đình, xã hội, Tổ quốc, nhân loại. *Điều trái nhỏ* là những điều sai trái tưởng như không đáng kể, không đáng quan tâm trong đời sống  xã hội và con người nhưng lại có tác hại khôn lường.

        Ý chung: Câu nói đề cập đến thái độ  của con người trước những điều đúng, sai, phải, trái, tốt, xấu trong cuộc sống. Đối với điều phải, dù nhỏ, ta cũng phải cố làm cho kì được, tuyệt đối không được coi  thường những điều nhỏ. Đối với điều trái, dù nhỏ, cũng phải hết sức tránh và tuyệt  đối không được làm.

         Nhiều người thường cho rằng những điều sai trái nhỏ bé không quan trọng. Nhưng thực ra, là những việc không đúng đắn, cho dù là nhỏ nhất, cũng không nên làm. Vì nếu bạn có thể làm điều sai dù điều ấy nhỏ trong nhiều lần thì bạn có thể dễ dàng làm những điều sai trái lớn hơn. Nếu một ai đó không có sự dày vò, ăn năn, hối hận, day dứt lương tâm vì những việc sai trái mình làm thì bản thân họ sẽ rất dễ sa ngã, dễ sa vào tội lỗi. Vì vậy, mỗi người, trong cuộc sống cần biết đâu là những việc đúng, đâu là những việc sai. Những việc đúng dù có nhỏ bé đến đâu đi chăng nữa, thì chúng ta hãy cố mà làm cho được. Đối với *điều phải*, ta phải cố làm cho được, vì việc làm phản ánh đạo đức con người. Khi ta làm những việc phải, dù nhỏ nhất cũng thể hiện lương tâm, ý thức trách nhiệm, sự cố gắng, nỗ lực bền bỉ không ngừng của bản thân vì cuộc sống tốt đẹp của mình và mọi người. Hơn nữa, nhiều việc nhỏ hợp lại sẽ thành việc lớn. Sự cố gắng hết sức để thực hiện những điều phải nhỏ sẽ góp phần hình thành nhân cách, phẩm giá cao đẹp của con người. Ví dụ như ngày hôm nay khi đi trên đường, nhìn thấy một em bé lang thang cơ nhỡ, đói rách, bạn có thể mua cho em bé một cái bánh mì, thậm chí cho em một lời động viên – an ủi. Việc làm phải, làm đúng tuy nhỏ bé ấy có thể cứu vớt một số phận bất hạnh, giúp em có được niềm tin để vượt qua cuộc sống khó khăn.

         Ngược lại, với *điều trái*, ta phải hết sức tránh, vì những điều trái, dù nhỏ nhất đều có hại cho bản thân và mọi người; làm nhiều việc trái là vô lương tâm, vô trách nhiệm. Hơn nữa, làm nhiều điều trái, điều xấu sẽ trở thành thói quen, dần dần sẽ bị tha hóa về đạo đức và nhân phẩm. Có những việc sai trái, chúng ta tưởng chừng nó nhỏ nhặt và vì thế con người vẫn thực hiện nó. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng xấu đến bản thân ta và người khác. Các bạn học sinh, trong kì thi cử, các bạn có thể sử dụng phao – giở tài liệu. Và các bạn cho rằng đó là những việc sai nhỏ, vô hại. Nhưng thực tế việc ấy sẽ biến các bạn thành những người thích gian lận, ma mãnh. Và dần dần, sẽ hình thành nên nhân cách con người như thế. Sau này, khi đi làm, khi bước vào xã hội, các bạn sẽ bộc lộ bản chất ấy của mình một cách lớn hơn. Vì thế, điều sai trái, dù nhỏ nhặt đến đâu hãy cố mà tránh.

        Lời căn dặn trên được đúc rút từ chính cuộc đời và sự trải nghiệm của Bác. Cách nói  giản dị mà mang ý nghĩa triết lí sâu sắc, có tính  định hướng  trong  nhận thức và hành động của mỗi người. Mỗi người cần nhận thức đúng đắn về ý nghĩa cao đẹp của những việc làm đúng, dù đó là việc nhỏ, cũng như tác hại khôn lường của những việc làm sai trái, dù nhỏ nhặt, bình thường.

       Tóm lại, sống trong cuộc đời, mỗi người hãy tự biết nhận thức về những hành vi của bản thân mình. Biết điều gì là đúng, điều gì nên làm; biết điều gì sai trái, cần phải tránh. Như vậy, mới có thể tôi luyện bản thân mình, biến mình thành những người tốt, có ích cho xã hội. Lời dặn của Hồ Chí Minh không những có ý nghĩa cho thời đại lúc bấy giờ mà còn có ý nghĩa tới mãi mãi về sau.

( Bài làm của học sinh)

**Đề 15: “Chúng ta đứng thẳng bằng cách cúi xuống giúp đỡ người té ngã Chúng ta vươn cao bằng cách nâng đỡ người khác đứng lên” Anh/ chị hãy viết một bài văn nêu suy nghĩ của mình về ý kiến trên**.

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Đứng thẳng: Sống đàng hoàng, vững chãi; vươn cao: sống tốt đep, cao quý. Cúi xuống giúp đỡ người té ngã, nâng đỡ người khác đứng lên: Những hành động đầy ý nghĩa, chứng tỏ một tấm lòng hào hiệp, độ lượng, nhân ái. => Câu nói khẳng định lối sống ý nghĩa, tích cực, luôn giúp đỡ người khác.

**b. Nêu suy nghĩ:**

- Tư thế của con người trong cuộc sống phụ thuộc vào thái độ, tấm lòng của họ: để sống hiên ngang, đẹp đẽ, mỗi người cần giúp người khác cũng đứng thẳng, vươn cao như mình. Sự yêu thương, chia sẻ, đồng cảm và cách đối xử với mọi người xung quanh là thước đo giá trị mỗi người. Cúi xuống, nâng đỡ những người gặp khó khăn, ta trở thành chỗ dựa của người khác và nhận được sự bình yên, thanh thản trong tâm hồn mình. Từ đó, ta sẽ trở nên mạnh mẽ và cao quý hơn. Nâng đỡ người khác không đồng nghĩa với thương hại, ban ơn; làm thay, làm hộ, tước đi khả năng tự đứng vững trên đôi chân mình của họ. Điều quan trọng không phải làm chỗ dựa cho người khác mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết. Phê phán những kẻ chỉ biết đến lợi ích của bản thân, không quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ những người xung quanh cũng như những kẻ luôn chờ người khác nâng mình lên thay vì tự thân vận động.

- Học sinh lấy dẫn chứng thực tế để chứng minh và khẳng định vấn đề.

**c. Bài học nhận thức và hành động:**

Mỗi người cần không ngừng nỗ lực vươn cao trong cuộc sống, đồng thời phải luôn có ý thức giúp đỡ những người xung quanh.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Rút ra bài học

**BÀI LÀM THAM KHẢO**

Khi mỗi người làm một việc tốt, không cần phải là một điều gì đó quá lớn lao, chỉ đơn giản là chúng ta giúp đỡ mọi người xung quanh những việc nhỏ nhặt, bất kể là việc gì, có ai biết rằng chúng ta đang thể hiện lối sống có ý nghĩa tích cực của chính mình. Hay nói cách khác như câu danh ngôn của triết gia Robert Green Ingersolt: *Chúng ta đứng thẳng bằng cách cúi xuống giúp đỡ người té ngã*,*chúng ta vươn cao bằng cách nâng đỡ người đứng lên*.

Hai chữ “đứng thẳng” và “cúi xuống” ở đây không có ý nghĩa nói về vóc dáng hay hành động, cử chỉ bên ngoài mà nói về cách sống, những hành động đầy ý nghĩa. Đứng thẳng chỉ lối sống đàng hoàng, vững chãi. Sống là phải đứng thẳng lưng, là ngẩng cao đầu tiến về phía trước mà không cảm thấy rụt rè, tự ti. Cúi xuống là chỉ cách sống luôn luôn biết suy nghĩ, luôn luôn biết mình là ai, biết lúc nào cần nhún nhường, biết lúc nào cần cứng rắn chứ không phải lúc nào cũng ra oai, cũng muốn chứng tỏ mình. Hai chữ “vươn cao” cũng không có ý nói về hành động mà để nói lên một lối sống tốt đẹp, cao quý, sống có mục đích, có lí tưởng.

Chúng ta đứng thẳng bằng cách cúi xuống giúp đỡ người té ngã. Ngay từ bé, mỗi chúng ta đều được thầy cô dạy là phải luôn luôn giúp đỡ những người xung quanh khi thấy họ gặp khó khăn. Giúp đỡ chỉ đơn giản là khi thấy bà cụ muốn sang bên kia đường thì chúng ta không ngần ngại đưa bà cụ sang, là khi thấy ai đó té ngã trên đường thì ta chạy tới nâng họ đứng lên, là khi ta nhìn thấy bạn yếu thế bị bắt nạt mà không suy nghĩ gì liền chạy tới bảo vệ. Hay giúp đỡ là khi chúng ta giúp mẹ làm những công việc trong nhà hằng ngày như rửa bát, lau nhà, nhặt rau, giặt quần áo… Chỉ đơn giản vậy thôi nhưng từ những việc làm nhỏ nhặt ấy góp lại giúp chúng ta rèn luyện một lối sống đẹp, sống có ích. Một người không phải tự nhiên được biết đến là người tốt, luôn luôn sẵn sàng dang cánh tay của mình ra giúp đỡ người khác mà điều đó còn phụ thuộc vào những việc làm ý nghĩa của họ. Nhường chỗ cho phụ nữ, người già và trẻ em trên xe buýt, quan tâm hay đối xử tốt với mọi người xung quanh, tất cả điều đó xuất phát từ một tâm hồn trong sáng, luôn hướng về cái đẹp, cái thiện và phê phán cái xấu, cái ác. Đó chính là cách dễ nhất để chúng ta đứng thẳng, để chúng ta sống đàng hoàng, sống có ích.

Tuy nhiên, tư thế của con người trong cuộc sống còn phụ thuộc vào thái độ, tấm lòng của họ. Để sống hiên ngang, đẹp đẽ, mỗi người chúng ta cần giúp đỡ người khác cùng đứng thẳng, vươn cao như mình. Sự yêu thương, chia sẻ, đồng cảm và cách đối xử với mọi người xung quanh chính là thước đo giá trị nhân cách của mỗi người.

Chúng ta vươn cao bằng cách nâng đỡ người đứng lên. Ai sinh ra và lớn lên cho đến khi trưởng thành đều sợ bản thân sẽ vấp ngã, sẽ đi lầm đường. Đó là một điều tất nhiên, khi ta gặp phải những chuyện không mong muốn, chúng ta thường có thói quen là cảm thấy chán nản và suy nghĩ bi quan. Ánh mắt chúng ta luôn hướng vào bóng tối mà không biết ánh sáng ở chỗ nào. Thật tuyệt vời khi những lúc bi quan như vậy, ta có một chỗ dựa vững chắc, một người luôn ở bên cạnh giúp đỡ lúc ta gặp khó khăn, một người luôn đưa cánh tay nắm lấy giúp ta bước ra khỏi góc tối u ám. Những người như vậy cũng là người có tấm lòng hào hiệp, độ lượng. Làm thế nào để trở nên mạnh mẽ? Không cần suy nghĩ quá xa vời, chỉ cần đơn giản như khi ta nâng đỡ những người gặp khó khăn, vấp ngã đứng dậy bằng đôi chân của mình, như khi ta trở thành một chỗ dựa vững chắc cho người khác. Khi đó ta sẽ nhận được sự bình yên, thanh thản trong tâm hồn mình và từ đó ta sẽ trở nên mạnh mẽ và cao quý hơn.

Hiện nay, có một bộ phận người trẻ thay vì giúp đỡ những người già yếu, họ lại thờ ơ, vô cảm. Những kẻ đó là những kẻ lấy sự bất hạnh của người khác làm hạnh phúc cho mình. Chúng ta cần phê phán thích đáng những con người như vậy. Để trở thành người tốt không khó mà khó là ở chỗ chúng ta có nhận thức được việc làm thế nào là tốt, thế nào là xấu hay không.

*Chúng ta đứng thẳng bằng cách cúi xuống giúp đỡ người té ngã*,*chúng ta vươn cao bằng cách nâng đỡ người đứng lên*, là một quan niệm sống đúng đắn và mang tính nhân văn. Câu nói đã khẳng định lối sống có ý nghĩa tích cực. Mỗi người chúng ta cần không ngừng nỗ lực vươn cao trong cuộc sống đồng thời phải có ý thức giúp đỡ những người xung quanh. Đó là cách tốt nhất để chúng ta có được hạnh phúc và trở thành người sống đẹp, sống có ích.

*(Bài làm của học sinh)*

**Đề 16: Sống trong thời đại toàn cầu hóa sâu rộng như hiện nay, “công dân toàn cầu” đã trở thành cụm từ phổ biến trên toàn thế giới và là mục tiêu hướng tới của nhiều bạn trẻ Việt. Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

**2. Thân bài**

**a. Giải thích:**

- Thế nào là công dân toàn cầu?

Công dân toàn cầu là những người có thể sống và làm việc ở một hay nhiều quốc gia khác nhau, họ có thể vượt qua những ranh giới về không gian, thời gian, văn hóa,…Nhưng những công việc mà họ làm phải mang lại lợi ích cho cộng đồng toàn cầu

+ Tiêu chí là công dân toàn cầu: Là công dân toàn cầu rất cần những kiến thức về đất nước và thế giới; những kỹ năng toàn cầu như: kỹ năng Internet, kỹ năng giao tiếp toàn cầu, việc sử dụng ngôn ngữ toàn cầu. ý thức toàn cầu. Nền tảng của một công dân toàn cầu là ý thức về bản thân và dân tộc đất nước mình.

Ý thức toàn cầu chính là hòa nhập nhưng không được hòa tan, tiếp thu cái mới hiện đại nhưng cũng phải có chọn lọc và vẫn giữ được nét đẹp truyền thống của dân tộc, đó là quá trình “hòa nhập nhưng không hòa tan”

**b. Bàn luận:**

- Tại sao lại cần thiết trở thành công dân toàn cầu?

+ Đó là do quá trình toàn cầu hóa trên thế giới. Toàn cầu hóa là điều kiện vô cùng thuận lợi để mỗi công dân trở thành những công dân toàn cầu. Khi mà các rào cản biên giới được phá bỏ, hàng hóa, tiền tệ, thông tin, lao động… được thông thoáng, sự phân công mang tính quốc tế thì không còn trở ngại gì để mọi công dân trở thành những công dân toàn cầu.

+ Sự bùng nổ, phát triển chóng mặt của công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật làm cho cả Thế giới này nhỏ lại, “phẳng ra”, nó đã mở ra không biết bao nhiêu cơ hội cho con người, internet như là chìa khóa mở ra thế giới, vào kho báu tri thức của nhân loại + Hiện nay trái đất đang phải đối mặt với rất nhiều những vần đề nan giải: hiện tượng trái đất nóng lên, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường nước, không khí, bệnh dịch SATL, H5N1, H1N1..) …Đây không còn là vấn đề của một quốc gia, một khu vực mà đã trở thành vấn đề của toàn cầu, cần phải có sự bắt tay, hợp tác của cộng đồng quốc tế vì hành tinh xanh của chúng ta.

- Cần làm gì để trở thành công dân toàn cầu?

+ Nhiều ý kiến cho rằng phải ra nước ngoài mới là công dân toàn cầu? Có nhất thiết phải như vậy khi với sự toàn cầu hóa mạnh mẽ như hiện nay thì dù ở đâu cũng có thể tiếp cận nguồn thông tin phong phú, dù ở đâu cũng có thể kết nối bạn bè khắp nơi, dù ở đâu cũng có thể có những hành động mang tính toàn cầu như hoạt động bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng...

+ Cần có ý thức cố gắng trong học tập, trau dồi kiến thức cho bản thân, những kiến thức của quốc gia dân tộc và cả những kiến thức trên thế giới, những xu hướng của toàn cầu. Bên cạnh việc tiếp thu, học hỏi kiến thức thì giới trẻ nhất thiết cần có những trải nghiệm trong cuộc sống để hình thành nên những kỹ năng sống. Hình thành tư duy toàn cầu, ý thức toàn cầu, ý thức dân tộc sao cho đúng đắn

+ Tuy nhiên giới trẻ Việt đang gặp phải những vấn đề không nhỏ trong việc trở thành những công dân toàn cầu chân chính: thiếu sự quan tâm cần thiết về các vấn đề quốc gia và thế giới, những xu thế, những cơ hội, những cánh cửa lúng túng trong những kỹ năng toàn cầu, môi trường làm việc quốc tế thường đòi hỏi những kỹ năng mà người Việt Nam chưa phát huy hiệu quả, khả năng sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế. (Lấy dẫn chứng trong thực tế có rất nhiều bạn trẻ đã thực sự là những công dân toàn cầu bằng những ý tưởng sáng tạo, những hành động có ý nghĩa với cộng đồng...)

**c. Bài học nhận thức**

- Công dân toàn cầu là ước mơ của người Việt trẻ cũng như mọi công dân trên thế giới này. Trở thành công dân toàn cầu là phù hợp với xu thế chung của thế giới. Phấn đấu để thực hiện mong muốn đó bằng những hành động, việc làm thiết thực.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Bài học cho bản thân

**Đề 17: Anh/chị có suy nghĩ gì về câu nói của Fran KA.Clark: “Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ”. (Dẫn theo “Hành trang vào đời”, NXB Tổng hợp tp Hồ Chí Minh - 2008, tr.38)**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến**

- Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao: Khát vọng vươn tới những cái đích lớn của mỗi con người, làm thay đổi cuộc sống theo hướng đi lên, tốt đẹp hơn. - nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ: song không ý thức được những việc lớn bao giờ cũng phải bắt đầu từ những việc nhỏ, như dòng sông được tạo từ nhiều con suối…

=> Ý cả câu: con người luôn có khát khao làm những điều lớn lao, kì vĩ mà lại quên rằng phải bắt đầu từ những điều rất nhỏ bé, bình thường.

**b. Bình luận ý kiến:**

- Mơ ước làm điều lớn lao là nguyện vọng chính đáng, cần thiết của mỗi người, cần được hoan nghênh, khuyến khích.(hs lí giải lấy dẫn chứng)

- Nhưng phải luôn ý thức được rằng:

+ Cuộc sống con người vốn là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, nhân cách con người cũng được tạo nên bởi sự kết hợp mọi bình diện từ nhỏ đến lớn những hành vi, đạo đức, lối sống,…ý nghĩa, hạnh phúc của cuộc sống cũng được kiến tạo từ những điều đơn sơ, bình dị.(hs lấy dẫn chứng thực tế)

- Phê phán lối nghĩ, cách nói ngụy biện: vì việc lớn mà quên việc nhỏ, muốn trở thành vĩ nhân mà quên mình cũng là một con người bình thường.

**c. Bài học nhận thức và hành động:**

- Con người phải luôn có ý thức kiểm soát hành động và nhận thức rằng việc gì nhỏ mấy mà có ích kiên quyết làm…

- Thường xuyên rèn luyện đức tính kiên nhẫn, bắt đầu từ những việc làm nhỏ để có thể hướng tới những điều lớn lao.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Bài học

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Trong cuộc sống, ai cũng có những mơ ước. Ước mơ nào cũng đẹp. Chính vì đẹp nên người ta mới ước mơ. Chẳng có ai mơ ước những điều xấu, nếu có thì do lòng còn đầy những sân hận, những mong cầu nơi bản thân nhằm thỏa mãn cho cái tôi ham thích hưởng thụ, đang lấp đầy nơi con tim. Vì con người sinh ra tính đã thiện, nghĩa là, từ lúc con người được thụ thai trong lòng mẹ thì tâm đã thiện. Đó là một quy luật tất yếu dành chung cho hết thảy mọi người.

Nhưng suy cho cùng thì ước mơ về một tương lai tốt đẹp thì ai cũng muốn. Mơ ước thì dễ nhưng để thực hiện cho được những ước mơ thì cả một chặng đường gian nan. Hạnh phúc cũng vậy, nó cũng hệ tại bởi những niềm vui góp nhặt trong đời thường. Hiểu theo chiều hướng này thì để đạt được điều lớn lao trong cuộc sống ta cũng phải biết quý trọng những thành công nhỏ trong từng ngày.

Nói cách khác, trong cuộc sống ai cũng muốn làm điều gì đó thật lớn lao. Vì sống là không ngừng khát vọng, vươn lên thì cuộc đời mới ý nghĩa. Tuy nhiên, thực tế của những điều lớn lao, vĩ đại bao giờ cũng khắc nghiệt và làm cho những ai đang khát vọng phải băn khoăn và cảm thấy âu lo. Băn khoăn vì sợ bản thân sẽ không đương đầu nổi với những khó khăn. Âu lo vì những thất bại cứ rình rập. Hơn nữa, chính sự âu lo, băn khoăn đôi lúc làm cho con người quên đi những điều rất đỗi bình thường trong cuộc sống, nhưng lại là “nền móng” cho những điều lớn lao, vĩ đại. Bởi điều lớn lao nào cũng được tạo thành từ những sự rất nhỏ trong cuộc sống. Sự vĩ đại luôn được kết tinh từ những điều bình thường trong dòng đời. Thất bại của con người trước những điều lớn lao, vĩ đại hệ tại bởi thái độ xem thường những điều nhỏ bé hay tầm thường trong cuộc sống. Chỉ khi nào con người sống trọn cho mỗi phút giây, và quý trọng những giá trị của thực tại, thì mới mong sở hữu được những điều mà con tim đang ấp ủ. Để có được tấm bằng đại học, sinh viên không thể bỏ qua các giai đoạn như: mẫu giáo, trung học cơ sở, trung học phổ thông rồi đại học. Trong mỗi giai đoạn lại được chia ra từng lớp. Ở mỗi lớp lại có những môn học riêng. Ở mỗi môn học lại có những bài kiểm tra. Nói đúng hơn, để đạt được một điều lớn lao thì sự kiên trì và dấn thân với lý tưởng đã chọn là điều cần thiết. Chẳng có ai sinh ra trong đời đã thành công. Không người nào hiện hữu nơi trần gian thực hiện những điều vĩ đại ngay tức thì. Để trở thành một nhà sáng chế vĩ đại mà ai cũng ngưỡng mộ, Edison đã phải nỗ lực ngày đêm để chế tạo nên những cỗ máy hay những vật dụng nhằm phục vụ cho nhu cầu con người. Trong mỗi sáng chế của mình, Edison cũng không thiếu những thất bại. Người ta nói rằng: để làm nên bóng đèn chiếu sáng, ông đã phải trải qua gần hai ngàn lần thất bại. Điều đáng quý nhất nơi ông vẫn là một sự kiên trì, không nản chí mỗi khi thí nghiệm không thành công.

Ước mơ những điều lớn lao là điều cần thiết trong cuộc sống và mong muốn làm những điều vĩ đại trong cuộc đời là điều đáng hoan nghênh. Vì cuộc sống giống như một bản trường ca vang lên những thanh âm lúc trầm, khi bổng; lúc cao trào, khi sâu lắng. Bản trường ca hội tụ được những yếu tố này khi kết thúc mới làm cho lòng người say đắm bởi những thanh âm du dương. Ngược lại, bản trường ca không có những giai điệu khi lên, lúc xuống; lúc bay bổng, khi lặng im, nó sẽ bị rơi vào quên lãng và trở nên tẻ nhạt cho những ai cảm nhận nó. Đạt được những điều lớn lao cũng vậy, những điều bình dị trong cuộc sống, nó có thể là thành công hay thất bại, chúng đều là những “mảnh ghép trong bức tranh xếp hình” tạo nên những điều vĩ đại trong cuộc sống. Có được những vần thơ sâu lắng, ngọt ngào, giàu tính nhân văn trong “Truyện Kiều” mà mỗi lần ta đọc có thể thấy được một hình ảnh rõ nét về xã hội đương thời, trong đó sự tham ô cũng như thờ ơ của quan lại làm cho đời sống của người dân đã túng quẫn nay càng khổ cực thêm thì đại thi hào Nguyễn Du đã phải trải qua cuộc đời phiêu bạt nay đây mai đó, phải lắng mình để cảm nhận từng nỗi đau của người dân đang phải gánh chịu, có khi chính ông cũng là nạn nhân dưới chế độ ác nghiệt này.

Quả thật, cuộc sống của con người bao gồm những mối quan hệ trong xã hội. Nhân cách của mỗi người là yếu tố quyết định cho những giá trị đích thực trong cuộc sống. Có được cuộc sống hạnh phúc không thể bỏ qua sự quan tâm, chia sẻ, đồng cảm, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Có được thành công trên đường đời không thể thiếu sự kiên trì, nỗ lực và những cố gắng nơi bản thân. Trong cuốn sách “Những bước nhảy của Pink” do công ty phát hành sách First New ấn bản, kể về câu chuyện của Pink. Pink là một chú ếch sống trong cái hồ đang dần cạn nước do nắng hạn. Đến một ngày cái hồ không còn giọt nước nào và bóng dáng của những sinh vật khác cũng biến đâu hết, chỉ còn mỗi mình Pink đang cận kề giữa sự sống và cái chết. Đã có bao đêm, Pink cũng thổn thức về một vùng đất sẽ bình yên hơn. Nhưng mơ ước của Pink hằng ấp ủ vẫn cứ là ước mơ, bởi Pink không chịu rời bỏ cái hồ gắn bó bao năm, hay những nỗi sợ hãi đang bao phủ cuộc đời của Pink. Pink sợ sức khỏe của mình sẽ không đáp ứng đủ cho từng bước nhảy, hoặc đang đi trên hành trình tìm đất mới Pink sẽ là bữa ăn cho bác rắn già hoặc anh gà trống non. Nhưng khi không thể chịu nỗi cô đơn, Pink gạt bỏ những nỗi sợ hãi, quyết định lên đường tìm vùng đất lạ bằng những bước nhảy của mình với chút sức lực còn lại cũng chính là lúc Pink tìm được bến bờ bình an. Vì thế, hạnh phúc nó cũng đơn giản lắm, chỉ cần góp nhặt những niềm vui nhỏ trong cuộc sống. Tìm được bến bờ bình an cũng chẳng khó khăn, chỉ cần cố gắng vượt qua những nghịch cảnh và bước đi trên chính đôi chân của mình. Bình an, hạnh phúc đâu ở xa xôi, chúng hiện ngay bên cạnh ta, từ những điều rất đỗi bình thường trong cuộc sống. Với sự phát triển của ngành công nghệ thông tin, chưa bao giờ con người có thể nắm bắt thông tin hay tìm kiếm một sự kiện nhanh như hiện nay. Nếu ngày xưa muốn tìm tiểu sử hay con đường sự nghiệp của một vĩ nhân nào, người ta phải vào thư viện đọc những cuốn sách liên quan mới có thể biết được. Còn ngày nay chỉ cần lên Google, đánh chữ cần tìm là người ta có thể tìm thấy. Hay để nấu một món ăn ngon, để biết một loại máy móc mới nhất, một bài hát đang thịnh hành, hoặc một sự kiện đang được nhiều người quan tâm chỉ cần nhấn nút enter là người ta có thể biết được. Tuy nhiên, cái gì cũng có hai mặt của nó. Nếu ngành công nghệ thông tin mang lại cho con người nhiều lợi ích thì cũng chính nó mang tới cho con người nhiều hệ lụy. Ảnh hưởng lớn nhất phải nói nơi các bạn trẻ. Có vẻ như giới trẻ ngày nay đang đắm chìm trong thế giới ảo, họ cứ nghĩ qua các mạng xã hội là con đường mau thành công và dễ làm những điều lớn lao. Tiêu biểu nơi một số thành phần đã dùng chính mạng internet để đánh bóng tên tuổi, tạo nên những scandal nhằm thu hút sự chú ý của quần chúng. Kết quả của những sự kiện này vẫn là một “sỉ nhục” mà chính họ phải gánh chịu. Vì thế, không lấy làm lạ khi con người ngày nay cứ sống cuồng, sống vội, chẳng mấy ai sống chậm lại để cảm nhận từng phút giây trôi qua là điều đáng trân quý. Nêu lên vấn nạn này để thấy rằng, con người ngày đang mất dần cảm nhận từng phút trôi qua là quà tặng, mỗi niềm vui nhỏ góp nhặt trong dòng đời là ân ban của cuộc sống.

Tóm lại, vòng của cuộc sống ngày càng lôi kéo con người vào một vòng tranh chấp bất tận. Người ta cứ sống vội vã và bị cuốn theo những đam mê, mục đích của riêng mình. Vì thế, con người ngày nay đang quên mất rằng một bữa cơm tối chung với nhau là điều đáng quý hơn bao giờ hết. Một gia đình để thương yêu sẽ là nơi nghỉ ngơi lúc gặp khó khăn trên đường đời, những người bạn thân là chỗ để tâm sự lúc buồn sâu, làm nên những thành tựu thì thật đáng ghi nhận, nhưng nếu vì nó mà bỏ quên gia đình, bạn bè, tình thân thì là điều không nên, hay có khi bỏ qua những giá trị này là nguyên cớ làm gia đình tan vỡ, cá mối quan hệ tình bị bẻ cong. Hiểu được tận cùng của những điều nhỏ bé trong cuộc sống, ta sẽ thấy nó mang lại nhiều lợi ích biết bao. Bởi không có chúng, ta sẽ khó có được niềm vui trọn vẹn. Thiếu hụt chúng cuộc sống sẽ không hoàn hảo. Vắng bóng chúng hạnh phúc cứ ở đâu thật xa vời.

Đôi khi cứ tưởng rằng, giá trị của cuộc sống hệ tại bởi làm những điều thật lớn lao. Cũng chính có suy nghĩ như thế mà làm cho ta quên đi những điều rất nhỏ trong đời thường. Nhưng khi hiểu được tận cùng giá trị của những điều rất đỗi bình thường trong cuộc sống là căn nguyên làm nên những sự lớn lao ta mới giật mình để thấy rằng: làm những điều lớn lao không bao giờ là việc ngoài tầm tay với, hạnh phúc không bao giờ ở xa ta, chỉ cần nâng niu những điều rất nhỏ trong cuộc sống, góp nhặt những niềm vui đơn sơ trong dòng đời. Niềm vui nối tiếp niềm vui, tới một ngày vỡ òa thành niềm hạnh phúc. “Chấm này nối chấm kia, ngàn vạn thành đường dài. Phút này nối phút kia, muôn triệu thành đời sống. Chấm một chấm cho đúng, đường sẽ đẹp. Sống một phút cho tốt, cuộc sống sẽ hạnh phúc”.

**Đề 18: “Thành công là một người thầy tồi. Nó khiến những người thông minh cho rằng họ không thể thất bại” (Bill Gates, dẫn theo Làm chủ tư duy thay đổi vận mệnh, Nxb Phụ nữ, 2009, tr. 31). Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến**

- “Người thầy tồi” là người không giúp ích gì cho ta trong công việc và sự tiến bộ, thành công trong cuộc sống. - Nói thành công là “người thầy tồi” là vì thành công dễ làm cho ta thỏa mãn, ngộ nhận, chủ quan, ảo tưởng về khả năng của mình. Những điều đó sẽ dẫn đến những thất bại mà ta không ngờ tới.

**b. Bàn luận ý kiến**

- Thành công không bao giờ đến một cách dễ dàng. Để có được thành công, con người phải nỗ lực không ngừng, nhiều lúc phải trả giá bằng thất bại. Vì vậy, điều quan trọng không phải là nhìn thấy thành công mà là biết được con đường đi đến thành công.

- Trong cuộc sống, con người không chỉ có thành công mà còn có thất bại. Sau mỗi thành công, hay thất bại con người cần rút ra cho mình bài học, tránh tâm lý thỏa mãn, hoặc chán nản, buông xuôi.

- Câu nói của Bill Gates cảnh tỉnh con người đừng ngộ nhận về khả năng, thỏa mãn với thành công; phải không ngừng vươn lên để có những thành công mới. Thực tế cho thấy, đã có không ít người do thỏa mãn và ngộ nhận về khả năng của mình nên sau thành công đã phải nhận những thất bại cay đắng.

**c. Liên hệ thực tế, và bài học nhận thức hành động**

- Không thỏa mãn với thành công, ảo tưởng về khả năng của mình. Luôn biết rút ra những bài học kinh nghiệm sau mỗi thành công hay thất bại.

- Thường xuyên rèn luyện, đổi mới tư duy, có ý thức vươn lên để đạt được nhiều thành công trong học tập, công tác.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Bài học

**Đề 19: Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi. Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.**

**1. MỞ BÀI:**

- Giới thiệu vấn đề: Cuộc sống rộng lớn và phức tạp, đan xen nhiều mối quan hệ, trong những không gian và thời gian vô cùng đa dạng. Trong mối quan hệ đó, con người khó tránh khỏi sai sót, lỗi lầm. Thái độ của con người đối với những lỗi lầm sẽ cho thấy họ là người như thế nào: người tử tế hay kẻ ti tiện.

**2. THÂN BÀI:**

**a. Giải thích:** Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi. Người tử tế: là người có cách đối xử với người khác đàng hoàng, lịch sự, hợp đạo lý và đúng với giá trị của bản thân.

Kẻ ti tiện: là người có lòng dạ xấu xa, hẹp hòi, có cách đối xử không tốt, không hợp đạo lý, thậm chí tàn ác với người khác. Thái độ của bản thân đối với lỗi lầm, nhất là đối với người khác, sẽ cho thấy người ấy là người tử tế hay là kẻ ti tiện: Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi.

**b. Bàn luận về vấn đề:**

+ Người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi. Trong đời người ai cũng có lỗi, “nhân vô thập toàn”. Điều quan trọng là biết nhận lỗi. Do đó, người tử tế thường biết nhận lỗi khi có hành vi hoặc thái độ sai trái đối với người khác. Biết nhận lỗi là một thái độ dũng cảm, vì đó là một biểu hiện vượt lên trên lòng tự ái thường có ở nơi con người. Biết nhận lỗi là khởi đầu của sự phục thiện, của lòng tôn trọng sự thật. Người tử tế không những biết nhận lỗi, sửa sai, mà còn sẵn sàng chịu trách nhiệm và nhận lãnh hình phạt cho những lỗi lầm của mình.

+ Kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi. Kẻ ti tiện thường dối trá, hèn nhát, lấp liếm và che giấu tội lỗi của mình, cho nên thường tìm cách đổ lỗi cho người khác những lỗi lầm sai trái của bản thân mình. Kẻ ti tiện thường có suy nghĩ tự đề cao bản thân, nên khó chấp nhận mình là kẻ khiếm khuyết. Vì vậy, họ thường có xu hướng đổ mọi sai sót, lỗi lầm của bản thân mình cho hoàn cảnh, cho người khác. o Rút ra bài học cho bản thân. Đã là người thì phải có lòng tử tế. Do đó, khi có lỗi, phải biết nhận lỗi và nhận một cách thành khẩn, đồng thời cũng phải biết cố gắng hết sức để không tái phạm. Chẳng những bản thân nỗ lực đừng mắc lỗi, mà còn phải biết giúp đỡ người khác đừng phạm lỗi. Tuy nhiên, con người khó tránh khỏi những lỗi lầm, sai sót. Nếu lỡ mắc phải lỗi lầm, cũng không nên vì thế mà quá mặc cảm, tự ti. Cần tỉnh táo thấy được sai lầm, thành khẩn nhận lỗi, khách quan phân tích rút tỉa kinh nghiệm để tránh tái phạm, với tinh thần “thất bại là mẹ thành công”. Phải dũng cảm đối diện với bản thân, với sự thật, để khi có lỗi dám nhận lỗi; không dối trá, không lấp liếm, vì những điều này có thể dẫn bản thân đi tới những hành vi của kẻ ti tiện, đổ lỗi cho người khác. Cần thấy tác hại to lớn của việc đổ lỗi: không dám nhìn thẳng vào sự thật, thiếu khách quan, tự ru ngủ, lừa dối bản thân và dễ đi đến chỗ trở thành kẻ ti tiện.

**3. KẾT BÀI**:

- Khẳng định người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi. Hãy là người tử tế và giúp người khác trở thành người tử tế trong cuộc đời Luôn ý thức rằng lỗi lầm là điều thường tình, nhưng phải biết trăn trở và đau đớn với những lỗi lầm của mình để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

**Đề 20: Nhà văn Nguyễn Khải cho rằng: Để sống được hàng ngày tất nhiên phải nhờ vào những "giá trị tức thời". Nhưng sống cho có phẩm hạnh, có cốt cách nhất định phải dựa vào những "giá trị bền vững". Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Giá trị tức thời: là những giá trị vật chất và tinh thần chưa trải qua thử thách, sàng lọc của thời gian, mới có ý nghĩa trong thời điểm hiện tại, thoả mãn những nhu cầu cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như: cơm, áo, gạo, tiền, vui chơi, giải trí, các mối quan hệ...Đây là những giá trị rất cần thiết vì thiếu nó con người không thể tồn tại.

- Giá trị bền vững: Chỉ những giá trị tinh thần đã trải qua thử thách, sàng lọc của thời gian, có ý nghĩa lâu bền, trở thành nền tảng văn hoá, đạo lí của dân tộc và nhân loại như: tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tình cảm tri ân, sự ngay thẳng trong sạch, thẩm mỹ tinh tế,....Đây là những giá trị quan trọng giúp con người sống có phẩm hạnh, cốt cách. - Mối quan hệ giữa hai giá trị: Vừa đối lập vừa thống nhất. Con người cần có những giá trị tức thời để duy trì cuộc sống, cũng rất cần những giá trị bền vững để sống có ý nghĩa.

**b. Bàn luận:**

+ Khát vọng lớn lao hướng con người tới cái tiến bộ, nhân văn và cao cả.

Ý kiến 1:

+ Không phải cứ ước mơ thật nhiều, khát khao mãnh liệt thì tất cả đều trở thành hiện thực. Nếu chúng ta chỉ chạy theo những ước mơ, hi vọng mà không phù hợp với hoàn cảnh thực tế sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại: ảo tưởng, xa rời thực tế, vô ích, thậm chí đẩy bản thân vào trạng thái bi kịch, mất niềm tin vào chính mình, mất niềm tin vào cuộc sống.

\*Nhìn từ góc độ khác:

+ Sống không có ước mơ, luôn bằng lòng với những gì đang có thì cũng dễ bị trì trệ, lạc hậu. Mơ ước, khát vọng luôn là động lực cho sự phát triển và sáng tạo.

+ Phải biết kết hợp giữa ước mơ và thực tại, ước mơ phải bắt nguồn từ cuộc sống, ước mơ, khát vọng phải phù hợp với sức mình. Phải theo đuổi ước mơ nhưng đừng mơ ước hão huyền.

**c. Bài học nhận thức và hành động:**

+ Phê phán những người không có mơ ước, khát vọng đẹp đẽ và những kẻ mơ tưởng viển vông. Ước mơ phải phù hợp với năng lực, hoàn cảnh thực tế.

+ Phương hướng rèn luyện của bản thân để nuôi dưỡng những khát vọng đẹp đẽ có ý nghĩa đối vơi bản thân, xã hội.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ bản thân

**Đề 21: Nghị luận về câu nói:** “**Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”**

**BÀI LÀM**

Trên thế giới, có rất nhiều người đã đạt được thành công của riêng mình, họ đều có bí quyết, nhưng họ cũng không ngần ngại mà chia sẻ cho mọi người để học tập theo. Công thức thành công của họ cũng vô cùng đơn giản nhưng không phải ai cũng có thể thực hiện được: “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”.

Thành công là thành tựu, kết quả tốt đẹp mà ai cũng mong muốn đạt được. Khi thành công, con người ta sẽ cảm thấy tự hào, hạnh phúc với chính bản thân mình. Muốn thành công đến, thì bạn ít nhất cũng phải trang bị cho chính mình hai yếu tố: Cố gắng hết sức và luôn hoàn thiện bản thân.

Cố gắng hết sức là khi bạn không bao giờ bỏ cuộc khi khó khăn ập tới, luôn tìm ra những cách giải quyết để vượt qua những thử thách đó. Bởi hành trình để đến thành công vô cùng gian lao và vất vả, hết khó khăn này, khó khăn kia lại kéo đến, cứ chồng chất lên nhau. Thất bại không chỉ đến lần một, lần hai mà còn nhiều hơn thế nữa, vậy nên bạn vẫn phải tiếp tục đối mặt, bền bỉ, kiên trì mà vượt qua nó. Kết hợp với sự cố gắng đó là một nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc hoàn thiện bản thân mình. Dù bạn có cố gắng tới mức nào mà không chịu hoàn thiện bản thân, thì thành công cũng khó mà đến nhanh với bạn được. Vì sao? Vì xã hội ngày càng phát triển, con người ta không thể chỉ giỏi về một lĩnh vực mà có thể thành công ngay được, bạn cần phải có những kỹ năng mềm cần thiết như sự tự tin, tinh thần tự lực tự cường,… Rồi không ngừng trau dồi thêm kiến thức, tìm tòi sáng tạo ra cái mới để làm sao phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại. Khi bạn nắm vững được kiến thức cơ bản này hãy bắt tay vào hành động tức khắc, rồi thành công sẽ gõ cửa.

Có rất nhiều tấm gương về quá trình dẫn đến thành công, Bác Hồ thân yêu của chúng ta là một trong những tấm gương sáng đó. Người đã phải trải qua bao nhiêu năm bôn ba nước ngoài, nhiều lần bị bắt vào tù, nhưng Người không hề nản chí mà vẫn tiếp tục đấu tranh tìm con đường giải phóng cho dân tộc. Trong những năm tháng đó, Người cũng không ngừng nỗ lực rèn luyện bản thân, học tập nhiều cái mới của đất nước phát triển để áp dụng cho dân tộc mình. Hay một nhân vật đang rất nổi tiếng trên thế giới hiện nay, ông Jack Ma – một tỷ phú người Trung Quốc, là người đã phải trải qua hàng nghìn lần thất bại. Ông trượt đại học hai lần, nhưng ông vẫn không bỏ cuộc mà vẫn ôn thi tiếp và đỗ. Sau khi tốt nghiệp, ông đã nộp đơn cho hơn 30 công việc và lại bị từ chối tiếp. Nhưng không dừng lại ở đó, ông tiếp tục nỗ lực và phát triển công ty của chính mình và giờ nó trở thành một tập đoàn lớn mạnh của Trung Quốc. Bác Hồ hay Jack Ma hay những người thành công khác, tất cả họ đều là những người truyền cho ta cảm hứng. Ta học hỏi ở họ sự cố gắng bền bỉ, kiên trì, nỗ lực không ngừng nghỉ để rồi ta cũng có thành công của riêng mình.

Sự cố gắng, nỗ lực để đạt được thành công là vô cùng đúng nhưng không có nghĩa là bạn bất chấp đúng sai để đạt được điều bạn muốn, điều mà bạn cho đó là thành công. Bên cạnh đó, cũng cần chê trách một số người hễ cứ thấy khó khăn là bỏ cuộc hay khi đã đạt được một điều mình mong muốn mà lại trì trệ, không chịu trau dồi thêm, khi đó thành công của họ sẽ không thể đứng vững lâu được mà nó chỉ là tạm thời mà thôi. Là học sinh, thế hệ trẻ tương lai của đất nước, việc đầu tiên chúng ra cần làm đó là học tập thật tốt, rèn luyện đạo đức không ngừng và quan trọng hơn cả là trang bị cho mình những kỹ năng sống để sau này có thể tự tin bước vào đời.

Cố gắng hết sức và không ngừng nỗ lực, hai tiền đề này sẽ mang ánh sáng thành công đến với bạn, bởi “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”. Từ đó, khi bạn đạt được thành công mình mong muốn, bạn đã khẳng định được bản thân trong cuộc đời, hơn thế nữa bạn còn góp phần giúp cho gia đình và xã hội ngày một tươi đẹp hơn.

*(Bài làm của học sinh)*

**Đề 22: R.Ta-go, nhà thơ Ấn Độ cho rằng: Thà làm một bông hoa sen nở khi thấy mặt trời rồi mất hết tinh nhụy, còn hơn giữ nguyên hình nụ búp trong sương lạnh vĩnh cửu của mùa đông. Suy nghĩ của anh (chị) về nhận định trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Hoa sen: ủ mầm trong bùn đất, tối khuất, nhơ bẩn nhưng mạnh mẽ vươn lên. Hoa sen là biểu tượng cho phẩm cách thanh sạch, biết vươn lên trong cuộc sống của con người.

- Mặt trời: Đó là ánh sáng vĩnh cửu đem lại sự sống cho vạn vật. Mặt trời tượng trưng cho sức sống mạnh mẽ, sự huy hoàng.

- Nụ búp: ẩn dụ cho cái non nớt, nhút nhát, e sợ của con người.

- Sương lạnh vĩnh cửu: là môi trường lạnh giá, khắc nghiệt, ở đó vạn vật phải ẩn mình, thu mình, không thể sinh sôi phát triển. Vì thế nó tượng trưng cho những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

=> Ý nghĩa câu nói: Ý kiến của Ta- go là một triết lí sống mạnh mẽ, tích cực và tiến bộ. Trong cuộc sống có rất nhiều khó khăn thử thách, nhưng nếu biết sống và cống hiến hết mình ta sẽ nhận được thành quả xứng đáng. Nếu sống nhút nhát, thụ động thì cuộc đời thật nhạt nhẽo, vô nghĩa.

**b. Bàn luận, mở rộng vấn đề**

**\* Tại sao nên chọn cách sống như “bông hoa sen”?**

- Cuộc sống rất quý giá nhưng lại ngắn ngủi, và chỉ đến duy nhất một lần. Ta phải sống thế nào cho xứng đáng, phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những tháng năm đã sống hoài, sống phí. Ta cần có một trái tim đầy nhiệt huyết để sống hết mình, để cảm nhận từng hơi thở trong khoảnh khắc của đời mình.

- Đã là con người thì cần phải có ước mơ, lý tưởng và khát khao thực hiện những điều đó. Tuy nhiên, cuộc sống luôn ẩn chứa những khó khăn, thử thách và những điều tốt đẹp không bỗng dưng mà có. Thay vì để khó khăn đánh bại, ta hãy đón nhận chúng như một cơ hội để rèn luyện bản lĩnh của chính mình, để ta thêm trưởng thành. - Khi ta chọn làm “bông hoa sen nở trong ánh mặt trời” đó là lúc ta sống hết mình và cống hiến hết mình. Ta sẽ có cơ hội được toả sáng, được khẳng định, lưu lại dấu chân trên con đường đã đi và tận hưởng những điều tuyệt diệu mà cuộc sống mang lại. Đó cũng chính là cách khiến cuộc sống của ta thêm ý nghĩa và trở nên có ích. Đó mới là cuộc sống đích thực của con người. **\* Tại sao không nên chọn cách sống như “nụ búp”?**

- Nếu ta không dám đối mặt trước những khó khăn, thử thách của cuộc sống vì ta sợ sai lầm, sợ sẽ thất bại, sợ bị cười chê… để rồi mãi mãi ta sống trong vỏ bọc hèn nhát của mình. Đó là lối sống mòn, sống thừa, sống vô ích mà không được ai biết đến. Một “cuộc sống đang mòn ra, đang rỉ đi, đang nổi váng.”

- Cuộc sống không mục tiêu, ước mơ, hoài bão thật vô vị. Sống như thế thực chất chỉ là tồn sự tại mà thôi, là chết ngay cả khi đang sống.

**\* Nâng cao**

- Liệu có phải lúc nào ta cũng sống hết mình? Nếu cứ hết mình như thế sẽ có lúc ta kiệt sức. Vậy ta cần phải biết lượng sức mình, không phải lúc nào cũng nên lao về phía trước. Để đối mặt với mọi thử thách trên đường đời trước tiên ta phải trân trọng chính bản thân ta. Đừng nôn nóng theo đuổi mục đích mà quên mất bản thân mình.

- Có những phút giây ta nên thu mình lại khi đã cảm thấy mỏi mệt. Khi ấy không phải ta đang hèn nhát, chỉ là ta đang tìm kiếm chút bình yên cho tâm hồn, tìm được lại ý chí, lòng quyết tâm để tiếp tục tiến lên phía trước.

**c. Bài học nhận thức và hành động**

- Phê phán lối sống yếu mền, thụ động, chỉ biết ngồi chờ vận may và sự thuận lợi.

- Cuộc sống của mỗi người được quyết định bởi sự tự nhận thức, bản lĩnh và nghị lực vươn lên không ngừng. Cuộc sống quá ngắn ngủi, hãy cứ cháy hết mình đến tận cùng của khát vọng, ước mơ.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ bản thân

**Đề 23: Thầy giáo Văn Như Cương - người truyền lửa học tập, học làm người của nền giáo dục Việt Nam từng nói: Các em có thể trở thành những nhà kỹ thuật có chuyên môn, những nhà nghiên cứu thành công những doanh nghiệp tầm cỡ, những nhà lãnh đạo xuất sắc. Nhưng trước hết phải là người tử tế.**

*(Nguồn: Báo điện tử https://tuoitre.vn, ngày 09/10/2017)*

**Từ lời khuyên của thầy Văn Như Cương, em hãy viết một đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về người tử tế và vì sao trước hết phải là người tử tế.**

**Gợi ý:**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu câu nói của thầy Văn Như Cương để từ đó dẫn vào vấn đề nghị luận

**2. Thân đoạn:**

- Nêu những hiểu biết về người tử tế và lí do phải sống tử tế?

**- Người tử tế:** Hiểu một cách đơn giản "người tử tế" là người làm việc tốt, sống đúng, sống đẹp, sống có ý nghĩa, phù hợp với đạo đức, chuẩn mực của xã hội. "Người tử tế" phải là người sống thật với bản lĩnh của chính mình

+ Người tử tế là người luôn có tấm lòng bao dung, độ lượng, không quan tâm đến địa vị, danh vọng, không quá chú trọng vào cái tôi mà luôn luôn nghĩ cho người khác và đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết.

+ Người tử tế luôn có những hành động xuất phát từ động cơ trong sáng, mọi suy nghĩ đều hướng đến sự lương thiện, vì cuộc sống chung, thậm chí còn biết hy sinh những quyền lợi cá nhân để hướng tới những điều tốt đẹp trọn vẹn cho cộng đồng

+ Người tử tế luôn biết ứng xử có văn hóa, biết tôn tọng người khác

**- Vì sao trước hết phải là người tử tế?**

+ Sự tử tế chính là biểu hiện của niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp. Vì thế tử tế cũng chính là biết yêu cuộc sống này, có như vậy bạn mới có thể sống một cách tốt nhất.

+ Khi bạn biết đối xử tử tế với mọi người cũng là lúc bạn nhận được sự tử tế từ xã hội. Như vậy tử tế sẽ khiến cho các mối quan hệ trở nên tốt đẹp hơn.

+ Sống tử tế làm con người gần nhau hơn, tránh đc lối sống vô cảm

+ Sự tử tế là biểu hiện của sự thiện tâm, đức độ. Khi con người biết làm đẹp tâm của mình, khi đó họ mới trở thành người thực sự có giá trị.

**b. Dẫn chứng về lối sống tử tế**: **Và trong cuộc sống này ta bắt gặp không ít những người tử tế. Đó là ca sĩ** Thủy Tiên kêu gọi ủng hộ đồng bào miền Trung, là những người lập ra cây ATM gạo miễn phí trong mùa dịch hay những người không màng đến tính mạng của bản thân mình mà xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch. Những con người tử tế ấy đã làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định tầm quan trọng của lối sống tử tế

- Rút ra bài học: Hãy trở thành một người tử tế và khi làm việc tử tế, chúng ta cần xuất phát từ chính lòng yêu thương con người, từ sự chân thành, đồng cảm, có như vậy, việc tử tế mới thật sự có ý nghĩa với chính bản thân mình và những người xung quanh.

**Đoạn văn tham khảo:**

Thầy giáo Văn Như Cương - người truyền lửa học tập, học làm người của nền giáo dục Việt Nam từng nói: “Các em có thể trở thành những nhà kỹ thuật có chuyên môn, những nhà nghiên cứu thành công những doanh nghiệp tầm cỡ, những nhà lãnh đạo xuất sắc. Nhưng trước hết phải là người tử tế”. Vậy, người tử tế là gì và vì sao trước hết phải là người tử tế.Hiểu một cách đơn giản "người tử tế" là người làm việc tốt, sống đúng, sống đẹp, sống có ý nghĩa, phù hợp với đạo đức, chuẩn mực của xã hội. Người tử tế là người luôn có tấm lòng bao dung, độ lượng, không quan tâm đến địa vị, danh vọng, không quá chú trọng vào cái tôi mà luôn luôn nghĩ cho người khác và đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết. Họ luôn có những hành động xuất phát từ động cơ trong sáng, mọi suy nghĩ đều hướng đến sự lương thiện, vì cuộc sống chung, thậm chí còn biết hy sinh những quyền lợi cá nhân để hướng tới những điều tốt đẹp trọn vẹn cho cộng đồng. Người tử tế luôn biết ứng xử có văn hóa, biết tôn tọng người khác. Và mỗi chúng ta trước hết phải trở thành người tử tế là bởi sự tử tế chính là biểu hiện của niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp. Vì thế tử tế cũng chính là biết yêu cuộc sống này, có như vậy bạn mới có thể sống một cách tốt nhất.Khi bạn biết đối xử tử tế với mọi người cũng là lúc bạn nhận được sự tử tế từ xã hội. Như vậy tử tế sẽ khiến cho các mối quan hệ trở nên tốt đẹp hơn. Sống tử tế làm con người gần nhau hơn, tránh đc lối sống vô cảm. Nó là biểu hiện của sự thiện tâm, đức độ. Khi con người biết làm đẹp tâm của mình, khi đó họ mới trở thành người thực sự có giá trị. Và trong cuộc sống này ta bắt gặp không ít những người tử tế. Đó là ca sĩ Thủy Tiên kêu gọi ủng hộ đồng bào miền Trung, là những người lập ra cây ATM gạo miễn phí trong mùa dịch hay những người không màng đến tính mạng của bản thân mình mà xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch. Những con người tử tế ấy đã làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn. Có thể nói rằng lối sống tử tế là vô cùng quan trọng. Hiểu được điều đó, mỗi chúng ta hãy trở thành một người tử tế và khi làm việc tử tế, chúng ta cần xuất phát từ chính lòng yêu thương con người, từ sự chân thành, đồng cảm, có như vậy, việc tử tế mới thật sự có ý nghĩa với chính bản thân mình và những người xung quanh.

**Đề 24: Nghề nghiệp không làm nên sự cao quý cho con người mà chính con người mới làm nên sự cao quý cho nghề nghiệp. Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày suy nghĩ của anh / chị về ý kiến trên**.

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

+ Nghề nghiệp là công việc chuyên môn, làm theo sự phân công lao động của xã hội.

+ Phân công xã hội ngày càng nhiều, càng sâu nên xã hội có nhiều ngành nghề và giữ vị trí khác nhau trong xã hội.

+ Xã hội thường xuyên phát triển; có nghề nghiệp mới phát sinh nhưng cũng có những nghề nghiệp phải bị tàn lụi. Do đó có nghề dễ mang lại sự thành công (danh tiếng, tiền của, địa vị…) nhưng cũng có nghề không được như vậy. Cho nên dẫn đến sự tồn tại trong xã hội quan niệm về sự cao quý, sang hèn, tốt xấu… trong nghề nghiệp.

**b. Bàn luận:**

+ Nghề nghiệp không làm nên sự cao quý cho con người vì

\* Mỗi nghề đều có đặc điểm, vị trí riêng trong cuộc sống xã hội.

\* Nghề nghiệp nảy sinh từ nhu cầu xã hội, do đó mọi nghề đều cần thiết cho cuộc sống, vì thế mỗi nghề đều có vai trò không thể thiếu được trong đời sống xã hội, do đó nghề chân chính nào cũng đều cao quý cả.

\* Tuy nhiên do đặc trưng riêng của một số ngành nghề, do ý nghĩa đặc biệt của nó đối với đời sống, một số ngành nghề được đặc biệt biểu dương: nghề dạy học, nghề thầy thuốc… + Mà chính con người mới làm nên sự cao quý cho nghề nghiệp vì

\* Con người là chủ thể của hoạt động nghề nghiệp, có tính chất quyết định đối với giá trị của hoạt động nghề nghiệp.

\* Con người có giá trị tự thân, chịu ảnh hưởng của môi trường, hoàn cảnh. Vì vậy có kẻ tốt, người xấu, chính vì thế điều này tạo nên giá trị của nghề nghiệp.

\* Trong những ngành nghề được biểu dương đặc biệt vẫn có những “con sâu làm rầu nồi canh”. Trong những ngành nghề do bị thành kiến mà bị coi thường vẫn có những con người cao quý, có cách hành xử được mọi người ngưỡng mộ, ca ngợi.

\* Làm rõ tại sao con người mang đến sự cao quý cho nghề nghiệp (dẫn chứng). Chính tư cách và đức hạnh sáng ngời của con người làm cho người khác phải tôn trọng nghề nghiệp của họ.

**c. Bài học nhận thức và hành động**:

+ Cần nhận thức: không nên có tư tưởng phân biệt nghề sang trọng, cao quý và nghề thấp hèn. Cần phê phán quan niệm phân biệt này vì nó không đúng đắn, nó tồn tại trong xã hội phong kiến ngày xưa và không nên tiếp tục trong cuộc sống ngày nay.

+ Cần thấy những việc làm không chính đáng: ví dụ như trộm cướp, gian dối… để kiếm sống không phải là nghề nghiệp chân chính như chúng ta đang bàn.

+ Cần thấy giá trị đúng đắn của nghề nghiệp; nghề nghiệp chân chính nào cũng có giá trị và đều đáng được trân trọng. “Giá trị của một con người là lợi ích của họ mang lại cho người khác chứ không phải là nghề nghiệp của họ”.

+ Cần có thái độ đúng đắn khi chọn nghề. Không nên chạy theo quan điểm hời hợt (sang hèn…) về nghề nghiệp của một số người. Cần chọn nghề phù hợp với năng lực, với ước mơ, hoàn cảnh của bản thân, nhu cầu và sự phát triển của xã hội.

+ Với nghề nghiệp cần “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, chuyên tâm rèn luyện tay nghề, giữ gìn lương tâm nghề nghiệp, trao dồi đạo đức để làm hiển vinh nghề nghiệp, giá trị bản thân.

- “Không phải nghề nghiệp mang đến sự cao quý cho con người mà chính con người mang đến sự cao quý cho nghề nghiệp” là một ý kiến đúng đắn, nó là một lời khuyên, một lời nhắc nhở đối với mọi người nhất là đối với thanh niên đang đứng trước ngưỡng cửa lựa chọn nghề nghiệp.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ bản thân

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

Để tồn tại và phát triển trong cuộc sống này, mỗi người cần phải có một nghề nghiệp riêng cho mình. Nghề nghiệp không phải là yếu tố duy nhât trong cuộc sống của mỗi người nhưng đó là yếu tố quan trọng nhất đế quyết định cuộc sống chúng ta. Vậy nên việc chọn nghề luôn là một vấn đề nóng được mọi người, đặc biệt là giới trẻ quan tâm. Tuy nhiên, để chọn được một nghề phù hợp với mỗi người thì là chuyện không dễ. Việc chọn lầm nghề có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng không chỉ cho bản thân mỗi người mà còn ảnh hưởng đến toàn xã hội. Bởi vậy, có ý kiến cho rằng: *“Nghề nghiệp không làm nên sự cao quý cho con người mà chính con người mới làm nên sự cao quý cho nghề nghiệp”.*

Thế nào là nghề nghiệp? Nghề nghiệp là một khái niệm chung để chỉ về các ngành nghề, công việc của mỗi người trong xã hội. Vậy thế nào là cao quý? Cao quý là có giá trị lớn về mặt tinh thần, rất đáng trân trọng. Cùng với sự đi lên của xã hội, ngày càng xuất hiện thêm nhiều ngành nghề mới. Tuy nhiên, có cũ mới có mới. Mỗi ngành nghề đều góp phần làm cho xã hội phát triển. Không có nghề nào có bản chất là sang trọng, cao quý hay đê hèn, thấp kém. Mọi ngành nghề trong xã hội dều quan trọng. Diều đáng nói là những con người đang thực hiện những nghề ấy, họ lao động như thế nào, họ cống hiến ra sao cho xã hội thông qua cái tên nghề nghiệp? Giá trị của nghề nghiệp là do con người làm nên chứ không phải do bản thân nghề nghiệp đó.

Khi chúng ta có mặt trên đời này nghĩa là mọi người đều bình đẳng với nhau về quyền sống. Điều quyết định giá trị và nhân cách con người nằm ở cách sống, cách làm việc, cách cư xử chứ không phụ thuộc vào nghề nghiệp chúng ta đang theo đuổi. Nghề nghiệp không làm nên sự cao quý cho con người. Bạn chỉ nghĩ đơn giản rằng: bạn làm một nghề “hot”, một nghề được xã hội quý trọng và quan tâm thì bạn cao quý, mọi người kính trọng bạn? Một vị giám đố'c dựa vào quyền lực, thế lực mà cái tên nghề tạo ra dế nhận hối lộ và rút bớt công quỹ. Khi bị phát hiện, vị giám đốc ấy vẫn phải bị đưa ra xét xử, vẫn phải chịu hình phạt công bằng như bao công dần khác. Khi đó, sự cao quý cho con người do nghề nghiệp tạo ra ở đâu? . Nghề nghiệp chỉ là phương tiện, là cách thức để con người thực hiện những ước mơ, những mục tiêu trong cuộc sống. Sự cao quý ở mỗi người phải do tự thân con người làm nên trong quá trình thực hiện nghề nghiệp của mình. Sự cao quý ấy còn nằm ở những mục tiêu cao dẹp, những hành động thiết thực, những thành quả mà mỗi người đạt được cho bản thân và dóng góp cho xã hội.

Nghề nghiệp nảy sinh từ nhu cầu của xã hội. Có những ngành nghề thu hút được rất nhiều nhân tài, tạo ra những giá trị to lớn cho xã hội, là những ngành đi đầu trong thời kì phát triển hội nhập. Những người đang theo đuổi những ngành này cần phái sử dụng chất xám nhiều trong quá trình lao động. Bên cạnh đó, cũng có những ngành nghề mà người làm phải sử dụng nhiều đến sức khoẻ. Họ lao động chân tay cực nhọc, không tạo ra giá trị gì lớn lao cho xã hội. Những giá trị mà họ tạo ra rất nhỏ bé nhưng họ vẫn đóng góp. Nghề nghiệp nào cũng đáng được trân trọng, tôn vinh. Chỉ cần đó là nghề chân chính và mang lại lợi ích cho xã hội.

Con người là chú thể của công việc và sáng tạo nên nghề nghiệp. Chính con người mới làm nên sự cao quý cho nghề nghiệp. Nghề nghiệp chỉ là cái tên gọi cho công việc mỗi người làm. Khi công việc đó không có ích thì cái tên ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì. Hiệu quả và phẩm chất đạo đức của người lao động trong công việc chính là thước đo giá trị nghề nghiệp. Cô lao công hàng đêm âm thầm làm công việc của mình với ước muốn giữ cho môi trường xanh - sạch - đẹp. Cô làm công việc này với bao tâm huyết, nỗ lực của mình. Sự cao quý của nghề nghiệp chính là do những người lao dộng như cô làm nên.

Trái lại, cũng có không ít những kẻ mang trên mình cái mác của những nghề được xã hội ngưỡng mộ, tôn vinh nhưng lại làm những chuyện xấu xa, gây thiệt hại cho xã hội. Đó phải chăng là con sâu làm rầu nồi canh? Họ đã phá huỷ, bôi nhọ những hình ảnh tốt đẹp của nghề nghiệp mình. Sự cao quý của nghề nghiệp là do con người biết đem tài năng, sức lực và phẩm chất đạo đức của mình để làm nên các giá trị vật chất hoặc tinh thần, giúp cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Hiện nay có không ít những quan niệm lệch lạc trong vấn đề này. Có những người chạy theo xu hướng kinh tế một cách mù quáng. Họ không biết mình muốn gì, mình hợp với nghề nào. Họ chỉ chọn những công việc mang đến lợi ích trước mắt cho cá nhân họ. Vì chính bản thân họ không vượt qua được sự hào nhoáng, danh lợi mà cái nghề đó mang đến. Họ tự hào về điều đó. Tự hào là tốt nhưng chỉ tốt khi chúng ta biết lấy niềm tự hào đó làm động lực đề làm việc tốt hơn, tạo ra nhiều giá trị cho xã hội. Nhưng điều đáng nói ở đây, có một số người bất chấp mọi cách đế có được công việc mình muốn. Vậy thì còn đâu sự cao quý cho nghề nghiệp? Làm việc chỉ vì lợi ích bản thân thì sẽ không có đam mề và nhiệt huyết. Vì vậy, họ sẽ không thề công hiến hết mình cho công việc và không thế tao ra lơi ích cho xã hội.

Chọn nghề nghiệp là một bước ngoặc quan trọng trong cuộc đời mỗi con người. Cần phải nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp. Chọn nghề phải phù hợp với năng lực và niềm dam mê của bản thân. Vì chỉ có như vậy cá nhân mỗi người mới có động lực để phấn đấu, có mục tiêu đề vươn lên, cống hiến nhiều nhất có thể cho xã hội. Và mỗi chúng ta, hãy luôn tự nhủ với bản thân rằng: “Nghề nghiệp không làm nên sự cao quý cho con người mà chính con người mới làm nên sự cao quý cho nghề nghiệp”.

( Bài tham khảo)

**Đề 25: Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa. Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giới thiệu**

- Cuộc sống có những người, những điều cao đẹp được nhiều người biết tới. Nó trở thành những thần tượng đối với con người. Nhưng người ta phải có thái độ như thế nào đối với thần tượng cho phải, bởi lẽ : ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.

**b. Giải thích:**

- Thần tượng là những người, những điều được mọi người tôn sùng, chiêm ngưỡng. Nhưng thái độ của mọi người đối với thần tượng có thể dẫn tới những kết quả khác nhau: Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.

- Tại sao Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa?

- Ngưỡng mộ khác với mê muội: người ngưỡng mộ vẫn giữ được sự tỉnh táo, sáng suốt, khách quan của tinh thần, do đó có thái độ đúng mực đối với thần tượng, trong khi người mê muội thì thường chủ quan, thiếu sự sáng suốt, tỉnh táo trong mối quan hệ với thần tượng, do đó dễ có những thái độ không đúng mực, không phù hợp.

- Trong việc ngưỡng mộ thần tượng, người ta dễ hiểu rõ cái đẹp của thần tượng và có sự ngưỡng mộ; người ta cũng hiểu rõ bản thân; do đó người ta có thể hoặc có sự thán phục, hoặc có nỗ lực để phấn đấu và để theo gương theo cách hiểu mình hiểu người, không có những hành vi thái độ quá đáng ảnh hưởng đến nhân cách của bản thân. Vì thế, đó là một nét đẹp văn hóa: cư xử văn minh, lịch sự đúng mực, phù hợp.

- Trong khi đó, mê muội thần tượng thì dễ khiến người ta chỉ nhìn thấy thần tượng một cách phiến diện (hào quang của những thần tượng ca nhạc) thường lại có những thái độ hành vi quá đáng và do đó nó ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân, có khi dẫn tới những tai họa lớn (ví dụ : tốn thời gian, tiền của và thậm chí cả sinh mạng).

**c. Bình luận:**

- Không nên sống trên đời mà không có thần tượng bởi vì ai cũng cần phải có một mục đích rõ ràng để sống, phải có những điều, những người tốt đẹp mà mình ngưỡng mộ, yêu mến, khâm phục để noi gương và phấn đấu. Có như vậy cuộc sống mới có thể dễ có ý nghĩa, có động lực thúc đẩy để phấn đấu. Không có thần tượng người ta dễ sống theo kiểu bèo dạt hoa trôi.

- Cũng cần thấy rõ ý nghĩa khái quát của thần tượng và sự hiện diện của thần tượng ở mọi lĩnh vực của đời sống (văn học, lịch sử, khoa học...) chứ không phải chỉ có thần tượng trong lĩnh vực âm nhạc, thể thao.

- Cần phải có thái độ đúng đắn đối với thần tượng đó là ngưỡng mộ thần tượng chứ không mê muội thần tượng.

+ Ý kiến của đề :

- Có ý nghĩa của một lời nhắc nhở, một lời khuyên rất thực tế, thời sự đối với mọi người, nhất là với giới trẻ hiện nay.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ bản thân

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Ngưỡng mộ thần tượng là sự yêu mến, kính phục, ủng hộ tuyệt đối dành cho người tài hoặc cho một hình mẫu lí tưởng có sức hút mạnh mẽ đối với bản thân mình. Từ lâu, ngưỡng một thần tượng đã được cho là một nét đẹp văn hóa của nhân loại. Nhưng ngày nay, có một bộ phận giới trẻ vì thần tượng mà có thể làm những việc “điên cuồng” không tưởng. Do đó, đã có ý kiến cho rằng “ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa”.

    Trong khi ngưỡng mộ thần tượng là một biểu hiện tích cực thì mê muội thần tượng thực sự là một thảm họa. Sự mê muội ấy khiến con người mù quáng,thiếu tỉnh táo trong nhận thức, thái quá trong việc bộc lộ tình cảm với thần tượng và điên rồ trong hành động khi họ đứng trên cương vị là fan cuồng. Qua ý kiến trên ta có thể thấy được ý kiến đề cập đến hai mặt của vấn đề hâm mộ thần tượng. Hâm mộ một cách đúng mực là nét đẹp văn hóa đáng được ca ngợi, nhưng hâm mộ sai cách, mê muội là một hiện tượng xấu mà cùng với đó là những hậu quả hết sức tiêu cực.

   Đầu tiên, ta có thể khẳng định ngưỡng một thần tượng là một nét đẹp văn hóa vì nó thể hiện nhu cầu được vươn lên, ước mơ hướng tới những tầm cao của con người. Ví dụ như sự ngưỡng mộ của người con dành cho người bố, người mẹ của mình. Trong mắt lũ trẻ, bố, mẹ là người hết sức phi thường, tài năng, không gì là không làm được. Sự ngưỡng mộ đó thúc đẩy ước muốn trưởng thành tài giỏi như bố mẹ của chúng. Ngoài ra, cũng có thể là sự ngưỡng mộ dành cho những danh nhân tài giỏi hoặc những con người nghị lực vươn lên để thành công. Qua những con người ấy, ta học tập những đức tính tốt đẹp của họ để bản thân mình trở nên tốt hơn. Là một con người Việt Nam, có lẽ không ai là không ngưỡng mộ người chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Qua con người bác, ta có thể học tập được rất nhiều điều: sự kiên trì, lòng nhân ái, vị tha,… Khi mến mộ thần tượng, ta luôn hướng mục tiêu, tâm hồn đến những điều tốt đẹp.

   Ngược lại với ngưỡng mộ thần tượng, mê muội thần tượng là một thảm họa. Mê muội là khi chủ thể đã bị mất lý trí. Mê muội thần tượng là dạng say mê, tôn sùng một cách thiếu tỉnh táo, thiếu lý trí. Từ đó, người hâm mộ sẽ phạm phải rất nhiều sai lầm cả trong nhận thức lãn hành động. Một trong các minh chứng cho điều này là việc làm của một bộ phậm giới trẻ đã bất chấp mọi giá để có được một tấm vé vào khi các ca sĩ, diễn viên ngoại quốc về Việt Nam lưu diễn. Họ vòi vĩnh cha mẹ của mình, bỏ học để tìm cách kiếm tiền, tệ hơn làm làm công việc bán thân xác,… chỉ vì để được gặp thần tượng một lần. Không chỉ có vậy, họ còn làm ra những hành động quá khích như không ngại bỏ tiền thuê xe chạy đuổi theo xe của thần tượng, bất chấp nắng mưa ngồi bên ngoài khách sạn chờ thần tượng đi qua, họ xông vào xờ tay, xờ mặt, nắm tóc, kéo áo với suy nghĩ được chạm vào thần tượng một lần. Cá biệt hơn là hành động của một số fan cuồng hôn lên chiếc ghê mà thần tượng đã ngồi qua.

   Bản chất của sự ngưỡng mộ, yêu mến thần tượng không phải là điều xấu nhưng sự mê muội, ngưỡng mộ quá khích thì có thể chắc chắn là thảm họa với những hành động, thái độ ứng xử thiếu văn hóa, khác người của những người xưng danh là fan cuồng.

    Qua ý kiến trên, mỗi người chúng ta cần phải có nhận thức đúng đắn hơn về sự ngưỡng mộ thần tượng để nâng tầm văn hóa cho bản thân, phấn đấu vươn tới những tầm cao mới, từ đó thể hiện được nét đẹp văn hóa của nhân loại. Mỗi cá nhân cần phải nhận thức đúng đắn giữa ngưỡng mộ và mê muội, đừng để cảm xúc khống chế lý chí mà theo đuổi thần tượng một cách mù quáng, làm ra những hành động đáng chê trách, đáng xấu hổ, đánh mất đi những giá trị truyền thống tốt đẹp.

**Đề 26: Maxim gorki đã từng nói: “Mỗi cuốn sách tốt là một người bạn hiền”. Từ câu nói của Maxim gorki , em hãy viết một bài văn ngắn bàn về giá trị của sách đối với đời sống của con người.**

**Gợi ý:**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu câu nói từ đó giới thiệu vấn đề nghị luân (giá trị của sách)

**2. Thân bài:**

- Trình bày vai trò của sách + dẫn chứng

- Sách mở mang trí tuệ cho con người, mở rộng cho ta tầm hiểu biết về thế giới rộng lớn quanh ta.

+ Sách đem đến cho ta tri thức trên mọi lĩnh vực khác nhau từ KHTN đến KHXH, từ lịch sử địa lý đến hóa học, thiên văn...

+ Sách đưa ta vượt thời gian, trở về với quá khứ để ta hiểu thêm về lịch sử loài người từ hàng trăm triệu năm trước, hiểu được lịch sử hào hùng nhưng cũng lắm thương đau của dân tộc. Ta biết được dân tộc đã trải qua hơn 1000 năm bắc thuộc và hơn 100 năm chịu sự đô hộ của chủ nghĩa đế quốc và chu nghĩa thực dân

+ Sách đưa ta vượt không gian, đến với những vùng đất xa xôi nơi ta chưa bao giờ được đặt chân đến, thậm chí là không bao giờ có thể đến được. Ta đang sống ở một đất nước nhiệt đới nhưng nhờ sách ta lại có thể biết được đời sống, dân cư, văn hóa, địa hình khí hậu của 1 đất nước ôn đới xa xôi. Và cũng ngồi đây chỉ nhờ đọc sách ta còn có thể biết được không chỉ trái đất mà còn có 12 hành tinh khác có thể tồn tại sự sống.

-Sách còn mở rộng và làm giàu cho tâm hồn con người.

+ Sách dạy ta biết yêu thương. Đọc những cuốn sách của Nam cao, ta thương xót cho những người dân Việt Nam trước CM.Đọc “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, trong lòng ta lại cảm thấy thương cho số phận và cuộc đời đầy những truân chuyên của những người phụ nữ trong XH xưa. Những cuốn sách về địa lí khiến ta thêm yêu mảnh đất hình chữ S thân thương mà gần gũi.

+ Sách còn dạy ta biết sống đẹp, sống có ước mơ, hoàn hảo, có khát vọng cho riêng mình.

+ Sách còn giúp ta tự nhận thức lại mình, biết mình là ai, mình cần làm gì, để sống có ích cho xã hội.

+ Sách còn đem lại cho ta những giây phút thư giãn sau những ngày làm việc căng thẳng.

=>Không có sách ta chỉ là kẻ đi giật lùi lạc hậu, tâm hồn ta sẽ trở nên méo mó nghèo nàn.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại về vai trò của sách

- Rút ra bài học

+ Cần chăm chỉ đọc sách nhưng không lãng phí thời gian bên những cuốn sách vô thưởng vô phạt

+ Khi đọc sách cần chọn cho tinh, đọc cho kĩ có như thế ta mới thấy hết được giá trị của sách.

**Bài làm tham khảo:**

Maxim Gorki đã từng nói:”Mỗi cuốn sách tốt là một người bạn hiền”. Chỉ với một phép so sánh, câu nói của Maxim gorki đã cho ta nhận ra được vai trò và giá trị của sách đối với đời sống của con người. Đối với đời sống của con ngừi, sách có vai trò rất quan trọng. Sách mở mang trí tuệ cho con người, mở rộng cho ta tầm hiểu biết về thế giới rộng lớn quanh ta. Sách đem đến cho ta tri thức trên mọi lĩnh vực khác nhau từ KHTN đến KHXH, từ lịch sử địa lý đến hóa học, thiên văn...Với những kiến thức ấy, nó sẽ đưa ta vượt thời gian, trở về với quá khứ để ta hiểu thêm về lịch sử loài người từ hàng trăm triệu năm trước, hiểu được lịch sử hào hùng nhưng cũng lắm thương đau của dân tộc. Thậm chí sách còn đưa ta vượt không gian, đến với những vùng đất xa xôi nơi ta chưa bao giờ được đặt chân đến, thậm chí là không bao giờ có thể đến được. Ta đang sống ở một đất nước nhiệt đới nhưng nhờ sách ta lại có thể biết được đời sống, dân cư, văn hóa, địa hình khí hậu của 1 đất nước ôn đới xa xôi. Và cũng ngồi đây chỉ nhờ đọc sách ta còn có thể biết được không chỉ trái đất mà còn có 12 hành tinh khác có thể tồn tại sự sống. Không chỉ mở mang tầm hiểu biết, sách còn mở rộng và làm giàu cho tâm hồn con người. Sách dạy ta biết yêu thương. Đọc những cuốn sách của Nam cao, ta không khỏi thương xót cho những người dân Việt Nam trước cách mạng. Đọc “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, trong lòng ta lại cảm thấy thương cho số phận và cuộc đời đầy những truân chuyên của những người phụ nữ trong XH xưa. Đó chính là điều kì diệu mà sách đem lại cho con người. Hơn thế nữa sách còn dạy ta biết sống đẹp, sống có ước mơ, hoàn hảo, có khát vọng cho riêng mình; sách còn giúp ta tự nhận thức lại mình, biết mình là ai, mình cần làm gì, để sống có ích cho xã hội. Không có sách ta chỉ là kẻ đi giật lùi lạc hậu, tâm hồn ta sẽ trở nên méo mó nghèo nàn. Có thể nói rằng, sách có vai trò vô cùng quan trọng, là điều không thể thiếu trong đời sống của con người. Hiểu được vait rò của sách, chúng ta cần chăm chỉ đọc sách nhưng không lãng phí thời gian bên những cuốn sách vô thưởng vô phạt. Khi đọc sách cần chọn cho tinh, đọc cho kĩ có như thế ta mới thấy hết được giá trị của sách.

**Đề 27: Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn. Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến**

- Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng xấu hổ còn quan trọng hơn.

- Giải thích:

+ Tự hào: lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.

+ Xấu hổ: cảm thấy hổ thẹn khi thấy mình có lỗi hoặc kém cỏi trước người khác.

+ Ý kiến: thể hiện quan điểm của người phát biểu về quan hệ của tự hào với xấu hổ : tự hào thì cần thiết, xấu hổ quan trọng hơn.

- Phân tích, chứng minh:

+ Tự hào là cần thiết: Người tự hào thường là người hiểu rõ bản thân, nhất là sở trường, các tốt đẹp của⋅ bản thân. Do đó cũng dễ là người có thái độ tự tin. Tự hào thường mang lại những cảm xúc tích cực. Nó giúp người ta dễ phấn khởi⋅ trong hành động. Do đó cuộc sống dễ đạt được những thành công.

+ Biết xấu hổ còn quan trọng hơn: Biết xấu hổ, người ta dễ tránh những lỗi lầm sai trái. Biết xấu hổ, người ta dễ nổ lực vươn lên để khắc phục những kém cỏi của bản thân. Biết xấu hổ, người ta dễ có lòng khiêm tốn, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm. Biết xấu hổ là một trong những biểu hiện của lòng tự trọng, của nhận thức về phẩm⋅ giá con người. Biết xấu hổ, người ta cũng dễ biết kiềm chế bản thân trước các tình huống.⋅ - Phê phán : Trong thực tế, có những người không biết tự hào, cũng chẳng tự trọng, vô cảm với mình, với người. Nguyên nhân thường do thiếu nhận thức, thiếu kỹ năng sống.

**b. Bình luận :**

Tự hào, tự trọng (mà biết xấu hổ là một biểu hiện của nó) là những phẩm chất đáng quý mà mỗi người cần có, trong đó cần nhận thức tự hào là cần thiết nhưng tự trọng thì quan trọng hơn.

- Làm sao để có lòng tự hào và tự trọng :

+ Cần có hiểu biết và ý thức về giá trị con người và cuộc sống.

+ Cần có hiểu biết về ý nghĩa quan trọng của phẩm giá cá nhân.

+ Cần nỗ lực phấn đấu rèn luyện trau dồi những phẩm chất và kỹ năng sống cần thiết để sống tốt.

**c. Dẫn chứng**

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ

**BÀI LÀM THAM KHẢO**

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã từng viết: “Chúng ta yêu nhau kiêu hãnh làm người”. Nói một cách cụ thể, mỗi người đều có những điều tự hào riêng về bản thân như tự hào về nhân cách, tài năng hay vẻ đẹp hình thể,… và đó là điều chính đáng. Tuy nhiên, nếu chỉ biết hãnh diện về những gì tốt đẹp mình có mà không biết phản tỉnh để cảm thấy hổ thẹn về những điều kém cỏi, lỗi lầm của mình thì đó sẽ là một khiếm khuyết lớn. “Tự hào” và “xấu hổ” nên được nhận thức như thế nào cho đúng? Đó chính là nhan đề được đặt ra trong ý kiến “Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn”.

Biết tự hào về bản thân là thái độ hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có, về những đóng góp của mình cho cuộc sống; biết xấu hổ là cảm thấy hổ thẹn về sự kém cỏi và những lỗi lầm của mình trước người khác. Nội dung của ý kiến trên chủ yếu đề cao việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản thân, hướng đến sự hoàn thiện nhân cách của mình.

Chúng ta thấy ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn khi khẳng định sự cần thiết của việc biết tự hào. Biết tự hào về những gì tốt đẹp của bản thân sẽ giúp ta biết tự khẳng định mình, giúp bản thân thêm tự tin, từ đó có thêm động lực để vươn tới những ước mơ lớn hơn. Chẳng hạn khi được thầy cô khen ngợi vì đạt được thành tích tốt trong học tập, chúng ta thường cảm thấy phấn chấn tinh thần vì nỗ lực được công nhận, giá trị bản thân được nâng cao trong mắt người khác. Đó là những cảm xúc tích cực thúc đẩy con người hoàn thiện bản thân, một trong những yếu tố tiên quyết để thành công.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý tránh vì tự hào quá mà biến thành thái độ tự cao, tự đại. Nhiều người mới đạt được chút thành tựu đã hội trở nên hợm hĩnh, đánh giá bản thân cao quá quá cao so với thực lực. Đó chính là bước đầu tiên dẫn đến thất bại. Chúng ta chứng kiến không ít vận động viên thể thao có thể đạt thành tích rất cao trên đấu trường khu vực quốc tế nhưng khi thi đấu trên sân nhà lại gặp thất bại trước một đối thủ kém cỏi hơn mình.

Nếu mỗi người bên cạnh việc biết tự hào còn biết tự xấu hổ thì ắt sẽ cân bằng được nội tâm của mình vì nó là biểu hiện của ý thức hoàn toàn tự giác, xuất phát từ lương tâm, giúp con người nâng cao năng lực và hoàn thiện nhân cách. Tự giác tức là tự biết bản thân bên cạnh những điều tốt đẹp mà ta sở hữu, vẫn còn có nhiều khiếm khuyết hoặc lỗi lầm mà vô tình hay cố ý ta có thể gây ra cho người khác. Từ đó hình thành cho mình một thái độ cầu thị, khiêm cùng; một ý thức thường trực mài giũa “ngọc sáng trong tâm” khiến nhân cách ngày càng hoàn thiện. Biết xấu hổ còn giúp con người tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với đạo đức xã hội. Hay nói cách khác nếu chúng ta biết xấu hổ thì sẽ không bao giờ phải xấu hổ.

Biết xấu hổ mang lại nhiều lợi ích như thế, tuy nhiên cần phân biệt thái độ này với thái độ lúc nào cũng đánh giá thấp bản thân vì sự tự ti, mặc cảm. Đành rằng con người ai cũng có khuyết điểm, nhưng cần nhìn nhận công bằng, khách quan cả hai mặt sáng – tối, đẹp – xấu trong mỗi con người để biết tự hào trong những trường hợp chính đáng. Có bạn học sinh học lực khá tất cả các môn, duy chỉ môn Toán là thường điểm dưới trung bình. Thay vì tự hào về những gì đạt được và cố gắng học tập tốt môn Toán thì bạn ấy lại rất mặc cảm, dằn vặt bản thân vì sự kém cỏi của mình, từ đó mất đi lòng tự tin và động lực học tập.

Vậy thì “biết tự hào” và “biết xấu hổ” giúp ích được gì cho chúng ta? Phải chăng là bài học về nhận thức toàn diện? Đúng như vậy. Hai “cái biết” này không mâu thuẫn mà hỗ trợ lẫn nhau để một người nhận thức sâu sắc về điểm mạnh và điểm yếu của bản thân, từ đó lên kế hoạch hành động để hoàn thiện mình. Nó cũng chính là ngọn đèn soi sáng suốt hành trình rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức nhân cách của mỗi con người.

“Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn”. Hãy luôn ghi nhớ trong lời nhắn nhủ này. Đó chính là kim chỉ nam cho bạn trên dặm dài hoàn thiện nhân cách đạo đức trong cuộc sống. Biết tự hào để ngẩng cao đầu vì những điều tốt đẹp bản thân làm được, biết xấu hổ để cúi xuống học hỏi từ những sai lầm như một cánh hoa tươi vừa kiêu hãnh vừa kiêu hãnh vừa khiêm nhường bạn nhé!

(Bài tham khảo)

**Đề 28: Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng mà trước hết hãy là người có ích. Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến**

- Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng mà trước hết hãy là người có ích.

**b. Giải thích:**

+ Người nổi tiếng: Là người có tiếng tăm được nhiều người biết đến.

+ Người có ích: Là người có cuộc sống có ích, có ý nghĩa, cũng cần thiết và có giá trị đối với người khác, gia đình, xã hội.

+ Ý kiến là một lời khuyên về một trong những mục đích sống của con người: hãy sống với một mục đích sống chân chính đừng cố gắng theo đuổi tiếng tăm, danh vọng mà hãy quan tâm đến giá trị của cuộc sống, nhất là với mọi người.

- Phân tích chứng minh:

+ Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng: Tiếng tăm, danh vọng : thường không phải là mục đích cao đẹp nhất của cuộc⋅ sống. Danh vọng có thể làm tha hóa con người, làm băng hoại đạo đức và đẩy con người⋅ ta vào tội lỗi. Để cố trở thành người nổi tiếng có những người đã đi vào những con đường bất⋅ chính, sử dụng những phương cách xấu xa. Do đó, nổi tiếng như thế chỉ là vô nghĩa.

+ Trước hết, hãy là người có ích: Người sống có ích mang lại nhiều ích lợi cho người khác trong cuộc sống. Sống có ích sẽ làm thăng hoa giá trị con người, thăng hoa giá trị cuộc sống. Người có ích dù không được nổi tiếng nhưng cuộc sống của họ là cần thiết, có giá⋅ trị, có ý nghĩa đối với người khác, gia đình, xã hội. Ngay cả trong quan niệm của người xưa về “chí nam nhi”, chữ “danh” (Phải có danh gì với núi sông) luôn gắn với thực chất của hành động (Làm nên đấng anh hùng đâu đấy tỏ).

**c. Bình luận :**

+ Nổi tiếng cũng có mặt tốt, có tác dụng tốt. Tiếng nói của người nổi tiếng thường có tác động nhiều hơn, lớn hơn đối với người khác, xã hội.

+ Nhưng đừng cố gắng chạy theo việc trở thành người nổi tiếng bằng mọi cách vì điều đó mang lại nhiều tác hại. Hãy để cho tiếng tăm được đến một cách tự nhiên bằng hành động có thực chất: hữu xạ tự nhiên hương.

+ Làm sao để là người có ích: Hãy sống có lý tưởng Hãy sống có đạo đức, có trách nhiệm, Hãy sống vì gia đình, vì xã hội, vì cộng đồng.

+ Ý kiến này là một biểu hiện cụ thể của vấn đề danh và thực trong cuộc sống con người. Giải quyết tốt mối quan hệ của vấn đề nổi tiếng và có ích, của danh và thực, người ta sẽ dễ có cuộc sống bình an, hạnh phúc, chân chính.

- Đây là một ý kiến có giá trị đúng đắn. Đồng thời nó cũng là một lời khuyên rất có tính thời sự, nhất là trước hiện tượng một bộ phận giới trẻ ngày nay đang có xu hướng tìm sự nổi tiếng bằng mọi giá.

**3. Kết bài**

- Khẳng định vấn đề nghị luận

- Liên hệ bản thân

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Trở thành một ca sĩ nhạc pop nổi tiếng như Michael Jackson? Trở thành một cầu thủ bóng đá huyền thoại như Maradona hay giàu có như Bill Gates? Nếu có ai đặt ra câu hỏi đó cho chúng ta, tôi dám chắc ít ai không mơ ước mình được nổi tiếng như vậy. Trong cuộc sống có rất nhiều quan niệm sống và cũng có rất nhiều mơ ước khác nhau. Có người mơ ước mình trở thành nhà khoa học nổi tiếng. Có người mơ ước mình trở thành một doanh nhân. Tôi cũng không ngoại lệ, tôi cũng từng mơ ước mình trở thành một nhà văn nổi tiếng. Và chỉ khi đọc được câu nói “ Đừng cố gắng đểtrở thành người nổi tiếng mà trước hết hãy làngười có ích” tôi mới thấy cần phải suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề này. Vậy người nổi tiếng là gì mà ai cũng mong muốn trở thành người nổi tiếng? Người nổi tiếng là những người có công danh sự nghiệp - Là người thành công trong cuộc sống, trong công việc hay một lĩnh vực nào đó được nhiều người biết đến, yêu mến, kính trọng. Trên thế giới ai cũng biết Bill Gates là một doanh nhân người Mỹ,nhà từ thiện, tác giả và chủ tịch tập đoàn Microsoft, hãng phần mềm khổng lồ mà ông cùng với Paul Allen đã sáng lập ra. Ông luôn có mặt trong danh sách những người giàu nhất trên thế giới. Hay như giáo sư toán học Ngô Bảo Châu - Người Việt Nam đầu tiên đoạt giải Fields toán học –một giải thưởng danh giá trên thế giới mà không phải nhà toán học nào cũng có thể đạt được. Giáo sư Ngô Bảo Châu không chỉ nổi tiếng trong lĩnh vực toán học mà còn là một trong những giảng viên danh tiếng ở các trường Đại học nổi tiếng của Mĩ và thế giới. Giáo sư Ngô Bảo Châu chính là niềm tự hào về trí tuệ Việt Nam trên thế giới. Và nữa, nghệ sĩ Đặng Thái Sơn- một tài năng xuất chúng về âm nhạc. Những buổi biểu diễn của Đặng Thái Sơn là sự chờ đợi của biết bao người yêu nhạc ở Việt Nam và trên thế giới. Những khán phòng chật cứng, những nhà hát đông nghịt. Hàng triệu con tim như đang rung lên theo từng âm thanh của vũ điệu bàn tay tài hoa trên phím đàn. Đặng Thái Sơn chẳng phải là một thiên tài âm nhạc đó sao…Trở thành người nổi tiếng là một mơ ước mà ai cũng mong muốn đạt được. Nhưng nếu như không thể trở thành người nổi tiếng bạn cũng đừng buồn bởi chúng ta vẫn có thể sống một cuộc sống có ý nghĩa. Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng như một số bạn trẻ bằng cách bắt chước người này, người khác cách ăn mặc, đầu tóc kì dị hay có những hành động đặc biệt gây sự chú ý để nổi tiếng. Cái giá mà bạn phải trả cho sự nổi tiếng đôi khi là quá đắt. Có những bạn trẻ muốn được nổi tiếng trong mắt bạn bè, người yêu đã thể hiện mình là một tay đua trên xa lộ bằng những trận quyết đấu với tử thần để rồi có thể sẽ nổi tiếng những đó là sự nổi tiếng mà những người thân yêu của họ sẽ mãi mãi đau đớn khôn nguôi.Câu nói trên thực sự đã làm tôi suy nghĩ lại giấc mơ trở thành người nổi tiếng của mình. Mỗi chúngta đều có thể trở thành những người nổi tiếng nếu như có tài năng thật sự nhưng trước hết chúng ta hãy sống thật tốt để làm một con người có ích. Xã hội rất cần những người nổi tiếng nhưng còn cần hơn những người có ích. Hãy làm cho cuộc sống của chúng ta tốt đẹp hơn bởi những việc làm có ích, bởi những con người có ích.Câu nói “ Đừng cố gắng….” quả thực đã để lại cho mỗi chúng ta một bài học nhận thức về ý nghĩa cuộc sống và quan niệm sống. Tôi nhớ một câu nói của một văn hào nổi tiếng: “ Có thể trong cuộc đời này không ai biết đến tên tuổi bạn, nhưng những việc bạn làm lại không thể thiếu được với cuộc đời họ”.

Bạn hãy cứ mơ ước mình sẽ trở thành một người nổi tiếng. Biết đâu, bằng những cố gắng và tài năng của mình, một ngày không xa bạn sẽ nổi tiếng trong một lĩnh vực nào đó. Nhưng phải chăng, câu nói trên cũng là một lời khuyên hữu ích cho mỗi chúng ta khi bước vào cuộc sống.

===============================================

**MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ LUẬN VỀ CÂU CHUYỆN**

**Đề 1:**

“*Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.*”

*(Trích Nếu biết trăm năm là hữu hạn... Phạm Lữ Ân)*

**Dựa vào gợi ý từ đoạn văn bản trên, em hãy viết một bài văn ngắn bàn về giá trị bản thân trong cuộc sống.**

**1. Mở bài:**

- Giới vấn đề cần nghị luận: Giá trị bản thân trong cuộc sống.

**2. Thân bài:**

**a.** **Giải thích vấn đề**: Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể theo hướng sau:

+ Mỗi người đều có giá trị của riêng mình, giá trị là điều cốt lõi tạo nên con người bạn. Giá trị đó dù lớn lao hay nhỏ bé cũng cần được tôn trọng.

+ Giá trị của bản thân là ưu điểm, điểm mạnh vượt trội của mỗi người so với những người khác khiến mình có một cá tính riêng, dấu ấn riêng không trộn lẫn với đám đông.

+ Giá trị của bản thân không đơn thuần là điểm mạnh của bản thân mà còn là sự đóng góp, là vai trò của mỗi người với mọi người xung quanh. (VD: Bạn không cần là một đứa trẻ xuất sắc mọi mặt, nhưng bạn vẫn là niềm tự hào, là nguồn động lực của cha mẹ. Đấy chính một phần giá trị con người của bạn)

+ Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để hạn chế, như vậy sẽ đạt nhiều thành công trong cuộc sống.

**b. Bàn luận vấn đề**

+ Giá trị bản thân mỗi người không phụ thuộc vào địa vị hay tiền bạc họ có trong tay mà phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người trong cuộc sống.

+ Nếu bản thân mỗi người không biết cách trau dồi để tự tạo ra giá trị cho mình thì cuộc sống không còn có ý nghĩa, chỉ là sự tồn tại trên cuộc đời.

+ Có những người vốn có nội lực nhưng không tự nhận thức được giá trị của mình, thiếu tự tin về bản thân, sống không có quan điểm riêng, nên đánh mất nhiều cơ hội.

**c. Bài học nhận thức và hành động.**

+ Cần nỗ lực học tập rèn luyện để làm tăng giá trị bản thân, trở thành người có ích cho xã hội.

+ Không được định giá người khác khi chưa thấu hiểu họ bởi giá trị là sự tích lũy dài lâu, không phải ngày một ngày hai mà tạo ra.

**3. Kết bài:**

- Trân trọng giá trị bản thân.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 2: Người ăn xin.**

*( Tuốc-ghê-nhép )*

*Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.*

*Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợt tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào.Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:*

*- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*

*Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:*

*- Cháu ơi! Cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*

*Khi ấy tôi chợt hiểu ra:cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận một cái gì đó của ông*"***Hãy nêu suy nghĩ của em về những điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện trên.***

**1. Mở bài:**

- Định hướng chung và giới thiệu câu chuyện

**2. Thân bài:**

**a. Khái quát nội dung câu chuyện**

- Câu chuyện ngắn gọn, giản dị, hấp dẫn nhưng chứa đựng một đạo lí tốt đẹp, đó là tình yêu thương, sự trân trọng, sự cảm thông sâu sắc giữa con người với con người.

- Cả ông lão và cậu bé đều nhận được ở nhau điều đó dù họ chẳng có gì cho nhau về vật chất.

**b. Bàn luận về ý nghĩa câu chuyện:**

Câu chuyện mang đến cho người đọc một ý nghĩa triết lí sâu sắc, tinh tế và cảm động .

**+ Đối với một người ở vào hoàn cảnh khốn khổ, bần cùng như ông lão**

( thường bị xã hội coi thương) nhưng cậu bé đã không làm thế. Thái độ, cử chỉ hành động của cậu rất chân thành, thể hiện sự tôn trọng, lòng thương và sự quan tâm, chia sẻ thực sự với ông lão. Ông lão đã nhận thấy điều đó ở cậu và như vậy cậu đã cho lão nhiều lắm. Tình cảm chân thực đó có khi còn hơn cả tiền bạc.

+ Còn cậu bé cũng chợt hiểu ra từ cái nhìn chăm chăm và nụ cười nhân hậu, câu nói của ông lão, cậu cũng nhận thấy như vừa nhận được một tình cảm, sự hiểu biết tinh tế và sự cảm thông của ông lão đối với mình. Cách cư xử đầy yêu thương và trân trọng giữa hai con người với nhau thật quý giá và cảm động.

- Yêu thương, cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau là một đạo lí tốt đẹp của xã hội.

- Con người có tình yêu thương với nhau sẽ giúp cho mối quan hệ thêm gần gũi, gắn bó nhất là những người gặp cảnh éo le, nghèo khổ như ông lão sẽ có thêm sức mạnh, niềm tin vào cuộc sống .

**c. Bài học rút ra:**

- Cần yêu thương, cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

- Giúp đỡ người khác cũng phải thật sự chân thành. Tình thương ấy phải xuất phát từ thiện tâm của mình, không vì sự vụ lợi, hay giúp đỡ người khác với thái độ hàm ơn, bề trên, coi thương, bố thí khiến người nhận giúp đỡ mặc cảm, tủi thân.

- Không nên thờ ơ, trước nỗi đau, sự nghèo khó của đồng loại mà luôn sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo, tương thân tương ái ( Lấy ví dụ thực tế) (0.5 điểm)

+ Qua câu chuyện, chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. và như thế mọi bon chen, toan tính…lùi lại phía sau.

**3. Kết bài**

- Khẳng định ý nghĩa của thông điệp.

- Liên hệ mở rộng:

**Đề 3:**

*Có một lần, tại một trường trung học, ngài hiệu trưởng đến gặp các em học sinh để nói chuyện. Trong khi nói, ông giơ lên cho các em thấy một tờ giấy trắng, trên đó có một chấm tròn đen ở một góc nhỏ và hỏi:*

*- Các em có thấy đây là gì không?*

*Tức thì cả hội trường vang lên:*

*- Đó là một dấu chấm.*

*Ngài hiệu trưởng hỏi lại:*

*- Thế không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư? Ngài kết luận:*

- *Thế đấy con người luôn luôn chú ý đến những lỗi nhỏ nhặt mà quên đi tất cả những phẩm chất tốt đẹp còn lại. Khi phải đánh giá một sự việc hay là một con người, thầy mong các em sẽ chú ý đến tờ giấy trắng nhiều hơn là những vết bẩn có trên nó.*

(*Tờ giấy trắng* - Quà tặng cuộc sống)

**Hãy viết bài văn nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện trên.**

**\* Yêu cầu về kỹ năng:**

- Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận.

- Hành văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

**\* Yêu cầu về kiến thức:**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận thông qua câu chuyện.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý nghĩa câu chuyện:**

+ Câu chuyện về một tờ giấy trắng không hoàn hảo vì có một dấu chấm đen nhỏ. Câu chuyện đem lại bài học sâu sắc về cách đánh giá và nhìn nhận một con người.

+ Con người trong cuộc sống không ai là hoàn hảo. Vì thế, khi nhìn nhận đánh giá một con người phải nhìn nhận ở nhiều phương diện:

bề nổi, bề sâu, nhất là những mặt tốt mang tính căn bản.

- Phải nhìn cuộc sống bằng tình thương, sự bao dung.

**b. Bình luận:**

+ Trong cuộc sống, con người luôn phải hoạt động và giao tiếp. Quá trình hoạt động và giao tiếp đó, người ta khó tránh khỏi những sai lầm vì một lí do nào đó. (Dẫn chứng).

+ Khi phê bình hay đánh giá một con người hay một sự việc nào đó, ta không nên chỉ nhìn một cách phiến diện, hời hợt, chỉ nhằm vào những sai lầm mà họ vô tình mắc phải, mà phải nhìn một cách toàn diện, nhìn bằng đôi mắt của tình thương và lòng vị tha,”cố tìm để hiểu”những mặt tốt đẹp ẩn sâu trong con người. (Dẫn chứng)

+ Cách nhìn nhận đa chiều bằng đôi mắt của tình thương và sự bao dung sẽ tích cực giúp con người thức tỉnh, giác ngộ. (Dẫn chứng)

**c. Đánh giá, mở rộng vấn đề:**

+ Câu chuyện ngắn gọn nhưng đem đến cho ta bài học nhân sinh sâu sắc về cách nhìn nhận đánh giá về con người và cuộc đời bằng đôi mắt của tình thương, bao dung.

+ Phê phán những kẻ sống ích kỷ, thiếu thiện chí khi nhìn nhận đánh giá người khác.

+ Phê phán người khác thì trước hết bản thân mình phải là người có đạo đức, nhân cách; biết đánh giá đúng lúc, đúng chỗ.

+ Đánh giá bằng sự bao dung độ lượng không có nghĩa là thỏa hiệp với cái sai, cái xấu. Trước cái ác, cái xấu cần có thái độ đấu tranh nghiêm túc, triệt để.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 4: Đọc kĩ đoạn truyện sau**

**LỖI LẦM VÀ SỰ BIẾT ƠN**

*Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận, một người nổi nóng không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì chỉ viết lên cát: "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi điều tôi suy nghĩ."*

*Họ đi tiếp và tìm thấy một ốc đảo và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc nãy bị đuối sức và chìm dần xuống. Người kia tìm cách cứu anh. Thoát khỏi vũng lầy, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi."*

*Người kia hỏi: "Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh lại viết lên cát, còn giờ anh lại khắc lên đá."*

*Anh ta trả lời: "Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá và lòng người."*

*Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*

(Hạt giống tâm hồn, tập 4, NXB Tổng hợp các tác phẩm Hồ Chí Minh, 2004)

**Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của câu chuyện trên.**

**GỢI Ý**

**1**. **Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận chính xác, hấp dẫn.

- Vấn đề nghị luận: hãy học cách tha thứ và biết trân trọng, khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý nghĩa câu chuyện**

-“Học cách viết nỗi đau buồn, thù hận trên cát” nghĩa là học cách tha thứ cho những ai đó đã gây ra cho ta những đau buồn, tai họa, bất hạnh trong cuộc đời.

-“Học cách khắc ghi những ân nghĩa trên đá” nghĩa là luôn biết trân trọng là khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn đối với những ai đã giúp đỡ ta, nhất là trong những hoàn cảnh éo le.

**b. Bàn luận**

- Đau buồn, thù hận là những điều không may, nỗi bất hạnh xảy ra không ai muốn. Đối với mỗi con người, trong cuộc đời ít nhiều cũng trải qua đau buồn, gặp những xung đột, mâu thuẫn có khi dẫn đến thù hận.

- Không tha thứ, bỏ qua, quên đi những chuyện đau buồn, oán hận, lỗi lầm người khác gây ra cho mình thì sẽ mãi gây ra mâu thuẫn, luôn sống trong thù hận, và gây thù hận cho nhau không chỉ ở thế hệ này mà còn ở cả các thế hệ sau.

- Ân nghĩa là những điều tốt, những điều luôn cần có trong mỗi con người. Ghi nhớ, không quên ân nghĩa là truyền thống đạo lí của dân tộc, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.

- Dân tộc ta sống vốn trọng tình nghĩa, có lòng vị tha (“Đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại”, “mình vì mọi người”)

**c. Đánh giá - mở rộng**

- Lời khuyên trên đúng với mỗi con người và luôn phù hợp với mỗi thời đại. Đây là một lời khuyên mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

- Phê phán lối sống vô ơn, cũng như những kẻ nuôi dưỡng mầm mống của thù hận.

- Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, đối với cái xấu, cái ác lộng hành, chúng ta không nên bàng quan, xem thường mà cần phải đấu tranh không khoan nhượng, có thế mới góp phần cái thiện tồn tại để phát triển và mới tạo điều kiện tốt cho những điều tốt đẹp, cho ân nghĩa trường tồn.

**d. Bài học nhận thức và hành động**

- Sống ân nghĩa và biết tha thứ là cách tốt nhất để nuôi dưỡng tâm hồn và làm cho cuộc sống của tatrở nên đẹp đẽ, thực sự có ý nghĩa.

- Bản thân mỗi người cần nỗ lực vượt lên lòng thù hận, sống nhân ái, vị tha, biết trọng ân nghĩa,

- Đó là nét đẹp trong nhân cách làm người là cách ứng xử cao thượng trong cuộc sống thường ngày, từ những điều nhỏ nhất.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định chung về ý nghĩa mà câu chuyện đã nêu ra: Hãy học cách tha thứ và biết trân trọng, khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn.

- Lời nhắn nhủ tới tất cả mọi người.

**Đề 5: Đọc kĩ đoạn truyện sau**

**TIẾNG THÌ THẦM CỦA SA MẠC**

*Một nhà thám hiểm đi tới vùng sa mạc, nhìn hết huớng này sang hướng khác nơi đâu cũng thấy toàn cát và cát, cát và gió, cát và nắng cháy. Lê gót trong tuyệt vọng ông vấp ngã và nằm vùi trong cát. Không còn đủ sức đứng lên, không còn chút hi vọng sống. Áp tai vào cát ông cảm nhận sự thinh lặng đáng sợ của sa mạc. Nhưng trong thinh lặng tuyệt đối ông bỗng nghe như có tiếng thì thầm từ đâu vang lại- hình như tiếng róc rách của một dòng suối.*

*Ông cố gắng vươn dậy, trườn về phía những âm thanh mơ hồ đó. Và ông đã vượt qua sa mạc. Kì diệu hơn ông bắt gặp dòng suối trong mát! Sự sống đã hồi sinh!*

**(Những câu chuyện về lẽ sống - internet)**

**Viết một bài luận về bài học cuộc sống mà em rút ra từ câu chuyện trên.**

**1. Mở bài :**

**- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận:** sức mạnh hay sự kì diệu của ước mơ, hi vọng trong cuộc sống.

**2. Thân bài :**

**a. Giải thích:**

- **Tiếng thì thầm của sa mạc** là câu chuyện về sức mạnh hay sự kì diệu của ước mơ, hi vọng.

- Ước mơ, hi vọng là thứ ánh sáng trong tâm hồn được thắp lên trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, khó khăn của cuộc sống và trở thành động lực, tạo nên sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua thử thách.

**b. Bình luận** - **Bàn luận, mở rộng vấn đề:**

- Hi vọng điều tốt đẹp sẽ đến là biểu hiện của niềm lạc quan, yêu sống. Khi đó điều hi vọng chính là mục tiêu vươn tới của con người...

- Ước mơ hi vọng tạo nên động lực, thôi thúc con người hành động, khơi thức lên trong tâm hồn ý chí và nghị lực, tạo nên nguồn sức mạnh phi thường để vượt qua tất cả những trở ngại trong cuộc sống.

- Cuộc sống không nên thiếu mơ ước, hi vọng nhưng không phải niềm hi vọng nào cũng mang ý nghĩa nhân sinh tích cực. Có những hi vọng hão huyền.... không bao giờ trở thành hiện thực, cần phê phán.

- Lại cũng có những con người luôn nản chí trước khó khăn, nhìn cuộc đời bằng cái nhìn chán nản, chẳng bao giờ biết mơ ước, hi vọng=> cuộc sống sẽ u buồn và khó thành công...

(***Học sinh cần dùng lí lẽ và dẫn chứng làm sáng rõ những ý trên)***

**c. Bài học nhận thức và hành động:**

- Luôn lạc quan trước cuộc sống. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng phải biết tự thắp lên ánh sáng của ước mơ, hi vọng.

- Mơ ước phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế, với năng lực bản thân.... và điều mơ ước phải gắn liền với những giá trị CHÂN, THIỆN, MĨ của cuộc sống.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 6: Suy nghĩ của em về câu chuyện sau:**

**CUỘC CHẠY ĐUA TRONG RỪNG**

*Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật nhanh nhất.*

*Ngựa Con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế. Chú sửa soạn không biết chán và mải mê soi bóng mình dưới dòng suối trong veo. Hình ảnh chú hiện lên với bộ đồ nâu tuyệt đẹp, với cái bờm dài được chải chuốt ra dáng một nhà vô địch…*

*Ngựa Cha thấy thế, bảo:*

*- Con trai à, con phải đến bác thợ rèn để xem lại bộ móng. Nó cần thiết cho cuộc đua hơn là bộ đồ đẹp.*

*Ngựa Con mắt không rời bóng mình dưới nước, ngúng nguẩy đáp:*

*- Cha yên tâm đi. Móng của con chắc chắn lắm! Con nhất định sẽ thắng mà!*

*Cuộc thi đã đến. Sáng sớm, bãi cỏ đông nghẹt. Chị em nhà Hươu sốt ruột gặm lá. Thỏ Trắng, Thỏ Xám thận trọng quan sát các đối thủ. Bác Quạ bay đi bay lại để giữ trật tự. Ngựa Con ung dung bước vào vạch xuất phát.*

*Tiếng hô “Bắt đầu!”vang lên. Các vận động viên hối hả bước vào cuộc đua. Vòng thứ nhất…Vòng thứ hai…Ngựa Con dẫn đầu bằng những bước sải dài khoẻ khoắn. Bỗng chú có cảm giác vướng vướng ở chân và giật mình thảng thốt: một cái móng lung lay rồi rời hẳn ra. Gai nhọn đâm vào chân làm Ngựa Con đau điếng. Chú chạy tập tễnh và cuối cùng dừng hẳn lại. Nhìn bạn bè lướt qua mặt, Ngựa Con đỏ hoe mắt, ân hận vì đã không làm theo lời dặn của cha.*

*(Trích Quà tặng cuộc sống)*

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu câu chuyện *Cuộc chạy đua trong rừng* và vấn đề gợi ra từ câu chuyện: Sự kiêu căng, tự mãn về khả năng của bản thân, tính chủ quan coi thường sự chuẩn bị, không rèn luyện thường xuyên… có thể khiến chúng ta đánh mất đi những cơ hội chiến thắng trong tầm tay, thậm chí còn phải chịu những thất bại nặng nề trong cuộc sống.

**2. Thân bài**

**a. Suy nghĩ về nội dung câu chuyện**

***-*** Ngựa Con có sức khỏe, tài năng và có nhiều cơ hội thể hiện mình để giành chiến thắng trong cuộc chạy đua nhưng vì quá kiêu căng, tự mãn về khả năng của bản thân, không chuẩn bị chu đáo, bỏ qua lời nhắc nhở của Ngựa Cha nên cuối cùng tự mình đánh mất cơ hội giành chiến thắng, phải chuốc lấy thất bại khiến chú cảm thấy tiếc nuối, hổ thẹn, vô cùng ân hận.

- Câu chuyện ngắn giản dị, gần gũi, sinh động nhưng chứa đựng bài học sâu sắc về hậu quả của sự chủ quan, tự mãn, coi thường lời góp ý chân thành của người khác.

**b.** **Bàn luận về bài học nhận thức mà câu chuyện đặt ra:**

- Trong cuộc sống sự tự tin là rất cần thiết, tự tin là khi con người nhận thức đầy đủ về khả năng, năng lực của mình. (*học sinh cầnlấydẫn chứng trong thực tế đời sống để chứng minh như trong lao động, trong học tập, trong thi đấu thể thao, thi đấu tài năng trí tuệ...*)

- Cuộc sống luôn chứa đựng những bất ngờ vượt ra ngoài sự hiểu biết và toan tính của con người. Vì vậy muốn đạt được thành công, mỗi cá nhân cần phải có sự rèn luyện thường xuyên, chuẩn bị kĩ càng, chu đáo để phát huy tối đa năng lực hiện có....

- Trước những thử thách, những bước ngoặt của cuộc sống, chúng ta cần phải thận trọng, bình tĩnh và biết lắng nghe các ý kiến tham gia.....

- Phê phán những người chủ quan, tự mãn không biết lắng nghe ý kiến đóng góp của người khác.

**c. Bài học liên hệ:**

- Phải trau dồi tích lũy kiến thức, thường xuyên rèn luyện kĩ năng, tính toán chuẩn bị chu đáo mọi việc, không được chủ quan, coi thường sự chuẩn bị cho dù là đối với những vấn đề nhỏ nhất, những công việc đơn giản nhất.

**3. Kết bài**

- Khẳng định câu chuyện để lại bài học sâu sắc về hậu quả của sự chủ quan, tự mãn đối với mỗi người...

- Liên hệ bản thân

**Đề 7: Đọc kĩ đoạn truyện sau**

*Người chìa tay và xin con một đồng.*

*Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng.*

*Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng.*

*Lần thứ ba con phải biết lắc đầu.*

*Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.*

*(Gửi con - Bùi Nguyễn Trường Kiên)*

**Suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề đặt ra trong mẩu chuyện trên?**

**1. Mở bài**

- Nêu vấn đề cần nghị luận

- Giới thiệu mẩu chuyện và cách ứng xử đúng đối với những người gặp khó khăn và những người sống ỷ lại.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý nghĩa mẩu chuyện**

- “Người chìa tay”- người ăn xin, người nghèo đói, khó khăn , túng thiếu, cần được giúp đỡ kịp thời để duy trì sự sống.

- Người chìa tay xin lần I, lần II: là người cần giúp đỡ

- Người chìa tay xin lần III, lần IV là những người ỷ lại vào sự giúp đỡ của người khác, là người thiếu tự trọng, thiếu ý thức vươn lên

- “tặng”, “biếu”- là cho đi với thái độ tôn trọng

- “lắc đầu”, “im lặng bước đi”: sự từ chối kiên quyết, dứt khoát

=> Ý nghĩa chung của mẩu chuyện:Thái độ ứng xử với những người đang gặp khó khăn, sẵn lòng chia sẻ giúp đỡ, nhưng cũng cần dứt khoát, kiên quyết từ chối nếu cảm nhận được sự ỷ lại trông chờ.

**b. Vì sao cần sẵn lòng chia sẻ giúp đỡ?**

- Đối với người đang gặp khó khăn: Tạm thời khắc phục, giải quyết được những khó khăn trước mắt, giúp họ có cuộc sống ổn định và tốt đẹp hơn

- Sự chia sẻ giúp đỡ kịp thời bằng thái độ chân thành, tôn trọng sẽ tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, tạo được môi trường sống đầy tính nhân văn…

- Người biết sẻ chia sẽ hoàn thiện hơn về nhân cách, tình yêu thương, lòng vị tha, làm đẹp thêm đạo lí sống: “ Thương người như thể thương thân”

**c. Vì sao cần dứt khoát chối từ khi cảm nhận được  người kia có tính ỷ lại?**

- Với những kẻ ỷ lại, trông chờ thì lòng tốt, sự giúp đỡ trở nên vô nghĩa

- Giúp đỡ những người như vậy là ta đã lãng phí lòng tốt, tạo điều kiện cho tính xấu ở con người phát triển, lười lao động…dẫn đến sự bất công trong xã hội

- Phải có thái độ cương quyết để cảnh tỉnh những người có thói quen sống nhờ, sống dựa

**d. Bàn luận, mở rộng vấn đề**

- Mẩu chuyện trên đề cập đến một vấn đề trong đời sống con người, trong xã hội nói chung, trong các mối quan hệ cá nhân nói riêng

+ Có không ít người đang gặp khó khăn, đang cần sự giúp đỡ để thay đổi số phận

+ Cũng có không ít những người sống ỷ lại, lạm dụng lòng tốt của mọi người xung quanh có thể họ quá kém cỏi, thiếu hiểu biết hoặc do lười biếng

- Biết ứng xử đúng đắn, vừa đáp ứng được những nhu cầu về đạo đức, vừa không lãng phí tâm sức tấm lòng của mình cho những trường hợp không đáng có luôn là lối sống đẹp và thông minh

**e Bài học nhận thức và hành động**

- Cần có sự hiểu biết tinh tường để phân biệt người cần giúp đỡ thực sự

- Cần bản lĩnh để nói lời từ chối

- Trau dồi lối sống đẹp: biết yêu thương, sẻ chia, biết nhìn nhận cuộc sống ở nhiều góc độ để có những hành động việc làm cho phù hợp.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Bài học cho bản thân

**Đề 8: Đọc kĩ đoạn truyện sau**

*Một gia đình nọ vừa dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật" - Cậu bé thốt lên. “Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.*

*Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ: “Mẹ nhìn kìa ! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạchsẽ, trắng tinh rồi!” Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.*

**Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên đây.**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

**2. Thân bài:**

**a. Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của câu chuyện:**

- Câu chuyện sử dụng những hình ảnh sống động để giúp ta thấy những thói quen thường thấy trong cuộc sống. Cậu bé quan sát tấm vải qua khung cửa sổ, thấy tấm vải màu đen sạm và kết luận người chủ tấm vải bẩn thỉu, không biết cách giặt giũ... Có vẻ như cậu là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình. Thậm chí cậu còn nghĩ tới cả giải pháp giúp người khác thay đổi. Đấy là điểm tích cực ở cậu.

- Tuy nhiên, đến một ngày, cậu bé thấy tấm vải trắng sáng. Lúc này, cậu mới thay đổi cách nghĩ về người chủ của nó: bà ấy bắt đầu biết giặt đồ, tấm vải bẩn thỉu đã trắng lên. Không ngờ, điều thay đổi không phải là tấm vải và người chủ của nó, điều thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu bé.

=> Cái nhìn thiên kiến, lệch lạc, mang tính chủ quan, áp đặt, thiếu chính xác.

**b. Vận dụng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định vấn đề:**

- Khung cửa sổ là ẩn dụ cho khung cửa tâm hồn. Cậu bé mắc phải tật xấu là đánh giá người khác qua cái nhìn chủ quan và đầy định kiến của mình. Bằng cái nhìn, ý nghĩ xấu về người khác thì cái gì dưới con mắt cậu cũng sẽ trở nên xấu mà thôi.

- Khi nhìn nhận bất cứ vấn đề gì, cần có cái nhìn toàn diện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thậm chí phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể để hiểu đúng vấn đề. Không nên chỉ nhìn bề ngoài để đánh giá bản chất. Cần có thời gian trải nghiệm để tự nhận ra bản chất của vấn đề.

- Cần dùng con mắt yêu thương để nhìn nhận vấn đề, có như vậy mới nhìn thấy được những điều tốt đẹp ẩn sâu bên trong dù bề ngoài có vẻ xù xì, xấu xí.

- Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Ta xuất phát từ động cơ gì, từ thiện chí ra sao đối với người khác. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như vội vàng đánh giá, kết luận, về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá cả mình.

- Học sinh lấy những ví dụ thực tế để làm sáng tỏ suy nghĩ, lí giải của mình: tờ giấy trắng và vết mực đen, cái nhìn của nhân vật ông giáo trong "Lão Hạc" của Nam Cao,...

**c. Bàn luận, mở rộng vấn đề, nêu ra bài học:**

- Phê phán những người có cái nhìn hẹp hòi với người khác, thiển cận, phiến diện theo kiểu "Thầy bói xem voi", hoặc "Ếch ngồi đáy giếng"...

- Trong cuộc đời cũng như thế: Mọi sự tuỳ thuộc vào sự sạch sẽ của khung cửa sổ tâm hồn mà qua đó chúng ta quan sát các sự việc! Con mắt là cửa sổ tâm hồn, ta hãy lau sạch cửa sổ tâm hồn của mình bằng sự thiện chí, công tâm, khách quan và cầu tiến. Ta cần trau dồi tri thức để có cái nhìn khoa học, chính xác, tiến bộ,...

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại ý nghĩa, tác dụng của vấn đề.

- Liên hệ bản thân...

**Đề 9:**

**THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT**

*Thượng đế lấy đất sét nắn ra con người. Khi Ngài nắn xong vẫn còn thừa ra một mẫu đất:  
- Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người? – Ngài hỏi.*

*Con người suy nghĩ một lúc thấy mình đã đầy đủ tay, chân, đầu, rồi nói:  
- Xin Ngài nắn cho con hạnh phúc.*

*Thượng đế đủ biết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:*

*- Này, tự đi và nắn lấy cho mình hạnh phúc.”*

**Suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện trên.**

**1. Mở bài:**

-Trong cuộc sống, có lẽ ai trong số chúng ta cũng điều mong muốn và khao khát có được hạnh phúc cho riêng bản thân mình. Hạnh phúc đôi khi là được làm những điều mà chính bản thân mình thích, là mỗi sớm mai thức dậy mở tung cánh cửa sổ đón cơn gió ùa vào căn phòng nhỏ, hay là khi chúng ta được lắng nghe, chia sẻ,m…Có những hạnh phúc thật đơn giản, bình dị. Nhưng để có được hạnh phúc trong cuộc sống, chúng ta đều phải nỗ lực kiếm tìm nó. Lịch sử nhân loại phát triển của nhân loại đã từng ghi nhận con người sinh ra từ hòn đất được nặn bởi bàn tay khéo léo của thượng đế - đấng toàn năng tối cao có khả năng biết trước được mọi chuyện. Vậy mà, hạnh phúc, tuy đôi khi chỉ là những điều bình dị, nhỏ nhặt nhưng ngay cả thượng đế cũng không biết được

- Câu chuyện “Thượng đế cũng không biết” đem đến cho người đọc những nhận thức về hạnh phúc.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích câu chuyện:**

- “Thượng đế”: đấng toàn năng tôi cao được nhân loại coi là sở hữu sức mạnh siêu phàm, có thể đoán biế trước được mọi chuyện, là người đã tạo nên loài ngừoi chúng ta nhưng lại là người không thể hiểu được hạnh phúc là gì, cho nên không thể nặn, không thể ban phát hạnh phúc cho con người

- “Con người”: được thượng đế trao tặng cho những bộ phận đầy đủ trên cơ thể con người, được trao tặng những giá trị vật chất nhưng lại không được sẵn có hạnh phúc - tinh thần. Thượng đế yêu cầu họ: “Này, tự đi và nắn lấy cho mình hạnh phúc” => tự tìm kiếm hạnh phúc

- “Hạnh phúc”: Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc của con người khi được thỏa mãn một nhu cầu nào đó mang tính trừu tượng. Hạnh phúc là một cảm xúc bậc cao, được cho rằng chỉ có ở loài người, nó mang tính nhân bản sâu sắc và thường chịu tác động của lý trí.

- “Không sẵn có”: không bày ra để con người chiếm lĩnh dễ dàng và tùy ý sử dụng.

- “Này, tự đi và nắn lấy cho mình hạnh phúc”: Hạnh phúc là một cuộc hành trình dài phấn đấu và nỗi lực, không phải là một món quà ban sẵn. Chỉ khi chúng ta tự kiếm tìm hạnh phúc cho chính bản thân mình, chúng ta mới có thể hiểu và tận hưởng trọn vẹn đầy đủ cảm giác ấy.

- “Hạnh phúc của một người là kết quả nỗ lực của chính anh ta, một khi anh ta đã biết nguyên liệu cần thiết của hạnh phúc chỉ là một ít can đảm, sự tự chối bỏ ở mức độ nhất định, tình yêu công việc, và trên hết, một lương tâm trong sạch.

=> Câu chuyện mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc: Hạnh phúc của mỗi người là kết quả nỗ lực của chính bản thân, một khi ta đã biết nguyên liệu cần thiết của hạnh phúc chỉ là một ít can đảm, sự tự chối bỏ ở mức độ nhất định, tình yêu công việc, và trên hết, một lương tâm trong sạch.

**b. Bàn luận - chứng minh:**

- Hạnh phúc không phải là thứ giá trị vật chất mà là giá trị tinh thần. Tùy vào quan niệm và mức độ thỏa mãn của mỗi người, hạnh phúc sẽ khác nhau. Có những người mong muốn có nhiều tiền, sống một cuộc sống giàu sang sung sướng, đó là hạnh phúc. Nhưng cũng có những người chỉ mong muốn một cuộc sống giản dị, bình yêu, đối với họ, đó cũng là hạnh phúc.

- Chính vì hạnh phúc xuất phát từ quan điểm và mức độ thỏa mãn của mỗi con người nên hạnh phúc phải cho chính con người tạo nên bằng những hành động cụ thể. Chỉ có tự tạo ra hạnh phúc, con người mới có thể thực sự cảm nhận được giá trị của hạnh phúc và tận hưởng cuộc sống một cách đầy đủ và ý nghĩa nhất

- Tuy nhiên, hạnh phúc do con người tạo ra phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và pháp luật. Hạnh phúc phải dựa trên lợi ích của cộng đồng chứ không phải vì thỏa mãn sở nguyện cá nhân.

- Phê phán lối sống dựa dẫm, ỷ lại trông chờ hoặc theo đuổi những hạnh phúc viển vông, mơ hồ.

+ Đa phần giới trẻ hiện, do sinh ra trong gia đình có điều kiện, nên ỷ lại dựa dẫm, chông trờ người khác đem hạnh phúc đến cho mình

+ Có những con ngừoi vì thỏa mãn lợi ích cá nhân mà sẵn sàng dùng mưu mô thủ đoạn hãm hại người khác, chà đạp lên lợi ích cộng đồng

- Chứng minh: trong văn học và trong đời sống.

**c. Bài học nhận thức và hành động.**

- Cần có nhận thức đúng đắn về hạnh phúc trong mối quan hệ với cuộc sống của bản thân. Biết cảm thông, chia sẻ, hài hòa giữa hạnh phúc cá nhân với hạnh phúc của mọi người.

- Biết vun đắp hạnh phúc bằng những việc làm cụ thể, biết trân trọng, gìn giữ hạnh phúc.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.

- Liên hệ mở rộng.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Nếu ví rằng cuộc sống là một bản nhạc với vô vàn những giai điệu trầm bổng khác nhau thì hạnh phúc lại chính là một nốt nhạc du dương để đưa con người hòa vào âm điệu của cuộc sống. Phải chăng vì thế mà con người cứ mải miết chờ đợi hạnh phúc sẽ tìm đến với mình không? Có một sự thật rằng hạnh phúc sẽ chẳng bao giờ tìm thấy hạnh phúc nếu như cứ cố gắng đợi chờ thành phần của hạnh phúc. Và chúng ta chỉ thực sự hạnh phúc khi tìm kiếm được ho mình một cảm giác vui vẻ và khát khao giữa cuộc đời. Một lần nữa, mẩu chuyện “Thượng đế cũng không biết” đã cho ta một nhìn nhận sâu sắc và đúng đắn về quan niệm của hạnh phúc. Bạn và tôi, chúng ta hãy cùng nhau dừng lại, để chầm chậm lắng nghe những giai điệu xô bồ của cuộc sống. Để trong bản nhạc ấy, chúng ta tìm kiếm cho mình một thứ gọi là hạnh phúc rất riêng…

Quả thật, câu chuyện mang một ý nghĩa rất sâu sắc. Hạnh phúc là một loại cảm giác tích cực, vừa vui mừng, vừa thỏa mãn khi chúng ta có được những điều tốt đẹp như mong đợi. Tất cả chúng ta đều khát khao được hạnh phúc, bình yên. Thế nhưng hạnh phúc của mỗi chúng ta mang sắc thái, hình hài hay hiện hữu như thế nào, điều ấy chỉ chính mình *"hiểu"*và *"cảm nhận được"*mà thôi. *"Thượng đế đủ biết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì"*cũng là vì lẽ đó. Dù thượng đế có mọi quyền năng có thể làm được tất cả, nhưng Ngài không thể *"hiểu" và "nắn" hạnh phúc* cho mỗi con người được. Bởi đối với mỗi trái tim, mỗi nhịp đập đều mang âm hưởng riêng của nó. Có người cho rằng: *"Hạnh phúc là biết cho đi chứ không phải nắm thật chặt", "Hạnh phúc là được yêu thương"*... Vâng! Hạnh phúc là gì còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, cách nhìn, cách cảm nhận của mỗi người, lại khác nhau trong từng giai đoạn của đời người nữa. Chính vì vậy, Thượng đế *"đủ biết" nhưng "không hiểu hạnh phúc"* rốt cuộc là gì đối với con người. Thế nên, để có được hạnh phúc, mỗi người phải *"tự đi và nắn lấy cho mình"*. Hạnh phúc là quá trình chứ không phải là đích đến. Để có được hạnh phúc, chúng ta phải tự mình đi tìm chứ không phải là đợi chờ người khác mang đến. Chúng ta phải nỗ lực phấn đấu để có được hạnh phúc, có như thế ta mới thật sự hiểu rõ ý nghĩa thật sự của nó.

Trôi theo từng cơn sóng của cuộc đời, con người như một hjat cát nhỏ vô danh giữa biển khơi, mặc cho từng đợt sóng cứ thế cuốn ta đi xa mãi. Mỗi hạt cát đều có một bến bờ hạnh phúc cho riêng mình. Có hạt cát nọ chỉ mong cơn sóng cứ dời mình đi, để hòa mình vào thiên nhiên hùng vĩ và ngắm nhìn mọi vẻ đẹp của tạo hóa ban tặng. Nhưng hạt cát kia lại không muốn như thế, mà chỉ muốn vùi mình vào sâu dưới đáy biển. Hạt cát ấy sẽ thấy hạnh phúc khi được đại dương che chở và bảo vệ. Có hạt cát chỉ muốn theo những cơn sóng để trở về với đất mẹ, nơi có tiếng cười nói của những người lái chèo, đượm nồng hơi thở của biển cả. Hạnh phúc đôi khi là một thứ gì đó thật giản đơn. Nó là một trạng thái tâm lý của con người khi ta cảm thấy thỏa mãn một nhu cầu nào đó thuộc về phạm vi đời sống tinh thần. Hạnh phúc không phải là một thứ mà ai khác có thể ban tặng cho bạn mà chính bạn phải tự mình tìm kiếm và khám phá ra nó. Tóm lại, mẩu chuyện nhỏ nới đề bài đã đưa ra một quan niệm đúng đắn về hạnh phúc của con người. Chúng ta chỉ thật sự cảm thấy hạnh phúc khi bản thân tìm ra được thành phần của hạnh phúc mà không phải có bất kì ai ban tặng.

Con người đều có những quan niệm về hạnh phúc rất riêng. Hạnh phúc đôi khi chỉ đơn giản là hôm nay bạn được sống và làm những gì mình thích. Hạnh phúc có khi là một niềm sẻ chia, cảm thông, yêu thương khi ta giúp đỡ những mảnh đời nghèo khó, những kiếp người cơ cực phải mưu sinh vì cơm, áo, gạo, tiền.. Hạnh phúc còn là một cảm giác vui sướng khi bạn nỗ lực, phấn đấu vì mục tiêu của chính mình đến khi bạn đạt được thành công. Kết thảy mọi thứ thuộc về ước muốn của con người đều trở thành một khái niệm về hạnh phúc, nó là một loại cảm giác, một loại tâm trạng, chỉ cần bạn hiểu được, nó tồn tại trong mọi ngóc ngách của cuộc sống. Có người ví hạnh phúc như một quả cầu thủy tinh, rơi xuống đất và vỡ ra làm nhiều mảnh, ai cũng có thể nhặt lên, người may mắn có thể nhặt được nhiều mảnh. Lúc nhặt miếng thủy tinh rơi, nếu như không cẩn thận, có thể bị cạnh sắc nhọn của mảnh vỡ làm đứt tay, khiến cho những người đi lượm hạnh phúc đau đớn không thôi. Thật ra, cuộc sống chính là mộc chút tổn thương, một chút suy sụp, một chút bất lực, một chủ cảm thán. Muốn có được hạnh phúc chỉ có thể dùng chính đôi tay của mình để cố gắng, để kiếm tìm và để thay đổi…

Tôi chợt nhớ đến câu nói của Roise Nguyễn trong cuốn sách “Mình nói gì về hạnh phúc”; “Chẳng có cớ gì để em không hạnh phúc”. Con người chắc chắn phải luôn khát khao, kiên trì theo đuổi một thứ mang tên là “hạnh phúc”. Tôi luôn tự hỏi mình rằng “Tôi thực sự đã hạnh phúc chưa?”, câu trả lời rằng: “Có!Tôi rất hạnh phúc”. Hạnh phúc đơn giản chỉ là mỗi sáng bạn thức dậy có thể ngắm nhìn ánh nắng ban mai bên khung cửa sổ, có thể chầm chậm lắng nghe tiếng chim líu lo trò chuyện ngoài khu vườn bên nhà. Hạnh phúc đơn giản chỉ là hôm nay bạn được sống, được hòa mình vào hơi thở của cuộc đời, được làm những gì bạn thích dù cho thế gian này rất mau chóng lụi tàn. Có những hạnh phúc đôi khi là sự tồn tại của bạn ở phút cuối cuộc đời, dẫu cho nó sẽ nhanh trôi vào hư không. Đó chính là hạnh phúc ủa Kito Aya, cô nữ sinh Nhật Bản phải đối mặt với căn bệnh thoái dậy sống tiểu não, đã mạnh mẽ và dũng cảm để sống những ngày trọn vẹn, yêu thương bên mọi người. Aya tâm sự: “Có những người mà sự tồn tại của họ giống như không khí êm dịu, nhẹ nhàng, chỉ khi họ mất đi người ta mới nhận ra họ quan trọng đến nhường nào. Mình muốn trở thành một sự tồn tại nhứ thế!”. Cuốn nhật kí “Một lít nước mắt” của cô đầy nghị lực và cảm động, đã truyền tải thông điệp mạnh mẽ về giá trị của cuộc sống. Đến tận cuối đời, Aya vẫn giữ trọn niềm tin yêu của mình với cuộc đời, với mọi người. Cuốn nhật kí của cô kết thúc bằng dòng chữ “cảm ơn”. Hạnh phúc đôi khi không cần là những mong muốn về vật chất hay tinh thần, hạnh phúc chỉ là những giây phút cuối cùng bạn được sống, được yêu thương cùng moi người. Chúng ta sẽ bất chợt nhận ra, hạnh phúc thật sự là mỗi khoảnh khắc chiếc kim đồng hồ chuyển động, là giây phút chúng ta hít từng hơi thở nồng nhiệt của cuộc đời, để có thể sống trọn vẹn từng giây, từng phút trôi qua dẫu cho phía trước đều là dĩ vãng.

Nhìn lại những năm tháng trôi qua, đã bao giờ bạn bất giác tự hỏi chính mình: “Hạnh phúc thật sự của bạn là gì?”. Nếu là khi còn nhỏ, có lẽ chúng ta sẽ khao khát có thật nhiều đồ chơi mới, khi lớn lên, ta lại mong ước có thật nhiều tiền để bươn chải với cuộc sống. Khi trưởng thành rồi, con người lại quên mất đi hạnh phúc ban đầu của chính mình là gì, thay vào đó, chúng ta lại tiếp tục đi tìm kiếm cho mình một hạnh phúc mới. Thế nên mới nói, hạnh phúc chẳng bao giờ cố định cả mà nó luôn thay đổi theo thời gian để phù hợp với nhu cầu của chính mình. Nhưng dù thứ hạnh phúc ấy xuất hiện từ đâu đi chăng nữa thì quá trình đó phải in dấu bước chân của bạn tìm tòi và khám phá ra. Hạnh phúc sẽ mất đi ý nghĩa thực sự nếu như bạn cứ mải chờ đợi nó sẽ đến với mình, chính nhạc sĩ Nguyễn Đông Thức chẳng phải đã từng viết:

*“Hạnh phúc như ngọc trong đá*

*Không đến với ai chỉ hời hợt đi qua*

*Hạnh phúc như một bông hoa*

*Không có ai không cần cù tìm lấy!”*

*(Ngọc trong đá)*

Ai đó đã từng nói rằng cuộc sống là một vườn hoa đầy hương sắc. Trong đó, cuộc đời của mỗi người lại giống như một cây đàn: phím trắng là vui vẻ, phím đen là đau thương. Nhưng chỉ khi hai phím trắng và đen cùng kết hợp thì mới tạo nên những giai điệu tuyệt vời cho khu vườn cuộc sống. Nếu như không thử thách mình tìm tòi, sáng tại và vượt qua những việc khó khăn, bạn sẽ chẳng thể tìm kiếm cho mình một hạnh phúc thật sự. Hãy nhìn xem! Giờ đây những đám mây mù mịt xuất hiện trong cuộc đời của bạn không còn là dấu hiệu của một cơn mưa nặng hạt hay một cơn bão giông đầy tàn phá nữa. Nó xuất hiện chỉ là để thêm màu sắc vào hành trình tìm kiếm hạnh phúc thật sự của bạn mà thôi! Thử nghĩ xem! Nếu như không có những khó khăn và thử thách do cuộc sống ban tặng, liệu rằng bạn có biết được mùi vị của hạnh phúc hay không? Không! Vì hết thảy chúng ta đều hầu hết xem thứ mà mình mong muốn có được chỉ là một thú vui trong khoảnh khắc. Thư cảm xúc ấy chỉ mang đến cho họ một sự hưng phấn nhất thời chứ không hẳn là lâu dài. Liệu rằng đó có phải là hạnh phúc thật sự hay không? Nên nhớ rằng, chỉ bằng những nỗ lực và kiên trì của chính bạn thì mới có thể tạo nên hạnh phúc quý giá. Khi bạn khám phá và tìm tòi ra hạnh phúc bằng chính đôi tay của mìnhthì mọi thứ mới dần trở nên có ý nghĩa hơn và đáng giá hơn. Đó chính là một niềm hạnh phúc tuyệt vời của chàng tiền đạo xứ Nghệ tài năng Nguyễn Công Phượng. Anh sống và lớn lên với một tuổi thơ cơ cự và từng bị đánh trượt tại lò đào tạo sông Lam Nghệ An. Nhưng với nghị lực sống và ý chí quyết tâm phi thường, anh không hề bỏ cuộc mà tiếp tục theo đuổi đam mêm của mình. Bằng sự kiên trì và nỗ lực không ngừng nghỉ, anh đã may mắn có mặt vào đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam và đã nhiều lần mang về thành tích vẻ vang cho dân tộc. Anh từng chia sẻ: “Hạnh phúc của tôi là mỗi ngày được cống hiến đam mê của mình cho đất nước. Tôi vẫn luôn cố gắng và nỗ lực phát huy hết tài năng của mình cho quê hương Việt Nam”. Có lẽ, hạnh phúc thật sự khi bạn không ngừng kiên trì và khám phá ra nó, tuy sẽ là một chút khó khăn, một chút gian khó, một chút mệt mỏi nhưng bản thân bạn sẽ cảm thấy thật an lòng!

Nhiều người cho rằng hạnh phúc phải là những thứ xa xỉ về vật chất hoặc tinh thần. Có người nọ sẽ mong muốn mình có thật nhiều tiền để vui chơi thỏa thích. Có người kia lại khao khát mình trở nên giỏi giang và thành đạt trong công việc và trong cuộc sống. Nhưng tôi thì không nghĩ vậy! Hạnh phúc trong tôi là một thứ gì đó thật đơn giản. Có lẽ, tôi cũng quan niệm hạnh phúc giống như Thanh Huyền đã từng viết:

*“Vậy đừng nói cuộc đời tẻ nhạt nhé em!*

*Tuổi mười tám vẫn còn khờ khạo lắm*

*Đừng tô vẽ một chân trời xa toàn màu hồng thắm*

*Hạnh phúc vẹn nguyên giữa cuộc đời thường!”*

*(Hạnh phúc)*

Phải! “Hạnh phúc vẹn nguyên giữa cuộc đời thường!”. Hạnh phúc là khi hôm nay tôi được yeu và được thương những mảnh đời nghèo khổ… Hạnh phúc là khi tôi được tay cầm tay để có thể sẻ chia, để có thể cảm thông, để trái tim tôi sưởi ấm những hồn thơ bé bỏng, không nơi vỗ về. Hạnh phúc là khi hôm nay tôi được nói tiếng yêu thương, được nâng niu và trân trọng những số phận cơ cực, những kiếp người còn lắm gian nan…

Hạnh phúc đôi khi chỉ là như thế thôi …

Chúng ta ngày nay cứ mải miết chạy theo nhịp sống vội vàng của xã hội mà quên mất đi ở đâu đó trong cuộc sống này còn có một mảnh đời cần ta yêu thương. Hạnh phúc không cần là một quả bóng xa vời vợi nằm ngoài tầm bắt, hạnh phúc chỉ có thể là đổng có thơm hương lúa, là gương mặt của những người quanh ta. Có những thứ hạnh phúc thật giản đơn mà khi mất đi rồi người ta mới cảm thấy nuối tiếc? Chúng ta cứ mải chạy theo những thứ hạnh phúc xa xỉ, hão huyền của cuộc đời mà quên mất đi niềm hạnh phúc đời thường vốn có. Thứ hạnh phúc ấy chính là sự khát khao và tâm niệm của cô bé Lê Thanh Thúy một người con gái lạc quan yêu đời với nụ cười hoa hướng dương đã phải đối mặt với căn bệnh ung thư và cái chết cận kề nhưng Thúy vẫn mạnh mẽ và sống trọng với niềm hạnh phúc của mình. Cô đã lập nên quỹ “Ước mơ của Thúy” để giúp đỡ các bệnh nhân ung thư khác. Tuy Thúy đã mất đi nhưng ước nguyện và niềm hạnh phúc được sẻ chia của chị vẫn còn mãi với đời. Hàng ngàn “Ngày hội hoa hướng dương” vẫn viết tiếp ước mơ của thúy và thu hút sự tham gia đông đảo của cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ! Dù chỉ là một niềm hạnh phúc đơn giản, nhưng bằng chính sự nỗ lực và kiên trì tìm tòi, Thúy đã thực hiện được những ước muốn chân thành của mình trong giây phút cuối đời.

Cho đến hôm nay, tôi lại một lần nữa hỏi chính mình “Tôi thật sự đã hạnh phúc chưa?”. Phải! Tôi thực sự hạnh phúc và hài lòng với tất cả những gì mình đang có. Tôi hạnh phúc vì mình được sinh ra và có mặt trên cuộc sống vĩnh hằng này. Tôi hạnh phúc vì mình được sống trong một gia đình với đủ đầy tình yêu thương. Đôi khi hạnh phúc không cần là những điều quá xa rời thực tế, hạnh phúc đơn giản chính là hành trình mà con người tìm tòi, khám phá ra những gì mình mong muốn và khát khao. Khi đã thực sự hạnh phúc, con người sẽ trở nên sống ý nghĩa hơn và luôn hướng về mọi thứ tốt đẹp. Hạnh phúc thật sự sẽ giúp chúng ta xua tan đi nỗi đau của quá khứ và những lỗi lầm của hiện tại, hạnh phúc được ví như một làn gió, nhẹ nhàng nâng đỡ con người ta lên trong những lúc khó khăn, tuyệt vọng, hướng con người đến những điều may mắn, tốt lành:

*“Khi ta đã say mùi hương chân lí*

*Đời đắng cay không một chút ngọt bùi*

*Đời đau buồn không một tiếng cười vui*

*Đời đen tối phải đi tìm ánh sáng!”*

*(Như những con tàu - Tố Hữu)*

Thế nên con người hãy chớ vội đau buồn vì những lỗi lầm và thất bại trong quá khứ, mà hãy hướng về phía ánh sáng của niềm tin, nơi mà những “chân trời” hạnh phúc đang chờ đợi ta phía trước! Nếu không bước đi bằng chính đôi chân của mình để tìm ra hạnh phúc thì những thứ mà hôm nay chúng ta đạt được chỉ đều là hư ảo, chóng tan như sương khói mà thôi! Nếu như con người tìm ra được một hạnh phúc ý nghĩa cho riêng mình thì đó chính là “chiếc chìa khóa” vạn năng để họ tiến đến bước đường của thành công!

Tôi đã từng quan niệm hạnh phúc giống như một ngọn gió ấm áp của mùa xuân, trước khi nó đến để sưởi ấm muôn loài thì phải trải qua một mùa đông giá rét. Nếu như không trải qua hành trình nỗ lực tìm tòi, lòng kiên trì vượt qua những khó khăn thử thách thì liệu rằng bạn sẽ tìm được cho mình một bến bờ hạnh phúc để dừng chân? Mọi người thường cho rằng: “Đời cứ an nhiên mà sống - Hạnh phúc sẽ tự tìm đến!”, nhưng tôi thì không nghĩ vậy. Đó chẳng qua chỉ là một cái cớ hoàn mỹ cho những kẻ chỉ thích lối sống bị động, họ luôn ảo tưởng rằng hạnh phúc là một con diều chăng? Nhưng họ quên rằng, con diều có thể vô tình bay đến nơi bạn nhưng nó cũng có thể quay lưng với bạn. Bởi vì hạnh phúc luôn không cố định, nó thay đổi  trong suốt quá trình chúng ta lớn lên và bị chi phối bởi suy nghĩ và hành động của mỗi người! Những kẻ chỉ biết cho rằng hạnh phúc là một con diều sẽ luôn sống với một trạng thái mong chờ hạnh phúc đến với mình. Cứ thế ngày qua ngày, những thứ mà họ ngóng trông không những không có mà họ lại đánh mất đi những cơ hội quý giá để đạt được hạnh phúc thật sự. Hay có những người ngày nay chỉ luôn sống vì quyền lực, vì tiền tài và danh vọng, họ ngày càng đánh mất đi thứ hạnh phúc vốn có ban đầu. Không những vậy mà trong xã hội ngày nay, họ trở nên có lối sống buông thả, có thể đe dọa, thậm chí là cướp đi hạnh phúc vốn có của bao người. Điển hình đó chính là các cuộc chiến tranh xâm lượn diễn ra trên quê hương Việt Nam vào những năm thập niên của thế kỉ 20 đã gây ra biết bao thương vong cho đồng bào dân tộc. Những kẻ chỉ vì quyền lợi cho riêng mình mà ngang nhiên gay ra nhiều cuộc chiến thảm khốc, biết bao nhiêu máu và nước mắt đã nhỏ xuống trên từng tấc đất quê hương, biết bao nhiêu niềm hạnh phúc chưa trọn vẹn bị vỡ tan khi cảnh vợ mất chồng, con mất cha,… biết bao những đôi mắt của trẻ thơ phải nhuốm lấy màu đỏ rực lệ của chiến tranh mà đáng lẽ đó phải là đôi mắt của niềm tin yêu sự lạc quan và hạnh phúc bé bỏng, những hạnh phúc chỉ có thể nhen nhuốm rồi cũng mau chóng lụi tàn đi …

Hạnh phúc là một thứ gì đó rất dễ nắm bắt nhưng nếu không nắm chặt thì nó sẽ vụt bay đi… Không phải bất kì hạnh phúc nào mà chúng ta cũng có thể phấn đấu, tìm tòi để lấy được. Có những hạnh phúc phải giành lấy từ người khác để mang về cho chính mình thì liệu rằng đó có phải là một hạnh phúc đúng nghĩa không? Người mất đi hạnh phúc sẽ khổ sở và đau đớn khôn nguôi, còn người giành được hạnh phúc sẽ cảm thấy vui mừng và hưng phấn trong một thời gian rồi cũng trở nên chán nản vì đó không phải là thứ hạnh phúc thật sự mà họ cần tìm. Chúng ta phải biết tìm tòi và khám phá ra hạnh phúc một cách đúng nghĩa, không nên vì một chút ham muốn nhất thời mà làm mất đi giá trị của hạnh phúc. Tất cả chúng ta đều có quyền và cơ hội trở thành một người hạnh phúc. Đừng chờ đợi ai đó mang đến cho mình hạnh phúc. Mỗi ngày là một cơ hội để chúng ta vượt lên những lo toan thường nhật, bước đến gần hơn cánh cửa hạnh phúc của mình. Vì thế, chúng ta cần học cách mở rộng tâm hồn mình, yêu thương bản thân hơn, quý trọng cuộc sống và những gì mình đang có. Bạn sẽ thấy mình là một người hạnh phúc. Khi ta biết trân trọng những gì mà mình đang có, hạnh phúc sẽ mỉm cười! Là một học sinh, tôi luôn phấn đấu và không ngừng nỗ lực để tìm ra cho mình một hạnh phúc thật sự. Dù cho hạnh phúc đang ở bất cứ nơi đâu tôi vẫn luôn tự hào vì mình có thể dùng đôi chân vững vàng để tìm thấy nó và chinh phục nó!

Cảm ơn mẩu chuyện “ Thượng đế cũng không biết” đã cho tôi một cái nhìn đúng đắn và sâu sắc hơn về hành trình tìm kiếm hạnh phúc. Có lẽ bất kì ai trong chúng ta cũng đã một lần tìm thấy hạnh phúc thuộc về riêng mình. Và trên hành trình đi tìm tòi để chạm vào những khát khao ước muốn của bản thân, ta sẽ chợt thấy những hạnh phúc ấy ở nơi chân trời xa, rất xa…Nơi có những niềm vui và ước mơ vẫn đang vẫy gọi ta trở về. Đừng bỏ cuộc mà hãy cố gắng chinh phục lấy chúng. Bởi lẽ, hạnh phúc vốn không ở đâu xa, hạnh phúc là tất cả những gì quanh ta, là chính ta:

*“Hạnh phúc ơi! Hạnh phúc ở thật gần*

*Nhưng không phải ai cần đều có được*

*Cuộc đời! Có những điều không biết trước*

*Hạnh phúc trong tay lại bước xa dần”.*

*(Hạnh phúc thật gần)*

**Đề 10: Đọc mẩu chuyện sau**

**NHỮNG BÀN TAY CÓNG**

*Hôm ấy, tôi đang dọn cho sạch mấy ngăn túi trong áo rét của con gái sáu tuổi thì phát hiện ở mỗi ngăn túi là một đôi găng tay. Nghĩ rằng một đôi thôi cũng đủ giữ tay ấm rồi, tôi hỏi con: “ Vì sao con mang tới hai đôi găng tay trong túi áo?”Con tôi trả lời: “Con làm vậy từ lâu rồi. Mẹ biết mà, có nhiều bạn đi học mà không có găng tay. Nếu con mang thêm một đôi, con có thể cho bạn mượn và tay bạn không bị lạnh”.*

*(Theo Tuổi mới lớn, NXB trẻ, 2017)*

**Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa, bài học từ câu chuyện trên.**

**1. Mở bài:**

- Con người ta được sinh ra, được sống trên đời đã là một hạnh phúc lớn. Nhưng có lẽ được sống trong lòng của những người khác còn là hạnh phúc lớn hơn. Điều tôi muốn nói tới ở đây chính là cảm giác yêu thương và được yêu thương. Có lẽ yêu thương chính là hạnh phúc lớn nhất của con người!

- Nếu có một gia vị làm tăng thêm hơi ấm và ý nghĩa trong cuộc sống thì đó chính là tình yêu thương. Neu có một tình cảm thiêng liêng giúp chúng ta vượt qua bao khó khăn, thử thách thì đó chính là tình yêu thương.

- Câu chuyện ngắn *Những bàn tay cóng* đã để lại trong ta những suy nghĩ thấm thía về tình yêu thương.

**2. Thân bài:**

**a. Tóm tắt và nêu ý nghĩa câu chuyện**

- Tóm tắt (Thí sinh tự tóm tắt).

- Ý nghĩa câu chuyện:Tình yêu thương, sự sẻ chia đùm bọc giữa con người với con người được thể hiện qua những suy nghĩ, việc làm rất hồn nhiên của em bé.

**b. Bàn bạc và chứng minh**

- Suy nghĩ và việc làm của em bé là hoàn toàn đúng vì trong xã hội của chúng ta có không ít người gặp hoàn cảnh khó khăn hoặc éo le, bất hạnh. Họ rất cần sự quan tâm, sẻ chia, giúp đờ của những người xung quanh đê có cuộc sống bình thường như bao người khác, để vượt lên vượt qua số phận (Thí sinh lấy dần chứng để chứng minh).

- Tình yêu thương đó cần được thể hiện ra bằng những hành động cụ thể, thiết thực. Ờ đây, việc làm của em bé tuy nhở nhưng ý nghĩa lại vô cùng lớn lao, chứng tỏ em đà biết quan tâm và giúp đờ các bạn xung quanh mình. Việc làm của em đã đánh thức, khơi dậy ở mỗi chúng ta những tình cảm tương tự như vậy (Thí sinh lấy dẫn chứng để chứng minh).

- Tình yêu thương luôn là nền tảng của đạo đức, là truyền thống đạo lí tốt đẹp của ông cha ta từ xưa cho đến nay mà chúng ta cần giừ gìn và phát huy.

- Xã hội không thê thiếu tình yêu thương, nhất là khi chúng ta gặp khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Hãy yêu thương tất cả mọi người và giúp đỡ nhau từ những việc làm nhỏ nhất đề cuộc đời tốt đẹp hơn!

- Hạnh phúc mà tình yêu thương đem lại dành cho cả hai phía:

+ Người cho đi yêu thương sẽ có cảm giác ngọt ngào, êm dịu và bình yên. Và họ cũng sẽ nhận lại được tình yêu thương từ người mình vừa trao tặng.

+ Người được nhận yêu thương thì có thể nhận được rất nhiều. Đối với một đứa trẻ thì đó có thể là mạch nguồn nuôi dường tâm hồn, suối nguồn tươi mát ươm mầm cho một trái tim nhạy cảm. Đó cũng có thể là sức mạnh cảm hóa, bến bờ quay lại đối với một bước chân lầm lỡ.

+ Tình yêu thương có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với những người được nhận mà còn khiến những người cho đi cảm thấy hạnh phúc hơn. Như Tố Hữu đã viết:

*Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lả phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.*

*(Một khúc ca xuân -* *Tố Hữu*)

- Có một câu châm ngôn rất ý nghĩa: “Khi ta tặng bạn hoa hồng thì tay ta còn vương mùi hương”. Ta sẽ hạnh phúc khi đem lại hạnh phúc cho người khác.

- Yêu thương đem lại hạnh phúc cho nhân loại! Vì vậy, hãy đề ngọn lửa ấm áp của lòng yêu thương soi sáng và sưởi ấm tất cả mọi nơi, kể cả những nơi tăm tối nhất trên Trái đất này.

**c. Đánh giá và mở rộng**

- Tình yêu thương chính là một trong những hành trang cần thiết và quan trọng trên đường đi của mỗi người. Chúng ta hãy mang tình yêu thương của mình vun đắp cho cuộc sống này ngày càng tốt đẹp hơn.

- Tình yêu thương là nhũng rung động giữa con người với con người, là lực hấp dẫn kéo con người ta xích lại gần nhau, tạo thành khối thống nhất. Cuộc sống thiếu vắng tình yêu thương thì môi liên kêt sẽ vô cùng lỏng lẻo, có thê đứt gãy bât kì lúc nào.

- Hãy dành thật nhiều tình yêu thương của mình cho mọi người. Có ai đó đã nói rằng cho đi một yêu thương, ta sẽ nhận lại một hạnh phúc xứng đáng.

**d. Bài học nhận thức và hành động**

- Tuổi trẻ là đối tượng phái mang trên mình nhiều trọng trách nhất với chính bản thân, gia đình và xã hội. Vì thế, trong muôn vàn điều phải học từ kho tàng tri thức nhân loại, phải nhận thức đúng đắn rằng tình yêu thương là đỉnh cao của nền văn minh. Hãy biết sống sẻ chia, cảm thông, thấu hiểu và hướng về cộng đồng, để hoàn thiện nhân cách mình và trở thành những công dân có ích.

- Cuộc sống hiện đại phức tạp, nền kinh tế thị trường phần nào ảnh hưởng đến suy nghĩ, lối sống của nhiều người nên tình yêu thương, tính cộng đồng càng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong thời đại ngày nay. Đặc biệt, lớp trẻ cần không ngừng tu dưỡng về đạo đức đê có một lối sống đẹp.

**3. Kết bài:**

- Trên thế gian này, không có vị thần nào đẹp hơn thần Mặt Trời, không có ngọn lửa nào đẹp hơn ngọn lửa yêu thương. Chúng ta hày mở rộng cánh cửa trái tim, mở rộng tấm lòng yêu thương, mang tình yêu đến với mọi người. Vì không những ta mang hạnh phúc đến cho mọi người, cho chính mình mà còn giúp những người bất hạnh hiểu rằng thế giới này vẫn vô cùng ấm áp tình người.

- Hạnh phúc thật sự chỉ đến khi bạn biết cho đi, chứ không phải nắm giữ thật chặt, hày đem tình thương của mình để gửi đến muôn nơi, như cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng nhắn nhủ với mọi người: *Sống trong đời sống, cân có một tám lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi.*

**Đề 11:**

**Nơi dựa**

*“Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?*

*Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào…*

*Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, hai bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.*

*Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.*

*Ai biết đâu, đưa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.*

*Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?*

*Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.*

*Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh, bước từng bước run rẩy.*

*Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.*

*Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách”.*

*(Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB văn học, Hà Nội, 1983)*

Từ ý nghĩa của văn bản trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống.

**1. Mở bài**

- Nhận xét khái quát câu chuyện:

- Nguyễn Đình Thi đã ghi lại cảm xúc của mình trong bài thơ “ Tia nắng” về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống bởi vì mỗi người trong chúng ta cũng cần có một điểm tựa hay một nơi dựa để có được một cuộc sống thành đạt, hạnh phúc.

2. Thân bài

**a. Giải thích được thế nào là nơi dựa và biểu hiện của nơi dựa**

+ Nơi dựa là chỗ dựa về mặt tinh thân, nơi để mỗi người nương tựa khi gặp khó khăn trong cuộc sống, là nơi tiếp cho họ sức mạnh, niềm tin, động lực trong hoạt động, là nơi mang lại cảm giác ấm áp, bình yên khi gặp sóng gió.

+ Nơi dựa trong bài thơ thể hiện ở biểu hiện bên ngoài, người phụ nữ là nơi dựa cho cậu bé, người chiến sĩ là nơi dựa cho bà cụ. Tuy nhiên ở khía cacnhj tinh thần, cậu bé cũng là nơi dựa cho người phụ nữ, bà cụ cũng là nơi dựa cho người chiến sĩ.

+ Trong cuộc sống có những nơi dựa khác nhau: về mặt vật chất thì đó là tiền bạc của cải… Xét về mặt tinh thần thì đó là nững người thân yêu trong gia đình như ông bà, cha mẹ, anh chị,… những bạn bè thân thiết, những kỉ niệm, những giá trị thiêng liêng, ưu điểm, mặt mạnh của bản thân…

**b. Bàn luận về ý nghĩa của nơi dựa:**

+ Giúp con người cảm thấy bình yên, thanh thản, vượt qua mọi khó khăn thử thách, có động lực để phấn đấu vươn lên…Ta cảm thấy vui, hạnh phúc, yên tâm, vững vàng trong cuộc sống (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng).

**c. Bài học về nơi dựa:**

+ Bất cứ ai cũng cần có một nơi dựa nhưng đồng thời lại là nơi dựa cho người khác.

+ Cần phải có thái độ trân trọng những nơi dựa tốt đẹp mà mình có được, đồng thời cũng là nơi dựa ý nghĩa cho người khác (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng)

+ Phê phán những người chỉ biết dụa dẫm, ỷ thế để làm điều xấu xa: những kiểu con ông cháu cha dựa vào quyền thế, tiền bạc của cha mẹ. Cũng cần lên án những kẻ chỉ biết lệ thuộc vào người khác mà không tin vào sức mình để vươn lên. Hoặc những nười chọn những nơi dựa không tốt để đạt được mục đích bằng bất cứ giá nào…

+ Qua bài thơ chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. Và như thế mọi bon chen, toan tính…lùi lại phía sau.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Bài học

**Đề 12:**

*Có hai xưởng sản xuất giày cùng phái người đến khảo sát thị trường ở châu Phi. Nhân viên của công ti thứ nhất sau khi đến nơi nhanh chóng báo về: “Người dân ở đây không có thói quen mang giày. Ngày mai, tôi sẽ đáp máy bay về nước.”*

*Trong khi đó, nhân viên của công ti thứ hai lại báo về một nội dung hoàn toàn khác: “Nơi đây đầy triển vọng vì chưa có ai mang giày cả. Chúng ta sẽ khai thác thị trường này.”*

(*Trích “Đạo lí sống đẹp” - NXB Thời đại)*

**Bài học gợi ra từ câu chuyện trên?**

**1. Yêu cầu chung**

Đảm bảo thể thức bài văn, hướng về chủ đề, suy nghĩ mới mẻ, diễn đạt trôi chảy bằng ngôn ngữ của mình, giàu chất văn chương, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**2. Yêu cầu cụ thể**

*- Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận*:

- Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và giới thiệu được vấn đề nghị luận, phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm nổi bật vấn đề; phần kết bài khái quát về vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân. Biết bình giá, liên hệ mở rộng, lời văn giàu hình ảnh và cảm xúc.

*Xác định đúng đúng vấn đề nghị luận:* Cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề của con người trong cuộc sống.

**3. Triển khai vấn đề nghị luận theo trình tự**

- Chia đối tượng nghị luận thành các khía cạnh, góc độ phù hợp, các đoạn văn được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận (trong đó phải có các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp, so sánh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.

**Bài làm có thể triển khai theo hướng sau:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu câu chuyện và vấn đề nghị luận: Cách nhìn sự việc của con người khác nhau, người thứ nhất với cái nhìn hạn hẹp bi quan; người thứ hai có cái nhìn bao quát hơn, tích cực hơn biết nhìn vào mặt lợi thế của sự việc.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát ý nghĩa câu chuyện, rút ra ý nghĩa vấn đề nghị luận**

- Giải thích nhan đề “Cách nhìn”: Cách nhìn là sự quan sát, đánh giá, quan niệm của mỗi người về hiện tượng, sự vật, con người, cuộc sống…

- Khái quát ý nghĩa của câu chuyện: Câu chuyện đề cập đến hai cách nhìn.

+ Nhân viên công ti thứ nhất: là cách nhìn xuất phát từ sự quan sát vội vã, lướt qua hiện tượng và vội vàng đưa ra kết luận theo cách an phận, bằng lòng chấp nhận thực tế. Cách nhìn này tiêu biểu  cho sự đánh giá nông cạn, hời hợt.

+ Cách nhìn của nhân viên công ti thứ hai: Là cách nhìn từ sự quan sát kĩ lưỡng, cẩn thận và đưa ra kết luận một cách tích cực, tao ra một cơ hội đầu tư, một hướng phát triển. Cách nhìn này biểu tượng cho sự đánh giá sâu sắc, thấu đáo.

- Bài học từ câu chuyện trên: Trong cuộc sống có khi cùng một vấn đề nhưng đem đến nhiều cách đánh giá khác nhau. Có những cách đánh giá chỉ dừng lại ở sự quan sát bên ngoài hiện tượng nhưng cũng có những cách đánh giá độc đáo, bất ngờ đem đến niềm tin, thúc đẩy hành động hướng tới thành công.

**b. Phân tích, chứng minh về ý nghĩa gợi ra từ câu chuyện**

- Cuộc sống muôn hình vạn trạng, cùng một sự việc xảy ra, cùng một vấn đề nhưng mỗi người lại có cách đánh giá khác nhau, cách giải quyết vấn đề khác nhau.

- Trong cuộc sống có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề đánh mất cơ hội, sự tự tin, lạc quan của con người. Cách nhìn này kìm hãm sự nỗ lực hành động vươn lên của con người. Nhưng trong cuộc sống cũng có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề tạo cơ hội, niềm tin, lạc quan của con người. Đó là cách nhìn tạo động lực giúp con người nỗ lực hành động để tạo ra những thành quả có ý nghĩa cho bản thân và xã hội.

- Để có được cách nhìn đúng đắn, tích cực con người cần có sự tinh nhạy, sắc bén, sâu sắc khi quan sát và suy xét thấu đáo vấn đề trước khi đưa ra kết luận. Quan trọng hơn là phải có niềm tin đối với đối tượng được nhìn nhận, đánh giá.

**c. Liên hệ, mở rộng, rút ra bài học**

- Phê phán những người có cái nhìn hời hợt, có cách đánh giá chủ quan theo cảm tính. Phê phán cái nhìn bi quan, thiếu tự tin…

- Khi nhìn nhận vấn đề không được vội vàng, hấp tấp chỉ nhìn hời hợt bên ngoài hiện tượng mà phải suy nghĩ kĩ lưỡng trước khi đưa ra kết luận, phải có trách nhiệm trước sự đánh giá của bản thân.

- Cần có cách nhìn lạc quan để phát hiện mặt tốt, mặt tích cực của sự vật, hiện tượng, con người…. Từ đó luôn biết vượt qua những khó khăn, thử thách để tạo cơ hội hướng tới mục đích cao cả.

**3. Kết bài**

- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.

**Đề 13:**

*"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ..."*

(Nam Cao, Lão Hạc)

**Từ tâm sự của nhân vật ông giáo thể hiện qua đoạn văn trên, em hãy trình bày những suy nghĩ của mình về vai trò của tình yêu thương đối với mỗi con người trong cuộc sống?**

Về kĩ năng: Học sinh biết viết bài văn (đoạn văn) nghị luận đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.

Về kiến thức: Cần đảm bảo một số ý

**1. Mở bài:**

- Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khẳng định tình yêu thương rất cần trong cuộc sống.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích**: Tình yêu thương là tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người. Đó là sự sẻ chia, thông cảm, đồng cảm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau... trong cuộc sống.

**b. Vai trò, ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống:**

- Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao. Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng)

- Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng)

- Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh.

- Bàn luận (Mở rộng):

+ Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thơ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại

+ Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng.

+ Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa.

+ Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng...

**c. Rút ra bài học nhận thức và hành động:**

- Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề: tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người.

**Đề 14:**

**Suy nghĩ về bài học cuộc sống mà em nhận được từ hai câu chuyện sau:**

**Câu chuyện 1**

*Một người nuôi trai lấy ngọc luôn suy nghĩ làm thế nào để tạo được viên ngọc trai tốt nhất, đẹp nhất trên đời. Ông ra bãi biển để chọn một hạt cát và hỏi từng hạt cát có muốn biến thành ngọc trai không. Các hạt cát đều lắc đầu nguầy nguậy khiến ông sắp tuyệt vọng.*

*Đúng lúc đó có một hạt cát đồng ý, các hạt cát khác đều giễu nó ngốc, chui đầu vào trong vỏ trai, xa lánh người thân, bạn bè, không thấy ánh mặt trời, trăng sao, gió mát, thậm chí thiếu cả không khí, chỉ có bóng tối, ướt lạnh, cô đơn, rất đau buồn, thử hỏi có đáng không? Nhưng hạt cát vẫn theo người nuôi trai về không một chút oán thán.*

*Vật đổi sao dời, mấy năm qua đi, hạt cát đã trở thành viên ngọc lung linh, đắt giá, còn những bạn bè chế giễu nó ngốc thì vẫn chỉ là những hạt cát…*

**Câu chuyện 2**

*Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt được vào bên trong cơ thể một con trai. Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai. Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một* *chất dẻo bọc quanh hạt cát.*

*Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...*

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận qua 2 câu chuyện.

**2. Thân bài:**

**a. Nội dung tư tưởng của hai câu chuyện**

**Câu chuyện 1:**

+ Người nuôi trai lấy ngọc hỏi từng hạt cát có muốn biến thành ngọc trai không: Cơ hội đổi đời cho các hạt cát.

+ Các hạt cát đều lắc đầu và cuối cùng vẫn chỉ là những hạt cát: Trong cuộc sống, có những người do ngại khó, ngại khổ, chưa nhận ra giá trị đằng sau những khó khăn, thử thách mà thiếu cố gắng, nỗ lực, thiếu ý chí quyết tâm…chấp nhận làm hạt cát bé nhỏ tầm thường.

+ Có một hạt cát chấp nhận chui đầu vào trong vỏ trai, trở thành viên ngọc lung linh: Con người chấp nhận cơ hội đổi đời, chấp nhận trải qua một quá trình gian nan, từ hạt cát tầm thường trở thành ngọc trai quý giá.

**Câu chuyện 2:**

+ Cơ thể con trai bị một hạt cát nhỏ chui vào gây nhiều khó chịu, và đau đớn: cuộc sống vốn tiềm ẩn thử thách biến cố bất thường.

+ Trước những khó khăn, biến cố đó, con người cần biết chấp nhận đối mặt với khó khăn, thử thách để vượt lên, hơn thế nữa cần kiên trì,nỗ lực, quyết tâm, chủ động biến thử thách thành cơ hội (con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát thành viên ngọc trai).

**b. Bàn luận về bài học cuộc sống từ hai câu chuyện.**

Hai câu chuyện đều đem đến bài học cuộc sống sâu sắc:

- Mỗi con người cần có ý chí, nghị lực, dám đối mặt và sẵn sàng chấp nhận khó khăn, gian khổ trong cuộc sống. Đó chính là mấu chốt của thành công.

Trong những hoàn cảnh đặc biệt, khi gặp biến cố bất thường hay phải đối diện với cái xấu… con người cần chủ động, quyết tâm, luôn có ý thức vượt qua để đạt tới thành công.

- Khó khăn, gian khổ cũng chính là điều kiện, là cơ hội để thử thách và tôi luyện ý chí con người. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành, tự khẳng định được mình, sống có ý nghĩa hơn và đóng góp cho cuộc đời nhiều hơn.

- Tuy nhiên cần phê phán những kẻ cơ hội chủ nghĩa vì quá tham vọng mà bất chấp tất cả, từ bỏ người thân, bạn bè để đạt được mục đích cá nhân

- Phê phán những con người sống hèn nhát, ngại khó, sống thụ động, thiếu ý chí nghị lực, niềm tin…chấp nhận những hạt cát vô danh, tầm thường có thể bị gục ngã thất bại bất cứ lúc nào trước sóng gió cuộc đời.

**c.** **Bài học nhận thức và hành động.**

- Mỗi con người cần có ý chí, nghị lực, dám đối mặt và sẵn sàng chấp nhận khó khăn, gian khổ trong cuộc sống. Đó chính là mấu chốt của thành công. Trong những hoàn cảnh đặc biệt, khi gặp biến cố bất thường hay phải đối diện với cái xấu… con người cần chủ động, quyết tâm, luôn có ý thức vượt qua để đạt tới thành công.

- Khó khăn, gian khổ cũng chính là điều kiện, là cơ hội để thử thách và tôi luyện ý chí con người. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành, tự khẳng định được mình, sống có ý nghĩa hơn và đóng góp cho cuộc đời nhiều hơn.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của 2 câu chuyện.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 15: Đọc thông tin sau**

*“Chiều ngày 28/02/2021, bé gái 3 tuổi rơi từ tầng 12A tòa nhà 60B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội xuống đất. Chứng kiến sự việc anh Nguyễn Ngọc Mạnh (31 tuổi, tài xế xe tải quê Đông Anh, Hà Nội) đã kịp trèo lên mái che sảnh tầng 1 hứng đỡ nạn nhân”. Anh Mạnh kể: “Khi đó, tôi đang ngồi trong ô tô, chuẩn bị đi chở hàng thì nghe tiếng la hét. Ban đầu, tôi nghĩ là vị phụ huynh nào quát mắng con. Lúc sau, tôi thấy có người kêu cứu. Chạy ra ngoài, tôi ngó lên trên thì thấy một bé gái đang bám ở lan can. Tôi lập tức bật tường, nhảy lên mái tôn che sân tầng 1 và đứng chờ bé gái”. Theo hình ảnh từ camera giám sát, trời mưa khiến anh Mạnh trượt ngã khi đứng trên mái che. Chưa kịp đứng dậy nhưng người đàn ông này nhanh tay hứng đỡ khi bé gái rơi xuống từ tầng cao. Nạn nhân thoát chết, còn mái tôn in hằn vết lõm sau pha va chạm mạnh”.*

*( Theo “Báo an ninh Thủ đô”)*

**Từ nội dung câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về sự cần thiết phải lan tỏa những việc tử tế trong xã hội ngày nay.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

**2. Thân bài**

**a. Giải thích được khái niệm:**

- Sống tử tế: là sống tốt với những người xung quanh, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ mọi người, không chỉ biết đến cá nhân mình. Những việc tử tế làm phục hồi các giá trị đạo đức chân chính, hướng tới xây dựng một cộng đồng xã hội tốt đẹp

=> Sống tử tế là lối sống tốt đẹp, cần có trong mỗi con người để làm xã hội ngày một tốt đẹp hơn.

**b. Bàn luận vấn đề:**

*- Sự cần thiết của việc lan tỏa lối sống tử tế:*

+ Lối sống tử tế đem lại niềm vui, sự hạnh phúc cho chính bản thân mình. Lối sống tử tế khi được lan tỏa sẽ khiến cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

+ Biết yêu thương những người xung quanh, cho đi - nhận lại yêu thương là điều đẹp đẽ và tuyệt vời nhất đối với chúng ta.

+ Trong xã hội ngày càng phát triển, con người ngày một vô cảm, tình yêu thương giữa con người với con người ngày càng trở thành món quà xa xỉ thì việc lan truyền những người tử tế, những việc tử tế càng trở nên quan trọng hơn.

*- Những hành động cần thiết để thực hiện điều tử tế:*

+ Luôn quan tâm, giúp đỡ những người quanh mình mà trước hết là những người thân: ông bà, cha mẹ…

+ Sống chân thành, mở rộng tấm lòng, cho đi bằng sự chân thật, không nghĩ đến những lợi ích khác.

+ Lên án những kẻ sống hời hợt, ích kỉ, chỉ biết nghĩ cho bản thân mình

*( Học sinh lấy dẫn chứng từ đời sống thực tế để chứng minh cho những luận điểm trên)*

**c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân**

**+** Trong môi trường sống đầy rẫy những việc không tử tế thì câu chuyện thực hành sự tử tế gặp không ít những thách thức. Tuy nhiên, tất cả đều có thể vượt qua nếu ta còn biết nghĩ đến mọi người.

**3. Kết bài**

+ Liên hệ bản thân: Em đã và sẽ làm gì để thực hiện lối sống tử tế?

**Đề 16: Bài học rút ra từ câu chuyện sau:**

**Hòn đá và những viên sỏi**

*Có câu chuyện kể lại rằng …*

*Ngày ấy, trên đỉnh núi cao chót vót kia có một hòn đá to lớn và hùng dũng. Hòn đá đó đứng hiên ngang trước mọi sóng gió, tưởng như một thành trì không thể xuyên thủng hay phá vỡ.*

*Thế nhưng, một ngày kia, mưa giông nổi lên. Hòn đá ấy bị những tia chớp đánh trúng, thế là nó nứt ra, dạn dần, rồi rơi vỡ và lăn lóc xuống lòng sông bên dưới nó. Những phần đá bị vỡ lăn lội trên lòng sông, bị bào mòn bởi dòng nước, bị đưa đẩy đi đến khắp mọi nơi. Dần dà, những góc sắc và cái bề mặt thô ráp của nó không còn, chỉ còn lại một bề mặt láng bóng. Chính nhờ sự rửa trôi và bào mòn của nước mà những hòn đá trở thành những hòn đá cuội lung linh trong nắng.*

**BÀI LÀM**

*“Ví không có cảnh đông tàn,*

*Thì sao có cảnh huy hoàng ngày xuân”.*

Đúng như vậy! Giống như bao hiện tượng của tự nhiên, cuộc sống của muôn loài, cuộc đời của mỗi người là một hành trình mà ở đó ta phải vượt qua những gian nan trắc trở để có thể về đích và thành công. Cuộc sống như một chặng đường dài, chắc hẳn ở đó mỗi người phải gặp giông tố cản bước, nhưng điều quan trọng là ta có chiến thắng số phận được không. Mượn hình ảnh về một cuộc hành trình đầy gian nan của một tảng đá, câu chuyện Hòn đá và những viên sỏi là một ẩn dụ cho sự cố gắng vươn lên vượt qua khó khăn của con người và để lại cho người đọc những bài học sâu sắc.

Câu chuyện nhỏ Hòn đá và những viên sỏikể về hành trình hoàn thiện của hòn đá. Xưa kia, hòn đá ấy là tảng đá khổng lồ, trải qua sự khắc nghiệt của tự nhiên tảng đá đó bị nứt nẻ va đập, thương tích… thế nhưng, do được va chạm như vậy nên tảng đá to lớn ngày nào giờ đã biến thành một hòn sỏi láng mịn. Quá trình tảng đá to lớn kia biến thành hòn sỏi xinh đẹp tượng trưng cho quá trình rèn luyện bản thân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách để có thể hoàn thiện chính mình. Tảng đá trên ý vẫn có thể biến thành viên sỏi xinh đẹp, thì con người ta dù có thế nào đi chăng nữa nếu có cố gắng rèn rũa, tôi luyện bản thân thì sẽ đạt được những điều quý giá mà công sức ta bỏ ra, đem lại. Như vậy, hành trình tiến đến sự hoàn thiện bản thân là một quá trình dài, gian nan, vất vả, thế nhưng hành trình thành công nó đem lại thì luôn đẹp đẽ đến bất ngờ.

Trong cuộc sống mỗi người là một cá thể độc lập, nên đối mặt với những khó khăn thử thách là điều không thể tránh khỏi. Sự đối mặt đó không phải dẫn ta đến thất bại, mà ngược lại nó giúp mỗi người được rèn giũa được tôi luyện nhân cách bản thân, khiến mỗi người được hoàn thiện hơn. Cuộc sống như một đường chạy vậy, trên đường chạy đó không phải lúc nào cũng bằng phẳng để đi, mà cũng có lúc phải gặp ngoằn nghèo như thách thức mỗi con người. Đừng nhìn con đường ấy là một sự thử thách, bởi cuộc đời mỗi người nếu không có gian nan, không có khó khăn vất vả thì sao chúng ta có thể trưởng thành, có thể chín chắn và hoàn thiện. Mỗi người trong chúng ta là một cá thể độc lập và luôn sống trong cộng đồng. Nếu như không biết vượt qua khó khăn, thử thách thì khó khăn nhân cách tốt đẹp và ý chí cao cả. Nếu con đường họ đi chỉ là một con đường trải thảm đỏ và hoa hồng thì cuộc sống đó thật buồn, thật bằng phẳng và không có gì thú vị. Những gian nan trong cuộc đời là những cột mốc đánh dấu mỗi người đã trưởng thành. Những người giám đương đầu với chúng, giám vượt qua chúng là những người đáng ngưỡng mộ. Không có việc gì là khó, tất cả chỉ như một chướng ngại vật để thử thách con người, nếu mỗi người dám vượt qua nó thì đó là sự hoàn thiện, là sự cố gắng đánh tôn vinh, biểu dương.

Trên con đường khó khăn để hoàn thiện bản thân mình có những lúc ta phải gặp những thất bại, thậm chí chính mình thấy gục ngã. Những con người đường đến với cái đẹp, cái hoàn thiện là một con đường vừa khó, vừa dài. Mỗi người cần biết vượt lên để chinh phục con đường đó, bởi thành quả nó đem lại cũng lớn lao vinh dự vô cùng. Đã có ý kiến cho rằng, “trên con đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”. Thất bại trong cuộc đời là điều dễ thấy, nhưng điều quan trọng là mỗi người có dám tiếp tục đứng lên để đấu tranh tiếp với khó khăn hay là gục ngã đầu hàng. Cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama đã từng nói “bạn đừng để thất bại định hình mình, mà hãy để nó dạy cho mình những bài học”. Cuộc sống khó khăn có lúc thất bại đó, nhưng nó không là vô nghĩa bởi đằng sau đó ta nhận được những điều quý giá trong cuộc sống, trong cách hành xử… để đến với thành công. Mỗi người trong quãng đường đời mà mình chạy cần phải biết đối mặt với khó khăn, thử thách bởi đó chính là con đường ngắn nhất, dễ dàng nhất để hoàn thiện mình. Trong thực tế cuộc sống, đã có không ít tấm gương dũng cảm đối đầu với thử thách cuộc đời để đến với thành công, tiêu biểu trong số đó là nhà soạn kịch vĩ đại người Đức Beethoven. Sinh ra là một người khiếm thính, sau đó bị điếc và câm hoàn toàn, tưởng chừng con người đó đành cam chịu số phận nghiệt ngã. Nhưng không! Ông đã cố gắng với mọi những gì mình có để tiến đến với sự nghiệp âm nhạc tưởng như không thể. Và điều đó đã thành công! Từ một người câm điếc Beethoven đã trở thành một nhà soạn nhạc vĩ đại của thế giới, là gương mặt tiêu biểu của âm nhạc giao thời được mọi người biết đến và thán phục.

Hay đến với thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký, người thầy kính mến của dân tộc ta. Sinh ra thiệt thòi hơn so với các bạn cùng trang lứa, thầy bị cụt cả hai tay tưởng rằng ước mơ đi học sẽ dừng lại ở đó. Thế nhưng không! thầy đã cố gắng viết bằng chân để hiện được ước mơ đó. Thầy đã dũng cảm đối mặt với khó khăn cuộc đời, những ngày tập viết có lúc cơn chuột rút khiến thầy đau tê tái, nhưng vượt qua mọi điều đó thầy đã viết thành thạo được bằng chân. Giờ đây thầy đã là một nhà giáo ưu tú, trở thành một tấm gương sáng mà các thế hệ học sinh vô cùng yêu mến bởi ý chí, nghị lực phi thường.

Mượn lời của tảng đá kể về một cuộc hành trình của mình bằng lối nói ẩn dụ, câu chuyện tuy ngắn nhưng đem lại bao ý nghĩa nhân sinh sâu sắc. Trong cuộc đời mỗi con người, khó khăn thử thách là điều không thể tránh khỏi. Nhưng không phải khó khăn thử thách là sự vô nghĩa, thách đố con người, mà đó là bài học, là phương châm đem con người ta đến cái hoàn thiện của nhân cách, của đạo đức tâm hồn. Không vượt qua khó khăn thử thách, chỉ sống một cách êm đềm thì đó là cuộc sống vô nghĩa, là một cuộc sống nhàm chán. Vượt qua được những thử thách trong cuộc đời đích mỗi người chúng ta đã trưởng thành hơn trong cuộc sống, đã chín chắn hơn với bước đi của thời gian. Sống với sự đương đầu, vượt qua giông tố đến với thành công là một lối sống mạnh mẽ đáng được học hỏi, tuyên dương. Tuy nhiên trong xã hội hiện nay bên cạnh những người sống có động lực sống để vượt qua khó khăn thử thách, thì vẫn còn một số người sống vô trách nhiệm, sống thụ động ngại khó khăn, ngại khổ, ngại thử thách, gian nan. Đó chính là một lối sống yếu đuối, một lối sống phẳng lặng không có ý nghĩa, không có chủ đích. Cách sống đó cần phải lên án, tố cáo loại bỏ khỏi cộng đồng và xã hội này.

Sống trên cuộc đời là một con đường đầy vất vả, gian nan và thử thách, nhưng những thử thách đó không làm nhụt được ý chí của con người. Mỗi người chúng ta phải biết sống mạnh mẽ, sống giám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám đối mặt với bão tố của cuộc đời. Đó là cách duy nhất để mỗi chúng ta hoàn thiện được bản thân, hoàn thiện được nhân cách và đạo đức của mình.

Bản thân đang là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, sinh ra trong một dân tộc giàu tính tự lập và được vượt khó khăn, mỗi chúng ta phải tự rèn dũa bản thân, tôi luyện con người để có thể trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước, góp phần xây dựng quê hương ngày một văn minh, giàu đẹp hơn.

Trong nhật ký của mình, Đặng Thùy Trâm có viết: “Đời người phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. Đúng như vậy! Một hòn đá to lớn trải qua quá trình của tạo hóa, nó đã biến thành một viên sỏi xinh đẹp. Và mỗi con người cũng thế, phải trải qua khó khăn, thử thách của thời gian, của ý chí nghị lực, thì mới có thể hoàn thiện mình, khiến mình trở thành người hoàn thiện, có một công dân hoàn thiện có ích cho xã hội, cho đất nước.

**CÁC ĐỀ NGHỊ LUẬN VỀ BỨC TRANH**

**ĐỀ 1: Suy nghĩ về ý nghĩa gợi ra từ hai bức hình bên dưới:**



**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Giải thích bức hình: Ta dễ dàng nhìn thấy bức hình đầu tiên ánh mắt khó chịu bực bội trước việc làm và sự sáng tạo của người khác. Bức hình sau là ánh mắt thái độ của quả trứng khó chịu bực tức khi đôi bạn trứng kia thân thiết với nhau.

=> Từ hai bức hình ta nhận thấy thói xấu thường gặp trong cuộc sống đó là sự đố kỵ ghen tỵ với người khác trước những gì họ có, họ làm được…

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích:***

- Đố kị là gì: là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác.

***b. Biểu hiện của lòng đố kỵ:***

- Nhìn hai bức hình ta thấy rõ ánh mắt của người đó kị với cảm giác tức tối bực bội khi người khác hơn mình, thân thiết hơn mình hay ganh ghét với những người giỏi hơn mình…

- Khi người có lòng đố kị họ có thể đặt điều nói xấu, bôi nhọ thanh danh của người khác. Đứng trước tài năng hay những thành tựu của người khác thay vì ngưỡng mộ hay công nhận thì người có lòng đố kị lại tỏ ra khó chịu, phủ nhận những thành tựu, tài năng ấy bằng những lời nói, suy nghĩ hay những hành động tiêu cực.

*Dẫn chứng: trong một lớp học khi thấy bạn học của mình đạt điểm cao trong môn học nào đó, người có lòng đố kị sẽ tỏ ra không vui, thậm chí cho rằng kết quả ấy chỉ là sự may mắn mà hoàn toàn phủ nhận đi sự cố gắng, tài năng của bạn học nọ. Trong một công ty, nhân viên trong cùng một nhóm cùng tham gia thi đua đạt thành tích nhân ngày Quốc tế lao động ngày 1 tháng 5. Khi nhân viên có thành tích xuất sắc nhất được công bố, không đạt được kết quả như ý muốn người có lòng ghen tị sẽ tỏ ra bất mãn, hoài nghi với kết quả ấy, cũng có thể là đặt điều, nói xấu, lôi kéo "đồng bọn" để cùng nói xấu, thỏa mãn sự ích kỉ của mình mà không hề xét đến sự cố gắng chưa đủ của bản thân mình. Hoặc chẳng hạn cùng là hàng xóm với nhau gia đình bên cạnh họ hơn về tài chính hay con họ giỏi hơn con mình thì cũng đố kị tìm cách đặt điều nói xấu, hạ bệ họ làm sao để mình hơn họ.*

***c. Nguyên nhân dẫn đến lòng đố kị:***

- Thiếu tự tin, mặc cảm hay do tự ti về bản thân.

- Lòng đố kị xuất phát từ những người luôn bất mãn với cuộc sống của mình và từ đó ghen tị với người khác.

- Xuất phát từ tâm lý hơn thua hiếu thắng của mỗi người.

***d. Tác hại của lòng đố kị:***

- Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác. Tính đố kị còn khiến con người tự tách mình ra khỏi những mối quan hệ, làm cho những tình cảm vốn tốt đẹp trở nên ố màu, rạn nứt. Nếu duy trì thói quen soi mói, đố kị quá lâu con người sẽ trở nên cô độc trong chính mối quan hệ của mình

- Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân: Con người có tính đố kị họ sẽ tìm đủ mọi cách để kìm hãm phát triển của người khác và cũng ảnh hưởng đến cộng đồng khi ta tìm cách soi mói người khác thì ảnh hưởng đến công việc của mình cũng như của họ sẽ làm chậm tiến độ công việc..

- Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lí tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.

- Tính đố kị sẽ làm cho những đức tính tốt lu mờ và thay vào đó từ đố kị con sẽ thêm các tính xấu khác như ích kỉ nhỏ nhen,.luôn tỏ thái độ khinh ghét với người khác, có thể nảy sinh những hành động phá hoại, ngăn cản người khác bằng những việc làm thiếu minh bạch.

- Có tính đố kị, tầm nhìn và sự quan tâm của con người bị che mờ bởi sự ích kỉ nhỏ nhen, bởi vậy họ chỉ chăm chăm soi xét, bắt lỗi người khác mà trở nên dễ dãi với bản thân mình, tự cho mình quyền phán xét, đánh giá người khác. Khi không biết học hỏi, cố gắng để tự hoàn thiện mình thì người có lòng đố kị cũng chẳng thể phát triển trong xã hội vốn có nhiều khó khăn, thử thách này.

***e. Giải pháp:***

- Để không ngừng vươn lên, khẳng định giá trị bản thân, thay vì ích kỉ, đố kị với người khác, hãy tự đặt ra những mục tiêu phát triển, nhìn vào điểm tốt, thế mạnh của người khác để học hỏi. Như thế tạo ra được những thành tích đáng ngưỡng mộ mà còn loại bỏ được tâm lí tự ti, ích kỉ, soi xét người khác bằng con mắt khó chịu. Khi bạn nhìn mọi việc ở chiều hướng tiêu cực, suy nghĩ của bạn cũng sẽ thoải mái, khi đặt cái nhìn định kiến, ghen ghét đố kị thì chính bản thân bạn là nạn nhân của những phản ứng tâm lí tiêu cực ấy.

- Hãy công nhận người khác nếu họ thực sự xuất sắc, sống bao dung, tích cực, không ngừng học hỏi để cởi trói cho những ràng buộc trong đời sống tình cảm và duy trì những mối quan hệ tốt đẹp xung quanh mình. Con người không có lòng đố kị là một con người tự do không lo âu một con người thanh thản thoải mái với cuộc sống. Khi họ đó không cần phải tính toán, tìm cách hại người khác. Khi mình có một cuộc sống không ganh đua ghen ghét đố kị, sống hết mình sống với những ước mơ của mình thì cuộc sống đấy mới có ý nghĩa.

**3. Bài học nhận thức và hành động**

- Bức hình là lời nhắc nhở cho chúng ta: Lòng đố kị là tính xấu của con người cần phải loại trừ, con người cần có lòng cao thượng khoan dung rộng rãi.Cạnh tranh lành mạnh, cố gắng hết sức để vượt qua khó khăn.

- Còn ngồi trong ghế nhà trường thì hãy cố gắng loại bỏ lòng đố kị đi và thay vào đó là hãy giúp đỡ nhau cùng nhau học tập và phát triển bản thân. Chúng ta cố gắng rèn luyện học tập chăm chỉ và tự hào về bản thân mình và hãy học tập những đức tính tốt của người khác.

**ĐỀ 2: Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đặt ra trong bức hình sau:**



**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Quan sát bức hình ta thấy hình ảnh người đàn ông ngồi đọc báo trên chiếc ghế sang trọng, phía dưới chân gác lên trên bục kê, bên cạnh bục kê xinh đẹp sang trọng ấy là đôi giày, trên tay phải của ông cầm điếu thuốc đang hút khói bốc lên. Sẽ không có gì đáng suy nghĩ lắm nếu bên cạnh đó là người phụ nữ cầm cái chổi lom khom quét dọn.

=> Bức hình gợi cho người xem thấy được thói sống dễ bắt gặp ở một bộ phận người: thói vô trách nhiệm.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích khái niệm vô trách nhiệm:***

- Vô trách nhiệm là thái độ không nhiệt tình, không quan tâm, thờ ơ, mặc kệ, làm không triệt để tới bất cứ một vấn đề gì đó thuộc phạm vi quản lí của bản thân.

- Thói vô trách nhiệm được ví với một loại axit vô hình, loại axit này không nhìn thấy được bằng mắt thường và như vậy, vô hình chung nó gây ra tổn thất khá nặng nề, ăn mòn cả xã hội mà chúng ta không hề hay biết.

***b. Biểu hiện của thói vô trách nhiệm:***

- Không quan tâm, thờ ơ với mọi người xung quanh.

- Có lối sống buông thả, tới đâu hay tới đó.

- Luôn thờ ơ với công việc, không có ý thức khi làm việc.

- Thờ ơ, mặc kệ với bạn bè, gia đình, người thân..

*Dẫn chứng: Chồng chỉ biết đi làm về nhà cho rằng mọi việc nhà cửa là của phụ nữ nên phó mặc, về đến nhà chỉ việc nghĩ ngơi. Như người đàn ông trong bức hình trên không quan tâm nhà cửa công việc nhà như thế nào, mặc cho vợ quét dọn mình có thể hút thuốc xã tàn thuốc ngay trên nền nhà, xã khói thước bay khắp nhà, đeo cả giày vào nhà co chân gác cao lên cho sạch chân mình mặc cho vợ ra sức quét dọn lau chùi…*

- Luôn cho rằng mình đúng, luôn chối bỏ những điều mình làm sai, không chịu nhận lỗi sửa sai

*Dẫn chứng: con cái đuổi đánh cha mẹ già ra ngoài đường. Hay những cặp bố mẹ trẻ bỏ mặc những đứa trẻ tại cửa chùa, thậm chí là bãi rác… Trên đường phố, chúng ta sẽ bắt gặp những bạn trẻ, hoặc những nạn nhân bị hành hung nhưng lại có những người thản nhiên phớt lờ, thậm chí là đứng lại hò reo, quay clip.*

***c. Tác hại, hậu quả của thói vô trách nhiệm:***

- Tạo ra những sản phẩm không hoàn thiện, tạo ra những nhân cách không hoàn hảo.

- Chất lượng công việc không cao.

- Làm cho đạo đức của con người dần đi xuống

- Mối quan hệ giữa con người với con người ngày càng xa cách.

- Kìm hãm sự phát triển của đất nước.

**\*  Mở rộng:**

- Cuộc sống của mỗi người do mỗi người tự lựa chọn và định hướng, hãy trở thành một người để người khác học tập theo.

- Khi chúng ta rèn luyện được đức tính “trách nhiệm”, ta sẽ rèn luyện được nhiều đức tính quý báu khác.

*Dẫn chứng: Hình ảnh cô cảnh sát giao thông đưa người già qua đường giữa làn xe tấp nập ở cung đường Nam Kỳ Khởi nghĩa - Võ Thị Sáu ở Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh mà các cơ quan thông tấn báo chí gần đây đưa tin là những hình ảnh thật đẹp về tinh thần trách nhiệm. Rõ ràng đó là những hình ảnh đẹp, nó toát ra từ nhân phẩm của cá nhân được rèn luyện nghiêm túc. Dù phải sống cùng với căn bệnh ung thư xương đang di căn từng ngày vào cơ thế nhưng Sinh viên Nguyễn Thị Ngọc Hân vẫn sống đẹp dù trong tuyệt vọng. Với cánh tay phải, Hân vẫn miệt mài hàng giờ bên tờ báo tường của lớp, nắn nót từng nét chữ tươi rói màu mực cho ngày lễ 20-11 của lớp trọn vẹn. Những đêm khuya, bà Trần Thị Tư - mẹ Hân - canh cánh trong lòng khi con gái vẫn ngồi bên bàn viết miệt mài với những bài văn, con toán của năm cuối cấp. Hân ngồi lặng lẽ trên phản, trở mình với từng trang giấy được lật, bài học không bỏ phí một ngày. Đó chính là một biểu tượng về tinh thần trách nhiệm với chính bản thân mình, không gục ngã trước nghịch cảnh dù đời sống của Ngọc Hân chẳng còn bao lâu nữa. Hình như em đã đang ở cuối con đường.*

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Từ bức hình ta nhận được bài học cho mình trong cuộc sống: Làm việc có kế hoạch và hoàn thành theo đúng chỉ tiêu và thời gian.Lưu tâm tới tất cả những gì thuộc trách nhiệm sở hữu của bản thân.

- Bản thân mỗi người cần nhận thức rõ về tác hại của thói vô trách nhiệm để không mắc phải.Không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc và trong cuộc sống.

- Liên hệ bản thân…

**ĐỀ 3: Quan sát hai bức hình dưới và nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa mà bức hình gợi ra.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Bức hình trước là hình ảnh gia đình lý tưởng có đủ bố mẹ và hai con đang vui đùa hạnh phúc trong buổi chiều tà, đây là thời gian mà nhà nhà tụ họp quây quần sau một ngày làm việc học tập, bởi thế ai đi xa cũng nhớ nhà nhớ gia đình là vậy, bức hình gợi cho người xem có cảm giác hạnh phúc, vui vẻ, ấm áp.

- Hình sau là cảnh một gia đình đình truyền thống cớ cả ông bà bố mẹ con cháu quây quần bên nhau, nhìn gương mặt ai nấy vui vẻ, an nhiên ta cảm nhận được niềm vui hạnh phúc từ mái ấm gia đình từ những người thân yêu.

=> Gia đình và tình cảm gia đình luôn là thiêng liêng cao quý đối với cuộc đời mỗi con người.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích: Tình cảm gia đình là gì?***

- Gia đình là một cộng đồng người sống chung và gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ tình cảm, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng. Gia đình là cái nôi cơ sở nền tảng bồi dưỡng để hình thành nên nhân cách nhân cách con người.Cụ thể là:

+Tình cảm của ba mẹ dành cho con cái.

+ Tình cảm của ông bà dành cho con cháu.

+ Tình cảm của con cái dành cho ông bà, cha mẹ.

+ Tình cảm của anh chị em đối với nhau.

***b. Biểu hiện của tình cảm gia đình:***

- Ba mẹ thương yêu, chăm sóc con cái, luôn quan tâm và hỏi han con cái.

- Là cha mẹ luôn tạo điều kiện tốt nhất cho con.

- Là sự hi sinh cả tuổi thanh xuân của cha mẹ nuôi dạy con.

- Ông bà tảo tần nuôi con khôn lớn, thương yêu cháu, dạy dỗ cháu nên người.

- Con cái thương yêu, kính trọng, hiếu thảo với ông bà cha mẹ.

- Là khi con cháu học tập có thành tích tốt để ông bà cha mẹ vui.

- Con cháu biết trách nhiệm và vai trò của mình để tạo niềm vui cho ông bà, cha mẹ.

- Anh chị em trong nhà yêu thương nhau, không tranh đua, không ganh ghét nhau.

***c. Ý nghĩa của tình cảm gia đình:***

- Gia đình có tình cảm gia đình sẽ vô cùng hạnh phúc.

- Được mọi người xung quanh thương yêu, quý mến và tôn trọng.

- Ông bà cha mẹ tự hào về con cháu hiếu thuận.

- Là cái nôi nâng đỡ chở che bước chân mỗi người khi mệt mỏi, buồn phiền, thất bại.

- Gia đình là tế bào, là hạt nhân của xã hội. Gia đình là nơi sản sinh ra những thế hệ tương lai, nơi cung cấp nguồn lao động cho nền kinh tế xã hội trong hiện tại.

- Gia đình còn là ngôi trường đầu tiên của mỗi người, ngôi trường ấy dạy chúng ta những bài học vỡ lòng, dạy chúng ta biết thương yêu, giúp đỡ, biết đối nhân xử thế, dạy chúng ta cách làm người. Gia đình là nền tảng, chắp cánh cho chúng ta bay cao, bay xa trong khung trời xã hội.

- Tình cảm gia đình chính là cội nguồn gốc rể nuôi dưỡng tình yêu quê hương đất nước của mỗi người.

**\* Mở rộng:**

- Tình cảm gia đình còn xuất hiện ở những người không chung huyết thống. Nhưng chúng ta vẫn có thể chia sẻ quan tâm với nhau như những người thân trong gia đình.

*Dẫn chứng: Những em bé sinh ra mồ côi cha mẹ từ nhỏ cùng nhau sống trong cô nhi viện, các em đã coi chính những người chăm sóc giống như người mẹ, những người bạn sống cùng nhau như người anh, người chị. Đối với họ đó chính là tình cảm gia đình đáng được trân trọng.*

- Bên cạnh những gia đình hạnh phúc, yên ấm thì cũng có những gia đình cha mẹ luôn bất hòa, thường xuyên tranh chấp cãi vã hoặc gia đình mà người cha tối ngày say xỉn, rồi về nhà bạo hành vợ con tạo nên những thảm kịch đen tối cho trí óc trẻ thơ non nớt.

- Có những gia đình cha mẹ sống không đúng đạo đức làm những công việc phi pháp khiến con cái cũng hư hỏng, đua đòi theo cha mẹ. Những gia đình như vậy thật sự không thể nào là một mái ấm gia đình của trẻ thơ. Gia đình đó không thể nào là một chiếc nôi êm đềm hình thành những nhân cách tốt cho con trẻ.

- Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người con sống bất hiếu, vô lễ, đánh đập, đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi cha mẹ già của mình. Lại có những người làm cha mẹ bỏ rơi con cái, làm cho tình cảm gia đình sứt mẻ,… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án, phê phán.

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Bức hình đã ngầm nhắc chúng ta gia đình là cái nôi là điểm tựa vững chắc nhất cho mỗi người. Hãy biết trân trọng và vun đắp nó.

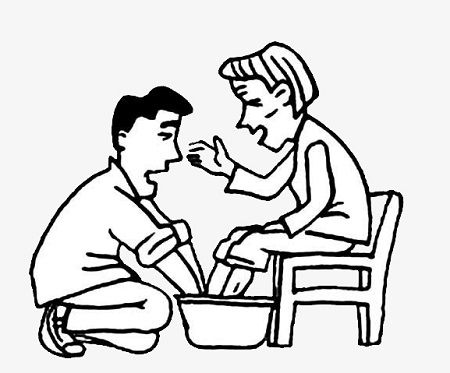
- Tình cảm gia đình cũng cần được bồi đắp. Và tình cảm ấy không chỉ thể hiện qua những lời yêu thương ngọt ngào mà còn cần được thể hiện bằng hành động, dù chỉ là một hành động nhỏ như phụ giúp mẹ làm việc nhà, lâu lâu tặng mẹ một món quà nhỏ hay thỉnh thoảng trò chuyện uống trà cùng cha, quan tâm hơn đến sức khỏe của cha mẹ, ông bà... Hãy tạm gác lại những bộn bề xung quanh, quan tâm nhiều hơn đến những điều nhỏ nhoi trong cuộc sống như gia đình. Tạm gác những chuyến đi chơi, những cuộc hẹn trà sữa cùng đám bạn mà ngồi xuống cùng cha mẹ ăn một bữa cơm, cùng cha mẹ chuyện trò.

- Liên hệ bản thân: Em cần làm gì để duy trì tình cảm trong gia đình?

+ Cố gắng học tập và rèn luyện: chăm ngoan học giỏi, tránh xa thói hư tật xấu

+ Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ: giúp làm việc nhà, nghe ông bà kể chuyện, xoa bóp tay chân cho ông bà bố mẹ…

**ĐỀ 4: Quan sát bức hình và trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa giáo dục mà bức hình gợi ra.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Bức hình là cảnh minh hoạ người đàn ông là con hoặc cháu đang rửa chân, ngâm chân và trò chuyện vui vẻ cho bà hoặc mẹ mình. Người phụ nữ là bà hay mẹ ấy có hành động thể hiện sự yêu thương gần gũi với con trai hay cháu trai của mình bằng tay. Dù không thật rõ nét nhưng ta cũng có thể nhìn thấy biểu cảm gương mặt của cả hai đều rất vui vẻ, hạnh phúc.

=> Vấn đề mà bức hình đề cập đến là :Tình yêu thương, tấm lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ, đó là một truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam cần lưu giữ và phát huy.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích: Lòng hiếu thảo là gì?***

- Hiếu thảo là hành động đối xử tốt với ông bà, cha mẹ, hay với những người có công dưỡng dục mình.

- Lòng hiếu thảo là phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi ốm yếu và già cả và thờ phụng sau khi họ qua đời.

***b. Biểu hiện của lòng hiếu thảo:***

- Người có lòng hiếu thảo là người luôn biết cung kính và tôn trọng, vâng lời và làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được an ổn.

- Chăm sóc yêu thương lo lắng cho ông bà cha mẹ kể cả khi khoẻ mạnh hay đau yếu, già cả: đơn giản như hành động ở bức hình trên cũng đủ ấm lòng ông bà cha mẹ.

- Hương khói cho cha mẹ khi họ qua đời.

- Luôn biết sống đúng chuẩn mực với đạo đức xã hội, thực hiện lễ nghi hiếu nghĩa đối với các bậc sinh thành.

*Dẫn chứng: Trước kia, trong cuốn “Đại Việt sử ký toàn thư” có ghi chép lại câu chuyện về vua Lê Tư Thành – Lê Thánh Tông: “Khi Hoàng thái hậu chưa băng hà, mùa đông, vua cùng Hoàng thái tử ngày đêm chăm sóc, không lúc nào rời bên cạnh. Khi dâng thuốc thang hay thức ăn uống, vua nhất định tự mình nếm trước; trong thì kêu với tổ tiên, ngoài thì dốc lòng cầu khẩn, không thần nào là không khấn”. Ngay cả một vị chí tôn cũng không quên làm tròn chữ hiếu trong vai trò một người con.*

*Ai yêu văn học nước nhà đều sẽ biết đến “Truyện Kiều” (Nguyễn Du) với hình ảnh nàng Kiều đã từ bỏ mối duyên đẹp với Kim Trọng để làm tròn đạo hiếu. Kiều sẵn sàng bán mình chuộc cha, đánh đổi cả cuộc đời để cứu cha trong cảnh hoạn nạn. Đó là lựa chọn đáng khâm phục và rất nhân văn của Kiều. Tác giả Nguyễn Du đã khẳng định chân lí về đạo hiếu trong suy nghĩ và tâm hồn người Việt.*

***c. Ý nghĩa của lòng hiếu thảo:***

- Lòng hiếu thảo là hành vi vô cùng ý nghĩa mang lại danh tiếng tốt cho ông bà cha mẹ và tổ tiên.

*Dẫn chứng: Trước kia, hàng bánh xèo này do bà Huỳnh Thị Lan (mẹ bé Ơn) đảm trách. Thế nhưng đầu năm 2013, bà Lan bị bệnh thần kinh nặng, làm bánh xèo “lúc sống, lúc cháy” nên buôn bán thất bát. Bà ngoại và người cậu thì bệnh tật triền miên, nên bé Ơn mới 9 tuổi đã phải “thế vai” với gánh bánh xèo giữa chợ. Hằng ngày, từ 4 – 5 giờ sáng, chú bé Ơn tranh thủ lúc mẹ tỉnh táo để học cách xay bột, tập đúc bánh xèo, nhặt rau, làm nước chấm,… Thế rồi cũng nhanh chóng “lĩnh hội” nghề làm và bán bánh xèo – chuyện không hề dễ dàng đối với một bé trai. Và rồi, cậu học trò tiểu học “không biết mặt cha” với 4 cái lò than và khuôn bánh xèo, trở thành trụ cột cho nguồn sống của cả gia đình hoạn nạn. Cùng với người mẹ tâm thần, Ơn đang sống với bà ngoại già yếu và ông cậu bệnh tật…- Người có lòng hiếu thảo luôn được mọi người yêu mến và quý trọng.*

- Khi bạn hiếu thảo thì con cái của bạn sau này sẽ hiếu thảo với bạn. Hiếu thảo với cha mẹ ngày nay thì ngày sau ta mới nhận được lòng hiếu thảo từ còn cái. Có cho đi mới được nhận lại. Bởi đó là quy luật nhận quả trong cuộc sống này.

- Lòng hiếu thảo gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau, thể hiện tình yêu thương gia đình. Lòng hiếu thảo xóa bỏ sự đố kị, ích kỉ cá nhân và lối sống thờ ơ, vô cảm.

- Lòng biết ơn cha mẹ là cội nguồn của lòng biết ơn nhân dân, Tổ quổc. Có hiếu có tình cha mẹ thì mới có hiếu với đất nước.

***d. Vì sao sống phải có lòng hiếu thảo?***

- Lòng hiếu thảo thể hiện lòng tri ân sâu sắc và lối sống nghĩa tình của dân tộc trong bao đời nay. Ông bà, cha mẹ là người đã sinh thành, dưỡng dục, đã mang lại cuộc sống này cho chúng ta. Không có cha mẹ thì sẽ không có chúng ta.

- Cha mẹ là chỗ dựa vững chắc cho con bước vào đời, là cây cao bóng cả che mát đời con. Trong vòng tay cha mẹ, con lớn lên, trưởng thành.

+ Mẹ phải vất vả chín tháng mười ngày thai nghén bao gian truân, cơ cực. Chín tháng hay chín năm, gian khó khôn cùng để sinh ra ta. Để có được mẹ vượt cạn một mình, bất chấp hiểm nguy của tính mạng.

+ Khi sinh ra hài nhi đỏ hỏn, mẹ chắt chiu dòng sữa nuôi con khôn lớn. Mẹ thức trắng đêm để chăm cho con, "chỗ ráo nhường con, chỗ ướt mẹ nằm".

+ Khi con ốm đau, mẹ quên ăn, quên uống, thức trắng cùng những cơn sốt, cơn đau của con, thao thức lo toan.

+ Mẹ và cha hân hoan khi thấy con chập chững những bước đi đầu tiên nghẹn ngào khi con bập bẹ tiếng mẹ tiếng cha.

+ Khi con đã lớn lên: Từ bát cơm mỗi ngày, từ manh áo đến mọi tiện nghi học hành cha mẹ lo cho con tất cả. Cha mẹ như cánh cò cần cù nhẫn nại, vật lộn với đời thường để chắt chiu lo cho con ăn học thành tài. Cha mẹ hết lòng vì con cái, chẳng giành lại cho mình điều gì.

+ Khi con trưởng thành dần lên, cha uốn nắn con từ lời ăn tiếng nói, từ cách đối nhân xử thế sửa con từ dáng đứng điệu cười. Con là hạnh phúc, là niềm vui, niềm hạnh phúc của cha mẹ. Nhìn con khôn lớn, mọi cực khổ nhọc nhằn của cha mẹ vơi đi. Con khỏe, ngoan, học giỏi, cha mẹ vui sướng, hạnh phúc. Con ốm đau mẹ nước mắt lưng tròng. Con hư, con phạm lỗi, cha mẹ đau buồn, âu lo.

- Hiếu thảo là một chuẩn mực đạo đức trong đời sống văn hóa người Việt, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa. Đạo hiếu là gốc rễ của đạo làm người. Một nhà văn phương Tây đã từng khẳng định: "Trong các điều xấu ác, bất hiếu là điều lớn nhất; trong các điều thiện – hiếu thảo là điều thiện lớn nhất".

- Giá trị của một người con được nhìn nhận không phải ở sự giàu sang, quyền quý mà nó được thể hiện qua chữ "hiếu". Nó còn là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức của con người. Là thước đo giá trị đạo đức, nhân cách của một con người.

*Dẫn chứng: Cô bé Trịnh Thị Lan ở thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa dù còn nhỏ nhưng đã bươn chải chăm sóc mẹ và bà ngoại của mình. Em sinh ra đã không biết mặt cha, còn mẹ em bị bệnh tâm thần. Khi học Tiểu học, tan học là em lại vội chạy về làm việc nhà, chăm sóc mẹ. Hai mẹ con sống cùng với bà ngoại trong căn nhà xập xệ, dột nát. 10 tuổi, em đã bắt đầu làm công việc đồng áng, hết cấy gặt giúp người ta để kiếm gạo ăn đến lượm ve chai khắp nơi để kiếm tiền mua thuốc chăm sóc cho bà ngoại gần 90 tuổi và mẹ mình.*

*Em chăm sóc mẹ cẩn thận từng li từng tí. Có những lúc mẹ phát bệnh đi lang thang, em vội vàng đi tìm mà nước mắt lưng tròng. Cho đến giờ, 13 tuổi, Lan trở thành lao động chính trong gia đình. Vất vả cực nhọc là thế ấy nhưng em chưa bao giờ có ý định từ bỏ việc học của mình cả, vẫn luôn rất cố gắng trong học tập và trong cả cuộc sống.*

**\* Mở rộng:**

- Trong xã hội còn nhiều người sống bất hiếu, vô lễ, đánh đập đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi cha mẹ già. Họ thể hiện một lối sống vô ơn, một nhân cách kém cỏi. Những người như thế thật đáng chê trách.

- Chữ Hiếu, đang bị xói mòn bởi chủ nghĩa thực dụng, duy vật chất: Khi cha mẹ còn sống thì đối xử thậm tệ, chết đi làm ma rất to, xây mộ lăng, đốt vàng mã..

- Có là nhận thức lệch lạc, sai lầm: Trách móc cha mẹ không cho ta cuộc sống đầy đủ..

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Bức hình là bài học giáo dục ý nghĩa cho những người làm con làm cháu như chúng ta. Ai sinh ra cũng có cội nguồn. Sống phải có lòng hiếu thảo.Thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ ngay từ hôm nay.

- Bạn cần phải biết kính trọng và yêu thương ông bà cha mẹ mọi nơi mọi lúc, qua mọi lời nói, hành động, cử chỉ: chăm sóc, phụng cha mẹ ông bà khi về già, yêu thương anh em trong nhà cũng là thể hiện lòng hiếu thảo. Người con có hiếu phải phấn đấu trở thành niềm tự hào, nguồn động viên bố mẹ; phấn đấu học tập tốt nhất, rèn luyện đạo đức tốt nhất, xác định đường đi tốt để có một sự nghiệp, để trở thành người có ích cho xã hội.

**ĐỀ 5: Suy nghĩ của em khi quan sát bức hình sau.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Nhìn bức hình có lẽ không ai không xúc động. Thầy giáo già chắc về hưu đã lâu, nay có đoàn học sinh cũ về thăm động viên tặng hoa rất tình cảm. Đó là một truyền thống quý báu đáng trân trọng của người dân Việt Nam.

=> Truyền thống đạo lý tôn sư trọng đạo.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích thế nào là “Tôn sư trọng đạo”?***

- Tôn sư: tôn: là tôn trọng, kính trọng và đề cao; sư: là thầy dạy học, dạy người, dạy chữ. Vậy tôn sư là người học trò thì phải biết tôn trọng, kính trọng và đề cao vai trò của người thầy trong quá trình học tập và trong cuộc sống.

- Trọng đạo: (trọng: coi trọng, tôn trọng; đạo: đạo lí, con đường làm người, đạo đức, đạo lí truyền thống tốt đẹp của con người): Vậy trọng đạo: là người học trò phải biết tôn trọng, lễ phép, kính trọng người thầy, vì người thầy đã giảng dạy, truyền dạy cho chúng ta biết thế nào là đạo nghĩa, đạo đức, đạo học làm người và những tri thức khác về mọi mặt của đời sống tự nhiên, đời sống xã hội,...

⇒ “Tôn sư trọng đạo”: Cần ghi nhớ công ơn, tôn trọng ân nghĩa của thầy cô giáo, coi trọng đạo lí, khắc sâu ơn nghĩa của những người đã dìu dắt, dạy dỗ học trò trong sự nghiệp trồng người.

- "Tôn sự trọng đạo" chính là một truyền thống tốt đẹp của đạo học Việt Nam, truyền thống này có từ lâu đời khi có nhu cầu truyền dạy và học tập của con người.

2. Tại sao cần phải “tôn sư trọng đạo”?

Cần biết ơn thầy cô bởi:

- Thấy cô nâng đỡ, truyền đạt tri thức, chắp cánh nâng đỡ con người trong hành trình dài rộng của cuộc đời.

- Thầy cô dạy ta cách sống, cách làm người, hướng con người tới những giá trị sống tốt đẹp.

- Thầy cô dành cho học trò tình yêu thương như mẹ cha.

- Thầy cô là những người bạn luôn bên cạnh chia sẻ với học trò mỗi lúc buồn vui hay hạnh phúc.

- Biết ơn thầy cô giáo là nét đẹp trong cách sống của con người, là biểu hiện của một người thực sự có văn hóa.

*Dẫn chứng: Thầy Chu Văn An (1292 – 1370) không theo con đường khoa cử đỗ đạt làm quan, mà ở nhà mở trường dạy học. Ông nổi tiếng khắp nước về đức độ và kiến thức uyên bác. Một số học trò của Chu Văn An đã đỗ đạt cao, làm quan đầu triều như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát… nhưng vẫn một lòng kính phục thầy; mỗi lần tới thăm đều cung kính chắp tay lạy tạ thầy. Năm 1325, thầy Chu Văn An được triệu vào cung dạy dỗ các hoàng tử, sau đó nhận chức Tế tửu nhà Thái học, tức Hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám. Sau khi ông mất, để tỏ lòng kính trọng và biết ơn, vua Trần Nghệ Tông đã tôn vinh Chu Văn An là quốc sư, ban cho ông tên hiệu là Văn Trinh và thờ ở Văn Miếu.*

***3. Biểu hiện của “Tôn sư trọng đạo”:***

- Phạm Sư Mạnh – học trò của cụ Chu Văn An, tuy đã thành quan lớn, nhưng khi quay trở về thăm thầy vẫn kính cẩn, đứng từ xa vái chào. Khi được thầy mời vào nhà chỉ dám ngồi bậc dưới ⇒ Một thái độ, một con người, một nhân cách lớn

- Ngày nay, truyền thống ấy vẫn được thể hiện một cách đa dạng dưới nhiều hình thức:

+ Học sinh gửi những lời tri ân tới thầy cô nhân ngày 20/11

+ Học hành chăm chỉ, lễ phép, ngoan ngoãn với thầy cô giáo…

- Chúng ta luôn tự hào với truyền thống và phẩm chất cao đẹp của các bậc thầy xưa, các thầy lớp trước mà danh tiếng lưu truyền mãi mãi.

*Dẫn chứng: Như thầy Lê Văn Hưu, thầy Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh đời nhà Trần, thầy Trần Ích Phát đời nhà Lê, thầy Nguyễn Bỉnh Khiêm đời nhà Mạc. Thế kỷ XIX có thầy Cao Bá Quát, thầy Nguyễn Đình Chiểu lấy việc dạy người cao hơn dạy chữ. Đầu thế kỷ XX có thầy Nguyễn Thức Tự đã dạy dỗ học trò hầu hết thành đạt trở thành những chí sĩ yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Ngô Đức kế, Đặng Thái Thân, Lê Văn Hân,...*

*Chúng ta quên sao được thầy giáo Nguyễn Tất Thành người đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, cùng với các học trò xuất sắc như: Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã làm rạng rỡ non sông đất nước ta.*

**\*. Mở rộng:**

- Ngày nay có rất nhiều người học trò đang ngồi trên ghế nhà trường, được học nhiều bộ môn của các thầy cô giảng dạy nhưng họ không ý thức được vấn đề cần phải tôn trọng, kính trọng, lễ phép với người thầy và coi trọng đạo học mà thầy truyền giảng. Điều ấy có nghĩa là đạo lí truyền thống không được tôn trọng, học tập...

- Bên cạnh những biểu hiện thể hiện truyền thống “tôn sư trọng đạo” vẫn còn những con người bất kính, vô ơn với thầy cô:

+ Hỗn láo với thầy cô

+ Bày trò chọc phá thầy cô

+ Làm những hành vi sai trái khiến thầy cô phiền lòng

⇒ Hành vi, việc làm như vậy phải bị phê phán

- Nhưng cũng có rất nhiều người học trò đã và đang hiểu, thực hành câu thành ngữ và cũng đang bước trên con đường thành đạt trong cuộc sống, trong khoa học,...

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Bức hình nhắc nhở ta luôn giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông: tôn sư trọng đạo. Điều tuyệt với nhất để đền đáp công ơn thầy cô là học hành chăm chỉ cần cù, mang những kiến thức mà thầy cô đã truyền dạy xây dựng tương lai bản thân và làm giàu cho đất nước

- Cố gắng trở thành con người sống đẹp, sống có đạo đức, có tài để không phụ công lao dạy dỗ của thầy cô

- Bản thân cần ý thức trách nhiệm và việc làm của mình sao cho xứng đáng với những gì thầy cô truyền đạt.

**ĐỀ 6: Bạn thích được như những nhân vật trong bức hình không? Hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa mà bức hình gợi ra.**

|  |  |
| --- | --- |
| **D:\Users\Admin\Desktop\KINH DOANH\NGHỊ LUẬN XÃ HỘI TỪ HÌNH ẢNH,BỨC TRANH\SỰ TRẢI NGHIỆM.jpg** | **D:\Users\Admin\Desktop\KINH DOANH\NGHỊ LUẬN XÃ HỘI TỪ HÌNH ẢNH,BỨC TRANH\trải nghiệm.jpg** |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Bức hình trước có vẽ như ta quan sát được niềm vui sự sảng khoái thể hiện ở hành động của các bạn trẻ khi đi du lịch, khi tham quan hay đi khám khám một nơi nào đó mà phía trước mặt họ là ánh mặt trời lặn vào những mổm đá.

- Bức hình sau thì quá rõ ràng cho người xem quan sát thấy một nhân vật trên vai mạng ba lô đứng trên một con để hay một sườn dốc bên cạnh lời lời chú thích “ Trãi nghiệm cuộc sống”.

=> Từ chi tiết cả hai bức hình ta nhận ra một quan điểm một cách sống của giới trẻ ngày nay rất có ích cho sự sáng tạo dẫn đến thành công của họ: sống khám phá trãi nghiệm thực tế.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích:***

- Trải nghiệm là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm; tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống.

- Hay đơn giản trải nghiệm là hãy nhào ra ngoài đời, nhào vào cuộc sống, không sợ thử những điều mới lạ, những thử thách và cơ hội với tâm thế của người học hỏi mọi thứ, nhưng cũng đừng quên ước chừng trước những gì bạn có thể mất, hay cái giá bạn phải trả để có những trải nghiệm đó.

***b. Biểu biện của sự trãi nghiệm, khám phá:***

- Tham gia một tổ chức xã hội nào đó, là trải nghiệm. Làm thêm gia sư, phục vụ, lễ tân, hay đi chợ cùng mẹ, cuốc đất trồng cây, … đó là trải nghiệm.

- Tham gia một câu lạc bộ, những hoạt động xã hội, thử sức kinh doanh bất kì lĩnh vực nào, đó là trải nghiệm.

- Thử học những điều mới, làm quen bạn bè mới… đó là trải nghiệm.

- Đi đây đi đó, đi phượt, đi du lịch bụi… như biểu hiện ở bức hình trên, đi chính là kiểu trải nghiệm mạnh mẽ nhất.

***b. Ý nghĩa:*** Trải nghiệm có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống của mỗi con người vì:

- Trải nghiệm đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống, bồi đắp tình cảm, tâm hồn, giúp mỗi người gắn bó và góp phần cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước.

- Trải nghiệm giúp mỗi người khám phá chính mình để có những lựa chọn đúng đắn và sáng suốt cho tương lai.

- Trải nghiệm giúp mỗi người dấn thân, thử nghiệm để sáng tạo; biết cách vượt qua những trở ngại khó khăn, tôi luyện bản lĩnh, ý chí để thành công.

- Thiếu trải nghiệm cuộc sống của mỗi người sẽ nghèo nàn, thụ động, nhàm chán, vô ích; không cảm nhận được sự thú vị của cuộc sống.

*Dẫn chứng: Bạn sẽ chẳng biết vịnh Hạ Long đẹp ra sao nếu bạn không đến đó, bạn không biết sở thích của mình là gì, bạn sống mà không có ước mơ đó là do bạn không chịu trải nghiệm để khám phá bản thân mình.*

*Bạn không hiểu được đặc tính sinh lý, cách chăm sóc loài hoa nào đó nếu không trồng và chăm sóc nó…*

*Bạn sẽ không hiêu được đi một bữa chợ chọn được những món ngon cho cả gia đình cũng sẽ vất vã như thế nào nếu bạn không tự mình đến chợ…*

*Bạn cũng không thể hình dung ra sự vất vã khó nhọc hiểm nguy như thế nào của những bác sĩ tuyến đầu chống dịch trong tâm dịch Sài Gòn, Bình Dương nếu chưa một lần tìm hiểu về họ hay trực tiếp đến đó …*

*Cuộc sống hiện tại của tôi cũng vậy, khi đặt bản thân vào tâm thế trải nghiệm cuộc đời, mỗi ngày xảy đến với tôi đều thật tươi vui và mới mẻ. Ngày xưa tôi đi được mấy nơi và tưởng rằng mình đi được nhiều lắm. Ngày nay tôi đi được nhiều hơn xưa rất nhiều nhưng lại cảm thấy mình đi quá ít so với những người bạn tôi quen. Những người bạn tôi, bất cứ ai mà trải nghiệm cuộc sống nhiều hơn tôi, thú vị hơn tôi, tôi đều rất ghen tỵ với họ. Tôi thèm cái cảm giác được homestay trong nhà một người thiểu số của họ, tôi thèm được xách mũ bảo hiểm vừa đi vừa quá giang mọi người, tôi thèm được tự đi phượt khắp trời Âu, tôi thèm đủ thứ, bất cứ thứ gì người ta được trải qua còn tôi thì không, tôi thèm lắm, thế nên tôi vẫn sẽ và vẫn mãi không muốn dừng lại hành trình trải nghiệm của mình.*

**\* Mở rộng:**

- Bức hình là gợi ý cho phương châm sống cần có của accs bạn trẻ ngày nay. Những người trẻ cần trải nghiệm để khám phá cuộc sống và chính mình. Cần tạo điều kiện để tuổi trẻ được trải nghiệm cuộc sống tốt đẹp và hữu ích.

- Thực tế, nhiều bạn trẻ chưa coi trọng hoạt động trải nghiệm để bản thân trưởng thành. Đó là những người chỉ chú ý vào việc học tập, thi cử mà chưa chủ động, tích cực trải nghiệm, rèn kỹ năng sống. Một số khác lại đắm chìm trong thế giới ảo. Đặc biệt hơn nữa, có những bạn trẻ lại lao vào thử nghiệm những điều có hại, sa vào tệ nạn…

- Tuy nhiên, cần phân biệt trãi nghiệm tích cực với hoạt động hưởng thụ để chỉ thoả mãn nhu cầu bản thân.

**3. Bài học nhận thức và hành động**

- Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của trải nghiệm, biết trải nghiệm tích cực để giúp bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn.

- Hãy mở rộng lòng mình, hãy đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, hãy tích cực tham gia nhiều hoạt động xã hội. Đừng sống như một người vô hình không có đam mê, không có ước mơ, không chịu trải nghiệm sẽ không thể tìm kiếm được niềm vui trong cuộc sống.

- Liên hệ bản thân: Tôi cũng vậy, tôi sẽ tích cực khám phá và tìm tòi những điều mới mẻ, và rằng thay vì ngồi yên hay trải nghiệm cũng đều dẫn đến một kết quả, tôi sẽ chọn trải nghiệm. Ta không thể cứ ngồi yên thờ ơ với dòng chảy của cuộc sống, hãy đứng lên hòa nhịp cùng nó, để thấy được cuộc sống này tươi đẹp biết nhường nào.

**ĐỀ 7: Bạn trẻ trong bức hình đang tự mình một mình làm gì vậy? Suy nghĩ của em về đức tính đó.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Giải thích, phân tích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Chi tiết cả hai bức hình đều có điểm chung là hình ảnh chàng trai một mình ngồi vào bàn học tự đọc sách, tự nghiên cứu, tự tìm tòi, tự suy nghĩ, loại bỏ những ham muốn vây quanh. Bức nền là không gian rất yên tĩnh vắng vẽ.

- Từ hai bức hình ta nhận thấy một việc làm rất có ích cho sự tiến bộ của bản thân, cho sự phát triển của xã hội đó là tinh thần tự học.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích: Tự học là gì?***

- Học là thu nhận kiến thức từ người khác truyền lại, rèn luyện thành kỹ năng, nhận thức cho mình.

- Tự học là tự nỗ lực, khám phá và tìm kiếm các kiến thức một cách chủ động, tự lập tích cực.

- Tinh thần tự học là thái độ nghiêm túc, chăm chỉ cần mẫn, rèn luyện bền bỉ, không ngại khó khăn, vất vả của bản thân khi chủ động tiếp thu và lĩnh hội tri thức không thụ động.

-> Tinh thần tự học là phương pháp học tập tốt giúp chúng ta tiến bộ trong học tập.

***b. Vai trò, lợi ích của tinh thần tự học:***

- Phải tự học mới thấy hết những ý nghĩa lớn lao của công việc này. Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống.

- Không những thế tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác. Từ đó biết tự bổ sung những khiếm khuyết của mình để tự hoàn thiện bản thân .

- Tự học giúp ta tiếp thu và làm chủ kiến thức nhanh chóng, năng động hơn trong học tập, lĩnh hội tri thức một cách chủ động, toàn diện, hứng thú. Phát triển kĩ năng tìm kiếm, phân tích và tổng hợp thông tin. Bài học trở nên hứng thú, nhiệt tình và say mê hơn. Kết quả học tập được nâng cao.

- Phát huy khả năng sáng tạo của bản thân.

- Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống. Không những thế tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác. Từ đó biết tự bổ sung những khiếm khuyết của mình để tự hoàn thiện bản thân.

- Người có tinh thần tự học luôn chủ động, tự tin trong cuộc sống.

- Xây dựng cho bản thân tính dẻo dai, bền bỉ và nghị lực vượt khó.

- Tự học là con đường ngắn nhất và duy nhất để hoàn thiện bản thân và biến ước mơ thành hiện thực.

*Dẫn chứng: Thực tế đã cho ta thấy những tấm gương tự học như Mạc Đĩnh Chi vì nhà nghèo, không có tiền mua dầu thắp sáng nên ông đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng thay đèn để học bài. Hay nhà toán học Lương Thế Vinh từ một đứa trẻ chăn trâu vẫn luôn tu chí học hành, hoặc không ai xa là Bác Hồ từ một anh Ba phụ bếp, người thợ ảnh ở ngõ nhỏ đến người thợ quét tuyết trong công viên, Bác vẫn không ngừng tiếp thu và học tập để nâng cao hiểu biết về văn hóa, lịch sử nhân loại, rút ra những kinh nghiệm bổ ích và Người đã trở thành một danh nhân văn hóa thế giới…Như cô bé Trần Bình Gấm bán khoai đã đậu ba trường đại học, nhận học bổng “Học trò giỏi – hiếu thảo” của báo Tuổi trẻ bằng tinh thần tự học, bằng sự cần cù, siêng năng, vượt qua khó khăn, không ngừng nâng cao kiến thức của bản thân mình là một tấm gương cho bạn trẻ hôm nay.*

*Edison năm xưa chỉ học hết lớp 2 ở nhà tự học mà thành nhà phát minh vĩ đại nhất mọi thời. Macxim Gorki không học đại học nhưng vẫn để lại danh tiếng cho đời với những tác phẩm đầy giá trị.*

*Đó chính là chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Suốt ba mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước. Người đã tự mình học hỏi để rồi có được một vốn hiểu biết phong phú về văn hóa các nước. Cũng như am hiểu thông thạo nhiều ngôn ngữ như Anh, Pháp, Hoa, Nga… Kế thừa tinh thần đó của Bác, trong xã hội hiện tại, có rất nhiều bạn học sinh, sinh viên tự mình học hỏi, vượt qua hoàn cảnh khó khăn để có được kết quả cao trong học tập…...*

***c. Giải pháp tự học có hiệu quả:***

- Cần tích cực suy nghĩ, ghi chép, sáng tạo khi nghe giảng, đọc sách hay làm bài tập nhằm rút ra những kiến thức cần thiết, hữu ích cho bản thân.

- Chủ động mày mò tìm hiểu hoặc có sự chỉ bảo, hướng dẫn của giáo viên.

- Tự học ở trường, tự học ở nhà, tự học ngoài xã hội...

- Với những vấn đề chưa rõ, chưa hiểu, cần phải trình bày ý kiến của mình với người dạy để hiểu và nắm chắc kiến thức.

- Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống

- Có kế hoạch tự học theo hướng dẫn hoặc theo hệ thống để đạt hiệu quả cao hơn

- Học cách tư duy và chủ động tiếp cận nguồn tri thức...

- Không tiếp cận, hiểu kiến thức một cách thụ động, nông cạn.

**\* Mở rộng:**

- Phê phán lối học tủ, học vẹt, học đối phó.

- Phê phán những người coi học tập là việc bị ép buộc và không có ý thức học hành.

- Những thành phần không thấy được tầm quan trọng của việc học dẫn đến không có tinh thần chủ động học tập. Luôn ỷ lại, ù lì, lười nhác, không có ý chí, nghị lực, học tới đâu hay tới đó.

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Từ bức hình và thực tế cuộc sống ta thấy tự học có ý nghĩa vô cùng quan trọng nên bản thân mỗi chúng ta phải xây dựng cho mình tinh thần tự học trên nền tảng của sự say mê, ham học, ham hiểu biết, giàu khát vọng và kiên trì trên con đường chinh phục tri thức.

- Mỗi chúng ta cần nâng cao ý thức, tinh thần tự học, tự tìm tòi khám phá, năng động sáng tạo, không lười nhác. Cần chủ động, tích cực, sáng tạo, độc lập trong học tập để chiếm lĩnh tri thức, vươn tới những ước mơ, hoài bão của mình.

**ĐỀ 8: Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đặt ra từ bức hình sau.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận từ bức hình:**

- Bức hình chụp lại hình ảnh một trái tim đỏ tươi đượcđặt gọn trong đôi tay nhỏ bé xinh xinh. Đôi tay ấy đang có ý nhường trái tim đỏ tươi ấy cho đôi tay già nua run rẩy. Đôi tay già nua nhăn nheo ấy đang cẩn trọng đón nhận nó.

=>Từ bức hình (rút ra bài học từ cuộc sống) chúng ta nghĩ về một vấn đề tư tưởng đạo lý- mối quan hệ giữa cho và nhận trong cuộc sống. Hạnh phúc không phải chỉ là nhận lấy mà còn là biết cho đi. Người hạnh phúc nhất ở trên đời là người biết đem đến cho người khác nhiều hạnh phúc nhất.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích:***

- Cho chính là sự san sẻ, giúp đỡ, yêu thương xuất phát từ tâm, từ tim của một người. Dù “cho” rất nhỏ, nhất đời thường nhưng đó là cả một tấm lòng đang quý.

- Nhận chính là được đáp trả, được đền ơn.

- Cho và nhận là một mối quan hệ nhân quả nhưng ẩn chứa trong đó rất nhiều mối quan hệ tương trợ, bổ sung cho nhau.

***b. Biểu hiện của cho và nhận:***

- Trong cuộc sống quanh ta, đâu đó vẫn còn những mảnh đời bất hạnh, đau khổ cần rất nhiều sự sẻ chia, giúp đỡ, bao dung, rộng lượng. Họ cần chúng ta chia ngọt sẻ bùi.

*Dẫn chứng: Anh Trần Phước Hòa ở quận Bình Tân là người đã xây dựng hệ thống quán cơm chay giá 5000 đồng để giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn. “Việc quan sát bà con đến ăn ở quán, hỏi họ dăm ba câu đã thành thói quen của tôi. Tôi cảm thấy ấm lòng mình khi họ được no bụng”. (Theo tuoitre)*

*Một hình ảnh đặc trưng cho sự nhân ái của người Sài Gòn chính là những bình trà đá miễn phí đặt ở vỉa hè. Hành động giản đơn nhưng ấm áp tình người, làm nên hình ảnh một Sài Gòn nhân hậu, thân thiện, hiếu khách.*

- Những người đang cho đi, đôi khi sự nhận lại không phải trong phút chốc, cũng không hẳn nó sẽ hiển hiện ngay trước mắt. Điều bạn nhận lại có khi là cả một quá trình, sau này bạn mới nhận ra mình được đáp trả nhiều hơn cái cho đi đó.

***c. Ý nghĩa của cho và nhận:***

- Cho và nhận là những quy luật của tự nhiên và xã hội loài người. Trong xã hội, vấn đề này càng cần được nhận thức rõ ràng: không cho thì không thể nào nhận được.

- Khi cho đi là ta đã nhận: Chúng ta trao đi yêu thương chúng ta sẽ nhận lại sự thanh thản và niềm vui trong tâm hồn. Dù cái chúng ta nhận lại không phải là vật chất, là những thứ hiển hiện, chỉ là niềm vui, là sự an nhiên mà thôi.

- Khi trao đi hạnh phúc cho người khác, chúng ta mới cảm thấy rằng cuộc sống của mình thực đáng sống và đáng trân trọng. Có nhiều người làm từ thiện cả một đời, họ trao đi rất nhiều mà chẳng mong nhận lại điều gì. Nhưng thứ họ nhận được là sự nhẹ nhõm và bình an trong tâm mình.

- “Cho và nhận” giúp con người gắn kết với nhau nhiều hơn, sống vị tha, nhân ái và biết yêu thương nhiều hơn. Những người biết cho đi sẽ được mọi người quý mến, ca ngợi. “Cho và nhận” như một vòng tuần hoàn luân chuyển.

- Cho và nhận xứng đáng được ngợi ca với tinh thần ta biết sống vì người khác, một người vì mọi người.

- Cho là một hạnh phúc, vì phải có mới cho được, điều đó càng có ý nghĩa khi cái ta cho không chỉ là vật chất, tiền bạc mà là lòng nhân ái.

**\* Mở rộng:**

**-** Cái mà ta cho cũng là cái ta nhận. Trong cuộc sống, nếu chỉ cho mà không nhận thì khó duy trì lâu dài, nhưng nếu như cho và lại đòi hỏi được đền đáp thì sự cho mất đi giá trị đích thực của nó.

- Phê phán những kẻ tham lam tàn nhẫn sống trên mồ hôi nước mắt của người khác, kẻ tầm thường chỉ muốn nhận muốn vay mà không muốn cho, muốn trả.

- Phê phán một bộ phận lớp trẻ hiện nay chỉ biết nhận từ cha mẹ, từ gia đình, người thân… để rồi sống ích kỉ, vô cảm, không biết chia sẻ với bạn bè, đồng loại.

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Bức hình đơn giản nhưng giúp chúng ta nhận thức rõ giá trị của cho và nhận trong cuộc sống. Cuộc sống của mỗi người sẽ trở nên tầm thường nếu chỉ biết nhận mà không biết cho. Vì thế, sống, hãy đừng chỉ biết nhận lấy, mà còn học cách cho đi.

- Trước hết là phải ra sức học tập và rèn luyện tri thức. Có tri thức con người làm việc thành công mới tạo ra được nhiều của cải từ đó có cơ hội giúp đỡ người khác.Liên tục rèn luyện nhân cách, bồi dưỡng nhân phẩm, xây dựng lối sống lành mạnh, nghĩa tình hướng đến người khác. Biết chia sẻ nỗi đau thương mất mát của người xung quanh. Biết động viên an ủi, cổ động, tạo động lực giúp người khác vượt qua khó khăn, hoạn nạn.Tuyên truyền, biểu dương những tấm gương tốt đẹp về lòng vị tha, hào hiệp, mạnh thường quân, bố thí trong cuộc sống. Biết trân trọng những gì người khác dành cho mình, không được xem thường, phung phí hay hủy hoại nó.

- Liên hệ bản thân: Là học sinh, cần phải biết tự giác trong công việc, tự lập trong cuộc sống, rèn luyện bản thân, làm những việc hữu ích để giúp đỡ mọi người. Hãy giúp đỡ bạn bè, chia sẻ tình yêu thương; động viên, nâng đỡ, tương trợ bạn bè trong khó khăn, hoạn nạn. Hãy biết cho đi yêu thương để nhận về yêu thương.

**ĐỀ 9: Em thấy gì từ bức hình dưới. Trình bày suy nghĩ của em về vấn nạn đó.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**1. Giải thích, phân tích nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Nhìn bức hình với quả địa cầu lớn - biểu tượng hình trái đất đang bị lấp dần che mất bởi đống rác thải hỗn tạp đủ các loại liệu có ai không chạnh lòng thức tỉnh về hành động thái độ của mình trong sinh hoạt hàng ngày?

- Chi tiết từ bức hình - không cần phải suy ngẫm nhiều, là lời cảnh tỉnh cho toàn bộ loài người trước hiểm hoạ rác thải trên toàn cầu. Đây cũng là vấn đề nghị luận của bức hình trên.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích:***

- Rác thải là gì? Là những vật, những chất mà con người không còn ý muốn sử dụng nữa/ không thể sử dụng được nữa được vất bỏ. Trong cuộc sống thì rác thải là phần thừa, phần không thể sử dụng được, có thể mang theo chất độc hoặc là phần chất thải của cuộc sống sinh hoạt, trong sản xuất… Rác thải bao gồm có rác thải sinh hoạt, rác văn phòng, chất thải công nghiệp, xây dựng và y tế.

***b. Hiện trạng:***

- Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới trên 109 quốc gia chỉ ra rằng Việt Nam đứng thứ 17 trên bảng "thành tích" về rác thải nhựa. Tại Việt Nam, người ta nghiên cứu cho thấy mỗi ngày có trung bình khoảng 20 triệu tấn rác thải sinh hoạt. Và dự kiến trong tương lai, con số này có thể tăng lên thêm nữa. Vào năm 2020, thì lượng rác thải sinh hoạt ở các thành phố lớn có thể lên tới 20 triệu tấn/ngày. Còn trên toàn thế giới thì một năm có thể thu được con số là vào khoảng 4,5 đến 6 tỉ tấn rác thải - đây là con số thông báo của Viện nguyên vật liệu Cyclope và Veolia Propreté, công ty quản lý rác lớn thứ hai thế giới…

- Ở Bờ Hồ Hà Nội, trên bờ và cả dưới nước đều có rất nhiều các bỏ chai, vỏ lon và túi ni lông mặc dù xung quanh có các thùng rác. Và ở rất nhiều nơi chúng ta đều có thể chứng kiến những hành động tương tự. Đó có thể là do người đó vô tình, hoặc cố tình xả rác ngay tại chỗ, vì lười đi ra thùng rác. Ngay cả ở các khu du lịch, có rất nhiều các thùng rác, biển cấm xả rác, nhưng vẫn có những người khách du lịch có vẻ vẫn không quan tâm đến việc này cho lắm. Họ vẫn “tiện tay” vứt rác khắp mọi nơi, khiến cho những nơi đang đẹp đẽ lại trở nên xấu đi bởi sự điểm xuyết của túi ni lông, của vỏ chai. Việt Nam chúng ta có rất nhiều những khu du lịch đẹp, thế nhưng đang bị tàn phá dần dần bởi sự vô ý thức của một số người khách tham quan.

- Trong các trường học, hiện tượng xả rác bừa bãi cũng rất phổ biến. Các bạn học sinh thản nhiên vứt những tờ giấy không dùng đến hay vỏ hộp đồ ăn vào ngăn bàn mà không chịu đem ra thùng rác vứt. Có nhiều bạn thậm chí còn để đồ ăn thừa vào trong ngăn bàn. Và chỉ một vài ngày sau, đồ ăn đó bị hỏng, mốc, sẽ bốc mùi gây ảnh hưởng đến không khí của cả phòng học. Bài học vứt rác đúng nơi quy định là một bài học mà mỗi chúng ta đều được học từ những ngày đầu tiên cắp sách đến trường, và được thầy cô, người lớn nhắc nhở rất nhiều. Vậy mà vẫn còn rất nhiều bạn làm không đúng, dẫn đến rất nhiều rác thải trong môi trường học tập của lớp.

- Ngay cả ở nông thôn, nơi mà vẫn được chúng ta vẫn coi là một nơi có bầu không khí rất trong lành. Tuy nhiên, càng ngày, vùng nông thôn lại càng bị ô nhiễm nặng nề. Một phần do ở nông thôn, mọi người vẫn chưa có nhiều ý thức bảo vệ môi trường. Rác thải thường chỉ được đổ tập trung tại một nơi gần nhà, hoặc vứt bừa ra đường chứ chưa có nhiều thùng rác. Hơn nữa, ở nông thôn, còn có rất nhiều các loại rác thải hóa học. Người nông dân sau khi sử dụng phân bón hóa học xong không vứt bao bì, chai lọ đựng phân bón ra ngay bờ ruộng chứ không vứt vào thùng rác….

***c. Tác hại:***

- Môi trường: Rác thải có tác hại rất lớn đối với môi trường. Bởi số lượng rác thải rất lớn nên không phải công ty xử lý rác thải sẽ hoạt động hết mức mà xử lý tất cả được. Những công ty tái chế rác thải nhựa thì lại không thể tái chế hết vì có những sản phẩm vốn đã làm từ nhựa phế phẩm, chất lượng kém, chứa rất nhiều chất bẩn và tạp chất nên chỉ có thể chôn lấp. Mà nhựa thì không thể nào phân huỷ được, cần phải tới 50 - 60 năm mới có thể bắt đầu phân huỷ, chính lúc này, chất độc hại từ nhựa sẽ lan ra đất. Do đó chúng tạo thành các bức tường ngăn cách trong đất hạn chế mạnh quá trình phân hủy, tổng hợp các chất dinh dưỡng, làm cho đất giảm độ phì nhiêu, đất bị chua và năng suất cây trồng giảm sút. Không chỉ có đất mà rác thải cũng làm ô nhiễm nguồn nước, không khí. Đi dọc những làng quê, sẽ thấy một số khúc sông, ao nhỏ tràn đầy rác ở hai bên bờ, thậm chí là ở giữa dòng, trở thành ao rác, sông rác. Mùi hôi thối bốc lên từ những rác thải lâu ngày khiến người khác ngửi vào cảm thấy buồn nôn và khó chịu… Rác thải làm ô nhiễm môi trường và cũng làm cảnh quan xấu đi rất nhiều.

*Dẫn chứng: Theo ước tính của những nhà khí tượng thủy văn, hằng năm trên Biển Đông có tới 9 đến 10 cơn bão hoạt động và 3 đến 4 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp tới Việt Nam, hiện tượng sa mạc hóa ở ven biển miền Trung đang diễn ra ngày càng nhanh chóng đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân. Nghiêm trọng nhất chính là việc khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long của nước ta sẽ có thể chìm ngập dưới mực nước biển trong*[*thời gian*](https://camnanghoctap.com/tag/thoi-gian)*sắp tới, một vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ, một vựa lúa lớn nhất của nước ta có thể mất đi nếu như ngay từ bây giờ chúng ta không có biện pháp kịp thời để khắc phục. Và còn biết bao những ảnh hưởng khôn lường mà biến đổi khí hậu gây ra đối với người dân Việt Nam.*

- Sinh vật: Chính từ việc gây ô nhiễm môi trường - môi trường sống của vô số loài sinh vật, rác thải đã trở thành nguyên nhân gây giảm chất lượng sinh vật. Các loài thực vật, động vật dưới nước không có nơi để ở vì ao hồ ô nhiễm, ngày ngày có thể bị chết vì các chất độc trong rác thải, bị thương vì những vật như ống hút, que xiên…

- Con người và sức khoẻ: Trong thành phần của rác thải thì hàm lượng hữu cơ thông thường sẽ chiếm tỷ lệ lớn, chính vì thế khi phân huỷ sẽ gây mùi hôi thối, phát triển vi khuẩn, dịch bệnh. Chính môi trường ẩm ướt và có mùi ấy, dịch chuột, gián, muỗi sẽ lan rộng ra rất nhiều, mang theo bệnh truyền nhiễm đến cho con người và rất nhiều những căn bệnh quái ác nữa..

*Dẫn chứng: Người ta đã nghiên cứu và cho biết rằng những người tiếp xúc thường xuyên với rác như những người làm công việc thu nhặt các phế liệu từ bãi rác dễ mắc các bệnh như viêm phổi, sốt rét, các bệnh về mắt, tai, mũi họng, ngoài da, phụ khoa. Và hàng năm, theo tổ chức Y tế thế giới, trên thế giới có 5 triệu người chết và có gần 40 triệu trẻ em mắc các bệnh có liên quan tới rác thải...*

- Làm mất mỹ quan môi trường.

***d. Nguyên nhân:***

- Thứ nhất, đó là do ý thức của người dân chưa tốt. Mọi người thường có tâm lí rằng, vứt một chút rác ra đường thì đâu có sao. Họ không biết rằng, mỗi người một chút, hơn mười tỉ người trên thế giới, sẽ khiến Trái đất của chúng ta trở thành hành tinh rác nếu như đống rác thải ấy không được xử lí kịp thời.

- Thứ hai, đó là do người dân chưa ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Đây cũng là hậu quả của việc các cơ quan có thẩm quyền chưa tuyên truyền, giáo dục đúng cách. Vì thế, đa số người dân vẫn chưa quan tâm nhiều đến việc bảo vệ môi trường, cũng như chưa quan tâm đến việc bỏ rác vào đúng nơi quy định.

- Tiếp theo là do thói quen đã có từ lâu, khó sửa đổi, phải có sự nhắc nhở thì người ta mới không xả rác bừa bãi. Mọi người đều bận rộn với công việc của mình và không một ai có đủ thời gian để đi nhắc nhở từng người một. Không được nhắc nhở, con người ta lại quay về với thói quen trước kia.

- Việc giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường sống chưa được quan tâm đúng mức, chưa được tổ chức thường xuyên. Mặc dù trên các phương tiện thông tin đại chúng vẫn có những chương trình kêu gọi ý thức bảo vệ môi trường của con người nhưng chúng quá ít ỏi, không đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu và học hòi của người dân. Do đó mà trình độ hiểu biết của người dân còn thấp dẫn đến thái độ tuân thủ nội quy nơi công cộng chưa đi vào nề nếp.

- Một phần là do sự quản lý, kiểm soát của các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ, kém hiệu quả, …chưa có hình thức xử lý nghiêm khắc những cá nhân, đơn vị, công ty vi phạm, hay nói cách khác là biết mà làm ngơ. Cứ thử phạt thật nặng một người nào đó xả rác ra đường phố làm gương, thì còn ai dám xả rác nữa.

- Hơn nữa, hệ thống xử lí rác thải của nước ta còn lạc hậu, nên chưa xử lí được triệt để rác thải.

***e. Giải pháp:***

**-**Đầu tiên, phải nâng cao ý thức của mỗi người dân. Người dân có ý thức thì sẽ hạn chế được việc vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định. Hơn nữa, chúng ta cần khuyến khích việc tái sử dụng túi nilong, sử dụng nhiều các túi hữu cơ để có thể bảo vệ môi trường. Túi nilong khi không được xử lí trong các nhà máy mà chỉ bị chôn xuống đất thì sẽ rất khó phân hủy và gây hại cho đất.

**-** IUNC - Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế đa đã làm việc với các chuyên gia máy tính và nghiên cứu về tuổi thọ của các loại bao bì chất thải, để từ đó có cơ sở cho các doanh nghiệp sản xuất dụng cụ bao bì phù hợp hơn.

- Ngày nay, thế giới đã chuyển dần sang dùng túi vải để dựng thức ăn đồ đạc mua từ cửa hàng về để tránh dùng quá nhiều túi nilon. Các chương trình, chiến dịch dọn rác cũng được thực hiện với quy mô trong tỉnh, trong cả nước. Như ở nước ta, Liên minh Hạ Long - Cát Bà đã tổ chức các đợt dọn dẹp rác ven biển với quy mô lớn. Các công ty, nhà máy cũng đã chú ý hơn đến việc xử lý chất thải trước khi đưa ra ngoài môi trường…

- Các cơ quan có thẩm quyền cũng cần thắt chặt và xử phạt thật nặng đối với những đối tượng vi phạm. Một số nước đã đặt ra mức thuế với việc sử dụng đồ nhựa, rác thải.

**3. Bài học nhận thức và hành động:**

- Tóm lại, bức hình là lời cảnh tỉnh cho con người trước thái độ ứng xử của mình với môi trường, xã hội và sức khoẻ bản thân. Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay là một vấn nạn gây hậu quả nghiêm trọng cần lên án và loại bỏ. Hãy bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của mọi người.

- Mỗi người chúng ta nên bắt đầu từ việc nhỏ nhất nhưng cũng là việc quan trọng nhất - nâng cao ý thức của bản thân mình. Có ý thức thì ta sẽ chú ý hơn trong hành động của bản thân mỗi ngày. Từ đó có thể làm gương cho những người xung quanh, tạo ra hiệu ứng bầy đàn, lan toả đến mọi người trong cộng đồng.

**ĐỀ 10: Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng gợi ra từ bức hình.**



**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Giải thích, phân tích nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**

- Bức hình phác hoạ trái đất được chia làm hai nửa. Nửa bên trái có màu nền u ám cháy sém khói bốc lên từ từ những rặng cay trợ trụi chỉ còn lơ thơ vài cây dơ cả xương. Làng mạc nhà của chìm trong khói đen ngột ngạt.

- Nửa bên phải là màu xanh của cỏ cây bầu trời. Trên nền ấy những rất nhiều những muông thú vẽ như đang ngơ ngác hoảng hốt chưa hiểu chuyện gì xảy ra từ phía nửa bên kia của trái đất. Một số con trong chúng như đang tìm kiếm nơi tránh trú nhưng cây cối rậm rạp cũng thưa thớt không đủ để che chắn. Một số con khác hoảng hốt lao nhanh giữa không trung chơ vơ.

=> Bức tranh biếm hoạ miêu tả một thực trạng đáng báo động hiện nay khiến cho cả con người và muông thú đang đứng bên bờ vực của sự sống đó lànạn chặt phá rừng.

**2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**

***a. Giải thích:***

- Rừng được hiểu là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật, động vật, vi sinh vật… cùng sinh trưởng và phát triển trên những vùng đất cao rộng, đặc biệt là đồi núi. Rừng là một phần không thể thiếu trong môi trường tự nhiên.

***b. Vai trò của rừng:***

- Rừng là ngôi nhà chung của muôn loài thực vật, trong đó có những loài vô cùng quý hiếm. Ngôi nhà ấy không được bảo vệ, sẽ dẫn đến những hậu quả không nhỏ về mặt sinh thái.

- Rừng là lá phổi xanh của trái đất. Chỉ riêng hình ảnh lá phổi cũng đã nói lên sự quan trọng vô cùng của rừng với cuộc sống con người.

- Rừng ngăn nước lũ, chống xói mòn, điều hòa khí hậu. Hầu như mọi hiện tượng bất thường của khí hậu đều có nguồn gốc từ việc con người không bảo vệ rừng. Ở Việt Nam chúng ta, suốt từ Bắc đến Nam, lũ lụt, hạn hán xảy ra liên miên trong nhiều năm qua là bởi rừng đã bị con người khai thác, chặt phá không thương tiếc.

- Bảo vệ rừng là bảo vệ những nguồn lợi kinh tế to lớn mà rừng đem lại cho con người.

- Rừng cho gỗ quý, dược liệu, thú, khoáng sản…

- Rừng thu hút khách du lịch sinh thái.

- Rừng đã góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng: Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.

***c. Thực trạng:***

**-** Nhưng hiện nay, thực trạng rừng bị tàn phá đang để lại một tình trạng chung đáng lo ngại đối với cuộc sống của con người. Con người ngày nay đã không tiếc tay tàn phá những khu rừng. Họ khai thác rừng bừa bãi, chặt phá rừng liên tục. Tình trạng khai thác rừng, chặt phá để lấy gỗ. Họ phục vụ những mục đích cá nhân như để mở rộng diện tích canh tác, làm nương, làm rẫy, thu lợi nhuận từ việc bán gỗ, động vật quý hiếm.

*Dẫn chứng: Thực trạng nạn chặt phá rừng ở Việt Nam hiện nay đang là vấn đề hết sức nghiêm trọng. Thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT), chỉ trong hơn 5 năm từ 2012 – 2017, diện tích rừng tự nhiên đã bị mất do chặt phá rừng trái pháp luật mất chiếm 11%, 89% còn lại là do chuyển mục đích sử dụng rừng tại những dự án được duyệt. Tính đến tháng 09/2017, diện tích rừng bị chặt phá là 155,68 ha và 5364,85 ha diện tích rừng bị cháy.*

*Thực tế, diện tích rừng tự nhiên ở Việt Nam đang ngày càng suy giảm nhanh với tốc độ chóng mặt. Nhất là độ che phủ rừng ở khu vực miền Trung. Độ che phủ rừng ở nước ta hiện còn chưa đến 40%, diện tích rừng nguyên sinh còn khoảng 10%.*

***d. Nguyên nhân chặt phá rừng:***

**\* Nguyên nhân khách quan**

- Nền kinh tế nước ta đang phát triển nên nhiều yếu tố khác trong xã hội cũng tăng lên. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế của người dân không có sự thay đổi lớn.

- Vẫn còn nhiều người dân sống trong cảnh nghèo đói, thiếu thốn nên lên rừng chặt gỗ lậu kiếm tiền.

**\* Nguyên nhân chủ quan**

- Quy hoạch, kế hoạch không đúng với quá trình điều chế rừng và sắp xếp ngành nghề.

- Hoạt động quản lý nhà nước về rừng vẫn còn yếu kém.

- Nhận thức của người dân, khai thác rừng không đúng với quy hoạch.

- Quá trình chuyển hóa từ sản xuất lâm nghiệm sang nông nghiệp.

- Do xây dựng cơ sở hạ tầng: Công trình thủy điện, đường giao thông.

- Tập tục du canh du cư, đốt rừng làm nương rẫy của một vài dân tộc thiểu số vùng cao.

- Do các doanh nghiệp lợi dụng dự án để thu lợi nhuận.

- Hoạt động chặt phá rừng của lâm tặc.

- Tất cả đều xuất phát từ nguyên nhân muốn vụ lợi cá nhân, tăng thêm thu nhập, làm ăn kinh tế cá nhân. Họ không biết rằng họ đang tự tay phá hủy đi chính cuộc sống của mình.

***e. Tác hại:***

- Đầu tiên, việc phá hủy rừng là phá hủy đi những lợi ích lớn của nó. Ngoài việc mất đi nguồn không khí trong lành, việc phá rừng cũng khiến cho hậu quả của những thiên tai gây ra nặng nề hơn, làm cho cuộc sống người dân gặp phải vô vàn những khó khăn.

- Không có rừng ngăn cản bảo vệ khỏi lũ lụt, tình trạng xói mòn đất cũng gia tăng.

- Bầu khí quyển vì thế mà cũng trở nên ô nhiễm, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ hô hấp, sức khỏe của con người.

- Không chỉ vậy, rừng là mất đi nơi trú ngụ của những sinh vật quý hiếm. Rừng bị chặt phá thú rừng cũng mất chổ trú ngụ, tan đàn mất giống suy thoái..

***g. Giải pháp:***

- Bản thân mỗi chúng ta cần nhận thức đúng, rõ về vai trò của rừng đối với cuộc sống mỗi con người. Chỉ khi nhận thức được điều ấy, chúng ta mới có những việc làm đúng đắn. Việc nhận thức cũng cần được tuyên truyền, phổ biến rộng khắp đối với mọi người để cùng nhau tạo nên những suy nghĩ tích cực.

- Sau đó là những việc làm thiết thực hơn như phê phán, tố cáo đối với những việc làm sai trái, phá hủy rừng.

- Việc tham gia, vào cuộc của chính quyền cũng như các cấp lãnh đạo cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ rừng.

- Chúng ta cần ban hành những luật định cụ thể về những hành vi tàn phá rừng bừa bãi cũng như có những biện pháp bảo vệ cụ thể. Việc tuyên truyền qua những phương tiện thông tin đại chúng cũng góp phần quan trọng chung tay bảo vệ rừng.

**3. Bài học nhận thức và hành động**

- Bức hình là hồi chuông báo động con người. Cuộc sống của chúng ta là do chúng ta quyết định. Việc bảo vệ rừng cũng là việc bạn đang bảo vệ cuộc sống của bản thân mình. Tôi làm được, và tôi tin bạn cũng thế. Hãy cùng nhau chung tay để bảo vệ rừng, bảo vệ lá phổi xanh, mẹ thiên nhiên của chúng ta.

- Người dân cần phải nâng cao ý thức trồng và bảo vệ rừng. Không tự ý đốt rừng, khai thác rừng trái phép. Thực hiện những hành động nhỏ nhưng thiết thực bảo vệ môi trường thiên nhiên bằng cách: Không chặt phá rừng, đốt rừng bừa bãi. Lên án, tố cáo hành vi, người có ý định khai thác, chặt phá rừng trái phép. Tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện chủ trương bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

**==============================================**

**PHẦN 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**CHUYÊN ĐỀ 3: PHÂN TÍCH CÁC TÁC PHẨM THƠ THẤT NGÔN**

**I. KHÁI NIỆM**

**1. Thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật**

- Nguồn gốc: Thời nhà Đường Trung Quốc

**a. Khái niệm**: Là thể thơ ra đời từ đời nhà Đường Trung Quốc (618 -907). Đây là thể thơ thất ngôn bát cú là cổ thi, xuất hiện sớm ở Trung Quốc. Đến đời nhà Đường mới được các nhà thơ đặt quy định cụ thể, rõ ràng, kéo dài trong chế độ phong kiến. Thể thơ này đã được các đời vua Trung Quốc và Việt Nam dùng cho việc thi cử tuyển chọn nhân tài, rất phổ biến ở Việt Nam vào thời Bắc thuộc, chủ yếu được những cây bút quý tộc sử dụng.

**b. Đặc điểm**

- Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau: Luật, Niêm, Vần, Đối và Bố cục.

+ Về hình thức: Thơ Đường luật có các dạng "thất ngôn bát cú" (tám câu, mỗi câu bảy chữ) được xem là dạng chuẩn, biến thể có các dạng: "thất ngôn tứ tuyệt" (bốn câu, mỗi câu bảy chữ), "ngũ ngôn tứ tuyệt" (bốn câu, mỗi câu năm chữ), "ngũ ngôn bát cú" (tám câu, mỗi câu năm chữ) cũng như các dạng ít phổ biến khác. Người Việt Nam cũng tuân thủ hoàn toàn các quy tắc này.

+ Bố cục: Bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật được chia 4 phần: Đề, Thực (hoặc Trạng), Luận, Kết. "Đề" gồm 2 câu đầu trong đó câu đầu tiên gọi là câu phá đề, câu thứ 2 gọi là câu thừa đề, chuyển tiếp ý để đi vào phần sau. "Thực" gồm 2 câu tiếp theo, giải thích rõ ý đầu bài. "Luận" gồm 2 câu tiếp theo nữa, bình luận 2 câu thực. "Kết" là 2 câu cuối, kết thúc ý toàn bài, trong đó câu số 7 là câu "thúc" (hay "chuyển") và câu cuối là "hợp". Có ý kiến cho rằng: Hai câu đề giới thiệu về thời gian, không gian, sự vật, sự việc. Hai câu thực trình bày, mô tả sự vật, sự việc. Hai câu luận diễn tả suy nghĩ, thái độ, cảm xúc về sự vật, hiện tượng. Hai câu kết khải quát toàn bộ nội dung bài theo hướng mở rộng và nâng cao - Thơ thất ngôn bát cú có luật lệ gò bó khó làm nhất nhưng chính điều đó lại được người xưa ưa thích nhất.

**c. Những lưu ý khi phân tích thơ Đường Luật**

**1. Xác định thể thơ được sử dụng trong bài thơ.**

- Với dạng câu hỏi này, học sinh cần căn cứ vào số tiếng trong mỗi câu thơ và số câu thơ trong bài để xác định. Trường hợp bài thơ đó được viết bằng chữ Hán, các em cần căn cứ vào số câu và số tiếng trong phần phiên âm để xác định một cách chính xác. Có hai thể thơ Đường luật thường gặp nhất là ngũ ngôn (5 tiếng) và thất ngôn (7 tiếng). Trong thơ thất ngôn lại có hai dạng phổ biến là thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (mỗi câu thơ có 7 tiếng, một bài thơ có 4 câu) và thất ngôn bát cú Đường luật (mỗi câu thơ có 7 tiếng, một bài thơ có 8 câu).

Ví dụ 1: Bài thơ *Tỏ lòng* của Phạm Ngũ Lão được làm theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật:

Phiên âm:

*Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu,*

*Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.*

*Nam nhi vị liễu công danh trái,*

*Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu*.

Dịch thơ:

*Múa giáo non sông trải mấy thu,*  
*Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.*  
*Công danh nam tử còn vương nợ,*  
*Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

Ví dụ 2: Bài thơ *Câu cá mùa thu* của nhà thơ Nguyễn Khuyến được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

*Tầng mây lơ lửng, trời xanh ngắt,*

*Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.*

*Tựa gối buông cần lâu chẳng được,*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

**2. Xác định chủ thể trữ tình trong bài thơ**

- Chủ thể trữ tình là chủ thể phát ngôn, thường là tác giả hoặc là người đại diện cho quan niệm thẩm mĩ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống; đây là con người cảm xúc, suy tư trong tác phẩm nhưng không nên đồng nhất đơn giản giữa chủ thể trữ tình và tác giả. Trong thơ trữ tình, chủ thể trữ tình có thể xuất hiện theo hai dạng:

Thứ nhất là xuất hiện qua các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít hoặc số nhiều như: “tôi”, “anh", “em”, “chúng ta", “chúng tôi". Thứ hai là chủ thể trữ tình phát ngôn dưới hình thức chủ ngữ ẩn, không có ngôi. Với thơ Đường luật thời trung đại, chủ thể trữ tình thường xuất hiện ở dạng thứ hai, nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội, ít mang tính cá thể.

- Để xác định chính xác chủ thể trữ tình, các em cần căn cứ vào những đặc điểm về lứa tuổi, giới tính, tầng lớp trong xã hội,cuộc sống, quan niệm… Một số chủ thể trữ tình thường gặp trong thơ Đường luật như: nhà nho ẩn dật, nhà nho yêu nước, người phụ nữ với thân phận hẩm hiu trong xã hội cũ… Trong một số trường hợp cụ thể, chủ thể trữ tình có thể được xác định là chính cái tôi tác giả như trong bài thơ *Tự tình* (bài 2) của Hồ Xuân Hương.

**3. Xác định phương thức biểu đạt, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ**

- Với câu hỏi xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản, học sinh cần liệt kê tất cả những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. Với câu hỏi xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản, học sinh chỉ nêu một phương thức biểu đạt được sử dụng rõ nét nhất trong văn bản.

- Thơ Đường luật thường sử dụng một số phương thức biểu đạt như: tự sự, miêu tả, biểu cảm. Nếu một bài thơ Đường luật có sử dụng kết hợp phương thức biểu đạt biểu cảm với một hoặc một vài phương thức biểu đạt khác thì phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ thường là biểu cảm.

**4. Xác định cách gieo vần trong bài thơ**

- Thông thường một bài thơ Đường luật chỉ gieo một vần và là vần bằng ở cuối các câu 1,2,4 (với thơ tứ tuyệt); câu 1,2,4,6,8 (với thơ bát cú).

- Ví dụ: Bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến được gieo vần *eo* ở cuối các câu thơ 1,2,4,6,8.

**5. Xác định đề tài của bài thơ**

 - Đề tài là lĩnh vực đời sống được nhà văn, nhà thơ nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.

- Với câu hỏi: xác định đề tài của bài thơ, học sinh cần đọc kĩ nội dung để tìm ra đề tài bài thơ. Lưu ý, khi nêu đề tài, các em cần khái quát thật ngắn gọn. Một số đề tài thường gặp trong thơ Đường luật thời trung đại như: thiên nhiên, tình bạn, người phụ nữ, chí làm trai…

- Ví dụ: Bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương viết về đề tài người phụ nữ trong xã hội cũ, bài thơ *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến viết về đề tài tình bạn.

**6. Nêu nội dung chính của đoạn thơ, bài thơ**

- Trên thực tế, mỗi bài thơ có một nội dung riêng đòi hỏi người đọc phải tìm hiểu lần lượt từ ngữ, hình ảnh, các điển tích, điển cố (nếu có), các lớp nghĩa của văn bản…

- Khi làm bài đọc hiểu thơ Đường luật, muốn xác định nội dung chính của đoạn thơ, bài thơ, ở một số trường hợp, học sinh có thể kế thừa nội dung của một số câu hỏi phần đọc hiểu làm gợi ý để trả lời. Nội dung câu trả lời nên được khái quát ngắn gọn.

**7. Xác định và nêu ý nghĩa của hình ảnh được sử dụng trong đoạn thơ, bài thơ**

- Hình ảnh là những thứ xung quanh mà bằng mắt thường ta có thể quan sát và nhìn thấy được. Việc xác định hình ảnh trong thơ nói chung, trong thơ Đường luật nói riêng cũng vậy.

- Ví dụ: Các hình ảnh xuất hiện trong đoạn thơ:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

gồm có: ao thu, thuyền câu, sóng biếc, lá vàng.

-Thơ Đường vốn hàm súc, ý tại ngôn ngoại và hình ảnh trong thơ Đường luật thường có tính ước lệ, tượng trưng cao, chứa đựng tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc và con người. Do đó, khi đọc hiểu thơ Đường luật, người đọc cần lưu ý đến ý nghĩa của những hình ảnh này.

- Ví dụ:  Trong hai câu thơ: *Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ/Cô chu nhất hệ cố viên tâm*. (Dịch thơ:*Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ*/ *Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*) thuộc bài thơ *Cảm xúc mùa thu*của Đỗ Phủ, hình ảnh *cô chu* (con thuyền cô đơn, lẻ loi)là hình ảnh mang sức gợi rất lớn*.* Nó chính là hình ảnh ẩn dụ chỉ người con xa xứ đang lênh đênh, phiêu bạt nơi đất khách quê người với nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương, xứ sở.

**8. Chỉ ra và nêu hiệu quả của nghệ thuật đối được sử dụng trong câu thơ, bài thơ**

          Thơ Đường rất chú trọng đối và nghệ thuật đối khá đa dạng. Với bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật, nghệ thuật đối sẽ được thể hiện ở hai câu *thực* (câu thơ 3,4) và hai câu *luận*(câu thơ 5,6). Các chữ đối nhau phải cùng từ loại (cùng danh từ, động từ…) Có khi đối giữa hai vế trong một câu; phổ biến là đối về từ, ngữ, các vế của câu trên với câu dưới, có khi đối giữa hai câu thực và hai câu luận. Nếu đối ý thì có hai dạng: đối tương đồng và đối tương phản.

Để xác định nghệ thuật đối được sử dụng trong bài thơ Đường luật, học sinh cần chỉ ra được nghệ thuật đối được thể hiện ở câu thơ nào, từ ngữ nào, đối tương đồng hay đối tương phản.

Ví dụ: Nghệ thuật đối được sử dụng trong hai câu thơ trong bài*Nhàn*của Nguyễn Bỉnh Khiêm: *Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ*/ *Người khôn người đến chốn lao xao* là đối tương phản giữa câu trên với câu thơ dưới*: ta – người, dại – khôn, vắng vẻ - lao xao.*

Để nêu chính xác và đầy đủ hiệu quả của nghệ thuật đối, học sinh cần quan tâm tới cả tác dụng về mặt nghệ thuật và tác dụng về mặt nội dung. Về nghệ thuật, thông thường, nghệ thuật đối có tác dụng tạo sự hài hòa, cân xứng cho câu thơ. Về nội dung, mỗi câu thơ, bài thơ mang một nội dung riêng đòi hỏi học sinh phải khái quát được nội dung chính của câu thơ, bài thơ đó. Chẳng hạn tác dụng của nghệ thuật đối ở hai câu thơ trên trong bài *Nhàn* của Nguyễn Bỉnh Khiêm là: tạo sự hài hòa, cân xứng cho câu thơ, thể hiện quan niệm sống của chủ thể trữ tình: tìm về với thiên nhiên, lánh xa nơi bon chen, quyền quý để giữ cho mình cốt cách thanh cao.

**9. Bài thơ gửi tới người đọc bức thông điệp nào?**

          Trên thực tế, ta có thể hiểu thông điệp là điều mà nhà thơ thông qua hiện thực được nói tới trong bài thơ để truyền tải tới người đọc những mong muốn của bản thân về một lối sống, lối ứng xử, hướng hành động… cụ thể và tích cực.

Muốn tìm được thông điệp mà nhà thơ gửi gắm trong bài thơ đòi hỏi học sinh cần tìm hiểu nội dung bài thơ. Khi nêu thông điệp, học sinh cần nêu thật ngắn gọn. Thông điệp nghiêng về hướng hành động nên khi trả lời, các em nên sử dụng kết cấu: *Hãy…*

*Ví dụ:*Thông điệp bài thơ *Tự tình* của Hồ Xuân Hương là: hãy yêu thương, đồng cảm và trân trọng người phụ nữ.

**II. HƯỚNG PHÂN TÍCH**

**DÀN Ý CHUNG**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả tác phẩm

- Dẫn dắt vấn đề cần nghị lu

- Cảm xúc chung của em về bài thơ đó.

**2. Thân bài**

**+ Cách 1**

- Lần lượt triển khai theo bố cục của thể thơ

\* Đối với thể thơ Thất ngôn bát cú Đường Luật (Phân tích theo bố cục Đề, thực, luận, kết)

\* Đối với thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt (Triển khai theo bố cục Khai, thừa, chuyển, hợp)

**+ Cách 2**: Triển khai theo luận điểm

- Luận điểm 1: Giới thiệu qua về hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề của bài thơ ( Nếu biết không thì thôi, bỏ qua, Không gộp vào mở bài)

- Luận điểm 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật

- Luận điểm 3: Đánh giá (Không trùng với kết bài)

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ

- Cảm xúc chung

**III. LUYỆN ĐỀ**

**Đề 1: Phân tích bài thơ “Đất Vị Hoàng” (Trần Tế Xương)**

**Đất Vị Hoàng**

*Có đất nào như đất ấy không?*

*Phố phường tiếp giáp với bờ sông.*

*Nhà kia lỗi phép con khinh bố,*

*Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.*

*Keo cú người đâu như cứt sắt(1),*

*Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng(2).*

*Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,*

*Có đất nào như đất ấy không?*

*(Trần Tế Xương, Tuyển tập thơ trung đại, NXB Văn học, 2012)*

**Chú thích:**

**(1)***cứt sắt:*Chất thải ra từ sắt nung, ý cả câu: không còn đẽo gặm gì được nữa

(2)*hơi đồng*: Hơi tiền bạc. Ngày xưa tiền đúc bằng đồng.

**Lập dàn ý:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về nhà thơ Trần tế Xương và bài thơ

**2. Thân bài**

- Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ

**a. Hai câu đề**

*“Có đất nào như đất ấy không  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông”*

Câu thơ đầu tiên tác phẩm đã sử dụng một biện pháp tu từ khá độc đáo gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ “có đất nào như đất ấy không” => sự xót thương đang trào dâng trong lòng người thi nhân thật khiến người đọc như chúng ta cũng cảm thấy xót xa. Một mảnh đất phồn vinh đẹp đẽ một mảnh đất tốt tươi là thế bây giờ còn đâu.

- Câu thơ biểu thị một tâm trạng xót thương và có phần căm tức khi mà một thời phồn vinh của đất nước giờ còn đâu.

**b. Hai câu thực**

*“Nhà kia lỗi phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng”*

- Hai câu thơ thật khiến chúng ta cảm thấy xót xa tột cùng. Ta nghe ý thơ như một lời của chính tác giả đang than thở cho một xã hội đã suy tàn đã trên bờ diệt vong.

- Xã hội ấy không còn một giá trị đạo đức nào nữa và xã hội ấy đã để đồng tiền vượt lên trên tất cả các chuẩn mực đạo đức. Những câu thơ cuối bài thơ đa thể hiện rõ điều đó.  
**c. Hai câu luận**

*“Keo cú người đâu như cứt sắt  
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng”*

- Hai câu kết đẩy vần thơ lên cao trào của giọng điệu châm biếm và lên án. Không còn là chuyện riêng, chuyện cá biệt ở cái làng Vị Hoàng nhỏ bé nữa, mà là hiện thực thối nát, đồi bại xấu xa, đạo lí suy đồi, đảo điên... trong cái xã hội thực dân nửa phong kiến của một nước bị mất chủ quyền.

**d. Hai câu kết**

*"Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh*

*Có đất nào như đất ấy không?".*

- Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “ Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.  
- Nghệ thuật châm biếm, câu hỏi tu từ đầu cuối tương ứng, đã vạch trần được bộ mặt thật của xã hội nửa phong kiến đồng thời qua đây nhà thơ Tú Xương cũng bày tỏ thái độ tố cáo, đả kích sâu cay với những con người vì đồng tiền mà đánh mất giá trị bản thân, giá trị đạo đức xã hội. Đó là nỗi đau của người trong cuộc, đớn đau trước vận mệnh đất nước.

**e. Đánh giá chung**

- Về nội dung: Bài thơ là nỗi đau đớn, chua xót của một nhà thơ luôn thiết tha với những giá trị truyền thống tốt đẹp nay lại phải tận mắt chứng kiến sự băng hoại của những giá trị trị ấy, từ đó gián tiếp phê phán cái XH thối nát, xấu xa.

- Về nghệ thuật: Giọng điệu thơ khi gay gắt, quyết liệt, lúc chua xót, nghẹn ngào; ngôn ngữ thơ giản dị, gần gũi; cách cấu tứ độc đáo mở đầu và kết thúc bài thơ đều là câu hỏi tu từ khiến lời thơ cứ đau đáu, day dứt mãi khôn nguôn…

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trần Tế Xương được biết đến là cây bút châm biếm, đả kích quyết liệt, dữ dội những bài thơ của ông như những làn roi vút, quất thăng vào bộ mặt của xã hội phong kiến. Ông sinh ra, lớn lên và được trực tiếp chứng kiến thời buổi nhiễu nhương, nhan nhản lũ người nhí nhố, ngang nhiên làm những việc bất chính ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Bức xúc vì không làm được gì, ông đã viết lên nhiều vần thơ sâu sắc mà chua xót phản ánh thực trạng đó, một trong những tác phẩm tiêu biểu phải kể đến bài thơ *“Đất Vị Hoàng”.* Bài thơ là tinh thần, lẽ sống của con người đồng thời thể hiện thái độ châm biếm các thói hư tật xấu trong xã hội lúc bấy giờ.

"Vị Hoàng" là quê cha đất tổ của nhà thơ Tú Xương. Làng Vị Hoàng xa xưa có sông Vị Thủy chảy qua. Ngày Tây chiếm đóng thành Nam, khi cờ ba sắc xuất hiện thì sông Vị Thuỷ lấp dần. Vị Hoàng vốn là một miền quê có thứ chuối ngự ngon nổi tiếng, cùng với thơ Tú Xương đã trở thành thổ ngơi, đặc sản quê nhà, một trăm năm về trước, được truyền tụng trong dân gian: "Ăn chuối ngự, đọc thơ Xương". Vị Hoàng cũng vốn là "nơi sang trọng, chốn nhiều quan". Nhưng rồi biển dâu biến đổi, trong buổi giao thời hổ lốn dở Tây dở ta, ngày càng lộn xộn tang thương, đạo lí sa sút, suy đổi. Tú Xương đau cho nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra đó. Tú Xương đau cho nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra đó. Tú Xương đã có bài "Vị Hoàng hoài cổ" man mác buồn thương, lại thêm bài thơ "Đất Vị Hoàng" này để nói lên những chuyện xấu xa đồi bại ờ Vị Hoàng, ở thành Nam.

Bài thơ “Đất Vị Hoàng” được viết ở thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật, là bài thơ thể hiện niềm xót xa trước vận mệnh dân tộc. Vị Hoàng là nơi sinh ra của Tú Xương, – một vùng quê đầy bình yên có những thứ đặc sản nổi tiếng. Ngày giặc đến nhà, vùng quê bình yên đó trở nên xơ xác, tiêu điều. Là một người nặng tình với quê hương đất nước, Tú Xương đau đớn cho quê nhà, xót thương trước vận mệnh đất nước bị đảo lộn. Những việc xấu, “đổi trắng thay đen” cứ thế bày ra trước mắt, nỗi đau chồng chất nỗi đau. Từ đó bài thơ “Đất Vị Hoàng” ra đời để tố cáo cái xã hội lúc bấy giờ. Mở đầu bài thơ, nhà thơ đi thẳng vào vấn đề:

*“Có đất nào như đất ấy không?  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông”*

Câu hỏi tu từ ngay phần mở đầu, “có đất nào như đất ấy không?” gợi cho ta thật nhiều suy nghĩ. Mảnh đất của sự phồn vinh, bình yên, tuyệt đẹp với những bờ sông trải dài nay còn đâu. Giọng thơ trở nên thật chua chát trước cảnh nơi chôn rau cắt rốn của mình ngày càng đổi thay, các câu chuyện ngày càng đau lòng. Phồn vinh thì cũng không còn là của ta nữa, mà trở thành một nơi “ăn chơi sa đọa”, chốn để quân Pháp chơi bời. Còn gì đớn đau thay khi một quê hương phồn vinh hơn nhưng lại chẳng phải của chúng ta. Và cũng thật chua xót biết bao khi đó là nỗi đau không chỉ ở quê hương Tú Xương mà đó còn chính là nỗi đau của toàn dân tộc – một vùng trù phú rộng lớn trở nên tiêu điều xơ xác, một vùng chỉ có xác “phồn vinh” nhưng lại thiếu đi phần hồn. Đất nước bị chiếm đóng, phồn vinh kéo theo những hệ lụy, những đạo lí truyền thống của chúng ta bị đảo lộn.

*“Nhà kia lỗi phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng”*

Giặc chiếm đất, chiếm nhà, chiếm ruộng… của ta, phố phường cứ thế mọc lên và chúng càng vơ vét, càng bóc lột ta để làm giàu. Những đạo lí truyền thống chữ “hiếu” luôn đặt lên hàng đầu của ta từ ngàn đời nay còn đâu khi “con khinh bố”. Bố mẹ là người chăm lo cho ta, vậy lí do nào đã khiến cho tình cảm thiêng liêng ấy bị coi thường. Đó còn là “mụ vợ chanh chua”, người con gái nước Nam dịu dàng, nữ tính đi đâu mất rồi, thay vào đó lại là “mụ vợ chửi chồng”. Lí do gì đã khiến mọi trật tự, mọi đạo lí truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta bị đảo lộn, bị xáo trộn như vậy? Phải chăng đồng tiền đã làm cho con người ta mờ mắt, chỉ ham đến vinh hoa phú quý mà bỏ quên những điều xưa cũ, những đạo lí ân nghĩa thủy chung, những chuẩn mực đạo đức của ta. Ta thật sợ, ghê tởm cái xã hội nhem nhuốc, dơ bẩn lúc bấy giờ. Một gia đình không tốt, “hỏng” từ vợ - chồng đến con cái, vậy xã hội làm sao tốt đẹp đây?

“*Keo cú người đâu như cứt sắt  
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng”*

Hai câu thơ sau là cảnh vẽ về con người đối nhau, một tứ thơ đầy hoàn thiện nhưng cũng đầy chua xót. Những kẻ tham lam, keo cú trên đất nước ta nhiều vô kể. Họ bần tiện, ghê gớm đến nỗi “như cứt sắt”- một chất thải ra từ đất nung không còn thể đẽo gặm gì nữa. Đó còn là những con người tham lam, vơ vét cho bản thân mà quên đi cái giá trị của con người, mở miệng ra là thấy nói chuyện tiền, lấy tiền làm chuẩn mực của đạo đức, đánh giá một con người. Thối tha thay cái xã hội lúc bấy giờ, đớn đau thay cho những con người bị tha hóa. Nhà thơ Tú Xương thật tài tình khi vận dụng nghệ thuật so sánh kết hợp với biện pháp đảo ngữ làm cho các câu thơ trở nên có giá trị thẩm mĩ cao. Giọng thơ trở nên dữ dội, khinh bỉ hơn bao giờ hết. Đó là một bản cáo trạng mà nhà thơ viết lên để tố cáo những kẻ tham lam, vì tiền mà đánh mất đạo đức con người.

“*Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh  
Có đất nào như đất ấy không”*

Tú Xương kịch liệt lên án, tố cáo những thói hư tật xấu của con người lúc bấy giờ, hiện thực thối nát, cái xấu, cái ác, trắng đen lẫn lộn… Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.

- Về nội dung: Bài thơ là nỗi đau đớn, chua xót của một nhà thơ luôn thiết tha với những giá trị truyền thống tốt đẹp nay lại phải tận mắt chứng kiến sự băng hoại của những giá trị trị ấy, từ đó gián tiếp phê phán cái XH thối nát, xấu xa.

- Về nghệ thuật: Giọng điệu thơ khi gay gắt, quyết liệt, lúc chua xót, nghẹn ngào; ngôn ngữ thơ giản dị, gần gũi; cách cấu tứ độc đáo mở đầu và kết thúc bài thơ đều là câu hỏi tu từ khiến lời thơ cứ đau đáu, day dứt mãi khôn nguôn…

Thơ Trần Tế Xương là vậy, luôn lấp lánh một nét tâm trạng, một cái gì đáng phải suy ngẫm. Chính điều đó làm nên giá trị và khiến cho thơ ông mãi trường sinh. Năm tháng đi qua, thơ văn của ông càng được thời gian mài sáng thêm, và bài thơ “Đất Vị Hoàng” là một bài thơ như thế. Những nỗi niềm ưu ái, khắc khoải dưới cái vỏ bọc cay độc, dữ dằn càng được người đọc các thế hệ cảm thông, thấu hiểu cặn kẽ hơn theo thời gian.

**Đề 2: Phân tích bài thơ “Tiến sĩ giấy” của Nguyễn Khuyến.**

**Tiến sĩ giấy**

*Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,*

*Cũng gọi ông nghè có kém ai.*

*Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,*

*Nét son điểm rõ mặt văn khôi.*

*Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?*

*Cái giá khoa danh ấy mới hời!*

*Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,*

*Nghĩ rằng đồ thật, hóa đồ chơi!*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**I. Mở bài**

**-** Giới thiệu tác giả (vị trí, đặc điểm phong cách sáng tác): Nguyễn Khuyến là đại diện xuất sắc của văn học trung đại Việt Nam ở thế kỉ XIX. Thơ ông bộc lộ một nhân cách cao thượng, một tâm hồn trong sáng luôn trăn trở, day dứt trước cảnh nước mất nhà tan.

- Giới thiệu và nêu khái quát giá trị bài thơ: “Tiến sĩ giấy” là một trong những bài thơ tiêu biểu của Nguyễn Khuyến mang giọng điệu trào phóng sâu cay. Mượn hình ảnh món đồ chơi của trẻ em thường được bán vào dịp Trung thu, nhà thơ gửi gắm suy nghĩ, tâm sự của mình trước thời cuộc đã chế giễu những kẻ mang danh khoa bảng mà bất tài, lại luôn luôn vênh vang với đời; đồng thời cũng tự mỉa mai mình dù đỗ đạt cao nhưng bất lực trước thời cuộc.

**II. Thân bài**

**1. Giới thiệu chung**

- Về tác giả: (Có thể giới thiệu thêm vài nét về tác giả nếu HS có kiến thức, thông tin).

Là nhà thơ tài năng, được mệnh danh là “Tam Nguyên Yên Đổ” vì đỗ đầu 3 kỳ thi; là “nhà thơ của làng cảnh Việt nam”.

- Về tác phẩm:

+ Xuất xứ: NK sáng tác ở cả hai mảng: trào phúng và trữ tình. Thơ Trào phúng của NK không gay gắt, quyết liệt như thơ trào phúng của Tú Xương mà nhẹ nhàng, thâm thúy, sâu cay. Điều đó được thể hiện rõ nét trong bài thơ: “Tiến sĩ giấy”. Bài thơ được in trong tuyển tập *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971.

**+ Ý nghĩa nhan đề:**

- “Tiến sĩ giấy” chỉ hình nộm ông tiến sĩ làm bằng giấy có đủ cờ, biển, cân, đai, lọng xanh, ghế treo, là một trong nhiều [đồ chơi](https://vanhochay.com/tag/do-choi) quen thuộc của trẻ em ngày xưa, thường được bán vào dịp [tết Trung thu](https://vanhochay.com/tag/tet-trung-thu). Làm loại [đồ chơi](https://vanhochay.com/tag/do-choi) này, người ta có ý khơi dậy ở trẻ em lòng ham học và ý thức phấn đấu theo [con đường](https://vanhochay.com/tag/con-duong) khoa cử.

- Nguyễn Khuyến làm bài thơ *Tiến sĩ giấy để* vịnh thứ đồ chơi đó để chế giễu những kẻ mang danh khoa bảng mà bất tài, lại luôn luôn vênh vang với đời, đồng thời cũng tự mỉa mai mình dù đỗ đạt cao nhưng bất lực trước thời cuộc.

**\* Phân tích bài thơ theo bố cục:**

**- Hai câu đề:**

*Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,*

*Cũng gọi ông nghè có kém ai!*

+ Hai câu thơ miêu tả thực hình nộm ông tiến sĩ được làm bằng giấy với những chi tiết như tiến sĩ thật: *cờ, biển, đai* - hết thảy đều là những thứ cao quý vua ban cho người đỗ tiến sĩ để vinh quy bái tổ. Nhân vật có vẻ bề ngoài vừa uy nghi, vừa phô trương tự đắc.

+ Điệp từ *cũng* lặp lại ba lần ẩn, được đưa lên đầu câu chứa ý vị mỉa mai, bắt đầu bộc lộ thái độ của tác giả; kết hợp với ba từ "có kém ai" khiến cho con người có học vị cao này có cái vẻ của sự giả dối, học đòi.

Như vậy, ở hai câu đề, tác giả nhấn mạnh sự giống nhau về hình thức và tên gọi giữa *tiến sĩ giấy và* tiến sĩ thật ngoài đời; hàm chứa ý vị mỉa mai.

* **Hai câu thực:**

*Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,*

*Nét son điểm rõ mặt văn khôi.*

+ Tính chất “tiến sĩ giấy” được làm rõ hơn ở hai câu thực. Ông *tiến sĩ giấy* này giá trị chẳng đáng là bao vì chỉ được làm bằng nan tre và giấy màu (nghĩa đen). Chỉ với vài mảnh giấy xanh xanh, đỏ đỏ, người làm đồ chơi bồi bồi, dán dán thành hình một ông *tiến sĩ giấy,* mặt mày phết màu trắng rồi dùng màu son tô điểm cho đẹp.

+ Nghệ thuật đối được sử dụng tài tình đem đến ý nghĩa trào phúng: Mảnh giấy" đối với "thân giáp bảng", "nét son" đối với "mặt văn khôi".

Nguyễn Khuyến đã đặt những sự vật có giá trị khác hẳn nhau vào trong một kết cấu song hành, đối lập, cho mọi người thấy được việc tạo ra một ông tiến sĩ giả bằng giấy thực chẳng khó khăn gì. Qua đó thể hiện tính chất rẻ mạt, vô nghĩa của danh hiệu tiến sĩ thực của cái thời cuối phong kiến đầu thực dân này; từ đó phê phán loại tiến sĩ thật nhưng bất tài vô dụng, đỗ đạt bằng những cách tiêu cực nên hữu danh vô thực.

* **Hai câu luận:**

*Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ,*

*Cái giá khoa danh ấy mới hời!*

+ Vừa tả vừa bình, nghiêng về lời bình mỉa mai chua chát nhiều hơn. Bằng hai cụm từ cảm thán: "sao mà nhẹ", "ấy mới hời" dường như giá trị của ông nghè đã có thể mang ra cân đo, đong đếm. Vẫn nói về ông *tiến sĩ giấy* như: *tấm thân nhẹ, cái giá hời*bởi làm bằng giấy và bán giá rẻ mạt nhưng ý tứ đã vượt ra ngoài hình hài người giấy mà chĩa thẳng vào các vị khoác trên mình xiêm áo ông nghè nhưng tài năng, đạo đức *nhẹ* tênh, suốt đời không làm nổi việc gì xứng đáng với danh vị cao quý ấy. Vậy mà cũng vênh vang với cái danh ông nghè, ông thám, thì quả là *cái giá khoa danh ấy* quá rẻ, quá *hời,* chỉ nhờ dịp may mà mua được. Ý nghĩa trào lộng, châm biếm sâu cay của đoạn thơ đến đây đã thể hiện rất rõ.

+ Trong thực tế, để đỗ đạt thành ông Nghè, ông Cống thì phải thực sự có tài và mất nhiều cống phu học hành, thi cử mới mong có ngày được vua ban cờ biển, cân đai, áo mũ… để vinh quy bái tổ, làm vẻ vang cho gia đình, làng nước. Đâu có dễ như người nghệ nhân làm ra ông *tiến sĩ giấy* chỉ trong thoáng chốc.

+ Tính từ *nhẹ* mang nhiều nghĩa: *nhẹ* về trọng lượng (vì bằng tre và giấy); *nhẹ* về tài đức (bất tài vô dụng). Nghĩa sau là chính. Như thế là không phải chỉ đến Tết Trung thu mới xuất hiện hàng loạt những ông *tiến sĩ giấy,* mà *tiến sĩ giấy hằng* ngày có mặt khắp nơi. Trong đám quan lại của triều đình nhà Nguyễn cuối thế kỉ XIX, thiếu chi *thân giáp bảng, mặt văn khôi* nhưng cũng chẳng hơn gì loại *tiến sĩ giấy.* Lớp trước sợ giặc, hèn nhát đầu hàng. Lớp sau dựa vào lí lẽ tùy thời, ra làm quan với triều đình bù nhìn, ngoan ngoãn chấp nhận kiếp làm tay sai cho thực dân Pháp. Đến đây thì *xiêm áo* không chỉ nhẹ, *khoa danh* không chỉ *hời* mà đã thành dơ bẩn. Cho nên tác giả mới kết thúc bài thơ bằng hai câu nhận xét thâm thuý:

**- Hai câu kết:**

*Ghế chéo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,*

*Tưởng rằng đồ thật hoá đồ chơi!*

+ Sự cười cợt, trào lộng thể hiện qua tính từ *bảnh choẹ* (có nghĩa là tỏ vẻ ra oai, tự đắc, phô trương).

+ Nghĩa tả thực và nghĩa hàm ẩn vẫn lồng vào nhau, làm nổi bật dụng ý của nhà thơ: mỉa mai, chế giễu loại tiến sĩ hữu danh vô thực, chỉ biết vinh thân phì gia mà chẳng nghĩ gì đến dân đến nước. Bọn người ấy chung quy cũng chẳng khác gì *tiến sĩ giấy –*đồ chơi cho con trẻ.

+ Cảm xúc chua xót, ngậm ngùi và tự trào của nhà thơ thấp thoáng sau từng chữ, từng câu.

**\*Đánh giá bài thơ:**

**-** "Tiến sĩ giấy" là bức tranh biếm họa chế giễu, châm biếm những ông nghè trong thế kỉ XIX ở nước ta, tuy "Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai" nhưng chỉ là thứ "đồ chơi" của bọn toàn quyền, khâm sứ, công sứ - những kẻ đang xâm lược nước ta. Tiếng cười trong "Tiến sĩ giấy" là tiếng cười trong nước mắt. Bài thơ cho thấy nghệ thuật dùng từ, cách đối xứng, tạo giọng điệu rất điêu luyện của cụ Tam nguyên Yên Đổ.

**-** *Tiến sĩ giấy* còn là tiếng cười tự trào của nhà thơ, bộc lộ những day dứt, trăn trở của một nhà nho có tiết tháo trước hoàn cảnh mất nước. Nguyễn Khuyến đã châm biếm, đả phá cái giả Nho, cái vô dụng, trào phúng cả một tầng lớp đại diện cho một xã hội thối nát, một nền học vấn đã hết thời, và một giai cấp đang từng bước chấm dứt vai trò lịch sử.

**III. Kết bài**

+ Bài *Tiến sĩ giấy vượt* khỏi phạm vi bài thơ vịnh vật vì nó mang ý nghĩa xã hội sâu sắc.

+ Chất trào phúng chua cay đan xen chất trữ tình sâu thẳm. Thái độ của nhà thơ Nguyễn Khuyến thật đáng trân trọng.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Đâu là cầu nối giữa hiện tại và tương lai, đâu là thanh nam châm thu hút mọi thế hệ. Đó chẳng phải là văn học hay sao? Văn học vẫn luôn sống một cuộc đời cao đẹp gắn liền với con người và kết tinh những giọt ngọc của thời đại. Tất cả giá trị vĩnh cửu đó đã thăng hoa cùng ngòi bút cùng tác giả Nguyễn Khuyến để tác giả còn vấn vương trong trái tim biết bao độc giả. Thế nên, hiểu rõ quy luật chung của văn chương ấy Nguyễn Khuyến cũng đã nuôi dưỡng những hạt mầm thơ ca của chính mình bằng mảnh đất màu mỡ mang tên đời sống, một trong những hạt mầm đơm hoa kết trái nơi trái tim bạn đọc phải kể đến thi phẩm “Tiến sĩ giấy”. Bài thơ trào phúng thể hiện cái nhìn mỉa mai, châm biếm của Tam nguyên Yên Đổ đối với hạng người mang danh khoa bảng mà không có thực chất, đồng thời cũng mang thoáng chút tự trào của tác giả.

Nhan đề bài thơ "Tiến sĩ giấy" vốn để miêu tả một nét đẹp văn hóa của dân tộc ta. Đó là hình nộm bằng giấy cho trẻ em chơi trung thu, giả hình ông tiến sĩ để khơi dậy trẻ em lòng ham học và ý thức theo con đường khoa cử. Tuy nhiên trong văn bản, "giấy" không chỉ để gợi về chất liệu mà còn khiến người đọc liên tưởng đến tính chất hư danh. Bởi vậy, đặt tên tác phẩm là "Tiến sĩ giấy", Nguyễn Khuyến đã ngụ ý phê phán một cách khéo léo tính chất hư danh của học vị tiến sĩ trong thời buổi Hán học suy tàn, Tây học ngày càng lấn át.

Mở đầu bài thơ tác giả viết:

*“Cũng cờ cũng biển cũng cân đai*

*Cũng gọi ông nghè có kém ai”*

Khi thi đỗ tiến sĩ thì sẽ được triều đình vinh danh rước cờ kiệu ngưa khiêng về làng vinh quy bái tổ, được triều đình ban cho mũ mão cân đai và được xứng danh gọi là ông nghè. Tiến sĩ giấy cũng tương tự như thế và đây hẳn là một vị tiến sĩ rất uy danh và đã được khắc tên trên bảng rồng. Nhân vật xuất hiện lên với vẻ bề ngoài phô trương và ra oai tự đắc. Tác giả sử dụng rất nhiều từ “cũng” trong hai câu thơ này nghe có vẻ không được trang nghiêm lắm, liệu rằng phải chăng tác giải đang đưa chúng ta đến tư tưởng nghi ngờ và châm biếm ông nghè. Ta thấy rằng trong xã hội có rất nhiều những tiến sĩ với biển, cân đai đem danh dự về làng và sau này phục vụ đất nước. Nhưng những tiến sĩ giấy này lại chẳng có bất kì thứ gì là thật cả tất cả đều giả đều không có giá trị. Cũng giống như những tên ngoài cái mang danh tiến sĩ nhưng lại không làm gì được cho đất nước chỉ là một lũ tham ô nịnh bợ há khác nào chỉ như tiến sĩ giấy thôi sao? Và đối với những kẻ như thế thì cái bản chất cái tâm hồn bên trong chắc chắn cũng rỗng tuếch.

*Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng  
Nét son điểm rõ mặt văn khôi*

Chỉ với một mảnh giấy cộng thêm chút màu sắc ta đã tạo nên một ông tiến sĩ giấy quả thực rất đơn giản. Ở đây tác giả đã sử dung nghệ thuật đối lập một cách rất sáng tạo một bên là mảnh giấy với thân giáp bảng một bên là nét son với mặt văn khôi. Giáp bảng là bảng ghi tên những người đạt tiến sĩ trong kì thi, mặt văn khôi chỉ người đứng đầu làng văn. Những thứ tưởng chừng như được coi trọng và đưa lên hàng đầu lại được tác giả đặt cạnh những thứ không mang nhiều giá trị há chẳng phải là quá kệch cỡm hay sao? Nhưng khi ta xuyên suốt ý thơ của tác giả thì ta mới thấy được cái hay trong cách hành văn của thi sĩ. Trải qua bao nhiên năm đèn sách miệt mài người học đi thi để lấy được thành tích , được triều đình công nhận để được làm quan giúp dân giáp nước, thế mà có những người bao nhiêu năm đèn sách vẫn không có kết quả như mình mong muốn. Vậy mà những kẻ chỉ bằng một vài mảnh giấy viết son hay là những đồng tiền vật chất đã dễ dàng có được há chẳng bất công đến nhường nào. Nhưng người đời cũng đâu khuất mắt chông coi đâu phải cứ được gọi là ông nghè là đã được người đời công nhận. Họ không những không công nhận mà còn bị họ coi thường khinh rẻ.  
                                     *Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ  
 Cái giá khoa danh ấy mới hời*

Cũng chẳng biết từ lúc nào mà cái danh hiệu tiến sĩ ấy lại được đem ra cân đong đo đêm qua các từ “sao mà nhẹ”, “ấy mới hời”. Trước đây khi một người đỗ tiến sĩ được triều đình giao cho những trách nhiệm nặng nề bao nhiêu thì ngày nay nó lại được giảm bớt nhẹ nhàng bấy nhiêu. Đó cũng là lẽ đương nhiên khi mà cái khoa danh đó cũng chỉ được mua với giá” “hời”thì nó cũng chỉ như một thứ đồ giả không hơn không kém . Đọc đoạn thơ chế giễu mà sao ta như cảm thấy có chút buồn man mác của tác giả. Đó chắc hẳn là nỗi niềm xót xa cho xã hội hiện thực lúc bấy giờ khi đồng tiền có thể chi phối tất cả mọi thứ “có tiền là có tất cả” chỉ cần có chút tiền là có thể đè đầu cưỡi cổ người khác. Tác giả căm giận cái xã hội này đã khiến cho những tên không có chút tài mọn nào lại có thể ra uy trước mọi người. Nhà thơ Nguyễn Khuyến đã dùng hai câu luận này để chế giễu cái xã hội suy tàn hiện tạ và cùng với đó là sự lăm le xâm lấn của các thế lực giặc ngoại xâm. Có lẽ cũng vì lí do này mà nhà thơ đã lui về ở ẩn để làm vơi đi sự đau xót trước hiện tại. Hai câu thơ luận này làm tiền đề cho một làn sóng khinh thường xâm lấn tâm hồn nhà thơ và nó đã được thốt ra trong hai câu kết.

*Ghế chéo lọng xanh ngồi bảnh chọe  
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi*

Hình ảnh ghế chéo lọng xanh ngồi bành chọe cho ta thấy dáng vẻ oai vệ vốn có của một nhân vật có học vấn cao lúc bấy giờ. Ở đây thêm một lần nữa tác giả lại khắc sâu thêm vào trong tâm trí người đọc cái vẻ hào nhoáng cái bên ngoài và cái bản chất bên trong của ông tiến sĩ giấy này. Những tên ngồi bảnh chẹo như thế thực chất cũng chỉ là tay sai của một bè lũ bán nước mà thôi. Nguyễn khuyến đã khéo léo nhìn thấy tất cả những điều ấy và ông khéo léo đưa nó vào trong văn thơ để châm biếm những lũ giặc bán nước

Bản thân tác giả cũng là một nhân tài của đất nước nhưng đứng trước thời thế hiện tại ông xác định rõ giúp triều đình lúc này chính là giúp giặc bởi triều ông đã quyết định từ quan ở ẩn và dùng ngòi bút của mình để viết lại hoạt cảnh ông có được cái nhìn tỉnh táo như vậy. Không phải ai cũng thấy được sự thấp kém của giai cấp mình, thừa nhận sự bất lực của nó trước lịch sử. Rõ ràng bên cạnh màu sắc bi hài tự trào bài thơ còn mang triết lí sâu sắc về xã hội trong đó nổi bật là triết lí về thân phận của những người trí thức ở lớp nho giá

Bài thơ còn là lời tự trào của chính Nguyễn Khuyến khi cáo quan về quê ở ẩn. Bài thơ mang đến cho người đọc những quan niềm sâu sắc về cái danh cái thực về thái độ cần có của người có học trong thời cuộc. Sống ở trên đời là không nên coi trọng hư danh mà điều quan trọng là làm được những gì có ích. Tiến sĩ giấy không chỉ là thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của thơ ca Nguyễn Khuyến mà còn là một trong những hình tượng điển hình có giá trị nhất của văn học trào phúng Việt Nam ở giai đoạn đỉnh cao.

**Đề 3: Phân tích bài thơ “*Làm lẽ”* (Hồ Xuân Hương)**

**LÀM LẼ (Hồ Xuân Hương)**

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.*

*Năm thì mười họa chăng hay chớ*

*Một tháng đôi lần có cũng không.*

*Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm,*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*

*Thân này ví biết dường này nhỉ*

*Thà trước thôi đành ở vậy xong.*

*(Theo Kiều Thu Hoạch, Thơ nôm Hồ Xuân Hương, NXB Văn học, 2008)*

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả (vị trí, đặc điểm phong cách sáng tác): Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nổi tiếng của Văn học trung đại Việt Nam. Bà được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm”. Thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho người phụ nữ trong thời phong kiến, thể hiện khao khát sống mãnh liệt của người phụ nữ.

- Giới thiệu và nêu khái quát giá trị bài thơ: “Làm lẽ” là một trong những bài thơ tiêu biểu, thể hiện được những đặc sắc về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương. Bài thơ là tiếng nói đầy phẫn uất, xót xa của người phụ nữ trước nỗi đau trước tình duyên éo le, đồng thời cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của họ.

**II. Thân bài**

**1.Giới thiệu chung**

**- Vài nét về tác giả: (**Có thể giới thiệu thêm vài nét về tác giả nếu HS có kiến thức, thông tin)

+ HXH là người phụ nữ nổi tiếng với tài thơ văn nhưng lại là người vô cùng lận đận trong tình duyên.

+ Thơ của HXH vừa là nơi gửi gắm tâm sự của chính bà vừa là tiếng lòng của biết bao người phụ nữ trong XH phong kiến bị đối xử bất công.

**- Về bài thơ:** Bài thơ được in trong *Thơ nôm Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, 2008. Đề tài “Làm lẽ” khá quen thuộc trong thơ bà. Bài thơ có lẽ được Xuân Hương sáng tác khi đã từng có những trải nghiệm cay đắng và thấm thía về thân phận lẽ mọn.

**2. Phân tích bài thơ theo bố cục:**

**- Hai câu đầu:** Tiếng chửi đầy uất ức dồn nén của nhà thơ đối với chế độ hôn nhân đa thê thời phong kiến:

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.*

+ Mở đầu bài thơ là một lời chửi, một nỗi niềm bức xúc đau thương không kiềm nén được, buộc phải thốt ra thành lời. Đối tượng bị chửi đó không cụ thể là ai mà nhà thơ cất tiếng chửi hoàn cảnh đưa đẩy cho số kiếp má hồng truân chuyên đau khổ, rơi vào cảnh chung chồng.

+ Phép so sánh vô cùng thực tiễn nói lên sự bất công trong hôn nhân đa thê: *Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng”*. Hình tượng thơ gợi ngay đến chuyện buồng the, chăn gối, hạnh phúc lứa đôi vợ chồng và sự bất công giữa vợ cả, vợ lẽ. Kẻ *“Đắp chăn bông”* ấm áp bao nhiêu thì kẻ *“nằm suông ngoài nhà”* lạnh bấy nhiêu. Mà cái lạnh của thể xác chưa thấm vào đâu với cái lạnh tinh thần, lạnh trong lòng, *“lạnh lùng”*.

=> Hồ Xuân Hương đã chửi thẳng vào cái kiếp lẽ mọn, chung chạ với thái độ phẫn uất, tức tưởi.

- **Bốn câu tiếp:** Nỗi đau đớn, tủi nhục, bẽ bàng trong thân phận làm lẽ hẩm hiu của người phụ nữ:

*Năm thì mười họa chăng hay chớ*

*Một tháng đôi lần có cũng không.*

*Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm,*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*

Bằng nghệ thuật đối tài tình, nhà thơ đã nói lên những bi thảm trong buồng the của *“kiếp lấy chồng chung”* trong hai cặp câu thực và luận.

+ Kết hợp tài tình hai thành ngữ *“năm thì mười họa”* và *“gặp chăng hay chớ”* thành một câu thơ lấp lửng thật hay: *“Năm thì mười họa hay chăng chớ”*. Câu thơ Đường đã trở thành câu thơ thuần Việt diễn tả sự thưa thớt, họa hoằn của hành vi ái ân giữa chồng với vợ lẽ. Hồ Xuân Hương đã dám nói to lên khát vọng của ái ân, của yêu đương, khát vọng hạnh phúc lứa đôi một cách mạnh mẽ, vượt xa thời đại bà sống.

+ Nỗi đau đớn, bẽ bàng càng đưa lên cao trào, tột độ qua hai thành ngữ "cố đấm ăn xôi", "làm mướn không công". Chính cách dùng từ rất đắc này đã mang lại hiệu quả, nhấn mạnh, đánh vào hủ tục, lề lối lạc hậu của phong kiến bao đời như những xiềng xích gông cùm trói chặt người phụ nữ vào tam tòng, tứ đức. Dù bị rẻ khinh, ruồng rẩy cũng phải làm tròn phận vợ hiền, chăm lo gia đình, giữ tròn tứ đức.

Vì khát vọng một chút hạnh phúc lứa đôi nhỏ nhoi mà người phụ nữ phải hạ mình *“cố đấm ăn xôi”*, nhưng rốt cuộc, vợ lẽ chẳng qua vẫn chỉ là một người *“làm mướn”*, một người ở, mà còn tệ hơn người làm mướn là *“mướn không công”*. Thật là hẩm hiu, tủi nhục. Những điệp từ *“xôi, xôi”, “mướn, mướn”* tạo ra âm điệu day dứt, đay nghiến, uất hận của kiếp làm lẽ.  
**- Hai câu cuối:** Lời tự nhủ chua chát khi nhận thức sâu sắc tấn bi kịch làm lẽ, cũng là lời phản kháng, đòi quyền sống, quyền hạnh phúc của người phụ nữ:

*Thân này ví biết dường này nhỉ*

*Thà trước thôi đành ở vậy xong.*

+ Người phụ nữ nhận ra thà chịu miệng đời dị nghị, chịu mang tiếng không chồng còn hơn lỡ bước đưa chân vào cảnh làm lẽ hẩm hiu, tủi nhục, có hối hận cũng đã muộn màng.

+ Hai câu kết cũng lột tả nỗi niềm ai oán, sự bất lực cho hoàn cảnh hiện tại của bản thân.

**\*Đánh giá bài thơ:**

**-** Bài thơ “Làm lẽ” đã thể hiện tài thơ Nôm đặc sắc của Hồ Xuân Hương qua giọng điệu trữ tình, sâu lắng; thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với ngôn ngữ hàm súc; vận dụng sáng tạo các thành ngữ dân gian đặc sắc (*cố đấm ăn xôi, năm thì mười họa, gặp chăng hay chớ, làm mướn không công*); vận dụng tiếng chửi dân gian, vận dụng thủ pháp đối tài tình…

- Bài thơ là tiếng nói phẫn uất, cũng đầy xót xa của người phụ nữ nhằm phê phán chế độ hôn nhân đa thê thời phong kiến. Đằng sau bài thơ, người đọc không chỉ thấy nỗi đau mà còn thấy được khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ xưa.

**III. Kết bài**

* Với bài thơ *“Làm lẽ”*, chế độ đa thê của xã hội phong kiến đã bị một đòn chí mạng.
* Bài thơ là tiếng lòng của rất nhiều phụ nữ nạn nhân của những lễ giáo phong kiến hà khắc đương thời.
* Thời gian đã lùi xa, nhưng những câu thơ của Hồ Xuân Hương viết về phái mình vẫn còn vẹn nguyên những giá trị nhân văn đẹp đẽ.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Hồ Xuân Hương, con người có sức sống mãnh liệt, có ý thức cá nhân sâu sắc, khao khát hạnh phúc lứa đôi lại rơi vào tấn bi kịch đau lòng nhất của người phụ nữ: làm lẽ. Bà là đứa con của một người vợ lẽ. Rồi chính bà lấy chồng hai lần, cả hai lần đều làm lẽ. Tất cả những thảm cảnh làm lẽ của mẹ bà, của bà và của bao người đàn bà bất hạnh khác dưới chế độ đa thê đáng nguyền rủa trong xã hội phong kiến đã dồn nén lại thành một khôi thuốc nổ: bài thơ “Làm lẽ”. Bài thơ có sức công phá ghê gớm vào chế độ đa thê, lớn tiếng đòi quyền sống, đòi hạnh phúc lứa đôi cho người phụ nữ

Hồ Xuân Hương bị dồn nén, bị ấm ức với kiếp làm lẽ nên thơ mở lời đã bùng nổ:

*“Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!”*

Câu thơ mở đầu nói thẳng vào sự bất công trong hôn nhân, trong tình cảm “Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng” thì thật là tài tình. Hình tượng thơ gợi ngay đến chuyện buồng the, chăn gối, hạnh phúc lứa đôi vợ chồng. Và sự bất công giữa vợ cả, vợ lẽ hiện ra như núi đồi và vực thẳm. Kẻ “đắp chăn bông” ấm áp bao nhiêu thì kẻ “nằm suông ngoài nhà” lạnh bấy nhiêu. Mà cái lạnh của thể xác chưa thấm vào đâu với cái lạnh tinh thần, lạnh trong lòng, “lạnh lùng”.

Hồ Xuân Hương đã chửi thẳng vào cái kiếp lẽ mọn, chung chạ:

*“Chém cha cái kiếp lẩy chồng chung”*

Chửi cả bằng lời và bằng nhạc, câu thơ bảy chữ thì có bốn thanh trắc, dấu sắc (chém, cái, kiếp, lấy) sắc như gươm. Nhưng chửi rồi vẫn còn nguyên nỗi đau, ấy là “cái kiếp lấy chồng chung”. Chung cái không thể nào chung được, có đáng nguyền rủa không? Ca dao cũng đã cự tuyệt cảnh chồng chung:

*“Đói lòng nằm gốc cây sung*

*Chồng một thì lấy chồng chung thì đừng”*

Mà sao Xuân Hương là bậc trí giả mà không đủ sáng suốt để hai lần đều lâm vào cảnh “chồng chung”? Đó chính là chỗ đáng thương của người phụ nữ. Vì khao khát hạnh phúc lứa đôi nên biết rằng mình làm lẽ chẳng ra gì nhưng vẫn không “đừng” được.

Nữ sĩ Xuân Hương, nạn nhân của chế độ đa thê đã nói huỵch toẹt những bi thảm trong buồng the của “kiếp lấy chồng chung”:

*“Năm thì mười họa hay chăng chớ*

*Một tháng đôi lần có cũng không”.*

Nhà thơ đã dồn hai thành ngữ “năm thì mười họa” và “gặp chăng hay chớ” thành một câu thơ lấp lửng thật hay: “Năm thì mười họa hay chăng chớ”. Câu thơ Đường đã trở thành câu thơ thuần Việt diễn tả sự thưa thớt, họa hoằn của hành vi ái ân giữa chồng với vợ lẽ. Có thể gọi ngôn ngữ Hồ Xuân Hương trong trường hợp này là ngôn ngữ mờ, diễn đạt mờ vì là chuyện khó nói. Vậy mà ai cũng hiểu, tài hoa Xuân Hương chính là ở đấy. Cách đây hơn trăm năm giữa một xã hội khô cứng, đạo đức giả mà có một phụ nữ đã nói to lên khát vọng của da thịt, của ái ân, của yêu đương thì phải nói là Hồ Xuân Hương đã đi trước thời đại rất xa. Có lẽ vì thế mà những thanh niên Pháp ngày nay đọc Hồ Xuân Hương đã cả quyết rằng nàng thơ đang sống cùng thời với họ!

Hồ Xuân Hương là người đàn bà có ý thức cá nhân sâu sắc, có bản lĩnh, lịch lãm mà vẫn không thoát khỏi tấn bi kịch “làm lẽ”? Có lẽ tấn bi kịch này không thuộc về phần ý thức, bản lĩnh, hay trí tuệ mà thuộc vào điều sâu thẳm trong tâm hồn của người đàn bà, mà Xuân Hương lại đàn bà hơn bất kì người đàn bà nào trên cõi đời này. Hãy lắng nghe nhịp tim đau đớn của người đàn bà đáng thương đáng kính này:

*“Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công”.*

Chỉ có Xuân Hương mới đủ can đảm và đủ tài hoa để vớ một thành ngữ mà lí giải hành vi dẫn đến bi kịch hôn nhân. “Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm”, từ hành vi vật chất, hiện tượng vật chất, tác giả gợi đến hành vi tinh thần, tâm trạng của một kẻ lẽ mọn. Từ cái mùi “hẩm” đến “buồn nôn” của xôi, nhà thơ đã gợi đến sự hẩm hiu của cảnh “chồng chung”. Cách cụ thể hóa cái trừu tượng như vậy rất gần với thi pháp dân gian. Vì khát vọng một chút hạnh phúc lứa đôi nhỏ nhoi mà người đàn bà phải hạ mình “cố’ đấm ăn xôi”, nhưng nhập cuộc rồi, người vợ lẽ mới nhận ra bản chất xấu xa của chế độ đa thê:

*“Cầm bằng làm mướn, mướn không công”.*

Vợ lẽ chẳng qua là một người “làm mướn”, một người ở, mà còn tệ hơn người làm mướn là “mướn không công”. Thật là hẩm hiu, tủi nhục. Những điệp từ “xôi, xôi”, “mướn, mướn” tạo ra âm điệu day dứt, đay nghiến, uất hận của kiếp làm lẽ.

Bài thơ kết thúc bằng lời tự nhủ chua chát:

*“Thân này ví biết dường này nhỉ*

*Thà trước thôi đành ở vậy xong”.*

Đây là một cách nhận thức lại, không hình ảnh, không bóng bẩy, chỉ phô diễn trực tiếp ý tưởng của một đời làm lẽ. Người đàn bà thuộc vào hàng trí giả như Xuân Hương cũng không thể hình dung hết những điều cay nghiệt của “kiếp lấy chồng chung”. Bà ngậm ngùi mà nghĩ rằng “Thà trước thôi đành ở vậy xong”. Người đàn bà với thiên chức làm vợ, làm mẹ mà “ở vậy” là bi thảm nhất, vậy mà làm lẽ lại còn bi thảm hơn. Thế mới càng thấy “kiếp lấy chồng chung” cay nghiệt đến chừng nào!

Bài thơ “Làm lẽ” hay ở tình cảm chân thành, nồng nàn, tư tưởng sâu sắc, tinh thần phản kháng quyết liệt. Nghệ thuật diễn đạt tài tình, những điều khó nói của “kiếp lấy chồng chung” nhà thơ đã nói một cách thanh tao, gợi cảm. Những thành ngữ tiếng Việt đã chắp cánh cho thơ Xuân Hương, thuần hóa thơ Đường thành một hình thức thơ giàu âm điệu dân tộc.

Với bài thơ “Làm lẽ”, chế độ đa thê của xã hội phong kiến đã bị một đòn trí mạng. Để nói lên những bất công trong chế độ đa thê, để đòi quyền sông, quyền hạnh phúc lứa đôi, Hồ Xuân Hương đã phải trả giá cả cuộc đời của mình. Cho nên càng nghĩ càng cảm thấy yêu mến, kính nể Hồ Xuân Hương, người đàn bà kì bí, “Bà Chúa Thơ Nôm” (Xuân Diệu) trong nền văn học của nước nhà.

|  |
| --- |
| **Đề 4:** *“Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc, không phải chỉ có trí thức (...). Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thầm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy”.*  *(Trích Tiếng nói của văn nghệ - Nguyễn Đình Thi - NXBGD, 2014)*  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Cảm nhận của em về cái hay trong bài thơ “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi.**  *Rồi hóng mát thuở ngày trường Hoè lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ Hồng liên trì đã tiễn mùi hương*  *Lao xao chợ cá làng ngư phủ Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương*  *Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng Dân giàu đủ khắp đòi phương*  *(Trích Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi* |

**GỢI Ý LÀM BÀI**

**1. Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Trích dẫn nhận định của Nguyễn Đình Thi.

- Giới thiệu bài thơ “Cảnh ngày hè” - Nguyễn Trãi

**2. Thân bài**

**a. Giải thích nhận định:**

- Thơ hay là thơ ngay từ lần đọc đầu tiên đã ám ảnh độc giả, nó khiến người đọc phải trăn trở suy tư, càng đọc càng khám phá ra nhiều điều hấp dẫn. Đó là một bài thơ có sự sáng tạo độc đáo về mặt nội dung cũng như hình thức nghệ thuật. Nó có khả năng lay động rung cảm trong sâu thẳm trái tim người đọc, khơi gợi những tình cảm cao đẹp và để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc.

- Nhận định trên đề cập đến cách đọc, tiếp nhận và cảm thụ thơ. Khi người đọc đọc thơ bằng tất cả tâm hồn, trí tuệ bài thơ sẽ tỏa sáng, làm rung lên những cung bậc tình cảm trong lòng người đọc.

=> Phải yêu thơ và am hiểu thơ mới có khả năng đọc, tiếp nhận cảm thụ thơ một cách sâu sắc và toàn diện.

**b. Cảm nhận về cái hay của bài thơ “Cảnh ngày hè”:**

**Luận điểm 1: Bức tranh thiên nhiên ngày hè**

- Bức tranh thiên nhiên, cảnh vật:

+ Hình ảnh đặc trưng của thiên nhiên, cảnh vật lúc vào hè: hòe lục, thạch lựu hiên, hồng liên trì

+ Sử dụng động từ mạnh gợi nên sức sống căng tràn của cảnh vật: đùn đùn, phun, tiễn

- Bức tranh cuộc sống: tác giả đã sử dụng thính giác để cảm nhận cuộc sống, dùng âm thanh để tái hiện lại sinh động và chân thực bức tranh cuộc sống

+Lao xao chợ cá: âm thanh gần gũi, gợi nên sự sống của con người

+Dắng dỏi cầm ve: âm thanh đặc trưng của mùa hè, gợi nên sự rộn rã, tươi vui

=> Bằng sự cảm nhận tinh tế của tất cả các giác quan, sự tinh tế trong cách cảm nhận và tình yêu thiên nhiên sâu sắc, tác giả đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên và cuộc sống ngày hè với tất cả màu sắc, đường nét, âm thanh, tất cả luôn căng tràn sự sống.

**Luận điểm 2: Tấm lòng của Nguyễn Trãi**

+ Ông ước mình có cây đàn của vua Ngu Thuấn để cầu mong cho “dân giàu đủ”.

+ Với việc mượn điển tích cây đàn của vua Ngu Thuấn để tự răn mình đã cho chúng ta thấy chí hướng cao cả: luôn khao khát đem tài trí để thực hành tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân.

- Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi được hòa vào thiên nhiên, nói lên được tác giả là người rất yêu đời, yêu cuộc sống.

- Tình yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi:

+ Phong thái ung dung tự tại của nhà thơ khi về ở ẩn không muốn vướng bận đến chuyện quan trường.

+ Những trong thâm tâm ông luôn nghĩ về dân, lo cho dân, lo cho nước, ông luôn khao khát nhân dân được hưởng một cuộc sống thái bình, no đủ.

+ Ca ngợi các đời vua ngự trị anh minh mang đến cuộc sống hạnh phúc, ấm no

**3. Bài thơ hay ở nghệ thuật biểu hiện**

- Tác giả đã vận dụng một cách sáng tạo thể thơ Đường luật với sự đan xen của câu sáu chữ và câu bảy chữ

- Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, gần gũi với khẩu ngữ (lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân) nhưng lại rất giàu cảm xúc và giàu sức gợi

- Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại: Miêu tả thiên nhiên, đất trời và cảnh đời sống sinh hoạt của con người để qua đó bộc lộ một cách kín đáo tâm tư, tình cảm, nỗi lòng của mình về con người, về cuôc đời.

**c. Đánh giá, mở rộng**

Bài thơ không chỉ khắc hoạ bức tranh mùa hè sống động mà còn đặt trong đó những cảm xúc từ đáy lòng mình. Cảnh ngày hè là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Trãi về hình thức thơ, cũng như cách sử dụng ngôn ngữ. Tấm lòng nhà thơ đầy tình nghĩa và cao cả khiến người đọc kính trọng biết ơn những đóng góp của nhà thơ dành cho đất nước.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Nhấn mạnh lại tình yêu thiên nhiên của tác giả đồng ca ngợi đức tính tốt đẹp của bậc thi nhân dù xin cáo quan về ở ẩn nhưng vẫn một lòng lo cho sự nghiệp chung đất nước.

**Bài viết tham khảo**

Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng khẳng định rằng “Thơ khởi phát từ trong lòng người ta”, quả thực đúng như vậy, bởi nếu không có những cảm xúc, những tâm sự sâu kín nén chặt, chất chứa trong lòng sẽ chẳng bao giờ có thơ. Thế nên, chắn chắn “**Cảnh ngày hè**” với những khởi phát rất êm đềm từ trái tim của Nguyễn Trãi sẽ là khúc nhạc đẹp đẽ, cao quý nhất về tiếng lòng, trân trọng cuộc sống, yêu quê hương, dân tộc của bậc danh nhân văn hóa thế giới mà ta nhớ mãi không quên hôm qua, hôm nay cho tới mai sau...

Nguyễn Trãi hiệu là ức Trai, ông là một nhà chính trị, là danh nhân văn hoá thế giới. Sau khi từ bỏ chốn quan trường, ông lui về ở ẩn, trong thời gian đó ông đã sáng tác rất nhiều bài thơ nhưng phần lớn đã bị thất lạc. Tác phẩm "Cảnh ngày hè" là bài thơ số 43 thuộc chùm thơ "Bảo kính cảnh giới"

Trả về cho đời những ngày tháng bon chen mệt mỏi, từ giã chốn quan trường đầy hiềm khích đa nghi, Nguyễn Trãi đã gửi lại nơi vần thơ những vẻ đẹp cuộc sống thật nhiều ý nghĩa thi vị và nhân văn cao quý. Chẳng cao quý sao khi nhà thơ hòa mình sống giữa thiên nhiên, bầu bạn cùng vạn vật, để rồi thấm vào trang thơ của ông là cả một mùa hè tràn về bình yên thật khác lạ:

*Rồi hóng mát thuở ngày trường*

Có ai miêu tả mùa hè mà dịu dàng, đằm thắm, đầy mát mẻ, dễ chịu như Nguyễn Trãi vậy đâu? Có ai đo tháng ngày trong khoảnh khắc nối dài vô định không đếm nổi như thi nhân thế kia? Chẳng vậy mà nét thơ của ông thật đặc biệt, bởi nhắc tới bóng dáng của bước chân hè sang là ta như tưởng tượng ra cả một không gian tràn ngập nắng vàng, bức bối, thật khó chịu. Nhưng, đến với ngày hè trên trang thơ của Nguyễn Trãi ta lại được đắm mình với một bức tranh vạn vật thiên nhiên rực rỡ tỏa nắng, tràn ngập sự sống, cùng không khí náo nhiệt, rộn ràng của đời đang tiếp nối mà vẫn trong trẻo, nhẹ nhàng như dòng nước mát. Đó là những tháng ngày ông rảnh rỗi, không phiền lo, tự do thưởng ngoạn mà “hóng mát” nơi đầu hè. Tiếng thơ vang lên “rồi” một cách thật nhẹ nhàng đã vẽ ra mắt ta về thực cảnh hưởng “nhàn” bất đắc dĩ của nhà thơ, chẳng nhàn sao khi một bậc đại thần, bận rộn trăm công nghìn việc nay lui lại trốn bình yên, tránh ra trần thế đua tranh, danh lợi nhọc nhằn mà hóng mát “ngày trường”, từ hôm này qua hôm khác như thế. Để rồi, trông người, ngắm cảnh qua trang thơ khiến ta lại nhớ đến bóng cây xanh rợp của Cao Biền thời Đường khi xưa:

*Lục thu âm nồng hạ nhật trường”*

*(Cậy xanh bóng rợp ngày hè dài )*

Thế nhưng, có lẽ Cao Biền mới chỉ tả được nét xanh mát của thiên nhiên cây cỏ rợp bóng ngày hè mà thôi, còn với Nguyễn Trãi vẫn là ý thơ ấy mà ta lại thấy được cả một tâm hồn dạt dào cảm xúc thời thế của thi nhân thật đặc biệt được gửi gắm trong đó. Do vậy, nếu đắm chìm vào bầu trời thi ca của Nguyễn Trãi ngay trong những phác họa đầu tiên trên trang giấy ta mới thấm hết tâm trạng nhà thơ, rỗi rãi đấy, thảnh thơi đấy, mà sao âm điệu mở đầu cùng cách ngắt nhịp độc đáo 1/2/3 lại khiến ta cảm nhận được trọn vẹn tiếng thở dài, có phần bất lực sâu trong trái tim tác giả đau đớn đến thế. Để sau đó, ta mới vỡ lẽ mà ngộ ra rằng ông ở ẩn nhưng luôn vương vấn đời, lo lắng thế sự trong đầy xót xa.

Một nghệ sĩ chân chính đó sẽ là người đi cùng cuộc sống, thấm rõ lẽ đời, hiểu cặn kẽ dòng chảy thời gian mà vẽ lên vóc dáng của cả thời đại, nếu đúng như thế thì Nguyễn Trãi thật xứng đáng để được tạc khắc mãi cùng dân tộc, bởi ông đã để lại cho ta biết bao tiếng thơ bất hủ, vang dội mà cũng không kém phần lắng đọng, tinh tế, bình dị như chính những rung động nhẹ nhàng trong trái tim ông vậy. Thế nên, khi nhắc tới Nguyễn Trãi người ta sẽ nhớ đến một hạt ngọc minh châu tỏa sáng giữa trời, sẵn sàng lấp lánh ngay cả trong khoảnh khắc giản dị, đơn sơ nhất bên đời về thiên nhiên nơi mình sống với sự nâng niu thật đặc biệt:

*“Hòe lục đùn đùn tán rợp giương*

*Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,*

*Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.”*

Chi vài nét bút phác họa hàm súc mà bức tranh quê đã hiện lên đầy khỏe khoắn trước mắt người đọc bao rực rỡ, đắm say sự sống với các gam màu đậm, tươi tắn cùng những hình ảnh đặc trưng của mùa hè. Ấn tượng đầu tiên thu vào trong ánh mắt thi nhân là “chiếc lọng” xanh biếc của tán hòe đang bung sắc như làm dịu đi cái chói chang, gay gắt của nắng, nóng, khó chịu. Để rồi, trong bóng dâm thoảng vài làn gió lướt qua đủ để tâm hồn thư thái, nhà thơ hạ điểm nhìn xuống thấp hơn, khéo léo đan cài màu đỏ rực rỡ của thạch lựu trước hiên nhà cùng sắc hồng nơi ao sen đang tỏa hương thơm ngát lan tỏa khắp không gian. Nếu thơ ca cổ điển ưa những gam màu trầm sợ sắc gắt, ưa tả tĩnh hơn tả động thì Nguyễn Trãi đã dám bước qua cái khuôn khổ ấy để thoát khỏi những bức tranh thanh đạm, tiêu sơ và để đến gần hơn với cuộc sống thường nhật ngày hè tươi vui, đầy sức sống. Thế nên, cây hòe đầu nhà sum sê, um tùm, lá “đùn đùn” lên thành chùm, từng đám xanh tươi, tràn đầy sức sống khiến ta nhớ tới bóng dáng cây hè đã từng xuất hiện trong Truyện Kiều của Nguyễn Du qua thứ ngôn ngữ trau chuốt, đậm đà:

*Sân hòe đôi chút thơ ngây*

*Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình*

 Song nếu Nguyễn Du chỉ để sân hòe nơi căn nhà vắng vẻ, mang cảm giác cô liêu, đơn độc một mình thì thi sĩ Ức Trai lại làm cho không gian bóng hòe ấy bỗng quên cả mùi hương, lẫn cùng dư vị thanhh tao của “hồng liên trì” nơi ao sen ngan ngát tựa tấm lòng thi nhân ở trần thế này vậy. Để rồi, ta ngẩn ngơ bước vào không gian thiên nhiên đắm chìm tận hưởng vẻ đẹp trong xanh của trời đất, cỏ cây và bỗng giật mình khi nhận ra sắc “đỏ” mới là tâm điểm mạnh mẽ nhất của mùa hè được đọng lại trong những bông hoa “thạch lựu” còn đang phô sắc khoe hương rực cả một vùng quê, khiến ai cũng phải say đắm, ngỡ ngàng. Chẳng những thế gửi lại cho đời bằng bức ảnh thơ ca với tâm hồn nhạy cảm, trong trẻo của một thi nhân, Nguyễn Trãi không chỉ vẽ rất rõ từng đường nét, màu sắc của thiên nhiên tạo vật, ông còn cảm nhận một cách đầy tinh tế, như lật từng lớp lá, ngắm mỗi cánh hoa, nhìn sâu sau lớp vỏ của trái ngọt đang chín rộ để thấy rõ sự ứa căng, tràn trề, hiện lên qua những động từ mạnh từ “đùn đùn”,đến “phun”, rồi “tiễn”,lại “giương” tựa ngọn lửa đang trào dâng mạch sống mãnh liệt, đẹp đẽ ẩn sâu bên trong tạo vật. Cái sinh khí cháy bỏng, viên mãn nhưng cũng rất nhã nhặn, ý vị ấy khác hẳn với sự nóng nực của mùa hè mà các nhà thơ trong “Hồng Đức quốc âm thi tập” đã biểu hiện:

*Nước nồng sừng sực đầu rô trỗi*

*Ngày nắng chang chang lưỡi chó lè*

Rõ ràng, cũng viết về mùa hè mà sao với các vần thơ trong “Hồng Đức quốc âm thi tập” ta cảm nhận rất rõ sự ngột ngạt, bức bối đến khó thở, khiến ai cũng chán ngán, còn với Nguyễn Trãi và những thanh âm cuộc sống mà ông gửi vào thi ca thì thật khác, có nắng đấy mà thật thanh mát, nóng phủ đầy mà chẳng khiến mồ hôi ai rơi. Phải chăng, do chính thi nhân đang thảnh thơi nên lòng ông cũng dịu lại trước mùa hè, hay tác giả đã dùng cả tâm hồn để cảm hóa cái nóng trong thơ. Dù thế nào đi nữa thì ta cũng phải cảm ơn Nguyễn Trãi, một trái tim đôn hậu vô ngần đã luôn ngắm nhìn cuộc sống bằng ánh mắt tràn đầy yêu thương mà thấy rằng vạn vật ở đời dù trong thời khắc nào cũng đều đẹp đẽ, đáng tận hưởng đúng như **Bêlinxki từng nói** “Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật”. Để rồi từ cuộc đời bước vào trang thơ qua ánh mắt thi nhân ta lại nhận ra những vang vọng trong “Cảnh ngày hè” không chỉ có họa, có hương mà còn có cả những thanh âm muôn vẻ của đời sống thường nhật:

*Lao xao chợ cá làng ngư phủ*

*Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương*

Đọc từng dòng chữ, cảm mỗi câu thơ, ta lắng lại vài giây phút nơi khung trời làng quê yên bình mà bất giác thấu được vẻ đẹp thiên nhiên không hề u ám và đen tối, trầm lặng khi nắng chiều buông trái lại, rất rộn ràng, sôi động. Cái rộn ràng, sôi động ấy có được là do nét bút nhẹ đưa trên đôi tay nhà thơ đã gửi vào bức tranh của mình những hình ảnh vô cùng quen thuộc, thân thiện nhưng lại không đi theo khuôn sáo, lối mòn nào. Bởi, hai từ láy “lao xao ”, “dắng dỏi” được đảo lên đầu mỗi câu thơ đủ để làm bật cái âm thanh sôi động, náo nhiệt, xóa tan không khí quạnh hiu, cô tịch lúc “tịch dương”. Để rồi, cảnh phiên chợ mở ra như dấu hiện của sự sống con người hiện rõ đầy tươi mới, dạt dào hứng khởi trong câu thơ với tiếng người mua, kẻ bán, cười nói, chuyện trò mới thật bình yên và ấm cúng làm sao? Chỉ vậy thôi, mà ta đủ hiểu nhà thơ ở ẩn, lánh đời chứ không hề thoát tục, cũng chẳng xa rời đời sống mà là đang hướng lòng mình về vạn vật xung quanh từ những âm thanh bình dị nhất. Chẳng bình dị sao mà chỉ một tiếng ve ngân vang trong vòm lá thi nhân lại nhẹ nhàng tận hưởng nó như bản nhạc du dương, trầm lắng của tiếng đàn “cầm” cất lên trong trời chiều. Lời thơ vì thế cũng nối theo nhau nhẹ nhàng, thanh nhã như miêu tả một đời sống đang sinh sôi, tiếp nối ngay cả khi ngày sắp tàn, một khung cảnh thật êm đềm và thanh thản nơi làng quê.

Mỗi chúng ta ai cũng có quyền chọn cuộc sống của riêng mình, thanh thản hay bon chen, danh vọng hoặc tự tại, đơn giản và đa đoan, thế nhưng Nguyễn Trãi cũng những con người “ưu thời mẫn thế” như ông lại chọn “lánh đục về trong” để giữ cốt cách cao quý, tâm hồn nhàn nhã. Ấy vậy mà, khi về sống giữa vòng tay bình yên của mẹ vạn vật thiên nhiên, giữa đời sống “vô ưu vô tư ” nhưng chưa tích tắc nào Nguyễn Trãi quên đi bổn phận của mình, để rồi ông viết:

*Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng*

*Dân giàu đủ khắp đòi phương*

Có lẽ với sứ mệnh của một nhà thơ luôn đi tìm kiếm hạt ngọc trong đời, Nguyễn Trãi đã không dấu nổi lòng mình khi ông phát hiện cái long lanh nhất nơi trần thế không phải chỉ ở thiên nhiên mà còn nằm tại lòng người. Chẳng vậy mà, sau phút đắm chìm với cảnh hè cũng là lúc thi sĩ soi vào lòng mình, ông nhận ra sâu trong tâm khảm luôn có một nỗi niềm vì dân cho nước, cùng một tham vọng về sự an thịnh như thời Đường Ngu nên đã mượn điển tích Ngu cầm để nói lên mong mỏi của một đời thi nhân từng hướng tới. Liệu có phải nhà thơ muốn có cây đàn “Ngu cầm” để gẩy nên khúc Nam Phong ngợi ca cảnh thái bình, thịnh trị đang hiện hữu mà chính tiếng lao xao của đời sống bình yên trước đó đã thức tỉnh tâm hồn ông? Hay đây chỉ là những ước mong, khao khát ở phía trước của nhà thơ về một đời sống ấm no, niềm hạnh phúc cho dân tộc, tổ quốc? Dù hiểu theo cách nào thì người đọc đều cảm nhận được tấm lòng vĩ đại, lớn lao, đáng trân quý mà trái tim Nguyễn Trãi luôn hướng về gửi gắm trong những khúc nhạc thơ ca trầm bỗng ông đã từng viết cho đời:

*Dân Nghiêu Thuấn, vua Nghiêu Thuấn.*

*Dường ấy ta đà phỉ sở nguyền*

Với thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, nhịp thơ đa dạng, linh hoạt. Bài thơ là một sự phá cách bằng cách sử dụng nhiều hình ảnh sinh động qua cách miêu tả thiên nhiên bằng các động từ mạnh làm cho bức tranh ngày hè tràn đầy sức sống. Đọc bài thơ, ta không chỉ thấy được cảnh thiên nhiên tươi đẹp mà còn ẩn sâu trong đó là tấm lòng cao cả của nhà thơ.

"Cảnh ngày hè" không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên sinh động mà hàm chứa một tâm tình của nhà thơ. Bản thân Nguyễn Trãi muốn thoát tục, ngắm ánh hoàng hôn nhưng chính thiên nhiên xung quanh đã làm lay động tấm lòng nhà thơ muốn hoà cùng niềm vui cuộc sống, đó không phải cuộc sống lẩn tránh thực tại mà là phản chiếu tâm hồn yêu dới thiết tha, đón nhận cuộc sống để quên đi muộn phiền.

|  |
| --- |
| **Đề 5: *“ Thơ là thơ đồng thời là hoạ, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng”*(Sóng Hồng).**  **Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua việc phân tích bài thơ “Chợ đồng” của Nguyễn Khuyến hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.**  *Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng, Năm nay chợ họp có đông không? Dở trời, mưa bụi còn hơi rét. Nếm rượu, tường đền được mấy ông? Hàng quán người về nghe xáo xác, Nợ nần năm hết hỏi lung tung. Dăm ba ngày nữa tin xuân tới. Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng.*  *(Trích Chợ Đồng - Nguyễn Khuyễn SGK Văn 8 CTST)* |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến, đề cập đến tác giả tác phẩm sẽ chứng minh.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý kiến.**

**- Thơ là thơ**: Thơ trước hết phải là chính nó, nghĩa là phải mang đầy đủ những đặc trưng riêng khác với bất kì loại hình nghệ thuật nào: truyện, kịch… Thơ là phương thức trữ tình, là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc được thể hiện bằng một cấu tạo ngôn ngữ đặc biệt.

**- Thơ đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng:**

+ Thơ - hoạ - nhạc - chạm khắc đều là những loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, trước hết là chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh đời sống. Chất liệu của thơ ca là ngôn ngữ – chất liệu phi vật thể có những đặc trưng riêng- vì vậy tác động nhận thức không trực tiếp bằng các loại hình nghệ thuật khác song sức gợi mở của nó lại hết sức dồi dào, mạnh mẽ. Nó tác động vào liên tưởng con người và khơi dậy những cảm nhận cụ thể về màu sắc, đường nét, âm thanh, hình khối.

+ Thơ là họa: Họa có nghĩa là hội họa, đặc trưng ngôn ngữ thơ giàu tính tạo hình, thơ có thể gợi lên trong tâm trí người đọc những hình ảnh, chi tiết sống động, chân thực như bản thân sự sống vốn có, “thi trung hữu hoạ”.

+ Thơ là nhạc: Nhạc là âm nhạc. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính. Tính nhạc của thơ thể hiện ở: thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu,… “thi trung hữu nhạc”. Nhạc là cỗ xe chở hồn thi phẩm (Hoàng Cầm).

+ Thơ còn là chạm khắc: Chạm khắc là điêu khắc. Cũng vì tính tạo hình, ngôn ngữ thơ ca có khả năng tạo dựng hình khối, đường nét sống động, chân thực.

+ Một cách riêng: Phong cách nghệ thuật của mỗi nhà thơ.

=> Sóng Hồng đã khẳng định tính chất kì diệu của thơ ca: thơ là thơ nhưng thơ còn có màu sắc, đường nét của hội hoạ, thanh âm của âm nhạc và hình khối của chạm khắc (điêu khắc). Thơ cất tiếng nhờ nhạc, đẹp lên nhờ hoạ và kiêu hãnh vì được thể hiện bằng nét chạm khắc. Tuy nhiên, tất cả những biểu hiện ấy phải được thể hiện theo “một cách riêng” nghĩa là nhà thơ phải có phong cách nghệ thuật độc đáo.

(Cũng như nhận xét của Biêlinxki “Bản thân văn học là toàn bộ nghệ thuật” hay “Thơ là kết tinh của cái đẹp trong mọi hình thức nghệ thuật”).

**\* Chứng minh qua bài thơ “Chợ đồng”:**

**+ Hoàn cảnh sáng tác:** Nguyễn Khuyến sau khi rời chốn quan trường nhiễu nhương, lui về ở ẩn ở quê nhà, đó là làng Vị Hạ, xã Yên Đổ (nay là xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam). Làng Vị Hạ có chợ họp ở trong làng, gọi là chợ Và. Hàng năm cứ đến phiên chợ cuối tháng Chạp (chợ sắm Tết) nhân dân lại dời chợ ra họp ở một cánh ruộng mạ phía sau làng, nên gọi là chợ Đồng. Từ năm 1949, quân Pháp về đóng đồn ở làng Vị Hạ thì chợ Và cũng thôi không họp nữa, và tục họp chợ Đồng vào cuối năm cũng mất.

**Luận điểm 1: Hình ảnh phiên chợ quê (6 câu đầu)**

- Thời gian: Tháng chạp hai mươi bốn - thời gian giáp Tết;

- Không gian: Không gian của chợ quê - khi tan chợ

=> Thời gian gần hết một năm thường gợi lên nhiều suy tư; không gian quen thuộc gợi lên nhịp sống, bộ mặt của mỗi làng quê.

- Hình ảnh phiên chợ: mưa bụi giăng kín, còn vài bô lão ngồi nếm rượu để chuẩn bị mua thứ ngon nhất mà tế lễ thần trong đình. => ẩm đạm buồn tẻ, gợi lên sự nghèo đói.

- Biện pháp nghệ thuật: Đối lập Hàng quán >< Nợ nần, người về >< năm hết, nghe xao xác >< hỏi lung tung Gợi lên không khí buồn của hình ảnh chợ tan, người về xao xác, xen vào đó là âm thanh hỏi – đòi nợ nhau của những người đi chợ.

Hình ảnh được miêu tả trong hai câu thơ đặt trong sự đối lập nhưng bổ sung ý nghĩa cho nhau, tạo ấn tượng về cuộc sống túng thiếu, nợ nần của dân quê. Qua đây cho ta cảm nhận được tâm trạng buồn, xót xa của tác giả.

- Phép đối còn làm cho lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.

**Luận điểm 2: Tâm tình của thi nhân**

- Tính đếm “dăm ba” ngày đến tết, mong móng “tin xuân” trong tiếng pháo đem về những niềm vui, xua tan đói nghèo.

Bài thơ thể hiện tâm trạng buồn bã của Nguyễn Khuyến khi chứng kiến ​​nhịp sống của con người  qua cảnh Chợ Đông. Cuối phiên chợ Tết  chỉ còn lại tiếng đòi nợ, khuyến mại. Năm cũ sắp qua đi, năm mới đang dần đến nhưng nghèo đói vẫn ám ảnh cuộc sống của người dân làng quê. Nỗi buồn khiến nhà thơ chìm vào suy nghĩ, đến nỗi âm thanh “Ôi tiếng pháo tre” dường như đưa nhà thơ  trở về hiện thực.

**c. Đánh giá**

- Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú đường luật.

- Phương thức biểu đạt chính trong bài thơ đó chính là biểu cảm.

- Biện pháp ẩn dụ được sử dụng trong trong câu: “Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.” – “Dở trời, mưa bụi còn hơi rét” mang hàm nghĩa chỉ cảnh lầm than, nỗi cơ cực của nhân dân, của bà con dân cày nghèo khổ.

- Sử dụng biện pháp đối thông qua hai câu thơ: “*Hàng quán người về nghe xáo xác,* *Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*“. Nhấn mạnh sự đối lập giữa khung cảnh chợ Đồng, nói lên cái buồn của sự đói nghèo càng được nhân lên khi năm hết Tết đến rồi.

**3. Kết bài:**

- Khái quát khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ, bài học.

* **Bài viết tham khảo**

Anđecxen đã từng dôc lòng bày tỏ: “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện cổ tích do chính cuộc sống viết ra”, phải chăng câu nói ấy ngầm khẳng định một chân lí nghệ thuật vô cùng cao đẹp khi thế giới thần tiên mà bao lần tuổi thơ ta hằng mơ ước tìm đến lại chính là cuộc sống gần gũi, thân thương ngay trước mắt mỗi người, để rồi từ đó nâng giấc cho những dòng truyện, trang thơ bước vào tâm hồn ta một cách êm đềm, ngọt ngào nhất. Thế nên, hiểu rõ quy luật chung của văn chương ấy Nguyễn Khuyến cũng đã nuôi dưỡng những hạt mầm thơ ca của chính mình bằng mảnh đất màu mỡ mang tên đời sống, một trong những hạt mầm đơm hoa kết trái nơi trái tim bạn đọc phải kể đến thi phẩm “Chợ Đồng” - bức tranh làng quê đậm đầ tình quê, tha thiết lòng người:

    Tết đến, xuân về lòng ta lại nao nao với biết bao niềm vui, háo hức của ngày gặp gỡ, hăm hở ngắm nhìn khung cảnh nhộn nhịp mà những phiên chợ quê bày biện, chào đón người mua, kẻ bán tấp nập, đông đúc. Chẳng thế mà, Nguyễn Khuyến cũng đau đáu với nét đẹp vốn hiện hữu trong tâm hồn ông từ thuở ấu thơ để rồi gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình qua từng con chữ thi sĩ mở lòng bộc bạch:

*Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,  
Năm nay chợ họp có đông không?  
Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.  
Nếm rượu, tường đền được mấy ông?  
Hàng quán người về nghe xáo xác,  
Nợ nần năm hết hỏi lung tung*.

Thơ ca bén rễ từ đời sống và chỉ có thể nở hoa thơm ngát khi lòng ta đã đủ đầy yêu thương, và phải chăng điều đó thật đúng với Nguyễn Khuyến trong khoảnh khắc ông kể lại sự hiện diện về phiên “chợ Đồng” với những lời lẽ thật giản dị, bằng cả trái tim mình. Thế nên, giờ đây hiện lên trang viết để chào đón bạn đọc vào âm vang của lòng mình, ông mở ra cánh cửa thời gian bước vào cảnh chợ ngày tết với lời mời gọi đầy tha thiết “tháng chạp hai mươi bốn”, cái ngày thường kì vẫn được họp để buôn bán, trao đổi lại qua trong suốt một thời gian dài của những người dân vốn chân chất, thật thà, mộc mạc quê ông. Để rồi, nghe lời tâm tình ấy bất giác ta nao nao nhớ về quang cảnh những phiên chợ tụ họp nơi ven đê, đầu làng mà ca dao đã từng thân thương, gợi nhớ:

*“Chợ huyện một tháng sáu phiên*

*Gặp cô hàng xén kết duyên Châu - Trần”*

Hay:

*"Chợ Viềng năm có một phiên*

*Cái nón em đội cũng tiền anh trao”*

Mặc dù, cùng viết về một chủ đề, chung niềm hãnh diện khi được giới thiệu nét đẹp của quê hương, thế nhưng nếu ca dao như mở ra quang cảnh đầy tình tứ giao duyên, gặp gỡ thật đắm say, ngọt ngào mà đôi trai gái hiếm hoi hẹn ước trong những phiên chợ định kì. Thì Nguyễn Khuyến lại như nhẩm tính chợt nhớ ra, giật mình cất tiếng băn khoăn chợ đến ngày rồi song biết “năm nay”, thời gian này người đi chợ ra sao bằng một câu hỏi tu từ thật đặc biệt. Chẳng đặc biệt mà, khi nói về chợ tết là ta sẽ mường tượng đủ những chen chúc, xô bồ, tấp nập, ồn ào chứ sao lại nghi ngại bất giác cất lời “có đông không”, chắc hẳn sau câu ấy hỏi còn thật nhiều ý vị được ẩn giấu khiến mỗi chúng ta ngạc nhiên, thảng thốt. Bởi, nhà thơ tâm sự rằng những năm được mùa, chợ Đồng họp phiên chợ Tết đông vui lắm, nó như sự nô nức đầy đủ, dư giả trong đời sống gợi cảnh no ấm mà ai cũng thầm ước mong. Thế nhưng, trái lại, những năm mất mùa, thưa thớt người mua, chợ vì thế buồn thiu, nép mình bên cánh đồng cô đơn, nhỏ bé, đó cũng là thảm cảnh của nghèo đói, loạn lạc nơi làng quê mà thi nhân vẫn đau đáu mang trong tim mình. Thế nên, chỉ bằng năm tiếng thơ nhỏ bé vang vọng cả không gian “chợ họp có đông không” lại khiến ta nghe như một tiếng thở dài ngân mãi, tràn ra cả trang thơ, lấp đầy ăm ắp tâm hồn thi sĩ mà biến thành nỗi buồn trước cảnh nhân dân thời loạn lạc, đói rét, lầm than. Để rồi, tiếng thở ấy nối tiếp cùng niềm thương cảm khi phiên chợ đã nghèo, thi thoảng mới họp một ngày, ấy vậy mà lại gặp thời tiết trớ trêu, thê lương:

*Dở trời mưa bụi còn hơi rét,*

*Uống rượu tường đền được mấy ông*

Xuân Diệu từng bày tỏ quan niệm khá "khắt khe" về câu chữ trong từng trang thơ của những người nghệ sĩ, ông cho rằng: "Một bài thơ hay là một sinh vật có cơ thể. Mỗi câu mỗi chữ đứng ở đâu đều có lý do", có lẽ thấu hiểu được vai trò quan trọng của những kí tự nhỏ bé ấy trong thơ ca, thế nên câu chữ mà Nguyễn Khuyến sử dụng dù ở thời gian gian nào cũng đều được ông trau chuốt, gọt giũa, tỉ mẩm lắm rồi mới thổ lộ với bạn đọc. Chẳng vậy mà, cất lên lời than vãn, như tiếng mắng nhẹ nhàng, lời nói thường ngày nơi những người thôn quê ông vẫn thường dùng “Dở trời”, vang lên mới dân dã, mộc mạc làm sao? Nó chẳng khác là bao hình ảnh chân chất của chính con người ông luôn đắm mình trong những phồn hậu, giản dị đáng quý. “Dở trời” là cái thời tiết, đỏng đảnh, không thuận, thay đổi thất thường, đã thế còn mang theo vài cơn “mưa bụi” liên miên, khiến đường sá, “ngõ trúc quanh co" nơi làng quê lầy lội, bùn hôi, nhớp nháp chỉ còn đọng trên trang văn những “hơi rét” kéo dài. Để từ đó, cái rét trong không gian ấy giờ đây phủ kín làng quê nhỏ, thấm vào cả trong lòng người mà lạnh tê tái, đau thương bởi cảnh nghèo khốn khó đang vây chặt lấy bà con nơi chốn quê lam lũ khiến phiên chợ nghèo hiếm hoi mới tụ họp, nay lại gặp thời tiết ảm đạm, khó khăn, không thuận lợi. Nên chỉ còn lại thưa thớt “được mấy ông” bô lão làng Vị Hạ vẫn ngồi tựa lưng vào tường đền “nếm rượu", xem thứ rượu nào ngon thì mua mà tế lễ thánh trong dịp Tết đến, xuân về. Một nét bút, vài câu thơ, những con chữ nhỏ nhắn bằng cả tấm lòng nhẹ nhàng được cất lên, thi nhân đã mở ra trước mắt người đọc cả một bầu trời thương nhớ gửi trao trong nét đẹp về phong tục quê hương vẫn được Nguyễn Khuyến nhắc đến với bao tình cảm mến yêu và trân trọng. Nhờ đó lời thơ mang cái đẹp của thi pháp “ý tại ngôn ngoại” mà ta cũng thấm dần nỗi buồn bơ vơ, cô đơn trong trái tim một nhà nho bất đắc chí mà Nguyễn Khuyến đã từng tâm sự:

*Đời loạn đi về như hạc độc,*

*Tuổi già hình bóng tựa mây côi*

*(Gửi bạn)*

Hai câu thơ “Gửi bạn” hôm nào, cộng hưởng cùng hơi thở của phiên chợ Đồng ảm đạm,khe khẽ nép bên đời thơ Nguyễn Khuyến đã gợi lên nét đơn sơ nơi làng quê nghèo mà từ đó cất tiếng nói tràn đầy giá trị hiện thực phản ánh cảnh dân tình miền Bắc nước ta hàng trăm năm về trước, khi rơi vào cảnh lầm than, đô hộ của thực dân. Không chỉ thế, Nguyễn Khuyến còn bộc lộ tài năng văn chương độc đáo, đỉnh cao của một người nghệ sĩ “lành nghề” làm đẹp cho đời bằng con chữ, khi phác họa làng quê nông thôn Việt Nam ghi lại không khí cuộc sống dân dã qua cảnh chợ tan với những âm thanh, tiếng đời cơ cực dội vào trái tim ông:

*Hàng quán người về nghe xáo xác,*

*Nợ nần năm hết hỏi lung tung*

Tiếng thơ là tiếng lòng, tâm hồn thi nhân cũng vì thế góp nhặt, khéo léo mà lượm vào trang đời biết bao tâm tư, thổn thức, đủ đầy, do đó có người cho rằng hai dòng thơ như gọi lên không khí rất thực của phiên chợ, thôn quê lúc chợ tan, tiếng lao xao, bon chen đủ đầy hương vị của cuộc sống. Song, Xuân Diệu lại không cho là như vậy, thi sĩ nói: “Xao xác nghĩa là ồn ào mà ngơ ngác. Lung tung là rắc rối, loạn xạ cả lên. Tan chợ, phiên chợ Tết mà chỉ có tiếng đòi nợ, thúc nợ lung tung. Cái nghèo túng đang đè nặng xóm làng quê”. Phải chăng, ánh nhìn sắc sảo của một nhà thơ thấu lẽ đời như Xuân Diệu đã đánh giá rất đắt, đúng đắn chi tiết trong nét thơ mà Nguyễn Khuyến đã đem đến. Để rồi, mở ra trên nền bức tranh quê, kết hợp thủ pháp đối nhà thơ đã gợi rõ không khí phiên chợ nhỏ, chẳng phải cảnh rộn rã, tươi cười, đon đả của người đời, hân hoan, rủng rỉnh chuẩn bị sắm tết, đoàn viên, mà chỉ còn đọng lại vài ba hàng quán mua bán “nghe xáo xác", ngơ ngác, lộn xộn trong nỗi buồn đói nghèo với bộn bề, lo toan khiến ta đắng ngắt nơi cõi lòng. Từ đó, ta mới thấu hiểu được lẽ đời, triết lý nhân sinh cao cả mà thi sĩ đem đến cùng nỗi xót xa, băn khoăn, trăn trở có nỗi khổ nào lớn hơn cái cơ hàn, nghèo đói? Bao niềm đau đớn mới khỏa lấp hết lo toan, vội vã, oằn mình từng ngày cùng cuộc sống? Xót xa trước câu hỏi đó, nhà thơ trăn trở đi tìm chiếc chìa khóa giải mã cuộc đời, rồi nghe được từng nỗi đời cay cực của nhân dân trong xã hội cũ, nên ông mới thâm thía chỉ ra nguyên cớ của cái nghèo, cảnh đói rét ấy:

*Năm nay cày cấy vẫn chân thua,*

*Chiêm mất đằng chiêm, mùa mất mùa.*

*Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,*

*Nửa công đứa ở, nửa thuê bò.*

*Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,*

*Chợ búa trầu chè chẳng dám mua.*

* *(Chốn quê)*

 Đọc trăn trở của Nguyễn Khuyến ta mới càng chắc chắn khẳng định một chân lí rõ ràng, sáng tỏ: thơ chính là đời, là ngọn nguồn sự sống được chắt chiu mà gửi vào trong từng con chữ. Nên khi trở lại bài “Chợ Đồng” mỗi bạn đọc sẽ thấu hết được sự gom góp nguồn sống về lẽ đời nơi nhân gian mà nhà thơ đã gửi gắm:

Dăm ba ngày nữa tin xuân tới,

*Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng*

Tiếng thơ như một lời nhẩm tính “dăm ba” đầy bơ vơ, nghẹn ngào của lão nông tri điền, đúng đầu ngõ mà đăm chiêu, thở dài trước khoảnh khắc chỉ vài ba ngày nữa năm cũ dần qua, năm mới sẽ sang mà cái nghèo, đói rét vẫn bủa vây như bóng tối phủ lên từng góc nhà, bao chùm mọi ngõ ngách nơi làng quê nhỏ bé, nằm nghiêng bên đời. Song, nếu đọc kĩ và hiểu thấu trái tim luôn chan chứa tình yêu cuộc đời, thương dân vô bờ bến, thì ta lại thầm cảm ơn Nguyễn Khuyến, bởi có lẽ dù buồn đấy, lo lắng thật nhiều nhưng ẩn chứa trong mỗi lời thơ vẫn tràn đầy hi vọng, mang theo niềm tin mong manh “xuân tới” dân cày mát mặt “nhờ trời" để “được bát cơm no", mặc manh áo ấm, rồi rộn rã bao niềm vui trước cái âm thanh “đùng” giòn tan nơi tiếng pháo. Chỉ cần nghĩ đến thế thôi mà bao yêu thương lại tràn về, hạnh phúc hiện lên khỏa lấp hết đau đớn, đói nghèo, đen tối của cả một năm trời vất vả nơi thôn quê khiến lòng ta cũng chợt ấm áp theo tiếng thơ mà thi nhân đã gửi lại cho đời hôm nay.

*"Mỗi con trai nhả ngọc một lần thôi  
Viên ngọc đầu tiên cũng là viên sau chót  
Không như ta sau viên ngọc sau cùng làm viên thứ nhất  
Đây là nỗi đau và hạnh phúc của con người."*

Chợ Đồng của Nguyễn Khuyến là một bài thơ hay, với chất liệu làng quê dân dã, nhưng với một hồn thơ nồng đượm, Nguyễn Khuyến đã khai thác nó bằng nhiều xúc cảm thi vị. Một cảnh vật, một âm thanh vốn rất bình thường nhưng vào thơ ông cũng mang nhiều nỗi niềm hơn cả, đó là nỗi buồn lo cho cuộc sống của nhân dân, nỗi xót xa trước thực cảnh cơ hàn. Cuối cùng sâu xa hơn cả là tấm lòng yêu thương nhân dân, yêu thương đất nước tha thiết, mong cho toàn thể dân tộc ta có một cuộc sống ấm no hạnh phúc hơn, đặc biệt là trong những ngày cận kề giáp Tết.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 6***: “Nghệ thuật thực sự đòi hỏi cả tài năng và tâm hồn, cả sự thông minh và lòng trắc ẩn, cả cảm xúc và sự chiêm nghiệm vượt lên trên thời gian – lịch sử.”*  *(Nhà văn và quá trình sáng tạo, Lê Ngọc Trà, NXB Trẻ, tr.237, TPHCM, 2018)*  **Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm**  *Một mai, một cuốc, một cần câu Thơ thẩn dầu ai vui thú nào Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn, người đến chốn lao xao Thu ăn măng trúc, đông ăn giá Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhắp Nhìn xem phú quý, tựa chiêm bao* |

**GỢI Ý LÀM BÀI**

**1. Mở bài**

- **Giới thiệu vấn đề nghị luận rõ ràng, chính xác, hấp dẫn**

**- Giới thiệu bài thơ**

**2. Thân bài**

a. Giải thích

- *Nghệ thuật thực sự*: những tác phẩm chân chính giàu tính thẩm mĩ, thực hiện xuất sắc sứ mệnh cao cả của nghệ thuật và  có sức sống lâu bền với thời gian.

– … *đòi hỏi cả tài năng và tâm hồn, cả sự thông minh và lòng trắc ẩn, cả cảm xúc và sự chiêm nghiệm vượt lên trên thời gian – lịch sử:*Tác phẩm nghệ thuật thực sự luôn kết tinh sự từng trải, vốn sống, tư tưởng, tình cảm, những suy tư, chiêm nghiệm sâu sắc, có ý nghĩa muôn đời của người cầm bút. Nói cách khác, tác phẩm nghệ thuật chứa đựng trong đó cái tâm và cái tài, trí tuệ và tình cảm của nghệ sĩ. Cái gốc tình cảm ở nghệ sĩ là lòng trắc ẩn – niềm cảm thương sâu kín tới mọi nông nỗi kiếp người; giá trị quan trọng trong tư tưởng của nghệ sĩ là ở những chiêm nghiệm sâu sắc vượt thời đại về cuộc sống và nhân sinh.

=> Nhận định đề cập đến vấn đề đặc trưng của văn học và vai trò của nhà văn trong sáng tạo nghệ thuật.

**b. Bàn luận**

Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, của sự sáng tạo. Bởi vậy nó đòi hỏi ở người nghệ sĩ những tố chất đặc biệt: sự mẫn cảm, óc quan sát tinh tế, trí tưởng tượng dồi dào, trí tuệ sắc sảo, vốn sống phong phú và cá tính riêng biệt,… Không thể cố mà có thể trở thành nhà văn nhà thơ, bởi ngoài sự dày công khổ luyện, trau dồi tài năng, nghệ sĩ còn cần những tố chất thiên bẩm. Để viết nên những tác phẩm văn chương thực sự có giá trị, nhà văn phải là kẻ nhạy cảm với sự sáng tạo từ trong bản năng, biết rung động với cái đẹp trong tự nhiên và trong cuộc sống, có thể nhìn ra cái vô hình vô ảnh, nhìn xuyên thấu mọi ngóc ngách của miền nhân sinh, rọi tới cái thăm thẳm trong hồn người và từ đó khái quát lên những vấn đề muôn thuở của nhân sinh, của hiện thực và lịch sử.

– Văn học phản ánh và nhận thức đời sống thông qua việc xây dựng thế giới hình tượng. Hình tượng nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ, là đứa con tinh thần của người nghệ sĩ, nó kết tinh trong đó tất cả tài năng và tâm hồn, trí tuệ và tình cảm, những suy tư, chiêm nghiệm, những thông điệp sâu sắc mà tác giả muốn truyền gửi tới người đọc nhiều thế hệ. Hình tượng chính là phương tiện giao tiếp quan trọng giữa nhà văn và độc giả, là thước đo tầm vóc của nhà văn và định giá giá trị tác phẩm.

=> Nhận định đúng đắn, cho ta căn cứ tương đối chuẩn xác và đầy đủ để đánh giá giá trị thực sự của tác phẩm nghệ thuật.

**c. Phân tích chứng minh làm sáng tỏ nhận định**

**a. Luận điểm 1: Tài năng của nhà văn trong xây dựng hình tượng thể hiện qua hai câu đề:**

*Một mai, một cuốc, một cần câu  
Thơ thẩn dầu ai vui thú nào*

+ Bằng cách sử dụng những vật dụng quen thuộc của người dân lao động cho thấy cảnh nghèo khó nhưng an nhàn, thanh bình biết bao.

+ Tâm trạng của nhà thơ là tâm trạng của một kẻ sĩ “an bần lạc đạo” vượt lên trên nỗi lo lắng bon chen của đời thường để tìm đến thú vui của ẩn sĩ.

**Luận điểm 2:** Tâm hồn và tình cảm, cái gốc nhân đạo sâu vững của nhà văn được thể hiện qua hai câu thực, luận

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ  
Người khôn, người đến chốn lao xao  
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao*

+ Cách sử dụng phép đối: dại >< khôn, nơi vắng vẻ >< chốn lao xao, cách xưng hô “ta”, “người”cho thấy được sự khác nhau giữa lối sống của tác giả và người đời thường. Ông cho rằng nơi vắng vẻ là nơi thôn quê yên bình ở đó không còn bon chen chốn quan trường, đây mới thực là cuộc sống.

+ Cuộc sống giản dị không cần những thứ giàu sang hào nhoáng chỉ là sản vật từ nhiên nhiên “măng trúc” “giá” -> Thấy được cuộc sống an nhàn, đạm bạc thanh cao, lối sống hòa nhập với thiên nhiên của tác giả.

**Luận điểm 3:** Sự thông minh, trí tuệ của nhà văn trong tư tưởng của tác phẩm, những suy tư, chiệm nghiệm vượt lên mọi không gian và thời đại của nghệ sĩ trong tác phẩm được thể hiện qua hai câu kết.

*Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhắp  
Nhìn xem phú quý, tựa chiêm bao*

+ Xem nhẹ lẽ đời sống sa hoa phú quý, ông ngậm ngùi coi đó như một giấc chiêm bao.

+ Lối sống thanh cao vượt lên trên lẽ đời thường

**c. Đánh giá mở rộng**

Đây là ý kiến đúng đắn, làm nổi bật được đặc trưng của văn học.

– Nhận định đã đặt ra yêu cầu đối với người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Người sáng tác: mài sắc tư tưởng, tình cảm, trau dồi tài năng.

+ Người tiếp nhận: nâng cao vốn hiểu biết, văn hóa, có khả năng khám phá chiều sâu tư tưởng và những thông điệp vượt thời đại đặt ra trong tác phẩm.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề những giá trị về nội dung và nghệ thuật

- Liên hệ bản thân.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO (Đã sửa)**

Lê Quý Đôn từng cho rằng:*“Thơ khởi phát từ lòng người ta”,* chứa đựng biết bao nhiêu rung cảm, trăn trở nơi người cầm bút. Một tác phẩm thơ chân chính, muốn vượt lên sức mạnh của thời gian, của lòng người, ẩn chứa trong đó những tình cảm thật, suy nghĩ thật và phải được viết lên từ mồ hôi và nước mắt của nhà thơ. Với “Nhàn”, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã gửi tới người đọc những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, thời đại mà cho đến tận ngày nay người ta vẫn phải suy ngẫm.

“Nhàn” là bài thơ Nôm nằm trong tập “Bạch Vân quốc ngữ thi”. Nhan đề bài thơ là do người đời sau đặt. Bài thơ như lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với tự nhiên, giữ được cốt cách thanh cao, khí tiết cương trực, vượt lên trên những danh lợi tầm thường. Xuyên suốt bài thơ “Nhàn” là tâm hồn tràn ngập niềm vui và sự thanh tịnh trong tâm hồn tác giả. Có thể xem đây là điểm nhấn, là tinh thần chủ đạo của bài thơ. Chỉ với 8 câu thơ đường luật nhưng Nguyễn Bỉnh Khiêm đã mang đến cho người đọc một cuộc sống an nhàn nơi đồng quê êm ả.

Cũng giống như Nguyễn Trãi, sống giữa một thời đại loạn lạc, đầy biến động, nơi mà các giá trị truyền thống đạo đức bị đảo lộn, con người trở nên vụ lợi hơn, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tìm về với cuộc sống nơi thôn dã, vui với việc “cày nhàn câu vắng”, tự mình thích thảng với lòng mình, tạm quên hết sự đời “dầu ai vui thú nào”. Gửi chí hướng về nơi thôn dã, cuộc sống của thi nhân nơi thôn quê hiện lên như một “lão nông chi điền”

Như chúng ta đã biết văn chương cùng sức mạnh kì diệu của mình đã kết nối nhà thơ với hồn sống thiêng liêng ở thế gian và mở ra những cánh cửa thần kì giúp bạn đọc thấu hiểu thời đại, tâm hồn của người nghệ sĩ dù đã trải qua hàng thế kỉ. Bài thơ mở đầu bằng phép liệt kê kết hợp với điệp từ “một” đã gợi mở ra một cuộc sống đơn sơ, chất phác với những công cụ lao động quen thuộc của người dân quê. Một cuộc sống thuần phác, giản dị với “mai”, “cuốc” và “cần câu” nhưng an nhàn và thanh tao.

“*Một mai, một cuốc, một cần câu  
Thơ thẩn dầu ai vui thú nào”.*

Trong thơ Đường luật hay sử dụng những hình ảnh ước lệ, trang nhã hơn là những hình ảnh cụ thể, bình dị như mai, cuốc, cần câu. Số từ trong câu thơ trên cũng là con số thực chứ không phải là những con số ước lệ. Mai dùng để đào đất, cuốc dùng để xới đất, cần câu để câu cá. Đó là những nông cụ lao động dân dã của người nông dân. Với cách điệp số từ một…một…một, tạo nhịp điệu chậm rãi, câu thơ thể hiện tư thế sẵn sàng của Nguyễn Bỉnh Khiêm cho một cuộc sống bình dị, giản đơn. Có thể gọi đây là hiện tượng phá vỡ tính quy phạm và là một cách Việt hóa thể thơ Đường luật. Nguyễn Bỉnh Khiêm chấp nhận cuộc sống cần lao của một lão nông tri điền, mặc cho người đua đòi chạy theo bao thú vui phù phiếm, ông vẫn giữ tâm thế bình thản, điềm nhiên với cuộc sống thanh bần mình đã chọn. Trước hết ta phải hiểu cái nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm không phải là kiểu nhàn hưởng lạc, nhàn lười biếng vì không quan tâm sự đời. Người xưa thường cho rằng “nhàn cư vi bất thiện”, người quân tử có học không bao giờ để thân mình được thảnh thơi. Nguyễn Bỉnh Khiêm hướng đến cái nhàn trong tâm, không vướng bận danh lợi đua chen, tâm nhàn chứ thân không nhàn. Là vị quan từ bỏ cân đai áo mão, ông trở về cuộc sống lao động vất vả, tự cung tự cấp rất lương thiện của những người nông dân nghèo, ông vẫn phải lao động để nuôi sống mình chứ không trông cậy vào bất kì ai, không mang theo vàng ngọc chốn quan trường để về quê hưởng lạc.

Nguyễn Bỉnh Khiêm đã đưa được cái bình dị, dân dã vào thơ ca chứ không chỉ là những điển tích, điển cố cũ kĩ trở thành mẫu mực của thơ Đường trong cuộc sống lao động vì thế nó không đem cảm giác mệt mỏi, khổ cực mà lại gợi sự ung dung trong niềm vui của nhà thơ. Vui vì được lao động, sống giản dị như bao người dân bình thường khác, chẳng bon chen với đời, ganh đua cùng người như những kẻ trong vòng danh lợi kia. Để rồi sau những giây phút chăm chỉ cùng “cuốc”, “mai” là hình ảnh với chiếc “cần câu” gợi đến công việc kiếm sống trong dáng vẻ trầm ngâm ngắm nhìn mây trời, thả hồn cùng ao hồ, bên những chú cá chốc chốc lạ lẫm ngoi lên đớp vài giọt nước, đùa nghịch rồi thẹn thùng lặn ngay, đó chẳng phải một thú vui và những giây tĩnh lặng, thảnh thơi thi vị mà ai cũng ao ước ở đời hay sao? Dáng vẻ trầm ngân ấy như hiện rõ hơn trong ánh nhìn “Thơ thẩn” qua từ láy tượng hình gợi tư thế, dáng điệu chậm rãi thong dong, như đang ngẩn ngơ trước cảnh đẹp, bỗng ngưng lại trong khoảnh khắc tinh khôi mà cuộc đời gửi nơi lòng người. Hay “Thơ thẩn” còn là giây phút tận hưởng đâu nhớ, không quên, chẳng buồn chỉ có niềm vui, thanh thản, nhẹ bẫng như mây trong tim thi nhân mà thôi. Hình ảnh ấy, dáng vẻ đó, cần câu kia gợi cho ta đến dư âm tiếng lòng mà Nguyễn Khuyến cũng từng thả cần câu cá năm nao:

*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo*

Chiếc chìa khóa ngôn từ được thi sĩ Tam Nguyên Yên Đổ mở ra như tràn ngập băn khoăn, có chút buồn, cô đơn ôm gối để chờ đợi cá đớp mồi trong thoảng thốt bởi tâm trí ông giờ đây đâu nằm ở chiếc cần câu, đó là tinh thần của một con người “Thân nhàn nhưng tâm không nhàn”, thì rõ ràng Nguyễn Bình Khiêm lại khác hiện lên trên nền cuộc sống là dáng vẻ thảnh thơi, an yên, không suy tư thế sự. Chẳng vậy mà, câu thơ của ông như một cuộc dạo chơi không có chủ đích song lại rất chủ động trong việc dùng biện pháp đảo ngữ đẩy từ “thơ thẩn” lên đầu nhấn mạnh phong thái ung dung, khác biệt của mình với thế giới xung quanh cùng nhịp thơ 2/5 tách nhịp điệu thành hai vế, một bên trạng thái “thơ thẩn” mà Trạng Trình có với một bên “dầu ai vui thú nào” – chính là cuộc sống ngoài kia, lựa chọn của số đông. Thế nên, tiếng nhạc lòng tác giả âm vang không một chút băn khoăn, đắn đo trong gió, bên mây, cùng nước, cỏ cây, hoa lá cũng là lời khẳng định chắc nịch, nhẹ nhàng của con người đã thấu triết lý cuộc đời, tỏ bản chất thế sự, hiểu mong muốn bản thân mình. Có thể thấy vẻ đẹp giản dị, tự nhiên của tiếng thơ cất lên được thể hiện ngay từ cách lựa chọn từ ngữ, giọng điệu thơ nhẹ nhàng, du dương, bay bổng tựa bản tình ca đẹp đẽ đưa con người vào thế giới thần tiên kì diệu, lánh xa trần thế, đúng như Phan Huy Chú từng nhận xét về Trạng Trình: “Văn chương ông tự nhiên nói ra là thành, không cần gọt giũa, giản dị mà linh hoạt, không màu mè mà có ý vị, đều có quan hệ đến việc dạy đời”.

Mỗi bạn đọc khi đến với một tác phẩm văn chương, tắm mình trong ngôn từ đẹp đẽ, khơi mở tâm hồn cùng triết lí sống của nhà thơ, chính là hành trình ta tự hoàn thiện bản thân để hiểu mình, yêu đời, trân trọng cuộc sống hơn. Do đó, đọc những tiếng thơ như mật ngọt, hoa thơm vang lên của Nguyễn Bình Khiêm ta như mở ra trước mắt là bài học cao đẹp nơi cuộc sống, lẽ đời với thông điệp nhàn không phải sự tìm kiếm đó là việc lựa chọn:

*“Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn, người đến chốn lao xao”.*

“Dại” hay “khôn”, “giỏi” hoặc “ngu ngơ” vốn thuộc về tư duy của một con người, song vang vọng bên câu thơ lại chẳng tồn tại dưới dạng thức ta vốn nghĩ, mà là nhận thức trong tâm tưởng con người về lẽ đời. Thế nên, dù hai câu thơ này đã phá vỡ tính quy phạm của văn học trung đại, khi nó thực hiện chức năng bàn luận chứ không mang tính tả thực, để mở rộng bàn bạc về nhàn, lối sống với những lựa chọn của bản thân qua phép đối rất độc đáo. Một bên là “ta” với “dại” ở nơi “vắng vẻ” biến ngẫu cùng “người” “khôn” bên “chốn lao xao”, sự đối lập ấy vô tình lại gắn kết bền chặt với nhau để tạo thành hô ứng về những lựa chọn thanh cao khiến ta phải ngẫm ngợi chẳng biết “ta dại”, “người khôn” hay cái dại khôn ấy thật khó phân tách trong suy nghĩ và lựa chọn về lối sống của riêng mình. Bởi suy cho cùng “Ta” muốn ở nơi vắng vẻ chính là tìm đến chốn thiên nhiên thuần khiết để sống tự do, an yên, giữ cho tâm hồn thảnh thơi, nhân cách thanh tao. Đó không phải lánh đời, xuất thế mà là cách lựa chọn để làm những điều mình thích, để rũ sạch bụi trần. Còn “người”? “Người” tới “chốn lao xao” nơi quan trường ồn ã, xô bồ, chỗ danh lợi bon chen, tranh giành về quyền lợi, vật chất, tiền tài, rồi vì “lao xao”, ganh ghét con người sẵn sàng làm mọi hành động trái với luân thường đạo lý mà đạt được mục đích của riêng mình. Nguyễn Bỉnh Khiêm tự nhận mình là “dại” còn cho rằng người là “khôn” vì dại – khôn đối lập nhau mà những lựa chọn, nghĩ suy ở đời cũng trái ngược hẳn, thế nên triết lý ấy đã từng được ông nói một cách đầy ẩn ý, sâu sắc lại pha chút mỉa mai:

*“Khôn mà hiểm độc là khôn dại  
Dại mà thật thà ấy dại khôn”.*

Bởi vậy, đọc đến đây ta mới vỡ ra thông điệp cao quý mà con người ấy gửi gắm, hóa ra “Dại” của Nguyễn Bỉnh Khiêm là cái “dại” của một bậc hiền triết, với trí tuệ lớn, nhân cách đẹp, người thấu tỏ lẽ thịnh suy, vong tồn của một cuộc sống, chọn lối sống thanh thản tự nhiên, khác xa người đời.

Tố Hữu đã từng nói ““Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy”, và chắc hẳn “Nhàn” cũng là những tiếng lòng Trạng Trình được bật lên khi nhựa sống của ông về đời đã ăm áp, mê say. Chẳng vậy mà, không chỉ là những thứ trừu tượng xa xôi, nhàn còn ở ngay trong những sinh hoạt đời thường, với cảm nhận về cuộc sống xung quanh tươi đẹp:

*“Thu ăn măng trúc đông ăn giá  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao”.*

Chỉ cùng vài nét vẽ thanh thoát trên trang thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm như muốn kể ra những sinh hoạt thường ngày mộc mạc, tự nhiên qua bốn mùa Thu – Đông – Xuân – Hạ được nhắc tới bằng bức tranh tứ bình hay tứ quý, qua đó gợi thời gian quanh năm với những sản vật đặc trưng. Nguyễn Bỉnh Khiêm chọn một lối sống hòa hợp bên thiên nhiên, trong sinh hoạt bốn mùa tràn đầy hương vị và màu sắc, bằng điệp từ “ăn”, “tắm” được lặp lại kết hợp với các hình ảnh liệt kê “măng trúc”, “giá”, “hồ sen”, “ao” cùng với các từ chỉ thời gian, câu thơ đã khắc họa được nếp sinh hoạt đều đặn, tuần hoàn, quy cũ của thi nhân nơi làng quê. Sự giản dị ở đây là những món ăn dân dã, đạm bạc có sẵn trong tự nhiên thuần khiết, thuận theo “mùa nào thức ấy”, chẳng phải nhọc công, vất vả tìm kiếm mà luôn có sẵn, gần gũi, quen thuộc. Thế nhưng, nếu soi thấu từng câu tha ta lại nghiệm ra rằng, ông không chỉ nhắc tới “trúc” và “sen” như món ăn thường thấy trên mâm cơm của mình, mà ở đó còn gợi phẩm chất, khí tiết thanh cao nơi người quân tử. Để rồi, từ đó người đọc nhận ra một khía cạnh thật đặc biệt khác nữa của nhàn, lối sống thuận theo tự nhiên, hòa hợp giữa con người với vạn vật xung quanh bên mình. Dường như triết lý sống ấy của Nguyễn Bỉnh Khiêm có nét gần gũi với cái đẹp “vô vi” của Đạo giáo hay sự thoát tục nơi cửa Phật, nhưng ẩn sâu trong đó chính là tinh thần sống thanh cao, khí tiết đạm bạc để giữ gìn nhân cách của bậc đại nho. Trong văn học trung đại các nhà nho thi sĩ thường sáng tác theo một mẫu, công thức có sẵn, ở đây Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng tuân thủ những quy tắc ấy trong việc miêu tả bức tranh sinh hoạt theo bốn mùa, dù không được sắp xếp theo trật tự quy luật của tự nhiên nhưng vẫn nằm trong vòng tuần hoàn theo thời gian khép kín “thu” qua, “đông” lại, “xuân” sang, “hè” về. Chính vì quan niệm về thời gian ấy mà con người sống rất ung dung, tự do, tự tại tận hưởng cuộc đời một cách nhàn tản, an yên không chút vướng bận với cõi nhân gian. Như vậy có thể thấy, nhàn không chỉ nơi công việc, ở lựa chọn mà nhàn còn hiện hữu trong chính những sinh hoạt thường ngày mà mỗi con người đều có thể theo đuổi, hướng tới khi thật sự đã “Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến”.

Trong cuộc đời không phải ai cũng có thể thnah tịnh lòng mình mà chọn cuộc đời lùi về phía sau, tránh xa danh lợi phù du, thế nhưng Nguyễn Bỉnh Khiêm đã làm được điều đó, để rồi sau giây phút ngộ ra lễ đời là khoảnh khắc ông ung dung trong dáng điệu:

*Rượu đến bóng cây ta hãy uống,  
 Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”.*

Mở ra trên nền thiên nhiên mờ ảo trong hai câu thơ là bóng hình một con người đắc đạo, thấm nhuần lẽ sống đang ung dung bên li rượu say sưa nhìn đời tựa cảnh bồng lai thật đẹp đẽ, khác lạ. Khác lạ bởi cái cách tác giả đã sử dụng điển tích Thuần Vu Phần uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hòe rồi mơ thấy mình ở nước Hoè An được công danh, phú quý rất mực vinh hiển, sau bừng tỉnh dậy thì hóa ra đó chỉ là một giấc mộng, dưới cành hòe chỉ có tổ kiến mà thôi. Sử dụng điển tích ấy, tác giả đã nói lên thái độ coi thường công danh phú quý, bởi danh lợi, tiền bạc đối với ông chỉ là cuộc sống của những kẻ xấu xa, tầm thường, điều ông vẫn căm ghét và phê phán trong bài thơ “Thói đời”:

*“Ở thế mới hay người bạc ác  
Giàu thì tìm đến khó tìm lui”.*

Đối với Nguyễn Bỉnh Khiêm - một người tài hoa, trí tuệ thì phú quý chỉ là một giấc chiêm bao, tỉnh dậy sẽ tan biến, không bao giờ là mãi mãi, điều đó cho thấy một nhân cách lớn một trí tuệ lớn. Hai từ “đến”, “sẽ” được đặt nối tiếp như một sự chủ động đón nhận chứ đâu phải thẳng thốt tiếc nuối như Thuần Vu Phần khi tỉnh mộng năm xưa? Sự ung dung tự tại ấy một lần nữa nâng tầm nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm, để rồi với ánh mắt say sưa của người đứng ngoài ông “Nhìn xem” thế sự bằng vẻ thanh tao, xa lánh danh lợi, cười mỉa mai với những kẻ tham lam trong vòng đua tranh. Nguyễn Bỉnh khiêm đã thoát khỏi cái vòng quay đó để vui với thú vui của mình, tìm đến rượu song liệu chất cay nồng ấy có thực sự để ông say mà vui? Chắc hẳn đằng sau cảnh bồng lai ấy là cả một tâm sự giấu kín, bởi một nhà nho nhưng không thể cống hiến, phụng sự đời, mà ông chọn ở ẩn chẳng phải hèn nhát quá hay sao? Thế nhưng, nếu hiểu thấu thời đại và nhân phẩm của thi nhân ta sẽ thấy sự lựa chọn ấy chỉ vì bất đắc dĩ để giữ gìn nhân cách, xa lánh danh lợi chứ đâu phải là quay lưng với cuộc đời, đất nước, nhân dân. Như vậy, nhàn không chỉ là một trạng thái, một lối sống mà đó chính là một lựa chọn, một nhân cách, một tấm lòng. Nhàn cũng không phải là lánh đời mà chỉ là xa lánh danh lợi, thoát khỏi vòng “hiểm độc”. Nhàn không phải là thoát tục mà là để đề cao nhân cách sống thuận theo tự nhiên dựa trên những thông tuệ về lẽ đời, về nhân thế.

Bằng sáng tạo đọc đáo và tâm hồn tinh tế trong veo tựa dòng nước đầu nguồn, Nguyễn Bình Khiêm đã đem đến những trang thơ vừa trang nhã, bình dị vừa sâu sắc, cao đẹp của một lối sống thanh cao, coi thường phú quý. Chính vì thế, thi phẩm “Nhàn” của ông sẽ luôn vượt qua thử thách thời gian để sống mãi trong lòng bạn đọc, xứng đáng là viên kim cương lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời ở mọi thời đại thơ ca.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 7:**  “Nieàm hoaøi coå trong thô baø Huyeän Thanh Quan chính laø noãi nhôù nöôùc thöông nhaø ñöôïc bieåu hieän baèng ngheä thuaät taû caûnh nguï tình ñaëc saéc”. Em haõy phaân tích baøi thô: “ Qua Ñeøo Ngang” ñeå laøm roõ nhaän ñònh treân. |

**I. Yêu cầu chung**

- Học sinh biết làm một bài nghị luận văn học, kết hợp tốt các phép lập luận

- Bài viết có văn phong trong sáng, cảm thụ sâu sắc.

- Phân tích bài thơ “ Qua Đèo Ngang” và kết hợp giải quyết được vấn đề nêu ra ở đề bài ( Về hoàn cảnh lịch sử, tác giả, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)

**I. Mở bài**

Giới thiệu về Bà Huyện Thanh Quan, nội dung chính bài thơ Qua Đèo Ngang.

**II. Thân bài**

**1. Hai câu đề: Cảnh vật thiên nhiên nơi Đèo Ngang**

- Thời gian: “Bóng xế tà”, đây là thời điểm kết thúc của một ngày, khi con người thường trở về nhà sau một ngày lao động vất vả. Vậy mà nhà thơ lại một mình tại nơi đèo Ngang càng khiến cho nỗi cô đơn trở nên tột cùng.

- Khung cảnh thiên nhiên Đèo Ngang:

- “Cỏ cây chen đá, lá chen hoa” là hình ảnh ước lệ mang tính biểu tượng.

- Điệp từ: “chen” kết hợp với hình ảnh “đá, lá, hoa” gợi ra một thiên nhiên tuy hoang sơ nhưng lại tràn đầy sức sống.

=> Khung cảnh thiên nhiên Đèo Ngang được nhà thơ khắc họa chỉ bằng vài nét nhưng lại hiện ra đầy chân thực và sinh động.

**2. Hai câu thực: Cuộc sống con người nơi Đèo Ngang**

- Giữa thiên nhiên hoang sơ và rộng lớn con người xuất hiện:

Nghệ thuật đảo ngữ:

- Lom khom - tiều vài chú: hình ảnh vài chú tiều với dáng đứng lom khom dưới chân núi.

- Lác đác - chợ mấy nhà: hình ảnh vài căn nhà nhỏ bé thưa thớt, lác đác bên sông.

=> Nhấn mạnh vào sự nhỏ bé của con người trước thiên nhiên rộng lớn. Con người chỉ nằm là một chấm buồn lặng lẽ giữa một thiên nhiên rộng lớn. Cảnh vật và con người dường như có sự xa cách khiến cho không khí càng thêm hoang vu, cô quạnh.

**3. Hai câu luận: Tâm trạng nhớ nhà của nhà thơ khi đứng trước Đèo Ngang**

- Hình ảnh “con quốc quốc” và “cái gia gia” không chỉ là hình ảnh thực về hai loại chim (chim đỗ quyên, chim đa đa).

- Mà ở đây, nhà thơ đã sử dụng thủ pháp lấy động tả tĩnh: tiếng kêu “quốc quốc”, “đa đa” để qua đó bộc lộ nỗi lòng nhớ thương của mình với đất nước, quê hương.

=> Hai câu thơ diễn tả nhớ nhung sâu đậm của Bà Huyện Thanh Quan.

**4. Hai câu kết: Nỗi cô đơn tột cùng của nhà thơ**

- Câu thơ “Dừng chân đứng lại, trời, non, nước” khắc họa hình ảnh nhà thơ một mình đứng tại nơi Đèo Ngang, đưa mắt nhìn ra xa cũng chỉ thấy thiên nhiên rộng lớn phía trước (có bầu trời, có núi non, dòng sông).

- Sự cô đơn của nhà thơ: “một mảnh tình riêng” - tình cảm riêng tư của nhà thơ không có ai để chia sẻ, “ta với ta” - đều chỉ nhà thơ, lúc này bà chỉ có một mình đối diện với chính mình, cô đơn và lẻ loi.

=> Hai câu kết khẳng định lại nỗi cô đơn, trống trải của tác giả trước thiên nhiên rộng lớn.

**III. Mở bài**

Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Qua Đèo Ngang.

**BÀI MẪU THAM KHẢO (đã sửa)**

*“Có nơi đâu đẹp tuyệt vời*  
*Như sông như núi, như người Việt Nam”*

Câu thơ thể hiện niềm kiêu hãnh, tự hào về non sông đất trời Việt Nam. Thiên nhiên trên quê hương ta có vẻ đẹp mộng mơ, chan hòa sức sống. Chính vì vậy, thiên nhiên luôn là đề tài bất tận của thi ca. Lúc thì lung linh, huyền diệu như trong mộng, lúc lại rực rỡ, kiêu sa tựa ánh mặt trời. Bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan là một trong số đó.

Qua đèo ngang" gợi lên sự điềm tĩnh, nhẹ nhàng, trầm buồn của bà Huyện Thanh Quan làm tiêu biểu cho phong cách thơ. Bài thơ "Qua đèo ngang" được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh vào Phú Xuân(Huế) nhận chức và đi ngang qua đèo này. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi buồn man mác, nhớ nhà, quê hương, thương cho thân người con gái yếu đuối đường xa. Bài thơ được sáng tác theo thể thất ngôn bát cú. Với tám câu thơ mà đã thấy được những thần thái, cái hồn trong cảnh vật và con người trước cảnh núi rừng hiu quạnh.

Câu thơ mở đầu gợi mở về không gian, thời gian. Cụm từ “bóng xế tà” gợi ra thời điểm chiều tà đã bao trùm lên không gian đèo Ngang. Tiếp đến nhà thơ sử dụng điệp từ “chen” cùng cách gieo vần lưng “lá, đá” đã tạo nên sự cô đơn, tĩnh mịch. Từ tà như diễn tả một khái niệm sắp tàn lụa, biến mất. Yếu tố thời gian làm cho câu thơ thêm phần buồn bã. Ca dao cũng đã có câu:

*“Vẳng nghe chim vịt kêu chiều*  
*Bâng khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau”*

Thế mới biết, những tình cảm cao quý của mỗi người dường như gặp nhau ở một điểm. Đó chính là thời gian. Mà quãng thời gian thích hợp nhất để bộc lộ sự nhớ nhung khắc khoải chính là lúc chiều về. Ở bài thơ “Qua đèo Ngang”, tác giả bỗng dâng lên cảm xúc man mác khi bà bắt gặp ánh hoàng hôn bao phủ cảnh vật.

Trong không gian đó, hình ảnh cây cối, hoa cỏ hiện lên có phần hoang dại, chúng chen chúc nhau mọc lên. Từ “chen” gợi sức sống mãnh liệt của muôn loài trước cái cằn cỗi của đất đai, cái khắc nghiệt của thời tiết. Đồng thời từ này còn gợi lên thiên nhiên có phần hoang dã, vô trật tự. Không gian và thiên nhiên cây cỏ hòa quyện vào nhau càng làm sâu đậm thêm ấn tượng về mảnh đất hoang vu. Bức tranh được điểm thêm hơi thở, sự sống của con người:

Không chỉ là thiên nhiên, mà con người cũng xuất hiện trong bức tranh nơi đèo Ngang:

*“Lom khom dưới núi tiều vài chú*  
*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà”*

Câu thơ gợi cho tả hình dung trong ánh hoàng hôn lạnh lẽo, mấy người tiều phu đang đốn củi, mấy quán chợ xiêu xiêu trong gió. Đảo ngữ đưa hai từ láy lom khom, lác đác lên đầu câu đã được tác giả sử dụng như nhấn mạnh thêm sự u hoài ở đây. Nhà thơ đi tìm một sự sống nhưng sự sống đó lại làm cho cảnh vật héo hắt, buồn bã hơn, xa vắng hơn.

Sự đối lập vốn có của hai câu thực khiến cho cảnh trên sông, dưới núi thêm rời rạc, thưa thớt. Từ “vài, mấy” như càng nói rõ thêm sự vắng vẻ ở nơi này. Trong sự hiu quạnh đó, bỗng nhiên vẳng lên tiếng kêu đều đều, man mác của loài chim quốc quốc, chim gia gia trong bóng hoàng hôn đang buông xuống.

Từ ghép “đau lòng, mỏi miệng” khiến cho ta có cảm giác tha thiết, ray rứt. Từ “nhớ nước, thương nhà” là nỗi niềm của con chim quốc, chim gia gia do tác giả cảm nhận được hay chính là nghệ thuật ẩn dụ để nói lên tâm sự từ trong sâu thẳm tâm hồn của nữ sĩ? Nghệ thuật chơi chữ quốc quốc gia giá phải chăng là Tổ quốc và gia đình của Bà Huyện Thanh Quan hồi đó?

Sự song song về ý, về lời của hai câu thơ trong phần luận của bài thơ này nhằm nhấn mạnh tình cảm của bà Huyện Thanh Quan đối với Tổ quốc, gia đình trước cảnh thật là khéo léo và tài tình. Từ thực tại của xã hội đương đời mà bà đang sống cho đến cảnh thực của đèo Ngang đã khiến cho tác giả sực nhớ đến mình và tâm sự:

*“Dừng chân đứng lại trời non nước*  
*Một mảnh tình riêng ta với ta.”*

Câu kết của bài, ta cảm thấy nhà thơ có tâm sự u hoài về quá khứ. Dừng lại và quan sát bà chỉ thấy: trời, non, nước. Vũ trụ thật rộng lớn, xung quanh bà là cả một bầu trời với núi, với sông khiến cho con người cảm thấy mình bé nhỏ lại, đơn độc, trống vắng, ở đây, chỉ có một mình bà ta với ta, lại thêm mảnh tình riêng cho nước, cho nhà trong huyết quản đã làm cho cõi lòng nhà thơ như tê tái.

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” tuy ra đời cách đây đã hơn một thế kỉ nhưng giá trị của nó vẫn nguyên vẹn trước thử thách của thời gian. Bao người yêu thơ thuộc lòng bài thơ này và ca ngợi tài năng của tác giả. Thể thơ Đường luật kiểu cách, sang trọng vào tay nữ sĩ đã trở thành gần gũi, dễ hiểu với người đọc bởi ngôn ngữ giản dị, trong sáng và những hình ảnh dân dã quen thuộc.

|  |
| --- |
| **Đề 8:** Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht cho rằng: *Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc. Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc nhưng đó chính là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người.*  Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua hai bài thơ *Thương vợ*của Tú Xương và *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ. |

**1. Giải thích:**

- *Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc:*giá trị của thơ ca không chỉ là ở việc tạo ra những nét đẹp “kì bí”, không chỉ là sự trau chuốt ngôn từ hay tạo ra vẻ đẹp mới lạ về hình thức.

- *Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc:*giá trị lớn nhất của tác phẩm thơ ca chính là giúp chúng ta cảm nhận được cái đẹp chân thực, mộc mạc, gần gũi từ chính những điều bình thường trong cuộc sống.

- *Là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người:* cái đẹp giản dị của thơ ca sẽ soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.

=> Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht đã đưa ra một trong những tiêu chí quan trọng đối với tác phẩm thơ hay: chân thực, dung dị cả về nội dung lẫn hình thức. Đó chính là một trong những điều quan trọng làm nên giá trị, sức mạnh của thơ ca.

**2. Lí giải ý kiến:**

Ý kiến của Bertold Brecht đúng đắn và xác đáng vì:

- Xuất phát từ quy luật sáng tạo của văn chương nói chung và thơ ca nói riêng: Văn học bắt nguồn từ hiện thực đời sống, từ những vui buồn, đau khổ, hạnh phúc của cuộc đời, của số phận cá nhân con người. Vì thế, cái hay của một tác phẩm văn học, một bài thơ được tạo nên từ chính cái đẹp chân thực, mộc mạc, dung dị, gần gũi với đời thường, thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. *Thơ không như thứ rượu quỳnh tương, nấu lâu, cất kĩ, rót ra chén ngọc rồng mà như nước suối thiên nhiên chảy ra trong mát nơi khe núi.*(Phạm Thế Ngũ).

- Xuất phát từ đặc trưng của thơ trữ tình: Sự chân thực, giản dị của cảm xúc và ngôn ngữ là một đặc tính cơ bản của thơ: cảm xúc nảy nở từ lòng thi nhân một cách chân thành, thắm thiết; câu chữ không cần trau chuốt hay “thần bí hóa”; ngôn ngữ dễ hiểu, cô đúc, trong sáng.

- Xuất phát từ chức năng của văn học, trong đó có thơ ca: Thơ khởi nguyên là sự lên tiếng của trái tim, là sự rung động tâm hồn của nhà thơ nhưng trở thành tiếng lòng chung của muôn người, tiếng gọi đàn, thành *tiếng nói đồng ý, đồng chí, đồng tình* với người đọc, thơ là một ngọn lửa nhen lên trong lòng người, một ngọn lửa đốt cháy, sưởi ấm và soi sáng,*là ánh sáng mạnh mẽ*hướng con người đến vẻ đẹp của chân, thiện, mĩ.

**3. Chứng minh:**

**a/ Bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương:**

*\* Nội dung:*

- Sự chân thực, dung dị thể hiện ở chất trữ tình, chất tự trào hóm hỉnh và những cung bậc của tình yêu thương dành cho người vợ của nhà thơ. Qua cái nhìn vừa trân trọng vừa xót xa, chân dung bà Tú hiện lên hoàn chỉnh. Bên cạnh hình ảnh bà Tú với những nỗi vất vả, gian truân trong cuộc sống là một bà Tú với những đức tính cao đẹp: đảm đang, tháo vát, chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng con, giàu đức hi sinh thầm lặng. Hình ảnh bà Tú trong thơ Tú Xương mang vẻ đẹp điển hình của người phụ nữ Việt Nam.

- Đằng sau lời tự trào là cả một tấm lòng yêu thương, quý trọng, tri ân vợ của Tú Xương. Qua những lời tự trào, tự trách, thậm chí tự xỉ vả bản thân, ta thấy được tâm sự và nhân cách của Tú Xương: một nhà nho đầy tự trọng trong sáng, vị tha khi ông từ bỏ vẻ cao đạo của thói thường để thấu hiểu cuộc sống đời thường và sẻ chia, cảm thông với vợ. Đó là một người đàn ông có tâm, có ý thức, trách nhiệm.

- Từ hoàn cảnh riêng, Tú Xương lên án thói đời bạc bẽo nói chung. Đây chính là ý nghĩa xã hội chân thực của bài thơ.

*\* Nghệ thuật:*

*-*Vẻ đẹp giản dị được biểu hiện ở màu sắc dân gian từ đề tài cho đến bút pháp. Sự kết hợp giữa giọng điệu trữ tình và giọng điệu trào phúng thâm thúy một cách tự nhiên đã thể hiện rõ phong cách thơ Tú Xương: cảm xúc chân thành, lời thơ giản dị mà sâu sắc:

- Sử dụng tiếng Việt giản dị, tự nhiên, giàu sức biểu cảm: Cả tám câu thơ không có từ nào cầu kì, khó hiểu. Tất cả đều gần gũi, quen thuộc như lời nói trong cuộc sống thường ngày. Sử dụng thành ngữ dân gian, cách nói khẩu ngữ: tiếng chửi được sử dụng rất tự nhiên mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc.

- Tiếp thu một cách có sáng tạo hình ảnh trong thơ ca dân gian (hình ảnh con cò, thân cò) để xây dựng hình tượng người phụ nữ vừa mang vẻ đẹp truyền thống lại vừa có những nét riêng độc đáo.

**\****Thương vợ:*của Tú Xương là bài thơ *soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.*Bài thơ giúp người đọc thấy được vẻ đẹp đáng trân trọng của bà Tú nói riêng và vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam nói chung, đồng thời, thấy được vẻ đẹp nhân cách của nhà nho chân chính – Tú Xương. Bên cạnh đó, bài thơ có tác dụng bồi đắp những tình cảm tốt đẹp cho con người: biết thấu hiểu, tri ân trong cuộc sống.

**b/ Bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến:**

\* Về nội dung:

- Sự trung thực giản dị đến từ cảm xúc của nhân vật trữ tình với bức tranh mùa thu nơi đồng bằng Bắc Bộ. Vẻ đẹp giản dị của bài thơ được tạo nên trước hết bởi bức tranh mùa thu mang vẻ đẹp bình dị, môc mạc mà vẫn rất tinh tế, không hề được tô vẽ cầu kì mang vẻ ước lệ thường thấy trong thơ văn trung đại.

- Vẻ đẹp trung thực mà bài thơ mang lại còn ở nỗi niềm của nhân vật trữ tình, đó là tình yêu dành cho quê hương làng cảnh. Đằng sau bức tranh mùa thu là nỗi niềm tâm sự của một nhà nho luôn canh cánh nỗi niềm với dân với nước, dù thân nhàn nhưng tâm không nhàn. Qua đó ta hiểu được vẻ đẹp trong nhân cách thanh cao và nỗi niềm yêu nước thầm kín nhưng sâu nặng của thi nhân.

-Bài thơ cho thấy những nỗi niềm mang tính thời đại của một thế hệ nhà nho sinh ra trong thời thế loạn lạc với những băn khoăn khi lựa chọn cách xử thế: nhập thế vào vòng tục lụy hay lánh đời để giữ trọn khí tiết thanh cao. Đây là ý nghĩa xã hội chân thực của bài thơ.

\* Về nghệ thuật:

- Bức tranh mùa thu được miêu tả bằng những hòa sắc tinh tế, những đường nét gợi cảm. Hình ảnh thơ giản dị, đậm đà chất dân tộc, thể hiện được nét đặc trưng trong khung cảnh làng quê Bắc Bộ vào thu.

- Nghệ thuật lấy động tả tĩnh, lấy điểm tả diện, tả cảnh ngụ tình được vận dụng thành công tạo nên một bức tranh thu đẹp về cảnh, nặng về tình.

Cảnh trong bài vẫn là trời nước, gió, trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi khuôn sáo thi tứ cổ điển.

- Ngôn ngữ thơ: giản dị, khai thác được vẻ đẹp ngôn ngữ tiếng Việt qua cách sử dụng từ láy, tính từ chỉ màu sắc, động từ. Cách gieo vần cho thấy khả năng sử dụng tiếng Việt đạt đến độ tài tình: Vần *“eo”* gieo hiểm hóc mà tự nhiên, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khéo kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

\* Câu cá mùa thu là bài thơ soi sáng tâm hồn mỗi chúng ta: từ việc cảm nhận vẻ đẹp bức tranh mùa thu, nhân cách thanh cao của nhà thơ, bài thơ giúp chúng ta biết trân trọng hơn những vẻ đẹp bình dị gần gũi xung quanh, giúp tâm hồn mỗi người trở nên thanh cao hơn, trong sạch hơn giữa những bộn bề bon chen của cuộc sống.

**4. Bài học cho người thưởng thức và sáng tạo:**

- Người thưởng thức: khi cảm nhận tác phẩm thơ ca không nên chỉ quan tâm đến hình thức bên ngoài của tác phẩm mà cần nhìn thấy vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp chân thực, giản dị của tác phẩm,

- Ngưởi sáng tạo: cần hướng tới những vẻ đẹp đích thực của thơ ca, tạo nên vẻ đẹp chân thực cho tác phẩm, không nên chạy theo những sáng tạo cầu kì hình thức mà quên đi giá trị đích thực bên trong.

**Đề 9: Nhà thơ Xuân Diệu viết: *Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam*. Qua chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.**

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

**1. Mở bài**

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến: Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam**

- Điều đầu tiên ta thấy trước hết là hình ảnh mùa thu trong ba bài thơ đều được diễn ra trên nền của không gian làng quê. Đó là những hình ảnh mùa thu diễn ra trên làng quê.

+ Mùa thu rất quen thuộc trong thơ ca từ cổ chí kim, vốn là đề tài muôn thưở gần gũi và quen thuộc của các thi nhân. Mùa thu là mùa đẹp gợi cảm hứng cho các nhà thơ thổ lộ tâm tình của mình.

+ Trước Nguyễn Khuyến, cảnh thôn quê đã từng xuất hiện ít nhiều trong thơ Nguyễn Trãi:

*“Ao cạn, vớt bèo cấy muống*

*Đìa thanh phát cỏ ương sen”.*

Nhưng chỉ đến Nguyễn Khuyến, văn học mới thực sự trở về làng quê, về với người dân nơi thôn dã.

+ Nguyễn Khuyến “n*ổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là thơ Nôm*” (Xuân Diệu). Ba bài “*Thu Điếu”, “Thu Vịnh”, “Thu ẩm*” thể hiện tập trung nhất sự đa dạng và tinh tế của tác giả. Mỗi bài thơ thu của Nguyễn Khuyến miêu tả, cảm nhận mùa thu ở một không gian, thời gian không giống nhau nhưng tất cả đó đều là những cảnh vật rất thật của nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ở đây, không hề có những ước lệ vốn đã thành quen thuộc trong thơ cổ. Một bầu trời xanh ngắt, ao thu trong veo, một cần trúc hắt hiu trong gió, một ngõ xóm quanh co, mấy gian nhà tranh mái rạ, một hàng giậu phất phơ bóng khói ban chiều… đó đều là những cảnh rất thân thuộc của làng quê Việt Nam. Nó yên ả thanh bình như vốn có tự ngàn đời chứ chưa hề động gót giày của quân xâm lược Pháp. Nó gợi trong ta cái tình quê, hồn quê sâu thẳm.

***b. Phân tích ý kiến***

***b.1. Hình ảnh thôn quê hiện lên trong cả ba bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến.***

**\* “Thu vịnh” (“Vịnh mùa thu”)**

- Bài thơ không tả mùa thu từ một nơi, trong một lúc mà là bức tranh tổng hợp, khá hoàn chỉnh về mùa thu. Ở đây hầu như có đủ những hình ảnh đặc trưng cho mùa thu ở thôn quê Việt Nam (bầu trời cao xanh, cần trúc mảnh mai, gió thu nhẹ, mặt nước biếc phu sương khói, ánh trăng trong, chùm hoa trước giậu…). Chỉ bằng mấy nét chấm phá, Nguyễn Khuyến đã gợi được cái hồn thu nơi từng cảnh vật.  Cảm nhận tinh tế của thi nhân được thể hiện rõ qua cách dùng từ:

*“Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào…”*

Cảnh mùa thu trong *Thu vịnh* thật thanh khiết, tĩnh lặng. Từ đường nét đến màu sắc, từ âm thanh đến vận động… cái gì ở đây cũng dịu, cũng nhẹ. Ấy cũng là đặc điểm tâm hồn Nguyễn Khuyến. Ông không hợp với những gì ồn ào, xô bồ, rực rỡ. Tâm hồn ông dễ xúc động với những vẻ đẹp thanh tao, uyển chuyển, những sắc màu sáng trong, dịu mát. Tâm hồn ấy cùng thường phả vào cảnh vật một chút hắt hiu, buồn rầu.

Không khí làng quê mùa thu ở *Thu vịnh* im ắng và phảng phất nỗi u hoài. Không gian và thời gian trở nên mông lung, không xác định trong tâm trạng bâng khuâng buồn của thi nhân:

*Mấy chùm trước giận hoa năm ngoái*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào…*

Thế giới thiên nhiên này gợi lên cảm giác yên tĩnh trong trẻo và ngưng lọng ngàn đời. Trước những biến động ngang trái của cuộc đời, Nguyễn Khuyến muốn được mãi mãi ở trong vẻ đẹp thanh tĩnh của làng quê.

**\* “Thu điếu” (“Câu cá mùa thu”)**

- Bài thơ cảm nhận mùa thu từ một không gian xinh xắn, thơ mộng, từ điểm nhìn của một người câu cá. Mở đầu bằng một cảnh thu bình dị rất riêng của làng, quê đồng bằng Bắc Bộ: ao thu. Một thế giới tĩnh lặng, trong suốt mà trong đó mọi vật hài hòa nhẹ nhõm:

*“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.”*

- Những chuyển động, âm thanh trong thế giới thu này thật nhẹ nhàng và chỉ càng gây ấn tượng về sự đọng kết, sự tĩnh lặng. Làn sóng biếc chỉ “gợn tí”. Lá vàng cũng “khẽ đưa vèo trong gió thu… Hai câu thực tả cảnh gần, hai câu luận tả canh cao, cảnh xa để hợp tạo thành bức tranh thu yên ả, đượm buồn. Chỉ ở mùa thu mới có “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” ấy (ba lần trong ba bài thơ thu đều xuất hiện bầu trời xanh ngắt). Cũng chỉ ở làng quê xứ Bắc đang độ thu mới có “Ngõ trúc quanh co khách vắng teo” ấy!

- Trong bức tranh thu ở *Thu điếu* hiện lên hình ảnh con người đang ngồi câu cá nơi ao thu lạnh lẽo”. Song con người này cũng chẳng hề đánh động thêm gì cho bức tranh. Trái lại, tư thế và tâm tưởng của con người chỉ tạo thêm ấn tượng về sự ngưng đọng mà thôi.

**\* “Thu ẩm” (“Uống rượu mùa thu”)**

- Đây là mùa thu được cảm nhận bằng tâm trạng của một người ngồi uống rượu. Lúc này, cảnh thu sẽ mang các ấn tượng nỗi niềm riêng – dường như cũng chập chờn, mờ ảo. Có lẽ vì thế mà bài thơ có nhiều từ lấp láy và dùng vần “oe”.

- *Thu ẩm* không miêu tả riêng một cảnh thu ở một thời điểm nào mà là sự “tổng hợp nhiều cảnh thu ở nhiều thời điểm” (Xuân Diệu). Bài thơ cũng không hề có một chữ “thu” (khác với “trời thu” ở *Thu vịnh* và “ao thu” ở Thu điếu). Vậy mà đọc lên ta nhận ra chính xác cảnh sắc thu quen thuộc của làng quê Việt Nam. Đây là một mái nhà tranh bình dị trong ngõ tối vào đêm sâu lập lòe những con đom đóm:

*“Năm gian nhà cỏ thấp le te.*

*Ngõ tối đèm sâu đóm lập lòe.”*

- Phải là “ngõ tối”, “đêm sâu” thì mới có thể thấy “đóm lập lòe”; ngược lại, cái lập lòe của con đom đóm ấy lại càng khiến cho ngõ tối bỗng tối hơn, đêm sâu thành sâu hơn… Đây là cảnh của buổi sáng sớm (hay buổi chiều) với khói nhạt phất phơ nơi lưng giậu. Rồi lại cảnh đêm trăng với mặt ao lóng lánh:

*“Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*

*Làn áo lóng lánh, bóng trăng loe.”*

Lại một một bầu trời trong suốt ở buổi ban trưa hay ban chiều với màu xanh thăm thẳm:

*“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt.”*

Bài thơ tạo trong ta ấn tượng “phi thời gian” nhưng cũng gợi rất sâu vào không khí tĩnh mịch, trong lành vô cùng thân thuộc của thôn quê Việt Nam.

**b.2. Hình ảnh con người – nhân vật trữ tình:**

- Trong chùm thơ thu Nguyễn Khuyến ta không chỉ bắt gặp cảnh mà còn bắt gặp hình ảnh con người thi nhân. Nếu trong thơ ca trước đó, tính ước lệ, quy phạm khiến cho hình ảnh của tác giả thường mờ nhạt, khó có thể cụ thể giọng điệu cảm xúc thì ở chùm thơ thu này, hình ảnh Nguyễn Khuyến hiện lên rất rõ. Đó là hình ảnh của một con người luôn nghĩ về thời thế:

- Trong “Thu điếu” ta thấy dáng ngồi câu cá “tựa gối ôm cần” thú vui câu cá tao nhã của thi nhân:

“*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo”.*

Tiếng cá kia cũng chỉ tồn tại trong sự liên tưởng mà thôi chứ thực chất bức tranh mùa thu tĩnh lặng tuyệt đối, cái giật mình là giật mình của một tâm trạng chưa bao giờ yên cả.

– Trong “Thu Vịnh” tác giả cảm thấy “thẹn”, cái thẹn đó có thể là thẹn về nhân cách hay về tài thơ so với Đào Tiềm. Phải chăng đó chỉ là cái cớ cho một nỗi thẹn thường trực của thi nhân với non sông đất nước?

*“Nhân hứng cũng vừa toan cất bút*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào”*

- Và đến “Thu ẩm” thì nỗi đau, nỗi cô đơn đã hiện ra cả hành động. Đó là hành động mượn rượu giải sầu:

*“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt*

*Mắt lão không ầy cũng đỏ hoe”*

Điều đó đã cho thấy cảm giác của nỗi khôn nguôi, nỗi cô đơn, của một thân phận cô độc trong thời tao loạn, lủi thủi sống nơi thôn quê. Ông day dứt về quê hương đất nước, mặc cảm cứ tự trách mình hổ thẹn với non sông:

*“Ơn vua chưa chút báo đền,*

*Cúi trông thẹn đất, ngửa trông thẹn trời”*

*(“Di chúc”)*

- Ba bài thơ tuy giống nhau về diểm nhìn của tác giả, hệ thống các phương thức biểu hiện. Nhưng mỗi bài lại mang một nét độc đáo của thơ Nguyễn Khuyến. Làng cảnh Việt Nam đặc sắc, quen thuộc, đơn sơ, dung dị, đáng yêu. Cái hồn của quê hương hiện lên thật rõ ràng. Nó rất tiêu biểu cho thơ trữ tình của Nguyễn Khuyến về quê hương thanh đạm, tinh tế, vài nét chấm phá mà vẫn hội tụ được nhiều vẻ đẹp.

**c. Bình luận**

*- Đây là ý kiến đúng:*Ba bài thơ mỗi bài có những vẻ đẹp khác nhau song hội tụ lại đều nói về cảnh thu, hồn thu về làng cảnh, cuộc sống, phong tục, con người. Trong thơ Nguyễn Khuyến phảng phất một cái buồn lặng lẽ như chính tâm hồn của nhà thơ. Mọi cảnh vật đều đẹp, thanh sơ mang màu sắc của vùng quê đồng bằng Bắc Bộ với một bầu trời thu xanh cao, một không khí bảng lảng sương khói, một làn gió thu se lạnh, một ao bèo, một thuyền câu… những hình ảnh này không chỉ là các chi tiết về vùng quê mà nó còn chứa đựng cả tâm hồn nhà thơ.

- Đến với chùm ba bài thơ thu của Nguyền Khuyến, ta bắt gặp những cảnh sắc không thể lẫn của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Những bức tranh thu ấy được vẽ nên bằng tấm lòng yêu mến quê hương mình, bằng tình yêu cuộc sống thanh cao, tĩnh lặng chốn thôn quê của cụ Tam nguyên Yên Đổ. Thành công của những bài thơ thu này cũng chứng tỏ tâm hồn tinh tế, ngòi bút tài hoa của Nguyễn Khuyến. Chúng đưa ông lên địa vị danh dự trong các thi nhân viết về mùa thu, trong những nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

**d. Mở rộng**

 Đối với người đọc, cần trân trọng tài năng của tác giả trong việc tả cảnh vật thân thuộc, đơn sơ mà dung dị, đáng yêu của làng cảnh Việt Nam. Cái nhìn trên bề mặt cùng cái hồn đồng quê hiện lên rất rõ trong từng câu, từng chữ. Đồng thời cũng đồng cảm với cái tình của nhà thơ vô cùng đằm thắm và tinh tế. Từ đó bồi đắp thêm tình yêu đối với quê hương, đất nước.

**3. Kết bài**

**2. LUYỆN ĐỀ THƠ THẤT NGÔN TỨ TUYỆT**

|  |
| --- |
| **ĐỀ 1: Phân tích bài thơ “Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh** |

**1. Dàn ý phân tích bài thơ Ngắm Trăng của Hồ Chí Minh**

**A. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Khái quát nội dung tác phẩm

**B. Thân bài**

*\* Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác*

- Ngắm trăng được coi là thú vui tao nhã của nhiều thi nhân.

- Hoàn cảnh ngắm trăng

+ Thời gian: nửa đêm

+ Không gian: trong tù chỉ có 4 bức tường tối tăm xiềng xích

+ Điều kiện: không rượu cũng không hoa

=> Hoàn cảnh đặc biệt thiếu thốn, gian khổ ở nơi mà người ta chỉ có thể nghĩ tới cái chết, sự hành hạ khổ sai nhưng Bác đã quên đi hiện thực tàn khốc, thoải mái đứng ngắm trăng, làm thơ.

- Tâm trạng của thi nhân trước cảnh trăng "khó hững hờ"

+ Câu hỏi tu từ thể hiện tâm trạng bối rối, xao xuyến trước cảnh đẹp

+ Trước cảnh trăng đẹp như vậy mà Bác không có rượu để đáp lại sự tình tứ của ánh trăng.

*\* Tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái tự tại của Bác*

- Tình yêu thiên nhiên say mê

+ Bị ngăn cản bởi song sắt nhưng Bác vẫn cảm nhận được vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên, xiềng xích nhà tù có thể trói buộc được thể xác nhưng không thể trói buộc được tâm hồn của nhà thơ.

+ Sự đối lập giữa bên ngoài và bên trong làm nổi bật lên đó là sự giao thoa, hoà quyện giữa thi nhân với ánh trăng, với thiên nhiên trong mọi hoàn cảnh, thể hiện tình bạn tri âm tri kỉ đầy xúc động giữa nhà thơ với ánh trăng

- Phong thái ung dung, ý chí, nghị lực kiên cường của người chiến sĩ cách mạng.

+ Trong cảnh ngục tù tối tăm, Bắc vẫn thể hiện được ý chí, nghị lực phi thường cùng phong thái ung dung, tự tại không vướng bận vật chất, người vẫn ngắm trăng, vẫn hoà mình vào thiên nhiên dù chân tay đang bị kìm kẹp bởi xiềng xích.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Trăng là nguồn cảm hứng muôn đời của thi nhân, trăng là người bạn tâm tình; trăng là đề tài của hội họa và âm nhạc. Trong thơ văn đông tây kim cổ, đã có biết bao bài thơ hay viết về trăng, để lại ấn tượng không phai mờ trong trái tim người đọc. Một trong những tác giả viết nhiều về trăng là Hồ Chí Minh. Suốt cuộc đời cách mạng gian truân và vẻ vang của Bác, Bác luôn coi trăng là tri âm, tri kỉ.

Bài thơ "Ngắm trăng" ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: giữa chốn lao tù tâm tối của chế độ Tưởng Giới Thạch, thi sĩ - người tù tay bị xách, chân bị cùm, thân thể đọa đày nơi ngục lạnh mà lòng thanh thản thưởng thức vẻ đẹp của một đêm trăng sáng:

Trong câu thơ đầu tác giả đã kể ra những thiếu thốn trong tù: "Trong tù không rượu cũng không hoa". Trong tù thì thiếu thốn biết bao nhiêu là thứ nào là cơm nước quần áo nào chăn màn nhất là trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch thì cái thiếu thốn ấy lại càng được tăng lên gấp bội khi giam cầm một nhà chính trị một nhà cách mạng.

Nhưng đối với Hồ Chí Minh thì những thứ thiếu thốn lại là "rượu" và "hoa"phải chăng bởi đó là những thứ không thể thiếu khi người thi nhân ngắm trăng ngắm vẻ đẹp của chị Hằng. Bởi khi có rượu có hoa thì mới đủ thi vị ngắm trăng, khi đó người thi sĩ sẽ không còn cảm thấy cô đơn với thiên nhiên nữa. Trong tù thiếu thốn là thế nhưng tác giả kể với một tâm trạng hoàn toàn vui vẻ chấp nhận mọi thiếu thốn hoàn cảnh.

Theo lẽ thường thì khi bị nhốt trong tù thì con người ta sẽ thường ngột ngạt khó chịu và thơ viết muộn phiền cả ngày. Nhưng đối với tâm hồn yêu thiên nhiên của Hồ Chí Minh thì hoàn toàn khác. Trong tâm trí của người lúc nào cũng là thiên nhiên là cảnh vật, yêu thiên nhiên muốn ra ngoài làm bạn với thiên nhiên nhưng tâm trạng nhà thơ không giống như Tố Hữu bức bối khi nhìn thấy thiên nhiên

*"Ngột làm sao chết uất thôi*  
*Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu"*

Hồ Chí Minh đã quên đi cái thân phận của người tù đã quên đi tất cả những cơ cực của nhà tù để đón nhận thiên nhiên đón nhận vẻ đẹp của ánh trăng đón nhận một đêm trăng đẹp với tư cách một thi nhân hơn nữa là một thi gia. Vẫn tâm trạng đó được nhuốm màu sang câu thơ tiếp theo.

*"Đối thử lương tiêu nại nhược hà*  
*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ"*

trong thơ nguyên tác câu thơ thứ hai là hỏi nhưng trong bản dịch lại là câu trần thuật làm mất đi cái ý tưởng đẹp của câu thơ, Sự bối rối xúc động trong bản dịch của nhà thơ bị mất đi thay vào đó là sự phủ định «khó hững hờ», sự bối rối xúc động của nhà thơ không còn nữa.

Trước cảnh đẹp đêm trăng như thế người thi sĩ không biết làm thế nào khi cảnh đẹp huyền ảo như thế, Nhà thơ không thể cưỡng lại được vẻ đẹp của thiên nhiên, Câu hỏi tự nhiên ấy cho thấy lòng yêu thiên nhiên say đắm và khát khao được thưởng thức cái đẹp của Bác. Ta thấy câu hỏi ấy là một câu hỏi băn khoăn đối với người đọc nhưng đối với Bác đó là một câu hỏi tu từ nhằm nhấn mạnh cách giải quyết tối ưu của mình.

Ánh trăng thanh khiết vời vợi kia như thúc giục mời gọi thi nhân hãy ra ngoài chốn tự do để giao hòa chia sẻ. Thế là mặc thiếu thốn vật chất thiếu thốn "không rượu cũng không hoa" mặc không gian chật hẹp của nhà tù mặc cho song sắt ngoài cửa sổ hai tâm hồn để hòa nhập vào nhau thả hồn cho nhau và Bác gửi gắm vào đó khát vọng tự do và người tù ngắm trăng với một tâm thế (vượt ngục).

*"Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*  
*Nguyệt tòng song khích khán thi gia"*

*Trong bản dịch là*

*"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*  
*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"*

Hai câu thơ bản dịch cũng kém phần đăng đối hơn so với phiên âm hơn nữa tư nhòm và ngắm trong bản dịch là hai từ đồng nghĩa khiến cho bản dịch không đảm bảo được sự cô đúc cả ý tứ của thể thơ. Trong hai câu thơ bác sử dụng nghệ thuật đăng đối tài tình và sử dụng nghệ thuật nhân hóa đúng lúc làm cho trăng và người trở nên gần gũi thân thiết trở thành tri âm tri kỉ cùng hành động như nhau cùng vượt qua song sắt của nhà tù để đến với nhau.

Ở đây trăng và người đều là sự hóa thân của Bác, sự hóa thân của một tâm hồn vừa là nghệ sĩ vừa là chiến sĩ yêu tự do chủ động tìm đến cái đẹp mà không nhà ngục nào ngăn cản được

Trong bài thơ này quan hệ giữa người và trăng là quan hệ gần gũi bình đẳng. Trăng có vẻ đẹp của trăng người có vẻ đẹp của tâm hồn Trăng vượt song sắt của nhà tù không ngắm tù nhân hay người bị giam mà ngắm thi gia. Đây là giây phút thăng hoa tỏa sáng trong con người Bác và đây cũng là lần đầu tiên Bác tự thi gia.

Trong giây phút này chỉ với tư cách là thi gia mới có thể giao lưu thân mật cùng ánh trăng kia. Vầng trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ, niềm khao khát muôn đời của các thi nhân. Vậy mà nay vầng trăng lên mình qua song sắt chật hẹp, đặt chân vào chốn lao tù ẩm ướt để chiêm ngưỡng nhà thơ hay chính là tâm hồn nhà thơ vậy. Điều đó thể hiện vẻ đẹp trong con người Hồ Chí Minh.

Tác phẩm cho thấy cho dù ở trong hoàn cảnh đặc biệt bị giam hãm trong tù không có rượu cũng chẳng có hoa nhưng Bác vẫn không hề chán nản tuyệt vọng mà ngược lại người vẫn giữ được phong thái ung dung tự tại và hòa mình vào thiên nhiên hơn nữa người đã hoàn thành một cách ngoạn mục cuộc vượt ngục bằng tinh thần để rồi đắm mình trong không gian rộng lớn mênh mông và thơ mộng cùng ánh trăng ngoài song sắt nhà tù.

Nghệ thuật trong bài ngắm trăng của Bác giống như các cuộc ngắm trăng khác trong những bài thơ bác viết khi chịu cảnh tù đày. Song có thể nói mỗi bài thơ bác viết và trăng lại có những nét riêng: trăng đầy sức sống đầy sức xuân trong Rằm tháng giêng trăng thi vị và tri kỉ trong Báo tiệp. Nói chung trong tất cả những bài thơ này bác đều đã cho người đọc thấy vẻ đẹp của một tâm hồn thi sĩ luôn mở rộng lòng để giao hòa cùng với thiên nhiên.

Cuộc ngắm trăng của Bác diễn ra qua bốn dòng thơ ngắn gọn mà ta thấy được cái hồn hòa nhập vào thiên nhiên, quyến luyến gắn bó với thiên nhiên của một vị lãnh tụ. Với Bác bất cứ ai ngắm trăng thì cũng được trăng ngắm lại vẻ đẹp của con người cũng đủ sức làm say đắm vầng trăng. Điều đó không chỉ khẳng định cái hay mới lạ trong bút pháp mà còn thấy được nét tinh tế hiện đại của Người khi tìm đến một thi liệu đã quen thuộc trong cổ điển.

Ngắm trăng thưởng thức trăng đối với Bác Hồ là một tâm hồn rất yêu đời và khát khao tự do, tự do cho con người và tự do và tự do hưởng mọi vẻ đẹp của thiên nhiên xứ sở. Dù trong hoàn cảnh nào Bác vẫn luôn hướng đến thiên nhiên hòa nhập vào thiên nhiên.

|  |
| --- |
| **Đề 2: Bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh cho thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh ngục tù tối tăm, cực khổ.**  **Em hãy viết một bài văn làm sáng tỏ nhận định trên?** |

Nếu được chọn một bản nhạc hay nhất có lẽ tôi sẽ chọn văn chương. Bởi chỉ khi đến với văn chương người nghệ sĩ mới được tự do để trái tim mình dẫn dắt được thể hiện qua cảm xúc của chính mình và rồi mang đến cho người đọc biết bao giai điệu cảm xúc với nhiều cung bậc. Tác giả Hồ Chí Minh đã để lại bài thơ “Ngắm trăng” của mình là nốt ngân đầy sáng tạo trong bản hoà tấu văn học. Bài thơ đã cho thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh ngục tù tối tăm, cực khổ.

Thơ Hồ Chí Minh thể hiện tình yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước thắm thiết, thể hiện một nghệ thuật thơ mang đậm màu sắc cổ điển và hiện đại. "Ngắm trăng" là bài thơ số 20, được rút ra trong tập "Nhật kí trong tù". Đọc bài thơ, ta không khỏi cảm phục tinh thần và ý chí nghị lực của Bác trong hoàn cảnh khắc nghiệt gian khó. Chốn lao tù ngỡ chỉ có tối tăm và lạnh lẽo, vậy mà tâm hồn Bác vẫn vượt lên trên những thứ đen tối đó để hướng ra ngoài, đến một thế giới tươi đẹp có thiên nhiên bầu bạn:

*“Ngục trung vô tửu diệc vô hoa*  
*Đối thử lương tiêu nại nhược hà?”*

*(Trong tù không rượu cũng không hoa*  
*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ)*

Câu thơ mở ra một hoàn cảnh khắc nghiệt: trong tù không có rượu cũng chẳng có hoa. Điệp từ “vô” (không) lặp lại hai lần càng nhấn mạnh cái hiện thực nghiệt ngã ấy. Uống rượu và thưởng hoa vốn là hai thú vui tao nhã của thi nhân xưa, cũng là chất xúc tác tạo cảm hứng để thi sĩ sáng tác nên những áng thơ trữ tình. Trái ngược với thực tế chốn nhà lao, câu thơ thứ hai vang lên đầy bất ngờ:

*“Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ”.*

Theo câu thơ chữ Hán, ba chữ “nại nhược hà”(biết làm sao đây) vang lên chất chứa bao băn khoăn, xốn xang và nỗi niềm tâm sự. Bác đối diện với trăng khi không có rượu cũng chẳng có hoa, chỉ có một tâm hồn cao đẹp đang bị kìm hãm tự do sau song sắt nhà tù. Thế nhưng, điều đó không ảnh hưởng đến việc Bác tìm đến thiên nhiên tươi đẹp, hòa mình vào với thiên nhiên đất trời. Vượt lên trên tất cả, bằng tình yêu thiên nhiên say đắm, Bác đã có một cuộc vượt ngục bằng tinh thần đầy độc đáo: “Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao”.

Hai câu thơ cuối khép lại bài thơ làm sáng lên phẩm chất của người tù cách mạng: mặc cho hoàn cảnh hiện tại khắc nghiệt gian khổ, Bác vẫn ung dung, tự tại, lạc quan, yêu đời:

*“Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*  
*Nguyệt tòng song khích khán thi gia.”*

*(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*  
*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.)*

Bác lặng lẽ ngắm vầng trăng qua song sắt của nhà giam. Bức tường nhà lao chật hẹp không thể ngăn cản tâm hồn lãng mạn của Bác tìm đến với vầng trăng xinh đẹp, gửi theo đó khát vọng tự do. Và như để lại tấm chân tình của Bác, vầng trăng đáp lại bằng cách “khán thi gia” qua khung cửa sổ nhỏ. Tình cảm giữa người và trăng đã tạo nên một khoảnh khắc thật kì diệu. Không một âm thanh, tiếng động, tất cả đều im lặng trong giây phút giao hòa. Cấu trúc đăng đối của hai câu thơ đã tạo ra hiệu quả đặc biệt. Đâu chỉ có người yêu trăng mà vượt qua song sắt ngắm vầng trăng đang tỏa mộng giữa trời. Trăng cũng được nhân hóa vượt qua chốn ngục tù để cảm động vì tình người, say vì tâm hồn nghệ sĩ nên trăng cũng ngắm thi gia trong niềm đồng cảm, sẻ chia như kẻ tâm giao, người tri kỉ. Cả hai cùng chủ động tìm đến nhau. Khoảnh khắc ấy người đọc không còn thấy người tù, không còn thấy song sắt nữa mà chỉ còn lại cái lãng mạn của tâm hồn thi sĩ. Ngay lúc này, người đọc thấy được phong thái ung dung thanh thản giữa chốn ngục tù, ta thấy một tinh thần thép trong thơ Hồ Chí Minh: không bao giờ khuất phục thực tại mà luôn tìm cách vượt lên trên thực tại. Đó là vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn vừa có sự tài hoa lãng mạn của thi sĩ, vừa có cái phi thường của người chí sĩ cách mạng.

Với những vần thơ tứ tuyệt giản dị, bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác dù ở trong hoàn cảnh nào cũng ngời sáng lên những phẩm chất cao cả của một con người vĩ đại. Chính tâm hồn lãng mạn cùng tinh thần lạc quan đã tạo nên sức mạnh giúp Bác vượt qua hết khó khăn này đến khó khăn khác, giữ vững niềm tin vào cuộc sống, vào tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam.

|  |
| --- |
| **Đề 3 : Có ý kiến cho rằng: “ *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”.***  **Qua hai bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* và Ngắm trăng của** *Hồ Chí Minh***, em hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên**. |

**Yêu cầu về nội dung:**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt vấn đề.

- Nêu vấn đề.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người*...khái quát về tác giả, hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ Tức cảnh Pác Bó và Ngắm trăng; cảm hứng sáng tác của tác giả...

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý kiến:** *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người*...

Đúng như nhà văn A-na tô-li Phơ-răng đã nói: “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”. Có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ.

=> Đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ...

**b. Phân tích, chứng minh:**

**\* Bài thơ Tức cảnh Pác Bó**

**- Phong thái ung dung tự tại của Bác:**

+ Câu thứ nhất: *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*...Giọng điệu thể hiện trong câu thơ rất thoải mái, cho thấy Bác sống thật ung dung, hòa điệu với nhịp sống của núi rừng. Nhịp thơ 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi, toát lên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng ra, tối vào…

+ Câu thứ hai: *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*...Niềm vui thích”thú lâm tuyền”đã khiến nhà thơ biến thiếu thốn thành dư thừa, biến kham khổ thành sang trọng...

+ Câu thứ ba: *Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*...đây là câu thơ làm nổi bật tư thế, tầm vóc lớn lao của Bác...Ba chữ dịch sử Đảng”toàn vần trắc, toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ, gân guốc. Như vậy, trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được khắc họa vừa chân thực, sinh động vừa có tầm vóc lớn lao.

**- Cái sang”của cuộc đời cách mạng:** *Cuộc đời cách mạng thật là sang*. Cái sang của người làm cách mạng, được cống hiến cho dân cho nước...Chữ sang” kết thúc bài thơ có thể coi là chữ thần, là”**nhãn tự”**đã kết tinh, tỏa sáng tinh thần...

=>Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: Dù trong hoàn cảnh gian nan, thiếu thốn vẫn ung dung...Với Người, làm cách mạng và sống hòa nhập với thiên nhiên là một niềm vui lớn...

**\* Bài thơ Ngắm trăng:**

**- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác**

+ Bác ngắm trăng trong một hoàn cảnh đặc biệt...*Trong tù không rượu cũng không hoa*...

+ Cái xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ của Bác trước cảnh đẹp của đêm trăng: *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ...*Bác là một người chiến sĩ cách mạng và cũng là một thi sĩ.

=> **Người thi sĩ đã rung động tâm hồn trước vẻ đẹp của trăng dù thân thể đang bị giam cầm trong nhà tù khắc nghiệt, tàn bạo...**

***- Mối giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ với trăng:***

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

- Bác thả tâm hồn mình vượt ra ngoài của sắt nhà tù để tìm đến giao hòa với trăng giữa bầu trời tự do...Trăng cũng vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ...cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác...

*=>*Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh*:* Tâm hồn tự do, yêu thiên nhiên luôn làm chủ được mọi hoàn cảnh của Bác...

**\* Đánh giá: Nét chung của hai bài thơ**

***-***  Bác luôn sẵn sàng vượt lên những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, luôn lạc quan...

- Phong cách sống của Bác thể hiện vẻ đẹp của một tâm hồn, nhân cách lớn, mang tinh thần thời đại mới...

Như vậy, qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.

Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình.

**c. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề...

- Liên hệ (hoặc mở rộng)...

|  |
| --- |
| **ĐỀ 4: Bàn về thiên chức của thơ ca, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng: *“Thơ ra đời cốt để nói những điều sâu kín nhất, mơ hồ nhất của tâm hồn con người”***  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” Trần Nhân Tông** |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**- Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:** Trình bày đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

**- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** Khám phá hiện thực tâm hồn nhà thơ qua bài thơ “Thiên Trường vãn vọng”.

**- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp**: Các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có liên kết chặt chẽ, sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

**1. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận

- Trích dẫn ý kiến

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý kiến, nhận định:**

- Cách nói: “*thơ ra đời cốt*” nhằm nhấn mạnh, coi trọng nhiệm vụ trước tiên, sứ mệnh riêng của thơ ca. Thơ ca không chỉ phản ánh hiện thực cuộc sống bề ngoài như tác phẩm kịch, tự sự mà còn hướng vào khám phá, diễn tả tất cả những cung bậc, sắc thái phức tạp, bí ẩn mà cũng rất kỳ diệu của thế giới tâm hồn con người.

- Cụm từ: “*những điều tinh vi nhất, sâu kín nhất, mong manh nhất, mơ hồ nhất của tâm hồn con người*” đóng vai trò xác định cụ thể  sứ mệnh riêng, đặc thù đó của thơ ca. Tâm hồn con người là “một vũ trụ chứa đầy bí mật”, có những cung bặc, sắc thái tình cảm, tâm hồn dễ dàng nắm bắt, diễn tả và cũng có những cung bặc, sắc thái tâm sự, nỗi niềm có thực nhưng lai vô cùng tinh vi, sâu kín, mong manh, mơ hồ, rất khó nắm bắt cũng như diễn tả.Thơ ra đời là để khám phá hiện thực tâm hồn bí ẩn đó.

**=>** Như thế, nhận định đã đề cập đến đặc  trưng, nhiệm vụ có tính đặc thù, riêng có của thơ ca.

**c. Chứng minh**

- Sở dĩ vậy  bởi xuất phát từ đặc trưng văn học: Văn học phản ánh hiện thực đời sống con người nhưng đối tượng phản ánh đặc thù của văn học lại là con người trong những mối quan hệ xã hội phức tạp, đa dạng, văn học chú trọng khám phá hiện thực số phận con người và đào sâu thế giới nội tâm phong phú, bí ẩn của con người, thế giới nội tâm ấy gồm những sắc thái tâm lý phức tạp, những biến thái tâm hồn tinh vi, tinh tế.

- Đặc trưng, nhiệm vụ ấy của thơ còn có nguyên do từ đặc trưng của thơ với tư cách tác phẩm trữ tình: mọi hiện thực đời sống hay tâm hồn con người được phản ánh trong thơ qua rung động, cảm xúc mãnh liệt của người viết được biểu hiện bằng hệ thống nghệ thuật riêng: ngôn từ, hình ảnh, thanh, vần, nhịp, giọng,…

- Người làm thơ là người có phẩm chất, tố chất riêng: đó là trái tim đa cảm, nhạy cảm, tâm hồn tinh tế giúp  “lắng nghe và thấu hiểu” mọi rung động tinh vi, tinh tế, mong manh nhất của thế giới tâm hồn con người, tạo vật; có trí tưởng tượng bay bổng, có kho từ vựng dồi dào,…để diễn tả chân xác, tài tình mọi trạng thái tình cảm, tâm hồn con người.

+ Đặc trưng, nhiệm vụ ấy của thơ còn có nguyên do từ đặc trưng của thơ với tư cách tác phẩm trữ tình: Mọi hiện thực đời sống hay tâm hồn con người được phản ánh trong thơ qua rung động, cảm xúc mãnh liệt của người viết được biểu hiện bằng hệ thống nghệ thuật riêng: Ngôn từ, hình ảnh, thanh, vần, nhịp, giọng,…

+ Người làm thơ là người có phẩm chất, tố chất riêng: Đó là trái tim nhạy cảm, tinh tế, trí tưởng tượng bay bổng...Và những điều này người đọc đã tìm thấy qua bài thơ **Thiên trường vãn vọng**.

**c. Phân tích, chứng minh**

**Luận điểm 1: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” đã diễn tả tinh tế những điều mong manh nhất, mơ hồ nhất**

- Bối cảnh không gian làng quê được bao phủ bởi khói chiều, với mốc thời gian là buổi chiều buông.  
- Làn khói tỏa mờ, bao phủ trước xóm sau thôn, thứ khói bếp màu xanh bốc lên từ bếp lửa của những ngôi nhà trong thôn xóm mang lại cảm giác ấm áp, thanh bình.

- Cảnh vật trong hai câu thơ đầu hiện lên là một cảnh tĩnh, được bao phủ bởi bóng chiều và khói bếp, đem đến vẻ hư ảo, nửa thực nửa hư, tạo nên cho con người cảm xúc lâng lâng, say đắm lòng người.

- Thái độ của tác giả trước dáng vẻ của quê hương chính là sự gắn bó, cảm nhận tinh tế, sâu sắc cùng với dáng vẻ thư thái, tự tại trước không gian rộng lớn, giản dị của quê hương.

**Luận điểm 2: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” còn thể hiện những điều sâu kín nhất về cuộc sống con người**

- Hình ảnh mục đồng dắt trâu về và hình ảnh những con cò trắng từng đôi từng một hạ cánh xuống cánh đồng, âm thanh của tiếng sáo bảy lỗ, kết hợp với gam màu trắng muốt của cánh cò.

- Là những thứ rất đỗi thân thuộc với làng quê, đặc biệt hình ảnh con trâu lại là bằng chứng sống cho sự thanh bình của đất nước.

- Hình ảnh từng đôi cò trắng hạ xuống đồng chính là biểu trưng cho tình yêu đôi lứa, sự sinh sôi nảy nở dòng giống của dân tộc, thể hiện sự phát triển vững bền của dân tộc xuất phát từ chính những làng quê nhỏ bé, chân chất, bởi gia đình chính là tế bào của xã hội.

**c. Đánh giá, tổng hợp**

**- Ý kiến của** GS. Nguyễn Đăng Mạnh đã chỉ ra chỉ ra đặc trưng, nhiệm vụ riêng của thơ ca mọi rung động tinh vi, tinh tế, mong manh nhất của thế giới tâm hồn con người, tạo vật. Và chính vì vậy,  Trần Nhân Tông đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống làng quê, được tạo ra từ góc nhìn đặc biệt và tinh tế của nhà thơ. Bài thơ này nói về chuyến viếng thăm quê cũ của tác giả tại phủ Thiên Trường và tạo ra một hình ảnh mơ màng và tĩnh lặng về quê hương.

Bài thơ thể hiện sự kết nối sâu sắc và tình cảm sâu đậm của tác giả đối với quê hương. Dù đã có địa vị cao cấp trong xã hội, tác giả vẫn gắn bó với quê hương dân dã và không quên nguồn gốc của mình. Điều này truyền tải thông điệp về tình yêu và lòng biết ơn đối với quê hương, một giá trị quan trọng trong văn hóa Việt Nam.

- Sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên: Bài thơ tạo ra một bức tranh về cuộc sống quê hương mà không có sự đìu hiu hay xáo trộn. Thay vì mô tả cuộc sống làng quê như một hình ảnh buồn tẻ, tác giả thể hiện sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên một cách tươi đẹp và nên thơ. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì cân bằng với [môi trường](https://luatduonggia.vn/moi-truong-la-gi-cac-chuc-nang-va-vai-tro-quan-trong-cua-moi-truong/) tự nhiên.

- Người đọc thơ, muốn tiếp nhận cái hay, vẻ đẹp riêng của thơ ca, phải có tâm hồn nhạy cảm, trái tim đa cảm “hứng thú, đắm say”.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến và giá trị của tác phẩm.

- Liên hệ mở rộng.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Thời gian có thể phủ bụi mờ lên tất cả. Vạn vật có thể tồn tại và biến mất nhưng những tác phẩm văn học có giá trị mãi trường tồn. Tác phẩm “Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra” của Trần Nhân Tông chính là minh chứng cho điều ấy. Bài thơ thể hiện tình yêu đất nước, tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh vật, sự giao hòa giữa tâm hồn nhà thơ với cảnh vật nơi miền quê thôn dã.

Cảnh chiều tà từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng cho các thi sĩ, bởi không gian chiều tà thường gợi cho con người nhiều cảm xúc đặc biệt. Bà Huyện Thanh Quan miêu tả cảnh Đèo Ngang vào một buổi chiều tà. Cô gái trong câu ca dao Chiều chiều ra đứng ngõ sau - Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều cũng nhớ mẹ vào thời gian đó. Cảnh chiều tà có khi gợi lên trong tâm hồn thi sĩ nỗi suy tư về kiếp người ngắn ngủi, có khi lại gợi lên nỗi niềm nhớ nước, nhớ quê hương, có khi lại gợi lên sự đồng điệu trong tâm hồn thi sĩ với thiên nhiên, cảnh vật.

Bài thơ được viết trong dịp Trần Nhân Tông về thăm quê cũ ở phủ Thiên Trường. Bởi vậy cả bài thơ đầy ắp nỗi nhớ, tình yêu quê hương. Lời thơ mở đầu tả cảnh chiều hôm:

*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên  
Bán vô bán hữu tịch dương biên*

Cảnh vật hiện ra không rõ nét, nửa hư nửa thực, mờ ảo. Đó là cảnh chiều muộn cảnh vật nhạt nhòa trong sương, thể hiện vẻ đẹp mơ màng, yên tĩnh nơi thôn dã. Cảnh đó một phần là thực một phần do cảm nhận riêng của tác giả. Khung cảnh vừa như thực lại vừa như cõi mộng “bán vô bán hữu” - nửa như có nửa như không. Thời gian buổi chiều gợi nên nỗi buồn man mác, không gian làng quê im ắng, tĩnh mịch. Điều đó cho thấy một tâm hồn tinh tế nhạy cảm trước vẻ đẹp giản dị của cuộc sống.

Chính không gian đó làm cho cảnh vật hiện lên trong miền quê trở nên huyền ảo, cho ta cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát. Không gian và lòng người như hòa quyện vào nhau và tạo ra cảm giác hư ảo khó diễn tả. Đó là một phần của bức tranh phong cảnh hiện ra trong những phần sau.

Hai câu thơ đầu chúng ta chưa thấy bóng dáng con người xuất hiện nên cảnh vật khá tĩnh lặng và đìu hiu. Sự bao la của không gian được tô thêm bởi những mảng khói chiều khiến lòng người như thực, như mơ. Câu thơ tiếp theo mới là thực tại của một miền quê vốn yên bình, vắng lặng: Mục đồng sáo vẳng trâu về hết.

*Mục đồng địch lí ngưu quy tận  
Bạch lộ song song phi hạ điền*

Âm thanh tiếng sáo làm cho bức tranh trở nên đầy sức sống. Chiều về, ngoài đồng, những con trâu theo tiếng sáo của trẻ con mà về, khung cảnh thật yên bình, đẹp đẽ. Màu trắng của từng đôi cò liệng xuống đồng cũng làm không gian bớt phần quạnh hiu. Bức tranh được tác giả cảm nhận bằng nhiều giác quan: thị giác - sắc trắng tinh khôi của những cánh cò; thính giác – âm thanh tiếng sáo du dương, trầm bổng của những đứa trẻ đi chăn trâu. Nếu như ở hai dòng thơ đầu, cảnh vật tịch mịch, tĩnh lặng không xuất hiện bất cứ chuyển động nào thì đến hai câu thơ cuối khung cảnh trở nên sinh động nhờ xuất hiện âm thanh và hoạt động của sự vật.

Hình ảnh này như một nét chấm phá làm cho bức tranh vốn có hồn, gợi cảm trở nên có hồn và gợi cảm hơn. Hình ảnh những chú bé chăn trâu không hề lẻ loi trong bức tranh mênh mông mà trái lại càng chiếm một vị trí quan trọng, giúp diễn tả hết tâm trạng của tác giả. Bức tranh càng đẹp hơn, gợi cảm hơn khi tác giả “vẽ” vào đó một đôi cò trắng: Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng. Hình ảnh Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng vừa làm tăng thêm sức sống cho bức tranh, vừa gợi nên một khung cảnh thiên nhiên thanh bình, một không khí nhẹ nhàng của miền quê yên tĩnh.

Bài thơ có sự kết hợp tiểu đối và điệp ngữ một cách sáng tạo. Nhịp thơ êm ái hài hòa, giọng điệu tha thiết thể hiện tình yêu quê hương sâu nặng. Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa. Đó là bức tranh phong cảnh làng quê quen thuộc ở bất cứ vùng đất nào của nước ta, chỉ bằng vài ba nét phác họa nhưng cho thấy một bức tranh thật thanh bình, yên ả.

Sử dụng lớp ngôn ngữ giàu chất biểu cảm và hội họa tác giả đã vẽ lên bức tranh làng quê trầm lặng mà không quạnh vắng. Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống thật đẹp đẽ, hài hòa, nên thơ. Qua bài thơ còn cho thấy tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả.

Bài tứ tuyệt "Thiên Trường vãn vọng" là một bức tranh quê đậm nhạt, mờ sáng, rất đẹp và tràn đầy sức sống. Một bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa. Một tâm hồn thanh cao, yêu đời. Tình yêu thiên nhiên, yêu đồng quê xứ sở đã được thể hiện bằng một số hình tượng đậm đà, ấm áp qua những nét vẽ tinh tế, gợi hình, gợi cảm, giàu liên tưởng. Kì diệu thay, bài thơ đã vượt qua một hành trình trên bảy trăm năm, đọc lên, nó vẫn cho ta nhiều thú vị. Nó vẫn còn neo đậu mãi cùng thời gian và trong lòng bạn đọc.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 5: Chứng minh rằng: “Nam quốc sơn hà” được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc.** |

Lòng yêu nước là mạch nguồn cảm xúc dạt dào xuyên suốt dòng chảy văn học Việt Nam từ hàng ngàn năm nay. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, nội dung yêu nước lại được thể hiện ở những khía cạnh riêng. Bài thơ “Sông núi nước Nam” tương truyền do Lý Thường Kiệt sáng tác trong cuộc kháng chiến chống Tống được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân Việt Nam. Bài thơ là tiếng nói khẳng định độc lập, chủ quyền và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

Được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam, bài thơ thần "Nam quốc sơn hà" của chủ tướng Lý Thường Kiệt đã trở thành một áng thơ văn bất hủ, không chỉ khẳng định được vấn đề về lãnh thổ, chủ quyền, độc lập của dân tộc Việt Nam, mà bài thơ còn thể hiện được tính thần lực, tự tôn dân tộc mãnh mẽ của vị chủ tướng tài ba Lý Thường Kiệt cũng như những người dân Việt Nam nói chung. Bài thơ cũng là lời khẳng định tuyên bố đanh thép của tác giả đối với những kẻ có ý định xâm lăng vào lãnh thổ ấy, xâm phạm vào lòng tự tôn của một dân tộc anh hùng.

Trong cuộc chiến đấu chống quân Tống của quân dân Đại Việt, chủ tướng Lý Thường Kiệt đã đọc bài thơ thần "Nam quốc sơn hà" ở đền thờ hai vị thần Trương Hống, Trương Hát - Là hai vị thần của sông Như Nguyệt. Khi bài thơ thần này vang lên vào thời điểm đêm khuya, lại được vọng ra hùng tráng, đanh thép từ một ngôi đền thiêng liêng nên đã làm cho quân Tống vô cùng khiếp sợ, chúng đã vô cùng hoảng loạn, lo lắng, nhuệ khí của quân giặc bị suy giảm một cách nhanh chóng. Cũng nhờ đó mà quân dân ta có thể tạo ra một chiến thắng lừng lẫy, oai hùng sau đó.

Mở đầu bài thơ, tác giả Lý Thường Kiệt đã khẳng định một cách chắc chắn, mạnh mẽ về vấn đề chủ quyền, ranh giới lãnh thổ của dân tộc Đại Việt, đó là ranh giới đã được định sẵn, là nơi sinh sống của người dân Đại Việt. Lời khẳng định này không phải chỉ là lời khẳng định của tác giả, mà tác giả còn đưa ra những luận chứng sắc sảo, đó là bởi "sách trời" quy định. Tức sự độc lập, chủ quyền về lãnh thổ ấy được trời đất quy định, chứng giám. Một sự thật hiển nhiên mà không một ai có thể chối cãi được:

*"Sông núi nước Nam vua Nam ở*

*Rành rành định phận ở sách trời"*

Sông núi nước Nam là những vật thuộc quyền sở hữu của người Nam, cũng là những hình ảnh biểu tượng không chỉ cho ranh giới, chủ quyền của người nam mà còn khẳng định một cách chắc chắn quyền sở hữu của "sông núi" ấy là của người Nam. Chúng ta cũng có thể thấy đây là lần đầu tiên trong một tác phẩm thơ văn mà vấn đề chủ quyền dân tộc được khẳng định mạnh mẽ, hào sảng đến như vậy. Không chỉ là dân tộc có chủ quyền, có lãnh thổ mà dân tộc ấy còn có người đứng đầu, người quản lí, làm chủ người dân của quốc gia ấy, đó chính là "vua Nam".

Chủ quyền ấy, lãnh thổ cương vực ấy không phải do người Nam tự quyết định lựa chọn cho mình, người dân nơi ấy chỉ sinh sống, làm ăn sinh hoạt từ rất lâu đời, do sự định phận của "sách trời", đó là đấng cao quý vì vậy mọi sự quy định, chỉ dẫn của "trời" đều rất có giá trị, đều rất đáng trân trọng.

"Rành rành" là dùng để chỉ sự hiển hiện, tất yếu mà ai cũng có thể nhận biết cũng phân biệt được. "Rành rành định phận ở sách trời" có nghĩa vùng lãnh thổ ấy, chủ quyền ấy của người Nam đã được sách trời ghi chép rõ ràng, dù có muốn cũng không thể chối cãi, phủ định. Như vậy, ở hai câu thơ đầu, tác giả Lý Thường Kiệt không chỉ đưa ra luận điểm là lời khẳng định hào sảng, chắc chắn về vùng lãnh thổ, ranh giới quốc gia và chủ quyền, quyền làm chủ của nhân dân Đại Việt với quốc gia, dân tộc mình mà tác gỉ còn rất tỉnh táo, sắc sảo khi đưa ra những luận cứ đúng đắn, giàu sức thuyết phục mà còn đưa ra một sự thật mà không một kẻ nào, một thế lực nào có thể phủ định, bác bỏ được nó. Giọng văn hào hùng, mạnh mẽ nhưng không giấu được niềm tự hào của bản thân Lý Thường Kiệt về chủ quyền của dân tộc mình.

Từ sự khẳng định mạnh mẽ vấn đề chủ quyền của dân tộc Đại Việt, Lý Thường Kiệt đã lớn tiếng khẳng định, cũng là lời cảnh cáo đến kẻ thù, đó chính là cái kết cục đầy bi thảm mà chúng sẽ phải đón nhận nếu biết nhưng vẫn cố tình thực hiện hành động xâm lăng lãnh thổ, gây đau khổ cho nhân dân Đại Việt:

*"Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm*

*Chúng bay sẽ bị đánh cho tơi bời"*

Sự thật hiển nhiên rằng, "Sông núi nước Nam" là do người Nam ở, người Nam làm chủ. Nhưng lũ giặc không hề màng đến sự quy định mang tính tất yếu ấy, chúng cố tình xâm phạm Đại Việt cũng là xúc phạm đến sự tôn nghiêm của đạo lí, của luật trời: "Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm" hành động ngông cuồng, phi nghĩa này của bọn chúng thật đáng bị phê phán, thậm chí đáng để trừng phạt bằng những hình thức thích đáng nhất. Và ở trong bài thơ này, tác giả Lý Thường Kiệt cũng đã đanh thép khẳng định cái kết cục đầy bi đát, ê chề cho lũ cướp nước, coi thường đạo lí: "Chúng bay sẽ bị đánh cho tơi bời". Với tất cả sức mạnh cũng như lòng tự tôn, tính chính nghĩa của dân tộc Đại Việt thì lũ xâm lăng chỉ có một kết cục duy nhất, một kết quả không thể tránh khỏi "bị đánh cho tơi bời".

Bài thơ thần “Nam quốc sơn hà” đã trở thành một biểu tượng tinh thần của sự độc lập và tự chủ của dân tộc Việt Nam. Nó thể hiện tư duy tự chủ, tư duy tự quyết định của dân tộc và khẳng định chủ quyền và độc lập dân tộc. Bài thơ này đã truyền cảm hứng và động viên thế hệ người Việt Nam về tinh thần yêu nước và quyết tâm bảo vệ đất nước.

**ĐỀ 6: Có ý kiến cho rằng: Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cố điển vừa mang tinh thần thời đại. Bằng hiểu biết của mình về bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” và bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.**

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**\* Yêu cầu về kỹ năng:**

Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:

- Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật( ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ…) trong hai bài thơ.

- Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả)

**\* Yêu cầu về kiến thức**

**a. Giới thiệu vấn đề nghị luận**

- Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”, “ Ngắm trăng” - Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.

**b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.**

Bài Tức cảnh Pác Bó

**Luận điểm 1: Màu sắc cổ điển.**

- “Thú lâm tuyền”

+ Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng.

+ Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa.

+ Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng.

+ Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ.

*\* Màu sắc cổ điển - Bài “Ngắm trăng”.*

+ Phân tích đề tài “Vọng nguyệt” và thi liệu cổ: “rượu, hoa, trăng”

+ Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đăng đối, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gắn bó, tri kỷ.

**Luận điểm 2: Tinh thần thời đại.**

**\* Bài “Tức cảnh Pác Bó**

+ Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để “lánh đục tìm trong” hay tự an ủi mình bằng lối sống” an bần lạc đạo” mà đến với thú lâm tuyền để “dịch sử Đảng” tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vè một ẩn sĩ song thự chất vẫn là người chiến sĩ.

+ Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua tử láy “ chông chênh” và 3 chữ “ dịch sử đảng” toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ.

+ Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng.

**\* Tình thần thời đại trong bài thơ “Ngắm trăng”**

+ Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù.

+ Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ.

-------------------------------------------------------------------------------------

**CHUYÊN ĐỀ 4. THƠ TRÀO PHÚNG**

**(Đã coppy sang fine khác)**

**a. Khái niệm**

**-** Thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,...nhằm hướng con ngườitới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.

- Thơ trào phúng được xác định dựa trên nhưngx đặc điểm riêng biệt về mục đích, đối tượng, hình thức... khác biệt so với các thể loại khác.

- Giáo dục con người hướng tới hoàn thiện bản thân và nhận biết được cái xấu ở đời.

**b. Đối tượng**

- Những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa; tác giả dùng tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, chầm biếm, đả kích...

**c. Mục đích**

- Dùng tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, chầm biếm, đả kích,... để thể hiện xúc cảm, thái độ đối với đối tượng

**\*Lưu ý:** Thơ trào phúng tuy nhắm vào đối tượng là cái xấu, cái tiêu cực nhưng mục tiêu tối thượng cùa nó là hướng con người tới các giá trị thẩm mĩ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.

**DÀN Ý CHUNG**

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có) …

**b. Thân bài:**

- Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày phần Thân bài theo một hệ thống ý tương ứng.

**Phương án 1:**Phân tích theo bố cục bài thơ:

+ Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).

+ Ý 2: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).

**Phương án 2:** Phân tích theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật:

+ Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán…)

+ Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ… đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười)

**c. Kết bài:**

- Khái quát ý nghã của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Viết bài**

- Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án. Việc triển khai nhất quán như vậy giúp cho bài viết được chặt chẽ và mạch lạc.

- Theo phương án 1, em hãy tham khảo cách triển khai mỗi ý theo trình tự sau: thuyết (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết) – dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) – phân tích (nêu đối tượng của tiếng cười trago phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). Theo phương án 2, bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: phân tích nội dung và phân tích hình thức nghệ thuật nên tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ.

- Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 1: Phân tích tiếng cười châm biếm qua bài thơ “Năm mới chúc nhau” của Trần Tế Xương.** |

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu nhà thơ Trần Tế Xương và bài thơ “Năm mới chúc nhau”. phân tích đánh

**2. Thân bài: phân tích đánh giá năm mới giá bài năm mới**

**a. Phân tích nội dung của bài thơ: phân tích đánh giá năm mới**

**-**Nội dung của bài thơ “Năm mới chúc nhau” là những tiếng chửi, những lời chế giễu sâu cay, tính chất châm biếm bật ra từ sự mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức chúc nhau mà thực ra là để chửi, là để thể hiện sự khinh ghét của nhà thơ trước bọn người hợm hỉnh trong xã hội cũ.

- Đối với người Việt Nam, như đã trở thành thông lệ, cứ mỗi dịp Tết đến, người ta lại dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp. Họ chúc nhau sống lâu, khỏe mạnh, chúc phát tài, phát lộc, chúc sự no đủ, sang giàu… Lời chúc, vì thế, vừa là một mong ước, một nguyện cầu, vừa là một cách thức ứng xử mang tính văn hóa. Cứ như nhan đề bài thơ “Năm mới chúc nhau” thì phải hiểu là thế. Nhưng đọc vào thì hoàn toàn không phải vậy.

+ Hai câu thơ đầu tiên, tác giả đã khắc họa cảnh chúc thọ:

*“Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau*

*Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.”*

- Chúc nhau sống lâu trăm tuổi là một lời chúc đẹp. Nội dung lời chúc ở hai câu thơ đầu là thế, nhưng dưới con mắt Tú Xương lại không phải thế. Ta nhận ra đằng sau câu chữ ấy là thái độ châm biếm của nhà thơ khi ông gọi những người chúc là “nó” là “đứa”. Câu thơ “Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu” vốn là lời chúc trang trọng thành kính, thế mà nhà thơ chỉ thêm vào chữ “râu” (bạc đầu râu), câu thơ ấy ngay lập tức hóa thành lời chế nhạo, khôi hài.

+ Thái độ châm biếm còn biểu lộ rõ hơn ở lời toan tính, dự định của nhà thơ:

*“Phen này ông quyết đi buôn cối*

*Thiên hạ bao nhiêu đứa giã trầu.”*

- Cách xưng hô “ông” một cách trịch thượng, hạ những kẻ nhố nhăng xuống hàng đứa, nó, Tú Xương trực tiếp bộc lộ một cái nhìn khinh thị. Nào có hay ho, trang trọng, đẹp tốt gì một lũ bạc đẩu râu và răng không còn nữa. Răng không còn nên phải dùng cối giã trầu, từ đó tiếng cười bật ra thâm thuý, sâu cay.

+ Sau chúc thọ lại đến màn chúc sang, chúc giàu. Vẫn là cái giọng điệu châm biếm, đ Thái độ châm biếm của nhà thơ thể hiện ngay ở việc lặp lại các cụm từ “nó lại, “cái sự giàu” và “sự lắm con”. Cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ” “sinh năm đẻ bảy” cũng là nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của. Và cùng như hai khổ thơ trên, cứ sau mỗi lời bọn chúng chúc nhau, Tú Xương lại nêu lời bình luận của chính mình. Qua những lời bình luận ấy, nhà thơ thể hiện rõ hơn thái độ và tình cảm của ông. Đọc những lời dự đoán của nhà thơ về bọn đông con, lắm của, nào là “Phen này ắt hẳn gà ăn bạc – Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu” hoặc “Phố phường chật hẹp người đông đúc – Bồng bế nhau lên nó ở non”, người đọc chỉ thấy buồn cười về một hiện thực nhố nhăng, một hiện thực đậm màu hài hước.

- Qua những vần thơ trào phúng này, người đọc càng thấm tiếng cười của Tú Xương không chỉ “độc” mà còn “thâm” nữa. Xuyên suốt bài thơ là cái nhìn mỉa mai của “ông” dành cho chúng “nó”. Không một chút e dè, kiêng nể, Tú Xương quất thẳng vào chúng những tiếng chửi “ác khẩu” và mạnh mẽ và kích sâu cay, nhà thơ tiếp tục mỉa mai bọn trưởng giả học làm sang:

**á 2. Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ phân tích đánh giá**

**-** Nhan đề thơ nghe có vẻ rất đỗi bình thường, năm mới thì những lời chúc tụng nhau vốn dĩ là chuyện rất nên làm, là những gì quen thuộc nhất khi dịp tết đến xuân về. Nhưng vào thơ của Tú Xương, cái lời chúc tết ấy lại có nhiều điều phải suy nghĩ và khi nghĩ ra rồi người ta mới thấy được cái tiếng cười châm biếm thật sâu cay của “bậc thần thơ thánh chữ” (theo lời Nguyễn Công Hoan).

+ Tác giả đã sử dụng phương thức biểu cảm để làm rõ lên nội dung bài thơ lại là những tiếng chửi, những lời chế giễu sâu cay. Tính chất châm biếm bật ra từ sự mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức chúc nhau mà thực ra là để chửi, là để thể hiện sự khinh ghét.

+ Cách sử dụng từ ngữ xưng hô rất nghệ thuật: xưng “ông”; gọi bọn mua quan, bán tước, ham hố cái sự giàu và “sự lắm con” bằng “nó”, “đứa”… tạo nên tiếng cười châm biếm sâu cay. Cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ”, “sinh năm đẻ bảy” cũng là nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của.

+ Giọng điệu bài thơ vừa dí dỏm, hài hước vừa chế giễu, châm biếm, đả kích sâu cay.

**3. Kết bài: phân tích đánh giá năm mới chúc**

**-**Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trần Tế Xương được biết đến là cây bút châm biếm, đả kích quyết liệt, dữ dội những bài thơ của ông như những làn roi vút, quất thăng vào bộ mặt của xã hội phong kiến. Ông sinh ra, lớn lên và được trực tiếp chứng kiến thời buổi nhiễu nhương, nhan nhản lũ người nhí nhố, ngang nhiên làm những việc bất chính ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Bức xúc vì không làm gì được, không kìm được nỗi căm uất và khinh ghét đến tột cùng. Tú Xương ném thẳng tiếng cười châm biếm chua cay vào lũ người nọ ngay vào dịp Tết đón xuân về bằng bài thơ *“Năm mới chúc nhau.”*

Vốn là một người thông minh, sáng dạ nhưng khốn nỗi thi cử bao nhiêu lần cũng không đậu. Nguyên nhân bởi xã hội thời bấy giờ đương buổi rối ren loạn lạc quá, cái tài năng của ông bị vùi dập bởi chế độ thuộc địa nửa phong kiến, bởi việc mua quan bán chức ầm ầm. Chính vì bất đắc chí trong việc học hành thi cử mà Trần Tế Xương thường trút hết nỗi niềm của mình vào thơ văn, thơ của ông không buồn mà là những tiếng cười mỉa mai châm biếm rất sâu cay, quất vào mặt bọn cường quyền, thực dân những kẻ chẳng mấy ưa ông và ông cũng ngứa mắt bọn chúng. Dù chỉ được sống 37 năm ngắn ngủi của cuộc đời, lại sống trong cảnh nghèo khó, xã hội nhiễu nhương, nhưng Tú Xương - một trí thức phong kiến đã có một cái nhìn rất chân thực về cuộc sống thời bấy giờ, thông qua những vần thơ trào phúng tưởng là chơi vui nhưng lại hóa hiện thực sâu sắc.

Như thường lệ, cứ mỗi dịp Tết đến, người ta lại dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp. Họ chúc nhau sống lâu, khỏe mạnh, chúc phát tài, phát lộc, chúc sự no đủ, sang giàu… Vì thế lời chúc, vừa là một mong ước, một nguyện cầu, vừa là một cách thức ứng xử mang tính văn hóa. Ấy thế mà có một số người dường như có ý tách ra, đứng ngoài những lời chúc kia, lẳng lặng nghe rồi bình phẩm, đánh giá và giễu cợt. Mới chỉ chạm đến nhan đề thơ nghe có vẻ rất đỗi bình thường, năm mới thì những lời chúc tụng nhau vốn dĩ là chuyện rất nên làm, là những gì quen thuộc nhất khi dịp tết đến xuân về. Nhưng vào thơ của Tú Xương, cái lời chúc tết ấy lại có nhiều điều phải suy nghĩ và khi nghĩ ra rồi người ta mới thấy được cái tiếng cười châm biếm thật sâu cay của "bậc thần thơ thánh chữ"

Bước vào những luống thơ ẩn sâu từng câu chữ là tiếng chửi, tiếng mỉa mai những kẻ mà nhà thơ khinh ghét gọi là "nó". Đọc thơ người ta dễ dàng nhận ra sự mâu thuẫn hài hước giữa nội dung và hình thức, sao nghe câu chúc mà giống câu chửi quá, quả thực là nhà thơ đang chế giễu mấy tên hợm hĩnh lố bịch ấy.

*"Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau  
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu  
Phen này ông quyết đi buôn cối  
 Thiên hạ bao nhiêu đứa giã trầu."*

Tú Xương tham gia vào bài thơ với vị trí là người thứ ba nghe chuyện, ông rất từ tốn bình tĩnh "*Lẳng lặng mà nghe",* để xem cái quân giả tạo, thối nát ấy chúc nhau như thế nào, và rồi ông đưa lại vào thơ bằng một giọng tự sự đầy giễu cợt. Cớ sao đã chúc nhau *"trăm tuổi bạc đầu"* mà lại còn thêm chữ "râu" chi cho mất đi cái vẻ trang trọng mà thay vào đó là cái sự kém sang rành rành, bởi người ta chúc đầu bạc chứ chẳng ai chúc râu bạc bao giờ. Đã thế, Tú Xương còn hài hước chêm vào mấy câu tự xưng mình là "ông" xưng người là "thiên hạ", một giọng thơ rất đanh đá, lại có phần hơi thách thức. Thế hóa ra bọn "nó" già đến bạc cả râu, thì chắc răng cũng chẳng còn đâu nhỉ, Tú cứ buôn cối giã trầu thì chắc sớm mà giàu to thôi. Này thì cái bọn chúc nhau mau già, mau rụng răng, thích chí lắm.

Ấy mới chỉ là những câu thơ mở đầu, ông Tú còn thể hiện cái sự căm ghét thói đời mà tiền đặt lên trên tất cả, đến quan chức mà có tiền mua thì cũng xong:

*"Lẳng lặng mà nghe nó chúc sang  
Đứa thì mua tước, đứa mua quan  
Phen này ông quyết đi buôn lọng  
Vừa chửi vừa la cũng đắt hàng."*

Tú Xương nghe chúng nó chúc nhau sao sang quá, cái sang của bọn ngu dốt lại thích màu mè, chúng cứ tưởng có cái chức quan mua được bằng những đồng tiền bóng lộn ấy trong cái xã hội nửa nạc nửa mỡ này là "sang" lắm, ngon lắm. Nhưng chúng nào có biết được chúng chỉ như đang làm trò hề trong mắt Tú, những kẻ đã kém cỏi từ tâm hồn đến trí tuệ ấy thì cho dù có đắp bao nhiêu phục trang lộng lẫy, hay mũ cánh chuồn úp đầu cũng chẳng khiến người ta nể nang cho được. Bởi chúng chỉ giống như mấy con khỉ thích giả làm người bằng mấy bộ đồ đi vay đi mượn, hoặc đi mua được. Qủa thực có mấy ai thèm, trừ lũ trưởng giả thích làm sang, thích tự bôi vẽ cái vẻ sang trọng quyền quý hài hước lên khuôn mặt bại hoại của chính bản thân mình. Câu thơ chốt hạ "*Vừa chửi vừa la cũng đắt hàng"* của Tú Xương thật khiến cho người đọc được hả hê, phải bật cười bởi cái lũ kém sang ấy nào có biết đến việc ăn nói điềm tĩnh tử tế của bậc nho gia, chúng chỉ biết chửi, biết la như những kẻ đầu đường xó chợ. Thật hài hước sâu cay quá. Ôi đã nhiều quan chức đến thế, thì Tú ta buôn lọng cũng khối tiền. Sống lâu và sống sang là nội dung của hai lời chúc đầu. Nhưng qua hai lời chúc ấy lại thấy tất cả sự nhếch nhác, bệ rạc của bọn người này. Đã thế nhà thơ còn bồi thêm cho chúng những cú đòn ê ẩm liên tiếp.

Nếu như hai lời chúc đầu là chúc sống lâu và sống sang thì hai khổ thơ tiếp cùng chúc nhau “cái sự giàu” và “sự lắm con”.

*"Nó lại mừng nhau cái sự giàu  
Trăm nghìn vạn mớ để vào đâu  
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc  
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.  
Nó lại mừng nhau sự lắm con  
Sinh năm đẻ bẩy được vuông tròn  
Phố phường chật hẹp người đông đúc  
Bồng bế nhau lên nó ở non."*

Nhà thơ chế giễu mấy cái mừng, mừng sự giàu, mừng lắm con nhiều cháu. Tiền bạc mà vào miệng của Tú thì cũng như "mớ" rau dưa, lộn xộn, để gà cũng ăn được. Rồi thì con cháu nhà quan lại mà cũng "sinh năm đẻ bảy" chẳng khác mấy đám ô hợp. Ôi, theo cái dự đoán của Tú thì phen này chúng nó đẻ lắm chỉ để ăn sao cho cốt hết số tiền bẩn thỉu do bọn ông cha hám tiền của chúng làm ra. Riết rồi cái lũ sâu bọ ấy đông đúc quá, phố phường cũng chẳng kham nổi lại phải bồng bế nhau lên núi mà ở thôi, chứ nơi nào chứa cho hết cái lũ chỉ quen bịp bợm của người dân nghèo khó. Thái độ châm biếm của nhà thơ thể hiện ngay ở việc lặp lại các cụm từ “nó lại, “cái sự giàu” và “sự lắm con”. Cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ” “sinh năm đẻ bảy” cũng là nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của. Và cùng như hai khô thơ trên, cứ sau mỗi lời bọn chúng chúc nhau, Tú Xương lại nêu lời bình luận cùa chính mình. Qua những lời bình luận ấy mà nhà thư thể hiện rõ hơn thái độ và tình cảm của ông. Không hiểu sao dọc nhừng lời dự đoán của nhà thơ về bọn đông con, lắm của, nào là “Phen này ắt hẳn gà ăn bạc - Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu” hoặc “Phố phường chật hẹp người đông đúc - Bồng bế nhau lên nó ở non”, người đọc chỉ thấy buồn cười về một hiện thực nhố nhăng, một hiện thực đậm màu hài hước. Giống như Hồ Xuân Hương và các nhà thơ đậm chất hiện thực dân gian khác. Mở đầu cho chủ nghĩa hiện thực trong thơ ca của Tú Xương bằng nghệ thuật trào phúng với con mắt rất tinh, rất sâu, nhìn vào đâu là bắt chộp được cái điển hình nhất. Chất trào phúng hoà vào vần thơ một cách tự nhiên, mang nhiều sắc điệu vừa bông đùa hóm hỉnh, vừa chua chát, xót xa. Năm mới chúc nhau là một trong những bài thơ đặc sắc, tiêu biểu cho khuynh hướng và nguồn mạch châm biếm trào phúng của nhà thơ Trần Tế Xương. Đó là những lời “chúc Tết” hết sức độc đáo dưới một hình thức cũng hết sức độc đáo: chúc mà thực ra là chửi, là châm hiếm. Tuy là chửi mà vẫn thành thơ, và lại là thơ hay. Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và châm biếm được truyền tải bằng thể thơ thất ngôn Đường luật, cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn Tú Xương tỏ ra là một nghệ sĩ bậc thầy ở một cái Tâm lớn tràn đầy yêu thương, cảm thông vị tha, nhưng đầy thâm sâu, có mỉa mai, chua chát, nói như thơ hiện đại của Xuân Diệu "yêu và căm hay đợt sóng dâng trào", có đau đớn, xót xa nhưng dường như được nuốt vào trong để nghĩ suy nghiền ngẫm.

Trang thơ khép lại mà tiếng chuông cảnh tỉnh, phê phán ấy, thái độ thẳng thắn ấy, xét đến cùng, bắt nguồn từ một khao khát nhân bản: làm sao để cho cuộc đời được tốt đẹp hơn, làm sao phải xóa sạch kiểu chúc Tết khác *“giống người”* mà chắc chắn, hơn một lần Tú Xương đã phải đau lòng chứng kiến.

Đọc thơ của Tú Xương, người ta thấy hiện lên rõ mồn một cái hiện thực oái oăm, hài hước của lũ người nhố nhăng trong cái xã hội tạp nham đủ thứ người, thứ chuyện, tưởng như đùa. Qua đó, người ta cũng thấy được cái cảnh cơ cực, khổ sở của nhân dân thời bấy giờ, phải chịu sống dưới sự chèn ép của bọn người ô hợp. Những tiếng cười chế giễu như thứ vũ khí đâm thẳng vào mặt bọn cầm quyền ngu si, mà chúng tuy cay cú cũng chẳng thể làm gì được. Bài thơ mang lại cho bạn đọc một tình cảm hả hê, sung sướng, bõ hờn, bõ tức. Nó cũng gợi lên nhiều cảm hứng khiến người đọc dễ “nhại” và muốn “nhại” theo cái giọng điệu trào phúng châm biếm của ông mỗi khi gặp cảnh chướng tai gai mắt ở đời. Vì vậy mà có người đã “bắt chước” làm thêm mấy câu thơ nối tiếp vào bài thơ trên, đọc lên nghe chẳng khác gì của chính nhà thơ, đây chính là bằng chứng hùng hồn về sức sống của hài thơ.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 2:** Có ý kiến cho rằng: “*Bài thơ "Ông Phỗng đá" của Nguyễn Khuyến là một bài thơ trào phúng, được sử dụng để châm biếm và đả kích một đối tượng trong xã hội.”* Qua việc Phân tích bài thơ Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. |

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về nhà thơ Nguyễn Khuyến và bài thơ Ông phỗng đá.

+ Là một nhà thơ lớn, nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

+ Thơ của ông nói lên tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình, bạn bè, phản ánh cuộc sống thuần khổ của nông dân, châm biếm đả kích tầng lớp thống trị, đồng thời bộc lộ tấm lòng ưu ái với dân, với nước.

+ Bài thơ “Ông phỗng đá” - đỉnh cao chói sáng trong thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến.

+ Bài thơ là lời tự trào của tác giả khi đứng trước hình ảnh ông phỗng đá trên hòn non bộ.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát về hoàn cảnh/cảm hứng/ đề tài hoặc nhan đề:**

- Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam.

- Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao khải, nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ Ông phỗng đá.

**b. Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ**

**\* Hai câu thơ mở đầu: miêu tả chân dung ông phỗng đá**

+ Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca.

+ Câu thơ mở đầu “Ông đứng đó làm chi hỡi ông?” vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm.

+ Câu thơ thứ hai như mở ra hình ảnh của ông phỗng đá. Từ láy “trơ trơ”, hình ảnh so sánh “ như đá’, “vững như đồng” làm nổi bật hai hình ảnh: một là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hai là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực.

=> Hai câu thơ với nghệ thuật chủ yếu là so sánh, câu hỏi tu từ đã làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá bất động, trơ trơ giữa hình ảnh hòn núi non bộ.

**c. Hai câu thơ cuối giúp người đọc hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:**

+ Cả bài thơ có bốn câu thơ, mà tới ba câu thơ là câu hỏi tu từ. Câu hỏi tu từ dồn dập, liên tiếp như mở ra bao suy tư mới.

+ Câu thơ thứ ba “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?” như một lời thăm dò công việc của ông phỗng đá. Nhà thơ có ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn hay không?

+ Ở câu thơ thứ bốn “Non nước đầy vơi có biết không” như là một lời trách thầm đối với ông phỗng đá.

- Hình ảnh “Non nước đầy vơi” mở ra hai ý nghĩa: không chỉ là hình ảnh giang sơn, khung cảnh đầy vơi như nào, mà nó còn phản ánh cái thực trạng xã hội mà Nguyễn Khuyến đang sống thuở đó.

=> Hai câu thơ cuối sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu từ như là sự dồn dập, kết hợp với giọng điệu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy không chỉ là sự phê phán quan lại triều đình, mà còn là sự tự trách chính mình của nhà thơ.

**d. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng**

- Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ.

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt được sử dụng hết sức tài tình.

- Ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương.

- Từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc.

- Câu hỏi tu từ được sử dụng ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời.

=> Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của người dân.

**\* Bài thơ là bức tranh phê phán xã hội phong kiến**

- Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, cơ đồ nhà Nguyễn dường như sụp đổ hoàn toàn. Đó là cái xã hội với những biểu hiện lố lăng, kịch cợm.

- Chính xã hội ấy khiến Nguyễn Khuyến trăn trở và luôn phê phán, trong bài thơ đã làm nổi bật cái thực trạng xã hội: triều đình, quan lại bù nhìn trước cuộc sống cùng cực của người dân.

- Để có được cái nhìn ấy, thì chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người trơ trơ như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị tác phẩm, nêu suy nghĩ của bản thân.

+ Bài thơ không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến tả cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân

+ Lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ, nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng lo lắng cho “non nước” của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Nếu như Xuân Diệu được mệnh danh là *“Ông hoàng của thơ tình*” thì Nguyễn Khuyến lại như là một *“Nhà thơ của dân tình, làng cảnh Việt Nam”.* Thơ của ông nói lên tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình, bạn bè, phản ánh cuộc sống thuần khổ của nông dân, châm biếm đả kích tầng lớp thống trị, đồng thời bộc lộ tấm lòng ưu ái với dân, với nước. Trong số tác phẩm đặc sắc đó, không thể không kể đến bài thơ “Ông phỗng đá” - đỉnh cao chói sáng trong thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến. Bài thơ là lời tự trào của tác giả khi đứng trước hình ảnh ông phỗng đá trên hòn non bộ.

Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam. Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao khải, nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ Ông phỗng đá.

Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca. Với Nguyễn Dư là “thằng phỗng, ông phỗng”, còn đối với Nguyễn Khuyến - người để ý tới phỗng nhiều nhất lại là hình ảnh ông phỗng đá đang đứng cô đơn, lẻ bóng trên hòn non bộ ở giữa hồ. Hai câu thơ đầu là câu hỏi tu từ khắc họa hình ảnh ông phỗng đá:

*“Ông đứng đó làm chi hỡi ông?*

*Trơ trơ như đá, vững như đồng”*

Câu hỏi tu từ ngay khi vừa mở đầu vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm của tác giả. Câu thơ cất lên phải chăng như một sự thăm dò công việc của ông phỗng đá. Thán từ “ hỡi” kết hợp với đại từ “ông” làm cho câu thơ mang giá trị biểu cảm cao, bộc lộ cảm xúc dâng trào. Tác giả hỏi ông phỗng đá đứng đó làm gì, dường như cũng có thêm sự mỉa mai, bởi vì chính bản thân ông phỗng đá cũng đâu biết mình đang làm công việc gì. Câu thơ tiếp theo càng làm rõ thêm bức chân dung về ông phỗng đá:

*“Trơ trơ như đá, vững như đồng”*

Từ láy “trơ trơ”, kết hợp với hình ảnh so sánh “ như đá”, “vững như đồng” càng làm rõ nét thêm hình ảnh của ông phỗng đá. Đó phải chăng là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hình ảnh ông phỗng đá trơ trơ không quan tâm tới xung quanh, lúc nào cũng vậy, cũng đứng đó như một kẻ bù nhìn? Hay là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực đó, chỉ biết như “ông phỗng đá” kệ mặc cuộc sống của những con người cùng cực ấy. Những dòng thơ trào phúng mang giọng điệu phê phán của Nguyễn Khuyến không chỉ xuất hiện trong những câu thơ trên, mà nó như một nỗi ám ảnh, day dứt, khiến nhà thơ trăn trở mãi, và nó còn xuất hiện trong bài “Lời vợ anh phường chèo”:

*“Vua chèo còn chẳng ra gì*

*Quan chèo vai nhọ khác chi thằng hề”*

Hai câu thơ tiếp theo mở ra giúp ta hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:

*“Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?*

*Non nước đầy vơi có biết không?*

Cả bài thơ có bốn dòng thơ, nhưng lại tới ba câu là câu hỏi tu từ. Ba câu hỏi dồn dập nhau với nhiều ý tưởng: Ông phỗng đá đứng đó làm chi vậy? Trước mặt ông phỗng đá là giang sơn gấm vóc của Tổ tiên nhà, có phải muốn canh chừng, giữ gìn cho ai đó chăng? Và cái mảnh giang sơn đó giờ như nào? Hắn có biết chăng? Các câu hỏi dồn dập nhau, ý chừng cụ Tam Nguyên Yên Đổ như muốn khuynh đáo pho tượng, bắt buộc ông phỗng đá phải đáp lại, phải thốt lên thành lời..Nhưng ông phỗng đá sao trả lời được..Những câu hỏi ấy của nhà thơ như là lời tự trào, như một tiếng hú, tiếng kêu thất thanh trong nhân loại.Câu thơ “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?”, ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn? Câu thơ cuối cùng như là một sự trách móc khéo léo mà thâm thúy của nhà thơ:

*“Non nước đầy vơi có biết không?”*

Hình ảnh “non nước đầy vơi” gợi mở ra nhiều ý nghĩa. Non nước đầy vơi ấy không chỉ là hình ảnh giang sơn, núi đầy vơi như nào, khung cảnh ra sao. Mà “non nước đầy vơi” ở đây chính là cái thực trạng xã hội khi đó Nguyễn Khuyến sống. Đó là cái xã hội phong kiến đầy biến động: Thực dân Pháp đang rêu rao xâm lược, triều đình thì bạc nhược, quan lại thì bù nhìn, các phong trào đấu tranh yêu nước thì dập tắt. Với việc sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu tiếp ở đây không chỉ thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm của tác giả trước sự vô cảm, vô trách nhiệm của đám quan lại, triều đình phong kiến trước an nguy của đất nước, sự suy vọng của dân tộc. Mà phải chăng đó là sự tự trách mình của chính nhà thơ? Nguyễn Khuyến thấy mình như một kẻ thừa thãi trong guồng máy thống trị phong kiến. Ông trách mình vô dụng, trách bản thân cũng như một ông phỗng, cũng chỉ biết đứng nhìn chứ không giúp gì được cho dân, cho nước. Giọng điệu thơ của tác giả nhẹ nhàng, mà thâm thúy khác hẳn với tiếng trào phúng đầy suồng sã, chua cay, dữ dội của Tú Xương trong bài “Ông cử Nhu”:

“*Sơ khảo trường Nam bác cử Nhu*

*Thật là vừa dốt mà lại vừa ngu”*

Lê-ô-nit Lê-ô-nốp từng nói: “Mỗi tác phẩm không chỉ là một khám phá về nội dung, mà còn là phát minh về hình thức”. Quả đúng như vậy, bài thơ “Ông phỗng đá” không chỉ hấp dẫn người đọc bởi nội dung đặc sắc, mà còn bởi nghệ thuật vô cùng đọc đáo của Nguyễn Khuyến trong thơ trào phúng. Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ. Không những thế, tác giả còn sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt hết sức tài tình, ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương. Các từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc. Đặc biệt, là cách sử dụng câu hỏi tu từ ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời. Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của những người dân thấp cổ bé họng.

Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến với những biểu hiện lố lăng, kệch cỡm. Ở đó mọi giá trị đạo đức truyền thống đã bị đảo lộn, còn cái mới lại mang bộ mặt của kẻ xâm lược. Ngòi bút thâm trầm mà sâu cay của Nguyễn Khuyến đã chĩa mũi nhọn vào những chỗ hiểm yếu nhất của cái ung nhọt ấy. Trong “Ông phỗng đá” nhà thơ đã đem ra trào phúng, châm biếm, hình ảnh triều đình, quan lại, bạc nhược thờ ơ trước những nỗi đau khốn cùng của người dân. Để có được sự thành công khi sử dụng lối trào phúng ấy, chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người trơ trơ như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước. Tính tự trào của bài thơ cũng hé mở cho ta nhận thấy, nghe thấy, chứng kiến cuộc đối thoại của nhà thơ với chính mình – tiếng nói phản tỉnh của một người trong cuộc. Đó cũng chính là tiếng nói phản chính thống, một hành vi tưởng như là nói ngược nhưng thực chất lại phản ánh một cách chính xác nhất bản chất của xã hội và sự tha hóa của lớp người đại diện cho tinh hoa của thể chế đương thời.

Tuy chỉ là một bài thơ ngắn, thế nhưng tác phẩm không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến tả cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân. Chính vì thế, lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ, nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng lo lắng cho “non nước” của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

|  |
| --- |
| **Đề 3: Phân tích bài thơ “Đề đền Sầm Nghi Đồng” của Hồ Xuân Hươn** |

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ.

- Nữ sĩ Hồ Xuân Hương vốn nổi tiếng với một hồn thơ phóng khoáng, được mệnh danh là “Bà chúa thơ nôm”

- Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống ra đời từ sự bức xúc khi bà nhìn thấy cảnh trái tai gai mắt: một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn mà vẫn được lập đền thơm bà đã không ngại ngần cất tiếng cười giễu cợt.

**2. Thân bài**

**a. Phân tích nhan đề và đề tài**

- Chữ "đề" trong nhan đề bài thơ thể hiện nét văn hóa đẹp “tức cảnh sinh tình", ngẫu hứng làm thơ vịnh cảnh, cảm khái trước khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường.

- Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống viết về một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn đâu có được ngợi ca mà là đả kích, khinh thường.

**b. Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.**

**\* Hai câu đầu:** Tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình “trông ngang” mà chợt “thấy” ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thắt cổ chết.

*“Trăm năm bia đá chẳng mòn*

*Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.*

Bà ứng khẩu thành thơ: “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo”.*

- “Ghé mắt trông ngang” là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dẻ. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn.

- Nữ sĩ tả qua ngôi đền, tả thực bằng hai nét: mặt tiền là cái “bảng treo”, thế đứng của ngôi đền rất “cheo leo”, không chút uy nghi, vững vàng, lại heo hút! Những đền đài tráng lệ thường treo đại tự, hoành phi sơn son thiếp vàng, nhưng đền Sầm Nghi Đống chỉ có cái “bảng treo”, tầm thường quá! Một nét vẽ châm biếm thân tình – Hai tiếng “Thái thú” là một lời kết tội đanh thép đối với bọn quan lại tướng tá Thiên Triều, lũ con cháu của Tô Định, Mã Viện… ngày xưa.

**\* Hai câu cuối**

*“Ví đây đổi phận làm trai được*

*Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu”*

- Cái ý nghĩa “đổi phận làm trai” đã thể hiện cái mặc cảm phụ nữ đối với nam giới trong xã hội phong kiến đã áp đặt vào ý thức nhà thơ. Nhưng mặt khác, nó cũng thế hiện nhu cầu đổi phận, không chịu an phận của bà.

- Cái cách bà tự xưng là đây để đổi lại với Sầm Nghi Đống là đấy, thì dù bà chưa đổi phận được, bà cũng đã rất coi thường vị nam nhi họ sầm.

- Câu kết Hồ Xuân Hương tự cho mình có thể làm gấp nhiều lần, so với sự nghiệp của tên thái thú họ Sầm, song đúng hơn, nên biểu hiện một lời dè bỉu: sự nghiệp của ông có bấy nhiêu thôi ư, nó quá ít đối với một đấng nam nhi đấy!  
  
**c. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng.**

- Từ *“kìa”* hàm ý chỉ trỏ, chẳng giấu giếm sự bất kính với chốn đền miếu linh thiêng, đồng thời cho thấy nữ sĩ tuy ngắm cảnh, vịnh cảnh, nhưng cũng chẳng thèm lại gần.

- Từ “*cheo leo”* vừa gợi ra vị trí xây dựng của ngôi đền (trên gò), vừa gợi cảm giác không vững vàng.

=> Câu thơ cho thấy dù là một viên tướng được thờ phụng, dù là một ngôi đền được xây cao thì trong mắt của nữ thi sĩ đó là một thứ rẻ rúng, coi thường và sự tôn nghiêm, thiêng liêng của ngôi đền đã biến mất sạch sẽ trong mắt nữ thi sĩ.

**3. Kết bài**

- Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

- Đề đền Sầm Nghi Đống là tiếng cười trào phúng vừa sâu cay, vừa mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương dành cho một kẻ xâm lược, góp phần củng cố thêm lòng yêu nước trong mỗi người Việt Nam.

- Bài thơ cho thấy tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương – một nhà thơ hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu “Bà Chúa Thơ Nôm”.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ nữ nổi tiếng trong nền văn học trung đại Việt Nam, đã từng được mệnh danh là *"Bà chúa thơ Nôm".* Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói của người phụ nữ trong xã hội cũ, lên tiếng đòi quyền bình đẳng, phản kháng sự coi khinh người phụ nữ trong chế độ nam quyền. Tiếng nói ấy đã vang lên trong bài thơ “*Đề đền Sầm Nghi Đống”* của bà.

Sầm Nghi Đống là tên thái thú đất Diễn Châu, Trung Quốc, tùy tướng của Tôn Sĩ Nghị trong cuộc xâm lược Việt Nam năm 1789. Ông được giao giữ đồn Khương Thượng, Đống Đa. Khi bị quân Tây Sơn đánh, ông không chống cự được nên đã thắt cổ tự tử. Để giữ mối quan hệ bang giao hai nước, Quang Trung cho người Hoa lập miếu thờ Sầm Nghi Đống tại phía sau phố Hàng Buồm ngày nay. Có nhiều tài liệu lại nói, Sầm Nghi Đống được giao trấn thủ Ngọc Hồi, đồn Ngọc Hồi thất thủ, Sầm Nghi Đống tự tử. Về sau có đền thờ ở gò láng Ngọc Hồi. Nhân một dịp đi qua, Hồ Xuân Hương đã làm bài thơ này.

Mở đầu bài thơ, Hồ Xuân Hương đã biểu thị một cái nhìn thiếu trân trọng đối với ngôi đền:

*“Ghé mát trong ngang thấy bảng treo*

*Kìa đền thái thú đứng cheo leo”*

Hai câu đầu tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ. Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình “trông ngang” mà chợt “thấy” ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thắt cổ chết.

*“Trăm năm bia đá chẳng mòn*

*Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.*

Bà ứng khẩu thành thơ: “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo”.* “Ghé mắt trông ngang” là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dẻ. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. Từ láy “cheo leo” là một từ đặc sắc, nó chỉ một thế đứng cao nhưng không có nơi bấu víu, dễ đổ ụp xuống. Chữ “kìa” cũng hàm ý bất kính, bởi nó kèm theo các động tác chỉ trỏ, mà đối với các nơi đền đài linh thiêng người đến viếng không được nói to, giơ tay chỉ trỏ như đối với đồ vật. Với hai câu thơ ấy, Hồ Xuân Hương đã tước bỏ hết tính chất thiêng liêng, cung kính của một ngôi đền. Hồ Xuân Hương không chỉ nhìn ngang chỉ trỏ trước một ngôi đền, bà lại còn tự ví mình, so sánh mình với người được thờ nữa:

*“Ví đây đổi phận làm trai được*

*Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu”*

Hai câu thơ cuối trong bài thơ, thể hiện sự mỉa mai, khinh bỉ của tác giả đối với những trang nam nhi vô dụng nói chung và đối với tướng giặc hèn hạ Sầm Nghi Đống nói riêng. Đồng thời hai câu thơ cũng là tiếng nói tự tin của người phụ nữ. Nếu họ được đổi phận làm trai thì há chịu thua một đấng nam nhi nào, thì sự nghiệp anh hùng chẳng phải chỉ như vậy. Đọc hai câu thơ chúng ta đều đồng tình với thái độ, với tiếng nói của Hồ Xuân Hương, của người phụ nữ sống trong xã hội có nam có nữ, người phụ nữ khát khao được sống bình đẳng, được có quyền ngang hang với đàn ông để mang trài trí của mình ra giúp nước. Họ tin rằng mình cũng có thể lập nên sự nghiệp vẻ vang. Người phụ nữ lên tiếng chống đối lại chế độ *"trọng nam khinh nữ "*. Tiếng nói ấy là rất đúng. Đó là tiếng nói chung của ngưởi phụ nữ muốn đập bỏ tư tưởng nam quyền, coi khinh phụ nữ để vươn lên sự công bằng, bình đẳng, trong xã hội phong kiến, người phụ nữ là người phải chịu nhiều đau khổ, thiệt thòi nhất. Họ bị khinh rẻ chà đạp, họ không có quyền tham gia các công việc xã hội. Nhiều người phụ nữ tài ba, giỏi dang, hiểu rộng, biết nhiều hơn bao nhiêu người đàn ông khác, nhưng vẫn bị khinh rẻ vì họ là đàn bà. Xã hội cứ coi trọng một đàn ông dốt nát hơn một người đàn bà tài giỏi. Tài năng của người phụ nữ không được xã hội thừa nhận, họ không có quyền tham gia việc nước. Hồ Xuân Hương và bao nhiêu phụ nữ tài trí hơn mình mà vẫn phải chịu cảnh "*bảy nổi ba chìm"* lênh đênh trong xã hội thối nát. Do đó người phụ nữ mong ước trở thành nam nhi để có thể lập sự nghiệp anh hùng. Họ muốn quẫy đạp, muốn thoát ra khỏi sự tù túng của xã hội, thoát ra khỏi tư tưởng phong kiến đã vùi dập họ. Nhưng chế độ xưa có nhiều bất công, người phụ nữ không được làm những điều mình muốn. Tuy vậy họ vẫn tự tin, vẫn khao khát được quyền bình đẳng. Cách nhìn của tác giả về người phụ nữ rõ rang là mới mẻ. Người phụ nữ không chỉ thủy chung, đảm đang, mà còn là người phụ nữ anh hùng. Rõ Ràng Hồ Xuân Hương có cái nhìn tiến bộ đối với phụ nữ trong chế độ cũ, bà lên tiếng khẳng định phẩm hạnh và tài năng của những người cùng giới.

Hai câu thơ đó là tiếng nói tự tin của người phụ nữ, là sự khinh bỉ của họ đối với hạng người mang hình dáng nam nhi không xứng mặt nam nhi. Trong bài thơ tác giả muốn đổi phận làm trai để tạo lập sự nghiệp anh hùng. Đó là một tư tưởng mới trong xã hội phong kiến, nhưng chẳng cần "đối phận làm trai " người phụ nữ vẫn làm nên sự nghiệp, nếu như họ có ý chí quẫy ra khỏi sự rang buộc vô lý của xã hội, Trong lịch sử đã có nhiều tấm gương phụ nữ anh hùng như bà Trưng vì nợ nước, thù nhà đã nổi dậy lãnh đạo nghĩa quân đánh đuổi quân xâm lược, để đến nay chúng ta còn thấy tự hào. Rồi bao người phụ nữ khác như Triệu Thị Trinh, như vợ Đề Thám, rồi vợ Cai Vàng đã lập nên sự nghiệp anh hùng đâu cần phải đổi phận làm trai. Rõ ràng Hồ Xuân Hương mới chỉ mơ ước *"Ví đây*" chứ chưa khẳng định thực hiện, chưa dám quẫy đạp, phá tan luật lệ cổ hủ của chế độ phong kiến để giành lấy quyền bình đẳng cùng sánh vai ới nam nhi làm nên sự nghiệp anh hùng. Mặt khác, sự nghiệp anh hùng đâu chỉ là đánh giặc, việc quốc sự, mà còn thể hiện ở những cái bình dị nhất trong đời thường. Chính Hồ Xuân Hương đã làm nên sự nghiệp. Sự nghiệp văn chương đến ngày nay chúng ta không khỏi khâm phục. Bằng ngòi bút của mình Xuân Hương đã kích tầng lớp quan lại thối nát, sa đọa, mỉa mai những kẻ vô dụng bất tài, và biết khám phá ra vẻ đẹp của những lớp người bị khinh rẻ. Rõ ràng Xuân Hương là một trong số phụ nữ trong xã hội cũ đã lập nên sự nghiệp anh hùng trong lĩnh vực văn chương. Tuy nhiên những người phụ nữ trong thơ bà vẫn chưa vượt được sự bế tắc, bà vẫn chỉ mơ ước thôi chứ chưa có hành động phản kháng, một phần, có lẽ do những hạn chế của tư tưởng phong kiến không phải là không có trong nữ thi sĩ nổi danh này. Người phụ nữ thời nay đã khác nhiều so với phụ nữ thời xưa, xã hội đã mang đến cho họ sự bình đẳng, công bằng, họ có thể trực tiếp tham gia vào các công tác xã hội. Xã hội chúng ta đã thực sự cởi bỏ những ràng buộc xưa cho người phụ nữ, tạo điều kiện cho họ phát triển tài năng.

    "Bà chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương là người đã góp phần tích cực vào tiếng nói phản kháng xã hội của người phụ nữ xưa, là người đã lên tiếng đòi quyền bình đẳng mơ ước được cống hiến cho nước non. Tư tưởng hết sức tiến bộ ấy của bà quả là hiếm thấy trong xã hội cũ. Hai câu thơ kết ở bài Đề đền Sầm Nghi Đống của bà là một nấc đánh giá bước đầu vươn lên sự bình đẳng của người phụ nữ.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 4: Phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa thi Đinh dậu” - Trần Tế Xương** |

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả và bài thơ

- Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chướng tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi.

**2. Thân bài**

***a. Hai câu đề (Cuộc thi năm Đinh Dậu)***

- Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:

*Nhà nước ba năm mở một khoa,*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà.*

- Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “lẫn” – lẫn lộn tùng phèo – đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.

***b. Hai câu thực (Bọn sĩ tử, quan trường không còn nho phong, sĩ khí)***

- Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.

- Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).

**- Hình ảnh sĩ tử** chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ.

- Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này.

- Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “nho phong sĩ khí”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.

**- Hình ảnh quan trường** xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ "ậm oẹ" biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cổ họng nên trầm và nghe không rõ, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ "ậm oẹ" giọng thét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyên náo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.

***c. Hai câu luận (Bộ mặt của bọn thực dân)***

- Hình ảnh quan sứ và mụ đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cắm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: "Váy lê quét đất mụ đầm ra". Biện pháp đảo ngữ: *Cờ cắm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mụ đầm ra* cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.

- Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.

- Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mụ đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lố bịch của khoa thi Đinh Dậu.

***d. Hai câu kết (Nỗi đau xót, tủi nhục của tác giả)***

- Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:

*Nhân tài đất Bắc nào ai đó*

*Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*

- Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đinh Dậu – nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ "nước nhà" đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc.

**3. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ *Vịnh khoa thi Hương*

- Nêu những cảm nhận riêng của em.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Trần Tế Xương cay nhất là chuyện thi cử. Tài giỏi như ông mà phải đến lần thi thứ tám mới đậu vét được cái tú tài. Mà Tú tài thời đó thì được tiếng là “ông Tú” nhưng chỉ được “làm quan tại gia”, “ăn lương vợ”. Nhưng không được thênh thênh trên đường hoạn lộ chưa hẳn đã là rủi, thì ông Tú Xương làm thơ, làm thi sĩ, thành thi hào! Bài thơ “Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” là một đòn trời giáng của Tú Xương vào chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn, ô nhục của thời thực dân mới đặt chân cai trị đất nước ta:

Là sĩ tử, cũng là nạn nhân trong kì thi Hương năm Đinh Dậu (1897), tại Nam Định, Trần Tế Xương tận mắt chứng kiến sự suy đồi của Nho học, đau lòng trước nỗi ô nhục của tài tử văn nhân đât Bắc. Cho nên mở đầu bài thơ, tác giả đã phê phán sâu sắc nhà nước thực dân phong kiến thời bấy giờ:

*“Nhà nước ba năm mở một khoa*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà”*

Tác giả nói “nhà nước” một cách trang trọng như vậy nếu những việc làm của “nhà nước” mà tô't đẹp thì là ngợi ca, còn nếu nói đến những việc làm của “nhà nước” không ra gì thì là “hạ bệ”. Rõ ràng là Tú Xương đã “hạ bệ” cái “nhà nước” thực dân phong kiến đó bằng sự kiện “ba năm mở một khoa”. Dưới sự cai trị của “nhà nước” thực dân, đạo học (chữ Nho) đã mạt vận. “nhà nước” chỉ mở kì thi cầm chừng, hổ lốn, mất hết vẻ trang nghiêm của kì thi quốc gia: “Trường Nam thi lẫn với trường Hà”. Sợ mất an ninh ở Hà Nội, “nhà nước” thực dân đã lùa sĩ tử Hà Nội xuống Nam Định “thi lẫn” với sĩ tử trường Nam. Chỉ một từ “lẫn”, Tú Xương phơi bày cả sự đổ nát của kì thi quốc gia và phê phán “nhà nước” vô trách nhiệm.

Sang hai câu thực, sĩ tử và quan trường được nhà thơ Tú Xương biếm họa rất tài tình:

*“Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ*

*Ậm ọe quan trường miệng thét loa”*

Tú Xương có biệt tài mà Nguyễn Công Hoan tôn như “thần thơ thánh chữ” là chỉ trong một chữ đã lột tả được thần thái của sự vật. Chỉ một từ “lôi thôi” được đảo ra phía trước, nhấn mạnh là hình ảnh của sĩ tử bị chìm trong sự nhếch nhác. Sĩ tử mà bút mực đâu không thấy, chỉ nổi bật lủng lẳng một cái lọ (vì đường xa, phải đeo theo lọ nước uống). Hàng ngàn “sĩ tử vai đeo lọ” thì lôi thôi thật, là bức tranh biếm họa để đời về anh học trò đi thi trong thời buổi thực dân nhô’ nhăng. Còn quan trường thì “ậm ọe” giọng như mửa. Sĩ tử thì đông vì dồn cả hai trường thi lại nên quan trường phải “thét loa” lại còn lên giọng đe nẹt sĩ tử nên thành ra “ậm ọe” tởm lợm thật đáng ghét. Thái độ trào lộng của nhà thơ thật rõ ràng. Đô'i với “sĩ tử”, Tú Xương thấy nhếch nhác đáng thương; đối với “quan trường”, Tú Xương khinh ghét ra mặt. Quan trường của một kì thi quốc gia bát nháo mà còn “ậm ọe” không biết nhục.

Tú Xương còn ghi lại một hiện tượng chưa từng thấy trong lịch sử thi cử của nước nhà là “khoa thi Đinh Dậu”, có cả Tây đầm nhon nháo ở trường thi:

*“Cờ cắm rợp trời quan sứ đến*

*Váy lê phết đất mụ đầm ra”*

“Cờ cắm” hay “Lọng cắm”? Sách giáo khoa hiện hành chép là “Cờ cắm”, có chú thích là: có bản chép: “Lọng cắm”. Thơ Tú Xương gần với thơ ca dân gian, nhà thơ sáng tác không in ấn, không xuất bản, người đời nghe rồi ghi lại nên dễ “tam sao thất bản”. Trong những trường hợp có dị bản như thế này thì buộc người đọc, người nghiên cứu phải lựa chọn. Người soạn sách giáo khoa chọn “cờ cắm” để đối với “váy lê” ở câu dưới cho thật độc. “Cờ” mà đối vởi “váy” độc quá! Theo tôi, “lọng cắm” hay hơn:

*“Lọng cắm rợp trời quan sứ đến”*

Quan sứ (công sứ Nam Định Lơ Nóocmăng, đèn dự lễ xướng danh khoa thi Hương hẳn là phải có “lọng cắm rợp trời” mà “lọng cắm” thì mới “rợp trời”. Còn vế đối “Lọng cắm rợp trời” với “váy lê phết đất” cũng chỉnh quá, mà độc địa không kém. Lọng là cái che trên đầu “quan sứ” mà lại đôi với “váy” là cái che dưới mông “mụ đầm”! “Quan sứ” đến”, “mụ đầm ra”, chúng nó “đến”, nó “ra” như thế thì nhục quá, không chịu được, Tú Xương đã chơi một đòn trí mạng vào bọn Tây đầm thực dân nhốn nháo vào cái thời buổi nhô' nhăng! Tú Xương ác khẩu trong cách đối chữ đôi câu, cái tôn nghiêm đem đọ với những cái không tiện hô đúng tên thật, ông lợm sự sông, ông cho lộn tùng phèo cả đi. Nghĩ về người quan văn người quan võ thời nhí nhô' ấy, ông đem cái võng (võng điểu võng thắm) ra mà đối với cái khố dây (khố đỏ khố xanh). Tường thuật việc trường thi chữ nho có Tây đến ra bài, ông đem cái lọng quan sứ mà đối với cái váy mụ đầm, đem cái đít vịt bà đầm ra đô'i với cái đầu rồng một ông cử dô't đang lạy tạ mũ áo vua ban... (Nguyễn Tuân).

Kết thúc bài thơ, tác giả chuyển từ giọng điệu trào lộng sang giọng điệu trữ tình thâm trầm. Tú Xương đau lòng nhắn nhủ với “nhân tài đất Bắc”:

*“Nhân tài đất Bắc nào ai đó*

*Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà”*

Giọng trữ tình thấm thìa ấy như có sự cộng hưởng của giọng điệu trữ tình đầy nhiệt huyết của các nhà ái quốc đầu thế kỷ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... Tất nhiên trong giọng điệu chung của những tâìn lòng ái quô'c ấy, ta vẫn nhận ra sắc thái riêng của Tú Xương. Khi thì xót xa thổn thức “Nhân tài đất Bắc nào ai đó”, khi thì kiêu bạc trịch thượng “Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà”. Không dễ gì mà hạ một chữ “ngoảnh cổ” như vậy đối với giới trí thức Bắc Hà. Phải có chân tài và quan trọng hơn nữa là phải có tấm lòng đô'i với đất nước, với dân tộc thì nhân tài đất Bắc mới tâm phục. Đúng là tâm sự yêu nước thổn thức của Tú Xương là vật bảo chứng cho những gì là lộng ngôn của nhà thơ:

*“Trời không chớp hể chẳng mưa nguồn*

*Đêm nảo đêm nao tớ củng buồn”*

*(Đêm hè)*

Dưới mắt Tú Xương, sự suy đồi của đạo học (chữ nho) là một hiện tượng của sự mất nước, của sự nô lệ. Với Tú Xương, nỗi nhục trong “Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” là nỗi nhục mất nước! “Theo tôi nghĩ, thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thế’ hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đông tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la, từ một cái điểm nhất định mà nó mở được ra một cái diện không gian, thời gian trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp” (Nguyễn Tuân).

“Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” của Trần Tế Xương là “sử thi” về đời sống nhà nho lúc Tây sang. Đạo học suy đồi, thi cử bát nháo hố’ lốn, sĩ tử mất hết nhuệ khí, quan trường mất hết nhân cách. Bọn thực dân nghênh ngang đến trường thi là một nỗi ô nhục của nhân tài đất Bắc. Nỗi đau của nhà thơ đã làm thức tỉnh tầng lớp trí thức đương thời.

Nghệ thuật trào lộng và trữ tình của Tú Xương đều sâu sắc, thấm thìa. Đối với sĩ tử, nhà thơ thương mà cười, đối với quan trường, nhà thơ căm ghét mà châm biếm, đối với bọn thực dân, nhà thơ căm thù mà đả kích, hạ nhục. Từ ngữ, hình ảnh, âm điệu, bút pháp của bài thơ bộc lộ tài hoa của một hồn thơ lỗi lạc. Đúng như lời ngợi ca của Yên Đổ:

*“Kia ai chín suối xương không nát*

*Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn”*

Bằng nghệ thuật trào phúng thâm thúy, ngôn ngữ miêu tả sắc cạnh, phép đối tài tình, giọng điệu mỉa mai rồi trữ tình chua xót, bài thơ Vịnh khoa thi Hương đã tái hiện một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu ở nước ta, đồng thời tác giả nói lên tâm sự của mình một cách chua chát trước cảnh tình đất nước.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 5:** Bàn về bài thơ “Đất vị Hoàng” của nhà thơ Trần Tế Xương có ý kiến cho rằng: *"Bài thơ Đất Vị Hoàng của trần Tế Xương mãi mãi là nhà thơ trào phúng bậc thầy trên thi đàn dân tộc.”* Qua việc phân tích bài thơ “Đất vị Hoàng” của Trần Tế Xương Anh / chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. |

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về nhà thơ Trần tế Xương và bài thơ

**2. Thân bài**

- Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ

**a. Hai câu đề**

*“Có đất nào như đất ấy không  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông”*

Câu thơ đầu tiên tác phẩm đã sử dụng một biện pháp tu từ khá độc đáo gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ “có đất nào như đất ấy không” => sự xót thương đang trào dâng trong lòng người thi nhân thật khiến người đọc như chúng ta cũng cảm thấy xót xa. Một mảnh đất phồn vinh đẹp đẽ một mảnh đất tốt tươi là thế bây giờ còn đâu.

- Câu thơ biểu thị một tâm trạng xót thương và có phần căm tức khi mà một thời phồn vinh của đất nước giờ còn đâu.

**b. Hai câu thực**

*“Nhà kia lỗi phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng”*

- Hai câu thơ thật khiến chúng ta cảm thấy xót xa tột cùng. Ta nghe ý thơ như một lời của chính tác giả đang than thở cho một xã hội đã suy tàn đã trên bờ diệt vong.

- Xã hội ấy không còn một giá trị đạo đức nào nữa và xã hội ấy đã để đồng tiền vượt lên trên tất cả các chuẩn mực đạo đức. Những câu thơ cuối bài thơ đa thể hiện rõ điều đó.  
**c. Hai câu luận**

*“Keo cú người đâu như cứt sắt  
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng”*

- Hai câu kết đẩy vần thơ lên cao trào của giọng điệu châm biếm và lên án. Không còn là chuyện riêng, chuyện cá biệt ở cái làng Vị Hoàng nhỏ bé nữa, mà là hiện thực thối nát, đồi bại xấu xa, đạo lí suy đồi, đảo điên... trong cái xã hội thực dân nửa phong kiến của một nước bị mất chủ quyền.

**d. Hai câu kết**

*"Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh*

*Có đất nào như đất ấy không?".*

- Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “ Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.  
- Nghệ thuật châm biếm, câu hỏi tu từ đầu cuối tương ứng, đã vạch trần được bộ mặt thật của xã hội nửa phong kiến đồng thời qua đây nhà thơ Tú Xương cũng bày tỏ thái độ tố cáo, đả kích sâu cay với những con người vì đồng tiền mà đánh mất giá trị bản thân, giá trị đạo đức xã hội. Đó là nỗi đau của người trong cuộc, đớn đau trước vận mệnh đất nước.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trần Tế Xương được biết đến là cây bút châm biếm, đả kích quyết liệt, dữ dội những bài thơ của ông như những làn roi vút, quất thăng vào bộ mặt của xã hội phong kiến. Ông sinh ra, lớn lên và được trực tiếp chứng kiến thời buổi nhiễu nhương, nhan nhản lũ người nhí nhố, ngang nhiên làm những việc bất chính ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Bức xúc vì không làm được gì, ông đã viết lên nhiều vần thơ sâu sắc mà chua xót phản ánh thực trạng đó, một trong những tác phẩm tiêu biểu phải kể đến bài thơ *“Đất Vị Hoàng”.* Vì thế khi nhận xét về bài thơ có ý kiến cho rằng: *"Bài thơ Đất Vị Hoàng của trần Tế Xương mãi mãi là nhà thơ trào phúng bậc thầy trên thi đàn dân tộc.”* Bài thơ là tinh thần, lẽ sống của con người đồng thời thể hiện thái độ châm biếm các thói hư tật xấu trong xã hội lúc bấy giờ.

"Vị Hoàng" là quê cha đất tổ của nhà thơ Tú Xương. Làng Vị Hoàng xa xưa có sông Vị Thủy chảy qua. Ngày Tây chiếm đóng thành Nam, khi cờ ba sắc xuất hiện thì sông Vị Thuỷ lấp dần. Vị Hoàng vốn là một miền quê có thứ chuối ngự ngon nổi tiếng, cùng với thơ Tú Xương đã trở thành thổ ngơi, đặc sản quê nhà, một trăm năm về trước, được truyền tụng trong dân gian: "Ăn chuối ngự, đọc thơ Xương". Vị Hoàng cũng vốn là "nơi sang trọng, chốn nhiều quan". Nhưng rồi biển dâu biến đổi, trong buổi giao thời hổ lốn dở Tây dở ta, ngày càng lộn xộn tang thương, đạo lí sa sút, suy đổi. Tú Xương đau cho nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra đó. Tú Xương đau cho nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra đó. Tú Xương đã có bài "Vị Hoàng hoài cổ" man mác buồn thương, lại thêm bài thơ "Đất Vị Hoàng" này để nói lên những chuyện xấu xa đồi bại ờ Vị Hoàng, ở thành Nam.

Bài thơ “Đất Vị Hoàng” được viết ở thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật, là bài thơ thể hiện niềm xót xa trước vận mệnh dân tộc. Vị Hoàng là nơi sinh ra của Tú Xương, – một vùng quê đầy bình yên có những thứ đặc sản nổi tiếng. Ngày giặc đến nhà, vùng quê bình yên đó trở nên xơ xác, tiêu điều. Là một người nặng tình với quê hương đất nước, Tú Xương đau đớn cho quê nhà, xót thương trước vận mệnh đất nước bị đảo lộn. Những việc xấu, “đổi trắng thay đen” cứ thế bày ra trước mắt, nỗi đau chồng chất nỗi đau. Từ đó bài thơ “Đất Vị Hoàng” ra đời để tố cáo cái xã hội lúc bấy giờ. Mở đầu bài thơ, nhà thơ đi thẳng vào vấn đề:

*“Có đất nào như đất ấy không?  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông”*

Câu hỏi tu từ ngay phần mở đầu, “có đất nào như đất ấy không?” gợi cho ta thật nhiều suy nghĩ. Mảnh đất của sự phồn vinh, bình yên, tuyệt đẹp với những bờ sông trải dài nay còn đâu. Giọng thơ trở nên thật chua chát trước cảnh nơi chôn rau cắt rốn của mình ngày càng đổi thay, các câu chuyện ngày càng đau lòng. Phồn vinh thì cũng không còn là của ta nữa, mà trở thành một nơi “ăn chơi sa đọa”, chốn để quân Pháp chơi bời. Còn gì đớn đau thay khi một quê hương phồn vinh hơn nhưng lại chẳng phải của chúng ta. Và cũng thật chua xót biết bao khi đó là nỗi đau không chỉ ở quê hương Tú Xương mà đó còn chính là nỗi đau của toàn dân tộc – một vùng trù phú rộng lớn trở nên tiêu điều xơ xác, một vùng chỉ có xác “phồn vinh” nhưng lại thiếu đi phần hồn. Đất nước bị chiếm đóng, phồn vinh kéo theo những hệ lụy, những đạo lí truyền thống của chúng ta bị đảo lộn.

*“Nhà kia lỗi phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng”*

Giặc chiếm đất, chiếm nhà, chiếm ruộng… của ta, phố phường cứ thế mọc lên và chúng càng vơ vét, càng bóc lột ta để làm giàu. Những đạo lí truyền thống chữ “hiếu” luôn đặt lên hàng đầu của ta từ ngàn đời nay còn đâu khi “con khinh bố”. Bố mẹ là người chăm lo cho ta, vậy lí do nào đã khiến cho tình cảm thiêng liêng ấy bị coi thường. Đó còn là “mụ vợ chanh chua”, người con gái nước Nam dịu dàng, nữ tính đi đâu mất rồi, thay vào đó lại là “mụ vợ chửi chồng”. Lí do gì đã khiến mọi trật tự, mọi đạo lí truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta bị đảo lộn, bị xáo trộn như vậy? Phải chăng đồng tiền đã làm cho con người ta mờ mắt, chỉ ham đến vinh hoa phú quý mà bỏ quên những điều xưa cũ, những đạo lí ân nghĩa thủy chung, những chuẩn mực đạo đức của ta. Ta thật sợ, ghê tởm cái xã hội nhem nhuốc, dơ bẩn lúc bấy giờ. Một gia đình không tốt, “hỏng” từ vợ - chồng đến con cái, vậy xã hội làm sao tốt đẹp đây?

“*Keo cú người đâu như cứt sắt  
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng”*

Hai câu thơ sau là cảnh vẽ về con người đối nhau, một tứ thơ đầy hoàn thiện nhưng cũng đầy chua xót. Những kẻ tham lam, keo cú trên đất nước ta nhiều vô kể. Họ bần tiện, ghê gớm đến nỗi “như cứt sắt”- một chất thải ra từ đất nung không còn thể đẽo gặm gì nữa. Đó còn là những con người tham lam, vơ vét cho bản thân mà quên đi cái giá trị của con người, mở miệng ra là thấy nói chuyện tiền, lấy tiền làm chuẩn mực của đạo đức, đánh giá một con người. Thối tha thay cái xã hội lúc bấy giờ, đớn đau thay cho những con người bị tha hóa. Nhà thơ Tú Xương thật tài tình khi vận dụng nghệ thuật so sánh kết hợp với biện pháp đảo ngữ làm cho các câu thơ trở nên có giá trị thẩm mĩ cao. Giọng thơ trở nên dữ dội, khinh bỉ hơn bao giờ hết. Đó là một bản cáo trạng mà nhà thơ viết lên để tố cáo những kẻ tham lam, vì tiền mà đánh mất đạo đức con người.

“*Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh  
Có đất nào như đất ấy không”*

Tú Xương kịch liệt lên án, tố cáo những thói hư tật xấu của con người lúc bấy giờ, hiện thực thối nát, cái xấu, cái ác, trắng đen lẫn lộn… Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn như một tiếng khóc tỉ tê, thương thay cho vận mệnh đất nước. Mở đầu và kết thúc đều là câu hỏi “Có đất nào như đất ấy không?” vừa xót xa, đay nghiến cái xã hội thối nát lúc bấy giờ.

Bài thơ toàn Nôm, ngôn ngữ bình dị mà sắc sảo. Bốn câu hỏi xuất hiện trong bài thơ làm cho ngữ điệu thêm dữ dội, đầy ám ảnh. Thơ liền mạch, đúng là Tú Xương đã xuất khẩu thành thơ. Bút pháp điêu luyện mà tự nhiên, hồn nhiên, nhất khí mà bình dị. Trong thơ ca dân tộc ít có bài thơ thủ vĩ ngâm hay như bài thơ "Đất Vị Hoàng" này. Tú Xương mãi mãi là nhà thơ trào phúng bậc thầy trên thi đàn dân tộc.

**CHUYÊN ĐỀ 5: THƠ TỰ DO**

|  |
| --- |
| **Đề 1: “*Cái tư tưởng nghệ thuật là một tư tưởng náu mình, yên lặng. Và cái yên lặng của một câu thơ lắng sâu xuống một tư tưởng.”* (Nguyễn Đình Thi).**  **Anh chị hiểu vấn đề như thế nào? Qua việc cảm nhận vẻ đẹp của câu thơ “Đầu súng trăng treo” trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?** |

**Yêu cầu về kĩ năng**

- Kết cấu chặt chẽ, rõ ràng, kết hợp các thao tác nghị luận một cách linh hoạt; hệ thống lập luận chắc chắn, có sức thuyết phục; diễn đạt lưu loát, có cảm xúc, phù hợp với nội dung và hình thức của một bài nghị luận văn học, **thể hiện rõ năng lực cảm thụ văn chương.**

**Yêu cầu về kiến thức**

Bài viết có thể trình bày với những bố cục khác nhau, nhưng phải hiểu nhận định, có kiến thức lí luận, nắm vững phương pháp chứng minh và phân tích dẫn chứng để làm nổi bật nội dung chính:

**1. Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến, đề cập tác phẩm sẽ chứng minh.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích:**

- Thế nào là tư tưởng? Là trí tuệ, cách nhìn, cách suy nghĩ, lối tư duy..... được hình thành trong mỗi cá nhân, mỗi thời đại hoặc xã hội.

+ Tư tưởng náu mình và im lặng: Tác phẩm văn học không chỉ mô tả y nguyên cuộc sống và con người thực mà đằng sau những bức tranh chân thực của cuộc sống là những thông điệp đầy tính nhân, văn tác giả gửi tới người đọc. Thông điệp này truyền đến người đọc qua sự cảm nhận, tiếp nhận văn học... Face book Nhung Tây 0794862058

+ Cái yên lặng của một câu thơ lắng xuống tư tưởng: Đó chính là con mắt thơ, cái điểm nhấn quan trọng của tác giả, qua đó để thể hiện một cách nhìn, quan điểm, một tư duy và có thể là một cách đánh giá về cái đẹp, về cuộc sống.

=> Tư tưởng trong nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống, thể hiện thông qua con đường ngôn ngữ. Đó là sự động lại, sự gửi gắm, ký thác hay là chiều sâu của tâm hồn, kinh nghiệm, cách nhìn về cuộc đời và con người của tác giả gửi vào trong tác phẩm.

**\*. Cảm nhận vẻ đẹp của câu thơ “Đầu súng trăng treo”.**

Thí sinh làm cụ thể các nội dung cơ bản sau:

**- Đầu súng:** Là hình ảnh miêu tả rất thực hiện thực của cuộc chiến đấu, của cuộc đời người lính gian khổ hiểm nguy, nó là cái tượng trưng cho chết chóc, chiến tranh.

**- Trăng**: Là hình ảnh ẩn chứa chất lãng mạn, gợi cho con người sự dịu êm, mát mẻ, nó tượng trưng cho sự hoà bình.

+ Súng luôn luôn sát cánh với người lính, ở gần với người lính.

+ Trăng thì ở rất xa.

=> Chất hiện thực và lãng mạn hoà quyện sống đôi.

**3. Ngoài ý nghĩa thể hiện sự lãng mạn, lạc quan của người lính trong gian nan, lửa đạn thì câu thơ còn lắng xuống một thông điệp sâu xa và hết sức ý nghĩa:** *“Đầu súng trăng treo”:*

+ Khát vọng hoà bình, chiến đấu cho hoà bình, vì hoà bình; mơ ước sự hoà bình luôn đến sát gần bên mình.

+ Khát vọng về cuộc sống bình yên trong lành dịu mát giữa thiên nhiên thơ mộng.

+ Sống hoà mình, yêu và bảo vệ thiên nhiên, xem thiên nhiên như người bạn tâm giao người bạn tri kỹ sẽ chia nhưng vui buồn gian khổ.

+ Câu thơ cũng là nhan đề của tập thơ: Đó là thông điệp: khát vọng về hoà bình, chiến đấu cho hoà bình và chủ quyền Tổ quốc.

**c. Đánh giá, mở rộng**

- Ý kiến của nhà văn Nguyễn Đình Thi quả thật đã khẳng định được tài năng tấm lòng của người nghệ sĩ. Quá trình sáng tác người nghệ sĩ không những phải có vốn sống thực tế mà còn phải có cách nhìn, quan điểm, có tài năng, có trí tuệ, có tấm lòng mới có thể cho đời những áng văn thơ có giá trị, có sức gợi sức lay động sức lan toả mạnh mẽ được.

- Muốn cho tác phẩm có số phận bền vững, đọc giả chính là người bạn cũng là khách hàng cao cấp khó tính nhất phải cùng cảm nhận, cùng khám phá, cùng cảm cùng hiểu, cùng nhận ra được những thông điệp mà người nghệ sỹ đã dày công vun đắp gửi gắm vào trong những tác phẩm đó của mình.

**3. Kết bài**

- Khái quát, khảng định lại ý kiến.

- Suy nghĩ, liên hệ, bài học.

|  |
| --- |
| **Đề 2: Bàn về thơ, Đuy-blây có viết: *“Thơ là người thư ký trung thành của những trái tim”.* Từ cảm nhận về bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu (Ngữ văn 8, tập hai sách KNTT), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.** |

**Yêu cầu về kĩ năng, hình thức:**

- Học sinh phải nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác giải thích, phân tích, bình luận và chứng minh làm sáng tỏ yêu cầu của đề bài qua các tác phẩm cụ thể.

- Bố cục rõ ràng, chặt chẽ, khoa học, hợp lí. Diễn đạt trôi chảy, lưu loát, văn viết giàu hình ảnh và cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Cảm nhận đúng và đủ nội dung, thể hiện kĩ năng diễn đạt tốt, lời văn có cảm xúc.

**Yêu cầu về kiến thức:**

- Học sinh phải biết vận dụng kiến thức lí luận văn học và kiến thức cụ thể về tác phẩm để giải thích, bình luận và chứng minh làm sáng tỏ yêu cầu đặt ra trong đề bài.

- Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến, trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng, phải bám sát và làm rõ ý kiến được nêu ra ở đề bài, nêu được các ý cơ bản sau:

**1. Mở bài:**

- Dấn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn nhận định, dự kiến tác phẩm chứng minh.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến**

- Ý kiến của Đuy-blây khẳng định khả năng tái hiện tình cảm của thơ ca : thơ là sự thể hiện, giãi bày, bộc lộ một cách trung thành, chân thật những cung bậc tình cảm của người làm thơ cho chính mình, cho mọi người.

- Qua *người thư kí trung thành* - thơ ca- người đọc hiểu được những xúc cảm của nhà thơ, lắng nghe được những nhịp đập trái tim của thi sĩ, từ đó mà cũng làm đẹp thêm, giàu thêm cho đời sống tình cảm của chính mình.

**b. Chứng minh**

**- Giới thiệu khái quát về bài thơ**

+ Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chốngPháp. Thơ ông hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh.

+ Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm lòng của người đồng đội đó, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp - tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**\* Bài thơ *Đồng chí*đã ghi lại một cách trung thành tiếng nói của trái tim nhà thơ khi thấu hiểu những khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của người lính trong giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp**

- Xuất thân từ những vùng đất nghèo khó, vất vã:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

 + Bằng cấu trúc song hành, đối xứng; thành ngữ: “quê anh” – làng tôi; : “nước mặn đồng chua” – “ đất cày lên sỏi đá”: Họ xuất thân từ “ nước mặn đồng chua” – vùng đồng bằng ven biển, là xứ sở của “đất cày lên sỏi đá” – vùng đồi núi trung du.

    + “Quê anh” và “làng tôi” đều là những vùng đất nghèo khó, cằn cỗi, xác xơ.

- Cùng đồng cam cộng khổ với nhau, chia nhau những khó khăn thiếu thốn trên chiến trường.

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”.*

   + Hình ảnh tả thực, hình ảnh sóng đôi: Họ san sẻ cùng nhau, cùng nhau trải qua những “cơn ớn lạnh”, những khi “sốt run người vầng trán ướt mồ hôi” - họ thương nhau khi phải trải qua những cơn sốt rét rừng hành hạ.

  + Họ chia sẻ cho nhau, cùng nhau trải qua những thiếu thốn về vật chất trong cuộc sống hằng ngày: “Áo anh rách vai...không giày”: Sự thiếu thốn về vật chất không làm tình cảm của họ phai nhạt đi, ngược lại làm cho họ quyết tâm hơn với lí tưởng, mục tiêu.

   + Hình ảnh “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”: là hình ảnh đẹp biểu hiện của tình đồng chí trực tiếp nhất, họ nắm tay nhau - cái nắm tay để sẻ chia, truyền hơi ấm, để hi vọng, để quyết tâm => Cử chỉ cảm động chan chứa tình cảm chân thành của người lính.

**\* Bài thơ *Đồng chí*đã ghi lại một cách trung thành tiếng nói của trái tim nhà thơ khi ngợi ca vẻ đẹp của những người lính mộc mạc, giản dị mà giàu lòng yêu nước, có lí tưởng cao đẹp, dũng cảm, tâm hồn lãng mạn, giàu chất thơ…**

- Vẻ đẹp mộc mạc giản dị của người lính ở tình cảm chân thành bộc trực, sự quan tâm yêu thương nhau rất tình và cũng rất chất phác đúng chất người lính nông dân. ( Dẫn chứng)

- Vẻ đẹp mộc mạc, giản dị của người lính còn thể hiện ở cách họ chia sẽ thấu hiểu đồng cảm với nhau trên chiến trường. ( Dẫn chứng)

- Vẻ đẹp của người lính còn là tấm lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng cao cả, lòng dũng cảm. (Dẫn chứng)

- Ngay cả khi thực hiện nhiệm vụ gian khổ của người lính:

  + Hoàn cảnh: đêm, rừng hoang, sương muối ⇒ hoàn cảnh khắc nghiệt.

  + Nhiệm vụ của những người lính chiến: đứng gác, phục kích sẵn sàng “chờ giặc tới”.

  ⇒ Hình ảnh của họ đứng cạnh bên nhau vững chãi làm mờ đi sự gian khổ, ác liệt của chiến tranh, chính tình đồng chí giúp họ thăng hoa, lãng mạn và bình thản trong mọi hoàn cảnh.

- Câu cuối “Đầu súng trăng treo”: hình ảnh kết thúc đầy bất ngờ, độc đáo, điểm sáng của toàn bài, gợi liên tưởng thú vị vừa thực, vừa mang tính biểu tượng cao:

+ Thực: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng.

  + Biểu tượng: “Súng”: biểu tượng cho người chiến sĩ, chiến tranh, mất mát đau thương chết chóc… “Trăng”: biểu tượng cho thi sĩ, hoà bình, bình yên hạnh phúc trong lành…

+ Súng và trăng, cứng rắn và dịu hiền. Súng và trăng, chiến sĩ và thi sĩ. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ: trăng treo trên đầu súng.

⇒ Sự kết hợp 2 yếu tố hiện thực và lãng mạn, hòa hợp giữa trăng và súng làm toát lên vẻ đẹp tâm hồn người lính, vừa nói lên ý nghĩa của việc họ cầm súng chiến đấu là bảo vệ cho cuộc sống thanh bình nơi quê hương.

**\* Bài thơ là tiếng nói xuất phát từ trái tim, từ tấm lòng chân thật của nhà thơ đề cao, ca ngợi tình đồng chí sắt son, tha thiết, thiêng liêng, sâu nặng của những anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp.**

(dẫn chứng)

- Dù trong gian khổ thiếu thốn khắc nghiệt của chiến tranh người lính vẫn sống gắn bó yêu thương chia sẽ lẫn nhau.

( dẫn chứng)

**\* Thông qua bài thơ, người đọc cảm nhận được sâu sắc khát vọng hoà bình, ý chí quyết tâm chiến đấu để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Đó là tiếng nói, là khát vọng của một nhà thơ-người lính, tiếng nói của người trong cuộc vô cùng chân thành và giàu sức âm vang**. (dẫn chứng). Face book Nhung Tây 0794862058

**c. Đánh giá, mở rộng**

- Qua hệ thống hình ảnh giàu sức gợi, những câu thơ sóng đôi nhịp nhàng cân xứng, ngôn ngữ chọn lọc tinh tế, hàm nén, giọng điệu xúc động, thiết tha… bài thơ *Đồng chí* đã ghi lại một cách trung thành tiếng nói của trái tim nhà thơ với bao tình cảm chân thành, thiết tha, sâu nặng.

- Thông qua bài thơ, người đọc cũng đập cùng những nhịp đập thổn thức của trái tim nhà thơ, tìm thấy tiếng nói đồng điệu, đồng tình, đồng cảm mà làm giàu thêm cho đời sống tình cảm của chính mình: biết trân trọng những sự hi sinh của bao thế hệ cha anh đi trước, để biết sống xứng đáng hơn, có ích hơn.

-  Thơ khởi phát từ lòng người. Một bài thơ xuất phát từ trái tim tha thiết yêu thương con người, yêu cuộc đời, ẩn chứa những tình cảm nhân văn cao đẹp sẽ có sức lan toả từ thế hệ này sang thế hệ khác, có khả năng vượt qua cả không gian lẫn thời gian để kết nối trái tim của mọi người, ở mọi thời…

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại nhận định và sự thành công của tác phẩm.

- Bài học, liên hệ bản thân.

|  |
| --- |
| **Đề 3: Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng:**  *Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.*  *(Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36)*  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.** |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**- Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:** Trình bày đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

**- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** Những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật của Chính Hữu thể hiện trong bài Đồng chí.

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Dẫn dắt vào nhận định

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến, nhận định:**

**- Giải thích:**

=> Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mĩ.

**- Lí giải: Tại sao *thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống?***

+ T*hực tại, đời sống* là xuất phát điểm ……

+ Thơ ca chỉ có ý nghĩa thẩm mĩ, chỉ chinh phục trái tim người đọc khi thể hiện những vấn đề, những cảm xúc mà con người hằng quan tâm, trăn trở. Nếu thơ ca không bắt nguồn từ hiện thực, xa rời cuộc đời, thoát li thực tại, thơ ca sẽ không thể đến với người đọc, không thể tồn tại trong cuộc đời, khi ấy thơ ca đã tự đánh mất chức năng cao quý *nghệ thuật vị nhân sinh* của mình.

***Tại sao thơ phải phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay?***

+ Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Người nghệ sĩ nhào nặn chất liệu hiện thực bằng đôi tay và cảm quan thẩm mĩ của riêng mình. Do đó, “Thế giới không phải được tạo lập một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ lớn xuất hiện là một lần thế giới được tạo lập”.

+ Vẻ đẹp của thơ ca trước hết thể hiện ở …...

+ Vẻ đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “càng cá thể, càng độc đáo, càng hay”. Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. ……

Nội dung của ý kiến đã được thể hiện trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

**b. Phân tích, chứng minh:**

**Luận điểm 1: Bài thơ Đồng chí “xuất phát từ thực tại”:**

- Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác vào đầu năm 1948 - sau chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947 ). Trong chiến dịch này, Chính Hữu là chính trị viên đại đội, ông ……

- Đặt bài thơ “Đồng chí” vào tình hình sáng tác thơ ca ……. cảm hứng thơ hướng về chất thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình dị, bình thường, không nhấn mạnh cái phi thường.

**Luận điểm 2: Bài thơ “Đồng chí” không chỉ giản đơn là sự sao chép cuộc sống hay tình cảm con người, mà đi qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu nó đã trở tiếng lòng, tâm hồn, là những cảm nhận sâu sắc của ông về cuộc đời người lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.**

**\* Cảm nhận sâu sắc về cơ sở của tình đồng chí**

- Sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân: Xuất thân từ những vùng quê nghèo khó, cuộc sống còn nhiều vất vả gian lao: Tình đồng chí của “tôi” và “anh” bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân. Nếu như “anh” đến từ nơi “nước mặn đồng chua” thì “tôi” xuất thân từ vùng quê “nghèo đất cày lên sỏi đá”.

Hai con người đến từ những vùng quê nghèo khó của Tổ quốc “chẳng hẹn quen nhau”. Họ gặp nhau vì cùng chung lí tưởng cách mạng, vì tình yêu với Tổ quốc lớn lao.

- Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:

+ Điệp từ “súng”- “đầu” hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ và mục đích, lí tưởng chiến đấu của người lính.

=> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại. Đồng thời làm đặc sắc thêm những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ Đồng chí.

- Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn: Mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm:

“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

Từ quen nhau đến thành tri kỉ, từ “chẳng hẹn” đến “súng bên súng, đầu sát bên đầu” rồi đến “đêm rét chung chăn”, những người lính chia sẻ với nhau những gian khó của cuộc chiến để trở thành tri kỉ trong nhau. Đây là điểm sáng mang lại nhiều giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ Đồng chí.

**\* Cảm nhận sâu sắc về những biểu hiện của tình đồng chí.**

- **Sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:**

+ Các anh là những người lính gác tình riêng, ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao băn khoăn, trăn trở.

+ Hai chữ ”mặc kệ” => Thái độ dứt khoát của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, mục đích đã chọn lựa:

“Anh trai làng quyết đi giết giặc lập công”.

+ Hình ảnh ”gian nhà không” vừa gợi cái nghèo, cái xơ xác của những miền quê lam lũ, vừa gợi sự trống trải trong lòng người ở lại.

+ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” là cách nói tế nhị, giàu sức gợi. Quê hương nhớ người đi lính hay chính những người ra đi luôn nhớ về quê hương. Thủ pháp nhân hóa và hai hình ảnh hoán dụ đã biểu đạt sâu sắc tâm trạng, nỗi niềm của những người lính nơi chiến tuyến. Nhớ về quê hương cũng chính là cách tự vượt lên mình, vượt lên tình riêng vì sự nghiệp chung của đất nước. Tóm tắt những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ Đồng chí không thể bỏ qua những hình ảnh đắt giá này.

**- Chia sẻ cùng nhau những gian lao, thiếu thốn của cuộc chiến:**

+ Tôi với anh cùng chịu đựng những cơn sốt rét rừng, cùng trải qua những ốm đau bệnh tật. Anh với tôi cùng chia nhau sự thiếu thốn trong cuộc đời quân ngũ:

+ Những chi tiết tả thực, hình ảnh sóng đôi đã góp phần tái hiện chân thực những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính trong buổi đầu kháng chiến. Các anh đã cùng nhau gánh vác, cùng nhau chịu đựng… Chính tình đồng đội đã giúp họ vượt lên cái “buốt giá” của mùa đông chiến đấu để rồi tỏa sáng nụ cười và càng thương nhau hơn.

+ Hình ảnh “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” có sức gợi nhiều hơn tả với nhịp thơ chảy dài. Đây là cách thể hiện tình cảm chân thành, mộc mạc của người lính. “Tay nắm lấy bàn tay” để truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng đội, niềm tin chiến thắng, truyền cho nhau sức mạnh của tình đồng chí. Cái nắm tay ấy còn là lời hứa hẹn lập công.

+ Từ những tình cảm chân thành, mộc mạc, gắn bó và những gian khó, thiếu thốn nơi chiến trường hiểm ác, tác giả đã kết thúc bài thơ bằng một câu thơ mang đậm chất lãng mạn, nghệ thuật:

**\* Qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu, tình đồng chí, đồng đội trở thành bức tượng đài bằng thơ bất hủ.**

- Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”. Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng của những giây phút “chờ giặc tới”. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả….

- Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: “Đầu súng trăng treo”. …………

**Luận điểm 3: Dấu ấn rõ nét, độc đáo, sáng tạo vẻ đẹp hình thức nghệ thuật bài thơ.**

-Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt.

- Bút pháp hiện thực - bi tráng nhưng không kém phần lãng mạn. Cùng viết về đề tài kháng chiến - người lính nhưng Chính Hữu không khai thác theo bút pháp lãng mạng anh hùng, hào hoa, bi tráng mà ngòi bút của ông nghiêng về hiện thực. Vẻ đẹp của người lính được khắc họa từ chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh: giản dị, chân thực, không tô vẽ, nhấn mạnh, lí tưởng hóa cái phi thường mà ngược lại cái phi thường, cao cả của người lính lại được toát lên từ đời sống thực đó.

- Hình ảnh thơ cô đọng, mộc mạc, giản dị, chân thực song rất lãng mạn ……

- Ngôn ngữ thơ hàm súc, súc tích, có khi dồn nén, giàu sức biểu cảm.

- Sử dụng nhiều từ ngữ đắt giá…

**=>**Những sáng tạo độc đáo của bài thơ tạo nên nét riêng cho phong cách thơ Chính Hữu

**c. Đánh giá, tổng hợp:**

- Ý kiến của Xuân Diệu đã thể hiện … Chính Hữu và Tố Hữu đã làm được điều đó.

- Đối với người sáng tạo: cần có cái nhìn sâu rộng về cuộc đời. Tác phẩm văn học chỉ thực sự

- Đối với người tiếp nhận: sự trân trọng tấm lòng, tài năng của người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm, phát huy giá trị tốt đẹp mà tác phẩm để lại; thêm gắn bó cuộc sống, cuộc đời qua những trang văn học.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Khẳng định sức sống bền bỉ của tác phẩm

|  |
| --- |
| **Đề 4:  *"Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn".***  **Em hiểu ý kiến trên như tế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ "Đồng chí" của nhà thơ Chính Hữu.** |

**BÀI LÀM**

Hạt cát ngoài biển khơi xa xôi vẫn còn tỏa sáng bởi sự khác biệt. Ánh mặt trời vẫn còn lung linh dưới mặt nước toả bóng. Văn học vẫn còn rực rỡ sắc màu cho đến khi con người còn ý thức được hành động của mình. Có phải thế, mà có nhận định cho rằng :" Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn ". Đến với tác phẩm của Chính Hữu, bài thơ " Đồng chí", ta sẽ bắt gặp hình ảnh những người lính có chung chí hướng và những vần thơ bình dị nhưng kiệt tác, sẽ đẩy ta tới bến bờ bên kia của ánh sáng bởi tình đồng chí thân thương!

Văn chương là một thế giới huyền bí mà kỳ ảo và thơ ca cũng không ngoại lệ. Thơ ca là sự tiếp nối của tình cảm, cảm xúc, những tâm tư và rung động mà người nghệ sĩ đã kìm nén trong lòng và nó được bật ra thành tiếng. Thơ hay là thơ có chức năng giáo dục , thẩm mỹ và đánh sâu vào tiềm thức của con người. Văn chương nói chung và thơ ca nói riêng đều có chức năng nâng đỡ, thúc dục . Nói như Lê Đạt : " Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió" bởi lẽ thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh hiện thực thể hiện những tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhịp điệu. Một bến đò gió nổi, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn, có nghĩa là tác phẩm văn học đó sẽ mang đến cho con người những cảm xúc, tình cảm tốt đẹp, giúp con người biết khao khát, biết ước mơ, biết đấu tranh để bảo vệ và vươn tới một cuộc sống tươi đẹp hơn, giàu tình yêu thương hơn. Không một ai có thể làm bừng sáng cả một bầu trời nhưng thơ ca thì có thể đánh thức một giấc mơ thiên tài vẫn còn ngủ ở bên trong ta. Như vậy, quan niệm của nhà thơ Lê Đạt đã khẳng định giá trị, thiên chức của thơ nói riêng, văn học nói chung. Với chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ, đối thoại… thơ ca sẽ bồi đắp cho người đọc những tình cảm tốt đẹp, hướng con người đến thế giới tốt đẹp.

Thơ là sự thổ lộ những tình cảm mãnh liệt, những ước mơ và khao khát mà nhà thơ muốn nói ra. Thơ hay không phải nghiễm nhiên và tự dưng mà nó được tạo ra , nó phải trải qua một quá trình" điên rồ " và sự đấu tranh với tiềm thức để người nghệ sĩ quyết định đưa tác phẩm của mình tới bạn đọc. Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, cả cảm xúc lẫn sự vẹn toàn. Nếu như thơ được sinh ra mà nó không có chức năng giáo dục và thẩm mỹ thì nó đã chết mãi. Thơ là cái chân - thiện - mĩ , nó phải được tạo ra để nâng giấc và nuôi dưỡng những ước mơ trong tim độc giả. Thơ sẽ chết nếu như nó không là sự rung động , không xuất phát từ trái tim của thi sĩ, không bắt nguồn từ cuộc sống và kết thúc từ cuộc sống. Thơ đưa đến cho bạn đọc một cảm giác thúc giục, một cảm hứng đến lạ kỳ. Mục tiêu của thơ là hướng đến cái đẹp, hướng về cuộc sống, hướng về cái thiện. Thơ xuất phát từ con người , vì con người , phục vụ con người và cũng kết thúc từ con người. Mục tiêu và chức năng mà thơ hướng đến là con người là cuộc đời, nó muốn hướng đến những điều tốt đẹp, hướng đến những giá trị cống hiến cho đời. Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng… Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái, nhỏ nhen mà độc hại. Một bài thơ hay trước tiên nó phải hay từ câu từ và vần điệu , nó phải hay từ cốt tuỷ ra từng trang viết. Thơ sẽ không thể sống nếu như nó không thúc đẩy và làm ta rung động . Nói như nhà thơ Tố Hữu:" Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình." Thơ là kết quả của sự nhập tâm với đời sống. Như vậy, nhà thơ phải biết hướng đến con người, hướng đến cuộc đời, hướng đến cái thiện và anh ta phải có tấm lòng với cuộc đời, biết mở lòng với cuộc sống để đón nhận những tình cảm, những rung động từ hiện thực cuộc sống. Nhà thơ phải biết sống đẹp, biết hướng đến cái thiện, biết truyền tải thông điệp tới bạn đọc và có một trái tim mãnh liệt, phong phú, biết đồng cảm và sẻ chia. Tình cảm và cảm xúc trong thơ cần phải biết truyền tải bởi một thông điệp như một lẽ sống của đời . Nói như Chế Lan Viên : " nhà thơ phải biết nhặt chữ của đời mà góp nên trang ".

Thơ hay là thơ có chức năng điều khiển ý thức của con người, đưa con người tới bến bờ của hạnh phúc. Thơ như một con đò đưa độc giả tới vùng đất của những cánh hoa thơm. Chức năng của thơ cũng như chức năng của văn học là làm cho con người cảm nhận được mọi thứ từ những vần thơ giản đơn. Nhận định trên muốn hướng tới chức năng của thơ, nó phải tạo ra ảo ảnh, tư tưởng và cảm giác hướng thiện cho con người. Thơ ở trên đời thì nhiều vô kể nhưng thơ có thể làm bạn đọc rung động thì lại khá khiêm nhường . Chức năng của thơ là sứ mệnh của thi sĩ để đưa bạn đọc tới một vùng đất mới, tới một bến đò mới. Nhưng thơ không chỉ là những vần điệu , những con chữ khô cằn trên trang giấy mà nó là những hình ảnh, những câu chữ có sức mạnh thúc đẩy và điều khiển hành động của độc giả hướng tới những hành động đẹp, tới một vùng trời sáng loá của ánh mặt trời. Thơ hay là nàng công chúa xinh đẹp của văn học . Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.

Bài thơ " Đồng chí " của nhà thơ chính Hữu bắt nguồn như một con đò nhỏ để đưa bạn đọc qua sông . Bài thơ ra đời vào năm 1948, những năm đầu của thời kỳ kháng chiến chống Pháp với những thiếu thốn, gian khổ trong quân đội. Bài thơ được sáng tác khi ông đang nằm trên giường bệnh sau khi cùng đồng đội chiến thắng trong chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947. Phải chăng những câu thơ ra đời khi mà Chính Hữu nhớ về đồng đội của mình, nhớ về những năm kháng chiến gian khổ nên những vần thơ được bật ra vô cùng xúc động. Với giọng thơ giản dị, mộc mạc mà hàm súc, nhà thơ đã đi vào tâm trí của độc giả một cách dễ dàng và chinh phục được rất nhiều trái tim.

Bài thơ" Đồng chí" được cho là tiêu biểu của hồn thơ Chính Hữu và cũng là tiêu biểu của thơ ca cách mạng Việt Nam thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã làm sang trọng một hồn thơ chiến sĩ của Chính Hữu. Và được in trong tập " Đầu súng trăng treo". Hoàn cảnh sáng tác bài thơ đã giúp ta hiểu sâu sắc hơn về cuộc sống chiến đấu gian khổ của những người lính, đặc biệt là tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng cao cả.

Tình đồng chí đã hình thành nên cơ sở để làm độc giả muốn sang sông, muốn hướng tới chân trời của bình yên:

*" Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá "*

Với xuất thân bình dị mà nghèo khó, những người lính đã được ghi vào trang viết của Chính Hữu một cách chân thật. Và đó cũng là lý do cho sự thành công của tác phẩm. Khi đọc câu thơ lên, ta đã thấy rõ được sự giản dị của những người nông dân cầm súng mặc áo lính đi chiến đấu với xuất thân nghèo khó.

*" Súng bên súng đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ "*

Bến đò gió thổi đã đưa con người ta tới bến bờ của tình đồng chí , đồng đội với sự sẻ chia, giúp đỡ nhau trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh.

Hai tiếng" đồng chí " thân thương đã tạo cho bạn đọc cảm giác yêu thương, trìu mến và xúc cảm dâng trào. Kết thúc khổ thơ bởi hai tiếng “ đồng chí” đã tạo ra điểm nhấn cho bài thơ, nó là sự dung hòa giữa cuộc sống và thơ ca, là sự đan xen giữa hiện thực với trang viết. Chính tình đồng chí, đồng đội thân thiết đã tạo ra sự thành công, đã tạo cho bạn đọc một cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn.

Biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính đã đưa độc giả tới những vùng đất, chân trời cũng hoa thơm và tìm lại được một khoảng trời của tình đồng đội :

*" Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính "*

Giếng nước gốc đa là hình ảnh hoán dụ cho người lính nhớ về quê hương của mình. Tác giả đã mượn hình ảnh giếng nước quen thuộc của làng để nói lên nỗi nhớ của mình. Nỗi nhớ hai chiều dằng dặc. Bên cạnh nỗi nhớ về làng, về quê hương , tiếp theo đó lại là sự sẻ chia và tình cảm của những người lính dành cho nhau:

*" Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá "*

Giữa sự khắc nghiệt của chiến tranh, "anh" và "tôi " đều nghèo khổ như nhau nhưng ý chí và tình cảm của chúng ta thì không nghèo. Đối diện với những cơn sốt rét rừng hoang, "anh" và "tôi " luôn chia sẻ, nói ra những nỗi lòng thầm kín của nhau, cùng nhau nắm tay chung hơi ấm để vượt qua cái giá lạnh. Tình cảm của anh và tôi sẽ không có gì có thể làm gián đoạn, làm phai mờ . Những người nông dân mặc áo lính như chúng ta, điều mang trong mình một vẻ đẹp của sự dũng cảm, "anh "và" tôi" cũng vậy.

Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí đã thúc đẩy con người tới những vùng đất mới.

*" Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"*

Đối diện với sự khắc nghiệt của hoàn cảnh, "anh "và "tôi "của hiện tại đang dũng cảm, mang trong mình một gánh nặng, một sứ mệnh cần được hoàn thành. Sự sống và nền hòa bình của dân tộc đều nằm trong tay chúng ta, chúng ta chỉ có thể cầm tay nhau để vượt qua và dũng cảm đối diện với thực tại, đem lại nền hoà bình - độc lập cho dân tộc. Kết thúc bài thơ là hình ảnh " Đầu súng trăng treo ", như một nhãn tự của bài thơ, đã khép lại và kết thúc nội dung của toàn bài. Đó là hình ảnh của chiến tranh khốc liệt, đó là sự dũng cảm của những người nông dân mặc áo lính , đó là vẻ đẹp chân thật của người lính trong quân đội. Nói đến chiến tranh chắc chắn là nói đến sự tan thương và đau khổ nhưng những người lính không hề rơi nước mắt, họ luôn mỉm cười và có một niềm tin vào ngày mai hòa bình.

Thơ đưa con người tới một bến đò gió thổi đã được truyền tải bằng hình thức nghệ thuật độc đáo. Chính Hữu đã sáng tạo hình ảnh khốc liệt của chiến tranh bằng một thể thơ tự do, một giọng điệu gần gũi, mộc mạc mà hàm súc. Những thành ngữ , những đại từ xưng danh "anh " và " tôi " đã làm cho bài thơ thêm gần gũi với bạn đọc. Chính Hữu đã khắc họa hình ảnh khốc liệt của chiến tranh qua những vần thơ bình dị của mình .

Hình tượng người lính có lẽ là hình ảnh vô cùng quen thuộc và thành công trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Tuy người lính xuất hiện rất nhiều trong thơ ca cách mạng nhưng những vần thơ của Chính Hữu không hề lẫn với các tác phẩm khác , bởi lẽ nó là sự riêng biệt của những người nông dân bình thường cầm súng để chiến đấu. Bài thơ " đồng chí " của nhà thơ chính Hữu đã hoàn toàn thành công và chinh phục được trái tim của bạn đọc bởi sự gần gũi và giản dị. Đồng thời cũng là sự sáng tạo ở hình thức nghệ thuật độc đáo và giản đơn.

Nhận định trên của Lê Đạt hoàn toàn đúng, đọc một câu thơ hay, ta sẽ có cảm giác như mình đang bay trên những tầng mây, được hòa mình vào một vườn hoa thơm, được thúc giục hướng tới những cái đẹp, những chân trời của ánh sáng. Thơ ca từ đối tượng , đề tài đến hình thức đều xuất phát từ tình cảm, xuất phát từ con người và kết thúc từ cuộc đời, nó lấy tình cảm con người là trung tâm và cũng vì con người mà ra. Sự tiếp nhận ở người đọc thơ cần sự tri ân, đồng cảm với tác phẩm, về nhà thơ để có thể chia sẻ những tình cảm đồng điệu. Khi ấy thơ sẽ có sức lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

Thơ sẽ mãi mãi là những câu chữ khô cằn trên trang giấy nếu nó không vì con người,vì cuộc đời mà ra. Những vần thơ trong "Sang thu "của Hữu Thỉnh đã đến với bạn đọc bởi sự bình dị của mùi hương ổi chín mùa thu , bởi sự rung chuyển của đất trời. Hay những vần thơ cuối cùng của cuộc đời Thanh Hải trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ ", ông có tâm nguyện muốn góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc với những mầm non tương lai của đất nước. Đến với hình ảnh người lính trên con đường Chiến lược Trường Sơn trong tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật, ta đã thấy được sự khốc liệt và trần trụi của chiến tranh. Tuy cùng viết về thời kỳ chiến tranh nhưng những vần thơ của Chính Hữu và Phạm Tiến Duật cũng có nhiều điểm khác biệt, tiêu biểu là về hình thức nghệ thuật, về nội dung. Nếu như" Đồng chí" nói về những người lính tay lấm chân bùn cầm súng để bảo vệ nền hòa bình thì " Bài thơ về tiểu đội xe không kính " lại nói về sự trần trụi của mưa bom bão đạn. Thơ ca đã làm cho con người gần người hơn, đã kết nối cảm xúc và tiếp tục bước tiếp trong tâm trí của bạn đọc. Những vần thơ của Chính Hữu đã làm rung động bạn đọc bởi sự thúc đẩy, bởi tình đồng chí thắm thiết. Thơ sẽ tiếp tục sống trong tâm hồn bạn đọc, tiếp tục làm trái tim bạn đọc rung động như những vần thơ chiến sĩ trong bài thơ " Tây Tiến " của nhà thơ Quang Dũng. Thơ sẽ mãi mãi là tiếng gọi của trái tim, là tình cảm con người với những vần thơ trong thi phẩm " Sóng " của nữ thi sĩ Xuân Quỳnh.

Thơ là cội nguồn gọi thức con chữ, là cầu nối tâm hồn đồng điệu của người nghệ sĩ với độc giả. Đến nay đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, thời gian có thể xóa nhoà đi biết bao điều tươi đẹp trên thế giới này, trái tim sinh học của Chính Hữu đã ngừng đập những bồi hồi thổn thức về tình “ Đồng chí”, về hoàn cảnh của những người lính vẫn còn sống mãi trong lòng bạn đọc. Cho dù thời gian đã trôi qua, mọi thứ có thể bị xóa nhoà và đi vào dĩ vẵng nhưng những vần thơ của Chính Hữu vẫn còn sống mãi với bạn đọc, bởi nó đã tạo ra cho ta cảm giác đứng trước một bến đò gió thổi , “một khao khát sang sông và một thúc đẩy lên đường hướng thiện, hướng đến những chân trời mới”.

|  |
| --- |
| **Đề 5: Nghĩ về thơ, thi sĩ Hoàng Cầm từng khẳng định: “*Âm điệu là cỗ xe chuyên chở điệu hồn thi phẩm”.***  **Hãy lắng nghe *âm điệu* ấy trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.** |

**Yêu cầu về kĩ năng:**

  - Biết kết hợp nhiều thao tác lập luận để viết một bài văn nghị luận văn học.

  - Bài viết có bố cục rõ ràng, trình bày chặt chẽ, dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng, giàu tính biểu cảm và sức thuyết phục.

  - Có kĩ năng cảm thụ về tác phẩm văn học.

**Yêu cầu về kiến thức:**

**1. Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến, đề cập tác phẩm sẽ chứng minh.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Âm điệu: là sự hòa điệu giữa cảm xúc thơ và tiết điệu ngôn ngữ, là dạng thức hết sức vi diệu của điệu hồn trong thơ. Đó là một yếu tố cần thiết và quan trọng trong thơ, được tạo nên bởi sự kết hợp của nhiều yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, thanh điệu, vần điệu, từ ngữ, hình ảnh…

- Điệu hồn: chiều sâu xúc cảm, tinh thần của bài thơ.

- Cỗ xe chuyên chở có nghĩa là phương tiện quan trọng đắc lực, không thể thiếu.

**=>**Hoàng Cầm đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của của âm điệu trong thơ: Đó là phương tiện đắc lực trong việc thể hiện cảm xúc và linh hồn của bài thơ. Hay nói khác đi là cảm xúc hóa thân trong âm điệu thơ.

\* Lí giải

- Đặc trưng của thơ là trữ tình, nghiêng về biểu hiện thế giới chủ quan của con người với trạng thái tình cảm, rung động (thơ là tiếng lòng, là rung cảm mãnh liệt của nhà thơ trước cuộc sống)

- Nội dung cảm xúc trong thơ được thể hiện qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, hàm súc, giàu nhạc tính, cụ thể các yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, vần điệu, thanh điệu, giọng điệu… Đọc thơ, cảm được âm điệu coi như đã nhập được vào hồn thơ, chạm vào được “cõi thơ” thực sự.

**\* Phân tích âm điệu trong Bài thơ về tiểu dội xe không kính của Phạm Tiến Duật.**

**\* Giới thiệu tác giả, bài thơ**

- Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Là nhà thơ Quân đội, trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước.Thơ ông tập trung thể hiện hình ảnh các người lính và cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn."Lửa đèn", "'Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây", "Gửi em - cô thanh niên xung phong", "Bài thơ về Tiểu đội xe không kính", v.v ... là những bài thơ nổi tiếng của nhà thơ chiến sĩ này, có bài đã được phổ nhạc vang lên như một bài ca chiến trận. Thơ ông trẻ trung, hào hùng, hồn nhiên vừa có giọng điệu rất sôi nổi của tuổi trẻ vừa có cả sự ngang tàn tinh nghịch nhưng lại vô cùng sâu sắc in đậm trong nhiều bài thơ qua các tác phẩm: "Vầng trăng - Quầng lửa", "Thơ một chặng đường", "Ở hai đầu núi", v.v ...

- "Bài thơ về Tiểu đội xe không kính" được Phạm Tiến Duật sáng tác vào năm 1969 trên con đường chiến lược Trường Sơn; in trong tập thơ "Vầng trăng - Quầng lửa". Bài thơ ca ngợi những chiến sĩ lái xe trong đoàn vận tải quân sự trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mĩ: dũng cảm, ngoan cường, lạc quan yêu đời ... trong mưa bom bão đạn; quyết chiến đấu hi sinh vì một lí tưởng cao cả là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

**\* Phân tích âm điệu trong bài thơ**

**\* Âm điệu chung của bài thơ là âm điệu sôi nổi trẻ trung nhịp nhàng bon bon như nhịp trông thôi thúc. Âm điệu đó được tạo nên bởi nhiều yếu tố như nhịp điệu, thanh điệu, hệ thống từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ…**

- Nhịp điệu: Ta bắt gặp ở bài thơ  một nhịp điệu vội vã gấp gáp, nhanh mạnh như tốc độ những chuyến xe ngày đêm ra trận, bài thơ được viết theo thể thơ 7 chữ và kết hợp 8 chữ, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động và linh hoạt trong nghệ thuật biểu hiện. Những yếu tố về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ đã góp phần trong việc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn một cách chân thực và sinh động, giọng điệu sôi nổi. Ngôn ngữ của bài thơ gần gũi với lời nói thường, mang tính khẩu ngữ, tự nhiên, sinh động và khỏe khoắn:

*“Không có kính không phải vì xe không có kính”*

*“Không có kính, ừ thì có bụi”*

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”*

- Giọng điệu: tự nhiên, trẻ trung, có vẻ tinh nghịch pha một chút ngang tàng, rất phù hợp với những đối tượng miêu tả:

*“Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”.*

- Thanh điệu:

+ Bài thơ sử dụng nhiều từ láy: ung dung, đột ngột, chông chênh…. kết hợp cấu trúc câu kiểu: “không có…”; “ừ thì…”, “chưa cần” được lặp đi lặp lại, các từ ngữ “phì phèo”,”cười ha ha”,”mau khô thôi”… làm nổi bật niềm vui, tiếng cười của người lính cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến đấu. Ở họ, những trở ngại của thiên nhiên và điều kiện chiến đấu không thể làm họ sờn lòng. Ngược lại, nó càng làm cho họ thêm hứng thú, quyết tâm vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Các yếu tố ấy góp phần tạo nên âm điệu đều đặn, bám đuổi; gợi ra âm hưởng dồn dập, nhanh gấp vội vã hào hùng, hào sảng, khí thế như thôi thúc trái tim các chàng lính trẻ, thôi thúc trái tim sực sôi yêu nước sục sôi căm thù giặc. Điệp ngữ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” tạo âm hưởng thanh thản, nhẹ nhàng, thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Câu thơ trong vắt như tâm hồn người chiến sĩ, như khát vọng, tình yêu họ gửi lại cho cuộc đời. Lời thơ nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm của người lính lái xe. Cuộc sống chiến đấu của người lính tràn đầy niềm vui ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, hiểm nguy.

**\* Âm điệu của bài thơ chính là cỗ xe chuyên chở điệu hồn thi phẩm**

- Âm điệu hào hùng, hào sảng, khí thế của bài thơ chính là biểu hiện của lòng người trong cuộc chiến cam go ác liệt; là sự cảm thông sâu sắc giữa hồn người với nhau; là sự đồng điệu giữa hồn thi nhân với hồn vạn vật.

- Tạo nên sự hấp dẫn cho bài thơ về mặt nghệ thuật, đặc biệt là âm vang của lời thơ.

- Dẫn dắt, hòa điệu tâm hồn người đọc vào thế giới cảm xúc lắng sâu cùng điệu hồn thi phẩm.

=> Đây là nét riêng, nét độc đáo của bài thơ góp phần làm nên phong cách thơ Phạm Tiến Duật, thể hiện khí thế của thời đại, tình yêu quê hương đất nước nồng nàn của nhà thơ.

**c. Đánh giá, mở rộng**

- Ý kiến của thi sĩ Hoàng Cầm giúp ta nhận thức sâu sắc vai trò của âm điệu trong thơ. Chỉ khi bài thơ là kết quả của sự rung động mãnh liệt và sự sáng tạo độc đáo trong cách tổ chức ngôn từ thì âm điệu thơ mới trở nên ngân vang. Như thế, âm điệu đã trở thành tín hiệu thẩm mĩ quan trọng của bài thơ.

- Ý kiến ấy không chỉ có ý nghĩa với người sáng tác mà còn là sự định hướng, gợi mở cho người tiếp nhận, đọc thơ, cần “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, cần nắm bắt âm điệu thơ để đến được điệu hồn thi phẩm.

- Từ phương diện âm điệu, có thể thấy được thực tài, thực tâm của người nghệ sĩ, đó cũng là một yêu cầu để thi phẩm có sức sống lâu bền trong lòng người đọc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại sự thành công của tác phẩm và tài nang nghệ thuật của nhà thơ.

- Liên hệ, rút ra bài học.

|  |
| --- |
| **Đề 6:Bàn về thơ có ý kiến: “*Bài thơ hay là bữa tiệc ngôn từ”.* Trong khi đó lại có ý kiến cho rằng: “*Gốc của thơ là tình cảm”.***  **Hãy bình luận và làm sáng tỏ những nhận định trên qua bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”** |

**Yêu cầu về kĩ năng**

- Biết cách làm bài nghị luận văn học; bố cục và cách trình bày hợp lí.

- Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt; dẫn chứng phù hợp.

- Diễn đạt suôn sẻ; mắc ít lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

**Yêu cầu về nội dung:**

(Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng cần hướng tới nội dung cơ bản sau):

**1. Mở bài.**

**-** Giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích**

- Thơ hay là bữa tiệc ngôn từ: ý nói cái hay của bài thơ trước hết là nhờ cái hay của ngôn từ (sống động, phong phú…), giống như sự hấp dẫn của những ”món ăn” ngon bằng ngôn từ.

- Gốc của thơ là tình cảm: nhấn mạnh tư tưởng tình cảm là then chốt quyết định giá trị của một bài thơ.

=>Hai ý kiến là hai cách định nghĩa về thơ có sự nối tiếp những quan niệm trước đó. Một bên khẳng định sức mạnh của thơ là ở ngôn từ, một bên khẳng định sức mạnh của thơ nằm ở tư tưởng, tình cảm chứ không phải ở ngôn từ.

**\* Lý giải, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề**

**- Nói thơ hay là bữa tiệc ngôn từ bởi vì:** một bài thơ ngôn ngữ trúc trắc, sáo rỗng, tầm thường thì không thể gọi là thơ hay. Ngược lại, bài thơ hay là khi nó bày ra trước độc giả một “bữa tiệc ngôn từ”, với những ngôn từ được nhà thơ công phu lựa chọn, tổ chức, biến nó từ lời bình thường trở thành nghệ thuật {vừa thể hiện tâm hồn thi nhân; vừa chính xác hàm súc; vừa có dấu ấn riêng của tác giả..}.

**- Gốc của thơ là tình cảm bởi vì:** thơ là chuyện của tâm hồn, của lòng người cho nên việc thể hiện tất cả mọi vui buồn trong cuộc đời là một nhu cầu bức thiết của thơ. Hơn nữa tình cảm ấy thường tiêu biểu, điển hình, khơi dậy trong trái tim người đọc những rung động sâu xa, những cảm xúc thẩm mĩ tuyệt vời.

=>Mỗi ý kiến đều xác đáng nhưng chưa toàn diện, chưa khái quát được đặc trưng thơ ca vì:

+ Nếu người nghệ sĩ chỉ chú ý rèn câu đúc chữ mà không chú ý đến nội dung tư tưởng của tác phẩm thì sáng tác thơ ca chỉ là những kỹ xảo vờn vẽ, là lối thơ chuộng hình thức. Thơ ca chỉ neo đậu vững chắc trong bạn đọc khi nó có nội dung tư tưởng sâu sắc, hình thức thể hiện độc đáo.

+ Gốc của thơ là tình cảm, sức sống của thơ là tư tưởng, nhưng các nhà thơ từ xưa đến nay nếu không muốn lặp lại người khác và lặp lại chính mình thì quá trình sáng tác đòi hỏi người nghệ sĩ phải tìm đến “bữa tiệc ngôn từ”.

=>Tóm lại một tác phẩm hay,có giá trị phải đầy đủ hai yếu tố:bữa tiệc ngôn từ và gốc của thơ ca là tình cảm. *Bài thơ* về *Tiểu đội xe không kính* của PTD hội tụ cả hai yếu tố đó.

**b. Phân tích, chứng minh.**

**Luận điểm 1. “*Bài thơ* về Tiểu đội xe không kính” là bữa tiệc ngôn từ.**

**- Nhan đề bài thơ khá dài,thu hút người đọc ở vẻ mới lạ, độc đáo.**

+ Bài thơ có cách đặt đầu đề hơi lạ. Bởi rõ ràng đây là một bài thơ, vậy mà tác giả lại ghi là “bài thơ” - cách ghi như thế có vẻ hơi thừa. Lẽ thứ hai là hình ảnh tiểu đội xe không kính. Xe không kính tức là xe hỏng, không hoàn hảo, là những chiếc xe không đẹp, vậy thì có gì là thơ. Vì đã nói đến thơ, tức là nói đến một cái gì đó đẹp đẽ, lãng mạn, bay bổng. Vậy, đây rõ ràng là một dụng ý nghệ thuật của Phạm Tiến Duật. Dường như, tác giả đã tìm thấy, phát hiện, khẳng định cái chất thơ, cái đẹp nằm ngay trong hiện thực đời sống bình thường nhất, thậm chí trần trụi, khốc liệt nhất, ngay cả trong sự tàn phá dữ dội, ác liệt của chiến tranh.

+ Tiếp đến là hình ảnh độc đáo, gây ấn tượng mạnh là những chiếc xe không kính. Từ bài thơ có vẻ như hơi thừa, nhưng thực ra từ đó lại nằm trong chủ định của tác giả và tạo nên sự liên kết giữa hai sự vật có vẻ xa lạ nhau: “bài thơ” và “xe không kính”. Xe không kính thì chẳng có gì làm nên thơ cả, vậy mà nó đã trở thành hình ảnh trung tâm của một bài thơ. Tác giả đã tìm ra chất thơ ở những điều tưởng chừng rất khô khan, trần trụi. Đó chính là chất thơ từ hiện thực gian khổ, ác liệt ở nơi chiến trường.

- Xây dựng hệ thống ngôn ngữ tự nhiên, giọng điệu sôi nổi, chất liệu thơ chân thực, gần gũi, mang đậm tính khẩu ngữ, tự nhiên gợi cảm.

+ Thành công đầu tiên của Phạm Tiến Duật trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính là đã xây dựng được một hệ thống ngôn ngữ tự nhiên, giọng điệu sôi nổi, chất liệu thơ chân thực, gần gũi, gợi cảm. Ngôn ngữ của bài thơ gần gũi với lời nói thường, mang tính khẩu ngữ, tự nhiên, sinh động và khỏe khoắn:

. *“Không có kính không phải vì xe không có kính”*

*. “Không có kính, ừ thì có bụi”*

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”*

+ Giọng điệu tự nhiên, trẻ trung, có vẻ tinh nghịch pha một chút ngang tàng, rất phù hợp với những đối tượng miêu tả:

*“Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”.*

=>Ngôn ngữ và giọng điệu ấy rất phù hợp với việc khắc họa hình ảnh những chiến sĩ lái xe trẻ trung hiên ngang, bất chấp nguy hiểm, khó khăn. Đó là những người lính tươi trẻ, yêu cuộc đời, yêu đất nước, tinh thần tràn đầy niềm tin tưởng, quyết chiến đấu, hi sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

+ **Lời thơ tự nhiên** đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Phạm Tiến Duật đã không hề cầu kì hay thi vị hóa đơn điệu hình ảnh những chiếc xe không kính và hình tượng người lính lái xe. Bởi với ông, cuộc đời ấy đã quá đẹp, rất thơ, rất mạnh mẽ, không cần tô vẽ gì mà vẫn tỏa sáng.

+ **Tác giả còn kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ**, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động. và linh hoạt trong nghệ thuật biểu hiện. Những yếu tố về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ đã góp phần trong việc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn một cách chân thực và sinh động.

+ **Điệp ngữ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm**” tạo âm hưởng thanh thản, nhẹ nhàng, thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Câu thơ trong vắt như tâm hồn người chiến sĩ, như khát vọng, tình yêu họ gửi lại cho cuộc đời.

Cuộc sống chiến đấu của người lính tràn đầy niềm vui ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, hiểm nguy.

**Luận điểm2. Gốc của thơ là tình cảm trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” còn thể hiện ở sự ngợi ca ngợi những vẻ đẹp tâm hồn người lính.**

**- Tư thế ung dung, hiên ngang, bình tĩnh, tự tin:**

+ Những câu thơ tả thực, chính xác đến từng chi tiết. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, xe lại chạy nhanh nên người lái phải đối mặt với bao khó khăn nguy hiểm: nào là “gió vào xoa mắt đắng”, nào là “con đường chạy thẳng vào tim”, rồi “sao trời”, rồi “cánh chim” đột ngột, bất ngờ như sa, như ùa- rơi rụng, va đập, quăng ném.... vào buồng lái, vào mặt mũi, thân mình. Dường như chính nhà thơ cũng đang cầm lái, hay ngồi trong buồng lái của những chiếc xe không kính nên câu chữ mới sinh động và cụ thể, đầy ấn tượng, gợi cảm giác chân thực đến thế.

+ Cảm giác, ấn tượng căng thẳng, đầy thử thách. Song người chiến sĩ không run sợ, hoảng hốt, trái lại tư thế các anh vấn hiên ngang, tinh thần các anh vẫn vững vàng.... “ung dung.... nhìn thẳng. Hai câu thơ “ung dung.... thẳng” đã nhấn mạnh tư thế ngồi lái tuyệt đẹp của người chiến sĩ trên những chiếc xe không kính. Đảo ngữ “ung dung” với điệp từ “nhìn” cho ta thấy cái tư thế ung dung, thong thả, khoan thai, bình tĩnh, tự tin của người làm chủ, chiến thắng hoàn cảnh. Bầu không khí căng thẳng với “Bom giật, bom rung”, vậy mà họ vẫn nhìn thẳng, cái nhìn hướng về phía trước của một con người luôn coi thường hiểm nguy.

**-Thái độ bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ, tinh thần lạc quan hồn nhiên, yêu đời của người lính trẻ.**

+ Nếu như hai khổ trên là những cảm giác về những khó khăn thử thách dù sao cũng vẫn mơ hồ thì đến đây, thử thách, khó khăn ập tới cụ thể, trực tiếp. Đó là “bụi phun tóc trắng” và “mưa tuôn xối xả” (gió, bụi, mưa tượng trưng cho gian khổ thử thách ở đời). Trên con đường chi viện cho miền Nam ruột thịt, những người lính đã nếm trải đủ mùi gian khổ.

+ Trước thử thách mới, người chiến sĩ vẫn không nao núng. Các anh càng bình tĩnh, dũng cảm hơn. “mưa tuôn, mưa xối xả”, thời tiết khắc nghiệt, dữ đội nhưng đối với họ tất cả chỉ “chuyện nhỏ”, chẳng đáng bận tâm, chúng lại như đem lại niềm vui cho người lính.Chấp nhận thực tế, câu thơ vẫn vút lên tràn đầy niềm lạc quan sôi nổi: “không có kính ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo”. Những tiếng “ừ thì” vang lên như một thách thức, một chấp nhận khó khăn đầy chủ động, một thái độ cứng cỏi. Dường như gian khổ hiểm nguy của chiến tranh chưa làm mảy may ảnh hưởng đến tinh thần của họ, trái lại họ xem đây là một dịp để thử sức mình như người xưa xem hoạn nạn khó khăn để chứng tỏ chí làm trai.

 + Sau thái độ ấy là những tiếng cười đùa, những lời hứa hẹn, quyết tâm vượt gian khổ hiểm nguy: “Chưa cần rửa.... khô mau thôi”. Cấu trúc câu thơ vẫn cân đối, nhịp nhàng theo nhịp rung cân đối của những bánh xe lăn. Câu thơ cuối 7 tiếng cuối đoạn có đến 6 thanh bằng “mưa ngừng gió lùa khô mau thôi” gợi cảm giác nhẹ nhõm, ung dung rất lạc quan, rất thanh thản. Có lẽ với những năm tháng sống trên tuyến đường Trường Sơn, là một người lính thực thụ đã giúp Phạm tiến Duật đưa hiện thực đời sống vào thơ ca – một hiện thực bộn bề, một hiện thực thô tháp, trần trụi, không hề trau chuốt, giọt rũa. Đấy phải chăng chính là nét độc đáo trong thơ Phạm Tiến Duật. Và những câu thơ gần gũi với lời nói hàng ngày ấy càng làm nổi bật lên tính cách ngang tàng của những anh lính trẻ hồn nhiên, yêu đời, trẻ trung. Đó cũng là một nét rất ấn tượng của người lính lái xe Trường Sơn. Cái cười sảng khoái vô tư, khác với cái cười buốt giá trong bài thơ “Đồng chí”, nụ cười hồn nhiên ấy rất hiếm khi gặp trong thơ ca chống Pháp, nụ cười ngạo nghễ của những con người luôn luôn chiến thắng và tràn đầy niềm tin.

**\* Tình đồng chí, đồng đội thắm thiết.**

+ Sau mỗi trận mưa bom bão đạn cùng với những chiếc xe bị tàn phá nặng nề hơn, họ lại gặp nhau trong những phút dừng chân ngắn ngủi tạo thành một “tiểu đội xe không kính” – tiểu đội những chàng trai lái xe quả cảm, hiên ngang mà hồn nhiên tinh nghịch. Hình tượng người chiến sĩ lái xe thêm một nét đẹp nữa về tâm hồn và tình cảm. Đấy là tình cảm gắn bó, chia sẻ ngọt bùi của những chàng trai vui vẻ, sôi nổi, yêu đời. Cái bắt tay độc đáo là biểu hiện đẹp đẽ ấm lòng của tình đồng chí, đồng đội đầy mộc mạc nhưng thấm thía : “bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”, cái bắt tay thay cho lời nói. Chỉ có những người lính, những chiếc xe thời chống Mĩ mới có thể có những cái bắt tay ấy, một chi tiết nhỏ nhưng mang dấu ấn của cả một thời đại hào hùng.

**- Lòng yêu nước, nhiệt huyết của tuổi trẻ quyết tâm giải phóng miền nam…**

+ Hai câu đầu là hình ảnh những chiếc xe không còn nguyên vẹn về phương tiện kĩ thuật, dồn dập những mất mát, khó khăn do quân địch gieo xuống, do đường trường gây ra: những chiếc xe bị hư hỏng nhiều hơn “không kính, không mui, không đèn, thùng xe có xước...” và biết bao chiến sĩ đã dũng cảm hi sinh. Ấy vậy mà những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích đó lại như những chiến sĩ kiên cường vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao ra tiền tuyến với một tình cảm thiêng liêng:

“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước. Chỉ cần trong xe có một trái tim”

- Vậy là đoàn xe đã chiến thắng, vượt lên bom đạn, hăm hở tiến ra phía trước, hướng ra tiền tuyến lớn với một tình cảm thiêng liêng “vì Miền Nam”, vì cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất đất nước đang vẫy gọi. Thì ra cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ, phẩm chất anh hùng của người cầm lái tích tụ, đọng kết lại ở cái “trái tim” gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa tình yêu thương này. Nhà văn đã tô đậm những cái “không” để làm nổi bật cái “có” để làm nổi bật chân lí của thời đại: bom đạn, chiến tranh có thể làm méo mó những chiếc xe, huỷ hoại những giá trị vật chất nhưng không thể bẻ gẫy được những giá trị tinh thần cao đẹp….để rồi một nước nhỏ như Việt Nam đã chiến thắng một cường quốc lớn.

**c. Đánh giá chung:**

- Mỗi ý kiến trên đều xác đáng nhưng chưa toàn diện,chưa khái quát hết được đặc trưng thơ ca của một tác phẩm tuy nhiên bài thơ về tiểu đội xe không kính đã đáp ứng được hai yếu tố trên.

- Bài học đối với người cầm bút:nhà thơ là nhà thư kí trung thành của trái tim, thời đại nên không ngừng trải nghiệm, lắng nghe, rung cảm để tạo nên gốc tình cảm của thơ ca, không ngừng học hỏi để trau dồi ngôn từ.

- Bài học đối với người tiếp nhận:hiểu hơn về hoàn cảnh của cuộc kháng chiến, vẻ đẹp của người lính, niềm tự hào……

**3.** **Kết bài**

- Khẳng định, đánh giá lại ý kiến

- Liên hệ mở rộng.

----------------------------------------------------------------------------------------------

**CHUYÊN ĐỀ 6: THƠ SÁU CHỮ BẢY CHỮ**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Thơ sáu chữ, bảy chữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thơ sáu chữ** | **Thơ bảy chữ** |
| **1. Khái niêm** | **a. Thơ sáu chữ:**  + Số tiếng: Mỗi dòng có sáu chữ.  + Nhịp thơ: 2/2/2, 2/4 hoặc 4/2, có khi ngắt nhịp 3/3.  - Gieo vần: Thường gieo vần chân (được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ hai, thứ tư ở mỗi khổ), có thể gieo vần liên tiếp (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ), hoặc vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ).  - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.  - Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.  - Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  - Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản. | **b. Thơ 7 chữ**  + Số tiếng: mỗi dòng có bảy chữ.  + Nhịp thơ: 4/3, 3/4.  - Luật thơ 7 chữ, chia làm 2 loại:  - Luật vần bằng và luật vần trắc Căn cứ vào chữ thứ 2 của câu thứ nhất trong bài thơ ta có thể phân biệt được bài thơ đó làm theo luật bằng hay trắc. Nếu chữ thứ 2 của câu 1 trong bài bắt đầu bằng 1 vần bằng (B) thì bài thơ sẽ tuân thủ theo luật bằng. Nếu chữ thứ 2 của câu 1 trong bài bắt đầu bằng 1 vần trắc (T) bài thơ sẽ phải tuân thủ theo luật vần trắc.  - Các chữ 2, 4, 6 phải phân định rạch ròi. Nếu chứ thứ 2 là vần bằng (B) thì chữ thứ 4 là vần trắc (T) và thứ 6 là vần bằng (B) và ngược lại. Nếu chữ thứ 2 là vần trắc (T) chữ thứ 4 sẽ là bằng(B) và 6 là (T). |
| **2. Vần** | - Bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ thường có nhiềuvần. Vần thường là vần chân (được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ hai, thứ tư ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ) hoặc vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ). | **-** Bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ thường có nhiều vần. Vần thường là vần chân (được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ hai, thứ tư ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ) hoặc vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ). |
| **3. Bố cục bài thơ** | Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ. | Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ. |

|  |
| --- |
| **Đề 1: “Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc, không phải chỉ có trí thức (...). Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thầm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy”.**  **(Trích Tiếng nói của văn nghệ - Nguyễn Đình Thi, NXBGD, 2014)**  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Cảm nhận của em về cái hay trong bài thơ “Nắng mới” Lưu Trọng Lư** |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Trích dẫn nhận định của Nguyễn Đình Thi.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích nhận định:**

- Thơ hay là thơ ngay từ lần đọc đầu tiên đã ám ảnh độc giả, nó khiến người đọc phải trăn trở suy tư, càng đọc càng khám phá ra nhiều điều hấp dẫn. Đó là một bài thơ có sự sáng tạo độc đáo về mặt nội dung cũng như hình thức nghệ thuật. Nó có khả năng lay động rung cảm trong sâu thẳm trái tim người đọc, khơi gợi những tình cảm cao đẹp và để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc.

- Nhận định trên đề cập đến cách đọc, tiếp nhận và cảm thụ thơ. Khi người đọc đọc thơ bằng tất cả tâm hồn, trí tuệ bài thơ sẽ tỏa sáng, làm rung lên những cung bậc tình cảm trong lòng người đọc.

=> Phải yêu thơ và am hiểu thơ mới có khả năng đọc, tiếp nhận cảm thụ thơ một cách sâu sắc và toàn diện.

**b. Cảm nhận về cái hay của bài thơ “Nắng mới”:**

**1. Bài thơ hay, độc đáo trong nội dung cảm xúc**

a. Hình ảnh nắng mới khơi gợi nguồn cảm xúc về kí ức:

- Hình ảnh làng quê: "nắng mới", "gà trưa" => đây là những hình ảnh quen thuộc gắn liền với làng quê Việt Nam.

Từ "hắt" diễn tả ánh sáng xuyên qua song cửa.

=> gợi không gian hiu hắt, vắng lặng.

- Từ láy "xao xác", "não nùng" diễn tả âm thanh xao động. Tiếng gà nhấn mạnh sự vắng lặng của không gian, lấy động để tả tĩnh. Cách ngắt nhịp 2/2/3 thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương.

- Kết hợp từ thông thường là "buồn rười rượi" nhưng tác giả đảo từ "rượi" lên trước từ "buồn" nhằm nhấn mạnh nỗi buồn tê tái, khôn nguôi.

- Từ láy "chập chờn" thể hiện những hình ảnh trong quá khứ dần hiện lên trong tâm trí của nhân vật trữ tình.

**b. Kí ức về mẹ trong tâm tưởng của nhân vật "tôi":**

- "Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời/ Lúc người còn sống, tôi lên mười": nhân vật trữ tình trực tiếp bày tỏ nỗi nhớ về mẹ.

- Câu thơ "Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội": khi nắng mới xuất hiện ngoài đồng nội, mẹ lại phơi áo => Kí ức về mẹ gắn liền với hình ảnh mẹ phơi áo trước giậu mỗi lần nắng mới.

=> Hình ảnh mẹ gắn liền với quê hương.

- "Hình dáng mẹ tôi chửa xoá mờ": khẳng định hình dáng mẹ vẫn luôn hằn sâu trong tâm trí.

- "Hãy còn mường tượng lúc vào ra": nhớ về bóng dáng mẹ đi lại trong nhà.

- Hai câu thơ "Nét cười đen nhánh sau tay áo,/ Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa" : nhân vật trữ tình nhớ về mẹ với nụ cười đen nhánh. Hình ảnh mẹ gắn liền với nắng buổi trưa, gắn liền với căn nhà. Mẹ mang dấu ấn của người phụ nữ Việt Nam xưa với hàm răng đen nhánh, vừa lấp lánh tỏa sáng vừa kín đáo, nhẹ nhàng.

=> Mẹ hiện lên trong tâm tưởng của nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ.

**c. Đánh giá:**

- Thể thơ thất ngôn

- Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết

- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ

- Từ ngữ trong bài thơ giản dị, mang màu sắc làng quê Bắc Bộ tạo nên sự gần gũi.

- Cách ngắt nhịp trong bài thơ: 3/4, 4/3, 2/5. Nhịp thơ đa dạng nhưng nhịp nhàng, phù hợp với tâm trạng của chủ thể trữ tình.

- Cách gieo vần trong bài thơ: vần chân liền và vần chân cách: tạo nhạc tính cho bài thơ.

Bài thơ là nỗi nhớ của chủ thể trữ tình đối với người mẹ của mình. Qua đó thể hiện giá trị đạo đức truyền thống Uống nước nhớ nguồn, hiếu thuận của người Việt Nam.

**BÀI LÀM**

Giữa những cung bậc rộn ràng của phong trào “Thơ mới” Lưu Trọng Lư chỉ ra “một nốt trầm xao xuyến”, vang lên rất nhẹ, rất êm nhưng lắng đọng và lan tỏa mãi trong lòng người. Không thoát lên tiên như Thế Lữ, không điên cuồng như Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư lặng lẽ tìm cho mình một lối rẽ về quá khứ, về những hồi ức lung linh, sâu lắng trong tâm hồn. Nắng mới là một trong những bài thơ như thế. Ta bắt gặp ở đây một tâm hồn đằm thắm, mỏng manh và một nỗi buồn sâu lắng khiến ai đọc qua dù chỉ một lần cũng không thể nào quên.  
Bài thơ trải dài theo mạch cảm xúc, kết cấu đan xen giữa quá khứ và hiện tại như một hồi ức về người mẹ thân yêu của nhà thơ. Không cần phải là *“yên ba giang thượng”* như của Thôi Hiệu, cũng không phải là cái ám ảnh *“chiều chiều ra đứng ngõ sau”* trong ca dao – không gian – thời gian nghệ thuật ở đây chỉ là một buổi trưa buồn bên song cửa. Bình dị nhưng cũng đủ sức lay động lòng người con nhớ mẹ *“ruột đau chín chiều”.* Trong tiếng gà trưa xao xác, kỷ niệm chợt ùa về, đong đầy trong nỗi nhớ – khúc dạo đầu cất lên đã nghe dìu dặt vang ngân một nỗi buồn man mác, thiết tha:

*Mỗi lần nắng mới hắt lên song*  
*Xao xác gà trưa gáy não nùng*  
*Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng*  
*Chập chờn sống lại những ngày không.*

Từ *“nắng mới”* trong tựa lại để một lần nữa được chọn đế mở đầu bài thơ như một sợi dây liên khúc, một nhịp cầu nối về quá khứ xa xưa. Nhưng *“nắng mới”* là nắng như thế nào? Người đọc chưa hiểu, chỉ cảm được rằng nắng ở đấy buồn lắm. Nắng không tươi tắn như trong thơ Hàn Mặc Tử: *“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”!* Dưới con mắt duyên của Lưu Trọng Lư, nắng chỉ là một ảnh hình quen thuộc, soi rọi vào tiềm thức nhà thơ, gọi về những kỷ niệm xa xưa của một thời tươi đẹp. Cộng hưởng với màu sắc mới ấy còn có một âm thanh, cũng quen thuộc và buồn không kém là tiếng gà trưa xao xác não nùng. Từ hình ảnh *“nắng mới hắt”* có phần gắt với ba thanh trắc liền ở trên, câu thơ đến đây chợt chùng hẳn xuống, nặng trĩu một nỗi buồn qua hai từ láy gợi âm nhiều hơn gợi tả *“xao xác”, “não nùng”.* Lời thơ viết giản dị, tự nhiên, không một chút cầu kỳ, gọt giũa đúng như Hoài Thanh đã nhận định: *“Lư để lòng mình tràn lan trên mặt giấy”* nhưng vẫn sức lay động lạ kỳ. Kỷ niệm ùa về, lung linh trong màu nắng mới, đánh thức dậy trong tâm hồn nhà thơ cả một thời dĩ vãng tưởng đã nhạt nhòa:

*Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng*  
*Chập chờn sống lại những ngày không.*

Hiện tại trước mắt mờ dần, nhường chỗ cho quá khứ tràn về. Nhịp cầu đã bắc, hoài niệm mênh mang… *“Những ngày không”* phải chăng là những ngày ấu thơ, khi tác giả còn nhỏ, lòng chưa vướng bận điều gì. Vậy tại sao nó lại khắc sâu trong tâm khảm nhà thơ đến vậy? Bởi vì *“những ngày không”* ấy đã in dấu một kỷ niệm hay hình ảnh một người nào?

Mạch thơ liên tục, trải dài sang khổ hai để chuyển hoàn toàn về quá khứ. Thuyền hồn đã cập bến *“ngày xưa”,* câu truyện cổ tích về một người mẹ đã bắt đầu:

*Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời*  
*Lúc người còn sống, tôi lên mười*  
*Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội*  
*Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.*

Hình ảnh người mẹ thân yêu của tác giả hiện lên, lúc đầu còn mờ nhạt nhưng càng về sau càng rõ nét và choáng đầy tâm trí. Qua cách nói dường như đang cố nén niềm thương nhớ chỉ chực dâng trào, ta chợt hiểu ra và đồng cảm sâu sắc với nỗi buồn của tác giả: người mẹ ấy không còn nữa và tất cả những gì nhà thơ còn nhớ về mẹ chỉ là chút kỷ niệm nhạt nhòa đọng lại trong tâm hồn non nớt, thơ ngây của đứa trẻ lên mười. Từ *“nắng mới”* là cái nắng mỗi độ xuân về, khi mẹ tác giả thường mang áo ra phơi để áo thơm mùi nắng sau những ngày đông rét mướt. Nắng thì năm nào chẳng có, sao gọi là *“mới”?*

Nhưng như người ta thường chờ ngày mùa để ăn *“gạo mới”,* lòng trẻ vẫn náo nức chờ mong ngày nắng lại về, đề cùng mẹ phơi áo bên giậu thưa. Cũng là *“nắng mới”* nhưng cái nắng của quá khứ không *“hắt bên song”* buồn bã mà tràn đầy sức sống, niềm vui *“reo ngoài nội”* vì đó là nắng của những ngày còn mẹ. Từ *“reo”* như một nốt nhạc lảnh lót, tươi vui khiến câu thơ chợt bùng lên sức sống. Hình ảnh người mẹ chưa hiện lên trực tiếp mà chỉ thấp thoáng, lung linh sau màu áo đỏ, sau lưng giậu nhưng đã gây một ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người đọc. Đó có lẽ cũng là hình ảnh đẹp đẽ nhất, trìu mến thương yêu nhát mà nhà thơ còn lưu giữ, khắc sâu trong tâm trí.

*Hình dáng mẹ tôi chửa xóa mờ*  
*Hãy còn mường tượng lúc vào ra*  
*Nét cười đen nhánh sau tay áo*  
*Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.*

Mạch thơ lại quay về hiện tại, nhà thơ sực tỉnh nhưng vẫn chưa hết thổn thức, bồi hồi. Hình ảnh người mẹ vẫn còn đó, nơi đồng nội, giậu phơi, nơi hiên nhà, song cửa… Dường như đâu đâu cũng in bóng dáng mẹ, vương hơi ấm của mẹ nên nỗi nhớ lúc nào cũng chỉ chực dâng trào. Và phải chăng *“nắng mới”* chỉ như cái cớ, chỉ là giọt nước làm tràn đầy ly thương nhớ.

Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh *“nét cười đen nhánh”,*như một nốt lặng cuối bản nhạc để dư ba, dư vị của ý thơ còn lan tỏa mãi trong lòng người đọc. Đây là chi tiết duy nhất miêu tả người mẹ nhưng nó cũng là điểm son hội tụ tất cả cái hồn của bức chân dung. Không phải là *“nụ cười”* hay *“miệng cười”* mà là “*nét cười”* vì cái cười ấy rất kín đáo, rất nhẹ, rất nhanh, dường như chỉ lướt qua trên khuôn mặt chứ chưa kịp đọng lại thành một nụ cười, mà lại là *“nét cười đen nhánh”* nữa. Lưu Trọng Lư không nói thẳng như Hoàng cầm:

*Những cô hàng xén răng đen  
Cười như mùa thu tỏa nắng.  
 (Bên kia sông Đuống)*

mà lại *“đi tắt”* để tạo nên một kết hợp từ độc đáo và thú vị, hay nói theo cách của Hoài Thanh: *“câu thơ mất đi một tí rõ ràng để được thêm rất nhiều mơ mộng”.*Hình ảnh *“tay áo”* đã đẩy *“nét cười”* ra phía sau, tạo nên độ sâu cho bức tranh, đồng thời tăng thêm sức duyên dáng, gợi cảm cho *“nét cười”.* Ta đã từng bắt gặp trong thơ Hàn Mặc Tử một hình ảnh cũng đẹp và tinh tế như thế: *“Lá trúc che ngang mặt chữ điền”* (Đây thôn Vĩ Dạ) nhưng có lẽ hình ảnh *“nét cười”* ở đây có hồn, có sức gợi cảm hơn nhiều vì đó là khoảnh khắc, là hình ảnh đẹp đẽ nhất mà óng kính tâm hồn nhà thơ đã chụp được và lưu trữ mãi. Hình ảnh người mẹ quá cố của nhà thơ từ đầu đến cuối chỉ được phác họa qua ba chi tiết: *“nắng mới”, “áo đỏ” và “nét cười”,* trong những giây phút xuất thần của họa sĩ – thi sĩ Lưư Trọng Lư, nó đã để lại một ấn tượng đẹp và sâu sắc. Phải chăng là vì ta chợt bắt gặp trong hình ảnh đó một cái gì rất đỗi thân quen như của mẹ ta mà cũng là của tất cả những người phụ nữ Việt Nam thầm lắng hy sinh, thương yêu, chăm sóc chồng con suốt cả cuộc đời.

Nắng mới là một bài thơ thoạt đọc qua không có gì đặc biệt, nhưng nếu có một tâm hồn đồng cảm, một tình yêu sâu nặng với người đã sinh thành ra mình thì bài thơ thực sự là một tiếng đàn đồng điệu. Hoài Thanh đã từng nói: *“Thơ Lưu Trọng Lư không phải là một bài thơ, nghĩa là không phải là một công trình nghệ thuật mà là tiếng lòng thổn thức hòa theo tiếng thổn thức của lòng ta”.*

**1, Mở bài**

- Giới thiệu bài thơ, tác giả, đôi nét về chủ đề bài thơ.

**2, Thân bài**

- Lần lượt phân tích các khía cạnh nội dung và nghệ thuật của bài thơ bằng cách lồng ghép

+ Biện pháp so sánh, liệt kê quê hương là những thứ bình dị, thân quen, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người: vàng hoa bí, tím giậu mồng tơi, con diều biếc…

+ Phép điệp ngữ quê hương là nhấn mạnh tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về quê hương của tác giả

+ Nhắc nhở mỗi người hãy biết trân trọng, yêu mến gắn bó với quê hương

**3, Kết bài**

- Đánh giá bài thơ, tài năng của tác giả

- Liên hệ bản thân.

|  |
| --- |
| **Đề 2: “Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ”.**  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến qua bài thơ “Bài học đầu cho con” của nhà thơ Đỗ Trung Quân.** |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

YÊU CẦU CHUNG:

- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận.

- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.

- Học sinh có thể triển khai bài làm theo nhiều hướng khác nhau: bình luận vấn đề; phân tích một hay nhiều tác phẩm cụ thể chứng minh vấn đề; kết hợp giữa chứng minh và bình luận; … Sau đây là một hướng giải quyết đề bài:

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận và trích dẫn ý kiến: “ Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ”.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích**

- Thơ bắt rễ từ lòng người: thơ là tiếng nói chân thành của tình cảm, thơ do tình cảm mà sinh ra, thơ luôn thể hiện những rung cảm tinh tế, thẳm sâu của tác giả…

- Nở hoa nơi từ ngữ: Lời thơ bao giờ cũng chắt lọc, giàu hình tượng, gợi cảm xúc… Điều này có nghĩa là vẻ đẹp ngôn từ chính là yêu cầu bắt buộc với thơ ca…

=> Thơ khơi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống, và tình cảm ấy thăng hoa nơi từ ngữ biểu hiện…

**b. Chứng minh.**

**Luận điểm 1: Thơ khơi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống:**

**+ Giải thích vai trò của quê hương**

Quê hương chính là nơi ta sinh ra, khi đi xa ta luôn nhớ về về những kỷ niệm và hình ảnh thân thuộc nhất. Quê hương hiện ra qua tiếng hát, lời ru của bà và của mẹ. Thế nên nhà thơ đã có những lý giải thật đơn giản về quê hương.

Hai câu đầu gợi lên nhiều cách hiểu về quê hương:  
- Quê hương hiểu theo nghĩa hẹp là quê cha đất tổ, gắn với gia đình, dòng họ, mồ mả, bàn thờ tổ tiên.  
- Quê hương hiểu theo nghĩa rộng là đất nước.  
- Nói “Quê hương mỗi người chỉ một” là nhấn mạnh sự duy nhất cũng như vai trò quan trọng của quê hương trong tình cảm của mỗi con người. “Như là chỉ một mẹ thôi”: khẳng định sự duy nhất nêu trên như một quy luật của tự nhiên về nguồn gốc con người.  
- Mặt khác còn là nói lên tình đất nước như tình mẫu tử, một tình cảm sâu nặng nhất của con người, của cả muôn loài.  
- Tình yêu mẹ, yêu làng, yêu đất nước là thống nhất: Càng yêu gia đình thì càng yêu làng và càng yêu làng thì càng yêu đất nước. Trung thành với đất nước là “đại hiếu”  
- Trong mối quan hệ đó, đôi khi trong một hoàn cảnh cụ thể vẫn nảy sinh mâu thuẫn, buộc người ta phải lựa chọn, lúc đó phải để tình đất nước lên trên.

**Luận điểm 2: Tình cảm ấy “nở hoa” nơi từ ngữ biểu hiện:**

**Hai câu sau tác giả muốn nói rõ vai trò quê hương đôi vỏi sự trưởng thành của mỗi con người:**  
“Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người”:  
- Với cách hiểu như trên thì thấy tình quê hương đất nước có ý nghĩa to lớn trong nhân cách một con người.  
- Đối với tuổi trẻ, hai câu thơ cảnh tỉnh những kẻ không nhớ quê hương, cội nguồn và nhấn mạnh phải chăm lo bồi đắp tình cảm quê hương như đã nêu. Không nên chỉ chăm lo bồi dưỡng trí tuệ, sức khỏe, vật chất,...  
(Có thể nêu dẫn chứng về số phận của những kẻ phản bội quê hương, đất nước).  
Rồi từ từ phân tích các câu tiếp theo!

**c. Mở rộng, liên hệ**+ Quê hương góp phần tạo nên những tiền đề đầu tiên để ta vững bước vào đời, quê hương là điểm tựa tinh thần khi ta gặp khó khăn, trở ngại,...  
+ Cảm nhận được những giá trị to lớ của quê hương, sống xứng đáng với quê hương... khi đó mỗi người sẽ thực sự trưởng thành, trở thành nhân cách cao đẹp.  
**Kết bài:**  
- Khẳng định lại vấn đề.  
- Liên hệ bản thân.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

      Bài học đầu cho con được đăng trên báo Khăn quàng đỏ năm 1986 và nhanh chóng được đông đảo bạn bè mến mộ. Ban đầu bài thơ được làm trong phạm vi nhỏ hẹp dành để tặng Quỳnh Anh, con của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh cũng là người bạn thân thiết của tác giả Đỗ Trung Quân. Về sau những lời thơ ngọt ngào, da diết đặc biệt là tình yêu quê hương đất nước sâu nặng được tác giả gửi gắm đã khiến Bài học đầu cho con trở thành một trong những bài thơ nổi tiếng được rất nhiều người yêu thích.

      Trở đi trở lại trong bài thơ là hình ảnh của quê hương trong thắc mắc của đứa trẻ. Có lẽ hai tiếng quê hương với nhiều người nhất là con trẻ còn rất xa vời, trừu tượng và khó lý giải. Đến với bài thơ này nhà thơ Đỗ Trung Quân đã có những cắt nghĩa, lý giải rất đơn giản và cụ thể về quê hương đất nước của mình. Quê hương không phải điều gì xa vời, trừu tượng, quê hương là những thứ vô cùng đơn giản và bình dị, chính là những thứ xung quanh ta.

      Mở đầu bài thơ tác giả sử dụng câu hỏi tu từ đầy ngọt ngào “quê hương là gì hở mẹ; quê hương là gì, mẹ ơi” Câu hỏi được lặp đi lặp lại hai lần nhấn mạnh khát khao và mong mỏi của đứa trẻ, muốn được lý giải về hình ảnh của quê hương đất nước. Quê hương là gì? Quê hương chính là nơi ta sinh ra, khi đi xa ta luôn nhớ về về những kỷ niệm và hình ảnh thân thuộc nhất. Quê hương hiện ra qua tiếng hát, lời ru của bà và của mẹ. Thế nên nhà thơ đã có những lý giải thật đơn giản về quê hương.

      Biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ, liệt kê đã lý giải quê hương thân thuộc và bình dị ở xung quanh ta. Quê hương là chùm khế ngọt, quê hương là đường đi học, là con diều biếc, là con đò nhỏ, là vàng hoa bí, dậu mồng tơi, là đôi bờ dâm bụt… trong lý giải của nhà thơ hình ảnh quê hương gần gũi thân quen, là cuộc sống và tuổi thơ của mỗi người, gắn với cuộc đời của mỗi người. Là chùm khế ngọt thơm mát để con trèo hái mỗi ngày; là con đường quen thuộc đưa con tới trường; là cánh diều tuổi thơ chở bao ước mơ của con trẻ; là con đò đưa khách sang sông. Không những thế quê hương còn bình dị đến nỗi là màu hoa của bí, của dậu mồng tơi mẹ trồng, là bông sen trắng tinh khôi ngoài ruộng, trên bờ ao… Đâu có gì trừu tượng đâu, những định nghĩa, so sánh về quê hương khiến người đọc mỗi người cảm nhận được quê hương thân thuộc, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người biết bao nhiêu. Thế nên mỗi chúng ta lại càng phải yêu thương, trân trọng và gắn bó với quê hương nhiều hơn

*Quê hương là con diều biếc*

*Tuổi thơ con thả trên đồng*

*Quê hương là con đò nhỏ*

*Êm đềm khua nước bên sông*

      Điệp ngữ quê hương là trở đi trở lại trong tất cả các khổ thơ, như muốn khẳng định nhiều nghĩa của nó. Đỗ Trung Quân không thể tóm tắt khái niệm quê hương là gì, vì nó có vô số ý nghĩa. Với mỗi người, quê hương là ký ức, là tâm hồn, là nỗi nhớ, là nỗi nhớ không thể rời xa. gắn bó với quê hương thật tuyệt vời, còn có tình yêu thương, bạn bè, gia đình, thầy cô, … phép điệp ngữ còn nhấn mạnh tình yêu quê hương đất nước tha thiết của tác giả, niềm tự hào về mảnh đất nơi mình đã sinh ra, trưởng thành khôn lớn nên người. Thể hiện với mỗi người quê hương là ký ức, tâm hồn, nỗi nhớ không thể rời xa.

Đoạn thơ cuối giống như một lời nhắc nhở mỗi người hãy luôn nhớ về quê hương yêu dấu của mình. Nhà thơ tiếp tục sử dụng hình ảnh so sánh

*Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

      Nhà thơ ví quê hương như người mẹ luôn dang rộng vòng tay ôm lấy đàn con thơ trở về. Kể cả khi không có nhà thì quê hương vẫn bảo vệ con giống trước những bão tố, mưa giông ngoài kia. Quê hương ở đây cũng chính là hình ảnh người mẹ, luôn luôn hy sinh vì con cái? Quê hương còn là vầng trăng, soi sáng lối đi, dẫn dắt chúng ta đi đến muôn nơi, luôn đồng hành cùng chúng ta trên mọi nẻo đường. Quê hương với mỗi người là duy nhất, cũng như mẹ chúng ta, chỉ có một người mẹ duy nhất trong đời. Đỗ Trung Quân còn nhấn mạnh rằng

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người*

      Câu thơ cuối giống như một lời nhắc nhở, cảnh tỉnh con người phải luôn biết ơn quê hương, trân trọng quê hương, nếu không biết ơn quê hương, tức là quên đi cội nguồn thì sẽ không bao giờ lớn khôn thành người được. Bài thơ sử dụng hình ảnh quen thuộc, bình dị nhất, với giọng điệu ngân nga, dạt dào, tha thiết, nhắc nhở mỗi chúng ta về quê hương, gắn bó và thân thuộc đối với mỗi cuộc đời. Biết ơn quê hương mỗi người đều phấn đấu rèn luyện, học hành chăm chỉ để xây dựng quê hương thêm giàu đẹp.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 3:** Nguyễn Bính là thi sĩ của đồng quê, như nhà văn Tô Hoài từng nhận xét: “*Chỉ có quê hương mới tạo ra được từng chữ, từng câu Nguyễn Bính. Trên chặng đường ngót nửa thế kỉ đề thơ, mỗi khi những gắn bó mồ hôi nước mắt kia đằm lên, ngây ngất, day dứt không thể yên, khi ấy xuất hiện những bài thơ tình yêu tuyệt vời của Nguyễn Bính”.* Anh/ chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ *“Xuân về”* của Nguyễn Bính.  *Đã thấy xuân về với gió đông, Với trên màu má gái chưa chồng. Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.  Từng đàn con trẻ chạy xun xoe, Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe. Lá nõn, nhành non ai tráng bạc? Gió về từng trận, gió bay đi...  Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng, Lúa thì con gái mượt như nhung Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng, Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.  Trên đường cát mịn, một đôi cô, Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa. Gậy trúc dắt bà già tóc bạc, Lần lần tràng hạt niệm nam vô.*  *( Xuân về - Nguyễn Bính, Trích từ Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351)* |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt, giới thiệu tác giả Nguyễn Bính và bài thơ "Xuân về".

- Nêu cảm nhận chung nhất về tác phẩm.

**2. Thân bài:**

**a. Chủ đề và mạch cảm xúc của bài thơ:**

- Chủ đề: Bức tranh thiên nhiên và con người ở làng quê Việt Nam khi xuân về.

- Mạch cảm xúc: Cảm hứng trữ tình, say đắm với vẻ đẹp mà mùa xuân mang lại.

**b, Phân tích tác phẩm:**

- Bức tranh thiên nhiên mùa xuân:

- Gió xuân về: làm ửng hồng gò má của "gái chưa chồng"; mang cái lạnh se se, cứ đến rồi lại đi.

- Những cơn mưa mùa xuân qua đi, trời quang mây tạnh.

- Ánh nắng dịu nhẹ, ấm áp bắt đầu xuất hiện.

- Lộc non đâm chồi, phủ lên lớp "tráng bạc" sau cơn mưa xuân.

- Đồng lúa vào "thì con gái" xanh mướt, "mượt như nhung".

- Các vườn cây tràn ngập màu sắc và mùi hương của các loài hoa, thu hút bướm ong về tụ họp.

- Hình ảnh con người:

- Đôi má đỏ hây hây của "gái chưa chồng".

- Cô hàng xóm với "đôi mắt trong" ngước nhìn bầu trời.

- Con trẻ nô đùa, "chạy xun xoe" dưới ánh nắng mùa xuân.

- Sự thong thả của người nông dân được "nghỉ việc đồng" sau những tháng này làm lụng vất vả.

- Hình ảnh nô nức khi đi trẩy hội chùa, từ những cô gái trẻ với "yếm đỏ, khăn thâm" tới những cụ già "tóc bạc".

**c, Đánh giá:**

+ Nội dung:

- Cảnh ngày xuân nơi làng quê giản dị, mộc mạc.

- Bức tranh thiếu nữ duyên dáng đi hội chùa.

+ Nghệ thuật:

- Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi.

- Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, được sử dụng khéo léo.

- Các biện pháp tu từ.

- Nhịp thơ chậm rãi, cách ngắt nghỉ nhịp nhàng.

=> Nét đẹp dân dã đặc trưng của thơ Nguyễn Bính.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của bài thơ.

- Khẳng định lại ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Nhắc đến mùa xuân là nhắc đến sự sinh sôi, "thay da đổi thịt" của vạn vật. Đó là thời khắc mở đầu cho một năm, đánh dấu biết bao điều mới mẻ, hạnh phúc. Không lạ khi mùa xuân đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho thơ ca, văn chương của nhiều thế hệ. Có thể kể đến Xuân Diệu với "Vội vàng"; Tố Hữu với "Xuân sớm" hay Thanh Hải với "Mùa xuân nho nhỏ". Trong đó, "Xuân về" của Nguyễn Bính cũng được đánh giá là một tác phẩm tiêu biểu và mang nhiều giá trị. Bằng những hình ảnh thơ gần gũi, tác giả đã đem đến cho người đọc một mùa xuân đẹp, bình dị ở chốn làng quê thân thuộc.

"Xuân về" đã vẽ nên một bức tranh làng quê và con người Việt Nam thơ mộng trong giai đoạn khởi đầu một năm mới. Xuyên suốt bài thơ, ta được thấy cảm hứng trữ tình cùng sự say mê, niềm vui sướng của tác giả khi chứng kiến giai đoạn đổi thay của trời đất.

Trước hết, thiên nhiên trong tác phẩm hiện lên vô cùng đẹp đẽ và tràn trề sức sống. Gió xuân xuất hiện mang theo chút ấm áp nhẹ nhàng: "Đã thấy xuân về với gió đông". Cơn gió cứ "về từng trận" rồi lại "bay đi", tô hồng gò má người thiếu nữ. Chúng mang đi cả những cơn mưa phùn lạnh giá, trả lại bầu trời quang đãng cùng sự lấp ló của tia nắng Mặt Trời. Cả khung cảnh dường như bừng sáng thông qua từ "nắng mới hoe". Nắng mới khiến lớp nước còn đọng lại trên cỏ lá trở nên lấp lánh như được "ai tráng bạc". Đây quả là một biện pháp so sánh vô cùng độc đáo mà tác giả đã sử dụng. Lộc non đua nhau đâm chồi, mang thêm sức sống cho khung cảnh thiên nhiên rộng lớn. Không chỉ có đất trời đổi thay, làng quê Việt Nam cũng khoác lên mình chiếc áo mới: "Lúa thì con gái mượt như nhung/Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng/Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng". Ở đây có cánh đồng lúa bát ngát đang độ xanh mướt, có vườn tược "ngào ngạt" hương thơm của hoa bưởi, hoa cam. Điều này đã thu hút ong bướm về tụ họp, khiến không gian trở nên ngập tràn màu sắc. Tất cả đã tái hiện rất thành công bức tranh làng quê lúc xuân về.

Bên cạnh đó, hình ảnh con người cũng được nhà thơ đưa vào một cách vô cùng tài tình. Những cô gái xuất hiện ngay từ khổ thơ đầu tiên với cơn gió xuân thoang thoảng. Đó là cô "gái chưa chồng" má đỏ hây hây, là "cô hàng xóm" có "đôi mắt trong" đang ngước nhìn bầu trời. Chỉ đơn giản như vậy thôi nhưng đó lại là điểm nhấn, là nét chấm phá cho khung cảnh mùa xuân thơ mộng. Tiếp theo, ta được thấy hình ảnh của "Từng đàn con trẻ chạy xun xoe". Đây là chi tiết thể hiện niềm vui, sự háo hức của những đứa trẻ khi Tết đến xuân về hay cũng chính là cảm xúc, tâm tư của tác giả gửi vào con chữ. Người nông dân bây giờ có thể tạm gác lại tháng ngày làm lụng vất vả, "thong thả" mà nghỉ ngơi, tận hưởng tiết trời trong lành của đầu xuân năm mới. Họ xúng xính áo quần đi trẩy hội. Từ những thiếu nữ trẻ trung với "yếm đỏ, khăn thâm" tới những bà lão "tóc bạc" chống gậy trúc, ai ai cũng nô nức, vui vẻ đi "trẩy hội chùa". Tất cả đã hợp nhất lại, tái hiện trước mắt người đọc khung cảnh làng quê Việt Nam dưới trời xuân vừa đẹp đẽ, náo nhiệt, vừa dân dã, hồn hậu.

Với "Xuân về", nhà thơ Nguyễn Bính đã thành công cả về nội dung và nghệ thuật. Với hình ảnh thơ giản dị, gần gũi cùng ngôn ngữ thơ trong sáng, mộc mạc, tác giả đã khắc họa vô cùng rõ nét cảnh ngày xuân nơi làng quê hết sức dung dị mà không kém phần nên thơ, trữ tình. Xuyên suốt tác phẩm, nhịp thơ luôn chậm rãi, từ tốn kết hợp với cách ngắt nghỉ nhịp nhàng đã tạo cảm giác thong thả, thư thái. Điều đó giúp người đọc cảm nhận rõ nét hơn không khí yên bình của chốn làng mạc. Không chỉ vậy, tác giả còn thành công sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh: "...mượt như nhung", ẩn dụ: "lúa thì con gái", hay cả đảo ngữ, hoán dụ. Nó đã góp phần nâng cảm xúc của bài thơ, khiến vẻ đẹp của thiên nhiên và con người càng được nhấn mạnh hơn. Và đó là nét rất riêng của thơ Nguyễn Bính, đồng thời nói lên chính con người tác giả. Với danh hiệu "nhà thơ của làng quê Việt Nam", ông đã rất thành công mang đến cho độc giả bức tranh chân thật và đẹp đẽ, thơ mộng nhất bằng ngòi bút tài hoa, dân dã của mình.

Nhìn chung, đề tài mùa xuân đã không còn quá xa lạ trong văn học nước nhà nói riêng và thế giới nói chung. Tuy nhiên qua bàn tay nhào nặn của từng tác giả khác nhau, ta sẽ nhận được những thành phẩm độc đáo, riêng biệt mà vẫn mang đầy ý nghĩa. Với "Xuân về", Nguyễn Bính đã đem đến cho độc giả mùa xuân thật dân dã, gần gũi ở làng quê Việt Nam thân thuộc. Tác phẩm sẽ luôn là một trong những bài thơ tiêu biểu và ý nghĩa nhất viết về chủ đề này.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 4:** **Đọc bài thơ sau**  **ÁO TRẮNG**  *Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,*  *Hôm xưa em đến, mắt như lòng*  *Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,*  *Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.*  *Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;*  *Em duyên đôi má nắng hoe tròn.*  *Em lùa gió biếc vào trong tóc*  *Thổi lại phòng anh cả núi non.*  *Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;*  *Hồn em anh thở ở trong hơi.*  *Nắng thơ dệt sáng trên tà áo,*  *Lá nhỏ mừng vui phất cửa ngoài.*  *Đôi lứa thần tiên suốt một ngày.*  *Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.*  *Dịu dàng áo trắng trong như suối*  *Toả phất đôi hồn cánh mộng bay.*  *(Huy Cận)*  Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về cấu tứ, hình ảnh trong bài thơ “*Áo trắng*” (Huy Cận). |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

*a. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*

Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.

**1. Mở bài**

- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm

- Xác định và phân tích, đánh giá chủ đề

**2. Thân bài**

- Xác định chủ đề: Bài thơ là tâm trạng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi, trong sáng của người yêu; là niềm hạnh phúc, vui sướng ngất ngây của cậu học trò khi được sống trong tình yêu thơ mộng.

- Phân tích, đánh giá chủ đề:

+ Tình yêu tuổi học trò là một chủ đề khá quen thuộc trong thơ ca hiện đại. Tình yêu tuổi học trò bài thơ trên vừa mang những vẻ đẹp chung, vừa có những nét độc đáo, gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

+ Tình yêu trong bài thơ là niềm hạnh phúc, là khoảnh khắc kì diệu, biến cuộc đời thành một cõi thần tiên. Từ tình yêu của *anh và em* trong bài thơ, nhắc nhở chúng ta cần trân trọng tình yêu đẹp, biết tận hưởng niềm hạnh phúc trong tình yêu, biết yêu thương và trân quý phút giây hạnh phúc trong cuộc đời.

*\* Phân tích, đánh giá nghệ thuật:*

- Cấu tứ của bài thơ:

+ Tứ thơ được khắc họa qua khoảnh khắc gặp gỡ của đôi trai gái: cô gái đến thăm chàng trai mình yêu. Cuộc gặp gỡ ấy được cảm nhận qua cái nhìn (từ xa đến gần), qua tâm trạng của chàng trai (từ ngạc nhiên ngỡ ngàng đến đắm say hạnh phúc). Bắt đầu từ cái hình ảnh “nở bừng ánh sáng em đi đến” với “gót ngọc dồn hương”, “bước tỏa hồng”, rồi gần hơn với bàn tay “ngón ngón thon”, “đôi má nắng hoe tròn”, với mái tóc, rồi hơ i thở, tiếng nói, rồi tất cả dần hòa quyện tạo thành một sự say đắm trong hạnh phúc hội ngộ. Bài thơ kết thúc với sự hòa hợp và thăng hoa của hai tâm hồn tinh khôi.

+ Với cấu tứ độc đáo, bài thơ giống như một câu chuyện kể về sự diễn tiến của cuộc gặp gỡ, vừa thể hiện những bước đi của tình yêu từ chớm nở đến viên thành. Cấu tứ ấy cũng cho ta thấy được những cung bậc cảm xúc mỗi lúc một mãnh liệt của chàng trai đang yêu.

- Nghệ thuật xây dựng hình ảnh:

+ Hình tượng trung tâm của bài thơ là cô gái, qua cái nhìn say đắm của chàng trai. Tất cả các hình ảnh trong bài thơ đều tập trung thể hiện vẻ đẹp lung linh tỏa sáng, tinh khôi thơ mộng của hình tượng trung tâm đó.

+ Mở đầu bài thơ là sự xuất hiện của hình ảnh “áo trắng”, gợi lên vẻ đẹp trong trắng của tuổi học trò với “mộng trắng trong”. Màu trắng ấy khiến cô gái khi xuất hiện, như tỏa ra ánh sáng rực rỡ: “Nở bừng ánh sáng”.

+ Những bước đi của cô gái cũng được miêu tả thật đẹp với “gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng”. Dưới cái nhìn si tình, lãng mạn của chàng trai, cô gái mang một vẻ đẹp trong ngần, tỏa ra hương thơm kì diệu.

+ Khi đến gần hơn, vẻ đẹp của cô gái được miêu tả ở “bàn tay ngón ngón thon”, ở “đôi má nắng hoe tròn”, mái tóc xanh tràn đầy sức sống, như mang cả hơi thở của trời đất, núi non, cả tiếng nói ngọt ngào của người yêu, hứng trọn cả “tiếng lẫn lời”.

+ Bài thơ khép lại cũng với hình ảnh “áo trắng” nhưng kết tinh, thăng hoa: không còn là tà áo trắng trong hiện thực, mà dường như đã trở thành đôi cánh của thiên thần, khiến cả đôi hồn cùng bay lên trong một tình yêu thần tiên say đắm.

+Toàn bộ hệ thống hình ảnh trong bài thơ đều thống nhất tập trung làm nổi bật vẻ đẹp tinh khôi của cô gái; đồng thời cũng làm nổi bật vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng của tình yêu tuổi học trò.

**3. Kết bài**

- Khẳng định nội dung cần nghị luận.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 5: Đọc văn bản:**  **MIỀN QUÊ**  *(Nguyễn Khoa Điềm)[[1]](#footnote-1)*  *Lại về mảnh trăng đầu tháng Mông lung mặt đồng bóng chiều, Tiếng ếch vùi trong cỏ ấm Lúa mềm như vai thân yêu  Mùa xuân, là mùa xuân đấy Thả chim, cỏ nội hương đồng Đàn trâu bụng tròn qua ngõ Gõ sừng lên mảnh trăng cong  Có gì xôn xao đằm thắm Bao nhiêu trông đợi chóng chầy Đàn em tóc dài mười tám Thương người ra lính hôm mai  Để rồi bao nhiêu gió thổi Bên giếng làng, ngoài bến sông Có tiếng hát như con gái Cao cao như vầng trăng trong...*  *(Nguồn: Thơ Nguyễn Khoa Điềm, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn, NXB Văn học, 2012)*  *Anh chị hãy viết bài văn phân tích cấu tứ và hình ảnh cho bài thơ trên.* |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**1. Mở bài:**

**- Giới thiệu về tác giả tác phẩm**

- Tác giả giới thiệu về miền quê, nơi mà tác giả yêu quý và nhớ nhung.  
- Sự giàu đẹp và thanh bình của miền quê.  
**2. Thân bài:**

a. Miền quê trong ký ức:  
+ Tác giả nhớ lại những kỷ niệm tuổi thơ ở miền quê.  
+ Hình ảnh về cánh đồng xanh mướt, sông nước êm đềm, cây cỏ xanh tươi.  
+ Hình ảnh về đồng bào nông dân, người lao động chăm chỉ và gắn bó với miền quê.  
b. Miền quê trong hiện tại:  
+ Miền quê vẫn giữ được vẻ đẹp và sự thanh bình.  
+ Hình ảnh về cuộc sống bình dị, những công việc nông nghiệp và lao động của người dân miền quê.  
+ Sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng.

c. Hình ảnh trong bài thơ "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm:

+ Cánh đồng, sông nước, cây cỏ: Tượng trưng cho sự tươi mát, thanh bình và tuyệt đẹp của miền quê.  
+ Đồng bào nông dân: Biểu tượng cho sự gắn kết, lao động chăm chỉ và tình yêu thương trong cộng đồng miền quê.  
+ Cuộc sống bình dị và công việc nông nghiệp: Thể hiện sự chất phác, giản dị và lao động chăm chỉ của người dân miền quê.  
+ Sự hạnh phúc và lòng biết ơn: Tác giả tỏ ra yêu quý, trân trọng và biết ơn miền quê với những giá trị văn hóa, tình yêu thương và sự thanh bình mà nó mang lại.

- Tác giả khát khao trở về miền quê, để được sống trong sự thanh bình và hạnh phúc.  
**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề

- Tình yêu và lòng biết ơn của tác giả dành cho miền quê.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Nhà thơ Chế Lan Viên từng nói rằng: *“Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang”* Quả đúng như chia sẻ của mình. Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã không ngừng nhặt lấy chữ của đời để dệt lên những câu thơ neo đậu cảm xúc mãi trong lòng người đọc thông qua bài thơ “Miền quê”. Bức tranh đồng quê trong bài thơ "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm mang đậm nét đặc trưng của làng quê Việt Nam. Với những hình ảnh giản dị nhưng rất thân thuộc, nhà thơ đã tạo nên một không gian bình yên, thanh thản, tươi mới của mùa xuân quê hương.

Nguyễn Khoa Điềm được biết đến với những tác phẩm văn chương đa dạng, từ truyện ngắn, tiểu thuyết, đến bài thơ. Ông đã viết về nhiều chủ đề khác nhau, như tình yêu, cuộc sống, và quê hương. Tác phẩm của ông thường mang đậm sắc thái lãng mạn, tươi sáng, và gần gũi với đời sống hàng ngày. Ngoài việc là một nhà văn, Nguyễn Khoa Điềm còn là một nhà báo nổi tiếng. Ông đã làm việc cho nhiều tờ báo lớn và có đóng góp quan trọng trong việc phát triển báo chí Việt Nam. Tác phẩm của Nguyễn Khoa Điềm đã được đánh giá cao và được đọc rộng rãi trong và ngoài nước. Ông đã nhận được nhiều giải thưởng văn học danh giá, góp phần làm phong phú thêm văn chương Việt Nam.

Bài thơ "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm là một tác phẩm thể hiện tình yêu và kỷ niệm về miền quê, nơi tác giả đã trải qua tuổi thơ và gắn bó một cách sâu sắc. Bài thơ được xây dựng theo cấu tứ và chứa đựng nhiều hình ảnh tươi đẹp và sâu sắc về miền quê.

Mở đầu bài thơ, tác giả giới thiệu về miền quê, nơi mà tác giả yêu quý và nhớ nhung. Từ ngữ và hình ảnh được sử dụng để miêu tả sự đẹp và thanh bình của miền quê, tạo nên một bầu không khí yên tĩnh và tươi mát. Tác giả muốn đưa người đọc vào không gian miền quê, để cảm nhận và hiểu được tình yêu và kỷ niệm của mình.

Phần thân của bài thơ bao gồm hai phần: miền quê trong ký ức và miền quê trong hiện tại. Trong phần miền quê trong ký ức, tác giả nhớ lại những kỷ niệm tuổi thơ ở miền quê. Hình ảnh về cánh đồng xanh mướt, sông nước êm đềm, cây cỏ xanh tươi được sử dụng để tái hiện lại những kỷ niệm tươi đẹp và thanh bình. Đồng thời, hình ảnh về đồng bào nông dân, người lao động chăm chỉ và gắn bó với miền quê cũng được nhấn mạnh, thể hiện sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng.

Trái ngược với phần miền quê trong ký ức, phần miền quê trong hiện tại tạo ra một hình ảnh về miền quê vẫn giữ được vẻ đẹp và sự thanh bình. Các hình ảnh về cuộc sống bình dị, công việc nông nghiệp và lao động của người dân miền quê thể hiện sự chất phác, giản dị và lao động chăm chỉ. Tác giả cũng nhấn mạnh sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng miền quê, cho thấy miền quê không chỉ là một địa điểm mà còn là một cộng đồng đoàn kết và hạnh phúc.

Hình ảnh trong bài thơ "Miền quê" rất tươi đẹp và sâu sắc, mang đến cho người đọc một cảm giác thanh bình và yên tĩnh. Tác giả sử dụng hình ảnh về cánh đồng xanh mướt, sông nước êm đềm, cây cỏ xanh tươi để miêu tả vẻ đẹp tự nhiên của miền quê. Những hình ảnh này không chỉ tạo nên một bầu không khí yên tĩnh mà còn gợi lên trong lòng người đọc một sự bình yên và hạnh phúc.

Ngoài ra, tác giả cũng sử dụng hình ảnh về đồng bào nông dân, người lao động chăm chỉ và gắn bó với miền quê để thể hiện sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng. Hình ảnh về cuộc sống bình dị, công việc nông nghiệp và lao động của người dân miền quê tạo nên một không gian chất phác và giản dị. Từng hình ảnh này đều mang đến cho người đọc một cảm giác ấm áp và gần gũi.

Cuối cùng, tác giả cũng sử dụng hình ảnh về sự khao khát trở về miền quê, để được sống trong sự thanh bình và hạnh phúc. Tình yêu và lòng biết ơn của tác giả dành cho miền quê được thể hiện qua từ ngữ và cảm xúc chân thành. Những hình ảnh này gợi lên trong lòng người đọc một sự nhớ nhung và mong muốn trở về nơi đã gắn bó với mình.

Cuối bài thơ, tác giả khát khao trở về miền quê, để được sống trong sự thanh bình và hạnh phúc. Tình yêu và lòng biết ơn của tác giả dành cho miền quê được thể hiện qua từ ngữ và cảm xúc chân thành. Tác giả muốn truyền đạt thông điệp về sự quý giá của miền quê và mong muốn được trở về nơi đó.

Bài thơ "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm thông qua cấu tứ và hình ảnh tươi đẹp và sâu sắc đã thành công trong việc tái hiện tình yêu và kỷ niệm về miền quê. Bài thơ mang đến cho người đọc một cảm giác thanh bình, yên tĩnh và gợi lên những kỷ niệm và tình cảm sâu sắc với miền quê.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 6:**  *Tuổi thơ chở đầy cổ tích*  *Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*  *Đưa con đi cùng đất nước*  *Chòng chành nhịp võng ca dao.*  *Con gặp trong lời mẹ hát*  *Cánh cò trắng, dải đồng xanh*  *Con yêu màu vàng hoa mướp*  *“Con gà cục tác lá chanh”.*  *Thời gian chạy qua tóc mẹ*  *Một màu trắng đến nôn nao*  *Lưng mẹ cứ còng dần xuống*  *Cho con ngày một thêm cao.*  *Mẹ ơi, trong lời mẹ hát*  *Có cả cuộc đời hiện ra*  *Lời ru chắp con đôi cánh*  *Lớn rồi con sẽ bay xa.*  *(Trong lời mẹ hát, Trương Nam Hương)* |

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả Trương Nam Hương, tác phẩm Trong lời mẹ hát.

- Cảm nhận chung của em khi đọc bài thơ.

**2. Thân bài**

- Phân tích theo bố cục hoặc mạch cảm xúc của bài thơ: Dấu ấn sâu sắc không thể phai mờ trong tâm trí về lời ru, khắc hoạ công lao tựa trời tựa biển của mẹ, thể hiện sự trân trọng và biết ơn với đấng sinh thành, tình yêu thương sâu sắc dành cho mẹ - người đã vất vả nuôi mình khôn lớn, nên người…

- Nội dung bài thơ: Qua bài thơ Trong lời mẹ hát, tác giả muốn gửi gắm những tâm tư tình cảm, nỗi niềm nhớ thương tha thiết đến mẹ của mình.

- Nghệ thuật của bài thơ

+ Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

+ Thể thơ tự do

+ Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là biểu cảm

+ Các biện pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh,.. được tác giả sử dụng một cách khéo léo, tinh tế, tài hoa => Nhằm khắc họa lòng biết ơn và nỗi nhớ thương, tình yêu thương mẹ của mình.

**3. Kết bài:**

**-**Khẳng định lại vị thế (hoặc ý nghĩa) của bài thơ cùng tình cảm, tài năng của nhà thơ Trương Nam Hương.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Có những lúc mỏi mệt trên đường đời, có những phút yếu lòng tưởng chừng như ngã gục, có những khi lỡ lầm đường lạc lối thì không ai khác chính mẹ là người đã nâng đỡ, đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi trên con đường lắm chông gai ấy. Có lẽ vì vậy mà tình mẫu tử vẫn luôn luôn là đề tài xuyên suốt trong văn học, được các nhà thơ khai thác và thể hiện rất thành công, bài thơ "Trong lời mẹ hát" của Trương Nam Hương chính là một minh chứng xuất sắc cho điều đó.

Tình mẫu tử” chỉ có ba từ ngắn ngủi nhưng ẩn sâu trong đó là những nét đẹp của một tình cảm thiêng liêng, đầy ấm áp. Chính vì vậy, nhà thơ Trương Nam Hương đã thành công khi khắc họa tình mẫu tử chân thực và sâu sắc bài thơ “Trong lời mẹ hát”.

Những dòng thơ đầu tiên, tác giả nhớ về tuổi thơ đầy ấm áp thơ mộng khi nhận được tình cảm yêu thương của người mẹ dành cho những đứa con của mẹ:

*“Tuổi thơ chở đầy cổ tích*

*Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*

*Đưa con đi cùng đất nước*

*Chòng chành nhịp võng ca dao.”*

Tuổi thơ của ai cũng vậy, từ khi sinh ra cho đến khi lớn lên từ những chăm sóc, nuôi nấng của mẹ, hình ảnh người mẹ quen thuộc bên những lời ru ngọt ngào, những câu truyện cổ tích đầy màu sắc để nuôi dưỡng tâm hồn con được trong trẻo và ấm áp, sự nuôi dưỡng đó không ngại khó khăn, vất vả, mẹ ru con ngủ những trưa hè oi ả, những tiếng ru à ơi nhẹ nhàng ấm áp khiến con chìm vào giấc ngủ ngon.

Con đã lớn lên như thế, lớn lên qua lời ru và sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Có thể thấy tình cảm của mẹ là tình cảm vô giá mà có lẽ những đứa trẻ sau này sẽ hiểu và yêu thương mẹ hơn.

*Con gặp trong lời mẹ hát*

*Cánh cò trắng, dải đồng xanh*

*Con yêu màu vàng hoa mướp“*

*Con gà cục tác lá chanh”.*

Những câu thơ này chính là nói lên vẻ đẹp trong lời ru, những câu ca dao đầy ấm áp của mẹ, người con đã thấy những hình ảnh quen thuộc của làng quê trong câu hát, những rung cảm về cánh đồng xanh mướt, đàn cò trắng lấp ló đứng trên cánh đồng. Hay những màu vàng của hoa mướp, hình ảnh thú vị con gà cục tác, lá chanh được tác giả miêu tả và khắc họa khá thú vị bởi đó là những hình ảnh độc đáo pha chút bình dị mà mộc mạc của một làng quê đầy ấm áp. Trong lời mẹ hát – một bài thơ không quá dài nhưng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc đến con người trong xã hội và khiến cho con người phải nhìn nhận lại bản thân mình với một cái nhìn đúng nghĩa:

*"Thời gian chạy qua tóc mẹ*

*Một màu trắng đến xôn xao*

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao."*

Thật vậy, thời gian vô tình lắm, cứ thế trôi qua mà không bao giờ ngoái lại nhìn dù chỉ một lần. Thời gian đã làm cho những mái tóc của mẹ trở nên bạc trắng, những lo âu và vất vả khiến cho người mẹ yếu đi khiến phận làm con trông mà xót lòng. Như trong bài thơ "Ngày xưa có mẹ" của tác giả Thanh Nguyên có viết:

*"Bầu trời trong mắt con ngày một xanh hơn*

*Là khi tóc mẹ ngày thêm sợi bạc."*

Có thể thấy rằng, mẹ vẫn yêu thương con bằng cả trái tim của mình, không quản ngại bao khó khăn, gian nan, vất vả chỉ để cho con có một cuộc sống đầy đủ nhất. Sự hi sinh cao cả đó, quả thực chúng ta không thể nói hết bằng lời. Phép nhân hóa và nghệ thuật dùng từ láy điêu luyện của tác giả đã đưa hồn vào hai câu đầu của bài thơ thật khéo léo và cẩn thận tới từng chi tiết, làm rung động trái tim bao đứa con xa mẹ mà nhớ mà thương, ...

Đứa con cứ như ngọn trúc xanh của mùa xuân vụt lên phơi phới còn tấm lưng của mẹ thì ngày một không còn được thẳng nữa. Con đâu có biết là có quá nhiều khó khăn đè nặng trĩu trên tấm lưng gầy yếu ấy. Nghệ thuật đối lập trong 2 câu thơ "còng - cao" đã làm nổi bật rõ hơn về hình ảnh người mẹ "bán mặt cho đất, bán lưng cho trờ" để tương lai con có thể trưởng thành cả về mặt nhận thức lẫn đạo đức, thực sự là một người có ích cho xã hội. Nhưng dù ngoài kia có biến động như thế nào, thì tình yêu của con dành cho mẹ vẫn là bất tận, những tình yêu mẹ ấp ủ, xây dựng, bồi đắp thêm mà bao thời gian qua đã trao cho con một cách âu yếm, nhẹ nhàng mà thầm kín. Như trong bài thơ "Thư gửi mẹ" của Êxênin:

*"Chỉ mẹ là niềm tin, là ánh sáng diệu kỳ*

*Chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước."*

Một người con chỉ biết để ý đến công việc và tìm kiếm nửa kia cho bản thân mình, mà quên đi mất ở quê hương vẫn còn một bóng dáng gầy còm ngày ngày tựa cửa trông con về thăm. Còn chi nữa, ngoài tình yêu ấy mẹ dành cho con? Còn chi nữa, ngoài đôi mắt nheo đuôi của mẹ dành cho con? Tất cả những thứ gọi là tình cảm mà ta đa đang tìm kiếm chân thật nhất chỉ có trong lòng mẹ, tình yêu luôn được cất giấu trong trái tim và lòng vị tha cao cả của mẹ. Thật đáng trách biết bao cho những kẻ không nhận ra nổi được tình yêu ấy như bài thơ "Bông hồng vàng" của Nguyễn Đình Vinh đã viết:

*"Có đôi lúc*

*Mải mê quay với dòng đời ồn ã*

*Những đô hội thị thành*

*Những phương trời lạ*

*Chợt giật mình tỉnh giấc nhớ mẹ cha."*

Đứa con khi đang mải mê với những nơi xa lạ, thì cũng đã chợt quên đi tình mẹ cha ấm êm ở quê nhà. Khi chợt tỉnh giấc mộng nồng say, thì đứa con đó mới chợt nhớ ra tình yêu vĩnh hằng, bất biến từ thuở còn non. Quả là một tình cảm thực sự rất thiêng liêng và cao quý. Lời thơ của tác giả như lắng xuống trong những câu thơ cuối, trong hình ảnh "Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao/ Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao". Hình ảnh mái tóc bạc trắng cùng tấm lưng ngày một còng đi đã khiến biết bao quý bạn đọc xót xa, ngậm ngùi, đánh thức tình cảm và ý thức trách nhiệm của con với đấng sinh thành:

*"Mẹ ơi trong lời mẹ hát*

*Có cả cuộc đời hiện ra*

*Lời ru chắp con đôi cánh*

*Lớn rồi con sẽ bay xa ..."*

Khổ thơ cuối trên đã bộc lộ rõ tình cảm của con dành cho mẹ. Trong những lời hát ru tràn đầy yêu thương của mẹ, pha trong những giấc mơ là cả một cuộc đời trước mắt. Phép nhân hóa chính là biện pháp nghệ thuật hết sức đặc sắc khi cho rằng lời ru đã “chắp con đôi cánh”. Đó chính là đôi cánh của sự động viên, một sự khích lệ to lớn như để khích lệ tinh thần con chiến đấu với dòng đời tràn đầy những khó khăn, luôn đứng sau hỗ trợ khi con có vấp ngã trên đường đời. Nó như một câu nói nhẹ nhàng của mẹ bên con: “Đi đi con, hãy mang theo đôi cánh này cùng với những ước mơ to lớn nhất mà con từng mơ thấy những đêm say giấc, hãy sử dụng nó làm cho con trở nên mạnh mẽ và tự tin hơn”. Khi có được đôi cánh ấy, con có thể bay xa tới những nơi tuyệt nhất của cuộc đời để xây nên một cơ nghiệp thật to lớn. Và hãy đừng quên, lời ru của mẹ năm xưa đã giúp cho đạt được ước mơ ấy. Thật cảm ơn biết bao những câu hát mẹ tặng cho con.

Tình mẫu tử chính là thứ tình cảm thiêng liêng nhất, không một điều gì khác có thể sánh bằng mà bất cứ một con người nào cũng không thể thiếu đi được. Và bài thơ Trong lời mẹ hát của Trương Nam Hương như một dòng suối nguồn trong trẻo về tình mẫu tử thiêng liêng, và tin chắc rằng vẫn sẽ tiếp tục chảy mãi trong lòng người đọc cho đến tận mai sau.

-------------------------------------------------------------------------------------------

**CHUYÊN ĐỀ 7: TRUYỆN NGẮN**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ TRUYỆN NGẮN**

**1. Khái niệm**

**-** Truyện: Là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

- Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học.

**2. Đặc điểm của truyện ngắn**

- Truyện ngắn thiên về lối kể kết hợp giữa sự thật đời sống với khả năng hư cấu, tưởng tượng.

- Truyện ngắn thường “hướng tới việc khắc họa một hình tượng, phát hiện một nét bản chất trong quan hệ nhân sinh hay đời sống con người” (từ điển thuật ngữ văn học, sách đã dẫn), là sự hội tụ đa chiều trong khoảng khắc như “mặt xén ngang của cuộc sống”.

**- Bối cảnh:**

+ Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử.

+ Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.

**Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể:**

**- Ngôi kể:**

+ Ngôi thứ nhất: Xưng tôi.

Tác dụng ngôi kể 1: khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn.

+ Ngôi thứ ba: Người kể giấu mặt. Tài liệu của Nhung tây

- Tác dụng ngôi kể thứ 3: Cách kể này giúp người kể có thể kể một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.

**a. Cốt truyện**

- Cốt truyện trong truyện ngắn chỉ là lát cắt trong đời sống xã hội, chỉ xoay quanh một tình huống chủ chốt nào đó. Nếu nhà văn đặt quá nhiều vấn đề, câu chuyện sẽ bị loãng. Do đặc trưng truyện ngắn có dung lượng ngắn, muốn tạo được dấu ấn trong lòng độc giả, thì cốt truyện phải cô đọng, độc đáo.

**- Đề tài:** Truyện ngắn đề cập đến mọi đề tài phong phú, đa dạng, chạm đến mọi ngóc ngách đời sống con người. Trên cùng một đề tài, mỗi nhà văn lại có cách khai thác khác nhau, đem lại sắc thái riêng cho tác phẩm của mình. Cùng viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng tháng Tám, Ngô Tất Tố đề cập đến sự bần cùng hóa, phá sản về vật chất của họ; còn ngòi bút Nam Cao lại xoáy vào sự tha hóa về nhân cách, phá sản về tinh thần ở những con người ấy.

**- Nhân vật truyện ngắn:** Nhân vật trong truyện ngắn thường bắt buộc phải được xây dựng theo nguyên tắc điển hình hóa. Nhân vật phải được đặt trong một hoàn cảnh cụ thể, vừa mang tính chung phổ quát vừa mang tính riêng độc đáo. Trong truyện ngắn, nhân vật là một mảnh nhỏ của thế giới, là hiện thân cho một trạng thái quan hệ xã hội, ý thức xã hội hoặc trạng thái tồn tại của con người, phát ngôn trực tiếp hoặc gián tiếp cho tư tưởng nhà văn.  
**- Tính cách nhân vật:**

- Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.

**3. Những lưu ý khi phân tích truyện ngắn**

- Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính; ngôi kể.

**-** Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói. Tài liệu của Nhung tây

- Nhận biết được lời của người kể chuyện và lời của nhân vật; tình cảm của nhà văn.

- Rút ra đề tài, chủ đề của truyện.

**-** Rút ra được bài học cho bản thân.

**II. LUYỆN ĐỀ**

**Đề 1: Nhận xét về truyện ngắn “Tôi đi học” trong tuyển tập văn học Việt Nam nhà Xuất Bản Giáo Dục viết: “Nhìn chung văn Thanh Tịnh” thiên về cái dịu dàng, man mác. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình xinh nhỏ, lắng sâu”. Em hãy làm rõ ý kiến trên.**

**( Hoặc dạng đề: Chất thơ trong truyện ngắn “ Tôi đi học” của Thanh Tịnh)**

**Bài làm( dàn ý tham khảo)**

Tôi đi học là một truyện ngắn đầy chất thơ. Chất thơ tỏa ra từ tâm hồn mơ mộng giàu cảm xúc của nhà văn xứ Huế - Thanh Tịnh. Truyện tuy ngắn nhưng hàm súc và cô đọng.Ý tứ của truyện tinh tế,khơi gợi sâu xa vào những kỉ niệm trong tâm hồn của mỗi người.  
 Truyện ngắn của Thanh Tịnh thiên về cái nhẹ nhàng, dịu dàng, man mác. Điều đó thể hiện ở cốt truyện. Truyện ngắn của Thanh Tịnh không có nhiều nhân vật, không viết về những xung đột, mâu thuấn, không có những đối thoại ồn ào,không có những tình huống cam go quyết liệt.Nhưng chính sự tĩnh lặng,nhẹ nhàng được xây dựng trên cơ sở những hoài niệm rất thực và tinh tế đã làm nó trở nên thật là hấp dẫn. Nhưng biến thái tâm lý tinh vi, những dòng văn giản dị giàu cảm xúc,lối cảm nhận nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn này.

Truyện ngắn Tôi đi học xây dựng dựa trên dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình, hoài niệm về ngày đầu tiên cắp sách tới trường. Dòng hoài niệm đầy chất thơ ấy được mở đầu bằng những làn gió thu mát rượi,những đám lá vàng rơi và những đám mây “bàng bạc”.Tháng chín mùa thu đã đến và những kỉ niệm về ngày khai trường đầu tiên cứ thế ùa về. Chất thơ tỏa ra từ cảnh vật “hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường”  
 Chính vì thế mà cậu bé con mới ngày hôm qua thôi chắc hẳn còn bé bỏng, nghịch ngợm và vô tâm xiết bao, ngày hôm nay đã biết để ý vẻ đẹp của thiên nhiên- “một buổi mai đầy s­ương thu và gió lạnh”, đã cảm nhận đ­ược một cách thật sâu sắc vẻ “âu yếm” trong bàn tay ng­ười mẹ, vẻ hiền từ và cảm động” trong cái nhìn của ông đốc trường Mĩ Lí hay thái độ nhẹ nhàng của các thầy giáo, của các phụ huynh đối với mình và những cậu bé nh­ư mình…

Ngày khai trường hôm ấy, cậu con trai được mẹ âu yếm dẫn đi vẫn trên con đường cũ mà hôm nay sao thấy lạ.Cảnh vật đang thay đổi hay chính lòng mình thay đổi. “Tôi đã lớn” và “hôm nay tôi đi học”. Cách dẫn dắt giản dị mà hợp lý. Có thể lắm chứa.Vì ngày đầu tiên đến trường mấy ai không có những kỉ niệm khó quên. Cậu bé thấy mình “trang trọng và đứng đắn”. Hai quyển vở mới trên tay cậu “đã bất đầu thấy nặng”, khiến cậu nảy ra một ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ “chắc chỉ người thành thạo mới cầm nổi bút thước”. Thanh Tịnh thật là tinh tế. Đoạn văn tưởng tượng và hoài niệm nhưng sự việc cứ ngỡ như đang xảy ra trước mắt, gần gũi quá, thân thuộc quá với tất cả mọi người. Dòng cảm xúc cũng như chất thơ của truyện lại tiếp tục được lan tỏa khi cậu học trò nhỏ tay trong tay mẹ bước qua cổng trường Mĩ Lý. Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật phát huy sức mạnh khi tác giả tìm đến những biến thái tinh vi trong tâm hồn câu học trò. Cậu đứng nép mình như “con chim đang đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”. Rồi tiếng trống vang lên, những cậu trò mới “vụng về lúng túng”. Cảm giác của nhân vật “tôi” dường như đang mơn man trở lại trong lòng độc giả. Nhưng có lẽ đến bây giờ,cái màn chính của buổi tựu trường mới đến. Ông Đốc đọc những cái tên lần lượt khiến tụi học trò tim như ngừng đập vì xúc động có,vì ngơ ngác có. Và đến rồi sau tiếng vỡ òa của bao cô cậu, buổi học đầu tiên cũng được bắt đầu. Ôi!Cái cảm giác khóc òa không chịu bước vào cái ngôi nhà mà cái gì cũng mới và lạ lẫm hẳn chẳng có gì xa lạ đối với chúng ta.Vậy mà đọc đến đây hẳn ai cũng bùi ngùi rung động về những câu văn tự nhiên mà sắc sảo. Nhân vật “tôi” lắng lại,quan sát và cảm nhận.Thầy đón tụi học trò nhỏ tuổi,tươi cười gợi cái gì đó vừa quen vừa lạ,vừa thân thuộc gần gũi nhưng cũng vừa cao quý. Còn lớp thì hình như “có một mùi hương lạ”.Chỗ ngồi này từ nay sẽ là của riêng tôi.Và tại sao những bạn kia “tôi” chưa nhìn thấy bao mà chẳng hề xa lạ thầm chí còn “quyến luyến tự nhiên”nữa chứ. Cái cảm giác gần gũi vô cùng.

Chất thơ còn được thể hiện qua hình ảnh so sánh đầy thi vị ở giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng, gợi cảm, Chất thơ tỏa ra từ cảnh sắc thiên nhiên, chất thơ tỏa ra từ hơi ấm tình yêu thương của mọi người dành cho trẻ thơ…( lấy dẫn chứng để chứng minh)

**Đề 2: Cảm hứng nhân đạo qua ngòi bút Thạch Lam**

**1. Đặt vấn đề**

**2. Dàn ý:**

**a. Mở bài:**

Từ xa xưa, cảm hứng nhân đạo và cảm hứng yêu nước thứ hai sợi chỉ đó luôn xuyên suốt đến các tác phẩm văn học. Có thể nói cảm hứng yêu nước, tinh thần nhân đạo là truyền thống muôn thuở của thi ca cũng như các nhà văn đầy tài năng và tâm huyết. Cũng nằm trong nguồn mạch đó, Thạch Lam cũng có một nhân vật nhân đạo.Phần lớn các tác phẩm của ông đều mang tính nhân đạo sâu sắc.

**b. Thân bài:**

- Tinh thần nhân đạo là lòng yêu thương con người, thái độ trân trọng của con người, ca ngợi vẻ đẹp của sự cảm thông với những số phận khổ đau và bất hạnh. Tinh thần nhân đạo còn thể hiện ở nhiều khía cạnh khác.

- Lên án tội ác của các thế lực chà đạp lên quyến sống của con người, phê phán tố cáo cái xấu, cái ác, sự bất công, ngọn nguồn của những sự khổ đau bất hạnh.

- Thái độ trân trọng, ngợi ca, tin tưởng vào phẩm chất tốt đẹp của con người.

- Thái độ khoan dung, nhân hậu khi đánh giá, nhìn nhận con người, nhất là đối với những con người có địa vị thấp kém cơ cực trong xã hội.

- Thể hiện ước mơ về một xã hội công bằng, bác ái.

- Tất cả những biểu hiện đó đều giúp con người hoàn thiện hơn, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa con người với con người. Nó giúp mỗi con người sống vì con ngưồi cho con người sự tốt đẹp của mỗi con người và cả của thế giới loài người.

+ Giá trị nhân đạo là cảm xúc nhân văn bao gồm hầu hết các sáng tác của Thạch Lam. Dù là các tác phẩm của ông vừa mang tính chất lãng mạn, vừa mang yếu tố hiện thực. Song, qua các trang viết của ông, ta đều thấy thấm đượm một tinh thần nhân đạo sâu sắc. Đó là sửung động của con tim, của tấm lòng yêu thương, sự đau xót, niềm cảm thông chân thành đối với những kiếp người nghèo khổ bất hạnh. Đó là sự chinh phục lớn nhất của phong cách Thạch Lam. Thường thì tư tưởng nhân văn của Thạch Lam được biểu hiện qua truyện ngắn qua cách khâi thác những mảnh đời mà nơi sâu kín tâm hồn của mảnh đời nào cũng chất chứa bao niềm yêu thương xót xa va niềm cảm thông sâu sắc. Con mắt nhìn, cái tâi nghe của Thạch Lam rất tinh tế, thấu suốt từ những gì giản dị, chân thực nhất, đặc biệt nhân văn đi vào sâu trong thế giới nội tâm của con người. Chíng vì lẽ đó ông đã khám phá ra vẻ đẹp đầy chất thơ trong cảnh sắc và hương vị quê hương, trong tinh thần và lối sống của con người Việt Nam. Bởi thế một nhà phê bình văn học đã gọi ông là nhà văn của sự hiện thực và nhân đạo.

- Thạch Lam viết rất thành công và cảm động về thế giới những con người nghèo khổ: những em bé, những bà mẹ, những gánh xẩm … nơi phố huyện ngày xưa. Bóng tối ngập đầy đôi mắt và cuộc sốngcủa những con người bé nhỏ đáng thương. Họ không chỉ ước mơ có được bát cơm đầy, một manh áo ấm mà còn khao khát mọt ánh sáng, một ngọn đèn.

**+ Luận điểm1: Tính chất nhân đạo qua một số truyện ngắn của Thạch Lam**

- Thạch Lam đã dành cho những con người qh, những con người nghèo khổ sự đồng cảm và xót thương nồng hậu trong truyện ngắn “Hâi đứa trẻ”. Thạch Lam kể về tâm trạng đợi tàu của hâi chị em Liên nhưng không chỉ vì bán được hàng mà còn để được nhìn chuyến tàu đêm từ Hà Nội về qua phố nhỏ. Qua tâm trạng đó của Liên,Thạch Lam muốn gửi tới người đọc về những khát vọng ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhưng trong truyện ngắn hâi đứa trẻ còn thể hiện một niềm cảm thông với những kiếp người nghèo khổ, những mảnh đời quẩn quanh trong tăm tối. Và không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cuộc sống tù túng, quẩn quanh vô nghĩa, mòn mỏi, tội nghiệp của những người dân nơi phố huyện nghèo, nhà văn còn đặt ra những câu hỏi, những thông điệp sâu sắc: Hãy cứu lấy những đứa tre, hãy cứu lấy tương lai của phố huyện.ở đây không giống Ngô Tất Tố, điều mà Thạch Lam trăn trở không phải là miếng cơm manh áo, sưu thuế bất công xã hội mà là quyền sống có ý nghĩa của con người. Xã hội Việt Nam trước cách mạng như ao đời phẳng lặng nhấn chìm mọi sự sống, lăm le muốn cướp đi ý nghĩa thực sự của cuộc sống đối với con người. Hai đứa trẻ những mầm xanh đang mọc lên trên mảnh đất cằn cỗi của phố huyện, rồi tương lâi sẽ ra sao? Hâi đứa trẻ sẽ trở thành bà cụ Thi Điên, liệu có là chị Tí, bác phở Siêu, gia đình bác Xẩm? Câu hỏi đó Thạch Lam không nói nhưng lại hé mở cho người đọc điều đó. Tại sao hâi đứa trẻ không nhập và không khí tù đọng của phố huyện mà tối tối lại cố thức để chờ đoàn tầu qua. Có phải đoàn tầu qua đem đến cho Liên và An nhận thức ở đâu đó ngoài phố huyện nghèo này có một miền đất một Cuộc sống khác ý nghĩa hơn? Như thế con người phảI tự vượt lên để không bị hoàn cảnh, bị cuộc sống vô nghĩa nhấn chìm. Đó chính là chiều sâu tư tưởng nhân đạo trong chuyện ngắn “hai đứa trẻ” nói riêng và trong sáng tác của Thạch Lam nói riêng.

- “Dưới bóng hoàng lan” Nếu như ở “Hai đứa trẻ” thấm đẫm một nỗi buồn man mác thì dưới ..lan lại đượm một niềm vui mát hơn, thơm thảo hơn.Đó là một tấm lòng của Thành với nga với cây hoàng lan và mảnh vườn của cả quê hương. Những tình cảm đó thật thiết tha êm dịu. Ngòi bút của Thạch Lam thật thiết tha nhân hậu rất thành công trong việc miêu tả những tình cảm trong sáng đẹp đẽ đó. Có thể nói hầu hết các tác phẩm truyện ngắn của Thạch Lam thường viết về một khoảnh khắc ngắn ngủi nào đó của số phận nhân vật. Nhưng sức chinh phục trong ngòi bút của ông khiến người đọc chúng ta nghĩ đến cả một cuộc đời, mộtkiếp người. Những câu văn của Thạch Lam cứ lặng lẽ, êm dịu cứ như một khu vườn thoảng đầy hương thơm hoa hoàng lan.

**+ Luận điểm 2: Gió lạnh đầu mùa**

- Truyện ngắn gió lạnh đầu mùa là sự kết hợp nhuần nhị giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn. Tác phẩm mang cảm hứng nhân đạo sâu sắc. Đây là một truyện ngắn hay nhất trong số những sáng tác của Thạch Lam. Ngòi but Thạch Lam miêu tả rất kĩ lưỡng không chỉ những việc con con mà mgay cả những tâm tình cảm giác.

Trước hết tinh thần nhân đạọ của Thạch Lam bộc lộ qua những lời ngợi ca, nâng niu những phẩm chất đáng quí của con người. Đó là tình cảm đẹp đẽ truyền thống của con người Việt Nam: Tình cảm mẹ con, anh em, tình bè bạn láng giềng… Trong “Gió lạnh đầu mùa”, Sơn là một hình tượng nhân vật trung tâm mà Thạch Lam gửi gắm vào đó một trái tim yêu thương đối với những kiếp người nghèo khổ, đói rách.

Bằng cái nhìn nhân hậu, am hiểu tâm lí trẻ thơ, Thạch Lam đã miêu tả một cách sâu sắc và cảm động về sự cảm nhận tinh tế của Sơn trứơc cơn gió lạnh đầu mùa. Sơn cảm thấy rất rõ sự đổi thay nhanh chóng đột ngột của thời tiết từ thu sang đông và cơn gió bấc đầu mùa đột ngột tràn về đã thổi vào tâm hồn Sơn biết bao nhiêu là cảm giác. Cơn gió lạnh đầu mùa đã làm thay đổi cả thói quen, Sơn không bước xuống giường ngay mà còn thu tay trong bọc. Và cái lạnh còn đánh thức trong Sơn kỉ niệm về cái rét đã qua. Sơn cảm nhận cái rét từ mùi áo mốc.

**Đề 3: Phân tích hình tượng trẻ thơ qua các nhân vật: “Tôi”- Tôi đi học, bé Hồng- “Những ngày thơ ấu” Cái Tý, cái Tỉu, thằng Dần- “Tắt đèn” Sơn, Hiên, những đứa trẻ xóm chợ- “Gió lạnh đầu mùa”**

**I. Đặt vấn đề:**

Các nhà văn hiện thực luôn hướng ngòi bút của mình vào việc phơi bày hiện thực bất công của các tầng lớp nhân dân bị áp bức boác lột dưới chế độ phong kiến thực dân. Vì vậy các sáng tác của trào lưu văn học nàycó tính chân thực cao và thấm tinh thần nhân đạo cao cả. Qua các trang viết các nhà văn không chỉ bày tỏ thái độ cảm thông, xót thương đối với những kiếp người bất hạnh lớn tuổi mà còn tỏ rõ thái độ, tình cảm yêu thương trân trọng, nâng niu đối với trẻ thơ. Với con mắt nhìn trẻ thơ sâu sắc, với tấm lòng nhân đạo bao la, người đọc như nghe thấy được hơi thở và nhịp đập con tim của các nhà văn run lên thể hiện qua các trang viết của họ giành cho tuổi thơ. Đến với các tác phẩm “Những ngày thơ ấu”- Nguyên hồng, “Tôi đi học”- Thanh Tịnh, “Tắt đèn”- Ngô Tất Tố, “Gió lạnh đầu mùa”- Thạch Lam chúng ta thấy hình ảnh trẻ thơ hiện lên tuy mỗi em có một hoàn cảnh sống khác nhau nhưng chúng đều có vẻ đẹp nhân cách trân trọng mà Sơn, Hồng, Tý là đại diện tiêu biểu cho những đứa trẻ ấy.

Mỗi nhà văn có phong cách viết và cảm quan nghệ thuật riêng của mình song có thể nói Thạch Lam, Ngô Tất Tố, nguyên Hồng được coi là những nhà văn viết thành công về đề tài trẻ em giai đoạn 1930- 1945.

**II. Giải quyết vấn đề**

**1. Hoàn cảnh sống của trẻ thơ:**

+ Hoàn cảnh chung: Thế giới trẻ thơ qua các trang viết của Nguyên Hồng, Thạch Lam, Ngô Tất Tố hiện lên mỗi em có một trang đời, điều kiện và hoàn cảnh sống khác nhau nhưng nhìn chung chúng đều có một cuộc sống cơ cực và bất hạnh. Chúng chịu nỗi đau cả về vật chất và tinh thần. Đề là nạn nhân trực tiếp hay gián tiếp của chế độ thực dân phong kiến bất công và thối nát.

+ Hoàn cảnh riêng:

- Những đứa trẻ: Trong “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, hình ảnh lũ trẻ hiện lên qua sự đối lập của 2 cảnh: cuộc sống sung túc đủ đầy và cuộc sống nghèo hèn đói rách của lũ trẻ nơi phố huyện đìu hiu nó hệt như sự lay lắt của con người trong dòng chảy không ngừng của nỗi buồn truyền kiếp. Ta có thể tự hỏi tạp sao lũ trẻ kia lại phải chiuh đựng nỗi buồn, nỗi khổ đau, sự đói nghèo. Bi kịch cuộc sống đã dồn lên đôi vâi chúng. Tuy nhiên nó không giống bi kịch của bé Hồng trong Những ngày thơ ấu mà cũng chẳng giống bi kịch của cái Tý thằng Dần trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố. Cái bi kịch mà Thạch Lam đề cập nhìn qua ngỡ như không có gì đáng nói song ngẫm nghĩ ta lại thấy không đơn giản. Nó không gay gắt, dữ dội, quyết liệt nghe não lòng như tiếng van lạy mẹ của cái Tý, Nhưng lại thật xót xa. Cảnh đời cơ cực của những đứa trẻ được Thạch Lam nói đến như những thước phim lướt nhanh. Đó là lũ trẻ thấy chị em Sơn chúng lộ vẻ vui mừng nhưng chúng vẫn đứng xa không dám vồ vập chúng như biết cái thân phận nghèo hèn của chúng vậy. Thì ra cái gánh nặng cơm áo đâu chỉ đè lên vâi người lớn mà còn len lỏi vào cả đời sống tuổi thơ của những đứa trẻ vốn sinh ra đã phải chấp nhận sự nghèo hèn. Cho nên chỉ cần một cơn gió lạnh thôi cái trớ trêu của cuộc đời đã hiện ra dày vò thân xác của những đứa trẻ nghèo: “ỹ ân những manh áo rách ấy, hôm nay môi chúng nó tím lại và qua những chỗ áo rách da thịt chúng thâm đi. Mỗi cơn gió thổi chúng lại run lên, hai hàm răng đập vào nhau”. Sự nghèo hèn còn đem đến cho lũ trẻ sự mặc cảm tội nghiệp. Đó là tình cảnh thảm hại của cái Hiên. Cái Hiên còn rụt rè đứng co ro bên cột quán chỉ mặc có manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay. Cuộc sống nghèo hèn, cơ cực của lũ trẻ đối lập với hoàn cảnh sung túc đủ đầy ấm áp và hạnh phúc của chị em Sơn. Chính vì vậy qua các trang viết nhỏ nhẹ, bình dị của Thạch Lam ta thấy bi kịch của cuộc sống

ngày càng rõ nét hơn bao giờ hết.

- Bé Hồng: Đến với tác phẩm “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng, người đọc bắt gặp tâm hồn trẻ thơ tuy có lúc yếu mềnnhưng cũng không kém phần dũng cảm, mạnh mẽ, đó là bé Hồng trong truyện. Hồng có hoàn cảnh sống khács với Sơn. Nếu như Sơn sống trong một gia đình khá giả, hạnh phúc được mẹ yêu thương, chiều chuộng hết lòng. Trái lại Hồng lại có hoàn cảnh gia đình éo le, bất hạnh, đáng thương. Cuộc đời của Hồng được nhà văn Nguyên Hồng khắc hoạ bằng chính tuổi thơ cay đắng, nhiều bất hạnh, ít niềm vui, bưàng những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại đang đau đớn quằn quại trong mối xung đột gay gắt của một gia đình tiểu tư sản nghèo ở thành thị bị phá sản. Hồng ra đời là kết quả của một cuộc hôn nhân gượng ép không có tình yêu, không hạnh phúc. Cha nghiện ngập rồi chết trong cùng túng nợ nần gia đình phá sản. Mẹ khao khát tình yêu đích thực nên đã đi theo tiếng gọi của trái tim. Cũng chính vì vậy cho nên mẹ Hồng bị gia đình nhà chồng khinh bỉ, ruồng bỏ. Phần vì nghèo túng, phần thì bị hủ tục pk đầy đoạ mẹ Hồng đã phải bỏ nhà đi tha phương cầu thực. Gia đình bất hoà hạnh phúc tan vỡ, cha chết mẹ bỏ đi Hồng sớm phải chứng kiến và gánh chịu hậu quả của những mâu thuẫn gay gắt của một xã hội thành thị thu nhỏ trong chính gia đình mình. Sớm mồ côi cha lại sống thiếu tình thương của mẹ mới 11, 12 tuổi đầu, Hồng đã bị quăng ra ngoài xã hội, một đứa bé lang thang nơi gầm cầu, xó chợ. Bị bỏ đói, bị đánh chửi, bị xỉ nhục. Hồng sống thui thủi cô đơn trở thành đứa bé đói rách, lêu lổng luôn khao khát tình yêu thương mà không có.

Hồng còn là nạn nhân bất hạnh của xã hội đồng tiền lạnh lùng, tàn nhẫn. Cái xã hội mà cánh cửa nhà thờ đêm nô en cũng chỉ mở cửa cho những kẻ giàu sang, khệnh khạng, bệ vệ và khép chặt trước những người nghèo khổ hèn hạ trơ trọi. Hồng là nạn nhân của đám tiểu tư sản nhỏ bé độc ác khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng trở thành khô héo. Nếu như Sơn được sống một cuộc sống đầy đủ vật chất lẫn tinh thần thì bé Hồng lại thiếu cả 2. Chính hoàn cảnh sống của gia đình và xã hội đã ảnh hưởng đến nhân cách và cá tính của Hồng: căm thù mãnh liệt kẻ giàu sang. Vì thế mà tâm hồn của Hồng cũng rất phong phú.

Biệt tài của Thạch Lam là xây dựng truyện từ những chi tiết tưởng như khó thành truyện. Vì vậy hình ảnh trẻ thơ trong truyện của Thạch Lam có một khuôn mặt riêng: đẹp nhưng buồn. Ô gắn ngòi bút của mình vào hiện thực để phát hiện những cảnh ngộ trái nghịch nhưng nó không gay gất mà nhẹ nhàng còn Nguyên Hồng và Ngô Tất Tố lại khác bao giờ những đứa trẻ cũng là nạn nhân trực tiếp của hoàn cảnh. Trong tác phẩm “Những ngày thơ ấu”, Hồng là nạn nhân trực tiếp của xã hội tiểu tư sản thành thị. Còn trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố thì cái Tý, thằng Dần, cái Tỉu là nạn nhân trực tiếp của chế độ sưu thuế dã man đương thời trong đêm mịt mù, mịt mùng đầy tiếng quát tháo của câi lệ, lí trưởng và âm thanh rùng rợn ghê người của tiếng trống, tiếng tù và…

Cái Tý lại có hoàn cảnh khác với Hồng. Cuộc đời của Tý cũng chẳng khác gì cuộc đời của Hồng, thậm chí còn mờ mịt bế tắc. Nếu như Hồng sinh ra trong một gia đình phá sản cha mất sớm, mẹ bỏ đi tha phương thì Tý sinh ra trong một gia đình có đầy đủ cả cha lẫn mẹ. Tình cảm cha mẹ, anh em đủ đầy. Nhưng đó cũng chính là một quãng thời gian rất ngắn ngủi. Và hơn thế nữa Tý sinh ra trong một gia đình nghèo bậc nhất nhì trong hạng cùng đinh. Tài sản nhà Tý chỉ là: chum mẻ, vại nứt…sưu thuế càng đẩy gia đình Tý vào cảnh cùng đường không lối thoát. Tý đã phải chứng kiến bố ốm đau bị đánh trói sống giở, chết giở ngoài đình. Để cứu chồng mẹ Tý đã phải bán cả ổ chó mới mở mắt, bán cả rổ khoâi cuối cùng tong khi chị em Tý đang đói vàng mắt. Tý cũng bị đem đi bán. Như vậy Tý cũng trở thành nạn nhân của vụ sưu thuế dã man trong xã hội thực dân phong kiến thối nát khốn nạn ấy với bọn cường hào ác bá: chánh tổng, lí trưởng, câi lệ… một lũ đầu trâu mặt ngă bóp nặn của dân đen không còn chút lương tâm và không từ một thủ đoạn nào. Đóng một dấu triện phải cấy trừ từng mẫu ruộng. Người chết cũng phải nộp sưu, cho vay nặng lãi, cầm đồ để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy những gia đình như cái Tý đã đói càng đói khổ, đã nghèo lại càng nghèo hơn. Chỉ vì một suất sưu 2 đồng 7 của chú Hợi mà gia đình Tý phải tan đàn sẻ nghé. Tý phải đi ở cho nhà địa chủ, mẹ Tý phải đi ở vú, phải bán dòng sữa ngọt ngào của mình lẽ ra cái Tửu phaỉ được uống. Trong khi nhiều nhà văn lãng mạn đang mải mê với nhiều ước vọng cải lương về một con đường sáng, đang say trong cảnh “hồn bướm mơ tiên” thì các nhà văn hiện thực như Thạch Lam, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng đã ý thức được cái mặt trái của xã hội mạch văn, ý văn, lời văn của họ là một minh chứng cho ý nguyện cầm bút của họ. Vưan chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú (Thạch Lam) Nêu lên hoàn cảnh sống của trẻ thơ một hoàn cảnh sống cơ cực khổ đau bất hạnh thậm chí còn bế tắc không lối thoát các nhà văn hiện thợc đã làm một bản cáo trạng đanh thép tố cáo xã hội phong kiến thực dân bóp nghẹt đời sống con người. Đăc biệt là với trẻ thơ. Dường như với tuổi thơ các em mất hết những ngày tháng tuổi thơ.

**2. Vẻ đẹp nhân cách của trẻ thơ:**

**a. Hồn nhiên thơ ngây:**

+ Những đứa trẻ xóm chợ thân với nhau chúng chơi với Sơn và Lan rất chan hoà. Tình cảm đó làm cho xóm chợ rất vui vẻ. Khi Sơn có áo mới chúng sờ áo và khen rất vô tư. Như người ta đã nói “Già được bát canh, trẻ được manh áo mới”.

+ Sơn mặc áo mới còn quay đI quay lại cho mẹ ngắm. Khi được các bạn khen S rất vui, thích thú nên ưỡn ngực đáp, đây là điệu bộ rất ngây thơ. Giữa chúng lúc đấy chỉ là sự ngây thơ, hồn nhiên. Chúng không hề nghĩ rằng Sơn có cái áo mới còn chúng thì không.

+ Tý: Dù gánh nặng gia đình đè lên đôi vâi gầy nhưng Tý rất vô tư. Trong cách chào mẹ Tý như muốn khoe với mẹ giọng hú hí. Điệu bộ tung tăng đi lấy bát để phần khoâi cha mẹ. Tý ăn khoai ngấu nghiến.

**b. Tuy ngây thơ hồn nhiên nhưng ở chúng cũng có tâm hồn nhạy cảm, giàu tình yêu thương:**

+ Sơn nhạy cảm với thiên nhiên, ở Sơn có một tâm trạng rất nâng niu vạn vật xung quanh mình, yêu thương nó như yêu thương bản thân mình. Tình cảm đó rất đáng trân trọng. Không chỉ nhậy cảm với thiên nhiên mà Sơn còn nhạy cảmvới con người. Tình yêu htương của S đối với người thương trong gia đình: Kéo chăn đắp cho em, Sơn nhớ em, thương em đã mất. Sơn cảm thương với sự mất mát của mẹ.

Mặc dù sinh ra trong một gia đình khác với Sơn, sự nhạy cảm của Hồng là sự nhạy cảm từng trải qua những đắng cay bất hạnh, qua những sóng gió của cuộc đời. Sự nhạy cảm của Hồng được ưan sâu từ trong trái tim non nớt nhưng sớm đã bị rỉ máu bởi những bát hạnh trong cuộc đời, bới những lời độc ác cay nghiệt của bà cô. Hồng đã nhận ra những ý nghĩ cay độc và những rắp tâm của bà cô khi chia rẽ tình cảm của mẹ con Hồng. Ở Hồng tình yêu thương mãnh liệt nhất là tình htương giành cho mẹ. Sống xa mẹ gần một năm nhưng trong thâm tâm Hồng lúc nào cũng có hình ảnh của mẹ hiện lên với vẻ mặt hiền từ nhân hậu, rầu rầu. Phải chăng ve rmặt đó là vẻ u buồn của một người mẹ hiền từ chính vì vậy Hồng hiểu thương cảm cho mẹ. Hồng căm ghét những hủ tục đã đầy đoạ mẹ, làm khổ mẹ. Ta xúc động trước những ý nghĩ táo bạo, trẻ con của Hồng: “Giá những hủ tục đã đầy đoạ mẹ …mà cắn mà nhâi cho kì nát vụn mới thôi”. Tình yêu thương của Hồng biểu hiẻn rõ khi được gặp mẹ Tình yêu thương được thể hiện trong bước chân luống cuống và tiếng gọi bối rối “mợ ơi!...” Và khi được nằm gạn trong vòng tay của mẹ, Hồng nức nở. Tiếng khóc ấy chính là tiếng khóc mà Hồng dành cho mẹ. Tiếng khóc của sự tủi thân, bất hạnh và cũng là tiếng khóccủa hạnh phúc. Dưới cái nhìn của Hồng mẹ luôn tươi đẹp” Khuôn mặt mẹ…… sung túc”.

Nguyên Hồng là một trong những nhà văn thành công nhất khi viết về tình mẫu tử. Tạo hoá dã giúp ta hiểu sâu sắc thêm về cái tình của người mẹ!

- Tý nhạy cảm nên Tý đã biết vì sao mẹ buồn, Tý nghi ngại khi thấy mẹ không ăn

Khoâi, thấy được điều sẽ xẩy ra với mình. Tý sớm phảI chiuh nỗi bất hạnh: “Tí liệng luôn củ khoâi rồi oà khóc”. Mặc dù chỉ là môt đứa trẻ Tí cũng hiểu dược điều bất hạnh ngày mâi sẽ đến với mình.

- Tý còn là một cô bé có tình yêu thương đối với các em: Không bao giờ mắng các em. Không hơn em là bao tuổi nhưng Tí không bao giờ quát mắng, đánh các em Tí cảm thông với nỗi khổ của emTí bán mình để cứu cha

- Mặc dù cuộc sống đẩy Hồng vào con đường đầu đường xó chợ nhưng Hồng không để cho kiếp sống ấy làm mất đi tình cảm yêu thương mẹ Hồng luôn nghĩ tốt về mẹ và dành cho mẹ một chỗ đứng trông tráI tim mình.

- Sơn được sống trong một gia đình đầy đủ sung túc được mọi người yêu thương chiều chuộng Sơn hoàn toàn là đứa trẻ ngoan ngoãn.

- Tí là một đứa trẻ ngoan ngoãn tháo vát và hiếu thảo: trông em, phần khoâi, mặc dù bị bán nhưng Tí không trái lời mẹ. Em hiểu và thương cha mẹ… Ta thấy Tí còn có điểm đáng yêu là đảm đang tháo vát. Dường như có bao nhiêu vị từ hay nhất Ngô Tất Tố dành cho Tý. Ô nâng niu chăm chút từng cử chỉ, lời nói, ô ân cần để cho con bé đóng vâi người chị cả đảm đang tháo vát biết giúp đỡ cha mẹ, biết chăm sóc và bảo ban các em. Chúng ta như nghe thấy tiếng của Tí nói với các em khi cha bị bắt trói điệu ra đình. Tí là một đứa bé có ý thức và bổn phận của một người chị, có ý thức hiểu được hoàn cảnh của trẻ thơ.

**3. Cái tâm của nhà văn:** Tất cả các trang viết về tuổi thơ, mỗi câu, mỗi chữ đều bừng lên bởi tấm lòng yêu thương tha thiết của tg với tuổi thơ và con người. Bức thông điệp ở đây là: Hãy cứu lấy con người, hãy cứu lấy tuổi thơ, tuổi thơ đang có nguy cơ bị vùi dập. Hãy trả lại hạnh phúc cho tuổi thơ!

Đó là tiếng gọi khẩn thiết vang lên từ các tác phẩm văn học hiện thực và tiếng gọi ấy cho đến thời đại ngày nay vẫn còn nguyên giá trị.

Văn phong khác nhau, dưới con mắt thẩm mĩ khác nhau, nhưng các nhà văn đều gựap nhau ở một địa điểm chung đó là tấm lòng nhân hậu, yêu thương của người lớn dành cho lứa tuổi này. Chắc chắn họ sẽ thành công trong trong cuộc hành trình phát hiện và tìm ra những bí mật và vẻ đẹp thánh thiện trong tâm hồn tuổi thơ. Vì vậy về một phương diện nào đó có thể khẳng định họ là nhà văn của trẻ em.

**III. Kết thúc vấn đề:**

Nếu như qua cuộc đời của bé Hồng đúng hơn là qua quãng đời thơ ấu của Nguyên Hồng với bao đắng cay bất hạnh, rất ít niềm vui trong mỗi cái nhìn, lời nói, cử chỉ và cả những giọt nước mắt đắng cay mừng mừng tủi tủi của nhà văn Nguyên Hồng để người đọc dễ nhận ra sự căm thù và yêu thương hết mực. Còn với Ngô Tất Tố thì tuổi thơ của cái Tí với nỗi đau tột cùng của nó cũng như gia đình là lâm vào thảm cảnh của sự đói nghèo thì Ngô Tất Tố như ông bụt vỗ về cái Tí. Đúng vậy tuy số trang viết về cái Tí không nhiều nhưng mỗi câu mỗi chữ đều dâng lên bởi tấm lòng yêu thương tha thiết của tác giả đối với cái Tí nói riêng và đối với tuổi thơ và con người nói chung.

**Đề 4: Trong cuốn Sổ tay viết văn, nhà văn Tô Hoài tâm sự: “Tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải đượm hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao”.**

**Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua truyện ngắn *Tôi đi học* của Thanh Tịnh, liên hệ đến văn bản *Trong lòng mẹ* (Trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.**

**\* Gợi ý**

- Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:

- Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.

- Đảm bảo đúng quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: chất thơ trong truyện ngắn *“Tôi đi học”*

*- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:*

**1. Giải thích:**

**\*Giải thích khái niệm, từ ngữ:**

+ Khái niện văn xuôi ở đây chỉ tác phẩm tự sự, thể loại văn học phản ánh đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó, qua hệ thống các sự kiện, biến cố, với các tình tiết, chi tiết, các nhân vật cụ thể sống trong không gian và thời gian nhất định.

+ Thơ là thể loại trữ tình, phản ánh thế giới nội tâm con người bằng thứ ngôn ngữ tinh luyện, hàm súc, giàu hình ảnh và nhịp điệu.

+ Hồn thơ hay chất thơ được hiểu là tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa những khám phá về vẻ đẹp cuộc sống, vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng với vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật.

=> Ý kiến của Tô Hoài đã khẳng định vai trò quan trọng của hồn thơ, chất thơ trong văn xuôi. Theo nhà văn, văn xuôi thấm đượm hồn thơ mới trong sáng cất cao, mới thực sự là văn xuôi nghệ thuật, có sức mạnh thúc gọi, dẫn dắt, bồi đắp những tư tưởng, tình cảm nhân văn cho tâm hồn bạn đọc.

**\*. Làm sáng tỏ ý kiến qua tác phẩm Tôi đi học của Thanh Tịnh**

**-** HS giới thiệu đôi nét về tác giả Thanh Tịnh và truyện ngắn Tôi đi học

**- Tôi đi học là áng văn xuôi đượm hồn thơ:**

**- Đề tài đậm chất thơ:**

**-** Truyện viết về đề tài mái trường, cụ thể là kỉ niệm ngày đầu tiên đi học thường để lại ấn tượng sâu đậm, khó quên.

- Đề tài gắn liền mái trường, với tuổi thơ là những gì vô tư, trong sáng, đẹp đẽ nhất khác với các loại đề tài: chiến tranh, thế sự…

=> Đề tài giúp tác giả có điều kiện phát triển mạch trữ tình và chất thơ trong tác phẩm.

**a. Chất thơ tỏa ra từ dòng hồi tưởng của nhân vật tôi trong ngày tựu trường đầu tiên.**

-Trên đường tới trường.

**-** Đến sân trường.

**-** Vào lớp học

=>Tôi đi học êm dịu như một bài thơ mà ở đó mỗi dòng văn là một tâm tình, một kí ức ngọt ngào cùng với những tình cảm trong sáng làm nên chất thơ cho tác phẩm.

**b. Chất thơ tỏa ra từ vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm:**

**- Cốt truyện:**

+Tác phẩm gần như không có cốt truyện, không có những xung đột kịch tính không gây sự hồi hộp, căng thẳng cho người đọc.

+Không xuất hiện nhiều nhân vật, không có nhiều lời thoại.

**- Giọng điệu:**

Không xuất hiện các giọng điệu thường gặp trong truyện ngắn như: chế giễu; đau buồn; bất bình; triết lí…Chủ yếu Tôi đi học là giọng điệu tâm tình, êm ái

**- Hình ảnh:** đều mang đặc điểm chung: đẹp, lãng mạn và thi vị

+ Các hình ảnh giàu chất thơ thường xuyên xuất hiện.

+ Nhiều hình ảnh so sánh đẹp, gợi cảm.

**- Từ ngữ và câu văn:**

**+** Từ ngữ: số lượng từ láy lớn, sử dụng nhiều tính từ, lời văn dung dị.

+ Câu văn: với những câu văn dài tạo nên nhịp điệu êm ái.

**Lưu ý**: Thí sinh cần lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu để phân tích.

**c. Chất thơ đã góp phần làm cho Tôi đi học trong sáng cất cao:**

**-** Chất thơ giúp cho chủ đề truyện được thể hiện rõ nét và sâu sắc; truyền thấm vào lòng người đọc kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi. Thanh Tịnh đã diễn tả tinh tế cảm xúc này qua dòng cảm nghĩ trong trẻo của nhân vật “tôi” về những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

**-** Chất thơ làm nên sự đặc sắc trong văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của tác giả. Từ đó, hình thành nên một nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Thanh Tịnh.

**\* Liên hệ:** Chất thơ trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* được thể hiện ở các yếu tố sau:

- Câu chuyện được kể qua sự hồi tưởng, dòng cảm xúc với nhiều cung bậc tình cảm đan xen. Đặc biệt, xuyên suốt đoạn trích là tình yêu thương mãnh liệt của chú bé đối với người mẹ bất hạnh của mình. (Phân tích dẫn chứng)

- Chất trữ tình còn được thể hiện ở những hình ảnh so sánh đặc sắc (dẫn chứng), ở lời văn nhiều khi mê say, dào dạt khác thường (Đoạn cuối: *Phải bé lại…êm dịu vô cùng*)

=> Chất thơ trong đoạn trích xuất phát tự một trái tim nhạy cảm, dễ bị tổn thương, dễ rung động đến cực điểm về nỗi đau và niềm hạnh phúc.

**\*. Đánh giá:**

Hai văn bản cùng là dòng hoài niệm về những kỉ niệm ấu thơ, đều có sự kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình. *Tôi đi học* bố cục theo dòng hồi tưởng, đan xen giữa hiện tại và quá khứ; ngôn ngữ diễn tả tinh tế, giàu nhạc điệu, đượm chất thơ. Còn *Trong lòng mẹ* (Trích *Những ngày thơ ấu*) thể hiện phong cách viết của Nguyên Hồng trong thể loại hồi kí, lời văn tự truyện chân thành giàu sức truyền cảm.

**Đề 5: Phân tích diễn biến tâm trạng của Liên và An trong truyện ngắn "Hai đứa trẻ" của Thạch Lam. Từ đó nêu những đóng góp mới mẻ của Thạch Lam trong việc thể hiện cảm hứng nhân đạo độc đáo. Nhận xét về một số nét đặc sắc của truyện ngắn này.**

**I. Đặt vấn đề**

- “Xúc cảm của Thạch Lam thường bắt nguồn và nảy nở từ những chân cảm đối với những con người ở tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam là nhà văn quí mến cuộc sống, trang trọng trước cuộc sống của mọi người xung quanh”. Chính tình cảm quí mến và trang trọng ấy giúp Thạch Lam cảm nhận sâu sắc những cảm xúc tinh tế của hai đứa trẻ trong truyện ngắn cùng tên. Qua đó, tác giả thể hiện cảm hứng nhân đạo mới mẻ, đặc sắc.

**II. Giải quyết vấn đề**

- Khái quát: Tác phẩm "Hai đứa trẻ" in trong tập "Nắng trong vườn", xuất bản năm 1938. Truyện nhưng không có chuyện, chỉ là câu chuyện tâm tình. Câu chuyện không phát triển theo logic sự kiện mà giống như một bài thơ trữ tình đầy xót thương, gói gọn trong không gian nhỏ hẹp nơi phố huyện nghèo hẻo lánh với những con người nhỏ bé, những cảnh đời đơn điệu hắt hiu. Toàn truyện là những cảm xúc và tâm trạng của những đứa trẻ nơi phố huyện đó trong khoảng thời gian từ chiều đến đêm. Ngòi bút của Thạch Lam tỏ ra thật tinh tế trong việc diễn tả những rung động của hai đứa trẻ.

**1. Diễn biến tâm trạng**

**a. Trước hết là tâm trạng của hai đứa trẻ trước cảnh chiều tàn**

- Câu chuyện mở ra trong một khung cảnh chiều buồn man mác.

- Liên và An là những đứa trẻ từng sống ở HN, nay theo mẹ về vùng quê hẻo lánh. Liên ngồi trong không gian bóng tối để những nỗi buồn chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ.

+ Liên cảm nhận được cái yên lặng của khung cảnh chiều quê quen thuộc. Đó là tiếng trống thu không, phương Tây đỏ rực như lửa cháy, những áng mây ánh hồng như hòn than sắp tàn…gợi lên cái nhịp thời gian đang trôi, gieo vào lòng người một sự nuối tiếc mơ hồ, có cái gì đó quá khó nắm bắt.

+ Cùng với cảm giác về thời gian còn là âm thanh tiếng ếch nhái văng vẳng ngoài đồng ruộng, tiếng muỗi vo ve, mùi âm ẩm và mùi cát bụi quen thuộc… Đó là những xúc cảm rất quen thuộc, thể hiện sự gắn bó với quê hương.

- Cảnh chợ tàn người về hết và tiếng ồn ào cũng mất…càng khiến lòng Liên thấm đẫm nỗi buồn về một cuộc sống xác xơ, tiêu điều, đang đi vào chiều tàn lụi.

**b. Trong bóng tối.**

- Từ quán hàng chật hẹp nhỏ bé của mình, Liên hướng tầm nhìn ra khung cảnh xung quanh và càng thêm xót thương cho những kiếp người nhỏ bé, mong manh:

+ Thương xót cho những đứa trẻ nghèo phải nhặt nhạnh tất cả những thứ còn xót lại của một phiên chợ tàn.

+ Liên chia sẻ với mẹ con chị Tí bằng sự thấu hiểu cuộc sống tẻ nhạt, quanh quẩn của mẹ con chị.

+ Liên còn chia sẻ với sự ế ẩm của gánh phở bác Siêu, gánh đi gánh về gợi lên một nhịp sống buồn tẻ.

+ Thương xót, thậm chí còn sợ hãi trước tiếng cười khanh khách của bà cụ Thi điên. Đó là cảm nhận về sự mỏng mang của kiếp người

+ Liên còn cảm nhận được cái tù túng trong cuộc sống của chính bản thân mình: giam hãm trong gian hàng nhỏ, lắm muỗi, chiếc chõng tre sắp gãy, tính nhẩm, “ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì”. Liên cảm nhận được nỗi buồn thấm thía trước cảnh quá quen của những kiếp người nhỏ bé, leo lét trong không gian mênh mông tă tối của phố huyện.

- Tầm hồn nhỏ bé và nhạy cảm của Liên cũng buồn và nuối tiếc một quá khứ xa xăm - những ngày sống ở HN- một HN sáng rực và huyên náo với những cốc nước xanh đỏ. Đó là một quá vãng xa xôi mà giờ đây trong tâm trí Liên tất cả hiện lên đều không rõ ràng.

- Liên có cái nhìn huyền diệu về vũ trụ bao la thăm thẳm và bí ẩn. Đó là một vò trời ngàn sao lấp lánh, dải Ngân Hà, ông thần Nông cùng con vịt. Thế nhưng vũ trụ lại quá xa lạ với tâm hồn trẻ thơ, nó làm “mỏi trí nghĩ” của hai chị em. Nên chỉ một lúc sau, hai chị em “lại cúi nhìn về mặt đất”.

- Cảnh đồng quê về đêm thật yên tĩnh, lặng lẽ. Tất cả sự dày đặc của bóng tối đang vây quanh “đường phố và các con ngõ chứa đầy bóng tối” trong khi đó các cửa nhỏ chỉ để hé ra “một khe ánh sáng”, những vệt sáng của đom đóm, các “quầng sáng thân mật xung quanh ngọn đèn”. Sự đối lập gay gắt giữa bóng tối và ánh sáng tô đậm sự buồn tẻ, lay lắt của phố huyện - một cuộc sóng mù sáng. Điều đó càng khiến tâm hồn Liên thấm thía nỗi buồn.

**c. Trong tâm trạng buồn Liên hoài niệm về quá khứ và khao khát, hi vọng đợi chờ:** đó là hi vọng chờ đợi một chuyến tàu đêm đi qua. Diễn biến tâm trạng chờ tàu của hai chị em Liên được Thạch Lam miêu tả khá tinh tế.

- Liên chờ tàu không phải để bán hàng mà là nhu cầu tinh thần hàng đêm. Bởi vậy, An mặc dù đã buồn ngủ díu cả mắt vẫn cố dặn chị “tàu đến chị đánh thức em dậy nhé”. Hai chị em Liên chời đợi tàu trong tâm trạng háo hức, bồi hồi như chờ đợi phút giao thừa thiêng liêng. Liên lặng lẽ chờ đợi với tâm trạng yên tĩnh trong tâm hồn.

- Đoàn tàu đến trong sự mong chờ của chị em Liên. Liên và An hướng cả hồn mình vào đoàn tàu khi còn ở xa “tiếng còi đã rít lên và tàu rầm rộ đi tới với những toa hạng sang, kèn và đồng lấp lánh, các cửa kính sáng. Con tàu đã đem đến một thế giới khác đi qua, một thế giới rực rỡ, vui vẻ, huyên náo- một thế giới khác hẳn với sự nghèo khôt hàng ngày- Đoàn tàu chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc rất ngắn rồi vụt qua đi vào đêm tối. Ta bắt gặp phía sau đoàn tàu một nguồn ánh sáng nhỏ nhoi chỉ trực tan hòa vào bóng tối. An nhận ra tàu hôm nay “kém sáng hơn”, nhưng Liên vẫn “lặng theo mơ tưởng”. Đoàn tàu không làm thay đổi cuộc sống nơi phố huyện nhưng sự xuất hiện của nó đủ để lại niềm khao khát cho những con người nơi đây “chừng ấy con người…của họ”.

**2. Những đóng góp mới mẻ của Thạch Lam trong việc thể hiện cảm hứng nhân đạo**- Đọc truyện của Thạch Lam ta thấy nhà văn không đi vào tố cáo sự đàn áp bất công của xã hội, cũng không khiến người đọc phải uất ức, căm giận những cảnh bóc lột, hành hạ của giai cấp thống trị đương thời. Nhưng tác phẩm vẫn chất chứa tư tưởng nhân đạo đặc sắc. Tư tưởng nhân đạo ấy được toát lên trước hết ở niềm thương xót chân thành của nhà văn trước những cảnh đời đơn điệu, hắt hiu nơi phố huyện nhỏ bé. Nhà văn xót xa bởi họ phải sống một cuộc sống vô nghĩa trong “cái ao đời bằng phẳng”, cuộc “đời tẻ nhạt như tàu không đổi chuyến”. Từ chị em Liên, mẹ con chị Tí đến bà cụ Thi Điên, gia đình bác Sẩm, bác Siêu, họ đang tồn tại chứ không phải đang sống.

+ Họ tồn tại trong một nhịp sống uể oải, tù túng, bế tắc với những công việc tẻ nhạt, buồn chán, lặp đi lặp lại “ngày nào cũng vậy”, “chiều nào cũng thế”, “đem ra rồi lại dọn vào”, “gánh đi rồi lại gánh về”…

+ Đọc thấu được nhịp điệu ấy, nhà văn thương họ, thương cho tất cả những ai phải sống một cuộc đời tẻ nhạt, bằng phẳng như Huy Cận nói:Quanh quẩn mãi giữa vài ba dáng điệuTới hay lui vẫn từng ấy mặt người. Vì quá quen nên quá đỗi buồn cườiMôi nhắc lại chỉ có ngần ấy chuyện. (Quanh quẩn)Thấm đẫm tinh thần xót thương ấy, tác phẩm của Thạch Lam có giá trị nhân đạo mới mẻ, sâu sắc. Đó cũng là điểm gặp gỡ giữa Thạch Lam với các tác giả khác: Xuân Diệu (tỏa nhị Kiều), Nam Cao (Sống mòn).

- Không chỉ dừng lại ở sự xót thương, với hình ảnh đoàn tàu đi qua phố huyện TL dường như còn muốn gióng lên trong tâm trí con người một hi vọng mong manh. Ánh sáng của con tàu hay chính là niềm khao khát đổi thay, khao khát cuộc sống có ý nghĩa hơn, dẫu chỉ là trong mong ước “Chừng ấy con người…họ”.Đặt trong hoàn cảnh XHVN những năm 30- 45, những khao khát ấy cũng chính là sự thức tinh ý thức cá nhân mới mẻ. Nói lên điều này, tác phẩm của Thạch Lam đã góp phần làm phong phú hơn cho tư tưởng nhân đạo của văn học giai đoạn này.

**3. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật**

- Cách dựng truyện:

+ Truyện ngắn Hai đứa trẻ là một truyện không có truyện, không có những biến cố căng thẳng dồn nén, những xung đột gay gắt, những tình tiết căng thẳng, thời gian ngắn, nhân vật không nhiều.

+ Nhưng câu chuyện vẫn hấp dẫn người đọc bởi chính mạch tâm tình của nó. Cả truyện được phát triển theo những diễn biến tâm trạng tinh tế, phức tạp của các nhân vật. Từ đó khơi ngợi cho người đọc những xúc cảm thân quen, những nỗi niềm về quá vãng…Cách kể chuyện tâm tình là một sáng tạo riêng của Thạch Lam góp phần tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn của tác phẩm.- Xây dựng nhân vật: Nhân vật trong tác phẩm Hai đứa trẻ không được xây dựng là những tính cách điển hình mà được khám phá ở chiều sâu tâm trạng. Nghệ thuật phân tích tâm lí của ngòi bút Thạch Lam tạo nên sự thành công của thiên truyện.

+ Những đoạn văn miêu tả nỗi buồn của Liên trong buổi chiều tà.

+ Xúc cảm mênh mông trước vũ trụ bao la. Là những đoạn văn rất giàu chất thơ, thể hiện khả năng diễn tả tâm lí nhân vật của Thạch Lam, gợi lên những cảm xúc thân quen trong lòng người.

Thủ pháp nghệ thuật độc đáo.

+ Đối lập giữa ánh sáng và bóng tối tạo nên những ám ảnh trong lòng người: bóng tối bao trùm toàn tác phẩm. Nó xuất hiện ngay đoạn văn mở đầu, dần lan tỏa khắp thiên truyện: đường phố…bóng tối, tối hết cả…nữa, đêm tối…yên lặng.Thậm chí bóng tối còn ngập dần đầy trong mắt Liên. Ngoài ý nghĩa tả thực hình ảnh bóng tối rất ám ảnh. Cảnh phố phường chìm trong bóng tối được diễn tả chi tiết khiến người đọc dễ liên tưởng tới xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.+ Nhưng trong bóng tối không phải không có áng sáng:

- Ánh sáng xang hắt qua khe cửa những hiệu khách.

- Ánh sáng từ những ngôi sao xa xanh.

- Ánh sáng từ ngọn đèn chị Tí chỉ là một quầng sáng thân mật. Ánh sáng nhỏ bé, lẻ loi chỉ đủ soi rọi xung quanh. Sự xuất hiện của ánh sáng khiến ta càng thấm thía hơn sự nhỏ bé của kiếp người mong manh. Và người ta càng khát khao biết bao trước ánh sáng rực rỡ, chói lòa - ánh sáng đoàn tàu hay là thứ ánh sáng khác từ cái tăm tối hàng ngày của họ.Sự xuất hiện của ánh sáng- bóng tối chính là sự sáng tạo độc đáo làm bật sức sống của tác phẩm.

+ Ngôn ngữ văn xuôi giàu chất thơ:

*“chiều chiều rồi…đưa vào”  
“Một đêm mùa hạ…gió mát”.*

**III. Kết thúc vấn đề**

Hai đứa trẻ là một truyện ngắn hay của TL. Nó không hấp dẫn người đọc bằng những tính cách sắc nét, tình huống li kì. Nó hấp dẫn người đọc bằng chính vẻ đẹp của cuộc sống đời thường đã được khám phá, cảm nhận bằng chính ngòi bút tinh tế và giọng văn nhẹ nhàng của tác giả.Hai đứa trẻ là một bài thơ trữ tình đượm buồn thể hiện những giá trị nhân đạo mới mẻ, đặc sắc của TL. Qua đó, chúng ta còn thấy được ngòi bút tài hoa của người nghệ sĩ trang trọng trước sự sống.  
**Đề 6: “Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người.” (Nguyễn Đình Thi) Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam.**

Có thể trình bày bằng những cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

**a. Giới thiệu vấn đề nghị luận**

- Dẫn dắt và trích câu nói :“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người.”

**b. Giải thích vấn đề:**

- “Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người”: Cuộc đời là nơi xuất phát của văn nghệ. Hiện thực đời sống tác động vào nhận thức, tình cảm của người nghệ sỹ làm người nghệ sỹ nảy sinh những xúc cảm mãnh liệt. Nó thôi thúc người nghệ sỹ cầm bút sáng tác. “Xã hội nào thì văn học ấy”, “văn học là tấm gương phản chiếu hiện thực xã hội”…

- “Văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người.”:

+ Đích đến của văn nghệ là cuộc sống. Chức năng của văn học là phục vụ cuộc sống và con người. Văn học nghệ thuật phải làm cho cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn, con người trở nên trong sáng, lương thiện và Người hơn. “Nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người, giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật…Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người” (Nguyên Ngọc)  
+ Văn chương chân chính phải là tiếng nói đồng vọng từ cuộc sống, bênh vực và tìm lối thoát cho những số phận hẩm hiu. Ca ngợi những vẻ đẹp của con người, phê phán những thế lực xấu xa, chà đạp lên quyền sống của họ.

+ Văn chương thổi vào những tâm hồn héo hắt nguồn sống mới đó là niềm vui, niềm tin, niềm hi vọng, nghị lực sống, tình yêu, tình quê hương, đất nước…

**c. Chứng minh qua tác phẩm “Hai đứa trẻ” –Thạch lam.**

- Văn học “bắt rễ ở cuộc sống hàng ngày của con người”

+ Tác phẩm “Hai đứa trẻ” là bức tranh hiện thực về cuộc sống tù đọng, tối tăm của xã hội Việt Nam trước CMT8- 1945. Một bức tranh được vẽ bằng những gam màu u tối, nhợt nhạt. Ánh sáng chỉ le lói, yếu ớt. Hoạ vào đó là những âm thanh nhỏ nhoi, uể oải, chậm chạp, mệt mỏi. Những con người tàn tạ, nghèo nàn, khốn khổ sống đơn điệu, quẩn quanh tẻ nhạt…

+ Tác phẩm phản ánh được những vấn đề tồn tại của hiện thực đời sống. Nhưng tác giả không sao chép thực tế một cách cứng nhắc mà gửi gắm vào đó nhiều điều mới mẻ, sâu sắc.

- Học sinh có thể phân tích cuộc sống nghèo khổ, quẩn quanh, tăm tối của  chị em Liên và những người dân phố huyện.- Văn học “lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người.”

+ Tác phẩm“Hai đứa trẻ” thực sự tác động đến tư tưởng, tình cảm, thế giới quan của người đọc và làm thay đổi nhận thức của họ.

- Nó thanh lọc tâm hồn con người, hướng họ đến những giá trị nhân văn cao cả. Đó là tình yêu thương, đồng cảm, xót xa trước những kiếp người khốn khổ, tàn tạ. Đó là sự nâng niu trân trọng những mơ ước, những khao khát đổi đời dù những ước mơ còn mơ hồ, chưa rõ hình hài (Bức tranh cuộc sống nơi phố huyện và tâm trạng của chị em Liên và An). Cao hơn nữa là sự sẵn sàng đem đến và thắp sáng những ước mơ cho những con người khốn khổ và bất hạnh đó.(Hình ảnh đoàn tàu qua phố huyện) Nó nâng đỡ sự sống, gieo vào tâm hồn con người những ước mơ chân chính, những niềm tin bất diệt vào những giá trị của cuộc sống. Dù trong hoàn cảnh nào cũng không tắt những ước mơ, những hi vọng vào những điều tốt đẹp. (Cuộc sống dù nghèo nàn, tù túng, lay lắt quẩn quanh nhưng những con người nơi phố huyện chưa ngày nào thôi chờ đợi, khát khao…)

- Truyện ngắn còn gieo vào lòng người đọc tình yêu thương gắn bó với quê hương (Những bức tranh quê hương gần gũi mà không kém phần thơ mộng, gợi cảm. Các nhân vật trong truyện luôn gắn bó với nơi thôn dã, sống hoà hợp với thiên nhiên…)

+ Tác phẩm “Hai đứa trẻ” còn làm cho người đọc rung động xao xuyến bởi nghệ thuật viết truyện mang đậm sác thái trữ tình, lãng mạn (Giọng văn nhẹ nhàng, điềm tĩnh, khách quan;  lời văn bình dị nhưng luôn ẩn hiện một một tình cảm xót thương, trân trọng; nghệ thuật miêu tả rất tinh tế những biến thái tinh vi của cảnh vật và diễn biến tâm trạng của các nhân vật…)

**d. Đánh giá chung**

- Văn chương đích thực phải xuất phát từ cuộc sống và đến với cuộc sống. Văn học phải phục vụ đời sống và con người. Tác phẩm Hai đứa trẻ xứng đáng là một minh chứng rõ nét cho nhận định sâu sắc này.

- Tác phẩm chính là sự thể hiện cụ thể của những suy nghĩ, những quan niệm nhân sinh sâu sắc của nhà văn Thạch Lam.

- Nhận định cũng để lại bài học sâu sắc cho những văn nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật của mình …

**Đề 7: Trong tác phẩm “Lão Hạc” Nam Cao viết:**

***“… Chao ôi! Đối với những người xung quanh ta, nếu.. che lấp mất…”***

**Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm “Lão Hạc”, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?**

Gợi ý:

**A. Mở bài.**

- Dẫn dắt: Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên việc đánh giá con người phải có sự tìm hiểu và cái nhìn cụ thể.

- Đặt vấn đề: Cách nhìn, đánh giá con người qua câu nói trên

**B. Thân bài:**

***a. Giải thích:***

- Đoạn văn là lời độc thoại của nhân vật ông giáo, thông qua nhân vật này, tác giả Nam Cao thể hiện cách nhìn, cách đánh giá đầy sự cảm thông và trân trọng con người, nói cách khác con người được biểu hiện ở 2 mặt:

+ Biểu hiện bề ngoài: Có thể nhìn thấy bằng cái nhìn trực tiếp, đánh giá qua lời nói, hành động…

+ Bản chất bên trong: Chỉ có thể thấy bằng tình thương, sự cảm thông

- Phải đem hết tấm lòng của mình, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để cố mà tìm hiểu, xem xét con người ở mọi bình diện thì mới có cái nhìn đầy đủ, chắt gạn được những nét phẩm chất đáng quý của họ, còn nếu chỉ nhìn phiến diện thì sẽ có ác cảm hoặc những kết luận sai lầm về bản chất con người.

***b. Chứng minh:***

**1. Nhân vật lão Hạc trong tác phẩm được nhìn dưới cái nhìn của ông giáo và cả cái nhìn của các nhân vật khác với những biểu hiện bề ngoài thiếu thiện cảm.**

*a. Lão Hạc hiện ra trong truyện với những việc làm, hành động bề ngoài có vẻ lẩm cẩm, gàn dở:*

- Bán một con chó mà đắn đo, sũy nghĩ mãi, sang ông giáo nói chuyện nhiều lần làm ông giáo có lúc cảm thấy “nhàm rồi”.

- Bán chó rồi thì đau đớn, vật vã, dẵn vặt… như mình vừa làm ra tội ác gì lớn lao lắm.

- Làm những việc mà các cụ xưa hay nói là “gở” như: giao tài sản duy nhất lại cho ông giáo, gửi tiền làm ma, chấp nhận cuộc sống cùng cực, đói khổ…

- Từ chối lòng tốt bằng thái độ hách dịch ….

- Xin bả chó để tự vẫn…

*b. Lão Hạc còn hiện ra qua cái nhìn của các nhân vật khác với những nét ấu trĩ, quái đản, thậm chí ghê gớm…*

- Vợ ông giáo: nhìn thấy ở Lão Hạc một tính cách gàn dở: “*Cho lão chết, ai bảo lão có tiền mà…… lão làm lão khổ chứ ai*…” thậm chí thị còn vô cùng bực tức khi ông giáo rỗi hơi bảo thị giúp đỡ “*Thị gạt phắt đi*….”

- Binh Tư: Từ bản tính của mình khi nghe lão Hạc xin bả chó, hắn vội kết luận ngay về cái “*ra phết*” và “*chẳng vừa đâu*” của lão Hạc.

- Ngay cả ông giáo cũng có đôi lúc không hiểu về lão Hạc “Làm quái gì có một con chó mà lão băn khoăn quá thế.” Thậm chí ông cũng chua chát nghĩ và thốt lên khi nghe Binh Tư kể chuyện lão xin bả chó “*Cuộc đời cứ mỗi ngày càng thêm đáng buồn*”

*c. Đánh giá- Bình luận.*

- Con người thường nhìn nhận, đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài với những lời nói, hành động, cử chỉ… Sự đánh giá này chỉ mang tính chất phiến diện và không thể hiện hết được bản chất tốt đẹp của con người. (Nếu chỉ nhìn nhận, đánh giá thế này thì ta thấy lão Hạc thật đáng ghét)

**2. Nhưng chính ông giáo đã phát hiện ra được những phẩm chất đáng quý, bản chất đáng trọng của con người ẩn đằng sau những hành động, lời nói… gàn dở, thiếu tình người.**

*a. Ông giáo là người có tri thức, có kinh nghiệm sống, có cái nhìn toàn diện và cảm thông, lại chịu quan sát, tìm hiểu, suy ngẫm nên ông phát hiện ra chiều sâu tính cách được thể hiện qua vẻ bề ngoài.*

- Ông cảm thông và hiểu vì sao lão Hạc không muốn bán chó: Nó là người bạn, người thân, là kỉ vật…ông cũng an ủi,sẻ chia với nỗi đau dằn vặt khi lão khóc thương con chó và xỉ vả chính mình. Quan trọng hơn là ông phát hiện ra nguyên nhân sâu xa của việc gửi tiền, gửi vườn, xin bả chó và lựa chọn cái chết đau đớn. Có lẽ tất cả là vì con, vì lòng tự trọng cao quý. Ông giáo đã nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn ẩn đằng sau vẻ bề ngoài gàn dở, lập dị.

- Ông giáo cũng hiểu và cảm thông được với thái độ và hành động của vợ mình. Có lẽ vì quá khổ nên thị trở nên thờ ở, lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau khổ của đồng loại. “*Vợ tôi không ác*…” Ông giáo lí giải được sự vô tâm, khiếm khuyết trong suy nghĩ, nhân cách vợ mình.

*b. Đánh giá, bình luận.*

- Chỉ khi thực sự hiểu, chia sẻ, cảm thông với những người xung quanh, quan tâm tới suy nghĩ, nỗi đau và những dằn vặt của họ ta mới thấy bản chất tốt đẹp của con người (Lúc này lão Hạc đã đáng thương, đáng yêu, đáng trọng hơn nhiều)

**3. Kết luận chung:**

- Ông giáo là nhân vật trung tâm, dẫn dắt câu chuyện, từ việc miêu tả các nhân vật mà quan sát, suy ngẫm để rồi rút ra những kết luận có tính chất chiêm nghiệm đúng đắn và nhân bản về con người.

- Có thể nói tác giả đã hóa thân vào nhân vật này để đưa ra những nhận xét, đánh giá chứa chan tinh thần nhân đạo về cuộc đời, về con người. Đâylà một quan niệm hết sức tiến bộ định hướng cho những sáng tác của nhà văn sau này.

**C. Kết bài.**

- Khẳng định lại tính triết lí của câu nói. Đây cũng là triết lí sống của tác giả.

- Suy nghĩ của bản thân em.

**Đề 8: Suy ngẫm về giá trị đích thực của một tác phẩm văn chương, nhà văn Nam Cao khẳng định: “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ…. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”. Qua truyện ngắn “*Lão Hạc*”- Nam Cao, em hãy phân tích làm sáng tỏ nhận định trên.**

**Gợi ý**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Giới thiệu những hiểu biết về tác giả Nam Cao: con người, tài năng, phong cách, đóng góp và vị trí trên văn đàn đặc biệt trong trào lưu hiện thực phê phán.

- Thành công xuất sắc của Nam Cao là truyện ngắn, được tập trung vào hai đề tài chính: người nông dân nghèo và người trí thức nghèo giai đoạn trước 1945.

- Nam Cao xuất hiện trên văn đàn và nổi tiếng trong lịch sử văn học không chỉ để lại những sáng tác bất hủ mà còn để lại những suy nghĩ sâu sắc về văn học và nghề văn.

- Xuất xứ của câu nói: Nhân vật Hộ (nói thay cho tác giả) trong tác phẩm *“Đời thừa”* (Đăng lần đầu trên Tuần báo *“Tiểu thuyết thức bảy”* số 490 ngày 4/12/1943) là một trong những sáng tác đặc sắc, tiêu biểu nhất của nhà văn hiện thực lớn Nam Cao.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích nội dung nhận định:**

- *“Một tác phẩm thật giá trị”*, có thể hiểu là một tác phẩm văn học chân chính, một tác phẩm nghệ thuật lớn, có giá trị (nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ, …).

- *“là một tác phẩm vượt lên trên tất cả bờ cõi, giới hạn, phải là tác phẩm chung cho cả loài người”:* Đó là sức sống của tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học vượt lên giới hạn không gian, thời gian.

- “*Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao mạnh mẽ*”: Phải đặt được những vấn đề lớn lao chính là nội dung phản ánh hiện thực của tác phẩm và tình cảm của nhà văn trước hiện thực ấy.

*“Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn".* Đây là giá trị nhân đạo và chức năng nhân đạo hóa con người của tác phẩm văn học. Đó là điều cốt lõi, là hạt nhân cơ bản của một tác phẩm có giá trị.

- Cách diễn đạt: “Một tác phẩm *thật giá trị … phải … phải là … Nó … vừa … vừa … Nó …. Nó …”* là yêu cầu khắt khe và nghiêm túc của Nam Cao với *“một tác phẩm thật giá trị”* và cũng là biểu hiện đa dạng, phong phú của giá trị văn chương chân chính.

**b. Chứng minh:**

- Luận điểm 1: Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo cao cả của truyện ngắn Lão Hạc Nam Cao.

- Luận điểm 2: Tác động về nhận thức, giáo dục,... của tác phẩm đó đối với bạn đọc.

- Luận điểm 3: Khái quát, mở rộng:

+ Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung chính của truyện ngắn Lão Hạc. So sánh với một số sáng tác khác của Nam Cao viết về đề tài người nông dân, người trí thức, từ đó khẳng định sức sống của tác phẩm Nam Cao

+ Quan điểm nghệ thuật đặc biệt tiến bộ và sâu sắc của nhà văn Nam Cao, lúc nào ông cũng hết sức trung thành với các tuyên ngôn của mình.

+ Chính vì thế, ý kiến của Nam Cao càng thấm thía và đầy sức thuyết phục lớn đối với mọi người, đó cũng là bài học sâu sắc cho các nhà văn và cả những người làm văn hôm nay và mai sau.

**3. Kết bài:** *(0,5 điểm)*

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận:

+ Giữa quan niệm sáng tác và quá trình sáng tác của Nam Cao luôn có sự thống nhất. + Khẳng định câu nói của Nam Cao: *“Một tác phẩm thật có giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”* là đúng. Quan niệm đúng đã tạo nên những thành công của Nam Cao.

**Đề 9: Có người không hiểu: Vì sao Nam Cao lại để cho lão Hạc tìm dến cái chết trong khi vẫn còn nguyên nguồn sống, còn vườn, còn tiền. Họ lại càng không hiểu vì sao: một người tốt đẹp như thế lại phải tự tử bằng cách ăn bả chó - một cái chết đau đớn và dữ dội?**

**Hãy viết một bài văn nhằm giải đáp những thắc mắc trên để mọi người cùng thấy: Đó là những sáng tạo nghệ thuật sâu sắc có khả năng giúp người ta nhận rõ thực chất đời sống và con người nông dân trước Cách Mạng.**

**Hoặc Đề bài : Tóm tắt văn bản “Lão Hạc” (SGK Ngữ văn 8 - tập 1) và trình bày suy nghĩ của em về cái chết đau đớn, dữ dội của nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao.**

**Dàn ý bài chi tiết**

**1. Mở bài:**

- Đánh giá phong cách viết văn và cách nhìn đúng đắn về người nông dân của nhà văn Nam Cao trong trào lưu hiện thực phê phán 1930 - 1945.

- Dẫn dắt vấn đề (có hai vấn đề phải dẫn dắt):

1. Vì sao Nam Cao lại để cho lão Hạc tìm đến cái chết trong khi vẫn còn nguyên nguồn sống, còn vườn, còn tiền ... Vì sao một người tốt đẹp như như lão Hạc lại phải tự tử bằng cách ăn bả chó?

2. Những sáng tạo nghệ thuật của Nam Cao có khả năng giúp người ta nhận rõ thực chất đời sống và con người nông dân trước Cách mạng tháng Tám (trong thời thực dân nửa phong kiến).

*Lưu ý: - Ở một số đề thi HSG, các ý cần học sinh chứng minh sẽ không được in đâm hay in nghiêng hoặc tạo ra một kí hiệu nào đó mà bắt học sinh phải tự nhận biết để chứng minh. Vì thế, khi đọc đề cần phải gạch chân trước những từ ngữ/ý quan trong để khi làm bài không thừa hoặc thiếu luận điểm. Trên đó là một trong những ví dụ cụ thể, nếu không được in đậm thì đa số sẽ không thế xác định được vấn đề phải chứng minh (chủ yếu là vấn đề 2).*

*- Ở đề bài 1.2 thì không có vấn đề nghị luận nhưng HS cũng phải nếu khái quát về nhân vật lão Hạc để làm tiền đề cho phần thân bài.*

**2. Thân bài:**

Chứng minh ý kiến trên là đúng thông qua nhân vật lão Hạc trong tác phẩm “Lão Hạc” của Nam Cao.

- Luận điểm 1: Đoạn chuyển.

*+* Đối với cách làm của HSG thì nên trích dẫn một câu nói nào đó để chứng minh vấn đề [vd: “Đối với tôi, văn chương không phải là sự thoát ly hay sự quên lãng. Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực. Nó có thể thay đổi cả một thế giới giả dối và tàn ác, ca ngợi sự công bình, làm người gần người hơn” (Thạch Lam)].

*Lưu ý: Khi trích dẫn câu nói thì phải cho vào ngoặc kép, cuối câu nói là tên của người nói/viết (nếu đã giới thiệu rồi thì không cần). Khi trích dẫn cần phải đầy đủ, chính xác, nếu không nhớ rõ câu nói thì nên phác họa lại nội dung câu nói, không nên trích sai câu nói. Sau khi đã trích thì nên giải thích ý nghĩa câu nói để làm sao liên hệ được đến với vấn đề cảu tác phẩm (trong trường hợp câu nói của Thạch Lam và đối với đề bài này thì câu nói chỉ có tác dụng với vấn đề 1 - cái chết của lão Hạc).*

+ Tóm tắt hay nói cách khác là kể lại một cách thật ngắn gọn hoàn cảnh của Lão Hạc (vật chất và tinh thần) để làm sao toát lên sự vất vả, khổ cực của lão qua đó đánh giá trước nghệ thuật miêu tả tâm lí hay phong cách viết văn của nhà văn Nam Cao.

- Luận điểm 2: Hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất lẫn tinh thần của lão Hạc.

+ Vật chất: một căn nhà cũ nát, một sào vườn cằn cỗi, một con chó Vàng.

+ Tinh thần: vợ mất sớm, sống cũng với đứa con trai ... con trai bỏ đi đồn điền cao su, lão cô đơn một mình với cậu Vàng (chó Vàng).

+ Hoàn cảnh cùng cực sau khi lão ốm và đứa con trai ra đi:

1. Gia sản chỉ có một sào vườn nhỏ đủ để cho lão bòn mót và một con chó mà lão thường gọi là Cậu Vàng.

2. Sức khỏe của lão càng ngày càng đuối, bão đến cuốn đi vụ hoa màu trên mảnh vườn lão, các việc nhỏ nhẹ trong làng thì bị cướp mất.

3. Do hoàn cảnh ép buộc, lão đành phải bán cậu Vàng với giá 5đ.

4. Ép mình phải ăn củ chuối, củ sung; làng xóm giúp đỡ lão thì lão từ chối như một kẻ hách dịch, từ chối lời mời của ông Giáo.

=> Lão đành sống một mình trong sự cô đơn và giằng buộc của bản thân và rồi lão tìm đến cái chết.

*Lưu ý: Khi làm luận điểm này cần phải đan xen những khó khăn về mọi mặt của lão Hạc theo một trình tự nhất định để làm nổi bật lên sự khó khăn của lão và giới thiệu lão chết.*

- Luận điểm 3: Cái chết đau đớn của lão Hạc, ông Giáo hiểu ra và hé lộ phẩm chất tốt đẹp của lão Hạc => Giải thích vấn đề 1.

*Lưu ý: Trước khi sang luận điểm 3 cần phải có một đoạn chuyển từ luận điểm này sang luận điểm khác: nên đánh giá hoàn cảnh của lão Hạc.*

+ Sau khi bán cậu Vàng, lão đã đến tìm đến Binh tư xin một ít bả chó. Sau khi nghe Binh tư kể lại, ngay cả ông Giáo cũng nghi ngờ lão Hạc.

+ Cái chết đau đớn, dữ dội của lão Hạc: “lão đang vật vã ... Cái chết thật dữ dội!”. Đến lúc này, ông Giáo và Binh Tư mới hiểu ra.

+ Phẩm chất của lão Hạc: yêu thương con (muốn chết để giữ lại tiền cho con), giàu lòng tự trọng (không muốn liên lụy đến hàng xóm), muốn giữ lại những phẩm chất tốt đẹp của mình, không muốn bị cái xấu xâm phạm đến.

+ Chứng minh luận điểm:

1. “Vì sao lão hạc phải tìm đến cái chết trong khi vẫn còn nguyên nguồn sống, còn tiền, còn vườn”: tuy lão vẫn còn tiền, còn vườn nhưng lão ăn mãi sẽ hết, khi con trai lão về sẽ không có vốn làm ăn. Vì thương con, nên lão đành chết để giữ lại tiền cho con.

2. “Vì sao lão phải chết bằng cách ăn bả chó”: có lẽ, lão muốn chứng minh mình không hề theo gót Binh Tư làm bậy. Mặt khác, cái chết của lão như lời tạ tội với chó Vàng, hình ảnh cái chết của lão cũng như hoàn cảnh chết của chó Vàng.

**3. Khẳng định**: “Đó là những sáng tạo nghệ thuật sâu sắc của Nam Cao có khả năng giúp người ta nhận rõ thực chất đời sống và con người nông dân trước Cách Mạng”.

- Luận điểm 4: Mở rộng vấn đề, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của t/g.

+ Đánh giá vấn đề (có 3 vấn đề để đánh giá - như trên),

+ Phản đề: Thường có trong văn **nghị luận về tư tưởng đạo lí, đời sống, hiện tượng xã hội**, nếu là học sinh có sức viết tốt, biết cân chỉnh thời gian hợp lí thì nên cho mục phản đề này vào: khẳng định, trong xã hội hiện nay, không có ít những trường hợp “coi rẻ” phẩm chất của mình. Qua đó, đánh giá và phê phán những hành động đó.

+ Liên hệ - mở rộng: bao gồm liên hệ bản thân và liên hệ với các tác phẩm khác. Khi liên hệ bản thân: ta nên liên hệ với thực tế đời sống và với bản thana mình rồi đưa ra những việc làm tốt (những việc làm trái ngược thì đã có ở mục phản đề, nếu không viết mục phản đề thì nên lướt qua). Khi liên hệ với các tác phẩm khác: liện hệ với những tác phẩm có chung chủ đề (vd: nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên ... ) và nêu nổi vật những điểm chung của các tác phẩm rồi đánh giá, nhận xét vấn đề chứng minh.

*Lưu ý: Ngoài ra, ta có thể nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật kể chuyện và đánh giá giọng văn của nhà văn Nam Cao để khẳng định: trong văn ông luôn có tình người và đề cao phẩm chất con người dù trong bất cứ hoàn cảnh nào đi chăng nữa.*

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề theo hướng mở rộng của bản thân.

**Bài làm mẫu**

Nam Cao - một nhà văn nhân đạo - một trong những cây bút sáng giá đã để lại những trang viết tâm huyết về người nông dân trước Cách mạnh tháng Tám mang đậm giá trị hiện thực trong trào lưu hiện thực phê phán 1930 - 1945. Với nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên, cách nhìn đúng đắn, sâu sắc, nhất là tình thương da diết và niềm tin mãnh liệt vào những “người cùng khổ” của Nam Cao đã được bộc lộ rõ. Một lão Hạc với số phận bi đát, khổ cực nhưng lại ánh lên một tâm hồn trong sáng dường như đang hiện diện lên mắt người đọc chúng ta. Truy nhiên, lão lại phải chết một cách dữ dội và đau đớn để giữ một vẻ đẹp tâm hồn trong sáng. Có lẽ, Nam Cao rất đau đớn khi để nhân vật của mình “ tìm đến cái chết trong khi vẫn còn nguyên nguồn sống”. Nhưng chính cái chết đau đớn đó, ta mới cảm nhận được “những sáng tạo nghệ thuật sâu sắc” của ông toát lên một thứ ánh sáng diệu kì soi đường cho những người nông dân giữa một bầu trời đen tối.

Sinh thời, nhà phê bình văn học Thạch Lam đã từng nói: “Đối với tôi, văn chương không phải là sự thoát ly hay sự quên lãng. Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực. Nó có thể thay đổi cả một thế giới giả dối và tàn ác, ca ngợi sự công bình, làm người gần người hơn”. Thật vậy, “Lão Hạc” đã thể hiện rõ điều đó. Xuyên suốt qua tác phẩm, dường như, Nam Cao đã đưa người đọc đến một xã hội bất công, không chút tình người, cho ta thấy rõ bản chất và số phận của những người nông dân thực sự. Có lẽ, nó “chuyên chú đến con người” hơn là mang đậm ý nghĩa văn chương. Hoàn toàn khác với “loại văn chương không đáng thờ” chỉ “chuyên chú ở văn chương” dễ nhàm chán và không tạo được dấu ấn trong lòng người đọc. Và có lẽ, cái chết đau đớn hay bản chất của người nông dân như sự tố cáo hay “mũi tên” bắn thẳng vào “trái tim đen tối” của một chế độ phong kiến “hỗn mang”, “thay đổi một thế giời, làm người gần người hơn”. Và đó chính là một bài học đạo đức “tuyệt vời” cho những con người ở thế kỉ XXI hiện nay.

Với ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật thành công, “Lão Hạc” đã để lại cái dư vị sâu sắc dối với bạn đọc. Và Nam Cao - với ngòi bút bậc thầy tinh luyện, ông đau đơn, xót xa như “nhỏ máu” khi để nhân vật tâm huyết của mình phải “tìm đến cái chết trong khi vẫn còn nguyên nguồn sống”. Vậy tại sao lại thế?

Thì ra, lão sống suốt đời trong sự vây bủa của cái đói, cái nghèo. Đã nghèo lại góa vợ, lão lâm vào cảnh một thân “gà trống nuôi con”. Không có ruộng cày, toàn bộ gia sản của lão chỉ có con chó - người bầu bạn sớm khuya và ba sào vườn - đủ cho lão bòn mót đủ ăn. Mảnh vườn ấy có được là do vợ lão “cố thắt lưng buộc bụng”, “dè xẻn mãi mới để được ra năm mươi đồng bạc tậu về”. Đó là mảnh vườn còm cõi, hoa màu ít ỏi, chỉ đủ cho lão bòn mót nên lão phải đi làm thuê, làm mướn mới có đủ cái ăn. Đó là tất cả cuộc đời của lão khiến lão phải thốt lên rằng: “cuộc đời như thế chỉ “nhỉnh” hơn cái kiếp con chó”! Và cũng chính từ cái nghèo, cái đói mà người cha như lão đành phải chịu khuất phục trước hạnh phúc của đứa con trai “độc đinh”. Thế rồi, con trai lão quyết chí đi đồn điền cao su để có tiền cho “bõ tức”. Cuộc đời của lão như nhói lên một nỗi đau, một cảnh đời cùng khổ của những người nông dân trước cách mạng Tháng Tám.

Cậu con trai duy nhất bỏ lão mà đi khiến lão trơ trọi một mình. Chỉ có con chó Vàng làm bạn sớm tối để lào ân hận và cảm thấy mình có lỗi. Con chó trở thành “Cậu Vàng”, thành người một nhà của lão. Dường như, lão vẫn không thể nào quên được đứa con trai. Trong kí ức của lão, cậu Vàng là một kỉ vật thiêng liêng, là tài sản của đứa con trai. Có một sợi dây liên lạc rất lạ lùng giữa lão Hạc, cậu Vàng và cậu con trai “vắng mặt”. Cho nên có bao nhiêu tình thương, nỗi nhớ chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão cho nó ăn trong bát sứ, chia sẻ thức ăn, chăm sóc, trò chuyện với nó như một người bạn thâm giao, tưởng không thể nào có thể xa rời nó. Bởi thế, cái ý định “có lẽ bán con chó” ấy của lão Hạc bao lần chần chừ không thực hiện rồi cuối cùng, cậu Vàng được bán đi với giá năm đồng bạc.

Cậu Vàng bán đi có vẻ là quyết định khó khăn nhất của đời lão. Năm đồng bạc kể ra cũng là “món tiền to”, nhất là giữa thời buổi “đói deo đói dắt thế này”. Nhưng, lão Hạc bán cậu Vàng đi không phải vì tiền mà bởi tình cảnh đói nghèo, khốn quẫn đã buộc lão phải chia tay với nó. “Thóc cao, gạo kém”, sức cùng, lực kiệt, lão đành phải làm như vậy! Cái khoảnh khắc “lão cố làm ra vui vẻ” cũng không thể giấu được bộ dàng “cười như mếu và đôi mắt lúc nào cũng ầng ậng nước”. Lão tự nhất mình là kẻ bất nhân, là tên lừa đảo với một con cho vốn “tin yêu của mình”. Có lẽ, đây là giây phút đáu đớn của cuộc đời lão khiến “mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc ...!”. Cuộc đời lão như dòng nước mắt chảy dài trên những nỗi đau bất lực. Có lẽ, cậu Vàng đã là một “phần nước mắt” nước mắt của lão. Nó tỏa rạng tâm hồn và làm ảnh lên bản chất tốt đẹp trong ông lão nông dân đầy bất hạnh. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng, từ túng quấn, lão Hạc bồng chìm xuống như bị ai “vùi dập”.

Trong lúc đó, lão “ép” mình phải ăn của chuối, củ sung trong khi vẫn còn tiền. Ông Giáo mời lão ăn khoai và uống nước chè thì lão xin khất. Mọi người giúp đỡ lão thì “lão từ chối như một kẻ hách dịch”. Có lẽ, bản chất của một con người thực sự đã được bộc lộ rõ. Liệu những kẻ vô cảm như Thị - vợ ông Giáo hay tên ăn trộm như Binh Tư và bao người khác nữa có hiểu được những chan chứa trong lòng lão hay không? Cuối cùng, vì lòng tự trọng của mình, lão đã đi đến một hành động như tự giải thoát - cái chết - một cái chết dữ dội và đầy bí ẩn trong khi tài sản vẫn còn.

Đặc biệt hơn, trước khi lão chết, lão đã gửi lại toàn bộ tài sản của mình cho ông Giáo, nhờ ông Giáo giữ hộ cho đến khi “thằng con trai lão về”. Tiếp đó, lão xin Binh Tư một ít bả chó. Thành thật, Binh Tư và một số người khác cũng chẳng hiểu lão xin để làm gì hay lão cũng theo gót Binh Tư làm chuyện xấu. Và đáng buồn hơn, hành động đó cũng làm cho một người bạn thân của lão là ông Giáo cũng hiểu nhầm. Vài hôm sau, lão bỗng dưng chết một cách đột ngột, đau đớn thì lúc đó, câu chuyện mới được làm sáng tỏ.

Phải chăng, chỉ có cái chết mới trọn đạo làm cha, mới giữ trọn vẹn được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng. Và cũng đúng hơn, nếu lão sống, lão sẻ phải đánh đổi bằng “tình phụ tử” vun đắp bây lâu, “hụt” đi phần nào số tiền lão dành dụm cho con và đặc biệt hơn, điều đó sẽ phiền lụy đến bà con hàng xóm bởi lão biết, họ cũng chẳng hơn lão được thứ gì, có khi còn khổ hơn lão rất nhiều. Cho nên, chính vì lòng tự tróng, lão bắt buộc phải đi đến cái chết.

Dường như cái chết của lão như được báo trước. Lão đã trải qua những chua chát, tủi cực của một kiếp người khi phải đối mặt với hiện thực nghiệt ngã. Lão chết trong cảnh tượng thảm thương: “Lão đang nằm vật vã ở trên giường, đàu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại giật mạnh lên một cái. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên lão. Lão vật vã hai giờ đồng hồ mới chết. Cái chết thật dữ dội!...”. Bằng những sáng tạo nghệ thuật hằn ẩn trong từng câu chữ, Nam Cao đã miêu tả lại một cách tỉ mỉ hình dáng, cử chỉ của lão Hạc lúc “lâm chung”. Ta hãy nhìn lão quằn quại, cả người giật đùng đùng đến mức phải có “hai người đàn ông lực lưỡng đè lên” mới hạn chế được những cái giật mình, đầu tóc rồi bời, áo quần xô xệch, bọt mép trào ra ta mới thất lão phải trải qua nỗi đau đớn tột cùng về thể xác. Hai tiếng đồng hồ trôi qua mà cứ như là rất lâu. Chỉ qua những nét phác họa đơn gian, bậc thầy Nam Cao đã cực tả được nỗi đau khôn cùng của lão Hạc. Không chỉ tả thực, ông còn đưa ra một câu đánh giá “cái chết thật dữ dội!”. Thì ra, cái chết của lão để chứng minh lão không bao giờ theo gót Binh Tư làm chuyện bậy và tình yêu thương con tha thiết. Dường như, cái chết đau đớn của lão như sức ám ảnh ghê gớm trong mỗi đồng giả chúng ta.

Cái chết của lão lại hé lộ ra một khả năng: “Tại sao, lão lại phải chết một cách đau đớn và nghiệt ngã và đau đớn bằng bả chó?”. Phải chăng, đó như sự chuộc lỗi với con chó Vàng. Một cái chết đau đớn về thể xác nhưng lại thanh thản về tinh thần. Nhưng thực sự, lão rất muốn sống, muốn giữ lại toàn bộ tài sản trong niềm mong nhớ đứa con trai trở về. Nhưng lão phải chết để trọn đạo làm cha, giữ được cái bản chất lương thiện của mình. Lão chết để bảo toàn số tiền cưới vợ cho con và lão cũng không muốn phiền lụy đến làng xóm, Lão chết tượng trưng cho tình thương âm thầm và cái chết của lão đã đưa lão đến một thế giới hoàn toán mới, tốt đẹp hơn, tươi sáng hơn, không chút phiền muộn nào và cũng không bị vùi dập của chế độ thực dân phong kiến.

Có lẽ, cái chết của lão vật vã trên giường cũng gần như cảnh “thàng Mục, thàng Xiên bắt cậu Vàng”! Đó như lời tạ tội chân thành, sâu sắc đến người bạn mà lão trân trọng nhất. Qua cái chết dữ dội đó, ta mới thấy bản chất lương thiện và lòng tự trọng cuả con người cao biết chừng nào!

Dường như, từng câu chữ là niềm đau, niềm đồng cảm của nhà văn trước nhân vật. Và cũng qua đó, ta mới biết, dù có chết, họ vẫn luôn giữ lại bản chất lương thiện và lòng tự trọng của mình. Đồng thời, nó còn thể hiện một tinh thân nhân đạo và giá trị hiện thực của tác giả trong tác phẩm. Và điều đó là những sáng tạo nghệ thuật sâu sắc có khả năng giúp người ta nhận rõ thực chất đời sống và con người nông dân trước Cách Mạng.

Qua từng chi tiết đó, ta mới cảm nhận được những ý nghĩa sâu sa ẩn chứa bên trong những con người gần như “gàn dở”. Trong sự bế tắc, cùng cực của hoàn cảnh, người nông dân nghèo vẫn giữ được phẩm giá tốt đẹp. Nam Cao đã thể hiện thái độ trân trọng và cái nhìn nhân đạo cùng với một triết lí nhân sinh cao cả: “Con người chỉ xứng đáng với danh nghĩa con người người khi biết nâng niu, chia sẻ những điều đáng thương, đáng quý ở con người”. Và rồi, cái chết của lão Hạc như một bản án tố cáo chế độ thực dân phong kiến bất nhân, tàn ác. Đồng thời, cũng là tiếng kêu cứu khẩn thiết thay đổi môi trường sống phi nhân tính, cứu lấy giá trị chân chính của con người.

Kết thúc bi kịch đồng nghĩa với sự chấm dứt những dằn vặt riêng tư của lão Hạc. “Cái đẹp và cái xấu bao giờ cũng chính là hai cánh tay của một cơ thể, Không vì cánh tay trái xấu xa mà đem chặt đứt cánh tay trái đi thì chính thân thể này sẽ đau chứ không riêng gì mình cánh tay trái” (Hoài Thanh).

Cũng như nhân vật Chí Phèo ở làng Vũ Đại trong tác phẩm cùng tên, Nam Cao đã gây dựng lên hình ảnh những người thuộc tầng lớp thấp cùng của xã hội phong kiến, họ phải sống trong cảnh đời bất cảnh, cùng quẫn nhưng lại mang một vẻ đẹp phẩm chất cao thượng. Lão Hạc thương con rứt ruột những lại bất lực khi thấy con ra đi. Từng câu nói của lão như từng tiếng nấc nghẹn ngào bật ra từ trái tim yêu thương con tha thiết, từ tận đáy lòng của người cha không chút uất ức, cam chịu. Phải chăng , đó là giá trị nhân đạo thường gặp trong phong cách viết văn của bậc thầy Nam Cao.

Trong xã hội hiện đại ngày nay, đất nước đang trên đà phát triển, nhu cầu của con người ngày một cao. Và đi đôi với thực trạng như thế thì bản chất con người không còn được như ông cha ta ngày trước. Có một khối người trong xã hội hiện nay “bán rẻ” lương tâm, phẩm chất của mình và cũng chỉ vì một chữ - “tiền”. Như đại thi hào Nguyễn Du đã nói: “Cả xã hội vì đồng tiền” - “Truyện Kiều”. Và điều đó cần phải được thay đổi trong xã hội hiện nay

Thời gian cứ thế trôi qua, nhưng cái chết đau đớn, dữ dội của lão nông bần hàn đó vẫn mãi khắc sâu trong mỗi con người chúng ta. Và rồi từ đây, hình ảnh người nông dẫn Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám sẽ vẫn luôn thấm đượm trong lòng mỗi độc giả chúng ta về những phẩm chất cao đẹp đáng phát huy.

**Đề 10: Viết về nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn của Nam Cao có nhà phê bình đã nhận xét: “Sau manh áo rách đập bổi hổi một trái tim nặng tình phụ tử”. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua phân tích nhân vật lão Hạc.**

**A. Tìm hiểu đề:**

- Kiểu bài : Nghị luận văn học

- Nội dung yêu cầu ; GiảI thích nhận định; Chứng minh nhận định thông qua việc phân tích tình cảm cha con

- Tư liệu: “lão Hạc ” của Nam Cao và một số tác phẩm HT khác

**B. Dàn bài:**

**1. Mở bài;** Dẫn dắt

- Cách 1: Đi từ hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực;

- Cách 2: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Cách 3: Đi từ phong cach stiêu biểu của các nhà văn

- Nêu vấn đề chứng minh: Mặc dù cuộc đời lão Hạc nghèo khổ cơ cực nhưng ở lão luôn ngời lên những phẩm chất tốt đẹp. Một trong những phẩm chất đó là tình thương con tha thiết vì thế khi nhận xét về nhân vật lão Hạc có nhà phê bình đã viét: “Sau…..tử”.

**2. Giải quyết vấn đề:**

**\*Giải thích sơ qua nhận định**: Nhận xét trên vừa nêu rõ nhận định về cuộc đời và số phận của lão Hạc, vừa nói lên một trong những phẩm chất cao đẹp trong tâm hồn lão: Đó chính là tình thương con sâu nặng.

- Hình ảnh manh áo rách là hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng cho cuộc sống nghèo túng đầy khổ đau của lão Hạc trong đêm trường nô lệ của xã hội thực dân phong kiến ngày xưa. Hình ảnh đập bổi hổi một trái tim của tình phụ tử là tình cảm sự trăn trở tình yêu thương thiêng liêng sâu nặng của người cha dành cho con. Trái tim đập bồi hồi ấy là sự bồi hồi của cảm xúc trong đó chứa đựng cả tình yêu thương,niềm tin mà lão Hạc dành cho con, mọi niềm vui khổ đau đều vì con, cho con. Đúng như vậy đi sâu vào tác phẩm lão Hạc, ta mới thấy lời nhận xét trên là hoàn toàn đúng.

**\* Phân tích, chứng minh:**

**Luận điểm1:** Phân tích làm nổi bật cuộc đời nghèo khổ, cơ cực đói rách của lão Hạc. Sự khổ của lão Hạc cả về vật chất lẫn tinh thần. Cả cuộc đời lão là cuộc đời đói nghèo, rach snát. Con người ta khôn gkhổ về vật chất thì khổ về tinh thần còn lão Hạc vừa khổ cả vật chất lẫn tinh thần.

- Vì nghèo khổ không lo được tiền để cưới vợ cho con mà đánh mất hạnh phúc của con. Phẫn chí người con đã bỏ đi đồn điền cao su khi nào có bạc trăm mới trở về. Con bỏ đi, để lão một mình sống trong ngôi nhà , cô đơn buồn tủi ốm đau không có người chăm sóc thuốc thang. Một mình lão không đủ sưởi ấm ngôi nhà cô quạnh. Trong lúc tuổi già chỉ còn một con chó để khuây khoả nỗi buồn nhưng vì nghèo quá nên lão cũng phaỉ bán chó đi..

- Không chỉ vậy lão còn khổ vì ốm đau bệnh tật, vì thiên tai làm gia cảnh của lão đã nghèo càng trở nên túng quẫn. Cái khổ đã làm lão không ngóc đầu lên được, làm cho lão hết cớ sinh nhai. Ta tự hỏi kiếp trước lão có làm gì nên tội hay không mà kiếp này lão khổ đến thế? Lão khổ đến nỗi khóc không ra nước mắt. Trước mắt ta hiện ra một lão Hạc già nua , héo hắt. Càng về những ngày cuối dời thì cuộc đời lão càng khổ. Sao kiếp người lão Hạc lại khổ đến thế? Lẽ ra ở độ tuổi ấy, lão phải được sống dưới mái nhà ấm cúng, được săn sóc, được nương tựa.

**Luận điểm 2:** Sự bồi hồi nặng tình phụ tử được biểu hiện qua tình thương con. Cả cuộc đời lão Hạc sống cho con, vì con và chết cũng vì con. Khi vợ lão chết lão đã tự nhủ mình sống tron gcảnh gà trống nuôi con, lão dành hết tình yêu thương của người cha, niềm an ủi của người mẹ cho đứa con duy nhất. Thế ta mới biết tấm lòng của lão Hạc rộng lớn biết nhường nào!

- Lão đau khổ khi không có tièn cho cưới vợ vì trách nhiệm lương tâm của người cha làm lão day dứt. Vì nghèo lão phải lặng lẽ để con quên đi, bỏ đi làm. Để cho con đi lão tưởng như đã mất con. Đói nghèo đã kéo tuột đứa con khỏi lão.

- Con trai lão đi, lão ở nhà luôn luôn nhớ con, lúc nào cũng sống trong cảnh gò bó. Nỗi nhớ kéo dài trải dài theo ngày tháng. Có lúc niềm thương nỗi nhớ con được gửi gắm trong lời tâm sự với cậu vàng. Những câu hỏi của lão với cậu vàng chính là lời của lão với chính lòng mình “cậu có nhớ bố cậu không rồi…….”

Những ngày con lão đi vắng, lão sống bằng sức lao động của chính mình. Lão vẫn luôn toan tính cho con, chắt chiu dành dụm cho con từng đồng xu…Đúng là bao giờ những người cha cũng là những người trông rộng nhìn xa.

Đến khi lâm vào cảnh đường cùng, lão thà nhịn đói chứ hok tiêu vào một xu vào số tiền mà lão dành dụm cho con.

Thế rồi đến bước đường cùng, biết không thể kéo dài sự sống thêm được nữa, lão hiểu lão sống là lão tự tìm đến cái chết. Trước khi chết lão cũng chuẩn bị chi tiết: lão gửi tiền và mảnh vườn lão gửi cho con, đưa tiền cho hàng xóm để làm ma cho chứ hok muốn làm phiền đến ai. Cái chết của lão nói lên vẻ đẹp thánh thiện của người cha. Cái chết của lão Hạc là bài ca. Tuy lão Hạc chết nhưng vẫn để lại cho người đọc thấy dược niềm tin với con người. Từ trong khổ đau của cuộc đời, tưởng hok còn gì có thể bất hạnh hơn, nhưng từ cuộc đời khổ đau ấy bỗng sáng lên tình phụ tử thiêng liêng sâu sắc, tâm slòng một người cha ấm nóng yêu thương và đầy trách nhiệm.

**Đánh giá nhân vật:**

**-** Lão Hạc là một người nông dân có cuộc sống nghèo khổ, bất hạnh. Cuộc sống khổ đau, túng quẫn đã làm cho lão Hạc có vẻ xác xơ do cuộc sống nghèo khổ đầy đoạ, nhìn bên ngoài nhìn lão Hạc có vẻ lẩm cẩm nhưng lại có một tâm hồn lành lặn. Không có gì có thể huỷ hoại được nhân cách cao cả của một con người mà một trong những nhân cách đáng trân trọng của lão là tình phụ tử thiêng liêng sâu nặng.

Viết về những số phận bất hạnh của người nông dân, Nam Cao đã viết một cách rất nhạy cảm và cảm thông. Đặc biệt, ông đã đi sâu và tìm hiểu họ đằng sau cái dáng vẻ

Phát hiện ra vẻ đẹp ẩn dấu bên trong tâm hồn họ.

**3. Kết bài:**

- Khái quát về vấn đề gắn liền vơí nhận định.

- Nêu những điều cảm nhận của mình về cuộc đời thân phận lão Hạc và cả những tình cảm lão dành cho con.

**Đề 11: “Trên trang sách cuộc sống tuyệt vời biết bao nhưng cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn nỗi niềm sầu muộn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời”.**

*(Nguyễn Văn Thạc - Mãi mãi tuổi 20)***Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua hai văn bản “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng và “ Lão Hạc” của Nam Cao. (Ngữ văn 8, tập 1)**

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến.

**b. Thân bài:**

**\* Giải thích:**

- Cuộc sống được đề cập trong văn học luôn có 2 mặt: vừa có những hạnh phúc tuyệt vời vừa có những đau khổ bất tận; vừa có nụ cười trong sáng vừa có giọt nước mắt cay đắng.

- Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống với nhiều chiều kích của nó.

- Cái nên thơ: Cái đẹp hình thành từ chính những đau đớn, nhọc nhằn trong cuộc sống.

=> Ý kiến đề cập đến mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, vai trò của nhà văn trong hành trình phản ánh và phát hiện những vẻ đẹp của cuộc đời.

\* HS phân tích tác phẩm để chứng minh.

- Giới thiệu khái quát về tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của hai văn bản. Hiện thực cuộc sống phản ánh trong tác phẩm là giai đoạn 1930 - 1945, dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.

- Cuộc sống tuyệt vời với cái đẹp, cái nên thơ chính là những giá trị tốt đẹp của cuộc sống: lòng yêu thương, đồng cảm, sẻ chia, sự tự trọng, sự rung động trước cái đẹp…

+ Vẻ đẹp của người phụ nữ khát khao tình yêu hạnh phúc, yêu thương con, … (mẹ bé Hồng).

+ Tình yêu thương mẹ sâu nặng của bé Hồng; Tình yêu thương con, yêu thương cậu Vàng và lòng tự trọng cao quí của Lão Hạc.

+ Sự đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu của ông Giáo.

- Cuộc sống bi thảm với niềm sầu muộn và giọt nước mắt chính là những mặt hạn chế, tiêu cực. Đó là nỗi khổ, cái ác, cái xấu, những mặt trái của con người, …

+ Hoàn cảnh bi thảm của mẹ con bé Hồng, của cha con Lão Hạc; sự nghèo túng của ông Giáo…

+ Bà cô cay nghiệt, ích kỉ, tàn độc, là hiện thân của lễ giáo phong kiến hẹp hòi.

+ Thói xấu của Binh Tư, sự ích kỉ của vợ ông Giáo…nảy sinh do áp lực cuộc sống trong xã hội thực dân nửa phong kiến thối nát đẩy con người tới sự cùng cực.

**\* Đánh giá chung:**

- Văn học không phản ánh cuộc sống một cách đơn điệu, một chiều mà ở góc nhìn đa chiều. Trong mặt tốt, tích cực có cái tiêu cực, hạn chế.

- Cái đẹp mà văn học đem lại là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật.

- Nhận xét về tài năng, tâm hồn tác giả, giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm, liên hệ mở rộng…

**c. Kết bài:**

- Khẳng định ý kiến.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 12: "Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn" (M.L.Kalinine)**

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về **tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long** hãy làm sáng tỏ ý kiến trên? **Liên hệ với bài thơ Quê hương của Tế Hanh để thấy được giá trị của văn học mà mỗi nhà nghệ sĩ mang lại cho bạn đọc.**

**- Đảm bảo cấu trúc một bài văn**

- Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề. Face book Nhung Tây 0974862058

**- Xác định đúng vấn đề : "Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn**

**- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận.** Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích khái niệm:**

- Văn học: Loại hình nghệ thuật ngôn từ, phản ánh hiện thực bằng cách sáng tạo các hình tượng nghệ thuật, qua đó bày tỏ quan điểm, thái độ của người nghệ sĩ với cuộc sống.

**-** Làm cho con người thêm phong phú, tức làm nảy nở trong con người những tình cảm mới, rèn dũa những tình cảm cũ; khơi dậy trong họ những nhận thức mới mẻ, sâu sắc về cuộc đời, giúp họ có thêm những trải nghiệm cuộc sống.

- “Tạo khả năng để con người lớn lên”: Sống tốt đẹp hơn, biết ứng xử một cách nhân văn.

- Hiểu được con người nhiều hơn: thấu hiểu bản chất của con người, qua đó thấu hiểu chính bản thân mình.

=> Lời nhận định của M. L. Kalinine đề cập đến những chức năng của văn học.

**b. Bàn luận:**

**Luận điểm 1: Vì sao nói “Văn học làm cho con người thêm phong phú?”**

- Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống, là cuốn bách khoa toàn thư về cuộc sống. Qua văn học, con người có được những hiểu biết sâu sắc hơn về tự nhiên, về xã hội, về chính bản thân mình.

- Mặt khác, văn học là “tiếng nói của tình cảm, là sự giãi bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà), qua văn học, con người tìm thấy mình trong đó, cảm nhận được những cung bậc tình cảm đa dạng trong thế giới nội tâm con người, được giãi bày, được đồng cảm, được sẻ chia, được gợi ra những tình cảm chưa có, được trui rèn những tình cảm sẵn có.

- Hơn thế nữa, mỗi tác phẩm văn học là một cuộc trải nghiệm, là cơ hội để ta du hành qua không gian và thời gian, vượt qua mọi bờ cõi và giới hạn, trải nghiệm nhiều hơn, sống nhiều hơn qua những cuộc đời khác nhau, được nhìn cuộc đời dưới nhiều lăng kính, được lắng nghe nhiều luồng tư tưởng, được đối thoại với nhà văn è Giàu có, phong phú hơn về trải nghiệm sống.

**Luận điểm 2: Chính vì vậy, văn học “tạo khả năng giúp con người lớn lên”**

**-** Từ những trải nghiệm đó, văn học giúp con người lớn lên về mặt nhân cách, về mặt tâm hồn.

- Trang sách đóng lại, tác phẩm nghệ thuật mới mở ra, “Cuộc đời là điểm khởi đầu và là điểm đi tới của văn chương”, mỗi tác phẩm như một nấc thang nâng đỡ bước chân người đọc tách khỏi phần con để đi đến phần người, tiệm cận các giá trị Chân Thiện Mỹ mà họ hằng ngưỡng vọng.

**Luận điểm 3: Hạt nhân của khả năng làm người đọc phong phú về tâm hồn đó, giúp họ lớn lên, chính là hiểu biết về con người.**

**-** Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người trong các mối quan hệ xã hội, soi chiếu dưới lăng kinh thẩm mỹ. “Cuộc đời và nghệ thuật là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu), “Văn học là nhân học” (Maxim Gorki). Văn học khơi sâu tìm hiểu những vẻ đẹp, những “hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người” (Nguyễn Minh Châu), văn học khám phá những khát vọng muôn thuở của nhân loại, tìm lời giải đáp cho những trăn trở có tính nhân bản: vấn đề sống – chết, vấn đề chiến tranh – hòa bình, vấn đề ý nghĩa của cuộc sống.

**\* Chứng minh:**

**+ Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm**

**\* Văn học làm cho con người thêm phong phú**

- “Lặng lẽ Sa Pa” được sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế của tác giả ở Lào Cai. Đây là một truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

**Luận điểm 1. Đến với “Lặng lẽ Sa” bạn đọc có thêm những hiểu biết mới mẻ về về thiên nhiên Sa pa.**

**Lặng lẽ Sa Pa** là một bức tranh thiên nhiên thơ mộng, huyền ảo, độc đáo làm say đắm lòng người.

- Vẻ đẹp Sa Pa bắt đầu bằng những rặng đào, những cánh đồng cỏ trong thung lũng, những đàn bò lang cổ đeo chuông đang thung thăng gặm cỏ, những tia nắng thật kì lạ, mây Sa Pa cũng được tác giả tả rất nhiều và rất lạ. Sa Pa còn được tô điểm thêm những màu sắc tươi sáng của các loại cây lạ, và nhất là các loại hoa.

=> Được thưởng thức thiên nhiên Sa Pa qua từng trang truyện ta có cảm giác như được chiêm ngưỡng những tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Con mắt nhìn tinh tế của trái tim nghệ sĩ biết yêu và rung động trước cái đẹp của Nguyễn Thành Long và bút pháp lãng mạn đã chọn lọc được những nét đẹp tiêu biểu của thiên nhiên Sa Pa, khơi gợi trong lòng ta một tình yêu quê hương đất nước.

**Luận điểm 2: Đến với “Lặng lẽ Sa Pa”, bạn đọc có thêm những hiểu biết mới mẻ về con người nơi Sa Pa - những con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người mới trong thời kì xây dựng Chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước.**

- Ý thức trách nhiệm trước công việc: anh thanh niên, đồng chí cán bộ khoa học.

- Sống có lý tưởng, sẵn sàng cống hiến: anh thanh niên, cô kỹ sư trẻ (cô kĩ sư trẻ mới ra trường lần đầu tiên xa Hà Nội, dũng cảm lên nhận công tác tại Lai Châu. Cô là lớp thanh niên thề ra trường đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì…)

- Nhận thức sâu sắc ý nghĩa công việc: anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học…

- Yêu thích, say mê công việc, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, dám chấp nhận cuộc sống cô độc để làm việc, làm việc một cách kiên trì, tự giác bất chấp hoản cảnh : anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học.

=> Khẳng định, khái quát: Tác phẩm thật sự là một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của người lao động bình thường mà cao cả. Họ chính là những thế hệ tiêu biểu cho lớp người mới, cho thanh niên Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước. Tuy không trực tiếp chiến đấu, song họ đã góp phần không nhỏ để xây dựng cuộc sống mới và góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc. Họ nối tiếp nhau xứng đáng là chủ nhân của đất nước này.

**Luận điểm 3: Qua “ Lặng lẽ Sa Pa”, người đọc còn cảm nhận được vẻ đẹp toả ra từ những đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.**

- Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

- Các nhân vật trong truyện đều không có tên riêng, chỉ được nhà văn gọi theo giới tính và tuổi tác (anh thanh niên, cô kĩ sư nông nghiệp, ông hoạ sĩ già...) => Dụng ý của tác giả muốn người đọc liên tưởng đến những nhân vật tốt đẹp mà trong truyện không phải chỉ là những cá nhân riêng lẻ mà là số đông. Điều này tăng thêm sức khái quát đời sống của câu chuyện.

- Truyện có chất thơ bàng bạc toát lên từ các chi tiết, từ khung cảnh thiên nhiên Sa Pa đẹp như những bức tranh và chất thơ ấy còn ở chính trong tâm hồn các nhân vật với những suy nghĩ, cảm xúc thật trong sáng, đẽ. Chất thơ của truyện lại đi liền với chất họa.

**\*** **Văn học giúp người đọc hiểu thêm về con người – Qua Lặng lẽ Sa Pa người đọc hiểu thêm vẻ đẹp tâm hồn những con người bình dị, tiểu biểu cho những con người ấy là nhân vật anh thanh niên**.

- Vượt lên hoàn cảnh sống khắc nghiệt, anh có suy nghĩ rất đẹp:

+ Với công việc khắc nghiệt gian khổ, anh luôn yêu và mong muốn được làm việc ở điều kiện lý tưởng (đỉnh cao 3000 m)

+ Anh có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được”

+ Anh thấu hiểu nỗi vất vả của đồng nghiệp

+ Quan niệm về hạnh phúc của anh thật đơn giản và tốt đẹp

- Hành động, việc làm đẹp

+ Mặc dù chỉ có một mình không ai giám sát nhưng anh luôn tự giác hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp dù mưa gió thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc một cách đều đặn và chính xác 4 lần trong một ngày)

- Anh thanh niên có phong cách sống cao đẹp

  + Anh có nếp sống đẹp khi tự sắp xếp công việc, cuộc sống của mình ở trạm một cách ngăn nắp: có vườn rau xanh, có đàn gà đẻ trứng, có vườn hoa rực

 + Đó là sự cởi mở chân thành với khách, quý trọng tình cảm của mọi người

+ Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc của mình có những đóng góp chỉ là nhỏ bé

→ Chỉ bằng những chi tiết và chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc của truyện, tác giả phác họa được chân dung nhân vật chính với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.

**\*** **Qua đó, văn học giúp người đọc lớn hơn. Tác phẩm gợi lên những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật”.**

- Cuộc sống của mỗi người chỉ thực sự ý nghĩa khi mọi việc làm , hành động của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu và tự hào về mảnh đất mình đang sống.

- Con người biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa của công việc mình làm . Con người cần tự nhìn vào chính bản thân để sống tốt đẹp hơn.

- Thông qua suy nghĩ của người hoạ sĩ : vẻ đẹp của con người và của cuộc sống chính là nguồn cảm hứng vô tận để người nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật có giá trị .

**\* Liên hệ**

**1. Điểm tương đồng:**

+ Cả hai tác phẩm đều thể hiện những khám phá mới mẻ về thiên nhiên, con người trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

+ Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm; hình ảnh dung dị, mộc mạc, giọng điệu tha thiết, say mê, chất thơ bàng bạc toát lên từ các chi tiết, từ khung cảnh.

**2. Điểm khác biệt:**

**- Hoàn cảnh:**

**+ Quê hương** được viết năm 1939, khi Tế Hanh 18 tuổi, đang học ở Huế; quê hương hiện lên trong hoài niệm, nỗi nhớ nhung, trong sự bùng cháy mãnh liệt của cảm xúc. Khẳng định: bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người

**+ Còn**  “Lặng lẽ Sa Pa” được sáng tác năm 1970, giai đoạn cả miền Bắc bước vào cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**\* Nội dung:**

**+ Quê hương** giúp bạn đọc có thêm những hiểu biết mới mẻ về cuộc sống, xã hội nước ta những năm 30,về khung cảnh thiên nhiên vùng biển đẹp thơ mộng, những người con trai tráng của làng chài căng tràn nhựa sống và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đầy tráng khí. **Tác phẩm** còn khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua niềm tự hào của tác giả khi giới thiệu về quê hương mình, về cuộc sống của người dân làng chài ven biển, về nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương. Cảm xúc thơ nghiêng về yêu thương, tự hào về mảnh đất, vẻ đẹp của con người quê hương.

+ Còn LLSP: Giúp ta hiểu được đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước. Tác giả ca ngợi những con người ngày đêm lao động hăng say, đầy nhiệt huyết, miệt mài lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước.

**\* Nghệ thuật:**

+ Quê hương :

- Tế Hanh sử dụng thể thơ mới 8 tiếng, vừa có vần trắc và vần bằng, có sự chuyển đổi vần khá linh hoạt.

. Hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc, giàu sức gợi, mang ý nghĩa biểu tượng cao, để lại ấn tượng mạnh mẽ, thiên về những trải nghiệm, những quan sát thực tế tuổi thơ với những ấn tượng đậm nét nhất trong ký ức.

- Ngôn ngữ giàu sức sợi, giàu chất tạo hình và biểu cảm, cùng với cách diễn đạt gần với lời ăn tiếng nói của người miền biển; các biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa, so sánh… được sử dụng linh hoạt, tinh tế

- Giọng điệu say mê, hào sảng, xen với giọng trữ tình đằm thắm của nỗi nhớ.

**+ Còn Lặng lẽ Sa Pa:**

- Những câu văn dài kết hợp với hình ảnh đẹp, thơ mộng núi rừng Sa Pa.

- Giọng văn nhẹ nhàng, êm dịu nhưng sâu lắng như bản nhạc ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và con người.

**\* Đánh giá khái quát:**

- Khẳng định lại tính đúng đắn của nhận định.

- Để đạt được những điều tác giả nhận định nói, mỗi nhà văn còn cần một hình thức nghệ thuật phù hợp và độc đáo để làm nên **hình hài sắc vóc** cho tác phẩm văn học, giúp tác phẩm đến gần hơn với bạn đọc.

- Đối với bạn đọc: cần hòa mình vào tác phẩm để thấy được cái hay, cái đẹp và thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định vai trò, chức năng của văn học.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 13: Có ý kiến cho rằng: *“Hình tượng văn học không chỉ là một thế giới sống mà là một thế giới biết nói”.* Bằng hiểu biết về bức tranh thiên nhiên và con người lao động trong truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Từ đó nêu lên suy nghĩ về yếu tố làm nên sức sống của hình tượng văn học.**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến, giới hạn tác phẩm sẽ chứng minh.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến:**

**- Hình tượng văn học là một thế giới sống:**

+ Hình tượng nghệ thuật được người nghệ sĩ sáng tạo nên từ thế giới hiện thực khách quan một cách sống động, cụ thể.

+ Hình tượng nghệ thuật tái hiện đời sống nhưng không sao chép y nguyên mà có chọn lọc, sáng tạo thông qua lăng kính của nhà văn, nhà thơ.

**- Hình tượng văn học là thế giới biết nói:**

+ Người nghệ sĩ sáng tạo hình tượng văn học trong tác phẩm là để nhận thức và cắt nghĩa đời sống, thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình, gửi gắm một lời nhắn nhủ…về con người, về cuộc sống.

=> Thông qua hình tượng văn học, người đọc phải suy nghĩ, nhận thức về cuộc sống con người  để lựa chọn cho mình lối sống đúng đắn. Có khi người đọc còn thấy tìm thấy sự đồng điệu với tác giả.

**\* Phân tích, chứng minh qua tác phẩm “ Lặng lẽ Sa Pa”:**

**Khái quát tác giả, tác phẩm.**

- Nguyễn Thành Long (1925 - 1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và kí. Truyện của ông thường có khuynh hướng ca ngợi tình yêu Tổ quốc, nhân dân. Lặng lẽ Sa Pa được viết vào mùa hè 1970 trong chuyến đi Lào Cai, in trong tập Giữa trong xanh (1971). Với chất thơ nhẹ nhàng, trầm lắng, thiết tha, Lặng lẽ Sa Pa ca ngợi những con người sống giữa non xanh lặng lẽ nhưng vô cùng sôi nổi, hết lòng vì Tổ quốc thân yêu.

**Luận điểm 1: Thế giới biết nói trước hết là bức tranh thiên nhiên Sapa thơ mộng xinh đẹp.**

- Phong cảnh Sa Pa: núi cao với thác đổ trắng xóa, đường núi uốn lượn quanh co, cây cối rậm rạp cứ chen nhau hiện lên.

- Đầu tiên là ông họa sĩ: “cảnh trước mặt hiện lên một cách kì lạ…luồn cả vào gầm xe”=> cảnh vật nhân hóa sống động, thể hiện đường nét, màu sắc, hình khối…đậm chất hội họa. Tất cả đều đem đến cho nhân vật một cảm giác mới lạ, thơ mộng về vùng đất, về những khao khát, háo hức khi đến vùng đất mới.

- Bức tranh thiên nhiên thu nhỏ của anh thanh niên => Vườn hoa đầy màu sắc chính là tâm hồn và cuộc sống trong thầm lặng con người ở đây, luôn đầy sức sống và mộng mơ của tuổi trẻ.

- Sa Pa còn có cả nắng  “Nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây…rực rỡ theo” => Vẻ đẹp của thiên nhiên làm nền cho vẻ đẹp của người.

**Luận điểm 2: Thế giới biết nói đáng yêu, đáng trân trọng nữa là những người lao động thầm lặng.**

- Anh thanh niên:

+ Vẻ đẹp của anh thể hiện trong hoàn cảnh sống và làm việc: anh là người cô độc nhất thế gian, công việc của anh là đo gió, đo nắng, tính mây. Công việc gian khổ nhưng anh yêu nó, làm việc hết mình và chính xác. Có lần anh phát hiện đám mây khô nên không quân ta đã tiêu diệt được nhiều phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng

+ Vẻ đẹp trong nếp sống, trong cách ứng xử: Anh thanh niên là người có nề nếp, nhân cách. Ngôi nhà anh rất ngăn nắp, gọn gàng. Anh biết làm cho cuộc sống trở nên vui vẻ, thơ mộng, ý nghĩa: trồng hoa, nuôi gà…

- Ở tác giả đã cho người đọc thấy anh thanh niên – bức chân dung với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, lối sống, suy nghĩ, công việc của anh.

- Ông kĩ sư vườn rau: Ngày ngày ngồi trong vườn chăm chú xem xét cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào để rồi tự ông làm thay cho ong.

- Đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan chỉ ngồi chờ sét đến nỗi không dám đi đâu. Mười một năm không một ngày rời cơ quan.

=> Tất cả mọi người đều yêu thích, ham mê và có trách nhiệm với công việc của mình.

**Luận điểm 3: Yêu tố làm nên thế giới biết nói ấy không thể không kể đến những bút pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.**

- Cốt truyện đơn giản, xoay quanh một tình huống đó là có cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ và một anh thanh niên làmcông tác khí tượng. Cuộc gặp gỡ chỉ diễn ra trong chốc lát nhưng đã để lại một ấn tượng gợi nhiều suy nghĩ và dẫn chúng ta tới những nhân vật mới: kĩ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét.

- Xây dựng nhân vật chân dung, nhân vật được ghi lại được đánh giá qua những cảm nhận trực tiếp nhưng không hề nhạt nhòa bởi được khắc họa qua nhiều điểm nhìn và miêu tả tinh tế.

- Chất thơ của “Lặng lẽ Sa Pa” cũng phụ trợ đắc lực cho bài ca, ca ngợi con người bình dị mà cao quý: trong tình huống trữ tình, trong bức tranh thiên nhiên, trong lời đối thoại, nhưng quan trọng nhất đó là những ý nghĩ, cảm xúc của người trong cuộc và vẻ đẹp rất đỗi nên thơ, nên hoa, nên nhạc của lối sống mà nhân vật chính gợi ra.

**\* Đánh giá, mở rộng:**

- Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học là sự kết tinh của hai yếu tố cảm xúc và tư tưởng. Nó chứa đựng thái độ sống, quan niệm, triết lý, những vấn đề cần được giãi bày.

- Hình tượng văn học sống được trong tác phẩm là do tác giả đã thổi hồn và lấy từ thực tế.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận, đánh giá sự thành công của tác phẩm.

- Suy nghĩ, cảm nhận, bài học.

**Đề 14*: Nhà văn phải là người gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người*.** *(Nguyễn Minh Châu)*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một tác phẩm văn học trong chương trình ***Ngữ văn 8 tập 1.***

**I. Mở bài**:

- Huy gô từng nói: Có một cảnh tượng rộng lớn hơn đại dương đó là bầu trời, có một cảnh tượng rộng lớn hơn bầu trời đó là thế giới tâm hồn con người. Có thể nói, thế giới tâm hồn con người đầy phức tạp và bí ẩn bởi mỗi người là một tiểu vũ trụ riêng không lặp lại bao giờ. Cho nên, thiên chức của nhà văn là suốt đời đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu bên trong tâm hồn con người, cũng từ đó cho người đọc một bài học về sự trông nhìn và thưởng thức.

- Chính vì vậy, bàn về thiên chức của nhà văn, Nguyễn Minh Châu khẳng định: *Nhà văn phải là người gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người*.

- Truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam là một minh chứng tiêu biểu, góp phần làm sáng tỏ nhận định trên.

**II. Thân bài**

**1. Giải thích:**

*- Những hạt ngọc ẩn dấu trong bề sâu tâm hồn con người* – là nét đẹp khuất lấp, ẩn sâu trong tâm hồn con người mà ta mới nhìn không thể thấy được, thường ẩn mình trong bề ngoài thô kệch, xấu xí….

+ Vẻ đẹp ấy là vẻ đẹp của một tình yêu thương gia đình, yêu thương chồng con.

+ Đó là vẻ đẹp của một nhân cách sống, một khát khao sống, nghị lực sống cao đẹp.

- Cả ý kiến khẳng định: Những vẻ đẹp ấy trong văn học thường rất bình dị, thường bị khuất lấp đi sau những cuộc đời, những số phận, những hoàn cảnh bất hạnh. Nhiêm vụ của nhà văn là phải phát hiện, khám phá ra điều đó để nó luôn đẹp đẽ, sáng trong như những hạt ngọc.

**2. Bàn luận**

- Đó là một ý kiến đúng đắn khi đánh giá về thiên chức của nhà văn, chức năng của văn học.

- Bởi vì:

+ Xuất phát từ chức năng của văn học: Văn học là nhân học nên văn học luôn muốn hướng con người đến những gì cao đẹp nhất. Thế giới tâm hồn con người phong phú, cao đẹp nhưng không dễ nhận ra. Vì vậy, nhà văn, bằng năng lực của mình cần khám phá, phát hiện và đưa cái đẹp ấy vào tác phẩm nghệ thuật, giúp người đọc rung động, cảm nhận và hướng tới chân, thiện, mĩ.

+ Thực tế những tác phẩm văn học có giá trị đều là những tác phẩm mà nhà văn đã phát hiện và khám phá ra vẻ đẹp khuất lấp, ẩn sâu trong tâm hồn con người, như....Trong đó, không thể không kể đến......

**3. Chứng minh:**

**a. Cảnh sinh hoạt trong gia đình Sơn những ngày gió đầu mùa**

- Khung cảnh mùa đông:

- Qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bấc, cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

- Ngoài sân, đất khô trắng, cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lăn những cái lá khô lạo xạo.

- Trời u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và sắt lại vì rét.

- Cảnh sinh hoạt của mọi người trong gia đình

- Sơn tung chăn tỉnh dậy, không bước xuống giường ngay mà còn ngồi thu tay trong bọc chăn.

- Mẹ và chị Sơn đã trở dậy, ngồi quạt hỏa lò để pha nước uống.

- Mẹ Sơn bảo chị Lan lấy thúng áo ra cho em.

- Chị Lan khệ nệ ôm cái thúng áo lên đặt lên đầu phản.

- Mẹ Sơn cầm chiếc áo bông cũ, nhắc đến em Duyên làm Sơn thấy cảm động.

**b. Cảnh hai chị em Sơn chơi đùa ở chợ và đem áo cho Hiên**

- Hoàn cảnh của những đứa trẻ ở chợ: chúng ăn mặc không khác gì ngày thường, những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ; môi thâm tím lại, da thịt thâm đi; mỗi cơn gió đến là lại run lên…

- Thái độ của chị em Sơn: vẫn thân mật chơi đùa cùng, không kiêu kì và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

- Cuộc trò chuyện với Hiên:

- Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi: “Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi”.

- Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần thì trông thấy con bé co ro đứng bên cột quá, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay.

- Chị Lan cũng đến hỏi: “Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?”

- Khi biết Hiên chỉ có mỗi một chiếc áo để mặc, Sơn nói với chị rằng sẽ đem chiếc áo bông cũ cho Hiên. Chị Lan đồng ý, chạy về nhà đem áo đến.

**3. Sự lo lắng của Sơn và cảnh mẹ Hiên trả lại áo**

- Sơn nghe người vú già nói mẹ đã biết chuyện hai chị em cho Hiên áo bông cũ.

- Sợ mẹ mắng, Sơn vội chạy đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo, nhưng không thấy Hiên.

- Khi về đến nhà, hai chị em ngạc nhiên khi thấy mẹ Hiên đang ở trong nhà, và mang áo sang trả.

- Mẹ Sơn đã hỏi thăm, cho mẹ Hiên mượn 5 hào để may áo cho con.

- Mẹ Sơn không trách mắng mà âu yếm ôm vào lòng.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

- Khẳng định lại giá trị câu nói

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Nhà văn Thạch Lam ghi dấu trong lòng người đọc bởi những áng văn nhẹ nhàng, giàu tình yêu thương. Tình thương đối với trẻ thơ được ông thể hiện rõ nhất qua truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa". Tác phẩm đã để lại cho em nhiều ấn tượng và rung động về vẻ đẹp của tấm lòng bao dung, nhân hậu trong cuộc sống.

Câu chuyện xoay quanh hai nhân vật là Lan và Sơn. Vào một ngày đông rét buốt, hai chị em ra chợ chơi thì nhìn thấy bé Hiên đứng co ro bên cột quán ngoài chợ. Cảm thương trước tình cảnh của Hiên, chị em Sơn đã về nhà lấy áo bông cũ cho cô bé mặc. Vì sợ Sinh - em họ của Sơn mách lẻo với mẹ nên hai chị em đã ra chợ tìm Hiên để đòi lại áo. Khi trở về nhà, Lan và Sơn thấy mẹ con Hiên đang trò chuyện với mẹ và trả chiếc áo. Thấu hiểu hoàn cảnh khó khăn của mẹ con Hiên, mẹ Sơn đã cho mẹ Hiên mượn năm hào may áo cho con.

Truyện ngắn của nhà văn Thạch Lam đã đem đến cho em những cảm nhận vô cùng sâu sắc về tình yêu thương của con người. Trước hết, đó là sự sẻ chia của chị em Lan và Sơn với bé Hiên. Bằng nghệ thuật tương phản đối lập, Thạch Lam đã xây dựng lên hai bức chân dung tượng trưng cho hai tầng lớp trong xã hội. Nếu như lũ trẻ ở chợ luôn mặc "những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ", "môi chúng tím lại và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi" thì Lan và Sơn lại được mẹ mua cho bộ quần áo mới, phẳng phiu, đẹp đẽ. Khác với những đứa em họ của mình, Sơn và chị vẫn luôn nô đùa một cách đầy thân mật với chúng. Hai chị em rất hòa đồng, thân thiện, không bao giờ cậy nhà mình giàu có để "lên mặt" với lũ trẻ nghèo. Khi thấy Hiên "co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay", Lan đi đến hỏi han. Biết được hoàn cảnh khốn khổ của mẹ con Hiên, Sơn động lòng thương xót rồi nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn thường xuyên nô đùa cùng Hiên. Ngay lúc ấy, Sơn không ngần ngại rủ chị về lấy áo bông cũ cho cô bé mặc. Hành động của hai chị em Lan và Sơn làm em vô cùng cảm động. Có lẽ, đây chính là chi tiết đắt giá trong toàn bộ tác phẩm bởi nó thể hiện rõ nhất tình yêu thương con người. Trong cảm nhận của em, cả Lan và Sơn rất giàu lòng trắc ẩn, luôn biết sẻ chia, quan tâm tới người khác. Đặc biệt là người có hoàn cảnh khó khăn.

Khi nghe được lời giãi bày của mẹ Hiên "Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi", mẹ Sơn hết sức đồng cảm rồi với cái âu đồng, lấy tiền đưa cho mẹ Hiên. Năm hào chính là số tiền mẹ Sơn cho mẹ Hiên mượn để may áo cho con. Số tiền ấy tuy không nhiều nhưng nó chính là tấm lòng bao dung, nhân ái của mẹ Sơn dành cho gia đình Hiên.

Với lối kể nhẹ nhàng, nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo cùng ngôn từ dung dị, mộc mạc, giàu sức gợi hình, nhà văn Thạch Lam đã đem đến cho em câu chuyện ý nghĩa về tình yêu thương.

Mỗi lần đọc truyện ngắn này của Thạch Lam, em cảm thấy tâm hồn mình được thanh lọc. Quả đúng như lời nhận xét của nhà văn Nguyễn Tuân, "Sáng tác của Thạch Lam giàu chất thơ, và đọc ông, đời sống bên trong có phong phú hơn, tế nhị hơn, chúng "đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm, thơm tho và mát dịu".

**Đề 15:**

*Cái đẹp mà văn học đem lại không phải cái gì khác hơn là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Làm sáng tỏ ý kiến qua một truyện kí Việt Nam trong chương trình Ngữ văn 8. (Bộ KNTT)

**I. Mở bài**

- Có ai yêu một loài hoa không sắc không hương? Có ai quyến luyến những vần thơ khô khan không cảm xúc? Văn chương phản ánh hiện thực nhưng nó không phải là một tấm hình khô cứng và vô hồn, mà đó là tiếng lòng thổn thức từ những câu chuyện của cuộc đời . Chính hiện thực cuộc sống luôn là cảm hứng cho sáng tác văn học, là cội nguồn gọi thức con chữ, là cầu nối tâm hồn đồng điệu của người nghệ sĩ với độc giả.

- Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng: *Cái đẹp mà văn học đem lại không phải cái gì khác hơn là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật.*

- Đọc và tìm hiểu truyện ngắn “**Lão Hạc”** của Nam Cao chúng ta hiểu rõ hơn nhận định ấy.

**II. Thân bài**

**1. Giải thích:**

- *Cái đẹp mà văn học đem lại*: là cái đẹp nghệ thuật được sáng tạo do tài năng của người nghệ sĩ. Cái đẹp trong tác phẩm văn học chủ yếu được thể hiện ở nội dung tư tưởng cao cả; hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.

- *Cái đẹp của sự thật cuộc sống:* bắt nguồn từ hiện thực, là vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, con người được kết tinh, chắt lọc từ hiện thực.

- *Cái đẹp được khám phá một cách nghệ thuật*: cái đẹp trong cuộc sống được nhà văn khám phá và cảm nhận ở chiều sâu tư tưởng, tình cảm để rồi khắc họa qua sự tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, độc đáo; tạo nên sự hài hòa giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, đem lại giá trị thẩm mĩ cao đẹp.

-> Ý nghĩa khái quát: Khẳng định vẻ đẹp của sáng tạo nghệ thuật trong mối quan hệ với hiện thực cuộc sống và tài năng của nhà văn với việc khám phá, sáng tạo cái đẹp.

**2. Bàn luận**

- Đó là một ý kiến hoàn toàn đúng đắn, sâu sắc.

- Bởi vì:

+ Xuất phát từ đặc trưng của văn chương, nghệ thuật: Lấy cái đẹp của hiện thực làm chất liệu, đề tài, cảm hứng sáng tác. Mọi sáng tạo nghệ thuật đều bắt nguồn từ đời sống.

Tác phẩm văn học chỉ có thể làm rung động trái tim người đọc khi chứa đựng giá trị thẩm mĩ: Khả năng văn học phát hiện và miêu tả vẻ đẹp của cuộc sống một cách sinh động, giúp con người cảm nhận và rung động một cách tinh tế, sâu sắc trước vẻ đẹp đó.

Giá trị thẩm mĩ của văn học thể hiện ở nội dung: mang lại cho con người vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời, khám phá vẻ đẹp sâu xa trong nội tâm con người...

Cái đẹp nghệ thuật còn thể hiện ở hình thức, được biểu tượng qua hình tượng nghệ thuật riêng biệt, độc đáo, không lặp lại, sự sáng tạo yếu tố nghệ thuật phong phú...

+ Thực tế văn học cho thấy những tác phẩm văn học có giá trị đều mang tấm lòng nhân văn cao cả, như.....Trong đó, không thể không kể đến....

**3. Chứng minh**

**- Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm**

**- Chứng minh**

**a. Luận điểm 1: Cái đẹp của truyện ngắn đem lại không phải cái gì khác hơn là cái đẹp của sự thật đời sống.**

- **Luận cứ 1**: Hiện thực cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám được miêu tả chân thực, tinh tế, gợi cảm:

+ Cuộc sống đói khổ, cùng đường của người nông dân; sự lay lắt trong túng quẫn của tầng lớp trí thức nghèo (Nỗi khổ của người nông dân: Lão Hạc, con trai, vợ ông giáo, Binh Tư; ông giáo…)

+ Trong khổ đau con người vẫn sáng ngời vẻ đẹp của nhân cách, phẩm chất đáng kính: Ông giáo, Lão Hạc…

**- Luận cứ 2: Bộc lộ tư tưởng, nhận thức sâu sắc của nhà văn về cuộc sống và con người, thể hiện những tình cảm cao quý, sâu sắc của tác giả:**

+ Cảm thông thương xót trước nỗi đau của con người:…

+ Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp:…

+ Tố cáo xã hội

**b. Luận điểm 2: Cái đẹp của cuộc sống được khám phá một cách nghệ thuật qua sáng tạo độc đáo, mới lạ của nhà văn.**

- Đề tài, nhan đề.

- Cách xây dựng tình huống truyện, nhân vật sáng tạo độc đáo, mới lạ...

- Ngôn ngữ...

- Nghệ thuật xây dựng chi tiết nghệ thuật đặc sắc (cái chết của lão Hạc) bằng hệ thống các từ tượng thanh, tượng hình giàu giá trị biểu cảm.

- Cách kể chuyện linh hoạt, ngôi kể thứ nhất (ông giáo là người kể chuyện) mang điểm nhìn của nhà văn, bộc lộ tư tưởng, quan điểm của Nam Cao.

**4. Đánh giá, mở rộng**

- Ý kiến đã nhấn mạnh tính hoàn chỉnh của cái đẹp nghệ thuật ở cả phương diện nội dung và hình thức của một tác phẩm.

- Ý kiến còn định hướng đúng đắn cho cả người sáng tác và người tiếp nhận tác phẩm văn học.

+ Bài học cho người sáng tác: Nhà văn phải sống sâu sắc với cuộc đời, với nhiều số phận, cảnh ngộ, phải hòa mình vào cuộc đời và khám phá, phát hiện, miêu tả một cách chân thực và sáng tạo vẻ đẹp của hiện thực cuộc sống trong tác phẩm.

+ Đối với người tiếp nhận: Cần đọc, hiểu được hiện thực cuộc sống; khám phá sự sáng tạo mới mẻ của nhà văn cả nội dung và nghệ thuật tác phẩm; thấu được tình cảm, nỗi niềm trăn trở của nhà văn gửi gắm.

**3. Kết bài:** Quả thực, ý kiến đã đem đến một nhận định vô cùng đúng đắn và sâu sắc. Văn chương phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng cũng phải sáng tạo cái đẹp, gửi gắm thông điệp nhân văn sâu sắc. Đó cũng là yếu tố quan trọng làm nên thành công cho một tác phẩm cũng như đánh dấu tên tuổi nhà văn trong nền văn học nước nhà. Tác phẩm kết tinh tài năng và tấm lòng của người cầm sẽ là:

  “*Những trang sách suốt đời đi vẫn nhớ.*

*Như đám mây ngũ sắc ngủ trên đầu*”.

**Đề 16: Về nội dung phần đầu truyện *Người thầy đầu tiên*, sách Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Ngữ Văn THCS viết: “*Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính.”***

**Qua văn bản *Hai cây phong* trích phần đầu truyện *Người thầy đầu tiên* của nhà văn Ai-ma-tốp, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.**

**a. Mở bài:**

***-*** Ai-ma-tốp là nhà văn nước Cộng hoà Cư-rơ-gư-xtan…Đề tài chủ yếu trong các truyện ngắn của Ai-ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm … “**Người thầy đầu tiên”** là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông. Bối cảnh của truyện là một vùng quê hẻo lánh thuộc Cư-rơ-gư-xtan giữa những năm 20 của thế kỉ XX khi nơi đây tư tưởng phong kiến và gia trưởng, còn nặng nề, do đó phụ nữ và trẻ mồ côi bị coi thường và rẻ rúng.

- Đoạn trích **“Hai cây phong”** trong sách giáo khoa do người biên soạn đặt là phần đầu của truyện người thầy đầu tiên.

- Dẫn dắt nhận định: **“**Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính.”

***b. Thân bài:***

**\* Khái quát chung:**

- Hình ảnh hai cây phong được miêu tả với một tâm trạng đầy xúc động của người kể chuyện. Nó dẫn dắt người đọc trở lại với 40 năm trước để chứng kiến những tình cảm sâu nặng giữa thầy Đuy-sen và cô trò nhỏ An-tư-nai. Người kể chuyện xưng "tôi" (có lúc là "chúng tôi") cũng là người gắn bó với làng quê Ku-ku-rêu, nơi có hai cây phong thân thuộc, gắn với bao kỉ niệm tuổi thơ của mình.

**\* Phân tích đoạn trích:**

**\* Làm sáng tỏ ý đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở:** từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp đã gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người - nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời - thật giản dị, sâu sắc mà cảm động:

+ Hình ảnh hai cây phong trong cảm nhận của người họa sĩ là biểu tượng của quê hương: như “những ngọn hải đăng ở trên núi, chúng có “tiếng nói riêng”, có “ tâm hồn riêng”… Đó là hình ảnh của quê hương, cũng là biểu tượng cho sức sống mạnh mẽ mà đẻo dai, kiêu hung bất khuất mà dịu dàng thân thương của những con người Ku-ru-rêu; tình yêu quê hương trong tâm hồn nhà văn như ngất ngây hòa quyện cùng đất trời, cây lá, con người của quê hương…

+ Hai cây phong còn gắn liến với những kỷ niệm tuổi thơ đẹp đẽ không thể nào quên “Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảng vỡ của chiếc gương thần xanh... ".Hai cây phong nơi ấy chứa bao kỷ niệm của tuổi học trò với những trò chơi thuở nhỏ "Khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chạy ào lên đấy phá tổ chim". Ấn tượng sâu đậm trở thành điểm nhớ về hai cây phong trong ký ức của nhân vật ở đây chính là "thế giới diệu kỳ được mở ra trong tâm hồn trẻ thơ" từ góc nhìn, tầm nhìn mà hai cây phong ấy đem lại…. Và trong cõi sâu thẳm ta hiểu rằng nỗi nhớ và cảm xúc cùng thế giới tuổi thơ vẫn đọng lại nguyên vẹn trong hai cây phong ấy chính là tình yêu quê hương da diết.

**\* Đoạn trích là bài ca về người thầy chân chính**

+ Hai cây phong là nhân chứng của câu chuyện hết sức xúc động về Đuy-sen, người thầy đầu tiên và cô bé An- tư-nai gần bốn mươi năm về trước. Chính thầy Đuy-sen đã đem hai cây phong về trồng trên đồi cao này cùng với cô bé An-tư-nai và thầy đã gửi gắm ở hai cây phong non ước mơ, hy vọng những đứa trẻ nghèo khổ, thất học như An-tư-nai sau này sẽ lớn lên, ngày càng được mở mang kiến thức và trở thành những con người hữu ích.

+ Qua hình ảnh hai cây phong nhân vật tôi đã thể hiện lòng biết ơn thầy Đuy-sen - người thầy chân chính

**c. Đánh giá chung:**

- Từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người - nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời - thật giản dị, sâu sắc mà cảm động bởi hình ảnh quê hương được gửi gắm qua hình tượng hai cây phong in đậm trong tâm trí người kể chuyện y nguyên chẳng phai mờ.

- Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn và đó còn là nền tảng để con người có thể đứng lên trong bất kì hoàn cảnh nào. Đó chính là cảm xúc lòng biết ơn của người họa sĩ đối với quê hương nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tác phẩm như một lời thức tỉnh đối với chúng ta cho chúng ta những cảm nhận thật gần gũi về quê hương.

Hs có thể so sánh, liên hệ một cách phù hợp với các tác giả, tác phẩm khác…

**c. Kết bài:**

- Khẳng định giá trị của tác phẩm

- (Có thể) bộc lộ cảm nghĩ, ấn tượng của người viết về tác phẩm.

**Đề 17: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn từ thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ”. (Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ - NXB Giáo dục Việt Nam, tr 12). Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng cảm nhận về truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê hãy làm sáng tỏ ý kiến.**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến của Nguyễn Đình Thi: Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn từ thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ.

- Truyện ngắn “**Những ngôi sao xa xôi**” của Lê Minh Khuê sẽ góp phần làm sáng tỏ nhận định trên.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý kiến:**

+ Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại: đặc trưng riêng của tác phẩm nghệ thuật trong phương thức phản ánh đời sống. Người nghệ sĩ nào khi sáng tác cũng lấy vật liệu mượn ở thực tại – hiện thực khách quan về cuộc sống, con người, xã hội, để xây dựng nên tác phẩm của mình.

+ Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ: tác phầm không chỉ phản ánh cuộc sống thực tại khách quan (ghi lại cái đã có rồi) mà còn là nơi bộc lộ những suy nghĩ chủ quan, những tâm tư tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ, thể hiện những khám phá sáng tạo của người cầm bút. Ý kiến của Nguyễn Thi đề cập đến mối quan hệ giữa văn học và đời sống: Tác phẩm văn học lấy chất liệu ở thực tại đời sống khách quan nhưng không phải là sự sao chép giản đơn, chụp ảnh nguyên xi thực tại đấy mà cần có những sáng tạo. Bắt nguồn từ cuộc sống, bằng cách phản ánh cuộc sống, người nghệ sĩ bộc lộ cái mới mẻ trong sự khám phá, trong cách nhìn nhận riêng mình, qua đó góp tiếng nói của mình vào sự phát triển của văn học, của đời sống.

**b. Chứng minh (qua tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê)**

**+ Khái quát tác giả tác phẩm.**

- Truyện khai thác đề tài chiến tranh, lấy hiện thực cuộc sống và chiến đấu của nữ thanh niên xung phong trong những năm kháng chiến chống Mĩ làm chất liệu phản ánh. Lựa chọn đề tài này, tác phẩm của Lê Minh Khuê có nhiều điểm gặp gỡ với các tác phẩm sáng tác cùng thời (Sáng tác của Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Minh Châu…) Truyện kể về công việc và cuộc sống thường nhật của một tổ trinh sát mặt đường gồm ba cô gái thanh niên xung phong tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, có nhiều chi tiết, sự việc chân thực về bom đạn, chiến đấu hi sinh. Tác phẩm đã tái hiện được không khí dữ dội và ác liệt của chiến tranh. Qua đó, Lê Minh Khuê ca ngợi chủ nghĩa anh hùng và vẻ đẹp tâm hồn của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ. Đó là vẻ đẹp của lí tưởng cách mạng, là tình yêu quê hương đất nước, lòng căm thù giặc, là niềm lạc quan, yêu cuộc sống thiết tha, sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân cho Tổ quốc.

**Luận điểm 1: Những sáng tạo mới mẻ của Lê Minh Khuê về nghệ thuật trần thuật**

+ Truyện được trần thuật theo ngôi thứ nhất. Lựa chọn phương thức trần thuật này sẽ nhà văn thể hiện cách nhìn độc đáo về chiến tranh, đồng thời đi sâu vào khai thác diễn biến tâm lí nhân vật. Đây là điểm khác biệt so với nhiều tác phẩm cùng thời. Đa số các nhà văn trong thời kì chống Mĩ thường ít chú ý khai thác tâm lí nhân vật mà chủ yếu tập trung xây dựng những hành động anh hùng. Nhân vật Phương Định có một thế giới nội tâm trong sáng, phong phú. Nỗi buồn, niềm vui, nỗi nhớ và cả những suy tư của nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên, sinh động, chân thực. Điểm nhìn trần thuật ngôi thứ nhất đã xóa nhà khoảng cách giữa người kể chuyện và nhân vật khiến cho câu chuyện gần gũi bình dị và đời thường hơn. Cách trần thuật từ điểm nhìn ngôi thứ nhất cũng giúp cho nhân vật hiện lên tự nhiên với đầy đủ phẩm chất và đầy tính thuyết phục.

**Luận điểm 2: Những sáng tạo mới mẻ của Lê Minh Khuê về** **nghệ thuật xây dựng nhân vật.**

- Minh Khuê thể hiện được nét độc đáo trong phong cách truyện ngắn. Giữa khói lửa chiến tranh, vẻ đẹp của con người vẫn tỏa sáng. Nho, Thao, Phương Định là ba trong hàng triệu thanh niên xung phong thời bấy giờ. Ở họ vừa có cái bình dị đời thường vừa rất anh hùng. Trong cuộc sống họ can trường bao nhiêu thì trong cuộc sống sinh hoạt họ hồn nhiên bấy nhiêu. Họ thích hát, thích vui đùa, thích nhai kẹo, thích làm điệu và đôi khi rất yếu đuối thấy máu, thấy vắt là nhắm mắt lại, mặt tái mét.

- Tác giả đã xây dựng ba hình tượng nhân vật với những nét chung và những nét tính cách riêng. Nhà văn cũng không lí tưởng hóa, bọc nhân vật trong bầu không khí vô trùng mà để họ hiện lên thật đáng yêu, nữ tính. Điều đáng chú ý nữa là nhà văn luôn đi sâu miêu tả đời sống nội tâm của nhân vật, nhất là ở nhân vật Phương Định.

**Luận điểm 3: Những sáng tạo mới mẻ của Lê Minh Khuê,** **điểm khác biệt và cũng là thành công của tác phẩm so với những truyện ngắn cùng đề tài là ở giọng điệu, ngôn ngữ.**

**+** Giọng văn sinh động, trẻ trung với lối diễn đạt tự nhiên đã lôi cuốn bạn đọc. Tác giả còn rất linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu, thường sử dụng những câu văn ngắn, nhịp nhanh, đôi khi những câu văn được sắp xếp theo trật tự bất thường, nhiều khi lộn xộn, không theo mạch tư duy thông thường. Face book Nhung Tây 0974862058

+ Giọng văn tự nhiên, kết hợp với kĩ thuật trần thuật hiện đại đã làm nên vẻ đẹp riêng cho **Những ngôi sao xa xôi.**

**c. Đánh giá chung:**

- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đề cập đến nội dung có tính chất đặc trưng của tác phẩm văn nghệ nói chung, tác phẩm văn học nói riêng, gợi ý cho người đọc về phương pháp tiếp cận tác phẩm đúng đắn và sâu sắc. Đọc tác phẩm không chỉ đơn thuần là lĩnh hội giá trị của tác phẩm mà còn đồng cảm với nhà văn, trân trọng những sáng tạo hết mình của họ cho nghệ thuật.

- Để có một nội dung sâu sắc, hấp dẫn, nhà văn chẳng những phải có vốn sống phong phú, sự từng trải mà còn phải có tài năng nghệ thuật, và quan trọng nhất là tình cảm chân thành, tư tưởng đúng đắn.

- Những sáng tạo mới mẻ tạo nên thành công và sức hấp dẫn riêng của tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”. Viết về chiến tranh nhưng đậm chất lãng mạn, chất trữ tình ngọt ngào sâu lắng.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận là hoàn toàn đúng.

- Liên hệ bản thân, rút ra bài học.

**Đề 18: Bàn về sứ mệnh của người cầm bút, Ai-ma-tốp cho rằng: “*Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác, cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”.* Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm “Người thầy đầu tiên” của AimaTop (Bộ sách văn 8 - CD), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.**a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: mở bài giới thiệu được vấn đề nghị luận gắn với tác giả, tác phẩm; thân bài trình bày được các luận điểm, có lập luận chặt chẽ, lí lẽ, dẫn chứng xác đáng, thuyết phục; kết bài đánh giá được khái quát về vấn đề nghị luận và thể hiện được suy nghĩ riêng của người viết.

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Sứ mệnh của nhà văn là khơi gợi, lay động được những tình cảm tốt đẹp, nhân văn trong người đọc, người nghe.

**1. Giải thích ý kiến:**- Ý kiến của nhà văn Ai-ma-tốp khẳng định sứ mệnh của nhà văn là thông qua tác phẩm của mình phải khơi gợi được những tình cảm nhân văn tốt đẹp ở người đọc như: Sự đồng cảm với cảnh ngộ của con người, lay thức những tình cảm yêu thương, sự thấu hiểu chia sẻ hay sự bất bình, lên án, phê phán, đấu tranh với cái xấu, cái ác để bênh vực cái tốt, cái đẹp, cái lương thiện…   
- Đề cao sứ mệnh cao cả của văn chương là cảm hoá, nhân đạo hoá con người. Đó cũng là những giá trị nhân đạo, nhân văn sâu sắc, cao đẹp làm nên sức sống trường tồn cho tác phẩm mà người nghệ sĩ chân chính nào cũng muốn hướng tới.

+ “Niềm trắc ẩn”: Sự đồng điệu, đồng cảm để có thể hiểu, chia sẻ, thương xót trước nỗi đau của người khác.

+ "Ý thức phản kháng cái ác" là khi nhà văn phô bày, lên án cái xấu, cái ác.

+ Sự tự hào về những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật, từ đó nảy sinh khát vọng khôi phục và bảo vệ những điều tốt đẹp của con người.

=> Ý nghĩa câu nói của Ai-ma-tốp: Vai trò của nhà văn, của tác phẩm văn học trong việc nhân đạo hóa con người.

**2. Bàn luận**

- Đó là một ý kiến đúng đắn vì:

+ Tác phẩm văn học chân chính thể hiện cái tâm của người nghệ sĩ, phải hàm chứa tinh thần nhân văn sâu sắc, chứa đựng niềm vui, nỗi khổ đau của con người. Tác phẩm văn học chỉ có ý nghĩa khi mục đích sáng tác của nhà văn là nhằm phục vụ cuộc sống của con người (văn chương sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có).

+ Một trong những chức năng cơ bản của văn học là giáo dục, là “cứu vớt” con người. Vì vậy, nhà văn, bằng năng lực của mình cần thông qua mỗi tác phẩm văn học nhà văn cần giúp người đọc nhận ra cái tốt- cái xấu, từ đó khơi lên ở họ những tình cảm tốt đẹp (cảm thông với nỗi đau, căm ghét cái xấu, trân trọng và muốn bảo vệ cái đẹp).

**\* Phân tích, chứng minh qua truyện ngắn « Người thầy đầu tiên »  
Với truyện ngắn “Người thầy đầu tiên< kể về thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò và cô học trò An-tư-nai thông minh lanh lợi. Qua đó người đọc thấy được tình cảm thầy trò cao quý và thiêng liêng.**

**Người thầy đầu tiên ca ngợi người thầy Đuy-sen với những tâm huyết, sự tận tụy và tình cảm mà thầy dành cho học sinh của mình, đặc biệt là An-tư-nai. Đuy-sen là một người thầy tuyệt vời, không chỉ vận động các học sinh tới trường, thầy còn tự tay cõng các em nhỏ qua suối, không quản thời tiết lạnh buốt hay bị những kẻ cưỡi ngựa châm chọc. Nhờ sự kiên trì và hết lòng bảo vệ, thầy Đuy-sen đã giúp An-tu-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Đuy-sen nhưng do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bật tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã là một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của minh trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người hoạ sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen như một hành động chuộc lỗi.**

Thầy Đuy-Sen về làng xây trường

- Trò chuyện gần gũi với học sinh, qua cách nói chuyện với An-Tư-Nai

+ Mời học sinh vào thăm trường

+ Kêu học sinh gọi thầy bằng thầy

-Thầy thương học sinh

+ Bế học sinh qua núi

+ Lưng thì cõng, tay thì bế

-Thầy hiền từ không để ý đến lời lăng mạ của người khác

- Thầy cố gắng làm tất cả để mang đến con chữ cho học sinh

=>Người thầy hiền từ được An Tư Nai và các học sinh yêu quý, thầy làm mọi thứ vì học sinh thân yêu của mình

**3. Đánh giá:**- Truyện ngắn sử dụng nhiều ngôi kể: Tạo ra nhiều điểm nhìn, giúp câu chuyện trở nên hấp dẫn và chân thực hơn.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc họa nhân vật thông qua hành động, lời nói.

+ Ngôn từ giàu chất thơ.

"Người thầy đầu tiên" đã ca ngợi tấm lòng nhiệt huyết, tình thương yêu vô bờ của thầy Đuy-sen dành cho học trò. Bên cạnh đó, thông qua nhân vật An-tư-nai, tác giả còn khắc họa sự biết ơn chân thành tới những công lao to lớn ở thầy Đuy-sen. Từ đây, ta cảm nhận được tình cảm thầy trò cao quý, thiêng liêng.

**Đề 19: Truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” là bức thông điệp màu xanh về tình yêu thương và sự sống con người. em hãy chứng minh.**

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả O.Hen-ri và truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng”

- Khái quát nôị dung đoạn trích, trích lời nhận định.

**b. Thân bài**: Chứng minh nhận định bằng việc phân tích nội dung đoạn trích.

- Truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng” là một bức thông điệp màu xanh về tình bạn cao quý, cảm động.

+ Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ trẻ sống chung trong một căn hộ thuê rẻ tiền ở gần công viên Oa-sinh-tơn. Giôn-xi bị mắc bệnh viêm phổi. Bệnh tật và nghèo túng khiến cô suy sụp về mặt tinh thần, cô gắn sự sống của mình vào những chiếc lá thường xuân đối diện với của sổ và chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi lìa đời.

+ Chính trong tình cảnh bi đát ấy tình bạn đã được thử thách. Xiu thương Giôn-xi vô cùng, cô thức gần như suốt đêm để chăm sóc bạn, động viên bạn, ( dẫn chứng câu văn cụ thể) , mời bác sĩ, cầu cứu bác Bơ- men, quấy cháo....

=>Xiu là hiện thân của một trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương bạn bè.

- Truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” là một bức thông điệp màu xanh về tình người, tình cảm cao quý của người hoạ sĩ già, bác Bơ men với Giôn-xi.

+ Bác Bơ-men đã 60 tuổi, đã 40 năm nay bác mơ ước vẽ được mottj kiệt tác nhưng chưa thực hiện được. Bác thường ngồi làm mẫu cho các hoạ sĩ vẽ để kiếm tiền. Biết tin Giôn-xi bị bệnh lại đang trọng trạng thái tâm lí tuyệt vọng không muốn sống nữa, bác đã vô cùng lo lắng.

+ Vào cái đêm mưa gió, khi mà chiếc lá thường xuân cuối cùng đã lìa cành, bác đã có một hành động hết sức cao cả: vẽ chiếc là thường xuân trong đêm mưa tuyết và gió lạnh, dưới ánh sáng của một chiếc đèn bão. Bác đã bị viêm phổi nặng và vĩnh viễn ra đi mà không biết rằng chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác.

+ Bức tranh chiếc lá cuối cùng là 1 sản phẩm của tấm lòng yêu thương con người sâu sắc. Nó thể hiện tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim nhân đạo đầy tình người bao la của người hoạ sĩ già. Bác đã vẽ chiếc lá để lấy lại sự sống cho Giôn-xi từ tay thần chết, đem lại niềm tin và nghị lực sống cho cô.

=>Bác Bơ-men đã ngã xuống vì nghệ thuật, đã hi sinh vì sự sống và hạnh phúc của người khác. Sự ra đi của người hoạ sĩ già đã để lại trong lòng người đọc niềm xúc động chân thành.

c**. Kết bài:**

- Khẳng định lại giá trị nội dung của truyện “ Chiếc lá cuối cùng”.

O. Hen-ri muốn gửi tới người đọc một bức thông điệp: con người hãy sống với nhau bằng tình yêu thương; nghệ thuật chân chính là nghệ thuật hướng tới con người, phục vụ con người.

**Bài làm**

Trong cuộc sống muôn màu  muôn vẻ, tình cảm giữa người với người cũng vô cùng phức tạp. Và chính sự phức tạp đó mới làm nãy sinh những áng văn chương vô cùng phong phú cho các nhà văn. “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri là một minh chứng hùng hồn nhất về tính nhân văn, về tình người, tình đời.

Câu chuyện đưa chúng ta vào một góc sống của xã hội. Thông qua cuộc sống của những họa sỹ nghèo khổ, nhiều khía cạnh trong tâm hồn con người được bộc lộ rõ nét. Cụ Bơ-men cả đời chưa có một bức tranh nào ấn tượng. Nhưng cuộc sống thì vẫn phải tồn tại. Chính vì vậy mà bản thân là một họa sỹ mà cụ phải ngồi làm mẫu cho các họa sĩ khác vẽ để kiếm chút đỉnh tiền trang trải cho cuộc sống.Cái sự nghèo khó như làm cho người ta lâm vào bế tắc và trở nên bi quan. Cô Giôn-xi không thoát khỏi cơn bệnh viêm phổi khi những cơn gió lạnh nghiệt ngã tràn về. Những người sống trong khu nhà trọ đều khổ sở như nhau nên cô không hy vọng mình thoát khỏi cơn bạo bệnh. Cô có thêm một căn bệnh khác là: tâm bệnh. Khi nằm trên giường bệnh, hình ảnh những chiếc lá vàng rơi đã tác động vào cô rất nhiều. Cứ mỗi ngày trôi qua, những chiếc lá thường xuân vơi dần đi, điều đó gợi trong tâm trí của Giôn-xi một nỗi lo sợ đến tuyệt vọng. Những chiếc lá vảng thật mong manh! Cô chợt nhận ra rằng: tấm thân bệnh hoạn của cô cũng như những chiếc lá vàng kia. Theo quy luật tự nhiên, những chiếc lá vàng rồi sẽ lìa cành để nhường chỗ sự đâm chồi nảy lộc. Còn cô, không tiền bạc…không người thân…cô cũng sẽ chết dần chết mòn theo ngày tháng. Ý nghĩ đó làm cô không còn muốn sống nữa. Cô liệt hẵn ý thức muốn sinh tồn. Cô buông xuôi mình cho số phận.

Cũng với những chiếc lá ấy, nhưng lại mang đến cho Xiu-một cô bạn chung phòng trọ với Giôn-xi một cảm giác khác. Xiu cũng có một nỗi lo lắng nhưng là lo cho sức khỏe của Giôn-xi. Cô rất sợ khi phải theo yêu cầu của Giôn-xi kéo bức mành lên cho cô bạn đếm những chiếc lá vàng còn vương lại. Điều này cũng có nghĩa là cô sẽ tận mắt chứng kiến sự tuyệt vọng của bạn mà không làm gì được. Dù là không phải chị em ruột thịt nhưng cuộc sống nghèo khó đã kéo họ gần nhau. Nhất là khi hoạn nạn họ càng cần có nhau hơn. Nhìn vào sự lo lắng, chăm sóc của Xiu đối với Giôn-xi khiến người ta nghĩ đến nhân tình thế thái, nghĩ đến câu “Bà con xa không bằng láng giềng gần”, hiểu thấu hơn chân lý: khi hoạn nạn mới thấy rõ ân tình! Không ngờ chỉ với những chiếc lá nhưng lại gợi cho người ta những cái nhìn khác nhau. Nếu những chiếc lá vàng kia có linh hồn, có thể chúng nó sẽ vì tình người mà bám víu lại trên cây để kéo dài sự sống cho mình và cả đem lại niềm hy vọng cho con người.Cụ Bơ-men được dưới mắt mọi người chỉ là một họa sỹ già bất đắc chí. Mấy mươi năm trong nghề nhưng cụ chưa có một tác phẩm nào ra trò. Cụ suốt ngày vùi đầu vào rượu. Bản thân là họa sỹ nhưng cụ còn phải ngồi làm mẫu cho người khác vẽ để kiếm chút đỉnh tiền mà sống qua ngày. Bất mãn với công việc cụ trở nên lặng lẽ. Cụ lặng lẽ với cả người bệnh. Khi đến thăm Giôn-xi, cụ chỉ đưa mắt nhìn mà chẳng buông ra lời khuyên nào. Nói chung, trong mắt mọi người, cụ Bơ-men không là gì cả.Chuyện xảy ra sau đó cũng rất âm thầm lặng lẽ, khi chiếc lá cuối cùng vẫn còn trên cây sau một đêm giông tố. Chiếc lá cuối cùng không rụng xuống như dự đoán của Giôn-xi và Xiu. Sự tồn tại của chiếc lá đã khơi gợi lên trong Giôn-xi một tia hy vọng và một niềm tin mãnh liệt: niềm tin về ý chí quật cường để vươn lên khỏi bệnh tật, cũng giống chiếc lá đã vượt qua phong ba bão táp để tồn tại. Cho dù có thể hôm sau chiếc lá cuối cùng đó sẽ rụng, nhưng ít ra một chút “hồi quang phản chiếu” ấy đã đủ cho Giôn-xi nhận thức được sự tồn tại của vạn vật, của mọi sinh linh là quy luật tất yếu. Nói chung, Giôn-xi đã gián tiếp được “chiếc lá cuối cùng” ấy cứu sống!

Câu chuyện không dừng lại ở đây, không dừng lại ở sự hồi sinh của Giôn-xi mà diễn biến ở một nhân vật khác: cụ Bơ-men! Cụ Bơ-men đã ra đi mãi mãi để đem lại niềm tin cho Giôn-xi. Cụ không ủy mị như Xiu, không chán nản như Giôn-xi nhưng cụ lại có tấm lòng nhân đạo. Đặc biệt là với kinh nghiệm sống ở đời, cụ biết không có lời an ủi hữu hiệu nhất cho một tâm hồn đang bi quan khi gởi gắm linh hồn mình vào những chiếc lá vàng rơi. Như một thầy thuốc bắt đúng mạch cho bệnh nhân, cụ Bơ-men đã bốc cho Giôn-xi một thang thuốc để chữa tâm bệnh. Cụ âm thầm vẽ lại chiếc lá cuối cùng vì cụ biết rằng chiếc lá cuối cùng rồi sẽ lìa cành dưới cơn giông gió. Quyết tâm dùng sức sống của chiếc cùng để thức tỉnh suy nghĩ lệch lạc của Giôn-xi, cụ Bơ-men đã vĩnh viễn ra đi vì nhiễm bệnh sau cái đêm dầm mưa để hoàn thành tác phẩm có ý nghĩa của mình. Có thể lúc đi về bên kia thế giới, cụ Bơ-men không ngờ rằng tác phẩm của mình đã cứu sống được một mạng người. Đối với mọi người thì tác phẩm của cụ đã trở thành một kiệt tác bởi vì chính những người cùng nghề là họa sỹ như Giôn-xi và Xiu cũng không nhận ra đó chỉ là chiếc lá nhân tạo. Ngoài sự thành công về hình thức, tài hoa về nghệ thuật, người thưởng thức còn cảm nhận được tính nhân văn trong tác phẩm. Bởi lẽ “chiếc lá cuối cùng” không vẽ bằng công cụ bình thường mà được vẽ bằng cả tấm lòng cao thượng!

“Tình người trong chiếc lá”, một cụm từ thoáng nghe như “không có tình” bởi chiếc lá “vô tri, vô giác” nhưng lại “vô cùng có tình” khi được thổi vào một luồn sinh khí mới, được phả vào “tình người” để tạo nên “tình đời” của một tâm hồn một người nghệ sỹ.

**Đề 20: “Những điều kì diệu và cảnh huy hoàng cuối cùng không khỏa lấp được lòng thương xót đối với số phận cô bé. Cô bé đã chết rồi, nhưng cái chết của em vẫn nhắn lại nhiều điều đối với những ai đang sống”. (Theo Trần Đình Sử, Đọc văn, học văn, NXBGD Hà Nội, 1999).**

**Qua “Cô bé bán diêm”của An-đéc-xen (SGK Ngữ văn 8, tập 1), em hãy làm rõ những điều nhắn lại từ tác phẩm đó mà ý kiến trên đã đề cập.**

**\* Gợi ý**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận, nêu ý kiến của Trần Đình Sử, chốt vấn đề và tác phẩm liên quan.

**2. Thân bài:**

**\* Giải thích ý kiến**

**\* Sơ lược về tác phẩm”Cô bé bán diêm”**

**\* Chứng minh chỉ rõ những điều nhắn lại từ tác phẩm với một số ý cơ bản:**

+ Gửi lại bức tranh hiện thực cuộc sống xã hội; cuộc đời, số phận của cô bé bán diêm. Lên án, phê phán xã hội; thái độ bàng quan, thiếu hơi ấm tình thương của người đời

+ Nhắn gửi những mong muốn, khát vọng của tuổi thơ: Với trẻ thơ, các em ước mơ được sống cuộc sống vật chất đầy đủ, được hưởng thú vui tinh thần, và cần nhất là sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ của mọi người. Đó cũng là khát vọng muôn đời của con người nói chung.

+ Nhắn lại cho mọi người những thông điệp, bài học: Suy nghĩ về trách nhiệm đối với gia đình, người thân; Nhắc ai đó đang may mắn được sống trong tình yêu thương của người thân hãy nên biết trân trọng; hãy thấu hiểu trẻ thơ cần gì, hãy biết yêu thương, cảm thông với những cảnh đời bất hạnh; không nên thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác...

=> Nhắn gửi cộng đồng, xã hội, gia đình, mọi người, bản thân... những suy nghĩ về trách nhiệm của mình với trẻ thơ và những người xung quanh...

+ Những gia trị nội dung (hiện thực, nhân đạo) và nghệ thuật mà tác phẩm để lại; ý nghĩa giáo dục mà tác phẩm đem đến cho người đọc

**\* Khái quát, đánh giá chung về tác phẩm “Cô bé bán diêm”,** về những điều nhắn lại từ tác phẩm; về tài năng, thái độ, tấm lòng của tác giả; về ý kiến của Trần Đình Sử; bài học về cách viết và cách tiếp nhận tác phẩm liên quan đến vấn đề...

**c. Kết bài:**

- Khẳng định giá trị của tác phẩm.

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 21: “*Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp*”. (Pautopxki)**

**Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy viết về xứ sở cái đẹp mà Lê Minh Khuê mang đến cho bạn đọc qua truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về sứ mệnh cao cả của nhà văn chân chính.

- Trích dẫn ý kiến của K. Pautopxki và giới hạn phạm vi dẫn chứng: Tác phẩm Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích:**

- Nhà văn chân chính: Nhà văn có thái độ nghiêm túc trong lao động và sáng tạo nghệ thuật; có lương tâm, có trách nhiệm với nghề; tạo ra tác phẩm văn chương có giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc.

- Người dẫn đường: Là người định hướng tư tưởng, cảm xúc cho bạn đọc.  
- Xứ sở cái đẹp: Là vẻ đẹp của một tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và hình thức.

+ Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm. Đó là vẻ đẹp trong tự nhiên, trong con người, trong lao động, chiến đấu… mà nhà văn mang tới cho người đọc.

+ Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn, là khả năng kết cấu chặt chẽ, xây dựng tình huống hợp lí, khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

=> Ý kiến nhấn mạnh vai trò của nhà văn trong việc dẫn dắt, định hướng và bồi đắp tư tưởng, cảm xúc thẩm mĩ cho bạn đọc khi tiếp cận một tác phẩm văn chương.

**b. Phân tích:**

- Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.

- Thiên chức cao cả của nhà văn là thông qua tác phẩm của mình để hướng con người tới các giá trị chân - thiện - mĩ. Nhà văn bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời, vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm.

- Giá trị thẩm mĩ là một trong ba giá trị cơ bản của văn học, là khả năng văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp.

**\* Phân tích Xứ sở cái đẹp trong “Những ngôi sao xa xôi”:**

**+ Vài nét về tác giả và tác phẩm:**

- Tác giả: Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của bà viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Là nhà văn từng có những năm tháng gắn bó với những con đường mưa bom bão đạm, từng chứng kiến, trải qua những gian khổ. Bởi vậy, bà có những tác phẩm viết về cuộc sống và con người nơi đây thật chân thực và xúc động.

- Tác phẩm: Là tác phẩm đầu tay sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra hết sức ác liệt…

Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên Phương Định, Thao, Nho trong kháng chiến chống Mĩ ác liệt. Qua tác phẩm, nhà văn dẫn người đọc đến với ‘‘xứ sở của cái đẹp”. Tác phẩm là minh chứng cho nhận định của Pautopxki.

**+ Chứng minh: Xứ sở cái đẹp mà Lê Minh Khuê mang đến cho bạn đọc qua truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”.**

**Luận điểm 1:** “Xứ sở cái đẹp” trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi được thể hiện ở **phương diện nội dung: Đó là vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ qua hình ảnh ba nữ trinh sát mặt đường.**

**\* Hoàn cảnh sống và chiến đấu:**

+ Sống và làm việc dưới chân một cao điểm, trên tuyến đường trọng điểm của Trường Sơn, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt của kẻ thù : Đường bị đánh lở loét, hai bên đường không có lá xanh, những thân cây bị tước khô cháy ; đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay ầm ì...

- Liệt kê, tả thực tái hiện hiện thực khốc liệt, tính chất ác liệt của cuộc chiến, đó là sự dã man, tàn bạo của kẻ thù; tàn phá thiên nhiên nặng nề, hủy diệt cả sự sống.

+ Công việc vô cùng hiểm nguy: Đo khối lượng đất đá, đếm bom chưa nổ, nếu cần thì phá bom. Phá bom một ngày năm lần, ít thì ba lần. Trong lúc đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn và làm việc có khi suốt đêm thì các cô, tổ trinh sát mặt đường, phải chạy trên cao điểm cả ban ngày, dưới cái nóng trên ba mươi độ, thần chết rình rập xung quanh.

+ Phải đối diện với thần chết từng phút, từng giờ: thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhip điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Face book Nhung Tây 0974862058

=> Nhiệm vụ công việc của họ rất quan trọng và đầy gian khổ, ác liệt, luôn luôn phải đối mặt với hiểm nguy và cái chết, đó cũng là hiện thực khốc liệt của cuộc chiến **tranh trên tuyến đường Trường Sơn những năm đánh Mỹ.**

**Luận điểm 2. Vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong:**

**\* Vẻ đẹp chung:**

**- Họ có lí tưởng sống cao đẹp:**

+ Rời ghế nhà trường phổ thông, gác lại bao ước mơ, hoài bão của mình, ba nữ thanh niên xung phong ra mặt trận, cùng nhiều thanh niên xung phong khác:

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*

để giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

+ Họ thuộc tổ Trinh sát mặt đường ở trên cao điểm - cái tên gợi bao khát khao cống hiến.

=> Lí tưởng sống của họ cũng là của cả thế hệ trẻ thời đại ấy, sẵn sàng tình nguyện đến những nơi khó khăn ác liệt nhất, nhiều thử thách nhất, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc: “Đâu cần thanh niên có/ Đâu khó có thanh niên”. Họ có lòng yêu nước cháy bỏng, nhiệt huyết sôi sục.

**- Họ là là những cô gái kiên cường, dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm với công việc:**

+ Sẵn sàng nhận nhiệm vụ, không hề e ngại, run sợ, chùn bước trước hiểm nguy: Phương Định sẵn sàng nhận nhiệm vụ phá bom dù trước đó bị thương và vết thương chưa lành miệng. Một ngày chúng tôi phá bom ba- năm lần. Quen rồi. Tôi, một quả......dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ…

- Những câu văn ngắn, dạng câu đặc biệt là những thông báo giản dị, thản nhiên. Các cô đi làm nhiệm vụ đặc biệt hiểm nguy, đi vào chỗ chết, chia nhau cái chết mà bình tĩnh đến lạ thường. Face book Nhung Tây 0974862058

- Bình tĩnh, dũng cảm trong công việc: Đến gần quả bom, không đi khom, đào đất dưới vỏ quả bom còn nóng, bỏ thuốc mìn, châm ngòi

- Cố gắng hoàn thành công việc, không ngại hy sinh: phải nhanh hơn chút nữa. Liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Làm thế nào để châm mìn lần thứ hai? …thoáng nghĩ đến cái chết (nhưng chỉ là mờ nhạt, thoáng qua).

=> Nghệ thuật miêu tả nhân vật: đặt nhân vật trong tình huống cụ thể: đối mặt với quả bom có thể nổ bất cứ lúc nào - đối mặt với thần chết. Sử dụng một loạt động từ chỉ hành động gợi tả những hành động chính xác, nhanh nhẹn, thuần thục, khéo léo, khẩn trương, đồng thời miêu tả cụ thể chân thực những trạng thái cảm xúc của nhân vật như lo lắng, căng thẳng, bình tĩnh... Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được họ đặt lên trên hết, sự từng trải và lòng gan dạ đã giúp họ chiến thắng nỗi sợ hãi của bản thân, không ngại hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Họ có tình đồng chí đồng đội cao đẹp**

Họ quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau; thấu hiểu và tôn trọng sở thích của nhau:

+ Phương Định: Lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Phương Định hiểu chị Thao và Nho như hiểu về những chị em ruột thịt. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay: Trông nó nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao trìu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: moi đất, bế Nho đặt lên đùi, rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than, tiêm cho Nho, rồi pha sữa trong cái ca sắt… Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ.

+ Chị Thao: cuống cuồng khi Nho bị thương, giành khó khăn về mình (Phương Định bị thương, chị Thao phân công Phương Định ở nhà trực máy, còn mình cùng Nho đi trinh sát ...)

+ Nho: thấu hiểu đồng đội, bị thương cũng không kêu ca, biết trấn an tinh thần của đồng đội...

=> Tình đồng chí đồng đội của họ thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý. Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh để các cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

**- Họ là những cô gái lạc quan, trẻ trung, trong sáng, mơ mộng:**

+ Trước khó khăn, họ vẫn đùa vui, tếu táo: trên cao điểm về, khói bom nhem nhuốc, khi cười chỉ thấy hai hàm răng trắng lóa, gọi nhau là những con quỷ mắt đen… Phương Định thích hát, chị Thao thích chép bài hát…, với họ “tiếng hát át tiếng bom”…

+ Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt: Nho và chị Thao thích thêu thùa, Chị Thao tỉa lông mày nhỏ như que tăm, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ màng, thích hát…

+ Cả ba đều hồn nhiên tươi trẻ: vui thích cuống cuồng khi cơn mưa đá đến bất ngờ, tiếc nuối khi cơn mưa qua nhanh...

**\* Nét đẹp riêng:**

- Nho: Là em út, tính nết trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ bé nhỏ, nhẹ nhàng, xinh đẹp mát mẻ như một que kem trắng nhưng rất bản lĩnh, rắn rỏi.

- Chị Thao: Là người thích làm đẹp, ở chị có những nét tính cách tưởng trái ngược nhau: Thích chép bài hát, chép cả bài do Phương Định bịa ra nhưng lại không hát trôi chảy bài nào; dũng cảm, táo bạo, bản lĩnh, kiên quyết trong chiến đấu nhưng lại sợ máu, sợ vắt…

- Phương Định:

+ Là cô gái xinh đẹp, duyên dáng nhưng không biểu lộ tình cảm, tỏ ra kín  
đáo trước đám đông, tưởng như kiêu kì nhưng lại tạo nên một sức hút tự nhiên.

+ Là cô gái Hà Nội, vào chiến trường ba năm, hay hoài niệm về quê hương, mẹ, mái trường...

+ Là cô gái hồn nhiên mơ mộng với nhiều nét tính cách thể hiện rất rõ ràng: thích hát, thuộc nhiều bài hát, say sưa tận hưởng cơn mưa hồn nhiên như chưa hề nghe thấy tiếng bom đạn nổ.

=> Họ là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ. Vẻ đẹp đó khơi gợi những rung động thẩm mĩ, bồi đắp tình cảm con người. Tác phẩm đã gợi lên trong người đọc sự yêu mến, ngưỡng mộ, cảm phục trước vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là tấm gương cho thế hệ trẻ hôm nay soi vào để hoàn thiện bản thân và sống có trách nhiệm hơn với cuộc đời.

**Luận điểm 3: “Xứ sở cái đẹp” trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi được thể hiện ở phương diện nghệ thuật:**

- Cốt truyện đơn giản, hấp dẫn. Tác giả thành công trong việc tạo dựng được rõ nét khung cảnh và không khí ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn bằng nột vài nét miêu tả không rườm rà.

- Truyện kể theo ngôi thứ nhất - nhân vật Phương Định, tác giả đã diễn tả tự nhiên, sinh động những tâm trạng, cảm xúc, ý nghĩ của những cô gái ở giữa chiến trường, luôn đối mặt với cái chết mà vẫn sống hồn nhiên, lạc quan, giàu tình cảm mà không ít mơ mộng. Truyện kể tự nhiên, lôi cuốn người đọc. Nhân vật bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ của mình nên truyện kể khai thác được chiều sâu tâm lí nhân vật.

- Truyện kể chắt lọc, chân thực, sinh động. Hình ảnh Phương Định và những nữ trinh sát mặt đường như ở ngoài đời thực của chiến trường bước vào trong tác phẩm.

- Ngôn ngữ và giọng điệu: Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật kể chuyện – cô gái người Hà Nội - tạo cho tác phẩm có giọng điệu và ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung và có chất nữ tính, vui tươi, hóm hỉnh.

- Xây dựng nhân vật qua miêu tả tâm lí, ngoại hình, cử chỉ, hành động để bộc lộ tích cách và phẩm chất.

- Lời kể thường dùng câu ngắn, nhịp nhanh tạo được không khí khẩn trương trong hoàn cảnh chiến trường. Ở những đoạn hồi tưởng, nhịp kể chậm lại, gợi nhớ những kỉ niệm của tuổi niên thiếu hồn nhiên, vô tư và không khí thanh bình trước chiến tranh.

**c. Đánh giá chung:**

- Nhận định của Pautopxki là một ý kiến xác đáng khi khẳng định sứ mệnh cao cả của nhà văn trong việc truyền tải cái đẹp của cuộc sống đến với người đọc. Điều này không chỉ đúng với tác phẩm Những ngôi sao xa xôi mà còn đúng với văn học và nghệ thuật nói chung. Face book Nhung Tây 0974862058

- Nhà văn phải thâm nhập thực tế, trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết và tài năng nghệ thuật để có thể tái hiện cái đẹp chân thực của đời sống trong tác phẩm của mình.

- Ý kiến cũng là một định hướng ý nghĩa cho việc chọn lọc và tiếp nhận văn chương của người đọc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Liên hệ bản thân.

-----------------------------------------------------------------

**CHUYÊN ĐỀ 8: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI**

**Hệ thống hóa các văn bản nghị luận trung đại**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Vb- Tác giả** | **Hoàn cảnh**  **Sáng tác** | **Thể loại** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| 1. Chiếu dời đô ( Lý Công Uẩn) | - Năm 1010 khi Lí Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La | Chiếu | - Thể hiện khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. | - Viết bằng lối văn xuôi cổ, biền ngẫu, ngôn ngữ trang trọng, lời văn đẹp, giàu hình ảnh, các vế câu đối ứng nhau. Nghị luận, miêu tả, biểu cảm. |
| 2. Hịch tướng sĩ  Trần Quốc Tuấn | - 1285 trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần 2. | Hịch | - Phản ảnh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. | - Kết cấu chặt chẽ, hài hòa giữa văn chính luận và văn chương, nhiều điển tích, điển cố, so sánh, điệp từ, điệp cấu trúc câu, đối lập, tăng tiến, câu hỏi tu từ, ẩn dụ, nói quá |
| 3. Nước Đại Việt ta – Nguyễn Trãi | Trích Bình Ngô Đại cáo vào 1428 nhằm tổng kết 10 năm kháng chiến chống quân Minh | Cáo | - Có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập của nước ta.  - Nhằm khẳng định chủ quyền dân tộc. | - Kết hợp lí lẽ, dẫn chứng, giàu chứng cớ, nghị luận, biểu cảm, so sánh lịch sử chính trị, chế độ nước ta với Trung Quốc. |
| 4. | Bàn luận về phép học – Nguyễn Thiếp | Tấu | - Giúp hiểu được việc học và có phương pháp học tập tốt. | - Giải thích lập luận chặt chẽ, biểu cảm, câu văn ngắn, liên kết chặt chẽ. |

**II. Đặc điểm riêng của thể loại nghị luận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Đối tượng sử dụng | Đối tượng tiếp nhận | Mục đích | Đặc điểm diễn đạt và cấu trúc |
| Chiếu | Vua | Tất cả mọi thần dân | Ban bố mệnh lệnh | - Viết bằng văn vần, văn biền ngẫu, văn xuôi được tiếp nhận một cách trang trọng. |
| Hịch | Thủ lĩnh, vua | Tất cả mọi thần dân | - Cổ động, thuyết phục, kêu gọi đấu tranh | - Viết theo lối văn biền ngẫu |
| Cáo | Thủ lĩnh, vua | Tất cả mọi thần dân | - Trình bày chủ trương công bố kết quả. | - Viết theo lối văn biền ngẫu |
| Tấu | Bề tôi | Vua chúa | Trình bày sự việc ý kiến đề nghị | Văn xuôi, văn vần, văn biền ngẫu |

**III. Hoàn cảnh sáng tác**

- Hầu hết các tác phẩm văn học trung đại đều được ra đời trong những thời điểm lịch sử quan trọng, gắn liền với những sự kiện trọng đại của đất nước.

- Các tác giả của các tác phẩm là những người có địa vị, vai trò quan trọng trong xã hội.

**1. Đặc điểm chung của văn bản trung đại**

- Nghị luận trung đại thường là những văn bản hành chính như : Chiếu, hịch, cáo, biểu, tấu, sớ… là những thể văn xuôi có tính khuôn mẫu cố định hay tương đối cố định.

- Trong hành văn thường dùng lối biền ngẫu, lỗi diễn đạt mang tính ước lệ, đặc trưng, những điển tích, điển cố, hình ảnh so sánh, ẩn dụ, nói quá…

- Văn nghị luận trung đại mang đậm cảm xúc trữ tình.

+ Nghị luận trung đại có nhiều đặc điểm chung của văn nghị luận : Luận điểm rõ ràng, lí lẽ dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc sát thực tế, lập luận chặt chẽ.

+ Một số thể loại cơ bản

**a. Cáo, chiếu, sách, hịch**

- Đây là nhóm các thể loại văn bản hành chính mà người viết đều có cương vị xã hội rõ rệt, chủ thể của văn bản thường là vua chúa, thủ lĩnh của các phong trào.

- Các văn bản đều có chung mục đích là truyền đạt mệnh lệnh tới thường dân, hoặc vua chúa có thể chọn người tin cậy thay mình soạn thảo (Nguyễn Trãi thay Lê Lợi soạn Bình Ngô Đại cáo)

**b. Tấu, ngai, nghi, khải, biểu**

Đây là các loại văn thư mà thần tử gửi cho nhà văn trình bày ý kiến, sự nghiệp, cảm ơn.

**c. Thư, luận, biện, thuyết**

- Những văn bản này không thực thi nhiệm vụ hành chính mà chỉ để phân tích, giải thích, bàn luận đơn thuần về vấn đề hoặc các sự việc nào đó.

**d. Các văn bản trung đại dù viết theo thể loại nào đều thường sử dụng lối văn biền ngẫu tạo** nên nhiều cặp câu cân xứng với nhau có tác dụng làm cho lời văn trở lên nhẹ nhàng, từng vế hô ứng với nhau, ý văn vừa được nhấn mạnh, vừa được mở rộng.

- Bên cạnh lối văn biền ngẫu trong các tác phẩm nghị luận trung đại ta thường gặp những điển cố trong sử sách bởi tác giả thường dùng phép liên tưởng xưa nay, từ sử sách =>lí lẽ => thực tế để làm sáng tỏ luận điểm.

**e. Các văn bản nghị luận đậm tính văn chương**

Tuy các văn bản nghị luận đều thuộc loại văn bản hành chính, chính trị nhưng không hề có giọng khô khan. Các tác giả không chỉ chú ý đến văn phong chính xác, lập luận chặt chẽ mà còn tràn đầy nhiệt huyết cảm xúc.

g. Nội dung chủ yếu của văn nghị luận trung đại

- Thể hiện lòng yêu nước.

- Tố cáo chiến tranh (Căm thù giặc sâu sắc, thương dân, Ý chí quyết tâm đánh giặc, ca ngợi truyền thống yêu nước)

- Thể hiện khát vọng hào bình: (Xây dựng đất nước, kinh đô vững vàng, phồn thịnh, phát triển giáo dục có nhiều hiền tài)

**Đề 1: Phân tích văn bản Chiếu dời đô để thấy được khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.**

**BÀI THAM KHẢO**

Trong những áng văn nghị luận trung đại, Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn có một vị trí quan trọng. nó là áng văn khởi đầu cho nền văn học thời Lí - Trần. Hơn nữa, nó là áng văn đầu tiên thể hiện khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.

Chiếu dời đô ra đời trong hoàn cảnh lịch sử khá đặc biệt. Tuy không phải là hoàn cảnh giặc thù đang lăm le ngoài biên ải, vận mệnh Tổ quốc lâm nguy như hoàn cảnh ra đời của Hịch tướng sĩ. Cũng không phải không khí tưng bừng rộn rã của cả dân tộc đang ca khúc khải hoàn như hoàn cảnh ra đời của Bình ngô đại cáo. Đây là hoàn cảnh đất nước đã thái bình. Nhưng nền thái bình ấy còn mong manh, nguy cơ giặc giã thôn tính Đại Việt chưa phải là hết. Đây là thời điểm dân tộc ta đã giành được chủ quyền, có núi sông riêng, chế độ riêng, nhưng các triều đại Đinh- Tiền Lê nối tiếp nhau ra đời rồi cũng nhanh chóng tiêu vong. Nhà Lí thành lập. Một trọng trách nặng nề đè nặng trên đôi vai vương triều họ Lí. Làm thế nào để giữ yên giang sơn bờ cõi, bảo tồn được thành quả của cha ông đã giành được ? làm thế nào để phát triển đất nước ngày càng hùng cường ? Niềm trăn trở ấy đã biến thành quyết định dời đô của Lí Thái Tổ (Lí Công Uẩn), và bài Chiếu đã ra đời. Hơn ai hết, Lí Công Uẩn hiểu rõ lí do phải dời đô cũng như lợi ích của việc dời đô.

Trong lịch sử nhân loại, đã có không ít những lần dời đô. Không xét đâu xa lạ, chỉ riêng một quốc gia cận kề với Đại Việt là Trung Hoa, chỉ ở hai triều đại thôi cũng đã có tới vài lần phải thay đổi kinh đô: Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô, nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Việc dời đô của các vị đế vương Thương, Chu ấy phải đâu là những việc làm tùy tiện, theo ý riêng của mình. Đó là những việc làm có suy tính đến sự thiệt hơn, đến sự hưng thịnh, tồn vong của giang sơn, xã tắc, đến hạnh phúc lâu dài của trăm họ, muôn dân. Thật là một việc làm trên theo mệnh trời, dưới theo ý dân, đáng là tấm gương để đời sau noi theo. Từ bài học của các đế vương Trung Hoa, đi sâu vào thực tế của Đại Việt, Lí Thái Tổ càng thấy bức xúc, trăn trở: Kinh Đô của Đại Việt đóng ở Hoa Lư, nơi đất hẹp hè thưa, địa thế tuy có hiểm trở nhưng đâu phải là nơi thuận tiện cho việc giao lưu phát triển, làm sao vận nước có thể lâu dài, phong tục có thể phồn vinh như các triều đại Thương, Chu bên Trung Quốc? Và thực tế là số vận của hai nhà Đinh, Lê không được lâu bền, số vận ngắn ngủi và trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi há chẳng phải là điều đang diễn ra đó sao?

Không chỉ bức xúc, trăn trở, nhà vua còn cảm thấy rất đau xót về việc đó. Tình cảm chân thành của ông là khát vọng về đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường. Khát vọng ấy biến thành ý chí hành động không thể chuyển dời.

Bắt nguồn từ một khát vọng lớn lao, cao cả, với một vị trí mẫn tiệp, với tầm nhìn xa, trông rộng của một bặc thiên tài kiệt xuất, vị đế vương nhà Lí đã tìm được cho dân tộc ta một địa danh lí tưởng để định đô lâu dài. Đó là thành Đại La. (Hà Nội ngày nay). Nhà vua chỉ rõ các bá quan văn võ, cho thần dân cả nước thấy được những lợi thế vô cùng lớn của thành Đại La mà không nơi nào trên quốc gia Đại Việt có được.

Thứ nhất, về vị trí địa lí ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuốn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi phải chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi.

Thứ hai, vế chính trị, văn hóa thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Đóng đô ở một nơi như thế hỏi làm sao vận nước có thể ngắn ngủi, trăm họ có thể hao tổn, muôn vật có thể không được thích nghi? Chắc chắn là vận nước sẽ được lâu dài, phong tục sẽ được phồn vinh, trăm dân muôn họ sẽ được an hưởng thái bình hạnh phúc. Hỏi có còn mong ước gì hơn? Một khát vọng thật đẹp. Khát vọng của Lí Thái Tổ cũng là khát vọng của những người dân Đại Việt lúc ấy và cả sau này.

Chiếu dời đô đã đánh trúng vào niềm khao khát xây dựng một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cườngcuar cả dân tộc nên nó được mọi người nồng nhiệt hưởng ứng. Một kinh đô mới đã ra đời và tồn tại vĩnh viễn. Chiếu dời đô không chỉ thể hiện một khát vọng lớn, nó còn thể hiện được khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.

Do thế và lực còn yếu, chưa đủ sức để đối phó với nạn ngoại xâm nếu định đô ở đồng bằng, nên hai nhà Đinh, Lê phải chọn Hoa Lư làm kinh đô mong dựa vào địa thế hiểm trở để bảo tồn vương triều, giữ vững chủ quyền. Bởi chưa lớn mạnh nên số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn là lẽ đương nhiên.

Nhưng nay, nhà Lí là sự kế tục sự nghiệp của các triều đại cha anh, có thế đã lớn mạnh hơn. Nhưng dù có lớn mạnh hơnhay chưa thực sự lớn mạnh thì quyết định dời đô của vị Thái Tổ họ Lí cũng đã khẳng định được khí phách anh hùng, dám đương đầu với mọi thử thách, vững tin vào khả năng của mình. Khí phách của vị đế vương đầu tiên của nhà Lí cũng là khí phách của cả một vương triều, của cả một dân tộc đang trên đà lớn mạnh.

Ngày nay, càng đọc kĩ Chiếu dời đô, càng suy ngẫm kĩ về tư tưởng bài Chiếu, ta càng thấy thấm thía sự sáng suốt và quyết định đúng đắn của một bậc đế vương hào kiệt, càng thêm biết ơn ông đã đặt nền móng cho sự bền vững, hưng thịnh lâu dài của đất nước, càng thêm cảm phục và quý mến ông.

**Đề 2: “Chiếu dời đô phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh”.**

**Bằng hiểu biết của em về văn bản “ Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?**

Lý Công Uẩn ông là vị vua thông minh, nhân ái, lập được nhiều công lớn, là vị vua đầu tiên của nhà Lý, mở ra thời kì hưng thịnh của đất nước. Năm 1010, ông viết văn bản “ Chiếu dời đô” để thông báo cho toàn dân Đại Việt biết ý định của mình là dời đô từ Hoa Lư ( NB) ra Đại La ( Hà Nội). Văn bản đã *phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh*.

Trước tiên, *Chiếu dời đô* phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất*.* Trong bản chiếu, Lý Công Uẩn đã khẳng định việc dời đô là một việc đúng đắn. Điều đó không chỉ có ý nghĩa noi theo tấm gương của các bậc tiền bối mà còn là việc mang tính trọng đại tới vận mệnh dân tộc, qua đó thể hiện ý thức tự cường, "tính kế muôn đời" cho con cháu mai sau. Lý Công Uẩn đã hiểu được khát vọng của nhân dân là mong muốn non sông được thu về một mối, người người được đoàn tụ, thống nhất, cùng nhau xây dựng một Đại Việt vững mạnh, tự lực, tự cường. Vùng đất Đại La là nơi "trung tâm của trời đất" với thế "rồng cuộn hổ ngồi" - một mảnh đất lí tưởng để "dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ và ngập lụt, muôn vật rất mực phong phú tốt tươi". Dân an thì nước mới thịnh, dân giàu thì nước mới mạnh. Có thể thấy việc quyết định dời đô đã thể hiện một khát vọng vô cùng mãnh liệt về một đất nước độc lập và phát triển giàu đẹp, thịnh trị trong tương lai của Lý Công Uẩn nói riêng và nhân dân Đại Việt nói chung. Thật cảm động biết bao khi có một bậc minh quân sống hết mình vì nhân dân, lấy dân làm gốc, trăn trở để tìm chốn lập đô vì an thịnh của nhân dân, dời đô vì mong cầu hạnh phúc của nhân dân.

Mặt khác, Chiếu đời đô còn phản ánh niềm tin về một Đại Việt có tầm vóc và khao khát xây dựng một đất nước Đại Việt ngày càng lớn mạnh, phát triển. Nếu trước đó hai triều Đinh, Lê vì thế và lực chưa đủ lớn mạnh nên nên chỉ dám chọn Hoa Lư làm nơi đóng đô nhằm phòng thủ trước quân thù thì Đại Việt lúc này đã chọn Đại La, một vùng đồng bằng rộng lớn, tuy khả năng phòng thủ thấp nhưng thuận lợi cho giao thương phát triển. Qua đó, ta thấy được Đại Việt lúc này thế và lực đã được củng cố nên chủ động hơn trong việc chống ngoại xâm hơn các triều đại trước. Chúng ta không cần phải sống trong cảnh dựa vào núi non khô cằn để phòng thủ nữa mà đã có tiềm lực để lập đô ở nơi thuận lợi cho đất nước phát triển, sánh ngang với các triều đại phương Bắc. Có thể nói Kinh đô Thăng Long là một cái nôi đầy tiềm năng cho sự phát triển bền vững muôn đời của Đại Việt.

Để phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất và phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh, bài chiếu đã lập luận một cách mạch lạc, chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, rõ ràng. Văn bản xứng đáng là một áng văn nghị luận đặc sắc, có sự kết hợp hài hòa giữa lý và tình nên có sức thuyết phục cao. Bài chiếu cho người đọc thấy được ý chí tự lực tự cường, khát vọng độc lập thống nhất của nhân dân Đại Việt. Đồng thời, người đọc còn cảm nhận được sự anh minh, sáng suốt, tầm nhìn xa trông rộng của vị vua tài danh nhà Lý.

“Chiếu dời đô” phản ánh khát vọng dân tộc về một đất nước cường thịnh, tự do, độc lập. Đây là một áng văn cổ đầy độc đáo, sáng tạo của ông cha ta, ngôn ngữ của bậc đế vương được thể hiện với đầy đủ sự uy nghi, trang trọng, đồng thời cũng thể hiện được tấm lòng thương yêu nhân dân, luôn dồn hết tâm tư vận mệnh đất nước, vận mệnh dân tộc của Lý Công Uẩn. Đọc văn bản, người đọc càng thêm tự hào về ý chí, khát vọng của dân tộc Đại Việt của ông cha ta, để từ đó, mỗi người cùng xác định trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và phát triển đất nước.

**Đề 3: Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là một áng văn tràn đầy tinh thần yêu nước và căm thù giặc.**

**Bài làm**

Hịch tướng sĩ là một trong những áng văn yêu nước tiêu biểu của thời đại nhà Trần nói riêng, của mọi thời đại nói chung. Áng văn ấy được kết tinh từ một trái tim yêu nước nồng thắm của bậc anh hùng hào kiệt văn võ song toàn: Hưng Đạo Vương TrầnQuốcTuấn.  
Biểu hiện đầu tiên và mạnh mẽ nhất của tinh thần yêu nước trong Hịch tướng sĩ là lòng căm thù giặc, là thái độ thề quyết không đội trời chung với giặc thù.Với lòng căm giận sục sôi, Trần Quốc Tuấn đã vạch trần bản chất và tội ác tàn bạo của kẻ thù. Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tề phụ, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau. Thật là tội ác trời không dung, đất không tha! Thái độ của Trần Quốc Tuấn đối với bọn giặc là thái độ khinh bỉ cao độ. Lòng căm giận và khinh bỉ trào ra ngòi bút khiến ông mô tả sứ giặc như những loài cầm thú xấu xa, bỉ ổi nhất cú diều, dê chó, hổ đói. Thái độ ấy là thái độ quyết không đội trời chung, thề sống chết cùng quân thù. Bày tỏ thái độ của mình với quân giặc, Trần Quốc Tuấn muốn ba quân tướng sĩ cũng nuôi dưỡng lòng căm thù và ý chí giết giặc như ông. Nhớ lại thực tế lich sử: năm 1277 Sài Xuân đi sứ, buộc ta lên tận biên giới đón rước, năm 1281 Sài Xuân đi sang sứ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cổng chính của kinh thành, quân sĩ canh cổng ngăn lại, bị hắn đánh toạc cả đầu. Vua sai thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ra đón tiếp, Xuân nằm khểnh không dậy. So sánh với thực tế lịch sử ấy sẽ thấy tác dụng của lời hịch như đổ thêm dầu vào ngọn lửa căm hờn của nhân dân ta. Sau khi vạch rõ tội ác và bản chất của kẻ thù, Trần Quốc Tuấn trực tiếp bày tỏ những tình cảm của mình: “ Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu có trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng. Đây là đoạn văn biểu hiện tập chung nhất, cao độ nhất cho lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn, cũng là đoạn văn tiêu biểu cho lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam. Càng đọc kĩ đoạn văn ta càng thấm thía nỗi đau xót chân thành và mãnh liệt của Trần Quốc Tuấn trước vận mệnh Tổ quốc lâm nguy. Tất cả các trạng thái tâm lí, các khía cạnh tình cảm trong ông đều được đẩy tới cực điểm: Đau xót đến quên ăn, vỗ gối, tới mức ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, căm giận sục sôi đến độ muốn được xả thịt lột da nuốt gan uống máu quân thù. Càng đau xót bao nhiêu thì càng căm giận bấy nhiêu. Và càng căm giận bao nhiêu thì càng quyết tâm chiến đấu hi sinh, xả thân vì nước bấy nhiêu, dù có phải chết trăm ngàn lần đau đớn, phơi thân ngoài nội cỏ, xác gói trong da ngựa cũng vẫn cam lòng. Thật cao đẹp và xúc động biết bao tinh thần và nghĩa cử ấy! Càng yêu nước sâu sắc, hơn ai hết Trần Quốc Tuấn càng lo lắng cho sự an nguy của đát nước. Sáu mươi vạn quân Mông Cổ tinh nhuệ với thế mạnh như chẻ tre, đã làm mưa làm gió khắp Á-Âu đang lăm le ngoài biên ải. Vận mệnh dân tộc đang ngàn cân treo sợi tóc, thế mà lại có những tư tưởng hoặc dao động cầu hòa, hoặc bàng quan vô trách nhiệm, hoặc lo vun vén cá nhân. Trong tình thế nước sôi lửa bỏng ấy, ruột gan vị chủ tướng như có lửa đốt. Người anh hùng yêu nước đã biến hành động cho đất nước. Ông khéo tìm cách khích lệ, động viên tướng sĩ. Ông nhắc lại ân tình sâu nặng của mình đối với tướng sí để nhắc nhở họ về sự đền ơn, đáp nghĩa về trách nhiệm của kẻ làm tôi. Ông nêu gương các trung thần nghĩa sĩ để kích thích họ theo gương người xưa mà hành động. Ông chỉ ra cho họ thấy nỗi nhục của chủ quyền đất nước bị chà đạp: Triều đình bị giặc sỉ mắng, tướng triều đình phải hầu giặc, nhạc Thái thường thì bị đem ra để đãi yến ngụy sư…để kích động lòng tự trọng, tự tôn dân tộc. Đứng trên cương vị một vị chủ soái, Trần Quốc Tuấn vừa chân tình chỉ bảo vừa nghiêm khắc phê phán thái độ bang quan, thờ ơ của tướng sĩ: Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà ko biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm… Cũng đứng trên cương vị của một vị chủ soái, Trần Quốc Tuấn vừa chân tình chỉ bảo vừa nghiêm khắc phê phán những thói ăn chơi hưởng lạc tầm thường của tướng sĩ, vui trọi gà, cờ bạc, thích rượu ngon, mê tiếng hát, ham săn bắn, lo làm giàu, quyến luyến vợ con… Theo quan niệm của Trần Quốc Tuấn, thái độ bàng quan không chỉ là sự thờ ơ nông cạn mà còn là sự vong ân bội nghĩa trước mối ân tình của chủ tướng. Sự ham chơi hưởng lạc không chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc. Trần Quốc Tuấn cũng chỉ rõ cho họ thấy hậu quả tai hại khôn lường nước mất nhà tan, thanh danh mai một, tiếng xấu để đời, đó là cảnh đau xót biết chừng nào. Sự phê phán nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn bắt nguồn sâu xa từ lòng yêu thương chân thành với tướng sĩ và từ tình yêu Tổ quốc thiết tha cháy bỏng của ông. Tất cả là nhắm để đánh bạt những tư tưởng dao động, bàng quan giành thế áp đảo cho tinh thần quyết chiến quyết thắng. Quyết chiến quyết thắng kẻ thù chính là tư tưởng chủ đạo của bài Hịch, là thước đo cao nhất, tập trung nhất tư tưởng yêu nước trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.  
Nhiệt tình yêu nước sôi nổi của Trần Quốc Tuấn đã truyền sang mọi người, đã thổi bùng lên ở họ ngọn lửa yêu nước và hành động. Người ta kể lại rằng, ngay sau khi bài Hịch được công bố, cả đêm hôm đó ba quân tướng sĩ không ngủ, họ mài gươm cho thật sắc, họ thích vào cánh tay hai chữ Sát Thát, họ hoa chân múa tay đòi gấp gấp lên đường đánh giặc, trong tim họ như có một ngọn lửa đang rừng rực cháy. Nghìn năm sau tinh thần của bài Hịch vẫn nồng nàn trong tim mỗi dân đất Việt.

**Đề 4. Nhận xét về văn bản “ Nước Đại Việt ta”, có ý kiến cho rằng: “ Với cách lập luận chặt chẽ và dẫn chứng hùng hồn, “ Nước Đại Việt ta” có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập”. Dựa vào văn bản “ Nước Đại Việt ta” ( Trích “ Bình Ngô đại cáo”) của Nguyễn Trãi, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?**

Trong lịch sử văn học dân tộc, áng thiên cổ hùng văn “ Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi là một áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Trong áng văn bất hủ này, đoạn trích “ Nước Đại Việt ta” nằm ở phần đầu có thể coi là một đoạn trích chứa đựng những ý nghĩa sâu sắc nhất. Nhận xét về đoạn trích này, có ý kiến cho rằng: “*Với cách lập luận chặt chẽ và dẫn chứng hùng hồn, “ Nước Đại Việt ta” có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập”.*

Trước tiên, chúng ta cần hiểu “Tuyên ngôn độc lập” là gì? Đó là những văn bản tuyên bố sự độc lập của một quốc gia, thường là ra đời để khẳng chủ quyền của quốc gia vừa giành lại được từ tay ngoại bang.

Bình Ngô đại cáo ra đời vào đầu năm 1428, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi. Đây là bản tuyên cáo khẳng định nước Đại Việt là một quốc gia độc lập và tổng kết sự nghiệp bình Ngô phục quốc đã kết thúc thắng lợi, đất nước giành được độc lập vẹn toàn. Với ý nghĩa như vậy, đây có thể coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta. Văn bản “ Nước ĐV ta” nằm ở phần đầu tác phẩm, tuy ngắn gọn nhưng đoạn trích đã nêu lên những tiền đề cơ bản có ý nghĩa then chốt đối với nội dung của bài. Đó là chân lý về nhân nghĩa, chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt.

Văn bản được mở đầu với những lời văn nêu nguyên lý nhân nghĩa:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân”, “trừ bạo”. Yên dân là làm cho dân được hưởng thái bình, hạnh phúc. Mà muốn yên dân thì trước hết phải diệt trừ bọn tàn bạo. Người dân mà tác giả nói đến ở đây là những người dân Đại Việt đang phải chịu bao đau khổ dưới ách thống trị của giặc Minh.Những kẻ bạo ngược mà tác giả nói đến ở đây không phải ai khác, đó chính là bọn giặc Minh nói riêng và bè lũ xâm lược nói chung. Như vậy khái niệm nhân nghĩa của Nguyễn Trãi gắn liền với lòng yêu nước, gắn liền với quốc gia, dân tộc. Đó là một tư tưởng hoàn toàn tiến bộ.

Sau những lời văn nêu tư tưởng nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã khẳng định chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt:

( *Trích 8 câu tiếp*)

Trước Nguyễn Trãi, Lý Thường Kiệt đã khẳng định một chân lý tự nhiên không thể chối cãi trong “ Nam quốc sơn hà”: “ Nam quốc sơn hà nam đế cư…”. Nếu như quan niệm về quốc gia, dân tộc của Lý Thường Kiệt mới chỉ dừng lại ở hai yếu tố cơ bản: chủ quyền và lãnh thổ, thì đến Nguyễn Trãi, quan điểm ấy được bổ sung thêm ba yếu tố rất quan trọng. Nguyễn Trãi khẳng định*: nước Đại Việt là của dân tộc Việt. Dân tộc ấy là một dân tộc có nền văn hiến lâu đời, có núi sông bờ cõi riêng, có phong tục tập quán riêng, có lịch sử riêng và có chế độ chủ quyền riêng. Điều* đáng nói ở đây là Nguyễn Trãi đã ý thức được sâu xa và bền vững về độc lập chủ quyền dân tộc. Một dân tộc độc lập không chi là một dân tộc có độc lập và chủ quyền riêng, mà điều cần thiết không thể thiếu là dân tộc ấy phải có một nền văn hiến lâu đời. Nền văn hiến ấy chính là truyền thống văn hóa tốt đẹp. Nền văn hóa ấy kết hợp với phong tục tập quán sẽ làm nên bản sắc dân tộc. Nhớ lại hơn một ngàn năm Bắc thuộc bọn phong kiến phương Bắc ra sức đồng hóa dân tộc nhưng chúng đã thất bại thảm hại. Truyền thống văn hiến đã tạo nên ý chí kiên cường bất khuất để dân tộc ta tồn tại và phát triển trong suốt đêm trường đen tối ấy. Và cũng chính truyền thống văn hiến làm nên ý chí quật khởi, tạo nên một bề dày lịch sử oanh liệt hiếm có.

Quan điểm về quốc gia dân tộc của Nguyễn Trãi đã trở thành một chân lí bất hủ và ngời sáng: chân lí độc lập dân tộc. Chân lí độc lập dân tộc dược ánh sáng tư tưởng nhân nghĩa vì dân, vì nước chiếu rọi đã tạo nên sức mạnh diệu kì:

*Vậy nên:*

*Lưu Cung tham công nên thất bại*

*Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong*

*Cửa Hàm Tử bát sống Toa Đô*

*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*

Đó là những chứng cớ lịch sử còn ghi để khẳng định một điều: kẻ thù phản nhân nghĩa, xâm phạm chủ quyền của dân tộc Đv, tham lam, bành trướng, đi ngược lại chân lý thì chỉ chuốc thất bại, mạng vong.

Bằng cách lập luận chặt chẽ, những chứng cứ xác thực và hùng hồn, câu văn biền ngẫu, kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn. Đoạn trích khẳng định độc lập chủ quyền dân tộc với niềm tự hào sâu sắc.

Nếu như toàn bộ bài Cáo là một bản anh hùng ca lẫm liệt về một dân tộc với hào khí thời đại, khát vọng chiến thắng kẻ thù để giành lấy nền độc lập thái bình muôn thuở thì đoạn trích Nước Đại Việt ta chính là tuyên ngôn về hào khí, khí phách, khát vọng ấy. Năm tháng qua đi nhưng ý nghĩa của bản tuyên ngôn vẫn còn ngời sáng đến muôn đời.

**Đề 5: Dựa vào các văn bản chiếu dời đô và hịch tướng sĩ, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh đất nước.**

**Bài làm**

Lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với tên tuổi của những người anh hùng dân tộc vĩ đại. Tài năng kiệt xuất và đức độ cao cả của họ đã có ảnh hướng quyết định đến vận mệnh đất nước. Đọc lại áng văn “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn và bản hùng văn bất hủ muôn đời “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, chúng ta thấy sáng ngời nhân cách và hành động vì dân vì nước của họ. Qua đó, chúng ta hiểu rõ vai trò của người lãnh đạo anh minh có ý nghĩa vô cùng to lớn trong trường kì phát triển của dân tộc.

“Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn là sự tỏ bày ý định từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (tức Hà Nội ngày nay) khi ông mới được triều đình tôn lên làm hoàng đế. Sau đó , ông đổi tên kinh đô thành Thăng Long . Đấy là năm Thuận Thiên thứ nhất – năm khởi đầu sự nghiệp lẫy lừng của nhà Lí – một triều đại có ý nghĩa hết sức quan trọng đưa văn hiến của nước nhà đến đỉnh cao vòi vọi. Xưa nay, thủ đô là trung tâm về văn hoá , chính trị của 1 đất nước . Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự thịnh suy của 1 dân tộc. Thủ đô có ý nghĩa rất lớn. Dừơng như lịch sử của các nước có nền văn minh lâu đời đều có những cuộc dời đô như thế. Mỗi lần dời là một thử thách của dân tộc. Đó phải là quyết định của những đầu óc ưu tú nhất thời đại. Nói cách khác , ko có ý chí quyết tâm lớn , ko có tầm nhìn thấu cả tương lai thì Lí Công Uẩn ko thể nói đến chuyện dời đô. Mở đầu bài chiếu, nhà vua giải thích tại sao lại dời đô. Và bằng một lí lẽ ngắn gọn nhưng sắc sảo, cùng với dẫn chức thiết thực, nhà vua đã khẳng định: việc dời đô ko phải là hành động, là ý chí của một người. Nó là biểu hiện cho xu thế tất yếu của lịch sử. Lí Công Uẩn tuyệt vời là đã hiểu được khát vọng của nhân dân, khát vọng của lịch sử.

Dân tộc Việt ko chỉ là một nước độc lập. Muốn bảo vệ được điều ấy thì non sông, nhân tâm con người phải thu về một mối. Tất cả thần dân phải có ý chí tự cường để xây dựng nước Đại Việt thành quốc gia thống nhất vững mạnh. Muốn vậy, việc đầu tiên là phải tìm một nơi “trung tâm của trời đất”, một nơi có thế “rồng cuộn hổ ngồi”. Nhà vua đã rất tâm đắc và hào hứng nói tới cái nơi “đúng ngôi nam bắc đông tây” lại “nhìn sông dực núi”. Nơi đây ko phải là miền Hoa Lư chật hẹp, núi non bao bọc lởm chởm mà là “ địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng” . Như vậy , đây là mảnh đất lí tưởng “dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ và ngập lụt, muôn vật rất mực phong phú tốt tươi.”Thật cảm động, vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân. Tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc. Trong niềm tin của vua, có một kinh đô như vậy, nước Đại Việt sẽ bền vững muôn đời. Dời đô ra Thăng Long là một bước ngoặc rất lớn. Nó đánh dấu sự trường thành của dân tộc Đại Việt. Chúng ta ko cần phải sống phòng thủ, phải dựa vào thế hiểm trở như ở Hoa Lư để đối phó với quân thù . Chúng ta đã đủ lớn mạnh để lập đô ở nơi có thể đưa nước phát triển đi lên, đưa đất nước trở thành quốc gia độc lập sánh vai với phương Bắc. Kinh đô Thăng Long quả là cái nôi lập đế nghiệp cho muôn đời, là nơi để cho sơn hà xã tắc được bền vững muôn đời vậy!Có thể nói, với trí tuệt anh minh tuyệt vời, với lòng nhân hậu tuyệt vời, nhà vua Lí Công Uẩn đã bày tỏ ý định với các quan trong triều ý định dời đô giàu sức thuyết phục. Theo em, phần đầu nhà vua đưa ra những lí lẽ thuyết phục là nhờ những bằng chứng sử sách. Nhưng phần sau nhà vua đã đưa ra những suy nghĩ của riêng mình về miền đất mà vua định lập đô, ko chỉ là cho ta thoả mãn về lí trí mà quan trọng hơn là bị thuyết phục bằng tình cảm. Ta bắt gặp ở đây một giọng nói đầy nhân từ, tấm lòng lo cho dân cho nước rất mực. Những điều vua nói cách đây cả ngàn năm nhưng hôm nay nhìn lại vẫn giữ nguyên tính chân lí của nó. Trải qua bao thăng trầm, con rồng bay lên bầu trời Hà Nội vẫn làm cho cả nước bái phục nhân cách, tài năng của Lí Công Uẩn, một vị vua anh minh vĩ đại. “Chiếu dời đô” là áng văn xuôi cổ độc đáo, đặc sắc của tổ tiên để lại. Ngôn ngữ trang trọng, đúng là khẩu khí của bậc đế vương. Đó là kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ Việt Nam. Nó khơi dậy trong lòng nhân dân ta lòng tự hào và ý chí tự cường mạnh mẽ. Tiếp theo triều đại nhà Lí rất vẻ vang với sự khởi thuỷ là vị vua anh minh Lí Thái Tổ, nước Đại Việt viết tiếp những trang sử vàng chói lọi của mình ở thời đại nhà Trần với đầy những chiến công lấp lánh. Những người lãnh đạo thời kì này đều ghi tên mình vào sử sách. Trần Quốc Tuấn, tác giả “Hịch tướng sĩ” là một ví dụ. Ông được nhân dân Việt Nam tôn thờ gọi là Đức Thánh Trần. Người hùng này sở dĩ tên tuổi “muôn đời bất hủ” lưu danh trong sử sách , là nhờ những chiến công giữ nước tuyệt vời. Trần Quốc Tuấn gắn tên mình với Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử. Là người đã bẻ gẫy ý đồ xâm lược hung hăng của đế quốc Nguyên - Mông. Nhà quân sự kiệt xuất này có những chiến công hiển hách là nhờ ông quan tâm tới vận mệnh nước nhà bằng trái tim ý chí của một anh hùng dân tộc.  
Tiếp theo triều đại nhà Lí rất vẻ vang với sự khởi thuỷ là vị vua anh minh Lí Thái Tổ, nước Đại Việt viết tiếp những trang sử vàng chói lọi của mình ở thời đại nhà Trần với đầy những chiến công lấp lánh. Những người lãnh đạo thời kì này đều ghi tên mình vào sử sách . Trần Quốc Tuấn, tác giả “Hịch tướng sĩ” là một ví dụ. Ông được nhân dân Việt Nam tôn thờ gọi là Đức Thánh Trần. Người hùng này sở dĩ tên tuổi “muôn đời bất hủ” lưu danh trong sử sách, là nhờ những chiến công giữ nước tuyệt vời. Trần Quốc Tuấn gắn tên mình với Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử. Là người đã bẻ gẫy ý đồ xâm lược hung hăng của đế quốc Nguyên – Mông. Nhà quân sự kiệt xuất này có những chiến công hiển hách là nhờ ông quan tâm tới vận mệnh nước nhà bằng trái tim ý chí của một anh hùng dân tộc. Đọc “Hịch Tướng Sĩ” cứ ngỡ như nghe tiếng nói của cha ông, của non nước. Nó nồng nàn một tinh thần yêu nước. Nó nồng nàn một tinh thần yêu nước, nó biểu hiện một lòng câm thù giặc sâu sắc, một ý chí quyết chiến quyết thắng quân thù, ko chỉ là của riêng Trần Hưng Đạo mà là kết tụ trong đó những ý nguyện tình cảm của dân tộc. Trước tai hoạ đang đến gần: quân Mông - Nguyên đang lăm le xâm lược lần thứ 2 với quy mô chưa từng thấy hòng ko cho một ngọn cỏ của nước Đại Việt được mọc dưới vó ngựa của 50 vạn quân , Trần Quốc Tuấn đã viết “Hịch” để kêu gọi tướng sĩ 1 lòng, chuẩn bị đương đầu với cuộc chiến sống còn. Những lời lẽ đanh thép mà chan chứa tình cảm, những lí lẽ sắc bén mà đi vào lòng người đã chỉ ra cho tướng sĩ thấy tội ác của bọn sứ giắc và những việc cần làm để chống giặc.

Trần Quốc Tuấn đau nỗi đau của dân tộc , nhục cái nhục quốc thể . Viết cho tướng sĩ, nhưng ta thấy ông phơi trải tấm lòng mình . Nổi bật nhất là lòng căm thù giặc. Tác giả thật ngứa mắt khi thấy “sứ giặc đi lại nghênh ngang” , thật ngứa tai khi chúng “uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình”. Tác giả rất kinh bỉ, đã “vật hoá” chúng , gọi là “dê chó”, là “hổ đói”. “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm quên vỗ gối...

**Đề 6: Dựa vào các văn bản “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn và văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn. Hãy cho biết vai trò lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn trước vận mệnh đất nước.**

**Bài làm**

Có thể nói dân tộc Việt Nam ta trải qua hơn 4000 năm dựng nước và và giữ nước, đó là một truyền thống rất đáng tự hào. Đất nước sống đời sống thanh bình, no ấm chính là nhờ tài đức của các vị vua, các vị tướng văn võ song toàn như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn. Họ là những người lãnh đạo anh minh sáng suốt vì vận mệnh đất nước. Điều đó được thể hiện qua 2 văn bản “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”.

Thật vậy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, các vị lãnh đạo như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn có vai trò cực kỳ quan trọng. Một trong những người lãnh đạo tài giỏi lỗi lạc của đất nước đó là Lý Công Uẩn, ông là người đầu tiên lập nên vương triều nhà Lý ở nước ta, là người thông minh nhân ái yêu nước thương dân có chí lớn và lập nhiều chiến công, ông luôn mong cho đất nước được thịnh trị nhân dân luôn no ấm hạnh phúc. Với Lý Công Uẩn vì lo cho sự hưng thịnh của dất nước nên ông đã quyết định dời đô từ cố đô Hoa Lư về thành Đại La. Ông nhận thấy rằng cố đô Hoa Lư không còn phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ , vì muốn đóng đô ở những nơi trung tâm mưu toan nghiệp lớn tính kế muôn đời cho con cháu nên ông đã ban bố “Chiếu dời đô” vào năm 1010.

Việc định đô, lập nước là một việc làm vô cùng quan trọng. Dời đô là khát vọng mong muốn của Lý Công Uẩn và nhân dân của lịch sử dân tộc. Vì thế ông đã tìm ra thành Đại La, một nơi có nhiều lợi thế về thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ông có tầm nhìn rộng để tìm thấy ưu thế đặc biệt của thành Đai La: “Ở một nơi trung tâm trời đất được cái thế rồng cuộn hổ ngồi, đã đúng ngôi nam bắc đông tây. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng” . Với địa thế trên chính là điều kiện để phát triển kinh tế: “Dân cư khỏi phải chịu cảnh ngập lụt, muôn vật được phong phú tốt tươi. Ở đây ta thấy vai trò to lớn của Lý Công Uẩn đã được thực tế lịch sử chứng minh, cùng với kinh đô Thăng Long quốc gia của Đại Việt bước vào giai đoạn mới vững vàng về kinh tế, chính trị, đặc sắc về văn hóa, mở ra thời kỳ hưng thịnh trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Dời đô là bước ngoặt lớn trong lịch sử nó đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc Đại Việt. Kinh đô Thăng Long là cái nôi lập đế nghiệp cho muôn đởi, là cho giang sơn xã tắc đươc bền vững muôn đời.

Còn với Trần Quốc Tuấn là một vị tướng tài giỏi, biết lấy lòng những suy nghĩ việc làm của mình dể khơi dậy lòng yêu nước của các tướng sĩ, ông là môt vi tướng kiệt xuất của dân tộc, biết nhìn xa trông rộng ông đã nhận biết được âm mưu xâm lược của kẻ thù. Trần Quốc Tuấn luôn khâm phục những bậc nghĩa sĩ trung thần xả thân vì nước vì dân ông mượn những tấm gương đó để nói lên tình hình đất nước ta lúc bấy giờ dang bị giặc Mông - Nguyên lăm le xâm chiếm thì rất cần tấm gươn hy sinh vì nước để bảo vệ từng tấc đất cho nhân dân. Khi đất nước phải đối diện với hiểm họa chiến tranh vận mệnh đất nước nguy vong là điều không thể tránh khỏi, trong hoàn cảnh đó Trần Quốc Tuấn lo âu vận nước, động viên tướng sĩ nên ông đã viết bài “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn không hề tỏ ý ép buộc, ông vạch rõ 2 con đường mà sự lựa chọn thuộc về các tướng sĩ. Tài năng của Trần Quốc Tuấn giúp ông thu phục lòng người, cảm hóa lòng quân, người lãnh đạo nắm binh lực trong tay nếu không có ý chí thép, tấm lòng san sẻ là người đầu tiên rơi xuống hố sâu mà kẻ thù đào sẵn ông đã dùng cả tấm lòng của mình đánh tan tai họa ấy, chính là hình ảnh tiêu biểu cụ thể cho những phẩm chất thời điểm.

Cả Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đều nghiêm khắc phê phán những điều không có lợi cho quốc gia dân tộc. Lý Công Uẩn phê phán triều đại Đinh - Tiền Lê giữ nguyên kinh đô ở Hoa Lư hiểm trở dẫn đến triều đại không được lâu bền, số phận ngắn ngủi trăm họ hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Công lao của Lý Công Uẩn chính là tài năng và tấm lòng của nhà lãnh đạo góp phần quyết định vào sự hưng thịnh hay suy tàn của một quốc gia. Đứng trước tình cảnh đất nước ngàn cân treo sơi tóc Trần Quốc Tuấn nghiêm khắc phê phán lối sống hưởng lạc, thái độ thờ ơ bàng quan của các tướng sĩ. Nếu các tướng sĩ không nghe theo lời thần chú thì hiểm họa trước mắt thật đau xót: “Lúc bấy giờ ta cùng các ngươi bị bắt đau xót đến nhường nào?”

Cả Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đều là người mưu lược cao sâu nên Lý Công Uẩn mới nhìn thấy địa thế tuyệt đẹp của thành Đại La: “ Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”. Trần Quốc Tuấn đúc kết binh pháp để viết cuốn “ binh thư yếu lược” để các tướng sĩ từ bỏ lối sống xa hoa chuyên chăm vào việc rèn luyện võ nghệ, chưa đánh giặc nhưng Trần Quốc Tuấn đã ca khúc ca khải hoàn chiến thắng: “Chẳng những thân ta kiếp này đắc chí mà đến các ngươi trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền”.Quả thật cho thấy Trần Quốc Tuấn là tướng sĩ thật chân thành, các tướng sỹ một lòng khâm phục tài năng của một vị tướng.

Lich sử Việt Nam tự hào vì những nhà lãnh đạo tài ba như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn- hai nhân vật có công rất lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, 2 nhân vật đã viết tiếp vào lịch sử Việt Nam những trang sử về vị lãnh đạo tài ba để thế hệ sau đời đời tưởng nhớ.

**Đề 7: Qua các văn bản: *Chiếu dời đô* ( Lý Công Uẩn); *Hịch t­ướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn); *Nư­ớc Đại Việt ta* Nguyễn Trãi) em hãy chứng minh rằng: Nội dung chủ yếu của văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV là tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng.**

**Dàn ý**

**1. Mở bài:**

Giới thiệu khái quát lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI thế kỷ XV Văn học phản ánh hiện thực lên có khá nhiều tác phẩm phản ánh tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần chống xâm lăng…..

**2.Thân bài:**

- Luận điểm:Trong các tác phẩm văn học trung đại từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng đ­ược thể hiện sinh động phong phú.

Luận cứ 1:

- Chiếu dời đô: Nội dung yêu n­ước đư­ợc thể hiện qua mục đích dời đô…… Việc dời đô còn thể hiện tinh thần tự lập, tự cư­ờng, sẵn sàng chống lại bất kỳ quân xâm lư­ợc nào của một triều đại đang lớn mạnh.

- Luận cứ 2:

- Nam quốc sơn hà: ý thức về độc lập chủ quyền của dân tộc thể hiện rõ. Tác giả khảng định Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền, ông còn cảnh cáo quân giặc…… thể hiện sức mạnh , ý thức quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

- Luận cứ 3:

- Tinh thần yêu n­ước thể hiện sôi sục qua hào khí Đông A của nhà Trần

- Trần Quốc Tuấn căm thù giặc, tố cáo tội ác của giặc Mông Nguyên

- Quyết tâm chiến đấu, hy sinh vì dân tộc

- Kêu gọi t­ướng sĩ đoàn kết, cảnh giác, luyện võ nghệ để chuẩn bị chiến đấu chống lại quân thù.

- Luận cứ 4:

Bình Ngô đại cáo: là bài ca về lòng yêu n­ước và tự hào dân tộc.

- Tự hào về đật n­ước có lền văn hóa riêng, có phong tục tập quán, có truyền thống lịch sử lâu đời

- Tự hào vể những chiến công hiển hách của dân tộc

**3. Kết bài:**

- Văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV thể hiện tinh thần yêu n­ước thiết tha, tinh thần quật khởi chống xâm lăng của dân tộc, tinh thần ấy đ­ược thể hiện cụ thể ở lòng yêu nư­ớc, th­ương dân, lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu….. nó là nguồn cổ vũ động viên cho con cháu muôn đời.

**Đề 8:** **Chứng minh lòng yêu nước, thương dân của các vị vua, chủ tướng thông qua: “Thiên đô chiếu” (“Chiếu dời đô” - Lý Công Uẩn), “Hịch tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn), “Hịch tướng sĩ” (Nguyễn Trãi).**

**Bài làm**

Khi nhắc đến cảm hứng chủ đạo trong những áng thiên cổ hùng văn của mọi thời đại từ thế kỉ XV thì ta không thể không nhắc đến cảm hứng yêu nước. Trải qua những trang sử dài lâu, vẻ vang, “tuy từng lúc mạnh yếu khác nhau”, nhưng vẫn luôn hiện hữu niềm tin tự hào trong mỗi người dân Việt Nam về những con người mang đậm “tình yêu nước, nghĩa thương dân”. Trong số đó, ta không thể không nhắc đến những vị anh hùng như Lý Công Uẩn trong “Chiếu dời đô”, Trần Quốc Tuấn trong “Hịch tướng sĩ” và Nguyễn Trãi trong “Nước Đại Việt ta”.

Đọc ba áng văn chương kiệt tác này, ta mới cảm nhận được tấm lòng sâu sắc của những con người luôn luôn suy nghĩ, lo lắng cho nước, cho dân. Đối với họ, nỗi niềm đất nước là nỗi niềm trăn trở, canh cánh không nguôi. Chính khát vọng độc lập và khí phách Đại Việt đã làm nên vẻ đẹp “thần hiếm” trong các vị vua, chủ tướng này.

Buổi đầu, mới giành được độc lập, đất nước ta còn chưa cường thịnh. Trong mấy chục năm mà đã thay đổi trị vì đến ba vương triều. Các triều đại Đinh, Tiền Lê số phận ngắn ngủi thực là đau xót! Có lẽ, sự suy vong của các triều đại như “tiếng chuông cảnh báo” cho giang sơn, bờ cõi Đại Việt. Làm thế nào để Đại Việt phát triển thành một quốc gia phồn thịnh? Đó là nguồn vọng của một vị hoàng đề và cũng là ý muốn của muôn dân trăm họ. Ý nguyện của dân chúng là đã thôi thúc hoàng đế Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) dời đô từ Hoa Lư về Đại La.

Kinh đô là trung tâm chính trị, hành chính, là điểm tụ của quốc gia. Khi dời kinh đô đi nơi khác, người đứng đầu cuộc “hành trình” phải có những hiểu biết sâu rộng về địa hình, có cẻ sự nhạy bén và can đảm để đi đến quyết định cuối cùng. Qua đó, ta thấy rõ được tài năng “xuất chúng” của Lý Công Uẩn - vị vua anh minh và tài giỏi. Ông nắm giữ được tình hình, thời vận của đất nước, ông muốn mọi thứ dưới quyền hành của mình phải thực sự tốt đẹp - dân ấm no, nước hưng thịnh. Chính vì vậy, Người quyết định dời đo - một quyết định không có gì trái với luân lí, trái với quy luật tự nhiên cả. Muốn vậy, việc dời đô là phải tìm một nơi “trung tâm của đất trời”, địa thế “rồng cuộn hổ ngồi” - và ông đã chọn Đại La. “Đại La là nơi trung tâm của đất trời, mở ra bốn hướng Nam - Bắc, Đông - Tây; có núi lại có sông, đất rộng mà bằng phẳng, cao mà thoáng, tránh được nạn lụt lội, còn là kinh đô cũ của Cao Vương, muôn vật tốt tươi, xem khắt Đại Việt cỉ có nơi đây là thắng địa”. Nhìn sâu vào khát vọng của vị vua anh minh này, chúng ta mới thực sự cảm nhận được tình yêu mãnh liệt hằn ẩn trong con người ông. Lý Công Uẩn chính là một trong những con người bước lên và đã có công khiến cho “con thuyền “ Đại Việt băng băng lướt sóng trên con đường xấy dựng và phát triển đất nươc.

Nếu lòng yêu nước, thương dân của Lý Công Uẩn đã được bộc lộ trong “Chiếu dời đô” với nguyện vọng đất nước phồn thịnh muôn đời thì với Trần Quốc Tuấn - một vị chủ tướng tài ba đã chứng minh lòng yêu nước của mình qua lòng căm thù giặc sâu sắc và ý niệm sẵn sàng hi sinh vì đất nước qua tác phẩm “Hịch tướng sĩ”.

Là một chủ tướng có lòng yêu nước hào hùng, ông không thể “mặt lấp tai ngơ” trước những hành động bạo tàn của kẻ thù, ông căm thù chúng làm ông không tiếc những lời cay xé để lên án hành động như “nghênh ngang đi lại ngoài đường” như một đất nước không vua, “uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình” hay “vơ vét vàng bạc, ngọc lụa để vung đầy túi tham của chúng”. Từ lòng căm thì giặc, ta lại càng cảm thương cho vị chủ tướng khi quên ăn, mất ngủ, đau đớn đến “tim gan thắt ruột”, “nước mắt đầu đìa” vì uất ức chưa trả được mối thù nợ nước. Từ đó, tấm lòng xả thân vì nước, nguyện hi sinh “trăm thân” cho quê hương làm nổi bật hẳn một vị anh hùng đáng cảm phục. Có lẽ vi thế, ông đã nghiêm khắc thức tỉnh các tướng sĩ đang sống trongc ảnh “xa hoa”, sung sướng. Ông muốn họ thực sự kiên quyết chống giặc đồng thwoif cũng muốn đất nước, hưng thịnh đến muôn đời. Qua đó, ta mới hiểu rõ tấm lòng cao cả, anh minh, yêu nước, thương dẫn của cị tướng Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn.

Đối với “Chiếu dời đô” đã toát lên niềm tự hào cao độ về bản lĩnh, khí phách của Đại Việt, còn “Hịch tướng sĩ” lại khẳng định một nền độc lập - tự do bền vững. Còn đối với Nguyễn Trãi trong “Nước Đại Việt ta” lại khác, lòng yêu nước, thương dân, khát vọng tự do đã được đúc kết thành chân lí ôm ấp trong trái tim người dân đất Việt.

Bài cáo của Nguyễn Trãi như bản tuyên ngôn độc lập thứ hai mang ý nghĩa lịch sử của cả một đất nước, thể hiện ý thức tự chủ, quyền dân tộc. Tư tưởng nhân - nghĩa vốn là khái niệm đạo đức của Nho Giáo, được hiểu là “lòng thương người chính là việc cần làm”. “Yên dân” là làm cho dân được hưởng thái bình những muốn “yên dân” thì phải đi đôi với việc “trừ bạo”. Có bảo vệ được dân thì mới thực hiện được mục đích “yên dân”. Nguyễn Trãi đã khẳng định mạnh mẽ chủ quyền của một đất nước, đồng thời khơi gợi cho chúng ta một niềm tự hào dân tộc cao cả. Chân lí của Nguyễn Trãi như sức mạnh trong tâm hồn yêu nước, thương dân có trong trái tim mãnh liệt của ông. Điều đó như tiềm thức khắc sâu trong tim mỗi độc giả chúng ta:

*“... Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*

*Núi sông, bờ cõi đã chia*

*Phong tục Bắc - Nam cũng khác*

*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nên độc lập*

*....*

*Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô*

*Sông Bạch đằng giết tươi Ô Mã ...”*

Ra đời trong hào khí chiến thắng, cả dân tộc đang ca khúc khải hoàn, cả ba áng văn thiên cổ hùng văn đã khẳng định quyền và tính độc lập dân tộc. Đồng thời, thấy rõ những phẩm chất ằn hẩn chứa trong các vị vua, vị chủ tướng nghiêm khắc mà có trái tim nồng ấm.

Kết quả của sự lãnh đạo anh minh của các vị “tướng tài, vua giỏi” Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuần, Nguyễn Trãi là niềm tin vững chắc về một tương lai tốt đẹp của nhân dân ta từ xưa đến nay. Một lần nữa, khúc khải hoàn kia lại khẳng định cao hơn, chi tiết hơn tầm quan trọng cả họ vô cùng to lớn đến giang sơn đất nước. Những vị ấy đã cố gắng giữ gìn và gây dựng đất nước thì con cháu chúng ta lại càng phải cùng nhau gây dựng và bảo vệ đất nước vững mạnh hơn.

**ĐỀ 9:** Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua “Chiếu dời đô” (Lý Công Uẩn), “Hịch tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn) và “Nước Đại Việt ta” (Trích “Bình Ngô đại cáo” – Nguyễn Trãi).

**A. YÊU CẦU:**

**a. Kỹ năng:**

- Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.

- Biết cách xây dựng và trình bày hệ thống luận điểm; sử dụng yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả một cách hợp lí.

- Bố cục rõ ràng; kết cấu chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, mạch lạc.

- Không mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,…

**b. Nội dung:**

 \* Làm rõ sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua một số tác phẩm văn học yêu nước trung đại (từ thế kỉ XI –> XV): **“Chiếu dời đô”** (Lý Công Uẩn), **“Hịch tướng sĩ”**(Trần Quốc Tuấn) và **“Nước Đại Việt ta”** (**“Bình Ngô đại cáo”**– Nguyễn Trãi).

**\* Học sinh có thể làm bài theo dàn ý sau:**

**1. Mở bài:**(1đ)

- Dẫn dắt vấn đề: Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

- Nêu vấn đề: ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong **“Chiếu dời đô”** (Lý Công Uẩn), **“Hịch tướng sĩ”**(Trần Quốc Tuấn) và **“Nước Đại Việt ta”** (**“Bình Ngô đại cáo”**– Nguyễn Trãi).

**2. Thân bài:**(7đ)

\*Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong:**“Chiếu dời đô”**, **“Hịch tướng sĩ”**  và **“Nước Đại Việt ta”** là sự phát triển liên tục, ngày càng phong phú, sâu sắc và toàn diện hơn.

a. Trước hết là ý thức về quốc gia độc lập, thống nhất với việc dời đô ra chốn trung tâm thắng địa ở thế kỉ XI ***(Chiếu dời đô)***

- Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị:

+ Thể hiện ở mục đích của việc dời đô.

+ Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân. – Khí phách của một dân tộc tự cường:

+ Thống nhất giang sơn về một mối.

+ Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với phong kiến phương Bắc.

+ Niềm tin và tương lai bền vững muôn đời của đất nước.

b. Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao hơn thành quyết tâm chiến đấu, chiến thắng ngoại xâm để bảo toàn giang sơn xã tắc ở thế lỉ XIII ***(Hịch tướng sĩ).***

- Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc:

+ Ý chí xả thân cứu nước…

- Tinh thần quyết chiến, quyết thắng:

+ Nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực chăm lo luyện tập võ nghệ.

+ Quyết tâm đánh giặc Mông – Nguyên vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc

 c. Ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao nhất qua tư tưởng nhân nghĩa vì dân trừ bạo và quan niệm toàn diện sâu sắc về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt ***(Nước Đại Việt ta).***

  - Nêu cao tư tưởng “nhân nghĩa”, vì dân trừ bạo…

- Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc:

 + Có nền văn hiến lâu đời.

+ Có cương vực lãnh thổ riêng.

+ Có phong tục tập quán riêng.

 + Có lịch sử trải qua nhiều triều đại.

 + Có chế độ chủ quyền riêng với nhiều anh hùng hào kiệt.

   Tất cả tạo nên tầm vóc và sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược, lập nên bao chiến công oanh liệt…

***c. Kết bài:****(1đ)*

 - Khẳng định vấn đề…

 - Suy nghĩ của bản thân….

**Đề 10: Có ý kiến cho rằng: Văn học luôn ca ngợi tình yêu thương giữa người và người. Bằng những tác phẩm đã học trong chương trình Ngữ Văn 8, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.**

**Bài làm**

Từ xa xưa, con người đã biết phản ánh tâm tư, tình cảm của mình qua văn học truyền miệng hay trên những tấm tre, mảnh giấy. Văn học đã trở thành người bạn thân thiết, gắn bó với con người. Nó là sợi dây liên kết vô hình khiến con người “xích” lại gần nhau hơn. Văn học giúp con người sống với nhau bằng tình cảm đẹp đẽ, biết sống bằng sự chia sẻ, cảm thông. Vì thế, ngay từ khi sinh ra, khi được truyền hơi thở ấm áp của bà, của mẹ qua những câu hát ru thì ta đã cảm nhận được rằng: “Văn học luôn ca ngợi tình yêu thương giữa người và người”.

Văn học là một bộ môn Nghệ thuận quan trọng trong cuộc sống tinh thần mỗi con người. Là công cụ để bày tỏ cảm xúc hay tình cảm của mình bằng ngôn ngữ, giúp con người thể hiện rõ từng khung bậc cảm xúc của mình. Những tác phẩm văn học được làm nên từ chất liệu cuộc sống, thể hiện rõ tình cảm của cuộc sống hiện thực. Vì thế, văn học còn là chiếc chìa khóa vàng mở ra lâu đài nhân ái và tình thương, hướng chúng ta đến “chân - thiện - mĩ”. Tình yêu thương con người làm nên sự hấp dẫn của văn chương, ngược lại, văn chương có nhiệm vụ bồi đắp tình yêu thương giữa người với người.

Nhà phê bình văn học Nguyễn Văn Siêu đã từng nói: “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại đáng thờ là loại chuyên chú đến con người. Còn loại không đáng thờ chỉ chuyên chú ở văn chương”. Thật vậy, “văn học là nhân học” (Macsim Gorki), nó dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho con người, “làm thay đổi cả một thế giới giả dối và tàn ác, ca ngợi sự công bình, làm người gần người hơn” (Thạch Lam). Tóm lại, nó bieeuyr hiện cho tất cả những gì gọi là tình cảm nhân loại, sự xót xa, đồng cảm hay lòng nhân ái, mang cái dư vị của cuộc sống thực tại.

Trong văn học chân chính - thứ được gọi là “loại văn chương đáng thờ” kia được chia ra làm nhiều cung bậc cảm xúc. Nó bộc lộ sự thương cảm xót xa, sâu sắc đối với những mảnh đời, thân phận bất hạnh, vẻ đẹp nhân cách con người, ... Nhưng nổi bật trong đó vẫn là tình cảm gia đình, làng xóm tình yêu thiên nhận, quê hương, đất nước hay sự đồng cảm, xót xa trước mảnh đời đau xót.

Tiên phong đi đầu vẫn là tình cảm gia đình, làng xóm. Tình mẫu tử, phụ tử là cao quý hơn cả. Ta vẫn còn nhớ mãi hình ảnh người mẹ nhân hậu, âu yếm đưa con đến trường qua tác phẩm “Tôi đi học” (Thanh Tịnh), đã cho ta thấy sự hồn nhiên, ngây thơ của người con và tình yêu thương con hết mực của người mẹ. Và rồi hình ảnh cậu bé Hồng trong hồi kí “Những ngày thơ ấu” (Nguyên Hồng” thì sao? Hoàn cảnh đáng thương của gia đình bé Hồng những xen lẫn vào đó là niềm khao khát cháy bỏng, dữ dội. Dường như, thứ tình cảm cao quý ấy cứ “gắn chặt” với nhau, như thứ keo rắn chắc, không thế nào gỡ bỏ được. Cũng gần như vậy, tình phụ tử thiêng liêng của lão Hạc trong tác phẩm cùng tên cũng được thể hiện rõ. Nam Cao đã nhìn thấu rõ trái tim nồng ấm mà lão Hạc dành tặng cho con, hi sinh vì con để giữ đạo làm cha. Hay tình cảm vợ chồng chị Dậu thì sao? Chị luôn ân cần, chăm sóc chồng chu đáo, quên mình bảo vệ chồng truuwocs bọn quan lại gian trá. Hình tượng người phụ nữ đẹp đẽ đã được thể hiện qua ngòi bút của Ngô Tất Tố. Tóm lại, văn học đã làm nên một thứ tình cảm thiêng liêng qua nét vẽ tài tình của các nhà văn. Nó đã làm sáng tỏ thế nào là “thứ khí giới thangh tao” của văn chương. Nhà thơ Chế Lan Viên đã có câu thơ về tình cảm gia đình rất hay đã phần nào khẳng định được điều đó:

*“Con dù lớn vẫn là con của mẹ*

*Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con”*

Hay:

“Thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn”

Không chỉ trong gia đình mà ngay cả giữ những con người không có máu mủ, những văn học vẫn đề cập đến, đó là tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau giữa người với người trong xã hội. Và trong văn học truyền miệng đã có câu:

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng*

*Tùy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*

Dân gian đã đề cao con người, mượn đề tài “bầu - bí” để nhắc nhở chúng ta về mối quan hệ trong xã hội. Cũng như bà lão hàng xóm cạnh gia đình chị Dậu, đã “ái ngại” mạng bát gạo sang giúp đỡ gia đình chị trong hoàn cảnh khó khăn. Hay nhân vật ông Giáo - hàng xóm lão Hạc - là tầng lớp tri thức nghèo nhưng lại mang một trái tim đồng cảm vô bờ bến. Chính ông Giáo đã xoa dịu nỗi đau của Lão Hạc, giúp đỡ về mặt tinh thần trong mọi hoàn cảnh. Và chính trong những tác phẩm văn học nước ngoài, cụ Bơ-men (“Chiếc là cuối cùng” - O’Hen ri) đã cứu Giôn-xi từ cõi chết trở về. Đâu chỉ có văn học Việt Nam mà toán thế giới hay nói cách khác, mọi nơi, mọi thời điểm, nơi nào có văn học là có tình thương, thắp sáng troing bóng tối, sưởi ấm trong lạnh giá. Và đó chính là phương châm tồn tại mãi mãi của văn học chân chính.

Văn học không chỉ ca ngợi tình thương sâu đậm trong lòng mỗi người, không chỉ khêu gợi tình cảm thực tại mà còn khích lệ tình cảm tiềm tàng ẩn chưa trong mỗi con người, phê phán những tấm lòng vô cảm rồi chính cái vô cảm đó sẽ phần nào biểu lộ ra thứ tình cảm chân chính:

*“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn*

*Lấy trí nhân để thay cường bạo”*

*(“Nước Đại Việt Ta” - Nguyễn Trãi)*

Bên cạnh những thứ tình cảm khích lệ về mặt tinh thần đó thì tình yêu quê hương, đất nước là thứ tình cảm chân chính thể hiện bằng hành động thực tế. Lòng yêu quê hương, đất nước đã thể hiện sâu sắc qua “Hịch tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn). Ông đã thể hiện tình yêu mãnh liệt của mình đồng thời khích lệ tướng sĩ tấm lòng yêu nước “mà bản thân họ đã có sẵn”. Cũng vậy, “Nước Đại Việt ta” (Nguyễn Trãi) là “bước nhảy vọt thời gian” khẳng định những yếu tố độc lập đề cao sức mạnh dân tộc, đề cao, ca ngợi đi đôi với lên án, phê phán. Đó là những bằng chứng phê phán hành động sai trái nhưng trong “Cô bé bán diêm” (An-đéc-xen) lại phê phán chính trái tim được coi là “nồng ấm: của con người. Nhà văn An-đéc-xen đã lên án gay gắt thái độ sống thờ ơ của những con người trong cùng một xã hội. Phải chăng, sau cái chết của em bé bán diêm, những người dân nơi đây lại có cách nhìn khác về bản thân. Tóm lại, văn chương ra đời không chỉ có vậy àm còn với mục đích “khơi gợi những gì chưa ai khơi, sáng tạo những gì chưa ai có” (Nam Cao), thắp sáng lên tia sáng hi vọng, sưởi ấm trái tim băng giá của những con người chưa biết vẻ đẹp nhân cách tâm hồn tiềm tàng của mình.

Văn học trau dồi tình yêu con người, gợi cho con người cảm xúc. “Cảm xúc con người như viên kim cương” thô thiển nhưng được mài giũa, viên kim cương thô thiển ấy sẽ trở thành dá quý “đắt giá”. Cũng như trái tim con người vậy, hãy tự biết “tan chảy” lớp băng lạng giá kia để trở thành những con người biết đồng cảm, chia sẻ. Như văn hào M. Gorki đã nói: “Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người”. Thật vậy, quả là “loại văn chương đáng thờ”, “đáng trưng bày” cho cả nhân loại chiêm ngưỡng.

Qua những tác phẩm văn học trên, ta mới cỏm nhận được rằng, văn học luôn luôn cả ngợi những tình yêu thương cao cả, làm người gần người hơn. CHúng hòa quện vào nhau tạo nện một bức tranh tươi sáng, giúp con người phát triển theo một định hướng chung để ngày một hoàn thiện như mục đích của văn học: “luôn hướng con người tới chân - thiện - mĩ”. Và đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Có gì đẹp trên đời hơn thế*

*Người yêu người sống để yêu nhau”*

**-----------------------------------------------------------------------------------------**

**PHẦN III: BỘ ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VĂN 8**

**ĐỀ 1:**

**Câu 1. (8,0 điểm)**

Vich-to Huy-gô cho rằng:

*“Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được”.* Suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 2. (12 điểm)**

*“Nhà văn phải là người gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người.” (Nguyễn Minh Châu).* Anh/ chịhiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn 8.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **NỘI DUNG** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Yêu cầu về kĩ năng:** Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng các thao tác giải thích, bình luận, chứng minh. Hành văn trôi chảy. Lập luận chặt chẽ. Dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.  **- Yêu cầu về kiến thức**: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau: | **8,0** |
|  | **\* Giải thích.**  + Tình thương: Lòng nhân ái, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Vườn hoa: nơi nảy sinh, nơi hình thành cái tốt đẹp.  + Không ánh nắng mặt trời: không có ánh sáng, hơi ấm, không có nguồn sống.  + Không có gì: sự phủ định hoàn toàn và triệt để.  + Đẹp đẽ và hữu ích: cái đẹp và cái tốt, cái thiện, cái có ích.  + Nảy nở: nảy sinh, tồn tại và phát triển  => Tóm lại, nếu không có tình thương thì cuộc sống của con người sẽ không thể có được những điều tốt đẹp và có ích. Nói cách khác, tình thương chính là thứ sẽ làm nảy sinh tất cả những điều tốt đẹp cho cuộc sống.  **\* Bình luận**.  **1. Vai trò của tình thương trong cuộc sống**  - Trong cuộc sống, bên cạnh những người may mắn và hạnh phúc, còn có rất nhiều người gặp cảnh đau khổ, bất hạnh, luôn cần sự sẻ chia, giúp đỡ, cần tình thương yêu.  - Nếu thiếu tình thương, con người sẽ không thể làm được những điều tốt đẹp, hữu ích cho người khác: không biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ và đồng cảm với người khác lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn; thậm chí còn làm những điều xấu xa, tàn ác khiến người khác phải chịu mất mát, đau khổ.  - Khi thiếu tình thương, con người cũng không thể tạo ra và gìn giữ được điều tốt đẹp cho chính mình (biến thành người vô cảm, tàn nhẫn và ích kỉ, xấu xa) và cho người khác.  - Ngược lại, con người có tình thương tạo ra nhiều điều tốt đẹp: Sự đồng cảm, chia sẻ; sự bao dung,... Nói khác đi, tình thương là nền tảng nuôi dưỡng cho những phẩm chất, tình cảm, suy nghĩ tốt đẹp khác của con người.  **\* Đánh giá:**  Trong câu nói, Huy-gô có cái nhìn đầy tính nhân văn, vừa rất mực tin yêu cuộc sống vừa tỉnh táo, sâu sắc.  + Trong xã hội ngày nay, có nhiều người biết mở rộng vòng tay yêu thương và nhân ái làm sáng ngời truyền thống “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc... Những người như thế đáng được ngợi ca và tôn vinh.  + Song bên cạnh đó, vẫn còn có bao kẻ vô tâm, vô cảm, ích kỉ và xấu xa, độc ác để thỏa mãn những dục vọng tầm thường, đê hèn. Chúng phải bị lên án và trừng trị nghiêm khắc.  **\* Bài học.**  - Cuộc sống chỉ trở nên tốt đẹp và có ý nghĩa khi con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những số phận bất hạnh  - Hãy yêu thương người khác. Đó là cách chăm sóc khu vườn tâm hồn của mỗi người. | 1  2  2  2  1 |
| **Câu 2** | **I. Mở bài**:  - Huy gô từng nói: Có một cảnh tượng rộng lớn hơn đại dương đó là bầu trời, có một cảnh tượng rộng lớn hơn bầu trời đó là thế giới tâm hồn con người. Có thể nói, thế giới tâm hồn con người đầy phức tạp và bí ẩn bởi mỗi người là một tiểu vũ trụ riêng không lặp lại bao giờ. Cho nên, thiên chức của nhà văn là suốt đời đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu bên trong tâm hồn con người, cũng từ đó cho người đọc một bài học về sự trông nhìn và thưởng thức.  - Chính vì vậy, bàn về thiên chức của nhà văn, Nguyễn Minh Châu khẳng định: *Nhà văn phải là người gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người*.  - Truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao là một minh chứng tiêu biểu, góp phần làm sáng tỏ nhận định trên.  **II. Thân bài**  **1. Giải thích:**  *- Những hạt ngọc ẩn dấu trong bề sâu tâm hồn con người* – là nét đẹp khuất lấp, ẩn sâu trong tâm hồn con người mà ta mới nhìn không thể thấy được, thường ẩn mình trong bề ngoài thô kệch, xấu xí….  + Vẻ đẹp ấy là vẻ đẹp của một tình yêu thương gia đình, yêu thương chồng con.  + Đó là vẻ đẹp của một nhân cách sống, một khát khao sống, nghị lực sống cao đẹp.  - Cả ý kiến khẳng định: Những vẻ đẹp ấy trong văn học thường rất bình dị, thường bị khuất lấp đi sau những cuộc đời, những số phận, những hoàn cảnh bất hạnh. Nhiêm vụ của nhà văn là phải phát hiện, khám phá ra điều đó để nó luôn đẹp đẽ, sáng trong như những hạt ngọc.  **2. Bàn luận**  - Đó là một ý kiến đúng đắn khi đánh giá về thiên chức của nhà văn, chức năng của văn học.  - Bởi vì:  + Xuất phát từ chức năng của văn học: Văn học là nhân học nên văn học luôn muốn hướng con người đến những gì cao đẹp nhất. Thế giới tâm hồn con người phong phú, cao đẹp nhưng không dễ nhận ra. Vì vậy, nhà văn, bằng năng lực của mình cần khám phá, phát hiện và đưa cái đẹp ấy vào tác phẩm nghệ thuật, giúp người đọc rung động, cảm nhận và hướng tới chân, thiện, mĩ.  + Thực tế những tác phẩm văn học có giá trị đều là những tác phẩm mà nhà văn đã phát hiện và khám phá ra vẻ đẹp khuất lấp, ẩn sâu trong tâm hồn con người, như....Trong đó, không thể không kể đến...  **3. Chứng minh:**  **3.1. Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm**  - Nam Cao được đánh giá là nhà văn hiện thực xuất sắc trước cách mạng (1930- 1945), là bậc thầy của truyện ngắn Việt Nam, chuyên viết về người nông dân và tri thức nghèo.  - “Lão Hạc” sáng tác năm 1943, là truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Qua cuộc đời và nhân phẩm của Lão Hạc- nhân vật chính, tác giả đã thể hiện sự chân thực và cảm động về số phận đau thương của người nông dân trong xã hội phong kiến cũ và ca ngợi những phẩm chất cao quý của họ.  **-** Trong truyện ngắn “Lão Hạc” nhà văn Nam Cao đã giúp người đọc khám phá và rung động trước những “vẻ đẹp khuất lấp” của những con người lam lũ, đói khổ, đặc biệt là nhân vật  lão Hạc và ông giáo.  **3.2. Chứng minh**  **a. Luận điểm 1: Nhà văn Nam Cao đã gắng tìm và phát hiện ra hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của những người nông dân nghèo**. Lão Hạc là nhân vật chính của truyện. Đó là một người nông dân cả cuộc đời vật lộn trong đói nghèo và cô đơn, chết vật vã đớn đau. Nhưng không, Lão Hạc vẫn giữ được vẹn nguyên tâm hồn dào dạt yêu thương đáng quý, đáng trọng của người nông dân và cả sự tự trọng cao đẹp của mình.  **\* Luận cứ 1**: **Lão là người cha yêu thương con rất mực, giàu đức hi sinh**:  - Vì thương con, lão chấp nhận đối mặt với cô đơn, với tuổi già để con ra đi cho thỏa chí.  - Con đi rồi, lão dồn cả yêu thương vào con chó Vàng. Đừng nghĩ đơn giản rằng lão cưng chiều “cậu” Vàng vì đó là con chó khôn, chó đẹp. Điều quan trọng nhất khiến lão yêu quý con Vàng đến mức chia với nó từng cái ăn, cho nó ăn vào bát như người, rồi đến lúc nó chết lão quằn quại, đau đớn,... là bởi con chó là kỉ vật duy nhất mà con trai lão để lại. Nhìn con chó, lão tưởng như được thấy con mình.  - Không chỉ vậy, lão thương con đến độ chấp nhận cái đói, rồi cả cái chết chứ không chịu bán đi mảnh vườn của con. Nếu lão bán mảnh vườn, ắt lão sẽ đủ ăn tiêu để vượt qua thời khốn khó. Nhưng lão lại lo khi con trai về không có đất sinh sống làm ăn. Vậy là lão đã nhận lấy cái chết rồi nhờ ông giáo giữ đất cho con. Chao ôi! Tình yêu thương con của lão thật cảm động biết mấy!  **\* Luận cứ 2**: **Lão Hạc còn là một người sống đầy tự trọng** .  - Với sự giúp đỡ của ông giáo (mà cũng có gì đâu, đó chỉ là củ khoai, củ sắn) lão “từ chối gần như hách dịch" khiến ông giáo nhiều khi cũng chạnh lòng. Binh Tư ngỡ rằng lão xin bả để ăn trộm chó “lão cũng ra phết đấy chứ chẳng vừa đâu”. Đến lượt ông giáo cũng nghi ngờ: "con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn”. Nhưng cuối cùng tất cả đều ngỡ ngàng, sửng sốt trước cái chết đột ngột của lão.  - Hay còn cách khác: lão có thể bán quách mảnh vườn đi. Nhưng lão lại nghĩ rằng đó là mảnh vườn của con lão. Và lão đã thà chết chứ không ăn của con!  - Lòng tự trọng của lão Hạc rực sáng nhất ngay khi thân xác lão đau đớn nhất. Lão đã chọn cái chết, một cái chết khốc liệt để tâm hồn mình được trong sạch, được trọn vẹn tình nghĩa với tất thảy mọi người - kể cả với con chó Vàng tội nghiệp. Nhưng còn một chi tiết khác cũng cảm động vô cùng. Lão đã tính toán để ngay cả khi chết đi rồi cũng không làm phiền đến mọi người: lão đã gửi ông giáo mấy chục đồng bạc, định khi mình nằm xuống thì nhờ ông giáo lo liệu ma chay khỏi làm phiền hàng xóm! Hỡi ôi lão Hạc!  => Trong cái đói, vì miếng ăn, người ta có thể tàn nhẫn, dã man, thậm chí mất hết nhân tính. Nhưng đáng trọng thay lão Hạc, lão không chỉ giữ được tình thương tươi mát mà còn giữ được lòng tự trọng vàng đá của mình.  **\* Luận cứ 3**: **Lão là người nhân hậu, trung thực**. Cách đối đãi với cậu Vàng và nỗi đau khi bán con chó Vàng thể hiện rõ phẩm chất ấy.  - Cậu Vàng là con chó của lão Hạc rất yêu quý :  + Cho ăn trong một bát lớn như của nhà giàu ; ăn gì cũng gắp cho nó cùng ăn  + Rỗi rãi thì đem nó ra ao tắm, bắt rận cho nó  + Mỗi khi uống rượu lão nhắm vài miếng thì lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho cháu  + Thường xuyên tâm sự với nó về bố nó, rồi thủ thỉ, âu yếm  - Quyết định bán đi con chó Vàng là một việc làm rất khó khăn, một việc hệ trọng ⇒ đắn đo, do dự, suy tính mãi  - Tâm trạng, biểu hiện khi bán chó :  + *Lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậng nước*  *+ Mặt lão đột nhiên co rúm lại, vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra, + Đầu ngoẹo về một bên, miệng móm mém mếu như con nít*  + *Lão hu hu khóc.*  => Sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh dày đặc, liên tiếp ⇒ vô cùng đau khổ đang hối hận, xót xa, thương tiếc dâng trào. Tiếng khóc “hu hu” của lão tuy thê thảm nhưng lại có sức toả sáng vẻ đẹp của một bậc chí thiện.  => Nhà văn đã biết nâng niu trân trọng vẻ đẹp tâm hồn cao khiết của người nông dân ngay cả khi họ bước vào đường cùng. Có thể xem Lão Hạc là nhân vật đẹp nhất đời văn Nam Cao. Bởi lão còm cõi, xơ xác, chịu nhiều đau thương, bất hạnh nhưng chưa bao giờ vì hoàn cảnh mà tha hóa, thay đổi bản chất tốt đẹp, lương thiện của mình. Lão Hạc tiêu biểu cho người nông dân nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng.  **a. Luận điểm 2: Nhà văn Nam Cao còn tìm và phát hiện ra hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của những người trí thức nghèo .** Ông giáo trong là người trí thức nghèo. Những cuốn sách mà ông đã nâng niu quý trọng rồi cũng phải tự tay mình bán đi vì con ốm, vì đã cùng đường đất sinh nhai. Nhưng dù nghèo khổ, ông giáo vẫn tỏa sáng lòng yêu thương.  - Ông giáo tỏ ra cảm thông, thương xót cho hoàn cảnh của lão Hạc – người láng giềng già, tốt bụng, tìm cách an ủi, giúp đỡ lão. Khi lão Hạc bán cậu Vàng, sang nhà ông giáo vói tâm trạng tột cùng đau khổ, thì ông giáo đã ở bên, động viên lão với tấm lòng cảm thông rất mực chân thành. Khi lão Hạc bòn mót tất cả để gửi gắm lại phần để dành cho con, phần để dành lo cho hậu sự của mình, trong khi lão càng ngày càng rơi vào cảnh sống đói khổ, thì ông giáo là người duy nhất hiểu lão : “*Tôi giấu giếm vợ, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc*”. Người hàng xóm tốt bụng và giàu tình thương của lão Hạc khiến ta xúc động và trân trọng, đó là một nhân cách cao cả.  - Những trăn trở, nỗi buồn trước cuộc đời và con người đã tạo cho ông một tiếng nói riêng trong truyện. Ông buồn khi vợ ích kỉ không muốn giúp lão Hạc mà không nỡ giận và còn nhắc nhở mình phải cố tìm hiểu họ, đồng cảm với họ. Mặt khác, ông còn buồn vì thấy lão Hạc gần như làm ngơ trước sự giúp đỡ của ông. Ông cảm thấy thất vọng khi nghe lời Binh Tư tưởng rằng lão Hạc bản năng đã chiến thắng nhân tính mất rồi ! Nhưng sau cái chết bất ngờ và bi thảm của lão ông thấy cuộc đời không thật đáng buồn vì vẫn có những cái chết mang tinh thần hi sinh đầy cao đẹp như của lão Hạc. Ông giáo ngỡ ngàng nhận thấy : “*nhưng cuộc đời lại dáng buồn theo ruột nghĩa khác”* là ở chỗ, những người tốt như lão Hạc, đáng thương, đáng thông cảm như thê nhưng cuối cùng vẫn hoàn toàn bế tắc, hoàn toàn vô vọng, vẫn phải tìm đến cái chết như là cứu cánh duy nhất, như là sự giải thoát lự nguyện và bất đắc dĩ. Và càng đáng buồn hơn vì không phải ai cũng hiếu hết ý nghĩa cái chết của lão. *Tâm trạng của ông giáo chứa chan một tình yêu thương và lòng nhân ái sâu sắc.*  **4.. Tổng hợp, mở rộng**  - Tổng hợp: Như vậy, qua tài năng và tấm lòng của một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, Nam Cao đã tìm thấy hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn những người nông dân và trí thức. Với việc khám phá, ngợi ca những vẻ đẹp khuất lấp tiềm ẩn của tâm hồn con người lao động bình dị, lam lũ, hai nhà văn đã góp phần tạo nên những giá trị nhân đạo mới mẻ và sâu sắc.  - Mở rộng:  + Tác phẩm văn học có giá trị cần khám phá, phát hiện và đem đến cho người đọc vẻ đẹp chiều sâu tâm hồn con người.  + Vấn đề đặt ra với người cầm bút là phải luôn ..., Vì thế người đọc cần....  **III. Kết bài**  - Nhận định đã đề cập đến thiên chức của nhà văn, chức năng của tác phẩm văn học.  - “Lão Hạc” là một truyện ngắn hay, góp phần làm sáng tỏ ý kiến rất đúng của Nguyễn Minh Châu. Nó sẽ còn sống mãi với thời gian, sống mãi trong lòng bạn đọc. Hiểu hơn về thiên chức nhà văn, chức năng văn học thôi thúc chúng ta tìm đọc nhiều hơn nữa những tác phẩm văn học để khám phá, phát hiện, trân trọng những vẻ đẹp lẩn khuất trong bề sâu tâm hồn con người. Bởi đó là:    “*Những trang sách suốt đời đi vẫn nhớ.*  *Như đám mây ngũ sắc ngủ trên đầu*”. | **12,0**  1  1.5  2  2.5  2  2  1 |

**ĐỀ 2:**

**Câu 1. (8,0 điểm**)

Bằng bài văn nghị luận (khoảng 300 từ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: “Khiêm tốn là chìa khóa mở cánh cửa dẫn đến thành công”

**Câu 2. (12 điểm)**

Nhà thơ Tố Hữu nhận định: *“Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn*”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ “Tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” nhà thơ Đỗ Trung Quân qua bài thơ *“Quê hương”* (Bài học đầu cho con) ?

*Quê hương là gì hở mẹ  
Mà cô giáo dạy phải yêu  
Quê hương là gì hở mẹ  
Ai đi xa cũng nhớ nhiều  
  
Quê hương là chùm khế ngọt  
Cho con trèo hái mỗi ngày  
Quê hương là đường đi học  
Con về rợp bướm vàng bay  
  
Quê hương là con diều biếc  
Tuổi thơ con thả trên đồng  
Quê hương là con đò nhỏ  
Êm đềm khua nước ven sông  
  
Quê hương là cầu tre nhỏ  
Mẹ về nón lá nghiêng che  
Là hương hoa đồng cỏ nội  
Bay trong giấc ngủ đêm hè  
  
Quê hương là vàng hoa bí  
Là hồng tím giậu mồng tơi  
Là đỏ đôi bờ dâm bụt  
Màu hoa sen trắng tinh khôi  
  
Quê hương mỗi người chỉ một  
Như là chỉ một mẹ thôi  
Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người…*

\* Lưu ý: Bài thơ lúc đầu được làm đề tặng bé Quỳnh Anh (con của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, khi đó mới một tuổi), đăng lần đầu năm 1986 ở báo *Khăn quàng đỏ*. Khi đăng bài này thì người biên tập (Việt Nga, con của nhà thơ Lê Giang) có bỏ một vài đoạn và thêm một câu “Sẽ không lớn nổi thành người” ở cuối cùng. Trong tập thơ *Cỏ hoa cần gặp* (1991), tác giả đã đăng lại nguyên bản như bản đăng ở đây. Tuy nhiên, bài hát *Quê hương* của nhạc sĩ Giáp Văn Thạch đã được phổ nhạc theo bài đăng năm 1986.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **NỘI DUNG** | **Điểm** |
|  | *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn Bài văn có bố cục 3 phần, trong đó: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  *- Vai trò của đức tính khiêm tốn* | **8,0** |
| **Câu 1** | c. Triển khai vấn đề nghị luận Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  \* Giải thích  - Khiêm tốn là đức tính nhã nhặn, nhún nhường, không đề cao cái mình có và luôn coi trọng người khác.  - Thành công là đạt được kết quả như mong muốn, thực hiện được mục tiêu đề ra.  => Câu nói nhấn mạnh vai trò của đức tính khiêm tốn đối với sự thành công của mỗi người trong cuộc đời.  **\* Phân tích chứng minh**  - Kiêm tốn là phẩm chất đạo đức cần có của mỗi con người bởi cá nhân dù có tài năng đến đâu cũng chỉ là giọt nước nhỏ bé giữa đại dương bao la, bởi vậy cần học hỏi để làm giàu thêm vốn tri thức, sự hiểu biết của bản thân.  - Khiêm tốn giúp chúng ta nhận ra những thiếu sót hạn chế của bản thân để từ đó đi đến thành công.  - Khiêm tốn góp phần hình thành trong mỗi người những phẩm chất đạo đức tốt đẹp khác…  - Khiêm tốn khiến mọi người xung quanh yêu mến tôn trọng xã hội trở nên văn minh tốt đẹp hơn. HS lấy dẫn chứng minh họa  - Nếu không khiêm tốn con người sẽ dễ tự cao tự đại, đề cao thành tích của bản thân, không cố gắng học hỏi tất yếu dẫn đến thất bại.  \* Bình luận mở rộng  - Khiêm tốn không có nghĩa là tự ti, hèn nhát  - Phê phán thói tự cao, tự đại, coi thường người khác.  \* Bài học nhận thức và hành động  - Thấy được ý nghĩa to lớn của tính khiêm tốn trong cuộc sống  - Rèn luyện tính khiêm tốn hàng ngày: luôn học hỏi, tôn trọng người khác…để hoàn thiện bản thân 0,5  d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ về vấn đề nghị luận. |  |
| **Câu 2** | **Câu 2.** Hướng dẫn chung  **1. Mở bài**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả, đôi nét về chủ đề bài thơ.  Quê hương mãi là nguồn cảm hứng vô tận cho văn thơ, nhạc, họa.  - Nghệ thuật là tiếng nói của tâm hồn mà một trong những tiếng nói tha thiết của tâm hồn là tình quê hương.  - Dẫn khổ thơ của Đỗ Trung Quân để đi đến luận điểm: *“Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn*”.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  - Tâm hồn: thế giới nội tâm con người.  - Thơ: Thể loại văn học thuộc phương thức trữ tình.  - Thơ là tiếng nói của tâm hồn: là sự giãi bày, bộc lộ những rung động, cảm xúc của người làm thơ.  => Ý kiến này đề cập tới đặc trưng quan trọng nhất của thơ ca: Là tiếng nói của tình cảm, là tiếng lòng. Mỗi bài thơ là sự đồng cảm, tri âm giữa tác giả và bạn đọc, đó chính là vai trò của tiếng nói tâm hồn trong thơ.  =>Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống. "Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống." là lời khẳng định của nhà thơ Nguyễn Đình Thi thể hiện tiếng lòng của các nhà thơ khi viết lên những tác phẩm tốt đẹp cho cuộc đời.  - Lần lượt phân tích các khía cạnh nội dung và nghệ thuật của bài thơ bằng cách lồng ghép  **1. Ba khổ đầu gợi lên nhiều cách hiểu về quê hương:**  - Quê hương hiểu theo nghĩa hẹp là quê cha đất tổ, gắn với gia đình, dòng họ, mồ mả, bàn thờ tổ tiên.  - Quê hương hiểu theo nghĩa rộng là đất nước.  - Nói “Quê hương mỗi người chỉ một” là nhấn mạnh sự duy nhất cũng như vai trò quan trọng của quê hương trong tình cảm của mỗi con người. “Như là chỉ một mẹ thôi”: khẳng định sự duy nhất nêu trên như một quy luật của tự nhiên về nguồn gốc con người. Đã là quy luật tự nhiên thì điều đó (mỗi người chỉ một quê hương) là không bao giờ thay đổi.  - Mặt khác còn là nói lên tình đất nước như tình mẫu tử, một tình cảm sâu nặng nhất của con người, của cả muôn loài.  - Tình yêu mẹ, yêu làng, yêu đất nước là thống nhất: Càng yêu gia đình thì càng yêu làng và càng yêu làng thì càng yêu đất nước. Trung thành với đất nước là “đại hiếu” (theo lời Phi Khanh nói với Nguyễn Trãi).  - Trong mối quan hệ đó, đôi khi trong một hoàn cảnh cụ thể vẫn nảy sinh mâu thuẫn, buộc người ta phải lựa chọn, lúc đó phải để tình đất nước lên trên (Nguyễn Trãi nén nỗi đau từ biệt cha quay về tìm đường cứu nước, các thanh niên từ biệt mẹ già, làng xóm, lên đường nhập ngũ ra tiền tuyến...).  - Biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ, liệt kê đã lý giải quê hương thân thuộc và bình dị ở xung quanh ta. Quê hương là chùm khế ngọt, quê hương là đường đi học, là con diều biếc, là con đò nhỏ, là vàng hoa bí, dậu mồng tơi, là đôi bờ dâm bụt… trong lý giải của nhà thơ hình ảnh quê hương gần gũi thân quen, là cuộc sống và tuổi thơ của mỗi người, gắn với cuộc đời của mỗi người. Là chùm khế ngọt thơm mát để con trèo hái mỗi ngày; là con đường quen thuộc đưa con tới trường; là cánh diều tuổi thơ chở bao ước mơ của con trẻ, là con đò đưa khách sang sông. Không những thế quê hương còn bình dị đến nỗi là màu hoa của bí, của dậu mồng tơi mẹ trồng, là bông sen trắng tinh khôi ngoài ruộng, trên bờ ao… Đâu có gì trừu tượng đâu, những định nghĩa, so sánh về quê hương khiến người đọc mỗi người cảm nhận được quê hương thân thuộc, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người biết bao nhiêu.  =>Thế nên mỗi chúng ta lại càng phải yêu thương, trân trọng và gắn bó với quê hương nhiều hơn  **2. Ba khổ sau tác giả muốn nói rõ vai trò quê hương đối với sự trưởng thành của mỗi con người:**  **a. Hình ảnh quê hương đẹp đẽ, lung linh, trọn vẹn và thiêng liêng qua những kỉ niệm bình dị và ngọt ngào.**  - Với cầu tre nhỏ, với nón lá mẹ đội, với hoa cỏ đồng nội và với những giấc ngủ đêm hè.  **=>** Những điều thân thuộc, những kỉ niệm dung di và những ký ức giản đơn chính là quê hương, là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người. Bài thơ Quê hương của Đỗ Trung Quân cũng đẹp tựa như thế với hoa bí vàng, giậu mồng tơi, là những cánh hoa râm bụt, là đóa sen trắng tinh khiết.  **b. “Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người”:**  - Với cách hiểu như trên thì thấy tình quê hương đất nước có ý nghĩa to lớn trong nhân cách một con người.  - Đối với tuổi trẻ, hai câu thơ cảnh tỉnh những kẻ không nhớ quê hương, cội nguồn và nhấn mạnh phải chăm lo bồi đắp tình cảm quê hương như đã nêu. Không nên chỉ chăm lo bồi dưỡng trí tuệ, sức khỏe, vật chất... (Có thể nêu dẫn chứng về số phận của những kẻ phản bội quê hương, đất nước).  + Biện pháp so sánh, liệt kê quê hương là những thứ bình dị, thân quen, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người: vàng hoa bí, tím giậu mồng tơi, con diều biếc…  + Phép điệp ngữ quê hương là nhấn mạnh tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về quê hương của tác giả  + Nhắc nhở mỗi người hãy biết trân trọng, yêu mến gắn bó với quê hương  **c. Nghệ thuật**  + Biện pháp so sánh, liệt kê quê hương là những thứ bình dị, thân quen, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người: vàng hoa bí, tím giậu mồng tơi, con diều biếc…  + Phép điệp ngữ quê hương là nhấn mạnh tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về quê hương của tác giả  + Nhắc nhở mỗi người hãy biết trân trọng, yêu mến gắn bó với quê hương  **3. Kết bài**  - Đánh giá bài thơ, tài năng của tác giả  Tiếng nói tha thiết và độc đáo của Đỗ Trung Quân khiến bài thơ đã được phổ nhạc và được các thế hệ yêu mến, thuộc lòng.  - Liên hệ bản thân. | **12,0** |

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Đâu là cầu nối giữa hiện tại và tương lai, đâu là thanh nam châm thu hút mọi thế hệ. Đó chẳng phải là văn học hay sao? Văn học vẫn luôn sống một cuộc đời cao đẹp gắn liền với con người và kết tinh những giọt ngọc của thời đại. Tất cả giá trị vĩnh cửu đó đã thăng hoa cùng ngòi bút của tác giả Đỗ Trung Quân qua bài thơ *“Bài học đầu cho con”* còn vấn vương trong trái tim biết bao độc giả. Bài thơ tái hiện bức tranh quê hương bằng ngôn từ qua những hình ảnh phong phú, bình dị, bộc lộ tình yêu quê tha thiết, sâu lắng.

Bài thơ “Bài học đầu cho con” được Đỗ Trung Quân viết vào năm 1986, cho đến nay, đây vẫn là một tác phẩm đặc biệt. Tác giả miêu tả về quê hương một cách quen thuộc, đơn giản nhưng giàu ý nghĩa. Ông sử dụng vô số hình ảnh, cây cối, làm người đọc hình dung về quê nhà trong cảm xúc dâng trào:

Mở đầu bài thơ, tác giả đặt một câu hỏi tu từ đầy ngọt ngào “quê hương là gì, mẹ ơi”. Câu hỏi được lặp lại hai lần, để nhấn mạnh sự mong mỏi và khao khát của tác giả. Đây vốn đơn thuần chỉ là một câu hỏi đầy ngây ngô của một đứa trẻ nhỏ, nhưng tại sao nó lại nặng nề đến vậy? Không phải khi còn bé chúng ta vẫn thường hay hỏi bố mẹ mình những câu hỏi như: Quê hương là gì?

*“Quê hương là gì hở mẹ  
Mà cô giáo dạy phải yêu  
Quê hương là gì hở mẹ  
Ai đi xa cũng nhớ nhiều*

Bài học đầu cho con được cất lên bằng những câu thơ giản dị và thân thương:

*Quê hương là chùm khế ngọt  
Cho con trèo hái mỗi ngày  
Quê hương là đường đi học  
Con về rợp bướm vàng bay*

Khế ngọt là một trong những thức quà quê giản dị nhưng lại là ký ức tuổi thơ của biết bao đứa trẻ. Cái vị thanh mát của khế cũng đã làm than mát lòng ta. Nó cũng mang hương vị của những câu ca dao, cổ tích, và cũng là dư vị của tình nghĩa con người. Và đó chính là quê hương là nơi ta được sinh ra và lớn lên.Chính nơi ấy ta cũng đã đi qua các con đường bớm rợp vàng bay. Hình ảnh những con bướm vàng cũng vô cùng gần gũi và chân thực. Nó là đặc sắc của làng quê mà thành phố khó lòng có được. Điều này làm ta liên tưởng tới hình ảnh quê hương trong bài thơ của Giang Nam và những câu thơ của Huy Cận.

Biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ, liệt kê đã lý giải quê hương thân thuộc và bình dị ở xung quanh ta. Quê hương là chùm khế ngọt, quê hương là đường đi học, là con diều biếc, là con đò nhỏ, là vàng hoa bí, dậu mồng tơi, là đôi bờ dâm bụt… trong lý giải của nhà thơ hình ảnh quê hương gần gũi thân quen, là cuộc sống và tuổi thơ của mỗi người, gắn với cuộc đời của mỗi người.

Là chùm khế ngọt thơm mát để con trèo hái mỗi ngày; là con đường quen thuộc đưa con tới trường; là cánh diều tuổi thơ chở bao ước mơ của con trẻ; là con đò đưa khách sang sông. Không những thế quê hương còn bình dị đến nỗi là màu hoa của bí, của dậu mồng tơi mẹ trồng, là bông sen trắng tinh khôi ngoài ruộng, trên bờ ao…

Đâu có gì trừu tượng đâu, những định nghĩa, so sánh về quê hương khiến người đọc mỗi người cảm nhận được quê hương thân thuộc, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người biết bao nhiêu. Thế nên mỗi chúng ta lại càng phải yêu thương, trân trọng và gắn bó với quê hương nhiều hơn

*Quê hương là con diều biếc*

*Tuổi thơ con thả trên đồng*

*Quê hương là con đò nhỏ*

*Êm đềm khua nước bên sông*

Điệp ngữ quê hương là trở đi trở lại trong tất cả các khổ thơ, như muốn khẳng định nhiều nghĩa của nó. Đỗ Trung Quân không thể tóm tắt khái niệm quê hương là gì, vì nó có vô số ý nghĩa. Với mỗi người, quê hương là ký ức, là tâm hồn, là nỗi nhớ, là nỗi nhớ không thể rời xa. gắn bó với quê hương thật tuyệt vời, còn có tình yêu thương, bạn bè, gia đình, thầy cô,

Đoạn thơ cuối giống như một lời nhắc nhở mỗi người hãy luôn nhớ về quê hương yêu dấu của mình. Nhà thơ tiếp tục sử dụng hình ảnh so sánh

*Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

Nhà thơ ví quê hương như người mẹ luôn dang rộng vòng tay ôm lấy đàn con thơ trở về. Kể cả khi không có nhà thì quê hương vẫn bảo vệ con giống trước những bão tố, mưa giông ngoài kia. Quê hương ở đây cũng chính là hình ảnh người mẹ, luôn luôn hy sinh vì con cái? Quê hương còn là vầng trăng, soi sáng lối đi, dẫn dắt chúng ta đi đến muôn nơi, luôn đồng hành cùng chúng ta trên mọi nẻo đường. Quê hương với mỗi người là duy nhất, cũng như mẹ chúng ta, chỉ có một người mẹ duy nhất trong đời. Đỗ Trung Quân còn nhấn mạnh rằng

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người*

Câu thơ cuối giống như một lời nhắc nhở, cảnh tỉnh con người phải luôn biết ơn quê hương, trân trọng quê hương, nếu không biết ơn quê hương, tức là quên đi cội nguồn thì sẽ không bao giờ lớn khôn thành người được.

Bài thơ sử dụng hình ảnh quen thuộc, bình dị nhất, với giọng điệu ngân nga, dạt dào, tha thiết, nhắc nhở mỗi chúng ta về quê hương, gắn bó và thân thuộc đối với mỗi cuộc đời. Biết ơn quê hương mỗi người đều phấn đấu rèn luyện, học hành chăm chỉ để xây dựng quê hương thêm giàu đẹp.

Quê hương đóng vai trò rất lớn trong quá trình trường thành của mỗi người. Bài thơ nhắc nhở mỗi chúng ta phải luôn sống và làm việc có ích, hãy biết yêu thương quê hương xứ sở, vì quê hương chính là mẹ và mẹ chính là quê hương.

**ĐỀ 3:**

**Câu 1 (8,0 điểm):**

Trong cuốn sách *Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu,* Rosie Nguyễn có dẫn câu nói: *Con đường dài nhất là con đường từ cái đầu đến bàn tay*.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu nói trên.

**Câu 2. (12 điểm)**

Pau-tốp-xki đã từng nói: “*Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp”,* hãy làm sáng tỏ nhận định đó bằng truyện ngắn dưới đây?

**KHÔNG IN ĐƯỢC “HOÁ ĐƠN” TÌNH NGƯỜI.**

Có một vị thương gia mất cả ngày trời thương thảo với đối tác. Mệt mỏi, ông vào một nhà hàng sang trọng, tự thưởng cho mình bữa tối thịnh soạn. Khi những món ăn đã sẵn sàng trên bàn, bất chợt ông nhìn thấy một cậu bé đang nhìn trộm qua cửa kính, ánh mắt vô cùng thèm thuồng. Có gì đó đâm nhói trong tim, ông vẫy cậu bé vào. Cậu bé dắt theo một đứa em gái nhỏ. Hai đứa trẻ chăm chăm nhìn vào những đĩa thức ăn nóng hổi, chẳng cần biết người gọi chúng vào là ai.

Vị thương gia bảo chúng cứ ăn thỏa thích. Và, không nói, không cười, hai đứa trẻ ngấu nghiến ăn hết các món ăn ngon lành trên bàn. Vị thương gia im lặng nhìn hai đứa trẻ ăn và rời đi, ông thấy cơn đói được xua tan một cách lạ kỳ, một cảm giác khó tả lâng lâng trong lòng...Vị thương gia gọi lại món ăn, nhẩn nha thưởng thức, sau đó gọi thanh toán. Ông xem tờ hóa đơn - giọt nước mắt khẽ rơi xuống ...

Ông nhìn người đàn ông tại quầy thu ngân và mỉm cười, anh ta đáp lại bằng nụ cười rạng rỡ. Tờ hóa đơn không hề ghi số tiền mà chỉ có một lời nhắn: “Thật đáng tiếc, chúng tôi không in được hóa đơn thanh toán cho tình người , Chúc ngài luôn hạnh phúc!”.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Nắm vững cách làm bài văn nghị luận xã hội.  - Bố cục đầy đủ 03 phần, kết cấu rõ ràng, chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp...  - Có những cách diễn đạt hay, hấp dẫn, văn phong giàu hình ảnh, cảm xúc.  **II. Yêu cầu về kiến thức**  - HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần hướng đến các ý sau:  **1. Giải thích ý nghĩa**  - “con đường dài nhất”: Chỉ quá trình thực hiện một công việc nào đó đầy gian truân và khó đến đích.  - “cái đầu”: Chỉ ý tưởng, khát vọng, hoài bão.  - “bàn tay”: Chỉ hành động thực tiễn.  => Câu nói là lời nhắc nhở những người không chủ động, mạnh dạn thực hiện ý tưởng, khát vọng, hoài bão của mình và đề cao việc thực hành, thực thi công việc.  **2. Bàn luận**  - Con người ai cũng có những ý tưởng hay, những ước mơ hoài bão tốt đẹp, nhưng thực tế không phải ai cũng biến những điều ấy thành hiện thực. Điều đó có nhiều nguyên nhân: chần chừ, lười biếng, thiếu bản lĩnh, không có kỹ năng thực hành, chưa đủ điều kiện thực hiện… Nên từ cái đầu đến bàn tay trở thành con đường dài nhất.  - Khi không thực hiện những ý tưởng, mơ ước hoài bão của mình, con người sẽ không đạt được bất kỳ kết quả tốt đẹp nào. Đặc biệt, làm việc sẽ/còn giúp con người hình thành kỹ năng sống, phát huy năng lực bản thân, rèn luyện những phẩm chất quý giá…  - Để có thể biến những ý tưởng của mình thành hiện thực, ngoài việc ý tưởng ấy phải phù hợp với thực tiễn, con người cần trang bị kiến thức cần thiết, rèn luyện bản lĩnh vững vàng để có thể đương đầu với khó khăn hay đối diện với thất bại, trao dồi kỹ năng thực hành…  **3. Bài học**  - Thấy được vai trò của việc nỗ lực rút ngắn con đường từ “cái đầu” đến “bàn tay”.  - Rèn luyện thói quen tư duy, xây dựng ý tưởng, mạnh dạn bắt tay vào công việc, từ những việc nhỏ nhất. | 8 điểm |
| **Câu 2** | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu truyện ngắn và trích dẫn nhận định.  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích nhận định:**  - Nhà văn chân chính: Nhà văn có thái độ nghiêm túc trong lao động và sáng tạo nghệ thuật; có lương tâm, có trách nhiệm với nghề; tạo ra tác phẩm văn chương có giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc.  - Người dẫn đường: Là người định hướng tư tưởng, cảm xúc cho bạn đọc.  - Xứ sở cái đẹp: Là vẻ đẹp của một tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và hình thức.  + Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm. Đó là vẻ đẹp trong tự nhiên, trong con người, trong lao động, chiến đấu… mà nhà văn mang tới cho người đọc.  + Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn, là khả năng kết cấu chặt chẽ, xây dựng tình huống hợp lí, khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...  - Ý kiến nhấn mạnh vai trò của nhà văn trong việc dẫn dắt, định hướng và bồi đắp tư tưởng, cảm xúc thẩm mĩ cho bạn đọc khi tiếp cận một tác phẩm văn chương.  **b. Chứng minh qua truyện ngắn:**  **\*Tình huống truyện**  - Không gian: Nhà hàng sang trọng: Nơi của sự giàu có xa hoa, đắt đỏ, của nhũng món ăn ngon.  - Tình huống:  + Người đàn ông mệt mỏi sau buổi làm việc: Con người lao động bình thường, que thuộc trong cuộc sống  + Muốn ăn một bữa ăn: Nhu cần tất yếu, giải tảo căng thẳng, phần thưởng cho những nỗ lực, cống hiến của con người.  + Hai đứa trẻ ngó bên ngoài: Những số phận, bất hạn, tội nghiệp, nghèo đói, bơ vơ giữa dòng đời  - Hành động của người đàn ông: Gọi chúng vào: mở ra nhiều dự đoán cho người đọc, thu hút sự hiếu kì với các sự kiện tiếp theo của câu truyện.  - Xây dựng tình huống mang nét riêng độc đáo, tạo sự thu hút đối với người đọc.  **\*Bữa ăn đặc biết:**  - Hành động:  + Người đàn ông mời hai đứa trẻ ăn: Nhân hậu, hiền từ, có trái tim yêu thương con người sâu sắc.  + Im lặng nhìn chúng ăn: cảm nhận được dư vị của tình yêu thương, sẻ chia ngọt ngào với bao số phận nghiệt ngã ở cuộc đời  - Cảm xúc của vị thương gia:  +Không còn thấy đói: Tình yêu thưing giúp ta vượt qua mệt mỏi, đau đớn, đói khát ở đời.  + Lâng lâng trong lòng: Hạnh phúc vì được sẻ chia  - Nhân cách cao cả, đáng trân trọng của người đàn ông trong cuộc sống mà chúng ta cần học hỏi.  **\* Kết thúc bất ngờ**  - Vị thương gia bật khóc: hạnh phúc vì được thấu hiểu, đồng cảm và trân trọng sự cho đi của ông trong cuộc sống  - Tờ hoá đơn đặc biệt không thu tiền : Cái đẹp song hành cùng cái đẹp, hoà vào nhau cùng toả sáng  - Thông điệp đẹp đẽ, cao quý về tình người được toả sáng, lấp lánh trên trang văn  **3. Kết bài:**  - Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn, đánh giá lại ý nghĩa của nhận định. | **12 đ** |

**ĐỀ 4:**

**Câu 1 (8.0 điểm**).

Em hãy viết bài văn nghị luận ngắn (khoảng 300 từ) nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau:

*“Tương lai của bạn được xây dựng trên rất nhiều yếu tố, nhưng cái quan trọng nhất là chính bạn”*

**Câu 2. (12 điểm)**

Nhà thơ Xuân Diệu viết: *Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam*. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của bản thân về chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1.** | **Yêu cầu chung:**  - Trình bày đúng yêu cầu của đoạn văn nghị luận xã hội, biết kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: Giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích vấn đề.  - Bài viết cần có lập luận chặt chẽ, biết kết hợp nghị luận với biểu cảm.  - Diễn đạt mạch lạc, dùng từ chính xác, không mắc lỗi chính tả và viết câu. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, chữ đẹp  **Yêu cầu cụ thể:** Giám khảo cần linh hoạt đánh giá cao những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng. Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng nhưng cần đạt được:  **1. Mở bài:**  - Dẫn dắt và nêu được vấn đề  **2. Thân bài:**  **\* Giải thích ý kiến:**  - Tương lai của mỗi người có thể được xây dựng trên rất nhiều yếu tố nhưng điều quan trọng nhất là chính bản thân mỗi người: câu nói nhấn mạnh và khẳng định vai trò của mỗi cá nhân trong việc tự hình thành nhân cách và quyết định tương lai của mình  \*Bàn luận một số khía cạnh:  + Mỗi người lớn lên và trưởng thành được là nhờ rất nhiều yếu tố: gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội…  + Nhưng điều quyết định nhất đến sự trưởng thành và tương lai của mỗi người lại là chính bản thân cá nhân người đó: hoàn cảnh sống xung quanh (gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội,…) có vai trò rất quan trọng đối với mỗi người. Tuy nhiên, tiếp nhận, vận dụng hoàn cảnh đó như thế nào, tranh thủ được hay bỏ qua những điều kiện thuận lợi lại do mỗi người quyết định. Vì thế đòi hỏi mỗi người cần tự tin vào chính mình, cần chủ động, dấn thân không ngừng sang tạo, hành động…tức là phải phát huy mọi nỗ lực cá nhân trong mọi hoàn cảnh thì mới có được những thành công trong cuộc sống.(dẫn chứng)  **\* Bài học nhận thức và hành động**.  + Nhận thức: Câu nói có ý nghĩa động viên và nhắc nhở mỗi người phải biết vươn lên trong cuộc sống để tạo cho mình một tương lai tươi sáng.  + Hành động: Tranh thủ những điều kiện thuận lợi xung quanh nhưng chủ yếu vẫn là những cố gắng vươn lên của bản thân trong cuộc sống.  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề và rút ra bài học, liên hệ bản thân. | **8 đ** |
| **Câu 2.** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả, đôi nét về chủ đề bài thơ.  - Dẫn câu nói rồi đi đến luận điểm.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến: Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam**  - Điều đầu tiên ta thấy trước hết là hình ảnh mùa thu trong ba bài thơ đều được diễn ra trên nền của không gian làng quê. Đó là những hình ảnh mùa thu diễn ra trên làng quê.  + Mùa thu rất quen thuộc trong thơ ca từ cổ chí kim, vốn là đề tài muôn thưở gần gũi và quen thuộc của các thi nhân. Mùa thu là mùa đẹp gợi cảm hứng cho các nhà thơ thổ lộ tâm tình của mình.  + Trước Nguyễn Khuyến, cảnh thôn quê đã từng xuất hiện ít nhiều trong thơ Nguyễn Trãi:  *“Ao cạn, vớt bèo cấy muống*  *Đìa thanh phát cỏ ương sen”.*  Nhưng chỉ đến Nguyễn Khuyến, văn học mới thực sự trở về làng quê, về với người dân nơi thôn dã.  + Nguyễn Khuyến “*nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là thơ Nôm*” (Xuân Diệu). Ba bài “*Thu Điếu”, “Thu Vịnh”, “Thu ẩm*” thể hiện tập trung nhất sự đa dạng và tinh tế của tác giả. Mỗi bài thơ thu của Nguyễn Khuyến miêu tả, cảm nhận mùa thu ở một không gian, thời gian không giống nhau nhưng tất cả đó đều là những cảnh vật rất thật của nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ở đây, không hề có những ước lệ vốn đã thành quen thuộc trong thơ cổ. Một bầu trời xanh ngắt, ao thu trong veo, một cần trúc hắt hiu trong gió, một ngõ xóm quanh co, mấy gian nhà tranh mái rạ, một hàng giậu phất phơ bóng khói ban chiều… đó đều là những cảnh rất thân thuộc của làng quê Việt Nam. Nó yên ả thanh bình như vốn có tự ngàn đời chứ chưa hề động gót giày của quân xâm lược Pháp. Nó gợi trong ta cái tình quê, hồn quê sâu thẳm.  **b. Phân tích ý kiến**  **\* Hình ảnh thôn quê hiện lên trong cả ba bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến.**  **+ Hình ảnh thôn quê qua bài “Thu vịnh” (“Vịnh mùa thu”)**   - Bài thơ không tả mùa thu từ một nơi, trong một lúc mà là bức tranh tổng hợp, khá hoàn chỉnh về mùa thu. Ở đây hầu như có đủ những hình ảnh đặc trưng cho mùa thu ở thôn quê Việt Nam( bầu trời cao xanh, cần trúc mảnh mai, gió thu nhẹ, mặt nước biếc phu sương khói, ánh trăng trong, chùm hoa trước giậu…). Chỉ bằng mấy nét chấm phá, Nguyễn Khuyến đã gợi được cái hồn thu nơi từng cảnh vật.  Cảm nhận tinh tế của thi nhân được thể hiện rõ qua cách dùng từ:  *“Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*  *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*  *Nước biếc trông như tầng khói phủ*  *Song thưa để mặc bóng trăng vào…”*  Cảnh mùa thu trong *Thu vịnh* thật thanh khiết, tĩnh lặng. Từ đường nét đến màu sắc, từ âm thanh đến vận động… cái gì ở đây cũng dịu, cũng nhẹ. Ấy cũng là đặc điểm tâm hồn Nguyễn Khuyến. Ông không hợp với những gì ồn ào, xô bồ, rực rỡ. Tâm hồn ông dễ xúc động với những vẻ đẹp thanh tao, uyển chuyển, những sắc màu sáng trong, dịu mát. Tâm hồn ấy cùng thường phả vào cảnh vật một chút hắt hiu, buồn rầu.  Không khí làng quê mùa thu ở *Thu vịnh* im ắng và phảng phất nỗi u hoài. Không gian và thời gian trở nên mông lung, không xác định trong tâm trạng bâng khuâng buồn của thi nhân:  *Mấy chùm trước giận hoa năm ngoái*  *Một tiếng trên không ngỗng nước nào…*  Thế giới thiên nhiên này gợi lên cảm giác yên tĩnh trong trẻo và ngưng lọng ngàn đời. Trước những biến động ngang trái của cuộc đời, Nguyễn Khuyến muốn được mãi mãi ở trong vẻ đẹp thanh tĩnh của làng quê.  **+ Hình ảnh thôn quê qua bài “Thu điếu” (“Câu cá mùa thu”)**  - Bài thơ cảm nhận mùa thu từ một không gian xinh xắn, thơ mộng, từ điểm nhìn của một người câu cá. Mở đầu bằng một cảnh thu bình dị rất riêng của làng, quê đồng bằng Bắc Bộ: ao thu. Một thế giới tĩnh lặng, trong suốt mà trong đó mọi vật hài hòa nhẹ nhõm:  *“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*  *Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.”*  - Những chuyển động, âm thanh trong thế giới thu này thật nhẹ nhàng và chỉ càng gây ấn tượng về sự đọng kết, sự tĩnh lặng. Làn sóng biếc chỉ “gợn tí”. Lá vàng cũng “khẽ đưa vèo trong gió thu… Hai câu thực tả cảnh gần, hai câu luận tả canh cao, cảnh xa để hợp tạo thành bức tranh thu yên ả, đượm buồn. Chỉ ở mùa thu mới có “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” ấy (ba  lần trong ba bài thơ thu đều xuất hiện bầu trời xanh ngắt). Cũng chỉ ở làng quê xứ Bắc đang độ thu mới có “Ngõ trúc quanh co khách vắng teo” ấy!  - Trong bức tranh thu ở *Thu điếu* hiện lên hình ảnh con người đang ngồi câu cá nơi ao thu lạnh lẽo”. Song con người này cũng chẳng hề đánh động thêm gì cho bức tranh. Trái lại, tư thế và tâm tưởng của con người chỉ tạo thêm ấn tượng về sự ngưng đọng mà thôi.  **+ Hình ảnh thôn quê qua bài thơ “Thu ẩm” ( “Uống rượu mùa thu”)**  - Đây là mùa thu được cảm nhận bằng tâm trạng của một người ngồi uống rượu. Lúc này, cảnh thu sẽ mang các ấn tượng nỗi niềm riêng - dường như cũng chập chờn, mờ ảo. Có lẽ vì thế mà bài thơ có nhiều từ lấp láy và dùng vần “oe”.  - *Thu ẩm* không miêu tả riêng một cảnh thu ở một thời điểm nào mà là sự “tổng hợp nhiều cảnh thu ở nhiều thời điểm” (Xuân Diệu). Bài thơ cũng không hề có một chữ “thu” (khác với “trời thu” ở *Thu vịnh* và “ao thu” ở Thu điếu). Vậy mà đọc lên ta nhận ra chính xác cảnh sắc thu quen thuộc của làng quê Việt Nam. Đây là một mái nhà tranh bình dị trong ngõ tối vào đêm sâu lập lòe những con đom đóm:  *Năm gian nhà cỏ thấp le te.*  *Ngõ tối đèm sâu đóm lập lòe.*  -  Phải là “ngõ tối”, “đêm sâu” thì mới có thể thấy “đóm lập lòe”; ngược lại, cái lập lòe của con đom đóm ấy lại càng khiến cho ngõ tối bỗng tối hơn, đêm sâu thành sâu hơn… Đây là cảnh của buổi sáng sớm (hay buổi chiều) với khói nhạt phất phơ nơi lưng giậu. Rồi lại cảnh đêm trăng với mặt ao lóng lánh:  *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*  *Làn áo lóng lánh, bóng trăng loe.*  Lại một một bầu trời trong suốt ở buổi ban trưa hay ban chiều với màu xanh thăm thẳm:  *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt.*  Bài thơ tạo trong ta ấn tượng “phi thời gian” nhưng cũng gợi rất sâu vào không khí tĩnh mịch, trong lành vô cùng thân thuộc của thôn quê Việt Nam.  **\* Hình ảnh con người - nhân vật trữ tình:**  - Trong chùm thơ thu Nguyễn Khuyến ta không chỉ bắt gặp cảnh mà còn bắt gặp hình ảnh con người thi nhân. Nếu trong thơ ca trước đó, tính ước lệ, quy phạm khiến cho hình ảnh của tác giả thường mờ nhạt, khó có thể cụ thể giọng điệu cảm xúc thì ở chùm thơ thu này, hình ảnh Nguyễn Khuyến hiện lên rất rõ. Đó là hình ảnh của một con người luôn nghĩ về thời thế:  - Trong “Thu điếu” ta thấy dáng ngồi câu cá “tựa gối ôm cần” thú vui câu cá tao nhã của thi nhân:  “*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được*  *Cá đâu đớp động dưới chân bèo”.*  Tiếng cá kia cũng chỉ tồn tại trong sự liên tưởng mà thôi chứ thực chất bức tranh mùa thu tĩnh lặng tuyệt đối, cái giật mình là giật mình của một tâm trạng chưa bao giờ yên cả.  - Trong “Thu Vịnh” tác giả cảm thấy “thẹn”, cái thẹn đó có thể là thẹn về nhân cách hay về tài thơ so với Đào Tiềm. Phải chăng đó chỉ là cái cớ cho một nỗi thẹn thường trực của thi nhân với non sông đất nước?  *“Nhân hứng cũng vừa toan cất bút*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào”*  - Và đến “Thu ẩm” thì nỗi đau, nỗi cô đơn đã hiện ra cả hành động. Đó là hành động mượn rượu giải sầu:  *“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt*  *Mắt lão không ầy cũng đỏ hoe”*  Điều đó đã cho thấy cảm giác của nỗi khôn nguôi, nỗi cô đơn, của một thân phận cô độc trong thời tao loạn, lủi thủi sống nơi thôn quê. Ông day dứt về quê hương đất nước, mặc cảm cứ tự trách mình hổ thẹn với non sông:  *“Ơn vua chưa chút báo đền,*  *Cúi trông thẹn đất, ngửa trông thẹn trời”*  *(“Di chúc”)*  Ba bài thơ tuy giống nhau về diểm nhìn của tác giả, hệ thống các phương thức biểu hiện. Nhưng mỗi bài lại mang một nét độc đáo của thơ Nguyễn Khuyến. Làng cảnh Việt Nam đặc sắc, quen thuộc, đơn sơ, dung dị, đáng yêu. Cái hồn của quê hương hiện lên thật rõ ràng. Nó rất tiêu biểu cho thơ trữ tình của Nguyễn Khuyến về quê hương thanh đạm, tinh tế, vài nét chấm phá mà vẫn hội tụ được nhiều vẻ đẹp .  **c. Bình luận**  *- Đây là ý kiến đúng:*Ba bài thơ mỗi bài có những vẻ đẹp khác nhau song hội tụ lại đều nói về cảnh thu, hồn thu về làng cảnh, cuộc sống, phong tục, con người. Trong thơ Nguyễn Khuyến phảng phất một cái buồn lặng lẽ như chính tâm hồn của nhà thơ. Mọi cảnh vật đều đẹp, thanh sơ mang màu sắc của vùng quê đồng bằng Bắc Bộ với một bầu trời thu xanh cao, một không khí bảng lảng sương khói, một làn gió thu se lạnh, một ao bèo, một thuyền câu,… những hình ảnh này không chỉ là các chi tiết về vùng quê mà nó còn chứa đựng cả tâm hồn nhà thơ.  - Đến với chùm ba bài thơ thu của Nguyền Khuyến, ta bắt gặp những cảnh sắc không thể lẫn của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Những bức tranh thu ấy được vẽ nên bằng tấm lòng yêu mến quê hương mình, bằng tình yêu cuộc sống thanh cao, tĩnh lặng chốn thôn quê của cụ Tam nguyên Yên Đổ. Thành công của những bài thơ thu này cũng chứng tỏ tâm hồn tinh tế, ngòi bút tài hoa của Nguyễn Khuyến. Chúng đưa ông lên địa vị danh dự trong các thi nhân viết về mùa thu, trong những nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.  **d. Mở rộng**  *Đối với người đọc, cần trân trọng tài năng của tác giả trong*việc tả cảnh vật thân thuộc, đơn sơ mà dung dị, đáng yêu của làng cảnh Việt Nam. Cái nhìn trên bề mặt cùng cái hồn đồng quê hiện lên rất rõ trong từng câu, từng chữ. Đồng thời cũng đồng cảm với cái tình của nhà thơ vô cùng đằm thắm và tinh tế*. Từ đó bồi đắp thêm tình yêu đối với quê hương, đất nước.*  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề  - Nêu suy nghĩ bản thân | **12 đ** |

**ĐỀ 5:**

**Câu 1 (8.0 điểm).**

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó... *(Những tấm lòng cao cả, Ét- môn- đô-đơ A- mi- xi)*

**Câu 2. (12 điểm)**

*“Nghệ thuật chỉ làm ra những vần thơ khéo léo, còn trái tim mới làm nên tác phẩm thi ca.”* ( V. Huy-gô). Anh ( chị ) suy nghĩ như thế nào về vấn đề trên? Hãy phân tích một bài thơ Đường luật đã hộc để làm sáng tỏ ý kiến trên

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Yêu cầu chung:** Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội. Bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi các loại  **Yêu cầu cụ thể:**  **1. Giải thích ý kiến:**  - Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ: Là lòng biết ơn, trân trọng, hiếu thảo...của con cái với những người đã sinh ra và nuôi dưỡng mình; tình cảm thiêng liêng: là tình cảm cao đẹp, đáng nâng niu trân trọng...; chà đạp: đối xử thô bạo, coi thường, ngược đãi cha mẹ; xấu hổ và nhục nhã: thái độ hổ thẹn, cảm thấy xấu xa nhơ nhuốc, bị lên án khi đối xử bất hiếu với cha mẹ.  - Bằng cách diễn đạt trực tiếp, câu nói khẳng định, nhấn mạnh tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm cao đẹp nhất, thiêng liêng nhất của mỗi người; cần lên án những kẻ không biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn tình cảm đó.  **2. Bàn luận:**  - Khẳng định câu nói của A-mi- xi là hoàn toàn đúng:  + Cha mẹ là người sinh thành, chịu vất vả cực nhọc để nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trưởng thành. Cha mẹ là người yêu thương con nhất, luôn dành cho con những điều tốt đẹp nhất. Vì vậy, đối với mỗi người, tình yêu thương kính trọng cha mẹ là tình cảm tốt đẹp và thiêng liêng. Đó là tình cảm nhân bản, cội nguồn.  + Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ được biểu biện qua cử chỉ (ánh mắt, nụ cười), lời nói, những việc làm cụ thể, thiết thực... (Dẫn chứng) + Ý nghĩa của tình cảm đó với mỗi người: đem đến niềm vui, hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống cho cha mẹ, tiếp thêm sức mạnh, động lực, niềm tin để mỗi người con có thể vượt qua khó khắn, cạm bẫy, hoàn thiện nhân cách.  + Người nào không yêu thương, kính trọng cha mẹ không thể có nhân cách làm người. Đó là những kẻ bị lên án, khinh bỉ.(Dẫn chứng)  - Phê phán những người con bất hiếu, ngược đãi cha mẹ.  **3. Bài học:**  - Cảm nhận sâu sắc tấm lòng cha mẹ và hiểu rõ trách nhiệm của con cái với cha mẹ.  - Thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ bằng những việc làm cụ thể. | **8** |
| **Câu 2.** | **a. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Dẫn ra vấn đề nghị luận  **b. Thân bài**  **\* Giải thích ý kiến trên**  - Nghệ thuật chỉ làm ra những vần thơ khéo léo:  + Nghệ thuật: Là những yếu tố thuộc phạm trù hình thức của tác phẩm thơ ca: Thẻ loại, cấu tứ, ngôn từ, hình ảnh, nhạc điệu, nhịp, vần, biện pháp tu từ….  + Những vần thơ khéo léo là những vần thơ đẹp, hấp dẫn bởi hình ảnh, ngô từ, nhạc điệu, thanh điệu…tạo ấn tượng ban đầu cho người đọc.  - Trái tim mới làm nên tác phẩm thi ca  + Trái tim: là cách diễn đạt hình tượng biểu hiện những tình cảm, cảm xúc mãnh liệt…vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ.  + Tác phẩm thi ca là sản phẩm tinh thần của nhà thơ. Ở đây V. Huy-gô đề cập đến những tác phẩm thơ ca chân chính, có giá trị có sức sống mãnh liệt trong độc giả, vượt qua giới hạn thời gian, không gian, trở thành tác phẩm chung của nhân loại.  Nhấn mạnh yếu tố tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ trong sáng tác thơ ca nói riêng, văn học nói chung. Đó là yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định cho giá trị của tác phẩm.  **\* Bàn luận vấn đề**  - Bình  + Khẳng định sự đúng đắn của ý kiến  + Về lí luận  + Về thực tiễn  - Luận  + Trong văn học nói chung, thơ ca nói riêng những tác phẩm có giá trị, nội dung và hình thức luôn thống nhất chặt chẽ với nhau, chúng sẽ không thể tồn tại và không thể có ý nghĩa thực sự khi có cái này mà không có cái kia.  Sự thống nhất giữa yếu tố nội dung và nghệ thuật đã tạo nên sức mạnh tư tưởng cho tác phẩm. Nội dung của tác phẩm phải có ý nghĩa lớn lao đối với cuộc sống của con người, nội dung đó phải được biểu hiện bằng một hình thức độc đáo. Tác phẩm nghệ thuật đích thực nhất là những tác phẩm ngôn từ bao giờ cũng là “một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung”  ( Lê-ô-nít Lê-ô-nốp  **\* Chứng minh ý kiến của V. Huy-gô qua việc phân tích bài thơ Đường luật. Bài thơ Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến)**  **a. Khái quát về hoàn cảnh/cảm hứng/ đề tài hoặc nhan đề:**  - Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam.  - Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao khải, nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ Ông phỗng đá.  **b. Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ**  **\* Hai câu thơ mở đầu: Miêu tả chân dung ông phỗng đá**  + Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca.  + Câu thơ mở đầu “Ông đứng đó làm chi hỡi ông?” vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm.  + Câu thơ thứ hai như mở ra hình ảnh của ông phỗng đá. Từ láy “trơ trơ”, hình ảnh so sánh “ như đá’, “vững như đồng” làm nổi bật hai hình ảnh: một là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hai là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực.  => Hai câu thơ với nghệ thuật chủ yếu là so sánh, câu hỏi tu từ đã làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá bất động, trơ trơ giữa hình ảnh hòn núi non bộ.  **c. Hai câu thơ cuối giúp người đọc hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:**  + Cả bài thơ có bốn câu thơ, mà tới ba câu thơ là câu hỏi tu từ. Câu hỏi tu từ dồn dập, liên tiếp như mở ra bao suy tư mới.  + Câu thơ thứ ba “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?” như một lời thăm dò công việc của ông phỗng đá. Nhà thơ có ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn hay không?  + Ở câu thơ thứ bốn “Non nước đầy vơi có biết không” như là một lời trách thầm đối với ông phỗng đá.  - Hình ảnh “Non nước đầy vơi” mở ra hai ý nghĩa: không chỉ là hình ảnh giang sơn, khung cảnh đầy vơi như nào, mà nó còn phản ánh cái thực trạng xã hội mà Nguyễn Khuyến đang sống thuở đó.  => Hai câu thơ cuối sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu từ như là sự dồn dập, kết hợp với giọng điệu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy không chỉ là sự phê phán quan lại triều đình, mà còn là sự tự trách chính mình của nhà thơ.  **d. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng**  - Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ.  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt được sử dụng hết sức tài tình.  - Ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương.  - Từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc.  - Câu hỏi tu từ được sử dụng ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời.  => Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của người dân.  **\* Bài thơ là bức tranh phê phán xã hội phong kiến**  - Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, cơ đồ nhà Nguyễn dường như sụp đổ hoàn toàn. Đó là cái xã hội với những biểu hiện lố lăng, kịch cợm.  - Chính xã hội ấy khiến Nguyễn Khuyến trăn trở và luôn phê phán, trong bài thơ đã làm nổi bật cái thực trạng xã hội: triều đình, quan lại bù nhìn trước cuộc sống cùng cực của người dân.  - Để có được cái nhìn ấy, thì chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người trơ trơ như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước.  **\* Đánh giá khái quát nhận định của V. Huy- gô**  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại giá trị tác phẩm, nêu suy nghĩ của bản thân.  + Bài thơ không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến tả cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân  + Lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ, nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng lo lắng cho “non nước” của nhà thơ Nguyễn Khuyến. | **12** |

**ĐỀ 6:**

**Câu 1. ( 8 điểm)**

*Một gia đình nọ vừa dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật" - Cậu bé thốt lên. “Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.*

*Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ: “Mẹ nhìn kìa ! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi!” Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.*

**Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên đây.**

**Câu 2. (12 điểm)**

Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht cho rằng: “*Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc. Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc nhưng đó chính là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người.”*Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua hai bài thơ *Thương vợ*của Tú Xương và *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  **2. Thân bài:**  **a. Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của câu chuyện:**  - Câu chuyện sử dụng những hình ảnh sống động để giúp ta thấy những thói quen thường thấy trong cuộc sống. Cậu bé quan sát tấm vải qua khung cửa sổ, thấy tấm vải màu đen sạm và kết luận người chủ tấm vải bẩn thỉu, không biết cách giặt giũ... Có vẻ như cậu là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình. Thậm chí cậu còn nghĩ tới cả giải pháp giúp người khác thay đổi. Đấy là điểm tích cực ở cậu.  - Tuy nhiên, đến một ngày, cậu bé thấy tấm vải trắng sáng. Lúc này, cậu mới thay đổi cách nghĩ về người chủ của nó: bà ấy bắt đầu biết giặt đồ, tấm vải bẩn thỉu đã trắng lên. Không ngờ, điều thay đổi không phải là tấm vải và người chủ của nó, điều thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu bé.  => Cái nhìn thiên kiến, lệch lạc, mang tính chủ quan, áp đặt, thiếu chính xác.  **b. Vận dụng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định vấn đề:**  - Khung cửa sổ là ẩn dụ cho khung cửa tâm hồn. Cậu bé mắc phải tật xấu là đánh giá người khác qua cái nhìn chủ quan và đầy định kiến của mình. Bằng cái nhìn, ý nghĩ xấu về người khác thì cái gì dưới con mắt cậu cũng sẽ trở nên xấu mà thôi.  - Khi nhìn nhận bất cứ vấn đề gì, cần có cái nhìn toàn diện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thậm chí phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể để hiểu đúng vấn đề. Không nên chỉ nhìn bề ngoài để đánh giá bản chất. Cần có thời gian trải nghiệm để tự nhận ra bản chất của vấn đề.  - Cần dùng con mắt yêu thương để nhìn nhận vấn đề, có như vậy mới nhìn thấy được những điều tốt đẹp ẩn sâu bên trong dù bề ngoài có vẻ xù xì, xấu xí.  - Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Ta xuất phát từ động cơ gì, từ thiện chí ra sao đối với người khác. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như vội vàng đánh giá, kết luận, về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá cả mình.  - Học sinh lấy những ví dụ thực tế để làm sáng tỏ suy nghĩ, lí giải của mình: tờ giấy trắng và vết mực đen, cái nhìn của nhân vật ông giáo trong "Lão Hạc" của Nam Cao,...  **c. Bàn luận, mở rộng vấn đề, nêu ra bài học:**  - Phê phán những người có cái nhìn hẹp hòi với người khác, thiển cận, phiến diện theo kiểu "Thầy bói xem voi", hoặc "Ếch ngồi đáy giếng"...  - Trong cuộc đời cũng như thế: Mọi sự tuỳ thuộc vào sự sạch sẽ của khung cửa sổ tâm hồn mà qua đó chúng ta quan sát các sự việc! Con mắt là cửa sổ tâm hồn, ta hãy lau sạch cửa sổ tâm hồn của mình bằng sự thiện chí, công tâm, khách quan và cầu tiến. Ta cần trau dồi tri thức để có cái nhìn khoa học, chính xác, tiến bộ,...  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý nghĩa, tác dụng của vấn đề.  - Liên hệ bản thân... | **8 điểm** |
| **Câu 2** | **I. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần chứng minh  - Giới thiệu luận điểm  **II. Thân bài**  **1. Giải thích:**  - *Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc:*giá trị của thơ ca không chỉ là ở việc tạo ra những nét đẹp “kì bí”, không chỉ là sự trau chuốt ngôn từ hay tạo ra vẻ đẹp mới lạ về hình thức.  - *Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc:*giá trị lớn nhất của tác phẩm thơ ca chính là giúp chúng ta cảm nhận được cái đẹp chân thực, mộc mạc, gần gũi từ chính những điều bình thường trong cuộc sống.  - *Là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người:* cái đẹp giản dị của thơ ca sẽ soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.  => Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht đã đưa ra một trong những tiêu chí quan trọng đối với tác phẩm thơ hay: chân thực, dung dị cả về nội dung lẫn hình thức. Đó chính là một trong những điều quan trọng làm nên giá trị, sức mạnh của thơ ca.  **2. Lí giải ý kiến:**  Ý kiến của Bertold Brecht đúng đắn và xác đáng vì:  - Xuất phát từ quy luật sáng tạo của văn chương nói chung và thơ ca nói riêng: Văn học bắt nguồn từ hiện thực đời sống, từ những vui buồn, đau khổ, hạnh phúc của cuộc đời, của số phận cá nhân con người. Vì thế, cái hay của một tác phẩm văn học, một bài thơ được tạo nên từ chính cái đẹp chân thực, mộc mạc, dung dị, gần gũi với đời thường, thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. *Thơ không như thứ rượu quỳnh tương, nấu lâu, cất kĩ, rót ra chén ngọc rồng mà như nước suối thiên nhiên chảy ra trong mát nơi khe núi.*(Phạm Thế Ngũ).  - Xuất phát từ đặc trưng của thơ trữ tình: Sự chân thực, giản dị của cảm xúc và ngôn ngữ là một đặc tính cơ bản của thơ: cảm xúc nảy nở từ lòng thi nhân một cách chân thành, thắm thiết; câu chữ không cần trau chuốt hay “thần bí hóa”; ngôn ngữ dễ hiểu, cô đúc, trong sáng.  - Xuất phát từ chức năng của văn học, trong đó có thơ ca: Thơ khởi nguyên là sự lên tiếng của trái tim, là sự rung động tâm hồn của nhà thơ nhưng trở thành tiếng lòng chung của muôn người, tiếng gọi đàn, thành *tiếng nói đồng ý, đồng chí, đồng tình* với người đọc, thơ là một ngọn lửa nhen lên trong lòng người, một ngọn lửa đốt cháy, sưởi ấm và soi sáng,*là ánh sáng mạnh mẽ*hướng con người đến vẻ đẹp của chân, thiện, mĩ.  **3. Chứng minh:**  **a. Bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương:**  *\* Nội dung:*  - Sự chân thực, dung dị thể hiện ở chất trữ tình, chất tự trào hóm hỉnh và những cung bậc của tình yêu thương dành cho người vợ của nhà thơ. Qua cái nhìn vừa trân trọng vừa xót xa, chân dung bà Tú hiện lên hoàn chỉnh. Bên cạnh hình ảnh bà Tú với những nỗi vất vả, gian truân trong cuộc sống là một bà Tú với những đức tính cao đẹp: đảm đang, tháo vát, chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng con, giàu đức hi sinh thầm lặng. Hình ảnh bà Tú trong thơ Tú Xương mang vẻ đẹp điển hình của người phụ nữ Việt Nam.  - Đằng sau lời tự trào là cả một tấm lòng yêu thương, quý trọng, tri ân vợ của Tú Xương. Qua những lời tự trào, tự trách, thậm chí tự xỉ vả bản thân, ta thấy được tâm sự và nhân cách của Tú Xương: một nhà nho đầy tự trọng trong sáng, vị tha khi ông từ bỏ vẻ cao đạo của thói thường để thấu hiểu cuộc sống đời thường và sẻ chia, cảm thông với vợ. Đó là một người đàn ông có tâm, có ý thức, trách nhiệm.  - Từ hoàn cảnh riêng, Tú Xương lên án thói đời bạc bẽo nói chung. Đây chính là ý nghĩa xã hội chân thực của bài thơ.  *\* Nghệ thuật:*  *-*Vẻ đẹp giản dị được biểu hiện ở màu sắc dân gian từ đề tài cho đến bút pháp. Sự kết hợp giữa giọng điệu trữ tình và giọng điệu trào phúng thâm thúy một cách tự nhiên đã thể hiện rõ phong cách thơ Tú Xương: cảm xúc chân thành, lời thơ giản dị mà sâu sắc:  - Sử dụng tiếng Việt giản dị, tự nhiên, giàu sức biểu cảm: Cả tám câu thơ không có từ nào cầu kì, khó hiểu. Tất cả đều gần gũi, quen thuộc như lời nói trong cuộc sống thường ngày. Sử dụng thành ngữ dân gian, cách nói khẩu ngữ: tiếng chửi được sử dụng rất tự nhiên mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc.  - Tiếp thu một cách có sáng tạo hình ảnh trong thơ ca dân gian (hình ảnh con cò, thân cò) để xây dựng hình tượng người phụ nữ vừa mang vẻ đẹp truyền thống lại vừa có những nét riêng độc đáo.  **\****Thương vợ:*của Tú Xương là bài thơ *soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.*Bài thơ giúp người đọc thấy được vẻ đẹp đáng trân trọng của bà Tú nói riêng và vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam nói chung, đồng thời, thấy được vẻ đẹp nhân cách của nhà nho chân chính – Tú Xương. Bên cạnh đó, bài thơ có tác dụng bồi đắp những tình cảm tốt đẹp cho con người: biết thấu hiểu, tri ân trong cuộc sống.  **b. Bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến:**  **\* Về nội dung:**  - Sự trung thực giản dị đến từ cảm xúc của nhân vật trữ tình với bức tranh mùa thu nơi đồng bằng Bắc Bộ. Vẻ đẹp giản dị của bài thơ được tạo nên trước hết bởi bức tranh mùa thu mang vẻ đẹp bình dị, môc mạc mà vẫn rất tinh tế, không hề được tô vẽ cầu kì mang vẻ ước lệ thường thấy trong thơ văn trung đại.  - Vẻ đẹp trung thực mà bài thơ mang lại còn ở nỗi niềm của nhân vật trữ tình, đó là tình yêu dành cho quê hương làng cảnh. Đằng sau bức tranh mùa thu là nỗi niềm tâm sự của một nhà nho luôn canh cánh nỗi niềm với dân với nước, dù thân nhàn nhưng tâm không nhàn. Qua đó ta hiểu được vẻ đẹp trong nhân cách thanh cao và nỗi niềm yêu nước thầm kín nhưng sâu nặng của thi nhân.  - Bài thơ cho thấy những nỗi niềm mang tính thời đại của một thế hệ nhà nho sinh ra trong thời thế loạn lạc với những băn khoăn khi lựa chọn cách xử thế: nhập thế vào vòng tục lụy hay lánh đời để giữ trọn khí tiết thanh cao. Đây là ý nghĩa xã hội chân thực của bài thơ.  **\* Về nghệ thuật:**  - Bức tranh mùa thu được miêu tả bằng những hòa sắc tinh tế, những đường nét gợi cảm. Hình ảnh thơ giản dị, đậm đà chất dân tộc, thể hiện được nét đặc trưng trong khung cảnh làng quê Bắc Bộ vào thu.  - Nghệ thuật lấy động tả tĩnh, lấy điểm tả diện, tả cảnh ngụ tình được vận dụng thành công tạo nên một bức tranh thu đẹp về cảnh, nặng về tình.  Cảnh trong bài vẫn là trời nước, gió, trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi khuôn sáo thi tứ cổ điển.  - Ngôn ngữ thơ: giản dị, khai thác được vẻ đẹp ngôn ngữ tiếng Việt qua cách sử dụng từ láy, tính từ chỉ màu sắc, động từ. Cách gieo vần cho thấy khả năng sử dụng tiếng Việt đạt đến độ tài tình: Vần *“eo”* gieo hiểm hóc mà tự nhiên, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khéo kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.  \* Câu cá mùa thu là bài thơ soi sáng tâm hồn mỗi chúng ta: từ việc cảm nhận vẻ đẹp bức tranh mùa thu, nhân cách thanh cao của nhà thơ, bài thơ giúp chúng ta biết trân trọng hơn những vẻ đẹp bình dị gần gũi xung quanh, giúp tâm hồn mỗi người trở nên thanh cao hơn, trong sạch hơn giữa những bộn bề bon chen của cuộc sống.  **4. Bài học cho người thưởng thức và sáng tạo:**  - Người thưởng thức: khi cảm nhận tác phẩm thơ ca không nên chỉ quan tâm đến hình thức bên ngoài của tác phẩm mà cần nhìn thấy vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp chân thực, giản dị của tác phẩm,  - Ngưởi sáng tạo: cần hướng tới những vẻ đẹp đích thực của thơ ca, tạo nên vẻ đẹp chân thực cho tác phẩm, không nên chạy theo những sáng tạo cầu kì hình thức mà quên đi giá trị đích thực bên trong.  **III. Kết bài**  - Khái quát chung, nêu cảm xúc | **12 điểm** |

**ĐỀ 7:**

**Câu 1. ( 8 điểm)**

Bạn có thường thấy những hình ảnh tương tự như bức hình bên dưới? Trình bày suy nghĩ của bạn về vấn đề gợi ra từ bức hình này.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Câu 2. (12 điểm)**

Giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” - Thạch Lam

**ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình**  - Quan sát bức hình đầu tiên ta thấy một người đang chìm dần dưới sông sâu chỉ còn một cánh tay giơ lên khỏi mặt nước cầu cứu, phía trên bờ rất đông người nhưng không ai có động thái gì để cứu giúp, chỉ thấy ai nấy đều đưa điện thoại ra để quay phim, chụp hình livetrim…  - Bức hình sau rõ nét hơn khi số người rất đông đứng thành vòng tròn, ở giữa là hình ảnh một người đàn ông ra sức dùng gậy để đánh đập một cô gái. Điều đáng nói là số đông nguời vây quanh ấy lại quay lưng lại với cảnh đó, không ai nhìn không ai mảy may động lòng như không hề nghe lhoong hề thấy chuyện gì xảy ra ngay bên cạnh mình.  - Cả hai bức hình đều mang một điểm chung đáng buồn đó là sự thờ ơ vô cảm của con người trước nổi đau hay sự khó khăn, hoạn nạn của người khác. Vấn nạn ấy lại ngày càng chiếm số đông.  => Hai bức hình gợi cho người xem vấn đề đáng suy nghĩ, một căn bệnh đáng báo động: bệnh vô cảm.  **2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**  **a. Giải thích khái niệm vô cảm:**  - “Vô cảm”: “Vô” (tức “không”), “cảm” (tình cảm, cảm xúc), “vô cảm” có thể hiểu là không có tình cảm, cảm xúc ⇒ căn bệnh này có thê hiểu là sự thờ ơ, không quan tâm đến những sự vật, sự việc xung quanh mình.  **b. Thực trạng, biểu hiện của căn bệnh vô cảm:**  - Căn bệnh vô cảm ngày càng phổ biến, lan rộng trong xã hội:  + Thờ ơ, vô cảm với những hiện tượng trái đạo lí, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.  *Dẫn chứng: Hiện tượng livestream trên mạng xã hội (hiện tượng học sinh cấp 2 tại Hải Dương nhìn thấy bạn bị đánh không cứu bạn, không báo thầy cô), bắt gặp hiện tượng trộm cắp thì im lặng, học sinh thấy các hiện tượng tiêu cực như quay cóp, bạo lực học đường thì coi như không biết …*  + Thờ ơ, vô cảm với những nỗi buồn, nỗi đau của chính những người đồng bào.  *Dẫn chứng: Gặp người tai nạn bị tai nạn giao thông xúm vào bàn bạc, quay phim, chụp ảnh. Bỏ qua những lời kêu gọi giúp đỡ của đồng bào miền Trung bão lũ,…*  + Thờ ơ, vô cảm với những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước.  *Dẫn chứng: Thờ ơ với những cảnh đẹp quê hương, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh tại các điểm du lịch…*  + Thờ ơ, vô cảm với chính cuộc sống của bản thân mình.  *Dẫn chứng: Hiện tượng học sinh đi học muộn, không chú ý học tập. Hiện tượng sinh viên thức rất khuya sử dụng smartphone, thể hiện sự thờ ơ với chính sức khỏe của bản thân…*  **c. Nguyên nhân của hiện tượng:**  - Sự phát triển nhanh chóng của cuộc sống khiến con người phải sống nhanh hơn, không còn thời gian để ý tới những gì xung quanh.  - Sự bùng nổ mạnh mẽ của những thiết bị thông minh dẫn đến sự ra đời của các trang mạng xã hội ⇒ Con người ngày càng ít giao tiếp trong đời thực.  - Sự chiều chuộng, chăm sóc, bao bọc quá kĩ lưỡng cha mẹ đối với con cái ⇒ coi mình là trung tâm, không để ý đến điều gì khác nữa.  - Sự ích kỉ của chính bản thân mỗi người.  **d. Tác hại của hiện tượng:**  - Hậu quả vô cùng to lớn: con người mất đi những chỗ dựa mỗi lúc khó khăn, xã hội tràn đầy những điều xấu, điều ác như ở hai bức hình trên: cái chết cận kề thấy không cứu không mảy may động lòng, người ta bị bạo hành không bận tậm…  - Xa hơn, con người đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai.  **e. Giải pháp:**  - Lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, thờ ơ vô cảm đối với đời sống xung quanh.  - Hạn chế phụ thuộc vào các thiết bị thông minh, thế giới ảo…  - Rèn luyện lối sống lành mạnh: Yêu thương, quan tâm, giúp đỡ mọi người…  - Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tiễn trong các môn học: Đạo đức, giáo dục công dân để học sinh học cách yêu thương, chia sẻ.  **3. Bài học nhận thức và hành động:**  - Bức hình là tiếng chuông báo động: Vô cảm là lối sống tiêu cực cần tránh xa, cần lên án.  - Học tập rèn luyện, sống hoà đồng yêu thương quan tâm người khác.  - Liên hệ bản thân:Cần lưu ý liên hệ những hành vi, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong chính môi trường học đường để hiểu và tránh. | **8 điểm** |
| **Câu 2** | **1. Đặt vấn đề**  - Thạch Lam: người mang sứ mệnh hòa giải giữa thơ và văn xuôi, hiện thực và lãng mạn. Tác phẩm của ông như 1 bài thơ trữ tình đượm buồn, luôn thấm đẫm tình yêu thương con người.  - Hai đứa trẻ: tiêu biểu cho phong cách truyện ngắn Thạch Lam, có giá trị nhân đạo sâu sắc.  **2. Giải quyết vấn đề**  **a. Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học nói chung:**  - Hạt nhân của chủ nghĩa nhân đạo là tình yêu thương con người.  Cất lên tiếng nói cảm thương sâu sắc với những số phận bất hạnh của con người;  Lên án, tố cáo các thế lực chà đạp đày đọa con người  Phát hiện, khẳng định ngợi ca phẩm chất , ước mơ, khát vọng của con người;  Thể hiện niềm tin vào con người  **b. Giá trị nhân đạo của “Hai đứa trẻ”**  \* Thể hiện niềm xót thương đối với cuộc sống tăm tối, nghèo khổ và số phận của con người:  - Đặt tác phẩm trong bối cảnh ngày tàn - chợ tàn => Cuộc sống nghèo khổ, xơ xác, u ám của những người dân phố huyện.  - Nhà văn luôn day dứt về một kiếp sống tàn lụi, héo úa, đơn điệu, hư vô chứ không chỉ là xót thương thông thường:  Những đứa trẻ nhặt rác  - Chị em Liên, An được khắc họa bên cái chõng tre sắp gãy…  Mẹ con chị Tí ngày mò cua bắt ốc tối bán nước chè… sống lay lắt qua ngày.  - Vợ chồng bác phở Siêu với quán hàng ế ẩm, lũ trẻ con lê la trên chiếu rách  - Cụ Thi điên - người tàn tạ nhất trong những kiếp người tàn ở phố huyện.  => Cuộc sống quẩn quanh, tù đọng, tăm tối, mỏi mệt, không có tương lai. Cái nhìn thương cảm của Liên với những đứa trẻ nhặt rác, sự ái ngại cho một kiếp sống vô cảm trước cuộc đời [cụ Thi điên]… cũng chính là tình thương yêu con người của tác giả.  \* Qua đó, Thạch Lam đã lên tiếng cảnh tỉnh xã hội: Những con người nhỏ bé dễ bị lãng quên, chìm lấp trong nghèo khổ.  \* Khẳng định, đề cao bản chất tốt đẹp và ước mơ chân chính của con người:  - Liên dù là một cô bé còn nhỏ tuổi nhưng có tấm lòng nhân hậu, biết xót thương cho những cảnh ngộ xung quanh mình  - Dù trong hoàn cảnh tăm tối, cuộc sống tù túng nhưng Liên vẫn không ngừng mơ ước về một tương lai tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn cuộc sống mà em đang sống: đêm nào cũng thức chờ đoàn tàu đi qua.  \* Điểm mới của Thạch Lam: Thức tỉnh ý thức cá nhân trong mỗi con người. Khẳng định dù ở địa vị, thân phận nào, hoàn cảnh nào, con người cũng cần được hạnh phúc, được sống 1 cuộc đời có ý nghĩa.  **3. Kết thúc vấn đề**  - Khẳng định tài năng và vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách nhà văn. | **12 điểm** |

**ĐỀ 8:**

**Câu 1. ( 6 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa bức hình sau:

|  |
| --- |
| nghi-luan-xa-hoi-ve-su-sang-tao-1 |

**Câu 2. ( 14 điểm)**

Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết: *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.* Bằng hiểu biết của em về bài thơ “*Bếp lửa”* của nhà thơ Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:**  - Bức hình có 3 hình ảnh thể hiện sự lặp lại của hoạt động suy nghĩ nghiên cứu từ ý tưởng nhỏ lớn dần lên và kết quả cuối cùng của quá trình suy nghĩ đó là hình ảnh một bóng đèn lớn toả sáng được điều khiển bằng con chíp nhỏ trên tay. Điều đó cho thấy từ những trăn trở suy nghĩ người ta đã nghiên cứu sáng tạo nên bóng đèn phù hợp sử dụng.  => Trong cuộc sống để thành công để đạt được kết quả khả quan nào đó trong công việc thì sự năng động sáng tạo là vô cùng cần thiết.  **2. Bàn luận, chứng minh, mở rộng:**  ***a. Giải thích khái niệm sự sáng tạo là gì?***  - Sáng tạo đó là hoạt động của con người khi tìm thấy cũng như tạo sự giá trị vật chất hay giá trị tinh thần mới mẻ mà trước đó chưa tồn tại. Chưa dừng lại ở đó, sáng tạo còn được hiểu là các hoạt động sinh hoạt nhằm tạo ra bất kỳ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi hơn so với cái trước nó.  - Đó là quá trình suy ngẫm trong thời gian dài, sáng tạo thường sẽ không còn tái diễn những ý tưởng cũ, đã có sẵn mà sẽ tạo ra một chiếc mới, khác hoàn toàn với cái có sẵn. Sáng tạo thường mang lại nhiều lợi ích trong học tập, trong công việc.  ***b. Biểu hiện của việc sáng tạo trong cuộc sống:***  - Bản thân con người trong mỗi tất cả chúng ta ai cũng cần phải phải có ý thức học tập, trau dồi kĩ năng nhiều hơn trong việc sáng tạo, và tất cả chúng ta phải luôn luôn suy nghĩ, phải luôn luôn sáng tạo trong chính suy nghĩ, chính hành động của tất cả chúng ta. Để tất cả chúng ta có thể linh hoạt, linh động hơn trong việc đáp ứng nhu cầu, trong việc đáp ứng những sự thay đổi theo khuynh hướng tiến bộ của xã hội.  Dẫn chứng: Trong công việc cũng như trong việc học tập buộc tất cả chúng ta phải ghi nhận sáng tạo để khi có những vấn đề mới nảy sinh mà trước đó chưa từng gặp phải thì với đầu óc nhạy bén của tất cả chúng ta sẽ có được thể linh hoạt xử lý được những vấn đề mới này mà không rập khuôn, không theo lối mòn, không theo phương án cũ vì có đôi khi những phương thức cũ sẽ không còn còn phù hợp, và không thể xử lý được những vấn đề mới đó một cách tốt nhất, hiệu quả nhất và tối ưu nhất. Thế nên tất cả chúng ta phải linh hoạt, năng động trong việc sáng tạo.  - Để sở hữu sự sáng tạo linh hoạt cần phải phải trải qua quá trình học tập, thu thập kiến thức, rèn luyện và trau dồi các kĩ năng thì mới có thể đạt được trong quá trình sáng tạo của chính bản thân mình trong mọi mặt của cuộc sống.  - Sáng tạo không có ai dạy chúng ta cả mà tất cả chúng ta phải ghi nhận tự học, tự tìm tòi tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức, sự hiểu biết thì mới có thể có khả năng sáng tạo tốt được.  - Ngoài ra tất cả chúng ta còn cần phải chủ động tìm kiếm các cơ hội mới, những cách xử lý vấn đề mới, tự bản thân tất cả chúng ta hành động chứ không phải chờ đón ai hay chờ vào sự giúp đỡ của người khác. Sáng tạo là nói không với phụ thuộc vào người khác, sáng tạo đó là ở bản thân, là ở tư duy, là ở suy nghĩ riêng của mỗi người chứ không nằm ở đâu khác.  Dẫn chứng: Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi – một tinh thần sáng tạo kì tài, hiếm có của đất nước ta trong sử sách để đến ngày hôm nay ông được xem là một trong những tấm gương sáng cho thế hệ trẻ noi theo, học hỏi theo. Thì trong lần ông được vua cử đi sứ Trung Quốc để chuyển giao việc và kết nối thân tình, với tài năng ứng đối điêu luyện của mình, Mạc Đĩnh Chi đã khiến vua nhà Nguyên vô cùng khâm phục và cảm động về tài năng và đức độ của Mạc Đĩnh Chi. Bởi lẽ vua nhà Nguyên cảm kích vô cùng tấm lòng của Mạc Đĩnh Chi nên vua nhà Nguyên đã phong tặng cho Mạc Đĩnh Chi làm Lưỡng quốc Trạng nguyên – một danh hiệu cao quý xưa nay trước đó chưa từng có.  **c. Ý nghĩa, vai trò của việc sáng tạo:**  - Sáng tạo là vô cùng quan trọng và rất rất có ý nghĩa trong công việc cũng như trong học tập của bản thân mỗi người.Tất cả chúng ta – mang trong mình bản chất sáng tạo sẽ biết vận động và suy nghĩ theo khuynh hướng tích cực và tốt đẹp hơn.  - Nhờ có sự sáng tạo tất chúng ta sẽ tự suy nghĩ, tự phát triển tư duy, phát triển năng lực bản thân của tất cả chúng ta. Có thế thì những năng lực, những tư duy tiềm ẩn trong bản thân tất cả chúng ta mới có cơ thể hội phát huy, để bộc lộ ra rõ nét hơn.  - Sáng tạo sẽ tạo ra những ý tưởng mới, mang tính chất đột phá rất nhiều để mang lại cho xã hội thêm nhiều lợi ích, thêm nhiều các sự phát triển mới mà trước giờ chưa ai nghĩ tới, chưa ai thực hiện.  - Sáng tạo giúp con người không đi theo lối mòn, giúp bản thân được phát triển toàn diện ngay chính trong suy nghĩ, trong tư tưởng của họ để hướng tới một chiếc chân thiện mỹ, để hướng tới một mục đích tốt đẹp hơn, mang lại nhiều lợi ích lớn cho bản thân mình, cho cộng đồng, cho xã hội.  **\* Mở rộng:**  - Vẫn có một số nhóm nhỏ rất thụ động trong công tác công việc và kể cả trong học tập. Họ không giữ thế chủ động tìm tòi, học hỏi và thậm chí không có ý thức về việc sáng tạo. Họ tuân theo những cái đã có sẵn, chấp thuận đồng ý những cái mà người khác đã sử dụng qua, thao tác làm việc theo khuôn mẫu, hành động rập khuôn và cuộc sống của những người dân đó quả thật là tẻ nhạt và nhàm chán.  - Những con người thiếu sự sáng tạo sẽ luôn thụ động ngay trong chính suy nghĩ của họ, ngay trong cả bản thân của họ, để không nhất thiết phải suy nghĩ hay làm thêm được nhiều việc giúp ích cho đời. Những con người như vậy như thể gánh nặng của xã hội, họ đã mang đến những tác động xấu, tác động tiêu cực cho xã hội. Bởi chính vì có những thành phần như vậy nên xã hội ngày càng trì trệ, không kịp phát triển để sánh bằng với những nước khác.  - Những kẻ thụ động, lười suy nghĩ, thích hưởng thụ thành quả người khác chứ không chịu lao động tạo ra thành quả đáng bị người đời xem thường, khinh miệt và chỉ chính. Để khắc phục và làm biến mất những thành phần gây xấu cho xã hội như vậy thì nền giáo dục Việt Nam phải mang một trọng trách lớn, phải thay đổi, cải cách nền giáo dục nước nhà thì mới có thể có đủ sức để thay đổi, giáo dục, rèn luyện lại thành phần xấu này.  **3. Bài học nhận thức và hành động:**  - Tất cả chúng ta – những thế hệ trẻ tiếp bước theo sau công sức của ông cha ta đã xây dựng, gìn giữ hòa bình cho đất nước hãy hiểu được giá trị của những gì mình đã và đang hưởng thụ. Hãy năng động sáng tạo để góp phần nâng cao giá trị bản thân xây dựng quê hương đất nước.  - Chúng ta – đặc biệt là thế hệ trẻ cần phải nghiêm túc học tập và thao tác làm việc, trau dồi thêm nhiều kĩ năng, kiến thức cho bản thân mình, suy nghĩ nhiều hơn nữa trong công việc cũng như trong học tập. Không ngừng nghỉ sáng tạo, đổi mới để thức tỉnh những năng lực tiềm ẩn, những khả năng sáng tạo mới mẻ, không tư duy theo lối mòn. Có như vậy thì tất cả chúng ta mới có thể phát triển bản thân góp phần xây dựng đất nước ngày một tốt đẹp hơn. Ngoài ra chúng ta ai cũng cần phải phải phát triển thêm những phẩm chất tốt đẹp khác để thuận lợi làm thực hiện trong công việc hay trong việc học tập như tính kiên trì, tính tự trọng, tính khoan dung, khiêm tốn, khiêm nhường, sự quyết đoán… để có thể sáng tạo ra được những cái tốt, mới mẻ và được công nhận, và giúp ích được cho bản thân mình, cho cộng đồng, cho xã hội. | **6 điểm** |
| **Câu 2** | **Yêu cầu về kĩ năng:**  - Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.  - Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.  - Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, so sánh, mở rộng vấn đề, ...). Đặc biệt, học sinh phải nắm vững thao tác chứng minh.  - Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.  - Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.  **Yêu cầu về kiến thức**  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung cơ bản của bài thơ Bếp lửa: Bài thơ thể hiện tình cảm bà cháu thiêng liêng, sâu nặng.  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích nhận định:**  - Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có: tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi gợi những tình cảm, rung cảm đẹp đẽ cho mỗi người khi tiếp cận tác phẩm. Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có: tức là nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững.  =>Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: Khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: Đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mĩ của văn chương đối với con người.  - Hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ: Viết 1963 khi tg đang du học ở Liên xô (cũ), nơi lạnh giá xứ người xa quê hương, xa người bà đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu.  => Bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình cảm gia đình (tình bà cháu thiêng liêng, sâu nặng), tình yêu thương con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi con người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh.  **b. Phân tích, chứng minh:**  *- Giới thiệu tác giả, tác phẩm*  - Nhà thơ Bằng Việt tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng. Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Phong cách sáng tác: Thơ Bằng Việt thường nghiêng về một lời tâm sự, một sự trao đổi suy nghĩ, gây được một cảm giác gần gũi, thân thiết đối với người đọc. Thơ ông thường sâu lắng, trầm tư thích hợp với người đọc thơ trong sự trầm tĩnh, vắng lặng.  - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.  - Bài thơ được đưa vào tập “Hương cây - Bếp lửa” (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt in chung với Lưu Quang Vũ.  **c. Chứng minh:**  **Luận điểm 1. Hồi tưởng của cháu bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa và hình ảnh bà.**  + Nhân vật trữ tình hồi tưởng lại những kỷ niệm: Kỷ niệm những năm đói khổ, kỷ niệm tám năm sống bên bà; kỉ niệm những năm giặc dã, chiến tranh. Trong dòng hổi tưởng đó luôn có hình ảnh bà tần tảo, hi sinh, yêu thương cháu, có tình bà ấm áp. (Phân tích- chứng minh)  + Hồi tưởng về bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa, bếp lửa là biểu tượng cho tình bà ấm áp, biểu tượng cho ý chí, nghị lực, niềm tin của bà. (Phân tích - chứng minh)  **Luận điểm 2. Cháu khôn lớn, trưởng thành thấm thía cuộc đời bà vất vả, gian khổ, tần tảo, chịu thương chịu khó; công lao của bà mênh mông, sâu nặng**.  + Cháu tâm nguyện: luôn trân trọng, nhớ bà, biết ơn bà.  + Trong suy ngẫm, tâm nguyện của cháu cũng vẫn hiện lên hình ảnh bếp lửa bình dị mà thiêng liêng: Bếp lửa là biểu tượng cho tình bà cháu, biểu tượng của gia đình, quê hương.  + Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước- qua những suy ngẫm của cháu về bà, về đất nước, dân tộc, nhân dân mình.  + Tình cảm bà cháu là cội nguồn của tình cảm gia đình, tình cảm với quê hương, đất nước: Mỗi kỉ niệm của cháu với bà gắn với những thời kì lịch sử khó quên của đất nước, dân tộc; gắn với tình làng nghĩa xóm.  + Người cháu nhớ về bà, biết ơn bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu nhân dân, đất nước, dân tộc mình. Bếp lửa và bà đã trở thành biểu tượng của quê hương, xứ sở. (phân tích- chứng minh)  + Khẳng định sự tác động của bài thơ đến tình cảm mỗi người đọc, sự đồng cảm của người đọc với bài thơ.  + Với hình tượng bếp lửa và hình tượng người bà, bài thơ bếp lửa đã khơi dậy trong lòng mỗi người đọc tình cảm bà cháu đẹp đẽ, tình cảm gia đình thiêng liêng. Tình cảm của nhân vật trữ tình, của tác giả đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình trong mỗi người đọc. Điều đó chứng minh nhận định của Hoài Thanh là đúng đắn.  + Bài thơ nhận được sự đồng cảm của bạn đọc, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả. Bài thơ là một minh chứng cho quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, minh chứng cho vai trò quan trọng và chức năng của văn chương, đặc biệt là chức năng giáo dục và thẩm mỹ.  **c. Đánh giá chung:**  - Bài thơ Bếp lửa với hình tượng thơ độc đáo, ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc, sử dụng hổi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, sử dụng nhiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình cảm yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ.  - Bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương; minh chứng cho những tác dụng to lớn của văn chương: Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ.  - Liên hệ đến các tác phẩm ngợi ca tình cảm gia đình: Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh), Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)…  **3. Kết bài:**  - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ tác động đến mỗi người: là lời nhắc nhở mỗi con người luôn biết trân trọng, giữ gìn những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ.  - Liên hệ nhận thức và hành động của bản thân. | **14 điểm** |

**ĐỀ 9:**

**Câu 1. ( 6 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.***Câu 2. ( 14 điểm)**

Có ý kiến cho rằng*: “Không có tiếng nói riêng, tác phẩm văn học sẽ không có chỗ đứng trong lòng bạn đọc”.* Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm *“Lặng lẽ Sa Pa”* của nhà văn Nguyễn Thành Long

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Giới thiệu câu nói  **2. Thân bài a. Giải thích câu nói:** - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. - Có người đã ví: *“Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thắp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi được tới bờ mà không bị mất phương hướng”.* Sự ví von quả thật chí lí, giúp người ta hiểu rõ, hiểu đúng hơn về ước mơ của mình. - Ước mơ đủ lớn: là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực. - Câu nói: đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống. Bằng ý chí, nghị lực và niềm tin, ước mơ của mỗi người sẽ “đủ lớn”, trở thành hiện thực. **b.  Phân tích, chứng minh :** Có phải *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”?* **+ Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú.** - Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả… - Có ước mơ vụt đến rồi vụt đi; ước mơ luôn đồng hành cùng đời người; ước mơ là vô tận. - Thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. **+ Ước mơ cũng như một cái cây-  phải được ươm mầm rồi trưởng thành.** - Một cây sồi cổ thụ cũng phải bắt đầu từ một hạt giống được gieo và nảy mầm rồi dần lớn lên. Như vậy, ước mơ đủ lớn nghĩa là ước mơ bắt đầu từ những điều nhỏ bé và được nuôi dưỡng dần lên. -  Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn. **c. Dẫn chứng:** + Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã theo đuổi đến cùng điều mình mơ ước ước mơ đó đã trở thành hiện thực. + Nhiều nhà tư tưởng lớn, những nhà khoa học cho đến những người bình dân, thậm chí những thân thể khuyết tật… vẫn vươn tới, đạp bằng mọi khó khăn, cản trở trong cuộc sống để đạt được mơ ước của mình. Face book Nhung Tây 0794862058 **+ Nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị thôi mà cũng không dễ  đạt được:** - Những em bé bị mù, những em bé tật nguyền do chất độc da cam, những em bé mắc bệnh hiểm nghèo… vẫn hằng ấp ủ những mơ ước, hi vọng. -  Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hoặc mất đi. **+ Ước mơ không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực,** lười biếng, ăn bám… **c. Đánh giá – mở rộng:** - Lời bài hát “*Ước mơ*” cũng là lời nhắc nhở chúng ta: *“Mỗi người một ước mơ, nhỏ bé mà lớn lao trong cuộc đời, ước mơ có thể thành, có thể không…”.*  Thật đúng vậy, mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống của đời mình. - Phê phán: Ước mơ có thể thành, có thể không như ta phải biết giữ lòng tin với những ước mơ của mình . Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt được điều gì mình mong muốn và sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa. **d. Bài học nhận thúc hành động** *\* Nhận thức*: Nếu cuộc đời là chiếc thuyền thì ước mơ là ngọn hải đăng. Thuyền dẫu gặp nhiều phong ba, ngọn hải đăng sẽ là niềm tin, ánh sáng chỉ phương hướng cho thuyền. Mất ngọn hải đăng, con thuyền biết đi đâu về đâu? Vì thế, hai chữ “*ước mơ*” thật đẹp, thật lớn lao. \* *Hành động*: - Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào! - Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kĩ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề  - Rút ra bài học cho bản thân | 6  1  2  2  **1** |
| **Câu 2.** | **Yêu cầu về kỹ năng:**  - Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương của mình để làm bài.  - Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng.  **Yêu cầu về kiến thức**  - Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những quan điểm trái chiều song cần có căn cứ thuyết phục. Sau đây là một số gợi ý:  **1. Mở bài**  - Giới thiệu chung  - Trích dẫn ý kiến và định hướng cho bài viết: Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)  **2. Thân bài**  **a. Giải thích nhận định**  - Riêng: Nét mới, cái độc đáo.  - Vì sao văn chương phải có cái riêng: Văn chương là lĩnh vực của cái độc đáo. Mỗi tác phẩm văn chương phải có nét riêng, nét mới ở ý tưởng nghệ thuật cũng như ở hình thức biểu hiện. Mỗi nhà văn phải có một thế giới nghệ thuật riêng, một "chân trời" riêng, một "biên cương" riêng. Nhà văn có phong cách thì mới được người đọc chấp nhận và yêu mến. Phong cách càng độc đáo thì sức hấp dẫn càng lớn.  - Vì sao văn chương không có gì riêng sẽ không là gì cả: Mới mẻ, độc đáo là điều kiện tồn tại của tác phẩm văn chương. Tác phẩm chương không có gì mới sẽ không được người đọc tiếp nhận. Nhà văn có phong cách nghệ thuật mờ nhạt sẽ bị người đọc quên lãng, lặp lại mình hoặc lặp lại người khác đều là điều tối kị trong hoạt động sáng tác của nhà văn. Cái bình thường là cõi chết của nghệ thuật (M.Gorki).  => Nhận định nhấn mạnh tầm quan trọng của phong cách nghệ thuật của người nghệ sĩ ngôn từ trong việc đem đến cái độc đáo cho tác phẩm.  **b. Phân tích bài thơ để làm rõ vấn đề nghị luận**  **\* Khái quát tác giả, tác phẩm**  **-** Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* được nhà văn Nguyễn Thành Long viết năm 1970 sau chuyến đi Lào Cai của tác giả là một tác phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của ông, in trong tập truyện "Giữa trong xanh". Truyện "Lặng lẽ Sa Pa" kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m giữa núi rừng Lào Cai, qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.  **\* Nét riêng trong lựa chọn đề tài, xác định chủ đề:** Người lao động mới lao động trẻ trong công cuộc tái thiết lập đất nước sau khi hoà bình đi lên xây dựng XHCN ở miền Bắc.  **\* Nét mới trong việc đặt nhan đề cho tác phẩm**  - Nhan đề tác phẩm thường thể hiện đề tài, nội dung hoặc tư tưởng chủ đề của tác phẩm, với nhan đề “Lặng lẽ Sa Pa”, truyện ngắn của Nguyễn Thành Long đã thể hiện rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Bề ngoài Sa Pa có vẻ lặng lẽ, êm đềm, thơ mộng. Đó là xứ sở của sương mù, của những dinh thự cũ xưa mà người ta đến để nghỉ ngơi. Ở đó có những cảnh đẹp nên thơ mê hồn; có những con bò đeo chuông ở cổ, có những rừng thông đẹp lung linh kỳ ảo dưới ánh nắng mặt trời. Đằng sau vẻ đẹp lặng lẽ nên thơ của Sa Pa, đã và đang có những con người đang thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Đó là anh cán bộ làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu một mình trên đỉnh Yên Sơn ở độ cao 2600 mét, đang thầm lặng làm việc để góp phần dự báo thời tiết. Đó là ông kĩ sư vườn rau, anh cán bộ chuyên nghiên cứu bản đồ sét,… tất cả đang âm thầm lặng lẽ làm việc và cống hiến.  - Như vậy nhan đề của tác phẩm vừa thể hiện được vẻ đẹp kì ảo của thiên nhiên Sa Pa vừa thể hiện được sự cống hiến, âm thầm lặng lẽ nhưng lớn lao, cao đẹp của những con người nơi đây. Với việc đặt nhan đề như vậy, phải chăng tác giả muốn lấy địa danh làm nền để làm nổi bật vẻ đẹp của con người?  **\* Nét mới trong việc tạo dựng tình huống truyện**  **- Cốt truyện rất đơn giản**.  + Toàn truyện chỉ có một tình huống và cũng chẳng có gì là gay cấn, cao trào, thắt nút, mở nút: Một chuyến xe khách đi Sa Pa như bao nhiêu chuyến xe hàng ngày, những người khách ngẫu nhiên ngồi với nhau. Chỉ có điều khác là hôm nay trong đó có một ông hoạ sĩ sắp về hưu, một cô kĩ sư nông nghiệp vừa mới ra trường, đang đi nhận công tác. Người lái xe mời hai người đi thăm một "người cô độc nhất thế gian".  + Diễn biến chính của truyện là cuộc gặp gỡ giữa những người khách ghé thăm và anh thanh niên làm ở trạm khí tượng, một mình giữa núi cao. Qua cuộc gặp gỡ, chứng kiến nơi ở và làm việc, được nghe anh thạnh niên tâm sự, trong con mắt của khách hiện lên một con người có tâm hồn, [lối sống](https://vietvanhoctro.com/tag/loi-song), quan niệm về cuộc đời, về lao động thật đẹp đẽ, rất đáng yêu, đáng trân trọng.  => Với cốt truyện đơn giản ấy, tác giả đã làm nổi bật những công việc thầm lặng của bao người lao động bình thường đang đóng góp cho [cuộc sống](https://vietvanhoctro.com/tag/cuoc-song). Tạo ra hai tình huống gặp gỡ, gặp gỡ trên xe và gặp gỡ trên núi, tác giả có thể [giới thiệu](https://vietvanhoctro.com/tag/gioi-thieu) một cách thuận lợi, để cho nhân vật dần dần hiện ra những nét tính cách, những phẩm chất tâm hồn của nhân vật chính thông qua con mắt, sự đánh giá của các nhân vật phụ.  **\* Nét mới trong cách kể chuyện hết sức tự nhiên**  - Diễn biến của câu chuyện được kể thuận chiều theo [thời gian](https://vietvanhoctro.com/tag/thoi-gian), cái gì có trước, kể trựớc, cái gì diễn ra sau kể sau.  - Các chi tiết đơn giản, bình thường như cuộc sống: xe dừng, theo gợi ý của bác lái xe, mọi người rủ nhau đi thăm một ngựời, rồi cùng đi, đến nhà ngưò’i ấy, nói chuyện, nghe chuyện, nhận quà, rồi lại về xe và đi tiếp.  - Tuy không dùng ngôi thứ nhất, nhưng phần lớn người kể chuyện nhập vai vào nhân vật ông hoạ sĩ, và chủ yếu qua cách nhìn, sự [suy nghĩ](https://vietvanhoctro.com/tag/suy-nghi) của ông mà quan sát và miêu tả từ phong cảnh thiên nhiên đến anh thanh niên - nhân vật chính của truyện.  **\* Nét mới về phương thức thể hiện: có sự kết hợp tự sự với trữ tình và bình luận**  - Tất nhiên phương thức biểu hiện chính của truyện là tự sự: có cốt truyện, có nhân vật, có tình tiết, có người kể chuyện, thể hiện theo nguyên tắc khách quan.  - Tuy nhiên sức hấp dẫn của Lặng lẽ Sa Pa lại ở chất trữ tình:  + Những đoạn [tả cảnh](https://vietvanhoctro.com/tag/ta-canh) thiên nhiên Sa Pa thật thơ mộng nên thơ như những bức tranh đẹp: Đây là bức tranh ở đầu tác phẩm: "Nắng bây giờ bắt đầu lên tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn trong lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương". Và đây là cảnh cuối: "…nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình càng rực rỡ theo''.  + Chất trữ tình chủ yếu toát ra từ cuộc sống, tâm hồn, ý nghĩ, cảm xúc củanhững con người trong truyện. Một cô gái rất hồn nhiên trẻ trung, dám bỏ phố phường phồn hoa để đến một nơi núi rừng sâu thẳm, một ông hoạ sĩ sắp về hưu nhưng cháy bỏng khát vọng sáng tạo nghệ thuật, tâm hồn vẫn còn rất nhạy cảm, yêu đời. Một anh thanh niên mới nhìn tưởng "cổ độc nhất thế giarí' nhưng thế giới tâm hồn thật phong phú, sôi động, luôn nhận ra mối dây liên hệ, sự gắn bó của mình với mọi người, mọi miền của Tổ quốc. Anh tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời, tìm được niềm vui không bao giờ cạn trong những công việc mình làm hàng ngày.  + Ta bắt gặp trong truyện những chi tiết giàu chất thi ca: Cô gái bất giác đỏ mặt lên/bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong… ngay dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang ngắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với ngựời quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên cô đỡ lấy/ vị hoạ sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài/… Face book Nhung Tây 0794862058  - Truyện ngắn có rất nhiều câu triết lí, sâu sắc. Đâylà cách sống của ông hoạ sĩ:"Buồn thì ai mà chả sợ? Nó như con gián gặm nhấm người ta? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời". Còn đây là những lí luận về sự không cô đơn, sự "thèm người" của anh thanh niên: Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao lại gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Còn người thì ai chả "thèm" Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Với những câu triết lí của phương thức nghị luận, truyện ngắn gợi lên ở người đọc nhiều suy tưởng  **\* Nét mới trong cách đặt tên gọi tên cho nhân vật:**  - Các nhân vật không có tên riêng, gọi tên theo nghề nghiệp, dụng ý tác giả muốn nói đến nhiều người với nhiều ngành nghề khác nhau ở Sapa ra sức lao động cống hiến sức mình xây dựng quê hương đất nước. Tác giả còn muốn nói đến thái độ cống hiến vô tư của con người trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn. Họ không hề đòi hỏi quyền lợi cho bản thân mà tất cả vì ý thức trách nhiệm đối với tổ quốc.  **\* Nét mới trong sử dụng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ quen thuộc được sáng tạo của nhà văn**.  - Lặng lẽ Sapa là với ngôn ngữ nhẹ nhàng, gợi cảm, cuốn hút, giàu hình ảnh giàu chất thơ.  - Một nét sáng tạo trong ngôn ngữ là có những kết hợp từ mới lạ với các biện pháp tu từ: nhân hoá, sử dụng từ láy, liệt kê, nghệ thuật đối...  **c. Đánh giá chung**  - Truyện ngắn hội tụ nhiều nét tiêu biểu trong phong cách nghệ thuật chuyên truyện ngắn của Thành Long. Chính điều đó tạo nên nét độc đáo cá tính riêng làm nên phong cách của nhà văn.  - “Lặng lẽ Sa Pa” là một đóng góp đặc biệt của Nguyễn Thành Long cho truyện ngắn hiện đại Việt Nam viết về thế hệ trẻ Việt Nam trong công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với lòng nhiệt huyết với nghề, sống có trách nhiệm với tổ quốc, cống hiến hết mình một cách thầm lặng.  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến, đánh giá sự thành công của tác phẩm.- Suy nghĩ, liên hệ rút ra bài học. "Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ." | **14 điểm** |

**ĐỀ 10:**

**Câu 1. ( 6 điểm)**

“*Lời khen như mặt trời: bạn càng cho đi xung quanh bạn càng toả* *sáng”*

*(Đời ngắn đừng ngủ dài - Robin Sharma*). Từ cách hiểu của em về ý kiếntrên, em hãy viết bài văn ngắn trình bày về vai trò của lời khen trong cuộc sống

**Câu 2. ( 14 điểm)**

Nhà thơ Bằng Việt cho rằng: *"Tiêu chuẩn vĩnh cửu của thơ là tình cảm"*. Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu, hãy làm sáng tỏ.

*Tặng Vũ Đình Liên  
Tôi muốn tắt nắng đi  
Cho màu đừng nhạt mất;  
Tôi muốn buộc gió lại  
Cho hương đừng bay đi.  
  
Của ong bướm này đây tuần trăng mật;  
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;  
Này đây lá của cành tơ phơ phất;  
Của yến anh này đây khúc tình si.  
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi;  
Mỗi sáng sớm, thần vui hằng gõ cửa;  
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;  
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:  
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.  
Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,  
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,  
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.  
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,  
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,  
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,  
Nếu đến nữa không phải rằng gặp lại.  
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,  
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;  
Mùi tháng, năm đều rớm vị chia phôi,  
Khắp sông, núi vẫn than thầm tiễn biệt...  
Cơn gió xinh thì thào trong lá biếc,  
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?  
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,  
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?  
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...  
  
Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,  
Ta muốn ôm  
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;  
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,  
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,  
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều  
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,  
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng  
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;  
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

*(Tinh tuyển văn học Việt Nam (tập 7: Văn học giai đoạn 1900-1945), Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2004)*

**\* Gợi ý:** Đây là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng. Đây là tiếng nói của một tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt, nhưng đằng sau đó là cả một quan niệm nhân sinh mới chưa thấy trong thơ ca truyền thống.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Mở bài**  “*Mọi tiềm năng đều nở* *hoa trong lời khen và héo tàn trong chỉ* *trích*”. Nếu được yêu thương con người sẽ biết yêu thương và trở nên đáng yêu hơn. Nếu chỉ luôn nhìn vào mặt xấu của một ai đó, điều đó sẽ làm cho họ càng ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Nhưng nếu khuyến khích họ vươn tới những điều tốt đẹp, chắc chắn họ sẽ làm được và làm tốt hơn. Đúng như Robin Sharma đã từng nói: “*Lời khen như mặt trời: bạn càng cho đi xung quanh bạn* *càng toả sáng*”.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  Vậy lời khen là gì? Lời khen là những lời nói chân tình, tình cảm ấm áp thông qua lời động viên khen tặng. Lời khen như tia nắng mặt trời, nó mang sức sống đến cho muôn loài trong đó có con người. Vì vậy ta càng cho đi lời khen mọi sự chung quanh ta càng tỏa sáng.  **b. Bàn luận hiện và ý nghĩa của vấn đề**  Trong cuộc sống khi ta mắc sai lầm đầu tiên ta nên làm là khen ngợi trước khi ta góp ý cũng như nha sĩ bắt đầu công việc nhổ răng bằng thuốc tê. Bởi khát vọng sâu xa của mỗi người là được khen ngợi, được tôn trọng và được quan tâm. Không phải tốn kém gì cho lời khen, lời cám ơn và lời xin lỗi. Việc gián tiếp góp ý xây dựng những thiếu sót của mình đối với họ sẽ làm cho họ cảm kích, trong khi họ có thể thấy rất khó chịu trước bất kì lời phê phán trực tiếp nào. Con người vốn có bản chất kiêu hãnh tự nhiên nên cố gắng đừng làm người khác bị tổn thương dù chỉ là câu nói đùa. Giữ thể diện cho người khác là một điều hết sức quan trọng. Lời khen như tia nắng mặt trời, nó ấm áp và cần thiết cho muôn loài phát triển, trong đó có con người.  Vậy mà hầu hết chúng ta luôn sẵn sàng sử dụng những ngôn từ cộc cằn, hằn học, khó nghe để phê phán người khác. Nhưng lại rất ngần ngại tặng cho họ những lời nói chân thành qua lời động viên, khen tặng. Mọi người muốn được khen nhưng lời khen phải cụ thể rõ ràng, thể hiện sự chân thành chứ không phải lời khen sáo rỗng nghe cho êm tai. Chúng ta đều khao khát được tán thưởng, được thừa nhận. Nhưng không ai muốn giả dối và nịnh hót. Chỉ cần một nụ cười ấm áp và một cái vỗ vai thân thiện của ta đã có thể cứu cả một con người đang bên bờ vực thẳm. Khen ngợi để người khác luôn phấn đấu xứng đáng với lời khen đó. Trong cuộc sống, nếu ta nói với ai đó rằng: Họ ngốc nghếch, vụng về hay bất tài....nghĩa là ta đang hủy diệt hầu hết mọi động cơ để họ tiến bộ. Nhưng nếu ngược lại, ta khuyến khích, làm cho sự việc có vẻ dễ dàng hơn, thể hiện sự tin tưởng rằng họ có năng khiếu mà ta đã phát hiện ra hay thậm chí là ta gán cho họ. Face book Nhung Tây 0794862058  **c. Bàn luận phản đề, mở rộng**  - Khen chê là hai mặt của cuộc sống. nếu không chê, không phê bình góp ý thì những mặt yếu , mặt tiêu cực khó có thể sửa chữa được. Vậy điều quan trọng và cốt lõi ở đây là việc khen chê phải rạch ròi, minh bạch: “ Đúng người đúng tội”, nhưng khen và chê như thế nào để người khác vẫn tiếp thu được, để sửa chữa mà họ vẫn cảm nhận được sự ấm áp tình người từ phía người góp ý mới là điều chúng ta nên làm.  **d. Bài học – kết bài**  - Ta không thể dạy bảo ai bất kì điều gì, mà ta chỉ có thể giúp họ phát hiện ra những gì còn tiềm ẩn bên trong con người họ. Hãy đừng tiết kiệm lời khen đối với người khác khi chúng ta có thể làm được cho họ những điều tốt đẹp nhất | **6 đ** |
| **Câu 2** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề (Thân bài chia thành nhiều đoạn), kết bài kết luận được vấn đề.* | **14 đ** |
|  | **b. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài nghị luận văn học về một ý kiến.  - Lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng.  - Văn trong sáng mạch lạc, có cảm xúc, sáng tạo; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  \* Nhận thức đề: Hiểu đúng ý kiến: Tiêu chuẩn không thay đổi để đánh giá thơ hay là cảm xúc trữ tình.  - Phân tích nội dung cảm xúc mãnh liệt và cuống quýt để sống tận hưởng mọi vẻ đẹp cuộc sống trần gian tạo nên giá trị lâu bền bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu (ý chính) |  |
|  | **c.** Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. (Học sinh có thể triển khai theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những yêu cầu dưới đây) |  |
|  | **1. Mở bài:**  - Nêu vấn đề cần nghị luận  - Trích dẫn câu nói của nhà thơ Bằng Việt.  **2. Thân bài**  **\* Giải thích nhận định:**  - Đánh giá giá trị tác phẩm văn chương thường thay đổi theo thời đại và thế giới quan người đọc. Nhà thơ Bằng Việt nêu lên tiêu chuẩn không thay đổi (vĩnh cửu), cơ sở xác định giá trị tác phẩm thơ chân chính là cảm xúc.  - Những cảm xúc, rung động hay trăn trở day dứt của thi nhân trước cảnh huống cụ thể sinh động của con người và cuộc sống thôi thúc nhà thơ sáng tạo nghệ thuật. Cảm xúc thơ của thi sĩ chính là tiêu chuẩn quan trọng không thay đổi qua thời gian để thẩm định giá trị của sáng tác thơ ca.  **\* Bình luận:**  + "Thơ là tiếng nói của tâm hồn đi tìm tâm hồn đồng điệu". Tiếng nói tâm hồn mang những rung cảm nhẹ nhàng và sâu lắng, mãnh liệt và cao thượng; buồn đau, bất hạnh và hạnh phúc, hi vọng với cung bậc và biểu hiện muôn hình vạn trạng.  + Mỗi thi nhân cảm nhận và diễn tả những rung cảm tinh tế, tinh vi qua hình thức biểu hiện không giống nhau. Từ trải nghiệm và sự xúc động (có thể hư cấu) nghệ sĩ muốn giãi bày, muốn chia sẻ, gửi gắm với độc giả. Sự gặp gỡ giữa người đọc và người làm thơ ở chữ tình khơi lên sự đồng cảm sâu sắc, mãnh liệt vượt thời gian và tư tưởng chủ quan để sống mãi người đọc.  \* Phân tích, bình luận qua bài thơ Vội vàng:  - Bài thơ Vội vàng nổi tiếng về một cảm xúc thơ hối hả tuôn trào, cuồng nhiệt đến mê đắm sống và tận hưởng tuổi trẻ, tình yêu và trần thế mơn mởn xanh tươi.  - Phân tích bài thơ theo định hướng đề bài  + Bài thơ mở đầu với ý tưởng cuồng nhiệt phi thường "muốn tắt nắng, buộc gió" để còn lại tất cả hương vị và màu sắc "của thời tươi" (Tôi muốn tắt...đừng bay đi)  + Nhà thơ muốn chia sẻ cảm xúc ngây ngất và say đắm trong đoạn thơ liền mạch liệt kê những vẻ đẹp trần gian vô cùng lạ lẫm và hấp dẫn (Của ong bướm này đây ... hoài xuân).  + Trước phát hiện nữa về dòng chảy thời gian, tuổi xuân, tình yêu và hạnh phúc một đi không trở lại, Xuân Diệu nghẹn ngào tiếc nuối và âm thầm buồn đau. Những triết luận cụ thể và tươi mới, sâu sắc và thuyết phục làm người đọc như bị cuốn vào những cảm xúc lạ. " Xuân đương tới ... chưa ngả chiều hôm".  + Lòng ham sống theo mạch cảm xúc dạt dào thôi thúc thi sĩ khẳng định quan niệm sống mau lên, vội vàng quấn quýt để được sống hết mình, cháy hết mình trước khi mọi thứ tuyệt vời và ngon nhất dần tuột khỏi tay mình. (Ta muốn ôm...vào ngươi)  - Cảm xúc tươi mới và dào dạt của cái tôi  + Xuân Diệu trẻ trung và hiện đại, được thể hiện bằng ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh gợi cảm và chọn lọc (điệp từ, động tính từ); nhịp điệu của câu thơ ngắn dài linh hoạt theo mạch cảm xúc sục sôi, cuồng nhiệt; kết cấu triết luận, logic giải thích, bình luận; từ ngữ gợi cảm, gợi tình và nhiều phép tu từ đã giúp thi nhân giãi bày thành công những xúc cảm và quan niệm sống vội vàng tiến bộ. |  |
|  | **\* Đánh giá chung:**  + Ý kiến của Bằng Việt nêu lên một cách nhìn nhận và đánh giá tác phẩm thơ theo hướng coi trọng những cảm xúc rung động của thi sĩ.  + Nhà thơ của những bài thơ nổi tiếng truyền đời còn cần có vốn sống dồi dào, hiểu biết về ngôn ngữ và nghệ thuật thơ ca. Tài năng và nhiệt huyết, với những rung cảm chân thành và nóng hổi như Xuân Diệu, Nguyễn Du sẽ là những cơ sở quan trọng của câu thơ, bài thơ cuộc đời để đời (diễm thi).  **3. Kết bài:**  - Khái quát lại vấn đề  - Khẳng định giá trị của câu nói |  |
|  | *d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, liên hệ mở rộng.*  *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.* |  |

**ĐỀ 11:**

**Câu 1 ( 3 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tôi đang dạo bộ trên bãi biển khi hoàng hôn buông xuống. Biển đông người nhưng tôi lại chú ý đến một cậu bé cứ liên tục cúi xuống nhặt thứ gì lên và ném xuống. Tiến lại gần hơn, tôi chú*

* *thấy cậu bé đang nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh giạt lên bờ và ném chúng trở lại với đại dương.*

*- Cháu đang làm gì vậy? – Tôi làm quen.*

*- Những con sao biển này sắp chết vì thiếu nước. Cháu phải giúp chúng. – Cậu bé trả lời.*

*- Cháu có thấy là mình đang mất thời gian không. Có hàng ngàn con sao biển như vậy. Cháu không thể nào giúp được tất cả chúng. Rồi chúng cũng sẽ phải chết thôi.*

*Cậu bé vẫn tiếp tục nhặt một con sao biển khác và nhìn tôi mỉm cười trả lời:*

*- Cháu biết chứ. Nhưng cháu nghĩ cháu có thể làm được điều gì đó chứ. Ít nhất cháu đã cứu được những con sao biển này.*

*(Hạt giống tâm hồn, tập 3, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 132-133)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

**Câu 2**. Xét theo mục đích nói, những câu văn sau thuộc kiểu câu gì?

a. *Tôi đang dạo bộ trên bãi biển khi hoàng hôn buông xuống.*

b. *Cháu đang làm gì vậy?*

**Câu 3**. Cậu bé trong văn bản đã làm gì với những con sao biển? Hành động của cậu bé giúp em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Câu 2. ( 5 điểm)**

Có ý kiến cho rằng : “Trang phục đẹp là trang phục hợp văn hóa, hợp lứa tuổi”. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên ?

**Câu 4: (12 điểm)**

Lê Quý Đôn cho rằng*:**“Thơ khởi phát từ lòng người ta”,* Anh / chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

*Công danh đã được hợp về nhàn,*

*Lành dữ âu chi thế nghị khen.*

*Ao cạn vớt bèo cấy muống,*

*Đìa thanh phát cỏ ương sen.*

*Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,*

*Thuyền chở yên hà nặng vạy then.*

*Bui\* có một lòng trung lẫn hiếu,*

*Mài chăng\* khuyết, nhuộm chăng đen.*

*(Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm tập 1, NXB Giáo dục, 1989)*

*Chú thích:*

*\*Bui:* duy, chỉ có

*\*chăng:* chẳng, không

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | | |  | |  | | **Nội dung** | |  | | | **Điểm** |
|  |  | **Đọc hiểu văn bản trong *Hạt giống tâm hồn*** | | | | | |  | | **3.0** | | |
|  | **a** | - **Mức tối đa**: HS xác định đúng phương thức biểu đạt chính: Tự sự | | | | | |  | | **0.5** | | |
|  |  | - **Mức không đạt**: Không làm hoặc làm sai. | | | | | |  | | 0 | | |
|  |  |  | |  | | | | |  | |  | |
| **b** | | | **- Mức tối đa**: HS xác định được đúng kiểu câu xét theo mục đích nói | | | | | |  | | | **1.0** |
|  |  | (mỗi câu xác định đúng đạt 0,5 điểm) | | | | | | |  | |  | |
|  |  | + a. Câu trần thuật. | | | |  | | |  | |  | |
|  |  | + b. Câu nghi vấn. | | | |  | | |  | |  | |
|  |  | - **Mức không đạt**: Không làm hoặc xác định sai. | | | | | |  | | 0 | | |
|  | **c** | - **Mức tối đa**: HS xác định được | | | | | |  | |  | | |
|  |  | |  | | |
|  |  | + Hành động của cậu bé: nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh giạt | | | | | |  | | **0.5** | | |
|  |  | lên bờ và ném chúng trở lại với đại dương. | | | | | |  | |  | | |
|  |  | + HS rút ra được 01 bài học hợp lí từ hành động của cậu bé. (Có thể là: | | | | | |  | | **1.0** | | |
|  |  | Bài học về ý thức bảo vệ thiên nhiên; Bài học về lối sống biết sẻ chia, | | | | | |  | |  | | |
|  |  | giúp đỡ vật hoặc người khi gặp hoạn nạn, khó khăn; Không thờ ơ, lạnh | | | | | |  | |  | | |
|  |  | lùng, vô cảm trước sự vật, sự việc, hiện tượng diễn ra xung quanh mình. | | | | | |  | |  | | |
|  |  | - **Mức không đạt**: Không làm hoặc làm sai yêu cầu. | | | | | |  | | 0 | | |
| **Câu 2** |  | **1. Hình thức :**  - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.  - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc.  - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác.  **2. Nội dung :**  Dàn bài gợi ý:  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: trang phục của học sinh và trích dẫn câu nói  **b. Thân bài:**  - Giải thích sơ lược ý kiến:  - Ý kiến trên nhằm đưa ra vấn đề về trang phục đẹp của người học sinh. Khuyên chúng ta phải biết lựa chọn trang phục hợp lứa tuổi, hợp văn hóa.  - Bàn luận :  + Khẳng định vấn đề đúng: Quan điểm về trang phục trên là hoàn toàn đúng đắn. Xét trên thực tế, học sinh là lứa tuổi còn rất trẻ, sống phụ thuộc, học tập trong một môi trường tập thể. Bởi vậy, trang phục phải có sự hòa đồng với bạn bè, làm xóa đi ranh giới phân biệt giàu nghèo. Do vậy, đồng phục học đường là cần thiết để tạo nên sự bình đẳng, đoàn kết trong bạn bè để cùng nhau phấn đấu đi tới mục đích thi đua, rèn luyện, tu dưỡng. Bên cạnh trang phục học đường, những khi đi chơi hay ở nhà, học sinh cũng cần chọn trang phục phù hợp với thuần phong mĩ tục của người Việt, đó là sự gọn gàng, giản dị, kín đáo. Đồng thời việc lựa chọn trang phục cần phù hợp với hoàn cảnh sống của gia đình, đất nước.  + Ý nghĩa của việc thực hiện trang phục đẹp.  + Mở rộng vấn đề : Hiện nay vẫn còn một bộ phận học sinh ăn mặc thiếu lành mạnh, không phù hợp với văn hóa, lứa tuổi. Thật đáng lên án và phê phán…  - Bài học nhận thức.  **c. Kết bài :**  **-** Khẳng định lại vấn đề nghị luận.Đưa ra lời khuyên phù hợp. | | | | | |  | | 5 đ | | |
| **Câu 3** |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:Lối sống thanh*  *nhàn của nhà thơ Nguyễn Trãi.*  *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  - Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.  Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Coi thường danh lợi, lánh xa nơi chốn thị phi  - Lối sống giản dị, thanh cao, hòa hợp với thiên nhiên.  **a. Mở bài**  - Giới thiệu về tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm và tập thơ *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*:  + Nguyễn Bỉnh Khiêm là nhà thơ lớn nhất Việt Nam thế kỉ XVI với những sáng tác ghi dấu mốc lớn trên con đường phát triển lịch sử văn học.  + Bạch vân quốc ngữ thi tập là tập thơ Nôm nổi tiếng của ông.  - Giới thiệu bài thơ Nhàn (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, nội dung): là bài thơ Nôm số 73 trong tập Bạch vân quốc ngữ thi tập, làm khi tác giả cáo quan về ở ẩn, nói về cuộc sống thanh nhàn nơi thôn dã và triết lí sống của tác giả.  - Dẫn dắt câu nói của Lê Quý Đôn  **b. Thân bài**  **\* Giải thích:**  - “Lòng” là thế giới nội tâm, là tâm hồn, tình cảm, cảm xúc của người làm thơ, khởi phát là từ xuất phát, là khởi đầu. Theo Lê Quý Đôn thì thơ được ra đời, nảy mầm từ tâm hồn, tình cảm của con người. Tình cảm, tâm hồn là cái gốc của thơ. **\* Chứng minh qua bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm**  **\* Hai câu đề*:*** Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm.  - Mai, cuốc, cần câu: Là những dụng cụ lao động cần thiết, quen thuộc của người nông dân.  - Phép liệt kê kết hợp với số từ “một”: Gợi hình ảnh người nông dân đang điểm lại công cụ làm việc của mình và mọi thứ đã sẵn sàng.  - Nhịp thơ 2-2-3 thong thả đều đặn  - Cuộc sống ở quê nhà của Nguyễn Bỉnh Khiêm gắn bó với công việc nặng nhọc, vất vả, lam lũ của một lão canh điền. Nhưng tác giả rất yêu và tự hào về thú vui điền viên ấy.  - Trạng thái “thơ thẩn”: chăm chú vào công việc, tỉ mẩn  => Tâm trạng hài lòng, vui vẻ cùng trạng thái ung dung, tự tại của nhà thơ.  - Cụm từ phủ định “dầu ai vui thú nào”: Phủ nhận những thú vui mà người đời thường hay theo đuổi.  - Hai câu thơ khái quát hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở quê nhà vất vả, lam lũ, mệt nhọc nhưng tâm hồn lúc nào cũng thư thái, thanh thản.  - Tâm thế ung dung, tự tại, triết lí sống nhàn của ẩn sĩ “nhàn tâm”.  **\* Hai câu thực:** Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm  - Nghệ thuật đối: ta - người, dại - khôn: Nhấn mạnh quan niệm sống mang tính triết lí, thâm trầm của nhà thơ.  - Nghệ thuật ẩn dụ:  + “Nơi vắng vẻ”: Tượng trưng cho chốn yên tĩnh, thưa người, nhịp sống yên bình, êm ả. Ở đây ngụ ý chỉ chốn quê nhà  + “Chốn lao xao”: Tượng trưng cho chốn ồn ào, đông đúc huyên náo, tấp nập, cuộc sống xô bồ, bon chen, giành giật, đố kị. Ở đây chỉ chốn quan trường.  - Cách nói ngược: Ta dại - người khôn:  + Ban đầu có vẻ hợp lí vì ở chốn quan trường mới đem lại cho con người tiền tài danh vọng, còn ở thôn dã cuộc sống vất vả, cực khổ.  + Tuy nhiên, dại thực chất là khôn bởi ở nơi quê mùa con người mới được sống an nhiên, thanh thản. Khôn thực chất là dại bởi chốn quan trường con người không được sống là chính mình.  ⇒ Thể hiện quan niệm sống “lánh đục về trong” của Nguyễn Bỉnh Khiêm  ⇒ Thái độ tự tin vào sự lựa chọn của bản thân và hóm hỉnh mỉa mai quan niệm sống bon chen của thiên hạ.  **\* Hai câu luận:**Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở chốn quê nhà.  - Sự xuất hiện của bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông.  - Cuộc sống gắn bó, hài hòa với tự nhiên của Nguyễn Bỉnh Khiêm  - Việc ăn uống: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá.  - Là những món ăn thôn quê dân giã, giản dị thanh đạm và có nguồn gốc tự nhiên, tự cung tự cấp  - Chuyện sinh hoạt: Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao  - Thói quen sinh hoạt tự nhiên, thoải mái, có sự giao hòa, quấn quýt giữa con người với thiên nhiên.  - Cách ngắt nhịp 4/3 nhịp nhàng, kết hợp với cách điệp cấu trúc câu.  - Gợi sự tuần hoàn, nhịp nhàng thư thái, thong thả.  ⇒ Hai câu thơ miêu tả bức tranh bốn mùa có cả cảnh đẹp, cả cảnh sinh hoạt của con người  ⇒ Sự hài lòng về cuộc sống đạm bạc, giản dị, hòa hợp với tự thiên mà vẫn thanh cao, tự do thoải mái của Nguyễn Bỉnh Kiêm.  **\* Hai câu kết:**Triết lí sống nhàn  - Sử dụng điển tích giấc mộng đêm hòe: Coi phú quý tựa như một giấc chiêm bao  - Thể hiện sự tự thức tỉnh, tự cảnh tỉnh mình và đời, khuyên mọi người nên xem nhẹ vinh hoa phù phiếm.  - Động từ “nhìn xem”: Tô đậm thế đứng cao hơn người đầy tự tin của Nguyễn Bỉnh Khiêm  ⇒ Triết lí sống Nhàn: Biết từ bỏ những thứ vinh hoa phù phiếm vì đó chỉ là một giấc mộng, khi con người nhắm mắt xuôi tay mọi thứ trở nên vô nghĩa, chỉ có tâm hồn, nhân cách mới tồn tại mãi mãi.  ⇒ Thể hiện vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm: Coi khinh danh lợi, cốt cách thanh cao, tâm hồn trong sáng.  **\* Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, dễ cảm  - Cách kể, tả tự nhiên, gần gũi  - Các biện pháp tu từ: Liệt kê, đối lập, điển tích điển cố.  - Nhịp thơ chậm, nhẹ nhàng, hóm hỉnh  **c. Kết bài**  - Khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ ***Nhàn***  - Thể hiện những cảm nhận của mình về bài thơ: Là bài thơ hay, giàu ý nghĩa. | | | | | |  | |  | | |
|  |  | \* **Đánh giá chung:**  - Bài thơ sử dụng thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật với việc phát huy cao độ các phép đối tạo nên sự đăng đối, cân xứng cho từng câu, từng cặp câu  - Ngôn ngữ tiếng Việt mộc mạc, giản dị nhưng rất giàu sức gợi  - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trữ tình và triết lí sâu xa đã tạo nên sự thâm trầm, sâu lắng cho bài thơ, dù giọng điệu có vẻ tếu táo, vui đùa, tự nhận mình là "ta dại" còn "người khôn"  - Bài thơ là bức chân dung của Bạch Vân Cư sĩ với cuộc sống ẩn dật, thanh nhàn xa dời danh lợi với chốn quan trường ganh đua, thối nát, sống hòa hợp với thiên nhiên, cây cỏ và giữ gìn cốt cách, tâm hồn mình trong sạch, thanh cao. Đặt trong hoàn cảnh khi mà xã hội phong kiến đang có những biểu hiện suy vi, con người ta ganh đua và bị cuốn trong vòng danh lợi đấu đá, quan điểm sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm mang những yếu tố tích cực. Đó là cách một con người trung trực, thẳng thắn, yêu nước lựa chọn để giữ nhân cách của mình trong xã hội chao đảo, xuống dốc về đạo đức. | | | | | |  | |  | | |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* | | | | | |  | |  | | |

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

“Thơ khởi phát từ lòng người ta”, chứa đựng biết bao nhiêu rung cảm, trăn trở nơi người cầm bút. Một tác phẩm thơ chân chính, muốn vượt lên sức mạnh của thời gian, của lòng người, ẩn chứa trong đó những tình cảm thật, suy nghĩ thật và phải được viết lên từ mồ hôi và nước mắt của nhà thơ. Với *Cảnh nhàn*, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã gửi tới người đọc những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, thời đại mà cho đến tận ngày nay người ta vẫn phải suy ngẫm.  
 Cũng giống như Nguyễn Trãi, sống giữa một thời đại loạn lạc, đầy biến động, nơi mà các giá trị truyền thống đạo đức bị đảo lộn, con người trở nên vị kỉ hơn, vụ lợi hơn, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tìm về với cuộc sống nơi thôn dã, vui với việc “cày nhàn câu vắng”, tự mình thích thảng với lòng mình, tạm quên hết sự đời “dầu ai vui thú nào”. Gửi chí hướng về nơi thôn dã, cuộc sống của thi nhân nơi thôn quê hiện lên như một “lão nông chi điền”:

*Một mai, một cuốc, một cần câu  
Thơ thẩn dầu ai vui thú nào*

Bài thơ mở đầu bằng phép liệt kê kết hợp với điệp từ “một” đã gợi mở ra một cuộc sống đơn sơ, chất phác với những công cụ lao động quen thuộc của người dân quê. Một cuộc sống thuần phác, giản dị với “mai”, “cuốc” và “cần câu” nhưng an nhàn và thanh tao. Đặc biệt, hai chữ “thơ thẩn” kết hợp với nhịp thơ 2/2/3 một cách tài tình, đã gợi ra chân dung của Nguyễn Bỉnh Khiêm giữa chốn thôn quê dân dã. Đó là dáng điệu ung dung, thu thái của một nhà thơ, cũng là nhịp điệu cuộc sống thường nhật của nhân vật trữ tình. Thanh thản, tự tại là tâm thế con người đã xác định được lẽ sống của mình, rời xa cõi trần tục, lòng không vướng bận xung quanh. Câu thơ cũng là lời bày tỏ thái độ cự tuyệt đời sống thị thành, chối bỏ mọi sự nhập cuộc, tự tách mình khỏi thế nhân truỵ lạc để giữ khí thiết thanh tao. Trở về với cuộc sống thuần phác, chân chất, Nguyễn Bỉnh Khiêm tiếp tục cụ thể hoá bằng một đời sống tinh thần và lề lối sinh hoạt hoà hợp với thiên nhiên. Ông nương theo quy luật đất trời, thuận theo thời tiết bốn mùa:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

Các nguyên liệu cho đời sống, không gian sinh hoạt đều rất bình dị, đơn sơ với “măng trúc”, “giá” là những món ăn dân dã sẵn có trong tự nhiên; “ao”, “hồ” là những bến nước thôn quê đơn sơ và bình dị. Đó là sự thể hiện một lối sống, một thái độ xử thế cầu nhàn không hề kham khổ mà trái lại nó toát lên vẻ thanh cao của nhân vật trữ tình. Con người giờ đây đã hoà hơp với thiên nhiên bốn mùa, với sự luân chuyển luân chuyển của thời gian và không thể tách khỏi thiên nhiên. Như vậy, với Nguyễn Bỉnh Khiêm, nhàn trước hết là một cách sống. Cùng với “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi, ông đã khẳng định một lối sống thanh tao của các bậc hiền tài giữa cảnh đất nước suy tàn, loạn lạc: rời xa cõi trần phàm tục để tìm về với thiên nhiên, sống một cuộc sống giản dị, thuần phác để giữ tâm hồn được thư thái, thanh sạch.  
Thi nhân đau đớn, phê phán thế thái nhân tình, đạo lí suy vi và tìm đến sự hoà giải nội tâm bằng một lối sống gián cách với cõi đời. Đã hơn một lần, ông lên tiếng chối bỏ lối sống đô hội thị thành, sống một cuộc sống tự tại, không đua tranh:

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn, người đến chốn lao xao.*

Bằng nghệ thuật đối rất chỉnh, tác giả đã đối lập giữa cái “vắng vẻ” với “chốn lao xao”, giữa “ta” với “người”. Cái “lao xao” đó chính là nơi trần tục đầy những sự nhân vi, toan tính, bon chen mà Nguyễn Bỉnh Khiêm từng chiêm nghiệm, chán ghét và thể hiện trong nhiều bài thơ khác: “Thành thị vốn đua tranh giành giật”; “Vật vờ thành thị làm chi nữa”; “Đường lợi há theo thị tỉnh”… Đối lập lại, ông đề cao lối sống dân dã, thanh đạm, kiệm cần, đề cao “nơi vắng vẻ” và rất mực coi trọng tinh thần tự tại bằng một lối nói khiêm nhường “Ta dại…”. Đương nhiên, đó là một lối sống mới mẻ, có sự hấp dẫn bởi vẻ đẹp đạo lí, cách biệt với “thói đời”. Nếu nhìn cuộc sống ấy theo quan niệm đạo đức nhà nho một chiều, người ta không dễ dàng chấp nhận những mầm mống lối sống mới đó. Trên tất cả, ông đã hoà giải được những phức tạp nội tâm bằng tinh thần tự tại và thái độ gián cách với thế tục, đứng trên thế tục. Nhưng xét đến cùng, đó mới chính là cái khôn của bậc đại trí, quay lưng lại với danh lợi, sống một cuộc sông an nhàn để giữ cho tâm hồn thư thái. Nguyễn Bỉnh Khiêm đã chứng kiến và chiêm nghiệm lẽ đời, đã đi đến cùng của sự khôn dại để thấu hiểu và tìm ra triết lí “nhàn” - cũng là triết lí nhân sinh sâu sắc:

*Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

Thi nhân đã nhắc đến giấc mộng dưới cây hoè của Thuần Vu Phần để thức tỉnh một chân lí: của cái, vật chất chỉ là ảo mộng, như một giấc chiêm chiêm bao, bất chợt đến rồi lại bất chợt đi. Phải trải qua tất cả cảnh đời, trường đời như thế rồi Nguyễn Bỉnh Khiêm mới đạt tới thế ứng xử văn hoá mang tinh thần triết lí về nhàn dật và tự tại. Một tinh thần nhàn dật và tự tại như thế nhiều khi biểu lộ cách nói hơn là hành động thực, một giải pháp tình thế hơn là chí hướng cả đời người, một sự độc tôn tâm trạng bất đắc dĩ hơn là khả năng tìm ra lối thoát tối ưu. Bởi xét đến cùng, giữa một xã hội đâu đâu cũng là hư danh, phú quý phù du, mấy ai được như Nguyễn Bỉnh Khiêm và Nguyễn Trãi để nhìn thấy lẽ đời, sự đời, để gìn giữ khí tiết thanh tao. Nhân vật trữ tình đã tìm đến cái say để tỉnh, dùng mộng để nói thực và thốt lên những chiêm nghiệm sâu sắc. Cũng như chính thi nhân đã bày tỏ rõ ràng trong Bài tựa tập thơ Am Bạch Vân: “Ôi, nói tâm là nói về cái chỗ mà chí đạt tới vậy, mà thơ lại là đề nói chí. Có kẻ chí để ở đạo đức, có kẻ chí để ở công danh, có kẻ chí để ở sự nhàn dật. Tôi lúc nhỏ chịu sự dạy dỗ của gia đình, lớn lên bước vào giới sĩ phu, lúc về già chí thích nhàn dật, lấy cảnh núi non sông nước làm vui…”. Có thể nói, nhàn là một chủ đề rất phổ biến trong thơ ca trung đại, là một nét tư tưởng văn hoá rất sâu sắc của người xưa, đặc biệt là tầng lớp trí thức. Sống nhà dật với tự nhiên để tu dưỡng nhân cách, đem lại thú vui tao nhã cho con người. Biết sống sống nhàn, biết tìm thú nhàn là cả một học thuyết triết học lớn. Bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm in đậm dấu ấn tinh thần con người cá nhân trước một thời đại mất phương hướng, chao đảo, loạn lạc, nhiều đổi thay. Đặt trong tương quan với nhiều tác phẩm thơ văn khác, các sáng tác của ông hàm chứa tính phức hợp của cung bậc tâm trạng. Thi nhân đã đưa ra nhiều cách thức hình dung về cuộc đời, soi nhìn cuộc sống từ nhiều góc cạnh, tự đặt mình trong mỗi tình huống cụ thể mà bài thơ *Cảnh nhàn* chỉ là một chiêm nghiệm riêng. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp nhận thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm cần được xem xét trong tính tổng thể song cũng phải chú tới mối liên hệ giữa các đường hướng tâm trạng phù hợp với từng cảnh đời và chặng đường đời cụ thể.  
 Bài thơ, người đọc vẫn còn vương vấn cuộc sống an nhàn, thanh tao, giản dị mà Nguyễn Bỉnh Khiêm coi đó là cách sống, là triết lí sống sâu sắc: vinh hoa phú quý chỉ là phù du, như một giấc mộng, rời xa chốn hư danh phàm tục đó để giữ khí tiết thanh sạch mới là bậc đại trí. Điều đó đã làm nên sức sống trường tồn bất diệt của tác phẩm trước sức mạnh của dòng thời gian và đời người.

**ĐỀ 12: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**Phần I: Đọc Hiểu (4 điểm)**

*Khi sắp hoàn thành việc tạo lập loài người, Thượng Đế họp mặt tất cả muôn loài và nói: “Ta còn một món quà đặc biệt dành cho tất cả loài người nhưng ta muốn giấu họ, ta muốn ban cho họ chỉ khi họ đã sẵn sàng. Đó chính là khả năng sáng tạo”.*

*Đại Bàng nói: “ Hãy trao nó cho ta, ta sẽ đem nó lên mặt trăng”.*

*Thượng Đế đáp: “ Không được, sẽ có một ngày loài người cũng lên đến đó và tìm thấy nó thôi!”*

*Cá Hồi nói: “Ta sẽ chôn nó ở đáy đại dương”.*

*Ngài lắc đầu: “Không đâu, họ cũng sẽ tìm đến nó dễ dàng”.*

*Trâu nói: “ Ta sẽ chôn nó trong đồng bằng mênh mông”.*

*Thượng Đế vẫn chưa bằng lòng” “Họ sẽ khoan sâu vào lòng đất, dù ở đâu họ cũng sẽ nhanh chóng tìm ra nó!”*

*Mẹ Đất lúc đó mới nhẹ nhành chỉ ra một chỗ: “ Hãy đem khả năng sáng tạo giấu vào bên trong mỗi con người, chỉ có kẻ tin tưởng vào bản thân mình mới nhận ra sự tồn tại của khả năng đó!”*

*Và Thượng Đế đã đồng ý.*

*(Cửa sổ tâm hồn, NXB Trẻ, 2015, tr274, 275)*

**Câu 1.** Thượng Đế đã dành tặng món quà đặc biệt nào cho loài người?

**Câu 2.** Việc Thượng Đế không đồng ý với ý kiến của Đại Bàng, Cá Hồi và Trâu, chứng tỏ điều gì?

**Câu 3.** Câu nói của Mẹ Đất“ Hãy đem khả năng sáng tạo giấu vào bên trong mỗi con người, chỉ có kẻ tin tưởng vào bản thân mình mới nhận ra sự tồn tại của khả năng đó!” có ý nghĩa gì?

**Câu 4.** Đặt tên cho câu chuyện trên và lí giải cách đặt tên đó.

**Phần II. Viết (16 điểm)**

**Câu 1 ( 6 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.

**Câu 2: ( 10 điểm)**

Cảm nhận của anh, chị về vẻ đẹp bức tranh mùa thu trong bài thơ "Câu cá mùa thu " của Nguyễn Khuyến*.*

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.*

*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,*

*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

*Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

*(Câu cá mùa thu - Thơ văn Nguyễn Khuyến, NXB Văn học,Hà Nội,1971)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **PHẦN ĐỌC HIỂU ( 4 điểm)**  Thượng Đế dành tặng món quà đặc biệt cho loài người: Khả năng sáng tạo. | 1 |
| **Câu 2**  **Câu 3** | Việc Thượng Đế không đồng ý với ý kiến của Đại Bàng, Cá Hồi, Trâu, chứng tỏ:  - Thượng Đế không muốn trao món quà đặc biệt cho loài người một cách dễ dàng.  Thượng Đế đề phòng vì Người cho rằng con người rất thông minh, sáng tạo.  Câu nói của Mẹ Đất có ý nghĩa:  - Khả năng sáng tạo có ở trong mỗi người, nó nằm ngay trong mỗi chúng ta.  - Những ai tin tưởng vào bản thân, dám nghĩ dám làm thì sẽ phát huy được khả năng sáng tạo. | 1  1 |
| **Câu 4** | - Đặt tên cho câu chuyện: *Khả năng sáng tạo*.  - Lí giải: Vì đây chính là món quà mà Thượng Đế họp bàn với muôn loài để dành tặng cho con người.  Hoặc: *Món quà của Thượng Đế*: Vì đây là nội dung chính của câu chuyện. | 1 |
|  | **II. VIẾT** |  |
| **Câu 1** | **1. Mở bài:**  \* Dẫn dắt, giới thiệu câu nói  - Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.  - Chính vì vậy có ý kiến cho rằng“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích:**  - Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được.  - Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.  => Ý nghĩa của câu nói: Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua.  **b. Phân tích, chứng minh, bình luận:**  - Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có những ước mơ rất nhỏ bé, bình dị. Nhưng cũng có những ước mơ lớn lao, cao cả. ( d/c) Có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người. Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được . Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực.(d/c: Hồ Chí Minh, các nhà khoa học lớn….)  - Nhưng cũng có ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được: những người kém may mắn, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo… Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hay mất đi . Vì thế cuộc sống của họ trở lên thật ý nghĩa, và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn.  - Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công…(d/c)  **c. Bài học liên hệ bản thân:**  - Mỗi con người cần phải có những ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.  - Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để biến ước mơ thành hiện thực  **3. Kết bài:**  - Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.  - Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân | **6 đ** |
| **Câu 2** | **I. Mở bài**  - Đôi nét về tác giả Nguyễn Khuyến: Một tác giả chịu ảnh hưởng đậm nét tư tưởng Nho giáo, sáng tác của ông thường về đạo đức con người, người quân tử. Sau khi thấy thực tại rối ren, ông ở ẩn sáng tác các tác phẩm thể hiện sự hòa hợp với thiên nhiên thanh tịnh  - Bài thơ Câu cá mùa thu: Là một bài thơ trong chùm thơ thu ba bài được sáng tác trong thời gian tác giả ở ẩn  **II. Thân bài**  **1. Hai câu đề**  - Mùa thu gợi ra với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối hài hoà “ao thu”, “chiếc thuyền câu” bé tẻo teo;  - Màu sắc “trong veo”: sự dịu nhẹ, thanh sơ của mùa thu  - Hình ảnh: Chiếc thuyền câu bé tẻo teo ⇒ rất nhỏ  - Cách gieo vần “eo”: giàu sức biểu hiện  - Cũng từ ao thu ấy tác giả nhìn ra mặt ao và không gian quanh ao ⇒ đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ.  ⇒ bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu và của tiết trời mùa thu, gợi cảm giác yên tĩnh lạ thường  **2. Hai câu thực**  - Tiếp tục nét vẽ về mùa thu giàu hình ảnh:  - Sóng biếc: Gợi hình ảnh nhưng đồng thời gợi được cả màu sắc, đó là sắc xanh dịu nhẹ và mát mẻ, phải chăng là sự phản chiếu màu trời thu trong xanh  - Lá vàng trước gió: Hình ảnh và màu sắc đặc trưng của mùa thu Việt Nam  - Sự chuyển động:  - Hơi gợn tí ⇒ chuyển động rất nhẹ ⇒sự chăm chú quan sát của tác giả  - “khẽ đưa vèo” ⇒ chuyển động rất nhẹ rất khẽ ⇒ Sự cảm nhận sâu sắc và tinh tế  ⇒ Nét đặc sắc rất riêng của mùa thu làng quê được gợi lên từ những hình ảnh bình dị, đó chính là “cái hồn dân dã”  **3. Hai câu luận**  - Cảnh thu đẹp một vẻ bình dị nhưng tĩnh lặng và đượm buồn:  - Không gian của bức tranh thu được mở rộng cả về chiều cao và chiều sâu  - Tầng mây lơ lửng: gợi cảm giác thanh nhẹ, quen thuộc gần gũi, yên bình, tĩnh lặng.  - Hình ảnh trời xanh ngắt: sắc xanh của mùa thu lại được tiếp tục sử dụng, nhưng không phải là màu xanh dịu nhẹ, mát mẻ mà xanh thuần một màu trên diện rộng ⇒ đặc trưng của mùa thu.  - Hình ảnh làng quê được gợi lên với “ngõ trúc quanh co”: hình ảnh quen thuộc  - Khách vắng teo: Gieo vần “eo” gợi sự thanh vắng, yên ả, tĩnh lặng  ⇒ Không gian của mùa thu làng cảnh Việt Nam được mở rộng lên cao rồi lại hướng trực tiếp vào chiều sâu, không gian tĩnh lặng và thanh vắng  **4. Hai câu kết**  - Xuất hiện hình ảnh con người câu cá trong không gian thu tĩnh lặng với tư thế “Tựa gối buông cần”:  - “ Buông”: Thả ra (thả lỏng) đi câu để giải trí, ngắm cảnh mùa thu  - “Lâu chẳng được” : Không câu được cá  ⇒ Đằng sau đó là tư thế thư thái thong thả ngắm cảnh thu, câu cá như một thú vui làm thư thái tâm hồn ⇒ sự hòa hợp với thiên nhiên của con người  - Toàn bài thơ mang vẻ tĩnh lặng đến câu cuối mới xuất hiện tiếng động:  + Tiếng cá “đớp động dưới chân bèo” → sự chăm chú quan sát của nhà thơ trong không gian yên tĩnh của mùa thu, nghệ thuật “lấy động tả tĩnh”  ⇒ Tiếng động rất khẽ, rất nhẹ trong không gian rộng lớn càng làm tăng vẻ tĩnh vắng , “cái tĩnh tạo nên từ một cái động rất nhỏ”  ⇒ Nói câu cá nhưng thực ra không phải bàn chuyện câu cá, sự tĩnh lặng của cảnh vật cho cảm nhận về nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ, đó là tâm sự đầy đau buồn trước tình cảnh đất nước đầy đau thương  **5. Nghệ thuật**  - Bút pháp thuỷ mặc (dùng đường nét chấm phá) Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu hoạ của bức tranh phong cảnh  - Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.  - Nghệ thuật lấy động tả tĩnh được sử dụng thành công  - Cách gieo vần “eo” và sử dụng từ láy tài tình  **III. Kết bài**  - Khẳng định lại những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của bài thơ  - Bài thơ đem đến cho độc giả những cảm nhận sâu lắng về một tâm hồn yêu nước thầm kín mà thiết tha | **10 đ** |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* |  |

**ĐỀ 13:**

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)**

**Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi nêu ở bên dưới:**

*Làm sao đề niềm vui của người này không phải là nỗi buồn của người kia. Làm sao đề công nghiệp hóa một ngôi làng nhưng lại không ung thư hóa dân làng. Làm sao để tăng lợi nhuận đầu tư nhưng đừng đổ chất thải ám hại môi trường sống. Làm sao đề tăng trưởng, để giàu có hưn nhưng đừng bức tử nguồn nước cho mai* ***sau…****Chỉ có thể là khi mình biết nghĩ cho người khác. Mình không nói cho hả giận khi người khác nhói lòng. Mình không chỉ lo cho được việc riêng của mình mà mạc cho ai kia khổ sở….*

*Vô cảm với người khác là thiểu năng cảm xúc. Còn tệ hơn cả thiểu năng cơ thể. Bởi vì, thiểu năng cảm xúc nghĩa là dì không phải trời bắt tội, em cũng đã bị tật nguyền ngay trong cơ thể khỏe mạnh, đẹp đẽ của chính mình.*

*(Theo: Đoàn Công Lê Huy, Yêu xứ sở, thương đồng bào. NXB Kim Đồng 2018, tr 83)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

**Câu 2**. Xét về mục đích nói, câu: “*Làm sao đề niềm vui của người này không phải là nỗi buồn của người kia.”,*thuộc kiểu câu gì?

**Câu 3**. Chỉ rõ biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn in đậm.

**Câu 4**. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua đoạn văn trên là gì?

**PHẦN II: VIẾT (16 điểm)**

**Câu 1 ( 6 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: *“Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa”* (Sách Dám thành công)

**Câu 2 (10 điểm)**

Trong văn bản "*Tiếng nói văn nghệ*", Nguyễn Đình thi có viết: "*Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy"*. Phân tích Bức tranh quê trong bài “Chiều xuân” của Anh Thơ để làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Chiều xuân**

*Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,*

*Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;*

*Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng*

*Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.*

*Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ,*

*Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ*

*Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.*

*Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.*

*Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng*

*Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,*

*Làm giật mình một cô nàng yếm thắm.*

*Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.*

*Anh Thơ (Bức tranh quê, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | PTBĐ chính: Nghị luận | 1 |
| **Câu 2** | Xét về mục địch nói câu “***Làm sao đề niềm vui của người này không phải là nỗi buồn của người kia.”,*** thuộc kiểu câu trần thuật. | 1 |
| **Câu 3** | - Biện pháp tu từ điệp ngữ *Làm sao để* được lặp lại 4 lần. | 1 |
| **Câu 4.** | Thông điệp tác giả gửi đến: Mỗi con người đều có những suy nghĩ, tình cảm, công việc riêng, song trong cuộc sống chúng ta cần chú ý đến cảm nhận của những người xung quanh mình. Sống vô cảm sẽ làm cho chúng ta trở nên ích kỷ, đáng sợ….. | 1 |
| **Phần 2** | **VIẾT (16 điểm)** |  |
| **Câu 1** | **1. Mở bài:**  - Một câu danh ngôn nổi tiếng đã nói Mất tiền còn có thể tìm lại được nhưng mất niềm tin là mất tất cả.  - Đúng vậy! Nói về niềm tin của mỗi người trong cuộc sống đã có rất nhiều ý kiến nói về điều đó: “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa” (Sách Dám thành công). Vậy niềm tin có ý nghĩa như thế nào với mỗi con người trong cuộc sống?  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích câu nói:**  - Niềm tin vào bản thân: Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống.  - Câu nói là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy có niềm tin vào bản thân. Đó cũng là bản lĩnh, là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công. Khi đánh mất niềm tin là ta đánh mất tất cả.  **b. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:** Vì sao đánh mất niềm tin vào bản thân là sẽ đánh mất nhiều thứ quý giá khác?  - Bởi niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin. Nó không chỉ đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp mà còn là nền tảng của mọi thành công. Để đạt được điều đó, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.  - Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực để vươn lên và tất nhiên: “Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại” (Bovee).  - Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, và có những lúc sa ngã, yếu mềm… Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dẫn đến đánh mất chính mình. Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội… thậm chí cả sự sống của mình. Vì vậy, con người biết tin yêu vào cuộc sống, tin vào sức mạnh, khả năng của chính mình, biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.  - Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả. c. Đánh giá, bàn bạc:  **c. Phản đề**  - Phê phán: Trong thực tế cuộc sống, có những người mới va vấp, thất bại lần đầu nhưng không làm chủ được mình, không tin vào mình có thể gượng dậy mà từ đó dẫn đến thất bại:  + Một học sinh nhút nhát, e sợ, không tin vào năng lực bản thân mình khi đi thi sẽ dẫn đến làm bài không tốt. Cũng có những học sinh thi trượt, tỏ ra chán nản, không còn niềm tin vào bản thân nên sẽ dễ bỏ cuộc.  + Một người khi làm việc, không tự tin vào mình, không có chính kiến của mình mà phải thực hiện theo ý kiến tham khảo của nhiều người khác thì dẫn đến tình trạng “đẽo cày giữa đường”, “lắm thầy thối ma”.  + Có những người từ nhỏ được sống trong nhung lụa, mọi việc đều có người giúp việc hoặc bố mẹ lo , khi gặp khó khăn họ có thể làm chủ được bản thân, tự mình độc lập để vượt qua?  - Khẳng định: Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại. Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng.  **d. Bài học nhận thức, hành động:**  Học sinh những người trẻ tuổi phải làm gì để xây dựng niềm tin trong cuộc sống? Phải cố gắng học tập và rèn luyện tư cách đạo đức tốt.  - Việc học phải đi đôi với hành, dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống. Phải biết tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân.  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận  - Liên hệ bản thân | **6** |
| **Câu 2** | **1. Mở bài**  - Dẫn dắt giới thiệu vấn đề: Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)  - Trích dẫn nhận định, đề cập tác phẩm sẽ chứng minh.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích nhận định**  - Nghệ thuật là một loại hình độc đáo thể hiện cuộc sống qua các hình tượng, nét vẽ, màu sắc, hình khối, âm thanh .... Nghệ thuật được tác giả nói ở đây nên hiểu là nghệ thuật văn chương.  - Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta: Nghệ thuật khác với những bài thuyết giảng đạo lí, mà các tác phẩm nghệ thuật là con đẻ của người nghệ sĩ, trong đó các nhà văn gửi gắm những suy tư, ước vọng của mình đến với độc giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng náu mình.  - Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta là: Các tác phẩm văn chương tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua sự rung động mà tác phẩm đem lại người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai trong thực tế cuộc sống, từ đó có những tình cảm yêu cái tốt đẹp, ghét cái xấu xa sai trái...  - Khiến chúng ta tự phải bước đi lên đường ấy: Từ những tình cảm tốt đẹp mà tác phẩm nghệ thuật đem lại, người đọc sẽ có hành động phù hợp như kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...  **b. Chứng minh nhận định qua văn bản "Chiều xuân"**  **+ Hoàn cảnh sáng tác:** Được rút từ tập *"Bức tranh quê",* tập thơ đầu tay của Anh Thơ.  **\* Triển khai hệ thống các luận điểm đã xây dựng.**  **+ Luận điểm 1: Bức tranh chiều xuân**  - Bức tranh làng quê mộc mạc, êm dịu, thanh bình với những hình ảnh bình dị, quen thuộc, thơ mộng: mưa bụi, con đò, dòng sông, quán tranh, hoa xoan, con đê, đàn sáo, trâu bò, đồng lúa…  - Bức tranh tĩnh lặng, thanh nhã, tươi tắn, đượm buồn:  + Các đối tượng được miêu tả trong trạng thái nhẹ nhàng, khoan thai: mưa đổ bụi êm êm, đàn sáo…vu vơ, cánh bướm rập rờn, trâu bò thong thả.  + Không khí tĩnh lặng, bâng khuâng: quán đứng im lìm, đồng lúa ướt lặng, trâu bò thong thả cúi ăn mưa,…  + Màu sắc tươi tắn, giàu sức sống: màu tím hoa xoan, màu đen của đàn sáo, màu rực rỡ của cánh bướm, màu xanh rờn của đồng lúa, màu thắm đỏ của chiếc yếm.  + Bức tranh có nhiều điểm nhấn độc đáo: mưa đổ bụi, trâu bò cúi ăn mưa; cô nàng yếm thắm đang lao động chợt giật mình bởi đàn cò con.  => Sự độc đáo của bức tranh nằm ở việc tác giả thâu tóm rất thành công linh hồn của làng quê Bắc Bộ ngày xuân với những nét đẹp đặc trưng không thể nhầm lẫn.  **+ Luận điểm 2: Không khí và nhịp sống thôn quê trong bài thơ** - Không khí thơ mộng, êm đềm, tĩnh lặng thể hiện qua:  + Hình ảnh dân dã, hài hòa, êm dịu trong tổng thể bức tranh làng quê thanh bình.  + Từ ngữ gợi hình, gợi cảm: sử dụng hiệu quả biện pháp nhân hóa (*đò biếng lười, quán tranh đứng im lìm…*), cách diễn đạt độc đáo (*cúi ăn mưa, cỏ non tràn biếc cỏ*)…  + Bút pháp lấy động tả tĩnh: cái giật mình của cô gái khi đàn cò bụt bay ra.  - Nhịp sống nhẹ nhàng, chậm rãi, khoan thai thể hiện qua:  + Hệ thống từ láy gợi cảm diễn tả trạng thái nhẹ nhàng, êm đềm của đối tượng.  + Thiên nhiên và con người được miêu tả trong nhịp điệu chậm rãi, khoan thai.  **\* Đánh giá chung:**  - Từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm, sử dụng nhiều từ láy.  - Thủ pháp lấy cái động để nói cái tĩnh.  - Bài thơ “Chiều xuân” giúp người đọc thấy được buổi chiều thơ mộng, đơn sơ của làng quê Bắc Bộ. Người đọc cảm thấy cô gái Kinh Bắc đang đứng bâng khuâng ngắm nhìn cảnh bến đò, dải đường đê và cảnh đồng lúa quê nhà một buổi chiều xuân mưa bụi.  **3. Kết bài**  **-** Nêu đánh giá, cảm nhận riêng của em về bài thơ.  Chiều xuân của Anh Thơ là một bản nhạc đầy thương yêu và tự hào dành cho quê hương mà thi sĩ gửi đến cho chúng ta, bồi đắp và nuôi dưỡng trong tâm hồn mỗi người những tình cảm đẹp đẽ cho cảnh vật bình dị của làng quê Việt. | 10 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.* |  |

**ĐỀ 14:**

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)**

**Đọc mẫu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Nguyễn Hiền nhà rất nghèo, phải xin làm chú tiểu trong chùa. Việc chính là quét lá và dọn dẹp vệ sinh. Nhưng cậu rất thông minh và ham học. Những buổi thầy giảng kinh, cậu đều nép bên cửa lắng nghe, rồi chỗ nào chưa hiểu, cậu hỏi thầy giảng thêm. Thấy Nguyễn Hiền thông minh, mau hiểu, thầy dạy cho cậu học chữ. Không có giấy, Nguyễn Hiền lấy lá để viết chữ, rồi lấy que tre xâu thành từng xâu ghim xuống đất. Mỗi ghim là một bài.*

*Một hôm, Nguyễn Hiền xin thầy cho đi thi. Thầy ngạc nhiên bảo:*

*- Con đã học tập được bao nhiêu mà dám thi thố với thiên hạ?*

*- Con xin thi thử xem sức học của mình đến đâu.*

*Năm ấy, Nguyễn Hiền đã đỗ Trạng Nguyên. Vua Trần cho Nguyễn Hiền còn nhỏ quá, mới mười hai tuổi, nên không bổ dụng.*

*Một thời gian sau, vua có việc tiếp sứ giả nước ngoài, cho gọi Nguyễn Hiền về triều. Nguyễn Hiền bảo:*

*- Đón Trạng Nguyên mà không có võng lọng sao? Ông về tâu với vua xin cho đầy đủ nghi thức.*

*Vua đành cho các quan mang võng lọng rước quan Trạng tí hon về kinh”.*

*(Theo Cửu Thọ, Một trăm tấm gương tốt thiếu nhi, Việt Nam, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên.

**Câu 2:** Xét theo mục đích nói, câu “ Con đã học tập được bao nhiêu mà dám thi thố với thiên hạ?” thuộc kiểu câu nào? Trình bày đặc điểm hình thức và chức năng của kiểu câu đó?.

**Câu 3:** Chi tiết “ Những buổi thầy giảng kinh, cậu đều nép bên cửa lắng nghe, rồi chỗ nào chưa hiểu, cậu hỏi thầy giảng thêm” thể hiện được điều gì?

**Câu 4:** Thông điệp nào trong văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với em?

**PHẦN II: VIẾT (16 điểm)**

**Câu 1. (6.0 điểm)**

Câu nói của M. Go-rơ-ki: “ Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?

**Câu 2 ( 10 điểm)**

*“Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn” (Tiếng nói văn nghệ - Nguyễn Đình Thi). Bằng việc phân tích bài thơ “ Thời gian” của Văn Cao. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.*

*Thời gian qua kẽ tay  
Làm khô những chiếc lá  
Kỷ niệm trong tôi  
Rơi  
như tiếng sỏi  
trong lòng giếng cạn*

*Riêng những câu thơ  
còn xanh  
Riêng những bài hát  
còn xanh  
Và đôi mắt em  
như hai giếng nước*

*(Thời gian - Văn cao)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự | 1 |
| **Câu 2** | -“ Con đã học tập được bao nhiêu mà dám thi thố với thiên hạ?” thuộc kiểu Câu nghi vấn  - Đặc diểm hình thức của câu nghi vấn:  + Có những từ nghi vấn: ai, gì, nào, tại sao, bao giờ, bao nhiêu, hả, chứ, (có)...không.....  + Kết thúc câu bằng dấu chấm hỏi  - Chức năng chính: Dùng để hỏi | 1 |
| **Câu 3** | - Lòng hiếu học của Nguyễn Hiền | 1 |
| **Câu 4.** | - Thông điệp: Hãy vượt lên hoàn cảnh, vượt lên chính mình để học hỏi, trau dồi kiến thức. | 1 |
|  | **PHẦN II: VIẾT (16 điểm)** |  |
| **Câu 1** | **\* Yêu cầu về kĩ năng:**  - Bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.  - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **\* Yêu cầu về kiến thức:**  - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 6 |
|  | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vai trò của sách ( sách là báu vật không thể thiếu trong đời sống con người)  - Trích dẫn câu nói của M. Go-rơ-ki: “ ....”  **2. Thân bài:**  a. Giải thích sách là gì?  - Là kho tàng tri thức  - Là sản phẩm của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và là kho tàng quý báu của nhân loại  b. Lí giải vì sao: Sách là nguồn kiến thức vô tận, chỉ có kiến thức mới là con đường sống?  - Sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người, là sản phẩm kì diệu của con người.  - Sách cho ta hiểu về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, giúp con người hiểu sâu hơn về khoa học tự nhiên, về tâm lí, tình cảm...qua nhiều loại sách khác nhau. (dẫn chứng)  - Sách giúp ta hiểu về cuộc sống con người trong các thời kì khác nhau, các dân tộc khác nhau...( dẫn chứng)  - Chỉ có kiến thức , chúng ta mới biết được cái đúng cái sai, điều phải điều trái, chính nghĩa phi nghĩa. Từ đó, ta mới tìm được con đường đi phía trước của mình một cách đúng đắn. Ta mới sống một cách đúng nghĩa.  c. Suy nghĩ của bản thân về câu nói của M. Go-rơ-ki: Câu nói hoàn toàn đúng vì ông đã chỉ ra được tác dụng to lớn của sách.  - Cần phải chọn sách tốt, sách hay để đọc và tránh xa sách dở, sách có hại.  - Cần phải chăm đọc sách để hiểu biết nhiều hơn và sống tốt hơn.  - Cần tiếp cận ánh sáng trí tuệ chưa đựng trong sách, hiểu nội dung sách và làm theo sách...  **3. Kết bài :**  - Khẳng định tính đúng đắn của câu nói.  - Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.  - Nêu phương hướng hành động của cá nhân. |  |
| **Câu 2** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.*  *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  *HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:* |  |
|  | **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, giới thiệu đoạn trích.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến**  - Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ (nghệ thuật) – trong đó có văn học – cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ (nghệ thuật) đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức. Văn nghệ *“bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người”*nghĩa là các tác phẩm văn học, nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực. Người nghệ sĩ lấy chất liệu sáng tác từ đời sống hàng ngày.  **-** Văn nghệ *“tạo được sự sống cho tâm hồn con người”,*đồng thời làm *“mở rộng khả năng của tâm hồn”.* Văn học, nghệ thuật giúp đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú hơn. Nó làm giàu có thêm tâm hồn với những tình cảm vui - buồn, yêu thương - căm giận…  *“Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn”*. Văn nghệ góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp thế giới tinh thần của người thưởng thức, tiếp nhận.  **b. Chứng minh qua bài thơ “ Thời gian” của Văn Cao**  **Khổ 1:**  + “Thời gian qua kẽ tay”: Cảm nhận thời gian một cách đặc biệt bằng xúc giác. Thời gian lặng lẽ nhưng trôi qua rất nhanh.  + “Làm khô những chiếc lá”: Dấu ấn của thời gian thể hiện trên vạn vật và con người.  + “Rơi”: Câu thơ được ngắt ra đột ngột, chỉ có một tiếng, nhấn mạnh vào sự chuyển động của cảnh vật.  + “như tiếng sỏi”: Lối so sánh đặc sắc, gợi tả âm thanh nặng nề và khô khốc.  + “trong lòng giếng cạn”: Sự vật đều trơ trọi, bị thời gian tước đi sức sống, trở nên tiêu điều.  **Khổ 2:**  + “Riêng những”: Điệp ngữ thể hiện sự khẳng định, cho thấy cảm xúc của nhân vật trữ tình có sự thay đổi.  + “những câu thơ”, “những bài hát” là biểu tượng cho sáng tạo nghệ thuật, sự rung động của trái tim con người.  + “còn xanh”: Sức sống trường tồn của nghệ thuật và tình yêu.  + “Và đôi mắt em”: Vẻ đẹp của con người, tình yêu.  + “như hai giếng nước”: Vẻ lấp lánh, trong lành, dạt dào sức sống.  - Thông điệp Văn Cao muôn gửi tới chúng ta qua bài thơ *Thời gian*  + Thời gian không vô hình, thời gian là khôi vật chất có thể cân, đong, đo đếm được, nó trôi chảy nhẹ nhàng lặng lẽ, ta có thể cảm nhận được qua “kẽ tay”.  + Thời gian vô cùng nghiệt ngã, thời gian có thể làm biến đổi tất cả, làm cho cuộc đời và kỉ niệm của con người tàn tạ, thậm chí bị xóa nhòa, đi vào cát bụi, rơi vào quên lãng: *Thời gian qua kẽ tay /làm khô những chiếc lá / Ki niệm trong tôi / Rơi / như tiếng sỏi / trong lòng giểng cạn.*  + Riêng thơ, nhạc và tình yêu (cái đẹp của cuộc sống) thì bất chấp thời gian, vượt qua quy luật của thời gian, ở lại với đời “xanh” mãi mãi: *Riêng những câu thơ/ còn xanh / Riêng những bài hát / còn xanh / Và đôi mắt em / như hai giếng nước.*  - Bài thơ ngắn, hình tượng ẩn dụ có sức khái quát cao thể hiện quan niệm sâu sắc về thời gian của nghệ sĩ Văn Cao: Thời gian làm khô chiếc lá đời người nhưng lại làm tươi xanh chiếc lá thơ, chiếc lá nhạc, chiếc lá tình yêu.  => Bài thơ giúp ta hiểu hơn về quan niệm thời gian, đồng thời hiểu thêm giá trị của Cái Đẹp qua những vần thơ chan chứa tình yêu cuộc sông của người nghệ sĩ đa tài.  - Những suy cảm của bản thân về thời gian và cuộc sống:  + Con người sông trong thời gian, sông cùng thời gian, không có cuộc sống nào không có quan hệ với thời gian. Có người chạy đua với thời gian, sống tích cực chói chang, có người bị thời gian bỏ mặc, sống mỏi mòn vô nghĩa (dẫn chứng).  + Tốc độ dòng thời gian trôi đi trong không gian sống của chúng ta là luôn như nhau, nhưng mỗi người, mỗi lúc lại có các cảm giác và cảm nhận khác nhau là do tâm thế và tinh thần của mỗi người, do những hoàn cảnh và tác động khác nhau từ môi trường sống.  **\* Đánh giá chung:**  - Kết cấu độc đáo: Số câu trong mỗi đoạn không ổn định, đoạn đầu bốn câu và  đoạn cuối ba câu. Số câu trong mỗi đoạn theo hướng giảm dần. Đó là cái lạ của bài thơ, xét về cấu trúc đoạn và văn bản. - Câu thơ độc đáo: vắt dòng, cũng có thể hiểu 12 dòng ấy chỉ có một câu vì toàn bộ bài thơ không có dấu chấm cuối câu. Đó là một cấu trúc mơ hồ khó hiểu. phần lớn là câu đặc biệt hoặc không xác định được thành phần nòng cốt của câu. Có câu theo cấu trúc đặc biệt như: “ Rơi”. Có câu không xác định được thành phần nòng cốt: “Làm khô những chiếc lá”.  - Nhịp điệu của câu thơ cũng lạ thường và rất linh hoạt. Chẳng hạn như: “Rơi /  như / tiếng sỏi / trong lòng giếng cạn.” Có thể ngắt nhịp cho câu này là 2/2/4  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến, sự thành công của tác phẩm.  - Suy nghĩ, bài học. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* |  |

**ĐỀ 15:**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Có một cậu bé nghịch ngợm thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn:*

*- Tôi ghét người.*

*Từ khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu hoảng hốt quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng lại có người ghét cậu.*

*Người mẹ nắm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói:*

*- Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người.*

*Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu:*

*- Con ơi, đó chính là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con.*

*(Trích nguồn: Quà tặng cuộc sống)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. *(0,5 điểm)*

**Câu 2**. Đặt cho văn bản nhan đề phù hợp. *(0,5 điểm)*

**Câu 3**. Phân tích cấu tạo và nêu mối quan hệ ý nghĩa của các vế trong câu ghép sau: *“Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con.”* *(1,0 điểm)*

**Câu 4.** Văn bản gửi gắm cho chúng ta những bài học gì ? *(1,0 điểm)*

**II. VIẾT ( 16 điểm)**

**Câu 1. ( 6 điểm)**

Anh/chị có suy nghĩ gì về câu nói của Fran KA.Clark: *“Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ”.*

*(Dẫn theo “Hành trang vào đời”, NXB Tổng hợp tp Hồ Chí Minh - 2008, tr.38)*

**Câu 2. (10 điểm)**

*“Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác,vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”* (*Trích “Tiếng nói văn nghệ” của Nguyễn Đình Thi*)

Từ việc làm rõ *sự sống* mà người nghệ sĩ *Tố Hữu đã truyền cho người đọc.* Qua thi phẩm “*Từ ấy*” anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  
Mặt trời chân lý chói qua tim  
Hồn tôi là một vườn hoa lá  
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...  
  
Tôi buộc lòng tôi với mọi người  
Để tình trang trải với trăm nơi  
Để hồn tôi với bao hồn khổ  
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời  
  
Tôi đã là con của vạn nhà  
Là em của vạn kiếp phôi pha  
Là anh của vạn đầu em nhỏ  
Không áo cơm, cù bất cù bơ...*

*(Từ ấy - Tố Hữu)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự *(0,5 điểm)* | 1 |
| **Câu 2** | 2. Nhan đề tham khảo. *(0,5 điểm)*  - Cho và nhận  - Tiếng vọng rừng sâu. | 1 |
| **Câu 3** | + Phân tích câu ghép *(0,5 điểm)*.*“Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con.”*  - Chủ ngữ 1: *con*  - Vị ngữ 1: *yêu thương người*  - Chủ ngữ 2: *người*  - Vị ngữ 2: *cũng yêu thương con*  + Quan hệ ý giữa hai vế của câu ghép là: quan hệ điều kiện. *(0,5 điểm).* | 1 |
| **Câu 4.** | 4. Bài học gửi gắm. *(1,0 điểm)*  - Con người cho đi những gì thì sẽ nhận lại được những điều như vậy.  - Hãy cho đi những điều tốt đẹp để nhận lại những điều tốt đẹp trong cuộc sống… | 1 |
|  | **II. VIẾT (16 điểm)** |  |
| **Câu 1** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến**  - Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao: Khát vọng vươn tới những cái đích lớn của mỗi con người, làm thay đổi cuộc sống theo hướng đi lên, tốt đẹp hơn. - nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ: song không ý thức được những việc lớn bao giờ cũng phải bắt đầu từ những việc nhỏ, như dòng sông được tạo từ nhiều con suối…  => Ý cả câu: con người luôn có khát khao làm những điều lớn lao, kì vĩ mà lại quên rằng phải bắt đầu từ những điều rất nhỏ bé, bình thường.  **b. Bình luận ý kiến:**  - Mơ ước làm điều lớn lao là nguyện vọng chính đáng, cần thiết của mỗi người, cần được hoan nghênh, khuyến khích.(hs lí giải lấy dẫn chứng)  - Nhưng phải luôn ý thức được rằng:  + Cuộc sống con người vốn là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, nhân cách con người cũng được tạo nên bởi sự kết hợp mọi bình diện từ nhỏ đến lớn những hành vi, đạo đức, lối sống,…ý nghĩa, hạnh phúc của cuộc sống cũng được kiến tạo từ những điều đơn sơ, bình dị.(hs lấy dẫn chứng thực tế)  - Phê phán lối nghĩ, cách nói ngụy biện: vì việc lớn mà quên việc nhỏ, muốn trở thành vĩ nhân mà quên mình cũng là một con người bình thường.  **c. Bài học nhận thức và hành động:**  - Con người phải luôn có ý thức kiểm soát hành động và nhận thức rằng việc gì nhỏ mấy mà có ích kiên quyết làm…  - Thường xuyên rèn luyện đức tính kiên nhẫn, bắt đầu từ những việc làm nhỏ để có thể hướng tới những điều lớn lao.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề  - Bài học | 6 |
| **Câu 2** | **Yêu cầu cụ thể**  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, giới thiệu đoạn trích.  **2. Than bài**  **a. Giải thích ý kiến:**  - “Tác phẩm là kết tinh của tâm hồn người sáng tác”:  + Kết tinh tâm hồn người sáng tác: Nghĩa là tác phẩm nghệ thuật là đứa con tinh thần của người nghệ sĩ là nơi kí thác, gửi gắm tình cảm, tâm tư, chiêm nghiệm của họ về con người và cuộc đời. Đó cũng là kết quả của quá trình lao động miệt mài nghiêm túc, kết tinh tài năng, sáng tạo và tâm huyết của người nghệ sĩ. Thiếu đi điều này thì ngọn bút của người nghệ sỹ không thể thăng hoa và anh ta vì thế sẽ bất lực trên mọi hành trình sáng tạo  + Tác phẩm văn chương phải là tiếng nói đến từ những tầng cảm xúc chân thành,mãnh liệt. Bao nhiêu xúc động, bao nhiêu tình yêu cũng như nỗi đau đời hết sức nhạy cảm trong tâm hồn người nghệ sỹ mới chính là bấy nhiêu chất men thực sự của sáng tạo nghệ thuật.  + Tuy nhiên,tình cảm,cảm xúc,những rung động chân thành của nhà văn chỉ có ý nghĩa khi nó bắt nguồn từ hơi thở ấm nóng của cuộc đời.Chỉ khi nào người nghệ sĩ bằng trái tim của mình đến với cuộc đời bằng tất cả sự trân trọng,nâng niu thì khi ấy cuộc sống mới ban tặng cho họ nguồn cảm hứng vô tận của sự sáng tạo.  - “Tác phẩm là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”:  + Đây chính là chức năng cầu nối đặc trưng giữa nhà văn và bạn đọc thông qua sợi dây tác phẩm. Nhà văn gửi nỗi lòng, truyền cảm hứng vào từng câu chữ. Khi tiếp nhận, người đọc tắm mình trong thế giới cảm xúc ấy, thả hồn cùng những vui buồn chờ đợi…để cùng rung cảm, nhận thức.  + Sự nhạy cảm của tác giả sẽ là chìa khóa tạo nên sự thức tỉnh,sự đồng điệu ở tâm hồn người đọc.Điều này khẳng định những tác động tích cực của tác phẩm văn học vào cuộc sống. Một khi sợi dây truyền của nó chính là bằng những xúc động mãnh liệt của tâm hồn thì nó sẽ có tác động sâu sắc tới người đọc giúp họ điều chỉnh hành vi trong cuộc sống của mình để hướng tới cách sống cao đẹp hơn.  =>Như vậy,nhận định của Nguyễn Đình Thi cho thấy tác phẩm nghệ thuật là sản phẩm tinh thần của người nghệ sĩ.Bằng tài năng và tâm huyết của mình người nghệ sĩ đã mang tinh thần ấy đến với người đọc, tạo sự sống cho họ từ đó giúp cho người đọc được sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình.  **\* Làm rõ**sự sống**mà người nghệ sĩ Tố Hữu**đã truyền cho người đọc**qua thi phẩm “Từ ấy”**  **b. Chứng minh qua Bài thơ “Từ ấy” - Tố Hữu:**  + Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ Từ ấy được Tố Hữu viết vào năm 1938, đó là thời điểm Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Nó là một mốc son đánh dấu sự chuyển biến trong cuộc đời, trong thơ Tố Hữu. Như chính nhà thơ đã từng viết “Từ ấy là một tâm hồn trong trẻo của tuổi mười tám đôi mươi, đi theo lí tưởng cao đẹp dám sống, dám đấu tranh”.  - Sự sống mà người nghệ sĩ Tố Hữu đã truyền cho người đọc:  **+ Luận điểm 1: Niềm vui sướng say mê khi bắt gặp lý tưởng cộng sản (Khổ 1)**   - Mốc thời gian “từ ấy”: mốc son đáng nhớ nhất trong cuộc đời tác giả, đó là ngày ông chính thức bước chân vào hàng ngũ của Đảng, được giác ngộ lí tưởng cách mạng. - “Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ”:  + “Nắng hạ”: ánh nắng rực rỡ, chói chang, ấm áp và có sức lan tỏa mạnh mẽ. + Thể hiện được sức mạnh cũng như sự đúng đắn của lí tưởng cách mạng, tầm ảnh hưởng to lớn của nó đối với người chiến sĩ trẻ tuổi.  - “Mặt trời chân lí chói qua tim”:  + Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời chân lí”: ẩn dụ cho Đảng, lí tưởng cách mạng soi đường với sự đúng đắn, đầy triển vọng trong bước đi của thời đại + “Chói qua tim”: sự tác động mạnh mẽ đến thế giới tình cảm.  - “Hồn tôi là một vườn hoa lá/ Rất đậm hương và rộn tiếng chim”:  + Phép so sánh “hồn tôi” – “vườn hoa lá”: diễn tả sự hân hoan, niềm vui sướng khi bắt gặp ánh sáng cộng sản.  + “Rất đậm hương và rộn tiếng chim”: sự rộn rã, reo vui đến từ sâu trong tâm hồn, tất cả đều ở mức tối đa.  => Bằng bút pháp tự sự kết hợp với trữ tình, đoạn thơ đã thể hiện tình cảm chân thành, trong trẻo và hết sức nồng nhiệt của một thanh niên lần đầu tiên tiếp nhận lý tưởng của Đảng, tìm được hướng đi đúng đắn cho cuộc đời mình.  **+ Luận điểm 2: Khát vọng được gắn bó, hòa nhập và hi sinh cho lý tưởng (khổ hai và khổ ba)**  **+ Nhận thức mới:**  - Chuyển từ cái tôi cá nhân, tình cảm cá nhân sang cái ta chung, mang tình cảm cá nhân cùng hòa chung với tình cảm lớn của cả dân tộc. - Nhận thức được rõ ràng những phương hướng đúng đắn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc ấy là phải xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh. - Mang tình cảm của mình “trang trải khắp muôn nơi”, tuyên truyền, vận động, gieo rắc lý tưởng cách mạng đến với nhân dân, thấu hiểu tất cả những số phận khổ đau trên cuộc đời, từ đó trở thành cầu nối chắc chắn, gắn kết mọi người lại với nhau cùng chung tay chiến đấu “Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời”.  **+ Tình cảm mới:**  - Tự đưa mình vào vị trí là con, anh, em ruột thịt của toàn thể đồng bào, toàn thể nhân dân.  - Tố Hữu đứng hiên ngang, giản dị giữa đời mở rộng vòng tay yêu thương, rộng lớn, với mong ước có thể san sẻ tình yêu thương, hơi ấm đến vạn nhà, vạn đầu em nhỏ, vạn kiếp phôi pha. - Lượng từ “vạn” là một từ hay mang ý nghĩa khái quát chỉ sự bao la, rộng lớn của tấm lòng người chiến sĩ đối với nhân dân. => Sự thay đổi lớn trong cả nhận thức và tình cảm ấy của Tố Hữu thể hiện sự giác ngộ hoàn toàn lý tưởng chiến đấu của Đảng, thể hiện được phẩm chất, tư cách đạo đức của Tố Hữu, cũng như tấm lòng yêu nước nồng nàn, sức trẻ, sức chiến đấu mãnh liệt đang sục sôi trong tâm hồn người chiến sĩ.  - Nhờ lý tưởng cộng sản,nhà thơ tìm ra “lẽ sống mới” của mình là tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với những người cùng khổ. Đó là lẽ sống gắn bó hài hòa giữa cái tôi riêng với cái ta chung của mọi người.  - Từ nhận thức về “lẽ sống mới” nhà thơ đã có sự chuyển biến sâu sắc về mặt tình cảm. Nhà thơ đã vượt qua giai cấp của mình đế đến với giai cấp vô sản với tình cảm chân thành và điều này chứng tỏ sức mạnh cảm hóa mạnh mẽ lí tưởng cách mạng đối với những người trí thức tiểu tư sản  -Sự sống ấy được kết tinh từ một tâm hồn say mê lý tưởng và khát khao được cống hiến  “Dường như cả cuộc đời thơ Tố Hữu dành để ngợi ca đất nước, ngợi ca nhân dân, ngợi ca lí tưởng cách mạng thể hiện một cái tôi say mê với lý tưởng, một cái tôi công dân đầy trách nhiệm đối với nhân dân, đối với đất nước” (Nguyễn Đăng Mạnh)  - Nghệ thuật:  + Sử dụng linh hoạt các bút pháp tự sự, trữ tình và lãng mạn  + Sử dụng linh hoạt và hiệu quả các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ  + Sử dụng từ ngữ giàu tình cảm, giàu hình ảnh  **\* Đánh giá, nhận xét:**  - Thể thơ bảy chữ được thể hiện nhịp nhàng, khúc chiết.  + Hình ảnh so sánh, ẩn dụ hết sức sáng tạo, thú vị. + Ngôn từ giản dị, trong sáng, hình ảnh thơ bộc lộ tư tưởng Cách mạng sâu sắc.  "Từ ấy" ca ngợi sức mạnh của lý tưởng Cách mạng, diễn tả niềm vui, hân hoan của một chàng trai mười tám tuổi đang băn khoăn tìm hướng đi cho cuộc đời mình thì bắt gặp ánh sáng Cách mạng chỉ đường dẫn lối, để từ đó, ông dấn thân vô, hòa mình vào các tầng lớp khác, đấu tranh cho quyền sống, quyền độc lập của dân tộc.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến, sự thành công của tác phẩm.  - Suy nghĩ, bài học. | **10** |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* |  |

**ĐỀ 16:**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU ( 4 điểm)**

*Làm sao đề niềm vui của người này không phải là nỗi buồn của người kia. Làm sao đề công nghiệp hóa một ngôi làng nhưng lại không ung thư hóa dân làng. Làm sao để tăng lợi nhuận đầu tư nhưng đừng đổ chất thải ám hại môi trường sống. Làm sao đề tăng trưởng, để giàu có hưn nhưng đừng bức tử nguồn nước cho mai sau…Chỉ có thể là khi mình biết nghĩ cho người khác. Mình không nói cho hả giận khi người khác nhói lòng. Mình không chỉ lo cho được việc riêng của mình mà mạc cho ai kia khổ sở….*

*Vô cảm với người khác là thiểu năng cảm xúc. Còn tệ hơn cả thiểu năng cơ thể. Bởi vì, thiểu năng cảm xúc nghĩa là dì không phải trời bắt tội, em cũng đã bị tật nguyền ngay trong cơ thể khỏe mạnh, đẹp đẽ của chính mình.*

*(Theo: Đoàn Công Lê Huy, Yêu xứ sở, thương đồng bào. NXB Kim Đồng 2018, tr 83)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

**Câu 2**. Xét về mục đích nói, câu: “*Làm sao đề niềm vui của người này không phải là nỗi buồn của người kia.”,*thuộc kiểu câu gì?

**Câu 3**. Chỉ rõ biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn in đậm.

**Câu 4**. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua đoạn văn trên là gì?

**PHẦN II: LÀM VĂN ( 16 điểm)**

**Câu 1.** **(6 điểm)**

Một số bạn em đang đua đòi theo lối ăn mặc không lành mạnh. Em hãy viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đứng đắn hơn.

**Câu 2 ( 10 điểm)**

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều từng chia sẻ: “Thơ ca là nơi duy nhất để giải phóng tôi và để tôi trú ẩn.” Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Cảm nhận bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử để làm sáng tỏ ý kiến.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự | 1 |
| **Câu 2** | 2. Nhan đề tham khảo.  - Cho và nhận  - Tiếng vọng rừng sâu. | 1 |
| **Câu 3** | + Phân tích câu ghép.*“Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con.”*  - Chủ ngữ 1: *con*  - Vị ngữ 1: *yêu thương người*  - Chủ ngữ 2: *người*  - Vị ngữ 2: *cũng yêu thương con*  + Quan hệ ý giữa hai vế của câu ghép là: quan hệ điều kiện. | 1 |
| **Câu 4.** | 4. Bài học gửi gắm.  - Con người cho đi những gì thì sẽ nhận lại được những điều như vậy.  - Hãy cho đi những điều tốt đẹp để nhận lại những điều tốt đẹp trong cuộc sống… | 1 |
|  | **PHẦN II VIẾT (16 điểm)** |  |
| **Câu 1** | **Yêu cầu chung:**  **a**. **Về Hình thức:**  - Có bố cục mạch lạc, lời văn trong sáng, diễn đạt mạch lạc, trình bày sạch đẹp không mắc lỗi diễn đạt, chính tả.  **b. Về nội dung:**  - Nắm được thể loại văn nghị luận chứng minh.  - Nêu được những biểu hiện của lối ăn mặc không lành mạnh, đưa ra những lời khuyên về cách ăn mặc đúng đắn. HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, song cần đảm bảo được các ý chính sau:  **\*.** **Mở bài**:  - Dẫn dắt: hiện tượng chạy đua theo mốt của học sinh hiện nay.  - Nêu vấn đề: Lầm tưởng đó là hợp thời nhưng tốn tiền của, thời gian vô ích, làm phai nhạt truyền thống văn hóa dân tộc. Vậy chạy theo mốt đúng hay không ?  **\***.**Thân bài:**  HS cần trình bày được các ý sau:  - Nếu bạn trút bỏ những chiếc áo sơ mi trắng, quần xanh/ đen để mặc vào mình những bộ quần áo không hợp với người Việt Nam. Hôm nay là mốt quần bò tua gấu, ngày mai là áo ngắn cũn cỡn, giày cao gót, áo chun...thì mọi người sẽ nghĩ gì về bạn...  - Có những bạn trước đây ăn mặc giản dị sau thời gian cách ăn mặc thay đổi, cho rằng cách ăn mặc mới này là” sành điệu”....  - Dù vậy, vẫn còn có những bạn mặc bộ quần áo mà một số các bạn khác cho là lỗi thời, lạc hậu nhưng bạn đó vẫn được rất nhiều người tôn trọng quý mến vì bộ quần áo bạn mặc vẫn hợp tuổi trẻ, vẫn đẹp, vẫn hấp dẫn...Vì vậy ta có thể khẳng định rằng: đẹp không phải căn cứ vào mốt*...*  - Hiện nay, nước ta có nhiều khách du lịch đến, nếu họ thấy trên hè phố toàn những thanh niên, học sinh ...với những bộ quần áo “sành điệu” như vậy liệu họ sẽ nghĩ gì về cách ăn mặc của thanh niên Việt Nam.  **\***.**Kết bài**:  - Khái quát lại nội dung vấn đề về cách ăn mặc không lành mạnh của một số bạn HS hiện nay.  - Đưa ra những lời khuyên bổ ích và liên hệ bản thân.... | 6 |
| **Câu 2** | **Yêu cầu chung:**  Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương của mình để làm bài.   Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng. | 10 |
|  | Yêu cầu cụ thể  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, giới thiệu đoạn trích.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến**  + Giải phóng: Cởi bỏ, giải thoát, vượt lên khỏi mọi giới hạn, ràng buộc.  + Trú ẩn: Tìm được nơi bình yên để nương náu.  =>Lời tâm sự của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đề cao, tôn vinh giá trị, thiên chức của thơ ca: thơ ca là cách duy nhất giúp con người vượt lên mọi giới hạn, ràng buộc để giải tỏa những cảm xúc sâu kín, đồng thời tìm được điểm tựa an yên cho tâm hồn. Giá trị của thơ được nhìn ở cả hai phương diện: người làm thơ và người đọc thơ.  **- Lý giải ý kiến:**  + Thơ là phương thức trữ tình, là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức, nơi nhà thơ chia sẻ, trút gửi những tâm tư sâu kín, những sự giày vò và chấn động bên trong. Đối với người nghệ sĩ, hoạt động sáng tạo thơ ca thực chất là sự giải phóng tâm hồn. Mặt khác, khi bộc bạch tâm tình của mình vào thơ, nhà thơ mong có được sự đồng điệu, tri âm, thấu hiểu của người đọc. Như thế, với nhà thơ, làm thơ vừa là thổ lộ, giãi bày tâm tình, vừa là tìm kiếm sự sẻ chia, đồng cảm. + Tình cảm trong thơ vừa mang tính cá thể, vừa có tính điển hình, vừa là nỗi lòng riêng, vừa là tiếng lòng chung. Bởi thế, khi đến với thơ, lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ, người đọc tìm được sự sẻ chia, đồng điệu, được khơi dậy những rung động, được bồi đắp và tinh luyện tình cảm, từ đó tìm được điểm tựa an yên cho tâm hồn.  **b. Chứng minh qua bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử**  - Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn Hàn Mặc Tử khi sáng tácĐây thôn Vĩ Dạ:  + Đây thôn Vĩ Dạ là sự giải phóng tâm hồn của Hàn Mặc Tử:  \* Nhà thơ đã vượt lên, thoát khỏi những giới hạn của câu chữ, của nỗi đau thể xác (bệnh tật giày vò), nỗi đau thân phận (hoàn cảnh tăm tối, bế tắc), nỗi đau tinh thần (sự cô đơn, tuyệt vọng, ám ảnh về cái chết) để trút gửi, bộc bạch, thổ lộ nỗi khát khao, tình yêu đời, yêu sống, yêu thiên nhiên, yêu con người tha thiết mà đau thương, trong trẻo mà đầy uẩn khúc:  (\*) Niềm ao ước thầm kín mà đắm say, ngậm ngùi nhớ tiếc mà thiết tha rạo rực (gửi gắm qua sự rung động trước vẻ đẹp của khu vườn thôn Vĩ dưới nắng mai tinh khôi, giản dị, thanh tú: nắng hàng cau, nắng mới, vườn, xanh như ngọc, lá trúc che ngang…).  (\*) Mặc cảm chia lìa, niềm ngóng trông đến khắc khoải, đợi chờ đến vô vọng (thổ lộ qua cảnh sông nước Vĩ Dạ: gió, mây, dòng nước buồn, hoa bắp lay, thuyền trăng, sông trăng…).  (\*)Tình yêu đời đầy uẩn khúc: hoài nghi mà vẫn mơ tưởng, đau đớn mà vẫn thiết tha, tuyệt vọng mà vẫn níu kéo (thể hiện qua nỗi khắc khoải: mơ, khách đường xa, áo trắng, sương khói…)  \* Tiếng lòng của Hàn Mặc Tử trong Đây thôn Vĩ Dạđược giải phóngqua mạch thơ vừa đứt đoạn vừa nhất quán, lối tạo hình giản dị mà tài hoa, ngôn từ cực tả và biểu cảm, hình ảnh thơ giản dị mà giàu sức gợi.  + Đây thôn Vĩ Dạ là nơi trú ẩn tâm hồn của Hàn Mặc Tử: viết bài thơ cũng chính là cách nhà thơ tìm đến một sự sẻ chia, đồng cảm, thấu hiểu để xoa dịu nỗi đau trong tâm hồn.  - Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn người đọc khi đến với bài thơ:  + Vượt ra khỏi sự chật hẹp của câu chữ, vượt lên khỏi những bộn bề của cuộc sống đời thường, bài thơ khơi gợi, đánh thức trong lòng người đọc sự đồng cảm, sẻ chia với tiếng lòng đau thương của nhà thơ; nỗi xốn xang ngậm ngùi về những kỉ niệm đẹp đã mãi tuột khỏi tầm tay; những rung động và khao khát hướng đến những điều lớn lao và đẹp đẽ trong cuộc sống.  + Đó cũng là điểm tựa tinh thần xoa dịu những mất mát, đau thương, giúp bồi đắp, thanh lọc tâm hồn con người.  **c. Bình luận - đánh giá ý kiến**  - Sự giải phóng và trú ẩn của tâm hồn con người khi sáng tạo và tiếp nhận thơ ca không tách biệt mà diễn ra một cách đồng thời, bổ sung cho nhau. Khi nhà thơ trút gửi tâm tình cũng là lúc đang sẻ chia, tìm kiếm sự đồng cảm, thấu hiểu, tri âm. Còn người đọc, khi lắng nghe tiếng lòng nhà thơ, thức dậy bao xúc cảm, trăn trở cũng là lúc được sẻ chia, bồi đắp, thanh lọc tâm hồn.  - Chia sẻ của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều là một quan niệm xác đáng về giá trị, thiên chức cao cả của thơ ca. Thơ ca chân chính muôn đời vẫn luôn là điểm tựa tinh thần, là sự cứu rỗi tâm hồn con người. Sứ mệnh ấy của thơ ca là duy nhất, không có bất cứ điều gì có thể thay thế.Chừng nào con người còn cần đến sự đồng cảm, sẻ chia của tâm hồn, cần đến điểm tựa tinh thần, khi ấy, thơ ca sẽ còn ở lại.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến, sự thành công của tác phẩm.  - Suy nghĩ, bài học.  **Lưu ý chung:**  *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 17:**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)**

**Hãy đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*“Ngày nay, những tiến bộ của công nghệ thông tin và truyền thông đã mở ra những cơ hội hết sức lớn lao cho tất cả mọi người. Việc tự học trở nên thuận lợi nhờ có sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông. Chúng ta không chỉ tự học qua sách mà còn qua các phương tiện trực quan, qua mạng internet và những khóa học trực tuyến (e- learning)...Vấn đề là bạn có muốn khai thác vô vàn lợi ích từ những nguồn tài nguyên vô giá đó hay không?*

*…Bản chất của việc học, xét cho đến cùng, lại chính là tự học. Cuộc đời ta không thể cứ mãi lệ thuộc vào cha mẹ hay thầy cô dìu dắt ta mãi . Vì nếu ta cứ thụ động dựa vào sự dìu dắt đó thì thử hỏi cho đến bao giờ ta mới có thể thực sự trưởng thành? Đành rằng khi còn nhỏ sự dìu dắt của cha mẹ hay thầy cô là không thể thiếu nhưng đến một lúc nào đó, ta phải đi trên con đường đời của mình bằng chính đôi chân mình, và tự học lấy những gì cần thiết . Bởi vì mọi thứ hỗ trợ của cha mẹ và thầy cô đều chỉ là giúp đỡ bên ngoài. Trong khi đó nỗ lực tự học mới là nỗ lực tự thân, nỗ lực xuất phát từ khát vọng mãnh liệt bên trong chúng ta. Và chính nỗ lực tự thân này mới là điều quyết định bạn sẽ học được gì hữu ích trong cuộc đời này.*

*(Lại Thế Luyện, “Kỹ năng tự học suốt đời” – NXB Thời đại)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2**. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

**Câu 3**. Theo tác giả điều gì quyết định đến hiệu quả học tập? Vì sao?

**PHẦN II: LÀM VĂN (16 ĐIỂM)**

**Câu 1.** **( 6 điểm)** Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn vi phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

**Câu 2. (10 điểm)**

Bàn về truyện ngắn, nhà văn Nguyễn Kiên cho rằng: *“Một truyện ngắn hay vừa là chứng tích của một thời, vừa là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời.”* Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về tác phẩm “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam, hãy làm sáng tỏ.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Nghị luận | 1 |
| **Câu 2** | Nêu nội dung chính: Những thuận lợi, vai trò ý nghĩa của tự học | 1 |
| **Câu 3** | - Theo tác giả Lại Thế Luyện điều quyết định đến kết quả học tập là nỗ lực tự thân.  **\*Giải thích:**  + Mọi thứ hỗ trợ của cha mẹ và thầy cô chỉ là giúp đỡ bên ngoài.  + Nỗ lực tự học của bản thân là quan trọng vì nó xuất phát từ khát vọng bên trong nỗ lực này mới quyết định bạn sẽ học được những hữu ích trong cuộc đời. | 2 |
| **Câu 1.** | **\* Yêu cầu chung:**  - HS biết vận dụng các kĩ năng của bài nghị luận để làm bài Tập làm văn có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài đầy đủ.  - Biết kết hợp các yếu tố: biểu cảm, tự sự, miêu tả và vận dụng thực tế cuộc sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận…  \*Yêu cầu cụ thể : Dàn ý  **1. Mở bài:**  - Nước ta đã bước vào thời kì hội nhập. Vì thế cùng với công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì ngành công nghệ thông tin cũng phát triển vượt bậc. Bên cạnh những tiện ích thì Internet cũng có những mặt trái của nó.  - Đặc biệt, là trò chơi điện tử - món tiêu khiển hấp dẫn đã khiến nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn phạm những sai lầm khác. Chúng ta suy nghĩ như thế nào về hiện tượng này?  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích:** Trò chơi điện tử là gì?  - Một nhà tâm lý Mỹ đã đưa ra định nghĩa: “Trò chơi điện tử là trò chơi mà hành động trong đó cần công nghệ thông tin điều khiển”.  - Hiểu một cách đơn giản, trò chơi điện tử là những trò chơi được chơi trên thiết bị điện tử (thường được gọi là game).  **b. Biểu hiện:**  - Ta có thể thấy ở bất kì đâu trên khắp nẻo đường, từ thành thị đên nông thôn những quán internet mọc lên như nấm.  - Món tiêu khiển hấp dẫn này đã thu hút nhiều đối tượng, trong đó nhất là học sinh.  - Học sinh có thể ngồi hàng ngày, hàng giờ trước màn hình vi tính, mê mẩn với những trò chơi như: liên minh huyền thoại, nông trại, thời trang, nấu ăn, đảo rồng… quên cả thời gian, quên ăn, quên học.  **c. Nguyên nhân:**  - Do ý thức bản thân, ham mê quá mức và chưa xác định được động cơ và mục đích học tập.  - Do cha mẹ quá nuông chiều con, buông lỏng hoặc quá tin tưởng vào con, không quan tâm đến con.  - Thích chinh phục khám phá để trở thành người giỏi nhất, để bạn bè tôn vinh và bái phục  - Do buồn chán hoặc bị bạn bè rủ rê, lôi kéo, không tự chủ được bản thân  **d. Hậu quả:**  - Ảnh hưởng tới sức khỏe như: mắt bị mỏi, nặng hơn là bị cận thị, sức khỏe giảm sút nhanh chóng.  - Tốn tiền của gia đình một ích vô ích có khi còn làm thay đổi nhân cách của con người (nói dối, trộm cắp, lừa lọc, thậm chí còn giết người).  - Học sinh sẽ xao nhãng việc học, bỏ học, trốn học, không làm bài tập dẫn đến học tập sút kém.  - Trò chơi điện tử khiến tâm hồn con người bị đầu độc bạo lực, chém giết, bắn phá khiến con người dễ rơi vào thế giới ảo, đầu mưu mô, nhiều thủ đoạn dẫn đến việc luôn luôn tìm mọi cách đối phó với gia đình, bạn bè, thầy cô.  **e. Biện pháp:**  - Học sinh phải xác định được nhiệm vụ chính là học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách, không lãng phí thời gian vào trò chơi vô bổ, thậm chí có hại, biết chế ngự, kìm nén bản thân để không xa vào những trò chơi chết người đó.  - Cần có sự quan tâm thường xuyên của gia đình, sự quản lý của nhà trường và xã hội, để giúp cho con em mình tránh xa những đam mê tai hại đó.  - Nhà trường cần giáo dục, phối hợp thế hệ trẻ tạo ra những sân chơi bổ ích có trí tuệ để tất cả các bạn đều tham gia.  - Hơn ai hết, bản thân mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ ràng những mặt lợi, mặt hại của trò chơi điện tử để tự điều chỉnh mình, tự rèn luyện ý thức tự giác.  - Chỉ nên xem đây là thú tiêu khiển mang tính giải trí để không quá lạm dụng nó, phụ thuộc vào nó. | 6 |
| **Câu 2** | **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học có liên quan đến lí luận về đặc trưng của truyện ngắn.  - Sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận giải quyết một vấn đề văn học theo định hướng yêu cầu của đề bài: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ…  - Bài viết có bố cục chặt chẽ, khoa học, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.  **II. Yêu cầu về kiến thức**  Thí sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo rõ các ý sau:  **1. Giải thích**  - Đặc trưng của truyện ngắn: thể loại tự sự cỡ nhỏ, dung lượng ngắn, thường chỉ kể về một tình huống đặc biệt của đời sống, với số lượng không nhiều các nhân vật, tình tiết, chi tiết, qua đó gửi gắm những thông điệp tư tưởng, tình cảm của tác giả  - Nhận định bày tỏ quan niệm, yêu cầu đối với một truyện ngắn hay:  + là chứng tích của một thời: phản ánh chân thực hiện thực thời đại, đặt ra những vấn đề quan trọng, bức thiết của cuộc sống, con người đương thời (bản chất hiện thực, số phận con người, nỗi trăn trở nhân sinh…) Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời (Tô Hoài)  + Là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời: tác phẩm đặt ra, chạm tới được những chân lí giản dị - những vấn đề bình dị nhưng đúng đắn, là cốt lõi, bản chất, mang tính quy luật phổ quát, lâu dài của nhân sinh muôn thuở. Khi đó, tác phẩm là kết quả của sự gắn bó, trăn trở sâu sắc với thời đại và nhân sinh, thực sự có giá trị và sức sống lâu dài.  => Đây là nhận định đúng đắn, sâu sắc, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài.. Truyện ngắn hay là những tác phẩm hài hòa hai giá trị: vừa soi bóng thời đại, ghi dấu những vấn đề lớn, cốt lõi của thời đại – vừa có ý nghĩa lâu dài, chạm đến những chân lí bình thường, phổ quát, muôn đời.. Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao: tuy dung lượng ngắn, tình huống độc đáo, nhân vật không nhiều, chi tiết cô đúc … nhưng có độ dồn nén, hàm súc, khả năng khái quát, điển hình.  **2. Phân tích và chứng minh**  **\* Giới thiệu về truyện Hai đứa trẻ và Thạch Lam**  - Thạch Lam: Một cây bút với cái nhìn nhân đạo về cuộc sống con người, một truyện ngắn trong trẻo có khả năng thanh lọc con người  - Truyện ngắn Hai đứa trẻ là một truyện ngắn hay, tiêu biểu cho nghệt huật truyeenh ngắn của Thạch Lam- một bài thơ trữ tình đượm buồn, chứa đựng những giá trị nhân đạo mới mẻ, đặc sắc của Thạch Lam.  **\* Tác phẩm Hai đứa trẻ là chứng tích của một thời**  - Truyện kể, tả về diễn biến tâm trạng hai đứa trẻ trong một buổi chiều tàn đến đêm xuống và về khuya trên một phố huyện nhỏ, từ đó mở ra bức tranh cuộc sống triền miên trong đói nghèo, tăm tối, quẩn quanh của phố huyện nói riêng, xã hội Việt Nam nói chung những năm trước cách mạng tháng Tám năm 1945.  - Truyện làm hiện lên những mảnh đời nơi phố huyện, tuy mỗi nhân vật một vài nét chấm phá nhưng đủ cho người đọc hình dung những cuộc đời chìm trong đói nghèo, tăm tối, những kiếp sống mờ mờ nhân ảnh, đơn điệu, buồn chán, quẩn quanh..  - Chọn phân tích:  - Phiên chợ tàn nói lên được tất cả bộ mặt của phố huyện: + Cảnh chợ tàn mở ra bằng hình ảnh: người về hết và tiếng ồn ào cũng mất; trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, nhãn và lá mía. Mặc dù thế nhưng lũ trẻ vẫn cố bòn mót trong đám phế thải đó một chút gì còn sót lại. Mùi vị tỏa ra từ khung cảnh ấy là mùi của rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị…một mùi âm ẩm, ngai ngái. Đó là thứ mùi rất đặc trưng để nói tới sự nghèo nàn. Nó đã góp phần làm khung cảnh thêm tàn lụi, héo úa.  - Những cảnh đời, những con người - chứng nhân của cuộc sống nghèo nàn, đơn điệu hiện lên thật ám ảnh.  + Điển hình cho những kiếp người đó là mẹ con chị Tí với nhịp sống quẩn quanh. Ngày cho mò cua bắt tép, tối đến chị mới dọn hàng nước. Nhưng cái đáng sợ là dẫu biết sớm hay muộn có ăn thua gì chị vẫn dọn. Đây không phải là cuộc sống thật sự mà sự cầm chừng giao tranh với sự sống. Ngay cả cách trả lời Liên “ Ôi chao! …gì” cũng góp phần cho ta thấy cuộc sống tẻ nhạt, quẩn quanh của nhân vật.  + Bà cụ Thi điên: chỉ đủ tiền mua một cút rượu uống một hơi cạn sạch. Đó là một hình ảnh đầy sức ám ảnh với dáng đi lảo đảo và tiếng cười khanh khách tan vào trong bóng đêm. Phải chăng đó chính là sản phẩm của một cuộc sống mòn mỏi, quẩn quanh. Người điên, người thì còn đó nhưng đời đã tàn quá nửa.  + Bác Siêu với gánh phở của mình hi vọng sẽ kiếm được chút gì để tồn tại, để cầm cự với sư sống. Nhưng ở nơi phố huyện nghèo này, phở trở thành một thứ quà xa xỉ, vì vậy nguy cơ ế hàng càng cao.  + Gia đình bác Xẩm: dùng lời ca tiếng hát của mình để kiếm sống. Nhưng ở nơi cái ăn còn chẳng có thì người dân nghèo làm gì có thời gian để thưởng thức âm nhạc. Vì vậy, cái nghèo, cái đói luôn rình rập gia đình bác.  + Trên cảnh bức tranh đời buồn thảm, héo tàn là bóng hai chị em Liên cũng âm thầm không kém với cái cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, khách hàng là những con người khốn khổ không đủ tiền mua lấy nửa bánh xà phòng. Liên thương cho những kiếp người lay lắt nhưng bản thân cuộc sống của Liên cũng không tránh khỏi cuộc sống nghèo nàn đơn điệu. Trong nỗi buồn chung của mọi người, bi kịch của Liên là ý thức được nỗi buồn và sự đơn điều, bủa vây.  => Qua đó, nhà văn Thạch Lam vừa bộc lộ niềm thương cảm, xót xa vừa gửi gắm sự trân trọng, nâng niu với những con người tuy chìm trong đói nghèo, tăm tối, quẩn quanh nhưng tâm hồn luôn nhạy cảm, nhân ái và chưa bao giờ nguôi hi vọng về một thế giới tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn. Tinh thần nhân đạo này là kết quả của sự thức tỉnh của ý thức cá nhân, về ý nghĩa sự sống của con người trong đời sống và văn học những năm đầu thế kỷ XX.  **\* Tác phẩm Hai đứa trẻ còn là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời**: học sinh có thể chọn phân tích một trong những vấn đề mang giá trị chân lí giản dị của mọi thời trong thiên truyện:  - Nỗi khổ lớn nhất của con người không chỉ là sự đói nghèo về vật chất mà là sự buồn chán, đơn điệu, quẩn quanh của đời sống tinh thần.  - Dù cuộc sống lay lắt, tăm tối, quẩn quanh, dù mong manh thì con người vẫn không nguôi hi vọng, tha thiết đợi chờ, hướng tới một thế giới tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn. Sự nhạy cảm, nhân ái, giàu hi vọng của con người chính là chất thơ, vẻ đẹp muôn đời để cuộc sống không chìm hẳn trong tăm tối, tuyệt vọng.  - Chọn phân tích: Cảnh đợi tàu và tâm trạng của chị em Liên cũng như những người dân phố huyện  - Cảnh chờ tàu và khát khao vươn tới cuộc sống có ý nghĩa của những con người nhỏ bé nơi phố huyện:  + Đoàn tàu xuất hiện đó là hoạt động cuối cùng của đêm khuya. Trong tâm trạng buồn Liên hoài niệm về quá khứ và khao khát, hi vọng đợi chờ: đó là hi vọng chờ đợi một chuyến tàu đêm đi qua. Diễn biến tâm trạng chờ tàu của hai chị em Liên được Thạch Lam miêu tả khá tinh tế.  + Chị em Liên chờ tàu không phải để bán hàng mà là nhu cầu tinh thần hàng đêm. Bởi vậy, An mặc dù đã buồn ngủ díu cả mắt vẫn cố dặn chị “tàu đến chị đánh thức em dậy  nhé”. "Hai chị em Liên chời đợi tàu trong tâm trạng háo hức, bồi hồi như chờ đợi phút giao thừa thiêng liêng. Đoàn tàu đến trong sự mong chờ của chị em Liên. Liên và An hướng cả hồn mình vào đoàn tàu khi còn ở xa “tiếng còi đã rít lên và tàu rầm rộ đi tới với những toa hạng sang, kèn và đồng lấp lánh, các cửa kính sáng. "Con tàu đã đem đến một thế giới khác đi qua, một thế giới rực rỡ, vui vẻ, huyên náo- một thế giới khác hẳn với sự nghèo khôt hàng ngày.  - Đoàn tàu chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc rất ngắn rồi vụt qua đi vào đêm tối. Ta bắt gặp phía sau đoàn tàu một nguồn ánh sáng nhỏ nhoi chỉ trực tan hòa vào bóng tối. An nhận ra tàu hôm nay “kém sáng hơn”, nhưng Liên vẫn “lặng theo mơ tưởng”. Đoàn tàu không làm thay đổi cuộc sống nơi phố huyện nhưng sự xuất hiện của nó đủ để lại niềm khao khát cho những con người nơi đây  => Niềm cảm thương sâu sắc, chân thành của nhà văn đối với cuộc sống chìm khuất mỏi mòn, quẩn quanh của những con người nhỏ bé nơi phố huyện bình lặng tối tăm cùng với những điều mong ước khiêm nhường mà thiết tha của họ. Thức tỉnh con người hướng tới cuộc sống thực sự có ý nghĩa. Thạch Lam đã trải lòng mình ra để lắng nghe thấu hiểu những khát khao nhỏ bé của những kiếp người nhỏ bé. Khẳng định sức sống mãnh liệt của con người và khao khát đổi đời ở họ.Dù cuộc sống có khó khăn, bế tắc nhưng vẫn không dập tắt được những khát khao, mong ước hướng về ánh sáng niềm vui của con người  **3. Đánh giá chung**  - Nhận định chủ yếu khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn ở phương diện ý nghĩa nội dung tư tưởng, song cũng cần nhắc tới những yêu cầu, phẩm chất về nghệ thuật của thể loại: dựng chuyện, kể chuyện hấp dẫn; xây dựng nhân vật; lựa chọn sáng tạo chi tiết, giọng điệu, lời văn…  - Ý kiến được nêu cũng gợi nhắc những đòi hỏi, yêu cầu:  + Đối với người sáng tác: phải gắn bó, hiểu biết sâu sắc, trăn trở và nói lên những vấn đề thiết cốt nhất của thời đại để tác phẩm của mình thực sự là chứng tích củamột thời; đồng thời đào sâu vào những vấn đề bản chất, chân lí của nhân sinh để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại.  + Đối với người đọc: tiếp nhận, trân trọng giá trị của những tác phẩm hay giúp ta hiểu sâu rộng hơn về cuộc sống, con người một thời và thấy được ý nghĩa của tác phẩm với muôn đời, muôn người, trong đó có chúng ta và thời đại mình đang sống. | 10 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐẾ 18:**

**Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm)**

*Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*

*(1)…Sống là không chờ đợi. Dù chỉ mấy mươi giây.*

*(2) Tôi nhớ có hôm nào đó, em đã nói với tôi rằng đấy là một triết lí hay, ta phải tranh thủ sống đến từng giây của cuộc đời. Nhưng em biết không, đừng vì bất cứ một triết lý nào mà gạt bỏ đi ý nghĩa của sự chờ đợi. Chờ đợi ở đây không phải là há miệng chờ sung, mà chờ đợi là một phần của bài học cuộc đời. Em sẽ bằng lòng chờ đợi chứ, nếu em biết về điều sẽ xảy ra? Đợi khi xếp hàng ở siêu thị, vì biết rồi sẽ đến lượt mình và rằng đó là sự công bằng. Đợi tín hiệu đèn xanh trước khi nhấn bàn đạp, vì biết đó là luật pháp và sự an toàn cho chính bản thân. Đợi một người trễ hẹn thêm năm phút nữa, vì biết có bao nhiêu điều có thể bất ngờ xảy ra trên đường. Đợi một cơn mưa vì biết rằng dù dai dẳng mấy, nó cũng phải tạnh. Đợi một tình yêu đích thực vì biết rằng những thứ tình yêu “theo trào lưu” chỉ có thể đem đến những tổn thương cho tâm hồn nhạy cảm của em…*

*(3) Vì vậy, hãy cứ bình tâm, em nhé. Cuộc đời ta cũng như rượu vang vậy. Có những loại vài tháng là uống được. Nhưng cũng có loại phải lưu giữ rất nhiều năm để đạt độ chín cần thiết. Điều quan trọng không phải là sớm hay muộn, mà là đúng lúc. Bởi mọi thứ đều có thời điểm của riêng nó. Vì rượu ngon chính là phần thưởng của tháng năm…*

*(4) Tôi nhớ có một câu danh ngôn, đại ý rằng: “Bạn sẽ có con gà cao lông vàng mũm mĩm bằng cách ấp trứng, chứ không phải bằng cách đập vỡ cái trứng ra”. Vậy thì đó lý do tại sao con sâu phải nằm trong kén đủ ngày rồi mới được hóa thân. Cũng như con người phải chín tháng mười ngày mới nên rời lòng mẹ. Đó cũng là lý do của ba mươi chín giây đèn đỏ, của mười hai năm miệt mài trên ghế nhà trường, của một mối tình thiết tha còn chưa chịu hé lộ. Và của rất nhiều khoảnh khắc chờ đợi trong cuộc đời.*

*(5) Mọi vật đều có thời điểm của nó. Em đừng cố rút ngắn thời gian. Nếu trái chưa chín thì đừng nên hái. Nếu nhộng chưa chín thì đừng phá vỡ kén tằm. Nếu chưa gặp được một tâm hồn đồng điệu thì đừng trao gửi trái tim. Đừng để thế giới này tác động…Hãy tận dụng khoảng lặng này để bồi đắp cho chính mình và học cách khám phá điều sẽ xảy ra...*

*(Theo Nếu biết trăm năm là hữu hạn - Phạm Lữ Ân, NXB Hội nhà văn, 2016, tr84,87)*

**Câu 1**. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn văn thứ 2.

**Câu 2**. Tại sao tác giả lại nói: “Rượu ngon chính là phần thưởng của tháng năm”?

**Câu 3**. Anh (chị) hiểu thế nào về câu nói: “Hãy tận dụng khoảng lặng này để bồi đắp cho chính mình và học cách khám phá điều sẽ xảy ra”?

**Câu 4**. Anh (chị) có đồng tình với ý kiến: “Mọi vật có thời điểm của nó. Em đừng cố rút ngắn thời gian” không? Vì sao?

**Phần II: Làm văn (14 điểm)**

**Câu 1: (6.0 điểm)**

Từ đoạn ngữ liệu trong phần đọc - hiểu, anh (chị) hãy viết một bài văn (khoảng 400 chữ) với thông điệp: Sống là phải biết chờ đợi.

**Câu 2.** **(10 điểm)**

Nói về thơ, Nguyễn Công Trứ tâm sự: *"Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời"*, còn Tố Hữu lại khẳng định rằng *"Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó".* Bằng việc phân tích bài thơ *"Vội vàng*" (Xuân Diệu), anh (chị) hãy trình bày ý kiến của mình về những quan niệm trên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Điệp cấu trúc: Đợi..., vì biết… => Tác dụng: nhấn mạnh vào ý nghĩa của sự chờ đợi. Khi đủ kiên nhẫn chờ đợi ta sẽ nhận được những điều ý nghĩa, bất ngờ của cuộc sống | 1 |
| **2** | “Rượu ngon là phần thưởng của tháng năm”: - Nếu biết chưng cất, lưu giữ rượu nhiều năm để đạt đến độ chín cần thiết thì sẽ được thưởng thức rượu ngon (vì rượu quý càng để lâu càng thơm, càng nồng, càng ngon). - Nếu chịu khó kiên nhẫn, biết chờ đợi, vào những thời điểm thích hợp, chúng ta sẽ nhận được những những món quà, những may mắn, phần thưởng trong cuộc sống. | 1 |
| **3** | “Hãy tận dụng khoảng lặng này để bồi đắp cho chính mình và học cách khám phá điều sẽ xảy ra”: Mỗi con người cần dành cho mình một khoảng thời gian (tận dụng khoảng lặng) để học tập, hoàn thiện bản thân và tích lũy những kinh nghiệm trong cuộc sống. | 1 |
| **4** | HS có thể khẳng định thái độ đồng tình hoặc không đồng tình theo quan điểm riêng của bản thân. - Nêu lí do thuyết phục để khẳng định sự lựa chọn. | 1 |
|  | **PHẦN II VIẾT** |  |
| **Câu 1** | **Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết đảm bảo bố cục ba phần, rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | 6 |
|  | Về kiến thức: Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được những yêu cầu sau:  **1. Giải thích câu nói:**  - Sự chờ đợi: mong ngóng, trông đợi ai đó, điều gì đó sẽ đến, sẽ xảy ra, thường là những điều thuận lợi, tốt đẹp với sự kiên nhẫn, bình tâm, tin tưởng.  - Sống là phải biết chờ đợi: đó là một triết lí sống, một thông điệp sống có ý nghĩa, khuyên con người nên nhẫn nại, bình tâm, dành trong đời mình những khoảng lặng chờ đợi.  **2. Bàn luận về câu nói:**  \* Vì sao “Sống là phải biết chờ đợi”:  - Vì mọi thứ đều có thời điểm của riêng nó, sự vận động, phát triển của đời sống luôn thuận theo quy luật, con người không thể đi ngược lại, mà phải tuân thủ quy luật, phải biết đợi chờ để mọi thứ được trôi chảy thuận theo lẽ tự nhiên.  - Vì xã hội có những quy định để thiết lập nên trật tự, sự công bằng, mỗi người cần phải có ý thức hành xử đúng đắn, không vượt ra khỏi giới hạn của những khuôn khổ, biết chờ đợi nghĩa là chấp hành pháp luật, tôn trọng mình và tôn trọng người khác, tạo ra sự bình ổn, an toàn.  **\* Ý nghĩa của sự chờ đợi:**  - Biết chờ đợi, con người sẽ hạn chế được những trạng thái tiêu cực; giữ được sự cân bằng cảm xúc, tạo cảm giác bình tâm, an yên trước những sóng gió, va đập của cuộc sống.  - Biết chờ đợi, con người sẽ tận dụng được khoảng lặng để bồi đắp cho chính mình và học cách khám phá điều sẽ xảy ra.  - Chờ đợi cho trái chín, cho bản thân đủ trải nghiệm để đạt đến thành công.  - Biết chờ đợi không có nghĩa là thụ động trông chờ theo kiểu “há miệng chờ sung” mà không có sự nỗ lực cố gắng của bản thân. Chờ đợi ở đây có nghĩa là chúng ta vẫn không ngừng nỗ lực phấn đấu, để tiến bước xa hơn, nhưng không nản chí, nhụt lòng khi gặp những chông gai, khi phải “chờ” thành công quá lâu.  - Bên cạnh đó, vẫn có những người sống vội, sống gấp mà bỏ qua những giá trị tinh thần tốt đẹp, tích cực của cuộc sống.  - Sống chậm theo đúng nghĩa sẽ giúp bạn tận hưởng mọi vẻ đẹp, trân trọng từng khoảnh khắc của cuộc sống.  **3. Bài học nhận thức và hành động:**  - Không tham lam mưu cầu và tranh giành quyền lợi với sự nóng vội, bất chấp. Biết nhẫn nại chờ đợi để được nhận những món quà bất ngờ từ cuộc sống.  - Phải biết thời điểm “đúng lúc” để nắm bắt thời cơ, biến thời gian chờ đợi thành tích lũy để hành động. |  |
| **Câu 2** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  - Dẫn dắt câu nói trên  **2. Thân bài**  **a. Giải thích câu nói**  **- Quan niệm của Nguyễn Công Trứ:**  + Nội dung quan niệm:"nợ" vừa là duyên nợ, vừa là trách nhiệm của người cầm bút với thơ ca.  - Chuốt lời: Là lựa chọn, gọt giũa ngôn từ (rộng hơn là hình thức nghệ thuật) một cách công phu sao cho đạt đến độ chính xác nhất, tinh lọc nhất, cao nhất về mặt thẩm mỹ. “Chuốt lời” vì thế sẽ là sự thể hiện tài năng và trách nhiệm của nhà thơ với việc sáng tác thơ và với người đọc.  + Cơ sở quan niệm của Nguyễn Công trứ: Lao động thơ là lao động nghệ thuật - nó đòi hỏi công phu, tâm huyết và sự sáng tạo. Sáng tạo sẽ đem đến cái mới, công phu tâm huyết sẽ tạo nên sự hoàn hảo và chiều sâu. Văn chương tồn tại bởi nội dung tư tưởng song tồn tại bằng ngôn từ nghệ thuật. Nếu chất liệu ngôn từ không được lựa chọn và gọt giũa, sức biểu đạt của nó kém đi sẽ khiến tư tưởng, tâm huyết của nghệ sĩ không thể hiện được trọn vẹn, tính nghệ thuật của tác phẩm giảm sút, sức hấp dẫn nghệ thuật kém sẽ khiến những giá trị còn lại dù có cũng khó phát huy tác dụng. Thơ ca lại càng đòi hỏi điều này vì nó có những đặc trưng mang tính loại biệt (trong phạm vi dung lượng giới hạn, thơ cần biểu đạt một cách sâu sắc, tinh tế tư tưởng, tình cảm, khát vọng bằng hình tượng nghệ thuật giàu tính thẩm mĩ và có sức mê hoặc mạnh mẽ). "Chuốt lời" vì thế sẽ là sự thể hiện của tài năng, cũng là sự thể hiện trách nhiệm của nhà thơ với thơ và với người đọc.  **- Quan niệm của Tố Hữu:**  + Nội dung quan niệm: "câu thơ" là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, cũng là hình thức tồn tại của những tư tưởng tình cảm mà nhà thơ gửi gắm. "Đọc" là hành động tiếp nhận và thưởng thức của người đọc. "Tình người" là nội dung tạo nên giá trị đặc trưng của thơ - là nội dung tình cảm, cảm xúc của thơ. Từ ý nghĩa cụ thể của từ ngữ, có thể hiểu ý kiến của TH đề cập đến giá trị của thơ từ góc nhìn của người thưởng thức, tiếp nhận thơ: giá trị của thơ là giá trị của những tư tưởng tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc mạnh mẽ, càng lớn lao đẹp đẽ sẽ càng khiến thơ lay động lòng người.  + Cơ sở quan niệm của TH: đặc trưng của thơ là thể hiện tư tưởng qua sự rung động của tâm hồn, qua các cung bậc của tình cảm. Với người làm thơ, bài thơ là phương tiện biểu đạt tình cảm, tư tưởng. Với người đọc thơ, đến với bài thơ là để trải nghiệm một tâm trạng, một cảm xúc và tìm một sự đồng cảm sẻ chia về mặt tình cảm với nhà thơ - sẻ chia những điều đang làm mình trăn trở. Vì thế, khi đến với một bài thơ, người đọc chú ý tới tình cảm, cảm xúc chứ ít chú ý tới hình thức biểu đạt cảm xúc ấy (vốn là công việc của nhà nghiên cứu). Tuy nhiên, nói "không thấy câu thơ" không có nghĩa là "câu thơ" không tồn tại mà là "câu thơ" đã đồng nhất với tình người, là nội dung cảm xúc đã lặn vào trong chính cái hình thức biểu đạt và hình thức trở thành dạng tồn tại, hình thức tồn tại của tình cảm.  - Đánh giá và đề xuất ý kiến: hai ý kiến không hề mâu thuẫn mà là sự bổ sung để mang đến một nhận thức tương đối toàn diện về thơ. Từ hai ý kiến này có thể xác định: thơ hay là thơ lay động tâm hồn con người bằng cảm xúc, tình cảm. Song để có thơ hay, nhà thơ bên cạnh sự sâu sắc của tình cảm, sự phong phú của cảm xúc cần nghiêm túc trong lao động nghệ thuật mà trước hết là lựa chọn, chỉnh sửa và sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ.  **c. Chứng minh qua bài thơ “Vội vàng”:**  **+ Nội dung cảm xúc:**  Là sự thể hiện một tình yêu cuộc sống mãnh liệt  - Niềm say mê cuộc sống khiến Xuân Diệu phát hiện ra một thiên đường trên mặt đất- một thiên đường tràn đầy xuân sắc và vô cùng hấp dẫn.  - Yêu cuộc sống, nhà thơ cũng ý thức sâu sắc về giá trị cuộc sống nên khát khao đảo lộn quy luật cuộc sống, ngăn cản bước đi của thời gian để gìn giữ những vẻ đẹp của sự sống.  - Cũng vì niềm say mê với cuộc sống nên nhà thơ mới hốt hoảng lo âu, thậm chí oán giận thời gian trôi chảy vô tình.  - Tình yêu cuộc sống đã tiếp thêm sức mạnh để nhà thơ không buông trôi theo sự trôi chảy của thời gian, sự phôi pha tàn úa của sự sống mà tăng cường độ sống để sống mạnh mẽ, trọn vẹn và tận độ bằng việc giao cảm và hưởng thụ sự sống.  Học sinh có thể triển khai theo hướng sau:  **+ Luận điểm 1**: **Tình yêu thiên nhiên tha thiết và niềm say mê cuộc sống nơi trần thế. (11 câu thơ đầu)**   - Thiên nhiên rất đẹp, đầy hương sắc của hoa đồng nội xanh rì, của lá cành tơ phơ phất, tuần tháng mật của ong bướm, khúc tình si của yến anh, và này đây ánh sáng chớp của hàng mi.  - Chữ "này đây" được nhắc lại 5 lần để diễn tả sự sống ngồn ngộn phơi bày, thiên nhiên hữu tình xinh đẹp thật đáng yêu. Vì lẽ đó nên phải vội vàng tắt nắng đi và buộc gió lại. Trong cái phi lí có sự đáng yêu của một tâm hồn lãng mạn.   Bình minh là khoảnh khắc tươi đẹp nhất của một ngày, đó là lúc Thần Vui hằng gõ cửa.  - Tháng giêng là tháng khởi đầu của mùa xuân, "ngon như một cặp môi gần".  + Một chữ "ngon" chuyển đổi cảm giác thần tình, một cách so sánh vừa lạ vừa táo bạo.  + Chiếc môi ấy chắc là của giai nhân, của trinh nữ.  - Đây là câu thơ hay nhất mới nhất cho thấy màu sắc cảm giác và tâm hồn yêu đời, yêu cuộc sống đến cuồng nhiệt của thi sĩ Xuân Diệu.  - Dấu chấm giữa dòng thơ rất mới, thơ cổ không hề có. Như một tuyên ngôn về vội vàng:  *"Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*  *Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa.*  *Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân."*  Vội vàng vì thiên nhiên quá đẹp, vì cuộc sống quá yêu, vì tuổi trẻ quá thơ mộng. Đang tuổi hoài niên mà đã “vội vàng một nửa”... -> Cảm thức của thi sĩ về thời gian, về mùa xuân, về tuổi trẻ rất hồn nhiên, mới mẻ.  => Chắc là Xuân Diệu viết bài thơ này trước năm 1938, lúc ông trên dưới 20 tuổi - cái tuổi thanh xuân bừng sáng, nhưng thi sĩ đã vội vàng một nửa - cách nói rất thơ - chẳng cần đến tuổi trung niên (nắng hạ) mới luyến tiếc tuổi hoa niên.  + **Luận điểm 2**: **Nỗi trăn trở trước thời gian và cuộc đời (18 câu tiếp)**  - Quan niệm về thời gian có nhiều cách nói: Thời gian là vàng ngọc; Bóng ngả lưng ta; Thời gian vun vút thoi đưa, như bóng câu (tuấn mã) vút qua cửa sổ, như nước chảy qua cầu. Thời gian một đi không trở lại.  - Xuân Diệu cũng có một cách nói rất riêng của nhà thơ: tương phản đối lập để chỉ ra một đời người chỉ có một tuổi xuân; tuổi trẻ một đi không trở lại.  - Mối tương giao mầu nhiệm của cảnh vật, của tạo vật hình như mang theo nỗi buồn chia phôi hoặc tiễn biệt, hờn vì xa cách, sợ vì phai tàn sắp sửa. Cảm xúc lãng mạn dào dạt trong cái vị đời. Nói cảnh vật thiên nhiên mà là để nói về con người, nói về nhịp sống khẩn trương, vội vàng của tạo vật. Với Xuân Diệu, hầu như cuộc sống nơi vườn trầu đều ít nhiều mang bi kịch về thời gian.  *Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi*  *Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt.*  - Câu hỏi tu từ xuất hiện cũng là để là nổi bật nghịch lí giữa mùa xuân - tuổi trẻ và thời gian:  *Con gió xinh thì thào trong lá biếc*  *Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?*  *Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi*  *Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?*  => Những câu thơ trên giúp ta cảm nhận sắc điệu trữ tình trong **Vội vàng** về màu thời gian và tuổi trẻ. Thật yêu đời. Thật ham sống.  + **Luận điểm 3**: **Khát vọng sống, khát vọng cuồng nhiệt của tác giả**(10 câu cuối):  - Giục giã thời gian để tận hưởng cuộc sống  - Mãnh liệt khát vọng yêu thương  - Sống cũng là để yêu, yêu hết mình. Thơ hay vì màu sắc lãng mạn. Vì giọng thơ sôi nổi. Nghệ thuật vắt dòng với ba từ và xuất hiện trong một dòng thơ làm nổi bật cảm xúc: say mê vồ vập cảnh đẹp, tình đẹp nơi vườn trần. Tất cả mùi thơ, ánh sáng, thanh sắc, xuân hồng... đều là khao khát của thi nhân:  *Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng*  *Cho no nê thanh sắc của thời tươi*  *Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*  - Tác giả cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan của mình.  **\* Đánh giá chung:**  - Lời thơ là lời nói với rất nhiều dấu hiệu ngữ pháp (sử dụng hư từ, hô ngữ...) và hình thức đối thoại giúp nhà thơ thể hiện trực tiếp con người cá nhân, giọng điệu cá nhân mở đường cho sự thổ lộ giãi bày cảm xúc một cách tự nhiên và nồng nhiệt.  - Ngôn ngữ rất giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, đặc biệt rất trẻ trung, hiện đại và đầy táo bạo giúp tác giả chuyển tải bức thông điệp tinh thần một cách độc đáo, gây ấn tượng mạnh mẽ.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vẫn đề  - Khẳng định lại giá trị của câu nói | 10  2  6  2 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 19:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4 điểm)**

**VÔ ĐỀ**

*(Pimen Panchenko)*

*"Đừng đố kị cũng đừng hợm hĩnh*

*Bạn tôi ơi hãy làm chủ bản thân*

*Tự dưới thấp hãy nhìn thông cao vợi*

*Nhìn mây trời*

*Chứ không phải thế nhân*

*Còn nếu bạn giữa vinh quang chói lọi*

*Hãy tự mình vượt qua nó bạn ơi*

*Tự trên cao hãy nhìn xuống suối*

*Xuống cỏ hoa*

*Chứ không phải con người."*

**Câu 1:** Nêu thể thơ và phương thức biểu đạt của bài thơ.

**Câu 2:** Em hiểu như thế nào vềlờikhuyên ở khổ thơ thứ nhất?

**Câu 3:** Xác định và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ trong những câu thơ sau: **“…** *Tự dưới thấp hãy nhìn thông cao vợi /Nhìn mây trời /Chứ không phải thế nhân*

*Tự trên cao hãy nhìn xuống suối/ Xuống cỏ hoa /Chứ không phải con người."*

**Câu 4**: Thông điệp quan trọng nhất em rút ra từ bài thơ? Vì sao?

**PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)**

**Câu 1( 6 điểm**): Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em từ nội dung bài thơ trong phần Đọc hiểu.

**Câu 2**. **(10 điểm)** Nguyễn Công Trứ từng tâm sự: *“Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời”*. Còn nhà thơ Tố Hữu lại khẳng định: *“Đọc một câu thơ người ta không thấy câu thơ, chỉ thấy tình người trong đó”*. Bằng việc phân tích bài thơ “Bài ca ngất ngưởng” của Nguyễn Công Trứ em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.

*Vũ trụ nội mạc phi phận sự,  
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.  
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,  
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng.  
Lúc bình Tây, cờ đại tướng,  
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.  
Đô môn giải tổ chi niên,  
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng.  
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,  
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.  
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,  
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.  
Được mất dương dương người tái thượng,  
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.  
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,  
Không Phật, không tiên, không vướng tục.  
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú,  
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.  
Trong triều ai ngất ngưởng như ông!*

*(Thơ văn Nguyễn Công Trứ, NXB Văn học, 1983)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU** |  |
| 1 | - Thể thơ tự do  - Phương thức biểu đạt: Nghị luận, biểu cảm. | 1 |
| 2 | - Ý nghĩa của khổ thơ thứ nhất: khuyên chúng ta không nên đố kị, hợm hĩnh mà luôn làm chủ bản thân, biết nhìn lên và nhìn xuống để điều chỉnh cách sống cho phù hợp. | 1 |
| 3 | - BPTT điệp từ, điệp cấu trúc.  - Biện pháp điệp cú pháp (điệp cấu trúc).  =>Tác dụng nhấn mạnh cách sống hài hòa, linh hoạt, mềm dẻo, luôn giữ cho tâm hồn nhẹ nhõm, vui vẻ; tạo nhịp điệu uyển chuỷển cho câu thơ, tăng sự hấp dẫn với người đọc. | 1 |
| 4 | HS nêu thông điệp và giải thích một cách thuyết phục. | 1 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN** |  |
| **Câu 1** | **1. Nội dung bài thơ và vấn đề đặt ra:**  - Giait thích một số khái niệm:  + *Đố kị*: cảm thấy khó chịu, ghét bỏ người có thể hơn mình ở một điều gì đó.  + *Hợm hĩnh*: lên mặt, kiêu căng vì cho rằng mình có cái hơn hẳn người khác (tiền của, địa vị…)  + *Làm chủ*: khả năng chi phối, điều khiển, quản lý chính bản thân mình.  - Nội dung lời khuyên thứ nhất: không nên đố kị với những người tạm thời hơn mình, cần biết tự chủ bằng bản lĩnh để tạo cho tâm hồn sự thanh thản, an nhiên.  - Nội dung lời khuyên thứ 2: không nên tự đắc với những gì mình đạt được. Chỉ nên xem nó như một nỗ lực, cố gắng để dâng hiến trong muôn vàn những sự dâng hiến khác của bao người.  **2. Lý giải:**  - Không nên đố kị với những người tạm thời hơn mình vì sự đố kị khiến tâm hồn ta vẩn đục, nhân cách ta trở nên tầm thường và mất đi sự tỉnh táo, sáng suốt. Cần xác định mục tiêu sống của mình và dồn tâm sức để thực hiện mục tiêu ấy. Nếu có thể, hãy cố gắng phân tích nguyên nhân thành công của người khác để tự rút kinh nghiệm cho mình.  - Không nên chìm đắm, tự thỏa mãn trong vinh quang vì vinh quang, thành công chỉ có ý nghĩa nhất thời, không phải là điều vĩnh viễn tồn tại. Nếu chìm đắm trong vinh quang, tự mãn với thành công là ta đã dừng lại cuộc hành trình đáng ra cần tiếp tục, đã tự giới hạn phạm vi thành công của chính mình. Cần nhìn rộng ra xung quanh để thấy không chỉ thành công của mình mà thấy cả những nỗ lực, cố gắng của người khác.  **3. Bàn luận, mở rộng:**  - Cần phân biệt thái độ đố kị, tị hiềm với sự so sánh trên cơ sở ý thức thi đua để phấn đấu vươn lên; cần phân biệt thái độ tự mãn, tự kiêu, ngủ quên trên chiến thắng với niềm tự hào chính đáng.  - Đôi khi, sự đố kị (ở một mức độ nhất định) có thể là động lực để phấn đấu, niềm tự hào khi thấy mình hơn người khác cũng là cảm giác không nhất thiết phải triệt tiêu hoàn toàn bởi nó giúp ta có được sự cân bằng về tâm lý sau rất nhiều cố gắng, nỗ lực.  - Tuy nhiên, để mọi cảm xúc không trở nên thái quá, để cách ứng xử có sự chừng mực, hợp lý, rất cần bản lĩnh, sự hiểu biết để kiểm soát, điều chỉnh bản thân. | 6 |
| **Câu 2** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  - Dẫn dắt câu nói trên  **2. Thân bài**  **a. Giải thích câu nói**  **- Quan niệm của Nguyễn Công Trứ:**  + Nội dung quan niệm:"nợ" vừa là duyên nợ, vừa là trách nhiệm của người cầm bút với thơ ca.  - Chuốt lời: Là lựa chọn, gọt giũa ngôn từ (rộng hơn là hình thức nghệ thuật) một cách công phu sao cho đạt đến độ chính xác nhất, tinh lọc nhất, cao nhất về mặt thẩm mỹ. “Chuốt lời” vì thế sẽ là sự thể hiện tài năng và trách nhiệm của nhà thơ với việc sáng tác thơ và với người đọc.  + Cơ sở quan niệm của Nguyễn Công trứ: Lao động thơ là lao động nghệ thuật - nó đòi hỏi công phu, tâm huyết và sự sáng tạo. Sáng tạo sẽ đem đến cái mới, công phu tâm huyết sẽ tạo nên sự hoàn hảo và chiều sâu. Văn chương tồn tại bởi nội dung tư tưởng song tồn tại bằng ngôn từ nghệ thuật. Nếu chất liệu ngôn từ không được lựa chọn và gọt giũa, sức biểu đạt của nó kém đi sẽ khiến tư tưởng, tâm huyết của nghệ sĩ không thể hiện được trọn vẹn, tính nghệ thuật của tác phẩm giảm sút, sức hấp dẫn nghệ thuật kém sẽ khiến những giá trị còn lại dù có cũng khó phát huy tác dụng. Thơ ca lại càng đòi hỏi điều này vì nó có những đặc trưng mang tính loại biệt (trong phạm vi dung lượng giới hạn, thơ cần biểu đạt một cách sâu sắc, tinh tế tư tưởng, tình cảm, khát vọng bằng hình tượng nghệ thuật giàu tính thẩm mĩ và có sức mê hoặc mạnh mẽ). "Chuốt lời" vì thế sẽ là sự thể hiện của tài năng, cũng là sự thể hiện trách nhiệm của nhà thơ với thơ và với người đọc.  **- Quan niệm của Tố Hữu:**  + Nội dung quan niệm: "câu thơ" là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, cũng là hình thức tồn tại của những tư tưởng tình cảm mà nhà thơ gửi gắm. "Đọc" là hành động tiếp nhận và thưởng thức của người đọc. "Tình người" là nội dung tạo nên giá trị đặc trưng của thơ - là nội dung tình cảm, cảm xúc của thơ. Từ ý nghĩa cụ thể của từ ngữ, có thể hiểu ý kiến của TH đề cập đến giá trị của thơ từ góc nhìn của người thưởng thức, tiếp nhận thơ: giá trị của thơ là giá trị của những tư tưởng tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc mạnh mẽ, càng lớn lao đẹp đẽ sẽ càng khiến thơ lay động lòng người.  + Cơ sở quan niệm của TH: đặc trưng của thơ là thể hiện tư tưởng qua sự rung động của tâm hồn, qua các cung bậc của tình cảm. Với người làm thơ, bài thơ là phương tiện biểu đạt tình cảm, tư tưởng. Với người đọc thơ, đến với bài thơ là để trải nghiệm một tâm trạng, một cảm xúc và tìm một sự đồng cảm sẻ chia về mặt tình cảm với nhà thơ - sẻ chia những điều đang làm mình trăn trở. Vì thế, khi đến với một bài thơ, người đọc chú ý tới tình cảm, cảm xúc chứ ít chú ý tới hình thức biểu đạt cảm xúc ấy (vốn là công việc của nhà nghiên cứu). Tuy nhiên, nói "không thấy câu thơ" không có nghĩa là "câu thơ" không tồn tại mà là "câu thơ" đã đồng nhất với tình người, là nội dung cảm xúc đã lặn vào trong chính cái hình thức biểu đạt và hình thức trở thành dạng tồn tại, hình thức tồn tại của tình cảm.  - Đánh giá và đề xuất ý kiến: hai ý kiến không hề mâu thuẫn mà là sự bổ sung để mang đến một nhận thức tương đối toàn diện về thơ. Từ hai ý kiến này có thể xác định: thơ hay là thơ lay động tâm hồn con người bằng cảm xúc, tình cảm. Song để có thơ hay, nhà thơ bên cạnh sự sâu sắc của tình cảm, sự phong phú của cảm xúc cần nghiêm túc trong lao động nghệ thuật mà trước hết là lựa chọn, chỉnh sửa và sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ.  **b. Chứng minh qua bài thơ “Bài ca ngất ngưởng” của Nguyễn Công Trứ. \*Luận điểm 1: Quan điểm sống ngất ngưởng trên con đường công danh, sự nghiệp (6 câu đầu)**  - “Vũ trụ nội mạc phi phận sự”: Thái độ tự tin khẳng định mọi việc trong trời đất đều là phận sự của tác giả => Tuyên ngôn về chí làm trai của nhà thơ.  - “Ông Hi Văn… vào lồng”: Coi nhập thế là việc làm trói buộc nhưng đó cũng là điều kiện để bộc lộ tài năng.  - Nêu những việc mình đã làm ở chốn quan trường và tài năng của mình:  + Tài năng: giỏi văn chương (khi thủ khoa), tài dùng binh (thao lược)  - Tài năng lỗi lạc xuất chúng: văn võ song toàn  + Khoe danh vị, xã hội hơn người: Tham tán, Tổng đốc, Đại tướng (bình định Trấn Tây), Phủ doãn Thừa Thiên  - Câu thơ chữ Hán mở đầu đã khẳng định mạnh mẽ lí tưởng nam nhi mà tác giả tự nguyện hướng theo, đây chính là lí tưởng chung của những người đi theo con đường Nho học: Trong vòng trời đất không có việc gì là không phải việc của mình.  - Bằng việc sử dụng hàng loạt từ ngữ Hán Việt cùng biện pháp liệt kê, Nguyễn Công Trứ đã khéo léo điểm lại hàng loạt các chức quan, danh vị mà mình đã từng đảm nhiệm, điều đó cho thấy ông là người văn võ song toàn.  - Tự hào mình là một người tài năng lỗi lạc, danh vị vẻ vang văn vẻ toàn tài.  => Sáu câu thơ đầu là lời từ thuật của nhà thơ lúc làm quan, khẳng định tài năng và lí tưởng phóng khoáng khác đời ngạo nghễ của một người có khả năng xuất chúng.  - Việc khoe tài năng, danh vị ấy của Nguyễn Công Trứ không phải là tự cao, tự đại, khoe khoang hợm hĩnh mà nó dựa trên tài năng và sự nghiệp của chính bản thân ông, là cái vỏ bên ngoài để giấu sâu bên trong là một cái tôi ý thức rõ về tài năng, danh vị của bản thân mình.  **\* Luận điểm 2:  Quan điểm sống ngất ngưởng trong lối sống, suy nghĩ (10 câu tiếp)"**  + Cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân:  - Cưỡi bò đeo đạc ngựa.  - Đi chùa có gót tiên theo sau.  => Sở thích kì lạ, khác thường, thậm chí có phần bất cần và ngất ngưởng  + Bụt cũng nực cười: thể hiện hành động của tác giả là những hành động khác thường, ngược đời, đối nghịch với quan điểm của các nhà nho phong kiến.  => Cá tính người nghệ sĩ mong muốn sống theo cách riêng.  - Quan niệm sống:  - “Được mất... ngọn đông phong” : Tự tin đặt mình sánh với “thái thượng”, tức sống ung dung tự tại, không quan tâm đến chuyện khen chê được mất của thế gian  - “Khi ca… khi tùng”: tạo cảm giác cuộc sống phong phú, thú vị, từ “khi” lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ triền miên.  - “Không… tục” : không phải là Phật, không phải là tiên, không vướng tục, sống thoát tục => sống không giống ai, sống ngất ngưởng.  - Lối sống khác đời, khác người và có phần trái khoáy:  - Con bò vàng đã được nhà thơ "trang sức" cho nó bằng đạc ngựa.  - Vãn cảnh chùa còn mang theo một cô gái đẹp đến nước bụt cũng phải chào thua.  - Có quan niệm sống rõ ràng, không quan tâm đến chuyện được - mất, khen - chê: Với ông, giữa được và mất, khen và chê không biết cái nào hơn cái nào  - Ông đã lựa chọn cho mình một lối sống tự do, được thỏa chí làm những việc mình muốn: Coi trọng hiện tại, hiện thế và biết thưởng thức những thú vui có trong cuộc đời như thú hát cô đầu, thú uống rượu và đặc biệt là ái tình.  => Thái độ sống, phong cách sống của Nguyễn Công Trứ đã vượt ra ngoài vòng cương tỏa nhưng ông vẫn luôn là một bề tôi hết mực trung thành.  **\* Luận điểm 3: Lời khẳng định về sự ngất ngưởng của mình (3 câu cuối)**  - “Chẳng trái Nhạc... Nghĩa vua tôi cho trọn đạo sơ chung”: Sử dụng điển cố, ví mình sánh ngang với những người nổi tiếng có sự nghiệp hiển hách như Trái Tuân, Hàn Kì, Phú Bật…  => Khẳng định bản lĩnh, khẳng định tài năng sánh ngang bậc danh tướng. Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành.  - “Trong triều ai ngất ngưởng như ông” : vừa hỏi vừa khẳng định vị trí đầu triều về cách sống “ngất ngưởng”  => Tuyên ngôn khẳng định cá tính, sự mong muốn vượt ngoài quan điểm đạo đức Nho gia thông thường. Đối với ông, ngất ngưởng phải có thực danh và thực tài.  **\* Những bài học rút ra cho bản thân từ bài thơ "Bài ca ngất ngưởng"**  - Cần ý thức được vai trò, vị trí của bản thân trong cuộc sống và ý thức rõ ràng về tài năng của chính mình  - Có một quan niệm sống, lí tưởng sống đúng đắn, phải biết vượt ra khỏi cuộc sống tù túng, tẻ nhạt để sống một cuộc sống giàu ý nghĩa.  - Không được sống nhỏ nhen, ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến chuyện được, mất, khen, chê của mình mà quên đi những người xung quanh.  **\* Đánh giá chung:**  Được viết theo thể loại hát nói, với lối tự thuật, có hình thức tự do, phóng khoáng, đặc biệt là tự do về vần, nhịp thích hợp với việc thể hiện con người cá nhân. Bài thơ có sự kết hợp hài hòa giữa hệ thống từ ngữ Hán Việt với từ ngữ Nôm thông dụng trong đời sống hàng ngày. Bày tỏ rõ thái độ coi thường danh lợi, vượt lên thói thường để sống cuộc sống tự do tự tại, bộc lộ một bản lĩnh cứng cỏi, sự thức tỉnh ý thức cá nhân mà còn thể hiện rõ một nhân sinh quan tiến bộ hiện đại. | 10 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 20:**

**PHẦN 1: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau đây và thực hiện các yêu cầu:**

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em*

*Biết khao khát những điều anh mơ ước*

*Biết xúc động qua nhiều nhận thức*

*Biết yêu anh và biết được anh yêu*

*Mùa thu nay sao bão mưa nhiều*

*Những cửa sổ con tàu chẳng đóng*

*Dải đồng hoang và đại ngàn tối sẫm*

*Em lạc loài giữa sâu thẳm rừng anh*

*(Trích Tự hát - Xuân Quỳnh)*

**Câu 1.** Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên.

**Câu 2.** Nêu ý nghĩa của câu thơ Biết khao khát những điều anh mơ ước.

**Câu 3.** Trong khổ thơ thứ nhất, những từ ngữ nào nêu lên những trạng thái cảm xúc, tình cảm của nhân vật “em”?

**Câu 4.** Điều giãi bày gì trong hai khổ thơ trên đã gợi cho anh chị nhiều suy nghĩ nhất?

**II. Làm văn (16,0 điểm)**

**Câu 1 (6,0 điểm)**

Có ba cách để tự làm giàu mình: *mỉm cười, cho đi và tha thứ.* (Theo: Hạt giống tâm hồn - NXB Tổng hợp TP HCM, 2008). Những suy ngẫm của anh /chị về quan niệm trên.

**Câu 2. (10 điểm)**

Nhận định về thơ, có ý kiến cho rằng: *“Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm ” (Vôn - te)* Anh/chị hiểu thế nào về ý kiến trên?  Bằng việc cảm nhận bài thơ “*Tự tình II”* ( Hồ Xuân Hương) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Từ đó bàn luận về đặc trưng cơ bản của thơ ca.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)** |  |
| 1 | Biện pháp điệp từ và ẩn dụ  - Điệp “biết” lặp lại 3 lần trong đoạn thơ.  - Ẩn dụ “trái tim”, “rừng anh”, “bão giông nhiều” | 1 |
| 2 | - Ý nghĩa của câu thơ *Biết khao khát những điều anh mơ ước*: xuất phát từ tình yêu và sự tôn trọng đối với người mình yêu, nhân vật “em” đồng cảm và sống hết mình với ước mơ của người mình yêu. | 1 |
| 3 | - Những từ ngữ nêu lên những trạng thái cảm xúc, tình cảm của nhân vật “em”: khao khát, xúc động, yêu. Học sinh chỉ cần nêu được hai từ. | 1 |
| 4 | Có thể là: niềm hạnh phúc hoặc nỗi lạc loài vì cảm thấy mình nhỏ bé và cô đơn;… | 1 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN** |  |
| **Câu 1** | **Câu 1:** HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần phải hiểu đúng và bàn luận được ý nghĩa câu nói. Bài viết phải chân thành, thể hiện được sự hiểu biết và nhận thức sâu sắc đối với vấn đề, đồng thời biết đưa ra những suy ngẫm cần thiết cho bản thân để hoàn thiện nhân cách.  **a. Giải thích ý nghĩa câu nói**  - Tự làm giàu mình: tự nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn mình.  Mỉm cười: biểu hiện của niềm vui, sự lạc quan, yêu đời.  Cho đi: là biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.  Tha thứ: là sự bao dung, độ lượng với lỗi lầm của người khác.  - Ý cả câu: Tâm hồn con người sẽ trở nên trong sáng, giàu đẹp hơn nếu biết lạc quan, sẻ chia và độ lượng với mọi người.  **b. Bàn luận về ý nghĩa câu nói:**  - Học sinh khẳng định tính đúng đắn của vấn đề trên cơ sở triển khai những nội dung sau:  - Lạc quan, yêu đời giúp con người có sức mạnh để vượt lên những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, có niềm tin về bản thân và hướng đến một khát vọng sống tốt đẹp (Học sinh lấy dẫn chứng, phân tích).  - Biết quan tâm, chia sẻ, con người đã chiến thắng sự vô cảm, ích kỷ để sống giàu trách nhiệm và yêu thương hơn (Học sinh lấy dẫn chứng, phân tích).  - Biết bao dung, độ lượng, con người sẽ trút bỏ đau khổ và thù hận để sống thanh thản hơn và mang lại niềm vui cho mọi người (HS lấy dẫn chứng, phân tích).  - Ngoài sự lạc quan, sẻ chia, độ lượng con người còn có thể bồi đắp, và nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng những ứng xử tốt đẹp khác (Học sinh lấy dẫn chứng, phân tích).  **c. Bài học nhận thức và hành động**  - Sự giàu có về tâm hồn có ý nghĩa quyết định sự hoàn thiện nhân cách của mỗi người. Cần có ý thức gìn giữ và bồi đắp để đời sống tinh thần, tình cảm của bản thân không bị xói mòn và chai sạn bởi mặt trái của cuộc sống hiện đại.  - Để làm được điều đó, phải bắt đầu từ những thái độ sống tích cực, có ý nghĩa với mình và mọi người. | 6 |
|  | **I. Yêu cầu về kĩ năng:**  Bài viết đảm bảo một bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách mạch lạc, logic chặt chẽ. Hành văn trong sáng, trình bày rõ ràng, sạch đẹp,  không mắc quá nhiều lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.  **II. Yêu cầu về kiến thức:**  **1. Giải thích, cắt nghĩa ý kiến:**  *- Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn*: Thơ ca là nơi kết tinh những giai điệu cảm xúc của tâm hồn nhà thơ.  *- Những tâm hồn cao cả, đa cảm:*tâm hồn giàu cảm xúc, giàu lòng trắc ẩn, rung động  =>  Nhận định đã khẳng định vai trò then chốt của cảm xúc và nhất là một tâm hồn nhạy cảm, một tấm lòng sâu nặng với đời sống. Đây là âm điệu làm nên sức hấp dẫn của thơ.  **2. Chứng minh qua bài thơ “Tự tình II” của Hồ Xuân Hương**  **a. Tác phẩm Tự tình II**  - Vài nét về tác giả Hồ Xuân Hương và bài thơ  - Âm nhạc của tâm hồn hồn cao cả, đa cảm:  + Cảm nhận nỗi cô đơn trống trải, tủi hổ, bẽ  bàng của một cái tôi trước thời gian gợi cảm, không gian vắng lặng  + Xót xa cho duyên phận muộn màng như vầng trăng bóng xế  khuyết chưa tròn.  + Nỗi bất bình phản kháng nhưng cuối cùng đọng lại là nỗi lòng tuyệt vọng đớn đau cho tình duyên dang dở, bị san sẻ.  - Đánh giá: Ngôn ngữ thơ  giàu hình ảnh, hàm xúc, cô đọng…biểu đạt chân thực truyền cảm tâm hồn cao cả đa cảm của nữ sĩ.  - Bài thơ “Tự tình II” dù là tiếng nói trữ tình của riêng cá nhân hay nỗi niềm đồng cảm với nỗi đau khổ của con người thì đều cho người đọc thấy được  tâm hồn đẹp, tinh tế và tài hoa có tầm tư tưởng sâu sắc trước cuộc đời của hai tác giả. Đó là giá trị nhân văn, là đặc trưng cơ bản về nội dung tình cảm của thơ ca.  -Thơ ra đời từ những xúc cảm thẩm mĩ  phong phú, mãnh liệt của người làm thơ  trước cái đẹp muôn màu, trước muôn vàn trạng thái, cảnh ngộ gợi trăn trở, suy tư từ cuộc sống.Thơ luôn gắn với chiều sâu nội tâm Đối tượng của thơ là thế giới tâm hồn, tình cảm của con người. Những cảm xúc, rung động, những suy tư, trăn trở… đều có thể trở thành đối tượng khám phá và thể hiện của thơ.  - Với người làm thơ, bài thơ là phương tiện biểu đạt tình cảm, tư tưởng. Chỉ có cảm xúc chân thành, mãnh liệt mới là cơ sở cho sự ra đời một tác phẩm nghệ thuật chân chính. Cảm xúc càng mãnh liệt, càng thăng hoa thì thơ càng có nhiều khả năng chinh phục, ám ảnh trái tim người đọc.  -Với người đọc thơ, đến với bài thơ là để trải nghiệm một tâm trạng, một cảm xúc và kiếm tìm sự tri âm. Do vậy, khi tìm đến một tác phẩm thơ, người đọc quan tâm nhiều tới cảm xúc, tới tình cảm mà nhà thơ kí thác.Tâm hồn nhà thơ chân chính luôn nhạy cảm của trước mọi vẻ đẹp của đời sống sẽ dẫn lối người đọc đến xứ sở của những đắm say và thái độ nâng niu cái đẹp. Người nghệ sĩ ấy cũng luôn trĩu nặng suy tư trước nỗi đau và khát vọng của con người, trước vận mệnh dân tộc sẽ mang đến cho thơ không chỉ xúc cảm tha thiết mà còn cả một chiều sâu tư tưởng thấm thía thanh lọc con người.  - Song, để sức lay động của câu thơ được thực sự chắp cánh bay cao cũng rất cần đến tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ  - Ngôn ngữ thơ đã giúp những cung bậc cảm xúc ấy ngân lên trên trang thơ thành những giai điệu phong phú, cuốn hút và chinh phục lòng người mang theo sức sông tâm hồn của mỗi nhà thơ.  **4. Đánh giá chung:**  - Ý kiến xác đáng, có ý nghĩa lí luận mở ra những bài học trong sáng tác và tiếp nhận:  + Với người sáng tác cần chú ý tới tính thẩm mĩ, vẻ đẹp phong phú, độc đáo của thơ. Muốn vậy nhà văn cần có một tâm hồn đẹp, tinh tế và tài hoa và có tầm tư tưởng sâu sắc trước cuộc đời  + Với người tiếp nhận: Đây là một tiêu chí quan trọng gợi ý cho chúng ta cảm nhận và đánh giá thơ ca… | 10 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 21:**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)**

               Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Em biết đấy là điều đã cũ  
Chuyện tình yêu, quan trọng gì đâu:  
Sự gắn bó giữa hai người xa lạ  
Nỗi vui buồn đem chia sẻ cùng nhau*

*…Em hiểu rằng mỗi lúc đi xa  
Tình anh đối với em là xứ sở  
Là bóng rợp trên con đường nắng lửa  
Trái cây thơm trên miền đất khô cằn*

*Đấy tình yêu, em muốn nói cùng anh:  
Nguồn gốc của muôn ngàn khát vọng  
Lòng tốt để duy trì sự sống  
Cho con người thực sự Người hơn.  
(Trích “Nói cùng anh” Xuân Quỳnh, NXB Hội nhà văn, 2013).*

**Câu 1:**Theo Xuân Quỳnh, tình yêu bắt nguồn từ nơi đâu?  
**Câu 2:** Nêu chủ đề của đoạn thơ.

**Câu 3:**Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn thơ thứ hai.

**Câu 4:**Anh (chị) có đồng tình với quan niệm về tình yêu của Xuân Quỳnh ở đoạn thơ thứ ba không? Vì sao?

**PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)**

**Câu 1( 6,0 điểm):**

*“Thật hạnh phúc khi ta được là trẻ con, nhưng thật bất hạnh nếu ta mãi mãi chỉ là một đứa trẻ”(Khuyết danh)*

*“Tất cả những người lớn đều từng là trẻ con…nhưng hiếm ai còn nhớ.” (Hoàng tử bé, Antoine de Saint-Exupéry)*

Bằng một bài văn ngắn, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về hai câu nói trên.

**Câu 2. (10 điểm)**

*"Nội dung tư tưởng của tác phẩm văn học không bao giờ là sự lí giải dửng dưng, lạnh lùng mà gắn liền với cảm xúc mãnh liệt".* Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng việc phân tích tác phẩm  *“Cảnh ngày hè”(Nguyễn Trãi)* hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)** |  |
| 1 | - Theo Xuân Quỳnh, tình yêu bắt nguồn từ sự gắn bó, chia sẻ, đồng cảm, thấu hiểu giữa 2 người xa lạ. | 1 |
| 2 | Chủ đề: thể hiện những quan niệm của Xuân Quỳnh về tình yêu đôi lứa cũng như giá trị cao đẹp của tình yêu đối với cuộc sống của mỗi con người. | 1 |
| 3 | - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:  + Nhấn mạnh ý nghĩa của tình yêu mà anh dành cho em, khiến em cảm thấy được che chở, bảo vệ nâng niu…  + Đồng thời làm cho khổ thơ có nhịp điệu và gợi hình, gợi cảm. | 1 |
| 4 | - HS có thể bày tỏ sự đồng tình/ không đồng tình hoặc vừa đồng tình vừa phản đối quan niệm trên. - HS phải nêu được quan niệm của Xuân Quỳnh về tình yêu: tình yêu làm nảy sinh những khát vọng, động lực để con người duy trì sự sống và sống nhân văn hơn. - Câu trả lời phải thuyết phục không đi ngược với những giá trị đạo đức nhân văn. | 1 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)** |  |
| 1 | **A. Về hình thức:**  - Đảm bảo đúng yêu cầu của một bài văn nghị luận xã hội ngắn), bài viết phải có luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, sáng tạo và biết sử dụng những dẫn chứng để chứng minh cho luận điểm; diễn đạt rõ ràng, sắc bén và có sức thuyết phục.  - HS nhận diện được vấn đề chung giữa hai nhận định và có kỹ năng liên hệ, không chỉ bình luận riêng rẽ. | 6 |
|  | Về nội dung: Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý chính sau:  *\****Nêu vấn đề nghị luận** |  |
|  | *\** **Giải thích**  - “Trẻ con”/ “là một đứa trẻ”: Lứa tuổi mà bất cứ ai cũng từng trải qua trong cuộc đời, đó cũng là lứa tuổi vô tư, hồn nhiên nhất.  - Hạnh phúc và bất hạnh: Hai trạng thái trái ngược nhau một là điều con người luôn mong muốn đạt được, một là điều không ai muốn phải đối mặt. Ở đây, câu nói đã đưa đến một cách nhìn đặc biệt, rằng việc là trẻ con có thể làm con người hạnh phúc, nhưng nếu điều đó kéo dài, đó có thể là bất hạnh.  - Hiếm người còn nhớ mình từng là trẻ con: Sự lãng quên đối với tuổi thơ, với quãng thời gian hồn nhiên, trong trẻo; sự thay đổi của con người khi trưởng thành làm đánh mất những điều đẹp đẽ của thuở bé thơ.  \* Bình luận: nêu suy nghĩ của bản thân  **a. Trích dẫn thứ nhất:**  \* Vì sao “thật hạnh phúc khi ta được là trẻ con”:  + Đó là lứa tuổi được gia đình yêu thương, chăm sóc và che chở; những đứa trẻ luôn được sống vô tư, thoải mái.  + Đó là lứa tuổi được thoả sức tưởng tượng, mơ ước và tự do nhìn cuộc sống theo cách của riêng mình.  + Đó là lứa tuổi không phải bon chen và âu lo về cuộc sống nên luôn ứng xử hồn nhiên, bao dung, rộng lượng và giàu yêu thương.  \* Vì sao “thật bất hạnh nếu ta mãi là một đứa trẻ” ( Có thể được hiểu theo hai cách):  - Có những người, do một căn bệnh nào đó, không lớn được cả về hình hài lẫn suy nghĩ – đó là sự bất hạnh về hoàn cảnh.  - Có những người bình thường về thể chất, nhưng không chịu “lớn khôn” về suy nghĩ và nhận thức – đó cũng là một sự bất hạnh với bản thân họ và cả gia đình bởi:  + Mọi đứa trẻ có chung một đích đến, đó là khôn lớn, thành người. Nếu mãi là một đứa trẻ cần sự bao bọc thì như vậy, ta sẽ phụ công chăm sóc, nuôi dưỡng của bao người, khiến quãng thời gian trẻ con trở nên dư thừa, thậm chí trở thành gánh nặng và sống phụ thuộc.  + Cuộc sống cần sự gối tiếp của các thế hệ: nếu ta chỉ mãi là trẻ con, ta sẽ không trưởng thành để chăm sóc những đứa trẻ và cả những người trong gia đình đã từng chăm sóc ta. Như vậy, việc mãi mãi là trẻ con cũng là một điều ích kỷ.  + Nếu mãi mãi là trẻ con, mọi ước mơ, tưởng tượng trong tuổi thơ không bao giờ có cơ hội trở thành hiện thực.  + Nếu mãi là trẻ con, đó cũng là một sự thiệt thòi với chính ta, vì như vậy bản thân ta sẽ không bao giờ lớn đủ để hiểu biết, để tự nhận thức đúng đắn về những điều xung quanh.  **b. Trích dẫn thứ hai:**  - Lãng quên việc mình từng là một đứa trẻ khi lớn lên  - Quên mất việc mình từng là một đứa trẻ, cũng có nghĩa là quên đi quãng thời gian ngây ngô, hồn nhiên, sống trong trẻo và không tính toán; quên mất những hạnh phúc ban sơ và đơn thuần nhất mà mỗi một con người có trong cuộc đời.  - Người lớn thường quên mất mình từng là một đứa trẻ:  + thế giới của một người lớn chỉ còn những bộn bề, lo toan, tính toán – một thế giới không còn sự hiện diện của những điều trong trẻo, giản đơn.  + khó chấp nhận sự nghịch ngợm, hồn nhiên, vô tư và những ước mơ của trẻ con mà thường ngăn cản, phán xét chúng.  **c. Mở rộng vấn đề:**  - Sự liên hệ giữa 2 trích dẫn:  + Làm một đứa trẻ khiến ta hạnh phúc, bởi ta được sống trong sự yêu thương, bao bọc, ta được suy nghĩ những điều sáng trong và giản đơn. Nhưng nếu cứ mãi như thế và không chịu trưởng thành thì ta sẽ đánh mất một phần ý nghĩa của mình trong cuộc sống: quyền được trải nghiệm, quyền được thực hiện những ước mơ, chăm sóc và yêu thương những người khác…  + Như vậy, quãng thời gian bé thơ và khi trưởng thành đều là những gì đáng quý, điều là những thời đoạn tất yếu mỗi người phải trải qua. Nhưng sẽ có một bất hạnh khác: đó là khi ta lớn, trưởng thành, nhưng quên mất quãng thời gian từng là trẻ em, đánh mất những ý nghĩ đẹp đẽ, trong trẻo.  - Như vậy:  + Mọi đứa trẻ đều cần trở thành người lớn, sống có trách nhiệm với đời, nhưng cũng cần trân quý những điều tuổi thơ đã mang lại cho mình – đó là cái nhìn và tấm lòng trong trẻo trước cuộc đời.  + Người lớn và trẻ con không quá đối lập nhau, đó là những giai đoạn kế thừa và phát triển của nhau, hãy hiểu thấu và trân trọng cả hai giai đoạn này vì đó đều sẽ là những cột mốc hình thành nên con người, tính cách của ta trong cuộc sống.  \* Liên hệ bản thân  - HS đưa ra được những chia sẻ hay bài học rút ra cho riêng bản thân mình qua những bình luận về vấn đề nghị luận. |  |
| 2 | **Yêu cầu:**  - Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của học sinh. Đòi hỏi các em phải huy động kiến thức về lý luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương của mình để làm bài  - Có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lý lẽ, căn cứ xác đáng. |  |
|  | **Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết đảm bảo bố cục ba phần, rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. |  |
|  | **Về kiến thức**: Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được những yêu cầu sau: |  |
|  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  - Dẫn dắt vấn đề  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến:**  **-** *Tác phẩm văn học:* Là những sáng tác nghệ thuật dùng chất liệu ngôn từ để xây dựng hình tượng và phản ánh đời sống, qua đó gửi gắm tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ.  - *Nội dung tư tưởng của tác phẩm văn học*: Là sự kết tinh sâu săc nhất những cảm nhận, suy tư, kiến giải…của nhà văn về hiện thực cuộc sống. Những điều ấy không phải được nói ra, viết ra một cách *dửng dưng, lạnh lùng*mà luôn *gắn liền với cảm xúc mãnh liệt* thể hiện những tình cảm sâu sắc, những khát vọng lớn lao của người viết.  *=*> Ý kiến trên đã khẳng định: nội dung tư tưởng của tác phẩm văn học luôn luôn là sự hòa quyện giữa yếu tố khách quan và chủ quan, phản ánh, lí giải hiện thực và cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng và tình cảm, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của yếu tố tình cảm, cảm xúc của tác giả trong tác phẩm văn học. Đây cũng là đặc trưng cơ bản của văn học.  **b. Bàn luận:**  **-**Nội dung tư tưởng là linh hồn của tác phẩm văn học.  - Đối tượng nhận thức và phản ánh của văn học là hiện thực đời sống con người. Một trong những yêu cầu quan trọng đối với văn học là phải đảm bảo tính khách quan, trung thực. Nhưng không có nghĩa là văn học sao chép hiện thực một cách máy móc, lạnh lùng, dửng dưng, vô cảm.  - Hiện thực của cuộc sống con người luôn được phản ánh, lí giải thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ, nó gắn liền với những tình cảm, những cung bậc cảm xúc mãnh liệt như vui buồn, hờn giận, căm ghét và khát vọng.  - Tình cảm, cảm xúc chính là động lực thúc đẩy quá trình sáng tác của tác giả. Điều ấy có thể được bộc lộ dưới những dạng thức khác nhau (trực tiếp hoặc gián tiếp), tùy theo thể loại (thơ, văn xuôi, kịch), tùy theo phong cách tác giả…  => Nội dung tư tưởng của một tác phẩm văn học không bao giờ chỉ có hiện thực được phản ánh, lí giải đơn thuần mà thiếu tình cảm, cảm xúc mãnh liệt.  **c. Chứng minh qua bài thơ “Cảnh ngày hè”**  **+ Khái quát**  - Bài thơ “Cảnh ngày hè” được Nguyễn Trãi sáng tác vào khoảng thời gian từ 1438 - 1439 khi ông đang ở Côn Sơn, thuộc chùm thơ “Gương báu răn mình” trong Quốc Âm thi tập - tập thơ Nôm bổi tiếng của Nguyễn Trãi. Bài thơ khắc hoạ bên một bức tranh phong cảnh qua thể thơ thất ngôn xen lẫn lục ngôn.  **+ Luận điểm 1: Bức tranh cảnh ngày hè**   Bức tranh thiên nhiên tràn đầy sức sống, cảnh vật tươi tắn, rực rỡ  + Hình ảnh thơ: hoa hòe, thạch lựu, hồng liên  + Màu sắc: màu xanh của cây hòe, màu đỏ của cây thạch lựu, màu hồng của hồng liên - những màu sắc tươi tắn, rực rỡ, căng tràn nhựa sống.  + Sử dụng các động từ mạnh: đùn đùn, giương, phun, tiễn. Cảnh vật được miêu tả với những động từ mạnh thể hiện một sức sống mãnh liệt như có một cái gì đó thôi thúc bên trong, sức sống như ứa căng, tràn đầy.  Tác giả sử dụng những hình ảnh thơ bình dị, gần gũi, quen thuộc, độc đáo và có sự phá cách, khác hẳn với những hình ảnh thơ mang tính ước lệ, tượng trưng vốn thường được sử dụng trong Đường thi  - Bức tranh cảnh ngày hè sôi động, náo nhiệt gắn với cuộc sống của con người  + Âm thanh sôi động, dân dã gắn với cuộc sống đời thường: âm thanh của tiếng ve, tiếng lao xao của chợ cá  + Hình ảnh thơ gần gũi: chợ cá làng ngư phủ, lầu tịch dương  + Sử dụng từ láy có giá trị tượng thanh (lao xao) cùng với nghệ thuật đảo ngữ trong câu 5 và câu 6 đã góp phần tạo nên nét nhộn nhịp của bức tranh hè và cuộc sống sung túc, ấm no, đủ đầy của con người.  - Bức tranh cảnh ngày hè có sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc và âm thanh, giữa cảnh vật và con người:  + Cảnh vật ngày hè ngập tràn màu sắc, sự kết hợp màu độc đáo giữa màu đỏ của hoa lựu trước hiên với cây hòe xanh rợp bóng cùng với âm thanh của tiếng ve, của chợ cá khiến không gian tràn đầy sức sống.  + Trong không gian cảnh hè ấy, hình ảnh con người hiện lên với sự sung túc, hạnh phúc trong lao động.  ⇒Qua cảm nhận của tác giả, bức tranh cảnh ngày hè hiện lên thật sống động, có sự hài hòa giữa đường nét, màu sắc, âm thanh, cảnh vật và con người. Cảnh vật được nhìn từ gần đến xa, từ cao xuống thấp. Đồng thời, bức tranh ấy hiện lên thật nhộn nhịp, sôi động và luôn căng tràn sức sống, tất cả như đang muốn trào dâng ra bên ngoài.  **+ Luận điểm 2: Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ**  Tình yêu thiên nhiên say đắm: Nguyễn Trãi đã cảm nhận và miêu tả bức tranh thiên nhiên rất tinh tế bằng nhiều giác quan:  + Thị giác: cảm nhận được màu sắc của hòe, của thạch lựu  + Khứu giác: cảm nhận được mùi hương của hoa sen  + Thính giác: nghe được tiếng ve, tiếng lao xao của chợ cá  - Mong ước của tác giả và tình yêu nước, thương dân sâu sắc:  + Ung dung, tự tại, không muốn vướng bận đến chuyện quan trường nhưng nhà thơ luôn nghĩ về dân, về nước. Tác giả mong có cây đàn của vua Ngu Thuấn để hát ca mong muốn mang lại cuộc sống ấm no, sung túc, yên vui cho nhân dân muôn nơi.  + Câu thơ 6 tiếng, ngắn gọn kết thúc bài thơ như làm dồn nén lại cảm xúc.  + Nghệ thuật: sử dụng điển cố điển tích  ⇒ Đằng sau vẻ đẹp của bức tranh cảnh ngày hè đó chính là vẻ đẹp của tâm hồn Ức Trai. Đó là tình yêu thiên nhiên, đất nước, nhân dân và mong ước, khát vọng về cuộc sống ấm no, thái bình, hạnh phúc cho muôn dân.  **\* Đánh giá chung**  - Tác giả đã vận dụng một cách sáng tạo thể thơ Đường luật với sự đan xen của câu sáu chữ và câu bảy chữ. Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, gần gũi với khẩu ngữ (lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân) nhưng lại rất giàu cảm xúc và giàu sức gợi. Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại: Miêu tả thiên nhiên, đất trời và cảnh đời sống sinh hoạt của con người để qua đó bộc lộ một cách kín đáo tâm tư, tình cảm, nỗi lòng của mình về con người, về cuôc đời. Bài thơ đã dựng nên bức tranh thiên nhiên đầy màu sắc, đẹp đẽ, thơ mộng và khung cảnh của cuộc sống sinh hoạt bình an, yên ổn. Điều đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và khát vọng xã hội phồn vinh, nhân dân no đủ, đất nước thịnh vượng của người nghệ sĩ hết lòng vì nước, vì dân.  - Đồng thời, bài thơ cũng khắc họa tâm hồn và nhân cách cao thượng, tấm lòng yêu quê hương, yêu đất nước của Nguyễn Trãi. Ngay cả khi đang bị chèn ép, nghi ngờ, Nguyễn Trãi cũng vẫn lo lắng cho nhân dân, vẫn khao khát được cống hiến tài năng, công sức của mình cho dân, cho nước  **III. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận | 10 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 22:**

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU ( 4 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

*Ngày xưa, bên sườn của một quả núi lớn có một tổ chim đại bàng. Một trận động đất xảy ra làm rung chuyển ngọn núi, một quả trứng đại bàng lăn xuống và rơi vào trại gà dưới chân núi. Một con gà mái tình nguyên ấp quả trứng lớn ấy. Ngày kia, trứng nở ra một chú đại bàng con xinh đẹp nhưng buồn thay, chú chim nhỏ được nuôi lớn như một con gà. Chẳng bao lâu sau, đại bàng cũng tin nó chỉ là một con gà không hơn không kém. Đại bàng yêu gia đình và ngôi nhà nó đang sổng nhưng tâm hồn nó vẫn khao khát một điều gì đó lớn lao hơn. Một ngày kia, trong khi đang chơi đùa trong sân, đại bàng nhìn lên trời và thây những chủ chim đại bàng đang sải cánh bay cao.  
- Ồ! Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó!  
 Bầy gà cười ầm lên:  
- Anh không thể bay với những con chim đó được. Anh là một con gà và gà không biết bay cao. Việc đó tái diễn vài lần, mỗi lần đại bàng nói ra ước mơ của mình, bầy gà lại bảo nó điều đó không thể xảy ra. Đại bàng tin là thật, nó không mơ ước nữa và tiếp tục sống như một con gà. Sau một thời gian dài sống làm gà, đại bàng chết”.  
 (Nguồn: Internet)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

**Câu 2.** Nêu nội dung và đặt nhan đề cho văn bản trên.

**Câu 3**. Hình ảnh chú chim đại bàng trong tác phẩm có ý nghĩa tượng trưng cho kiểu người nào?

**Câu 4.** Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

**II. LÀM VĂN (16 điểm)**

**Câu 1. (6 điểm)**

Anh/chi ̣hãy viết một bài văn (khoảng 300 chữ) trình bày suy nghĩ về câu nói của Sir Winston Churchill: *Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn*

**Câu 2. (10 điểm)**

Bàn về thơ, Chế Lan Viên cho rằng: *"Thơ cần có hình cho người ta thấy, có ý cho người ta nghĩ và cần có tình để rung động trái tim."* Anh/ chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ: *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)** |  |
| **1** | - Phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm | 1 |
| **2** | - Là câu chuyện về chú chim đại bàng sống giữa một đàn gà. Mặc dù có rất nhiều mơ ước đẹp đẽ, nhưng vì không có niềm tin nên cuối cùng chú đã không thực hiện được mơ ước của mình.  - Nhan đề: Chú đại bàng đáng thương; Mơ ước và niềm tin; Điều gì khiến bạn thất bại? | 1 |
| **3** | - Đại bàng thuộc loài vật biểu trưng cho sức mạnh, chúng thuộc về trời xanh, về những điều lớn lao, kỳ vĩ.  - Chú chim đại bàng trong tác phẩm là ẩn dụ cho một kiểu người trong xã hội: Những con người có ước mơ, hoài bão nhưng thiếu niềm tin vào bản thân vì thế họ đã phải sống một đời buồn tẻ, vô vị. | 1 |
| **4** | Mỗi con người đều mang trong mình khả năng tiềm ẩn và để biến ước mơ thành hiện thực con người cần có một ý chí vững chắc, một niềm tin mạnh mẽ vào khả năng của mình. Có như vậy con người mới phát huy được năng lực thực sự của bản thân, trở thành” những con đại bàng” sải cánh trên trời xanh. | 1 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)** |  |
| **1** | Viết 01 bài văn (khoảng 300 chữ) trình bày suy nghĩ về câu nói của Sir Winston Churchill: *Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn* | 6 |
|  | *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn.*  *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.* |  |
|  | **\* Giải thích:**  - Người bi quan là:...  - người lạc quan là...  - Câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào nhận thức, tư duy tích cực hay tiêu cực của mỗi người  **\* Bàn luận:**  - Sự thành bại của mỗi người phụ thuộc ở thái độ của người đó trước những vấn đề trong cuộc sống:  + Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công  + Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn, không nhận ra cơ hội. Họ sẽ luôn thất bại  - Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng cũng luôn ẩn chứa nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt.  - Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại.  **\* Bài học nhận thức và hành động:** Cần có niềm tin, cần thường xuyên tích lũy kiến thức, rèn luyện đạo đức, bản lĩnh, kĩ năng sống để vượt lên khó khăn, tìm kiếm cơ hội, không ngừng vươn lên |  |
|  | **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Biết cách chọn và phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  - Bài viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **b. Yêu cầu về kiến thức:**  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:  **1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận**  **2. Giải thích**  - *Thơ cần có hình*: Thơ cần có hình ảnh (thiên nhiên, cuộc sống, con người...) để biểu hiện cảm xúc, tư tưởng của nhà thơ. Đây là phương diện hình thức thơ.  *- Thơ cần có ý*: (ý nghĩa nội dung, tư tưởng của thi phẩm); *có tình* (tình cảm, cảm xúc). Đây là phương diện nội dung thơ.  - Ý nghĩa câu nói: tác phẩm thơ cần có sự kết hợp hài hòa giữa hình, ý, tình (hình ảnh, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc...). Hay nói cách khác, bài thơ cần kết hợp cả hai phương diện nội dung và hình thức.  **3. Lí giải**:  Tại sao thơ cần phải có hình, có ý, có tình?  - Đặc trưng của văn chương nói chung và thơ ca nói riêng là phản ánh, biểu đạt thông qua hình tượng nghệ thuật. Không có các hình tượng, thế giới tinh thần không thể biểu hiện cụ thể, nhà thơ không thể truyền dẫn thông điệp nội dung, tư tưởng, tình cảm một cách trọn vẹn, ấn tượng đến người đọc.  - Thơ ca thuộc phương thức trữ tình, thiên về biểu hiện thế giới chủ quan của con người bằng nhiều cách thức khác nhau nhằm biểu đạt những trạng thái tư tưởng, tình cảm và ý nghĩa phức tạp, đa dạng. Mỗi tác phẩm đều mang một ý nghĩa tư tưởng, thông điệp nhất định đòi hỏi người đọc phải căn cứ vào hình, ý, tình mới cảm nhận được.  - Biểu hiện, yêu cầu về hình, ý, tình trong thơ:  + Hình ảnh (có thể là hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống, con người...) những hình ảnh đó phải chọn lọc, đặc sắc, có sức khái quát, chân thực, đa nghĩa, nhằm để lại ấn tượng, dấu ấn sâu sắc.  + Ý, tình (tư tưởng, cảm xúc, tình cảm..) phải trong sáng, tiến bộ, có tính nhân văn, hướng con người tới các giá trị Chân - Thiện - Mĩ...  +Cảm xúc trong thơ phải mãnh liệt, chân thành, nhà thơ phải lựa chọn được những hình ảnh phù hợp để biểu đạt nội dung tư tưởng, cảm xúc một cách tự nhiên, sâu sắc có sức lay động lớn lao.  => Tác phẩm văn học nói chung, thơ ca nói riêng chỉ hay khi có sự kết hợp hài hòa giữa hình, ý, tình (nội dung và hình thức).  **\* Chứng minh qua bài thơ “Cảnh ngày hè”**  **+ Luận điểm 1: Tình yêu đối với thiên nhiên**   - Bức tranh thiên nhiên tràn đầy sức sống, cảnh vật tươi tắn, rực rỡ  + Hình ảnh thơ: hoa hòe, thạch lựu, hồng liên  + Màu sắc: màu xanh của cây hòe, màu đỏ của cây thạch lựu, màu hồng của hồng liên - những màu sắc tươi tắn, rực rỡ, căng tràn nhựa sống.  + Sử dụng các động từ mạnh: đùn đùn, giương, phun, tiễn. Cảnh vật được miêu tả với những động từ mạnh thể hiện một sức sống mãnh liệt như có một cái gì đó thôi thúc bên trong, sức sống như ứa căng, tràn đầy.  Tác giả sử dụng những hình ảnh thơ bình dị, gần gũi, quen thuộc, độc đáo và có sự phá cách, khác hẳn với những hình ảnh thơ mang tính ước lệ, tượng trưng vốn thường được sử dụng trong Đường thi  - Bức tranh cảnh ngày hè sôi động, náo nhiệt gắn với cuộc sống của con người  + Âm thanh sôi động, dân dã gắn với cuộc sống đời thường: âm thanh của tiếng ve, tiếng lao xao của chợ cá  + Hình ảnh thơ gần gũi: chợ cá làng ngư phủ, lầu tịch dương  + Sử dụng từ láy có giá trị tượng thanh (lao xao) cùng với nghệ thuật đảo ngữ trong câu 5 và câu 6 đã góp phần tạo nên nét nhộn nhịp của bức tranh hè và cuộc sống sung túc, ấm no, đủ đầy của con người.  - Bức tranh cảnh ngày hè có sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc và âm thanh, giữa cảnh vật và con người:  + Cảnh vật ngày hè ngập tràn màu sắc, sự kết hợp màu độc đáo giữa màu đỏ của hoa lựu trước hiên với cây hòe xanh rợp bóng cùng với âm thanh của tiếng ve, của chợ cá khiến không gian tràn đầy sức sống.  + Trong không gian cảnh hè ấy, hình ảnh con người hiện lên với sự sung túc, hạnh phúc trong lao động.  ⇒Qua cảm nhận của tác giả, bức tranh cảnh ngày hè hiện lên thật sống động, có sự hài hòa giữa đường nét, màu sắc, âm thanh, cảnh vật và con người. Cảnh vật được nhìn từ gần đến xa, từ cao xuống thấp. Đồng thời, bức tranh ấy hiện lên thật nhộn nhịp, sôi động và luôn căng tràn sức sống, tất cả như đang muốn trào dâng ra bên ngoài.  **+ Luận điểm 2: Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ**  Tình yêu thiên nhiên say đắm: Nguyễn Trãi đã cảm nhận và miêu tả bức tranh thiên nhiên rất tinh tế bằng nhiều giác quan:  + Thị giác: cảm nhận được màu sắc của hòe, của thạch lựu  + Khứu giác: cảm nhận được mùi hương của hoa sen  + Thính giác: nghe được tiếng ve, tiếng lao xao của chợ cá  - Mong ước của tác giả và tình yêu nước, thương dân sâu sắc:  + Ung dung, tự tại, không muốn vướng bận đến chuyện quan trường nhưng nhà thơ luôn nghĩ về dân, về nước. Tác giả mong có cây đàn của vua Ngu Thuấn để hát ca mong muốn mang lại cuộc sống ấm no, sung túc, yên vui cho nhân dân muôn nơi.  + Câu thơ 6 tiếng, ngắn gọn kết thúc bài thơ như làm dồn nén lại cảm xúc.  + Nghệ thuật: sử dụng điển cố điển tích  ⇒ Đằng sau vẻ đẹp của bức tranh cảnh ngày hè đó chính là vẻ đẹp của tâm hồn Ức Trai. Đó là tình yêu thiên nhiên, đất nước, nhân dân và mong ước, khát vọng về cuộc sống ấm no, thái bình, hạnh phúc cho muôn dân.  **\* Đánh giá chung**  - Tác giả đã vận dụng một cách sáng tạo thể thơ Đường luật với sự đan xen của câu sáu chữ và câu bảy chữ. Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, gần gũi với khẩu ngữ (lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân) nhưng lại rất giàu cảm xúc và giàu sức gợi. Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại: Miêu tả thiên nhiên, đất trời và cảnh đời sống sinh hoạt của con người để qua đó bộc lộ một cách kín đáo tâm tư, tình cảm, nỗi lòng của mình về con người, về cuôc đời. Bài thơ đã dựng nên bức tranh thiên nhiên đầy màu sắc, đẹp đẽ, thơ mộng và khung cảnh của cuộc sống sinh hoạt bình an, yên ổn. Điều đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và khát vọng xã hội phồn vinh, nhân dân no đủ, đất nước thịnh vượng của người nghệ sĩ hết lòng vì nước, vì dân.  - Đồng thời, bài thơ cũng khắc họa tâm hồn và nhân cách cao thượng, tấm lòng yêu quê hương, yêu đất nước của Nguyễn Trãi. Ngay cả khi đang bị chèn ép, nghi ngờ, Nguyễn Trãi cũng vẫn lo lắng cho nhân dân, vẫn khao khát được cống hiến tài năng, công sức của mình cho dân, cho nước  **III. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận | 10 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 23:**

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)**

*Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4*

*Bất cứ ai cũng đã từng thất bại, đã từng vấp ngã ít nhất một lần trong đời như một quy luật bất biến của tự nhiên. Có nhiều người có khả năng vực dậy, đứng lên rồi nhẹ nhàng bước tiếp như thể chẳng có chuyện gì xảy ra, nhưng cũng có nhiều người chỉ có thể ngồi một chỗ và vẫn luôn tự hỏi lí do vì sao bản thân lại có thể dễ dàng “mắc bẫy” đến như thế…*

*Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá: Về một bài toán đã áp dụng cách giải sai, về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân hay về một tình yêu lâu dài bỗng phát hiện đã trao nhầm đối tượng.*

*(…) Đừng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đừng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi. Thời gian làm tuổi trẻ đi qua nhanh lắm, không gì là mãi mãi, nên hãy sống hết mình để không nuối tiếc những gì chỉ còn lại trong quá khứ mà thôi…*

*(Trích“ Hãy học cách đứng lên sau vấp ngã - Nguồn www.vietgiaitri. com, 04/6/2015)*

**Câu 1**: Hãy chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2**: Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào để khẳng định“Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá”?

**Câu 3**: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu văn sau: “Đừng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đừng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi”? Hãy phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ đó?

**Câu 4**: Thông điệp rút ra từ đoạn trích trên?

**PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (16 điểm)**

**Câu 1. ( 6 điểm)**

Người Nga có câu nói:" *Nếu có hai cái bánh mì, tôi sẽ bán một cái để mua hoa hồng. Cả tâm hồn cũng cần phải được ăn uống"*. Anh( chị) hãy viết một bài văn ngắn ( khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói trên.

**Câu 2. (10 điểm)**

*“Bắt rễ ở cuộc sống hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người”* (Nguyễn Đình Thi). Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam).

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)** |  |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. | 1 |
| **2** | Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng sau: “*Về một bài toán đã áp dụng cách giải sai;về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân; một tình yêu lâu dài bỗng phát hiện đã  trao nhầm đối tượng”*để khẳng định*“Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá”* | 1 |
| **3** | Học sinh trả lời được một trong ba phép tu từ sau:  \* Biện pháp tu từ: Điệp ngữ (Đừng để khi) ; điệp cấu trúc ngữ pháp (lặp CTNP); đối lập (tia nắng…đã lên><giọt lê….rơi).  \* Tác dụng: - Điệp ngữ ; điệp cấu trúc ngữ pháp: Tạo âm hưởng nhịp nhàng, cân đối. Nhấn mạnh, khuyến khính mọi người hãy từ bỏ những ưu phiền để sống vui vẻ, hòa nhịp với thế giới xung quanh…  - Đối lập: Làm nổi bật sự trái ngược giữa ngoại cảnh với tâm trạng con người, nhằm khích lệ con người từ bỏ những ưu phiền, hướng đến cuộc sống vui tươi, ý nghĩa…. | 1 |
| **4** | *Hs có thể trả lời nhiều cách như* : Sống như thế nào để không phải nuối tiếc khi nhìn lại quá khứ; đứng dậy sau khi vấp ngã để có cuộc sống tươi đẹp trong tương lai; có niềm tin vào cuộc sống…… | 1 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)** |  |
| **1** | **Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí.  - Bố cục bài làm hợp lí, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, chữ viết rõ ràng, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp và lỗi chính tả.  **Yêu cầu về kiến thức:**  Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải bám sát yêu cầu của đề bài, cần đảm bảo các ý sau: | 6 |
|  | **1. Giải thích:**  - " Bánh mì": Là biểu tượng cho những giá trị vật chất thiết yếu trong cuộc sống của mỗi con người như: cái ăn, cái ở, cái mặc, những tiện nghi phục vụ nhu cầu của cuộc sống...  - "Hoa hồng": Là biểu tượng cho những giá trị, nhu cầu tinh thần của con người trong cuộc sống.  => Ý cả câu: Cuộc sống của con người cần có sự cân bằng, hài hòa giữa những nhu cầu vật chất và tinh thần.  Tuy vậy, câu nói trên cần hiểu một cách linh hoạt bởi "nếu có hai cái" mới quyết định "sẽ bán một cái"- nghĩa là nhu cầu vật chất là nhu cầu trước tiên, quan trọng, tùy thuộc vào hoàn cảnh mà nhu cầu tinh thần cũng nên được chú ý song hành với nhu cầu vật chất.  **2. Bình luận:**  - Nhu cầu vật chất (ăn, ở, mặc, tiện nghi...) rất cần thiết trong cuộc sống của con người. Con người không thể sống được nếu thiếu đi những điều kiện vật chất tối thiểu. Nhưng quá coi trọng vật chất, con người dễ bị rơi vào lối sống ích kỉ, vô cảm, bản năng, ...  - Tâm hồn (hay tinh thần) là một phần quan trọng khiến con người được là người với nghĩa đầy đủ nhất (chứ không phải là con vật, cũng không phải là cỗ máy). Cần nuôi dưỡng tâm hồn để con người được sống theo nghĩa đầy đủ nhất của cuộc sống( hưởng thụ vật chất phải đi đôi với hưởng thụ tinh thần). Nếu không nuôi dưỡng tâm hồn, chỉ quan tâm đến đời sống vật chất và những ham muốn tiền tài, địa vị thì tâm hồn con người sẽ trở nên nghèo nàn, cằn cỗi, bất hạnh, đau khổ...  - Để có đời sống tâm hồn phong phú thì con người phải có đời sống vật chất tương đối đầy đủ. Con người không thể có đời sống tâm hồn phong phú, giàu có nếu đời sống vật chất quá chật vật, nghèo nàn. Ngoài ra, con người cần có ý thức nâng cao giá trị đời sống tinh thần của mình.  - Phê phán một số biểu hiện của một bộ phận nhỏ trong xã hội hiện nay có cái nhìn thực dụng khi đánh giá con người, hoặc quá đề cao vật chất mà hạ thấp đời sống tinh thần hoặc quá đề cao đời sống tinh thần mà chẳng chăm lo đến đời sống vật chất, không phấn đấu vì hạnh phúc vẹn toàn.  Bài học nhận thức và hành động:  - Cần nhận thức đầy đủ về hai nhu cầu làm nên cuộc sống của mỗi người: vật chất và tinh thần.  - Tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, không ngừng bồi đắp, nuôi dưỡng thế giới tâm hồn của mình, nhất là trong cuộc sống hiện nay.  - Lao động hết mình để đảm bảo nhu cầu vật chất và tinh thần cho bản thân và gia đình. |  |
| **2** | Về hình thức: Đảm bảo đúng yêu cầu của một bài văn nghị luận văn học, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, sử dụng câu, từ chuẩn mực, chính xác, bố cục chặt chẽ, lô gic, không mắc lỗi chính tả. |  |
|  | 1. **Về nội dung** 2. **1. Giải thích**   *- “Bắt rễ ở cuộc sống hàng ngày của con người*”: Cuộc đời là nơi xuất phát của văn nghệ. Hiện thực cuộc sống tác động vào nhận thức, tình cảm làm cho người nghệ sỹ nảy sinh những tình cảm mãnh liệt. Điều đó, thôi thúc người nghệ sỹ cầm bút sáng tác. “*Xã hội thế nào văn học thế ấy”; “ Văn học là tấm gương phản chiếu hiện thực xã hội*”  - “*Văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người*”: Đích đến của văn nghệ là cuộc sống. Chức năng của văn học là phục vụ cuộc sống và con người. Văn học phải làm cho cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn, con người trở nên trong sáng, lương thiện và người hơn. “*Nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người, giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật. Nghệ thuật là sự vươn tới, hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người*” (Nguyên Ngọc)  - Văn chương chân chính phải là tiếng nói đồng vọng từ cuộc sống, bênh vực và tìm lối thoát cho những số phận hẩm hiu; ca ngợi vẻ đẹp của con người, phê phán những thế lực xấu xa chà đạp lên quyền sống của họ  Văn chương chân chính thổi vào tâm hồn héo hắt nguồn sống mới, đó là niềm vui, niềm hi vọng sống, nghị lực, tình yêu…  **2. Chứng minh qua tác phẩm Hai đứa trẻ**  - Văn học “bắt rễ ở cuộc sống hàng ngày của con người”  - Truyện ngăn là bức tranh hiện thực tù đọng, tối tăm của xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945 với gam màu u tối, nhợt nhạt là chủ đạo. Ánh sáng chỉ le lói, yếu ớt; âm thanh có chăng chỉ nhỏ nhoi, uể oải, chậm chạp, mệt mỏi; những kiếp người tàn tạ, nghèo nàn, khốn khổ, sống đơn điệu, quẩn quanh, tẻ nhạt  - Tác phẩm phản ánh được những vấn đề tồn tại của hiện thực đời sống nhưng tác giả không sao chép thực tế một cách cứng nhắc mà gửi vào đó nhiều điều mới mẻ, sâu sắc.  (HS phân tích sâu cuộc sống nghèo khổ, quẩn quanh tăm tối của chị em Liên và những người dân nơi phố huyện)  - Văn học “lại tạo sự sống cho tâm hồn con người”  - Tác phẩm thực sự tác động đến tư tưởng, tình cảm, thế giới quan người đọc và làm thay đổi nhận thức của họ.  + Thanh lọc tâm hồn, hướng con người đến những giá trị nhân văn cao cả. Đó là tình yêu thương, sự đồng cảm, xót xa trước những kiếp người nghèo khổ, tàn tạ; sự nâng niu, trân trọng những mơ ước, khao khát đổi đời (qua bức tranh phố huyện và tâm trạng của chị em Liên); sự sẵn sàng đem đến, thắp sáng ước mơ cho những con người khốn khổ, bất hạnh (hình ảnh đoàn tàu)  + Nâng đỡ sự sống, gieo vào tâm hồn người đọc những ước mơ chân chính, niềm tin bất diệt vào giá trị cuộc sống (cuộc sống dù tù túng, quẩn quanh nhưng những con người nơi phố huyện luôn chờ đợi, khao khát…)  + Truyện gieo vào lòng người tình yêu thương, gắn bó với quê hương (qua bức tranh quê thanh bình, thôn dã mà không kém phần thơ mộng, những con người găn bó, hòa hợp với thiên nhiên)  **3. Nghệ thuật** viết truyện đậm sắc thái trữ tình, lãng mạn, giàu chất thơ (Giọng văn nhẹ nhàng, cảm xúc; lời văn bình dị, đầy tình thương mến; nghệ thuật miêu tả tinh tế những biến thái tinh vi của cảnh vật, tâm hồn con người)   1. **4. Đánh giá chung**   - Cuộc sống là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học. Phản ánh hiện thực đời sống và phục vụ đời sống con người là yêu cầu, bản chất, cũng là quy luật của văn học. *Hai đứa trẻ* là minh chững rõ nét cho nhận định của Nguyễn Đình Thi.  - Tác phẩm cũng là sự thể hiện sâu sắc những suy nghĩ, quan niệm nhân sinh sâu sắc của nhà văn.  - Nhận định của Nguyễn Đình Thi để lại bài học sâu sắc cho văn nghệ sỹ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật.  *Lưu ý: Khuyến khích những bài viết giàu cảm xúc, sáng tạo* | 10 |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 24:**

**I. PHẦN ĐỌC – HIỂU (4 điểm):** Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Có một phụ nữ vừa mất con trai, bà tìm đến một nhà hiền triết và nói:*

*- “Có lời cầu nguyện nào mà ông biết có thể đem con trai tôi sống lại?”*

*Nhà hiền triết bảo:*

*- “Hãy đem về đây cho ta một hạt giống cây mù tạt được trồng từ gia đình nào chưa từng bao giờ biết đến đau khổ”.*

*Người phụ nữ ngay lập tức lên đường đi tìm hạt giống thần kỳ. Đầu tiên bà đến gõ cửa một ngôi nhà lớn sang trọng và hỏi:*

*- “Tôi đang tìm hạt giống cây mù tạt từ gia đình chưa bao giờ biết đến đau khổ, có phải nơi này không?”*

*Họ trả lời bà đã đến nhầm chỗ và bắt đầu kể những tai họa đã xảy đến với gia đình họ. Bà ngồi lại an ủi họ rối tiếp tục lên đường đi tìm hạt giống thần kỳ.*

*Nhưng bất cứ nơi nào bà ghé vào, dù ở những ngôi nhà tồi tàn hay sang trọng, bà đều được nghe những chuyện đau buồn này đến chuyện bất hạnh khác.*

*Bà trở nên quan tâm và rất muốn chia sẻ nỗi buồn của người khác đến nỗi bà đã quên đi nỗi buồn của chính bà và quên câu hỏi về hạt giống cây mù tạt thần kỳ mà bà tìm kiếm.*

*Thế đó, cách quên đi nỗi buồn của chính mình tốt nhất là hãy chia sẻ với những người khác, bạn sẽ thấy được sự cảm thông và nỗi buồn của chính mình cũng được tan biến đi. Hãy quên đi nỗi buồn, bạn nhé!*

**Câu 1***(1,0 điểm):* Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2***(1,0 điểm):* Anh (chị) hiểu như thế nào về hình ảnh hạt giống cây mù tạt trong câu văn “Hãy đem về đây cho ta một hạt giống cây mù tạt được trồng từ gia đình nào chưa từng bao giờ biết đến đau khổ”?

**Câu 3***(1,0 điểm):* Anh (chị) hiểu như thế nào về câu “bất cứ nơi nào bà ghé vào, dù ở những ngôi nhà tồi tàn hay sang trọng, bà đều được nghe những chuyện đau buồn này đến chuyện bất hạnh khác”?

**Câu 4***(1,0 điểm):* Thông điệp nào của văn bản trên để lại cho anh (chị) nhiều suy nghĩ nhất?

**II. PHẦN LÀM VĂN (14.0 điểm)**

**Câu 1 (6 điểm):** Anh (chị) hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của bản thân về câu: *“Cách quên đi nỗi buồn của chính mình tốt nhất là hãy chia sẻ với những người khác, bạn sẽ thấy được sự cảm thông và nỗi buồn của chính mình cũng được tan biến đi”.*

**Câu 2 (10 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: ***“****Về thực chất, thơ là tiếng nói của tâm hồn... Lời thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư nhưng lại có ý nghĩa khái quát về con người, về xã hội, nhân loại, có giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn sâu sắc, đủ làm nền tảng cho sự thông cảm lẫn nhau và phát triển đời sống nội tâm phong phú của con người.”.* Từ cảm nhận bài thơ *“Tràng giang”* *(Huy Cận - NXBGD Việt Nam 2018),* Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 điểm)** |  |
| 1 | Phương thức biểu đạt: Tự sự. | 1 |
| 2 | Hình ảnh hạt giống cây mù tạt là hình ảnh ẩn dụ, có thể hiểu là hạt giống của hạnh phúc và niềm tin hi vọng. | 1 |
| 3 | Cách hiểu: trong cuộc sống hạnh phúc- đau khổ; thành công- thất bại…luôn cùng tồn tại. Không có gì là tuyệt đối trong cuộc sống này. | 1 |
| 4 | Thông điệp: HS có thể tùy chọn theo cách cảm nhận của mình:  sự đồng cảm, chia sẻ trong cuộc sống, cách quên đi đau khổ, khát vọng bất tử hóa, tình mẫu tử… | 1 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)** | 6 |
| 1 | **1. Yêu cầu về kĩ năng:** - Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận XH. - Vận dụng tốt các thao tác lập luận. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. - Khuyến khích những bài viết sáng tạo  **2. Yêu cầu về kiến thức:**  Giới thiệu vấn đề nghị luận: |  |
|  | a. Giải thích:  + Đồng cảm : là cùng chung những trạng thí cảm xúc giữa hai con người hoặc giữa mọi người với nhau trong cộng đồng  + Chia sẻ: cùng nhau hưởng thụ hoặc cùng nhau hành động để niềm vui nhân đôi và nỗi buồn vơi đi một nửa.  b. Phân tích, chứng minh, bình luận:  + Đồng cảm và chia sẻ là biết rung động trước hoàn cảnh của người khác, hiểu được tâm lí và cảm xúc của người đối diện thấu tỏ được niềm vui và nỗi buồn mà người khác đã trải qua.  + Phải luôn có những hành động chia sẻ về vật chất lẫn tinh thần để cuộc sống giảm bớt những đau thương và xây dựng một xã hội tốt đẹp.  + Đồng cảm, chia sẻ là những hành động đẹp, là biểu hiện mang tính nhân văn. Bên cạnh những tấm lòng cao cả vẫn còn có những con người vô cảm dửng dưng trước nỗi đau và mất mát của mọi người xung quanh đó là biểu hiện của lối sống ích kỉ  + Dẫn chứng: phong trào mái ấm tình thương, áo ấm cho em…  Bài học nhận thức:  biết sống đẹp, biết cảm thông chia sẻ với mọi người từ việc tích lũy kiến thức, kĩ năng sống phát huy truyền thống tốt đẹp này để xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ, hiện đại |  |
| **2** | **Yêu cầu chung**  *- Câu hỏi hướng đến việc đánh giá năng lực viết bài văn NLVH, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương của mình để làm bài.*  *- Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng.* | 10 |
|  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vẫn đề nghị luận  - Dẫn dắt câu nói  **2. Thân bài**  **a. Giải thích nhận định**  - Thơ là tiếng nói của tâm hồn: Thơ thể hiện cảm xúc, tình cảm, tiếng nói nội tâm sâu kín.  - Lời thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư nhưng lại có ý nghĩa khái quát về con người, về xã hội, nhân loại, có giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn sâu sắc: Thơ là tiếng nói của nội tâm nhà thơ, nhưng qua đó vẫn toát lên những vấn đề của xã hội, thời đại, nghĩa là hướng đến những vấn đề chung của con người, tạo ra những rung động thẩm mĩ tích cực, gợi những tình cảm cao đẹp.  - Nền tảng cho sự thông cảm lẫn nhau và phát triển đời sống nội tâm phong phú của con người: Thơ ca đem đến sự hiểu biết, cảm thông và chia sẻ giữa nhà thơ với người đọc, người đọc với người đọc; tạo nên sự phong phú trong thế giới tình cảm, cảm xúc của con người.  => Nhận định đề cập đến đặc trưng cơ bản của thơ. Đồng thời cũng khẳng định ý nghĩa sâu xa của tiếng nói trữ tình trong thơ đối với con người và thời đại  **\* Lý giải nhận định**  - Thơ là phương thức trữ tình, là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức, nơi nhà thơ chia sẻ, trút gửi tâm tư sâu kín, những giày vò và chấn động bên trong. Đối với nhà thơ, hoạt động sáng tạo thơ ca thực chất là sự giải phóng tâm hồn. Mặt khác, khi bộc bạch tâm tình của mình vào thơ, nhà thơ mong muốn có được sự đồng điệu, tri âm, thấu hiểu của người đọc để từ một người lan tỏa đến muôn người. Như thế, với nhà thơ, làm thơ vừa là thổ lộ, giãi bày tâm tình, vừa là tìm kiếm sự chia sẻ, đồng cảm.  - Tình cảm trong thơ vừa mang tính cá thể, vừa có tính điển hình, vừa là nỗi lòng riêng, vừa là tiếng lòng chung. Bởi thế, khi đến với thơ, lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ, người đọc tìm được sự chia sẻ, được khơi dậy những rung động, bồi đắp và tinh luyện tình cảm.  **2. Cảm nhận qua bài thơ “Tràng giang” (Huy Cận)**  - Vài nét về nhà thơ Huy Cận và bài thơ Tràng giang  - Bài thơ Tràng giang là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc riêng của Huy Cận. Toàn bộ bài thơ thấm đẫm nỗi buồn. Tràng giang là nỗi buồn có sắc thái riêng, là “cái buồn tỏa ra từ đáy hồn một người cơ hồ không biết tới ngoại cảnh”. Trong sự tương quan đối lập giữa không gian tràng giang bao la rợn ngợp với cái nhỏ bé của cõi nhân sinh, cảm giác cô đơn, lẻ loi của con người trước trời đất càng được tô đậm.  - Tiếng nói trữ tình trong bài thơ Tràng giang có ý nghĩa khái quát, có giá trị thẩm mĩ và nhân văn. Tình cảm của nhà thơ được gợi ra một cách kín đáo, đó là nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn trước cuộc đời của một con người yêu đời, yêu quê hương đất nước. Tất cả hình ảnh hiện lên trong bài thơ, một dòng sông, một con thuyền, những bến bờ, cánh bèo trôi nổi đều góp phần tạo nên vẻ đẹp của bức tranh quê hương.  - Tiếng nói trữ tình của bài thơ Tràng giang là nền tảng cho sự cảm thông lẫn nhau, phát triển nội tâm phong phú của con người. Huy Cận đã làm rung động tâm can người đọc bằng bài thơ Tràng giang, bởi nó gợi lên những suy nghĩ về nhân sinh, gợi tình yêu quê hương đất nước trong lòng mỗi người.  - Bài thơ Tràng giang tiêu biểu cho đặc điểm phong cách thơ Huy Cận, với giọng thơ nhẹ nhàng mà sâu lắng, bút pháp cổ điển và hiện đại. Điều đó đã góp phần đưa Huy cận trở thành một trong những đỉnh cao thơ mới.  **\* Đánh giá chung**  - Nhận định trên hoàn toàn đúng đắn về bản chất, chức năng cũng như tiếng nói trữ tình trong thơ. Thơ ca chân chính muôn đời luôn là điểm tựa tinh thần của con người. Chừng nào con người cần đến sự đồng cảm, sẻ chia, khi ấy, thơ ca sẽ còn ở lại.  - Nhận định đó vừa là định hướng vừa là yêu cầu với sáng tác của nhà thơ. Đồng thời cũng định hướng về con đường tiếp nhận thơ ca từ đặc trưng thể loại.  - *Tràng giang* và *Cảnh ngày hè* là những thi phẩm đẹp trong kho tàng thơ ca Việt Namvới những cảm xúc, tâm sự riêng tư nhưng lại có ý nghĩa khái quát về con người, về xã hội, nhân loại, có giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn sâu sắc, làm nền tảng cho những cảm thông sâu sắc và làm phong phú tâm hồn con người.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vẫn đề nghị luận |  |
|  | *1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*  *2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*  *3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*  *4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*  *5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.* |  |

**ĐỀ 25:**

**Câu 1. (8,0 điểm)**Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến: *Hãy đeo đuổi ước mơ.*

**Câu 2. (12 điểm)**

Trong cuốn “Cảm nhận văn học”, giáo sư Lê Đình Kỵ cho rằng: *“Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp theo nghĩa: mang được sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài, đồng thời mang được sự thật tâm tình của con người”. Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ “Đất Vị Hoàng” của Trần Tế Xương hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Giới thiệu vấn đề**  - Nếu bầu trời tượng trưng cho những ước mơ, những kế hoạch lớn và những cái nhìn bao quát nhưng toàn diện về bản thân, thì phải chăng những nỗi lo thường nhật đã kéo tầm mắt của ta xuống dưới mặt đất, để chìm trong một dòng người hối hả, để đối phó với những chướng ngại vật ngay trước mắt và rồi ta chẳng còn lúc nào để phóng tầm mắt lên thật xa trên bầu trời, để thấy những ước mơ của ta lớn đến chừng nào… Và thế là nhiều khi ta quên đi những điều thực sự quan trọng: đó chính là những ước mơ.  **2. Giải thích**  - *Ước mơ* - *hoài bão* là những xuất phát điểm quan trọng, đây là cơ sở đầu tiên để mỗi cá nhân, tổ chức và dân tộc cất cánh.  - Ai cũng có ước mơ. Có thể đó chỉ là những nhu cầu bình thường trong sinh hoạt hằng ngày. Nhưng cũng có thể đó là những khát khao hướng thượng những kế hoạch dài hơn cho chính bản thân mình.  **3. Chứng minh và bàn luận**  - Ước mơ sẽ chỉ là mơ ước nếu nó không đi kèm với những sự chuẩn bị cần thiết để thực hiện ước mơ đó. Sự chuẩn bị trong hành trình của mỗi giấc mơ có nhiều thành phần, nhưng thành phần quan trọng nhất hiện nay và trong tương lai phải kể đến tri thức với hai quá trình song hành và bổ sung cho nhau: tích luỹ tri thức và phát triển tri thức.  - Mỗi ước mơ, dù lớn lao hay giản dị, đều cần được tiếp lửa bằng nhiệt huyết, quyết tâm và nỗ lực không ngừng của tuổi trẻ. Tuổi trẻ là món quà vô giá mà tạo hoá ban tặng cho chúng ta trên con đường chinh phục ước mơ của mình. Tuổi trẻ tư bản thân nó đã là một tài sản, tự bản thân nó đã hàm chứa ánh sáng và hạnh phúc, khi bị dúi xuống bùn, cơ hội để nó vẫn toả sáng và thăng hoa sẽ lớn hơn so với khi bạn già đi.  - Ước mơ thuộc về tương lai mà người trẻ tuổi thì sống vì tương lai, vậy tại sao không sống và phấn đấu vì ước mơ của mình? Thành công bắt đầu từ suy nghĩ, “đeo đuổi ước mơ”. Chúng ta dám ước mơ, dám nghĩ khác và vượt khỏi những hạn hẹp của hoàn cảnh sống để thực hiện cho bằng được khát vọng của mình.  - Ước mơ cũng giống như những tên lửa đang chuẩn bị cất cánh, nhưng nếu không được châm ngòi bằng một niềm tin, ý chí và nỗ lực vượt khó thì mãi mãi nó chi nằm chỏng chơ trên mặt đất giống như chú đại bàng kia.  **4. Bài học nhận thức và hành động**  - Cuộc đời thật có quá nhiều ước mơ, cỏ những ước mơ đã trở thành sự thật và cả những ước mơ mãi mãi chỉ là mơ ước mà thôi. Nhưng chúng ta hãy cảm nhận những ước mơ trong chính con người mình và học cách để nuôi dưỡng nó.  - Không dễ để biến ước mơ thành hiện thực. Một ước mơ dù lớn hay nhỏ, phải được ấp ủ, nuôi dưỡng và hiện thực hóa là cả một quá trình với ý chí tự thân và những bước đi khoa học.  - Không thành công nào mà chưa từng trải qua thất bại, những bài học từ sai lầm đã qua sẽ tôi luyện cho ý chí thêm mạnh mẽ và vững vàng. Tiếp tục cất bước, tiếp tục đeo đuổi ước mơ và cố gắng thực hiện chúng – những điều chỉ có ước mơ mang lại được cho con người và tuổi trẻ.  - Phê phán những người tự ti, không tin vào bản thân…  **5. Kết thúc vấn đề**  - Cuộc đời của mỗi chúng ta là một câu chuyện, chính vì thế mà tại sao chúng ta lại không viết tất cả câu chuyện của chúng ta lên, để chia sẻ kinh nghiệm với nhau, cũng như để tạo cho các bạn trẻ chúng ta có những suy nghĩ theo chiều hướng tích cực hoặc lạc quan yêu đời hơn. Để cho cuộc sống của mỗi chúng ta là một màu hồng.  - Liên hệ bản thân. | 8 |
| **Câu 2** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ*  *bao gồm Mở bài, thân bài, kết bài.* |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* |  |

**ĐỀ 26:**

**Câu 1 (8,0 điểm)**

*“Người bi quan phàn nàn về cơn gió; người lạc quan chờ đợi nó đổi chiều; người thực tế điều chỉnh lại cánh buồm.”*

*(William Arthur Ward )*

Suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

**Câu 2 (12 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: ***“****Về thực chất, thơ là tiếng nói của tâm hồn... Lời thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư nhưng lại có ý nghĩa khái quát về con người, về xã hội, nhân loại, có giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn sâu sắc, đủ làm nền tảng cho sự thông cảm lẫn nhau và phát triển đời sống nội tâm phong phú của con người.”*

Từ cảm nhận bài thơ *“Tràng giang”* (Huy Cận - NXBGD Việt Nam 2018), Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.  
  
Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.  
  
Bèo giạt về đâu, hàng nối hàng;  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.  
  
Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.  
Lòng quê dợn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

*(Huy Cận, Lửa thiêng, NXB Đời nay, 1940)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **YÊU CẦU CHUNG**  - Giám khảo cần vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm, sử dụng các mức điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.  - Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm. | 8 |
|  | **YÊU CẦU CỤ THỂ**  **Câu 1. (8 điểm)**  **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp…  **b. Yêu cầu về kiến thức:**  Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến, trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần chính xác, hợp lí, rõ ràng, thuyết phục… và nêu được các ý cơ bản sau:  **Giải thích vấn đề:**  - Người bi quan phàn nàn về cơn gió: Người có cái nhìn chán nản. tuyệt vọng, tiêu cực, không tin tưởng ở ở tương lai sẽ phàn nàn về những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống.  - Người lạc quan chờ đợi nó đổi chiều: Trái với người bi quan, người lạc quan luôn có cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai. Họ luôn chờ đợi và hi vọng những điều tốt đẹp sẽ đến.  - Người thực tế điều chỉnh lại cánh buồm: Người thực tế là những người hiểu rõ và sống với thực tại. Họ không ảo tưởng hão huyền. Bởi vậy, để đến đích, họ không “phàn nàn”, không “chờ đợi” mà chủ động “điều chỉnh”, thay đổi những thứ mình có cho phù hợp hoàn cảnh.  \* Để đến với thành công, con người không nên có thái độ bi quan, cũng không nên chờ đợi vào sự may mắn mà cần đối diện với thực tế, dám thay đổi bản thân.  **2. Phân tích, chứng minh:**  - Sống thực tế giúp con người có cái nhìn, sự đánh giá đúng đắn về bản thân cũng như về thế giới khách quan. Từ đó, xác định cho mình những hướng đi, những con đường phù hợp với năng lực và hoàn cảnh.  - Sự nhận thức và tự nhận thức sẽ giúp những người thực tế biết cách tự thay đổi, điều chỉnh mình theo chiều hướng tích cực để vươn lên.  (Dẫn chứng cần cụ thể, tiêu biểu, thực tế)  **3. Bình luận:**  - Phê phán những kẻ bi quan, cũng như những kẻ sống trong ảo tưởng, hão huyền.  - Con người cần có lối sống thực tế, nhưng cần phân biệt thực tế với thực dụng – lối sống quá chú trọng vào vật chất và lợi ích cá nhân.  - Sống thực tế nhưng con người cũng cần có những hi vọng và sự lạc quan. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp con người có thêm sự nỗ lực để vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc đời. |  |
| **Câu 2** | phong phú của con người: Thơ ca đem đến sự hiểu biết, cảm thông và chia sẻ giữa nhà thơ với người đọc, người đọc với người đọc; tạo nên sự phong phú trong thế giới tình cảm, cảm xúc của con người.  => Nhận định đề cập đến đặc trưng cơ bản của thơ. Đồng thời cũng khẳng định ý nghĩa sâu xa của tiếng nói trữ tình trong thơ đối với con người và thời đại  **\* Lý giải nhận định**  - Thơ là phương thức trữ tình, là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức, nơi nhà thơ chia sẻ, trút gửi tâm tư sâu kín, những giày vò và chấn động bên trong. Đối với nhà thơ, hoạt động sáng tạo thơ ca thực chất là sự giải phóng tâm hồn. Mặt khác, khi bộc bạch tâm tình của mình vào thơ, nhà thơ mong muốn có được sự đồng điệu, tri âm, thấu hiểu của người đọc để từ một người lan tỏa đến muôn người. Như thế, với nhà thơ, làm thơ vừa là thổ lộ, giãi bày tâm tình, vừa là tìm kiếm sự chia sẻ, đồng cảm.  - Tình cảm trong thơ vừa mang tính cá thể, vừa có tính điển hình, vừa là nỗi lòng riêng, vừa là tiếng lòng chung. Bởi thế, khi đến với thơ, lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ, người đọc tìm được sự chia sẻ, được khơi dậy những rung động, bồi đắp và tinh luyện tình cảm.  **b. Cảm nhận bài thơ Tràng giang (Huy Cận)**  - Vài nét về nhà thơ Huy Cận và bài thơ Tràng giang  - Bài thơ Tràng giang là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc riêng của Huy Cận. Toàn bộ bài thơ thấm đẫm nỗi buồn. Tràng giang là nỗi buồn có sắc thái riêng, là “cái buồn tỏa ra từ đáy hồn một người cơ hồ không biết tới ngoại cảnh”. Trong sự tương quan đối lập giữa không gian tràng giang bao la rợn ngợp với cái nhỏ bé của cõi nhân sinh, cảm giác cô đơn, lẻ loi của con người trước trời đất càng được tô đậm.  **+ Luận điểm 1: Nỗi buồn thân phận trước dóng nước mênh mang, nhân lên thành nỗi cô đơn rợn ngợp khi đứng trước trời rộng sông dài. (Khổ 1,2)**  - Hai từ “điệp điệp”: Láy lại khiến cho nỗi buồn con người thấm vào sóng nước. Ta có cảm giác như không chỉ thấy sóng trên tràng giang mà còn thấy sóng lòng trào dâng lên không dứt, mênh mang, hòa cùng sóng nước vỗ mãi tới tận chân trời.  - Hình ảnh “thuyền về nước lại” dẫu là sự vận động trái chiều của cảnh vật hay là thuyền về nước thêm sầu vẫn là “sầu trăm ngả”, sự hoang mang.  - Hình ảnh thơ “Củi một cành khô lạc mấy dòng” thực sự là một cơn sóng cô đơn, hiu quạnh, vô định trào trực xô lên trong lòng người. Từ cây cối xanh tươi trên ngàn đến cành củi khô gầy guộc là mấy lần thân phận cỏ cây khô héo, vùi dập, đổi thay để có những câu thơ “kêu giòn và lay động” như thế.  - Nỗi buồn lan tỏa, mơ hồ hòa trong cái quạnh quẽ, hiu hắt của “Lơ thơ cồn nhỏ, gió đìu hiu”. Từ nỗi niềm bơ vơ buồn bã đó, nhà thơ đi tìm hơi ấm của cuộc sống: “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”. “Đâu đó” hay “đâu có”? Nhưng dù sao cũng đều rất xa xôi, mơ hồ. Tiếng chợ chiều góp vui mà lại càng tăng cảm giác tẻ nhạt, quạnh vắng, đìu hiu hơn. Muốn nghe âm thanh cuộc sống nhưng tất cả đều trở nên hoang vu, muốn chút gần gũi mà càng thêm cách chia. Vì thế sầu buồn càng thêm man mác...  **-** Không gian được đẩy cao và mở rộng đột ngột, trải ra đến vô cùng khi nhà thơ hạ hai câu tuyệt bút. Từng vạt nắng từ trời cao rọi xuống làm nên những khoảng sâu thăm thẳm trên bầu trời. Tác giả dùng chữ “sâu” chứ không phải chữ “cao”, bởi đó không chỉ là chiều kích không gian mà còn gợi lên nỗi buồn không đáy của lòng người.  **+ Luận điểm 2: Nỗi cô đơn, sầu buồn, nỗi buồn lữ thứ trước cảnh hoàng hôn rợn ngợp.**  - Không có một chuyến đò, không có một chiếc cầu nhỏ nối giữa hai bờ. Một loạt từ “không” xuất hiện liên tiếp đã phủ định tất cả những gì là gắn kết, chỉ còn những trống trải vô cùng: hai bờ bên là những thế giới xa lạ. Chỉ có “bờ lau tiếp bãi vàng” và những cánh bèo lênh đênh đang trôi dạt về đâu. Ấn tượng về sự tan tác, chia lìa lại càng được tô đậm bằng hình ảnh những cánh bèo trôi nổi.  - Không gian rộng lớn hùng vĩ, khoáng đạt vô cùng của buổi hoàng hôn  Thiên nhiên tạo vật bộc lộ những vẻ đẹp đến lạ lùng: Những buổi chiều mùa hạ, mây trắng như những búp bông bung nở trên trời cao, ánh nắng buổi chiều trước khi vụt tắt thường rực sáng nên chiếu vào những núi, những mây chồng chất lên nhau khi nào lung linh như những núi bạc. Một vẻ khoáng đạt hoành tráng, mĩ lệ.  **\* Đánh giá luận điểm**  - Tiếng nói trữ tình trong bài thơ Tràng giang có ý nghĩa khái quát, có giá trị thẩm mĩ và nhân văn. Tình cảm của nhà thơ được gợi ra một cách kín đáo, đó là nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn trước cuộc đời của một con người yêu đời, yêu quê hương đất nước. Tất cả hình ảnh hiện lên trong bài thơ, một dòng sông, một con thuyền, những bến bờ, cánh bèo trôi nổi đều góp phần tạo nên vẻ đẹp của bức tranh quê hương.  - Tiếng nói trữ tình của bài thơ Tràng giang là nền tảng cho sự cảm thông lẫn nhau, phát triển nội tâm phong phú của con người. Huy Cận đã làm rung động tâm can người đọc bằng bài thơ Tràng giang, bởi nó gợi lên những suy nghĩ về nhân sinh, gợi tình yêu quê hương đất nước trong lòng mỗi người.  - Bài thơ Tràng giang tiêu biểu cho đặc điểm phong cách thơ Huy Cận, với giọng thơ nhẹ nhàng mà sâu lắng, bút pháp cổ điển và hiện đại. Điều đó đã góp phần đưa Huy cận trở thành một trong những đỉnh cao thơ mới.  **\* Đánh giá chung**  - Nhận định trên hoàn toàn đúng đắn về bản chất, chức năng cũng như tiếng nói trữ tình trong thơ. Thơ ca chân chính muôn đời luôn là điểm tựa tinh thần của con người. Chừng nào con người cần đến sự đồng cảm, sẻ chia, khi ấy, thơ ca sẽ còn ở lại.  - Nhận định đó vừa là định hướng vừa là yêu cầu với sáng tác của nhà thơ. Đồng thời cũng định hướng về con đường tiếp nhận thơ ca từ đặc trưng thể loại.  - *Tràng giang* là thi phẩm đẹp trong kho tàng thơ ca Việt Namvới những cảm xúc, tâm sự riêng tư nhưng lại có ý nghĩa khái quát về con người, về xã hội, nhân loại, có giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn sâu sắc, làm nền tảng cho những cảm thông sâu sắc và làm phong phú tâm hồn con người. | 12 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* |  |

**ĐỀ 27:**

**Câu 1: (8 điểm)**

Trên trang bìa một cuốn sách của mình, diễn giả Trần Đăng Khoa viết:

*Cuộc đời có một bầu trời, còn ta có một đôi cánh.*

Từ ý kiến trên, hãy chia sẻ về *đôi cánh* giúp anh (chị) *bay* giữa cuộc đời.

**Câu 2: (12 điểm)**

Bàn về khả năng tác động của tác phẩm văn học đến tâm hồn con người, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã cho rằng: *"Mỗi tác phẩm như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi..." Anh/ chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng việc phân tích bài thơ “Gia Huấn Ca” của Nguyễn Trãi.*

*Đặt quyển sách, vắt tay nằm nghĩ,  
Hễ làm người dạy kỹ thì nên,  
Phấn son cũng phải bút nghiên,  
Cũng nhân tâm ấy há thiên lý nào.*

*(Gia Huấn ca - Nguyễn Trãi)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **1. Yêu cầu về kĩ năng**  Học sinh viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội theo hướng mở. Biết vận dụng phối hợp các thao tác lập luận và các phương thức biểu đạt, huy động được dẫn chứng phong phú từ thực tế đời sống và trải nghiệm của bản thân để bài viết thuyết phục.  Bố cục sáng rõ, lập luận chặt chẽ, sắc sảo. Hành văn lưu loát, trong sáng, chuẩn xác, có cảm xúc.  **2. Yêu cầu về kiến thức**  Bài làm cần đạt được các nội dung cơ bản sau:  **2.1. Suy nghĩ về ý kiến của Trần Đăng Khoa**  **a. Giải thích**  Học sinh giải thích từ ngữ, hình ảnh để hiểu: Ý kiến khẳng định, khích lệ con người cần có sức lực, năng lực, nỗ lực, khát vọng, niềm tin… – đó là những động lực, sức mạnh để vươn tới tầm cao, xa giữa cuộc đời rộng lớn và nhiều thử thách.  **b. Bình luận**  Học sinh khẳng định ý kiến đúng đắn, sâu sắc, tích cực, vì:  - Cuộc đời rộng lớn, mênh mông, nhiều thử thách.  - Con người luôn có khát vọng chinh phục những thử thách, vươn tới những tầm cao, xa.  - Sức lực, năng lực, nỗ lực, khát vọng, niềm tin… chính là đôi cánh, là động lực, sức mạnh chủ yếu giúp mỗi người vượt qua những trở lực, vươn tới những tầm cao xa.  - Cần nỗ lực cất cánh để khám phá, khẳng định chính mình.  - Bên cạnh đó, cũng cần những trợ lực để giúp mỗi người có thể bay cao, bay xa như điều kiện sống, sự dìu dắt, nâng đỡ của cha mẹ, thầy cô, bạn bè…  (Học sinh dùng lí lẽ và dẫn chứng để phân tích, làm sáng tỏ suy nghĩ của bản thân)  **2. Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về *đôi cánh* giúp anh (chị) *bay* giữa cuộc đời**  Học sinh được tự do chia sẻ suy nghĩ riêng gắn với quan niệm, trải nghiệm của bản thân, song phải đúng đắn, sâu sắc, tích cực, phù hợp.  Ví dụ: *đôi cánh* có thể là tri thức, khát vọng, mơ ước hướng tới những điều tốt đẹp (tình yêu, hạnh phúc, thành công, sự cống hiến, …), cần nỗ lực *cất cánh*, quyết tâm, đam mê, sáng tạo để đạt được những điều tốt đẹp đó… | 8 |
| 2 | **I. Mở bài:**  **-** Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn câu nói của Nguyễn Đình Thi.  **II. Thân bài:**  **1. Giải thích:**  - Soi rọi vào tâm hồn: Làm bừng sáng, thức tỉnh những điều lương thiện, những điều tốt đẹp trong tâm hồn người đọc.  - Ánh sáng riêng: Là những điều tốt đẹp nhất (những điều chân - thiện - mĩ) được gửi gắm qua mỗi tác phẩm...  - Không bao giờ nhòa đi: Không phai nhạt, không thể mất đi, nó được khắc sâu và trở thành ánh sáng của tâm hồn  => Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đã khẳng định sự tác động mạnh mẽ của tác phẩm văn học: Thức tỉnh tâm hồn con người, hướng con người những điều tốt đẹp nhất  => Đây là chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa của văn học.  **2. Chứng minh qua bài thơ “Gia Huấn ca” của Nguyễn Trãi**  **+ Luận điểm 1: Cách giáo dục một con người trong cuộc sống**  Cách ngắt nhịp 3/4: Ngắt câu thơ ra làm đôi nhắn nhủ về lẽ sống cần biết đem kiến thức trong sách vở để mang vào đối xử trong cuộc đời hàng ngày  - Quan điểm cần uốn nắn “dạy kĩ” một con người ngay từ thuở ấu thơ, nếu muốn con người ấy trưởng thành và có nhân cách cao đẹp.  - Suy nghĩ sâu sắc, không chỉ đúng với thời đại mà còn trong mọi dòng chảy của thời gian.  - Qua hai câu thơ đầu nhà thơ khẳng định một cách chắc chắn, để uốn nắn một con người không phải chỉ là một chốc, một lát, mà phải trải qua một quá trình rèn luyện, đầy tâm huyết và yêu thương từ cha mẹ ngay từ những bước đi đầu tiên khi con vào đời phải “dạy kĩ”. Có vậy mới điều chỉnh, định hướng để con “nên” người, đức độ đúng như kì vọng, đó cũng chính là sự tương giao cách cảm mà sau này Hồ Chí minh cũng đã từng khẳng định trong thơ ca của mình:  *“Hiền dữ phải đâu là tính sẵn*  *Phần nhiều do giáo dục mà nên”.*  - Qua câu thơ ta cũng nhận ra rằng: Dạy dỗ có nhiều cách, thường là dạy theo sách vở hoặc những kinh nghiệm mà ông cha ta từ xưa đã đúc kết truyền lại cho con cháu sau này, trẻ nhỏ được dạy dỗ kĩ càng sẽ trở thành những đứa trẻ ngoan ngoãn, biết điều, được học hành tử tế, ắt sẽ trở thành người có ích cho xã hội, cho đất nước mai sau.  **2. Suy nghĩ về giá trị của đạo đức trong đời sống con người**  - “Phấn son” là ẩn dụ chỉ hình thức bên ngoài hay những người con gái trong cuộc sống.  -“Bút nghiên”: tri thức, trí tuệ, đạo đức của con người, công danh, sự nghiệp của bậc nam nhi cần phải có ở đời  -Chú trọng rèn luyện “nhân tâm”  - Khẳng định đạo đức là nền tảng cơ bản, là ý trời đã định trong cuộc đời của mỗi con người cần có.  - Hay sâu xa hơn, cái đẹp ý vị thơ ca của Nguyễn Trãi còn là cách răn dạy bậc quân tử đừng để lớp “phấn son” của những đóa hoa rực rỡ ngoài cuộc đời kia, không nên vì nhan sắc nơi trần thế trong ánh mắt người thiếu nữ mà quên mất “bút nghiên”, công danh, sự nghiệp, lẽ sống của một người nam nhi nơi đất trời rộng lớn.  - Đó cũng là căn cứ để xây dựng một đất nước vững mạnh, giàu đẹp, nhiều hiền tài phục vụ giang sơn ngay từ việc giáo dục mỗi một con người khi còn nhỏ trong gia đình.  - Thế nên, ta nghiệm ra rằng kể cả trong công việc cũng như trong tình cảm cá nhân, ông luôn đề cao chữ “nhân tâm” và coi đó là kim chỉ nam cho mình, những đạo lý mà ông viết nên sẽ còn trường tồn, là “thiên lý”, ý trời đã định trong hành trình giữ trọn vẹn mọi giá trị của con người cho tới mãi sau này.  **3. Kết bài**  - Tổng kết, khái quát lại vấn đề  - Khẳng định sự đúng đắn của ý kiến, khẳng định chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa tâm hồn con người là chức năng quan trong nhất của văn học...  - Khẳng định giá trị của bài thơ “Gia Huấn ca”: Có tính giáo dục, có sức mạnh làm thức tỉnh tâm hồn người đọc  => Điều này làm nên giá trị nhân văn của tác phẩm | 12 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* |  |

**ĐỀ 28:**

**Câu 1: (8.0 điểm)**

        Anh (chị) hãy viết một bài văn (khoảng 400 chữ) với thông điệp: *Sống là phải biết chờ đợi.*

**Câu 2. (12 điểm)**

Nhà thơ Bằng Việt cho rằng: *"Tiêu chuẩn vĩnh cửu của thơ là tình cảm"* Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu, hãy làm sáng tỏ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết đảm bảo bố cục ba phần, rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | 8 |
|  | **Về kiến thức**:  Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được những yêu cầu sau: |  |
|  | **1. Giải thích câu nói:**  - Sự chờ đợi: mong ngóng, trông đợi ai đó, điều gì đó sẽ đến, sẽ xảy ra, thường là những điều thuận lợi, tốt đẹp với sự kiên nhẫn, bình tâm, tin tưởng.  - Sống là phải biết chờ đợi: đó là một triết lí sống, một thông điệp sống có ý nghĩa, khuyên con người nên nhẫn nại, bình tâm, dành trong đời mình những khoảng lặng chờ đợi.  2. Bàn luận về câu nói:  \* Vì sao “Sống là phải biết chờ đợi”:  - Vì mọi thứ đều có thời điểm của riêng nó, sự vận động, phát triển của đời sống luôn thuận theo quy luật, con người không thể đi ngược lại, mà phải tuân thủ quy luật, phải biết đợi chờ để mọi thứ được trôi chảy thuận theo lẽ tự nhiên.  - Vì xã hội có những quy định để thiết lập nên trật tự, sự công bằng, mỗi người cần phải có ý thức hành xử đúng đắn, không vượt ra khỏi giới hạn của những khuôn khổ, biết chờ đợi nghĩa là chấp hành pháp luật, tôn trọng mình và tôn trọng người khác, tạo ra sự bình ổn, an toàn.  \* Ý nghĩa của sự chờ đợi:  - Biết chờ đợi, con người sẽ hạn chế được những trạng thái tiêu cực; giữ được sự cân bằng cảm xúc, tạo cảm giác bình tâm, an yên trước những sóng gió, va đập của cuộc sống.  - Biết chờ đợi, con người sẽ tận dụng được khoảng lặng để bồi đắp cho chính mình và học cách khám phá điều sẽ xảy ra.  - Chờ đợi cho trái chín, cho bản thân đủ trải nghiệm để đạt đến thành công.  - Biết chờ đợi không có nghĩa là thụ động trông chờ theo kiểu “há miệng chờ sung” mà không có sự nỗ lực cố gắng của bản thân. Chờ đợi ở đây có nghĩa là chúng ta vẫn không ngừng nỗ lực phấn đấu, để tiến bước xa hơn, nhưng không nản chí, nhụt lòng khi gặp những chông gai, khi phải “chờ” thành công quá lâu.  - Bên cạnh đó, vẫn có những người sống vội, sống gấp mà bỏ qua những giá trị tinh thần tốt đẹp, tích cực của cuộc sống.  - Sống chậm theo đúng nghĩa sẽ giúp bạn tận hưởng mọi vẻ đẹp, trân trọng từng khoảnh khắc của cuộc sống.  **3. Bài học nhận thức và hành động:**  - Không tham lam mưu cầu và tranh giành quyền lợi với sự nóng vội, bất chấp. Biết nhẫn nại chờ đợi để được nhận những món quà bất ngờ từ cuộc sống.  - Phải biết thời điểm “đúng lúc” để nắm bắt thời cơ, biến thời gian chờ đợi thành tích lũy để hành động. |  |
| 2 | **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn**: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. *Mở bài* nêu được vấn đề, *thân bài* triển khai được vấn đề (Thân bài chia thành nhiều đoạn), *kết bài* kết luận được vấn đề. | 12 |
|  | **b. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài nghị luận văn học về một ý kiến.  - Lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng.  - Văn trong sáng mạch lạc, có cảm xúc, sáng tạo; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  \* **Nhận thức đề:** Hiểu đúng ý kiến: Tiêu chuẩn không thay đổi để đánh giá thơ hay là cảm xúc trữ tình.  - Phân tích nội dung cảm xúc mãnh liệt và cuống quýt để sống tận hưởng mọi vẻ đẹp cuộc sống trần gian tạo nên giá trị lâu bền bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu (ý chính) |  |
|  | **c.** Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. (Học sinh có thể triển khai theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những yêu cầu dưới đây) |  |
|  | **1. Mở bài:**  - Nêu vấn đề cần nghị luận  **2. Thân bài**  **\* Giải thích nhận định:**  - Đánh giá giá trị tác phẩm văn chương thường thay đổi theo thời đại và thế giới quan người đọc. Nhà thơ Bằng Việt nêu lên tiêu chuẩn không thay đổi (vĩnh cửu), cơ sở xác định giá trị tác phẩm thơ chân chính là cảm xúc.  - Những cảm xúc, rung động hay trăn trở day dứt của thi nhân trước cảnh huống cụ thể sinh động của con người và cuộc sống thôi thúc nhà thơ sáng tạo nghệ thuật. Cảm xúc thơ của thi sĩ chính là tiêu chuẩn quan trọng không thay đổi qua thời gian để thẩm định giá trị của sáng tác thơ ca.  **\* Bình luận:**  + "Thơ là tiếng nói của tâm hồn đi tìm tâm hồn đồng điệu". Tiếng nói tâm hồn mang những rung cảm nhẹ nhàng và sâu lắng, mãnh liệt và cao thượng; buồn đau, bất hạnh và hạnh phúc, hi vọng với cung bậc và biểu hiện muôn hình vạn trạng.  + Mỗi thi nhân cảm nhận và diễn tả những rung cảm tinh tế, tinh vi qua hình thức biểu hiện không giống nhau. Từ trải nghiệm và sự xúc động (có thể hư cấu) nghệ sĩ muốn giãi bày, muốn chia sẻ, gửi gắm với độc giả. Sự gặp gỡ giữa người đọc và người làm thơ ở chữ tình khơi lên sự đồng cảm sâu sắc, mãnh liệt vượt thời gian và tư tưởng chủ quan để sống mãi người đọc.  **\* Chứng minh qua bài thơ Vội vàng:**  - Bài thơ Vội vàng nổi tiếng về một cảm xúc thơ hối hả tuôn trào, cuồng nhiệt đến mê đắm sống và tận hưởng tuổi trẻ, tình yêu và trần thế mơn mởn xanh tươi.  - Phân tích bài thơ theo định hướng đề bài  + Bài thơ mở đầu với ý tưởng cuồng nhiệt phi thường "muốn tắt nắng, buộc gió" để còn lại tất cả hương vị và màu sắc "của thời tươi" (Tôi muốn tắt...đừng bay đi)  + Nhà thơ muốn chia sẻ cảm xúc ngây ngất và say đắm trong đoạn thơ liền mạch liệt kê những vẻ đẹp trần gian vô cùng lạ lẫm và hấp dẫn (Của ong bướm này đây ... hoài xuân).  + Trước phát hiện nữa về dòng chảy thời gian, tuổi xuân, tình yêu và hạnh phúc một đi không trở lại, Xuân Diệu nghẹn ngào tiếc nuối và âm thầm buồn đau. Những triết luận cụ thể và tươi mới, sâu sắc và thuyết phục làm người đọc như bị cuốn vào những cảm xúc lạ. " Xuân đương tới ... chưa ngả chiều hôm".  + Lòng ham sống theo mạch cảm xúc dạt dào thôi thúc thi sĩ khẳng định quan niệm sống mau lên, vội vàng quấn quýt để được sống hết mình, cháy hết mình trước khi mọi thứ tuyệt vời và ngon nhất dần tuột khỏi tay mình. (Ta muốn ôm...vào ngươi)  - Cảm xúc tươi mới và dào dạt của cái tôi  + Xuân Diệu trẻ trung và hiện đại, được thể hiện bằng ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh gợi cảm và chọn lọc (điệp từ, động tính từ); nhịp điệu của câu thơ ngắn dài linh hoạt theo mạch cảm xúc sục sôi, cuồng nhiệt; kết cấu triết luận, logic giải thích, bình luận; từ ngữ gợi cảm, gợi tình và nhiều phép tu từ đã giúp thi nhân giãi bày thành công những xúc cảm và quan niệm sống vội vàng tiến bộ. |  |
|  | **\* Đánh giá chung:**  + Ý kiến của Bằng Việt nêu lên một cách nhìn nhận và đánh giá tác phẩm thơ theo hướng coi trọng những cảm xúc rung động của thi sĩ.  + Nhà thơ của những bài thơ nổi tiếng truyền đời còn cần có vốn sống dồi dào, hiểu biết về ngôn ngữ và nghệ thuật thơ ca. Tài năng và nhiệt huyết, với những rung cảm chân thành và nóng hổi như Xuân Diệu, Nguyễn Du sẽ là những cơ sở quan trọng của câu thơ, bài thơ cuộc đời để đời (diễm thi).  **3. Kết bài**:  - Khái quát vấn đề |  |
|  | *d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, liên hệ mở rộng.*  *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.* |  |

**ĐỀ 29:**

**Câu 1 (8,0 điểm): Nghị luận xã hội**

Đọc mẩu chuyện sau:

**ĐIỀU ƯỚC CỦA 3 CÂY CỔ THỤ**

*Ở một khu rừng nọ có ba cây cổ thụ đang bàn luận về tương lai.*

*Cây thứ nhất nói: “Một ngày nào đó tôi muốn được trở thành chiếc hộp đựng châu báu với hình dáng lộng lẫy”.  Cây thứ hai nói: “Tôi muốn trở thành con thuyền to lớn . Tôi sẽ chở đức vua và hoàng hậu đi khắp thế giới”. Và cây thứ ba: “Tôi muốn vươn dài để trở thành cây to lớn nhất trong khu rừng này. Mọi người nhìn lên đồi sẽ thấy tôi vươn xa, chạm đến bầu trời”.*

*Một vài năm sau đó, một nhóm người đặt chân đến khu rừng và cưa những thân cây. Cả ba đều mỉm cười hạnh phúc vì tin mong ước của mình sẽ thành hiện thực.*

*Khi cây đầu tiên được bán cho một chủ trại mộc, nó được tạo thành máng đựng thức ăn gia súc và đặt trong kho thóc phủ lên bởi một lớp cỏ. Cây thứ hai được bán cho một thợ đóng thuyền đóng thành một chiếc thuyền nhỏ để câu cá. Cây thứ ba bị chặt thành từng khúc và quẳng lại trong bóng đêm. Đây chẳng phải là những điều mà chúng hằng mong đợi.*

*Một ngày nọ, một cặp vợ chồng đến kho thóc. Người vợ đã đến kỳ sinh nở, người chồng hy vọng tìm được một chiếc nôi cho đứa bé và máng cỏ đã trở thành chỗ ở ấm áp cho em. Cây thứ nhất cảm nhận được sự quan trọng của nó và hiểu rằng mình đang che chở một sinh linh bé nhỏ.*

*Vài năm sau, một nhóm người đi đánh cá trên chiếc thuyền của cây thứ hai gặp phải một trận bão lớn. Những người trên thuyền đã rất mệt mỏi, nhưng cây thứ hai biết rằng nó có đủ sự vững chãi để giữ an toàn và sự bình yên cho chủ nhân. Với cây thứ ba, một ngày, có ai đó đã đến và nhặt những khúc gỗ. Trên đỉnh đồi, nó được đóng thành một hàng rào ngăn chặn thú dữ. Khi ánh mặt trời vừa ló dạng, cây thứ ba nhận ra rằng nó có đủ sức mạnh để đứng vững trên đỉnh đồi này.*

*(Khương Như, dịch theo Hope and Faith; Nguồn: Tuổi trẻ oline)*

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày bài học sâu sắc nhất về cuộc sống theo suy nghĩ của anh/chị từ mẩu chuyện trên?

**Câu 2: ( 12 điểm)**

Bàn về thơ, Chế Lan Viên cho rằng: *"Thơ cần có hình cho người ta thấy, có ý cho người ta nghĩ và cần có tình để rung động trái tim."* Anh/ chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ *Vịnh mùa đông* của Nguyễn Công Trứ.

*Nghĩ lại thì trời vốn cũng sòng,  
Chẳng vì rét mướt bỏ mùa đông.  
Mây về ngàn Hống đen như mực,  
Gió lọt rèm thưa lạnh tựa đồng.  
Cảo mực hơi may ngòi bút rít,  
Phím loan cưởi nhuộm sợi tơ chùng.  
Bốn mùa ví những xuân đi cả,  
Góc núi ai hay sức lão tùng.*

*(Theo Vịnh mùa đông – Nguyễn Công Trứ)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | **Yêu cầu chung**  - Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.  - Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ quan điểm riêng của mình, nhưng phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. | 8 |
|  | **Yêu cầu cụ thể**  Giải thích ý nghĩa câu chuyện  - Tóm lược nội dung câu chuyện: Chuyện kể về ba cây cổ thụ trong một khu rừng với những điều ước về tương lai: muốn trở thành chiếc hộp đựng châu báu với hình dáng lộng lẫy; muốn trở thành con thuyền to lớn chở đức vua và hoàng hậu đi khắp thế giới; muốn vươn cao để trở thành cây to lớn nhất trong khu rừng; và cái kết thực tế là: thành máng đựng thức ăn gia súc, thành một chiếc thuyền nhỏ để câu cá, bị chặt thành từng khúc và quẳng lại trong bóng đêm. Đây chẳng phải là những điều mà chúng hằng mong đợi. Tuy nhiên, cuối cùng thì cả ba cây cổ thụ đều trở nên có ích với con người và cảm nhận được tầm quan trọng của mình: trở thành chỗ ở ấm áp cho em bé; giữ an toàn và sự bình yên cho những người đánh cá trong cơn giông bão; thành một hàng rào ngăn chặn thú dữ.  - Ý nghĩa của câu chuyện: Câu chuyện đặt ra vấn đề ước mơ, hoài bão và sự khẳng định giá trị đích thực của con người trong cuộc sống. Từ đó, mang lại cho người đọc nhiều bài học sâu sắc: Bài học về ước mơ và con đường thực hiện ước mơ; bài học về sự khẳng định giá trị của sự sống; bài học về niềm tin của con người trong cuộc sống… ( Hướng dẫn chấm chỉ nêu một số gợi ý về bài học sâu sắc nhất. Thí sinh có thể lựa chọn bài học sâu sắc nhất theo suy nghĩ của mình; có thể trùng hoặc không trùng với gợi ý của hướng dẫn chấm, song phải gắn với nội dung câu chuyện, phải hợp lí và phù hợp với những chuẩn mực văn hóa, chuẩn mực đạo lí)  *Bàn luận*  Từ những trải nghiệm và nhận thức của bản thân, thí sinh có thể trình bày những suy nghĩ riêng của mình về bài học mà bản thân cho là sâu sắc nhất. Tuy nhiên, dù trình bày suy nghĩ theo hướng nào thì thí sinh cũng phải tập trung vào bài học sâu sắc mà mình đã lựa chọn; phải có lập luận rõ ràng, lí lẽ và dẫn chứng xác đáng, có thái độ hợp lí và tích cực.  *Bài học nhận thức và hành động*  Từ việc bàn luận về bài học sâu sắc nhất, thí sinh rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân và cho mọi người. Bài học nhận thức và hành động phải phù hợp với nội dung câu chuyện, phù hợp với bài học sâu sắc về cuộc sống, phải nghiêm túc và chuẩn mực. |  |
| 2 | **Câu 2**  **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Biết cách chọn và phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  - Bài viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **b. Yêu cầu về kiến thức:**  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:  **1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận** (0,5 điểm)  **2. Giải thích** (1 điểm)  - *Thơ cần có hình*: Thơ cần có hình ảnh (thiên nhiên, cuộc sống, con người...) để biểu hiện cảm xúc, tư tưởng của nhà thơ. Đây là phương diện hình thức thơ.  *- Thơ cần có ý*: (ý nghĩa nội dung, tư tưởng của thi phẩm); *có tình* (tình cảm, cảm xúc). Đây là phương diện nội dung thơ.  - Ý nghĩa câu nói: tác phẩm thơ cần có sự kết hợp hài hòa giữa hình, ý, tình (hình ảnh, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc...). Hay nói cách khác, bài thơ cần kết hợp cả hai phương diện nội dung và hình thức.  **3. Lí giải**: Tại sao thơ cần phải có hình, có ý, có tình? (1điểm)  - Đặc trưng của văn chương nói chung và thơ ca nói riêng là phản ánh, biểu đạt thông qua hình tượng nghệ thuật. Không có các hình tượng, thế giới tinh thần không thể biểu hiện cụ thể, nhà thơ không thể truyền dẫn thông điệp nội dung, tư tưởng, tình cảm một cách trọn vẹn, ấn tượng đến người đọc.  - Thơ ca thuộc phương thức trữ tình, thiên về biểu hiện thế giới chủ quan của con người bằng nhiều cách thức khác nhau nhằm biểu đạt những trạng thái tư tưởng, tình cảm và ý nghĩa phức tạp, đa dạng. Mỗi tác phẩm đều mang một ý nghĩa tư tưởng, thông điệp nhất định đòi hỏi người đọc phải căn cứ vào hình, ý, tình mới cảm nhận được.  - Biểu hiện, yêu cầu về hình, ý, tình trong thơ:  + Hình ảnh (có thể là hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống, con người...) những hình ảnh đó phải chọn lọc, đặc sắc, có sức khái quát, chân thực, đa nghĩa, nhằm để lại ấn tượng, dấu ấn sâu sắc.  +Ý, tình (tư tưởng, cảm xúc, tình cảm..) phải trong sáng, tiến bộ, có tính nhân văn, hướng con người tới các giá trị Chân - Thiện - Mĩ...  +Cảm xúc trong thơ phải mãnh liệt, chân thành, nhà thơ phải lựa chọn được những hình ảnh phù hợp để biểu đạt nội dung tư tưởng, cảm xúc một cách tự nhiên, sâu sắc có sức lay động lớn lao.  => Tác phẩm văn học nói chung, thơ ca nói riêng chỉ hay khi có sự kết hợp hài hòa giữa hình, ý, tình (nội dung và hình thức). | 12 |
|  | **\* Chứng minh qua bài thơ: “Vịnh mùa đông” của Nguyễn Công Trứ.**  **Luận điểm 1: Khung cảnh thiên nhiên mùa đông**  - Nêu lên một nhận xét về thời tiết, về quy luật của tự nhiên, của mùa đông trong sự vận động tuần hoàn 4 mùa trong một năm. Ngôn ngữ thơ mộc mạc, bình dị như một câu nói.  - Trời đất, vũ trụ như một con người rất thẳng thắn, công bằng theo quy luật âm dương, luật bù trừ: Có nóng thì phải mang lạnh, đã mưa ắt song hành cùng nắng, sướng, khổ cũng vì thế len lỏi, đan xen.  -"Sòng" nghĩa là sòng phẳng, dứt khoát, thẳng thắn, không thiên vị. Đó là cách nói dân dã. Mùa đông rét mướt, nhưng trời vốn sòng phẳng, chẳng chiều ai mà "bỏ mùa đông".  -Tả rất hiện thực, sử dụng biện pháp so sánh, ẩn dụ màu mây đen như mực, cách ví của người dân quê, rất cụ thể; không gian, địa danh được xác định: ngàn Hồng. Ẩn dụ mây đen để nói đến những biến cố, thăng trầm của cuộc đời mình.  - Dùng lối so sánh, nàng mây mơ mộng hôm nào của nền thu nay được tô đậm bằng màu “Đen như mực” trên không gian cao rộng trên núi “ngàn Hồng”, khiến ta chợt có cảm giác rợn ngợp sự tăm tối của bầu trời, non nước hùng vĩ quê hương Hà Tĩnh nơi nhà thơ đã từng sống.  **+ Luận điểm 2: Tâm sự của con người qua cảnh mùa đông**  **-**Tác giả tả hơi may và giọt sương gắn nó với nếp sinh hoạt của một anh nho sĩ nghèo đang ngồi nấu sử sôi kinh, đang làm thơ viết phú mà bị "ngòi bút rít", mực bị cái rét làm đông lại, viết mãi chẳng thành chữ. Nghèo nhưng hào hoa, trong nhà cũng có đàn, tiếc thay "phím loan cưởi nhuốm sợi tơ chùng". Đằng sau hai câu thơ tả hơi may và sương giá mùa đông là hình ảnh một nhà nho nghèo chưa gặp vận, nhưng giàu nghị lực, có một đời sống tâm hồn phong phú đang đứng trước mọi thử thách, gian khổ, thiếu thốn cuộc đời.  - Nét đẹp, điệu hay, tinh tế của ý thơ không chỉ ở việc sử dụng câu chữ mang nhiều ẩn ý, mà còn thi vị, đắm say lòng người đọc bởi cách tả thực hai sự việc của mùa đông khiến cho mực vừa mài xong đã khô, không kịp viết, tờ giấy vì cái hanh mà cũng thành khô cứng, khiến đang làm thơ viết phú mà bị “ngòi bút rít”, mực bị cái rét làm đông lại, viết mãi chẳng thành chữ. Nghèo nhưng hào hoa, trong nhà cũng có đàn, tiếc thay “phím loan cưởi nhuốm sợi tơ chùng”.  - Hình ảnh lão tùng trong mùa đông được miêu tả như một góc núi cô đơn, u buồn và chịu đựng sức lão hóa của thời gian. Bức tranh mùa đông với mây đen như mực, gió lạnh thấu xương được sử dụng để tạo nên hình ảnh ẩn dụ về sự cô đơn của lão tùng giữa không gian mùa đông.  => Cả bức tranh mùa đông thổn thức, não nề, đến thê lương, nghẹt thở, vậy mà bất giác kết bài thơ lại xuất hiện thật bất ngờ hình ảnh cây “tùng” sững sững một phía chân trời. Thế nên, hình ảnh ấy giờ đây khiến lòng người ấm hơn, khi trở thành hình tượng nghệ thuật đặc sắc, gợi nhiều ngầm ý sâu sa. |  |
|  | **3. Kết bài**:  - Đánh giá chung về vấn đề nghị luận.  - Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Vịnh mùa đông”. |  |
|  | *d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, liên hệ mở rộng.*  *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.* |  |

**ĐỀ 30:**

**Câu 1. (8 điểm)**

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ về cách ứng xử và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với quá khứ lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước của dân tộc ?

**Câu 2: (12 điểm)**

*“Tác phẩm văn học lớn hấp dẫn người ta bởi cách nhìn nhận mới, tình cảm mới về những điều, những việc mà ai cũng biết cả rồi”. (Nguyễn Đình Thi - “Nhà văn nói về tác phẩm”, NXB văn học, 1998).* Anh / Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua việc cảm nhận bài thơ “Lá đỏ” của Nguyễn Đình Thi em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cách ứng xử và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với quá khứ lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước của dân tộc.* | 8 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.  Dưới đây là một số gợi ý cần hướng tới:  - Biết ơn, trân trọng quá khứ.  - Có những việc làm thể hiện trách nhiệm đối với bản thân gia đình và cộng  đồng.  - Phê phán, lên án những biểu hiện tiêu cực, hành vi phản cảm.  - Liên hệ:  *Tuổi trẻ là tương lai của đất nước vì vậy hơn ai hết cần có trách nhiệm với đất nước, dân tộc: ngoài trách nhiệm giữ gìn nền độc lập, tích cực xây dựng nước nhà ngày càng vững mạnh, còn là ý thức học tập, rèn luyện bản thân, cống hiến, giúp ích cho nước nhà..* |  |
| **Câu 2** | **Về kĩ năng:**  **-** Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết đảm bảo bố cục ba phần, rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | 12 |
|  | **Về kiến thức:** Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được những yêu cầu sau:  Học sinh có thể phân tích theo hướng sau:  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Dẫn dắt câu nói  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến:**  **-** *Cách nhìn nhận* *mới:* Đây chính là cái nhìn, những phát hiện mới mẻ, độc đáo của nhà văn về con người, về cuộc đời. Cái nhìn mới mẻ, độc đáo luôn được coi là dấu hiệu bản chất nhất của phong cách nghệ thuật.  *- Tình cảm mới:* Tình cảm là thế giới tâm hồn đa dạng, phức hợp với những rung động thẩm mĩ của tác giả khác xa với những tình cảm, rung động bình thường.  → *“cách nhìn nhận mới, tình cảm mới về những điều, những việc mà ai cũng biết cả rồi”* là sự nhấn mạnh vào cá tính sáng tạo của nhà văn lớn - vốn là nhân tố quyết định tạo nên giá trị của một tác phẩm lớn. |  |
|  | **b. Chứng minh qua bài thơ “Lá đỏ” của Nguyễn Đình Thi**  **+ Hoàn cảnh ra đời bài thơ:** Bài thơ được sáng tác năm 1974, giai đoạn đất nước ta chuẩn bị tổng tiến công, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bài thơ có nội dung, cảm hứng chủ đạo là niềm tin vào sự chiến thắng của dân tộc. Tác phẩm như một lời dự cảm về ngày mai tươi sáng của đất nước, khi chúng ta đã dành được độc lâp, tự do, hòa bình.  **+ Luận điểm 1: Không gian nơi hai người gặp nhau ( Hai câu thơ đầu)**  - Có thể cảm nhận được vị trí nơi nhà thơ đứng là đỉnh Trường Sơn “cao lộng gió”, một nơi có thể phóng tầm mắt nhìn ra bao la, rộng lớn và bao quát. “Trên cao” còn có hàm ý về vị thế trong tư tưởng, tình cảm – tức cao quý, cao cả. Hai chữ “lộng gió” tựa như lòng người rộng mở, niềm tin phơi phới, đón chào những luồng gió Cách mạng.  - Từ đỉnh núi, ông thấy được cảnh thiên nhiên đẹp lạ lùng: “Rừng lạ ào ào lá đỏ”. Từ láy “ào ào” được sử dụng độc đáo, gợi ra cảnh một cơn cuồng phong làm nên trận “mưa” lá đỏ tuôn trào, mãnh liệt như sức sống Trường Sơn. Màu đỏ của lá tựa như màu đó của lá cờ Tổ quốc, của dòng máu chảy trong mỗi trái tim người con đất Việt.  **+ Luận điểm 2: Hình ảnh hai người gặp nhau (Bốn câu thơ tiếp)**  **-** Hình ảnh cô gái trẻ trung, xinh đẹp, dồi dào sức trẻ. Đáng lẽ ra những cô gái này phải được hưởng cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Thế nhưng, vì đất nước còn đang có giặc xâm chiếm nên những cô gái ấy sẵn sàng lên đường, đôi vai gầy vẫn sẵn sàng quàng súng xông ra chiến trường.  **-** Hình ảnh con đường Trường Sơn được tác giả nhắc đến trong hai câu thơ.  *“Đoàn quân vẫn đi vội vã Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa.”*  **-** Đó là con đường đầy gian khổ và khắc nghiệt. Nhưng đoàn quân ta vẫn bước chân trập trùng, hối hả. Nó như rung chuyển đạp lên mọi khó khăn, thử thách. “Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa” bầu trời, khung cảnh Trường Sơn mịt mù, không phải do sương hay do cát bụi mà đây là do bom đạn, súng pháo bay nghi ngút. Khung cảnh thật khốc liệt làm sao. Qua câu thơ này ta có tể cảm nhận được khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp nhưng cũng vô cùng khốc liệt và máu lửa. Đó là một không gian đẹp và cũng chính là một biểu tượng của chiến tranh đã được bài thơ khắc họa.  **+ Luận điểm 3: Lời hứa hẹn, dự cảm về một Việt Nam chiến thắng, giải phóng Sài Gòn.**  **-** Hình ảnh em ở đây vừa hiện diện của hậu phương đang dồn mọi sức lực cho tiền tuyến vừa là đóng vai trò người lính ở tiền phương. Một lời chào nghe thì rất đơn giản nhưng ẩn sâu bên trong lời chào đấy là lời hứa hẹn về ngày trở lại khi đất nước đã giành được độc lập. Chiến dịch cuối cùng của cuộc trường chinh ấy sẽ mang tên Bác, gặp nhau giữa Sài Gòn là gặp nhau trong ngày toàn thắng. Không còn khói bụi rực trời nữa mà là khung cảnh vui mừng khôn xiết khi đất nước ta giành được độc lập.  **\* Đánh giá chung:**  - Bài thơ viết theo thể tự do. Trong 8 câu thơ có 7 câu là thể lục ngôn. Nhịp điệu thơ mang tính dồn dập, vững bền, chắc khoẻ. Yếu tố nghệ thuật chính làm nên thành công của “Lá đỏ” là hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ thơ. Ngôn ngữ thơ rất chân thực. Cuộc sống chiến trường sôi động, khắc nghiệt nhưng cũng rất trữ tình hiện lên một cách tự nhiên không một chút bóng bẩy, hào nhoáng. Bài thơ đã khắc họa hình ảnh sống động: lá đỏ, cô em gái tiền phương, đoàn quân - có sức gợi tả, khái quát cao cho vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận  - Khẳng định nội dung câu nói |  |
|  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 31:**

**Câu 1: (8 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của anh / chị về ý kiến nêu ở phần đọc - hiểu: *“Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?” ?*

**Câu 2: (12 điểm)**

Giáo sư, nhà giáo, nhà lí luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà nhận định rằng: *"Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư”*. Hãy làm sáng tỏ “sự giãi bày và gửi gắm tâm tư” trong bài thơ “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến?

**Khóc Dương Khuê**

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,*

*Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

*Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,*

*Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;*

*Kính yêu từ trước đến sau,*

*Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?*

*Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,*

*Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;*

*Có khi từng gác cheo leo,*

*Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang;*

*Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,*

*Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.*

*Có khi bàn soạn câu văn*

*Biết bao đông bích, điển phần trước sau.*

*Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,*

*Phận đẩu thăng chẳng dám than trời;*

*Bác già, tôi cũng già rồi,*

*Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!*

*Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,*

*Trước ba năm gặp bác một lần;*

*Cầm tay hỏi hết xa gần,*

*Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,*

*Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,*

*Tôi lại đau trước bác mấy ngày;*

*Làm sao bác vội về ngay,*

*Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.*

*Ai chẳng biết chán đời là phải,*

*Sao vội vàng đã mải lên tiên,*

*Rượu ngon không có bạn hiền,*

*Không mua không phải không tiền không mua.*

*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,*

*Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*

*Giường kia treo cũng hững hờ,*

*Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.*

*Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,*

*Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;*

*Tuổi già hạt lệ như sương,*

*Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan.*

*(Theo Khóc dương khuê - Nguyễn Khuyến)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của bài văn nghị luận.*  *Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.*  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nếu không có lửa sao thành mùa xuân.*  *c. Triển khai vấn đề nghị luận theo một trình tự hợp lí, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.*  **Sau đây là một số gợi ý:**  + Mùa xuân - mùa khởi đầu một năm, mùa để vạn vật hồi sinh, trỗi dậy. Yếu tố làm nên mùa xuân của đất trời là sức sống; còn yếu tố làm nên mùa xuân của cuộc đời, của con người là lửa.  + Lửa là nhiệt huyết, khát vọng, đam mê; là ý chí, nghị lực, niềm tin; là tình yêu thương của con người với con người…  **- Bàn luận**  +Có lửa để con người mạnh mẽ, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám theo đuổi ước mơ, hoài bão. Có lửa con người mới sống hết mình trong cháy khát, đam mê. Có lửa để con người sống Người hơn, nhân văn hơn. Lửa thôi thúc ta vươn tới những tầm cao mới, lửa làm nảy nở những búp chồi hạnh phúc …  + Nếu lửa chỉ cháy trong một cá nhân chẳng khác nào một ngọn nến le lói trong bóng đêm. Ngọn lửa phải lan tỏa, chúng ta cùng cháy mới có thể thắp lên “mùa xuân”. ( Lấy dẫn chứng để chứng minh).  + Phê phán một bộ phận giới trẻ sống hời hợt, ảo tưởng, thiếu “lửa” không có ước mơ, hoài bão, ru mình trong vỏ bọc sẽ luôn gặp thất bại trên đường đời.  + Luôn giữ trong mình ngọn lửa của niềm đam mê, của khát khao hi vọng, của tình yêu thương…  + Đừng bao giờ chán nản và bỏ cuộc khi gặp khó khăn, thành công chỉ đến khi ta có sự nỗ lực không ngừng nghỉ, sự kiên định vững vàng và thời gian. Hãy ủ ngọn lửa trong ta mùa xuân nhất định sẽ về bởi "Phải biến mình thành một ngọn lửa, ta mới có thể làm bừng lên ánh sáng của thành công".  (Tùy vào cách diễn đạt, trình bày của HS mà GV cho điểm phù hợp với khả năng các em). Đoạn văn tham khảo Phần vi | 8 đ |
|  |  |  |
| 2 | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của bài văn. Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.*  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Vai trò của tình cảm, cảm xúc trong thơ qua bài thơ “ Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến.*  *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp, sắp xếp các luận điểm theo một trình tự hợp lí, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một số gợi ý:*  **\* Giải thích:**  - Ý kiến của Lê Ngọc trà bàn về vai trò của tình cảm, cảm xúc trong thơ.  + “Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm” - nghệ thuật sinh thành trên đời sống tinh thần của con người, bởi không có niềm cảm hứng, say mê, con người chỉ viết nên những câu chữ vô hồn, vô thanh, trống rỗng. Tình cảm, cảm xúc trong thơ là những cung bậc cảm xúc, tâm tư ngân rung từ trái tim người nghệ sĩ, đó có thể là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan,là niềm vui sướng hay nỗi buồn đau, là khúc hoan ca hay lời tuyệt vọng...  + Thêm vào đó, nghệ thuật còn là “sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư ” nghĩa là người nghệ sĩ sáng tạo tác phẩm nghệ thuật tức là đang giãi bày lòng mình, gửi gắm những tâm tư tình cảm, những tình ý sâu xa, nỗi lòng của mình vào tác phẩm và khơi gợi lòng đồng cảm nơi bạn đọc.  + Chỉ khi nhà thơ mang trái tim dễ xúc động, nhạy cảm, nhiệt huyết, khi đó sẽ có thơ. Cảm xúc trong thơ phải “tràn đầy”, mãnh liệt, nồng nàn, đấy là cảm xúc thẩm mỹ. Nó kết tinh, lắng đọng đến mức cần phải “giãi bày và gửi gắm”, đó cũng chính là hành trình đào sâu địa tầng cảm xúc để phát hiện, làm mới cách nghĩ, cách nhìn, cách cảm và cách thể hiện trong tác phẩm. Nhà thơ Nguyễn Khuyến đã giãi bày lòng mình với bạn trong bài thơ “ Khóc Dương Khuê” về tình bạn đậm đà, cao khiết.  **- Chứng minh**:  - Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm:  + Nguyễn Khuyến là người thông minh học giỏi nhưng đường khoa cử không mấy thuận lợi. Song với sự kiên trì, quyết tâm, năm 36 tuổi, ông đỗ đầu cả ba kì thi Hương, Hội, Đình nên người đời gọi ông là “Tam Nguyên Yên Đổ”.  + Ông là nhà thơ lớn của dân tộc, đặc biệt có tài về thơ Nôm và chính ở đây, thơ ông đặc biệt sắc sảo và sinh động. Thơ ông tiêu biểu cho bản sắc Việt Nam: dịu dàng, kín đáo, không ồn ào nhưng hóm hỉnh, trong sáng và sâu sắc, tế nhị, đằm thắm và trong trẻo tình người +“Khóc Dương Khuê” ra đời năm 1920, khi người bạn tâm giao – Dương Khuê qua đời. Từng câu chữ trong bài thơ là lời tâm sự, nỗi niềm mà nhà thơ gửi gắm trước vong linh bạn.Bài thơ ca ngợi tình bạn chân thành, thắm thiết, đậm đà, mộc mạc.  - **Chứng minh qua bài thơ “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến.**  **Luận điểm 1:Bài thơ “Khóc Dương khuê” là “sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư” của Nguyễn Khuyến về tình bạn đậm đà, thắm thiết.**  + Nỗi đau đớn khi nghe tin bạn mất:  - Nguyễn Khuyến đã bộc bạch nỗi lòng một cách chân thực, sâu sắc nhất để tiễn đưa cố nhân bằng lời lẽ thi vị mà chân thật.  + Mở đầu bài thơ là tâm trạng bàng hoàng, buồn thương của Nguyễn Khuyến khi hay tin người bằng hữu qua đời vì bạo bệnh: Bác Dương thôi đã thôi rồi, Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.  + Một sự thảng thốt đầy xót xa được nhà thơ gắng gượng cất lên, tưởng chừng như vừa đánh rơi thứ gì vô cùng quý giá. Bởi vậy, nhà thơ đã dành trọn sự trân trọng, nuối tiếc của mình để gửi gắm trong phút giây cất lời. Dùng cách gọi “bác Dương” vừa thể hiện sự trang nghiêm, mẫu mực lại gợi được tình cảm thân mật, gắn bó giữa hai người. Tuy lớn tuổi hơn Dương Khuê nhưng Nguyễn Khuyến luôn dành cho người bạn ấy sự kính trọng đặc biêt, đó là cách ứng xử cao đẹp.  + Để giảm nhẹ nỗi đau buồn và cũng để tự an ủi, động viên chính bản thân, nhà thơ sử dụng từ “thôi” cùng cụm từ “ nước mây tan tác”  - Cách nói giảm, nói tránh tinh tế này ngầm chỉ về sự ra đi của Dương Khuê. Kể từ giây phút nàychia lìa mỗi người một ngả, người ở lại ngậm ngùi buồn thương cho người đã khuất, xót thương, nuối tiếc xót xa bởi sự ngăn cách nghìn trùng, âm dương cách trở.  => Hai câu thơ như tiếng nấc nghẹn đắng, đầy đau đớn, tiếc thương của Nguyễn Khuyến. Qua đó thể hiện sự trân trọng, tình cảm chân thành của đôi bạn vong niên.  +) Hồi tưởng về tình bạn đậm đà, thắm thiết.  + Trong nỗi buồn thương vô tận đó, Nguyễn Khuyến để lòng mình suy tưởng về những kỉ niệm xưa, hồi ức thuở tráng niên của ông cùng bạn: Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước, Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau; Kính yêu từ trước đến sau, Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?  + Các từ ngữ “sớm hôm”, “cùng nhau”, “từ trước đến sau” diễn tả mối quan hệ vô cùng thân thiết, hòa hợp, chung thủy của đôi bạn tâm giao này. Nguyễn Khuyến vô cùng trân trọng cuộc hội ngộ ấy nên đã ví với “duyên trời” sắp đặt. Dường như đó là món quà nhà thơ rất trân trọng, thầm cảm ơn vì ông trời đã ban tặng thứ quý giá ấy cho cuộc đời mình. Một tình bạn đẹp, chân thành, gắn bó, thấu hiểu lẫn nhau cùng chí hướng, thật đáng trân quý!  + Mỗi kỷ niệm như một mảnh ghép trong tâm hồn nhà thơ, tựa thước phim quay chậm với biết bao giọt lệ. Phải là người bạn tâm đầu ý hợp mới tạo ra những khoảnh khắc cầm ca, thi sử đẹp và đáng nhớ đến vậy. Nhịp sống của “Tam Nguyên Yên Đổ” trở nên sôi nổi khi có Dương Khuê bầu bạn: Cũng có lúc chơi nơi dặm khách, Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo; Có khi tầng gác cheo leo, Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.  + Đó là những thú vui tao nhã của hai bậc thi nhân, có khi du ngoạn nơi “dặm khách”, ngắm nhìn, chiêm ngưỡng nhân gian yên bình và thanh tĩnh, lúc lại đứng giữa thiên nhiên nghe “tiếng suối róc rách”, hay từ thanh lâu mà nghe “con hát lựa chiều cầm xoang”...Đó là những khoảnh khắc đẹp của hai người bạn tâm đầu ý hợp.  + Đó là những lần cùng bạn thưởng rượu, ngâm thơ – thú vui của bậc tao nhân mặc khách: Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp, Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân. Có khi bàn soạn câu văn, Biết bao đông bích, điển phần trước sau.  + Cùng bạn uống rượu nhưng nhà thơ lại sử dụng từ “nhấp”, không những vậy còn là “cùng nhấp”, vừa uống vừa ngẫm và thưởng thức cái ngon của rượu và . Nhà thơ đã có lần nói về tửu lượng của mình trong bài thơ Thu ẩm: Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy Độ năm ba chén đã say nhè.  + “Bầu xuân” cũng là bầu rượu, là bầu thơ. Bầu rượu càng đầy thì bầu thơ càng thêm lai láng, thi vị. Ta tưởng như hai người bạn ấy thấu hiểu nhau chỉ qua cái gật đầu trong tiệc rượu, qua câu thơ. Cách diễn đạt “cũng có lúc” và “có khi” đan xen lẫn nhau giữa các dòng thơ giúp gợi nhớ từng kỷ niệm. Đồng thời, tạo âm hưởng kéo dài như không dứt, nó thiết tha và sâu sắc. Tất cả những kỷ niệm ấy in sâu trong lòng nhà thơ, dù chỉ là những thú vui, hạnh phúc đời thường nhưng mang nhiều ý nghĩa, xúc cảm dành cho chính mình.  + Tình bạn của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê không chỉ bền chặt, khăng khít trong thời bình mà càng thêm sâu nặng nghĩa tình hơn trong thời buổi loạn lạc: Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn Phận đấu thăng chẳng dám than trời Bác già, tôi cũng già rồi Biết thôi thôi thế thì thôi mới là!  + “Buổi dương cửu” là thời kỳ rối ren khi thực dân Pháp xâm lược nước ta. Đứng trước hoàn cảnh dân chúng chịu cảnh đói khổ lầm than, triều đình dần mục nát. Đương là kẻ sĩ, là nhà nho “cùng nhau hoạn nạn” nhưng cách lựa chọn của mỗi người lại khác nhau.Dẫu có sự khác biệt trong suy nghĩ, lối sống nhưng “Tam Nguyên Yên Đổ” luôn thấu hiểu người bạn của mình. Bằng cách điệp ba từ “thôi” liên tiếp trong cùng một câu thơ. Điều này giống như tiếng thở dài đầy ngao ngán, đồng thời tự an ủi chính mình, muốn quên đi những phiền muộn không muốn nhắc đến.  + Thời gian chảy trôi, đồng nghĩa với việc hai người ngày càng già đi. Nhắc lại những kỷ niệm xưa, ngẫm nghĩ về tình bạn đẹp ấy, Nguyễn Khuyến chưa bao giờ hình dung sự mất mát lúc này: Muốn đi lại, tuổi già thêm nhác, Trước ba năm gặp bác một lần, Cầm tay hỏi hết xa gần, Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can.  + Nhà thơ nhớ lại lần gặp Dương Khuê cách đây ba năm trước, cũng bởi “nhác”, ngại đi đường xa cộng với tuổi cao. Giờ đây, ông ngàn lần không dám tin đó lại là lần hội ngộ cuối cùng của hai người. Chính vì “ba năm gặp bác một lần” nên khi gặp lại, Nguyễn Khuyến dành cho Dương Khuê sự quan tâm vô cùng chân thành. Ông “cầm tay” rồi “hỏi hết xa gần”, vui mừng và an tâm khi thấy bạn mình “tinh thần chưa can”, vẫn còn khỏe mạnh để lo chuyện quan trường, có sức khỏe để tiếp tục bầu bạn.  +) Hiện thực phũ phàng - Sau những hồi tưởng, khi trở về hiện tại tâm trạng Nguyễn Khuyến lúc này như lặng đi, trùng xuống giữa những cảm xúc lẫn lộn và mơ hồ: Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác, Tôi lại đau trước bác mấy ngày; Làm sao bác vội về ngay, Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.  + Đối mặt trước tin dữ, Nguyễn Khuyến vẫn không thể chấp nhận hiện thực phũ phàng ấy. Vốn cho rằng Dương Khuê ít tuổi hơn ông, còn không mang nhiều bệnh tật như mình, vậy mà số phận lại trớ trêu với người bạn ông thương mến. nỗi đau ấy khiến “chân tay rụng rời”, đó là sự bàng hoàng, thảng thốt cho một nỗi đau ai oán, không thể cất lên thành lời. Đó cũng chính là nỗi băn khoăn mà nhà thơ luôn trằn trọc suy nghĩ, một kết thúc quá đỗi vô tình dành cho ông.  + Chỉ với bốn câu thơ ngắn, giọng thơ tự tình đầy nghẹn ngào, trong từng câu chữ thấm đẫm những giọt lệ nóng. Tiếng gọi “tôi”, “bác” xuất hiện dày đặc tựa như hai linh hồn đang hòa quyện, thấu hiểu, nương tựa nhau khiến niềm đau ấy nhân lên gấp bội.  +Đối mặt với sự thật, Nguyễn Khuyến đành chấp nhận nỗi đau mất bạn nhưng vẫn luôn cho rằng điều đó thật sự phi lý. Lời thơ cất lên vừa chua xót, vừa trách than số trời đã định: Ai chẳng biết chán đời là phải, Sao vội vàng đã mải lên tiên; Rượu ngon không có bạn hiền, Không mua không phải không tiền không mua.  + Dẫu biết quy luật của cuộc sống con người, không ai có thể thoát khỏi vòng xoáy sinh lão bệnh tử nhưng cái chết đột ngột của Dương Khuê khiến nhà thơ cảm thấy thật vô lý. Sự ra đi ấy đã lấy đi của ông một người bạn hiền thấu hiểu cũng như niềm vui trong suốt năm tháng tuổi già. Vậy nên trước những thú vui tao nhã khi xưa, Nguyễn Khuyến chẳng còn hứng thú, chỉ thấy vô vị và nhạt nhòa.Sau chữ “chẳng” xuất hiện năm lần là chữ “không” diễn tả sự trống vắng, cô đơn, sự buồn bã của nhà thơ. Không còn người bầu bạn, trò chuyện nên cuộc đời nhà thơ như mất hết ý nghĩa. Ông không muốn uống rượu, cũng chẳng thiết ngâm thơ, bởi: Câu thơ nghĩ đắn đo không viết, Viết đưa ai, ai biết mà đưa” Giường kia treo cũng hững hờ, Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.  + Sử dụng điển tích, điển cố “giường”, “đàn” qua đó khéo léo nói về tình bạn của mình giống với tình bạn của Trần Phồn - Từ Trĩ, Tử Kỳ - Bá Nha trong sử sách xưa. Trần Phồn đời Hậu Hán sau khi bạn ra về thì treo giường lên, không để ai ngồi vào, chỉ dành riêng để tiếp bạn. Còn Bá Nha sau khi Tử Kỳ chết liền bỏ chơi đàn vì thấy không ai hiểu được tâm ý.Nguyễn Khuyến cũng cảm nhận được sự mất mát giống vậy, chiếc giường dành riêng đón bạn nay trở nên “hững hờ”, tiếng đàn “ngẩn ngơ” vì không còn bóng dáng người xưa. Nỗi buồn ấy thẫm đẫm từ người đến vật bởi “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” (Nguyễn Du) Qua đó diễn tả nỗi buồn day dứt khôn nguôi, thể hiện tình nghĩa sâu nặng, thắm thiết của nhà thơ với người tri kỷ đã khuất. - Chấm dứt dòng hồi tưởng ấy, Nguyễn Khuyến trở lại hiện thực, đưa tiễn bạn bằng tấm lòng chân thành, tình bằng hữu tri kỷ: Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở, Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương; Tuổi già hạt lệ như sương, Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan! Nguyễn Khuyến đã khóc thương cho bạn của mình với “hạt lệ như sương”.Sử dụng nghệ thuật ẩn dụ “hạt lệ” với phép so sánh “như sương” khiến giọt nước mắt vốn rất đỗi bình thường lại được nâng lên thành hình tượng nghệ thuật. Không chỉ thể hiện tâm trạng mà trong sâu thẳm, tình bạn còn hiện lên với nét trong sáng và thuỷ chung sâu nặng, tạo được vẻ đẹp lấp lánh cho bài thơ.  - Bài thơ đã diễn tả một cách tinh tế, khắc họa tình bạn cao đẹp, đáng ngưỡng mộ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê. Bài thơ là tình bạn thiêng liêng, cao cả, đáng trân trọng của những tâm hồn đồng điệu. **Luận điểm 2: “Sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư” trong bài thơ “ Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.**  - Tác phẩm được viết theo thể song thất lục bát, đậm đà bản sắc dân tộc giàu âm điệu, làm bật lên cảm xúc của nhân vật trữ tình lẫn nét tài hoa của nhà thơ.  - Ngôn ngữ bình dị, dễ hiểu,thân tình, đậm chất suy tưởng, trầm ngâm. Cùng với đó là nhiều điển tích điển cố sâu sắc, thể hiện được tài thơ tinh tế, uyên bác của Nguyễn Khuyến.  - Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: nói giảm nói tránh , các câu hỏi tu từ , điệp ngữ…  - Bài thơ Khóc Dương Khuê mang màu sắc đượm buồn, đầy nuối tiếc. Đó là những nỗi niềm xót thương vô tận, hồi tưởng đẹp đẽ, đầy kỷ niệm một thời của thi sĩ tài năng với người bạn tri kỷ đã khuất.  **\*Đánh giá, mở rộng:**  - Ý kiến của Lê Ngọc trà hoàn toàn đúng đắn bởi lẽnghệ thuật là tiếng nói của tình cảm con người, là những rung động của trái tim nhà thơ trước cuộc đời.Nghệ thuật nói chung, thơ nói riêng tuy thể hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm chân chính bao giờ cũng là cầu nối dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này. Bài thơ “ Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến là bài thơ mang nỗi niềm, gửi gắm tình ý sâu xa về tình bạn đậm đà, thắm thiết.  - Bài học cho người sáng tác: Tâm hồn người làm thơ đẹp lắm, mơ mộng lắm, nhưng bao giờ cũng phải cúi xuống cuộc đời theo nghĩa trần thế nhất để yêu thương. Nhà thơ phải trân quý cái nghiệp của mình để sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật đích thực, bằng cái tình, cái tâm nhiệt thành với từng sự sống, bằng cái tài, sự tâm huyết và cả những trăn trở nhiều lần để tìm được tiếng nói riêng, tiếng nói tri âm cùng bạn đọc.  - Bài học cho người tiếp nhận: Đón nhận, đồng cảm, thấu hiểu những tâm tư tình cảm mà người nghệ sĩ gửi gắm trong tác phẩm là nhiệm vụ của bạn đọc. Bạn đọc nâng niu, trân quý những tình cảm cao đẹp mà nghệ sĩ gửi gắm chính là quá trình đồng sáng tạo, quá trình đi tìm “hồn đồng điệu” cùng người nghệ sĩ chân chính. | 12 |
|  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**BỘ ĐỀ HỌC SINH GIỎI CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

*“Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.*

*Tôi nhìn ra cái tàu lăn nghiến đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và ngửi thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lăn ra chết, linh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bổn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.*

*Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đồi hoa xuân lắng ong mật mà thêm ngẫm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.”*

*(Trích Tờ hoa, Tuyển tập Nguyễn Tuân (tập 2) Nxb Văn học, 1998, trang 5,6)*

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Xác định thể loại của đoạn trích trên?

A. Tiểu thuyết B. Kịch C. Tuỳ bút D. Truyện ngắn.

**Câu 2.** Dòng nào nêu đúng nhất đặc điểm về lời văn, giọng điệu của đoạn trích?

A. Lời văn, giọng điệu ngắn gọn, hàm súc.

B. Lời văn, giọng điệu giàu tính hình tượng, đa nghĩa

C. Lời văn, giọng điệu bình dị, nôm na như lời ăn tiếng nói của nhân dân

D. Lời văn, giọng điệu uyển chuyển, linh hoạt, đầy sáng tạo, bất ngờ của nhân vật trữ tình.

**Câu 3.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn: “*Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì*.”?

A. So sánh B. Hoán dụ C. Điệp cấu trúc D. Phóng đại

**Câu 4.** Theo tác giả, *đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học* về điều gì?

A. Bài học về sự chăm chỉ, cần cù.

B. Bài học về kiên nhẫn, cần lao, tích lũy, chế tạo và sáng tạo.

C. Bài học về sự kiên trì, sáng tạo.

D. Bài học về sự nhẫn nại, quyết tâm.

**Câu 5.** Dòng nào không nêu lên đặc điểm cái “Tôi” tác giả trong đoạn trích?

A. Mong muốn, khao khát khám phá những vùng đất mới của Tổ quốc.

B. Ý thức với nghề, mong muốn thức tỉnh tâm linh con người về cái Đẹp.

C. Tự tin, tự hào với vẻ đẹp con người, dân tộc thời kì mới.

D. Say mê, khao khát khám phá cái đẹp

**Câu 6.** Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: *“Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống.”*

A. Con người cần phải làm nhiều công việc trong cuộc sống.

B. Con người cần phải tiết kiệm trong cuộc sống.

C. Con người cần phải chăm chỉ ngày ngày để cuộc sống của mình tốt đẹp hơn.

D. Con người cần phải tích lũy những điều tốt đẹp từ những hành động nhỏ nhất rồi sẽ góp phần vào sự tốt đẹp cho toàn xã hội.

**Câu 7.** Đâu là chủ đề chính của đoạn trích?

A. Đoạn trích ca ngợi phẩm chất: kiên nhẫn, cần lao, chăm chỉ chế tạo và sáng tạo của con người.

B. Đoạn trích ca ngợi sự kiên nhẫn, chăm chỉ của loài ong.

C. Đoạn trích nêu lên vai trò của loài ong đối với cuộc sống

D. Đoạn trích miêu tả sự kì diệu của loài ong

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** Qua mạch liên tưởng về loài ong, theo em tác giả đã phát hiện những vẻ đẹp nào của cuộc sống?

**Câu 9.** Bài học có ý nghĩa nhất với anh/chị rút ra từ đoạn trích.

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn trích, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 dòng) nêu suy nghĩ của bản thân về vai trò của lòng kiên nhẫn?

**II. VIẾT (14 điểm)**

**Câu 1**. (**4 điểm**) Viết bài văn nghị luận (khoảng 300 chữ), nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.*

**Câu 2.** **(10 điểm)** Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht cho rằng: *Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc. Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc nhưng đó chính là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người.*Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua hai bài thơ *Chợ đồng* của Nguyễn Khuyến và bài thơ *Thương vợ*của Tú Xương hãy làm sáng tỏ.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | 1 | **C** | 0.5 |
|  | 2 | D | 0.5 |
|  | 3 | A | 0.5 |
|  | 4 | B | 0.5 |
|  | 5 | C | 0.5 |
|  | 6 | D | 0.5 |
|  | 7 | A | 0.5 |
|  | 8 | Qua mạch liên tưởng về loài ong, tác giả đã phát hiện những vẻ đẹp của cuộc sống:  - Vẻ đẹp của thiên nhiên.  - Vẻ đẹp của sự kiên nhẫn, sáng tạo, sự tích lũy… | 0,5 |
|  | 9 | HS rút ra được một bài học đối với bản thân, có lí giải hợp lí, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội.  **Gợi ý:**  - Bài học về sự kiên trì, cần cù, sáng tạo  - Bài học về việc đối nhân xử thế và biết yêu thương mọi người...  **Lưu ý:** Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục vẫn cho điểm tối đa | 0,5 |
|  | **10** | - Về hình thức, học sinh cần viết đúng hình thức đoạn văn, diễn đạt rõ ràng, trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.  - Về nội dung cần đảm bảo những ý sau:  + Kiên nhẫn giúp con người có ý chí bền bỉ hơn để theo đuổi mục tiêu, ước mơ, lí tưởng mà bản thân mình đề ra.  + Kiên nhẫn giúp con người xử lí những vấn đề bất ngờ một cách tốt hơn, hợp lí hơn, điềm tĩnh, sáng suốt hơn….. | 0,5 |
| **II** | | **VIẾT** | **5,0** |
| **Câu 1** |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.* | 0,5 |
|  |  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.*  *Thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.* | 0,5 |
|  |  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  Sau đây là một hướng gợi ý: |  |
|  |  | **- Giải thích**  + *Ỷ lại:* là tự bản thân không có ý thức trách nhiệm, không cố gắng trong cuộc sống mà dựa dẫm, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác một cách thái quá.  + *Căn bệnh đang hủy diệt sức trẻ*: Là cách nói hình ảnh diễn tả tác hại của thói ỷ lại đến thế hệ trẻ, khiến họ trở nên thụ động, không có khả năng đối phó với những thử thách trong cuộc sống.  *- Ý nghĩa: Câu nói nhấn mạnh đến tác hại của thói ỷ lại và cảnh báo về một hiện tượng trong đời sống: thói ỷ lại đang là căn bệnh nguy hiểm đối với con người, đặc biệt là thế hệ trẻ.*  **- Thực trạng**  + Nhiều bạn trẻ sống ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Họ thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suỵ nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc  + Không khó để bắt gặp những cảnh tượng bố mẹ đưa đón con đi học mỗi ngày dù con đã học cấp ba hay sinh viên đại học. Ở nhà, họ không có ý thức tự giác giúp đỡ bố mẹ, ở trường không tự giác học tập, gặp bài tập khó thì nhờ bạn bè giải giúp...  **- Nguyên nhân**  + Do sự lười biếng trong cả vận động và tư duy. Họ thích sống dựa vào người khác, thiếu đi tính độc lập, tự chủ cần có.  + Do được gia đình nuông chiều. Bố mẹ gần như quyết định hộ con cái mọi thứ và nhiệm vụ của đứa con chỉ là ngoan ngoãn làm theo ý cha mẹ, nếu có vấn đề gì thì cha mẹ sẽ là người chịu trách nhiệm.  **- Tác hại**  + Người sống ỷ lại, quen dựa dẫm thường lười lao động, suy nghĩ, tư duy, thiếu năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sáng tạo... dễ gặp thất bại trong mọi việc.  + Họ trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Họ giao phó vận mệnh của mình vào tay người khác và đánh mất hoàn toàn quyền tự chủ trong công việc cũng như trong cuộc sống.  + Tương lai của đất nước không thể phát triển tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai của đất nước đều lười biếng, ỷ lại như vậy.  **- Giải pháp - Bài học nhận thức và hành động**  + Thế hệ trẻ cần học cách tự đứng trên đôi chân của mình, không được tự biến mình thành cây tầm gửi trong cuộc sống.  + Gia đình, nhà trường, xã hội cần thay đổi quan niệm về tình yêu thương và giáo dục, không nuông chiều hay quá bao bọc, cần hình thành và rèn luyện tính tự lập cho con em mình.  + Bản thân mỗi chúng ta cần tích cực rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng sống thật tốt để luôn là người có bản lĩnh, có chính kiến và chủ động đưa ra những quyết định tỉnh táo, sáng suốt trong mọi việc. | 3,0 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* | 0,5 |
| **Câu 2** |  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Dẫn dắt câu nói  **2. Thân bài**  **a. Giải thích:**  - *Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc:*Giá trị của thơ ca không chỉ là ở việc tạo ra những nét đẹp “kì bí”, không chỉ là sự trau chuốt ngôn từ hay tạo ra vẻ đẹp mới lạ về hình thức.  - *Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc*: Giá trị lớn nhất của tác phẩm thơ ca chính là giúp chúng ta cảm nhận được cái đẹp chân thực, mộc mạc, gần gũi từ chính những điều bình thường trong cuộc sống.  - *Là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người:* cái đẹp giản dị của thơ ca sẽ soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.  => Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht đã đưa ra một trong những tiêu chí quan trọng đối với tác phẩm thơ hay: Chân thực, dung dị cả về nội dung lẫn hình thức. Đó chính là một trong những điều quan trọng làm nên giá trị, sức mạnh của thơ ca.  **+ Lí giải ý kiến:**  Ý kiến của Bertold Brecht đúng đắn và xác đáng vì:  - Xuất phát từ quy luật sáng tạo của văn chương nói chung và thơ ca nói riêng: Văn học bắt nguồn từ hiện thực đời sống, từ những vui buồn, đau khổ, hạnh phúc của cuộc đời, của số phận cá nhân con người. Vì thế, cái hay của một tác phẩm văn học, một bài thơ được tạo nên từ chính cái đẹp chân thực, mộc mạc, dung dị, gần gũi với đời thường, thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. *Thơ không như thứ rượu quỳnh tương, nấu lâu, cất kĩ, rót ra chén ngọc rồng mà như nước suối thiên nhiên chảy ra trong mát nơi khe núi.*(Phạm Thế Ngũ).  - Xuất phát từ đặc trưng của thơ trữ tình: Sự chân thực, giản dị của cảm xúc và ngôn ngữ là một đặc tính cơ bản của thơ: cảm xúc nảy nở từ lòng thi nhân một cách chân thành, thắm thiết; câu chữ không cần trau chuốt hay “thần bí hóa”; ngôn ngữ dễ hiểu, cô đúc, trong sáng.  - Xuất phát từ chức năng của văn học, trong đó có thơ ca: Thơ khởi nguyên là sự lên tiếng của trái tim, là sự rung động tâm hồn của nhà thơ nhưng trở thành tiếng lòng chung của muôn người, tiếng gọi đàn, thành *tiếng nói đồng ý, đồng chí, đồng tình* với người đọc, thơ là một ngọn lửa nhen lên trong lòng người, một ngọn lửa đốt cháy, sưởi ấm và soi sáng,*là ánh sáng mạnh mẽ*hướng con người đến vẻ đẹp của chân, thiện, mĩ.  **c. Chứng minh:**  **+ Bài thơ Chợ Đồng của Nguyễn Khuyến:**  **\* Về nội dung:** Bài thơ thể hiện tâm trạng buồn của Nguyễn Khuyến khi chứng kiến nhịp sống của người dân qua cảnh chơ Đồng. Tan chợ, phiên chợ Tết mà chỉ có tiếng đòi nợ, thúc nợ lung tung. Năm cũ sắp qua, năm mới đang dần đến mà cái cái nghèo, cái túng đói vẫn ám ảnh đời sống dân quê. Nỗi buồn khiến nhà thơ chìm vào suy tư, vậy nên âm thanh của “Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng” như khiến nhà thơ giật mình trở về với thực tại.  **\* Về nghệ thuật**: Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.  - Phương thức biểu đạt chính trong bài thơ đó chính là biểu cảm.  - Biện pháp ẩn dụ được sử dụng trong trong câu: “Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.” - “Dở trời, mưa bụi còn hơi rét” mang hàm nghĩa chỉ cảnh lầm than, nỗi cơ cực của nhân dân, của bà con dân cày nghèo khổ.  - Sử dụng biện pháp đối thông qua hai câu thơ: “*Hàng quán người về nghe xáo xác,* *Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*“. Nhấn mạnh sự đối lập giữa khung cảnh chợ Đồng, nói lên cái buồn của sự đói nghèo càng được nhân lên khi năm hết Tết đến rồi.  **+ Bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương:**  *\* Nội dung:*  - Sự chân thực, dung dị thể hiện ở chất trữ tình, chất tự trào hóm hỉnh và những cung bậc của tình yêu thương dành cho người vợ của nhà thơ. Qua cái nhìn vừa trân trọng vừa xót xa, chân dung bà Tú hiện lên hoàn chỉnh. Bên cạnh hình ảnh bà Tú với những nỗi vất vả, gian truân trong cuộc sống là một bà Tú với những đức tính cao đẹp: đảm đang, tháo vát, chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng con, giàu đức hi sinh thầm lặng. Hình ảnh bà Tú trong thơ Tú Xương mang vẻ đẹp điển hình của người phụ nữ Việt Nam.  - Đằng sau lời tự trào là cả một tấm lòng yêu thương, quý trọng, tri ân vợ của Tú Xương. Qua những lời tự trào, tự trách, thậm chí tự xỉ vả bản thân, ta thấy được tâm sự và nhân cách của Tú Xương: một nhà nho đầy tự trọng trong sáng, vị tha khi ông từ bỏ vẻ cao đạo của thói thường để thấu hiểu cuộc sống đời thường và sẻ chia, cảm thông với vợ. Đó là một người đàn ông có tâm, có ý thức, trách nhiệm.  - Từ hoàn cảnh riêng, Tú Xương lên án thói đời bạc bẽo nói chung. Đây chính là ý nghĩa xã hội chân thực của bài thơ.  *\* Nghệ thuật:*  *-*Vẻ đẹp giản dị được biểu hiện ở màu sắc dân gian từ đề tài cho đến bút pháp. Sự kết hợp giữa giọng điệu trữ tình và giọng điệu trào phúng thâm thúy một cách tự nhiên đã thể hiện rõ phong cách thơ Tú Xương: cảm xúc chân thành, lời thơ giản dị mà sâu sắc:  - Sử dụng tiếng Việt giản dị, tự nhiên, giàu sức biểu cảm: Cả tám câu thơ không có từ nào cầu kì, khó hiểu. Tất cả đều gần gũi, quen thuộc như lời nói trong cuộc sống thường ngày. Sử dụng thành ngữ dân gian, cách nói khẩu ngữ: tiếng chửi được sử dụng rất tự nhiên mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc.  - Tiếp thu một cách có sáng tạo hình ảnh trong thơ ca dân gian (hình ảnh con cò, thân cò) để xây dựng hình tượng người phụ nữ vừa mang vẻ đẹp truyền thống lại vừa có những nét riêng độc đáo.  **\****Thương vợ:*của Tú Xương là bài thơ *soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.*Bài thơ giúp người đọc thấy được vẻ đẹp đáng trân trọng của bà Tú nói riêng và vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam nói chung, đồng thời, thấy được vẻ đẹp nhân cách của nhà nho chân chính – Tú Xương. Bên cạnh đó, bài thơ có tác dụng bồi đắp những tình cảm tốt đẹp cho con người: biết thấu hiểu, tri ân trong cuộc sống.  **4. Bài học cho người thưởng thức và sáng tạo:**  - Người thưởng thức: Khi cảm nhận tác phẩm thơ ca không nên chỉ quan tâm đến hình thức bên ngoài của tác phẩm mà cần nhìn thấy vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp chân thực, giản dị của tác phẩm,  - Ngưởi sáng tạo: Cần hướng tới những vẻ đẹp đích thực của thơ ca, tạo nên vẻ đẹp chân thực cho tác phẩm, không nên chạy theo những sáng tạo cầu kì hình thức mà quên đi giá trị đích thực bên trong. |  |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  |  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* |  |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**PHẦN: ĐỌC HIỂU (6 điểm)**

*Lại về mảnh trăng đầu tháng  
Mông lung mặt đồng bóng chiều,  
Tiếng ếch vùi trong cỏ ấm  
Lúa mềm như vai thân yêu  
  
Mùa xuân, là mùa xuân đấy  
Thả chim, cỏ nội hương đồng  
Đàn trâu bụng tròn qua ngõ  
Gõ sừng lên mảnh trăng cong  
  
Có gì xôn xao đằm thắm  
Bao nhiêu trông đợi chóng chầy  
Đàn em tóc dài mười tám  
Thương người ra lính hôm mai  
  
Để rồi bao nhiêu gió thổi  
Bên giếng làng, ngoài bến sông  
Có tiếng hát như con gái  
Cao cao như vầng trăng trong...*

*(Theo Miền quê - Nguyễn Khoa Điềm, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn, NXB Văn học, 2012)*

\* Gợi ý: Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15 tháng 4 năm 1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Thơ của Nguyễn Khoa Điềm lấy chất liệu từ văn học Việt Nam và cảm hứng từ quê hương, con người và tình thần chiến đấu của người chiến sĩ Việt Nam yêu nước... Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam. Điểm nổi bật của phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm nằm ở cảm hứng hiện thực thời đại, đề tài quen thuộc, cách thể hiện cái tôi đa dạng, lớp từ, hình ảnh cảm xúc sâu sắc và ý nghĩa lịch sử và văn hóa độc đáo.

**Câu 1**: Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản:

A. Đàn em B. Người lính C. Tác giả D. Người con gái

**Câu 2**: Xác định thời gian nghệ thuật trong bài thơ?

A. Sáng sớm B. Chiều tà C. Đêm muộn D. Đứng bóng

**Câu 3:** Hai câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào:

*Tiếng ếch vùi trong cỏ ấm  
 Lúa mềm như vai thân yêu*

A. Hoán dụ B. So sánh C. Liệt kê D. Nhân hoá

**Câu 4**: Đâu là ý đúng nhất khi cảm nhận về bức tranh đồng quê của nhà thơ:

A. Nhộn nhịp, tấp nập, đông vui.

B. Hiu quạnh, ảm đạm, heo hút, mờ nhạt

C. Thanh bình, tươi sáng, nhẹ nhàng, thơ mộng.

D. Mênh mông, bát ngát, bao la.

**Câu 5**: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là:

A. Trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ gắn với quê hương

B. Nỗi nhớ về những kỉ niệm ấu thơ gắn bó với bạn bè

C. Nỗi nhớ về những kỉ niệm gắn bó với dòng sông quê

D. Ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người nơi miền quê hương yêu dấu

**Câu 6**: Đáp án nào không phải giá trị nghệ thuật của bài thơ:

A.Vận dụng linh hoạt sáng tạo các hình ảnh thiên nhiên để miêu tả bức tranh miền quê

B. Ngôn ngữ thơ trong sáng, nhẹ nhàng sử dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật

C. Hình ảnh thơ chân thực, sinh động gắn với đời sống và tâm hồn của con người

D. Ngôn ngữ bác học, mang phong vị cổ điển, sử dụng nhiều điển tích điển cố

**Câu 7:** Bài thơ đã đem đến bài học ý nghĩa nào:

A. Cần trân trọng những vẻ đẹp bình dị của quê hương vì nó góp phần nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn con người

B. Cần yêu quý quê hương vì đó là cái nôi nuôi dưỡng con người

C. Cần biết ơn quê hương đã nuôi dưỡng sự sống con người

D. Cần hăng say lao động vì có như thế mới tạo ra thành quả tốt đẹp cho quê hương.

**Câu 8:** Hình ảnh *mảnh trăng đầu tháng* ở đầu bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

**Câu 9:** Anh/ chịhiểu như thế nào về hai câu thơ sau (trình bày trong một đoạn văn từ 3 - 5 câu)?

*Có tiếng hát như con gái  
Cao cao như vầng trăng trong...*

**Câu 10:** Từ nội dung của bài thơ, anh /chị hãy chia sẻ những việc thế hệ trẻ cần làm để lưu giữ và phát triển vẻ đẹp của quê hương?

**II. LÀM VĂN (14,0 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)**

Dựa vào nội dung của văn bản trên, em hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 2-3 trang giấy thi, bàn luận về: Những giá trị tinh thần quan trọng của mỗi người con xa xứ khi nhớ về quê hương.

**Câu 2. (10 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích bài “Miền quê” của Nguyễn Khoa Điềm

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | C | 0.5 |
| 2 | B | 0.5 |
| 3 | B | 0.5 |
| 4 | C | 0.5 |
| 5 | D | 0.5 |
| 6 | D | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | Hình ảnh: *Mảnh trăng đầu tháng* gợi lên:  - Sự bắt đầu, sự lặp lại của một hiện tượng thiên nhiên (trăng)  - Sự mới mẻ, sự khởi đầu cho một hành trình mới, một dự định mới  - Dấu hiệu để gợi nhớ, gợi nhắc con người về những giá trị bền vững trong cuộc sống…. | 1 |
| 9 | Hiểu về câu thơ:*Có tiếng hát như con gái  Cao cao như vầng trăng trong...*  - Tiếng hát được ví như con gái, như vầng trăng trong… Cách so sánh thú vị gợi tả ấn tượng được niềm lạc quan, yêu đời cùng sự mê say của con người trước vẻ đẹp nên thơ của quê hương, trước tâm tình kín đáo mà sâu nặng của lòng người.  - Tiếng hát trẻ trung, trong sáng, vút cao… thể hiện được sức sống tâm hồn, tình yêu  - Tiếng hát cũng chính là tiếng lòng của con người…  Những điều thế hệ trẻ cần làm để lưu giữ và phát triển vẻ đẹp của quê hương:  *Một số gợi ý:*   * Chăm chỉ học tập, rèn luyện, trau dồi tri thức, hoàn thiện nhân cách để sau này dựng xây quê hương. * Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng * Có ý thức gìn giữ truyền thống văn hóa của quê hương… * Tham gia gìn giữ, quảng bá và phát triển những nét đẹp của quê hương mình… | 1.5 |
|  | **PHẦN II: VIẾT (14 ĐIỂM)** |  |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội*  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*  Những giá trị tinh thần của người con xa xứ khi nhớ về quê hương | 6 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu những người con xa xứ là những ai (họ cần gì và nghĩ gì khi nhắc đến quê hương), những giá trị tinh thần của họ có thể là những gì?  - *Sau đây là một hướng gợi ý:*  *1. Những người con xa xứ - là những đối tượng nào? Họ cần gì và nghĩ gì về quê hương?*  - Du học sinh  - Người làm ăn xa  - Người định cư bên nước ngoài nhưng có gia đình tại Việt Nam  *2. Đưa ra các giá trị tinh thần và vai trò của những giá trị tinh thần đó trong cuộc sống của những người xa xứ*  - Tình cảm của những người trong gia đình, bạn bè thân yêu, có thể là nỗi nhớ mong, niềm hi vọng  - Kỉ niệm với nơi mà họ đã sinh ra và lớn lên gắn bó (Các dịp lễ Tết hoặc các món ăn ngon)  - Nỗi trông mong đoàn tụ và mong muốn trở về quê hương để xây dựng quê hương đồng thời phát triển sự nghiệp tại quê hương  *3. Nếu không có những giá trị tinh thần thì cuộc sống của những người xa xứ sẽ ra sao?*  - Mất cân bằng  - Thiếu niềm tin và chỗ dựa  - Không có một điểm tựa để hi vọng và để trở về  *Lưu ý: Với mỗi luận điểm, HS cần lí giải vì sao đây là Những giá trị tinh thần quan trọng, giá trị ấy giúp đỡ mỗi người xa xứ như thế nào? Có thể lấy ví dụ minh chứng ra sao* |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* |  |
| **Câu 2** | **1. Mở bài**  - Tác giả giới thiệu về miền quê, nơi mà tác giả yêu quý và nhớ nhung. - Sự đẹp và thanh bình của miền quê.  **2. Thân bài**  **a. Miền quê trong ký ức:** + Tác giả nhớ lại những kỷ niệm tuổi thơ ở miền quê. + Hình ảnh về cánh đồng xanh mướt, sông nước êm đềm, cây cỏ xanh tươi.  - Từ ngữ và hình ảnh được sử dụng để miêu tả sự đẹp và thanh bình của miền quê, tạo nên một bầu không khí yên tĩnh và tươi mát. Tác giả muốn đưa người đọc vào không gian miền quê, để cảm nhận và hiểu được tình yêu và kỷ niệm của mình.  - Hình ảnh về cánh đồng xanh mướt, sông nước êm đềm, cây cỏ xanh tươi được sử dụng để tái hiện lại những kỷ niệm tươi đẹp và thanh bình. Đồng thời, hình ảnh về đồng bào nông dân, người lao động chăm chỉ và gắn bó với miền quê cũng được nhấn mạnh, thể hiện sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng.  **b. Miền quê trong hiện tại:**  + Miền quê vẫn giữ được vẻ đẹp và sự thanh bình.  - Các hình ảnh về cuộc sống bình dị, công việc nông nghiệp và lao động của người dân miền quê thể hiện sự chất phác, giản dị và lao động chăm chỉ. Tác giả cũng nhấn mạnh sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng miền quê, cho thấy miền quê không chỉ là một địa điểm mà còn là một cộng đồng đoàn kết và hạnh phúc.  - Hình ảnh về cuộc sống bình dị, công việc nông nghiệp và lao động của người dân miền quê tạo nên một không gian chất phác và giản dị. Từng hình ảnh này đều mang đến cho người đọc một cảm giác ấm áp và gần gũi.  + Sự gắn kết và tình yêu thương trong cộng đồng.  **c. Hình ảnh trong bài thơ "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm:**  + Cánh đồng, sông nước, cây cỏ: Tượng trưng cho sự tươi mát, thanh bình và tuyệt đẹp của miền quê.  + Đồng bào nông dân: Biểu tượng cho sự gắn kết, lao động chăm chỉ và tình yêu thương trong cộng đồng miền quê.  + Cuộc sống bình dị và công việc nông nghiệp: Thể hiện sự chất phác, giản dị và lao động chăm chỉ của người dân miền quê.  + Sự hạnh phúc và lòng biết ơn: Tác giả tỏ ra yêu quý, trân trọng và biết ơn miền quê với những giá trị văn hóa, tình yêu thương và sự thanh bình mà nó mang lại.  **\* Đánh giá chung**  - Hình ảnh so sánh, nhân hoá, động từ, tính từ, từ láy, câu cảm thán.  - Giọng thơ mượt mà, sâu lắng.  - Bút pháp lãng mạn, thể thơ 8 tiếng.  - Bài thơ là Bức tranh tươi sáng sinh động về một làng quê miền biển.  - Hình ảnh khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài.  - Nỗi nhớ da diết, sự gắn bó thủy chung, tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả.  **3. Kết bài:**  + Tác giả khát khao trở về miền quê, để được sống trong sự thanh bình và hạnh phúc.  + Tình yêu và lòng biết ơn của tác giả dành cho miền quê. | 12 |
|  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 3: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**​​​​​ MẸ**

*(Viễn Phương)*

​​​*Con nhớ ngày xưa mẹ hát*

​​​*Hoa sen lặng lẽ dưới đầm*

​​​*Hương hoa dịu dàng bát ngát*

​​​*Thơm tho không gian thời gian*

​​​*Mẹ nghèo như đóa hoa sen*

​​​*Tháng năm âm thầm lặng lẽ*

​​​*Giọt máu hòa theo dòng lệ*

​​​*Hương đời mẹ ướp cho con*

​​​*Khi con thành đóa hoa thơm*

​​​*Đời mẹ lắt lay chiếc bóng*

​​​*Con đi…chân trời gió lộng*

​​​*Mẹ về…nắng quái chiều hôm*

​​​*Sen đã tàn sau mùa hạ*

​​​*Mẹ cũng lìa xa cõi đời*

​​​*Sen tàn rồi sen lại nở*

​​​*Mẹ thành ngôi sao trên trời*

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

A. Tự sự C. Biểu cảm B. Nghị luận D. Thuyết minh

**Câu 2.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Sáu chữ C. Năm chữ B. Lục bát D. Bảy chữ

**Câu 3.** Dấu chấm lửng trong hai câu thơ “ *Con đi…chân trời gió lộng*/ *Mẹ về…nắng quái chiều hôm”* dùng để làm gì?

A. Diễn tả lời nói, cảm xúc ngập ngừng, xúc động.

B. Tăng sự kịch tính, hài hước cho câu chuyện.

C. Làm giãn nhịp điệu câu thơ.

D. Dùng thay cho câu trả lời

**Câu 4.**Câu thơ **“***Mẹ nghèo như đóa hoa sen”* sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hoá C. Điệp ngữ C. So sánh D. Ẩn dụ

**Câu 5.**Xét theo mục đích nói,câu thơ *“ Con nhớ ngày xưa mẹ hát”* thuộc kiểu câu gì*?*

A. Câu cầu khiến B. Câu trần thuật

C. Câu cảm D. Câu nghi vấn

**Câu 6.**Em hiểu nghĩa của cụm từ *“ lìa xa cõi đời”* trong câu thơ *“ Mẹ cũng lìa xa cõi đời”* như thế nào?

A. Mẹ đã giàB. Mẹ bị ốm

**C. Mẹ đã mất** D. Mẹ mệt mỏi

**Câu 7.** Em hiểu câu thơ: *“Hương đời mẹ ướp cho con”*như thế nào?

A. Lòng biết ơn của con trước sự tảo tần, hy sinh thầm lặng của mẹ.

B. Mẹ tuy nghèo khó nhưng vẫn âm thầmchắt chiu những gì đẹp đẽ nhất, tinh

túy nhất để dành trọn cho con. Đồng thời thể hiện lòng biết ơn của con trước sự tảo tần, hy sinh thầm lặng của mẹ.

C. Mẹ tuy nghèo khó nhưng vẫn âm thầmchắt chiu những gì đẹp đẽ nhất, tinh

túy nhất để dành trọn cho con.

D. Ca ngợi sự hi sinh thầm lặng của mẹ.

**Câu 8**. Cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong khổ cuối bài thơ ?

A. Người mẹ nghèo khó, vất vả, cả cuộc đời lam lũ nhưng vẫn thanh cao, hi sinh

thầm lặng vì các con.

B. Người mẹ sống với tuổi già cô đơn, già nua, mong manh nhưng đã đem đến

cho con tương lai tươi sáng từ sự vất vả của bản thân

C. Những vất vả, lam lũ của cuộc đời và những vẻ đẹp trong tâm hồn người mẹ làm xúc động lòng người, gợi mỗi người nhớ về đấng sinh thành của mình…

**D. Tuy mẹ đã mất nhưng vẻ đẹp tâm hồn của mẹ mãi ngời sáng trong lòng thương yêu, kính trọng, biết ơn của người con.**

**Câu 9.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ, tương phản trong khổ thơ thứ ba?

**Câu 10.** Từ văn bản phần đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ), bàn về  ý kiến sau: *Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết*(B. Babbles).

**II. Phần viết: (14 điểm)**

Nhà thơ Tố Hữu nhận định: *“Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn*”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ “ Tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” nhà thơ Đỗ Trung Quân qua bài thơ “ Quê hương” ( Bài học đầu cho con)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Phần đọc hiểu** | | |
| 1 | C | 0.5 |
| 2 | A | 0.5 |
| 3 | A | 0.5 |
| 4 | C | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | C | 0.5 |
| 7 | B | 0.5 |
| 8 | D | 0.5 |
| 9 | - Xác định biện pháp tu từ:  + Ẩn dụ: *đóa hoa thơm, chiếc bóng, chân trời gió lộng, nắng quái chiều hôm*.  + Tương phản: *Khi con thành đóa hoa thơm/ Đời mẹ lắt lay chiếc bóng; Con đi chân trời gió lộng/ Mẹ về nắng quái chiều hôm.*  - Giá trị của các biện pháp tu từ:  + Gợi hình ảnh con với tương lai rộng mở, tươi sáng còn mẹ cô đơn, già nua, mong manh.  + Tình cảm yêu thương, trân trọng, xót xa, lo lắng của con dành cho mẹ.  + Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn. | 0.25  0.25  1.25  0.25 |
| **Phần viết** | | |
| **Gợi ý**  **nội dung** | *a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học, lập luận chặt chẽ, văn phong trong sáng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy, có sự sáng tạo…*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: *Đặc trưng của thơ ca qua bài thơ “ Quê hương”của Đỗ Trung Quân.*  *c. Triển khai vấn  đề nghị luận: học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách* *không trái với chuẩn mực đạo đức và* *pháp luật. Sau đây là một số gợi ý:*  **\* Giải thích:**  - Ý kiến của nhà thơ Tố Hữu bàn về đặc trưng của thơ ca. “Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” nghĩa là thơ là sự rung động của trái tim, là tiếng lòng, thể hiện tâm tư tình cảm của con người, là phương thức để thi nhân bộc lộ thế giới nội tâm, còn người đọc thì cảm nhận và tìm thấy mình trong đó. Bước vào thế giới của thơ ca là đắm chìm trong những câu chữ, những dòng xúc cảm chứa chan. Bởi nói đến thơ ca là nói đến cảm xúc. Cảm xúc vừa là cội nguồn của thơ ca vừa là nguyên liệu chính tạo nên giá trị cho thơ. Cảm xúc làm cho những ngôn từ bình thường trở nên có hồn hơn, lung linh hơn, dễ thẩm thấu vào lòng người đọc hơn.  - Tình cảm trong thơ không ở trạng thái tĩnh mà luôn có sự vận động, nó không phải thứ tình cảm dửng dưng, có chừng mực, mà là dòng chảy của xúc cảm, của tâm tư chất chứa trong lòng nhà thơ, là tình yêu nồng cháy xuất phát từ trái tim nhà thơ. Không có rung động, thơ chỉ có phần xác mà không có hồn.  -Tình cảm trong thơ vô cùng phong phú, với nhiều cung bậc cảm xúc và cũng chính là linh hồn, là mạch sống, là hơi thở của thi ca; chính nhờ nó mà lời thơ, tứ thơ, hình tượng trong thơ trở thành biểu tượng của tư duy, tình và cảnh hòa nhịp tự nhiên, sống động. Nhưng nếu chỉ có cảm xúc không thì vẫn chưa đủ. Thiếu cảm xúc, thơ sẽ trở nên khô khan, vô cảm; còn thiếu suy nghĩ, thơ sẽ nhạt nhẽo, vô nghĩa. Vậy nên nhà thơ cần phải kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và suy nghĩ để những áng thơ khi ra đời dạt dào, lắng sâu, ý nghĩa, có chiều sâu triết lý; đồng thời khiến bạn đọc đón nhận thơ một cách nồng nhiệt, đồng cảm và trân trọng tác giả cũng như tác phẩm của họ. Và bài thơ “ Quê hương” là “ tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” nhà thơ Đỗ Trung Quân.  **\* Chứng minh:**  **- Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm:**  + Đỗ Trung Quân là nhà thơ, nhà báo, người dẫn chương trình trong các chương trình âm nhạc của bạn bè hay diễn viên. Nhiều bài thơ của ông đã được phổ nhạc và được khán giả yêu thích.  + Bài thơ “Quê hương” của ông là một trong những tác phẩm đã đi vào trí nhớ của nhiều người dân Việt Nam với những lời thơ đậm chất trữ tình và sâu lắng, “Quê hương” của Đỗ Trung Quân là những hình ảnh quen thuộc, thân thương nhất về nơi “chôn rau cắt rốn” của mỗi người. Bài thơ đã được nhạc sĩ Giáp Văn Thạch phổ nhạc và trở thành ca khúc nổi tiếng.  **- Chứng minh qua “ Quê hương” của Đỗ Trung Quân:**  ***Luận điểm 1.“ Tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” nhà thơ Đỗ Trung Quân trong bài thơ “ Quê hương” là tiếng nói yêu quê hương đất nước tha thiết.***  -Tình quê đậm đà, tha thiết được ngân nga trong bài thơ “Quê hương” **-** một trong những giai điệu ngọt ngào và dịu dàng dành cho tuổi thơ êm dịu.  *“Quê hương là gì hả mẹ*  *……………………*  *Ai đi xa cũng nhớ nhiều?”*  - Quê hương là những nỗi nhớ mong, là những điều giản dị mà ai đi xa cũng nhớ nhiều. Quê hương quá đỗi gần gũi, thân thương. Quê hương ở trong tuổi thơ, trong câu chuyện bà kể, trong lời hát mẹ ru, trong trái cây dịu mát. Quê hương là chùm khế ngọt, quê hương là con đường đi học. …Quê hương có thể nhìn thấy, có thể cầm nắm, có thể thưởng thức được mỗi ngày.  - Quê hương - nơi chôn nhau cắt rốn, nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi những người thân yêu của ta ở đó, nơi ta đã đi qua thời thơ dại với con đường đến trường rợp bướm vàng bay.  *Quê hương là chùm khế ngọt ……………………………. Con về rợp bướm vàng bay*  *-* Quê hương ở ngay trong trái tim mỗi con người.Quê hương là máu thịt ta, kể từ khi lọt lòng, ta đã trao cho nó nửa linh hồn của mình vì vậy đi đâu cũng nhớ, cũng thương.  - Quê hương xuất hiện bình dị như con diều biếc chao nghiêng trên bầu trời tuổi thơ. Quê hương còn là những cánh đồng bát ngát hương lúa, là con đò nhỏ khua nước bên dòng sông thơ mộng. Những hình ảnh được nhà thơ sử dụng thật bình dị mà vô cùng tinh tế.  *“Quê hương là con diều biếc*  *…………………………*  *Êm đềm khua nước ven sông”*  - Trong ta ai cũng có một quê hương, một vùng đất để khi đi xa mà thương, mà nhớ, một vùng đất để khi trưởng thành nhìn lại một thời của tuổi thơ với những kỷ niệm ngọt ngào...quê hương là những gì gắn bó, gần gũi, thân thuộc nhất với mỗi người, quê hương cho ta cảm xúc ngọt ngào, cho ta sự bình yên, thanh thảnh trong tâm hồn, cho ta sự yên ả, ấm êm như vòng tay ấm của bà, của mẹ để từ đó ta lớn lên, thành người.  - Quê hương là ánh trăng tỏ, là hình ảnh hoa cau rụng trắng thềm, là tất cả những gì thân thương, trìu mến khiến ai đi xa cũng nhớ về. Hơi thở ấm nồng của quê hương luôn bên ta, ru ta vào giấc ngủ bình yên, đem đến cho ta sự thanh thản, dịu êm:  *“Quê hương là cầu tre nhỏ*  *……………………………..*  *Bay trong giấc ngủ đêm hè”*  - Những điều thân thuộc, những kỉ niệm dung dị và những ký ức dịu êm chính là quê hương, là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người. Bài thơ “Quê hương” của Đỗ Trung Quân cũng đẹp tựa như thế với hoa bí vàng, giậu mồng tơi, là những cánh hoa râm bụt, là đóa sen trắng tinh khiết.  *“Quê hương là vàng hoa bí*  *……………………*  *Màu hoa sen trắng tinh khôi*  - Về với quê hương, như về với ký ức, như về với bản chất con người thuần túy, quê hương cho ta sự yên ả, tĩnh lặng, sự bình dị, thanh tịnh. Với ta, quê hương luôn gắn với vòng tay của bà, của mẹ, là nụ hôn, là giọt nước mắt. Ta muốn yêu, yêu hết tất cả mọi thứ của mảnh đất này!  - Quê hương trong thơ của Đỗ Trung Quân không chỉ đơn thuần là những hình ảnh của một vùng quê sông nước, mà còn chất chứa tâm hồn dân tộc. Bài thơ giàu nhạc điệu và cảm xúc nên đã được phổ nhạc thành bài hát quen thuộc “Quê hương”. Mỗi người Việt Nam chúng ta thật xúc động khi nghe bài hát với giai điệu ngọt ngào này..  *Quê hương mỗi người chỉ một*  *………………………..*  *Quê hương nếu ai không nhớ…*  - Quê hương ấm áp, ngọt ngào như dòng sữa mẹ, nuôi lớn ta từng ngày, từng ngày. Từ “chỉ một” như muốn nhắc nhở chúng ta, quê hương là duy nhất, nếu ai không nhớ quê hương, nhớ về cội nguồn, gốc rễ, thì hẳn “ sẽ không lớn nổi thành người” - không bao giờ trưởng thành được.  - Quê hương được so sánh với mẹ vì đó là nơi ta được sinh ra, được nuôi dưỡng lớn khôn, giống như người mẹ đã sinh thành nuôi ta khôn lớn, trưởng thành. Lời thơ nhắc nhở mỗi chúng ta hãy luôn sống và làm việc có ích, hãy biết yêu quê hương xứ sở, vì quê hương là mẹ và mẹ chính là quê hương và cũng bởi “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở / Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn” (nhà thơ Chế Lan Viên).  ***Luận điểm 2.“ Tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” trong bài thơ “ Quê hương” của Đỗ Trung Quân được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.***  - Nhà thơ đã sử dụng biện pháp điệp ngữ, điệp cấu trúc, biện pháp liệt kê, cấu trúc thơ vắt dòng rất đặc sắc. Khung cảnh làng quê trên mọi miền Tổ quốc Việt Nam hiện lên thân thương, giản dị mà xúc động lòng người.Những cặp câu thơ dần hiện lên như những thước phim quay chậm, cảnh vật có gần có xa, có mờ có tỏ, có lớn có nhỏ.  - Nhịp thơ đều đặn, nhịp nhàng, gần như cả bài thơ chỉ có một nhịp 2/4. Cả ba khổ thơ với những câu thơ cùng một nhịp, kết cấu giống nhau nhưng vẫn nhẹ nhàng, thanh thoát vô cùng. Phải chăng, vẻ đẹp của những hình ảnh thơ đã làm cho người đọc quên đi hình thức bên ngoài của ngôn ngữ? Nhà thơ đã biến cái không thể thành cái có thể, và được độc giả nồng nhiệt đón nhận bằng một sự đồng cảm rất tự nhiên.  - Nhà thơ đã cụ thể hoá cái trừu tượng bằng những hình ảnh sống động và hình ảnh so sánh đẹp: “Quê hương là chùm khế ngọt, đường đi học rợp bướm vàng bay, con diều biếc thả trên cánh đồng, con đò nhỏ khua nước ven sông, cầu tre nhỏ, nón lá nghiêng che, đêm trăng tỏ, hoa cau rụng trắng ngoài thềm”…  **\* Đánh giá:**  **-** Ý kiến của nhà thơ Tố Hữu là hoàn toàn đúng đắn. Bởi lẽ, tình cảm trong thơ xuất phát từ cái nhìn cô đọng sâu lắng, là kết tinh chuỗi rung động của thi nhân về cuộc đời và là bản hùng ca vượt qua không gian, thời gian đi vào lòng độc giả. Tình cảm và lý trí hoà quện trong nhau, là nòng cốt khiến thơ hoàn thiện hơn về nghệ thuật, chân thành về tình cảm, trong sáng về ngôn từ và hình ảnh… Và bài thơ “ Quê hương” là  “ tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn” nhà thơ Đỗ Trung Quân.  - Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận: Nhà thơ cần có vốn sống dồi dào, hiểu biết về ngôn ngữ và nghệ thuật thơ ca, tài năng và nhiệt huyết với những rung cảm chân thành và nóng hổi sẽ là cơ sở quan trọng của câu thơ, bài thơ để đời. Còn bạn đọc khi tiếp nhận tác phẩm cũng cần sự thấu hiểu, trân trọng những cảm xúc lắng đọng trong bài thơ để được cảm nhận sâu sắc hơn về những tình cảm và thông điệp mà nhà thơ đã gửi gắm, từ đó đồng sáng tạo cùng người nghệ sĩ. | 1.0  0.5  1.0  0.5  5.0  1.0  1.0 |
|  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 4: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**KHI MÙA THU SANG**

*(Trần Đăng Khoa)*

*Mặt Trời lặn xuống bờ ao*  
*Ngọn khói xanh lên lúng liếng*  
*Vườn sau gió chẳng đuổi nhau*  
*Lá vẫn bay vàng sân giếng*

*Xóm ngoài, nhà ai giã cốm*  
*Làn sương lam mỏng rung rinh*  
*Em nhỏ cưỡi trâu về ngõ*  
*Tự mình làm nên bức tranh*

*Rào thưa, tiếng ai cười gọi*  
*Trông ra nào thấy đâu nào*  
*Một khoảng trời trong leo lẻo*  
*Thình lình hiện lên ngôi sao*

*Những muốn kêu to một tiếng*  
*Thu sang rồi đấy. Thu sang!*  
*Lòng bỗng nhớ ông Nguyễn Khuyến*  
*Cõng cháu chạy rông khắp làng...*

*(Trích Kể cho bé nghe, NXB Kim Đồng, 2011)*

**Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát B. Thơ sáu chữ  
C. Thơ bảy chữ D. Thơ tự do

**Câu 2**. Nhan đề của bài thơ được đặt theo cách nào?

A. Một hình ảnh gây ấn tượng với tác giả  
B. Một âm thanh đặc biệt trong cảm nhận của tác giả  
C. Một hiện tượng khơi nguồn cảm hứng cho tác giả  
D. Một cảm xúc bâng khuâng chợt đến với tác giả

**Câu 3.**Nhận xét nào đúng về bố cục của bài thơ?

A. Bài thơ chia làm hai phần: ba khổ thơ đầu là bức tranh thiên nhiên và con người, khổ thơ cuối trực tiếp nói lên cảm xúc của tác giả trước mùa thu.  
B. Bài thơ chia làm ba phần: khổ thơ đầu là bức tranh thiên nhiên, hai khổ tiếp theo là hình ảnh con người và khổ thơ cuối là cảm xúc của tác giả trước mùa thu.  
C. Bài thơ chia làm ba phần: hai khổ thơ đầu là hình ảnh thiên nhiên và con người, khổ thơ thứ ba là những âm thanh mùa thu và khổ thơ cuối là cảm xúc của tác giả.  
D. Bài thơ chia làm bốn phần: khổ thơ đầu là bức tranh thiên nhiên, khổ thơ thứ hai là hình ảnh con người, khổ thơ thứ ba là những âm thanh của mùa thu và khổ thơ cuối là cảm xúc của tác giả

**Câu 4.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các dòng thơ “Vườn sau gió chẳng đuổi nhau / Lá vẫn bay vàng sân giếng”?

A. So sánh B. Nhân hoá

C. Điệp ngữ D. Nói giảm nói tránh

**Câu 5.**Trong khổ thơ thứ hai, những hình ảnh nào là tín hiệu của mùa thu?

A. Cốm và làn sương B. Làn sương và em nhỏ  
C. Em nhỏ và con trâu D. Con trâu và cốm

**Câu 6.** Nhận xét nào đúng về nội dung của các dòng thơ “Những muốn kêu to một tiếng / Thu sang rồi đấy. Thu sang!”?

A. Nói to những dự đoán của mình về việc đất trời mùa hạ đã chuyển sang thu  
B. Lo lắng, bất ngờ trước những đổi thay của vạn vật và con người xung quanh  
C. Nêu lên cảm giác quen thuộc, gần gũi về khung cảnh làng quê vào mùa thu  
D. Mong được cất lên tiếng reo vui trước những tín hiệu của mùa thu

**Câu 7**. Trong khổ thơ thứ ba, tác giả đã sử dụng những giác quan nào để cảm nhận vẻ đẹp của mùa thu?

A. Thị giác, xúc giác B. Thính giác, khứu giác  
C. Thị giác, thính giác D. Thính giác, xúc giác

**Câu 8.**Phương án nào dưới đây nêu đúng cảm hứng chủ đạo của bài thơ?

A. Tình yêu thiên nhiên tha thiết, mãnh liệt của nhà thơ khi mùa thu sang.  
B. Cảm xúc ngỡ ngàng và niềm hân hoan của nhà thơ khi mùa thu sang.  
C. Niềm vui của nhà thơ trước vẻ đẹp của con người lao động khi mùa thu sang.  
D. Nỗi nhớ sâu đậm của nhà thơ về hình ảnh thân thương “ông Nguyễn Khuyến”.

**Câu 9**. Hãy tìm hai hình ảnh trong bài thơ được tác giả sử dụng để khắc hoạ bức tranh mùa thu. Những hình ảnh đó gợi cho em cảm nhận gì về vẻ đẹp mùa thu nơi làng quê của tác giả? (1,5 điểm)

**Câu 10.** Em thích nhất mùa nào ở quê hương mình? Hãy giới thiệu vẻ đẹp đặc trưng của mùa mà em thích (trả lời trong khoảng 10 − 12 dòng).

**II. Phần viết: 4,0 điểm**

Hãy viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ *“Khi mùa thu sang”* của Trần Đăng Khoa.

**\* Gợi ý:** Bài thơ Khi mùa thu sang của Trần Đăng Khoa là một tuyệt tác của thơ thiếu niên, được viết vào năm 1973 khi tác giả mới 15 tuổi. Bài thơ là một lời tỏ lòng của một đứa trẻ trước sự thay đổi của thiên nhiên và cuộc sống ở miền quê Việt Nam vào mùa thu.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS xác định đúng hai hình ảnh trong bài thơ được tác giả sử dụng để khắc hoạ bức tranh mùa thu. Có thể lấy 2 hình ảnh trong các hình ảnh sau: *mặt trời lặn xuống bờ ao, ngọn*  *khói xanh lên lúng liếng, gió chẳng đuổi nhau, lá vẫn rơi vàng sân giếng, nhà ai giã cốm, làn sương lam mỏng rung rinh, em nhỏ cưỡi trâu về ngõ, rào thưa có tiếng ai gọi, khoảng trời trong leo lẻo…*  - HS có thể diễn đạt khác nhau nhưng nêu được nhận xét, đánh giá, suy nghĩ, cảm nhận về bức tranh mùa thu được gợi ra qua những hình ảnh vừa tìm được. Ví dụ:  + Bức tranh thiên nhiên tiêu biểu cho mùa thu nơi làng quê bình yên, trong trẻo được hiện lên qua cảm nhận tinh tế của nhà thơ.  + Hình ảnh gần gũi, mộc mạc của con người làm bức tranh quê thêm sống động, đầy màu sắc.  + Thiên nhiên và con người được khắc hoạ bằng những nét vẽ nhẹ nhàng, tinh tế nhưng lại bừng lên sức sống, niềm hân hoan. Mùa thu dường như đã len lỏi, tràn đầy khắp các ngõ ngách, không gian làng quê. | 0,25  0,75 |
|  | **10** | - HS rút ra những thông điệp khác nhau từ đoạn kết câu chuyện nhưng cần hợp lí, thuyết phục, cụ thể:  (1) Hình thức: đảm bảo đoạn văn dung lượng 10-12 dòng.  (2) Nội dung:  - HS kể tên được mùa yêu thích nhất (có thể là một trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông hoặc cách gọi tên mùa của địa phương như mùa mưa, mùa nước lũ, mùa măng, mùa gặt... )  - Giới thiệu được những nét đẹp tiêu biểu, độc đáo của mùa yêu thích trên quê hương mình qua những hình  ảnh, màu sắc, âm thanh...cụ thể, chi  tiết. Ví dụ: mùi thơm dịu nhẹ của cốm mới lan toả khắp xóm làng; tiếng chày giã bánh dày dồn dập hoà cùng tiếng cười nói vui vẻ; những thửa ruộng bậc thang trùng điệp uốn lượn mềm mại; những rừng hoa sim  khoe sắc tím dịu dàng... | 0,5  0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài, thân bài, kết bài | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Trình bày cảm nghĩ về vẻ đẹp của bài thơ “Khi mùa thu sang”. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí*  HS có thể trình bày đoạn văn theo cấu trúc diễn dịch, quy nạp, móc xích, hỗn hợp nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | **1. Mở bài**   - Giới thiệu tên văn bản, tác giả, nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nghệ thuật hay nội dung đặc sắc ở dòng thơ/khổ thơ/đoạn thơ/bài thơ.  **2. Thân bài**  **+ Luận điểm 1: Hình ảnh thiên nhiên**  - Thiên nhiên trong thơ của Trần Đăng Khoa có nét tinh nghịch, tươi mới hơn thông qua các biện pháp tu từ nhân hoá, ngọn khói xanh “lúng liếng”, ngoài vườn “gió chẳng đuổi nhau”.  - Bức tranh mùa thu tiếp tục được cảm nhận qua nhiều sự vật, hiện tượng khác, bằng những tín hiệu rất đặc trưng, đó là hương cốm mới, khoảng trời trong vắt điểm một vài ngôi sao.  - Thời gian cũng chuyển động dần dần từ chiều tối cho đến tối hẳn, để cảm nhận một bầu trời thu đặc trưng với nền trời trong leo lẻo, cao, thoáng đạt và mát mẻ đến lạ kỳ.  **+ Luận điểm 2: Vẻ đẹp của người lao động**  - Vẻ đẹp của người lao động giản dị trong công việc thường ngày.  - Con người lao động đã làm nên vẻ đẹp của đất trời, làm cho mùa thu thêm sinh động, ấm áp.  - Đến khổ thơ cuối, nhà thơ thốt lên những dòng cảm thán “thu sang rồi đấy!thu sang!” như đang say sưa, ngây ngất với niềm vui của đất trời và vạn vật của mùa thu.  **\* Liên hệ mở rộng:**  Mùa thu trên trang thơ của Trần Đăng Khoa không lạnh lẽo như thu của Nguyễn Khuyến, cũng không yêu kiều diễm lệ như đây mùa thu tới của Xuân Diệu, đó là một mùa thu rất nhẹ nhàng, ấm áp, đáng yêu, gần gũi, mùa thu rất riêng của Trần Đăng Khoa.  **\* Đánh giá chung**  Bài thơ sử dụng ngôn ngữ giản dị, trong sáng, giàu hình ảnh và đối chiếu, tạo ra một bức tranh sống động và xúc động về mùa thu. Bài thơ làm nổi bật những nét đẹp, những nỗi buồn, những ước mơ và những khát vọng của mùa thu, bộc lộ tình yêu quê hương, tình yêu văn chương và niềm tự hào dân tộc của tác giả. Qua việc nhắc đến ông Nguyễn Khuyến, một nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam, người đã cõng cháu chạy rông khắp làng để khám phá thế giới. Bài thơ Khi mùa thu sang của Trần Đăng Khoa là một bài thơ đậm chất dân ca, gần gũi với lòng người, làm lay động trái tim của nhiều thế hệ độc giả.  **3. Kết bài**   - Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày. | 0,5  2,0  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo.* | 0,25 |
|  |  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 5:** **Trả lời câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất**

**I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)**

*“Tri thức giống như ngọn đèn trong đêm tối, soi sáng con đường chông gai phía trước. Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn. Trí tuệ giống như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan bóng tối lạnh giá. Đấng tạo hóa có trí tuệ thì mới tạo ra một thế giới diệu kì, nhân loại có trí tuệ chỉ đường sẽ bước sang thế giới hiện đại văn minh. Khi có trí tuệ bạn sẽ dễ dàng gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống. Bảy trăm năm trước, Giovanni Boccaccio đã nói: “Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người”. Thật vậy, có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.”*

*(Trích “Kĩ năng sống dành cho học sinh”- Ngọc Linh, NXB Thế giới, 2019)*

**Câu 1:** Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào là chủ yếu?

A.Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

**Câu 2:** Luận đề của đoạn trích trên là gì?

A. Vai trò của trí tuệ B. Cách rèn luyện trí tuệ

C. Khái niệm trí tuệ D. Biểu hiện của trí tuệ

**Câu 3:** Câu văn *Bảy trăm năm trước, Giovanni Boccaccio đã nói: “Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người”*có vai trò gì trong đoạn văn?

A. Là lí lẽ B. Là dẫn chứng

C. Vừa là lí lẽ vừa là dẫn chứng D. Là luận điểm

**Câu 4**: Đoạn văn trên được triển khai theo cách nào?

A. Diễn dịch B. Qui nạp C. Song hành C. Phối hợp

**Câu 5:** Ý nào nói đúng về phép tu từ được sử dụng trong những câu sau ?

“*Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn. Trí tuệ giống như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan bóng tối lạnh giá”*

A. So sánh, nhân hóa B.So sánh, điệp ngữ

C. Ẩn dụ, nói quá D.Hoán dụ, liệt kê

**Câu 6:** Trong các nhóm từ sau, đâu là nhóm từ Hán Việt?

A.Tri thức, trí tuệ, tạo hóa, văn minh B.Tri thức, nhân loại, cánh cửa, xung quanh

C .Tri thức, diệu kì, tia nắng, gặt hái D.Tri thức, hiện đại, niềm vui, ấm áp

**Câu 7:** Dòng nào nói *không đúng* về *ý nghĩa* của câu văn “ *Tri thức giống như ngọn đèn trong đêm tối, soi sáng con đường chông gai phía trước”*

A.Ca ngợi sức mạnh kì diệu của tri thức

B. Nói về khả năng đầy lùi bóng tối ngu dốt của tri thức

C.Nói về khả năng giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách của tri thức

D. Nói về sự giống nhau giữa tri thức và ngọn đèn

**Câu 8:** Có thể thay thế từ “thật vậy” trong câu sau bằng từ lập luận nào?

*“****Thật vậy****, có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.”*

A. Nói tóm lại B. Mặt khác C. Ngoài ra D. Đồng thời

**Câu 9:** Em hãy rút ra thông điệp của văn bản. Theo em, làm thế nào để trở thành người có tri thức?

**II. VIẾT (14 điểm)**

**Câu 1. ( 4 điểm)**Từ đoạn văn trên em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *“Nếu còn trẻ mà không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích.”*

**Câu 2. (10 điểm)** Viết bài văn nghị luậnPhân tích bài thơ sau:

**TỨC CẢNH PÁC BÓ**

*(Hồ Chí Minh)*

*“Sáng ra bờ suối tối vào hang*

*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*

*Bàn đá chông chênh chênh dịch sử Đảng*

*Cuộc đời cách mạng thật là sang”*

*(Theo Tuyển tập thơ ca Hồ Chí Minh - NXB văn học Việt Nam)*

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU** | **ĐIỂM** |
| 1 | C | 0.5 |
| 2 | A | 0.5 |
| 3 | B | 0.5 |
| 4 | B | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | A | 0.5 |
| 7 | D | 0.5 |
| 8 | A | 0.5 |
| 9 | - Trí tuệ có vai trò to lớn đối với mỗi con người, cho nên chúng ta cần phải trau dồi trí tuệ.  - Chăm chú, tập trung lắng nghe thầy cô giáo giảng bài, siêng năng học bài, làm bài để nắm vững kiến thức được học trong nhà trường  - Tích cực đọc sách báo, xem ti vi, truy cập mạng In-tơ- nét… để mở mang thêm hiểu biết về mọi lĩnh vực trong cuộc sống  - Tích cực thực hành dựa trên cơ sở lý thuyết đã học.  - Không ngừng học hỏi từ những người xung quanh…. | 2 |
| 10 | **1. Mở bài**  Trong mỗi chúng ta ai cũng có ước mơ cho riêng mình, ai cũng muốn lớn lên sẽ làm được những việc có ích cho bản thân và xã hội. Để đạt được ước mơ, chúng ta phải học tập, rèn luyện mọi kỹ năng để có những thành công. Tuy nhiên, hiện nay một số bạn lại lơ là việc học tập, chỉ biết ước mơ mà không chịu cố gắng để đạt được ước mơ. Các bạn hiện còn rất trẻ, nếu không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích!  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  **-** Học tập, học hỏi là quá trình chúng ta tiếp thu các kiến thức mới từ thầy cô, sách vở hay từ các nguồn khác. Học tập còn là cách bổ sung, rèn luyện các kỹ năng mới, bổ sung trau dồi các kiến thức nâng cao từ các kiến thức cơ bản mà bản thân đã được học từ trước.  **b. Vai trò của việc học**  - Ai sinh ra và lớn lên đều mong muốn sau này có việc làm tốt, làm những việc có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Muốn làm được việc đó thì cần phải có tri thức. Muốn có tri thức cần phải chăm chỉ học tập, tích lũy kiến thức cần thiết. xã hội ngày càng phát triển, lượng kiến thức và kĩ năng càng nhiều, vì vậy chúng ta càng cần phải học. Việc học tập là một quá trình lâu dài, từng bước từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến nâng cao, nên chúng ta cần chăm chỉ học tập từ khi cắp sách tới trường. Mười hai năm học cung cấp cho chúng ta những kiến thức toàn diện về các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội,…Nếu chúng ta không chăm chỉ học tập, thì sau này, chúng ta sẽ không thể lựa chọn cho mình nghề nghiệp phù hợp, dẫn đến một tương lai không tươi đẹp, con đường phía trước sẽ vô cùng gian lao và khó khăn.  **c. Dẫn chứng**  Trong thực tế có không ít những tấm gương học tập tiêu biểu. Đó là trạng nguyên nhỏ tuổi nhất nước ta Nguyễn Hiền. Cậu đã miệt mài học tập để rồi thi đỗ trạng nguyên, giúp vua, giúp nước khi mới 12 tuổi. Đó là chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người đã tự mình bôn ba năm châu bốn bể, tự học tập và nghiên cứu tài liệu để mang lại ánh sáng cho dân tộc Việt Nam. Hay thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký. Ngay từ bé, thầy đã bị liệt cả hai tay nên phải luyện viết bằng chân. Thầy không những kiên trì mà còn chăm chỉ học tập, rèn luyện bản thân và trở thành thầy giáo, người con ưu tú của mảnh đất học Thành Nam - Nam Định.Thử hỏi, nếu không chăm chỉ thì Nguyễn Hiền, Bác Hồ hay Thầy Nguyễn Ngọc Kí có đóng góp to lớn cho đất nước được hay không?  Ấy thế mà trong cuộc sống vẫn còn rất nhiều bạn không chăm chỉ học tập. Các bạn lười đọc sách, lười làm bài tập thầy cô giao, không chịu tìm tòi, học hỏi. Những bạn như vậy khi trưởng thành sẽ cảm thấy hối tiếc vì khi còn trẻ đã không chịu khó học tập, tích lũy kiến thức. Những người đó đến khi trưởng thành không có việc làm ổn định, đời sống bấp bênh, thậm chí còn sa vào chơi bời nghiện ngập, đến khi hối hận thì đã quá muộn. Không những họ không làm gì cho xã hội mà còn trở thành gánh nặng cho gia đình và cho cả xã hội. Vì thế ông cha ta đã từng nói: “Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích”. Đó là lời dạy hoàn toàn đúng đắn và còn có ý nghĩa đến tận ngày nay và mai sau.  **d. Nhận thức hành động**  Chính vì vậy mà chúng ta cần chăm chỉ học tập ngay khi ngồi trên ghế nhà trường. Việc học tập đòi hỏi phải có tính khoa học và sáng tạo, phải biết vận dụng tri thức của mình vào thực tế cuộc sống. Học không chỉ học lý thuyết mà còn cần kết hợp với thực hành và rèn luyện. Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa như ngày nay thì việc học tập càng trở nên cần thiết và quan trọng vô cùng. Nhờ học tập mà chúng ta có thể đóng góp cho đất nước, giúp cho đất nước Việt Nam nhỏ bé có thể phát triển hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới. Còn nếu không học, ta sẽ tự loại mình khỏi vòng quay của xã hội, trở thành một người vô ích.  **3. Kết bài**  Đúng như lời khuyên của ông cha ta: “Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích”. Muốn phát triển, chúng ta cần không ngừng rèn luyện, nỗ lực, trau dồi kiến thức, để không chỉ giúp ích cho bản thân mà còn cho gia đình và cả xã hội. | 4 |
|  | 1. Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một bài thơ cổ điển | 0.25đ |
|  | 2. Xác định đúng yêu cầu của đề  - Phân tích bài thơ “ Tức cảnh Pác Bó” (Hồ Chí Minh ) | 0.25đ |
| **Câu 2** | **a. Mở bài:**  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm  - Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, nhà thơ lớn, danh nhân văn hóa thế giới.  - Khái quát nội dung tác phẩm: Bài thơ khắc họa lại cuộc sống sinh hoạt của Bác ở núi rừng Pác Pó và tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự tại của người chiến sĩ cách mạng.  **b. Thân bài:**  **Luận điểm 1: Cuộc sống sinh hoạt và làm việc của Bác ở núi rừng Pác Pó ( Ba câu thơ đầu)**  - Phép đối chỉnh: sáng >< tối, ra >< vào thể hiện cuộc sống đều đặn, nhịp nhàng, ngày nào cũng như ngày nào của Bác khi ở Pác Pó. “Suối” và “hang” là 2 địa điểm làm việc, sinh hoạt chính của Bác, đây đều là những nơi hoang dã ẩn chứa nhiều nguy hiểm, khó khăn.  - Thức ăn của Bác thì đơn sơ, giản dị: cháo ngô với rau măng. Đây đều là những thức ăn trong rừng, luôn có sẵn. Cụm từ “vẫn sẵn sàng” không chỉ muốn nói về sự sẵn có, tự nhiên của thức ăn, mà đó dường như còn là tâm thế luôn sẵn sàng đương đầu với thử thách, khó khăn của người chiến sĩ cách mạng.  - Điều kiện làm việc thiếu thốn: bàn làm việc của Bác là những tảng đá chông chênh. Trên chiếc bàn ấy, Bác đang làm những công việc vô cùng quan trọng, liên quan đến vận mệnh của cách mạng Việt Nam.  => Cuộc sống sinh hoạt khó khăn, thiếu thốn, rình rập hiểm nguy nơi núi rừng hoang dã.  **Luận điểm 2: Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, sống hào hợp với thiên nhiên của Bác ( Câu cuối)**  - Dù cuộc sống vô cùng khó khăn, thiếu thốn về mọi thứ nhưng Bác vẫn luôn giữ tinh thần lạc quan, giọng điệu hóm hỉnh, vui đùa khi kể về cuộc sống của mình, bởi đối với Bác, một cuộc sống giữa chốn thiên nhiên hoang dã là điều mà Bác luôn mong ước. Điều đó xuất phát từ tình yêu thiên nhiên đất nước, khao khát muốn sống hòa mình với thiên nhiên để cảm nhận những gì tinh túy nhất của đất trời.  - Câu thơ cuối cùng như một lời thốt ra từ chính trái tim của Bác: “Cuộc đời acsch mạng thật là sang”. Cái sang của Bác không phải là sang trọng về vật chất, mà cái sang ấy là cái sang khi được sống giữa thiên nhiên, dưới bầu trời tổ quốc để cống hiến sức mình cho độc lập dân tộc. Đó là cái sang của người làm cách mạng.  **\* Đánh giá chung**  - Thể thơ tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc  - Ngôn ngữ giản dị, chân thật, mộc mạc cùng giọng điệu vui đùa, hóm hỉnh thể hiện tinh thần lạc quan của Bác, Phép đối …  Bài thơ tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc, giúp chúng ta hiểu thêm về quãng đời cách mạng gian nan của Bác lúc mới về nước.  - Bài thơ tả tiếng hát trữ tình của tâm hồn Bác, là bài học sâu sắc về quan điểm sống đúng đắn của người chiến sĩ cách mạng.  **c. Kết bài:**  - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ  - Giá trị nghệ thuật, nội dung  - Ý nghĩa:  *+ Bồi đắp cho bạn đọc tình cảm kính yêu, biết ơn chủ tịch Hồ Chí Minh*  *+ Gợi nhắc mọi người học tập những phẩm chất cao quí của Người* | 2  2  2  2.5 |
|  | *4. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0.5đ |
|  | *5. Sáng tạo: Bố cục rõ ràng, dẫn chứng cụ thể, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.* | 0.5đ |

**\* Lưu ý:**

*- Điểm trừ tối đa đối với bài viết không đảm bảo về bố cục: 0,5 điểm*

*- Điểm trừ tối đa đối với bài viết mắc lỗi chính tả và diễn đạt ( dùng từ, đặt câu) : 1 điểm*

*- Khuyến khích những bài làm có chữ viết đẹp, cách bộc lộ cảm xúc chân thành, diễn đạt sinh động, hấp dẫn.*

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**ĐỀ 6: Trả lời câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất**

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**TỰ TRÀO**

*Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,*

*Chẳng gầy chẳng béo, chỉ làng nhàng.*

*Cờ đương dở cuộc không còn nước(1),*

*Bạc chửa thâu canh đã chạy làng(2).*

*Mở miệng nói ra gàn bát sách(3),*

*Mềm môi chén mãi tít cung thang(4).*

*Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,*

*Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng!*

*(Nguyễn Khuyến Dẫn theo* [*https://www.thivien.net*](https://www.thivien.net)*)*

**Câu 1.** Bài thơ được gieo vần gì?

A. Vần lưng B.Vần chân C.Vần liền D. Vần cách

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “mình”

B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “tôi”

C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng

D. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

**Câu 3.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)

C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)

1. *Không còn nước*: bí không có nước đi khi đánh cờ.
2. *Chạy làng*: đánh bạc nửa chừng, bỏ không chơi nữa.
3. *Gàn bát sách*: thành ngữ chỉ suy nghĩ, hành động trái lẽ thường, khiến mọi người khó chịu (“bát sách” là tên một quân bài tổ tôm).
4. *Tít cung thang*: trạng thái say sưa cao độ (“thang” là tên quân bài tổ tôm, đối với quân “bát sách” ở câu trên) D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)

**Câu 4.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 - 2 và 3 – 4 B*.* 3 - 4 và 5 - 6

C. 5 - 6 và 7 – 8D. 1 - 2 và 7 - 8

**Câu 5.** “Tự trào” có nghĩa là gì?

A. Tự kể về mình B. Tự viết về mình

C. Tự nói về mình D*.*Tự cười mình

**Câu 6.** Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình “tự trào” điều gì?

A. Cái nghèo của mình B.Cái dốt nát của mình

C. Cái vô tích sự của mình D. Cái khôn ngoan của mình

**Câu 7.** Nhận định nào nói đầy đủ và chính xác nhất những điều cụ thể mà nhân vật trữ tình “tự trào”?

A. Không có gì nổi bật, không có trình độ, không được mọi người yêu quý, có những thói quen xấu

B. Không thích nghi được với thời cuộc, gàn dở, không được mọi người ưa thích, không có tài năng

C. Có những thói quen xấu, không thích nghi được với thời cuộc, không có trình độ, không có lòng tự trọng

D. Không có gì nổi bật, không thích nghi được với thời cuộc, có những thói quen xấu, không phát huy được khả năng

**Câu 8.** “Tự trào” cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng yêu nước B*.* Sự hiếu học

C. Lòng tự trọng D*.* Tính hài hước

**Câu 9.** Vì sao nói tiếng cười của Nguyễn Khuyến trong bài thơ là tiếng cười của lương tâm, của ý thức liêm sỉ, thâm thuý và thấm đẫm nước mắt? Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng.

**Câu 10.** Anh / chị có khi nào “tự trào” không? Hãy lí giải cụ thể. Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng.

**PHẦN II: VIẾT (14 ĐIỂM)**

**Câu 1. (4 điểm )** Viết đoạn văn 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về tác hại của thói đố kị trong cuộc sống.

**Câu 2. (10 điểm)**

Viết bài văn phân tích bài thơ “Tự trào” của Nguyễn Khuyến

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU** | **ĐIỂM** |
| 1 | B | 0.5 |
| 2 | A | 0.5 |
| 3 | B | 0.5 |
| 4 | B | 0.5 |
| 5 | D | 0.5 |
| 6 | C | 0.5 |
| 7 | D | 0.5 |
| 8 | C | 0.5 |
| 9 | HS nêu suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng.  Cần thấy được Nguyễn Khuyến vốn là một người thành công trên con đường học vấn nhưng nhà thơ luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt vì mình không làm được điều gì có ích cho dân, cho nước. Điều duy nhất mà ông có thể làm là tỏ thái độ bất hợp tác, lui về quê ở ẩn nhằm giữ gìn danh tiết, nhân cách và cũng để quên đi những dằn vặt, đớn đau. Do đó, viết về mình, ông thường cười cái danh vọng và sự vô tích sự của mình. Đó là cái cười của con người có lương tâm, có ý thức liêm sỉ (bản tính trong sạch, biết tránh không làm những việc khiến mình phải xấu hổ), thâm thuý và thấm đẫm nước mắt bởi chua xót và bất lực. | 1 |
| 10 | HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, có lí giải hợp lí, viết đúng dung lượng. |  |
|  | **Phần II. Viết (5,0 điểm)** |  |
| **Câu 1** | **1. Mở đoạn**  - Nêu vấn đề nghị luận  Ví dụ: Con người bên cạnh những đức tính tốt vẫn còn tồn tại thói xấu đó là thói đố kị đã để lại nhiều hậu quả trong cuộc sống.  **2. Thân đoạn**  *a. Giải thích đố kị là gì?*  - Như chúng ta đã biết đố kị là sự ghanh ghét, so đo với những gì người khác có, là sự thù ghét, tức tối với những ai hơn mình.  *b. Tác hại của thói đố kị*  - Đố kị là một thói xấu gây ra nhiều tác hại. Người có tính đố kị luôn phải sống trong cảm xúc tiêu cực như: Buồn bực, lo lắng, tự ti, căm ghét…bị dày vò không phải vì những thất bại của bản thân mà cả những thành công của người khác. Họ bất hạnh hơn bất cứ người bất hạnh nào. - Người có tính đố kị họ không xây dựng được mối quan hệ với những người xung quanh, không được bạn bè yêu mến và khó có được thành công.  - Ngoài ra thói đố kị còn kìm hãm bản thân, cản trở con người phát triển tài năng và người khác làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội.  *c. Chứng minh*  - Chắc hẳn chúng ta ai cũng biết nhân vật Cám trong truyện cổ tích *“Tấm Cám”* vì đố kị, ghanh ghét với Tấm mà Cám đã ra tay hãm hại chị gái mình để rồi cuối cùng nhận kết cục vô cùng thảm hại. Trong truyện cổ tích *“Sọ Dừa”*, hai cô chị vì ghen ghét, đố kỵ với em lấy được Sọ Dừa - khi chàng đã trở nên khôi ngô mà hãm hại chính em gái ruột của mình.  - Hay nhân vật Trịnh Hâm trong “ Lục Vân Tiên” của tác giả Nguyễn Đình Chiểu chỉ vì đố kị ganh ghét với Lục Vân Tiên mà đã rat ay tàn độc đẩy bạn xuống song cuối cùng nhận về kết cục thảm hại.  *d. Phản đề*  Nếu như con người biết tiết chế, bỏ qua tính đố kị, biến lòng đố kị thành sự ngưỡng mộ thì thực tế sẽ vô cùng khác biệt. Khi thấy người khác giỏi giang hơn ta, ta không ghen ghét, so đo tính toán mà ngược lại ngưỡng mộ họ, tôn sùng họ, thì ta sẽ có những động lực tích cực để phấn đấu, làm việc.  *e. Bài học nhận thức*  - Nhận thức: Đố kị là tính xấu của con người chúng ta cần loại bỏ ra khỏi cuộc sống, người nào có thói đố kị thường khó có sự thành công trong cuộc sống, tính đố kị sẽ làm cho những đức tính tốt khác bị lu mờ mà thêm vào các tính xấu khác như sự ích kỉ, nhỏ nhen.  - Bài học: Là một học sinh mỗi bạn học sinh nên biết dẹp bỏ thói đố kị, giúp đỡ nhau cùng học tập, phát triển. Mỗi bạn học sinh thay vì đi để ý đến những gì mà các bạn khác làm được thì hãy tập trung vào việc học tập chăm chỉ, tự bản thân các bạn luôn cố gắng, không phải so đo với ai thì những gì các bạn làm được sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu và thành tích của chúng ta mới thật là đáng tự hào.  **3. Kết đoạn**  - Rút ra bài học cho bản thân  - Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ.  **ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**  Con người bên cạnh những đức tính tốt vẫn còn tồn tại thói xấu đó là thói đố kị đã để lại nhiều hậu quả trong cuộc sống. Vậy đố kị là gì? đố kị là sự ghanh ghét, so đo với những gì người khác có, là sự thù ghét, tức tối với những ai hơn mình. Đố kị là một thói xấu gây ra nhiều tác hại. Người có tính đố kị luôn phải sống trong cảm xúc tiêu cực như: Buồn bực, lo lắng, tự ti, căm ghét…bị dày vò không phải vì những thất bại của bản thân mà cả những thành công của người khác. Họ bất hạnh hơn bất cứ người bất hạnh nào, họ không xây dựng được mối quan hệ với những người xung quanh, không được bạn bè yêu mến và khó nắm giữ được chìa khóa thành công trong cuộc sống. Ngoài ra thói đố kị còn kìm hãm bản thân, cản trở con người phát triển tài năng và người khác làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Chắc hẳn chúng ta ai cũng biết nhân vật Cám trong truyện cổ tích *“Tấm Cám”* vì đố kị, ghanh ghét với Tấm mà Cám đã ra tay hãm hại chị gái mình để rồi cuối cùng nhận kết cục vô cùng thảm hại. Trong truyện cổ tích *“Sọ Dừa”,* hai cô chị vì ghen ghét, đố kỵ với em lấy được Sọ Dừa – khi chàng đã trở nên khôi ngô mà hãm hại chính em gái ruột của mình. Hay nhân vật Trịnh Hâm trong “ Lục Vân Tiên” của tác giả Nguyễn Đình Chiểu chỉ vì đố kị ganh ghét với Lục Vân Tiên mà đã rat ay tàn độc đẩy bạn xuống sông cuối cùng nhận về kết cục thảm hại. Nếu như con người biết tiết chế, bỏ qua tính đố kị, biến lòng đố kị thành sự ngưỡng mộ thì thực tế sẽ vô cùng khác biệt. Khi thấy người khác giỏi giang hơn ta, ta không ghen ghét, so đo tính toán mà ngược lại ngưỡng mộ họ, tôn sùng họ, thì ta sẽ có những động lực tích cực để phấn đấu, làm việc. Đố kị là tính xấu của con người chúng ta cần loại bỏ ra khỏi cuộc sống, người nào có thói đố kị thường khó có sự thành công trong cuộc sống, tính đố kị sẽ làm cho những đức tính tốt khác bị lu mờ mà thêm vào các tính xấu khác như sự ích kỉ, nhỏ nhen. Vì thế là một học sinh mỗi bạn học sinh nên dẹp bỏ thói đố kị, giúp đỡ nhau cùng học tập, phát triển, thay vì đi để ý đến những gì mà các bạn khác làm được thì hãy tập trung vào việc học tập chăm chỉ, tự bản thân các bạn luôn cố gắng, không phải so đo với ai thì những gì các bạn làm được sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu và thành tích của chúng ta mới thật là đáng tự hào. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ. | 10 |
| **Câu 2** | **\* Yêu cầu chung:** HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  **\* Yêu cầu cụ thể:**  Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. |  |
|  | **1. Mở bài:**  - Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (mỗi người cần biết “tự trào”).  - Nêu ngắn gọn nội dung bài thơ.  **2. Thân bài:**  **- Học sinh lần lượt triển khai theo các hướng sau:**  **+ Luận điểm 1: Tâm trạng buồn cô đơn của tác giả (Hai câu đầu)**  **-** Câu thơ này mô tả một trạng thái trung lập, không nổi bật, không quá xuất sắc trong bất kỳ khía cạnh nào. Tác giả không tự hào về sự giàu có, về vẻ đẹp hoặc sức khoẻ ngoại hình của mình. Thay vào đó, ông miêu tả một trạng thái "chẳng giàu mà cũng chẳng sang", không có sự phô trương về vật chất, địa vị hay quyền lực.  **-** Nguyễn Khuyến sử dụng từ ngữ "chẳng" để nêu bật sự trung lập, không nổi bật, nhấn mạnh vào việc không có điều gì đặc biệt về bản thân. Từ "làng nhàng" thường có ý nghĩa là điều nhẹ nhàng, không ồn ào, không quá rực rỡ. Tác giả có thể muốn diễn đạt rằng mình không có những đặc điểm nổi bật, không đặc sắc nhưng vẫn tồn tại, sống qua cuộc sống bình dị, nhẹ nhàng và bình yên.  **+ Luận điểm 2: Những Khát vọng và hi vọng đã tan biến ( Câu 3,4,5,6)**  **-** "Cờ đương dở cuộc không còn nước" có thể được hiểu như là một biểu tượng cho trò chơi cờ đang ở trong tình trạng không thể tiếp tục do đã hết nước đi. Cờ đương dở thường ám chỉ một cuộc chiến, một trận đấu, và khi không còn nước để tiếp tục, nó tượng trưng cho sự kết thúc, thất bại trong một cuộc đối đầu.  "Bạc chửa thâu canh đã chạy làng" đề cập đến hình ảnh một người nông dân, người làm ruộng đã dừng việc canh tác vườn đất của mình (bạc) trước khi hoàn thành việc thâu thu hoạch, và sau đó đã rời làng đi, chạy trốn. Hình ảnh này tượng trưng cho việc từ bỏ, không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc sự chán nản và mất đi hy vọng.  => Cả hai câu thơ cùng nhau tạo nên một bức tranh về sự thất bại, mất mát và bất lực. Tác giả có thể muốn truyền đạt thông điệp về sự khốn khó, thất vọng và cảm giác mất mát không chỉ trong cuộc sống cá nhân mà còn có thể liên quan đến hoàn cảnh của đất nước, xã hội vào thời điểm đó.  - Mở miệng nói ra gàn bát sách" - "Gàn bát sách" là hình ảnh ẩn dụ cho việc những lời nói ra chỉ là lời nói suông trên lý thuyết, nói không có chứng cứ, chỉ dựa trên những điều phi thực tế. Những lời nói trên không có sức thuyết phục, thậm chí còn khiến ta chán ghét bởi tính phi lý của nó.  "Mềm môi chén mãi tít cung thang" - Hình ảnh mềm môi có thể ám chỉ việc nói nhẹ nhàng, không quyết đoán, không thể thể hiện sự mạnh mẽ và quyết đoán. "Chén mãi tít cung thang" tượng trưng cho việc không thể đạt được sự tiến triển, không thể thay đổi hoặc cải thiện tình hình.  **+ Luận điểm 3: Tác giả bộc lộ sự thất vọng về bản thân (Hai câu cuối)**  **-** "Nghĩ mình lại ngán cho mình nhỉ" thể hiện tâm trạng tự ti, không hài lòng với chính bản thân. Từ "ngán" có thể hiểu là cảm thấy chán chường, không hài lòng với bản thân, có thể do sự so sánh, tự đánh giá mình thấp hơn.  **-** "Bia xanh" và "bảng vàng" có thể tượng trưng cho việc có những đặc điểm, thành tựu đáng tự hào, nhưng tác giả không thể hoàn toàn thỏa mãn với những điều đó.  **=>** Cả hai câu thơ này tập trung vào việc miêu tả tâm trạng phân vân, thất vọng trong việc đánh giá bản thân, nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh vào việc có điểm giống nhau, cảm thấy như mình cũng không khác biệt quá nhiều so với người khác. Điều này có thể thể hiện tâm trạng phức tạp và sự đối lập trong việc tự nhìn nhận bản thân của tác giả.  **\* Đánh giá chung:**  - Thơ Tế Xương kết hợp hài hòa các yếu tố hiện thực, châm biếm, trữ tình và gốc rễ của nó là trữ tình.  - Thơ của ông mang giọng điệu trào phúng sâu sắc, miêu tả bọn thực dân phong kiến, bọn quan lại làm tay sai cho kẻ thù, những kẻ bán lương tâm chạy theo đồng tiền, tự lừa dối mình trong thời thế thay đổi.  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề đã bàn luận.  - Diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu).  - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |
|  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 7: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi*

*Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh*

*Trên con đường viển trắng mép đồi xanh*

*Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết*

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc*

*Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon*

*Vài cụ già chống gậy bước lom khom*

*Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ*

*Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ*

*Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu*

*Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau*

*Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa*

*Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa*

*Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh*

*Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh*

*Người mua bán ra vào đầy cổng chợ…*

*(Theo Chợ tết - Đoàn Văn Cừ)*

**Câu 1**. Xác định thể thơ của bài thơ trên?

A. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt B. Thể thơ Lục bát

C. Thể thơ 7 chữ **D. Thể thơ tám chữ**

**Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ

A. Tự sự B. Miêu tả **C. Biểu cảm** D. Nghị luận

**Câu 3**. Em có nhận xét gì khung cảnh chợ Tết?

A. Vắng vẻ **B. Đẹp, tươi vui**

C. Lộn xộn, xơ xác D. Hoang sơ, đổ nát

**Câu 4:**  Bên cạnh những dáng vẻ riêng, những người đi chợ Tết có điểm gì chung?

**A. Ai cũng vui vẻ** B. Ai cũng lo lắng

C. Ai cũng chán nản D. Ai cũng hồi hộp

**Câu 5.** Câu thơ sau: “Sương hồng lam ôm ấp mái nhà tranh”.  Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

**A. Nhân hoá** B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6:** Người các ấp đi chợ Tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?

A. Bức tranh mùa xuân vui tươi, tràn đầy sức sống.

**B. Bức tranh chợ Tết miền trung du giàu màu sắc và vô cùng sinh động đã nói về cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc của những người dân quê.**

C. Bức tranh chợ Tết miền Tây sông nước đầy sôi động cho thấy một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân quê.

D. Bức tranh đầy màu sắc hoang sơ, heo hút của những con người sống ở vùng núi thưa thớt ít người qua lại.

**Câu 7**. Cho biết trong câu sau có mấy từ tượng hình:

*Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon*

*Vài cụ già chống gậy bước lom khom*

**A. 2 từ** B. 3 từ C. 4 từ D. 5 từ

**Câu 8:** Nội dung chính của bài thơ trên là gì?

A. Đoạn thơ miêu tả và kể về một phiên chợ Tết ở nông thôn Việt Nam.

B. Đi chợ Tết là một nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc

C.Người đi chợ Tết ai cũng vui vẻ, từ cụ già cho tới các cô thiếu nữ, trẻ con, người mua kẻ bán tấp nập trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp đậm sắc xuân.

**D. Cả ba đáp án trên đều đúng.**

**Câu 9.** Thông điệp bài thơ gửi tới bạn đọc?

**Câu 10.** Nêu cảm nhận của em về bài thơ Chợ tết của Đoàn Văn Cừ?

**II. VIẾT (4 điểm)**

**Câu 1:** Câu nói của M. Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?

**Câu 2. Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng:**

*Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.*

*(Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36)*

**Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *“Chợ tết”* của nhà thơ Đoàn Văn Cừ ( NXB Giáo dục Việt Nam) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.**

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.** Bài thơ đã vẽ ra được một bức tranh chợ Tết ở miền trung du thật đẹp, thật tươi vui thể hiện cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân ở vùng đồi núi. Thông qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước tha thiết của nhà thơ… | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.** Học sinh tự cảm nhận trả lời các ý cơ bản sau:  - Bài thơ là một bức tranh chợ Tết miền trung du giàu màu sắc và vô vùng sinh động.  - Người đi chợ Tết ai cũng vui vẻ, từ cụ già cho tới các cô thiếu nữ, trẻ con, người mua kẻ bán tấp nập trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp đậm sắc xuân. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | \* Yêu cầu về kĩ năng:  - Bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.  - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | 0,25 |
|  | \* Yêu cầu về kiến thức:  - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 0,25 |
| **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vai trò của sách (Sách là báu vật không thể thiếu trong đời sống con người)  - Trích dẫn câu nói của M. Go-rơ-ki: “ ....”  **2. Thân bài:**  a. Giải thích sách là gì?  - Là kho tàng tri thức  - Là sản phẩm của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và là kho tàng quý báu của nhân loại  b. Lí giải vì sao: Sách là nguồn kiến thức vô tận, chỉ có kiến thức mới là con đường sống?  - Sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người, là sản phẩm kì diệu của con người.  - Sách cho ta hiểu về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, giúp con người hiểu sâu hơn về khoa học tự nhiên, về tâm lí, tình cảm...qua nhiều loại sách khác nhau. (dẫn chứng)  - Sách giúp ta hiểu về cuộc sống con người trong các thời kì khác nhau, các dân tộc khác nhau... (dẫn chứng)  - Chỉ có kiến thức, chúng ta mới biết được cái đúng cái sai, điều phải điều trái, chính nghĩa phi nghĩa. Từ đó, ta mới tìm được con đường đi phía trước của mình một cách đúng đắn. Ta mới sống một cách đúng nghĩa.  c. Suy nghĩ của bản thân về câu nói của M. Go-rơ-ki: Câu nói hoàn toàn đúng vì ông đã chỉ ra được tác dụng to lớn của sách.  - Cần phải chọn sách tốt, sách hay để đọc và tránh xa sách dở, sách có hại.  - Cần phải chăm đọc sách để hiểu biết nhiều hơn và sống tốt hơn.  - Cần tiếp cận ánh sáng trí tuệ chưa đựng trong sách, hiểu nội dung sách và làm theo sách...  **3. Kết bài:**  - Khẳng định tính đúng đắn của câu nói.  - Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.  - Nêu phương hướng hành động của cá nhân. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |
| **Câu 2** |  | **- Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:** Trình bày đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.  **- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** Những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật của Chính Hữu thể hiện trong bài Đồng chí.  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Dẫn dắt vào nhận định  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến, nhận định:**  **- Giải thích:**  => Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mĩ.  **- Lí giải: Tại sao *thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống?***  + T*hực tại, đời sống* là xuất phát điểm ……  + Thơ ca chỉ có ý nghĩa thẩm mĩ, chỉ chinh phục trái tim người đọc khi thể hiện những vấn đề, những cảm xúc mà con người hằng quan tâm, trăn trở. Nếu thơ ca không bắt nguồn từ hiện thực, xa rời cuộc đời, thoát li thực tại, thơ ca sẽ không thể đến với người đọc, không thể tồn tại trong cuộc đời, khi ấy thơ ca đã tự đánh mất chức năng cao quý *nghệ thuật vị nhân sinh* của mình.  ***Tại sao thơ phải phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay?***  + Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Người nghệ sĩ nhào nặn chất liệu hiện thực bằng đôi tay và cảm quan thẩm mĩ của riêng mình. Do đó, “Thế giới không phải được tạo lập một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ lớn xuất hiện là một lần thế giới được tạo lập”.  + Vẻ đẹp của thơ ca trước hết thể hiện ở …...  + Vẻ đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “càng cá thể, càng độc đáo, càng hay”. Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. ……  Nội dung của ý kiến đã được thể hiện trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.  **b. Phân tích, chứng minh qua bài thơ “Chợ tết” của Đoàn Văn Cừ**  **Luận điểm 1: Bài thơ Chợ tết “xuất phát từ thực tại”:**  - Trở lại khổ đầu của bài thơ ngay từ những câu thơ đầu tiên tác giả đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp về một buổi sáng sớm tinh mơ khi cả làng chìm trong ánh bình minh. Ở đây bằng sự quan sát rất tinh tế như một hoạ sĩ tài hoa, tác giả đã dựng lại một bức tranh về một làng quê tuy rất dân dã, thân thuộc nhưng cũng rất thơ mộng thông qua các hình ảnh vô cùng tiêu biểu, đẹp đẽ, sống động.  - Đặc biệt các hình ảnh đó được tác giả dùng nghệ thuật nhân hoá làm cho cảnh vật trở nên có hồn bằng các từ như sương trắng thì “đỏ dần”, sương hồng lam thì “ôm ấp”, con đường “viền trắng” mép đồi, tia nắng “nháy hoài”, núi “uốn mình”, đồi “thoa son”…Điều đó làm cho chúng ta cảm nhận rất rõ về sự chuyển động của không gian và thời gian, bức tranh quê càng ngày càng sáng dần lên.  Trên nền bức tranh ấy là sự xuất hiện của con người. Đó là đoàn người từ các ấp “tưng bừng ra chợ Tết” với tâm trạng rất “vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc”. Đó là những “thằng cu áo đỏ chạy lon ton” chắc là chúng vui lắm vì được mặc áo mới theo người lớn ra chợ. Đó là các cụ già “chống gậy bước lom khom”, họ là những bậc cao niên, từng trải nên dáng điệu có vẻ khoan thai đĩnh đạc. Các “cô yếm thắm” thì có vẻ thẹn thùng, e lệ, làm duyên giữa chốn đông người nên “che môi cười lặng lẽ”. Còn em bé kia chắc lần đầu được theo mẹ đi chợ nên còn ngượng ngùng “nép đầu bên yếm mẹ”. Chỉ những nét chấm phá thế thôi nhưng đó là những hình ảnh rất chọn lọc, rất tiêu biểu, nhà thơ “hoạ sĩ” Đoàn Văn Cừ đã phác thảo một bức tranh quê tuyệt mỹ, lay động lòng người nhất là những người lớn tuổi đã từng sinh ra và lớn lên trong các làng quê như thế mà ngày nay chúng ta không còn tìm thấy ở các làng quê Việt Nam. Nông thôn Việt Nam bây giờ đang trở thành nông thôn mới, hiện đại và tân kỳ thậm chí đang dần “đô thị hoá”.  **\* Luận điểm 2: Cảnh hoạt động diễn ra ra trong phiên chợ Tết. Đó là cảnh “người mua bán ra vào đầy cổng chợ”.**  Đó là anh hàng tranh với đôi bồ đựng đầy tranh Tết, là thầy khoá gò lưng trên phản viết thơ xuân, là cụ đồ miệng nhẩm đọc câu đối đỏ, là chú hoa man bán hàng mã, rồi người bán cam, bán gạo, bán gà… Bức tranh dân gian “Chợ Tết” của Đoàn Văn Cừ mang vẻ đẹp vừa bình dị thân thuộc, vừa rực rỡ sắc màu. Tác giả đã làm sống lại cảnh vật và cuộc sống nơi đồng quê đậm đà màu sắc văn hóa dân gian với tất cả tấm lòng yêu thương nồng hậu. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của ngòi bút nghệ thuật Đoàn Văn Cừ rất giàu có, tinh luyện: trắng, đỏ, hồng lam, viền trắng, xanh, biếc, thắm, vàng, tía, the xanh, thoa son,... Đọc đoạn thơ, ta như được đắm mình trong không khí vui tươi, nhộn nhịp, được đi chợ Tết cùng bà con các ấp hơn mấy chục năm về trước. Ở đây tác giả ít tập trung miêu tả việc mua bán mà chủ yếu miêu tả khung cảnh của chợ Tết. Điều này cũng dễ hiểu bởi đi chợ Tết không chỉ là để mua sắm mà còn để thưởng ngoạn, giao lưu với cái nghĩa đi “xem chợ”, đi “chơi chợ”. Đó cũng là điều thú vị mà ngày nay vẫn đang là sở thích của rất nhiều người. Đúng là nhà thơ đã dựng lên một bức tranh rất sinh động, nhưng cũng rất đỗi thân quen của một phiên chợ Tết những năm tháng cũ. Đó cũng chính là cái hay và cái tài tình của nhà thơ.  **\* Luận điểm 3: Một ngày nhộn nhịp đã qua đi, không gian trở lại yên tĩnh có phần đìu hiu gợi một nỗi nhớ nhung, luyến tiếc. Có lẽ đó cũng là tâm trạng rất chung của mọi người khi tan chợ, họ ra về trong nối niềm bâng khuâng khó tả.**  6 câu thơ cuối cùng khép lại bài thơ cũng là khép lại một phiên chợ Tết bằng những câu thơ đượm một nỗi buồn man mát khi “người quê lũ lượt trở ra về” trong tiếng chuông chùa “văng vẳng đánh” trên con đường “làng hẻo lánh”. Đó cũng là lúc “ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê” và “lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ”. |  |
|  |  | **c. Đánh giá, tổng hợp:**  - Ý kiến của Xuân Diệu đã thể hiện … Đoàn Văn Cừ đã làm được điều đó.  - Đối với người sáng tạo: cần có cái nhìn sâu rộng về cuộc đời. Tác phẩm văn học chỉ thực sự  - Đối với người tiếp nhận: sự trân trọng tấm lòng, tài năng của người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm, phát huy giá trị tốt đẹp mà tác phẩm để lại; thêm gắn bó cuộc sống, cuộc đời qua những trang văn học.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề  - Khẳng định sức sống bền bỉ của tác phẩm |  |
|  |  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2.Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 8: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi**

**I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

*Thăm thẳm trời xanh lộng đáy hồ,  
Mùi hoa thiên lý thoảng chiều thu.  
Con cò bay lả trong câu hát,  
Giấc trẻ say dài nhịp võng ru.*  
  
*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,  
Góc vườn rụng vội chiếc mo cau.  
Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,  
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.*  
  
*Lúa trổ đòng tơ, ngậm cốm non,  
Lá dài vươn sắc lưỡi gươm con.  
Tiếng chim mách lẻo cây hồng chín,  
Điểm nhạt da trời những chấm son. (...)*  
*(Trích Chiều thu, Nguyễn Bính, NXB Văn học, 1993)*

**Câu 1:** Xác định thể thơ của văn bản:  
A. Tự do **B. Thất ngôn (bảy chữ)**  
C. Thất ngôn bát cú D. Song thất lục bát  
**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:  
**A. Miêu tả**  B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận  
**Câu 3:** Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai là:  
**A. Nhân hóa, liệt kê** B. Nhân hóa, so sánh  
C. Điệp từ, điệp ngữ D. Đối lập, tương phản  
**Câu 4:** Ở khổ thơ đầu của bài thơ cảnh vật được miêu tả bằng những giác quan nào?  
A. Thị giác B. Thính giác C. Khứu giác **D. Cả ba giác quan trên**  
**Câu 5:** Đề tài của bài thơ là:  
A. Đề tài cuộc sống thôn quê B. Đề tài vẻ đẹp đồng quê  
C. Đề tài cảnh đẹp đất nước **D. Đề tài vẻ đẹp thiên nhiên  
Câu 6:** Chủ đề của bài thơ là:  
A. Tâm trạng bâng khuâng thương nhớ quê nhà của người con xa quê  
B. Tâm trạng lưu luyến của con người khi rời xa quê hương  
**C. Vẻ đẹp thơ mộng, đầy sức sống của bức tranh thiên nhiên chiều thu**D. Vẻ đẹp của cuộc sống lao động bình dị nơi quê nhà  
**Câu 7:** Bức tranh mùa thu được miêu tả trong bài thơ là bức tranh như thế nào?  
A. Bức tranh buồn, hiu hắt **B. Bức tranh tươi tắn, đầy sức sống**C. Bức tranh kì vĩ, tráng lệ D. Bức tranh bí ẩn, kì thú  
**Câu 8:** Câu thơ “*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,  
 Góc vườn rụng vội chiếc mo cau”.* Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh **B. Nhân hoá**  C. Liệt kê D. Điệp từ

**Câu 9:** Nhận xét về nét đặc sắc của tác giả trong cách cảm nhận vẻ đẹp của mùa thu.  
**Câu 10.** Từ đoạn thơ trên, hãy cho biết vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người. (Trả lời khoảng 5 dòng).

**II. VIẾT (14 điểm)**

**Câu 1**. (4 điểm)Từ nội dung bài thơ trong phần Đọc hiểu, em hãy viết bài văn nghị luận (*khoảng 300 chữ*) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự thấu hiểu người thân.

**Câu 2**. *(10,0 điểm)* Nhà phê bình Chu Văn Sơn cho rằng: *Câu thơ hay là câu thơ có khả năng đánh thức bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến qua bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy.

*Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá  
níu váy bà đi chợ Bình Lâm  
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật  
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần  
  
Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị  
chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng  
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm  
điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng  
  
Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế  
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan  
bà đi gánh chè xanh Ba Trại  
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn  
 9/1983*

*Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực  
giữa bà tôi và tiên phật, thánh thần  
cái năm đói củ dong riềng luộc sượng  
cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm  
  
Bom Mỹ dội, nhà bà tôi bay mất  
đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền  
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết  
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn  
  
Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại  
dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi  
khi tôi biết thương bà thì đã muộn  
bà chỉ còn là một nấm cỏ thôi!*

\* Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa. Ông từng chiến đấu ở chiến trường nổi tiếng ác liệt thời chống Mỹ như Khe Sanh, đường 9 Nam Lào, Quảng Trị. Thơ Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc. Ông đã góp phần làm mới thể lục bát bằng những tìm tòi theo hướng hiện đại.

*\* Đò Lèn* được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | B | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
|  | 9 | **Câu 9.** Thi nhân cảm nhận mùa thu bằng tất cả các giác quan và lắng nghe mùa thu bằng cẩ tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của mình: Bằng thị giác, nhà thơ cảm nhận được trời xanh, gió lộng, cánh cò, là thấp cành cao, trải na mở mắt, lúa trổ đòng; bằng thính giác, nhà thơ lắng nghe được tiếng câu hát, nhịp võng ru, tiếng chim mách lẻo; bằng khứu giác, nhà thơ cảm nhận được mùi của mùa thu: Mùi thiên lí… Như vậy, cách cảm nhận mùa thu của nhà thơ rất đặc biệt, nhà thơ như căng mọi giác quan của mình để đón nhận cảnh thu. | 1,0 |
|  | 10 | **Câu 10.** Ý nghĩa của của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người: Quê hương là nguồn cội, là nơi ta sinh ra, gắn bó một chặng đường đời, hoặc sống cả cuộc đời ở đó. Quê hương có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người. Đó là nơi chúng ta cất tiếng khóc chào đời, nơi có mẹ cha, những người thân yêu.  - Là nơi ta có sự kết nối với họ. Quê hương không chỉ nuôi dưỡng ta lớn lên về thể xác, mà còn nuôi dưỡng tâm hồn. Hạt lúa củ khoai cho ta vóc dáng, văn hóa, truyền thống làng quê cho ta biết yêu nguồn cội, biết uống nước nhớ nguồn. Quê hương còn là động lực để mỗi con người lao động, sáng tạo, cống hiến, làm giàu cho nơi mình đã sinh ra. Quê hương nâng đỡ tâm hồn ta mỗi lúc ta đi xa, chào đón ta mỗi khi ta trở về. Quê hương nuôi lớn tình yêu Tổ quốc và ý thức xây đắp, bảo vệ đất nước. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | |  | | --- | | *a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận* | | Có đủ *Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân* | | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận* | 0,25 |
| Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của sự thấu hiểu người thân.  a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn khoảng 300 chữ, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể.*  *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *c. Triển khai hợp lí nội dung bài văn*: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết bài văn theo hướng sau :  **Giải thích**  - Thấu hiểu người thân là khả năng hiểu biết và nhận thức một cách sâu sắc về tính cách, tâm tư, cảm xúc của người thân bên mình và từ đó, chúng ta có thể thể hiện tình yêu, lòng khoan dung, sự trân trọng bằng cách chân thành nhất.  **\* Bàn luận**  - Thẩu hiểu người thân thực sự cần thiết đối với mỗi người. Thấu hiểu là lúc ta biết đặt mình vào vị trí, hoàn cảnh của người thân để cảm nhận, thấu hiểu, cảm thông với nỗi niềm của họ một cách sâu sắc. Sự thấu hiểu bồi đắp lòng nhân ái, giúp ta biết sống yêu thương, biết chia sẻ và có trách nhiệm với những người xung quanh mình, tránh được những phán xét, suy nghĩ cực đoan và sống vị tha hơn đối với người khác. Khi nhận được sự thấu cảm, yêu thương, chia sẻ, người thân bên ta sẽ vơi bớt nỗi buồn, có thêm động lực để vượt qua khó khăn.  - Sự thấu hiểu người thân mở rộng ra là sự thấu hiểu những người xung quanh.  - Học sinh lấy những dẫn chứng biểu hiện cụ thể của sự thấu hiểu người thân  - Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều người thờ ơ, vô cảm với người thân; quay lưng lại khi người thân đang cần giúp đỡ, sẻ chia… Những biểu hiện này đáng bị phê phán.  **\* Bài học nhận thức và hành động**  - Cần nhận thức được ý nghĩa quan trọng của sự thấu hiểu. Cần tích cực rèn luyện bản thân, hoàn thiện nhân cách, có những hành động cụ thể biểu hiện sự thấu hiểu của mình với người thân, với mọi người. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  *e. Sáng*tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |
| **2** | *a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài: biết dẫn dắt hợp lý nêu được vấn đề; phần thân bài: biết tổ chức thành nhiều đoạn văn, liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài: khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.*  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.*  *c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm: vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau:*  **1. Giải thích:**  **a. Ý nghĩa nhận định**  - Câu thơ hay: là câu thơ có giá trị, đưa đến những rung cảm mãnh liệt cho người đọc.  - Đánh thức: làm sống dậy, thức tỉnh  - Bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người: những cảm xúc, những rung động mãnh liệt… về cuộc sống, về con người trong miền kí ức của mỗi người.  => Ý kiến của nhà phê bình Chu Văn Sơn đưa ra một định nghĩa riêng về thơ hay. Đó là: Mỗi câu thơ thực giá trị phải là câu thơ có khả năng làm sống dậy những ấn tượng, cảm xúc, rung động, những nhận thức … về cuộc sống, con người (mà chủ yếu là những điều đẹp đẽ, cao cả, nhân văn…) vốn có trong mỗi người đọc nhưng bị thời gian, bị cuộc sống xô bồ làm cho lãng quên, chai sạn, vùi lấp..  **b. Bàn luận**  - Sứ mệnh của thơ không đơn thuần là để thỏa mãn nhu cầu giải trí mà còn là thức tỉnh con người khỏi những lầm lạc, u mê, hướng người đọc về cái đích của chân, thiện, mĩ. Khi đánh thức được bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người đồng nghĩa với việc thơ ca sẽ giúp con người tìm lại được chính mình. Hơn thế, với việc đánh thức này, thơ ca sẽ giúp người đọc tiếp cận tác phẩm bằng tất cả rung động, trải nghiệm của mình, từ đó khơi gợi quá trình đồng sáng tạo trong mỗi người đọc.  - Để đánh thức được những ấn tượng đó chứng tỏ nhà thơ phải thực sự thấu hiểu về cuộc đời và con người, những gì nhà thơ viết ra thân thuộc với mọi người nhưng cách viết lại ấn tượng để đọc xong người đọc có thể bừng sáng và nhận ra một ấn tượng nào đó về cuộc đời. Đó là phẩm chất cần có, thể hiện cả tài năng và tâm huyết của nhà thơ.  **c. Chứng minh:**  \* Giới thiệu tác giả, tác phẩm  - Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa. Thơ Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc. Ông đã góp phần làm mới thể lục bát bằng những tìm tòi theo hướng hiện đại.  - Đò Lèn được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.  **\* Luận điểm 1: Đò Lèn là dòng hồi ức được đánh thức trong thẳm sâu tâm hồn thi sĩ.**  - Đó là dòng hồi ức gắn với tuổi thơ trong trẻo đầy lam lũ, gắn với cả những biến cố dữ dội, tàn khốc của chiến tranh.  Học sinh lấy dẫn chứng từ tác phẩm, phân tích để làm rõ kí ức tuổi thơ đầy ắp những trong sáng: ra cống Na câu cá, níu váy bà đi chợ Bình Lâm, ăn trộm nhãn…; nhiều những thiếu thốn: năm đói, củ dong riềng luộc sượng; nhiều những mất mát: bom Mỹ dội…  - Dòng hồi ức của cháu còn đọng lại ở hình ảnh người bà tần tảo, hết lòng vì con cháu và sáng ngời những phẩm chất đáng quý.  Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm, phân tích, chỉ rõ những lam lũ bà trải qua: bà mò cua xúc tép ở đồng Quan, bà đi gánh chè xanh Ba Trại, bán trứng ở ga Lèn… Và với cháu, bà là một phần của tuổi thơ cháu, thân thương và gắn bó, bà hiền lành, tâm hồn bà đôn hậu, thánh thiện. Sống trong tình thương ấp ủ của bà, cháu mới thấu hiểu được tấm lòng, tâm hồn của bà.  → Trước người bà giản dị, lam lũ mà tràn đầy tình yêu thương con cháu, tràn đầy nghị lực cao cả; người cháu vừa rất mực yêu quý và trân trọng bà. Bà là hiện thân của đức hi sinh, chịu thương chịu khó của người phụ nữ Việt Nam.  - Hồi ức trong cháu được đánh thức còn gắn với sự thức tỉnh muộn màng của cháu.  Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm, phân tích để làm rõ nỗi xúc động của đứa cháu khi đứng trước mộ bà.  **\* Luận điểm 2: Từ ấn tượng vốn ngủ quên được đánh thức nơi tâm hồn thi sĩ, Đò Lèn đã đánh thức ấn tượng vốn ngủ quên đầy tính nhân văn trong lòng độc giả.**  Kí ức ngủ quên, tình cảm ngủ quên đã được khơi dậy và lan tỏa đến độc giả, để biết bao độc giả tìm lại tuổi thơ mình, người thân yêu của mình và cả những giá trị đẹp đã trót lãng quên.  Học sinh khai thác những rung cảm, suy nghĩ của bản thân khi đọc bài thơ.  **\* Luận điểm 3: Đò Lèn đã đánh thức biết bao ấn tượng vốn ngủ quên nhờ hình thức nghệ thuật đặc sắc.**  - Thể thơ tám chữ, không viết hoa chữ cái đầu  - Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, gần gũi  - Giọng điệu chân thành  - Sử dụng nghệ thuật đối lập…  **3. Đánh giá chung, mở rộng**  - Khẳng định quan niệm của Chu văn Sơn là hoàn toàn đúng đắn và bài thơ Đò Lèn là một bài thơ thực sự có giá trị với nhiều câu thơ hay, gây cảm xúc mạnh mẽ đối với người đọc.  - Quan niệm về thơ hay, ngoài đánh thức được những ấn tượng vốn ngủ quên còn phải chú ý tới việc lựa chọn, tổ chức, sắp xếp ngôn từ, hình ảnh…  - Bài học dành cho người sáng tác và người tiếp nhận: Người sáng tác cần đi sâu vào cuộc sống để có thể nắm bắt và ghi lại những ấn tượng nhân văn; để từ đó đánh thức, gợi về trong mỗi người đọc những kí ức đẹp đẽ, trong trẻo. Với người tiếp nhận, cần trân trọng khi thưởng thức mỗi câu thơ hay, mỗi ý thơ để tìm thấy kí ức đẹp của chính mình. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.* | 0,25 |
|  |  | ***Lưu ý chung:***  *1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệ thống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.*  *2. Thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.*  *3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. Khuyến khích những bài viết sáng tạo.* |  |

**ĐỀ 9: Trả lời câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất**

**I. ĐỌC HIỂU (10 điểm)**

*“Em là ai? Cô gái hay nàng tiên*

*Em có tuổi hay không có tuổi*

*Mái tóc em đây, hay là mây là suối*

*Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông*

*Thịt da em hay là sắt là đồng?*

*Cho tôi hôn bàn chân em lạnh ngắt*

*Cho tôi nâng bàn tay em nắm chặt*

*Ôi bàn tay như đôi lá còn xanh*

*Trên mình em đau đớn cả thân cành*

*Tỉnh lại em ơi, qua rồi cơn ác mộng*

*Em đã sống lại rồi, em đã sống!*

*Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung*

*Không giết được em, người con gái anh hùng!*

*Ôi trái tim em trái tim vĩ đại*

*Còn một giọt máu tươi còn đập mãi*

*Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời*

*Cho quê hương em. Cho Tổ quốc, loài người!”*

*(Trích Người con gái Việt Nam, Tố Hữu, Gió lộng, NXB Văn học, 1961)*

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

A. Biểu cảm B. Tự sự C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 2**: Xác định từ Hán Việt trong các từ sau?

A. Bàn chân B. Anh hung C. Đau đớn D. Mái tóc

**Câu 3:** Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

“Cho tôi hôn bàn chân em lạnh ngắt

Cho tôi nâng bàn tay em nắm chặt”

A. Nhân hóa, so sánh B. So sánh, liệt kê

C. Điệp ngữ, liệt kê D. Đảo ngữ, điệp ngữ

**Câu 4:** Trong đoạn thơ đầu, tác giả đã sử dụng những hình ảnh thiên nhiên nào để gợi tả vẻ đẹp của hình tượng em?

A. Đôi mắt, mái tóc, thịt da B. Chớp lửa đêm giông, sắt, đồng

C. Nàng tiên, sắt, đồng D. Mây, suối, chớp lửa đêm giông

**Câu 5:** Từ “vĩ đại” trong câu thơ “Ôi trái tim em trái tim vĩ đại” có nghĩa là:

A. Có tầm cỡ và giá trị lớn lao, đáng khâm phục

B. Gợi dáng của một vật to lớn, chắn ngang tầm nhìn

C. Có kích thước, quy mô, khối lượng lớn gấp nhiều lần so với bình thường

D. Có kích thước, số lượng đáng kể hoặc hơn hẳn so với bình thường

**Câu 6**: Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ?

A. Vui tươi, hào hùng B. Sôi nổi, tha thiết

C. Trầm lắng, tha thiết D. Mạnh mẽ, khỏe khoắn

**Câu 7:** Đoạn thơ khắc họa những phẩm chất cao đẹp nào của hình tượng em ?

A. Yêu nước, căm thù giặc sâu sắc.

B. Anh dũng, bất khuất, kiên cường.

C. Hình ảnh cô bộ đội lãng mạn yêu đời

D. Đáp án A, B đúng

**Câu 8.** Trong đoạn thơ trên, Tố Hữu đã viết về người con gái anh hùng nào trong lịch sử dân tộc?

A. Nguyễn Thị Lý B. Võ Thị Sáu

C. Nguyễn Thị Minh Khai D. Cả ba nhân vật trên

**Câu 9**: Qua đoạn thơ, em rút ra được những bài học gì? (Trình bày dưới dạng đoạn văn 5- 7 câu).

**Câu 10:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung*

*Không giết được em, người con gái anh hùng!”*

**II. VIẾT (14 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)** *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố" (*Trích Nhật ký Đặng Thuỳ Trâm). Viết bài văn ngắn khoảng 2 trang giấy trình bày suy nghĩ của em về câu nói trên

**Câu 2. (10 điểm)**

Viết bài văn cảm nhận về hình tượng cô bộ đội lái xe trong bài thơ sau:

*“Không thể tin là em đã qua*

*Nơi túi bom bay mù bụi đỏ*

*Đường gập ghềnh ngổn ngang cây đổ*

*Trời lô nhô thân gỗ cưa ngang.*

*Không thể tin là em đã sang*

*Nơi đất lạ trời xanh leo lẻo*

*Anh đón em qua tầm đạn réo*

*Tiếng tàu càng sốt ruột vo ve.*

*Em là cô bộ đội lái xe*

*Giặc đuổi bắn bốn bề lửa cháy*

*Cái buồng lái là buồng con gái*

*Vẫn cành hoa mềm mại cài ngang.*

*Em đã qua và em đã sang*

*Đẹp lắm đấy những ngày đánh Mỹ*

*Đất nước mình nhiều điều giản dị*

*Ai chưa tin rồi sẽ tin thôi.”*

*(Gửi em, cô bộ đội lái xe, Phạm Tiến Duật, 1968)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **10** |
| **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | A |  |
| **9** | \*Hình thức: đảm bảo hình thức của đoạn văn, dung lượng từ 5 đến 7 câu.  \*Nội dung:  - Bài học: biết ơn thế hệ đi trước; yêu quê hương, đất nước; bảo vệ, gìn giữ nền hòa bình do các thế hệ đi trước đã hi sinh xương máu để giành lại; học tập, rèn luyện để cống hiến cho sự nghiệp dựng xây đất nước... | 1 |
| **10** | \*Biện pháp tu từ: liệt kê “*Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung”*  \*Tác dụng:  - Làm cho lời thơ thêm sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm.  - Diễn tả đầy đủ, sâu sắc, nhấn mạnh sự tra tấn dã man, tàn bạo của quân giặc, đồng thời làm nổi bật tinh thần dũng cảm, bất khuất, ý chí kiên cường của nữ anh hùng Trần Thị Lý.  - Qua đó, tác giả phê phán, lên án và thể hiện lòng căm phẫn trước sự tàn bạo, dã man của giặc; bày tỏ niềm xót thương vô hạn cùng tình yêu mến, trân trọng, cảm phục và niềm tự hào, biết ơn sâu sắc với nữ chiến sĩ Việt Nam anh hùng. | 1 |
| **PHẦN VIẾT: 14 ĐIỂM** | | |  |
| **Câu 1** |  | **a. Về kĩ năng**  - Biết cách làm kiểu bài nghị luận xã hội, kết hợp các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh.  - Viết đủ và rõ bố cục; luận điểm đúng đắn, rõ ràng, sáng tỏ.  - Diễn đạt lưu loát.  **b. Về kiến thức**  Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần có các ý cơ bản sau:  \* Nêu nhận định chung và trích dẫn câu nói: Cuộc sống đầy những chông gai thử thách, đừng bao giờ đầu hàng trước số phận mà hãy tự vươn lên đối đầu với mọi chông gai và khẳng định ý nghĩa của câu nói.  *a. Giải thích khái niệm của đề bài (câu nói)*  + Giông tố ở đây dùng để chỉ cảnh gian nan đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội . Đó có thể là một căn bệnh hiểm nghèo, một đổ vỡ trong kế hoạch làm ăn, một thất bại trong học tập, một phá sản trong kinh doanh...  + Câu nói khẳng định: *Cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn, chớ đầu hàng thử thách, gian nan*. (Đây là vấn đề nghị luận)  *b. Chứng minh vấn đề: Có thể triển khai các ý:*  + Cuộc đời của con người thường có nhiều khó khăn, thử thách, nhiều thăng trầm trong cuộc sống, chúng ta phải biết vươn lên, vượt qua mọi thử thách của cuộc đời, đừng vì khó khăn, trắc trở ngay trước mắt mà vội vàng từ bỏ. Đừng bao giờ *“ngại núi, e sông”* hoặc *“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.* Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, thuận lợi mà đôi khi con người phải đối mặt với nhiều chông gai, thử thách, thậm chí là cả thất bại.  + Giông tố, gian nan thử thách trong đời chính là môi trường tôi luyện cho ý chí ta thêm vững bền. Gian nan, thử thách chính là môi trường tôi luyện con người. Nhiều khi thử thách, chông gai lại làm con người trưởng thành hơn. Những khó khăn, gian khổ mà con người cần vượt qua có thành công hay không là do chính bản thân họ, cho dù có khó đến đâu nhưng lòng người có ý chí vững vàng, niềm tin vào bản thân và cố gắng hết sức vượt qua thì cũng sẽ thành công, còn ngược lại, không có lòng quyết tâm, ý chí tin vào chính mình, không cố gắng hết sức thì cũng sẽ không làm được gì.  + Lấy một vài dẫn chứng để làm rõ nhận định trên.  *c. Khẳng đinh, bàn bạc mở rộng vấn đề*  + Câu nói trên là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp, sống thật đẹp và hào hùng.  + Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh.  + Nhận định về một số hành động tiêu cực, sống vội của giới trẻ, của những con người tự ti để làm rõ hơn trong xã hội vẫn còn nhiều hiện tượng đáng lên án.  + Câu nói gợi cho bản thân nhiều suy nghĩ: trong học tập, cuộc sống bản thân phải luôn có ý thức phấn đấu vươn lên. Bởi cuộc đời không phải con đường bằng phẳng mà đầy chông gai, mỗi lần vấp ngã không được chán nản bi quan. Để có được điều này thì cần phải làm gì?  + Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân  Khẳng định ý nghĩa của câu nói và lời nhắn nhủ của mình với mọi người và nhất là với các bạn trẻ trong XH ngày nay. | 4 |
|  |  | **BÀI VIẾT THAM KHẢO**  Cuộc sống luôn ẩn chứa những điều bí ẩn con người luôn phải đối diện với những khó khăn, thử thách, sóng gió của cuộc đời. Muốn tồn tại con người cần phải có đủ bản lĩnh để vượt qua bởi “đời phải trải qua giông tố, nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. Những giông tố của cuộc đời như để đánh thức con người. Bởi chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên những thanh thép cứng rắn. Khó khăn thử thách chính là cơ hội để con người thể hiện bản thân. Hãy biến khó khăn thành cơ hội để chiến thắng. Nhờ vào khó khăn mà con người trở thành những tượng đài vĩnh cửu là cột hướng dẫn cho kẻ khác. Trái với những con người tự tin đầy bản lĩnh, là những người “cúi đầu trước giông tố”. Tức là luôn lo sợ, hèn nhát, chấp nhận thất bại. Đó là những con người thiếu tự tin, bản lĩnh. Như vậy Đứng trước khó khăn chúng ta hãy luôn kiên cường mạnh mẽ để vượt qua chứ đừng nên lo lắng, cúi đầu chấp nhận nó.  Cuộc sống là một khái niệm nào đó phức tạp, thậm chí rối rắm, nhiều thách thức. Vậy nên ta cần phải có sự lựa chọn đúng đắn. Vì sao ta lại phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố? bởi cuộc sống không bao giờ tránh được những khó khăn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, ngay cả trong tích tắc. Vì vậy! Con người cần phải có một tâm thế chủ động, nghị lực, sự tự tin, mạnh mẽ để chiến đấu. Nếu không đối đầu với những thử thách con người sẽ không thể tồn tại được. Nhờ vào khó khăn giông tố mà con người lớn lên trưởng thành và mạnh mẽ hơn, cứng rắn trước những sóng gió của cuộc đời. Khó khăn là cơ hội để rèn luyện, tạo nên sức mạnh cho con người. Không có đường nào trải đầy hoa hồng cho chúng ta đi, vì vậy phải tự mình nỗ lực cố gắng để chạm đến thành công.  Không chiến thắng nào đến với ta một cách dễ dàng mà tự mình phải nắm bắt lấy. Gặp khó khăn không hề chùn bước đó là biểu hiện của một con người bản lĩnh, nghị lực. Tại sao lại không được cúi đầu trước giông tố? bởi từ khi sinh ra con người như để thử thách với cuộc đời, với số phận. Cúi đầu trước giông tố là biểu hiện của sự hèn nhát, nhu nhược. Con người phải hiên ngang đánh đổ khó khăn, đạp đổ thách thức mới có thể tồn tại trong cái xã hội này được. Hèn nhát, chấp nhận thất bại là thái độ sống tiêu cực, không bao giờ được dư luận, xã hội đồng tình. Đường đi khó khăn không phải vì ngăn sông cách núi mà vì lòng người ngại núi e sông. Đôi khi chúng ta cần chí mạo hiểm để vượt qua khó khăn. Nhiều người chọn cách bỏ cuộc, chịu thất bại, đó thật sự là những hành động ngu ngốc, như thế khó khăn chỉ càng thêm khó khăn. Mọi thứ rồi sẽ được giải quyết Nếu chúng ta mạnh mẽ, đủ bản lĩnh để vượt qua.  Khó khăn là cơ hội cho những con người thực sự. Nhờ vào nó mà ta trở nên cứng rắn hơn, trưởng thành hơn, không vinh quang nào đến một cách dễ dàng. Những con người biết biến khó khăn thành cơ hội là những tượng đài bất diệt. Con người khi chết đi để lại những dấu chân trên mặt cát, thời gian để lại cho đời tiếng ca, những âm thanh trong trẻo. Con người phải vượt qua khó khăn để cảm nhận những dư vị ngọt ngào của cuộc sống. Thử hỏi không có thách thức thì cuộc sống sẽ ra sao? Nó sẽ trở nên vô vị, nhạt nhẽo, con đường ta đi sẽ quá dễ dàng. Và như thế ta sẽ không quý trọng. Thành công phải do chính con người tạo ra mới có vinh quang và bền vững. Hãy sống và làm việc để vươn tới những tầm cao, những đỉnh cao của nhân loại.  Câu nói trên là một quan niệm đúng đắn, một thái độ sống tích cực mà con người nhất là lứa tuổi thanh niên chúng ta cần phải làm theo. Để vượt qua giông tố, con người cần phải đủ tự tin, bản lĩnh. Ngoài ra còn phải trang bị thêm đức tính kiên trì, nhẫn nại, thật bình tĩnh để giải quyết khó khăn. Hèn nhát, lo sợ thì sẽ không bao giờ chiến thắng được bản thân, yếu tố quan trọng để quyết định lòng dũng cảm không phải là dám chết, mà là dám sống. Sống để tồn tại, sống để vươn tới những tầm cao của nhân loại.  Câu nói trên nhắn nhủ với các bạn rằng, hãy mạnh mẽ đứng đầu trước khó khăn, đừng nên hèn nhát, nhu nhược với những lo lắng, tủn mủn. Đó là thái độ sống mà giới trẻ chúng ta cần phải có, hãy tự tin bản thân lên nhé, khi đó bạn sẽ đẹp hơn trong mắt mọi người đấy. |  |
| **II** | **VIẾT** | | **10** |
| **Câu 2** | *a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận văn học: Có đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.* | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề: Hình tượng cô bộ đội lái xe trong bài “Gửi em, cô gái lái xe” (Phạm Tiến Duật)* | 0,5 |
| c. *Triển khai vấn đề*:  Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. *Học sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng* *cần đảm bảo các yêu cầu sau:*  **1. Mở bài**  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hình tượng cô bộ đội lái xe.  **2. Thân bài**  \* Cảm nhận về hình tượng cô bộ đội lái xe:  - Bức tranh hiện thực khốc liệt thời kì chống Mĩ cứu nước (khổ 1, 2): Thể hiện qua các hình ảnh “bom bay mù bụi đỏ, đường gập ghềnh, ngổn ngang cây đổ, trời lô nhô, tầm đạn réo, bốn bề lửa cháy...”  => Là phông nền góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của những cô bồ đội lái xe.  - Vẻ đẹp của những cô bộ đội lái xe Trường Sơn:  + Nữ tính, đáng yêu, dịu dàng, mềm mại.  + Gan dạ, dũng cảm, kiên cường, sẵn sàng hi sinh vì Tổ Quốc.  => Qua đó, tác giả bày tỏ tấm lòng yêu mến, cảm phục, tự hào và biết ơn sâu sắc với những cô gái lái xe Trường Sơn nói riêng, thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ nói chung.  \*Nghệ thuật thể hiện:  - Thể thơ bảy chữ, giọng điệu sôi nổi, tinh nghịch, trẻ trung; ngôn ngữ, hình ảnh thơ chân thực mà độc đáo; các biện pháp tu từ điệp, liệt kê, hệ thống từ láy giàu chất biểu cảm...  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vẻ đẹp của của những cô bộ đội lái xe, giá trị của tác phẩm. | 8 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, giàu cảm xúc, biết đi từ đặc sắc nghệ thuật để thể hiện nội dung, biết liên hệ với các tác phẩm khác, liên hệ bản thân...* | 0,5 |
| **TỔNG ĐIỂM** | | | **10,0** |

**Lưu ý khi chấm bài:**

*Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của học sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, linh hoạt trong việc vận dụng Hướng dẫn chấm. Việc chi tiết hóa điểm số các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi phần và được thống nhất trong Hội đồng chấm.*

*Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*

*Khuyến khích những bài viết có sáng tạo, nội dung bài viết có thể không trùng với yêu cầu trong đáp án nhưng lập luận thuyết phục, văn phong sáng rõ.*

**ĐỀ 10: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**TRONG LỜI MẸ HÁT**

*“Tuổi thơ chở đầy cổ tích*

*Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*

*Đưa con đi cùng đất nước*

*Chòng chành nhịp võng ca dao*

*Con gặp trong lời mẹ hát*

*Cánh cò trắng, dải đồng xanh*

*Con yêu màu vàng hoa mướp*

*“Con gà cục tác lá chanh”*

*Thời gian chạy qua tóc mẹ*

*Một màu trắng đến nôn nao*

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao*

*Mẹ ơi trong lời mẹ hát*

*Có cả cuộc đời hiện ra*

*Lời ru chắp con đôi cánh*

*Lớn rồi con sẽ bay xa*

*(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát, NXB Giáo dục, 2008)*

**Câu 1.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận. B. Tự sự. **C. Biểu cảm**  D. Miêu tả.

**Câu 2.**Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh.

C. Có cả cuộc đời hiện ra.

**D. Cả A, B, C đều đúng.**

**Câu 3.**Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: *Thời gian chạy qua tóc mẹ?*

A. So sánh. B. Nói quá. **C. Nhân hóa.** D. Hoán dụ.

**Câu 4.**Em hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao*

A. Gợi hình ảnh người mẹ vất vả.

B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.

**C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ**

D. Tình thương của người mẹ đối với con.

**Câu 5.** Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

A. Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao.

**B. Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa**

C. Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông lời mẹ ngọt ngào.

D. Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

**Câu 6.** Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản?

**A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.**

B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.

C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.

D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ.

**Câu 7.**Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh.

C. Có cả cuộc đời hiện ra.

**D. Cả A, B, C đều đúng.**

**Câu 8.** Hình ảnh người mẹ qua đoạn thơ trên hiện lên như thế nào?

A. Người mẹ tần tảo, vất vả B. Người mẹ yêu thương con

B. Người mẹ hi sinh tất cả vì con **D. Tất cả ý trên đều đúng**

**Câu 9.**Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con? Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho em những cảm xúc gì?

**Câu 10.**Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

**II. VIẾT (14 điểm)**

**Câu 1**. **(4 điểm)** Hãy viết bài văn nghị luận về tình trạng học tủ, học vẹt của học sinh hiện nay?

**Câu 2. (10 điểm)** Trương Nam Hương đã từng chia sẻ rằng: “Tôi nhớ về mẹ, về quê hương, về những miền đất, về những năm tháng gian nan nghèo khó, đã cưu mang nuôi dưỡng mình”. Qua việc phân tích bài thơ “Trong lời mẹ hát” của Trương Nam Hương hãy làm sáng tỏ ý kiếm trên.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.**  - Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển tâm hồn của người con. Lời ru của mẹ đã mang cả thế giới truyền đạt lại cho con, lời ru đó cùng con khôn lớn và đã là thứ cổ vũ tinh thần con đến suốt cuộc đời.  **-** Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho em hình ảnh người mẹ tần tảo, yêu thương con của mình vô bờ bến. Khi đọc bài thơ, em thấy rất xúc động và thấy yêu thương mẹ của mình nhiều hơn. | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.**  Qua văn bản trên, nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm đến mọi người thông điệp:  + Hãy luôn yêu thương và trân trọng khi còn có mẹ.  + Lời ru con là một văn hóa rất đẹp, hãy giữ gìn và phát huy nó.  + Luôn ghi nhớ công ơn nuôi dưỡng và giáo dục của bố mẹ mình. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **1. Hình thức:**  - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.  - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc.  - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác.  **2. Nội dung:**  Triển khai theo dàn bài gợi ýsau: | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: “Lối học vẹt, học tủ của học sinh hiện nay” | 0,25 |
| Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, nêu khái quát về vấn đề học vẹt và học tủ trong xã hội ngày nay. Sơ lược nhận định, ý kiến của em về vấn đề này.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích về học vẹt học tủ:**  - Học tủ là gì? Chỉ học một hoặc một vài phần trong số những kiến thức, bài học cần thiết.  - Học vẹt là gì? Học thuộc vanh vách câu từ nhưng không hiểu ý nghĩa bài học.  - Học tủ, học vẹt là cách học sai lầm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng học tập.  **b. Nêu thực trạng học vẹt và học tủ trong nhà trường**: cách học trở nên phổ biến, tràn lan, ít được quan tâm, kiểm soát ... (dẫn chứng một số ví dụ cụ thể).  **c. Những nguyên nhân dẫn đến học vẹt, học tủ:**  - Tinh thần tự giác học tập của học sinh chưa cao (lười học bài, chờ may rủi nên chỉ học một phần).  - Học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc lí giải và vận dụng kiến thức.  - Nhiều trường hợp giáo viên nhồi nhét kiến thức, không tóm gọn trọng tâm bài học, cho ghi chép tràn lan khiến học sinh khó có thể vừa học thuộc vừa lí giải kĩ, tạo cảm giác mệt mỏi, chán học.  - Việc rèn luyện, thực hành, ứng dụng thực tế trong nhà trường chưa được chú trọng khiến học sinh không có cơ hội kiểm chứng kiến thức, tiếp thu kiến thức thụ động, khó làm chủ kiến thức.  **d. Những tác hại của học tủ, học vẹt:**  - Học sinh mất hứng thú với việc học, dễ chán nản.  - Không làm chủ được kiến thức, không ứng dụng được kiến thức vào thực tế khiến việc học mất đi ý nghĩa của nó.  - Chất lượng giáo dục ngày càng đi xuống.  - Hiệu quả làm việc trong tương lai không lí tưởng.  - Xã hội ngày càng kém phát triển.  **e. Biện pháp khắc phục việc học vẹt học tủ:**  - Tuyên truyền giúp học sinh cần nâng cao ý thức, điều chỉnh thái độ trong học tập và tiếp cận kiến thức.  - Học sinh xác định rõ mục tiêu học tập để có phương pháp học phù hợp.  - Cải cách, điều chỉnh phương thức giảng dạy kiến thức trong nhà trường. (tăng số lượng và hiệu quả các tiết thực hành, tóm gọn kiến thức trọng tâm tránh cho học sinh ghi chép thừa quá nhiều, làm sinh động bài giảng...).  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại quan điểm, ý kiến về vấn đề học tủ, học vẹt. Bàn luận mở rộng vấn đề. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.* | 0,25 |
|  |  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về tác giả Trương Nam Hương, tác phẩm Trong lời mẹ hát.  - Cảm nhận chung của em khi đọc bài thơ.  **2. Thân bài**  - Phân tích theo bố cục hoặc mạch cảm xúc của bài thơ: Dấu ấn sâu sắc không thể phai mờ trong tâm trí về lời ru, khắc hoạ công lao tựa trời tựa biển của mẹ, thể hiện sự trân trọng và biết ơn với đấng sinh thành, tình yêu thương sâu sắc dành cho mẹ - người đã vất vả nuôi mình khôn lớn, nên người…  - Nội dung bài thơ: Qua bài thơ Trong lời mẹ hát, tác giả muốn gửi gắm những tâm tư tình cảm, nỗi niềm nhớ thương tha thiết đến mẹ của mình.  - Nghệ thuật của bài thơ  + Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật  + Thể thơ tự do  + Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là biểu cảm  + Các biện pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh,.. được tác giả sử dụng một cách khéo léo, tinh tế, tài hoa => Nhằm khắc họa lòng biết ơn và nỗi nhớ thương, tình yêu thương mẹ của mình.  **3. Kết bài:**  **-**Khẳng định lại vị thế (hoặc ý nghĩa) của bài thơ cùng tình cảm, tài năng của nhà thơ Trương Nam Hương.  **BÀI VIẾT THAM KHẢO**  Có những lúc mỏi mệt trên đường đời, có những phút yếu lòng tưởng chừng như ngã gục, có những khi lỡ lầm đường lạc lối thì không ai khác chính mẹ là người đã nâng đỡ, đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi trên con đường lắm chông gai ấy. Có lẽ vì vậy mà tình mẫu tử vẫn luôn luôn là đề tài xuyên suốt trong văn học, được các nhà thơ khai thác và thể hiện rất thành công, bài thơ "*Trong lời mẹ hát"* của Trương Nam Hương chính là một minh chứng xuất sắc cho điều đó.  Tình mẫu tử” chỉ có ba từ ngắn ngủi nhưng ẩn sâu trong đó là những nét đẹp của một tình cảm thiêng liêng, đầy ấm áp. Chính vì vậy, nhà thơ Trương Nam Hương đã thành công khi khắc họa tình mẫu tử chân thực và sâu sắc bài thơ “Trong lời mẹ hát”.  Những dòng thơ đầu tiên, tác giả nhớ về tuổi thơ đầy ấm áp thơ mộng khi nhận được tình cảm yêu thương của người mẹ dành cho những đứa con của mẹ:  *“Tuổi thơ chở đầy cổ tích*  *Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*  *Đưa con đi cùng đất nước*  *Chòng chành nhịp võng ca dao.”*  Tuổi thơ của ai cũng vậy, từ khi sinh ra cho đến khi lớn lên từ những chăm sóc, nuôi nấng của mẹ, hình ảnh người mẹ quen thuộc bên những lời ru ngọt ngào, những câu truyện cổ tích đầy màu sắc để nuôi dưỡng tâm hồn con được trong trẻo và ấm áp, sự nuôi dưỡng đó không ngại khó khăn, vất vả, mẹ ru con ngủ những trưa hè oi ả, những tiếng ru à ơi nhẹ nhàng ấm áp khiến con chìm vào giấc ngủ ngon.  Con đã lớn lên như thế, lớn lên qua lời ru và sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Có thể thấy tình cảm của mẹ là tình cảm vô giá mà có lẽ những đứa trẻ sau này sẽ hiểu và yêu thương mẹ hơn.  *Con gặp trong lời mẹ hát*  *Cánh cò trắng, dải đồng xanh*  *Con yêu màu vàng hoa mướp“*  *Con gà cục tác lá chanh”.*  Những câu thơ này chính là nói lên vẻ đẹp trong lời ru, những câu ca dao đầy ấm áp của mẹ, người con đã thấy những hình ảnh quen thuộc của làng quê trong câu hát, những rung cảm về cánh đồng xanh mướt, đàn cò trắng lấp ló đứng trên cánh đồng. Hay những màu vàng của hoa mướp, hình ảnh thú vị con gà cục tác, lá chanh được tác giả miêu tả và khắc họa khá thú vị bởi đó là những hình ảnh độc đáo pha chút bình dị mà mộc mạc của một làng quê đầy ấm áp. Trong lời mẹ hát – một bài thơ không quá dài nhưng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc đến con người trong xã hội và khiến cho con người phải nhìn nhận lại bản thân mình với một cái nhìn đúng nghĩa:  *"Thời gian chạy qua tóc mẹ*  *Một màu trắng đến xôn xao*  *Lưng mẹ cứ còng dần xuống*  *Cho con ngày một thêm cao."*  Thật vậy, thời gian vô tình lắm, cứ thế trôi qua mà không bao giờ ngoái lại nhìn dù chỉ một lần. Thời gian đã làm cho những mái tóc của mẹ trở nên bạc trắng, những lo âu và vất vả khiến cho người mẹ yếu đi khiến phận làm con trông mà xót lòng. Như trong bài thơ "Ngày xưa có mẹ" của tác giả Thanh Nguyên có viết:  *"Bầu trời trong mắt con ngày một xanh hơn*  *Là khi tóc mẹ ngày thêm sợi bạc."*  Có thể thấy rằng, mẹ vẫn yêu thương con bằng cả trái tim của mình, không quản ngại bao khó khăn, gian nan, vất vả chỉ để cho con có một cuộc sống đầy đủ nhất. Sự hi sinh cao cả đó, quả thực chúng ta không thể nói hết bằng lời. Phép nhân hóa và nghệ thuật dùng từ láy điêu luyện của tác giả đã đưa hồn vào hai câu đầu của bài thơ thật khéo léo và cẩn thận tới từng chi tiết, làm rung động trái tim bao đứa con xa mẹ mà nhớ mà thương, ...  Đứa con cứ như ngọn trúc xanh của mùa xuân vụt lên phơi phới còn tấm lưng của mẹ thì ngày một không còn được thẳng nữa. Con đâu có biết là có quá nhiều khó khăn đè nặng trĩu trên tấm lưng gầy yếu ấy. Nghệ thuật đối lập trong 2 câu thơ "còng - cao" đã làm nổi bật rõ hơn về hình ảnh người mẹ "bán mặt cho đất, bán lưng cho trờ" để tương lai con có thể trưởng thành cả về mặt nhận thức lẫn đạo đức, thực sự là một người có ích cho xã hội. Nhưng dù ngoài kia có biến động như thế nào, thì tình yêu của con dành cho mẹ vẫn là bất tận, những tình yêu mẹ ấp ủ, xây dựng, bồi đắp thêm mà bao thời gian qua đã trao cho con một cách âu yếm, nhẹ nhàng mà thầm kín. Như trong bài thơ "Thư gửi mẹ" của Êxênin:  *"Chỉ mẹ là niềm tin, là ánh sáng diệu kỳ*  *Chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước."*  Một người con chỉ biết để ý đến công việc và tìm kiếm nửa kia cho bản thân mình, mà quên đi mất ở quê hương vẫn còn một bóng dáng gầy còm ngày ngày tựa cửa trông con về thăm. Còn chi nữa, ngoài tình yêu ấy mẹ dành cho con? Còn chi nữa, ngoài đôi mắt nheo đuôi của mẹ dành cho con? Tất cả những thứ gọi là tình cảm mà ta đa đang tìm kiếm chân thật nhất chỉ có trong lòng mẹ, tình yêu luôn được cất giấu trong trái tim và lòng vị tha cao cả của mẹ. Thật đáng trách biết bao cho những kẻ không nhận ra nổi được tình yêu ấy như bài thơ "Bông hồng vàng" của Nguyễn Đình Vinh đã viết:  *"Có đôi lúc*  *Mải mê quay với dòng đời ồn ã*  *Những đô hội thị thành*  *Những phương trời lạ*  *Chợt giật mình tỉnh giấc nhớ mẹ cha."*  Đứa con khi đang mải mê với những nơi xa lạ, thì cũng đã chợt quên đi tình mẹ cha ấm êm ở quê nhà. Khi chợt tỉnh giấc mộng nồng say, thì đứa con đó mới chợt nhớ ra tình yêu vĩnh hằng, bất biến từ thuở còn non. Quả là một tình cảm thực sự rất thiêng liêng và cao quý. Lời thơ của tác giả như lắng xuống trong những câu thơ cuối, trong hình ảnh "Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao/ Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao". Hình ảnh mái tóc bạc trắng cùng tấm lưng ngày một còng đi đã khiến biết bao quý bạn đọc xót xa, ngậm ngùi, đánh thức tình cảm và ý thức trách nhiệm của con với đấng sinh thành:  *"Mẹ ơi trong lời mẹ hát*  *Có cả cuộc đời hiện ra*  *Lời ru chắp con đôi cánh*  *Lớn rồi con sẽ bay xa ..."*  Khổ thơ cuối trên đã bộc lộ rõ tình cảm của con dành cho mẹ. Trong những lời hát ru tràn đầy yêu thương của mẹ, pha trong những giấc mơ là cả một cuộc đời trước mắt. Phép nhân hóa chính là biện pháp nghệ thuật hết sức đặc sắc khi cho rằng lời ru đã “chắp con đôi cánh”. Đó chính là đôi cánh của sự động viên, một sự khích lệ to lớn như để khích lệ tinh thần con chiến đấu với dòng đời tràn đầy những khó khăn, luôn đứng sau hỗ trợ khi con có vấp ngã trên đường đời. Nó như một câu nói nhẹ nhàng của mẹ bên con: “Đi đi con, hãy mang theo đôi cánh này cùng với những ước mơ to lớn nhất mà con từng mơ thấy những đêm say giấc, hãy sử dụng nó làm cho con trở nên mạnh mẽ và tự tin hơn”. Khi có được đôi cánh ấy, con có thể bay xa tới những nơi tuyệt nhất của cuộc đời để xây nên một cơ nghiệp thật to lớn. Và hãy đừng quên, lời ru của mẹ năm xưa đã giúp cho đạt được ước mơ ấy. Thật cảm ơn biết bao những câu hát mẹ tặng cho con.  Tình mẫu tử chính là thứ tình cảm thiêng liêng nhất, không một điều gì khác có thể sánh bằng mà bất cứ một con người nào cũng không thể thiếu đi được. Và bài thơ Trong lời mẹ hát của Trương Nam Hương như một dòng suối nguồn trong trẻo về tình mẫu tử thiêng liêng, và tin chắc rằng vẫn sẽ tiếp tục chảy mãi trong lòng người đọc cho đến tận mai sau. |  |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* |  |
|  |  | *e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, giàu cảm xúc, biết đi từ đặc sắc nghệ thuật để thể hiện nội dung, biết liên hệ với các tác phẩm khác, liên hệ bản thân...* |  |

**ĐỀ 11: Trả lời câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất**

**Phần I. Đọc - hiểu** **(6 điểm)**

*Chỉ giùm cho cháu đi ông*

*Thời gian đang trốn ở không gian nào*

*Sân ngoài hay tận vườn sau*

*Giữa trời, cuối đất hay đầu nguồn kia?*

*Thời gian sớm đó rồi khuya*

*Từ tao nôi đến mộ bia đời người*

*Thời gian: chiếc lá đấy thôi*

*Từ xanh thắm đến vàng phơi lối về*

*Thời gian là một ngọn tre*

*Từ măng non đến ngày khoe… chạm trời*

*Thời gian là một nụ cười Nở ra từ tiếng khóc hồi… bi bô*

*Từng giây từng phút từng giờ*

*Trôi qua có nghĩa… đừng mơ ngược về*

*Hiểu rồi, cháu thấy… dễ ghê:*

*Thời gian trốn giữa bốn bề không gian.*

*(Thời gian trốn ở đâu, Nguyễn Thái Dương, NXB Kim Đồng, 2015, tr.21)*

**Câu 1**. Xác định thể thơ của văn bản trên?

A. Năm chữ B. Tám chữ C. Lục bát D. Bảy chữ

**Câu 2**. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 3.** Theo văn bản, cuối cùng người cháu hiểu ra thời gian trốn ở đâu?

A.Thời gian trốn giữa bốn bề không gian.

B.Thời gian trốn trong vạn vật, cỏ cây, hoa lá

C.Thời gian trốn trong ngọn tre

D.Thời gian trốn trong đời người

**Câu 4**. Câu thơ “Giữa trời, cuối đất hay đầu nguồn kia?”là câu hỏi tu từ đúng hay sai?

A. Đúng B. sai

**Câu 5**. Dấu chấm lửng trong bài thơ dùng để làm gì?

A. Thể hiện lời nói bỏ dở, ngắt quãng

B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị một nội dung bất ngờ chuẩn bị diễn ra.

C. Cho biết còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết.

D. Dấu đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

**Câu 6**. Em hiểu câu thơ “Từng giây từng phút từng giờ/ Trôi qua có nghĩa… đừng mơ ngược về”như thế nào?

A. Thời gian không chờ đợi một ai

B. Thời gian đã trôi đi không bao giờ lấy lại được

C. Thời gian vẫn còn đó, không mất đi bao giờ

D. Thời gian là vô hạn.

**Câu 7**. Bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra được từ văn bản trên là gì ?

A. Cần biết trân trọng thời gian.

B. Cần biết trân trọng từng giây, từng phút trong cuộc đời.

C. Cần biết trân trọng những khoảnh khắc đẹp trong cuộc sống.

D. Cần biết trân trọng cuốc sống.

**Câu 8**. Vì sao chúng ta cần biết trân trọng thời gian?

A. Thời gian là hữu hạn. Dòng thời gian không ngừng trôi bởi vậy con người hãy biết trân trọng thời gian.

B. Dòng thời gian không ngừng trôi bởi vậy con người hãy biết trân trọng thời gian,trân trọng cuộc sống hiện tại, sống thật có ích để không phải hối tiếc vì những điều đã qua.

C. Thời gian là hữu hạn. Dòng thời gian không ngừng trôi bởi vậy con người hãy biết trân trọng thời gian, trân trọng cuộc sống hiện tại, sống thật có ích để không phải hối tiếc vì những điều đã qua

D. Thời gian là hữu hạn. Hãy biết trân trọng thời gian.

**Câu 9**. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong hai câu thơ sau: Từng giây từng phút từng giờ Trôi qua có nghĩa… đừng mơ ngược về

**II. PHẦN VIẾT (14 ĐIỂM)**

**Câu 1. (4 điểm)** Từ nội dung bài thơ ở phần đọc hiểu, hãy viết đoạn văn nghị luận ( Khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về : Giá trị của thời gian?

**Câu 2. (10 điểm)** Bàn về văn học, Thanh Thảo cho rằng: *“Văn chương giúp con người sống “ra người” hơn, sống tốt hơn, nếu ta biết tìm trong mỗi quyển sách những vệt sáng, những nguồn sáng soi rọi vào những góc khuất của cuộc đời và của con người.” Anh/ chị hãy chứng minh ý kiến trên qua bài “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến.*

*(Theo Nhà văn nói về môn Văn - Văn học và tuổi trẻ - NXB GD, 2015)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | C | 0.5 |
| 2 | B | 0.5 |
| 3 | A | 0.5 |
| 4 | A | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | B | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | C | 0.5 |
| 9 | - Biện pháp tu từ liệt kê: từng giây,từng phút, từng giờ Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê:  - Làm nổi rõ sự tuần hoàn, trôi chảy liên tục của thời gian. Từ đó thể hiện thái độ trân trọng thời gian.  - Làm tăng sức biểu cảm, tăng tính sinh động, hấp dẫn,tạo sự nhịp nhàng cho câu thơ. | 1 |
| 10 | a*. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận, lập luận chặt chẽ, văn phong trong sáng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy, có sự sáng tạo… b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giá trị của thời gian*  *c. Triển khai vấn nghị luận: học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách, không trái với chuẩn mực đạo đức vàpháp luật.Sau đây là một số gợi ý:*  - Thời gian được tính bằng giây, phút, giờ, ngày, tháng, năm… Nó luôn chảy trôi theo dòng tuần hoàn của cuộc sống.  - Giá trị của thời gian:  + Thời gian là vô giá bởi nó có tính chất một đi không trở lại, như mũi tên đã bắn đi không lấy lại được.Thời gian là báu vật của cuộc sống.  + Thời gian giúp con người ta khôn lớn, trưởng thành, lao động, làm mọi thứ cần thiết cho cuộc sống. Nhờ có thời gian mà con người tạo ra giá trị vật chất và tinh thần bằng bàn tay lao động và khối óc của mình. + Thời gian là vô giá với người biết trân trọng nó, sử dụng nó hợp lí biết tiết kiệm, trân quý sẽ có vinh quang, niềm vui và hạnh phúc.  + Lãng phí thời gian, không biết trân trọng sẽ khiến con người có cảm giác nuối tiếc, hụt hẫng về những năm tháng đã sống hoài, sống phí.  - Quý trọng thời gian là quý trọng giá trị cuộc sống. Mỗi con người phải ý thức được giá trị của thời gian, sống đẹp và trân trọng từng giây phút của hiện tại.  - Quý trọng thời gian không có nghĩa là sống vội, sống gấp, sống chỉ biết tận hưởng mà cần sống, học tập, lao động và cống hiến cho xã hội. - Brian Tracy đã nói: "Tài sản lớn nhất của bạn là khả năng kiếm tiền. Tài nguyên lớn nhất của bạn là thời gian". Vậy nên,hãy sắp xếp thời gian làm viêc, học tập vui chơi một cách hợp lý, lành mạnh, dành nhiều thời gian để đọc sách, nuôi dưỡng tâm hồn, đừng để thời gian trôi đi một cách vô nghĩa và hối tiếc khi để “thời gian qua kẽ tay”.  **Đoạn văn tham khảo:**  Có ý kiến cho rằng: “Thời gian miễn phí, nhưng nó vô giá...Một khi bạn đánh mất nó, bạn không bao giờ có thể lấy lại". Quả thực, đối với con người thời gian là thứ vô hình nhưng lại vô cùng quý giá, là món quà tặng kỳ diệu của cuộc sống . Vì vậy chúng ta hãy tận hưởng những phút giây mà chúng ta đã có, trân trọng giá trị của thời gian. Thời gian được tính bằng giây, phút, giờ, ngày, tháng, năm… Nó luôn chảy trôi theo dòng tuần hoàn của cuộc sống. Thời gian là vô giá bởi nó có tính chất một đi không trở lại, như mũi tên đã bắn đi không lấy lại được. Thời gian qua đi sẽ để lại cho con người những hạt phù sa quý giá của cuộc sống. Giúp ta khôn lớn, trưởng thành, lao động, làm mọi thứ cần thiết cho cuộc sống, bồi đắp tâm hồn con người thêm đẹp. Nhờ có thời gian mà con người tạo ra giá trị vật chất và tinh thần bằng bàn tay lao động của mình. Thời gian sẽ là món quà vô giá mà cuộc sống đã ban tặng cho bạn nhưng nó chỉ vô giá với người biết trân trọng nó. Chắc hẳn ai cũng đều biết đến Edison với phát minh bóng đèn khai sáng tri thức nhân loại và cả hơn 10000 lần thất bại. Sau mỗi lần thất bại ấy, ông hoàn toàn có thể từ bỏ nhưng vì sớm nhận thức được tầm quan trọng của thời gian, Edison vẫn tiếp tục nghiên cứu để mỗi ngày trôi qua thật ý nghĩa và cuối cùng mang đến thành công rực rỡ. Vậy mới thấy, thời gian có thể đưa bạn xuống vực sâu nhưng cũng có thể đem vinh quang đến tay bạn. Thế nhưng đâu đó vẫn còn những người lãng phí thời gian, không biết trân trọng sẽ khiến họ có cảm giác nuối tiếc, hụt hẫng về những năm tháng đã sống hoài, sống phí. Quý trọng thời gian là quý trọng giá trị cuộc sống. Vì vậy mỗi con người phải ý thức được giá trị của thời gian, sống đẹp trong từng ngày, trân trọng từng phút giây.Nhưng quý trọng thời gian không có nghĩa là sống vội, sống chỉ biết tận hưởng mà cần sống đẹp, cống hiến cho xã hội.Vậy nên,hãy sắp xếp thời gian một cách hợp lý, đừng để thời gian trôi đi một cách vô nghĩa và hối tiếc khi để “thời gian qua kẽ tay” bởi : "Tài sản lớn nhất của bạn là khả năng kiếm tiền. Tài nguyên lớn nhất của bạn là thời gian"(Brian Tracy). | 1 |
|  | **VIẾT (10 điểm)** |  |
|  | *a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học, lập luận chặt chẽ, văn phong trong sáng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy, có sự sáng tạo…*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Làm sáng tỏ chức năng giáo dục của văn chương qua đoạn trích truyên “ Một cuộc đua” của Quế Hương.*  *c. Triển khai vấn nghị luận: thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:*  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  - Dẫn dắt nội dung câu nói  - Giới thiêu bài thơ bạn đến chơi nhà  **2. Thân bài**  **\* Giải thích:**  - Ý kiến trên bàn về chức năng giáo dục trong văn chương.  - Văn chương là loại hình nghệ thuật bao gồm các sáng tác dùng ngôn từ nghệ thuật để phản ánh cuộc sống con người. Văn chương luôn đồng hành với nhân loại, có vị trí không thể thay thế được trong đời sống của con người. Và nó giúp con người sống “ra người” hơn, sống tốt hơn, “nếu ta biết tìm trong mỗi quyển sách những vệt sáng, những nguồn sáng soi rọi vào những góc khuất của cuộc đời và của con người”.  - “Vệt sáng, nguồn sáng soi rọi vào những góc khuất của cuộc đời và của con người” là sự phát hiện của nhà văn về những vẻ đẹp tiềm ẩn bên trong thế giới tâm hồn con người, có tác động tích cực đối với con người và cuộc sống. Người đọc sẽ nhận ra ý nghĩa của văn chương với tâm hồn mình từ chính điều này.  - Nếu người đọc chủ động tìm kiếm cái đẹp ẩn kín, tiềm tàng cũng như nhận ra sự thể hiện những vẻ đẹp sâu thẳm trong hình tượng nghệ thuật ở tác phẩm thì sẽ nhận ra được những thông điệp thẩm mĩ sâu xa. Từ đó văn chương sẽ “ giúp con người sống “ ra người” hơn, sống tốt hơn, nghĩa là tác phẩm văn học đem lại cho con người niềm vui trong sáng, thánh thiện, làm nảy nở trong tâm hồn ta những xúc cảm cao đẹp, hướng ta đến những điều tốt đẹp trong cuộc đời. Và đoạn trích “ Một cuộc đua” của Quế Hương sẽ “giúp con người sống “ra người” hơn, sống tốt hơn”.  **\* Chứng minh qua bài “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến:**  **+ Luận điểm 1: Hoàn cảnh bạn đến chơi nhà (Câu thơ thứ nhất)**  - Thời gian: “đã bấy lâu nay”, có nghĩa là rất lâu rồi bạn mới ghé thăm.  - Cách xưng hô: bác, đầy thân mật và gắn bó giữa những người bạn.  - Giọng điệu: cởi mở, chân thành thể hiện thái độ hiếu khách của nhân vật trữ tình.  - Hai vế câu: sóng đôi như một lời reo vui, một lời đón khách đầy cởi mở, chân tình.  => Câu mở đầu giống như một lời mời đầy chân tình, tự nhiên.  **+ Luận điểm 2: Hoàn cảnh tiếp đãi bạn (6 câu thơ tiếp)**  Nhà thơ đã tạo ra một hoàn cảnh đầy éo le khi bạn đến chơi nhà:  - Trẻ thời đi vắng - không có ai để sai đi mua đồ ăn tiếp đãi bạn.  - Chợ thời xa - gợi sự xa xôi, đi chợ rất mất thời gian cũng như không có người ở nhà tiếp bạn.  - Còn trong nhà thì không có gì:  - Ao sâu - khôn chài cá: khó mà bắt được cá để mời bạn.  - Cải chửa ra cây, cà mới nụ, bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa - tất cả rau quả, cây trái trong nhà chưa thể ăn được.  - Miếng trầu - ngay cả thứ quan trọng nhất (Miếng trầu là đầu câu chuyện) cũng không có.  => Qua những hình ảnh trên, nhà thơ muốn khắc họa một cuộc sống đạm bạc, thiếu thốn về vật chất.  - Nhưng sự thiếu thốn đó không khiến cho thi sĩ buồn khổ mà còn đầy lạc quan, yêu đời: Thể hiện qua giọng điệu hài hước, hóm hỉnh.  **+ Luận điểm 3: Tình cảm bạn bè thắm thiết (Câu cuối)**  Bác đến chơi đây: Tuy thiếu thốn về vật chất nhưng người bạn vẫn trân trọng tình cảm, vậy là đã rất đáng quý rồi.  - “Ta với ta”:  - Từ “ta” đầu tiên: nhân vật trữ tình - chủ nhà  - Từ “ta” thứ hai: người bạn - khách  - Từ “với” thể hiện mối quan hệ song hành, gắn bó dường như không còn khoảng cách.  => Câu thơ khẳng định được tình cảm tri kỷ của hai người bạn cũng như tâm hồn thấu hiểu sâu sắc, không màng đến của cải vật chất.  **3. Kết bạn**  - Khẳng định nội dung câu nói  **-** Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Bạn đến chơi nhà”. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, giàu cảm xúc, biết đi từ đặc sắc nghệ thuật để thể hiện nội dung, biết liên hệ với các tác phẩm khác, liên hệ bản thân...* |  |

**ĐỀ 12: Trả lời câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật*

*Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời*

*Dẫu phải khi cay đắng dập vùi*

*Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu*

*Cây khế chua có đại bàng đến đậu*

*Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta*

*Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa*

*Hoa của đất, người trồng cây dựng cửa*

*Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa*

*Thì tin yêu ngay thẳng đón ta vào*

*Ta nghẹn ngào, Đất Nước Việt Nam ơi!...*

*Ta lớn lên khao khát những chân trời*

*Những mảnh đất chân mình chưa bén được*

*Những biển khơi chứa mặt trời đỏ rực*

*Những ngàn sao trôi miết giữa màu xanh…*

(*Trích Mặt đường khát vọng, Nguyễn Khoa Điềm, NXB Văn nghệ giải phóng, 1974, tr.35-36)*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 2. *Niềm tin rất thật*** trong câu thơ “*Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật*” được hiểu là:

A. Niềm tin truyện cổ tích có thật trên đời.

B. Niềm tin cô Tấm được sẽ làm hoàng hậu sau khi trải qua những thử thách

C. Niềm tin đất đai cằn cỗi sẽ nở hoa nhờ công sức lao động của con người.

D. Niềm tin vào hạnh phúc, sự công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc sống

**Câu 3.** Những từ ngữ, hình ảnh nào sau đây **không** được lấy từ chất liệu văn học dân gian là:

A. Những biển khơi chứa mặt trời đỏ rực

B. Cô Tấm cũng về làm hoàng hậu

C. Cây khế chua có đại bàng đến đậu

D. Hoa của đất, người trồng cây dựng cửa

**Câu 4.** Từ nào sau đây **không** phải từ láy?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. ngon ngọt | B. đất đai | C. khao khát | D. nghẹn ngào |

**Câu 5.** Hình ảnh nào **không** gợi lên khát khao của nhân vật trữ tình?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Những chân trời | C. Những biển khơi |
| B. Hoa của đất | D. Những ngàn sao |

**Câu 6.** Hai câu thơ: “*Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa/ Hoa của đất, người trồng cây dựng cửa*” đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | C. Ẩn dụ |
| B. Nói quá | D. Nhân hoá |

**Câu 7.** Dòng nào sau đây nhận xét đúng về đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ?

A. Sử dụng thể thơ 8 chữ, bút pháp ước lệ tượng trưng, giàu sức biểu cảm, giọng thơ trầm lắng

B. Sử dụng thể thơ 8 chữ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, sử dụng nhiểu từ Hán Việt. nhịp điệu tươi vui

C. Sử dụng thể thơ tự do, chất liệu văn học dân gian, bút pháp tả cảnh ngụ tình

D. Sử dụng thể thơ tự do, chất liệu văn học dân gian. giọng thơ trữ tình - chính luận

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: “*Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa*”?

**Câu 9**. Nêu tác dụng nghệ thuật của phép điệp trong các câu thơ sau:

*Ta lớn lên khao khát những chân trời*

*Những mảnh đất chân mình chưa bén được*

*Những biển khơi chứa mặt trời đỏ rực*

*Những ngàn sao trôi miết giữa màu xanh…*

**Câu 10.** Rút ra thông điệp ý nghĩa với anh/chị qua đoạn thơ trên. Lí giải.

**II. VIẾT (14.0 điểm)**

**Câu 1.** Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau: “*Lòng tốt của con người có thể chữa lành các vết thương nhưng lòng tốt cũng cần đôi phần sắc sảo, nếu không chẳng khác nào con số không tròn trĩnh*”

**Câu 2.** Bàn về thơ Việt Nam thế kỉ XX, nhà phê bình văn học Chu Văn Sơn cho rằng: *“Thơ đào sâu vào những miền tư tưởng, mở ra mọi nẻo đường tư duy, gõ mọi cánh cửa tâm thức… thơ hiện đại tạo cảm giác "thơ mà không thơ, không thơ mà thơ".* *(Dẫn theo Chu Văn Sơn, "Đa mang một cõi lòng không yên định", Nhà xuất bản Hội Nhà văn 2021).* Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích đoạn thơ dưới đây trong bài thơ “Đất Nước” - Nguyễn Đình Thi để làm sáng tỏ điều đó.

*Sáng mát trong như sáng năm xưa  
Gió thổi mùa thu hương cốm mới  
Tôi nhớ những ngày thu đã xa  
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội  
Những phố dài xao xác hơi may  
Người ra đi đầu không ngoảnh lại  
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.  
  
Mùa thu nay khác rồi  
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi  
Gió thổi rừng tre phấp phới  
Trời thu thay áo mới  
Trong biếc nói cười thiết tha!  
Trời xanh đây là của chúng ta  
Núi rừng đây là của chúng ta  
Những cánh đồng thơm mát  
Những ngả đường bát ngát  
Những dòng sông đỏ nặng phù sa*

(*Theo NXB Văn học, 1983 và tập Người chiến sĩ - NXB Văn nghệ, 1956).*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0.5 |
| **2** | D | 0.5 |
| **3** | A | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | B | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | Nội dung câu thơ: “*Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa*”:  - Thiên nhiên khắc nghiệt, điều kiện tự nhiên không cho phép không phải là cản trở mà ngược lại, là thử thách để con người khẳng định mình. *Con người nở* hoa là con người sẽ tạo ra những thành quả lao động tốt đẹp trên chính mảnh đất cỗi cằn, khắc nghiệt.  - Câu thơ muốn nói đến chân lí: con người thành công khi nỗ lực vượt qua những thử thách, khó khăn trong cuộc sống. | 0.5 |
| **9** | * Chỉ ra phép điệp: điệp từ “*những*” kết hợp cấu trúc liệt kê: *những chân trời, những mảnh đất…., những biển khơi…., những ngàn sao…* * Tác dụng:   + Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho đoạn thơ  + Nhấn mạnh những khát khao lớn lao của con người muốn chinh phục những mảnh đất rộng lớn, những điều lớn lao trong cuộc sống. | 1.0 |
| **10** | HS có thể rút ra một trong những thông điệp ý nghĩa sau:   * Cần có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, niềm tin vào chính nghĩa, cái thiện sẽ thắng cái ác. * Cần biết ước mơ, dám khao khát những điều lớn lao. * Cần quý trọng công sức lao động. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội*  *Mở bài* nêu được vấn đề*, thân bài* triển khai được vấn đề*, kết bài* kết luận được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Suy nghĩ về lòng tốt trong cuộc sống | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề cần nghị luận*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; mọi kiến giải phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
|  | **\* Giải thích**  - ***Lòng tốt*:** là sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ vật chất hoặc tinh thần đối với những người xung quanh.  - ***Chữa lành các vết thương:*** xoa dịu, hàn gắn những nỗi đau về tâm hồn và thể xác của con người .  - ***Lòng tốt cũng cần đôi phần sắc sảo***: lòng tốt cần phải đi cùng với lí trí tỉnh táo, nhận thức sáng suốt về đối tượng cần giúp đỡ và cách thức giúp đỡ, nêú không sẽ trở thành vô ích.  => Ý kiến khẳng định chắc chắn vai trò của lòng tốt và cách biểu lộ lòng tốt tương thích để tạo ra những tác dụng tốt đẹp  **\* Bàn luận:**  - Lòng tốt giúp con người đối diện và vượt qua nghịch cảnh, tạo ra cho họ niềm tin vào cuộc sống và hi vọng vào tương lai, giúp họ bớt đau đớn trước những bất hạnh, mất mát trong cuộc sống … - Lòng tốt có thể cảm hóa cái xấu, cái ác; là sợi dây gắn kết, khiến cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, góp phần xây dựng xã hội nhân ái, văn minh . - Lòng tốt cần đi cùng sự tỉnh táo của lí trí để không bị lợi dụng . - Phê phán những người sống thờ ơ, ích kỉ, những người lợi dụng lòng tốt của người khác, những người làm việc tốt nhưng toan tính trục lợi .  **\* Bài học:**  **- Nhận thức:** trong cuộc sống, cần phải có lòng tốt và thể hiện nó một cách phù hợp, lòng tốt không đồng nghĩa với việc dễ dãi đáp ứng tất cả những yêu cầu của người khác mà cần biết học cách từ chối những yêu cầu vô lí một cách kiên quyết . **- Hành động:** cần có sự chuẩn bị kĩ lưỡng về kiến thức, kĩ năng sống để kết hợp hài hòa giữa việc giúp đỡ người khác và bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân . |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* | 0,5 |
|  |  | **1. Mở bài**  **-** Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Dẫn dắt câu nói, dẫn dắt đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi  **2. Thân bài**  **Giải thích ý kiến:** "Thơ đào sâu vào những miền tư tưởng, mở ra mọi nẻo đường tư duy, gõ mọi cánh cửa tâm thức", nghĩa là thơ không chỉ giàu cảm xúc, tình cảm mà còn chất chứa suy tư, chiêm nghiệm,thể hiện những suy ngẫm sâu sắc về cuộc đời, chạm đến những tầng sâu của tiềm thức, vô thức.  Thơ hiện đại tạo cảm giác "thơ mà không thơ, không thơ mà thơ": Câu thơ, ngôn ngữ hiện đại tự nhiên, mang tính khẩu ngữ, gần gũi, tăng cường chất liệu của hiện thực đời sống, giàu giá trị gợi hình, biểu cảm, giàu sức gợi…  Ý kiến khẳng định đặc điểm nổi bật trong thơ Việt Nam thế kỉ XX về nội dung tư tưởng và hình thức biểu đạt. Làm sáng tỏ qua đoạn trích "Đất Nước" - Nguyễn Đình Thi .  **Đánh giá khái quát:** Ý kiến đã chỉ ra đặc điểm nổi bật của thơ Việt Nam thế kỉ XX trên tiến trình hiện đại hóa.  Góp phần định hướng quá trình sáng tác và tiếp nhận thơ: Nhà thơ cần có tư tưởng cao đẹp, thể hiện qua hình thức biểu đạt tự nhiên,mới mẻ; hài hòa giữa cảm xúc và lí trí, tư tưởng và ngôn ngữ.  Người đọc cần tiếp nhận thơ trên tinh thần đối thoại, chiêm nghiệm; sẵn sàng đón nhận những cách tân về hình thức; không ngừng nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của mình.  **\* Chứng minh qua bài hai khổ thơ đầu bài thơ “Đất nước” - Nguyễn Đình Thi.**  **+ Luận điểm 1: Mùa thu trong nỗi nhớ và hồi tưởng của chàng trai Hà Nội. (7 câu thơ đầu)**  - Đó cũng là ấn tượng về một mùa thu Hà Nội: không khí mát trong, gió nhẹ thổi và phảng phất mùi hương cốm mới. Câu thơ gợi tả cả không gian, màu sắc và hương vị, “đồng hiện” cả thời gian về quá khứ và hiện tại, trộn lẫn hình ảnh trong thực tại và hình ảnh trong hoài niệm.  - Mùa thu Hà Nội hiện lên trong hoài niệm của nhà thơ thật đẹp và thơ mộng, về thời tiết, thiên nhiên, không gian (chớm lạnh, xao xác hơi may, phố dài). Đặc biệt, sự cảm nhận của tác giả thật tinh tế và tài hoa khiến cho mùa thu Hà Nội bỗng nhiên biểu hiện bằng hình khối, màu sắc, ánh sáng. Đó là thứ hình khối, ánh sáng, màu sắc của tâm trạng nên khiến lòng người càng thêm xao động.  - Mùa thu Hà Nội trong hoài niệm của Nguyễn Đình Thi vì thế mang vẻ đẹp của tâm trạng. Cảnh thu thường gợi lên trong lòng người những phảng phất buồn bởi sự thay đổi âm thầm, dịu ngọt, chầm chậm của hương vị, hoa lá, cỏ cây, của đất trời, ánh sáng. Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là do nhà thơ nắm bắt được những phút giây kì diệu ấy của mùa thu. Ở đất nước, Nguyễn Đình Thi không chỉ nắm bắt được thần thái của mùa thu Hà Nội, mà có lẽ mùa thu ấy từ lâu đã là một phần trong tâm hồn nhà thơ.  **+ Luận điểm 2: Mùa thu cách mạng, mùa thu độc lập vui tươi, phấn chấn.**  - Mùa thu cách mạng tươi đẹp, sôi nổi: không gian nghệ thuật dịch chuyển từ những phố dài xao xác buồn bã sang không gian núi rừng tươi mới, tràn đầy sức sống (rừng tre phấp phới, trời thu thay áo mới) với những âm thanh ngân nga, vang vọng; trạng thái nhân vật trữ tình vui vẻ, hạnh phúc hòa trong sự phấn chấn của tạo vật (phấp phới, thiết tha).  - Mùa thu độc lập, tự chủ: Trời xanh đây là của chúng ta…  - Suy tư về hồn thiêng đất nước: Nước chúng ta…vọng nói về.  => Niềm tự hào về đất nước.  - Nghệ thuật đặc sắc trong đoạn thơ: hình ảnh thơ giàu sức gợi, câu thơ giàu tính nhạc, vận dụng hiệu quả phép điệp, giọng thơ phấn chấn sôi nổi, cảm xúc mãnh liệt…  => Đoạn thơ thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào về quê hương đã được độc lập, có truyền thống anh hùng, bất khuất.  **\* Đánh giá chung**  - Hai khổ thơ trên thể hiện tình yêu mùa thu của tác giả, Mùa thu cách mạng phấn chấn tươi vui.  - Mỗi câu thơ chứa chan tình cảm, kết lại bằng lòng quyết tâm ra đi vì sự nghiệp của non sông.  - Nghệ thuật so sánh, đồng hiện được sử dụng linh hoạt.  - Ngôn từ đầy biểu cảm, tinh tế.  **3. Kết bài**  - Khẳng định vấn đề chứng minh  - Khẳng định giá trị câu nói |  |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* |  |
|  |  | *e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, giàu cảm xúc, biết đi từ đặc sắc nghệ thuật để thể hiện nội dung, biết liên hệ với các tác phẩm khác, liên hệ bản thân...* |  |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ 13: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

*(1) Sau Tết Nguyên Đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt vầ ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân*

*(2) Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhố nhăng đê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.*

*(3) Chính dịp đó ông Diểu đi săn.*

*(4 Ý nghĩ đi săn nảy sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu*

*súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bỗng, hệt như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống.*

*(5) Ông Diểu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề. “Thôi tao phóng sainh cho mày !” - Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bước đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến con khỉ đực nằm.*

*(6) ÔngDiểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyết nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa từ huyền cứ ba chục năm mởi nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.*

*(Muối của rừng, Nguyễn Huy Thiệp, Tập truyện Tình yêu, tội ác và trừng phạt, NXB Trẻ, 2012)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích:

A. Tự sự B*.* Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 2.** Trong đoạn (1), tác giả đã sử dụng phép liên kết hình thức nào?

A. Phép nối B. Phép lặp C. Phép thế D. Phép điệp

**Câu 3.** Ý nghĩ đi săn của ông Diểu nảy sinh khi nào?

A. Khi cây cối đều nhú lộc non

B. Khoảng thời gian rừng xanh ngắt và ẩm ướt

C. Khi ông sáu mươi tuổi

D. Khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng

**Câu 4.** Tính từ “tuyệt thú” là sự kết hợp của 2 từ nào?

A. Tuyệt vời, thú vị. B. Tuyệt bích, hứng thú.

C. Tuyệt luân, thú vị D. Tuyệt vời, hứng thú

**Câu 5.** Xét theo cấu trúc ngữ pháp, câu văn sau thuộc loại câu gì?

*Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú.*

A. Câu ghép B. Câu đơn

C. Câu miêu tả D. Câu trần thuật

**Câu 6.**Tại sao tác giả lại cho rằng: *Tất cả những trò nhố nhăng đê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.* ?

A. Tác giả muốn nhấn mạnh con sóc có thể xua đi những suy nghĩ xấu xa của con người

B. Tác giả muốn khẳng định sự thú vị của việc đi vào rừng ngắm cảnh thiên nhiên

C. Tác giả muốn nhấn mạnh việc ngắm nhìn, hòa mình vào thiên nhiên có thể thanh

lọc tâm hồn con người

D. Cả ba ý trên

**Câu 7.** Xác định các phép liên kết hình thức được sử dụng trong những câu văn sau: *Loài hoa từ huyền cứ ba chục năm mởi nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng*?

A. Phép nối B. Phép lặp C. Phép thế D. Cả B và C

**Câu 8.** Theo anh (chị), tại sao ông Diểu lại phóng sinh cho con khỉ đực?

**Câu 9.** Hình ảnh hoa tử huyền có ý nghĩa biểu tượng gì?

**Câu 10.** Từ văn bản, anh(chị) hãy nêu quan điểm của bản thân về cách con người nên ứng xử với thiên nhiên.

**PHẦN II: LÀM VĂN (14 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)***Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ về ý chí, nghị lực sống của con người.*

**Câu 2. (10 điểm)                         CHÂN QUÊ**

*(Nguyễn Bính)*

*Hôm qua em đi tỉnh về,  
Đợi em ở mãi con đê đầu làng.  
Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng.  
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!  
Nào đâu cái yếm lụa sồi?  
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?  
Nào đâu cái áo tứ thân?  
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?  
  
Nói ra sợ mất lòng em,  
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.  
Như hôm em đi lễ chùa,  
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.  
Hoa chanh nở giữa vườn chanh,  
Thầy u mình với chúng mình chân quê.  
Hôm qua em đi tỉnh về,  
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

*(Nguyễn Bính Hồng Cầu, Nguyễn Bính toàn tập (tập 1), NXB Hội Nhà văn, 2017)*

     Tình cảm đối với quê hương của chàng trai được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0.5 |
| **2** | C | 0.5 |
| **3** | D | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | B | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | Ông Diểu phóng sinh vì nhìn thấy con khỉ đực này còn có gia đình, có trách nhiệm với gia đình của khỉ đực; vì ông nhận ra hành động đi săn sẽ giết chết con khỉ đực, phá hoại một gia đình. | 0.5 |
|  | **9** | Hình ảnh hoa tử huyền gợi đến nhiều ý nghĩa:  - Kết tinh vẻ đẹp của núi rừng thiên nhiên.  - Hình ảnh mang tính chất đánh giá và dự báo |  |
|  | **10** | HS trả lời theo quan điểm, suy nghĩ của cá nhân, có lí giải hợp lí. |  |
|  |  | **PHẦN II. VIẾT (14 ĐIỂM)** |  |
|  |  | **A. Yêu cầu về kĩ năng.**  Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Có kết cấu chặt chẽ, rõ ràng, lập luận chắc chắn; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |  |
|  |  | **B. Về kiến thức:**  **1. Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn vấn đề cần nghị luận: ý chí và nghị lực sống là điều cần thiết trong cuộc sống. |  |
|  |  | **2. Thân bài**  **\* Giải thích**  - Nghị lực sống: Cố gắng quyết tâm vượt qua thử thách dù khó khăn, gian khổ đến đâu.  - Người có ý chí, nghị lực sống: Luôn kiên trì, nhẫn nại vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc đời. |  |
|  |  | **\* Phân tích, chứng minh**  Nguồn gốc, biểu hiện của ý chí nghị lực - Nguồn gốc  + Nghị lực của con người không phải trời sinh ra mà có, nó xuất phát và được rèn luyện từ gian khổ của cuộc sống. Ví dụ: Nguyễn Sơn Lâm…  - Biểu hiện của ý chí nghị lực  + Người có nghị lực luôn có thể chuyển rủi thành may, chuyển họa thành phúc. Không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven…  - Vai trò của ý chí nghị lực  - Nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Ví dụ: Bill Gate, …  **\* Bình luận, mở rộng**  - Trái ngược với những người có ý chí rèn luyện là những người không có ý chí. Giới trẻ bây giờ vẫn rất còn nhiều người chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần đời.  **=>** Lối sống cần lên án gay gắt.  **\* Bài học nhận thức và hành động**  - Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách thì nghị lực sống là rất quan trọng.  - Rèn luyện bản thân thành người có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi chông gai và thử thách trên chặng đường dài.  - Lên án, phê phán những người sống mà không có ý chí nghị lực, không có niềm tin về cuộc sống.  - Học tập những tấm gương sáng để đi tới thành công.  **Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề: Có ý chí, nghị lực, niềm tin thì chúng ta có thể vượt qua mọi khó khăn để đưa những bước chân gần hơn với thành công và hạnh phúc. |  |
|  |  | - Rèn luyện bản thân thành người có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi chông gai và thử thách trên chặng đường dài.  - Lên án, phê phán những người sống mà không có ý chí nghị lực, không có niềm tin về cuộc sống.  - Học tập những tấm gương sáng để đi tới thành công.  **Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề: Có ý chí, nghị lực, niềm tin thì chúng ta có thể vượt qua mọi khó khăn để đưa những bước chân gần hơn với thành công và hạnh phúc. |  |
|  |  | **1. Mở bài**  - Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Thơ ông là sự hài hòa giữa nét hiện đại và nét truyền thống.  - "Chân quê" là một trong những sáng tác tiêu biểu cho hồn quê của Nguyễn Bính  **2. Thân bài**  **a. Lý giải về nhan đề "Chân quê"**  “Chân quê” chính là vẻ đẹp mộc mạc, bình dị của vùng thôn quê, của những người con quê. Đó là sự chân thật trong lối sống bình dị, giản đơn của người dân quê. Đó là sự chân chất, thật thà, thẳng thắn, trong sáng. Là vẻ đẹp yên bình của cuộc sống làng quê.  **b. Hình ảnh em đi tỉnh về**  - Tâm trạng sốt sắng, đứng ngồi không yên của chàng trai khi đợi cô gái đi tỉnh về  - Sự thay đổi của cô gái trong cách ăn mặc và cả tâm hồn, tất cả những trang phục truyền thống của quê hương đã biến mất.  - Chàng trai đau đớn xót xa về tình yêu cũng như xót xa bởi các giá trị quê đã bị mai một  **c. Ước nguyện giữ lấy chân quê**  - Chàng trai mong cô gái suy nghĩ lại, hãy giữ lại những giá trị văn hóa lâu đời  - Để lý lẽ của mình thêm thuyết phục cô gái, chàng trai tiếp tục đưa ra những dẫn chứng chính xác giúp cô gái nhận ra điều mình đang làm là sai "Hoa chanh nở giữa vườn chanh"  **3. Kết bài**  - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương đất nước tha thiết của Nguyễn Bính  - Thông điệp mà nhà thơ muốn nhắn nhủ: gìn giữ bản sắc truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước. |  |
|  |  | *e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, giàu cảm xúc, biết đi từ đặc sắc nghệ thuật để thể hiện nội dung, biết liên hệ với các tác phẩm khác, liên hệ bản thân...* |  |

**ĐỀ 14: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

**I. PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**NẮNG MỚI**

*(Lưu Trọng Lư )*

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song,*

*Xao xác, gà trưa gáy não nùng,*

*Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng,*

*Chập chờn sống lại những ngày không.*

*Tôi nhớ me tôi, thuở thiếu thời*

*Lúc người còn sống, tôi lên mười;*

*Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,*

*Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.*

*Hình dáng me tôi chửa xoá mờ*

*Hãy còn mường tượng lúc vào ra:*

*Nét cười đen nhánh sau tay áo*

*Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.*

*(Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh - Hoài Chân NXB Văn học, 2000, tr. 288)*

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát B. Ngũ ngôn **C. Bảy chữ** D. Tự do

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

**A. Tôi** B. Người mẹ C. Người con D. Tác giả

**Câu 3.**Từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ đánh thức kỉ niệm về người mẹ?

A. Áo đỏ B. Giậu phơi C. Tay áo **D. Gà trưa gáy**

**Câu 4.** Nhịp thơ chủ yếu của bài thơ trên là gì?

A. 3/4 B. 2/5 **C. 4/3** D. 3/1/3

**Câu 5.** Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên hiện lên như thế nào?

A. Hối hận, luyến tiếc B. Vui mừng, sung sướng

C. Dửng dưng, lạnh lùng **D. Buồn nhớ, khắc khoải**

**Câu 5**. Câu thơ “Nét cười đen nhánh sau tay áo” gợi lên điều gì về người mẹ?

A. Vẻ đẹp mềm mại, duyên dáng, quyến rũ

**B. Vẻ đẹp truyền thống, kín đáo, rạng rỡ, tỏa sáng**

C. Vẻ đẹp sang trọng, kiêu sa, thanh thoát

D. Vẻ đẹp giản dị, mộc mạc, chân chất

**Câu 6.** Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ “Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội” làm cho hình ảnh “nắng mới”:

**A. Sinh động, có hồn, góp phần thể hiện khung cảnh tươi sáng, ấm áp và niềm vui của trẻ thơ trong những ngày bên mẹ.**

B. Cụ thể, nổi bật, góp phần thể hiện khung cảnh tươi sáng, ấm áp và

niềm vui của trẻ thơ trong những ngày bên mẹ.

C. Sinh động, có hồn, góp phần thể hiện bức tranh thiên nhiên tràn đầy sức sống, tươi mới và rộn ràng.

D. Cụ thể, sinh động, góp phần thể hiện bức tranh thiên nhiên trong trẻo, thanh bình.

**Câu 7.** Những hình ảnh thơ “nắng mới”, “áo đỏ”, “nét cười đen nhánh” có mối quan hệ với nhau như thế nào?

**Câu 8.**Hai câu thơ “Hình dáng me tôi chửa xoá mờ/ Hãy còn mường tượng lúc vào ra” mang đến cho anh/chị cảm xúc gì về những người thân yêu?

**Câu 9.** Những kí ức của nhân vật trữ tình về người mẹ đã khuất gợi choanh/chị suy nghĩ gì về giá trị của những kỉ niệm trong cuộc sống mỗi người?

**PHẦN II. VIẾT (14.0 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)** *Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.*

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

**Câu 2.** **(10 điểm)**

Bàn về thơ, R.Tagor  viết: ***"Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong".***

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích  bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư để làm sáng tỏ.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | C |  |
| 2 | A |  |
| 3 | D |  |
| 4 | C |  |
| 5 | D |  |
| 6 | B |  |
| 7 | A |  |
| 8 | Các hình ảnh thơ liên hệ chặt chẽ, hình ảnh này dẫn đến sự xuất hiện hình ảnh kia; tất cả cùng khơi gợi kỉ niệm và tình cảm về mẹ. |  |
| 9 | Học sinh bộc lộ những tình cảm chân thành, sâu sắc về người thân yêu của mình, như: nhớ thương, biết ơn, trân trọng... |  |
| 10 | Học sinh nêu được những giá trị của kỉ niệm trong cuộc sống mỗi người: Cơ sở để hình thành, vun đắp tình cảm tốt đẹp, trong sáng, chân thành; tạo động lực, nâng đỡ con người trong hiện tại. |  |
| **PHẦN II. VIẾT (14 ĐIỂM)** | | |
| **Câu 1** | + Giới thiệu chung: cuộc sống có những người, những điều cao đẹp được nhiều người biết tới. Nó trở thành những thần tượng đối với con người. Nhưng người ta phải có thái độ như thế nào đối với thần tượng cho phải, bởi lẽ: ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.  **+ Giải thích:**  - Thần tượng là những người, những điều được mọi người tôn sùng, chiêm ngưỡng. Nhưng thái độ của mọi người đối với thần tượng có thể dẫn tới những kết quả khác nhau: Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.  - Tại sao Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa?  - Ngưỡng mộ khác với mê muội: người ngưỡng mộ vẫn giữ được sự tỉnh táo, sáng suốt, khách quan của tinh thần, do đó có thái độ đúng mực đối với thần tượng, trong khi người mê muội thì thường chủ quan, thiếu sự sáng suốt, tỉnh táo trong mối quan hệ với thần tượng, do đó dễ có những thái độ không đúng mực, không phù hợp.  - Trong việc ngưỡng mộ thần tượng, người ta dễ hiểu rõ cái đẹp của thần tượng và có sự ngưỡng mộ; người ta cũng hiểu rõ bản thân; do đó người ta có thể hoặc có sự thán phục, hoặc có nỗ lực để phấn đấu và để theo gương theo cách hiểu mình hiểu người, không có những hành vi thái độ quá đáng ảnh hưởng đến nhân cách của bản thân. Vì thế, đó là một nét đẹp văn hóa: cư xử văn minh, lịch sự đúng mực, phù hợp.  - Trong khi đó, mê muội thần tượng thì dễ khiến người ta chỉ nhìn thấy thần tượng một cách phiến diện (hào quang của những thần tượng ca nhạc) thường lại có những thái độ hành vi quá đáng và do đó nó ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân, có khi dẫn tới những tai họa lớn (ví dụ: tốn thời gian, tiền của và thậm chí cả sinh mạng).  **+ Bình luận:**  - Không nên sống trên đời mà không có thần tượng bởi vì ai cũng cần phải có một mục đích rõ ràng để sống, phải có những điều, những người tốt đẹp mà mình ngưỡng mộ, yêu mến, khâm phục để noi gương và phấn đấu. Có như vậy cuộc sống mới có thể dễ có ý nghĩa, có động lực thúc đẩy để phấn đấu. Không có thần tượng người ta dễ sống theo kiểu bèo dạt hoa trôi.  - Cũng cần thấy rõ ý nghĩa khái quát của thần tượng và sự hiện diện của thần tượng ở mọi lĩnh vực của đời sống (văn học, lịch sử, khoa học...) chứ không phải chỉ có thần tượng trong lĩnh vực âm nhạc, thể thao.  - Cần phải có thái độ đúng đắn đối với thần tượng đó là ngưỡng mộ thần tượng chứ không mê muội thần tượng.  **+ Ý kiến của đề:**  - Có ý nghĩa của một lời nhắc nhở, một lời khuyên rất thực tế, thời sự đối với mọi người, nhất là với giới trẻ hiện nay. | 4 đ |
| **Câu 2** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.*  *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Nắng mới*  *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm* | 10 |
|  | **I. Mở bài**  - Dẫn dắt, giưới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, đề cập tác phẩm sẽ chứng minh.  **II. Thân bài**  **1. Giải thích**  - *Nụ cười* và *nước mắt*: là những trạng thái cảm xúc của tâm hồn, là niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ… Đó là những cung bậc, sắc thái phong phú đa dạng của tâm hồn, là biểu hiện của thế giới “bên trong” con người.  - *Phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong*: là cảm xúc đã đến độ chín, cao hơn, là sự thống nhất giữa cảm xúc và lí trí, giữa tư tưởng và tình cảm của nhà thơ. Thơ là tình nhưng không phải là những cảm xúc hời hợt mà là lí trí đã chín muồi, nhuần nhuyễn. Bài thơ nào cũng gói ghém bên trong một chiều sâu suy nghĩ, tư tưởng, chứa đựng ít nhiều chân lí của cuộc đời.  => Câu nói của Tagore đã nêu chính xác bản chất, đặc trưng của thơ là sự bộc lộ tình cảm, cảm xúc mãnh liệt đã được ý thức, được lắng lọc qua cảm xúc thẩm mĩ của nhà thơ.  - Lí giải vì sao *thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong*:  + Vì văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, phản ánh cuộc sống trực tiếp hoặc gián tiếp. Tuy nhiên, không phải đơn giản là mô phỏng, sao chép, miêu tả sự vật bên ngoài, các sự kiện xảy ra mà là sự tái tạo thông qua thế giới chủ quan của người nghệ sĩ.  + Do đặc trưng của thơ ca: Nói đến thơ là nói đến cảm xúc, nhà thơ tái hiện cuộc sống thông qua những rung động của chủ thể trữ tình, bằng những xúc cảm mãnh liệt. Tình cảm mãnh liệt ở đây không phải là những khóc cười ồn ào bên ngoài mà là sự rung động mãnh liệt ở bên trong, sự giày vò, chấn động trong tâm hồn. Nhà thơ phải sống rất sâu vào tâm hồn mình, lắng nghe các xao động, đau đớn, sướng vui với những xúc động nội tâm. Thiếu tình cảm mãnh liệt và sâu sắc thì sẽ không có thơ. Độ chín của cảm xúc nhà thơ làm nên chiều sâu của sự thể hiện cuộc sống và lay động tâm hồn người đọc.  **2. Chứng minh qua bài thơ “ Nắng mới” của Lưu Trọng Lư**  **+ Hoàn cảnh sáng tác:** Lưu Trọng Lư làm bài thơ này khi ông đã xa mảnh đất Cao Lao Hạ quê ông! Thế nên mới sinh ra cảnh nhớ cảnh quê, nhớ mẹ, mới phải “mường tượng” những hình ảnh đã xa! Bài thơ này được trích từ tập thơ “Tiếng thu”, xuất bản năm 1939  **+ Luận điểm 1: Hình ảnh nắng mới khơi gợi nguồn cảm xúc về kí ức:**  Hình ảnh làng quê: "nắng mới", "gà trưa" => đây là những hình ảnh quen thuộc gắn liền với làng quê Việt Nam. - Từ "hắt" diễn tả ánh sáng xuyên qua song cửa. => gợi không gian hiu hắt, vắng lặng. - Từ láy "xao xác", "não nùng" diễn tả âm thanh xao động. Tiếng gà nhấn mạnh sự vắng lặng của không gian, lấy động để tả tĩnh. Cách ngắt nhịp 2/2/3 thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương. - Kết hợp từ thông thường là "buồn rười rượi" nhưng tác giả đảo từ "rượi" lên trước từ "buồn" nhằm nhấn mạnh nỗi buồn tê tái, khôn nguôi. - Từ láy "chập chờn" thể hiện những hình ảnh trong quá khứ dần hiện lên trong tâm trí của nhân vật trữ tình.  Hình ảnh “nắng mới” hay tiếng “gà trưa” dường như đã quá quen thuộc, gắn liền với chốn thôn quê thanh bình. Thế nhưng khi đi vào trong thơ Lưu Trọng Lư, chúng lại mang nét đượm buồn. Vài giọt nắng “hắt bên song”, tiếng gà gáy “xao xác”, “não nùng”. Tất cả đều phủ một màu buồn rõ rệt lên khung cảnh. Điều này cũng trực tiếp phản ánh tâm trạng của nhân vật trữ tình. Lòng người “rượi buồn” nhớ lại về “thời dĩ vãng”, nghe như đã qua biết bao thăng trầm. Để rồi, từng kí ức “chập chờn” sống lại. Từ láy “chập chờn” khiến ta liên tưởng đến dòng hồi tưởng không liên tục, lúc gần lúc xa. Điều này cũng khiến tâm trạng con người thay đổi, lên xuống không ngừng.  **+ Luận điểm 2: Kí ức về mẹ trong tâm tưởng của nhân vật "tôi":** - "Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời/ Lúc người còn sống, tôi lên mười": nhân vật trữ tình trực tiếp bày tỏ nỗi nhớ về mẹ. - Câu thơ "Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội": khi nắng mới xuất hiện ngoài đồng nội, mẹ lại phơi áo => Kí ức về mẹ gắn liền với hình ảnh mẹ phơi áo trước giậu mỗi lần nắng mới. => Hình ảnh mẹ gắn liền với quê hương. - "Hình dáng mẹ tôi chửa xoá mờ": khẳng định hình dáng mẹ vẫn luôn hằn sâu trong tâm trí. - "Hãy còn mường tượng lúc vào ra": nhớ về bóng dáng mẹ đi lại trong nhà. - Hai câu thơ "Nét cười đen nhánh sau tay áo,/ Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa" : nhân vật trữ tình nhớ về mẹ với nụ cười đen nhánh. Hình ảnh mẹ gắn liền với nắng buổi trưa, gắn liền với căn nhà. Mẹ mang dấu ấn của người phụ nữ Việt Nam xưa với hàm răng đen nhánh, vừa lấp lánh tỏa sáng vừa kín đáo, nhẹ nhàng.  - Với cách gọi “me tôi” đầy giản dị, gần gũi lại càng khiến cảm xúc dâng lên thêm xót xa, ngậm ngùi. Nhà thơ nhớ về những năm tháng ấu thơ hạnh phúc bên mẹ, nhớ về màu đỏ của chiếc áo mà người phơi. Màu đỏ ấy kết hợp cùng màu nắng rực rỡ trái ngược hoàn toàn với khung cảnh xác xơ, hiu quạnh của khổ thơ đầu. Động từ “reo” còn cho thấy sự vui tươi, làm bừng lên không gian của kí ức. Nhưng điều đó lại càng khiến hoàn cảnh hiện tại thêm xót xa bởi người mẹ giờ đây đã không còn. Hình ảnh của bà gắn với làng quê, thể hiện tình yêu mà tác giả dành cho gia đình cũng như cho quê hương dấu yêu. Hình ảnh ấy “chửa xóa mờ”, vẫn còn hiện hữu trong tâm trí người con. Đó là “nét cười đen nhánh” đầy e ấp sau tay áo, thể hiện sự duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam xưa.  => Mẹ hiện lên trong tâm tưởng của nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ. |  |
|  | **\* Đánh giá chung:**  Thể thơ thất ngôn, giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ. Từ ngữ trong bài thơ giản dị, mang màu sắc làng quê Bắc Bộ tạo nên sự gần gũi. Cách ngắt nhịp trong bài thơ: 3/4, 4/3, 2/5. Nhịp thơ đa dạng nhưng nhịp nhàng, phù hợp với tâm trạng của chủ thể trữ tình. Cách gieo vần trong bài thơ: vần chân liền và vần chân cách: tạo nhạc tính cho bài thơ. Bài thơ Nắng mới là những dòng hồi tưởng đẹp, đầy xúc động về mẹ, qua đó thể hiện tình yêu mẹ của tác giả Lưu Trọng Lư. |  |
|  | **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.*  *Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nội dung phân tích, đánh giá; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*   * *Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0.5 điểm.* |  |

**ĐỀ 15: Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi**

**PHẦN I: ĐỌC -HIỂU (6 ĐIỂM)**

**NẮNG ĐÃ HANH RỒI**

*(Vũ Quần Phương)*

*Nắng đã vàng hanh như phấn bay*

*Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày*

*Trước sân mây trắng về đông lắm*

*Em ở xa nhà em có hay*

*Em có hình dung những mái tranh*

*Nắng lên khói ủ mộng yên lành*

*Vườn sau tre mía xôn xao lá*

*Anh chẳng là cây cũng trĩu cành*

*Em có cùng anh lên núi không*

*Có nghe thầm thĩ tiếng rừng thông*

*Nắng chiều ngả bóng thông in đất*

*Anh ngả vào đâu nỗi nhớ mong*

*Xuân sắp sang rồi xuân sắp qua*

*Một năm năm mới lại năm qua*

*Mà sao nắng cứ như tơ ấy*

*Rung tự trời cao xuống ngõ xa*

*( In trong Hoa trong cây, Những điều cùng đến, Vết thời gian, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014, tr. 33)*

**Câu 1**. Phương thứcbiểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận. B. Tự sự. C. Biểu cảm D. Miêu tả.

**Câu 2.** Ở văn bản này, nắng được miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

A. Nắng lên khói ủ mộng yên lành/ nắng chiều ngả bóng

B. Nắng vàng hanh/ nắng lên khói ủ mộng yên lành

C. Nắng chiều ngả bóng/ nắng vàng hanh như phấn bay/nắng cứ như tơ

D. Đáp án A, B,C

**Câu 3**. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ :

*Nắng đã vàng hanh như phấn bay*

*Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày*

A. So sánh, nhân hóa B. Hoán dụ, ẩn dụ

C. So sánh , ẩn dụ, nhân hóa D. Nhân hóa, so sánh

**Câu 4.** Bài thơ là lời của ai nói với ai?

1. Của nhân vật trữ tình nói với người yêu
2. Của nhân vật “ anh” nói với “em”
3. Của hai người yêu nhau nói với nhau
4. Của tác giả nói với “em”

**Câu 5**. Việc chọn chủ thể trữ tình và đối tượng giãi bày cảm xúc như trong bài thơ có tác dụng gì

A. Thể hiện tình cảm tự nhiên

B. Tự nhiên bộc lộ cảm xúc

C. Thể hiện tình yêu đôi lứa, tình yêu thiên nhiên

D. Bộc lộ cảm xúc một cách tự nhiên và độc đáo

**Câu 6.** Từ “ ngả” trong câu thơ “ anh ngả vào đâu nỗi nhớ mong” được hiểu là

A.Trạng thái của nỗi nhớ mongB. Nghiêng về một phía

C. Nỗi nhớ mong không biết hướng về đâu D. Chờđợi mong ngóng mùa xuân về

**Câu 7.** Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của bài thơ?

A. Đề cập đến khung cảnh thiên nhiên mùa đông

B. Là dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước khung cảnh thiên nhiên mùa đông qua đó bộc lộ nỗi nhớ mong, khao khát được sum họp với người con gái phương xa.

C. Là nỗi lòng của nhân vật “anh” gửi tới người “em” phương xa khi mùa đông về

D. Là bức tranh thiên nhiên mùa đông và nỗi lòng mong ngóng mùa xuân về. Qua đó bộc lộ nỗi nhớ đối với người em phương xa

**Câu 8.** Hãy phân tích hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ ở hai câu thơ *“*

*Nắng đã vàng hanh như phấn bay/Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày”*

**Câu 9.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ sau *“Xuân sắp sang rồi xuân sắp qua/Một năm năm mới lại năm qua ”* .

**Câu 10. C**ảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ gợi cho anh chị suy nghĩ gì?

**II. VIẾT (14,0 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)** *Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.*

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

**Câu 2**. **(10 điểm)** Hãy viết một bài văn nghị luận nêu cảm nhận của anh/chị về một vẻ đẹp của bài thơ *“Nắng đã hanh rồi ”* của Vũ Quần Phương.

**\* Gợi ý:** Bài thơ được In trong tập Hoa trong cây, Những điều cùng đến, Vết thời gian, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014, tr33)

Bài thơ miêu tả khung cảnh thiên nhiền mùa đông ở trước sân nhà, trên những mái tranh và khung cảnh thiên nhiên mùa đông ở trên núi.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | C |  |
| 2 | C |  |
| 3 | C |  |
| 4 | B |  |
| 5 | D |  |
| 6 | A |  |
| 7 | D |  |
| 8 | - Biện pháp tu từ so sánh/ ẩn dụ  - So sánh “ nắng vàng hanh như phấn bay”/ ẩn dụ “sông gầy”  - Tác dụng: làm nổi bật vẻ đẹp của nắng hanh, gợi liên tưởng tới hình ảnh nắng  mỏng, nhẹ như phấn bay. Ẩn dụ diễn tả hàm súc hình ảnh dòng sông mùa đông. Qua đó làm nổ bật cảm nhận tinh tế của nhân vật trữ tình và tình yêu sự gắn bó với thiên nhiên. |  |
| 9 | - Từ “xuân” được hiểu là mùa xuân cũng được hiểu là tuổi xuân của con người.  Mùa xuân, năm mới sắp về và tuổi xuân sắp qua.  - Câu thơ thể hiện sự mong đợi của nhân vật trữ tình với người em gái phương  xa. |  |
| 10 | - Cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ: yêu thiên nhiên, chờ đợi mong ngóng  người em gái phương xa  - Suy nghĩ của bản thân: sự gắn bó với thiên nhiên sẽ giúp con người gần gũi với  giao cảm với thiên nhiên từ đó mà yêu và trân trọng những vẻ đẹp bình dị của cuộc sống đời thường |  |
|  | **PHẦN II VIẾT (14 ĐIỂM)** |  |
|  | **Câu 1**. Giới thiệu ý kiến của đề bài: biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng xấu hổ còn quan trọng hơn. |  |
|  | **Giải thích:**  - Tự hào: lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.  - Xấu hổ: cảm thấy hổ thẹn khi thấy mình có lỗi hoặc kém cỏi trước người khác.  - Ý kiến: thể hiện quan điểm của người phát biểu về quan hệ của tự hào với xấu hổ: tự hào thì cần thiết, xấu hổ quan trọng hơn.  **- Phân tích, chứng minh:**  + Tự hào là cần thiết:  - Người tự hào thường là người hiểu rõ bản thân, nhất là sở trường, các tốt đẹp của bản thân. Do đó cũng dễ là người có thái độ tự tin.  - Tự hào thường mang lại những cảm xúc tích cực. Nó giúp người ta dễ phấn khởi trong hành động. Do đó cuộc sống dễ đạt được những thành công.  + Biết xấu hổ còn quan trọng hơn:  + Biết xấu hổ, người ta dễ tránh những lỗi lầm sai trái.  + Biết xấu hổ, người ta dễ nỗ lực vươn lên để khắc phục những kém cỏi của bản thân.  + Biết xấu hổ, người ta dễ có lòng khiêm tốn, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm.  + Biết xấu hổ là một trong những biểu hiện của lòng tự trọng, của nhận thức về phẩm giá con người.  + Biết xấu hổ, người ta cũng dễ biết kiềm chế bản thân trước các tình huống.  - Phê phán: Trong thực tế, có những người không biết tự hào, cũng chẳng tự trọng, vô cảm với mình, với người. Nguyên nhân thường do thiếu nhận thức, thiếu kỹ năng sống.  - Bình luận: Tự hào, tự trọng (mà biết xấu hổ là một biểu hiện của nó) là những phẩm chất đáng quý mà mỗi người cần có, trong đó cần nhận thức tự hào là cần thiết nhưng tự trọng thì quan trọng hơn.  - Làm sao để có lòng tự hào và tự trọng:  - Cần có hiểu biết và ý thức về giá trị con người và cuộc sống.  - Cần có hiểu biết về ý nghĩa quan trọng của phẩm giá cá nhân.  - Cần nỗ lực phấn đấu rèn luyện trau dồi những phẩm chất và kỹ năng sống cần thiết để sống tốt. |  |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.* |  |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  *- Một vẻ đẹp của bài thơ như: vể dệp trong cảm xúc, vẻ đẹp của ngôn từ....* |  |
|  | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu bài thơ và tác giả.  - Nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  **II. Thân bài**  - Lần lượt phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ:  **1. Khung cảnh thiên nhiên mùa đông ở trước sân**  - Nắng hanh: vừa nắng vừa lạnh.  => Đây là một kiểu thời tiết đặc trưng của mùa đông ''Nắng đã vàng hanh như phấn bay'  - Tiếng sếu vọng sông ngày: theo như dân gian. Khi nghe tiếng sếu kêu nghĩa là báo hiệu mùa đông  => Khung cảnh thiên nhiên trước sân nhà tiêu điều, hiu hắt. Tác giả sử dụng láy vần “ay” mở rộng không gian trước sân nhà vào mùa đông. Nhà thơ nhắc đến nhân vật “em xa nhà” thể hiện những nỗi niềm nhớ nhung với cô gái ở xa.  **2. Khung cảnh thiên nhiên mùa đông ở trên những mái tranh**  - Khung cảnh nắng hanh mùa đông thay bằng “nắng lên khói ủ”  => Khói ở đây có thể là sương sớm nhưng cũng có thể là khói bếp chiều. Tác giả muốn miêu tả không gian trở thân thuộc, gần gũi.  - Nghệ thuật nhân hóa vườn mía “xôn xao” lá gợi không gian vui vẻ, phấn khởi với sự hiện diện thấp thoáng bóng con người  **3. Khung cảnh thiên nhiên mùa đông ở trên núi**  - Dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình tràn ngập nỗi nhớ mong  + Câu hỏi tu từ “em có muốn...” Bộc lộ những cảm xúc khát khao được ở gần người con gái đang ở phương xa.  + Cảnh nắng chiều luôn là một cảnh gợi nhớ đến nỗi niềm nhớ mong vì buổi chiều là lúc con người sum họp sau một ngày dài, cũng là lúc ngôi nhà chợt thấy thiếu vắng vì một người con gái đang ở xa.  **4. Những hy vọng tương lai của nhân vật trữ tình**  - Điệp từ “xuân sắp sang” lặp lại hai lần  => Nhân vật trữ tình như đang reo vui, phân khởi chờ mong mùa xuân tới cũng là chờ mong được sum họp, được gần gũi với người em ở phương xa.  **III. Kết bài:**  - Khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.*  *Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nội dung phân tích, đánh giá; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0.5 điểm.* |  |

**ĐỀ 16: Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi**

**Phần I: Đọc hiểu (6,0 điểm)**

*Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở…*

*(Trích Dì Hảo - Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB VH, 201, tr.208)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên.

A. Tiểu thuyết B. Kịch C. Truyện ngắn D. Truyền kì.

**Câu 2**: Xác định nhân vật chính trong văn bản.

A. Dì Hảo B. Hắn C. Dì Hảo và Hắn D. Người kể chuyện

**Câu 3:** Xác định ngôi kể của văn bản trên?

A. Ngôi kể thứ nhất. B. Ngôi kể thứ ba.

C. Kết hợp cả hai ngôi kể. D. Dì Hảo tự kể chuyện đời mình.

**Câu 4:**Chọn đáp án đúng nhất thể hiện dì Hảo không trách người chồng tàn nhẫn của mình?

A. “*Dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy.”*

B. “*Trách làm gì hắn...”*

C. “*Dì còn phải khóc hơn thế nhiều.”*

D. “*Cũng như dì đã không trách bà tôi...”*

**Câu 5:** Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của dì Hảo?

A. Khóc, nấc B. Nghiến chặt răng; khóc

C. Nghiến chặt răng; khóc; nấc D. Nghiến chặt răng; khóc; nấc; thổ ra

**Câu 6:**Tác dụng của phép điệp trong văn bản?

A. Nhấn mạnh nỗi cô đơn của dì Hảo.

B. Nhấn mạnh vào tiếng khóc của dì Hảo.

C. Nhấn mạnh nỗi bất hạnh của dì Hảo.

D. Nhấn mạnh hoàn cảnh nghèo khó của dì Hảo.

**Câu 7:** Đoạn văn: *Cũng như dì đã không trách........ và khổ cực thay!* sử dụng những kiểu câu nào?

A. Câu trần thuật, câu nghi vấn. B. Câu trần thuật, câu cảm thán.

C. Câu nghi vấn, câu cảm thán. D. Câu trần thuật, câu cảm thán, câu hỏi tu từ.

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8:** Tình cảnh của dì Hảo giúp anh/chị hiểu gì về thân phận người nông dân trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng?

**Câu 9:** Anh/chị hiểu như thế nào về câu văn: “*Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.”* trong đoạn trích?

**Câu 10:** Qua đoạn trích trên, anh/chị hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao.

**Phần II: Viết (14,0 điểm)**

**Câu 1**. ( 4 điểm) Viết bài văn (khoảng 300 chữ) nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề học sinh THPT sử dụng thuốc lá điện tử.

**Câu 2.** **(10 điểm)** Nhà thơ Xuân Diệu viết: *Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam*. Qua chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**..................... Hết .....................**

(*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*)

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | B | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | Thân phận bất hạnh của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng.  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 0,5 |
| **9** | Câu văn: “*Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.”* ý nói: Dì Hảo chỉ nhận được một chút vật chất nhỏ bé còn nỗi khổ đau, bất hạnh thì gấp nhiều lần.  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **10** | Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao: Khắc họa diễn biến tâm lí phức tạp, hướng vào mọi biểu hiện, mọi chuyển biến trong thế giới nội tâm của con người, sử dụng những thủ pháp và phương tiện khác nhau để miêu tả tâm lí nhân vật....  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **II** | **1** | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* học sinh THPT sử dụng thuốc lá điện tử. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  **\* Giải thích khái niệm: “thuốc lá điện tử”.**  Thuốc lá điện tử là thiết bị chạy bằng pin dùng để làm nóng dung dịch lỏng chứa nicotine, biến dung dịch này thành hơi để người hút có thể hít vào phổi. Một số thuốc lá điện tử nhìn bề ngoài có hình dáng giống với thuốc lá điếu truyền thống hay xì gà. Những loại khác trông giống như bút hoặc ổ đĩa flash hoặc có những thiết kế hoàn toàn khác lạ.  **\* Thực trạng:**  - Có rất nhiều em học sinh hút thuốc lá điện tử trong và ngoài khuôn viên trường học.  - Việc hút thuốc lá điện tử hiện nay đang có xu hướng gia tăng mạnh mẽ.  - Một nghiên cứu tại Hà Nội do Viện Chiến lược và Chính sách y tế tiến hành năm 2020 cho thấy, tỷ lệ đang sử dụng thuốc lá điện tử ở học sinh lớp 8-12 là 8,35% (nữ là 4,8%, nam là 12,39%), ở học sinh lớp 10-12 là 12,6%.  **\* Nguyên nhân:**  - Chủ quan: do người dân thiếu ý thức, hiểu biết về tác hại của thuốc lá điện tử hoặc muốn thể hiện bản thân mình (sành điệu, là dân chơi).  - Khách quan: do tác động của bên ngoài, người xung quanh, bạn bè rủ rê hút nên hút theo.  **\* Hậu quả:**  - Thuốc lá điện tử có hại cho cả người dùng và người xung quanh.  - Đặc biệt thuốc lá điện tử hấp dẫn với trẻ em và vị thành niên, tăng nguy cơ bắt đầu sử dụng thuốc lá; Có nguy cơ ngộ độc không chú ý và gây chấn thương do phát nổ.  - Tiếp xúc lâu sẽ tăng nguy cơ gây các bệnh như ung thư, tim mạch, hô hấp và các bệnh nguy hiểm khác.  - Gây hội chứng tổn thương hô hấp cấp, tử vong….  **\* Cách khắc phục:**  - Các gia đình cũng cần tăng cường giám sát con em mình, tránh xa thuốc lá điện tử.  - Các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác quản lý lĩnh vực kinh doanh thuốc lá điện tử, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng về tác hại mà thuốc lá nói chung và thuốc lá điện tử có thể gây ra. | 4 |
|  | **c. Đánh giá chung:**  + Khẳng định lại tác hại của thuốc lá điện tử.  + Rút ra bài học cho bản thân. | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* | 0,5 |
|  | **2** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu về câu nói  - Dẫn dắt nêu ý kiến  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến: Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam**  – Điều đầu tiên ta thấy trước hết là hình ảnh mùa thu trong ba bài thơ đều được diễn ra trên nền của không gian làng quê. Đó là những hình ảnh mùa thu diễn ra trên làng quê.  + Mùa thu rất quen thuộc trong thơ ca từ cổ chí kim, vốn là đề tài muôn thưở gần gũi và quen thuộc của các thi nhân. Mùa thu là mùa đẹp gợi cảm hứng cho các nhà thơ thổ lộ tâm tình của mình.  + Trước Nguyễn Khuyến, cảnh thôn quê đã từng xuất hiện ít nhiều trong thơ Nguyễn Trãi:  *“Ao cạn, vớt bèo cấy muống*  *Đìa thanh phát cỏ ương sen”.*  Nhưng chỉ đến Nguyễn Khuyến, văn học mới thực sự trở về làng quê, về với người dân nơi thôn dã.  + Nguyễn Khuyến “n*ổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là thơ Nôm*” (Xuân Diệu). Ba bài “*Thu Điếu”, “Thu Vịnh”, “Thu ẩm*” thể hiện tập trung nhất sự đa dạng và tinh tế của tác giả. Mỗi bài thơ thu của Nguyễn Khuyến miêu tả, cảm nhận mùa thu ở một không gian, thời gian không giống nhau nhưng tất cả đó đều là những cảnh vật rất thật của nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ở đây, không hề có những ước lệ vốn đã thành quen thuộc trong thơ cổ. Một bầu trời xanh ngắt, ao thu trong veo, một cần trúc hắt hiu trong gió, một ngõ xóm quanh co, mấy gian nhà tranh mái rạ, một hàng giậu phất phơ bóng khói ban chiều… đó đều là những cảnh rất thân thuộc của làng quê Việt Nam. Nó yên ả thanh bình như vốn có tự ngàn đời chứ chưa hề động gót giày của quân xâm lược Pháp. Nó gợi trong ta cái tình quê, hồn quê sâu thẳm.  **b. Phân tích ý kiến**  **Luận điểm 1. Hình ảnh thôn quê hiện lên trong cả ba bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến.**  **\* “Thu vịnh” (“Vịnh mùa thu”)**   - Bài thơ không tả mùa thu từ một nơi, trong một lúc mà là bức tranh tổng hợp, khá hoàn chỉnh về mùa thu. Ở đây hầu như có đủ những hình ảnh đặc trưng cho mùa thu ở thôn quê Việt Nam( bầu trời cao xanh, cần trúc mảnh mai, gió thu nhẹ, mặt nước biếc phu sương khói, ánh trăng trong, chùm hoa trước giậu…). Chỉ bằng mấy nét chấm phá, Nguyễn Khuyến đã gợi được cái hồn thu nơi từng cảnh vật.  Cảm nhận tinh tế của thi nhân được thể hiện rõ qua cách dùng từ:  *“Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*  *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*  *Nước biếc trông như tầng khói phủ*  *Song thưa để mặc bóng trăng vào…”*  Cảnh mùa thu trong *Thu vịnh* thật thanh khiết, tĩnh lặng. Từ đường nét đến màu sắc, từ âm thanh đến vận động… cái gì ở đây cũng dịu, cũng nhẹ. Ấy cũng là đặc điểm tâm hồn Nguyễn Khuyến. Ông không hợp với những gì ồn ào, xô bồ, rực rỡ. Tâm hồn ông dễ xúc động với những vẻ đẹp thanh tao, uyển chuyển, những sắc màu sáng trong, dịu mát. Tâm hồn ấy cùng thường phả vào cảnh vật một chút hắt hiu, buồn rầu.  Không khí làng quê mùa thu ở *Thu vịnh* im ắng và phảng phất nỗi u hoài. Không gian và thời gian trở nên mông lung, không xác định trong tâm trạng bâng khuâng buồn của thi nhân:  *Mấy chùm trước giận hoa năm ngoái*  *Một tiếng trên không ngỗng nước nào…*  Thế giới thiên nhiên này gợi lên cảm giác yên tĩnh trong trẻo và ngưng lọng ngàn đời. Trước những biến động ngang trái của cuộc đời, Nguyễn Khuyến muốn được mãi mãi ở trong vẻ đẹp thanh tĩnh của làng quê.  **\*  “Thu điếu” (“Câu cá mùa thu”)**  - Bài thơ cảm nhận mùa thu từ một không gian xinh xắn, thơ mộng, từ điểm nhìn của một người câu cá. Mở đầu bằng một cảnh thu bình dị rất riêng của làng, quê đồng bằng Bắc Bộ: ao thu. Một thế giới tĩnh lặng, trong suốt mà trong đó mọi vật hài hòa nhẹ nhõm:  *“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*  *Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.”*  - Những chuyển động, âm thanh trong thế giới thu này thật nhẹ nhàng và chỉ càng gây ấn tượng về sự đọng kết, sự tĩnh lặng. Làn sóng biếc chỉ “gợn tí”. Lá vàng cũng “khẽ đưa vèo trong gió thu… Hai câu thực tả cảnh gần, hai câu luận tả canh cao, cảnh xa để hợp tạo thành bức tranh thu yên ả, đượm buồn. Chỉ ở mùa thu mới có “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” ấy (ba  lần trong ba bài thơ thu đều xuất hiện bầu trời xanh ngắt). Cũng chỉ ở làng quê xứ Bắc đang độ thu mới có “Ngõ trúc quanh co khách vắng teo” ấy!  - Trong bức tranh thu ở *Thu điếu* hiện lên hình ảnh con người đang ngồi câu cá nơi ao thu lạnh lẽo”. Song con người này cũng chẳng hề đánh động thêm gì cho bức tranh. Trái lại, tư thế và tâm tưởng của con người chỉ tạo thêm ấn tượng về sự ngưng đọng mà thôi.  **\* “Thu ẩm” ( “Uống rượu mùa thu”)**  - Đây là mùa thu được cảm nhận bằng tâm trạng của một người ngồi uống rượu. Lúc này, cảnh thu sẽ mang các ấn tượng nỗi niềm riêng – dường như cũng chập chờn, mờ ảo. Có lẽ vì thế mà bài thơ có nhiều từ lấp láy và dùng vần “oe”.  - *Thu ẩm* không miêu tả riêng một cảnh thu ở một thời điểm nào mà là sự “tổng hợp nhiều cảnh thu ở nhiều thời điểm” (Xuân Diệu). Bài thơ cũng không hề có một chữ “thu” (khác với “trời thu” ở *Thu vịnh* và “ao thu” ở Thu điếu). Vậy mà đọc lên ta nhận ra chính xác cảnh sắc thu quen thuộc của làng quê Việt Nam. Đây là một mái nhà tranh bình dị trong ngõ tối vào đêm sâu lập lòe những con đom đóm:  *Năm gian nhà cỏ thấp le te.*  *Ngõ tối đèm sâu đóm lập lòe.*  -  Phải là “ngõ tối”, “đêm sâu” thì mới có thể thấy “đóm lập lòe”; ngược lại, cái lập lòe của con đom đóm ấy lại càng khiến cho ngõ tối bỗng tối hơn, đêm sâu thành sâu hơn… Đây là cảnh của buổi sáng sớm (hay buổi chiều) với khói nhạt phất phơ nơi lưng giậu. Rồi lại cảnh đêm trăng với mặt ao lóng lánh:  *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*  *Làn áo lóng lánh, bóng trăng loe.*  Lại một một bầu trời trong suốt ở buổi ban trưa hay ban chiều với màu xanh thăm thẳm:  *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt.*  Bài thơ tạo trong ta ấn tượng “phi thời gian” nhưng cũng gợi rất sâu vào không khí tĩnh mịch, trong lành vô cùng thân thuộc của thôn quê Việt Nam.  **\* Luận điểm 2: Hình ảnh con người - nhân vật trữ tình:**  - Trong chùm thơ thu Nguyễn Khuyến ta không chỉ bắt gặp cảnh mà còn bắt gặp hình ảnh con người thi nhân. Nếu trong thơ ca trước đó, tính ước lệ, quy phạm khiến cho hình ảnh của tác giả thường mờ nhạt, khó có thể cụ thể giọng điệu cảm xúc thì ở chùm thơ thu này, hình ảnh Nguyễn Khuyến hiện lên rất rõ. Đó là hình ảnh của một con người luôn nghĩ về thời thế:  – Trong “Thu điếu” ta thấy dáng ngồi câu cá “tựa gối ôm cần” thú vui câu cá tao nhã của thi nhân:  “*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được*  *Cá đâu đớp động dưới chân bèo”.*  Tiếng cá kia cũng chỉ tồn tại trong sự liên tưởng mà thôi chứ thực chất bức tranh mùa thu tĩnh lặng tuyệt đối, cái giật mình là giật mình của một tâm trạng chưa bao giờ yên cả.  - Trong “Thu Vịnh” tác giả cảm thấy “thẹn”, cái thẹn đó có thể là thẹn về nhân cách hay về tài thơ so với Đào Tiềm. Phải chăng đó chỉ là cái cớ cho một nỗi thẹn thường trực của thi nhân với non sông đất nước?  *“Nhân hứng cũng vừa toan cất bút*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào”*  - Và đến “Thu ẩm” thì nỗi đau, nỗi cô đơn đã hiện ra cả hành động. Đó là hành động mượn rượu giải sầu:  *“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt*  *Mắt lão không ầy cũng đỏ hoe”*  Điều đó đã cho thấy cảm giác của nỗi khôn nguôi, nỗi cô đơn, của một thân phận cô độc trong thời tao loạn, lủi thủi sống nơi thôn quê. Ông day dứt về quê hương đất nước, mặc cảm cứ tự trách mình hổ thẹn với non sông:  *“Ơn vua chưa chút báo đền,*  *Cúi trông thẹn đất, ngửa trông thẹn trời”*  *(“Di chúc”)*  Ba bài thơ tuy giống nhau về diểm nhìn của tác giả, hệ thống các phương thức biểu hiện. Nhưng mỗi bài lại mang một nét độc đáo của thơ Nguyễn Khuyến. Làng cảnh Việt Nam đặc sắc, quen thuộc, đơn sơ, dung dị, đáng yêu. Cái hồn của quê hương hiện lên thật rõ ràng. Nó rất tiêu biểu cho thơ trữ tình của Nguyễn Khuyến về quê hương thanh đạm, tinh tế, vài nét chấm phá mà vẫn hội tụ được nhiều vẻ đẹp.  **c. Bình luận**  *- Đây là ý kiến đúng:*Ba bài thơ mỗi bài có những vẻ đẹp khác nhau song hội tụ lại đều nói về cảnh thu, hồn thu về làng cảnh, cuộc sống, phong tục, con người. Trong thơ Nguyễn Khuyến phảng phất một cái buồn lặng lẽ như chính tâm hồn của nhà thơ. Mọi cảnh vật đều đẹp, thanh sơ mang màu sắc của vùng quê đồng bằng Bắc Bộ với một bầu trời thu xanh cao, một không khí bảng lảng sương khói, một làn gió thu se lạnh, một ao bèo, một thuyền câu,… những hình ảnh này không chỉ là các chi tiết về vùng quê mà nó còn chứa đựng cả tâm hồn nhà thơ.  - Đến với chùm ba bài thơ thu của Nguyền Khuyến, ta bắt gặp những cảnh sắc không thể lẫn của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Những bức tranh thu ấy được vẽ nên bằng tấm lòng yêu mến quê hương mình, bằng tình yêu cuộc sống thanh cao, tĩnh lặng chốn thôn quê của cụ Tam nguyên Yên Đổ. Thành công của những bài thơ thu này cũng chứng tỏ tâm hồn tinh tế, ngòi bút tài hoa của Nguyễn Khuyến. Chúng đưa ông lên địa vị danh dự trong các thi nhân viết về mùa thu, trong những nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.  **d. Mở rộng**  *Đối với người đọc, cần trân trọng tài năng của tác giả trong*việc tả cảnh vật thân thuộc, đơn sơ mà dung dị, đáng yêu của làng cảnh Việt Nam. Cái nhìn trên bề mặt cùng cái hồn đồng quê hiện lên rất rõ trong từng câu, từng chữ. Đồng thời cũng đồng cảm với cái tình của nhà thơ vô cùng đằm thắm và tinh tế*. Từ đó bồi đắp thêm tình yêu đối với quê hương, đất nước.*  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận | 10 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.*  *Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nội dung phân tích, đánh giá; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0.5 điểm.* |  |

**ĐỀ 17: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**ĐỢI MƯA TRÊN ĐẢO SINH TỒN**

*Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi*

*Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết*

*Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt*

*Mưa lèm nhèm, chúng tôi chẳng thích đâu*

*Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu*

*Hay mưa bụi... mưa li ti... cũng được*

*Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước*

*Một giọt nhỏ thôi, cát cũng dịu đi nhiều*

*Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu*

*Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo*

*Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão*

*Chúng tôi như hòn đá ngàn năm, trong đập nhịp tim người*

*Như đá vững bền, như đá tốt tươi...*

*Mưa vẫn dăng màn lộng lẫy phía xa khơi*

*Mưa yểu điệu như một nàng công chúa*

*Dù mưa chẳng bao giờ đến nữa*

*Thì xin cứ hiện lên thăm thẳm cuối chân trời*

*Để bao giờ cánh lính chúng tôi*

*Cũng có một niềm vui đón đợi...*

*Đảo Sinh Tồn, quần đảo Trường Sa*

*Mùa khô 1981*

*(Trần Đăng Khoa, "Bên cửa sổ máy bay", NXB Tác phẩm mới, 1985)*

**Câu 1. Đoạn trích trên được làm theo thể thơ gì?**

A. Thể thơ tự do B. Thể thơ lục bát

C. Thể thơ bảy chữ D.Thể thơ tám chữ

**Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?**

A. Những người dân trên đảo B. Những người lính đảo

C. Những ngư dân trên đảo D. Những người chiến sĩ bộ đội biên phòng

**Câu 3. Trong bài thơ, những người lính trên đảo Sinh Tồn đang chờ đợi điều gì?**

A. Đợi tàu từ đất liền ra đảo B. Đợi mưa đến

C. Đợi nắng lên D. Đợi người thân đến thăm

**Câu 4. Giọng điệu của những người lính trong bài thơ như thế nào?**

A. Tự trào về hoàn cảnh của mình

B. Vui tươi, lạc quan vượt lên hoàn cảnh

C. Buồn rầu, chờ đợi mưa đến

D. Lo lắng, bất an

**Câu 5. Việc những người lính đợi mưa trên đảo cho thấy điều gì về thiên nhiên nơi đây?**

A. Thiên nhiên khắc nghiệt B. Thiên nhiên hiền hoà

C. Thiên nhiên tươi đẹp D. Thiên nhiên đầy sức sống

**Câu 6. Qua câu thơ *Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo* đã nói lên phẩm chất gì của những người lính đảo?**

A. Sẵn sàng vượt qua nguy hiểm B. Kiên cường thực hiện nhiệm vụ

C. Kiên cường vượt qua hoàn cảnh thiếu thốn D. Dũng cảm, lạc quan, yêu đời

**Câu 7. Tâm trạng của những người lính đảo ở 4 câu thơ cuối là gì?**

A. Mong chờ mưa đến B. Vui mừng đón đợi

C. Chờ đợi và tin tưởng D. Thắc thỏm chờ mưa

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 8. Qua bài thơ, em hiểu gì về vẻ đẹp tâm hồn của những người lính đảo?**

**Câu 9. Nhận xét về tình cảm của tác giả được thể hiện trong những câu thơ sau:**

*Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu*

*Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo*

*Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão*

*Chúng tôi như hòn đá ngàn năm, trong đập nhịp tim người*

*Như đá vững bền, như đá tốt tươi...*

**Câu 10.** Bài học sâu sắc nhất với em qua bài thơ là gì? Vì sao? (Trình bày từ 5 – 7 dòng)

**II.VIẾT (14 điểm)**

**Câu 1.** **(4 điểm)** Trong thời gian gần đây một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang đã có những phát ngôn ngây ngô, thiếu hiểu biết. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày quan điểm của em về vấn đề này ?

**Câu 2. (10 điểm)** *“Nghệ thuật chỉ làm ra những vần thơ khéo léo, còn trái tim mới làm nên tác phẩm thi ca.”* ( V. Huy-gô). Anh / chị suy nghĩ như thế nào về vấn đề trên? Hãy phân tích một bài thơ Đường luật đã hộc để làm sáng tỏ ý kiến trên

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** | | |
|  | 1 | A | 0,5 | | |
|  | 2 | B | 0,5 | | |
|  | 3 | B | 0,5 | | |
|  | 4 | B | 0,5 | | |
|  | 5 | A | 0,5 | | |
|  | 6 | C | 0,5 | | |
|  | 7 | B | 0,5 | | |
|  | 8 | Vẻ đẹp tâm hồn của những người lính đảo:  - Kiên cường, bản lĩnh vượt qua khó khăn thử thách và hoàn cảnh thiếu thốn  - Tinh thần lạc quan, trẻ trung yêu đời, tình yêu tổ quốc thiết tha. | 1,0 | | |
|  | 9 | *Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu*  *Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo*  *Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão*  *Chúng tôi như hòn đá ngàn năm, trong đập nhịp tim người*  *Như đá vững bền, như đá tốt tươi...*  - Học sinh chỉ ra được tình cảm của tác giả: tình cảm yêu mến, trân trọng, cảm phục của tác giả trước sự bền bỉ, kiên cường của những người lính đảo  - Học sinh đánh giá tình cảm của tác giả: tình cảm chân thành, sâu sắc có tác động mạnh mẽ tới tư tưởng của bạn đọc.  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo nội dung trên, giáo viên căn cứ vào mức độ thuyết phục để cho điểm* | 1,0 | | |
|  | **10** | Học sinh có thể chọn một trong số những bài học sau:  - Cần trân trọng giá trị của cuộc sống bình yên hiện nay  - Cần biết ơn và trân trọng sự hi sinh của những người lính đảo  - Cần phải sống có bản lĩnh ý chí, sẵn sàng vượt qua khó khăn  *Lưu ý: HS có thể nêu bài học khác với đáp án nhưng có nội dung phù hợp và lí giải thuyết phục thì vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5 | | |
| **II** |  | **VIẾT VĂN** | | **4,0** |
|  |  | Viết bài luận trình bày quan điểm của em về việc một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang đã có những phát ngôn ngây ngô, thiếu hiểu biết. | |  |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.* | | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* | | 0,5 |
|  |  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*: HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Thực trạng (0,25 đ):**  - Gần đây nhiều hoa hậu, á hậu khi đăng quang được báo chí phỏng vấn đã có những câu trả lời ngây ngô, gây sốc khiến cho khán giả có nhiều bất bình. Phần đông khán giả đều không hài lòng trước sự thiếu hiểu biết, ngô nghê của các hoa hậu, á hậu.  VD:  Hoa hậu Ý Nhi khi được hỏi về 3 người nổi tiếng của đất Bình Định đã kể tên mình, Hàn Mặc Tử và vua Quang Trung, cho rằng mình đã trưởng thành hơn các bạn khi đã là hoa hậu còn các bạn vẫn đang ngủ, chơi và uống trà sữa, yêu cầu bạn trai phải thay đổi để xứng đáng với mình…  Á hậu Đào Thị Hiền cũng phát ngôn gây sốc khi đặt mình trước các nhân vật lịch sử của Nghệ An trong đó có Bác Hồ…  **2. Hậu quả: 0,75**  - Việc một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang được báo chí phỏng vấn đã có những câu trả lời ngây ngô, gây sốc đã để lại những ấn tượng không tốt với khán giả, vì họ phải là những người đại diện cho vẻ đẹp nhan sắc và trí tuệ của xã hội.  - Từ đó khán giả mất niềm tin vào các cuộc thi sắc đẹp hiện nay  - Tạo ra hiệu ứng không tốt với xã hội khi làm cho giới trẻ có lối sống thực dụng, chạy theo hư danh, thích phát ngôn gây sốc để nổi tiếng.  **3. Nguyên nhân: 0,75**  - Do còn trẻ, non nớt trong suy nghĩ, nghĩ gì nói nấy mà chưa ý thức được sứ mệnh của một hoa hậu, á hậu .  - Do thiếu hiểu biết về các vấn đề xã hội, lịch sử, văn hóa.  - Do chưa được trang bị kĩ năng trả lời phỏng vấn …  **4. Giải pháp: 0,5**  - Ban tổ chức các cuộc thi cần có những tiêu chí cụ thể khi chấm để lựa chọn người xứng đáng với ngôi vị hoa hậu, á hậu.  - Các hoa hậu, á hậu cần ý thức được sứ mệnh của mình mà trau dồi kiến thức, rèn luyện bản thân, đặc biệt là trang bị kĩ năng trả lời phỏng vấn để trở thành người vừa có nhan sắc, vừa có trí tuệ, vừa có văn hóa.  - Nếu các hoa hậu, á hậu có phát ngôn hay hành động không phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, gây hại cho xã hội thì cần có những biện pháp phù hợp để nhắc nhở, xử phạt.  **5. Bài học về nhận thức và hành động: 0,25**  - Mỗi người cần cẩn trọng khi phát ngôn trước tập thể, đặc biệt là người của công chúng càng phải cân nhắc lời nói cho phù hợp với hoàn cảnh và nhận thức của số đông.  - Không ngừng nâng cao nhận thức, trau dồi tri thức và rèn luyện đạo đức để trở thành người có văn hóa giao tiếp tốt. | | 2,5 |
|  |  | *d.Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  *Hướng dẫn chấm:*  *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng tạo*: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |
|  |  | **a. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Dẫn ra vấn đề nghị luận  **b. Thân bài**  **\* Giải thích ý kiến trên**  - Nghệ thuật chỉ làm ra những vần thơ khéo léo:  + Nghệ thuật: Là những yếu tố thuộc phạm trù hình thức của tác phẩm thơ ca: Thẻ loại, cấu tứ, ngôn từ, hình ảnh, nhạc điệu, nhịp, vần, biện pháp tu từ….  + Những vần thơ khéo léo là những vần thơ đẹp, hấp dẫn bởi hình ảnh, ngô từ, nhạc điệu, thanh điệu…tạo ấn tượng ban đầu cho người đọc.  - Trái tim mới làm nên tác phẩm thi ca  + Trái tim: là cách diễn đạt hình tượng biểu hiện những tình cảm, cảm xúc mãnh liệt…vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ.  + Tác phẩm thi ca là sản phẩm tinh thần của nhà thơ. Ở đây V. Huy-gô đề cập đến những tác phẩm thơ ca chân chính, có giá trị có sức sống mãnh liệt trong độc giả, vượt qua giới hạn thời gian, không gian, trở thành tác phẩm chung của nhân loại.  Nhấn mạnh yếu tố tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ trong sáng tác thơ ca nói riêng, văn học nói chung. Đó là yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định cho giá trị của tác phẩm.  **\* Bàn luận vấn đề**  - Bình  + Khẳng định sự đúng đắn của ý kiến  + Về lí luận  + Về thực tiễn  - Luận  + Trong văn học nói chung, thơ ca nói riêng những tác phẩm có giá trị, nội dung và hình thức luôn thống nhất chặt chẽ với nhau, chúng sẽ không thể tồn tại và không thể có ý nghĩa thực sự khi có cái này mà không có cái kia.  Sự thống nhất giữa yếu tố nội dung và nghệ thuật đã tạo nên sức mạnh tư tưởng cho tác phẩm. Nội dung của tác phẩm phải có ý nghĩa lớn lao đối với cuộc sống của con người, nội dung đó phải được biểu hiện bằng một hình thức độc đáo. Tác phẩm nghệ thuật đích thực nhất là những tác phẩm ngôn từ bao giờ cũng là “một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung”  ( Lê-ô-nít Lê-ô-nốp  **\* Chứng minh ý kiến của V. Huy-gô qua việc phân tích bài thơ Đường luật “Lai tân” của Hồ Chí Minh.**  **+ Hoàn cảnh sáng tác:** Trong hoàn cảnh tù đày, Hồ Chí Minh đã chứng kiến biết bao sự thật về xã hội Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch. Lai Tân là nơi mà Bác đã trải qua trên con đường từ Thiên Giang đến Liễu Châu thuộc Quảng Tây (Trung Quốc). Bài thơ là bài thứ 97 trong 134 bài thơ của tập Nhật kí trong tù.  **+ Luận điểm 1: Bộ máy quan lại ở Lai Tân (Ba câu thơ đầu )**  - Đó là ba câu tự sự nói về hành vi thường thấy ở ba viên quan lại cai quản nhà ngục Lai Tân.  - Ở đây, dường như Bác không bình luận mà chỉ kể lại sự việc. Nhưng ngẫm cho kỹ, chúng ta thấy ý nghĩa của lời thơ thật sâu xa. Ba đối tượng mà Bác tập trung phê phán chủ yếu là ba đối tượng từ thấp đến cao, những kẻ cầm quyền và quản lý trực tiếp trật tự an ninh địa phương. Đó là những kẻ cầm cân nảy mực thực thi pháp luật, những quan lại “gương mẫu” nhất trong việc vi phạm pháp luật.  - Ban trưởng ngày ngày đánh bạc, cảnh trưởng ăn tiền hối lộ của phạm nhân một cách trắng trợn ; huyện trưởng thì “chong đèn làm công việc” nhưng thực chất “ngài đốt đèn để hút thuốc phiện đấy. Đó là một sự thật trong các huyện đường Quảng Tây dưới thời Tưởng”.  **+ Luận điểm 2: Thái độ của tác giả**  - Người đọc chờ đợi một sự lên án quyết liệt hùng hồn. Nhưng Hồ Chí Minh đã không làm như vậy, mà hạ một câu có vẻ dửng dưng, lạnh lùng: “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”. Song những đòn đả kích độc đáo bất ngờ ấy, thâm thuý sâu cay cũng lại chính là ở chỗ đấy. Thì ra tình trạng thối nát vô trách nhiệm của bọn quan lại ở Lai Tân là chuyện bình thường, trở thành bản chất của bộ máy cai trị ở đây.  - Câu kết, nhất là chữ “thái bình” như ẩn giấu “một tiếng cười khẩy” đầy mỉa mai có ý nghĩa lật tẩy bản chất thối nát của cả bộ máy nhà nước ở Lai Tân. Nhà phê bình Hoàng Trung Thông đã nhận xét “ở đâu đánh giặc thì cứ đánh, còn cái trời đất Lai tân này thì vẫn thái bình như muôn thuở”.  **\* Đánh giá khái quát nhận định của V. Huy- gô**  **-** Mỗi tác phẩm là một chỉnh thể nghệ thuật được tạo nên từ sự thống nhất của hai yếu tố nội ung và hình thức biểu hiện. Trong đó nội dung bao giờ cũng đóng vai trò quyết định việc lựa chọn hệ thống các phương tiện biểu hiện của người viết.  **c. Kết bài:**  - Khái quát lại vấn đề vừa nghị luận | |  |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.*  *Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nội dung phân tích, đánh giá; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0.5 điểm* | |  |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

**ĐỀ 18: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**“TẶNG MỘT VẦNG TRĂNG SÁNG”**

*(Lâm Thanh Huyền)*

*Một vị thiền sư tu trong nhà tranh trên núi, một hôm, nhân một buổi tối đi dạo trong rừng, dưới ánh trăng vằng vặc, đột nhiên ngài ngộ ra trí tuệ của mình.  
Ngài vui mừng trở về nơi ở, nhìn nhà tranh của mình bị kẻ cắp lục lọi, kẻ cắp tìm không ra của cải gì, lúc sắp sửa bỏ đi thì gặp Thiền sư ở cổng. Thì ra, sợ kẻ trộm giật mình, Thiền sư từ nãy đến giờ cứ đứng đợi ở cổng. Ngài biết chắc kẻ trộm không tìm được bất cứ đồ đạc gì đáng giá, liền cởi chiếc áo ngoài của mình cầm trong tay từ trước.  
Kẻ cắp gặp Thiền sư, đang trong lúc kinh ngạc bối rối, thì Thiền sư nói:- Từ đường rừng núi xa xôi, cậu đến thăm tôi, dù thế nào đi nữa cũng không thể để cậu ra về tay không! Đêm lạnh, cậu hãy mang theo chiếc áo này!  
Vừa nói, ngài vừa khoác chiếc áo lên người kẻ cắp. Kẻ cắp lúng túng không biết làm thế nào, cúi đầu chuồn thẳng.  
Nhìn theo bóng kẻ cắp đi dưới ánh trăng vằng vặc, rồi mất hút trong rừng núi, Thiền sư không khỏi thương cảm, liền khẳng khái thốt lên:  
- Hỡi con người đáng thương kia, ta chỉ mong được tặng cậu một vầng trăng sáng.  
Sau khi tiễn kẻ cắp bằng ánh mắt, Thiền sư đi vào nhà tranh để trần ngồi thiền, ngài nhìn trăng sáng ngoài cửa sổ rọi vào khoảng không trong nhà.  
Hôm sau dưới sự vuốt ve dịu dàng, ấm áp của ánh trăng, từ trong buồng thiền sâu thẳm, ngài mở mắt ra, nhìn thấy chiếc áo ngoài ngài khoác lên người kẻ cắp được gấp gọn gàng, tử tế, đặt ở cửa. Vô cùng vui sướng, Thiền sư lẩm bẩm nói:  
- Cuối cùng ta đã tặng cậu ấy một vầng trăng sáng.  
( Tặng một vầng trăng sáng - Truyện cực ngắn, Vũ Công Hoan dịch, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.7-8)*

*\* Chú thích:*

*Tuyển tập truyện cực ngắn Trung Quốc có tiêu đề chung  "Tặng một vầng trăng sáng" do nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành. Tuyển tập truyện này bao gồm 141 truyện cực ngắn của nhiều tên tuổi nhà văn Trung Quốc do dịch giả Vũ Công Hoan biên dịch. Điểm nổi bật của tập truyện này là sự ngắn gọn, súc tích, nhiều tầng lớp ý nghĩa gói gọn trong một số lượng câu chữ ít ỏi. Truyện ngắn nhất chỉ có hơn 200 chữ, truyện dài nhất chỉ tương đương một truyện ngắn thông thường. Lồng trong từng câu chuyện là những nét văn hóa truyền thống độc đáo của đất nước Trung Quốc, đặc biệt là những quan niệm xã hội của Nho giáo và lòng từ bi trắc ẩn của đạo Phật. Điều thú vị ở cuốn sách này là những câu chuyện dù xảy ra trong xã hội Trung Quốc nhưng đọc lên lại thấy rất gần gũi với xã hội Việt Nam, con người Việt Nam.***Câu 1**. **Xác định nhân vật chính trong văn bản?**

A. Tên trộm B. “Vầng trăng” C. Thiền sư D. Người kể chuyện

**Câu 2: Trong văn bản, không gian nào đã giúp Thiền sư “ngộ ra trí tuệ của mình”?**

A. Trong rừng, dưới ánh trăng vằng vặc. B. Một ngôi nhà tranh trên đỉnh núi.

C. Đường rừng núi xa xôi. D. Trăng sáng ngoài cửa sổ.

**Câu 3.** **Câu nói “Cuối cùng ta đã tặng cậu ấy một vầng trăng sáng” là lời của ai?**

A. Lời của người kể chuyện B. Lời của tác giả

C. Lời của tên trộm D. Lời của thiền sư.

**Câu 4.** **Dựa vào văn bản hãy xác định diễn biến cảm xúc của nhân vật Thiền sư?**

A. Vui mừng; kinh ngạc, bối rối; lúng túng; thương cảm.

B. Vui mừng; lúng túng; vui sướng; dịu dàng, ấm áp.

C. Vui mừng; thương cảm; vui sướng.

D. Vui mừng; kinh ngạc; thương cảm; vui sướng.

**Câu 5: Nhân vật Thiền sư hiện lên trong văn bản là một con người có tính cách như thế nào?**

A. Dùng hành động tốt để cảm hóa con người.

B. Là người thiện tính, coi trọng con người.

C. Khoan dung, tha thứ cho lỗi lầm của người khác.

D. Dùng đạo lý để khuyên răn con người.

**Câu 6.** **Anh/ chị hãy nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “ vầng trăng” trong văn bản?**

A. Là phẩm chất tốt đẹp của con người được lộ ra trong hoàn cảnh khác thường.

B. Là biểu tượng cho sự kì diệu của Phật pháp, cái đẹp trong thiên tính của con người.

C. Hành động cao đẹp của Thiền sư đã cảm hóa tên trộm khiến anh ta thay đổi.

D. Là cái nhìn tích cực về lẽ sống, lẽ đời mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc.

**Câu 7: Anh / chị hãy tìm điểm khác biệt về cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản truyện cực ngắn trên?**

A. Ngôn ngữ trong truyện phát huy tối đa khả năng thông tin, khả năng biểu hiện ý nghĩa.

B. Ngôn ngữ trong truyện mang nhiều dấu hiệu đổi mới, táo bạo đáng ghi nhận.

C. Ngôn ngữ được “chưng cất”, giọt giũa đến mức tối đa, mang tính đa nghĩa cho văn bản.

D. Ngôn ngữ thể hiện cá tính sáng tạo và dấu ấn nghệ thuật của người nghệ sĩ ngôn từ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Vì sao Thiền sư tin rằng ông đã tặng được cho tên trộm “ một vầng trăng sáng”?

**Câu 9.** Bài học mà anh/ chị rút ra được từ văn bản trên?  
**Câu 10.** Từ nội dung văn bản, anh/chị có chia sẻ gì về cảm nhận của bản thân sau khi đọc một truyện cực ngắn như trên?

**II. VIẾT (14,0 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)** Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (300 chữ) trình bày suy nghĩ về sức mạnh niềm tin của giới trẻ hiện nay?

**Câu 2.** **(10 điểm)** Anh / chị hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá truyện**“**Tặng một vầng trăng sáng” (Lâm Thanh Huyền) theo bản dịch của Vũ Công Hoan.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  |  |  |  |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | 1 | C | 0.5 |
| 2 | A | 0.5 |
| 3 | D | 0.5 |
| 4 | C | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | B | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | - Khi tên trộm đã ngộ ra về hành động sai trái của mình và đem lại trả áo, tức là tên trộm đã lấy lại được thiên lương trong sáng. Tính thiện của con người luôn ẩn giấu trong tâm hồn mỗi người, chỉ cần chúng ta tin tưởng, khoan dung với họ thì sẽ nhận lại những điều tốt đẹp. | 0.5 |
| 9 | ***-*** HS có thể rút ra nhiều bài học khác nhau ( phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật), GV linh hoạt cho điểm, dưới đây là gợi ý tham khảo:  - Thiền sư đã dùng tình thương để đối đãi với tên trộm, với ông, bất kỳ ai gặp trong đời cũng đều như một vị khách quý đến nhà chơi.  - Nếu chúng ta lúc nào cũng giữ được tấm lòng trong sạch, khoan dung và tự tâm yên tĩnh như vậy thì dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù có gặp kẻ xấu xa đến đâu cũng không thể làm ta nao núng. | 0,5 |
| **10** | Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau miễn là suy nghĩ tích cực, hợp lí, thuyết phục. Giám khảo cần linh hoạt khi chấm. Sau đây là một số gợi ý :  - Độc giả sẽ cảm thấy thêm yêu đời, yêu người và nhìn cuộc sống bằng con mắt hiền hòa, tươi sáng hơn sau khi đọc xong truyện.  - Truyện mang đậm chất triết lý, sâu sắc và có ý nghĩa giáo dục, hướng thiện.  - Truyện gần gũi với đời sống, có tính thời sự ( cuộc sống vẫn còn hiện tượng chưa tốt nhưng con người không bao giờ mất niềm tin về xã hội tốt đẹp). | 0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **14** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: sức mạnh niềm tin của giới trẻ hiện nay.* |  |
|  | c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Văn bản nói đến những thử thách của tuổi trẻ và khuyên tuổi trẻ cần có niềm tin trong cuộc sống.  - Giải thích: niềm tin là thứ bạn cảm nhận, tin tưởng vào một điều gì đó và mong muốn nó sẽ xảy ra theo cách mà bạn suy nghĩ.  - Phân tích, đánh giá, bàn bạc: Đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc đời, chúng ta thường nản lòng, chùn bước. Niềm tin có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người.  + Niềm tin sẽ giúp ta mạnh mẽ, bản lĩnh để vượt qua tất cả.  + Niềm tin là động lực giúp bạn hoàn thành những mong muốn, dự định và đạt được mục tiêu của mình. Nó có thể định hướng và quyết định những hành động đúng đắn của bạn.  + Niềm tin tạo ra năng lượng tích cực giúp bạn xóa bỏ những rào cản, tăng lòng nhiệt huyết, phát huy những năng lực và hành động khác của bản thân.  - Phê phán những người sống thiếu niềm tin: thường cảm giác bất an lo lắng, thiếu năng lượng, thiếu nỗ lực khiến bản thân buông xuôi.  - Bài học: Không có niềm tin thì cuộc sống sẽ vô nghĩa. Vì vậy, cần có niềm tin và hy vọng bạn sẽ thành công và hạnh phúc. Trước khi tin vào điều gì đó thì hãy tin vào chính bạn. |  |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện.* | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* **phân tích, đánh giá truyện “*Tặng một vầng trăng sáng”*** | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.  Sau đây là một hướng gợi ý:  **1. Mở bài**  - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tên tác giả,…) và nêu ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm. Chia sẻ với người đọc lí do lựa chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá; điều khiến bạn yêu thích tác phẩm.  **2. Thân bài:**  - Tóm tắt nội dung chính của truyện: Thiền sư đã dùng tình thương để đối đãi với tên trộm, với ông, bất kỳ ai gặp trong đời cũng đều như một vị khách quý đến nhà chơi.  - Phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm :“vầng trăng sáng”, là hình ảnh vừa tả thực, vừa biểu tượng, đó là vầng trăng của thiên lương, của lòng tốt, của những điều tốt đẹp trong lòng con người.  - Phân tích, đánh giá những đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm:  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật không được diễn tả, làm nổi bật đầy đủ diện mạo, tính cách, số phận nhân vật mà chỉ chú ý đến những chi tiết, những khoảnh khắc tâm lí…  + Kết cấu ngắn gọn, không thừa chi tiết nào.  + Ngôn ngữ trong truyện phát huy tối đa khả năng thông tin, khả năng biểu hiện ý nghĩa.  - Ý nghĩa của truyện: học sinh có những cảm nhận riêng của cá nhân theo hướng tích cực gắn với thực tiễn cuộc sống.  **3. Kết bài:**  - Khái quát nội dung chính đã trình bày ở thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm, đưa ra một số ý tưởng mở rộng… | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0.5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ 19: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**

**Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau**

**Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa**

*(Lưu Quang Vũ)*

*Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa  
 Xoá nhoà hết những điều em hứa  
 Mây đen tới trời chẳng còn xanh nữa  
 Nắng không trong như nắng buổi ban đầu.*

*Cơn mưa rào nối trận mưa ngâu  
 Xoá cả dấu chân em về buổi ấy  
 Gối phai nhạt mùi hương bối rối  
 Lá trên cành khô tan tác bay.*

*Mưa cướp đi ánh sáng của ngày  
 Đường chập choạng trăm mối lo khó gỡ  
 Thức chẳng yên dở dang giấc ngủ  
 Hạnh phúc con người mong manh mưa sa.*

*Bản nhạc ngày xưa, khúc hát ngày xưa  
 Tuổi thơ ta là nơi hiền hậu nhất*

*Dẫu đường đời lắm đổi thay mệt nhọc  
 Tựa đầu ta nghe tiếng hát ru nhau.*

*Riêng lòng anh, anh không quên đâu  
 Chỉ sợ trời mưa đổi mùa theo gió  
 Cây lá với người kia thay đổi cả  
 Em không còn màu mắt xưa.*

*Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa  
 Thương vườn cũ gẫy cành và rụng trái  
 Áo em ướt để anh buồn khóc mãi  
 Ngày mai chúng mình ra sao em ơi.*

*( Lưu Quang Vũ, Thơ tình, NXB Văn học, 2022)*

**Lựa chọn đáp án đúng :**

**Câu 1**. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào**?**

A. Song thất lục bát B. Lục bát

C. Tự doD. Thất ngôn bát cú

**Câu 2**. Giọng điệu chính trong bài thơ là gì ?

A. Hụt hẫng, nuối tiếc, tâm tình, thiết tha.

B. Suy tư, lo lắng, đắm đuối, buồn thương

C. Hài hước, bông đùa, tự nhiên, thân mật

D. Ai oán, trách móc, hờn giận.

**Câu 3**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

A. Chúng mình B. Anh

C. Em D. Những người yêu nhau

**Câu 4**. Biểu tượng mưa trong bài thơ được hiểu như thế nào ?

A. Mưa sẽ làm tâm trạng “Anh’’ không vui.

B. Mưa sẽ làm ngập úng đường đến nhà người yêu .

C. Mưa sẽ làm phai mờ, thay đổi tình cảm của người mình yêu.

D. Mưa sẽ làm mất đi những ngày đẹp trời để đôi lứa hẹn hò.

**Câu 5:** Ý nào sau đây ***không*** thể hiện nội dung của bài thơ?

A. Sự ghen tuông, ích kỉ, muốn sở hữu trong tình yêu.

B. Sự suy tư, lo lắng về tình yêu của chàng trai.

C. Bài thơ là tâm trạng của một chàng trai khi yêu.

D. Cảm hứng ca ngợi, trân trọng một tình yêu trong sáng.

**Câu 6.** Câu thơ “ *Em không còn màu mắt xưa* ’’ được hiểu như thế nào ?

A. Trời mưa làm trôi hết màu phấn mắt của em.

B. Em không còn trang điểm mắt như trước nữa.

C. Sự thay đổi trong cách nhìn của em về anh.

D. Sự thay đổi trong tình cảm của em với anh.

**Câu 7**. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau ?

*Mây đen tới trời chẳng còn xanh nữa*

*Nắng không trong như nắng buổi ban đầu*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 8.** Trình bày ngắn gọn nội dung của bài thơ.

**Câu 9**. Khổ thơ sau thể hiện tâm trạng gì của tác giả?

*Mưa cướp đi ánh sáng của ngày  
 Đường chập choạng trăm mối lo khó gỡ  
 Thức chẳng yên dở dang giấc ngủ  
 Hạnh phúc con người mong manh mưa sa.*

**Câu 10**. Anh/ chị có đồng tình với quan niệm “*Yêu là phải ích kỉ, sở hữu, và kiểm soát”*  không? Vì sao ?

**II. VIẾT(14,0 điểm)**

**Câu 1. (4 điểm)** Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích với con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách, với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về hiện tượng trên.

**Câu 2.** (**10 điểm)**

Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: **"*Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ."*** Phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Anh chỉ sợ rổi trời sẽ mưa* củaLưu Quang vũ để làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0.5 |
| 2 | B | 0.5 |
| 3 | B | 0.5 |
| 4 | C | 0.5 |
| 5 | A | 0.5 |
| 6 | D | 0.5 |
| 7 | D | 0.5 |
| 8 | Trình bày ngắn gọn nội dung của bài thơ?  Bài thơ là những suy tư lo lắng của tác giả về tình yêu. Nhà thơ lo lắng thời gian và những tác động bên ngoài sẽ làm thay đổi tình cảm của người mình yêu. | 0,5 |
| 9 | Tâm trạng của tác giả:  - Thấp thỏm, lo âu về những khó khăn, trắc trở khiến cho tình yêu và hạnh phúc không trọn ven.  - Những suy tư,lo âu luôn thường trực trong tâm trí ông ngay cả trong giấc ngủ. | 1.0 |
| 10 | Anh/ chị có đồng tình với quan niệm “*Yêu là phải ích kỉ, sở hữu, và kiểm soát”*  không? Vì sao ?  - Học sinh nêu quan niệm của mình : đồng tình hay không đồng tình. Lí giải hợp lí, không trái với quan niệm về đạo đức. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **14,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  *Mặt tiêu cực của việc sử dụng điện thoại di động không đúng mục đích.* |  |
|  | c*. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  *Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:*  **a. Giải thích**  - Điện thoại di động, còn gọi là điện thoại cầm tay, là loại điện thoại kết nối dựa trên sóng điện từ vào mạng viễn thông. Nhờ có kết nối sóng (kết nối không dây), mà ĐTDĐ thực hiện trao đổi thông tin khi đang di chuyển.  - Điện thoại di động chính thức ra đời vào ngày 3 tháng 4 năm 1973.Từ đó đến nay, chiếc điện thoại di động phát triển không ngừng phát triển theo hướng nhỏ gọn hơn rất nhiều tổ tiên của nó và ngày càng được tích hợp nhiều chức năng hơn chứ không còn đơn thuần là nghe và gọi.  **b. Bàn luận**  **+ Thực trạng**  - Điện thoại đang được học sinh sử dụng phổ biến trong nhiều trường học:  + Sử dụng điện thoại chưa đúng cách: dùng ngay trong các giờ học, để nhắn tin nói chuyện riêng; trong các giờ kiểm tra thì dùng tải tài liệu trên Internet để đối phó…  + Sử dụng điện thoại với mục đích chưa tốt: dùng tải các hình ảnh, các loại văn hóa phẩm đồi trụy, hoặc phát tán các clip có nội dung xấu lên mạng; dùng để trêu chọc người khác thái quá (nhắn tin hù dọa, nháy máy)...  **+ Nguyên nhân**  - Xã hội ngày càng phát triển, đời sống con người được nâng cao, điện thoại di động trở thành vật không thể thiếu đối với con người  - Nhiều gia đình có điều kiện, chiều con nên trang bị cho con mình điện thoại nhiều chức năng nhưng lại không quản lí việc sử dụng của con em mình  - Học sinh lười học, ý thức chưa tốt.  - Thiếu hiểu biết, lạm dụng các chức năng của điện thoại  **+ Hậu quả**  - Sử dụng điện thoại trong giờ học: không hiểu bài, hổng kiến thức, sử dụng trong các giờ kiểm tra: tạo ra thói quen lười biếng, ỷ lại…  - Sử dụng điện thoại với mục đích xấu: ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của những người xung quanh, vi phạm chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật.  (4) Biện pháp khắc phục:  - Bản thân học sinh cần có ý thức tự giác trong học tập; cần biết sống có văn hóa, có đạo đức, hiểu biết pháp luật.  - Gia đình: quan tâm hơn tới các em, gần gũi, tìm hiểu và kịp thời giáo dục con em…  - Nhà trường, xã hội: siết chặt hơn trong việc quản lí.  **+ Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức: Nhận thức được những ưu, nhược mà điện thoại mang lại cho con người để sử dụng chúng một cách hiệu quả, đem lại ích lợi cho cuộc sống, công việc cũng như trong học tập.  - Hành động:  + Biết kiểm soát chừng mực mỗi hành vi của mình, trang bị những kỹ năng sống cần thiết.  + Sử dụng điện thoại đúng mục đích.  + Đầu tư cho việc học tập, tránh lãng phí thời gian vô bổ.  + Luôn có ý thức rèn luyện tu dưỡng bản thân, bồi đắp vốn sống, vốn văn hóa chuẩn mực, phù hợp với luật pháp, đạo đức.Hướng dẫn chấm:  - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.  - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,5 điểm – 2,0 điểm.  - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,5 điểm. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* |  |
| **Câu 2** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích đánh giá tác phẩm thơ.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*. | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.*  **1. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, đề cập đến tác phẩm sẽ chúng minh.  **II. Thân bài**  **1. Giải thích**  - “Nghệ thuật” ở đây có thể hiểu là các yếu tố như: các biện pháp tu từ, hình thức ngôn ngữ, các phương tiện biểu đạt…làm nên cái vỏ bên ngoài của câu thơ.  - “Trái tim mới làm nên thi sĩ ”: Trái tim có thể hiểu là thế giới tâm hồn, tình cảm, tâm tư của người sáng tác đã gửi gắm trong tác phẩm nghệ thuật nói chung, trong thơ ca nói riêng. Chính tâm hồn, tình cảm, cảm xúc của thi sĩ mới làm nên cái nội dung bên trong của câu thơ.  - Có đủ hai yếu tố “nghệ thuật” và “trái tim” thì câu thơ mới tồn tại. Chỉ có hình thức nghệ thuật mà không có trái tim của thi sĩ thì không thể thành thơ. Chỉ có trái tim mà không có nghệ thuật thì không thể có thơ hay được. Nhà thơ Cuba José M­arti nói: “Thiếu tình cảm thì có thể trở thành người thợ làm những câu có vần, chứ không làm được nhà thơ”. Một câu thơ (một tác phẩm văn chương) thật sự có giá trị khi hai yếu tố này kết hợp hài hoà với nhau.  **2. Chứng minh qua bài thơ “Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa” của Lưu Quang Vũ**  - Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ:  + Khổ thơ 1,2: Lo âu, sợ hãi khi những cơn mưa chuyển mùa, những đổi thay của năm tháng đã gieo vào tâm hồn nhân vật trữ tình bao nỗi âu lo. Lời hứa của em, dấu chân của em, làn hương trên gối, ánh nắng của ngày, cây trái trong vườn…  + Khổ thơ 3,4: Tâm trạng vẫn lo sợ: “Những cơn mưa” sẽ cướp mất những ngày đẹp trời, cướp đi ánh sáng của cuộc tình đôi lứa, khiến con đường đi ngày càng trở nên khó khăn hơn. Những suy tư, lo lắng đó cứ theo ông vào giấc ngủ khiến ông chẳng thể nào ngủ tròn giấc được.  + Khổ thơ 5,6: Các hình ảnh: Em, cây lá, đôi mắt, khu vườn, lá khô tan tác, gẫy cành rụng trái, áo em… Tất cả đều bị đặt trong sự bủa vây của mưa, thế nên tâm trạng âu lo chẳng bao giờ dứt.  - Chủ đề của bài thơ: Bài thơ là lời tâm tình của nhân vật trữ tình với người mình yêu trước những thay đổi của cuộc sống, hãy gìn giữ trân trọng tình yêu,trân trọng người mình yêu  - Đặc sắc ngôn ngữ thơ:  + Nhịp điệu thơ chậm rãi, nhẹ nhàng. Giọng thơ trầm lắng, nhiều suy tư, trăn trở.  **3. Kết bài:**  - Đánh giá khái quát bài thơ, rút ra bài học | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**ĐỀ 20: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

(Lược đoạn mở đầu*: Lượng cùng tiểu đội lính pháo binh về làng Đằng đóng quân trong những ngày đầu kháng chiến. Họ xin ở nhờ nhà một bà cụ nghèo. Nhà chỉ có hai mẹ con, cô con gái là du kích, tên Thận…*)

*Chúng tôi đóng quân trong làng, cấu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới. Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính ngụy bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng. Trong bữa cơm liên hoan, quân dân ở sân đình, các cụ phụ lão cùng ban chỉ huy bộ đội đã chỉ tay về hướng địch mà thề sống chết có nhau. Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đằng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận, nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: “Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!”. Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vứt thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi cõng tôi lui về phía sau. Đêm ấy, đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh ra đi theo bộ đội. Một hàng cáng thương binh từ sân đình theo con ngòi sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc võng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cáng tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rám nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.*

*[…] Đêm ấy trời chưa lạnh lắm. Không có sóng nhưng tôi vẫn nghe tiếng róc rách dưới lưng. Bầu trời đỏ lửa, nhưng vãi đầy sao. Mỗi vì sao như những con mắt nhấp nháy nhìn chúng tôi. Thận đỡ tôi nằm trên tấm ván lát mạn đò. Giữa trời sao khuya, một đôi mắt đen và to khẽ chớp. Tim tôi đập rộn lên trong cái chớp mắt ấy. Thận cẩn thận gài lại mép chăn cho tôi rồi cúi xuống, sát hơn: “Anh chóng lành để trở về giết thật nhiều giặc nhé - Anh đừng quên em!” Tôi thò tay ra ngoài mép chăn nắm chặt lấy bàn tay ram ráp bụi cát và ấm áp. Thận nhẹ nhàng xô đò ra. Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhè nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trỗ. Tôi phỏng đoán sáng ngày mai địch lại tiếp tục càn lớn.*

*(Lược một đoạn: Nhân vật tôi kể lại lần về làng Đằng tìm gia đình Thận. Nhà Thận bị giặc đốt, chưa kịp dựng lại. Hai mẹ con đi nơi khác. Nhân vật tôi viết lại mấy chữ rồi gài vào gốc cây mai với hi vọng một ngày Thận sẽ về và nhận được tin mình. Cuối cùng nhân vật tôi cũng tìm được Thận.)*

*[….] Chúng tôi gặp nhau quá đột ngột. Cổ tôi như bị nghẹn. Dưới ánh sao lờ mờ, tôi khao khát ngắm khuôn mặt Thận và để cho tình yêu giấu kín bấy lâu tự nó trào lên trong lòng mình. Chúng tôi đều mừng và xúc động không nói nên lời … Thận châm một ngọn đèn nhỏ. Bên ánh đèn, tôi thấy khuôn ngực Thận phập phồng. Tôi biết Thận đang xúc động. Tôi thương Thận quá! Mới mấy năm mà trông Thận gầy và già đi nhiều. Đôi mắt ngày xưa trong sáng bây giờ đã thâm quầng, hằn lên những nét lo nghĩ. Gương mặt trái xoan hiền hậu cũng trở nên rắn rỏi và cương nghị.*

*Tôi không biết hỏi chuyện gì trước với Thận. Thời gian chúng tôi xa nhau có bao nhiêu chuyện xảy ra.*

*- Bây giờ nhà ta ở đâu, em? – Tôi buột miệng hỏi.*

*- Em ở nhiều nơi, thỉnh thoảng mới tạt về nhà.*

*- Vậy mẹ ở đâu?*

*- Mẹ mất rồi!*

*- Sao?*

*- Chúng nó giết mẹ rồi, anh ạ!*

*Tôi ôm khẩu súng vào lòng, đầu óc choáng váng. Tôi hỏi thêm:*

*- Bây giờ em làm gì?*

*Thận ngồi sát tôi hơn:*

*- Em hoạt động cho đoàn thể.*

*- Em được kết nạp vào Đảng rồi ư?*

*- Vâng.*

*Tôi đặt bàn tay lên bên vai gầy gò của Thận - một người đồng chí - và nhìn ra ngoài. Bên ngoài bóng đêm vẫn dày đặc…*

*(Trích Nhành mai, Nguyễn Minh Châu, Tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006, tr 14).*

**Câu 1**. Xác định ngôi kể trong đoạn trích

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 2.** Tác giả chọn điểm nhìn nào?

A. Từ cô gái tên Thận B. Từ nhân vật *tôi*

C. Từ mẹ của Thận D. Từ một người giấu mình

**Câu 3.** Nhân vật *tôi* là ai?

A. Một người dân ven đường B. Một người dân làng Đằng

C. Một người dẫn đường D. Người chiến sĩ tên Lượng

**Câu 4**.Sự kiện nào **không** xuất hiện trong đoạn trích?

A. Nhân vật *tôi* được Thận cứu khi bị thương nặng

B. Nhân vật *tôi* gặp lại Thận sau nhiều năm xa cách

C. Thận bị thương nặng sau trận càn của địch

D. Mẹ Thận bị giặc giết

**Câu 5**. Khi nhân vật *tôi* bị thương, Thận đã có thái độ thế nào?

A. Thờ ơ, lạnh lùng B. Quyết đoán, dứt khoát

C. Căm thù, xót xa D. Năng nổ, nhiệt tình

**Câu 6**. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau: “*Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhè nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trỗ”*

A. Gợi hình, gợi cảm, nhấn mạnh sự thong thả của nhân vật *tôi*

B. Gợi sự tò mò của nhân vật *tôi* sau khi được Thận giúp đỡ

C. Gợi tình cảm chân thành của nhân vật *tôi*

D. Gợi hình, gợi cảm, nhấn mạnh tình cảm biết ơn của nhân vật *tôi*

**Câu 7.** Nhận xét về tình cảm của nhân vật *tôi* đối với Thận qua câu văn sau: *“Mới mấy năm mà trông Thận gầy và già đi nhiều”*

A. Xót xa, thương cảm B. yêu thương, hờn trách

C. nhớ nhung, mong mỏi D. nuối tiếc, đau đớn

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Đoạn văn bản trên giúp em hiểu gì về cuộc sống của con người trong chiến tranh?

**Câu 9.** Nhận xét về vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn trích.

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn trích, anh/chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc? (Viết đoạn văn 5-7 dòng)

**II. VIẾT (14,0 điểm)**

**Câu 1.** **(4 điểm)** Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về *sức mạnh của tình yêu thương trong cuộc sống.*

**Câu 2. Đọc bài thơ sau: (10 điểm)**

***ÁO TRẮNG***

*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,*

*Hôm xưa em đến, mắt như lòng*

*Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,*

*Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.*

*Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;*

*Em duyên đôi má nắng hoe tròn.*

*Em lùa gió biếc vào trong tóc*

*Thổi lại phòng anh cả núi non.*

*Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;*

*Hồn em anh thở ở trong hơi.*

*Nắng thơ dệt sáng trên tà áo,*

*Lá nhỏ mừng vui phất cửa ngoài.*

*Đôi lứa thần tiên suốt một ngày.*

*Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.*

*Dịu dàng áo trắng trong như suối*

*Toả phất đôi hồn cánh mộng bay.*

*(Huy Cận)*

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về cấu tứ, hình ảnh trong bài thơ “*Áo trắng*” (Huy Cận).

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | 1 | A | 0.5 |
| 2 | B | 0.5 |
| 3 | D | 0.5 |
| 4 | C | 0.5 |
| 5 | C | 0.5 |
| 6 | D | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | Văn bản trên giúp ta hiểu được cuộc sống của con người trong chiến tranh: hiểm nguy, vất vả, mất mát hi sinh | 0.5 |
| 9 | - HS trình bày nhận xét về vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn trích:  + Giúp cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn  + Giúp thể hiện được tình cảm, thái độ của người kể  + Giúp sự việc trở nên cụ thể, tính cách nhân vật được khắc họa rõ nét | 0.5 |
| **10** | \*Yêu cầu về hình thức: Viết thành đoạn văn hoàn chỉnh  (từ 5-7 dòng)  \* Yêu cầu về nội dung: HS có thể có những cách trình bày khác nhau miễn là hợp lý. Một số gợi ý như sau:  - Kiên cường trước kẻ thù  - Giàu tình yêu thương với đồng đội  - Thủy chung với cách mạng | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  Trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của tình yêu thương trong cuộc sống. | 0.25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.  Sau đây là một hướng gợi ý:  - Giải thích: *Tình yêu thương* là tình cảm thương yêu, chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau giữa người với người. Còn được hiểu là sự yêu thương, chia sẻ, cảm thông, gắn bó lẫn nhau để cùng sống và tồn tại. Đó là thứ tình cảm rất đỗi thiêng liêng, xuất phát từ thành tâm, thành ý.  - Bàn luận:  Với bản thân mỗi người:  + Giúp mỗi người vượt qua những khó khăn, thăng trầm trong cuộc sống  + Giúp cuộc sống con người trở nên có ý nghĩa  + Giúp con người vươn lên khẳng định bản thân  + Khi yêu thương người khác, bản thân mỗi người cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản  Với xã hội:  + Giúp con người trở nên gần gũi và gắn bó với nhau; biết cảm thông, chia sẻ với nhau trong mọi hoàn cảnh  + Xây dựng xã hội tốt đẹp, văn minh, ý nghĩa  - Dẫn chứng  - Mở rộng:  + Phê phán người không có tình yêu thương, luôn thực dụng, coi vật chất là trên hết; chỉ biết đến bản thân mình  + Tình yêu thương cần thể hiện đúng lúc, đúng người, đúng hoàn cảnh  - Liên hệ bản thân:  + Trau dồi tình cảm, nâng cao nhận thức xã hội  + Sống có ích, biết giúp đỡ người khác và cống hiến cho xã hội  Lưu ý: Học sinh có dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề nghị luận | 3.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0.5 |
|  | **Câu 2** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ đã cho ở phần Đọc hiểu. |  |
|  |  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.  **Sau đây là một số gợi ý:**  *\* Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm*  *\* Xác định và phân tích, đánh giá chủ đề*  - Xác định chủ đề: Bài thơ là tâm trạng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi, trong sáng của người yêu; là niềm hạnh phúc, vui sướng ngất ngây của cậu học trò khi được sống trong tình yêu thơ mộng.  - Phân tích, đánh giá chủ đề:  + Tình yêu tuổi học trò là một chủ đề khá quen thuộc trong thơ ca hiện đại. Tình yêu tuổi học trò bài thơ trên vừa mang những vẻ đẹp chung, vừa có những nét độc đáo, gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.  + Tình yêu trong bài thơ là niềm hạnh phúc, là khoảnh khắc kì diệu, biến cuộc đời thành một cõi thần tiên. Từ tình yêu của *anh và em* trong bài thơ, nhắc nhở chúng ta cần trân trọng tình yêu đẹp, biết tận hưởng niềm hạnh phúc trong tình yêu, biết yêu thương và trân quý phút giây hạnh phúc trong cuộc đời.  *\* Phân tích, đánh giá nghệ thuật:*  - Cấu tứ của bài thơ:  + Tứ thơ được khắc họa qua khoảnh khắc gặp gỡ của đôi trai gái: cô gái đến thăm chàng trai mình yêu. Cuộc gặp gỡ ấy được cảm nhận qua cái nhìn (từ xa đến gần), qua tâm trạng của chàng trai (từ ngạc nhiên ngỡ ngàng đến đắm say hạnh phúc). Bắt đầu từ cái hình ảnh “nở bừng ánh sáng em đi đến” với “gót ngọc dồn hương”, “bước tỏa hồng”, rồi gần hơn với bàn tay “ngón ngón thon”, “đôi má nắng hoe tròn”, với mái tóc, rồi hơ i thở, tiếng nói, rồi tất cả dần hòa quyện tạo thành một sự say đắm trong hạnh phúc hội ngộ. Bài thơ kết thúc với sự hòa hợp và thăng hoa của hai tâm hồn tinh khôi.  + Với cấu tứ độc đáo, bài thơ giống như một câu chuyện kể về sự diễn tiến của cuộc gặp gỡ, vừa thể hiện những bước đi của tình yêu từ chớm nở đến viên thành. Cấu tứ ấy cũng cho ta thấy được những cung bậc cảm xúc mỗi lúc một mãnh liệt của chàng trai đang yêu.  - Nghệ thuật xây dựng hình ảnh:  + Hình tượng trung tâm của bài thơ là cô gái, qua cái nhìn say đắm của chàng trai. Tất cả các hình ảnh trong bài thơ đều tập trung thể hiện vẻ đẹp lung linh tỏa sáng, tinh khôi thơ mộng của hình tượng trung tâm đó.  + Mở đầu bài thơ là sự xuất hiện của hình ảnh “áo trắng”, gợi lên vẻ đẹp trong trắng của tuổi học trò với “mộng trắng trong”. Màu trắng ấy khiến cô gái khi xuất hiện, như tỏa ra ánh sáng rực rỡ: “Nở bừng ánh sáng”.  + Những bước đi của cô gái cũng được miêu tả thật đẹp với “gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng”. Dưới cái nhìn si tình, lãng mạn của chàng trai, cô gái mang một vẻ đẹp trong ngần, tỏa ra hương thơm kì diệu.  + Khi đến gần hơn, vẻ đẹp của cô gái được miêu tả ở “bàn tay ngón ngón thon”, ở “đôi má nắng hoe tròn”, mái tóc xanh tràn đầy sức sống, như mang cả hơi thở của trời đất, núi non, cả tiếng nói ngọt ngào của người yêu, hứng trọn cả “tiếng lẫn lời”.  + Bài thơ khép lại cũng với hình ảnh “áo trắng” nhưng kết tinh, thăng hoa: không còn là tà áo trắng trong hiện thực, mà dường như đã trở thành đôi cánh của thiên thần, khiến cả đôi hồn cùng bay lên trong một tình yêu thần tiên say đắm.  +Toàn bộ hệ thống hình ảnh trong bài thơ đều thống nhất tập trung làm nổi bật vẻ đẹp tinh khôi của cô gái; đồng thời cũng làm nổi bật vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng của tình yêu tuổi học trò. |  |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.*  *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* |  |
| **Tổng điểm** | | | **14** |

**ĐỀ 21: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

*Vườn của mẹ nhỏ nhưng đẹp lắm. Con cái lớn lên đứa nào cũng đi xa. Bao thương nhớ mẹ lại gửi vào khu vườn. Sáng mẹ ra vườn làm cỏ, chiều mẹ lại ra vườn tưới nước, bón phân. Cây trong vườn không phụ công mẹ cứ lớn lên tươi tốt, từng chiếc lá nụ hoa như cũng biết reo cười, trò chuyện. Giàn bầu, giàn mướp trái sai lúc lỉu. Mấy vạt cải, rau húng cứ xanh um. Hàng ớt, hàng cà hoa lung linh trong nắng. Mấy cây chanh, gốc chuối, bụi gừng cuối vườn cũng thương mẹ mà lớn nhanh. Những khóm hoa mẹ trồng quanh vườn lúc nào cũng thắm tươi rạng rỡ. Mẹ vui, cười thật hiền niềm hạnh phúc đơn sơ và lòng lại trông ngóng con cháu về chơi.*

*[…..]*

*Tôi thích về với khu vườn của mẹ, múc gàu nước giếng rửa mặt, nghe cái mát lạnh lan đi khắp người, xua đi tức khắc cái nắng nóng, bụi bặm ngoài kia. Rồi ngồi xuống bên mẹ, dưới bóng râm và hương thoang thoảng đưa của giàn hoa thiên lý, tặng mẹ chiếc áo mới, kể mẹ nghe những vui buồn nơi phố thị ồn ào…*

*Dù ngoài kia có sóng gió bao nhiêu thì với tôi, vườn của mẹ vẫn là nơi bình yên nhất**. Ở nơi ấy tôi đã đi qua tuổi thơ êm đềm bên mẹ và những loài cây hiền lành. Ấy cũng là nơi tôi biết mình luôn có mẹ chờ đợi để trở về sau những lo toan tất bật, ngồi bên mẹ ăn bữa cơm quê chan chứa ân tình.*

*Những vạt rau vẫn cứ xanh. Giàn bí giàn bầu quanh năm cho trái. Và những khóm hoa vẫn thơm ngát, lung linh. Như vườn mẹ vẫn luôn đong đầy yêu thương chờ đợi đàn con cháu ở xa trở về…*

*(Trịnh Bích Thuỳ, Về giữa khu vườn của mẹ, Theo* [*https://giaoducthoidai.vn*](https://giaoducthoidai.vn/tan-van-ve-giua-khu-vuon-cua-me-post648822.html)*, ngày 02/08/2023*

**Câu 1.**Văn bản trên viết theo thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A A. Tản văn và tuỳ bút | B. B. Nghị luận xã hội |
| C.C. Nghị luận văn học | D. D. Truyện ngắn |

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

|  |  |
| --- | --- |
| A.A. Tự sự | B. B. Miêu tả |
| C.C. Biểu cảm | D. D. Thuyết minh |

**Câu 3.**Đối tượng chính được nói đến trong văn bản là đối tượng nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A.A. Người mẹ | B. B. Khu vườn của mẹ |
| C.C. Đàn con cháu | D. D. Bữa cơm quê |

**Câu 4**.Công việc người mẹ trong văn bản thường làm vào mỗi buổi sáng là gì?

A. Làm cỏ, tưới nước, bón phân cho khu vườn

B. Trồng những cây hoa mới

C. Trông ngóng con cháu trở về

D. Ngắm nhìn và trò chuyện cùng cây cối

**Câu 5*.***Vì sao đối với người viết, vườn của mẹ vẫn là nơi bình yên nhất?

A. Khu vườn chứa đầy kỉ niệm tuổi thơ, chứng kiến sự lớn lên của người viết

B. Khu vườn ấy là nơi người viết đã đi qua tuổi thơ êm đềm bên mẹ và những loài cây hiền

lành, luôn có mẹ chờ đợi, và trở về ngồi bên mẹ ăn bữa cơm quê chan chứa ân tình.

C. Khu vườn ấy có nhiều loại hoa trái xanh tươi mang đến cảm giác thanh bình, yên ả

D. Khu vườn ấy luôn có mẹ trông mong con cháu trở về

**Câu 6.**Xác địnhbiện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn sau: *Giàn bầu, giàn mướp trái sai lúc lỉu. Mấy vạt cải, rau húng cứ xanh um. Hàng ớt, hàng cà hoa lung linh trong nắng. Mấy cây chanh, gốc chuối, bụi gừng cuối vườn cũng thương mẹ mà lớn nhanh.*

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | B. B. Ẩn dụ |
| C. Liệt kê | D. D. Điệp từ |

**Câu 7.**Nội dung đoạn văn bản trên được tổ chức theo trình tự nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Từ quá khứ đến hiện tại | B. B. Theo mạch cảm xúc |
| C. Từ hiện tại ngược về quá khứ | D. D. Không có trình tự |

**Câu 8*.*** Cảm xúc chủ đạo người viết thể hiện qua văn bản là?

A. Sự ngạc nhiên khi thấy khu vườn thay đổi nhờ bàn tay chăm sóc của mẹ

B. Niềm hạnh phúc khi được trở về bên mẹ, bên khu vườn bình yên

C. Hoài niệm, tiếc nuối về những kỉ niệm tuổi thơ đã qua

D. Sợ hãi, muốn xa rời phố thị ồn ào trở về với khu vườn của mẹ.

**Câu 9.**Nhan đề “Về giữa khu vườn của mẹ” gợi ra cho anh/chị suy nghĩ gì?

**Câu 10*.*** Anh/chị hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa từ văn bản trên.

**PHẦN II. VIẾT (14,0 điểm)**

**Câu 1.(4 điểm)** Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của bản thân về sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ ngày nay.

**Câu 2. (10 điểm)**

Giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” - Thạch Lam

---------------------- **Hết** ----------------------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **PHẦN I. ĐỌC HIỂU** | | | **6,0** |
|  | Câu 1 | A | 0,5 |
| Câu 2 | C | 0,5 |
| Câu 3 | B | 0,5 |
| Câu 4 | A | 0,5 |
| Câu 5 | B | 0,5 |
| Câu 6 | C | 0,5 |
| Câu 7 | B | 0,5 |
| Câu 8 | B | 0,5 |
| Câu 9 | Nhan đề “Về giữa khu vườn của mẹ” gợi ra không gian khoáng đạt, thanh bình, gần gũi, nơi lưu giữ những kỉ niệm, nơi giúp tâm hồn con người bình yên sau những ồn ào của phố thị, những lo toan của cuộc sống. Nơi đó có mẹ, có yêu thương…  *\* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1,0 |
| Câu 10 | Thông điệp:  - Yêu thương, hoà hợp với thiên nhiên, với những cảnh vật thân thuộc, gần gũi.  - Trân trọng những điều bình dị xung quanh bản thân  - Sau những lo toan, bộn bề, áp lực của cuộc sống thì gia đình, đặc biệt là mẹ luôn là người luôn trông mong và dang rộng vòng tay đón ta trở về…  *\* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **PHẦN II. VIẾT** | | | **4,0** |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  Sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ ngày nay | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận, nêu lí do và quan điểm của bản thân để thuyết phục người khác, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng.  Sau đây là một số gợi ý:  1. Mở bài:  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ.  2. Thân bài:  a. Giải thích khái niệm “thần tượng”:  - Thần tượng dùng để chỉ người hoặc nhóm người được nhiều người biết đến, hâm mộ, sùng bái hoặc tôn thờ.  b. Nêu thực trạng về sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ hiện nay:  \* Theo chiều hướng tích cực:  - Chọn lựa một cách nghiêm túc: người mình hâm mộ cần phải có tài năng, phẩm chất, không dính vào các “scandal”.  \* Theo chiều hướng tiêu cực:  - Không có sự chọn lọc, bị ảnh hưởng bởi các trang mạng xã hội.  - Một số “hiện tượng mạng” nổi lên với những phát ngôn gây sốc, hành vi thiếu chuẩn mực nhưng vẫn được mọi người tung hô, hưởng ứng.  c. Tác động, ảnh hưởng của thần tượng đối với nhận thức của giới trẻ:  \* Theo chiều hướng tích cực:  - Thúc đẩy mỗi cá nhân biết phấn đấu, học tập và noi gương theo thần tượng.  - Lan tỏa những giá trị nhân văn, nghĩa cử tốt đẹp tới mọi người.  \* Theo chiều hướng tiêu cực:  - Tác động xấu đến hành vi, nhận thức của giới trẻ, hình thành các suy nghĩ lệch lạc.  - Dễ bị rủ rê, lôi kéo vào các tệ nạn xã hội.  d. Đề xuất một số giải pháp trong việc lựa chọn thần tượng của giới trẻ:  - Suy xét thấu đáo trước khi thần tượng một người nào đó.  - Nâng cao nhận thức, không truyền bá, dung túng cho các phát ngôn, hành vi đi ngược lại chuẩn mực xã hội.  - Tránh học tập, làm theo những tấm gương không hay.  - Nên giữ thái độ ôn hòa, không phản ứng thái quá trước các thông tin, bình luận tiêu cực về thần tượng.  - Xây dựng cộng đồng hâm mộ thân thiện, văn minh.  3. Kết bài:  - Khẳng định vấn đề cần bàn luận. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.*  *- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* | 0,5 |
|  | **1. Đặt vấn đề**  - Thạch Lam: người mang sứ mệnh hòa giải giữa thơ và văn xuôi, hiện thực và lãng mạn. Tác phẩm của ông như 1 bài thơ trữ tình đượm buồn, luôn thấm đẫm tình yêu thương con người.  - Hai đứa trẻ: tiêu biểu cho phong cách truyện ngắn Thạch Lam, có giá trị nhân đạo sâu sắc.  **2. Giải quyết vấn đề**  **a. Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học nói chung:**  - Hạt nhân của chủ nghĩa nhân đạo là tình yêu thương con người.  Cất lên tiếng nói cảm thương sâu sắc với những số phận bất hạnh của con người;  Lên án, tố cáo các thế lực chà đạp đày đọa con người  Phát hiện, khẳng định ngợi ca phẩm chất , ước mơ, khát vọng của con người;  Thể hiện niềm tin vào con người  **b. Giá trị nhân đạo của “Hai đứa trẻ”**  \* Thể hiện niềm xót thương đối với cs tăm tối, nghèo khổ và số phận của con người:  - Đặt tác phẩm trong bối cảnh ngày tàn - chợ tàn => cuộc sống nghèo khổ, xơ xác, u ám của những người dân phố huyện.  - Nhà văn luôn day dứt về một kiếp sống tàn lụi, héo úa, đơn điệu, hư vô chứ không chỉ là xót thương thông thường:  Những đứa trẻ nhặt rác  Chị em Liên, An được khắc họa bên cái chõng tre sắp gãy, …  Mẹ con chị Tí ngày mò cua bắt ốc tối bán nước chè…sống lay lắt qua ngày.  Vợ chồng bác phở Siêu với quán hàng ế ẩm, lũ trẻ con lê la trên chiếu rách  Cụ Thi điên – người tàn tạ nhất trong những kiếp người tàn ở phố huyện.  => Cs quẩn quanh, tù đọng, tăm tối, mỏi mệt, không có tương lai. Cái nhìn thương cảm của Liên với những đứa trẻ nhặt rác, sự ái ngại cho 1 kiếp sống vô cảm trước cuộc đời [cụ Thi điên]… cũng chính là tình thương yêu con người của tác giả.  \* Qua đó, Thạch Lam đã lên tiếng cảnh tỉnh Xh: những con người nhỏ bé dễ bị lãng quên, chìm lấp trong nghèo khổ.  \* Khẳng định, đề cao bản chất tốt đẹp và ước mơ chân chính của con người:  Liên dù là một cô bé còn nhỏ tuổi nhưng có tấm lòng nhân hậu, biết xót thương cho những cảnh ngộ xung quanh mình  Dù trong hoàn cảnh tăm tối, cuộc sống tù túng nhưng Liên vẫn không ngừng mơ ước về một tương lai tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn cuộc sống mà em đang sống: đêm nào cũng thức chờ đoàn tàu đi qua.  \* Điểm mới của Thạch Lam: Thức tỉnh ý thức cá nhân trong mỗi con người. Khẳng định dù ở địa vị, thân phận nào, hoàn cảnh nào, con người cũng cần được hạnh phúc, được sống 1 cuộc đời có ý nghĩa.  **3. Kết thúc vấn đề**  - Khẳng định tài năng và vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách nhà văn. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.*  *- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*  *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* |  |
| **Tổng** | | **20,0** |

**ĐỀ 22: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

***“Sứ giả” đưa cây bèo, cây cói Việt Nam ra thế giới***

*Đến thăm xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, nhiều người không khỏi ngạc nhiên khi được tận mắt chứng kiến sự sáng tạo của những người nghệ nhân, những người phụ nữ làng nghề nơi đây. Từ những vật liệu dân dã, mộc mạc của làng quê như cói, bèo tây (lục bình), mây, tre… qua bàn tay của các bà, các chị đã trở thành những món đồ dùng có tính ứng dụng cao, những sản phẩm thủ công mỹ nghệ được người tiêu dùng yêu thích. Không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước, những mặt hàng mỹ nghệ từ cây bèo, cây cói của vùng bãi ngang ven biển do người dân Kim Sơn làm ra đã chinh phục được nhiều thị trường khó tính như châu Âu, Nhật Bản… vì có tính thẩm mỹ và độ bề cao và thân thiện với môi trường. Nghề đan lát thủ công mỹ nghệ bèo tây đã gải quyết nhu cầu việc làm cho người dân, không chỉ tăng thêm thu nhập, giúp bà con Kim Sơn giảm nghèo bền vững mà đời sống ngày càng khấm khá hơn. Dù nghề truyền thống đang thu hút chủ yếu là lao động nữ cao tuổi tại đại phương, nhưng những người nghệ nhân như bà Vũ Thị Mỹ vẫn luôn lạc quan, bởi bà tin tưởng vào sức sống của nghề quê hương. Bà tâm sự: “thế hệ trẻ, trong đó có con cháu chúng tôi ngày nay thích đi làm việc ở công ti hơn. Nhưng tôi tin rằng, khi đã bay nhảy thỏa sức, ở tuổi về hưu, thì các con, các cháu lại tiếp tục nối nghiệp chúng tôi, quay về làm nghề truyền thống. Chúng cũng như chúng tôi, nghề đã ngấm vào máu từ tấm bé thì sẽ không sợ bị mất nghề.”*

*Từ lũy tre làng, những món đồ thủ công mỹ nghệ này đã mở ra hướng đi mới cho làng nghề, giúp giữ nghề đan truyền thống của Kim Sơn, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho lao động, đặc biệt là phụ nữ trung tuổi, cao tuổi tại địa phương. Họ chính là những “sứ giả” đưa hồn quê Việt vươn ra thế giới.*

(*Trích từ trang web Cơ quan trung ương của Hội Phụ nữ Việt Nam, ngày 17/5/2023,*[*https://phunuvietnam.vn/su-gia-dua-cay-beo-cay-coi-viet-nam-ra-the gioi*](https://phunuvietnam.vn/su-gia-dua-cay-beo-cay-coi-viet-nam-ra-the%20gioi)*20230517115102771.htm)*

**Câu 1. Hãy xác định chủ đề của văn bản?**

A. Văn bản nói đến một làng nghề truyền thống.

B. Văn bản đề cập đến ý nghĩa của nghề truyền thống thời hiện đại.

C. Văn bản đề cập đến bà bà Vũ Thị Mỹ - người đã phát triển nghề truyền thống.

D. Văn bản đề cập đến những người đã đưa cây bèo, cây cói ra thế giới và phát triển nghề truyền thống.

**Câu 2 : Theo lời của bà Mỹ nghề truyền thống ở Kim Sơn đang gặp phải khó khăn nào?**

A. Chủ yếu là nông dân, không có tay nghề.

B. Tuổi đã cao nên không còn nhanh nhẹn.

C. Thế hệ trẻ thích đi làm việc ở công ty.

D. Nghề đan khó học, khó làm.

**Câu 3 Nguyên nhân nào khiến các sản phẩm từ bèo, cói đã chinh phục được nhiều thị trường khó tính như châu Âu, Nhật Bản?**

A. Vì đẹp, xinh xắn.

B**.** Vì có tính thẩm mỹ và độ bền cao và thân thiện với môi trường.

C. Vì phù hợp với thị hiếu của người bản địa.

D. Vì phù hợp với sở thích của người dân.

**Câu 4. Theo tác giả ai là "sứ giả" đưa hồn quê Việt vươn ra thế giới?**

A. Phụ nữ trung tuổi, cao tuổi tại Kim Sơn.

B. Những người nông dân tại Kim Sơn.

C. Bà Vũ Thị Mỹ.

D. Các lao động nữ tại địa phương.

**Câu 5 Việc đặt nhan đề như văn bản có ý nghĩa gì?**

A. Nhấn mạnh vai trò của việc phát triển nghề đan bèo, cói.

B. Nhấn mạnh vài trò của những người đã dùng nghề truyền thống làm kinh tế

C. Nhấn mạnh vài trò của những người đã yêu mến nghề truyền thống.

D. Nhấn mạnh vai trò của những sứ giả đã mở ra hướng đi mới cho làng nghề truyền thống.  
**Câu 6 : Việc sử dụng trích dẫn trực tiếp lời của bà Mỹ trong văn bản có tác dụng gì?**

A. Nhấn mạnh lời của nhân vật.

B. Tăng tính biểu cảm cho câu văn.

C. Tăng tính thuyết phục, khách quan cho luận điểm.

D. Nhấn mạnh ý nghĩa của việc giữ gì nghề truyền thống.

**Câu 7 Ý nào KHÔNG phải là thông điệp của văn bản?**

A. Phải có tinh thần sáng tạo, bản lĩnh, tự tin.

B. Phải có tinh thần bất khuất, không chịu cúi đầu.

C. Tinh thần dũng cảm, dám đương đầu với thử thách.

D. Phải yêu và trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc.

**Câu 8 :** Nêu tác dụng của việc kết hợp các yếu tố biểu cảm, miêu tả trong văn bản?  
**Câu 9 :** Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện trong văn bản?

**Câu 10 :** Em có đồng ý với quan điểm của tác giả khi cho rằng *“Họ chính là những"sứ giả" đưa hồn quê Việt vươn ra thế giới”* không ? Vì sao ?

**II. VIẾT (14 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Lời ru ẩn nơi nào*  *Giữa mênh mang trời đất*  *Khi con vừa ra đời*  *Lời ru về mẹ hát*  *Lúc con nằm ấm áp*  *Lời ru là tấm chăn*  *Trong giấc ngủ êm đềm*  *Lời ru thành giấc mộng*  *Khi con vừa tỉnh giấc*  *Thì lời ru đi chơi*  *Lời ru xuống ruộng khoai*  *Ra bờ ao rau muống* | *Và khi con đến lớp*  *Lời ru ở cổng trường*  *Lời ru thành ngọn cỏ*  *Đón bước bàn chân con*  *Mai rồi con lớn khôn*  *Trên đường xa nắng gắt*  *Lời ru là bóng mát*  *Lúc con lên núi thẳm*  *Lời ru cũng gập ghềnh*  *Khi con ra biển rộng*  *Lời ru thành mênh mông.*  *(Lời ru của mẹ - Thơ Xuân Quỳnh, NXB Đồng Nai, 1997)* |

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ trên.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | - Làm tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn cho văn bản.  - Góp phần thể hiện tình cảm, thái độ của tác giả. | 0,5 |
| **9** | -Thái độ, tình cảm: Đồng tình, trân trọng, tự hào, tin tưởng trước những sáng tạo của những người nghệ nhân, phụ nữ ở Kim Sơn | 0,5 |
| **10** | -HS trình bày quan điểm: đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần.  - Lí giải:  + Theo hướng đồng tình: Chính họ là người khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, từ những vật dụng của quê hương. Sản phẩm của họ được người tiêu dùng nhiều nước biết đến và sử dụng.  + Theo hướng không đồng tình: “sứ giả” phải là những người nổi tiếng, làm những công việc lớn lao, sản phẩm mang giá trị kinh tế cao… | 0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **14** |
|  | **Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : *Lời ru của mẹ*** *- Xuân Quỳnh* |  |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*.  **Giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : *Lời ru của mẹ*** *- Xuân Quỳnh* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí.  Sau đây là một số gợi ý:  \* *Giới thiệu khái quát về bài thơ*: Tác giả tác phẩm,hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ…  *\* Phân tích*  *- Giá trị nội dung đặc sắc:* Qua hình ảnh lời ru, nhà thơ đã khắc họa chân thực và xúc động vẻ đẹp của tình mẫu tử: yêu thương vô bờ bến, hi sinh tất cả vì con, mong mỏi con bình yên, hạnh phúc và thành công  + Mẹ ấp ủ yêu thương trong những tháng ngày hoài thai và chào đón con ra đời bằng lời ru ngọt ngào, ấm áp. (Khổ 1)  + Mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng hình hài và bồi đắp tâm hồn, trí tuệ của con trong những tháng ngày tuổi thơ.(Khổ 2,3,4)  + Mẹ đồng hành, chở che, dõi theo, giúp con vững bước trên đường đời vô vàn gian truân, thử thách.(Khổ 5)  *- Một số nét đặc sắc về nghệ thuật:* sử dụng đắc địa thể thơ năm chữ; giọng điệu tha thiết, trìu mến; lời thơ tự nhiên, giàu tính biểu cảm; hình ảnh thơ giản dị, gần gũi; nghệ thuật ẩn dụ, điệp từ, so sánh ...  *- Đánh giá chung:* Bài thơ là những suy tư, trải nghiệm lắng sâu và cảm động về tình mẫu tử; thể hiện rõ phong cách thơ Xuân Quỳnh, gợi những niềm rung động sâu xa trong lòng người đọc.  - Liên hệ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết; rút ra được bài học, thông điệp …  \* Đánh giá nâng cao giá trị nội dung, nghệ thuật; khẳng định giá trị bài thơ, phong cách thơ của Xuân Quỳnh. | 5,0  5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.*  *Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.* | 0,5 |
| *Tổng điểm* | | | **10.0** |

**ĐỀ 23:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.*

*Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,*

*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...*

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,*

*Có chở trăng về kịp tối nay?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa,*

*Áo em trắng quá nhìn không ra...*

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,*

*Ai biết tình ai có đậm đà?*

*(Hàn Mặc Tử, “Đây thôn Vỹ Dạ”, SGK Ngữ văn 11, tập 1, NXBGD, 2006, tr.38-39)*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể thơ gì?

A. Lục bát B. Song thất lục bát

C. Bảy chữ D. Năm chữ

**Câu 2**. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ là

A. Hành chính B. Sinh hoạt C. Khoa học D. Nghệ thuật

**Câu 3**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

A. Tự sự B. Nghị luận C. Biểu cảm D. Thuyết minh

**Câu 4.** Cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử không phải là sắc thái nào sau đây?

A. Khát khao, vô vọng. B. Tuyệt vọng.

C. Nhớ thương, vô vọng. D. Hoài nghi.

**Câu 5**. Nội dung chính của văn bản trên là

A. Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ.

B. Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.

C. Lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt của nhà thơ.

D. Nỗi lòng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

**Câu 6**. Từ "kịp" trong hai dòng thơ: "Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay?" gợi lên điều gì rõ nét nhất đang ẩn chứa trong tâm tư tác giả?

A. Một lời khẩn cầu, hi vọng được gặp lại người thương.

B. Một nỗi buồn nhớ xa xăm đối với người thương.

C. Một niềm khao khát, một thúc bách chạy đua với thời gian.

D. Một niềm mong ngóng, trông đợi đối với người thương.

**Câu 7**. Việc láy lại 2 lần từ “nắng” và sử dụng liên tiếp các bổ ngữ (nắng hàng cau, nắng mới) trên một dòng thơ đã góp phần làm cho:

A. Cảnh bình minh thêm đẹp

B. Tăng lên gấp bội cảm giác bừng sáng tươi mới, chan hòa của nắng

C. Không gian thêm rực rỡ

D. Không gian như mở rộng đến vô cùng vô tận

Trả lời câu hỏi/ thực hiện các yêu cầu:

**Câu 8**. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu thơ“Gió theo lối gió mây đường mây”?

**Câu 9**. Nhận xét về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ qua khổ thơ đầu.

**Câu 10**. Ấn tượng của anh /chị về bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ.

**PHẦN II. VIẾT (14 ĐIỂM)**

**Câu 1.** Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến của Lep Tôn-xtôi:

Xấu hổ trước mọi người là một tình cảm tốt, nhưng xấu hổ trước bản thân mình còn tốt hơn.

*(Theo sách Danh ngôn thế giới Đông Tây kim cổ, NXB Văn hóa - Thông tin 1999, tr. 448)***Câu 2.**

Bàn luận về vai trò của giọng điệu có ý kiến cho rằng: “*Phân tích tác phẩm văn chương mà bỏ qua giọng điệu tức là tước đi cái phần rất quan trọng tạo nên bản sắc độc đáo của tác phẩm”*. Bằng việc phân tích bài thơ *Đây Thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | 6,0 |
|  | 1 | C | 0,5 |
|  | 2 | D | 0,5 |
|  | 3 | C | 0,5 |
|  | 4 | A | 0,5 |
|  | 5 | B | 0,5 |
|  | 6 | C | 0,5 |
|  | 7 | B | 0,5 |
|  | 8 | Câu thơ*“Gió theo lối gió mây đường mây”*có nghĩa là:  Thể hiện nỗi xót xa, sự chia lìa, ngăn cách,… trong lòng nhà thơ. Hàn Mặc Tử cảm nhận thiên nhiên qua tâm trạng của chính ông. | 0,5 |
|  | 9 | Nhận xét về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ qua khổ thơ đầu:  + Nhà thơ đã thể hiện tình yêu tha thiết đối với mảnh đất và người xứ Huế.  + Nhà thơ đã gắn bó sâu sắc đối với mảnh đất và người xứ Huế. | 1,0 |
|  | 10 | Ấn tượng về bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*:  Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục.  - Một vài gợi ý về câu trả lời:  +Ấn tượng về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.  +Ấn tượng sâu sắc về mỗi khổ thơ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **14,0** |
|  | **1. Yêu cầu về kĩ năng**  - Thí sinh có kĩ năng làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí.  - Bố cục rõ ràng, mạch lạc; lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục; diễn đạt, văn phong trong sáng; dùng từ, đặt câu chuẩn xác, không mắc lỗi chính tả.  **2. Yêu cầu về kiến thức**  Bài làm cần đạt được các nội dung cơ bản sau: | 4 |
|  | **a. Giải thích**  *- Xấu hổ:*là trạng thái tâm lí tự ý thức khi mắc phải khuyết điểm, lỗi lầm trước người khác hoặc về hạn chế của bản thân.  - *Xấu hổ trước mọi người*: là sự hổ thẹn của bản thân khi vi phạm những chuẩn mực đạo đức và pháp luật.  *- Xấu hổ trước bản thân*: là sự tự hổ thẹn với chính mình khi có lỗi hoặc không thực hiện đúng những nguyên tắc do mình đề ra.  - Ý kiến của Lep Tôn-xtôi đã đánh giá cao tâm lí biết hổ thẹn như là tính tự giác về ý thức danh dự của cá nhân.  **b. Bình luận**: Khẳng định đây là ý kiến đúng đắn, sâu sắc.  - Xã hội có những quan niệm, chuẩn mực chung buộc mỗi cá nhân phải tuân thủ. Nhưng đã là con người thì không thể tránh khỏi những sai lầm, hạn chế, điều đó thường khiến họ day dứt, dằn vặt, hối hận.  - Xấu hổ trước mọi người: ý thức được hạn chế của bản thân, cảm thấy thua kém trước người khác, day dứt, ăn năn khi mắc lỗi. Sự cắn rứt lương tâm đó cũng là biểu hiện của lòng tự trọng.  - Xấu hổ trước bản thân: tình cảm hoàn toàn tự giác chịu sự kiểm soát của lương tri, lương tâm. Tự nhìn nhận, đánh giá bản thân một cách nghiêm khắc để thấy rõ những sai lầm, yếu kém của mình.  - Xấu hổ trước mọi người là một tình cảm tốt:  + Xấu hổ là cảm xúc tích cực vì nhận ra lỗi và biết hối lỗi.  + Biết xấu hổ trước người khác, từ đó tự giác vươn lên để khắc phục và hoàn thiện bản thân cả về năng lực, nhân cách.  - Xấu hổ trước bản thân mình còn tốt hơn:  + Xấu hổ trước bản thân là điều đáng quý. Nó thể hiện ý thức tu thân, hướng thiện, phục thiện, thuộc bản chất của con người.  + Biết rõ sai lầm, thiếu sót mới có thể tự sửa chữa được. Chiến thắng lớn nhất của mỗi người là chiến thắng chính bản thân mình.  + Người biết xấu hổ trước bản thân sẽ thường xuyên kiểm soát được suy nghĩ, việc làm của mình và vì thế hạn chế được sai lầm.  (Thí sinh lấy dẫn chứng tiêu biểu để chứng minh)  **c. Bài học nhận thức và hành động**   Phải ý thức rõ xấu hổ là tình cảm tốt, tạo động lực cho mỗi người trong quá trình tự hoàn thiện bản thân.  - Biết phân biệt xấu hổ là tự trọng khác hẳn với tự ti.  - Phải không ngừng rèn luyện đạo đức, tư cách, nâng cao lòng tự trọng, biết tôn trọng bản thân và mọi người xung quanh. Biết xấu hổ là tốt nhưng cần hiện thực hóa bằng những hành động cụ thể để giữ gìn danh dự, nhân phẩm.  - Lên án những người tự ti, thiếu niềm tin ở bản thân hoặc tự cao tự đại, đánh mất lòng tự trọng, trốn tránh lỗi, không biết xấu hổ… |  |
|  | 1. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*   *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề* | 0,25 |
|  | 1. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* | 0,25 |
|  | **1. Mở bài:**  - Dẫn dắt để giới thiệu được luận đề  - Dẫn dắt câu nói trên.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến:**  - Giọng điệu: là yếu tố thể hiện thái độ, cảm xúc, lập trường, cách nhìn…của nhà văn với đối tượng được nói đến và được biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, cách xưng hô, khẩu khí, ngữ điệu, cách tổ chức lời văn…  - Bản sắc độc đáo: là nét riêng, không thể trộn lẫn  => Ý kiến trên bàn về vai trò của giọng điệu trong đó khẳng định giọng điệu là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên nét đặc sắc cho tác phẩm cũng như hình thành phong cách nghệ thuật của tác giả  \* Khẳng định ý kiến trên là hoàn toàn xác đáng, sâu sắc và đúng đắn.  **\*Chứng minh qua bài thơ “Đây thôn vĩ dạ” của Hàn Mặc Tử:**  - Khẳng định ý kiến trên là hoàn toàn xác đáng, sâu sắc và đúng đắn.  - Chứng minh: Học sinh kết hợp kiến thức lí luận và kiến thức văn học để chứng minh  + Văn học là lĩnh vực của cái độc đáo của sự sáng tạo bởi vậy hình thành được phong cách nghệ thuật là yếu tố sống còn với mỗi nhà văn. Phong cách nghệ thuật được tạo nên bởi nhiều yếu tố như cái nhìn, cách cảm thụ về đời sống, cách lựa chọn đề tài, chủ đề, cách sử dụng cách yếu tố nghệ thuật… nhưng một trong những yếu tố quan trọng nhất là giọng điệu  + Giọng điệu là một yếu tố quan trọng nhất của tác phẩm văn học bởi giọng điệu là một yếu tố thuộc bình diện nghệ thuật và thể hiện thông qua các yếu tố nghệ thuật nhưng lại góp phần quan trọng trong việc bộc lộ tư tưởng, tình cảm của tác giả cũng như nội dung của tác phẩm.  + Trong mỗi tác phẩm có thể có nhiều giọng điệu, ở mỗi tác giả cũng vậy. Nhưng có những giọng điệu đặc trưng cho mỗi tác giả thể hiện ở nhiều tác phẩm của tác giả đó, đó chính là biểu hiện rõ ràng nhất của phong cách nghệ thuật  Để làm sáng tỏ những lí lẽ trên học sinh cần dùng các dẫn chứng về Hàn Mặc Tử trong và Đây thôn Vĩ Dạ.  - Bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ giọng điệu chủ đạo là day dứt, trăn trở thể hiện tình yêu cuộc đời trong đau đớn tuyệt vọng của Hàn Mặc Tử; cần phân tích được các yếu tố thể hiện giọng điệu (hệ thống câu hỏi tu từ, cách sử dụng các hình ảnh miêu tả về Thôn Vĩ và Xứ Huế đẹp nhưng xa vời, cách ngắt nhịp….) Đánh giá cao những học sinh biết chọn và phân tích dẫn chứng phù hợp, sắc sảo và viết được trong thế đối sánh hai tác giả trên với nhau  - Mở rộng vấn đề: Vấn đề giọng điệu trong văn học rất quan trọng, là vấn đề sống còn của người nghệ sỹ nhưng bên cạnh đó, để tạo được phong cách riêng người nghệ sỹ còn cần tạo cho mình một cách nhìn, cách cảm thụ riêng độc đáo về thế giới và con người và phải thực sự là người nghệ sĩ ngôn từ. Để làm được điều đó mỗi người nghệ sĩ cần có trong mình: tài năng, phong cách, lòng tâm huyết với nghề cũng như lòng tự trọng …  **- Bài học:**  + Với nhà văn: Cần tạo ra cho mình một giọng điệu riêng không thể trộn lẫn  + Với người đọc: cần cảm nhận được giọng điệu trong mỗi bài thơ từ đó khám phá nội dung, nghệ thuật của tác phẩm  **3. Kết bài:**  - Khẳng định ý nghĩa, giá trị vấn đề giọng điệu với phong cách của nhà văn và giá trị của tác phẩm | 2,0  2.5  3.5  2.5  1  1 |
|  | 1. *Chính tả, ngữ pháp*   *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.* | 0,5 |
|  |  | ***Tổng*** | **10** |

1. Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15 tháng 4 năm 1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Thơ của Nguyễn Khoa Điềm lấy chất liệu từ văn học Việt Nam và cảm hứng từ quê hương, con người và tình thần chiến đấu của người chiến sĩ Việt Nam yêu nước... Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam. Điểm nổi bật của phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm nằm ở cảm hứng hiện thực thời đại, đề tài quen thuộc, cách thể hiện cái tôi đa dạng, lớp từ, hình ảnh cảm xúc sâu sắc và ý nghĩa lịch sử và văn hóa độc đáo. [↑](#footnote-ref-1)